NGUYỄN TUÂN

TOÀN TẬP

TẬP I

vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NGUYỄN TUÂN
TOÀN TẬP

*

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP

(Năm tập)

I

(TÁC PHẨM TỪ 1932 - 1940)

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH
biên soạn và giới thiệu

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 2000

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH
sưu tầm và giới thiệu

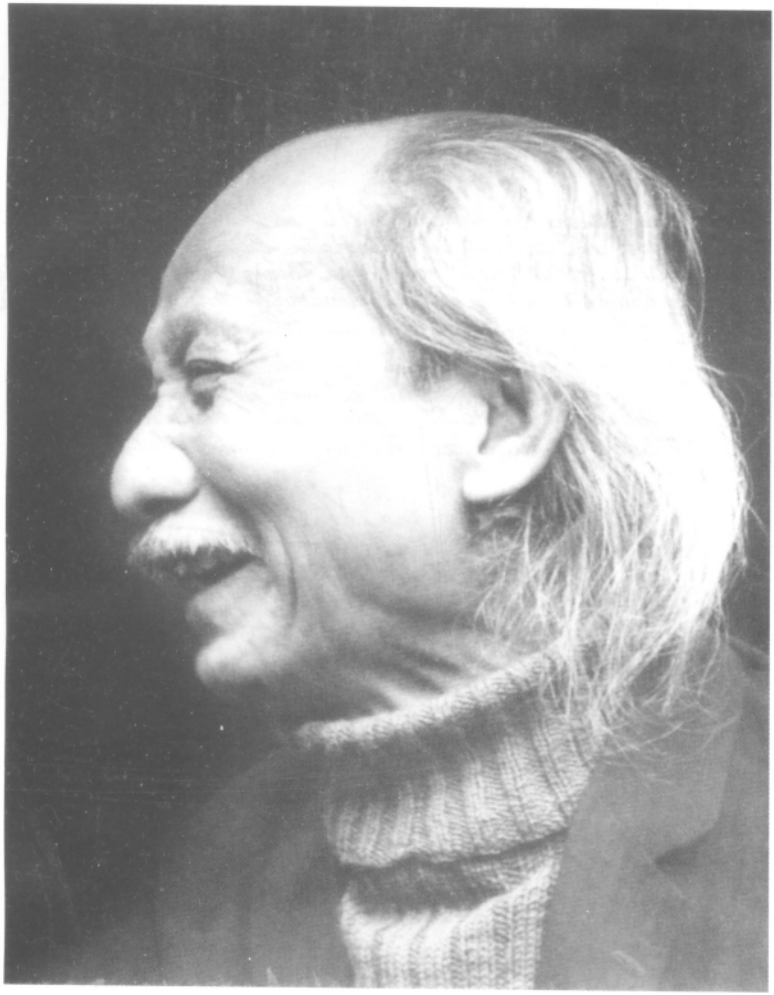

Ảnh HOÀNG KIM ĐÁNG, 1983

NGUYỄN TUÂN
(1910 - 1987)

« Ai vấn thương Ai vấn nhớ Ai — Khuyên Ai chớ vội
« giận hờn Ai — Chúng là dặm liễu bay hoài
« Khách — Vào thấy mành Hoa Hoàng bóng Ai — [redacted]
« Buồm thuận gió xuôi miệng bạn — Canh tàn
« Rượu tỉnh giật mình Ai — Cầm tay dặn với
« ba câu chuyện — Biết cây ai vẽ
« nhắn lại Ai ». Chỉ có nhã ý hỏi về thơ
cụ Tú Hồ V. nhờ Huế, xin chép hầu chị
bài thơ độc-vận lại trên. Kính thư,

Nguyễn Tuân

Thú bút NGUYỄN TUÂN

PHẦN I

NGUYỄN TUÂN
TIỂU SỬ VÀ TÁC PHẨM

CÙNG BẠN ĐỌC

"Nguyễn Tuân toàn tập" được biên soạn thành bộ sách gồm 5 tập, mỗi tập khoảng hơn 800 trang:

Tập I, gồm bài giới thiệu, niên biểu Nguyễn Tuân và các sáng tác của Nguyễn Tuân ra đời từ 1932 đến 1940.

Tập II, gồm sáng tác của Nguyễn Tuân ra đời từ 1940 đến 1945

Tập III, gồm sáng tác của Nguyễn Tuân từ 1945 đến 1956

Tập IV, gồm sáng tác của Nguyễn Tuân từ 1957 đến 1975

Tập V, gồm những sáng tác của Nguyễn Tuân từ 1976 - 1984 và những bài viết của ông về Văn học nghệ thuật (Phê bình tác phẩm, Chân dung văn học, Phát biểu về văn nghệ v.v..)

Gọi là toàn tập, nhưng bộ sách vẫn chưa sưu tập được hoàn toàn đầy đủ các tác phẩm của Nguyễn

Tuân, nhất là các bài viết in rải rác trên các báo chí mà chưa được tập hợp in thành sách.

Khó khăn lớn nhất chúng tôi gặp phải là một số thư viện của ta, hoặc đã để thất thoát rất nhiều sách báo xuất bản trước cũng như sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, hoặc ngăn trở chúng tôi sao chụp các bài viết của Nguyễn Tuân một cách rất vô lý. (Thư viện Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh)*.

Tuy vậy, nhờ sự giúp đỡ tận tình của nhiều bạn hữu, nhiều nhà nghiên cứu phê bình văn học quan tâm tới Nguyễn Tuân và một số cán bộ thư viện có thiện chí trong Nam, ngoài Bắc, cuối cùng chúng tôi

---

* Thư viện Tổng hợp TP Hồ Chí Minh lúc đầu đòi mỗi trang chụp 50.000đ. Bị báo chí lên án - báo *Tuổi trẻ chủ nhật TP Hồ Chí Minh* - Các vị phụ trách thư viện bèn kiếm cớ không cho đọc nữa. Dưới đây là những bài báo Thư viện Tổng hợp TP Hồ Chí Minh có nhưng không cho đọc nữa (thực ra những bài báo này trước kia đều có đầy đủ ở Thư viện quốc gia Hà Nội nhưng nay đã thất lạc):
a) Trên "Tiểu thuyết thứ bảy" 1939:
- Vui thêm một ngày nữa, số 265 (3-6-1939)
- Tắc gang mà lại gấp mười quan san, số 265 (1-7-1939)
- Một giấc ngủ, số 269 (29-7-1939)
- Phong vị tỉnh xép (tiếp), số 274 (2-9-1939)
- Cát bể buồn, số 276 (16-9-1939)
- Cỗ Tết của mấy đứa nhỏ, số 277 (số Tết Trung thu)
- Đến bờ nghệ, số 279 (7-10-1939)
- Một người phóng viên nghĩ xa, số 284 (21-10-1939)

b) *Trên "Trung Bắc chủ nhật" 1940.*
- Một người tình rượu đốt cháy rừng trúc, số 67 (22-6-1940)

cũng đã tập hợp được đại bộ phận tác phẩm của Nguyễn Tuân. Riêng về các tác phẩm tiêu biểu nhất của ông thì có thể nói là đã sưu tập được toàn bộ. (Đối với những tác phẩm của Nguyễn Tuân trước kia chúng tôi đã được đọc nhưng nay thư viện để thất lạc, trong khi chờ đợi tìm lại được toàn văn, chúng tôi tạm thời giới thiệu trong "Toàn tập" dưới dạng tóm tắt, để bạn đọc biết được đại ý).

Nhân dịp *Nguyễn Tuân toàn tập* ra mắt bạn đọc, chúng tôi xin chân thành gửi lời cám ơn sâu sắc tới các ông, bà:

- Ông Vương Trí Nhàn, bà Ngọc Trai đã cung cấp cho chúng tôi văn bản các phóng sự *Ngọn đèn dầu lạc*, *Tàn đèn dầu lạc*, tiểu thuyết *Thiếu quê hương*, vở kịch *Cô độc lập*.

- Bà Nguyễn Hồng Hà, Nguyễn Thanh Minh, ông Nguyễn Hoài Thanh đã giúp chúng tôi sao chụp nhiều cuốn sách, bài báo của Nguyễn Tuân lưu trữ ở các thư viện Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Xuân Đao (con nhà văn Nguyễn Tuân) đã cung cấp cho chúng tôi nhiều tư liệu để xây dựng niên biểu Nguyễn Tuân và nhiều bức vẽ, ảnh chụp nhà văn Nguyễn Tuân để in trong bộ sách này.

Hà Nội, ngày 1-1-1999
NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

NGUYỄN TUÂN

TIỂU SỬ

NGUYỄN TUÂN quê ở xã Nhân Mục (thường gọi là Mọc), thôn Thượng Đình, nay thuộc xã Nhân Chính huyện Từ Liêm, Hà Nội. Ông sinh năm 1910 tại Hà Nội (phố Hàng Bạc). Thân sinh ông là cụ Nguyễn An Lan, Tú tài khoa thi Hán học cuối cùng (tức Ông Tú Hải Văn), một nhà Nho tài hoa bất đắc chí đã có ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng và phong cách Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân tuy quê ở Hà Nội, nhưng thời thanh, thiếu niên, cùng với gia đình (viên chức) đã sống nhiều ở các tỉnh miền Trung: Khánh Hòa, Phú Yên, Hội An, Đà Nẵng, Huế, Hà Tĩnh, nhất là Thanh Hóa.

Nguyễn Tuân học đến bậc trung học ở thành phố Nam Định. Ở đây, năm 1929, ông tham gia một cuộc bãi khóa (phản đối mấy giáo viên Tây Đầm nói xấu người Việt Nam) và bị đuổi học. Thái độ sống tự do

phóng túng của ông không hợp với trật tự của chế độ thuộc địa: hai lần ông bị bắt, bị tù. Lần thứ nhất, bị bắt tại Băng Cốc, Thái Lan, đưa về giam tại nhà lao Thanh Hóa (1930), lần thứ hai bị bắt tại Hà Nội, giam tại trại tập trung Vụ Bản, Nho Quan (1941).

Nguyễn Tuân cầm bút từ đầu những năm 30. Ở ông, nghề viết văn, làm báo luôn luôn gắn bó với nhau. Từ 1936 trở về trước, ông vừa soạn những bản tin ngắn cho tờ *Trung Bắc Tân văn*, vừa gửi đăng một số bài thơ, truyện ngắn, bút ký trên các tờ *Đông Tây*, *An Nam tạp chí*, *Tiểu thuyết thứ bẩy*... ký tên Ngột Lôi Quật, Thanh Hà, Nhất Lang, Tuân... (Sau này ông thường dùng các bút danh: Nguyễn Tuân, Ân Ngũ Tuyên, Tuấn Thừa Sắc...). Ông sống hẳn với ngòi bút từ 1937, và nổi tiếng từ 1938, 1939 với *Một chuyến đi*, *Vang bóng một thời* v.v..

Hoạt động nghệ thuật của Nguyễn Tuân có nhiều mặt: Viết truyện, viết ký, phê bình văn học, dịch thuật, đóng phim, diễn kịch. Ông là một trong những diễn viên điện ảnh đầu tiên ở nước ta (đóng phim *Cánh đồng ma* tại Hồng Kông đầu năm 1938). Ông cũng thủ vai chính trong nhiều vở kịch diễn tại Hà Nội từ trước Cách mạng tháng Tám.

Từ tháng Tám 1945, Nguyễn Tuân chân thành chào đón cách mạng và đi theo cách mạng. Năm 1950,

ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng cộng sản Việt Nam). Từ 1948 đến 1958, ông giữ chức Tổng thư ký Hội văn nghệ Việt Nam. Nguyễn Tuân đã hăng hái tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đi nhiều, viết nhiều, dùng ngòi bút ngợi ca cách mạng, đất nước, nhân dân và đánh giặc, góp phần bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ Quốc.

TÁC PHẨM

TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

- MỘT CHUYẾN ĐI (Du ký)
  Đăng báo từ 1938, Tân Dân, Hà Nội xuất bản 1941.
- VANG BÓNG MỘT THỜI (Tập truyện ngắn)
  Đăng báo từ 1939, Tân Dân xuất bản 1940.
- NGỌN ĐÈN DẦU LẠC (Phóng sự)
  Mai lĩnh, Hà Nội, 1939.
- THIẾU QUÊ HƯƠNG (Tiểu thuyết).
  Đăng báo từ 1940, Anh Hoa, Hà Nội xuất bản 1943.
- TÀN ĐÈN DẦU LẠC (Phóng sự)
  Mai Lĩnh, Hà Nội, 1941.
- CHIẾC LƯ ĐỒNG MẮT CUA (Tùy bút)
  Hàn Thuyên, Hà Nội, 1941.

- TÙY BÚT I

Cộng lực, Hà Nội, 1941.

- TÙY BÚT II

Lượm lúa vàng, Hà Nội, 1943.

- TÓC CHỊ HOÀI (Tùy bút).

Lượm lúa vàng, 1943.

- NGUYỄN (Tập truyện)

Thời Đại, Hà Nội, 1945.

SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

- CHÙA ĐÀN (Truyện)

Quốc văn, Hà Nội, 1946.

- ĐƯỜNG VUI (Tập tùy bút)

Hội Văn nghệ Việt Nam, 1949.

- TÌNH CHIẾN DỊCH (Tập tùy bút)

Hội Văn nghệ Việt Nam, 1950.

- THẮNG CÀN (Truyện)

Văn nghệ, 1953.

- CHÚ GIAO LÀNG SEO (Sách Kim Đồng)

1953.

- BÚT KÝ ĐI THĂM TRUNG HOA

Văn nghệ, Hà Nội, 1955.

- TÙY BÚT KHÁNG CHIẾN VÀ HÒA BÌNH (Tập I)

Văn nghệ Hà Nội, 1955.

- TÙY BUT KHÁNG CHIẾN VÀ HOÀ BÌNH (Tập II)

Văn nghệ, 1956.

- TRUYỆN MỘT CÁI THUYỀN ĐẤT
(Sách Kim Đồng)
1958.
- SÔNG ĐÀ (Tập tùy bút)
Văn học, Hà Nội 1960.
- TÔI ĐỌC
Văn học, 1963.
- HÀ NỘI TA ĐÁNH MỸ GIỎI
Hội Văn nghệ Hà Nội 1972.
- KÝ
Văn học, Hà Nội 1976.
- TUYỂN TẬP NGUYỄN TUÂN
Văn học, Hà Nội 1981, 1982.
- CẢNH SẮC VÀ HƯƠNG VỊ ĐẤT NƯỚC
Tác phẩm mới, Hà Nội 1988.

NIÊN BIỂU NGUYỄN TUÂN

- 1910. Ra đời ngày 10 tháng 7 tại số nhà 29 phố Hàng Bạc, Hà Nội (nhà bà ngoại)
- 1921 - 1924. Học tiểu học tại trường Trương Minh Sang, phố Hàng Vôi, Hà Nội.
- 1925 - 1928:

+ Học tiếp tiểu học ở trường Ca-rô, thành phố Nam Định

+ Học trường Thành Chung thành phố Nam Định

- 1927. Kết duyên cùng cô Vũ Thị Tuệ tại Hà Nội. (Nguyễn Tuân 17 tuổi, cô Tuệ 18 tuổi, con gái Hàng Đào, người làng Xuân Canh, huyện Đông Anh, Phúc Yên).

- 1928. Học năm thứ 4 Thành Chung (bậc phổ thông cơ sở 4 năm), tham gia bãi khóa phản đối giáo viên người Pháp xúc phạm người Việt Nam và bị đuổi học (Học bạ ghi: trong 5 năm không công sở nào được nhận vào làm việc).
(Lúc này, cha mẹ, vợ và các em đều ở thị xã Thanh Hóa, nơi cụ thân sinh làm việc, ở số 17, Hàng Than).

- 1929. Cùng 5 bạn học (cùng bị đuổi học ở trường Thành Chung Nam Định) "xê dịch" sang Thái Lan không có giấy phép, qua đường Lào, bị mật thám theo dõi và bắt tại Băng Cốc, giải về vòng qua Cămpuchia - Sài Gòn, rồi theo đường biển (tàu Chantilly) trở lại Bắc Kỳ, qua Hải Phòng, Hà Nội, về giam tại Thanh Hóa khoảng một năm. (Lúc này bà Tuệ sinh con đầu lòng Nguyễn Thạch Toàn, nay là trung tướng Xuân Trường).

- 1931 - 1936. Ở Thanh Hóa và Hà Nội.

- Bị quản thúc 1 năm tại Thanh Hóa, sau khi ra tù (có lần định vào Nam Kỳ nhưng đi đến Vinh thì bị bắt trở lại).
- Ở Trại Hạc ít lâu (Trại Hạc là một khoảnh đất trên có dựng một ngôi nhà 2 tầng, ở gần Quán Giò, một xóm cô đầu ở ngoại ô thị xã Thanh Hóa).
- Thời gian từ 1931 đến 1936, Nguyễn Tuân làm các việc sau:

+ Thư ký Nhà máy đèn Thanh Hóa khoảng nửa năm.

+ Mở hiệu sách báo "Thư trang" (đại lý cho các báo *Trung Bắc Tân văn, Thanh Nghệ Tĩnh, Tiểu thuyết thứ bảy*...)

"Ai về nhắn bác Nguyễn Tuân
Thư Trang, Thanh Hóa nghe gần Nhà diêm"

(Tản Đà - *Nhắn người trong tranh* 1935)

+ Làm thông tín viên thường trú tại Thanh Hóa cho báo *Trung Bắc Tân văn*

+ Bắt đầu sáng tác văn học: viết ký, truyện ngắn, thơ, bài hát nói, ký các bút danh: Ngột Lôi Quật, Tuân, Nhất Lang, Thanh Hà (đăng trên các tờ *Đông Tây, An Nam tạp chí, Tiểu thuyết thứ bảy*...

- 1932. Lần đầu gặp Tản Đà ở tòa soạn *An Nam tạp chí* phố Hàng Da, Hà Nội (Vũ Lang giới thiệu).
- 1937. Ở hẳn Hà Nội. Viết một loạt truyện ngắn hiện thực trào phúng đăng trên tờ *Đông Dương tạp chí* do Nguyễn Giang (con Nguyễn Văn Vĩnh) tái bản.
- 1938. Tiếp tục viết loại truyện ngắn hiện thực trào phúng. Cuối năm Đinh Sửu (ngày 23-12-1937) đi Hồng Kông đóng phim *Cánh đồng ma*, do Đàm Quang Thiện và Nguyễn Doãn Vượng tổ chức, Nguyễn Văn Nam viết kịch bản (phim nói tiếng Việt đầu tiên) Ở Hương Cảng 2 tháng, ăn Tết Mậu Dần tại đây. Khi trở về thì bà Tuệ sinh con gái (con thứ 5) đặt tên là Nguyễn Thị Hương Cảng.
- Viết một loạt bài tùy bút du ký về chuyến đi Hương Cảng đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* năm 1938 dưới đầu đề chung: "Những truyện ngắn đã sống bên cạnh phim *Cánh đồng ma* tại Hương Cảng" (sau tập hợp in thành sách với nhan đề *Một chuyến đi).*
- 1939. Viết một loạt truyện ngắn đăng trên tạp chí *Tao Đàn* và *Tiểu thuyết thứ bảy* (sau tập hợp in thành sách với nhan đề *Vang bóng một thời*)
- Từ 1939 trở đi, thêm bút danh: Ân Ngũ Tuyên, Tuấn Thừa Sắc.

- Xuất bản *Ngọn đèn dầu lạc* (Phóng sự về thuốc phiện).
- Hè 1939, uống bữa rượu cuối cùng với Tản Đà ở 71 phố Cầu Mới (Ngã Tư Sở). Tháng 7-1939, Tản Đà mất ở đây.
- 1940. Xuất bản *Vang bóng một thời*.
- Đăng *Thiếu quê hương* đầu kỳ trên *Hà Nội Tân văn*. Viết *Nhà Nguyễn, Đôi trí kỷ gượng...*
(Gia đình Nguyễn Tuân dựng nhà cho ông tại quê, tức làng Mọc, Ngã Tư Sở, Hà Nội. Ngôi nhà 2 tầng, Nguyễn Tuân gọi là "Am Sông Tô". Trước đó, Nguyễn Tuân thường ở nhờ nhà một người bạn thân là Hoàng Nguyên ở ngõ Hội Vũ. Theo Tô Hoài, trong *Cát bụi chân ai*, Nguyễn Tuân còn có một chỗ ở khác là một gian gác xép tại phố Hàng Đẫy tức Nguyễn Thái Học ngày nay).
- 1941. Xuất bản *Tàn đèn dầu lạc* (Phóng sự về thuốc phiện, tiếp theo *Ngọn đèn dầu lạc*).
- Xuất bản *Chiếc lư đồng mắt cua* (Tùy bút dài).
- Bị bắt giam một năm ở trại tập trung Vụ Bản, Nho Quan, Hòa Bình vì giao du và chứa chấp một người bạn thân Nhật ở "Am Sông Tô".
- 1943. Xuất bản *Tùy bút II, Tóc chị Hoài, Thiếu quê hương*.
- Viết một loạt truyện gọi là *Yêu ngôn* đăng trên *Thanh Nghị* và *Trung Bắc chủ nhật* v.v..

- Diễn kịch *Kim Tiền* của Vi Huyền Đắc tại Nhà hát lớn Hà Nội (đóng vai chính: Trần Thiết Chung).
- 1944. Viết *Võng Ngô đồng* (Tùy bút) đăng trên *Thanh Nghị*.
- Diễn kịch *Ngã Ba* của Đoàn Phú Tứ tại rạp Porte d'or (Kim môn), 90 Hàng Buồm do Ban kịch "Tinh hoa" tổ chức (đóng vai chính: Hùng).
- 1945. Xuất bản *Nguyễn*
- 1945 - 1947.
- Chứng kiến cuộc đảo chính Nhật 9-3-1945 và Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội, nhưng giữ thái độ bàng quan.
- Viết *Chùa Đàn* tại nhà bà Chu Thị Năm ở Bần Yên Nhân (Hưng Yên).
- 1946. Tiếp xúc với một số nhà văn trong Hội văn hóa cứu quốc. Gặp Tố Hữu tại nhà hàng Thủy Tạ, bờ Hồ Gươm. Tố Hữu thuyết phục Nguyễn Tuân tham gia đoàn văn nghệ sĩ đi vào mặt trận Nam Trung Bộ.
- Viết *Ngày đầy tuổi tôi Cách mệnh* và kịch thiếu nhi *Cỏ độc lập*.
- Xuất bản *Chùa Đàn*
- Đi mặt trận Nam Trung Bộ cùng Nguyên Hồng, Nguyễn Đình Lạp, Sỹ Ngọc, Nguyễn Văn Tỵ... do Hội Văn hóa cứu quốc tổ chức, vào tận Bình

Định, Phú Yên, Đèo Cả... khi trở ra đến Thanh Hóa thì toàn quốc kháng chiến đã bắt đầu.

- 1947. Cùng Chu Ngọc, Nguyễn Lương Ngọc, Sỹ Ngọc, Bửu Tiến... trong đoàn kịch lưu động "Tiền tuyến" diễn kịch tuyên truyền ở nhiều địa điểm thuộc khu Bốn (Nghệ An, Hà Tĩnh). Nguyễn Tuân làm trưởng đoàn. Chứng kiến và viết *Gió Lào* tại thành phố Vinh.
- Viết bài cho báo *Chống giặc* khu Bốn.
- Tham gia bồi dưỡng Nhà văn trẻ ở Quần Tín (Thanh Hóa).

  (Trong thời gian này, gia đình Nguyễn Tuân ở Hà Nội tản cư ra Hòa Xá, Hà Đông, sau đó chuyển vào Thanh Hóa ở tại Hà Lũng, Thọ Xuân. Bà Tuệ cung bà Chu Ngọc mở quán điểm tâm giải khát "*Giang Quyên*" và ngâm giá đỗ để sinh sống. Năm 1952 chuyển về Cầu Thiều, gia nhập "làng văn nghệ" cùng với gia đình Đỗ Phồn, Chu Ngọc, Huyền Kiêu, Mạnh Phú Tư, Phạm Văn Đôn...)
- 1948. Từ khu Bốn lên Việt Bắc (qua khu Ba, Tam Đảo) tham dự Đại hội Văn hóa toàn quốc tại Phú Thọ. Được bầu làm Tổng thư ký Hội văn nghệ Việt Nam.
- Hành quân với một đơn vị quân đội ở khu Ba.
- 1949. Xuất bản *Đường vui*
- Tham gia Hội nghị tranh luận văn nghệ tại Việt Bắc. Tự kiểm điểm về *Đường vui*.

- Gia nhập quân đội. Theo tiểu đoàn 54, trung đoàn Thủ Đô, đi chiến dịch Sông Thao (đánh các đồn Đại Bục, Đại Phác...)
- 1950. Gia nhập Đảng Cộng sản ngày 8-4 (Tố Hữu và Nguyễn Huy Tưởng giới thiệu. Ngày được công nhận chính thức : 13-2-1951)
- Đi mặt trận Đông Bắc.
- Theo một đoàn công tác đi khu Ba
- Tham gia lớp bồi dưỡng Nhà văn trẻ ở Đông Môn (Thanh Hóa).
- Xuất bản *Tình chiến dịch.*
- Cuối 1951 lại trở lên Việt Bắc
- 1952. Đi chiến dịch giải phóng Tây Bắc
- Đi thực tế vùng địch hậu tỉnh Bắc Ninh, lấy bí danh: Chánh Tuệ.
  (Cụ thân sinh Nguyễn Tuân mất tại Thanh Hoá).
- 1953. Tham gia chỉnh huấn chuẩn bị phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất - Đọc bản kiểm thảo *"Nhìn rõ sai lầm"*, tuyên bố *"Không luyến tiếc cái hư danh của sáng tác cũ", "Quyết tâm từ nay sáng tác vì lợi ích của dân cày".*
- Xuất bản *Thắng càn, Chú Giao làng Seo*
- 1954. Tham gia phát động quần chúng giảm tô ở Nhã Nam (Bắc Giang).
- Tiếp quản Thủ đô 10-10-1954.

- Chuyển gia đình về Hà Nội, lúc đầu ở Hàng Lọng, sau ở 90 Trần Hưng Đạo.
- 1955. Đi dự Hội nghị hòa bình thế giới họp ở Henxanhky (Thủ đô Phần Lan), qua Trung Quốc, Liên Xô.
- Xuất bản *Tùy bút kháng chiến và hòa bình (Tập I), Bút ký đi thăm Trung Hoa*
- 1956. Dự Đại hội chiến sĩ thi đua nông nghiệp khu Tự trị Thái Mèo, viết *Tổ đổi công chị Nhi ở Phú Yên.*
- Xuất bản *Tùy bút kháng chiến và hòa bình (Tập II).*
- Từ 1955 đến 1956 viết nhiều bài phát biểu ngắn trong mục *Sổ tay văn* nghệ trên báo *Văn nghệ,* ký tên Bạch.
- Viết *Đôxtôiépxki, Tờ hoa*
- 1957. Tái bản *Vang bóng một thời.*
- Viết: *Con hổ Thủ đô, Cây Hà Nội, Phở, Tìm hiểu Sêkhốp, Phê bình nhất định là khó,* giới thiệu vở kịch *Kim tiền* (tái bản) và *Tuyển tập Thạch Lam.*
- Dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai. Đọc diễn văn khai mạc với tư cách Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam. *Thôi giữ chức* Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam.
- Từ 1958-1965.

- 1958. Tham gia chỉnh huấn ở Hội Nhà văn, tự thấy phải "hàn khẩu con đê lòng" (*Sông Đà*).
- Đi thực tế Điện Biên, Tây Bắc cùng Nguyễn Huy Tưởng, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Nguyễn Khải, Lưu Quang Thuận v.v...

  Từ 1958-1965, liên tục đi và viết về hai vùng nóng bỏng nhất của đất nước: Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Thuận Châu, Lao Cai, Sơn La, Hà Giang, nhiều địa phương quanh sông Đà v.v...) và giới tuyến Vĩnh Linh (Cửa Tùng, sông Bến Hải, cầu Hiền Lương - đếm được 894 tấm ván cầu, 450 tấm thuộc miền Bắc). Ngoài ra còn đi Cẩm Phả, Trà Cổ, Móng Cái, Cô Tô v.v...
- 1960. Xuất bản *Sông Đà.*
- 1963. Xuất bản *Tôi đọc* (Tập tiểu luận, phê bình văn học).
- 1964. Lên tận đỉnh Hoàng Liên Sơn và vào tuyến lửa Quảng Bình (gặp mẹ Suốt) ngay sau khi giặc Mỹ đánh phá miền Bắc (5-8-1964).
- 1965. Đi Liên Xô, đón tuyết đầu mùa ở Lêningrát đúng ngày giải phóng Thủ đô 10-10-1965. Thăm một số nước XHCN ở Đông Âu.
- 1965-1966 tiếp tục đi lại nhiều lần Tây Bắc và giới tuyến.
- 1969. Đi Lai Châu.
- 1972. Ở lại Hà Nội khi giặc Mỹ ném bom B.52.
- Xuất bản *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi.*

- Từ 1965 đến 1975 liên tục viết những bài ký về giặc lái Mỹ và đi nói chuyện ở nhiều nơi về *Ký chống Mỹ*.
- 1976. Lần đầu đi Cà Mau.
- Xuất bản *Ký*.
- 1977. Tham quan Côn Đảo.
- 1978. Đi Hà Tiên
- 1981. Đóng phim *Chị Dậu* (vai Chánh tổng)
- Xuất bản *Tuyển tập Nguyễn Tuân*
- 1982. Dự hội thảo về *Tuyển tập Nguyễn Tuân* tại trụ sở báo *Văn nghệ*.
- Nói về kinh nghiệm đi và viết tại Trường viết văn Nguyễn Du (Khóa I).
- 1986. Xuất bản *Chuyện nghề*
- 1987. Mất tại Hà Nội ngày 28-7-1987

LỜI GIỚI THIỆU

I

Nguyễn Tuân là một hiện tượng văn học phức tạp, nhất là trước Cách mạng tháng Tám.

Muốn hiểu tác phẩm của nhà văn, trước hết phải hiểu quan điểm nghệ thuật của ông. Nhưng quan điểm nghệ thuật của ông cũng là một mặt của hiện tượng phức tạp Nguyễn Tuân, nghĩa là cũng có những mâu thuẫn, những chỗ không nhất quán.

Nói đến Nguyễn Tuân, người ta thường nghĩ đến một nhà văn của quan điểm duy mỹ, chỉ trọng cái đẹp hình thức không cần nội dung, chủ trương viết văn không khuynh hướng, nghĩa là muốn đặt nghệ thuật lên trên mọi thứ thiện, ác ở đời. Quan điểm ấy thể hiện ngay ở những nhân vật ưa thích nhất của ông trước cách mạng: những con người tài hoa tài tử, dù tĩnh tại hay xê dịch, đối với cuộc sống, đối với quê hương, đều chỉ như là những kẻ ăn tạm, ở nhờ, những con người sinh ra dường như chỉ để ngắm đời, ngoạn

cảnh cho giác quan được no nê thanh sắc, và để trổ tài khoe chữ, chứ không chịu gánh lấy một trách nhiệm xã hội nào. Gắn liền với sinh hoạt và tâm tư của những nhân vật ấy, nội dung tác phẩm Nguyễn Tuân nhiều khi có vẻ lông bông, phù phiếm, không có ý nghĩa xã hội gì đáng kể.

Quan điểm nghệ thuật ấy không chỉ thể hiện dưới dạng hình tượng, mà có khi còn được phát biểu dưới dạng khái niệm lý thuyết, nghĩa là hoàn toàn tự giác: "Mỹ thuật vốn không là bà con với luân lý của thời đại. Một thằng ăn cắp đã trở nên đẹp đẽ vô cùng khi hắn cắt túi người ta rất gọn, rất nhanh". (*Chuyến xe tỉnh*)[1]. "Đã có bao giờ tôi làm nổi một bài thơ thoát trần. Đã có bao giờ tôi được viết để ca ngợi những cái gì mà người khác đều gọi là vô ích. Ca ngợi một thân cây to già nhưng hoàn toàn không ứng dụng được vào kỹ nghệ làm đồ gỗ (...). Trên tờ giấy, đã có lúc nào tôi được cùng vui với một đám mây luôn luôn thay chỗ và biến hình đổi thể; hoặc là, trên dòng nước được cùng ngậm ngùi với đời tình ái của một cái bèo" (*Những đứa con hoang*)[2].

Nhưng điều phức tạp là đấy không phải tất cả quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Tuân. Nói chung, chủ nghĩa hình thức thường chiếm ưu thế trong ý

(1) *Nguyễn*. NXB Thời đại, 1945.

(2) *Giai phẩm*. Đời nay, 1943.

thức nghệ thuật của ông - dĩ nhiên là nói Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám - nhưng không phải bao giờ cũng độc quyền chi phối ngòi bút ấy và lúc nào cũng tác động với một sức mạnh như nhau. Nhiều bài viết của ông bộc lộ thái độ yêu ghét, khinh trọng rõ rệt. Mà không phải chỉ xuất phát từ tiêu chuẩn hình thức. Những trang viết về Huấn Cao trong *Chữ người tử tù* quả thật là đẹp. Nhưng đâu phải chỉ là cái đẹp "thuần tuý" không khuynh hướng? Đây là vẻ đẹp của "thiên lương" con người không gì tiêu diệt nổi, của một nhân cách hiên ngang bất khuất tỏa sáng giữa đêm tối của một xã hội tù ngục. Truyện *Bữa rượu máu* cũng thế. Dĩ nhiên trong trường hợp này, thái độ phê phán của tác giả phải kín đáo trong hoàn cảnh sáng tác thời bấy giờ. Nhưng bản thân hình tượng với những chi tiết nhiều ý nghĩa của nó đã lên án cuộc "bình định" tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp, đã nhắc người đọc ghi nhớ tội ác của những Lê Hoan, Hoàng Cao Khải, những tên bán nước đã đề ra "nghệ thuật" chém đầu người. Tác giả có vẻ "bình thản" mô tả tên Công sứ Tây và thằng Tổng đốc hoan hỉ chuốc cho nhau hai tuần rượu trước khi ra lệnh chém đầu mấy nghĩa quân Bãi Sậy. Nhưng chẳng phải đó là những tên khát máu đang uống máu đó sao? Chính vì thế mà một cơn lốc dữ dội đã đột ngột xoáy bốc cát bụi mù mịt và đuổi theo chúng, ném cái mũ của tên Công sứ lăn lộn dưới bãi cỏ pháp trường, nói rằng tội ác của chúng trời không dung, đất không tha và nợ máu phải trả bằng máu. Theo dõi quá trình

sáng tác của Nguyễn Tuân, thấy có khuynh hướng phê phán xã hội trên lập trường dân tộc dân chủ như thế, có lúc nổi trội hẳn lên, trở thành nội dung chính của tác phẩm (*Một vụ bắt rượu lậu*[1], *Bữa rượu máu*[2], *Chữ người tử tù*[3] v.v...), nhưng thường thì kín đáo hơn, cứ thấp thoáng ẩn hiện, xen kẽ với khuynh hướng thoát ly hoài cổ hay chủ nghĩa xê dịch như *Vang bóng một thời, Thiếu quê hương*... thậm chí cả trong những tập phóng sự, tùy bút viết về đề tài truy lạc như *Ngọn đèn dầu lạc, Tàn đèn dầu lạc, Chiếc lư đồng mắt cua* hay những truyện gọi là "yêu ngôn" như *Xác ngọc lam*[4], *Rượu bệnh*[5] của thời kỳ sáng tác bế tắc nhất của ông. Mà cũng không phải chỉ là một khuynh hướng hoàn toàn tự phát, vô ý thức. Có lúc ông phát ngôn hẳn cho một thứ nghệ thuật chiến đấu chuyên đánh vào những "ông chủ" của xã hội cũ. "Nguyễn đã ỷ ngòi bút sắc mắc của mình, nay bôi nhọ một người to mặt này, mai xách tai véo mũi một người to đầu khác, để rồi ngày mốt lại điểm mặt chỉ tên một vài kẻ quyền thế nào nữa". Một ngòi bút như thế dĩ nhiên là bị đe dọa "sở liêm phóng chính trị (...) chúng nó cứ bút chì xanh gạc nát" những trang viết. Nhưng

(1) *Đông Dương tạp chí*, 11-1937.

(2) (3) Tao Đàn tạp chí *số 1 và 4 năm 1939, sau in vào* Vang bóng một thời, *Tân Dân xb 1940.*

(4) *Thanh Nghị* số 28, 29 (1943).

(5) *Thanh Nghị* số 23 (1943). *Xác ngọc lam* và *Rượu bệnh* thuộc loại chuyện thần kỳ quái đản, tác giả định tập hợp lại dưới nhan đề *Yêu ngôn.*

Nguyễn quyết không đầu hàng: "Chẳng có lẽ vì thế mà một ngòi bút vốn nhọn sắc để mà hặc cả một thời đại bỗng xoay ra ca tụng những cái gì ung nát hay sao! Không bao giờ Nguyễn tin rằng một ông Ngự sử có thể nào chóng trở nên hoạn quan xu mị một cách dễ dàng được (*Một người giết báo*)[1].

Tính phức tạp của quan điểm sáng tác của Nguyễn Tuân còn thể hiện ở một mâu thuẫn khác - cũng gắn liền với mâu thuẫn nói trên.

Mâu thuẫn này xoay quanh cái mà một nhà phê bình gọi là "bệnh tôi" của Nguyễn Tuân. Thực ra, bản thân nhà văn cũng có lúc tự nhận xét như thế "Lòng kiêu căng của ta đã xui ta chỉ chơi có một lối độc tấu" (*Vô đề*)[2].

Nhưng thực chất căn bệnh của Nguyễn Tuân đâu phải ở chỗ "độc tấu" hay không "độc tấu", hoặc nói theo ngôi thứ nhất nhiều hay ít. Vấn đề là bản chất của cái tôi ấy như thế nào?

Trước Cách mạng tháng Tám, cái tôi của Nguyễn Tuân về căn bản là cái tôi cá nhân chủ nghĩa đối lập với xã hội. Hồi ấy, sống hay viết, đối với ông nhiều khi chỉ là để tìm mình, để thực hiện cái cá nhân mình cho đến kỳ cùng. Thế giới khách quan không đáng kể, giá trị của ngòi bút là ở bản ngã người nghệ sĩ có độc đáo hay không. Nguyễn Tuân từng tự vẽ mình như

(1) *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 253, 254, (8-4 và 6-5-1939).

(2) Tạp chí *Văn Mới*, 1945, Truyện này sau đổi tên là *Lột xác*.

một con người cô độc mà kiêu ngạo: "Rồi tôi vẫn vênh váo đi giữa cuộc đời như một viễn khách không có quê hương nhất định, cái gì cũng ngờ hết, duy chỉ có tin chắc ở cái kho cái vốn tình cảm và cảm giác của mình" (*Tóc chị Hoài*).

Quan điểm nghệ thuật ấy dĩ nhiên đã tác động tiêu cực đến sáng tác của Nguyễn Tuân. Nó hạ thấp giá trị nhận thức của nhiều tác phẩm của ông về thế giới khách quan. Vả lại, cái tôi tách rời hiện thực, cứ rút sâu mãi vào bên trong, đến một lúc nào đấy sẽ trở nên trống rỗng, vô nghĩa. Chính con người kiêu ngạo ấy nhiều khi tự mình lại chán mình là vì thế: "A, cái đời tiềm tàng của riêng mỗi người, Nguyễn chán lắm rồi, không thể chán hơn được thế này nữa. Chàng đã mất hết cả tin tưởng trong cái lối sống riêng biệt mà trước kia chàng cho là màu nhiệm kỳ thú lắm" (*Cái cà vát đen*) [1]. Những lúc ấy chỉ có rượu, thuốc phiện, nhà hát là có thể kích thích được "cảm hứng", nhưng như vậy thì người cầm bút lại chỉ càng dấn sâu hơn nữa vào con đường bế tắc.

Nhưng tính phức tạp của vấn đề là bản chất cái tôi Nguyễn Tuân, ngay từ trước Cách mạng, không phải bao giờ cũng chỉ có như thế. Đó là một nhân cách, một tâm hồn, trong thực tế chưa bao giờ hoàn toàn đóng kín đối với cuộc đời. Nguyễn Tuân đã nói quá bản chất của mình khi viết :"Hùng dũng thay là

(1) *Nguyễn*, Nxb Thời đại, 1945.

một lữ khách không lưu lại tên mình, lủi thủi trên đường, ngoài cái sống bên trong của mình không còn biết cái gì khác nữa của ngoại cảnh" (*Nhà Nguyễn*). Không, đọc Nguyễn Tuân, ngoài cái hình ảnh anh chàng Nguyễn "lủi thủi trên đường" ta không phải không thấy được gì về "ngoại cảnh". Trước hết, đó là những cảnh vật trên đường xê dịch: một nhà ga, một bến phà, một con đường, một dòng sông, một thị trấn, một thành phố v.v... Những bức tranh khi thì chỉ chấm phá vài nét, khi thì được vẽ hết sức tỉ mỉ đến mức người ta thấy nghệ sĩ đã đặt tất cả tâm hồn của mình vào đấy. Có những cảnh hết sức quen nhàm tưởng như chẳng có gì đáng nói, vậy mà dưới ngòi bút Nguyễn Tuân, đã thật sự nên họa, nên thơ :"Ống khói con tàu thở một làn khói trắng; một vòng bánh đầu tiên nhẹ quay và lôi cuốn luôn những vòng bánh khác nhào trên đường sắt; vậy rồi từ từ, những toa xe gỗ nối nhau mà trườn, tiếng động bằng sắt nghe rất quen thuộc. Sân ga ban nãy tối sầm vì sự im a của một đoàn tàu đứng ỳ ra ở một chỗ, bây giờ đã sáng rỏ lên. Nhìn theo đoàn tàu chạy đã có đà, chỗ quá đầu ghi, Bạch chỉ còn thấy ở cái toa cuối cùng đoàn xe mỗi lúc một xa ấy một miếng sắt tròn báo hiệu, sơn đỏ ngòm, cũng đỏ như màu lá cờ hiệu cắm ở cạnh toa chót. Cái con mắt đỏ không chớp ấy lùi xa mãi và càng lùi mờ, càng như van hờn nhắc Bạch thử nhớ lại những cái gì xem (*Thiếu quê hương*).

Đúng là chất thơ của một tâm hồn xê dịch. Nhưng không thể phủ nhận đó là một tâm hồn có gắn với

"ngoại cảnh". Mà qua những trang viết của Nguyễn Tuân, đâu chỉ có những "ngoại cảnh" như thế. Có những bức tranh không chỉ truyền lại linh hồn của sông nước, đường sá, mà còn giúp người đọc ngày nay thấy được sinh hoạt cần lao vất vả của nhân dân ta ngày trước: cảnh những người dân nghèo buôn bán chen chúc trên bến Hội An (*Cửa Đại*); cảnh những người dân chài cửa biển Lạch Trường "lặn xuống nước mò những con hầu, cổ lòng thòng cái dây có thánh giá đang rỏ nhiều giọt nước. Họ ngậm ngang mồm một con dao, lặn xuống nước một lúc lâu, tìm những tảng hầu cắn vào sườn đá cạy ra, rồi ngoi lên mặt nước, vuốt mặt, nhổ và thở phì phì; họ vuốt mặt, vuốt mắt và nhìn lại chân trời đẹp với sự khó nhọc đăm chiêu. Những cặp mắt toét và những cái miệng mếu máo đầy nước mặn ấy của những người đi cạy hầu gợi tôi nhớ đến mấy đoạn sách của Panait Istrati tả cái cảnh huống những người lặn tìm bọt đá bể ở các vùng đông hải phận Địa Trung Hải. Ở lòng nước bể ấy, mỗi cái tăm nước nổi lên mặt sóng lặng là một giọt máu của một người" (*Chiếc vali mới*)[1].

Những trang viết như thế có được bao nhiêu trong văn học hợp pháp thời kỳ 1930-1945? Đấy là chưa nói đến những bức tranh tả thực trong *Thiếu quê hương* về vùng mỏ Vàng Danh, Uông Bí, cái vùng đất giàu có ấy của Tổ quốc, chỉ là cái địa ngục đen ngòm đối

(1) *Tùy bút II* - Nxb Lượm lúa vàng - 1943.

với người phu mỏ ngày xưa. Nguyễn Tuân quả thực không phải là một con người hoàn toàn dửng dưng với "ngoại cảnh" và thời cuộc.

Đôi khi chính ông chứ không phải ai khác đã tỏ ra không chịu nổi thái độ dửng dưng ấy. Trong một ngày Hà Nội sơ tán vì cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã lan tới Đông Dương, nhìn thấy ở ga Hàng Cỏ, hai ông Đông Hồ và Nguyễn Trọng Thuật vẫn thản nhiên ngâm vịnh với nhau - người này đọc một bài tống biệt, người kia ngâm một bài lưu giản - Nguyễn Tuân đã thốt lên: "Ối trời ơi! Cái giống thi sĩ. Tôi muốn kêu to lên xin người ta ngó tới cả một đoàn lữ khách đi xa lánh nạn kia mà "thần tiên" vừa vừa chứ" (*Những ngọn đèn xanh*)[1].

Vâng không thể nói Nguyễn Tuân đi và viết hoàn toàn chỉ để tìm mình, để sống cái cá nhân kín mít của mình. Tuy là người rất thích những kỳ thuyết, nghịch thuyết, ông vẫn không thể tán thành quan điểm của Oxca Oaiđơ (Oscar Wilde) muốn đặt nghệ thuật lên trên cuộc sống và từng cho rằng bản ngã của người cầm bút là thực tại duy nhất mà nghệ thuật cần phản ánh, Nguyễn Tuân viết: "Đời sống chúng ta có rất nhiều động tác và biến cố, tự nó nguyên đã đủ chân giá kỳ thú rồi... Viết *Am Sông Tô* tôi muốn bắt trái lại câu của Oscar Wilde chủ trương rằng "Cuộc sống

(1) *Tùy bút I* - Nxb Cộng lực - 1941.

bắt chước nghệ thuật nhiều hơn là nghệ thuật phỏng theo cuộc đời" [1].

Dĩ nhiên quan niệm cuộc đời như thế nào và quan niệm văn học "mô phỏng" cuộc đời như thế nào, trên lập trường quan điểm nào..., đó còn là những vấn đề mà cách giải quyết khác nhau sẽ dẫn đến những xu hướng văn học khác biệt, thậm chí đối lập với nhau. Nhưng phải nói rằng trong các xu hướng văn học gọi là lãng mạn thời trước, Nguyễn Tuân không thuộc vào số những cây bút hoàn toàn thoát ly xã hội, mất hẳn gốc rễ với cuộc đời. Con người ấy ngay từ trước Cách mạng đã có thói quen "Đi để viết" vì "chỉ có cuộc đời rộng rãi, chỉ có trường đời vô thường định mới dạy cho người ta biết được những câu đẹp đẽ" (*Chiếc vali mới*). Dĩ nhiên không phải là đi thực tế, thâm nhập đời sống sản xuất và chiến đấu của nhân dân như ngày nay. Nhưng như thế có nghĩa là Tháp ngà chưa xây thật cao, chưa đóng thật kín, để không còn nghe thấy những xao động của đời.

Những mâu thuẫn ấy trong quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Tuân nên giải thích như thế nào?

Nhìn vấn đề một cách tổng quát, trước hết hãy đặt Nguyễn Tuân vào vị trí của ông trong tình hình phân

(1) *Tựa "Âm sông Tô"*. Tùy bút II (sách đã dẫn).

hóa của các xu hướng văn học nước ta thời kỳ 1930-1945. Nhìn chung, sự phân hóa ấy đối với những cây bút tư sản, tiểu tư sản lúc bấy giờ, rất phức tạp - bắt nguồn từ tính phức tạp về tư tưởng và tâm lý của các tầng lớp trí thức tư sản, tiểu tư sản trước thực tế xã hội đầy biến động từ 1930 đến 1945.

Cho rằng bộ phận văn học tư sản, tiểu tư sản thời kỳ này phân hóa dứt khoát thành hai dòng đối lập với nhau: dòng lãng mạn thoát ly và dòng hiện thực phê phán, là không sát với sự thật... Trong thực tế, có những cây bút không thuộc hẳn một "dòng" nào một cách thật rõ ràng và nhất quán. Thạch Lam, Trần Tiêu, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh, Nguyễn Tuân, cả Xuân Diệu với "Phấn thông vàng" v.v.. tuy có rất nhiều nét khác nhau, đều có thể xem như thuộc vào số những cây bút "trung gian" như thế.

Đi sát hơn nữa vào trường hợp riêng của Nguyễn Tuân, đầu mối của tính phức tạp trong quan điểm nghệ thuật của nhà văn phải được gỡ ra từ cơ sở tâm lý xã hội cụ thể của ông.

Nhìn nhận vấn đề như thế, một mặt chúng ta có thể giải thích được vì sao Nguyễn Tuân lại muốn là môn đồ của thuyết nghệ thuật vị nghệ thuật; xét về một phương diện nhất định, Nguyễn Tuân quả thực là một trường hợp minh họa rất "chuẩn" cho ý kiến của Plêkhanốp về quy luật phát sinh của quan điểm nghệ thuật ấy, tổng kết được từ sự nghiên cứu những ông

tổ của nó ở phương Tây thế kỷ trước: "Khuynh hướng thừa nhận quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật của những nhà nghệ sĩ và những người tha thiết quan tâm đến sáng tác nghệ thuật, đã phát sinh và được củng cố trên cơ sở mối bất hòa tuyệt vọng giữa họ với hoàn cảnh xã hội chung quanh họ" (1).

Chẳng phải Nguyễn Tuân bước vào đời sống văn học, ngay từ phút đầu, đã mang một bầu tâm sự bất hòa như thế sao "Nguyễn đã dùng một quyển sách in để tỏ rõ cá tính mình. Cuốn sách đã đánh dấu sự chàng có mặt ở cuộc sống này - một cuộc sống đầy bất mãn và uất kết của người trong cuộc, phản lại nỗi lèm nhèm, lẹt đẹt, lờ mờ, luộm thuộm và bằng lòng của tất cả chung quanh" (*Đôi tri kỷ gượng*) (2).

Nhưng mặt khác, cũng xuất phát từ tâm lý xã hội cụ thể của Nguyễn Tuân, chúng ta lại có thể hiểu được vì sao ông đã có nhiều lúc vượt ra ngoài quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật cũng như những quan điểm sáng tác tiêu cực khác.

Cái mà Plêkhanốp gọi là "mối bất hòa với hoàn cảnh" kia thực ra, ở mỗi nhà văn, trong những điều kiện xã hội lịch sử khác nhau, lại có một nội dung cụ

(1) *Nghệ thuật và đời sống xã hội* - Nxb Văn hoa-Nghệ thuật, Hà Nội 1963, trang 43.

(2) *Nguyễn* - Sách đã dẫn.

thể rất khác nhau. Nội dung của "mối bất hòa" đối với xã hội của các nhà văn theo quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật ở Pháp thế kỷ XIX, theo Plêkhanốp, chỉ là "chống lại những thị hiếu và phong tục tư sản" chứ "không hề công kích cơ cấu của xã hội tư sản" [1]. Như vậy đối với xã hội chung quanh, thái độ "bất hoà" của họ chỉ giới hạn ở phương diện "thẩm mỹ" mà thôi. Về quyền lợi chính trị, kinh tế, xã hội, họ không có gì đối lập với giai cấp tư sản thống trị. Vì thế họ có điều kiện để có thể thật sự "lãnh đạm...đối với những vấn đề chính trị và xã hội" và có đủ bình tâm để phụng thờ "cái đẹp thuần tuý" [2].

Nguyễn Tuân không có được cái "bình tâm", cái "lãnh đạm" như thế. Ở ông, cũng có mối bất hòa "chống lại những thị hiếu và phong tục tư sản" - ông định nghĩa nghệ thuật là "một công việc mà những con buôn quen sống với đồi chác hàng họ và buôn Tần bán Sở đều gọi là vô ích" (*Nhà Nguyễn*). Nhưng bên cạnh đó còn có mối bất hòa đối với xã hội thực dân, phong kiến trên lập trường của một trí thức Việt Nam yêu nước. Một mối bất hòa sâu sắc không chỉ về mặt "phong tục", "thị hiếu" hay "thẩm mỹ", mà còn trên những vấn đề chính trị, xã hội. Tìm hiểu Nguyễn

(1) *Plêkhanốp*, sách đã dẫn - trang 62

(2) *Plêkhanốp*, sách đã dẫn - trang 60

Tuân, thấy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc ở ông là một lực lượng tinh thần thật sự, tuy không đủ mạnh để có thể chuyển hẳn ngòi bút theo khuynh hướng văn học cách mạng, nhưng quả là một lực kiềm chế (contrepoids) đáng kể đối với đà lôi kéo của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hưởng lạc, cha đẻ của mọi xu hướng nghệ thuật tiêu cực, suy đồi. Tất cả tính phức tạp của quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám, xét đến cùng, có thể giải thích bằng cái cơ chế tinh thần đó chăng? Nghĩa là cái tính chất không nhất quán, không dứt khoát giữa hai mặt tích cực và tiêu cực trong ý thức nghệ thuật Nguyễn Tuân, ngay cả ở những thời kỳ bế tắc nhất, xét đến cùng, là do cái thế giằng co giữa chủ nghĩa cá nhân và lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Nó khiến cho ông không quay lưng hẳn được với hiện thực, muốn thoát ly đấy nhưng không thật đành lòng; trong cái nhởn nhơ vô trách nhiệm, vẫn nhói lên lòng tự thẹn. Con người ấy, trước cuộc khởi nghĩa tháng Tám, không biết đã có lúc nào nghĩ đến Cách mạng hay không, nhưng hoạt động cách mạng thì chưa có. Ấy thế mà cũng có nhiều phen đụng đầu với luật pháp đế quốc. Đó là con người không hợp với khuôn khổ của chế độ thuộc địa. Một con người chưa có được cái chí khí vùng vẫy chống phá gì đối với trật tự của chế độ thực dân, chẳng qua chỉ là khao khát tự do, khao khát sự thoải mái, khao

khát được ngắm trời, ngắm biển, được thưởng thức cho đầy đủ thỏa thuê vẻ đẹp của quê hương, đất nước mình, vậy mà cũng hai lần bị tù! Con người của chủ nghĩa hưởng lạc và chủ nghĩa xê dịch ấy thế mà đã bị cùm chân, xích tay đến hai lần và nếm cơm tù đế quốc hàng năm trời, từ khám lớn Sài Gòn, nhà lao Hải Phòng, Hỏa Lò Hà Nội đến nhà tù Thanh Hóa, trại tập trung Vụ Bản, Nho Quan[1] - "Những bữa cơm cá thối dùng trong bầu không khí kinh khủng" "thường bắt đầu từ việc tranh giành một quả ớt. Quả ớt đỏ đã nhuộm đỏ những nắm cơm đỏ bị những bàn tay vấy máu mân mê" (*Một chuyến đi*). Ta hiểu vì sao con người ấy cảm thấy day dứt "thiếu quê hương", và trên đường xê dịch quẩn quanh, lẫn vào cái thú giang hồ lãng tử, vẫn không nguôi cái tâm sự u uất của một con người cứ phải "thầm lén mà yêu thương mà ca ngợi đất nước muôn vẻ muôn màu của mình" (*Cầu ma*). Ta hiểu vì sao ông đã châm biếm, có lúc kín đáo nhẹ nhàng nhưng cũng có lúc quyết liệt, táo bạo, bọn thống trị đế quốc và phong kiến tay sai, từ những thằng Tây đoan, thằng cảnh sát, viên tri huyện hống hách, mọt dân, đến những tên công sứ, tổng đốc tàn ác thậm chí cả tên vua bù nhìn Bảo Đại nữa (*Một vụ*

(1) *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 260 (1939)

bắt rượu lậu, Bữa rượu máu, Những ngày Thanh Hóa, Phong vị tỉnh xép, Xác ngọc lam v.v...).

Ta hiểu vì sao, giọng khinh bạc gai góc của Nguyễn Tuân, tuy nhiều khi có tính chất trùm lấp vô chính phủ, nhưng thường vẫn ném mạnh hơn vào những hạng người có đầu óc nô lệ. Dĩ nhiên ông ghét nhất bọn trưởng giả hãnh tiến thỏa mãn với số phận của mình trong xã hội thực dân. Chẳng hạn, ông chế giễu một "gã họ Chư" nào đó - chắc hẳn cùng họ với Chư Bát Giới, vì ông ví hắn như "một con lợn cạo sạch lông đi bằng hai chân theo chiều dọc"; "Tắm mình trong sung sướng vật chất, hắn tưởng chừng như người ta sống ở đời chỉ để mà ăn cho thích khẩu. Và trong cõi đời tốt đẹp như thế, chỉ có những kẻ phải ăn đói là ngu dại" (*Chán lắm đời ạ!*)[1]. Trong bài *Phong vị tỉnh xép* [2], nụ cười khinh bạc ấy còn pha vị đắng cay, chua chát, khi ông nói về mấy người bạn cũ ở Thanh Hóa vốn cũng có ít nhiều tâm huyết với đất nước, nhưng nay đã thành những kẻ nô lệ ngoan ngoãn. Ông cho rằng: "Bây giờ cái quý hóa ở người họ đã chết cả rồi"; kẻ thì "được quan Tây thương tài, lại cho vời ra và cho thờ lại Nhà nước Bảo hộ", kẻ thì "đi tù về, bây giờ làm thầu khoán, cả ngày chỉ nghĩ cách

(1) *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 260 (1939).

(2) *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 273 (1939).

lấy lòng ông chánh kỹ sư mới". Ta cũng hiểu vì sao, qua cách nói bóng gió, ông tỏ lòng cảm phục Cao Bá Quát (*Chữ người tử tù*); vua Duy Tân (*Thiếu quê hương*), Nguyễn Thượng Hiền (*Về quê*) [1]. Và có lúc - "cái hồi (...) còn sính làm thơ ca" - ông còn "có cả cái viển vọng định đem cả pho Việt Nam vong quốc sử diễn ra thành tập thơ song thất lục bát" (*Phong vị tỉnh xép*) *v.v...*

Lòng yêu nước ở mỗi một giai cấp, mỗi một cá nhân, vẫn có nội dung cụ thể và sắc thái riêng của nó.

Trước Cách mạng tháng Tám, lòng yêu nước, tinh thần dân tộc của Nguyễn Tuân tất nhiên là mang bản chất tiểu tư sản trí thức. Nhưng bên cạnh cái chung ấy, đâu là cái riêng của Nguyễn Tuân? Đấy là những tình cảm đặc biệt tha thiết của ông đối với những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc. Trước hết, đó là sự gắn bó với tiếng nói của cha ông. Trong hoàn cảnh mất nước mà chưa có gan đứng lên cứu nước, con người ấy đã dồn tất cả lòng yêu tổ quốc vào tình yêu tiếng mẹ đẻ: "mỗi khi cầm bút ướm thử nó lên tờ giấy trắng trong tinh khiết, tôi thấy sung sướng vô vàn, sung sướng đến chảy nước mắt ra, đến nỗi có thể tưởng rằng mình sẽ chết ngay được nếu bị mất cái

(1) *Tiểu thuyết thứ bảy* số 237 (1938).

quyền viết" (*Võng ngô đồng*)[1]. Quả thực, trên mỗi trang sách, người ta thấy Nguyễn Tuân đã sống thật sự với từng câu, từng chữ của mình.

Là một tâm hồn tài hoa, Nguyễn Tuân đặc biệt gắn bó với những truyền thống văn nghệ của dân tộc. Có lẽ ông là một trong những nhà văn đã tìm hiểu nghiêm túc và yêu mến thật sự nhiều giá trị văn hóa cổ truyền: tuồng, chèo, hát ả đào, hội họa cổ điển, tranh lụa Nguyễn Phan Chánh [2] v.v.. Ông đã am hiểu và sống nhiều nhất với nền văn học cổ điển của dân tộc, trong đó, không phải chỉ có những vần thơ của Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Phan Huy Vịnh, Tú Xương, Tản Đà v.v... mà cả những lời ca, điệu hát của nhân dân lao động. Chao ôi, Nguyễn Tuân đã yêu đến say đắm, đã muốn hòa nhập cả linh hồn mình vào linh hồn của giọng hò mái đẩy trên sông nước Thừa Thiên, Quảng Trị :"Kim Luông dãy dọc tòa ngang...Í í nước đổổổ về sình... Đôi đứa mình... Lỡ hẹn ba sanh... Dẫu cóóó làm răng đi nữa...í i cũng không đành quên nhau". Mỗi thớ thịt người tôi bây giờ là một chữ của câu hò đò. Ngắm bể gạt sóng bạc vào chân đường sắt cứ lớp lớp không ngừng, tôi nghĩ đến linh hồn của mọi

(1) *Thanh Nghị*, từ số 79 đến số 82 (1944).

(2) "Cuộc trưng bày tranh lụa của họa sĩ Nguyễn Phan Chánh" *Thời vụ* 1938. "Họa sĩ Nguyễn Phan Chánh", *Văn hóa 1973*.

giọng hát, tôi nghĩ đến cái ma lực của giọng hò đò nó cảm người ta như cái tiếng vô cùng của con nước thủy triều khi theo ánh trăng suông mà dâng mãi lên: Hễ bao giờ có dịp ghé Huế nữa, thế nào cũng ra Quảng Trị mà nghe hò mái đẩy cho thực thỏa thuê thì mới đành". *(Một lần đi thăm nhau)*[1].

Nguyễn Tuân cũng đặc biệt gắn bó với những phong tục cổ truyền của dân tộc mình. Thiên hướng giai cấp và ảnh hưởng gia đình khiến ông chú ý nhiều hơn đến những "phong tục" hưởng lạc đài các của tầng lớp quý tộc phong kiến. Nhưng đọc *Vang bóng một thời* cũng như nhiều bài tùy bút của ông, còn thấy những mỹ tục nói lên cái thái độ sống giản dị mà sâu sắc, thanh đạm mà tinh tế, tài hoa của dân tộc mình.

Tóm lại, Nguyễn Tuân, con người luôn cảm thấy "thiếu quê hương" ấy, thực ra lại gắn bó tha thiết với quê hương mình bằng biết bao sợi dây tình cảm tế nhị. Mà chính vì tha thiết với quê hương nên mới cảm thấy bơ vơ trong hoàn cảnh mất nước và mới có tâm trạng khắc khoải day dứt "Thiếu quê hương". Con người ấy... nhiều khi muốn tỏ thái độ khinh thế ngạo vật, đã cố tình ném ra những điều trái tai, gai mắt, do đó có lúc đã nói những lời bạc bẽo với quê hương

(1) *Tùy bút II* - Sách đã dẫn.

mình, nhưng thực ra thì "vẫn là một tấm lòng An Nam hoàn toàn" (*Một chuyến đi*). Ông rất buồn thấy một số người xa Tổ quốc một thời gian là "mất gốc", khi trở về "bỡ ngỡ với gốc tích, nhìn non sông như một kẻ lạ lùng" rồi "chửi nòi giống và ca tụng ồn ào cái văn minh của Địa Trung Hải". Ông gọi thế là "thứ bệnh nhân khả ô" của xẻ dịch [1].

Cái "tấm lòng An Nam hoàn toàn" ấy đã khiến Nguyễn Tuân, tuy bất hòa với xã hội thực dân nhưng không hoàn toàn bất hòa đối với cuộc sống trên đất nước mình, tuy bi quan bế tắc không hiểu được lối thoát của lịch sử, nhưng không hoàn toàn tuyệt vọng khi nghĩ đến những gì là vẻ đẹp của quê hương, của truyền thống văn hóa nghệ thuật dân tộc. Đó là yếu tố luân lý, đạo đức trong tác phẩm Nguyễn Tuân, tạo nên những trang viết có giá trị chân chính.

"Tấm lòng An Nam" đó đã khiến Nguyễn Tuân nhiệt liệt chào đón Cách mạng và tích cực tham gia kháng chiến, ngay từ phút đầu đã dùng ngòi bút của mình ngợi ca nền độc lập tự do của đất nước (*Lột xác, Ngày đầy tuổi tôi Cách mạng, Cỏ độc lập*...) [2], và

---

(1) *Tấc gang mà lại gấp mười quan san*, Tiểu thuyết thứ bảy, số 265 (1939).

(2) *Ngày đầy tuổi tôi Cách mệnh*, Văn hóa và Cách mạng, Đoàn xuất bản Việt Nam - 1946. *Cỏ độc lập* (Kịch thiếu nhi) Báo *Thiếu sinh quân* - số xuân 1946.

chiến đấu để gìn giữ nền độc lập tự do ấy (*Đường vui, Tinh chiến dịch...*)

II

Những người chỉ biết Nguyễn Tuân qua *Vang bóng một thời, Thiếu quê hương* ... chắc không ngờ đến sự thật này: Nguyễn Tuân bước vào nghề văn trước hết là một cây bút hiện thực phê phán. Đúng thế. Vào khoảng 1937 và đầu 1938, người ta thấy xuất hiện trên tờ *Đông Dương tạp chí* (do Nguyễn Giang tái bản) một loạt truyện ngắn của Nguyễn Tuân viết theo lối trào phúng kiểu "xã hội ba đào ký" của Nguyễn Công Hoan. Một điều thú vị là trong số truyện ngắn này, có những nhân vật ưa thích của Nguyễn Tuân trong *Vang bóng một thời* sau này (những ông Tú, ông Ấm, ông Khóa...) bị đem ra chế diễu (*Đánh mất vi*[1], *Đông phương là Đông phương, Tây phương là Tây phương*[2]). Tiếng cười trào phúng của Nguyễn Tuân nói chung, thoải mái hồn nhiên, đôi khi rất gần với

(1) *Đông Dương tạp chí*. 10 - 1937

(2) *Đông Dương tạp chí*. 1 - 1938.

tiếng cười dân gian (*Một vụ bắt rượu lậu*)[1], (*Mười năm trời mới gặp cố nhân*)[2]. Có những truyện không có ý nghĩa gì sâu sắc lắm, nhưng cũng có những truyện, xét về nội dung hiện thực và tính chiến đấu, không thua gì những truyện ngắn hay tiểu phẩm của Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố thời kỳ Mặt trận dân chủ (*Một vụ bắt rượu lậu, Thời sự*[3]). *Thời sự* phê phán bọn làm báo xỏ xiên, bịp bợm. *Một vụ bắt rượu lậu* đả kích vào bản chất tàn ác và thói những nhiễu đục khoét dân của bọn Tây đoan và quan lại ngày trước.

Những truyện ngắn trên không nói gì nhiều lắm về tài năng Nguyễn Tuân, nhưng giúp người đọc hiểu được một mặt của tư tưởng nghệ thuật của ông: ông sẽ không đi tiếp con đường của chủ nghĩa hiện thực phê phán nữa, nhưng cái nhìn hiện thực về mặt xã hội với tinh thần phê phán, sau này, vẫn thể hiện trong nhiều bài viết của ông, dù viết theo khuynh hướng cảm hứng nào.

Nguyễn Tuân thật sự xuất hiện như một tiếng nói riêng độc đáo từ đầu năm 1938 với một loạt bài du ký đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* dưới tiêu đề : *"Những*

(1) *Đông Dương tạp chí*. 11- 1937

(2) (3). *Đông Dương tạp chí*. 1 - 1938.

truyện ngắn đã sống bên cạnh phim Cánh đồng ma *tại Hương Cảng*"[1] Những bài ký này về sau được tập hợp in thành sách dưới nhan đề: *Một chuyến đi*.

Một chuyến đi mới đích thực là văn Nguyễn Tuân: Một lối tùy bút - du ký hết sức phóng túng, lấy cái "tôi" của mình làm nhân vật trung tâm. Một cái tôi xê dịch và hưởng lạc coi cuộc đời chỉ như một trường du hý. Một lối văn đã tìm đúng được cái giọng riêng của nó: khi thì trang nghiêm cổ kính, khi thì đùa cợt, bông phèng, khi thì thánh thót trầm bổng, khi thì xô bồ bừa bãi như là ném ra trong một cơn say chếnh choáng, khinh bạc đấy, nhưng bao giờ cũng rất đỗi tài hoa. Đó là văn của một con người hoài nghi tất cả, chỉ tin ở cái vốn tình cảm, ý nghĩ, cái kho cảm giác linh tinh nhưng sắc sảo, tài hoa của mình, tích luỹ được trên đường giang hồ xê dịch.

Một chuyến đi được viết bằng một ngòi bút thành thực - thành thực với người, thành thực với mình. Vì thế nó vừa có chất thơ bay bổng của một tâm hồn nghệ sĩ tìm thấy cảm hứng ở cảnh, ở người, ở thanh sắc mới lạ nơi đất khách, vừa có chất văn xuôi trần

(1) Cuối năm 1937 đầu 1938, Đàm Quang Thiện, Nguyễn Doãn Vượng tổ chức một đoàn tài tử Việt Nam sang Hương Cảng dựa vào vốn và kỹ thuật của một hãng phim ở đấy, quay cuốn phim *Cánh đồng ma*. Nguyễn Tuân được tuyển vào đoàn diễn viên này, đóng vai một y tá. Đoàn ở Hương Cảng 2 tháng, qua Tết Mậu Dần (1938).

trụi lạnh lùng nhận ra được một cách cay đắng ở "những khách tài tình" khi tiền hết, rượu hết chỉ còn trơ lại cái bản chất nhỏ nhen, ích kỷ, cái chán chường thảm hại của những kiếp người không lý tưởng.

Nội dung tác phẩm chứa đựng nhiều cảm nghĩ linh tinh phù phiếm, những diễn đạt rất có duyên mẩu chuyện không có ý nghĩa gì đáng kể. Những trang đặc sắc nhất là những trang ghi lại được một cách sắc sảo, tài hoa và chân thực một số nét riêng của phong cảnh và phong tục trong sinh hoạt của con người trên đất Hương Cảng (*Một ngày một đêm cuối năm, Ấn tín của người con gái tỉnh Việt* ...). Ngoài ra, có những trang dạt dào cảm hứng như ngấm chất men của rượu giang hồ, nhưng ẩn giấu bên trong là tâm trạng u uất, bực bội của một con người cảm thấy tù túng, bế tắc, lấy xê dịch làm cớ "thoát ly khỏi hoàn cảnh tủn mủn của cuộc đời đứng yên mãi mãi một chỗ, thoát ly khỏi sự trói buộc bần tiện của cuộc đời".

Sau *Một chuyến đi*, chủ nghĩa xê dịch trở thành một đề tài quen thuộc của Nguyễn Tuân. Nhiều bài viết sắc sảo của ông được dành cho đề tài này: *Thèm đi, Lại đi nữa, Một người lữ khách giữa thành phố chúng ta, Những ngày Thanh Hóa, Cửa Đại, Chiếc valy mới, Một lần đi thăm nhau v.v...* [1] Đến năm 1940, chủ nghĩa xê dịch được Nguyễn Tuân chọn làm

(1) Những bài tùy bút này được tập hợp trong tập hai *tập Tùy bút I* và *Tùy bút II*.

đề tài cho một cuốn tiểu thuyết mấy trăm trang, nhan đề *Thiếu quê hương* [1].

Thiếu quê hương viết về một nhân vật mắc bệnh xê dịch nghĩa là luôn luôn thèm đi. Đi không mục đích. Hay mục đích chính là sự đi. Thực ra, du lịch vốn là một cái thú thông thường của con người ta, nhất là ở thời hiện đại. Nhưng chủ nghĩa xê dịch lại là một cái gì bệnh hoạn, một dạng của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hưởng lạc: đi để "thay thực đơn cho giác quan", đi để thoát khỏi mọi trách nhiệm đối với gia đình, xã hội, đất nước, quê hương. Chủ nghĩa xê dịch xét về mặt "lý luận" hay "triết lý", không phải do tác giả *Thiếu quê hương* sáng tạo ra, chẳng qua chỉ là sự vay mượn những tư tưởng phiêu lưu mạo hiểm, tư tưởng cá nhân nổi loạn và hành động không lý do (acta gratuit) của những Nitsơ, những Gitđơ của phương Tây hiện đại mà thôi.

Đọc *Thiếu quê hương*, cứ ngờ ngợ không biết Nguyễn Tuân có thực tin ở chủ nghĩa xê dịch theo đúng cái nghĩa "triết lý" của nó hay không? Bởi vì

---

(1) Đăng trên *Hà Nội Tân văn* từ đầu năm 1940. Khi in thành sách (Nxb Anh Hoa-Hà Nội, 1943, kiểm duyệt Pháp cắt bỏ chữ "Thiếu" của tên truyện và chương cuối của tác phẩm cho phù hợp với khẩu hiệu "Cần lao, gia đình, tổ quốc" của chính quyền phản động Pêtanh. Nhan đề "Quê hương" không ăn nhập gì với chủ đề tác phẩm (theo Nguyễn Tuân trong bài *Nhìn rõ sai lầm* (Tạp chí Văn nghệ số 41-1953).

giọng văn nhiều khi như là cười cợt, bông đùa, và truyện có nhiều chi tiết phóng đại đến kỳ quặc về tính tình và hành vi của anh chàng Bạch - nhân vật chính. Mặt khác, bản chất nhân vật này cũng có nhiều chỗ mâu thuẫn. Khi thì anh ta nói :"Sao lại đem cái việc xê dịch ra mà dùng làm một phương tiện để mong tới một cái kết quả nào (...). Sao lại không lấy nguyên cái việc được đi là một cái thú ở đời rồi!", khi thì lại nghĩ - trước hình ảnh một đoàn hướng đạo sinh lên đường: "Người ta biết người ta chống gậy lên đường để làm gì. Người ta đi để vui vẻ làm việc mỗi khi phải ngừng chân cắm lều trại, đốt lửa trên một khoảnh đất nào. Ta đi để mà đau khổ cả lúc đi lẫn lúc nghỉ, ơi ta ơi là ta ơi!". Như vậy, đâu phải như anh ta nói: "đi tức là hạnh phúc". Bạch thích lên giọng khinh bỉ những tình cảm gia đình, những kẻ lên đường bịn rịn, những cuộc tiễn đưa sụt sùi nước mắt - siêu nhân là phải biết tàn nhẫn, phải biết vượt lên thứ luân lý của tình thương. Nitsơ đã nói thế. Nhưng thực tế, anh ta đã tàn nhẫn được với ai? Đối với cha, anh ta phải thú nhận: "Lòng thương cha ai mà không nặng". Còn đối với vợ: anh ta định bới móc mọi khuyết điểm của vợ để có thể ly dị. Nhưng rồi lại thấy rằng "tội nào của vợ chàng cũng đều có trường hợp giảm đẳng, đều đáng tha thứ cả". Hơn nữa, thấy cái việc bới lông tìm

vết của mình "thật không xứng đáng một tí nào với cái vẻ ngây thơ thành thực của vợ chàng".

Vậy thì chủ nghĩa xê dịch lại chỉ là một thứ kỳ thuyết, nghịch thuyết mà tác giả cố tình ném ra để chơi ngông với đời chăng? Xét ở điểm xuất phát của nó thì điều ấy là có thật: tâm trạng tù túng của một thanh niên giàu sức sống bị vây riết giữa một môi trường xã hội quẩn đọng trì trệ, buồn tẻ, giữa một quê hương vừa thân thiết vừa xa lạ - cho nên có quê hương mà cứ cảm thấy thiếu quê hương. Một tâm trạng muốn đập phá tung hê tất cả, nhưng chưa dám đập phá một cái gì thật sự, đành chịu thân phận "muôn muôn năm phải đứng yên để mãi mãi du lịch trong tưởng tượng bằng một tấm lòng đau khổ".

Dĩ nhiên, *Thiếu quê hương* chỉ có sức lôi cuốn đối với những tâm hồn phiêu lưu. Tuy vậy, do tác giả đã xê dịch thật sự trước khi viết về xê dịch, và trên đường giang hồ lãng tử từ Nam ra Bắc, đã sống thật sự, sống kỹ lưỡng với từng phong cảnh mình đã đi qua, nên *Thiếu quê hương* (cũng như những du ký khác của Nguyễn Tuân) đã ghi lại nhiều bức tranh chân thực, sinh động về quê hương đất nước mình. Nguyễn Tuân không chỉ cảm hứng trước những gì nhẹ nhàng thi vị. Ngòi bút ấy thường bị kích thích dữ dội trước những cảnh vật gây cảm giác mãnh liệt. Bởi vậy, *Thiếu quê hương* đã để lại những bức họa có giá

trị hiện thực về vùng mỏ Vàng Danh, Uông Bí, Điền Công, những "thành phố đen", những "cảnh tang tóc kéo dài bất phân mộ dạ", ở đó thực dân Pháp đã đày đọa biết bao kiếp thợ mỏ vào cuộc sống lao động khổ sai, vào những túp lều giống như "những cái mồ sống, những ngôi mả nghèo xấu tẻ ngắt không có bia" để rút hết xương tuỷ họ.

Năm 1938, qua *Một chuyến đi*, người đọc biết Nguyễn Tuân với chủ nghĩa xê dịch. Đến năm 1939, người đọc lại biết Nguyễn Tuân với *Vang bóng một thời*. Đó là những truyện ngắn lần lượt đăng trên tạp chí *Tao Đàn* và *Tiểu thuyết thứ bảy*, đến năm 1940, được in thành sách.

Vang bóng một thời là một mặt chính và sâu sắc của tư tưởng và phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám. Nó không phải chỉ là đề tài của tập truyện ngắn mang tên ấy. Đó còn là nội dung của nhiều tác phẩm khác như *Vườn xuân lan tạ chủ* [1], *Răng người tình* [2], *Phu nhân họ Bồ* [3], *Tóc chị Hoài, Xác ngọc lam, Đói - Rol* [4], *Rượu bệnh, Chùa Đàn v.v..*

---

(1) *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1935.

(2) Báo *Tuần Lễ*, 1938.

(3) *Tùy bút II*.

(4) Báo *Thanh Nghị*, 1943.

Vang bóng một thời vẽ lại cái "đẹp xưa" của thời phong kiến suy tàn. Thời có những ông Nghè, ông Cử, ông Tú chơi lan, chơi cúc, vui thú điền viên; họ uống rượu "thạch lan hương" và ngâm thơ Đường; họ nhấm nháp chén trà sớm mai với tất cả nghi lễ thiêng liêng; họ đánh bạc bằng thơ và hát ả đào trên sông Hương. Thời ấy, tên đao phủ còn chém người bằng gươm, những thầy Khóa đi thi còn mang lều chõng, và người ta đi lại đường trường trên võng, trên cáng, vừa đi vừa đánh cờ tướng, dềnh dang, đủng đỉnh trên những con đường vắng vẻ.

Nhưng thời ấy cũng chưa lùi xa lắm: thực dân Pháp đã đặt được nền đô hộ trên đất nước ta; phong trào Cần Vương đã thất bại; những anh Khóa thi nốt khoa thi cuối cùng, Hán học đến lúc thất thế, những ông Nghè, ông Cống, buồn tủi thấy mình là những "kẻ chọn nhầm thế kỷ với hai bàn tay không có lợi khí mới", "giữa buổi Tây Tàu nhố nhăng làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu mất bao nhiêu giá trị tinh thần" (*Hương cuội*).

Cụ Tú Lan, thân sinh Nguyễn Tuân, thuộc vào lớp người ấy. Như thế là Nguyễn Tuân đã sống *Vang bóng một thời* trước khi viết *Vang bóng một thời*.

Vang bóng một thời thuộc xu hướng thoát ly hoài cổ phát triển khá mạnh trong văn học hợp pháp ở

nước ta, nhất là từ khoảng 1939, 1940 đến 1945. Chính sách văn hóa "phục cổ" của thực dân đã lợi dụng được tâm trạng bế tắc của nhiều cây bút hoang mang trước thực tại, tìm đường thoát ly vào quá khứ. *Vang bóng một thời* cũng như *Nhà Nho, Bút nghiên* của Chu Thiên, *Lều chõng* của Ngô Tất Tố đã được tặng giải thưởng Alexandre de Rhodes là vì thế.

Khác với *Nhà Nho, Bút nghiên* của Chu Thiên, *Lều chõng* của Ngô Tất Tố viết về chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến, *Vang bóng một thời* chỉ nói về những thú tiêu dao hưởng lạc của con người thời ấy. Tác phẩm đã đề lên như là mẫu mực sống những thú chơi cầu kỳ, đài các của một lớp người thuộc tầng lớp nho sĩ phong kiến tuy đã thất thế, đầu hàng chủ nghĩa thực dân, nhưng vẫn cố đóng vai quý tộc bằng nghệ thuật hành lạc hơn đời. Biết bao mến thương luyến tiếc đã đưa đẩy nét bút nhà văn vẽ nên những bức tranh có vẻ đẹp héo úa, hắt hiu về một thế giới tàn lụi.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tiêu cực ấy, tác phẩm vẫn có cái gì khiến nó còn "vang bóng" lâu dài trong lòng người đọc. Đó không phải chỉ là nghệ thuật vẽ người, dựng cảnh bằng ngôn từ tinh tế, tài hoa. Đó còn là những yếu tố tích cực trong nội dung tác phẩm. Nó ở ngay trong thái độ sống ngông nghênh, phóng

phiếm của những con người kia, tuy cam chịu thất bại, nhưng chưa muốn làm lành với xã hội thực dân, tư sản. Ở đây, bên cạnh cái phản ứng của tầng lớp phong kiến thất thế, không phải không có ý thức của những con người còn cố giữ lấy chút "thiên lương" trong sạch của mình, giữa một môi trường đầy rẫy những kẻ theo thời, chen chân vào vòng danh lợi nhơ bẩn. Nguyễn Tuân hay nói đến hai chữ "thiên lương" của nhân vật. Trong số những nhân vật ấy, nổi bật lên hình ảnh ông Huấn Cao trong *Chữ người tử tù*. Ở con người này, cái đẹp của tài hoa hợp với cái đẹp của khí phách, tuy chí lớn không thành, vẫn coi thường gian khổ, xem khinh cái chết, tư thế hiên ngang lồng lộng tỏa sáng trên cái nền đen đặc quánh của tù ngục.

Do khuynh hướng coi trọng tính chính xác của những điều mình thuật kể, Nguyễn Tuân trong khi mô tả lớp quý tộc phong kiến, đã không che giấu tính chất bất lực, lỗi thời và tình trạng tàn lụi không phương cứu chữa của họ (khác với *Nhà Nho, Bút nghiên* của Chu Thiên). Ngoài ra, rải rác ở trang này, trang khác, có một số chi tiết gợi lên được một vài sự thật lịch sử có ý nghĩa. Ở hai truyện *Chữ người tử tù* và *Bữa rượu máu*, ý nghĩa hiện thực không chỉ gắn với một vài chi tiết phụ mà ở ngay hình tượng chính. *Chữ người tử tù* tô đậm vẻ đẹp hiên ngang của một bậc nghĩa sĩ bất khuất. *Bữa rượu máu* vẽ ra bộ mặt

lạnh lùng, tàn bạo của một tên thực dân cướp nước và một tên phong kiến bán nước. Cái nhan đề *Bữa rượu máu* và cái chi tiết tên Công sứ và thằng Tổng đốc chúc mừng nhau về cuộc "bình định" giữa hai tuần rượu, đã nói lên *tính định hướng* ấy của ngòi bút tác giả. Khuynh hướng ấy được đẩy đến mức độ có thể nói là táo bạo và mãnh liệt ở cuối tác phẩm với hình ảnh cơn lốc và cái mũ tên Công sứ bị lật rơi lăn lộn trên bãi cỏ pháp trường.

Vang bóng một thời, với phẩm chất nghệ thuật của nó, đã đặt Nguyễn Tuân vào một vị trí chắc chắn trong đời sống văn học. Thành công của tác phẩm, về mặt này, chẳng những nhờ người viết đã am hiểu, đã sống và yêu mến, nâng niu thật sự những điều mình thuật tả, mà còn do ông đã biết dựng lại cái cổ xưa bằng khả năng của bút pháp, kỹ thuật hiện đại: khả năng phân tích tinh vi từ cảm giác, ý nghĩ của nhân vật đến đường nét, màu sắc của cảnh vật, và khả năng vận dụng cách quan sát của nhiều ngành nghệ thuật khác nhau, từ hội họa (*Những chiếc ấm đất, Chữ người tử tù...*) đến điêu khắc, âm nhạc, vũ đạo nữa (*Bữa rượu máu*).

Ngay từ *Một chuyến đi*, người ta đã thấy Nguyễn Tuân là một con người từng lăn lộn nhiều với đời sống truy lạc ở những tiệm rượu, tiệm hút, nhà chứa, xóm

hát. Thực tế ấy, sau này, được ông dùng làm đề tài cho các tác phẩm *Ngọn đèn dầu lạc, Tàn đèn dầu lạc*[1] *và Chiếc lư đồng mắt cua.*

Chiếc lư đồng mắt cua ra đời năm 1941. Nếu Nguyễn Tuân đã sống xê dịch trước khi viết về xê dịch, đã sống *Vang bóng một thời* trước khi viết *Vang bóng một thời* thì ông cũng đã sống *Chiếc lư đồng mắt cua* trước khi viết tác phẩm này. Tác giả gọi đây là những trang tùy bút ghi lại tâm trạng mình trong những ngày gọi là "phóng túng hình hài". Ngày ấy là vào đầu những năm 30 gì đó, hồi ông vừa ra khỏi nhà lao tỉnh Thanh Hóa. "Ở tù về, tôi chỉ thèm chơi". Một năm giam cầm "đã tạc lên mặt tôi những nét chắc chắn của hoài nghi". Còn gia đình thì nể sợ một "ông" con, một "ông" chồng "đại bất đắc chí". Đó là những lý do khiến Nguyễn Tuân lao vào cuộc sống truy lạc như một con người hoàn toàn hư hỏng.

Viết về đề tài truy lạc, thực ra không phải chỉ có Nguyễn Tuân, nhưng Nguyễn Tuân viết không giống một cây bút nào khác. Dĩ nhiên, ông không viết được như những nhà văn hiện thực phê phán mô tả truy lạc như là một tệ nạn xã hội. Nhưng ông cũng không viết như những cây bút tự nhiên chủ nghĩa, mượn cớ

(1) *Ngọn đèn dầu lạc* và *Tàn đèn dầu lạc* là hai tập phóng sự về thuốc phiện

tả thực để gợi trí tò mò tục tĩu. Đồng thời cũng không thi vị hóa thuốc phiện, gái điếm như nhiều cây bút lãng mạn khác. *Chiếc lư đồng* giống như một lời thú tội về một quãng đời chơi bời, lêu lổng của mình, nhưng không hẳn là có sự ăn năn, hối hận thật sâu sắc - vì nhân vật "tôi" nhiều phen muốn làm lại cuộc đời nhưng không bao giờ thực hiện được. Vậy điều *Chiếc lư đồng* muốn nói không phải là bản thân sự truỵ lạc mà là tâm trạng khủng hoảng cực độ của một thanh niên trí thức bất mãn với xã hội, muốn thoát ra khỏi gọng kìm của nó nhưng tự biết không sao thoát được, do không có lý tưởng cũng có, nhưng trước hết là do hèn yếu, bất lực. Anh ta lao vào hành lạc để tiêu sầu, lấy cái ồn ào của truỵ hoan để khuấy động một cách giả tạo những ngày tháng trống rỗng của mình.

Tuy nhiên, *Chiếc lư đồng* vẫn có những trang thật đặc sắc. Đó là khi cây bút tài hoa bất đắc chí, trả thù xã hội, ném giọng khinh bạc đúng vào những đối tượng đáng khinh: Ở đây là bọn trưởng giả hãnh tiến ngu dốt, kệch cỡm và đạo đức giả ngày trước. Ngoài ra, có những trang viết như đột ngột vút lên chất thơ của một tâm hồn, tuy sống trong truỵ lạc, vẫn muốn vươn lên một cái gì trong trẻo. *Chiếc lư đồng* có những nhân vật vào loại tiêu biểu nhất của Nguyễn Tuân: ông Thông Phu và cô đào Tâm, những con người tài

hoa, tài tử, lâm vào cảnh bê tha, truỵ lạc mà vẫn ngông nghênh kiêu ngạo. Anh chàng Nguyễn không tự hào về cuộc sống truy lạc, nhưng tự hào vì đã đánh bạn được với những con người ấy. Bị xã hội trưởng giả khinh bỉ vì hư hỏng, họ đã khinh bỉ trở lại bằng tài hoa nghệ thuật của mình. Họ quây quần, gắn bó với nhau, lấy tiếng đàn, giọng hát mà giải oan, chiêu tuyết cho nhau, mượn đôi cánh của nghệ thuật mà dìu đỡ nhau bay lên, cất mình lên khỏi cõi đời bất công, thô lỗ và phản trắc: "Tâm nhìn thẳng vào cái cây khói mọc từ lòng lư trầm lên cao độ một thước ta rồi mới kết xoắn lại như tán cây bàng, như một vòm cây nhãn bằng khói. Tâm nhìn làn khói mà hát, mắt long lanh, tiếng hát có tinh thần và nhiều chữ mở, nhiều hơi mớm rất thần tình. Một giọng hát đẹp này vẳng lên vào một trường hợp cảm động lúc năm đã hồ tàn hình như đã gột hết khỏi người Tâm tất cả những bẩn thỉu trát vào kể từ lúc dấn thân vào nghề. Một giọng hát hay và run run này là một bài kệ ngâm lên để rửa hết tội lỗi trong đời Tâm; trước cái thuần tuý của đàn hát, nàng và tôi đang cùng nói chung một thứ tiếng của tâm hồn".

Chiếc lư đồng được viết bằng nhiều giọng điệu khác nhau mà bao giờ cũng thoải mái tự do: giọng kiêu bạc ngạo đời hoặc mỉa mai chua chát ném vào thế thái nhân tình, giọng buồn thảm thê lương như chạm vào chỗ sâu kín nhất của tâm hồn cô độc, giọng

tự trào ỡm ờ, nửa trịnh trọng, nửa đùa cợt, giọng trữ tình cổ kính như đưa người đọc vào thế giới cổ thi, cổ tích... Nghệ thuật tả tình, tả cảnh, vẽ chân dung, dựng đối thoại, độc thoại v. v... nói chung đều già dặn. Tóm lại, về mặt hình thức nghệ thuật, *Chiếc lư đồng mắt cua* cùng với *Vang bóng một thời* có thể xem như độ chín của ngòi bút Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám.

Năm 1941, Nguyễn Tuân lại bị bắt, bị tù. Ông chẳng qua cũng chỉ là nạn nhân oan uổng của thời cuộc lúc bấy giờ. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai diễn ra khốc liệt. Nhật kéo vào Đông Dương. Hai tên đế quốc Pháp Nhật cùng đàn áp cách mạng, cùng bòn vét của cải, máu mủ của nhân dân ta, đồng thời luôn luôn gầm ghè giữ miếng nhau để đợi thời cơ cắn xé nhau thật sự. Những người cộng sản và quần chúng cách mạng bị bắt bớ chém giết đã đành, những người chỉ bị ngờ vực vu vơ cũng bị giam giữ, đầy ải.

Thế là bão táp cuộc đời đã lay động cả đến cái Tháp Ngà của con người tưởng chỉ "sinh ra để mà thờ Nghệ thuật" (*Đối tri kỷ gượng*). Nguyễn Tuân rơi vào một tình trạng khủng hoảng tinh thần dữ dội. Nằm trong căn nhà vắng bên sông Tô Lịch "Phút nào tôi cũng như đón chờ một cái gì ghê buồn thế nào cũng xảy đến chẳng chóng thì chày. Nằm ngửa nhìn suông cái trần nhà, nhiều hôm tôi tự bảo tôi rằng này, này nó sắp sắp xuống đây này. Sự bất định của tâm thần

đã là một thói quen. Ai động bước vào nhà là thớ thịt giật mạnh" (Tựa *Am Sông Tô*)[1].

Sáng tác của Nguyễn Tuân trong thời kỳ này có đặc điểm gì?

Nói chung là trốn đời xa hơn nữa và trốn cả mình. Hoặc là ẩn náu trong nhà một chị Hoài nào đó, dường như cách biệt hẳn với cuộc đời thực tại. Để chiêm ngưỡng mái tóc đài cổ điển của chị và nghe chị kể *Nhị độ mai* và "Lòng tôi vụt trở nên thương nhớ thăm thẳm gấp mấy giọng hát u hoài..." (*Tóc chị Hoài*). Hoặc từ bỏ hẳn môi trường sống thân thuộc, từ bỏ luôn cả cái "bản ngã quái ác" của mình, thay tên đổi họ, làm một anh Hồ nào đó mở hiệu chữa xe đạp, và lấy một cô vợ bán hàng nước để sống một cuộc đời "cần lao nhũn nhặn", vui "những phút bình dị" trong một "hoàn cảnh hẹp và lành" (*Hai tấm vé số*)[2].

Nhưng sáng tác tiêu biểu nhất của Nguyễn Tuân trong thời kỳ khủng hoảng tinh thần này có lẽ là những truyện ông gọi là "yêu ngôn". Với loạt truyện thần kỳ quái đản này, ông có thể thoát khỏi hẳn thế giới loài người, thoát khỏi cõi dương gian, đồng thời có thể thỏa mãn được nỗi khát thèm những cảm giác mới lạ, kỳ quái bằng chính những điều ông tưởng tượng ra về cõi âm, về những hồn ma, bóng quỷ (*Xác*

(1) *Tùy bút II*. Sách đã dẫn.

(2) *Thanh Nghị*, 5-1943.

ngọc lam, Đới-Roi, Lửa nến trong tranh[1], *Loạn âm*[2], *Rượu bệnh* [3]...)

Từ khoảng 1942 đến 1944, Nguyễn Tuân viết thưa dần, rồi thôi hẳn. Xưa nay dù hoài nghi tất cả, ông vẫn cố giữ lấy một chỗ để đặt niềm tin: nghệ thuật. Chẳng phải thế giới nhân vật của ông chủ yếu chỉ gồm có hai loại người đó sao: Loại tài hoa tài tử (hoặc tạo ra nghệ thuật hoặc sống một cách nghệ thuật), và loại đối lập với nó, trước hết là bọn trưởng giả ngu dốt và bọn con buôn vụ lợi, phàm tục. Ông rất tin và tự hào về loại người thứ nhất. Đó là thế giới của ông, vương quốc của ông. Chính từ cái vương quốc "cao quý" đó mà ông tự cho phép kiêu bạc với đời. Ông lo sao cho mảnh đất thiêng nghệ thuật ấy không có sự xâm nhập thô bạo của bọn trọc phú, bọn con buôn. Ông sợ nhất "cái thảm trạng gây nên bởi một chú lái buôn cứ đòi đốt trầm nấn phím" (*Nhà Nguyễn*). Nhưng giờ đây thời thế đảo điên quá lắm. Niềm tin cuối cùng của ông mất nốt. Nghĩa là những con người của vương quốc "cao siêu thoát tục" kia cũng đi buôn!

---

(1) *Trung Bắc chủ nhật*. 5-1943

(2) *Trung Bắc chủ nhật*. 6-1943

(3) Chúng tôi không nói đến tập truyện *Nguyễn* (Nxb Thời đại-Hà Nội, 1945) vì những truyện chính trong đó được viết từ 1940 (*Nhà Nguyễn, Đôi tri kỷ gượng*), còn lời bạt lại viết sau Cách mạng tháng Tám, tức bài *Vô đề* (sau đổi tên là *Lột xác*).

Cái chị Giang nào đó rất thân thiết với ông ("thân đến nỗi chỉ còn thiếu chút nữa thì đã làm bạn với nhau rồi"), con người tưởng sinh ra chỉ để đắm say nghệ thuật, vậy mà cũng đi buôn, buôn lậu, lợi dụng những đêm mưa nặng hột để chuyển hàng. Chuyện này sau bà Trần cũng biết. Đó là chỗ tôi buồn và xấu hổ nhất (...) Bà Trần nói về chị: "cười nhất là trước kia hễ thấy mưa là chị Giang chị ấy cứ buồn dúm cả người lại, tưởng chết ngay được dưới cuốn sách mở. Ai ngờ bây giờ mưa không là của riêng của tứ thơ nữa mà mưa lại ra tiền".

Thế là hết. Cái đẹp bây giờ tìm ở đâu? Cảm hứng cạn nguồn, Nguyễn Tuân không viết được nữa "Có người khuyên tôi như thế thì nghỉ hẳn đi (...) Tôi đã theo lời chỉ giáo đó" (*Vòng ngô đồng*) [1].

Thực dân Pháp và phát xít Nhật trong những ngày cuối cùng của chúng, càng hết sức tàn bạo. Lịch sử dân tộc quằn quại trong cơn trở dạ. Đây là thời kỳ bão táp cách mạng chuẩn bị gấp cho những ngày tháng Tám vĩ đại, nhưng đồng thời cũng là thời kỳ đen tối thê thảm dẫn tới nạn đói khủng khiếp mùa xuân năm 1945. Tình trạng khủng hoảng tinh thần của những trí thức, văn nghệ sĩ chưa giác ngộ cách mạng như Nguyễn Tuân càng nặng nề hơn bao giờ. Ông đã vẻ

(1) *Thanh Nghị* - tháng 8, tháng 9-1944

lại hình ảnh của mình lúc ấy: "Nguyễn cao thấp trên lề phố. Cái lưỡi lê và tiếng hô của người lính Nhật Bản lẻ loi ấy làm chàng giật bắn mình lên và tỉnh rượu. Chỉ được một quãng, rồi gió đêm bí thở lại làm chàng tê ngái lại. Lần về đến nhà - cái nhà thật của Nguyễn - chàng khom khom tựa vào cột cổng, đứng giải thoát cái nước thừa của cơ thể. Ánh trăng suông lúc về sáng, la đà trên các khóm tre ngoại thành và soi xuống một bãi nước giải. Bãi nước ấm đã im đọng lại thành một mảnh gương. Chờ mãi một cánh cửa chưa mở, tình cờ Nguyễn đã thấy bóng mình trên tấm gương ấy. "Mình lại soi mặt mình vào bãi nước tiểu của mình". Một đêm như thế. Và đã có mấy chục, mấy trăm đêm như thế, mảnh trăng về sáng kia ơi! Những đêm tối trời thì không nói làm gì, chứ đã có trăng thì Nguyễn lại thấy bóng mình trong một bãi nước giải ấm. Một lần đi tiểu xong, không chịu được cái bóng trên bãi nước đó, Nguyễn đã nhớ đến một người bạn cũ có chân trong làng Tây. Anh ta có một khẩu súng lục. Ta sẽ mượn cái súng của nó, trong một buổi, để bắn vào cái bóng thằng người này" (*Lột xác*).

Quy luật chung của những xu hướng văn học cứ rút sâu mãi vào cái tôi khép kín của mình đều như thế cả: cuối cùng lại sợ chính cái tôi của mình, và muốn phủ định nó, trốn tránh nó. Khi Nguyễn Tuân viết *Vông ngô đồng*, thì cũng là lúc Xuân Diệu viết

Một đêm sao. Nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới này xuất hiện là để khẳng định cái tôi yêu đời ham sống của mình, vậy mà nay cũng tuyên bố từ bỏ cái bản ngã ấy, vì "không cái gì khổ hơn là cứ thấy mình là mình", đó chỉ là "ảo ảnh của tuổi trẻ (...) là nhầm lẫn của chúng sinh ham sống"[1].

Nhưng trốn ai chứ trốn sao được chính mình? Kịch *Ngã ba* của Đoàn Phú Tứ đã nói đến con đường tự sát[2]. Những ngày này, Nguyễn Tuân cũng nhiều lần nói đến tự sát (*Hai tấm vé số, Võng ngô đồng, Những đứa con hoang*).

Nhưng Cách mạng tháng Tám đã cứu sống Nguyễn Tuân. Thực ra, trước kia, trong những ngày u ám của tâm hồn, Nguyễn Tuân thường vẫn mơ màng nghĩ đến "cái xã hội tân thiện tân mỹ của ngày mai" - Ngày Mai với hai chữ viết hoa (*Nhà Nguyễn*). Nhưng Ngày

(1) *Thanh Nghị*, tháng 4-1944

(2) Kịch gọi là "tượng trưng" của Đoàn Phú Tứ (đăng trên *Thanh Nghị* số 29, 30, 31 và 34 năm 1943). Nội dung nói lên tâm trạng khủng hoảng mất hết niềm tin ở cuộc sống của một nhóm trí thức. Có thể tóm tắt bằng lời một nhân vật: "Cái tuổi ba mươi là một ngã ba đường, đến đó người ta không còn một tin tưởng gì để chọn một ngả mà đi, thì người ta chỉ còn muốn nghĩ đến một tấm mộ chí vùi bên một nấm cỏ vàng". Cuối năm 1944, lần đầu vở kịch này được công diễn. Nguyễn Tuân sắm một vai chính (Hùng). Vai này tự sát bằng một khẩu súng săn.

Mai ấy là gì và làm thế nào để đi tới được? Anh chàng Nguyễn nào có biết, nhưng hình như anh vẫn khắc khoải đợi chờ: "Chúng ta là những cái neo sắt gỉ bị vùi xuống đáy lớp bùn đọng dưới lòng bến. Số phận của những quả neo bị bùn sâu cắn chặt chỉ còn chờ trông vào những lớp sóng ngầm của những ngày bão táp mai mốt rất dữ dội nhổ hộ lên được thôi" (*Thiếu quê hương*).

Cách mạng tháng Tám là cơn bão táp may mắn đó. Nguyễn đã hồi sinh trong niềm vui lớn của đất nước. "Mê say với ánh sáng trắng vừa được giải phóng, tôi đã là một dạ lữ khách không mỏi, quên ngủ của một đêm phong hội mới. Ban ngày nếu không đi biểu tình thì đi ra Hàng Đào xem người ta dọn hàng đổ, đông cứ như họp chợ tơ. Cờ nhớn, cờ nhỏ. Phố Hàng Đào đã mang tên là phố Hàng Cờ, đỏ rực một góc trời (...) Lòng khỏe, chưa đủ. Thân hình cũng phải khỏe nữa. Tôi liền đi cạo râu. Tình cờ gặp lại anh bạn cũng vừa đi cạo phăng bộ râu quai nón xanh rậm mọi ngày. Chúng tôi đã ôm lấy nhau mà mừng ra nước mắt như hai con bệnh già mới uống liều thuốc cải lão hoàn đồng". (*Ngày đầy tuổi tôi cách mệnh*).

Liều thuốc cải lão hoàn đồng ấy là gì? Là sự hòa nhập với cuộc đời lớn của đất nước, với tập thể lớn của nhân dân. Trong bài *Vô đề (Lột xác)*, Nguyễn

Tuân đã sáng suốt bốc cho mình đúng những vị thuốc ấy: "Nguyễn đã vứt hết lòng kiêu căng cố hữu của mình. Đối với sự sống, Nguyễn trở nên khiêm tốn, và muốn có ngay một thái độ khuất nhục để nêu rõ sự phục thiện của mình". "Bây giờ Nguyễn thuộc giá lên xuống của hạt gạo và để ý đến quanh chàng nhiều lắm. Ngày trước chỉ chuyên đọc thơ, giờ chàng nghiện nhật trình, thiết tha đến những con đê, lo cho đê, lo cho ruộng bên đê, lo cho mùa màng. Mực nước sông Nhĩ Hà; chàng thuộc như một nhân viên ứng thủy". Vì thế Nguyễn bây giờ sống không cầu kỳ cảnh vẻ nữa, và thấy lạc quan yêu sống, yêu tất cả những gì giản dị nhất của đời sống: đám khói, đống rác, bóng lá in nhoè ở hồi tường buổi chiều, tiếng loong coong xe ngựa, tiếng chó sủa, con chuồn chuồn, "Nguyễn thấy cái gì cũng thi vị cả".

Nguyễn cũng sáng suốt bốc cho mình một vị thuốc nữa: phải đấu tranh tư tưởng, tiêu diệt con người cũ, phải "lột xác". Ngoài đường cuộc cách mạng đang bước rầm rập trên các ngả phố, Nguyễn cũng tiến hành một cuộc cách mạng trong lòng mình.

Nhưng Nguyễn Tuân quan niệm cuộc "lột xác" đơn giản dễ dàng quá. Ông diễn tả nó như một cái gì nên thơ và vui nhộn làm sao! Nào là cuộc nổi loạn trong đám "người nhà", nào là tàn sát, chém giết những "cố

nhân", "thờ" đứa nào hiện về là giết hết, nào là đi làm bài tập về tư tưởng cho những anh Hạnh, chị Lụa nào đó chấm hộ. "Sau mấy tháng ròng làm bài như thế, một buổi sáng, Hạnh vỗ vai Nguyễn:

- Anh khỏe lắm rồi. Anh không phải sợ anh nữa. Chúng ta bước vào thời kỳ xây dựng một cái gì lớn lao lắm đây".

Bây giờ đọc lại những trang viết này chúng ta không khỏi bật cười: Nguyễn Tuân sao mà nông nổi và dễ bốc đến vậy (mà đâu phải chỉ một lần này). Nhưng cảm động biết bao, niềm tin yêu chân thật, hồn nhiên của ông đối với cách mạng và cuộc đời mới.

Quan niệm của Nguyễn Tuân về cuộc "lột xác" còn được trình bày trong tập truyện *Chùa Đàn* [1]. Tác giả cho rằng, đối với nghệ sĩ, đấu tranh tư tưởng phải thông qua sáng tác. *Chùa Đàn*, vì thế, là một hành vi đấu tranh tư tưởng. Tác phẩm kể chuyện một con bệnh nặng của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hưởng lạc đã tự cải tạo để trở thành một nhà cách mạng. Người đọc cảm thấy có một sự vá víu khiên cưỡng. Tác giả lấy những trang "yêu ngôn" thật sự đem chắp đầu chắp đuôi với những lời thuyết lý ồn ào về văn nghệ phục vụ cuộc sống, phục vụ nhân dân. Điều đó nói

(1) Nxb *Quốc Văn*, Hà Nội 1946.

rằng, ở một nghệ sĩ bước đầu đi theo cách mạng, sự chuyển biến ít nhiều về nhận thức chính trị, sự giác ngộ ít nhiều về lý thuyết cách mạng, chưa nói gì đáng kể về sự thay đổi của tư duy nghệ thuật và lý tưởng thẩm mỹ.

Sự chuyển biến thật sự của ngòi bút Nguyễn Tuân sau cách mạng, có thể xem như bắt đầu từ *Đường vui*. Đây là kết quả của một chuyến đi dài - không phải như anh chàng Bạch ngày xưa xê dịch trên xe, trên tầu, thui thủi một mình, mà đi bộ "mình cưỡi lên mình mà trườn qua núi sông đẫm mùi thuốc súng". Và đi có đoàn có đội, đi với nhân dân, với bộ đội, đi công tác, đi chiến đấu. Nhà văn khởi hành từ Hà Nội giữa những ngày Thủ đô chuẩn bị nổ súng cùng với một đoàn cán bộ văn hóa cứu quốc, đi thẳng vào mặt trận phía Nam, sát nách địch (lên tận giáp Tây Nguyên và vào tận Đèo Cả, Phú Khánh). Đoàn trở ra đến Thanh Hóa thì Toàn quốc kháng chiến đã bùng nổ được ít ngày. Ông lại tham gia luôn vào một đoàn kịch lưu động hoạt động tuyên truyền ở vùng Nghệ Tĩnh trong những ngày gió Lào "quăng lửa đầy trời". Sau đó ông nhận công tác lên Việt Bắc. Từ Khu Bốn, ông qua Khu Ba, len lỏi giữa chợ giời Cống Thần, rẽ vào vùng Tề một đêm, sau đó qua sông Đáy, vượt Tam Đảo, nhập vào cái thăm thẳm xanh rì của núi rừng Việt Bắc, không có chân trời.

Đọc *Đường vui*, thấy cái tôi cũ, cái tôi mới của Nguyễn Tuân, cứ chen nhau lẫn lộn mà đi. Tập tùy bút mở đầu bằng những trang chếnh choáng say sưa, trong đó chất men cách mạng pha lẫn với rượu giang hồ. "Cái gì mà lại lấy làm thú vị vì được thoát khỏi cái "trung gian cơ khí" trong sự đi, nghĩa là đi bộ. Dĩ nhiên đi bộ mà không thấy ngại, ấy cũng là phải có tấm lòng gắn bó như thế nào đối với kháng chiến. Nhưng sao lại khoái vì được di chuyển không cần đến xe cộ và gọi thế là "thủ tiêu được một thứ mại bản"? Có những câu cứ ngờ ngợ khó phân biệt được là cái tôi cũ hay mới, nhưng hồn nhiên chân thật và đáng yêu biết bao: "Đi bao giờ cũng vui. Chỉ những lúc ngừng mới là hết thú", "vui biết bao nhiêu khi mình dừng bước vào một buổi sớm phiên chợ. Người, hơi người, tiếng người, cứ đông người là đủ thích rồi. No mắt, no tai, no ngón tay...". Âm hưởng chung, hơi văn, mạch văn chung của bài viết quả thực là cảm động. Có một cái gì phơi phới vui tin, một tình cảm chân thành đến hồn nhiên đối với quê hương đất nước mình, với không khí náo nức của cách mạng và kháng chiến hồi ấy mà ngày nay mỗi lần nhớ lại sao mà như là nhớ đến những ngày đẹp đẽ, sáng trong nhất của tâm hồn mình: "Bạn ơi, ta lên dốc cho chắc bước, cho đều bước, ta xuống dốc cho ròn cho dẻo. Rừng mai rừng trúc, chậm lại mà thấm lấy phong quang của

cảnh sắc quê hương. Chỗ nào là núi đất rừng nứa, ta nhanh bước lên, muỗi vắt nhiều lắm đấy. Suối trong mời ta tắm, vò giặt luôn quần áo trên những tảng đá của tranh thủy mặc Tàu. Rồi vừa đi vừa phơi luôn quần áo trên lưng mình, trên đầu mình, ta hãy dành một phút mà mặc niệm người thợ giặt cũ..." (*Đường vui*).

Cần nhớ rằng, *Đường vui* được viết trong thời kỳ mà nhiều văn nghệ sĩ lớp cũ, tuy vác ba lô đi theo kháng chiến mà tâm hồn vẫn muốn ngoảnh lại với thứ nghệ thuật "thuần tuý", "cao siêu" ngày trước. Họ còn phân vân không hiểu có cần và có thể thống nhất con người nghệ sĩ với con người công dân, con người sáng tác với con người công tác được không? Vì thế *Đường vui* của Nguyễn Tuân nếu như còn có những "rơi rớt" của chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa duy mỹ, thì cũng là một hiện tượng rất dễ hiểu. Hồi ấy, người đọc thường nói đến những hình ảnh "nổi tiếng" của ông về trái tim anh dân quân bị giặc giết giống như củ thủy tiên nẫu, và vết máu trên thi thể một cô gái bị hãm hại giống như lá đông hồng (*Khu Năm-Khu Bốn, những tờ rời giữa hai xuân*)[1].

(1) Sau đổi tên là *Giữa hai xuân*

Tuy nhiên, nhà văn hồi này tỏ ra rất kiên quyết đấu tranh với con người nghệ sĩ của mình. Cuộc vật lộn nhiều khi thật căng thẳng: "phải lấy hết trí tuệ để kiềm chế thiên tính, thú tính, phải suy tưởng và nhiều lúc cứ bị lịm ngất đi như có ai bỏ mình vào một cái hũ lớn mà lắc mạnh đủ trăm chiều" (*Những vị huấn đạo của bây giờ*). Tinh thần chủ đạo của *Đường vui* là lòng căm thù giặc và lòng yêu mến nhân dân trên lập trường kháng chiến. Ở Nguyễn Tuân, sự phân biệt ta địch, bạn thù một cách rành mạch như thế, phải nói là một chuyển biến quan trọng, nếu chúng ta nhớ rằng, xưa kia, ông vốn là một cây bút nổi loạn vô chính phủ. Giờ đây giọng khinh bạc của ông trở thành vũ khí lợi hại ném vào bọn thực dân Pháp (*Tam Đảo đầu 1948*), bọn buôn lậu vô tổ quốc (*Năm miền xuôi*) [1]. Còn đối với bộ đội, với đồng bào, với tất cả những gì gắn với kháng chiến, thì giọng văn của ông thật khiêm nhường, đôn hậu. Nhiều trang thật đầy tình nặng nghĩa. Có khi chỉ một lời chào thoáng qua của một người du kích vô danh, một đêm từ biệt nhau bên bờ sông vắng, cũng làm cho nhà văn cảm thấy như là một cái gì đằm thắm thiêng liêng sẽ "còn vang hưởng đến tận mãi tương lai" của đời mình (*Lại ngược*).

(1) Sau đổi tên là *Cống Thần*

Tiếp theo *Đường vui* (1949), Nguyễn Tuân viết *Tình chiến dịch* (1950). Hai tác phẩm như cùng được viết trong một mạch văn, một hơi văn, nhưng thực ra, có những điểm khác nhau quan trọng. Cần nhớ rằng giữa hai tác phẩm, đã có những sự kiện lớn đối với văn nghệ kháng chiến: Đại hội văn hóa toàn quốc (7-1948) với bản báo cáo của Trường Chinh: "Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam"; Hội nghị tranh luận văn nghệ tại Việt Bắc (9-1949) và bài thuyết trình của Tố Hữu: "Xây dựng văn nghệ nhân dân", và tiếp đó là một phong trào đi thực tế của văn nghệ sĩ (theo bộ đội đi các chiến dịch hoặc vào công tác ở vùng sau lưng địch), hưởng ứng khẩu hiệu của Đảng: "Cách mạng hóa tư tưởng, quần chúng hóa sinh hoạt"[1].

Tình chiến dịch là kết quả của một chuyến đi thực tế theo tinh thần ấy. Khác với *Đường vui* chỉ là đi thăm bộ đội ở mặt trận, đi thăm đồng bào vùng địch chiếm, hoặc đi xem thử súng Ba-dô-ca... *Tình chiến dịch* là hành quân thật sự cùng bộ đội: cũng ăn cơm từ ba, bốn giờ sáng không cần súc miệng, cũng trèo đèo vượt núi, bám theo hơi thở người đi trước mà bước; cũng làm công tác chính trị, dân vận, đốt đuốc,

(1) Những bài trong *Đường vui* chủ yếu viết từ 1948 trở về trước. Những bài trong *Tình chiến dịch* chủ yếu viết từ mùa hè 1949 đến mùa xuân 1950.

lội suối đi khai hội với đồng bào, hát đồng ca với học sinh; cũng theo bộ đội đi công đồn, nằm sát đồn giặc chờ phút khai hỏa "gối đầu ngủ ngay trên một đàn kiến càng", cũng theo các chiến sĩ vào đồn giặc vừa san phẳng, chào cờ ngay giữa sân trại giặc còn hầm hập lửa đạn v.v...

Như vậy là so với *Đường vui, Tình chiến dịch* tham gia hơn vào cuộc chiến đấu. Ông có thể nói một cách đầy tự hào: "Thời đại này đặt trọng tâm vào hành động", và "sống trong tranh đấu là một điều vinh dự cho cảm xúc mình" (*Đời lại mấy mươi tươi*). Ở một chừng mực nhất định, ông đã vui thật sự niềm vui của người lính trong chiến thắng và đau thật sự nỗi đau của họ khi gặp tổn thất hy sinh. Nhà văn đã đọc điếu văn trước mồ một chiến sĩ, và "lịm đi trên đống đất mới đào", ông cảm thấy "chưa đeo số hiệu đơn vị, nhưng lòng tôi đã ùn lên mối tình đơn vị" (*Mả mới bên sông Thao*). Đối với nhân dân cũng vậy, "nhiều đồng bào đã nhớ tên tôi và cả người tôi đã thấm sâu vào cảnh và người mộc mạc đáng yêu nhất" (*Tình chiến dịch*).

Tình cảm đối với nhân dân và kháng chiến càng thắm thiết hơn, thì lòng yêu thiên nhiên đất nước cũng càng dào dạt hơn. Tình cảm ấy cùng với tâm hồn nghệ sĩ tài hoa đã tạo nên trong *Tình chiến dịch*

nhiều bức tranh tuyệt đẹp về chiến khu Việt Bắc: "Đầu các chỏm núi hai bên sông vươn lên cái mầu đỏ những cây coỏng đang lung linh lá thắm. Một dòng lá thắm, một đàn chim lam. Thiên nhiên buổi đò ngang sớm mai thênh thang ấy được tô lục chuốt hồng từ bến tự do này qua bến giải phóng nọ. Hong hóng như chờ coỏng nở. Đàn chim lam ấy líu ríu nhìn lá đỏ chòm núi không chớp mắt (...) Tôi đăm đăm nhìn coỏng đỏ ngọn núi xa vời (...) Tây Bắc bôi những vệt son lòng trai lên một bức tranh sơn mài" (*Đời lại mấy mươi tươi*).

So với *Đường vui, Tình chiến dịch* cũng tỏ ra sâu hơn trong ý thức trách nhiệm của người cầm bút. Trong bài *Cháy bản thảo*, ông nhắc lại lời nói nghiêm khắc của Trần Đăng như nhắc lại một bài học sâu sắc đối với mình: "Chúng ta rèn chỉnh về tư tưởng, chưa đủ. Chúng ta phải rèn chỉnh cả về tình cảm nữa. Phải khóc cười như thế nào cho đừng sai". Ông thấy cần nâng cao hơn nữa tính chiến đấu của nghệ thuật, yêu cầu một "chủ nghĩa hiện thực công phá" để tấn công mãnh liệt hơn nữa vào kẻ thù: kẻ thù bên ngoài, tức là bọn xâm lược, và kẻ thù bên trong, tức là "cái tư tưởng trở về một trật tự xưa cũ nó vốn thuận lợi cho dục vọng ích kỷ".

Đầu năm 1952, Nguyễn Tuân tham gia vào một đoàn cán bộ tuyên huấn đi công tác vào một vùng hậu địch thuộc tỉnh Bắc Ninh. Lúc này chủ lực ta đã bắt đầu luồn sâu vào sau lưng địch. Cuộc kháng chiến đã kéo dài được sáu năm, càng ngày càng đi vào chiều sâu và gian nan thử thách càng nặng nề hơn. Kết quả của chuyến đi này là một bài bút ký *Nhật ký trong lòng địch* và hai cuốn truyện mỏng, một cho người lớn (*Thắng càn*), một cho thiếu nhi (*Chú Giao làng Seo*). Đọc Nguyễn Tuân hồi này, thấy mờ đi bóng dáng người nghệ sĩ tài tử say mê thanh sắc và xê dịch. Nổi bật lên là hình ảnh con người cán bộ, con người công tác "Tôi khoác tay nải nâu, séo lấm (cho nó quen đi!), đi trên bờ đê, lòng dào dạt cái tình đất nước, nhưng lòng đã bắt đầu thấm dần vào cuộc sống gian khổ bền bỉ dũng cảm của vùng sau lưng địch". (*Nhật ký trong lòng địch*) [1].

Năm 1953, Nguyễn Tuân dự cuộc chỉnh huấn học tập chính sách ruộng đất của Đảng, rồi tham gia hai đợt phát động quần chúng giảm tô ở vùng Nhã Nam tỉnh Bắc Giang.

Cuộc chỉnh huấn và những đợt tham gia thực tế ấy đã có tác dụng tới lập trường, tư tưởng của Nguyễn Tuân: "Khi đã đi sâu vào cái khổ của giai cấp thì chỗ

(1) *Tùy bút kháng chiến và hòa bình*. Tập II

nào quanh xóm cũng thấy hiện lên mâu thuẫn giai cấp. Rồi sự vật quanh xóm, ngõ, đồng ruộng đều có cạnh, có góc, chứ không chung chung như trước tôi vẫn tưởng". Đánh giá con người, giờ đây ông chú trọng vận dụng "hai cái tiêu chuẩn nhất định là chiến đấu và sản xuất" để nhìn thấy bản chất và vẻ đẹp bên trong của nhân dân lao động (*Bóng nó còn đè lên xóm làng*)[1].

Những chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Tuân hồi này bộc lộ rõ tính chất tả khuynh. Kể cũng dễ hiểu, nếu ta nhớ lại không khí chỉnh huấn và cải cách ruộng đất lúc bấy giờ. Mặt khác, Nguyễn Tuân vốn là con người cũng dễ bốc - một "kẻ sục sặc hấp tấp"[2] như ông tự nhận xét.

Biểu hiện tả khuynh của Nguyễn Tuân trong quan điểm nghệ thuật thời kỳ này là ở chỗ ông định thủ tiêu cá tính và phong cách nghệ thuật cố hữu của mình, trong đó không phải không có những yếu tố tích cực về nội dung và hình thức rất nên phát huy. Đọc những bài viết của Nguyễn Tuân từ khoảng 1953 đến 1956, thấy rất rõ điều này: Một mặt những tật bệnh cũ như chủ nghĩa duy mỹ, chủ nghĩa xê dịch, chủ nghĩa cảm giác, lối ăn nói bốc tếu, phù phiếm v.v... hầu như mất hết dấu vết, dù ông viết về những đề tài

(1) *Tùy bút kháng chiến và hòa bình*. Tập II

(2) *Những vị huấn đạo bấy giờ*.

dễ gây tái phát những căn bệnh ấy (bút ký đi thăm Liên Xô, đi thăm Trung Hoa v.v...) Nhưng mặt khác, trừ vài ba bài như *Cây tre bạn đường, Bến Hồ và làng tranh, Cây liễu Trung Hoa*[1] người ta thấy văn Nguyễn Tuân sao mà khô khan, khắc khổ quá vậy! Những bài phát biểu của ông về văn nghệ hồi này cũng vậy: có một cái gì đơn giản máy móc, chất độc đáo tài hoa yếu hẳn.

Nhưng ở Nguyễn Tuân, tình hình này cũng nhanh chóng qua đi, khi xảy ra sự kiện Nhân văn-Giai phẩm (1956-1957).

Đây là thời kỳ Nguyễn Tuân viết *Tìm hiểu Sêkhốp*[2], *Quanh việc phê bình tuần báo Văn, Phê bình nhất định là khó* [3]v.v...

Trước tình hình đó, đầu năm 1958, Đảng tổ chức một lớp học chính trị cho văn nghệ sĩ và sau đó phát động một đợt đi thực tế dài hạn. Nguyễn Tuân đã học tập chính trị và đi thực tế. Ông lên Tây Bắc, sống với bộ đội, công nhân cầu đường, thanh niên xung phong, đồng bào miền núi, và ít lâu sau lần lượt gửi về những bài tùy bút về Điện Biên và Sông Đà, mà ông sẽ tập hợp lại trong cuốn *Sông Đà*.

---

(1) *Tùy bút kháng chiến và hòa bình*, tập II.

(2) *Tuyển tập truyện ngắn Sêkhốp* - Hội Nhà văn, 1957.

(3) *Tuần báo Văn* số 23 (10-1957).

Thành công của *Sông Đà* đã cắm một cái mốc quan trọng trong quá trình sáng tác của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám.

Đọc *Sông Đà*, biết Nguyễn Tuân đã ngẫm nghĩ nhiều về những vấn đề tư tưởng của mình hồi 1957. Ông mơ ước viết một cuốn tiểu thuyết *Mở đường* : mở đường vào thiên nhiên Tây Bắc để tìm hiểu tài nguyên giàu có của đất nước, và mở đường vào lòng người để phát hiện "những cái quý báu trong tâm hồn người chiến sĩ, người công nhân đi mở đường" (*Đi mở đường*). Đó cũng chính là chủ đề của *Sông Đà*.

Đọc *Sông Đà* thấy Tổ quốc ta thật là giàu đẹp. Chỉ nói riêng Than Uyên có nào mỏ xi măng thiên tạo, mỏ thạch anh làm thủy tinh ngũ sắc và đồ sứ, mỏ than mỡ, mỏ lân tinh, mỏ đồng, mỏ chì... Dọc sông Nậm Hu người đãi vàng có khi đãi được hàng lạng v.v... Cảnh Tây Bắc thì tuyệt đẹp. Ở đâu tác giả cũng nổi hứng nghệ sĩ muốn cắm ngay giá vẽ mà vẽ: núi lớp lớp mênh mông như biển đá, sông trắng xóa như từng súc lụa tung trải ra, những thung lũng lúa chín vàng chóe lên, trên đó mây trắng điểm lơ lửng như thêu nổi v.v... Và hoa. Bao nhiêu là thứ hoa: hoa gạo đỏ, hoa ban, hoa mận trắng, hoa lau tia tía, hoa chẩu, hoa đào, hoa A phiến, "những vạt nương phù dung A phiến Mèo, hoa xanh, hồng phấn, tím, vàng, đỏ cánh

sen, đỏ lửa lựu đang gọi ong mùa xuân đến lấy nhuỵ cao nguyên về luyện mật" (*Gió Than Uyên*). Đẹp nhất là Sông Đà "tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo".

Nhưng *Sông Đà* không chỉ nói vẻ đẹp thiên nhiên mà còn đi tìm vẻ đẹp của lòng người. Ông gọi đó là chất vàng mười của tâm hồn con người Tây Bắc. Ông ngược dòng lịch sử tìm chất vàng đó ở những chiến sĩ cách mạng kiên cường đã treo gương bất khuất ở nhà tù Sơn La, ở những cán bộ hoạt động bí mật hồi Tây Bắc bị giặc chiếm đóng, đã vượt qua những thử thách khủng khiếp để gây cơ sở cách mạng, ở những chiến sĩ quân đội, những anh chị em dân công hỏi tiến quân vào Điện Biên. Ông trở về hiện tại, tìm đến những người đi mở đường, suốt ngày suốt đêm, nắng cũng như mưa "không bao giờ để kỷ lục nằm quá 24 tiếng", những chiến sĩ biên phòng Tây Trang sống heo hút trong nắng thiêu, trong gió Lào, những người dân công Tây Bắc dũng cảm vượt thác Sông Đà để vận tải hàng mậu dịch, những đồng chí bộ đội từng chiến đấu để giải phóng Điện Biên, nay lại tự nguyện đem cả gia đình lên Điện Biên lập nghiệp, những cán bộ địa chất trẻ tuổi đi tìm quặng mỏ...

Đọc *Sông Đà* thấy Nguyễn Tuân không còn tự trói buộc cá tính và phong cách như những sáng tác thời kỳ 1953-1956. Có người cho rằng, xét về mặt phong cách, Nguyễn Tuân trước Cách mạng và tác giả *Sông Đà* không có gì khác nhau. Không hẳn thế, *Sông Đà* làm gì còn có cái thái độ ngông nghênh khinh bạc của *Vang bóng một thời, Thiếu quê hương, Chiếc lư đồng mắt cua*. Còn như giữa Nguyễn Tuân hồi ấy và Nguyễn Tuân *Sông Đà* vẫn có những nét tương đồng rất cơ bản về phong cách thì lại là chuyện khác. Đó là hiện tượng thông thường về mối quan hệ giữa gián đoạn và liên tục, giữa đổi mới và kế thừa trong quá trình phát triển của một nền văn học hoặc của một cây bút. Chỗ kế thừa rõ nhất của *Sông Đà* đối với phong cách cũ của Nguyễn Tuân là ở cách nhìn sự vật nghiêng về mặt kỹ thuật, nhìn con người nghiêng về phương diện tài hoa nghệ sĩ. Qua tác phẩm, Tây Bắc và Sông Đà đã hiện lên như một công trình nghệ thuật thiên tạo. Và những người lái đò trên con sông đẹp và thơ ấy, nếu không giống như "người tình nhân muôn thuở Trương Chi", thì cũng là những nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật vượt thác, leo ghềnh. Khi cần ôn lại, nỗi khổ đau ngàn đời của nhân dân Tây Bắc ngày trước, hình ảnh nổi lên đậm nét nhất của tác phẩm vẫn là hình ảnh những *cô-xòe-nô-tỷ* với thứ "tô nghệ thuật". Nhưng nếu ngày xưa là cái đẹp nặng về hình

thức và có tính kiêu kỳ đài các gắn với tầng lớp quý tộc thì ngày nay là cái đẹp gắn với nhân dân lao động, với cuộc sống đi lên, cái đẹp được nhìn nhận cả ở phía nội dung xã hội của nó để lên án chế độ cũ, khẳng định chế độ mới.

Có người cho rằng *Sông Đà* vẫn mang nặng khuynh hướng giật lùi về quá khứ của tác giả *Vang bóng một thời*. Cũng có thể thấy ở đôi chỗ có thiên hướng ấy thật. Nhưng không thể xem đó là tiêu cực nếu viết về quá khứ để lên án cái xấu, cái ác và với tinh thần hướng về hiện tại và tương lai. Nhược điểm chính có lẽ là ở chỗ khác: tinh thần hướng về tương lai kia vẫn có cái gì hơi dễ dãi, như chưa bắt thật sâu vào những lo toan, phấn đấu quyết liệt của đất nước.

Từ sau *Sông Đà*, Nguyễn Tuân tiếp tục đi nhiều, viết nhiều. Một mặt vẫn gắn bó với Tây Bắc, từ Điện Biên và Sông Đà đi rộng ra nhiều nơi khác, lên tận đỉnh Hoàng Liên Sơn, tới tận *Lũng Cú tột Bắc*. Một mặt đi về phía Đông Bắc, thăm Quảng Ninh, tới huyện đảo Cẩm Phả, bãi cát Sa Vỹ, Trà Cổ, ra tận đảo Cô Tô. Ông cũng đi nhiều về phía Nam, men theo bờ sông Tuyến, từ Cửa Tùng đến cầu Hiền Lương, cảm nghĩ nhiều về nỗi đau chia cắt. Lại dùng tưởng tượng thâm nhập vào những vùng Mỹ nguỵ chiếm đóng: Quảng Trị, Huế, Sài Gòn, Bạc Liêu, Cà Mau

v.v.. Ông cũng nhiều lần đi ra nước ngoài, nhất là Liên Xô, thăm Mạc Tư Khoa, Lêningrat, Ôđetxa...

Đề tài của Nguyễn Tuân từ 1958 đến 1964, gồm hai mảng chính: một là tiếp tục đề tài *Sông Đà*, ngợi ca đất nước ta giầu đẹp tiến lên chủ nghĩa xã hội (*Suối quặng, Nhật ký lên Mèo, Một bài thơ Đường, Mỏm Lũng Cú tột Bắc, Cô Tô, Huyện đảo* v.v...)[1], hai là nói về tình cảm thống nhất Bắc Nam và đấu tranh chống Mỹ nguỵ (*Cắm cột mốc giới tuyến, Cầu ma, Đò tuyến, Hôm nào Bắc Nam đã được quan hệ bình thường anh sẽ về thăm đâu trước hết, Vẫn tiếng dội Cà Mau ấy* v.v...)[2]. Thực ra giữa hai đề tài ấy, không có ranh giới thật dứt khoát. Vì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà là hai nhiệm vụ chiến lược quan hệ khăng khít với nhau. Vì lối viết theo dòng liên tưởng hết sức phóng túng của Nguyễn Tuân không chấp nhận một sự phân biệt dứt khoát nào giữa các đề tài.

Sáng tác của Nguyễn Tuân thời kỳ này có nhiều thành tựu xuất sắc. Nhiều bài ký của ông khiến người đọc phải ngỡ ngàng trước một sức tưởng tượng kỳ lạ: một trí tưởng tượng vừa tài hoa vừa uyên bác, nghĩa

(1) In trong tập *Ký*. Nxb Văn học, Hà Nội 1976.

(2) In trong tập *Ký*. Nxb Văn học, Hà Nội 1976.

là dựa chắc vào những tài liệu phong phú, chính xác, tỉ mỉ, mà dựng lên thành cảnh, thành người, thành chuyện, cứ y như là tác giả trực tiếp quan sát được, thậm chí là người trong cuộc. Những bài viết như thế, vừa có tính thời sự, vừa có thể trụ lại được với thời gian.

Ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ ngông cuồng đem không quân đánh phá miền Bắc nước ta. Ngay từ những chiến công đầu tiên của quân dân miền Bắc hạ máy bay và bắt phi công Mỹ, Nguyễn Tuân đã kịp thời ném ra những bài ký của mình góp phần đánh vào uy thế không lực Hoa Kỳ. Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, huyệt thần kinh nhạy cảm nhất của ông bị kích thích mạnh, ông đã phát huy đến cao độ những sở trường của phong cách mình, tạo nên nhiều trang bút ký có giá trị.

Cuộc chiến đấu chống Mỹ đã đưa dân tộc ta lên tới đỉnh cao của thời đại. Tinh thần chiến thắng trên tầm cao lịch sử ấy là âm hưởng chung của văn học ta thời kỳ chống Mỹ. Nguyễn Tuân đã thể hiện tinh thần ấy, tư thế ấy, theo cách riêng của mình. Dưới ngòi bút của ông, người Việt Nam ta đánh Mỹ vừa anh dũng vừa tài hoa, một tư thế thật ung dung, sang trọng: không chỉ có chính nghĩa và sức mạnh, mà còn có văn minh văn hóa nữa. Ông tả mùa xuân thắng Mỹ

của quân dân Quảng Bình, Vĩnh Linh năm 1965 đẹp rực rỡ như mùa hoàng mai nở rộ trên cát trắng Đại Trường Sa. Trên cái nền "Hoàng - mai - đường - thi - cổ - điển" ấy, những cán bộ xã Bảo Ninh ngồi bàn kế hoạch tác chiến hay những cô dân quân Bảo Ninh vừa gác máy bay địch vừa dệt lưới, bỗng trở nên có tư thế rất đẹp, rất sang (*Xuân lửa trên dòng Gianh* và *Sông Tuyến...*)[1]. Nét phong cách ấy của Nguyễn Tuân càng bộc lộ đầy đủ hơn, khi ông viết về Hà Nội chống mỹ. Cái cằm hờn của Hà Nội cũng đẹp như "những bông thược dược huyết dụ bị thương đang bầm sắc". (*Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*)[2], và người Hà Nội nổ súng, tránh bom, vẫn không chịu để "một cánh hoa nào vung vãi vì vướng vấp hốt hoảng" (*Nhà thương Tân Sơn Nhất cắt bỏ bàn tay một quan ba tàu bay Annam*)[3]. Nếu mùa xuân lửa của Quảng Bình vàng nức hoàng mai, thì mùa xuân chiến thắng của Hà Nội rực rỡ hoa đào. Những "gốc đào xòe nở nghìn mắt sáng", tượng trưng cho sức sống "ông ánh, thiêng liêng, và hồng hào" bất diệt của dân tộc mình (*Cho giặc bay Mỹ nó ăn một cái Tết ta*)[4].

---

(1) *Văn nghệ* số 98 (5-1965).

(2) (4). *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*. Hội Văn nghệ Hà Nội. 1972

(3) *Văn nghệ*, số 583 (2-1967)

Nhớ hồi Trần Đăng bị giặc giết, Nguyễn Tuân đã từng ao ước dựng lên được hình ảnh kẻ thù một cách cụ thể sinh động có "đủ chi tiết, để tất cả nhìn thấy rõ mà bắn trúng vào điểm đen" (*Tình chiến dịch*). Những bài ký chống Mỹ đã giúp ông thực hiện được niềm ước mơ ấy.

Nguyễn Tuân có ý thức nghiên cứu kẻ thù một cách nghiêm túc: "...biến cố của lịch sử đã đặt chúng tôi phải đụng độ đương đầu sống mái với bọn hiếu chiến Hoa Kỳ thì dĩ nhiên chúng tôi càng phải tìm hiểu Hoa Kỳ về mọi mặt, bằng mọi cách và bằng mọi điều kiện có thể của mình. Lực lượng võ trang cả nước tôi tìm hiểu về cách đánh của quân đội Mỹ. Và những người như chúng tôi tìm hiểu về cách nghĩ Hoa Kỳ để mà cũng đánh Mỹ, đánh cho chết tiệt đi cái cách nghĩ phản khoa học và trịch thượng đó của bọn phát xít Hoa Kỳ hợm hĩnh về súng đạn và tính du côn lộng hiểm" (*Gửi một nhà văn Mỹ thực sự yêu tự do và hòa bình*) [1].

Nhiều bài ký chống Mỹ của Nguyễn Tuân có một lượng thông tin thật lớn không những về tin tức thời sự mà cả những chi tiết về địa lý, lịch sử liên quan đến địch và cách đánh địch. Những hiểu biết ấy khiến

(1) *Văn nghệ*, số 194 (1-1967)

ông nhiều khi có thể tiến công địch có hiệu quả ở cả "tầm xa" như Anh Đức nói [1], nghĩa là dựng lên hình ảnh chúng một cách cụ thể, chi tiết, ngay ở sào huyệt của chúng để mà đả kích.

Nhưng những đòn lợi hại nhất của Nguyễn Tuân giáng vào giặc Mỹ vẫn là những đòn ở "tầm gần", đánh vào bọn giặc lái máy bay bị bắt sống trên miền Bắc nước ta.

Trong cuộc đời làm văn làm báo mấy chục năm trời, có lẽ chưa bao giờ ngòi bút trào phúng châm biếm của Nguyễn Tuân lại vớ được những đối tượng đả kích thích hợp như những thằng phi công Mỹ "trời giáng" kia.

Xưa kia ông vốn khinh ghét nhất bọn con buôn trọc phú, bọn "buốc gioa" phàm tục, ngu xuẩn. Giờ đây, còn có đứa nào trên đời này vừa "phú" vừa "trọc", vừa hợm của, ngu xuẩn và thô bỉ hơn thằng Mỹ? Một điều thú vị nữa là xưa kia, khi luyện cho mình cái "nghề" "lượm những hòn đá thực to ném lung tung" vào xã hội, ông từng có lúc ngẫm nghĩ đến "một ngày kia ta sẽ có dịp xây dựng nên một cái gì bằng những hòn đá có thương tích và tang chứng đỏ ngòm này đây" (*Đôi tri kỷ gượng*). Lúc ấy, chắc ông không thể

(1) *Lá thư cuối năm từ miền Nam* - Văn nghệ số 94 (2-1965)

quan niệm nổi "cái gì" ấy lại là những bài ký chống Mỹ này. Dĩ nhiên bây giờ ông không "ném đá lung tung" nữa mà ném đúng vào kẻ thù của dân tộc và nhân loại.

Tính cách Mỹ đế quốc bật nổi nhất ở cái "ngu tối độc đáo" của nó với cái "lô-gích" : cứ nhiều đạn, nhiều đô la là xong tất. "Lô-gích" ấy thấm quá sâu trong óc, khiến chúng ngu đến mức không biết mình là ngu, miệng thì nói rất ngu mà mặt cứ "nhơn nhơn cho là mình đã nói được những câu vừa thông minh vừa thiết thực" (*Vẫn chuyện các phi công Mỹ ngụy*)[1]. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Tuân đã đay đi đay lại đến bốn, năm lần trong nhiều bài ký của mình cái "văn chương Huê Kỳ ăn xin" in thành nhiều thứ tiếng trên những mảnh cờ Mỹ ni-lông "cẩm nang" của bọn giặc lái bật dù xuống đất. Có lẽ điểm độc đáo nhất của tính cách Mỹ đế quốc không ở đâu lại bộc lộ ra một cách đầy đủ và trâng tráo như ở cái đoạn "văn rẻ tiền" ấy. Thành công của Nguyễn Tuân là đã thông qua những cái máy người cụ thể, trực quan đó mà tóm được quả tang uy thế, sĩ diện của không lực Hoa Kỳ, của văn minh kẻ cướp Mỹ, để đi đến cái kết luận đích

(1) *Văn nghệ* số 129 (10-1965)

đáng: đối với lũ giặc hiếu chiến và ngu xuẩn ấy, "nói chữ nói lẽ sao được (...) đành lại phải dùng đến lối phê bình võ trang vậy thôi" (*Lại nói về đám phi công Mỹ*)[1].

Những bài ký chống Mỹ của Nguyễn Tuân không phải bao giờ cũng đạt tới cái hay trọn vẹn. Nhiều đoạn quá lan man như dắt người ta từ đường ngang này sang lối tắt khác, quanh quẩn mãi trong rừng rậm. Có đoạn kéo dài một cách khô khan và người đọc cảm thấy tác giả quá "lắm lời"... Nhưng nhìn chung, đó là những tác phẩm sắc sảo. Nhiệt tình yêu nước và lòng căm thù giặc kết hợp với công phu lao động nghệ thuật không mệt mỏi đã tạo nên những trang viết khi thì đầy chất thơ của tinh thần chiến thắng, khi thì như có chông nhọn, dao sắc ném tới tấp vào kẻ thù.

III

Nguyễn Tuân bước vào nghề văn như để chơi ngông với thiên hạ. Về căn bản, đó là phản ứng của

(1) *Văn nghệ* số 124 (9-1965)

chủ nghĩa cá nhân kiêu ngạo ở một thanh niên trí thức giàu sức sống nhưng bế tắc. Một cái ngông vừa có màu sắc cổ điển tiếp nối truyền thống của những nhà nho bất đắc chí kiểu Nguyễn Công Trứ, Tú Xương, Tản Đà... và trực tiếp hơn, của cụ Tú Lan thân sinh ra nhà văn, vừa có màu sắc hiện đại tiếp thụ được ở chủ nghĩa siêu nhân của Nitsơ, quan niệm con người cao đẳng của Gitđơ và các thứ tư tưởng nổi loạn khác thường thấy trong văn học phương Tây hiện đại. Ngông là một sự chống trả với mọi thứ nền nếp, phép tắc, mọi thứ "đạo lý" thông thường của xã hội bằng cách làm ngược lại với thái độ ngạo đời. Đó là đặc điểm của tất cả những nhân vật ưa thích nhất của Nguyễn Tuân trong các tác phẩm của ông trước Cách mạng tháng Tám.

Nhu cầu chơi ngông buộc Nguyễn Tuân phải đẩy mọi cái thông thường tới cực đoan, thậm chí tới mức trở thành những kỳ thuyết, nghịch thuyết. Vì thế, người ta thấy ở Nguyễn Tuân, dường như cái gì cũng thành ra những "chủ nghĩa" này khác: chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa duy mỹ, chủ nghĩa xê dịch, chủ nghĩa hưởng lạc, chủ nghĩa cảm giác, chủ nghĩa tài tử (dilettan tisme), chủ nghĩa ẩm thực, và bao trùm lên tất cả là *chủ nghĩa độc đáo*. Nguyễn Tuân lo nhất là mất cá tính, là giống người khác. Ông ao ước khi chết

đi được đem luôn theo mình "nguyên cảo" chứ không để lại một bản sao nào ở đời.

Trên con đường thể hiện cái độc đáo của mình, Nguyễn Tuân đã có những tìm tòi tích cực, đạt tới những giá trị thẩm mỹ thật sự. Nói cho đúng nội dung tâm lý của cái ngông kia, không phải chỉ do chủ nghĩa cá nhân bế tắc mà còn do "thiên lương" của một trí thức yêu nước và biết trọng nhân cách, muốn tách mình ra và đặt mình lên trên cái xã hội của những kẻ thỏa mãn với thân phận nô lệ. Như vậy là cái ngông của Nguyễn Tuân có cơ sở luân lý của nó - bên cạnh cái luân lý "vô luân" của Nitsơ, Gitđơ, không phải không có cái khí tiết của Tú Xương, Yên Đổ... Có thể thấy được phần nào cái luân lý ấy của Nguyễn Tuân trong bài *Chén rượu vĩnh biệt*, ông viết nhân cái chết của Tản Đà. Đôi bạn vong niên ấy chẳng đã gắn bó với nhau ở chỗ cùng lấy lối sống tài hoa lãng tử để chơi ngông với thiên hạ đó sao? Vài tháng trước khi Tản Đà qua đời, Nguyễn Tuân đã uống với thi sĩ một bữa rượu - ai dè đó lại là chén rượu vĩnh biệt! Bữa rượu nghèo uống với nhau trong một căn nhà chật chội, nhếch nhác ở Ngã Tư Sở, giữa một ngày hè oi bức. Tản Đà cho Nguyễn Tuân xem lá thư của Nguyễn Tiến Lãng, nhận làm môi giới xin Bảo Đại trợ cấp cho thi sĩ năm trăm đồng, Nguyễn Tuân đã ghi lại tâm trạng mình lúc ấy: "Tôi cũng biết thế vậy. Tôi lặng lẽ

trao lại lá thư cho ông Tản Đà. Vẫn lặng lẽ tôi nhấp một chén rượu. Rượu lúc này sao cay, sao đắng lạ. "Ông Tản Đà sắp được triều đình Huế ban cho năm trăm đồng!" Mà rồi từ giờ trở đi, người ta sẽ đưa thi nhân của chúng ta vào cái thế giới nào đây? Tôi tin rằng từ nay trở đi, cái đời văn chương của một thi nhân sẽ bước sang một giai đoạn khác. Tôi ngờ rằng, với số tiền trợ cấp kia, ông Tản Đà sẽ không già tay để hạ những vần rất sái, và tác phẩm sau này sẽ nhan nhản những câu thơ rất có "hậu". Sao lại không như thế được?".

Nhưng Tản Đà đã không kịp nhận món tiền trợ cấp đó và Nguyễn Tuân đã "mừng cho cái thơm tho của một thi nhân. Có lẽ ông Trời muốn giữ cho thi nhân được trong sạch nên đã sớm gọi ông Tản Đà về. Người trích tiên, đánh vỡ cái chén ngọc ở Tiên cung đã đến lúc mãn hạn đi đầy!"[1].

Trong cái ngông của Tản Đà cũng như của Nguyễn Tuân vẫn phảng phất "cái thơm tho" ấy của những nghệ sĩ chân chính. Vì vậy chủ nghĩa độc đáo ở Nguyễn Tuân bên cạnh những biểu hiện tiêu cực, những tìm tòi phù phiếm vô ích, những lối nói năng "cứ như đấm vào họng" người ta (*Đôi tri kỷ gượng*),

---

(1) *Tao Đàn tạp chí* số đặc biệt kỷ niệm Tản Đà. 1939

vẫn có những sáng tạo nghệ thuật nằm trong văn mạch dân tộc góp phần làm giầu làm đẹp cho văn học ta, cho tiếng nói Việt Nam ta.

Sau Cách mạng tháng Tám, cái ngông của Nguyễn Tuân không có lý do tồn tại nữa, vì cái "tôi" của ông không có lý do gì để đối lập và gây sự với xã hội đã đổi mới. Từ *Lột xác, Đường vui, Tình chiến dịch,* đến *Sông Đà, Ký* chống Mỹ v.v... giọng văn của ông nói chung là tin yêu, đôn hậu. Đôi khi lối nói năng gai góc có trở lại thì cũng chỉ là để phản ứng một cách kín đáo với một số biểu hiện tiêu cực vẫn tồn tại trong xã hội ta (*Tìm hiểu Sêkhốp, Tờ hoa, Thời và thơ Tú Xương, Tình rừng*...).

Nhưng nếu cái ngông mất nội dung tiêu cực thì một số biểu hiện nghệ thuật của nó vẫn để lại những thói quen, những kinh nghiệm có thể dùng được để phục vụ cách mạng. Chẳng hạn, giọng khinh bạc của Nguyễn Tuân được phát huy trên lập trường mới, là vũ khí lợi hại và để đánh vào những kẻ thù của dân tộc như trong những bài Ký chống Mỹ chẳng hạn..

Độc đáo, nếu không đẩy tới mức "chủ nghĩa" là một yêu cầu không thể thiếu của nghệ thuật chân chính. Về mặt này, sở thích và thói quen tìm cách nói mới lạ, không giống ai, đã khiến ngòi bút của ông có sức hấp dẫn riêng. Ngày xưa, ông thường chế riễu những

con người, những cách viết giống như vị hoài sơn trong thang thuốc bắc. Hồi ấy, để không rơi vào thứ văn chương vô thưởng vô phạt, có khi ông không ngần ngại dùng đến cả nhân ngôn, vô doãn. Ngày nay, thể hiện tinh thần trách nhiệm của một nhà văn cách mạng, những bài viết của ông, nhìn chung, bao giờ cũng chứa đựng một cái gì vừa mới lạ vừa có ích, nếu không về tư tưởng tình cảm thì cũng về một tri thức sử, địa nào đấy, chí ít cũng là một cách diễn tả, một lối dùng từ mới mẻ. Những tìm tòi của ông không phải bao giờ cũng hay, cũng tuyệt, nhưng ý thức quyết đóng góp cho đời sống văn học tiếng nói riêng của mình là một bài học rất đáng quý.

*

* *

Ngày xưa, nhà thơ Nguyễn Công Trứ có hai câu thơ tự họa rất ngông:

Trời đất cho ta một cái tài
Giắt lưng dành để tháng ngày chơi.

Đúng là muốn ngông thì phải có tài. Làm khác đời mà không tài, người ta gọi là cái gì gì đó chứ không gọi là ngông. Vì thế, nhân vật Nguyễn Tuân thuần một loại tài hoa tài tử, dù là nam hay nữ, già hay trẻ, dù làm nghề nghiệp gì: từ những ông Nghè, ông Cử,

ông Huấn Cao trong *Vang bóng một thời*, ông Thông Phu, cô Đào Tâm trong *Chiếc lư đồng mắt cua* đến anh chàng Hồ chữa xe đạp trong *Hai tấm vé số* "chơi đàn cải lương nổi tiếng" hay viên thư ký dây thép nào đó trong *Chiếc lư đồng*, mỗi lúc xuân tới, thu về nhìn những phong bì thư đẹp và thơm của những cặp tình nhân gửi cho nhau, lại nổi hứng "muốn lấy son tẩu mà đóng dấu niên hiệu cho họ" chứ không nỡ "đóng cái mực đen nhà nước" v.v... Nói cho cùng, tất cả cũng chỉ là những hóa thân khác nhau của anh chàng Nguyễn đó mà thôi - "con người sinh ra để mà thờ Nghệ Thuật với hai chữ viết hoa" (*Đôi tri kỷ gượng*).

Sau Cách mạng tháng Tám, khi nhà văn đã làm lành với xã hội và ngày càng hòa mình thật sự vào cuộc sống của nhân dân, thì thế giới nhân vật của ông cũng không còn thu hẹp và mang tính chủ quan quá nặng như thế nữa. Nhưng cái chất tài hoa tài tử vẫn là phong thái riêng của nhân vật của ông. Đó là anh tự vệ sao vuông hồi đầu kháng chiến, chọc chọc lưỡi lê xuống bóng trăng nơi vũng nước hầm đào mà mắng yêu chị Nguyệt (*Đường vui*) là anh bộ đội chống Pháp trên chiến trường Tây Bắc nguỵ trang bằng hoa đào và đuổi giặc giữa rừng đào (*Tình chiến dịch*), là những pháo thủ Thủ đô thời chống Mỹ, trong chiến đấu vẫn hào hoa thanh lịch (*Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*), là những chính trị phạm trong nhà tù Sơn La năm nào, đấu tranh để được ngắm trăng đêm Trung thu, là

người tù cộng sản Tô Hiệu "trước khi khuất đi còn lẩy cái câu Kiều đào đông cười gió", là những cô lái đò Tây Bắc có dáng vóc rất "tạo hình" trên những con thuyền đuôi én cao vút, và những ông lái đò vượt thác sông Đà "tay lái ra hoa" (*Sông Đà*) v.v...

Nguyễn Tuân mỗi khi cầm bút dường như lại tự đặt cho mình yêu cầu này: phải chứng tỏ cho được cái tài hoa, uyên bác hơn đời của mình. Ông có thói quen nhìn sự vật ở mặt mỹ thuật của nó, cố tìm cho ra ở đấy những gì nên họa, nên thơ. Đồng thời mỗi điểm quan sát của ông phải là một đối tượng khảo cứu đến kỳ cùng. Ngày xưa bế tắc trong cuộc đời thực tại, tầm mắt không vượt khỏi được môi trường quẩn đọng, xám xịt của cuộc sống tư sản, tiểu tư sản, ông thường đi tìm cái đẹp ở thiên nhiên hay ở quá khứ tách rời hiện thực. Hồi ấy, dùng tài hoa, uyên bác để chơi ngông với thiên hạ, ông khó lòng tránh khỏi chủ nhĩa hình thức, chủ nghĩa duy mỹ, và lối s uy nghĩ phù phiếm chẻ sợi tóc làm tư. Ngày nay, ông đi tìm cái đẹp, chất thơ ngay trong thực tại, và thiên hướng khảo cứu giúp ông tìm hiểu nghiêm túc và sâu sắc cuộc sống chiến đấu và sản xuất của nhân dân. Nhưng nhìn chung, từ *Đường vui, Tình chiến dịch* đến *Sông Đà* và *Ký* chống Mỹ v.v... cái uyên bác, cái tài hoa của Nguyễn Tuân ngày càng được phát huy trên quan điểm nghệ thuật cách mạng vững vàng hơn, đã đem đến cho tác phẩm của ông một giá trị thẩm mỹ riêng, một giá trị thông

tin riêng. Thể hiện nét phong cách này, lối viết của Nguyễn Tuân thường tập trung vào một điểm và vận dụng một cách tổng hợp cách khảo sát của nhiều ngành văn hóa khác nhau để đào sâu cho đến "sơn cùng thủy tận". Vì thế, có những hiện tượng, đối với những cây bút khác tưởng chừng chẳng có gì đáng nói, nhưng Nguyễn Tuân thì có thể viết mãi, bàn mãi hết trang này đến trang khác: ông lật mặt này, ông trở mặt khác, xoay ngang, xoay dọc, nhìn xa, nhìn gần, khi thì bằng cặp mắt văn học, khi thì bằng con mắt hội họa, điêu khắc, âm nhạc, vũ đạo hay điện ảnh, khi lại soi bằng cặp kính nhà sử học, nhà địa lý học (có khi cả vật lý học, địa chất học, côn trùng học v.v.. nữa). Không đọc Nguyễn Tuân, dễ mấy ai biết con sông Đà có những cái thác như Hát Moong, Hát Tiếu dữ dội đến thế, và Tây Bắc có những ông lái đò trí dũng tuyệt vời đến thế. Nguyễn Tuân đã đếm, đã tính cho ta nghe có bao nhiêu tên làng, tên xóm, bao nhiêu loài cá, loài chim ở vùng đất Cà Mau, bao nhiêu thứ gỗ quý trên rừng Việt Bắc, bao nhiêu thứ cây tươi trên các đường phố Hà Nội, bao nhiêu tấm ván trên cầu Hiền Lương, bao nhiêu cái chợ ở thành phố Sài Gòn... Nhờ có Nguyễn Tuân, chúng ta tưởng như được đến chỗ tận cùng của Tổ quốc, đứng trên cái Bãi Bùn hàng năm lấn ra biển từ 70 đến 100 mét và nhìn đảo Hòn Khoai như đang bơi bơi vào đất liền quê mẹ. Tác phong của Nguyễn Tuân là, nếu có thể, thì phải đến

tận nơi, nhìn tận mắt, để mô tả cho chính xác. Nhờ thế ta được cùng Nguyễn Tuân lên tận đỉnh Phăng - xi - păng để xem những mâm hoa đỗ quyên vĩ đại màu ngũ sắc (*Tây Bắc và Lào Cai*), được đến Vân Đồn để nghe vọng từ quá khứ tiếng sóng đời Trần (*Huyện đảo*), được đến tận đảo Thanh Luân, Cô Tô từ bốn giờ sáng, rình xem mặt trời mọc trên biển cả (*Cô Tô*) v.v...

*

* *

Người ta thường nói đến cái máu giang hồ xê dịch của Nguyễn Tuân. Chính ông cũng thường tự khoe khoang như thế. Và ông giải thích rất vui: nào là trong lá số tử vì có sao Thiên mã cư ở cung mệnh, nào là cái nghiệp dĩ di truyền từ đời ông nội đi sứ sang Tầu, nào là lối đặt tên trong họ nhà ông mấy đời liền đều lấy theo bộ thủy. Thủy là nước. Nước thì bao giờ cũng phải chảy trôi (*Một chuyến đi*). Tôi thì cho Nguyễn Tuân là một con người hiếu động, đúng như nhận xét của ông Thông Phu trong *Chiếc lư đồng mắt cua*. Hồi ấy, bực bội với đời, ông tưởng có thể đóng vai ẩn sĩ, giam mình suốt đời ở một cái Trại Hạc vắng vẻ nào đó. Nhưng cuộc ở ẩn không quá được một ngày. Con người kiêu ngạo ấy thế mà rất sợ cô độc. Chính ở cái trại hoang kia mà ông đã kinh hãi cảm thấy mình hoàn toàn góa bụa "góa vợ con, thân thích, anh

em bạn, góa nhân loại, góa hết quả" (*Chiếc lư đồng...*). Con người ấy coi sống chỉ là để thực hiện cá tính của mình, đi đâu, ở đâu cũng chỉ là để tìm mình. Nhưng phải tìm mình trong nhân loại, phải chen vai thích cánh giữa chỗ đông người. Đó là con người của thành thị, phố xá, của nhà ga, bến tầu, của ca lâu, tửu quán, hí viện. Không phải ngẫu nhiên mà thuộc vào số những trang viết hay nhất của Nguyễn Tuân, có những trang viết về chợ búa: chợ Tết Hồng Kông, chợ giời Cống Thần, chợ Tầu Ải Khẩu, chợ hoa Tết Hà Nội...Hiếu động nên thích đi. Đi để "thay thực đơn cho giác quan". Dĩ nhiên phải là mới lạ, bất ngờ và mãnh liệt: "Tôi muốn mỗi ngày trong cuộc sống của tôi phải cho tôi cái say của rượu tối tân hôn" (*Một lá thư không gửi*) [1]. Nguyễn Tuân không chịu nổi cái gì chung chung, nhạt nhạt, bằng phẳng, hời hợt, quanh quẩn, đơn điệu. Đó là "một nguồn sống bồng bột tắc lối thoát" (*Tóc chị Hoài*). Nguyễn Tuân không thích cái gì yên ổn, mực thước, khuôn phép. Ông gọi thế là "công chức", công chức trong đời sống, công chức trong văn chương. Ông đã từng luận về hai chữ "tung" và "hoành" trong nghệ thuật. Hoành là mực thước, thiếu cảm hứng mãnh liệt. Tung là tạo ra tiếng "vang dội ầm lên một thời", là "hành binh bằng một cuộc đại tấn

(1) *Tùy bút I*

công", là những tìm tòi mạo hiểm, là cảm xúc mạnh, là hơi thở nồng (*Đôi tri kỷ gượng*). Có phải vì thế mà ông mê Đôxtôiepxky với những nhân vật "lúc nào cũng như là một cơn sốt rung cả một cuộc sống bên trong lên" [1] đó chăng? Con người ấy đã yêu thì mê đắm, đã ghét thì phải căm thù, đã uống rượu thì phải uống cả cấn "dĩ tận vi độ", đã đi thì đi đến đầu sông ngọn nguồn, tới những nơi tột cùng của tổ quốc, đã tìm hiểu, bàn bạc thì phải tìm cho đến ngành ngọn, gốc rễ. Đây là ca sĩ của những vẻ đẹp tinh khôi tuyệt đỉnh của tạo hóa, của sắc ngọc trai đáy biển, của bầu trời trong trên đỉnh núi Mèo, của bông tuyết đầu mùa ở Lêningrat, của hoa lan "vương giả", của bông thủy tiên nở đúng đêm giao thừa v.v... Chữ nghĩa của Nguyễn Tuân chỉ phô hết màu sắc, góc cạnh khi ông tả những cổng trời Hà Giang khiến người thì long bánh chè, ngựa phải truy thai, khi tả gió, tả bão, khi ông diễn lại cảnh những ông lái đò vượt thác sông Đà như lao vào thạch trận v.v...

Trước Cách mạng tháng Tám, nét phong cách sâu đậm này gắn với chủ nghĩa xê dịch, chủ nghĩa hưởng lạc, với thái độ sống vô trách nhiệm. Sau cách mạng, nếu nói xê dịch thì Nguyễn Tuân còn "xê dịch" nhiều

(1) Đôxtôiepxky - *Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam xuất bản* - Hà Nội, 1957

gấp bội, "xê dịch" trên bộ, trên sông, trên biển, trên trời. "Xê dịch" trong nước, ngoài nước. Nhưng bây giờ xê dịch có mục đích cách mạng, là đi công tác, đi thực tế, đi mà gắn bó, ở đâu cũng thấy là quê hương mình. Xưa xê dịch là để săn tìm cảm giác mới lạ, để thỏa mãn một tâm hồn luôn luôn "đói thanh thèm sắc". Nay con người ấy vẫn dễ nổi hứng trước những hiện tượng đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ của mình. Nhưng giờ đây ông hướng hẳn về những gì thể hiện vẻ đẹp của đất nước, khí phách của nhân dân trong chiến đấu và xây dựng. Người nghệ sĩ một khi đã làm chủ được ngòi bút của mình thì cảm giác nhạy bén, nhọn sắc là hết sức cần thiết, nhất là kèm theo đó lại có một kho từ ngữ tạo hình phong phú như của Nguyễn Tuân.

*

* *

Đọc Nguyễn Tuân, một mặt thấy ông rõ ràng là một cây bút của hôm nay, một nhà văn của thời sự, từ nội dung đến hình thức, một mặt lại thấy có một cái gì đó rất đỗi cổ kính, cổ điển.

Ngày xưa, trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Tuân, cái cổ điển thường chiếm ưu thế. Đó là nhà văn của *Vang bóng một thời*. Hồi ấy, đối với hiện tại, đối với những cái nhỡn tiền - dĩ nhiên là trong phạm vi

môi trường sống gắn liền với những tầng lớp xã hội quen thuộc với ông - ông chỉ thấy có chất văn xuôi phàm tục. Ông không hoàn toàn thoát ly thực tại, nhưng nhìn thực tại ông chỉ thấy vẻ đẹp, chất thơ thuộc về những cái của ngày xưa còn vương sót lại. Cuộc đời đối với ông là một khu vườn tàn tạ khi mùa xuân đã hết. Ông buồn rầu đi tìm kiếm, lượm lặt những nhành hoa cuối mùa, những cánh hoa tàn rụng. Hồi ấy, ông đối lập xưa với nay, cổ với kim. Ông tự cho thuộc lớp người "sinh lầm thế kỷ" lạc lõng giữa thời đại - ông thường gọi là thời đại cơ khí khiến người ta bị cơ khí hóa đến cả tâm hồn. Không ai tri kỷ, ông dựng lên những nhân vật như Phu nhân họ Bồ, chị Hoài... những con người của thời cũ còn sót lại, để làm nơi ẩn dật của tâm hồn khi cảm thấy quá mệt mỏi với hiện tại. Ông gọi đấy là những bến nước thiên nhiên khuất nẻo yên tĩnh cho tâm óc ông tìm đến thả neo. Hồi ấy, đối với những cái của hiện tại ông thường chỉ dành cho những lời khinh bạc. Nhưng đối với những cái của ngày xưa, giọng văn của ông bao giờ cũng đôn hậu. Đôn hậu nhưng biết bao buồn tủi, ngậm ngùi. Nghe giọng kể truyện *Nhị độ mai* của chị Hoài, ông chỉ "ước muốn được làm ngay cái chàng Mai Sinh kia để còn được bồi hồi thêm nữa. Ngả theo cái chiều tưởng tượng gây gây mùi hoài cựu, tôi nghĩ xa, tôi nghĩ gần, rồi tôi càng nhận thấy cả một đời chị Hoài cũng chỉ là đời một nàng Hạnh Nguyên bước đi

một bước là thêm một bước cống Hồ..." (*Tóc chị Hoài*) Cái "mỹ học hoài cựu" đó khiến ông nhớ da diết thành phố Huế với cái nhịp chầm chậm của nước chảy, của lá rơi, của những cô gái Huế bước đi ngăn ngắn trên cầu Thành Thái, một tay giữ lấy vạt áo dài, một tay kéo nghiêng mép nón bài thơ; giúp ông viết rất hay về Cửa Dại có cái bến nước giống như bến nước nào đấy trong thơ Đỗ Phủ (chỉ thiếu cái tiếng "dồn châm")v.v...

Chất thơ hoài cựu đó, ông đã gợi lại, dựng lại bằng kỹ thuật và phương tiện hiện đại. Chính nhờ phương tiện ấy, kỹ thuật ấy, ông đã "phục chế" thành công những bức tranh cổ, những bức tượng cổ, những tấm bia tàn... Chất thơ hoài cựu chẳng những là linh hồn của những tác phẩm về đề tài cổ, mà còn luôn luôn phảng phất trên những trang viết của ông về cuộc sống hiện tại. Chỉ cần có chút gì của cuộc đời thực tại liên quan đến kho tàng văn liệu cổ của ông, là lập tức thế giới thẩm mỹ xưa cũ hiển hiện ngay lên trong tưởng tượng và tuôn chảy dưới ngòi bút.

"Sương nhìn cái bóng trắng của Tần lâu mãi mà không chịu nhòe với khói than đá, nhớ đến cái thú vị cuộc tiễn đưa về thời xưa cũ, người ta bầy một cái đoản đình, rồi lại một cái trường đình, uống cạn một chén rượu, người ngồi trên ngựa dùng dằng mãi mới ra roi và nới cương, kẻ đứng dưới thì ngậm ngùi vòng

hai cửa tay áo rộng lại, lạy một lạy và hướng mãi về phía đám bụi hồng không chịu tan bay sau móng ngựa" (*Thiếu quê hương*).

Sau Cách mạng tháng Tám, khi Nguyễn Tuân tự đặt cho mình yêu cầu phải "đào thải tất cả cố nhân trong lòng mình", thì cái "mùi hoài cựu" bị ông coi là một "cố nhân" đáng sợ nhất. Sợ đến nỗi, ông không dám đi xem hát chèo và đọc *Văn đàn bảo giám* [1]. Có phải vì lý do ấy chăng mà bằng đi một thời gian dài, không thấy ông viết về một đề tài nào nói về dĩ vãng?

Có thể nói từ *Sông Đà* trở đi Nguyễn Tuân mới mạnh dạn và thoải mái viết về cái cũ. Ông vẫn giữ thói quen tìm cái đẹp xưa trong cái ngày nay. Nhưng giờ đây, ông không viết trên tinh thần đối lập với thực tại, nghĩa là phủ nhận cái hôm nay, nuối tiếc cái ngày xưa. Trong *Sông Đà*, ông nhắc lại lý lịch đầy tội ác của Vua Mèo Đèo Văn Long, ông kể chuyện "tô nghệ thuật" tủi nhục của những kiếp Cô-xòe-nô-tỳ, để làm bật sáng hơn niềm vui của Tây Bắc giải phóng; ông ôn lại những gian khổ hy sinh của những người cộng sản trong nhà tù Sơn La, thái độ ung dung tựu nghĩa của đồng chí Tô Hiệu, những ngày gối đất nằm sương, luồn rừng, lội suối của các cán bộ hoạt động bí mật hồi Tây Bắc còn bị địch chiếm v.v... để người đọc thấy

(1) *Vô đề* (Lột xác). Tài liệu đã dẫn.

hết cái giá rất cao của mỗi ngày được sống trong độc lập, tự do.

Thói quen đi tìm cái xưa trong cái nay khiến Nguyễn Tuân luôn luôn quan tâm đến chiều thời gian, chiều lịch sử của các sự kiện, các hiện tượng mà ông quan sát, mô tả... Những bài ký của ông, vì thế, có một phẩm chất riêng vượt cao hơn giá trị thông tin thời sự đơn giản - không phải chỉ là những tri thức lịch sử cụ thể sinh động, mà còn có một cái gì như là linh hồn của sông núi quê hương, của tổ tiên ông bà được gợi lên từ lịch sử các địa danh, lịch sử các địa phương mà ông thường say sưa thuật kể với nhiều chi tiết thú vị.

Về cái vốn văn liệu, thi liệu cổ điển của ông, ngày nay ông cũng sử dụng theo tinh thần mới, thường là để phát hiện và diễn tả vẻ đẹp tuyệt vời của Tổ quốc mình:

"Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi "Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu"... (*Sông Đà*).

Có những hình ảnh khó phân biệt được cổ hay kim, Đông hay Tây.

"Cho đến cái đêm bọn tôi ra ga xe lửa đi Lêningrat, vàng Nga vẫn còn như níu hoàng hôn lại giữa khu vườn Bách Thảo có một cặp voi Việt Nam đang mài ngà vào nhau mà nhớ một bụi chuối bên quê cũ" (*Lêningrat tuyết đầu mùa*).

Nhiều khi ông cố tình đặt cái hiện đại vào giữa cái cổ điển, tạo ra hiệu quả thẩm mỹ độc đáo: "Mùa ban nở tháng hai trắng có tí má hồng xếp hàng sẵn bên đường như một buổi liên hoan đón khách quý vào thăm... Không phải là cưỡi ngựa xem hoa, mà là ngồi com-măng-ca mà xem hoa; ngồi bên cái máy nổ vận tải mà xuyên qua dặm hoa ban, cái xe hiện đại đi qua cả một thiên tình sử cũ của người Thái vẫn còn lưu lại một chút hương mát mát xa xa" (*Nhật ký lên Mèo*).

Nhìn chung, đúng như Tô Hoài nhận xét: Nguyễn Tuân có một "cách nghĩ và lối văn dường như cổ kính đĩnh đạc mà lại rất mới" [1]. Đó là một trong những nét phong cách nghệ thuật đặc sắc nhất của ông, đã thấm sâu vào cảm quan về thế giới cũng như vào kỹ thuật đặt câu, dùng từ.

---

(1) Mười lăm năm văn xuôi - Tạp chí *Văn nghệ*, số 40 (1960).

Cá tính và phong cách Nguyễn Tuân tự tìm đến thể tài tùy bút như là một tất yếu. Trong văn học, có lẽ đây là thể tài chủ quan nhất và tự do nhất.

Tùy bút là gì? Định nghĩa vừa dễ lại vừa khó. Dễ vì khái niệm bản thân nó đã tự giải thích: là phóng bút, tùy bút mà viết chứ sao! Nhưng chính vì thế mà khó. Vậy thì còn có thể nói gì về quy tắc thể loại của nó nữa? Ở phương Tây hiện đại, tùy bút rất phát triển. Nhưng càng phát triển, khái niệm tùy bút càng mơ hồ hơn. Có người đã nói: "tự do là phép tắc duy nhất của tùy bút". Có thể hiểu một cách đại khái thế này: người viết tùy bút thường mượn cớ thuật lại một sự kiện, một mẩu chuyện nào đó mà mình có trải qua để nhân đấy nêu lên những vấn đề này khác mà bàn bạc, mà nghị luận, triết luận, nêm ra những suy tưởng của mình một cách thoải mái, phóng túng.

Cũng như định nghĩa tùy bút, viết tùy bút vừa dễ, vừa khó. Viết tùy bút thì cứ phóng bút mà viết, khó gì đâu! Tìm trên báo chí, những người đã viết dăm ba bài tùy bút, bút ký chắc không ít. Nhưng trở thành một nhà tùy bút, chỉ chuyên viết tùy bút, tạo ra cho mình một sự nghiệp văn chương chủ yếu bằng bút ký, tùy bút, có lẽ chỉ có Nguyễn Tuân.

Tùy bút do tính chất tự do của nó như thế nên ở mỗi một cây bút lại có những màu sắc riêng.

Tùy bút Nguyễn Tuân có nhiều yếu tố truyện. Nếu xét riêng về mặt thể loại thì quá trình sáng tác của Nguyễn Tuân là quá trình đi từ truyện đến tùy bút. Trước Cách mạng tháng Tám, ông viết cả hai loại. Sau cách mạng, ông viết truyện ít hơn. Từ khoảng 1960 lại đây, tùy bút dường như là thể tài duy nhất của ông. Nếu đọc truyện ngắn, truyện dài của ông, người ta thường thấy pha chất tùy bút, thì ngược lại, đọc tùy bút của ông người ta lại thấy có pha chất truyện. Nghĩa là có dùng nhiều đến trí tưởng tượng để dựng cảnh, dựng truyện và có mô tả tâm lý, khắc họa tính cách nhân vật đến một chừng mực nào đấy.

Tùy bút Nguyễn Tuân đồng thời lại mang đậm tính chất ký, nghĩa là ghi chép sự thật và thông tin thời sự chính xác. Một thứ tùy bút pha du ký, ký sự hay phóng sự điều tra. Cần nhớ rằng, ông vốn xuất thân là một nhà báo, một thông tín viên. Ông cũng đã viết nhiều du ký, phóng sự đặc sắc. Đặc điểm ấy, thêm tác phong khảo cứu đào sâu, đã giúp cho tùy bút Nguyễn Tuân có lượng thông tin đáng tin cậy và có nhiều giá trị tư liệu. Theo dõi quá trình sáng tác của Nguyễn Tuân, thấy chất ký trong tùy bút của ông ngày càng gia tăng, đặc biệt là sau Cách mạng tháng Tám. Nhiều bài viết của ông trong *Sông Đà* hay *Ký* có thể coi là thuộc thể tài tùy bút-ký.

Đặc điểm của tùy bút là giàu tính trữ tình. Nghĩa là tác giả được phép trực tiếp bộc lộ cảm nghĩ của mình, thông qua cái "tôi" chủ quan mà phản ánh hiện thực. Trong *Sông Đà*, có lúc ông cảm thấy tâm hồn lai láng "muốn đề thơ vào sông nước". Thực ra, *Sông Đà*, cũng như nhiều tùy bút, bút ký khác viết về thiên nhiên đất nước, chính là những áng thơ trữ tình bằng văn xuôi ngợi ca Tổ quốc ta giầu đẹp.

Tùy bút Nguyễn Tuân đúng là "tùy bút", nghĩa là hết sức tự do. Mạch văn theo dòng suy nghĩ miên man, chuyện nọ gọi chuyện kia dường như cứ theo trí nhớ "lông bông" "tài tử" mà liên tưởng tạt ngang hoặc cóc nhảy, bất chấp trình tự thông thường của thời gian, không gian. Người không ưa, gọi thế là đầu Ngô mình Sở. Người thích thì gọi là có tài đánh "vận động chiến trên trận địa bút ký" [1]. Phải nhận rằng lối hành văn, dẫn chuyện như thế có ưu điểm là biến hóa linh hoạt, không đơn điệu, tẻ nhạt, lượng thông tin phong phú, hình tượng chồng chất đa dạng. Dĩ nhiên muốn thấy được điều đó, phải đọc chậm, đọc kỹ, đặt mình vào dòng liên tưởng của tác giả mà bắt lấy mạch văn. Rồi lại phải đọc lại, và lùi xa ra mà ghi nhận lấy ấn tượng toàn cảnh khí mạo toàn bài. Người ta nói

(1) *Anh Đức* - Lá thư cuối năm từ miền Nam. *Văn nghệ* số 94 (12-2-1965).

đọc Nguyễn Tuân phải đọc lúc nhàn rỗi là vì thế. Nhưng đặc điểm này chỉ có thể "chịu" được khi nó dừng ở một mức độ nào đấy. Nguyễn Tuân quả có nhiều trường hợp, như Trương Chính nhận xét, "không biết tự hạn chế. Người đọc cứ phải theo ông mà đi như đi vào một bát trận đồ không có lối ra" [1].

Xét đến cùng, chỗ mạnh chỗ yếu, chỗ hay chỗ dở của tùy bút Nguyễn Tuân là ở cái "tôi" của ông. Ông cũng có một số nhân vật, nhưng nhiều khi đó cũng chỉ là cái cớ để ông thay đổi giọng kể chuyện mà thôi. Ngày xưa, ông gọi thế là "chơi lối độc tấu". Bây giờ ông cũng vẫn tiếp tục "chơi" một lối ấy. Đã định "chơi" lối này mà muốn giữ được cảm tình với độc giả, tất phải giữ sao cho cái "tôi" lúc nào cũng có duyên mặn mà, lúc nào cũng có những điều mới mẻ, bổ ích mà nói. Phấn đấu đạt yêu cầu đó một cách thường xuyên liên tục, thật khó vậy thay! Nguyễn Tuân đã tự dấn thân vào một con đường cheo leo, nguy hiểm, luôn luôn bị đe dọa trở thành trơ trẽn, vô duyên, tự lặp lại mình một cách nhàm chán. Những thử thách ấy, không phải bao giờ ông cũng vượt qua được - và chắc có lúc ông cũng cảm thấy mệt. Nhưng nhìn chung, ông

(1) Đọc *Sông Đà* của Nguyễn Tuân - Tạp chí *Văn nghệ*, số 10 (1960).

đã gan góc và bền bỉ phấn đấu, cố luyện cho mình một bản lĩnh để có thể dấn bước đến cùng.

Nói về cái duyên của Nguyễn Tuân, người ta nghĩ đến lối nói năng, kể chuyện rất vui, rất hóm của ông. Đúng là đọc Nguyễn Tuân nhiều khi ngồi một mình mà bật cười. Vui vì viết văn mà cứ như là trò chuyện thoải mái theo lối tán gẫu, nói trạng. Vui vì giọng văn luôn luôn chuyển đổi, linh hoạt, đang trang nghiêm cổ kính, bỗng chuyển sang bông đùa, vui nhộn, đang nói giọng Bắc, chuyển luôn sang giọng Trung giọng Nam. Vui vì những tri thức nhiều khi linh tinh, vụn vặt nhưng thú vị, mà dường như chỉ có sự thóc mách riêng của Nguyễn Tuân mới cung cấp cho ta được. Vui vì cái chất trẻ trung hồn nhiên của nhân vật "tôi": lúc nào cũng đi lại, hoạt động, háo hức với mọi cái mới lạ, hễ cứ được no tai, no mắt là thích. Nguyễn Tuân nhiều khi nhìn cuộc sống với con mắt rất nhộn, rất nghịch và tưởng tượng ra nhiều điều kỳ cục, ngộ nghĩnh. Trong *Một chuyến đi*, ông tưởng tượng ra một cách thử thách lòng trắc ẩn của một bọn nghiện bằng cách giam chúng lại một buồng kín rồi theo dõi thái độ chúng đối xử với nhau như thế nào khi cạn bao thuốc. Viết về thằng phi công Mỹ Michken bị ta bắt sống, con tên Đô đốc chỉ huy Hạm đội 6, ông tưởng tượng khi thằng Đô đốc chết, con không về đưa ma được, chiếc kỳ hạm Đô đốc đám ma "phải treo mù

rơm, gậy tre lên đầu đòn trục cẩu tàu Hoa Kỳ để thay cho thằng con bất hiếu" (*Đèn điện phố phường Hà Nội vui sáng hơn bất cứ lúc nào*) v.v... Người khó tính cho thế là nhảm, là tếu. Nhưng những chi tiết ấy cũng nói rằng tâm hồn ấy thật trẻ, thật yêu đời. Có phải vì thế mà nhà thơ Eptusenkô gọi ông là "đứa trẻ bẩy mươi tuổi" đó chăng? [1].

Nói đến tùy bút Nguyễn Tuân, phải nói đến giá trị của nó về mặt văn chương chữ nghĩa hiểu theo nghĩa hẹp, nghĩa là những tìm tòi sáng tạo trong cách diễn ý, tả cảnh, trong cách đặt câu, dùng từ [2]. Nguyễn Tuân thuộc số những nhà văn yêu tha thiết và hiểu sâu sắc tiếng mẹ đẻ. Ông sống với từng hình ảnh khắc họa, từng câu viết, từng từ đặt trên trang giấy.

Đọc Nguyễn Tuân, nhà tu từ học kiếm được nhiều bằng chứng thú vị về những phép ví von, so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, tượng trưng...

Trước Cách mạng, lối chơi ngông và chủ nghĩa độc đáo của Nguyễn Tuân thường dẫn đến những lối ví von tuy chính xác và mới lạ đấy, nhưng nhiều khi thật oái oăm:

---

(1) Nhà văn cổ điển Việt Nam. *Tuyển tập thơ Eptusenkô*, tập II, Mátxcơva, 1975.

(2) Nghiên cứu phương diện này của sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Tuân, cần có một chuyên luận riêng.

"Ông thử roi vào mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống; thân roi ưỡn ngửa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo" (*Đới - Roi*).

và khinh bạc:

"Thủy tinh bóng đèn điện không có lửa, dưới ánh nắng bóng bẩy như đồ tế nhuyễn mạ và vô liêm sỉ như những cuộc đời không có chân giá, mỗi tí hào nhoáng phủ lên trên chỉ toàn là của đi mượn" (*Chiếc lư đồng mắt cua).*

và bi quan:

"Đè lên màu tang bầu không khí thu muộn, chất bóng cốc pha lê nổi bật hẳn lên như nét cười của một người công bình lúc tắt nghỉ" (*Lại đi nữa*).

Sau Cách mạng, Nguyễn Tuân vẫn có những tìm tòi độc đáo nhưng thể hiện những cảm nghĩ trong sáng, khỏe khoắn.

Ông tả khí thế bừng bừng của Hà Nội chống Mỹ:

"Đám tù Hoa Kỳ tập trung ở chỗ gần chân đê hữu ngạn sông Hồng, đằng sau lưng chúng là nước to đang lên, đằng trước mặt chúng là cả một cái bể Thủ đô mà mỗi người Hà Nội là một con sóng dữ (...). Trên trời giật giật những cái chớp mùa hè tố giông, dưới đường rền như sấm là những tiếng đả đảo : "Đế quốc Mỹ cút đi!" Đoàn tù Mỹ liền chuyển bước đi. Hè phố từ lúc

chưa lặn mặt trời, đã được vực cao lên như hai bờ sông mới trồng lên một rừng người đổ lá. Và giữa dòng sông khô trục chính của Hà Nội, đang lừ đừ trôi đi những rơm rác Hoa Kỳ" (*Hà Nội giải từ Mỹ qua phố Hà Nội*).

Nguyễn Tuân có lối mô tả cảnh vật bằng những liên tưởng chuyển đổi cảm giác rất tinh tế. Có khi từ cảm giác chuyển sang tâm trạng: "Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử (...), hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa" (*Sông Đà*), "Mùa đông năm 1967, da trời Hà Nội thấp thỏm xanh ngắt một niềm cảnh giác" (*Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*) v.v...

Câu văn Nguyễn Tuân cũng có nhiều kiểu kiến trúc đa dạng. Ông là một nghệ sĩ ngôn từ biết chú trọng tới âm điệu, nhịp điệu của câu văn xuôi. Ông thường nói, người làm nghề viết phải biết tạo ra những câu văn có khớp xương biết co duỗi nhịp nhàng, chứ đừng bắt người ta phải đọc của mình những câu tê thấp. Câu văn Nguyễn Tuân giàu màu sắc, giàu âm thanh, nhịp điệu trầm bổng hài hòa, khi có nội dung cảm xúc tương xứng, sẽ trở thành những dòng thơ trữ tình ngân vang trong lòng người đọc.

Nguyễn Tuân có một kho từ vựng hết sức phong phú mà ông đã cần cù tích luỹ với lòng yêu say mê tiếng mẹ đẻ. Mà không phải chỉ tích luỹ những từ sẵn

có, ông luôn luôn có ý thức sáng tạo từ mới và cách dùng từ mới. Vốn từ vựng đối với người viết văn như nước đối với cá. Từ càng giàu có, người viết càng thả sức tung hoành. Đọc Nguyễn Tuân, thấy ông như con cá vùng vẫy thoải mái giữa hồ sâu nước cả là vì thế. Dĩ nhiên đối với nghề viết, có vốn từ vựng chưa đủ, còn phải biết sử dụng cho tốt nữa. Sự tung hoành thoải mái của ngòi bút Nguyễn Tuân, thực ra, còn phụ thuộc vào khả năng dùng từ thành thạo và sáng tạo của ông nữa. Nhiều từ ngữ thông thường, vào tay ông, trở nên có giá hơn, có "năng suất" hơn.

Vốn từ vựng ấy, trước Cách mạng tháng Tám, ông thường dùng để chơi ngông với đời: hoặc đưa ra những cách nói năng oái ăm kỳ cục cốt để trêu ghẹo thiên hạ, hoặc đổ tràn ra mặt giấy để phô tài, khoe chữ.

Sau Cách mạng tháng Tám, ông dùng vốn từ ngữ ấy để ngợi ca Tổ quốc, ngợi ca nhân dân và để đánh địch.

Nói chung, vốn từ ngữ của Nguyễn Tuân thường bộc lộ đầy đủ "trữ lượng" của nó trong hai trường hợp: Một là khi ông tập trung đi sâu vào một điểm mà mô tả, nhu cầu tránh trùng lặp buộc ông phải tung ra tất cả những từ đồng nghĩa có trong vốn liếng của mình (từ sẵn có nhiều khi không đủ, ông phải sáng tạo ra

những cách diễn đạt đồng nghĩa khác)[1]. Hai là khi có hiện tượng mới lạ, độc đáo và thú vị đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ của ông, cảm hứng được khơi dậy mãnh liệt - nhiều khi bốc lên say sưa, chếnh choáng - ông bèn quyết ném ra bằng hết vốn từ ngữ của mình để chạy đua với tạo vật muôn màu muôn vẻ. Những cuộc chạy đua căng thẳng mà rất hào hứng như thế thường tạo ra những trang tài hoa nhất của Nguyễn Tuân.

*

* *

Nói đến Nguyễn Tuân, một mặt, người ta nghĩ ngay đến một cây bút nổi bật của xu hướng văn học lãng mạn tư sản, tiểu tư sản Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, với đủ thứ tật bệnh "điển hình". Nhưng mặt khác, Nguyễn Tuân lại ở trong số nhà văn

(1) Chẳng hạn nói về những chiếc cà vạt bị bỏ quên trong tủ, ông dùng các cách diễn đạt : đám cà vạt tơ, những giải lụa màu, những thân tơ ông ả, những kiếp tơ tằm nhuộm thắm, loài tơ quấn cổ, những cung nhân bị bỏ rơi, những nàng phi thất sủng v. v... (*Cái cà vát đen - Nguyễn*). Nói về bọn phi công Mỹ, ông dùng những từ: phi công Mỹ, giặc lái, thằng bay, yêng hùng bay, ác điểu Mỹ, cướp trời, giặc trời, vân phi v.v... Nói về bọn tù Mỹ bị giải đi: một dây tù Mỹ, một lũ tù dây, một dây tội tù, một chuỗi quỷ sống, một xâu vô lại v.v..

thành tâm, hào hứng chào đón cách mạng và đi theo cách mạng đến cùng, ngay từ giờ phút đầu đã sáng tác ngợi ca cuộc sống mới và phục vụ kháng chiến, vừa đi vừa viết, vừa tự cải tạo, tự bồi dưỡng để vươn lên, vươn đến đâu, viết liền đến đấy, không ngừng không nghỉ, liên tục cho đến ngày nay. Nhớ lại những bạn bè "cùng một lứa bên trời lận đận" với ông thuở nào, không kể những người đã bị đời sống cách mạng đào thải, dễ mấy ai đã bền bỉ dẻo dai được như ông, hơn nữa, đã như ông, theo kịp để bắt được, hòa được vào với cái tươi mới trẻ tráng của văn học Việt Nam hiện đại?

Từ cuộc đời cầm bút của Nguyễn Tuân hơn bốn mươi năm trời, có thể rút ra nhiều bài học bổ ích cho những ai muốn bước vao nghề văn. Những bài học về tư tưởng, những bài học về nghệ thuật. Những bài học thành công và những bài học thất bại. Nhưng ở Nguyễn Tuân, có lẽ bài học lớn nhất, thấm thía nhất là bài học về tính chất "khổ hạnh"[1] của nghệ thuật theo nghĩa một thứ lao động đầy gian nan vất vả. Ở đây, không thể hy vọng đạt tới thành công thật sự nào mà không phải trả giá bằng tâm huyết, bằng lòng tự

(1) Trong *Những đứa con hoang*, Nguyễn Tuân viết: "Nghệ thuật là gì? Nghệ thuật là một sự khổ hạnh" - *Giai phẩm Đời nay*- 1943.

trọng, bằng vốn sống lăn lộn với đời, bằng tri thức Đông Tây Kim Cổ, bằng mồ hôi của trí não đổ xuống khi "thiết kế" từng hình ảnh, xếp đặt từng câu, cân đo từng chữ v.v...

Bài học "khổ hạnh ấy, ở Nguyễn Tuân, xét đến cùng là bài học về lòng yêu nước gắn liền với lòng yêu tiếng mẹ đẻ. Đó là động lực tinh thần mạnh mẽ khiến ông yêu tin cách mạng, say sưa tiến bước trên đường nghệ thuật cách mạng, sẵn sàng chịu "khổ hạnh" để góp phần vun tưới cho "cái cây tiếng nói Việt Nam" càng nhiều cành, nhiều lá, nhiều hoa trái hơn, "càng như một thứ cây nêu Tết kỳ diệu lung linh giọng gió trước sóng Thái Bình Dương" [1].

Đối với đời sống văn học trên đất nước ta mấy chục năm qua, Nguyễn Tuân đã có một ảnh hưởng lớn. Mới gần đây thôi, tờ *Văn hóa văn nghệ công an* (số 10 năm 1997) có phỏng vấn nhà thơ Tế Hanh về những tác phẩm văn học Việt Nam của thế kỷ XX mà ông sẽ chọn mang theo hành trang của mình vào thế kỷ XXI, nhà thơ đã không ngần ngại nêu lên đầu tiên cuốn *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân. Tôi tưởng như thế đã đủ để thấy giá trị thẩm mỹ bền vững và ảnh hưởng lâu dài của văn Nguyễn Tuân đối với nền văn học Việt Nam hiện đại.

---

(1) *Ký* Nxb Văn học - Hà Nội, 1976

Nhưng đề cập đến ảnh hưởng của Nguyễn Tuân trong đời sống văn học nước ta, tôi cho rằng, nhất thiết phải nói đến cái điều đặc biệt này mà không phải nhà văn nào cũng có được. Đó là hình tượng nhà văn, hình tượng con người Nguyễn Tuân hình thành một cách tự phát nhưng rất đậm nét trong tâm thức giới văn học như một sự tổng hòa cái tôi trong văn với cái tôi ngoài đời của Nguyễn Tuân. Tôi dám nghĩ rằng, không ít người đã mê hình tượng này hơn cả chính cái văn của Nguyễn Tuân nữa. Bởi vì cái lối viết rất riêng của ông chưa hẳn đã hợp với khẩu vị của mọi người. Hợp thì rất thích, rất mê, nhưng không hợp thì cũng dễ ngán lắm.

Nhưng hình tượng con người của ông - không tránh khỏi có những tưởng tượng hư cấu thêm thắt vào theo thiện ý của người đời: Tài hoa, uyên bác, đặt cái tài, cái đẹp, cái "thiên lương" lên trên hết, trung thực, thẳng thắn, ghét cay ghét đắng sự thô bỉ phàm tục... - một nhân cách như thế ai mà không kính trọng, ai mà không mến yêu!

Sinh thời nhà văn Nguyễn Minh Châu cũng thấy như thế khi khẳng định "Nguyễn Tuân là một cái định nghĩa rất chuẩn về người nghệ sĩ chân chính".

Hà Nội, đầu mùa hạ 11-4-1981
Sửa lại chút ít, ngày 12-7-1998
NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

PHẦN II

TÁC PHẨM NGUYỄN TUÂN
từ 1932-1940

SAY

Hạnh hoa thôn đã đầy rồi,
Chơi đi cho thỏa một đời thông minh,
Nợ men gấp mấy nợ tình,
Cõi trần ướm hỏi Lưu Linh mấy chàng?

Hung trung hữu Lý Bạch,
Đã say sưa mặc quách thế nhân cười.
Mượn mầu men giả dạng làng chơi,
Cơn chếnh choáng coi ra trời đất nhỏ.
Ai muốn lấp sầu thiên vạn cổ,
Cùng ta hãy cạn một hồ đầy.
Doành nước mây, một tớ lại một thầy,
Vành gió bụi, ai tỉnh? Ai say?
Ai ngất ngưởng?
Đảo phá sầu thành thi thị tướng,
Trường truy cùng tặc tửu vi binh,

Rượu ngà say quên lẫn cả mình,
Khi túy lúy thoát hình ngoài cõi tục.
Mặc ai đàm tiếu ai trong đục.
Tình mà chi cho nhọc chẳng khề khà,
Nợ nần gở mãi không ra.

KHÚC TƯƠNG TƯ

(Lời Tỳ Bà nữ)

Trăng thu trong vắt lòng sông,
Đêm thu đầy một tấm lòng nhớ thương;
Đợi ai chốn cũ hà lương,
Cắm thuyền chờ bến sông Tương những ngày
Vó câu chàng ruổi Liêu Tây,
Kể từ thu ấy, thu nầy là ba.
Thiếp nhìn ngọn ải mưa sa,
Hỏi người nương chốn hoàng hoa có buồn?
Mây thu tuôn, nước mắt tuôn,
Ai xui con thước kêu luôn ngoài rèm.
Bẽ bàng rủ bức châu liêm,
Đêm sương nghe vạc càng thêm nỗi sầu.
Chàng ơi? Đi mãi, đi đâu?
Những mưa cùng nắng, bạc đầu sớm thôi!

Mãi chi góc bể bên giời,
Hãy về vớt lấy hoa trôi giữa dòng
Nước non đã chữ tương phùng,
Trăm năm thề kết giải đồng cho cam.
Nhớ thương gượng gẩy ngón đàn,
Vấn vơ hôn bướm âm thầm tiếng tơ.
Tóc sầu một mái bơ phờ,
Phấn hương thôi cũng hững hờ hôm mai.
Nhạn thư một thả một vời,
Cậy ai mà gửi tới nơi cho chàng.
Thành sầu chàng phá cho tan,
Sông sầu thiếp lấp cho bằng mới thôi.
Song sa tựa bóng thở dài,
Bạch đầu ngâm đến lệ rơi ròng ròng.
Thấy thu như nát cõi lòng,
Phận bèo còn lỗi chữ tòng cùng ai,
Má hồng ngày một đổi phai.
Trượng phu thơ thẩn miền khơi cho đanh.
Bên sông thấy Liễu rủ mành,
Thiếp khuyên chàng bỏ công danh mà về.
Trông trăng bạc, nhớ lời thề,
Liêu Tây mấy độ đi về chiêm bao.

Tỉnh ra nào thấy ai nào.
Đìu hiu ngọn trúc ào ào ngàn thông.
Mộng hồn lẻo đẻo ba đông.
Gác đàn cây liễu bên sông đợi người.
Mây thu trôi, nước thu trôi,
Ai đi có nhớ những nhời khi đi.
Trượng phu ngoài cõi biên thuỳ,
Có hay trên gác Thúy Vi lạnh lùng
Lấy ai khuya sớm bạn cùng,
Buồn nghe tiếng trống điểm thùng
lầu canh...

Thanh Hóa
Annam Tạp chí số 5 (1-12-1932).

LỜI BÌNH CỦA TẢN ĐÀ VỀ BÀI "KHÚC TƯƠNG TƯ"

(Mr. Nguyễn Tuân, số 5)

Bài văn "Khúc tương tư" của ông Nguyễn Tuân Thanh Hóa cùng đăng ở trong mục văn đàn kỳ số 5, lời văn rất hay, mà ngẫm ra không thấy có vị. Vì đọc qua bài "*Nhớ bạn*" của cô Nam Hương, biết là do tình

thực mà viết; thời *Khúc tương tư* của ông Nguyễn Tuân đó chỉ như than văn trong tuồng. Sự làm văn, có nhiều lúc thật ra như vai tuồng; nghĩa là tự mình không có cái tình cảnh như thế, mà chang tác làm ra cái bài văn như thế.

Phàm các nhà văn sĩ, mà nhất là nhà tiểu thuyết, cái tình cảnh ấy tức đã là thói quen của nhà nghề không lấy gì làm lạ. Duy đã là đóng tuồng, thời định đóng vai tuồng nào, phải đem hết tâm thần của mình ép vào vở tuồng ấy, nếu không như thế thời không hay. *Khúc tương tư* của ông Nguyễn Tuân, hay mà không hay, tức là chưa hết cái đạo lý ra tuồng vậy. Xin giải rõ như dưới:

Cứ bài văn của ông Tuân, tách riêng từng một hai câu, ba bốn câu mà xem, thời thấy có nhiều câu thánh thót, có thể kể là văn hay, như:

"Đợi ai chôn củ hà lương
Cắm sào chờ bến sông Tương những ngày.
Vó câu chàng ruổi Liêu Tây
Kể từ thu ấy, thu nay là ba".
"Chàng ơi, đi mãi đi đâu?
Những mưa cùng nắng, bạc đầu sớm thôi!
Mãi chi góc biển bên giời,
Hãy về vớt lấy huê trôi giữa dòng"

"Lấy ai khuya sớm bạn cùng,
Buồn nghe tiếng trống điểm thùng
trống canh".

Cứ nghe những câu đó, và còn nhiều câu khác cũng có thể kể là văn hay. Duy đọc suốt toàn bài thời ý nghĩa và lời văn trùng điệp nhau, không có mạch lạc ra sao, như nghĩ được câu nào, viết câu ấy; nghĩ được đoạn nào, viết đoạn ấy; mà rồi nối tiếp cho đến dài, cho nên không thành mối tâm sự. Nay thử nhận kỹ, như câu:

Mãi chi góc bể bên giời,
Hãy về vớt lấy hoa trôi giữa dòng,

cùng câu:

Thiếp khuyên chàng bỏ công danh mà về;

như câu:

Má hồng ngày một đổi phai,
Trượng phu thơ thẩn miền khơi cho đành.

cùng câu:

Trượng phu ngoài cõi biên thuỳ,
Có hay trên gác Thúy Vi lạnh lùng.

như câu:

Mộng hồn lẽo đẽo ba đông,

cùng câu

Liêu Tây mấy độ đi về chiêm bao.

Toàn là trùng điệp nhau, mỗi câu ở mỗi nơi đoạn dưới cũng như đoạn trên; như thế, chỉ có lời mà không có ý, như người ra vai tuồng, miệng vẫn hát câu tnan văn, mà mặt không có vẻ âu sầu vậy. Các bài văn như thế thực nhiều, cho nên nhân bài của ông Nguyễn Tuân đây mà tôi giảng luận có hơi tường; hoặc có quá khắc, xin Tác giả và Độc giả lượng xét.

Nguyễn Khắc Hiếu
Annam tạp chí. Số 7 (1-1-1932)
Mục *Thời văn giảng luận*

CHƠI THÀNH CỔ LOA

(Tùy bút)

Một buổi sớm mùa thu, bên cầu sông Diệm hạt mưa rơi. Mây vận một bầu trời. Trên con đường đi Phủ Lỗ, lá vàng theo gió cuốn, bụi đỏ lại bay mù. Tới cây số 14, trước mặt thấy một vùng cây cối um tùm, mọc trên mấy đống đất chạy dài bên đường thiên lý. Đấy là địa phận làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên rồi. Hỏi thăm lối đi một trẻ chăn trâu ngoài đồng, xong sẽ về tay phải độ thôi đường nữa thì thấy đường đi sẽ ngang một đống đất cao độ hơn hai thước tây, xa trông có thể nhầm với khúc đê bị vỡ. Đấy, tường thành Cổ Loa đấy! Một nơi cổ tích, lâu hơn hai nghìn năm mà từ ngày anh học sử nước nhà, anh vẫn ước ao có ngày được để vết chân lên, trước khi dấm gót giầy lên mặt thành, ta nên giở ngược cuốn sử Việt Nam, nhớ lại một đoạn lịch sử về đời Thục:

Năm 257 trước Thiên Chúa giáng sinh, Thục Phán đánh được vua Hùng Vương thứ 18, dẹp yên mọi nơi,

cái quốc hiệu Văn Lang làm Âu Lạc, và rời đô cũ về Phong Châu, họ Hồng Bàng ra Phong Khê trại (làng Cổ Loa) và xưng là An Dương Vương.

Năm 255 trước Thiên Chúa, xây thành Cổ Loa. Người Âu Lạc vui hưởng cuộc thái bình không đầy nửa thế kỷ, thì phải trải qua một lần binh lửa rất dữ dội, kết quả cuộc chiến tranh ấy là vua Thục mất ngai vàng mà trăm họ nước Âu Lạc lại thuộc vào tay người được trận Triệu Đà, quản úy quân Nam Hải.

Đường lối đã thuộc, dấu tích đã nhớ, ta chỉ còn đem cặp mắt thu cái tàn đô của Cổ Loa, rồi đứng trước nếp thành cổ, nhớ lại người xưa, đem con tim khối óc mà cảm khái cuộc đời đổi thay!!

Thành, gọi là Loa Thành vì xây theo hình con ốc. Thành tất cả có ba vong trong ôm lấy 2 cái đền: đền thượng thờ vua Thục, đền cuối thờ công chúa My Châu. Vòng ngoài cùng chạy ra đến phủ Từ Sơn, và ăn sát đến ga Xuân Kiều. Tính diện tích ước độ 1000 mẫu, nhưng chân thành chỉ chiếm có năm mươi mẫu. Kể cũng đã là to lắm, rộng lắm.

Ngoài cửa đền thờ Thục đế có giếng Ngọc. Tục truyền giếng đó là nơi Trọng Thủy trầm mình sau khi vợ là My Châu bị cha giết chỗ chân núi Mộ Dạ Sơn (gần ga Mỹ Lý đất Nghệ An). My Châu bị ngờ oan mà bị chém dưới lưỡi gươm Thục An Dương Vương, thân hóa làm đá và ngọc trai. Các bô lão trong làng có cho hay rằng: ai có đồ châu ngọc, đem đến cái giếng Ngọc

mà rửa thì ngọc sáng lắm và ngày trước nước ta vẫn phải đem nước giếng Ngọc sang cống tiến người Tàu. Câu chuyện này không nên tin, nhưng nếu ta bỏ cái phần dị đoan, mà ngẫm lại thì cũng có chỗ lý thú mà nên thơ lắm. Thân vợ hóa làm ngọc trai, xác chồng tiêu tan thành nước giếng, đem ngọc ấy rửa nước giếng này, thì có khác gì đem một khối tình oan uổng, mà thả vào một vũng nước mắt đầy; cái khí Âm Dương đã tương cảm thì làm gì cái nỗi oan uổng, uất ức chả một ngày được đem ra nơi ánh sáng. Nay vì thế mà ngọc đã rửa vào nước giếng Ngọc lại được thêm phần sáng suốt. Trong đền Thục An Dương Vương có nhiều câu đối của các danh nhân như : Chu Mạnh Trinh, Vũ Phạm Hàm, Tôn Thất Thuyết. Bên đền Mỵ Châu có cây đa to lắm, cây mọc rễ lên một cái miếu mà rễ phủ kín cái cửa miếu, người thủ từ nói rằng: cây đa bốn nghìn năm.

Đền và cây có từ năm nào thì không được rõ cho lắm, nhưng được liệt vào ban thống kê các danh thắng cổ tích Bắc Kỳ của trường Bác Cổ Viễn Đông. Vả lại trong cái mái ngói mốc, cái tường rêu, cành lá cây Đa sum soa che rợp một khoang rời, cái đền nhuốm mùi gió bụi thời gian, thì ta cũng phải cho là có đã lâu lắm.

Từ đền đi vòng theo mấy lần thành xoay tròn ốc, thì hết vòng thứ ba, đi bộ phải gần một ngày mà xe đạp thì không theo hết được vì đấy có phải là đường

cái đâu. Ngọn thành chỗ đứt, chỗ nối, thấp rồi lại cao. Lên cao mà trông, có thể thu được toàn cảnh.

Than ôi! Cái vật vô tri kia, giờ cái mình đất đỏ chịu cái sức phá hoại của thời gian đã hai nghìn năm nay, nếu nó có cảm giác nó cũng phải quằn quại cho nứt nẻ mạch thành mà tuôn một dòng nước... Không phải rằng tôi tiếc cho cái công trình kiến trúc đó ngày nay bị đổ nát. Có cái lâu đài nào mà đứng mãi được, Vạn Lý Trường Thành của Tần Thủy Hoàng đế, mà bàn tay thời gian còn xóa nhòa đành để úp đi, làm mồi cho cây cỏ rủ rê nữa là mấy cái tường đất này. Nhưng muốn hỏi cái thành xưa đó có biết rằng nó đã thấy bao nhiêu cuộc đổi thay ở trên miếng đất này. Hưng vong trị loạn, ngàn lau rừng trúc phất phơ trên mặt Loa Thành, nếu có thấu được cảnh cũ đã nhiều phen thay chủ mới, thì cũng đến cằn cỗi ủ rũ, chứ có đâu mà rậm rịt một màu xanh.

Gió thổi lá cây bay, sóng lòng lên xuống như ngọn nước triều. Du Tử bùi ngùi biết quay về phương nao mà gọi hồn người thiên cổ? Ai có hay chăng?

Cây thu cỗi khí thu mờ, mối thu ngây ngẩn đầy vơi ra về.

An Nam tạp chí số 5 (11932

VƯỜN XUÂN LAN TẠ CHỦ

(Truyện ngắn)

50 năm về trước, du khách ở vùng Thanh Hóa thường khi đi qua chỗ bến đò Ái Sơn, về hữu ngạn con sông Mã, nhận thấy ở vệ đường tay mặt một khoảnh vườn độ 4,5 sào, xung quanh trồng toàn một thứ tre đằng ngà.

Đáng chú ý nhất là cái cổng kiến trúc theo lối cổng bên Phù Tang hải đảo. Nếu khách biết chữ Hán và đọc được chữ thảo Bát hiền đại thủ đời Thanh, thời khách nhận thấy 3 chữ tên biệt thự viết phỏng theo lối chữ Tăng Quốc Phiên. Trên cái nền bằng gỗ lim sơn màu "cấn rượu", ba chữ thếp vàng "Túy lan trang" như hoạt động trên miếng bạch thạch cẩn vào gỗ đỏ.

Chủ nhân "Túy lan trang", một vị hưu quan, từ ngày được nộp lại triều đình chiếc ấn vàng, lui về chỗ huê viên, thường để hết thời giờ vào việc vun trồng, chăm chút một thứ lan rất quý, tìm tận ở Yên Tử sơn,

hồi còn tại chức nơi tỉnh Đông ngoài Bắc. Hoa xưa kia, quen cái khí hậu nơi đỉnh núi cao; nhất đán hoa về nơi đồng bằng, hoa không khỏi một phen rầu rĩ với ngày nắng hạ, đêm sương thu chỗ xứ lạ mà lá úa giò gầy. Sớm, chiều hai buổi thăm hoa, chủ nhân lan viên chỉ lo hoa kia chẳng ở mãi với mình, mà cái công ngàn dặm chọn đất lành bọc cỏ quý quảy về quê hương sẽ lấy chi đền chuộc lại. Sau một hồi tàn tạ giữa lan viên, hoa lại bắt đầu cười với gió xuân về. Thoảng mùi lan đượm, ngắm lá lan xanh rờn trên mấy hàng chậu sứ túy lam lớp đất phủ lần vỏ sò cùng hòn cuội trắng, chủ nhân như sống một cảnh đời mới. Rồi lan kia như cảm tình người tri kỷ, ngày một thêm hoa và chả mấy chốc chủ nhân phải lùi lầu trang về một mé huê viên, nhường nơi đất tốt cho cỏ quý nẩy ngọn thêm cành.

Chủ nhân lấy luôn tên giống lan đặt làm tên biệt thự, ngụ cái ý yêu hoa và tỏ cho khách qua đường biết vườn nhà đầy cỏ lạ.

Nhớ đến lời sư Cụ chùa Quỳnh Lâm vùng tỉnh Đông dặn lại sau khi cho giống lan, mỗi bận xuân về, sớm sớm, chủ nhân lại phải cho cả vườn Túy lan say với hơi rượu thời cái vương giả hương ấy mới còn ở với người thế gian. Ngày xuân phải bón lan bằng hương rượu, chủ nhân rất lấy làm sung sướng được gần vùng cất rượu ngon có tiếng ở châu Thang là làng Vĩnh Trị. Ái Sơn đối ngạn Vĩnh Trị và đứng ở Túy lan trang trông rõ đê làng Vĩnh Trị. Những buổi sớm mùa

xuân, mặt nước con sông Mã phẳng lặng như tờ, lại lăn tăn làn sóng nhỏ do mái chèo đập làn nước của một chiếc thuyền nan bơi từ bến Ái Sơn sang bến làng Vĩnh Trị. Bọn người sinh nhai chỗ duyên giang, dậy sớm đứng trên mạn thuyền để thở cái không khí trong sạch bình minh vui cười bảo nhau:

"Lại thuyền cô chiêu Tần bên Túy lan trang qua Vĩnh Trị lấy rượu cho hoa!"

Phải, cô chiêu Tần - con gái ông chủ vườn Túy lan trang đi lấy rượu về bón huê đấy!

Quan án Trần, vì cái thích chơi hoa, phải giảm những sự chi dùng trong nhà để có đủ tiền đặt thứ "rượu khế" cho hoa lan, trị giá hai quan một vò bên làng Vĩnh. Mà mỗi sớm, chèo thuyền đi lấy rượu theo lời cha dặn, cô chiêu Tần đã diễn ra trên dòng nước con sông Mã một cái cảnh tượng giống như trong tranh Thủy mặc của người Tàu. Một người con gái mà cái dáng điệu dịu dàng đã in theo khuôn nhịp chốn đài trang, tóc búi cành phượng, áo mặc rộng tay màu thiên thanh, chân đi dép cỏ mà lại thực hành một cái ý nghĩ chan chứa màu thơ - ngày xuân cảnh sớm, bơi thuyền lấy rượu cho hoa - đủ làm cho lãng tử được thấy cái đẹp ấy phải đưa mình vào mộng.

Vươn mình trên con bạch tuấn, cậu ấm Hai nghì cương, xuống yên, buộc ngựa vào gốc thùy dương, rồi đi tản bộ đến một cái quán dựng trên đê. Ngồi trên bệ đắp bằng đất sét, cậu ấm Hai như chờ đợi một

người và muốn giết thời giờ, luôn tay phe phẩy cái roi ngựa làm bằng cành liễu khô bẻ ở cổng huyện Đông Sơn là nơi cha ngồi chức Huyện uý. Cậu ấm Hai ngồi chờ cô chiêu Tần đi lấy rượu về. Ngồi đợi người yêu lâu quá sức đợi và khi cúi mặt nhìn nền mặt đất chực chỗ quán nước, cành liễu khô đập luôn luôn vào đôi má chiếc giầy tàu bằng nhung đen đế gai xe tám sợi, không đủ cho người quên hết những ý nghĩ về thời gian một khắc một chầy, cậu ấm Hai lại cất mình lên ngựa cho khuây khỏa nỗi lòng khi vắng bạn. Con bạch tuấn được lỏng cương về, cũng uể oải lê bốn vó trên đường. Vó câu một bước lại dừng, con bạch tuấn còn mê man những đám cỏ non của ngày xuân phủ kín mặt đê dài. Rồi vắng tiếng hát nơi đầu sông đưa lại. Cậu ấm Hai nhận được thấy tiếng người quen, gò đôi cương nâng cao đầu ngựa trắng; lỏng tay buông tay khấu, lần bước dặm đê, ngựa đã từ từ đi xuống nơi dốc chỗ bến đò. Cậu ấm Hai, cô chiêu Tần cùng nhau thi lễ: người xuống ngựa, khách dừng chèo, nơi giang đầu lại có cái cảnh tượng như hệt cảnh tả trong bài thơ của Bạch Lạc Thiên.

- Xin lỗi công tử đã dầy công chờ tiện nữ. Dưới Nguyệt viên vào đám, đặt nhiều rượu ở bên Vĩnh Trị, nên hôm nay qua lấy rượu cho lan phải đợi lâu. Vậy công tử sang bản trang từ bao giờ?

- Án từ nơi huyện đã xong nên bữa nay gia nghiêm muốn qua Túy lan trang xem hoa nở. Gốc trầm Quảng

Nam buộc ở đầu ngựa này sẽ dùng để đốt lên trong khi lệnh nghiêm và gia nghiêm cho phép tiểu sinh ngồi trì hồ.

- Quan Lệnh doãn cho công tử mang trầm qua Túy lan trang như mỗi lần hội diện cùng gia nghiêm, thời bên bàn rượu, trước những giò lan nở, tiện nữ lại một phen được nghe lại tiếng đàn thập lục của công tử.

Quan Lệnh doãn huyện Đông Sơn là bạn thân và là khách quý của quan án Trần bên Túy lan trang. Ngày còn làm kẻ thư sinh, hai ông già ấy, đã cùng thi một trường, thụ giáo một thầy và xuất thân cùng một hội. Sóng nước bể hoạn, tuy không làm chìm đắm nổi khách công danh trong khoảng mấy chục năm trời, nhưng cũng đã làm cho hai người đôi phen tơ tưởng lúc xa nhau. Hoạn hải từ ngày thuyền buộc bến, quan án Trần về ở Túy lan trang, cho là một cái diễm phúc được vui tuổi già gần người cố hữu. Rồi muốn cho cái tình thân ấy được thân hơn một bực nữa, đôi bạn già ngỏ ý cho nhau rõ rằng sẽ đi lại với nhau bằng cái tình thông gia gây nên bởi cuộc phối hợp nay mai của hai trẻ. Đều là người hiểu rõ cái lẽ sự vật trên thế gian, hai ông già không chịu uốn mình theo lề thói giả dối và thực hành cái luân lý khổ khắc với đôi trẻ thơ. Cho nên còn ở cái thời kỳ vị hôn phu và vị hôn thê mà cậu ấm Hai cùng cô chiêu Tần thường được gặp nhau và trò chuyện. Nếu cuộc đời cứ theo cái nhịp êm

đêm mà đưa đôi già, đôi trẻ ấy đi với ngày lụn tháng qua, thời chân hạnh phúc của con người ta, Tạo hóa có lẽ dành riêng cho nhà họ Trần và nhà quan Lệnh doãn Đông Sơn. Lạc thú hai gia đình ấy ví có thời mé lầu Túy lan trang bày chi thiên lệ sử; khách tài tình phỏng ngàn năm không để giận thời giống lan kia, còn cợt mãi gió xuân về! Nếu hầu hết những hạnh phúc đều giống nhau ở chỗ ấm cúng, êm đềm, đầy đủ thời mỗi nghịch cảnh lại có bộ mặt riêng tùy theo cái đau đớn của người trong cuộc.

Năm Ất Dậu, đời vua Đồng Khánh, vùng Hoan Ái phải qua cơn binh lửa gây nên bởi loạn Văn thân. Cũng có người lấy danh nghĩa mà dúng ta vào công cuộc phá hoại; nhưng vứt đâu cho hết những kẻ lợi dụng thời cuộc, làm cho thỏa thích lòng dục trong lúc giao thời trắng đen không tỏ rõ. Cái thời loạn! Mà thời loạn thời trai thời loạn chứ sao? Cô chiêu Tấn sống vào buổi non sông mờ cát bụi, đã đành trông ngóng cái thời bình. Cậu ấm Hai gặp lúc loạn ly, không những không có thủ đoạn của kẻ làm trai thời loạn, mà lại còn tỏ cho người thời ấy biết rằng một kẻ thư sinh chỉ có cái tâm hồn lãng mạn là một người chọn lầm thế kỷ. Chọc trời khuấy nước, trong khi người ta ham chuộng cái sức khỏe mà chỉ biết có ngón đàn, hiểu có hồn hoa, thời ở tâm người tài tử, buồn, tủi, cực đến dường nào! Trước những cái tin máu, xương thành sông núi trăm họ bị làm có, hai trái tim

thơ ngây, của cô chiêu Tần và cậu ấm Hai, đều đập chung một điệu hãi hùng. Riêng về phần quan án Trần, thời thân già đã không lấy làm quan tâm đến vóc xương khô, còn những lo cho hoa, làm sao ngăn nổi gót chân đám người ô hợp nếu một mai chúng tràn đến.

Quan Lệnh doãn Đông Sơn lo việc tuần tiễu quân nghịch cũng thưa đi lại trên quan án Trần. Nơi Túy lan trang, hoa thường vẫn nở, người thường vẫn không chểnh mảng việc vun xới cho hoa mà chỗ lan viên lần lần như đã thấy cảnh điêu tàn. Không phải tại người, không phải tự hoa; chỉ tại cái không khí nặng nề của thời loạn phảng phất trên chỗ hoa viên.

Một đêm kia, về quãng cuối năm Bính Tuất, mưa tuôn rả rích, gió thổi vù vù, một cái đêm đông đầy những sự bí mật tối đen.

Cô chiêu Tần, kinh động mở mắt dậy. Mé lầu trang lửa đỏ ngất trời. Tiếng người đi lại nhộn nhịp. Tiếng người quát tháo dữ dội. Họ nhét giẻ vào miệng cô chiêu Tần, rồi vực đi. Chỗ bến đò Ái Sơn, bốn chiếc thuyền từ từ dời bến. Đứng trên mui thuyền có tiếng người con gái gào khóc, một người vạm vỡ mặc quần áo đen, quấn khăn đầu rìu, tay cầm một cây "hồng" đốt bằng giẻ tẩm dầu, soi sáng quắc mặt nước con sông.

Bên Túy lan trang, lửa vẫn đỏ ngòn mà tịnh không ai cứu hỏa. Tre và gỗ chỗ lầu trang thi nhau mà cháy

trước những ngọn lửa xanh lè liếm quanh loài thảo mộc. Lúc mà ngọn lửa đám cháy không soi rõ những đám lan xanh rờn trên chậu sứ, thời canh đã sang tư. Đêm tăm tối buông một bức màn bí mật, lạnh lẽo lên trên chỗ lan viên tàn tạ. Chỗ đầu sông, đàn đóm lập lòe nơi bến nước, gió đêm vi vụt bãi lau già!

Sớm hôm sau, các người ở vùng đấy, ngồi triết lý suông, giữa hai ngụm nước chè tươi nơi quán :

- Quan án Trần cũng vì bị kinh động, cảm xúc mạnh quá mà chết. Cô chiêu Tần, thuyền cướp mang đi. Cái biệt thự kia bị cháy ra tro. Cho hay sống vào thời loạn, cái phú quý và cái sắc đẹp cũng nhiều khi là cái mầm vạ lớn.

Từ khi Lan vắng chủ, từ khi hoa không người nâng giấc, giống cỏ quý kia cũng quyết tạ theo tri kỷ, thề không ở lại với thế gian. Vả chăng người giai nhân đã đi, cái hào hoa cũng tận. Cái thuật cất "rượu khê" bên làng Vĩnh Trị, cũng không ai truyền lại cho ai nữa, để lại một mối tiếc cho "làng men" mỗi khi nhắc tới cái phong vị hồi cận đại.

Sau cái đêm dữ dội ấy, cây cỏ nơi Túy lan trang đều một loạt ủ rũ như để tang cho người thiên cổ. Tơ liễu khóc mưa, tóc tùng reo gió, bóng tre lìa bụi, đều ngậm một cái tình buồn trước cái hương trời lăn lóc khoảnh vườn hoang. Lan đã biết tạ chủ, thời cỏ cây kia há kém ai!

Để lại bên sông một khoảnh đất cao hơn mặt ruộng, đứng xa trông như một cái gò phát bằng ngọn, ngày nay, Túy lan trang chỉ còn là một chỗ đi về của đám mục đồng. Tụi trẻ kia không biết kính trọng cái âm phần của giống Túy lan khi yên giấc sau lúc tạ chủ, cho trâu bò giẫm nát cả mồ hoa!

Thiên "thảm sử Túy lan trang" cũng đi theo với thời gian và bị xóa nhòa trong trí nhớ người đồng thời. Ngày nay du khách đi qua vùng Ái Sơn đất Thanh Hóa, nghe thấy những danh từ "Gò Lan tạ" và "Quán cậu Hai" phải hỏi mãi mới ra nghĩa cũ. "Gò Lan tạ" là nền tảng Túy lan trang và là cái nơi vùi hoa lan; "Quán cậu Hai" là nơi cậu ấm Hai nghỉ ngựa trước khi gặp người ngọc chỗ lầu trang, vẫn hết sức giơ cái thân tàn chịu lấy cái gió mưa nơi đầu bến. Gò, quán kia đã ghi vào trong tâm trí khách chơi hoa một cái kỷ niệm buồn rầu. Vườn xuân lan tạ chủ; đàn đóm lập lòe nơi bến nước mà gió đêm vi vụt bãi lau già...

Tiểu thuyết thứ bẩy (1935)

ĐÁNH MẤT VÍ

(Truyện ngắn)

Kéo một hơi thuốc lào tụt nõ, ông Khóa Liêm ngửa mặt lên mái nhà gianh thủng, nhìn cảnh trời đông mầu nhạt, qua những khung hổng của một mái nhà sắp đổ và đã nát. Làn khói thuốc lào xanh nhờ nhờ lần lần chui qua những lỗ gianh thủng; những ý nghĩ đen ngòm của kẻ đang bực dọc với mưu hổ khẩu hàng ngày cũng theo làn khói nhẹ đi đến chỗ mung lung.

Ông Khóa Liêm đang nghĩ đến ngày mai. Hình như cần phải hút thuốc lào cho nhiều thì mới giải quyết nổi những việc khó khăn thuộc về sinh kế, ông Khóa lại vê một điếu thuốc nữa bỏ vào nõ điếu, và dụi đi dụi lại thanh đóm, đến ba, bốn lần vào bát điếu, tầm mắt đăm đăm đặt vào cuốn lịch Pháp Hoa treo ở đầu giường. Ông thay dáng ngồi. Ông Khóa không ngồi xổm nữa. Xếp chân vòng tròn, xóc lại chiếc áo bông lụa thâm lót mầu quan lục khoác sễ trên vai,

ông mồm lẩm bẩm, mắt nhìn tay, tính bằng ngón tay. Ông xoay mình vào phía nhà bếp, gọi vợ:

- Này nhà ơi! Không phải hâm nước nữa. Cứ để đấy tôi làm cho. Ra tôi nói chuyện này!

Bà Khóa đon đả chạy ra; vừa thắt lại nút khăn vuông mỏ quạ, bà hỏi:

- Gì thế hở thầy nó? Nước gần sôi rồi.

- Này, nhà này, ngày mai là cuối tháng tây đấy. Tôi muốn ra Hà Nội, rồi sang Bắc thăm vợ chồng ông Tú, xem ông ta có giúp cho mình đồng nào không? Chứ nằm mãi ở đây mà đợi chết đói, chết rét à?

- Thầy nó lại định sang bên ông Tú à? Anh Tú tuy đối với thầy nó quá như anh em ruột, tôi vẫn biết. Nhưng, vừa mới tháng trước đã ra, bây giờ lại ra nữa, coi sao tiện! Anh Tú có phải chỉ riêng cưu mang chúng ta thôi đâu?

Cái người có bụng hào hiệp thường hay túng. Vả chăng, dậy chữ nho ở trường Pháp-Việt một tuần bảy tám giờ, lương lậu phỏng được bao nhiêu.

- Thế cứ ngồi ở nhà này, uống mãi nước bã chè tươi để xem mưa phùn rỏ giọt vào giữa cái nhà thủng mái à?

- Tôi có bảo thầy nó không phải đi đâu? Cái thế phải mất tiền ăn đường, nhưng nên tìm một người bạn thân khác.

- Ừ, thôi được rồi! Để tìm người bạn thân khác cũng ở Bắc Ninh.

- Đã bảo sao lại cứ định đi Bắc Ninh mãi? Thấy nó không nghe tôi sao?

- Biết rồi, nhưng sang Bắc Ninh mà tìm người khác giúp đỡ cho ít nhiều rồi sẽ tạt lại anh Tú gọi là đi ghé thăm qua. Thăm không thôi; Thế anh Tú mới lấy làm lạ cho mình. Bởi vì mỗi lần ra tìm anh ấy là y như có chuyện cầu cứu; bây giờ nó lạc cả cái lệ ấy đi, anh ấy phải ngạc nhiên chứ lại. Nếu anh Tú có cố gặng hỏi tôi đi ra làm gì, tôi sẽ có sẵn một câu trả lời làm cho vợ chồng anh Tú giật mình!

Bà Khóa tươi tỉnh nét mặt tò mò hỏi:

- Thế thầy nó sẽ trả lời ra làm sao?

- Trả lời rằng chuyến này có lẽ vô Kinh viết sắc, viết bằng ở bộ Lễ. Và nhân có thời giờ rảnh, ra ngắm non sông đất Bắc cho thỏa thuê, kẻo nữa biết bao giờ mới lại từ Huế ra thăm lại chỗ cố giao tâm sự như anh Tú? Bà nó nghe thế, đã sợ chưa?

Bà Khóa tủm tỉm nhìn chồng một cách kính yêu vô hạn.

Trong cái cười kín đáo của người vợ nhà nho kiết kia, người ta có thể hình dung ra cả một thế giới "mực tầu giấy bản" thủa nọ có những hiền phụ chỉ biết một việc khuất phục, tháo vát và hy sinh để cho chồng đủ

lực nằm dài trên bục điểm son trang sách mộc bản, và nghêu ngao ngâm thơ Đường Tống.

Ông Khóa Liêm được thể lại càng lên nước, rung đùi rõ nhiều. Ông lại kéo một mồi thuốc nữa! Trông cặp mắt lim dim và cái mồm tròn như chữ O đang thở ra những vòng khói đặc, trông kỹ nét mặt ông Khóa đã ruỗi hết những đường gân, bà Khóa nghĩ ngợi: "Ai dám bảo chồng mình là khổ? Tưởng chồng mình như thế mà không thành được người sung sướng trên thế gian, thì cũng nên lấy làm lạ đấy. Chỉ nghe thấy tiếng nói và giọng cười thôi, thì ai cũng tưởng là sang lắm! Thật là sang sảng như chuông!".

Bỗng ông Khóa hỏi gọn một câu:

- Bây giờ, nhà phải đi mượn đâu lấy hai đồng bạc để tôi ăn đường... Nếu không đủ thì ít ra cũng phải có một đồng rưỡi.

- Mượn ở đâu? Những chỗ quen biết đều... vướng cả rồi!

- Nào tôi có biết! Cái đó là công việc của nhà nó chứ? Thế mọi lần thì sao? Nhà nó quên rồi à?

Bà Khóa lại cười tủm tỉm. Ông Khóa lại rung đùi ngâm thơ tướng mãi lên cho đến lúc cao hứng quá, phải cho miệng nghỉ ngâm để rít một điếu thuốc lào to và chặt hơn mấy điếu thuốc trước nữa.

Buổi chiều mùa đông ấy là hôm đầu tháng và lại là hôm chủ nhật, vợ chồng ông Tú đang sắp ngồi vào mâm cơm, thì một chiếc xe tay đã đặt ở trước hiên nhà ông Tú, một ông khách đứng tuổi, ăn mặc nửa kim nửa cổ, tay ôm một bọc lớn, tay chống chiếc ô đen đã đổi ra mầu xám xanh...

Nghe tiếng cạch của càng xe bít sắt nện vào thềm gạch ở lề đường, vợ chồng ông Tú nhìn ra, rồi đều cùng thốt ra một lúc:

- Chú Khóa Liêm!

Vợ chồng ông Tú nhìn nhau tủm tỉm trước khi ra cửa đón khách.

- Ông Khóa ở Thanh ra thẳng đây đấy à?

Gói gì thế ? Bà Khóa mạnh chứ ?

- À, gói nem đem ra làm quà anh Tú uống rượu đấy. Ở trong gói có cả bản sao cuốn "Việt Điện U Linh", tôi chép cho anh theo lời anh dặn đấy.

Bà Tú vẫn mỉm cười... Ông Tú phải đưa mắt nhìn, bà mới thôi và mời ông Khoá:

- Chú đi rửa tay rồi đi xơi rượu luôn đi thôi!

Cái tình thân mật giữa vợ chồng ông Tú và ông Khóa Liêm lại càng rõ rệt thêm nữa, khi bà Tú ngồi bên mâm cơm làm bồi rượu cho chồng và cho bạn chồng. Bà vừa ăn, vừa đợi, vừa vui vẻ nói chuyện:

- Cái số chú Khóa thực là tốt lộc! Cái bát ba ba này của chú Khách Quảng Sinh Long vừa biếu đây...

Ông Tú bây giờ mới nói:

- Chữ tôi viết xấu thế mà lão Quảng Sinh Long vẫn cứ ưa! Giá hắn mà biết chú thì hắn thích lắm. Nếu có ai thấy cách xưng hô đằm thắm, trẻ trung, tự nhiên của ba người đứng tuổi này, người ta sẽ phải lấy làm chướng, nếu không có người giảng cho họ rằng ông Tú với ông Khóa là bạn học chữ nho một trường một thầy, và bà Tú là con cụ Đốc, và cụ Đốc vốn là thầy học cả ông Tú lẫn ông Khóa.

Ngày xưa, còn tập trường quan Đốc, ông Khóa Liêm được cái vinh dự châm đóm hầu thuốc lào quan Đốc, còn ông Tú thì được vinh dự hơn bạn: ông được pha nước trà tầu cho quan Đốc, mỗi sáng sớm, trước giờ giảng sách. Rồi, cũng được cái may hơn bạn nữa là khoa thi chữ nho của nhà nước Bảo hộ mở lần cuối cùng cho đám sĩ tử Bắc Hà, ông Tú đậu Tú tài mà ông Khóa chỉ là ông Khóa.

Và, từ ngày ông Tú dậy chữ Hán ở trường Nhà nước, ông Khóa vẫn thường ra đây quấy quả luôn, lấy cái cớ rằng "cái" Tú tài đi làm việc Tây hẳn phải kiếm ra nhiều hơn "cái" Khóa sinh chỉ ỷ vào hoa tay, có chữ tốt chép sách và viết bằng. Một lần, hai lần... rồi dần dần, ông Tú cho như thế là một phong tục riêng của người bạn nghèo, và ông Khóa thì lại hiểu rằng thế là một luật lệ rất thường trong tình bạn hữu.

Nhưng lần này, lại ra Bắc Ninh, lại gặp ông Tú, ông Khóa không dám có can đảm hỏi tiền nữa. Ông

tự xét mình như thế là không biết điều một tý nào cả. Vừa mới tháng trước đã lấy mười đồng rồi còn gì nữa!

Cho nên, lúc đỏ đèn, nghỉ ngơi một lát, ông Khóa vội nói với vợ chồng ông Tú:

- Anh chị cho phép tôi lại thăm một người bạn...

- Ai thế! Từ xưa tới giờ sao không thấy chú nói?

- Ông bạn tôi cũng vừa mới ra ở đây. Có lẽ khuya tôi không về đây ngủ.

Thế rồi đêm ấy ông Khóa đã tìm tới nhà bạn và, thật là không may cho ông, đêm ấy ông đã thất vọng nhiều. Khi gia nhân người bạn kia trả lời rằng chủ nhân đi vắng xa, có lẽ đến cuối tiết trọng đông mới về, ông Khóa thất thểu bước tỉnh bước say, lại đành quay về nhà ông Tú vậy! Và tự nghĩ: "người cố hữu của mình thế này thì ra còn nửa tháng nữa mới về. Thế là hỏng cái đám này. Cái số anh Tú thật hôm nay lại vào ngày "đại tiểu hao". Mình có muốn lấy của anh ấy nữa đâu? Thật là hai vai có quỷ thần chứng minh... Thế nào vợ chồng anh Tú cũng phải đưa cho mình một món cầm về cho qua những ngày thất nghiệp. Cái đó không sợ. Nhưng mình đã lấy tiền của vợ chồng anh ấy thì mình còn làm gì hưởng được cái khoái chí khi nói láo với anh chị ấy rằng mình sắp đến ngày phong lưu và có những lúc nhàn tản đi ra Kinh Bắc chỉ để ngắm non sông mà thôi!".

Ông Khóa Liêm càng nghĩ càng lấy làm buồn cười cho mình. Rồi ông ngượng nghịu, khi phải trả lời vợ chồng ông Tú:

- Ấy vì ông bạn tôi đi vắng ạ!

Vợ chồng ông Tú tủm tỉm. Ông Khóa nói tiếp:

- Tôi ở chơi đây với anh chị một đêm nay thôi, nhà bận lắm! Mai tôi xin về.

Vợ chồng ông Tú trách móc, cố giữ khách, nhưng khách van lơn nhất định xin về, kêu rằng nếu tối mai không có ở Thanh Hóa thì nhỡ hết nhiều công việc lớn!

Đêm khuya, ông Khóa vắt tay lên trán nằm nghĩ nát óc, tìm một cách gì cho đỡ ngượng để xin tiền ông Tú. Vả lại coi bộ tháng này vợ chồng ông Tú cũng túng dữ. Rét thế này mà vẫn cái áo bông đụp cũ! Nhưng nếu không mặt dạn mày dầy cố hỏi thì đừng nói gì đến mang được dăm bảy đồng về nhà nữa: hãy một số tiền ăn đường cũng đủ khó nói rồi. Thế thì, đã đến nước này, ông Khóa đành phải cứ xin tiền của ông Tú.

Ông lại hút thuốc lào! Cái thú đêm đông sương lạnh được khoác chiếc mền bông, ngồi xổm hút thuốc lào, là một cái thích dễ truyền nhiễm. Ông Tú cũng chạy lại gần giường bạn, cũng hút và hỏi:

- Chú nhất định về! Mai đi tầu nào!

- Phải đi tầu sớm, hay ô tô sớm sang Hà Nội rồi đi xe lửa trưa về Thanh. Không thể ở lại được đâu! Anh nhớ dặn người nhà đánh thức tôi nhá.

Đêm ấy, ông Khóa nằm nghĩ; - Có lẽ anh ấy sẽ bỏ sẵn vào phong bì rồi lúc mình gọi xe là anh ấy đưa cho. Anh Tú bao giờ cũng nhã nhặn lắm kia mà! Mình cũng chả cần phải bảo. Và, nói cho thật ra, mình nói cứ ngập ngừng thế nào ấy. Không có cản đảm nói. Thôi hãy ngủ đã."

Sớm mai, ông Khóa hé mắt nhìn đồng hồ thấy gần giờ tầu chạy, vội choàng dậy, đòi ra tầu ầm ĩ cả lên. Lúc bước lên xe, ông Khóa đinh ninh rằng ông Tú sẽ dúi cho một cái phong bì. Bắt tay ra xe rồi mà không thấy có gì trong lòng bàn tay, ông nóng cả mặt! Ông vội kêu:

- Anh Tú! Sao tôi đau bụng thế này? Có lẽ phải đi chuyến ô tô thôi!

Ấy thế rồi ông Khóa đành phải lỡ tầu, ở lại để nhăn nhó và đợi chuyến ô tô.

Giờ ô tô đến, ông Khóa lại vội kêu rầm lên rằng chỉ còn một chuyến ô tô này thôi, khéo không lại nhỡ nữa thì khốn cả.

Bà Tú lại gọi xe. Ông Tú lại bắt tay. Nhưng vẫn không thấy gì, ông Khóa phải sốt ruột vì những câu chuyện cầm tay người ở dặn với kẻ về:

- Chú về cho mạnh, từ giờ đến cuối năm ra chơi một chuyến tất niên nhé!

Ấy thế rồi ông Tú và bà Tú càng lấy làm cảm động khi thấy chú Khóa dùng dằng và bùi ngùi nét mặt

bước lên xe. Xe đã khuất bóng người, bà Tú ra vẻ nhớ nhung phàn nàn với chồng:

- Tội nghiệp, chú ấy độ này chả biết làm ăn ra làm sao? Trông bộ cũng vẫn thế thôi! Đi đâu mà vội thế? Giá có ở lại một đôi hôm thì tôi cũng có đủ thời giờ giặt tạm giúp chú ấy ít đồng.

Hai vợ chồng ông Tú ngồi thừ ra nhìn nhau có ý trách lẫn nhau về chỗ lãnh đạm với chú Khóa. Ngọn gió bấc thổi mạnh mưa bụi bay đã nặng hột. Vợ chồng ông Tú lại càng thêm nhớ ông Khóa Liêm. Thì quái, sao ông Khóa Liêm lại còn tiến vào kia và khua ô nói trước:

- Không thể đi được, anh chị ạ!

- Thôi chú ở đây, mai mốt hãy về. Vợ chồng tôi đang lấy làm ái ngại cho chú.

Có thế chứ!

- Thưa anh chị, kể như vừa rồi thì cũng đáng ái ngại thực.

Lúc lên xe ô tô lấy vé mới biết mất cả ví tiền! May họ còn bỏ xuống đường cho về đây trông thấy anh chị trong lúc buồn này chứ không thì đã vào cẩm rồi! Rõ đen quá và không may cho anh chị phải... đền: cấp cho tôi ít tiền lộ phí.

Đông Dương tạp chí số 23 (1937)

GỠ CÁI VẠ VỊT

(Truyện ngắn)

Từ ngày ông ấy đổi Tri huyện Thạch Thành, tính đến bây giờ chưa đầy bẩy tháng mà ông ấy đã có ý kiến xin bề trên cho đổi đi nhậm hạt khác.

Không phải vì ở đấy không có bổng lểnh, không có lễ sống và lễ chín của lũ dân Mường không phải vì ở đấy có nhiều án mạng, có nhiều vụ kiện gay go làm khó dễ cho những vị phụ mẫu không chịu phiền làm công bộc dân một cách tận tụy với thiên chức; không phải vì ở đấy, tính dân ngang ngược, cứng đầu cứng cổ, động một tí là kéo cả làng xuống tỉnh xin liên đới chịu tù, hay là chạy tuốt cả vào Kinh đánh trống đăng văn nơi tòa Tam Pháp, hay là xin võng quan trả về bộ.

Đất Thang mộc ấp vốn lành; lành còn có nghĩa nữa là nhiều địa lợi, nhiều lâm sản, nhiều hải sản, nói tóm lại là nhiều của. Người Thanh Hóa tính cũng lành như tính đất ấy. Theo lẽ phong thủy, chả biết rằng

như thế có phải là tính đất đã ảnh hưởng sâu đến tính người? Nhưng sự thực là như thế đấy. Và không những lũ dân đen Thang mộc ấp lành mà thôi đâu, lại còn đần nữa. Vì những lẽ thế mà có mấy ông Đồ Nghệ vốn kiêu căng với cái anh khí của chín mươi chín ngọn Hồng Lĩnh đã tạo ra các ông, các ông đã đem cái đức lành và cái đức đần của dân Thanh Hóa ra mà trào phúng. Cái tính chế riễu không có kiêng nể vật gì và người nào hết thẩy, dù vật là tối thiêng liêng, dù người ấy là tiêu biểu cái oai quyền lớn. Cho nên các ông ấy mới bảo rằng đất Thanh Hóa, vì lẽ là nơi phát tích của nhà Lê, của chúa Trịnh, của nhà Nguyễn bản triều, nên bao nhiêu cái tinh hoa đã bị người sang kẻ cả rút hết cả rồi, mà trăm nghìn phần cặn bã thì dồn lại cho bách tính. Như thế cho hết đến mấy thế hệ nữa, nếu may mà mạch đất có hồi lại thì dân khí mới có mong quật khởi.

Khốn nạn thay! Nói cho rõ ràng ra thì người Thang mộc ấp đâu có đến nỗi như các ông Đồ kia tưởng. Các ông há chẳng nghe cái câu ngạn ngữ "Nhất Xương, nhì Gia, thứ ba Hậu Lộc" mà các vị quan có nhậm ở Thanh Hóa đều nhớ làm lòng hay sao? Câu ấy tả toát yếu và theo thứ tự cái đức bướng của dân ba phủ huyện Tĩnh Gia, Quảng Xương và Hậu Lộc. Nhưng hãng để yên mấy ông Đồ Nghệ và câu chuyện chế nhạo của họ.

Ta trở lại với cái tâm sự quan huyện Thạch Thành.

Ngồi ở huyện Thạch Thành là một nơi mà người thì chỉ có Mường, cảnh thì chỉ có rừng, kẻ không rõ cái khổ tâm của ông huyện Thạch hẳn phải yên chí rằng giá những lúc việc quan được thanh thản, quan huyện Thạch "đánh chết" cũng phải khoan khoái hiện ra mặt, mỗi khi nhận được thư riêng ở xa gửi đến. Những lá thư ấy chắc sẽ đưa đến huyện lỵ Thạch Thành những luồng không khí mát mẻ và đủ sức mạnh thổi tan những mây sớm mãi tám chín giờ còn giăng đầy thung luỹ và sương chiều mới bốn năm giờ đã phủ đầy lối vào huyện? Trái lại, những lá thư của thân quyến của đồng liêu, của quan đỡ đầu ở xa ở gần, một tháng kể gửi đến nhiều lắm, nhưng chính chúng nó đã làm phiền lòng quan huyện Thạch không biết đến thế nào mà kể.

Những thư đó, dù là dài hay ngắn, chia buồn hay chia vui, giọng đùa hay đứng đắn, của người thân lắm hoặc vừa mới quen, ở dòng tái bút đều có những câu đại để như là:

"... Nghe nói trên hạt Thạch Thành có thứ vịt Trạc Nhật ngon có tiếng, quan lớn (hoặc quan huynh) dành cho một cặp, khi nào tiện chúng tôi xin lĩnh...".

Còn những thư của các quan thủ hiến bản tỉnh hoặc của quan thầy đỡ đầu ở nơi xa xôi gửi về thì lại có cái giọng hách dịch như thế này:

"Thạch Thành là nơi sở tại của giống vịt Trạc Nhật; nhân mùa lạnh tới, kiếm cho ta ít con đánh chén chơi...".

Quan huyện Thạch Thành là một ông quan nghèo. Cái chí của ông ta lại không định hẳn vào con đường hoạn. Vả chăng, đối với chế độ quan trường, ông ta đã sẵn có một quan niệm. Ông ta chỉ mong có một cơ hội kinh doanh nào lớn lao là vui lòng đem treo kiếm ấn lên cành dương liễu ở cổng huyện, trông về Nam lạy bốn lạy, chạy tuốt về làng để theo đuổi những nghề tự do. Nhưng đấy là một sự mong mỏi.

Còn tại chức ngày nào, còn ở huyện Thạch ngày nào, ông ta cho là còn điêu đứng đủ trăm phần với vịt Trạc Nhật. Cái hình ảnh vịt Trạc Nhật ám ảnh ông hoài. Nó theo ông sát sạt như mang theo tiếng nói, bóng theo hình người. Lắm lúc vì bận việc công đường, bận đi hành hạt, hoặc mải vui cùng mấy bạn tài tử lên họa đàn, ông quên được câu chuyện vịt Trạc Nhật. Khốn nỗi, chỉ được độ dăm ba hôm thôi. Vì thế nào, dăm ba hôm, lại cũng có một lá thư gửi đến để xin vịt, để tống vịt. Trời ơi! Giá thử đấng Thiêng liêng làm một trận dịch dữ dội cho toi hết giống vịt Trạc Nhật để tuyệt hết cái giống vịt ngon, ngon đến bực mình ấy đi, để hết những người thích ăn của lạ và lười bỏ tiền ra mua nhỉ! Cũng là một sự không mong cho quan Thạch, những người có tính hay "báo" vặt ấy lại là chỗ quen biết với ngài cả.

Lắm kỳ đi hội giảng ở tỉnh về, quan huyện Thạch hễ có mặt ở công đường là gắt gỏng. Như thế đến mấy hôm ấy, lũ nha thuộc và dân sự đều lấy làm kinh hãi và không hiểu gì cả. Ở nơi tư thất, những ngày ấy, lúc đêm vắng, bọn lính canh nơi trại thường không được nghe tiếng đàn nguyệt rất hay nữa - quan huyện vốn lấy đàn làm thú giải phiền.

Một đêm kia, quan huyện Thạch vừa ở tỉnh về, tiếng máy xe hơi ở sân huyện đường chưa tắt mà trong tư thất đã thấy quan ông gắt gỏng với quan bà. Quan bà không những không tỏ vẻ giận chồng to tiếng vô lý lại còn tủm tỉm cười một cách tinh quái, hình như muốn chòng ghẹo và thử thách kẻ hay có tính làm dữ. Quan huyện Thạch phải đấu dịu. Cặp mắt hồm hỉnh cái miệng đùa cợt của bà huyện Thạch cũng đổi lần ra vẻ hiền từ. Quan huyện Thạch làm lành.

- Sao bà lại cười? Thấy người ta đang bực rọc với những sự phiền luỵ của cuộc đời hàng ngày là một chuyện đáng cười lắm hay sao? Và thứ nhất là "người ta" đây lại là chồng mình? Bà phải biết nể cái người nào đang phiền muộn, đang đau đớn, ngang như nhau mới được chứ!

- Cái gì là phiền luỵ? (bà huyện vừa cười vừa hỏi). Có phải lại chuyện vịt Trạc Nhật phải không? Hẳn các cụ ở dưới tỉnh lại tống mua ít cặp phải không? Thôi phải rồi, thế nào, lão phủ Nông Cống chả vay khéo vài chục con để gửi về Huế? Chắc lão ta không vừa lòng,

lại nói bóng nói gió một đôi câu chứ gì? Có phải như thế không, ông?

- Quả có như thế không sai. Bà đoán giỏi đấy.

Vợ chồng ông huyện Thạch Thành chưa lấy gì làm già và lại là người của thời mới. Hai vợ chồng cộng tuổi lại chưa đầy bẩy mươi. Vì trong lúc to tiếng nên vợ chồng ông huyện Thạch Thành phải dùng hai chữ ông bà để xưng hô. Phải, trong lúc gắt gỏng, người ta phải nghiêm nghị từ cả danh từ gọi nhau. Vợ chồng ông huyện Thạch đã vui vẻ nói năng với nhau thời trong câu chuyện thuộc về gia đình ở nơi tư thất, ta lại được nghe thấy những tiếng xưng hô trẻ trung.

- Mình nghĩ đi làm quan như thế này, có thấy phiền không?

Không chiều bề trên thì họ bảo mình ngạo. Không làm vừa lòng bạn thì họ bảo ăn ở không có tình.

- Giá có biết thế những ngày thì... thì gì? Mình nhỉ! Bà huyện vẫn tủm tỉm nhìn chồng ăn cháo.

- Mình có biết một con vịt Trạc Nhật thời giá bao nhiêu không?

- Thưa mình tám giác một con, lúc cao; và một chữ bạc một cặp, lúc hạ.

- Đấy mình thử tính xem, cứ cái tháng lương tri huyện hạng ba đem ra mà mua hết vịt Trạc Nhật xem được mấy trăm, mấy chục con? Họ lấy có ít đâu, mỗi người cũng là đôi ba cặp trở lên cả. Mình thử tính nữa

xem tôi có bao nhiêu bạn, bao nhiêu quan thầy? Đừng nói là không đủ tiền mua nữa, nếu có bạc triệu đó cũng khó mua! Dân Mường Trạc Nhật mỗi nhà nó chỉ nuôi có ít con. Mà nó có cần đem ra chợ bán đâu?

Ý chừng họ tưởng chúng ta cứ bơi thuyền thúng ra giữa cánh đồng chiêm mà quơ lấy vịt. Hết thuyền này chở nặng lại đến thuyền khác đem về. Nhặt hết lứa này lại đến lứa khác...

- Có thế này thì mình mới hiểu thấu cái nghĩa đau đớn của kẻ dâng đồ tiến, cái nghĩa không biết thương người của kẻ ngồi một chỗ yên ấm để hưởng của ngon đem đến, ngụ ở trong cổ thi: "Nhất kỵ hồng trần phi tử tiếu; đa nhân trì thị lệ chi lai".

Bà huyện vốn cũng có chữ nho sở đắc được của cha anh truyền cho và chồng luyện cho, gật gù nghĩ ngợi và cố tưởng tượng ra cái thảm cảnh ngày trước người ta phải chạy ngựa từng cung, từng trạm dài để đem các thức ăn ngon tiến vô Kinh.

Nhưng bản tính hay đùa, bà lại nói tiếp:

- Và có như thế này, chúng ta mới biết ái ngại cho những kẻ mới xuất chinh đã phải đi cung chức hạt Thạch Thành.

- Cứ gì hạt Thạch Thành. Cứ gì có vịt ngon. Họ không tống được thứ này, họ sẽ tống thứ khác. Có mất gì của họ? Mình há không nghe chuyện chú huyện Can Lộc phải dâng cỏ tươi và lá tre cho ngựa quan

tuần đó à? Mình không nhớ chú huyện nhà mỗi lúc uống rượu với tôi hay nhại tiếng cụ tuần đó và nói câu: "Hạt thầy có thứ lá tre nhiều chất đạm - khí rất hợp cho bộ tiêu hóa của chuồng ngựa tui" đấy à?

Vợ chồng ông huyện Thạch nói chuyện trong đêm ấy thế mà đã gần khuya. Lúc sắp đi ngủ, bà huyện bảo chồng:

- Tôi vừa nghĩ được một cách, may ra vợ chồng chúng ta gỡ được cái nạn vịt Trạc Nhật.

- Hay đùa lắm. Thôi, đi ngủ.

- Không đùa đâu mà. Có thể làm ngay được. Mai tôi đi tỉnh. Tôi sẽ mua độ 200 vịt đàn. Chỉ một hào một con. Đem về thả ở đầm Trạc Nhật. Vịt nó béo, nó ngon là vì nó ở nước. Vịt hôi là vịt ở cạn. Nó ngon nữa là vì vịt rúc được nhiều mồi. Đem vịt ở nơi xa về Trạc Nhật, cho nó chịu thủy thổ Trạc Nhật, nó ăn ở đầm đấy, thở không khí đấy, tắm nước đấy thì nó là vịt Trạc Nhật chứ là cái vịt gì nữa? Mình sợ như thế là đánh lừa người ta hay sao? Mình không biết chứ chính tôi đã lên tận làng Trạc Nhật rồi. Tụi Mường ở đấy nó nói chuyện rằng ở gần hai trăm mẫu đầm đó, gốc rạ nào bị ngâm nước cũng đều có tép chui vào ở trong cả. Người Mường ở đấy không thả dậu thả lưới đánh tép, nên vịt được ăn cái thứ tôm con đó. Thịt vịt đặc biệt nhờ đấy chứ đâu nữa?

Mình có ỷ quyền phụ mẫu cướp nghề của ai để mưu lợi đâu mà sợ. Chẳng qua là mình cũng phải nghĩ cách mà cứu lấy mình cho nó qua cái năm nay. Sang năm xin đổi đi hạt khác. Chứ không có các ngài ấy "hặc" cho về khoản vịt thì từ giờ đến tết cũng còn là khổ. Lấy đâu ra tiền mà mua vịt? Vịt đâu có nhiều mà mua?... Ấy thế rồi từ đêm ấy trở đi, thỉnh thoảng trong những đêm thu, đông mà chồng gẩy đàn nguyệt di dưỡng tinh tình ở nơi cô tịch, bà huyện Thạch lại tinh quái nhìn chồng mà ngâm hai câu thơ Kiều đổi đi mất một chữ:

"Cầm đường ngày tháng thanh nhàn
Sớm khuya tiếng vịt tiếng đàn tiêu giao"

Đông Dương tạp chí số 25 (1937)

MỘT VỤ BẮT RƯỢU LẬU

(Truyện ngắn)

Lũ dân cày ở làng Phong Cốc, bây giờ thực không còn lấy cớ gì để phàn nàn với nhau trong luỹ tre xanh và với người ngoài, ở giữa những chợ đông, rằng quan trên không săn sóc tới.

Đấng phụ mẫu của họ là quan Phủ Thiệu Hóa - làng Phong Cốc, thuộc về Thiệu Hóa phủ, Thanh Hóa tỉnh - những khi hành hạt qua đó thường vẫn không quên bảo với thầy Đề rằng nên tạt vào đấy mươi lăm phút để xem cái dân khí vùng đó lâu nay ra sao.

Ở đình làng, trong những ngày này, hương chức kỳ cựu đều được quan phủ khuyến khích họ nên giảng giải cho lũ đàn em về cái đức làm dân đối với bề trên không được tỏ vẻ kháng cự, và cái đạo làm dân trong một nước thái bình, ở một thời yên lặng phải đóng sưu thuế, theo tạp dịch cho đều đều. Nếu sự phục thiện của dân đã kết quả được một phần thì càng nên gắng nữa lên cho được mười phần, càng nên cố sức

nữa lên mãi mãi. Rồi Nhà nước sẽ thương tới, và quan Phủ hứa thêm rằng ngài đã bẩm tỉnh cho, thì tha hồ mà được nhờ...

Nhưng lúc quan Phủ gần trầy đi sang làng khác, ngài vẫn không quên bảo thầy Lý mới, như mấy lần trước:

- Thầy nên coi chừng đến công việc của thầy và sự hành động phi pháp của dân làng. Trách nhiệm của thầy nặng lắm đó! Thầy giữ việc làng thay thầy Lý trước (bị chết một cách rất thê thảm và chẳng vinh dự gì) trong khi thừa hành công vụ, chắc thầy rõ phận sự của thầy trong lúc này, hơn ai hết thảy.

Thầy Lý run lẩy bẩy, chỉ biết mồm "dạ dạ" đưa mãi hai bàn tay chắp lên khỏi ngực. Thầy không dám nhìn thẳng vào quan và thứ nhất là nhìn vào ông Đề ngồi gần ngang hàng với quan; trong một lúc nhốn nháo ở đình lúc quan mới tới làng, thầy Lý đã dám liếc trộm ông Đề khi ngài này sai bác Cửu châm đóm để ngài hút thuốc lào vào điếu gióng của quan Phủ, có cái xe trúc uốn cầu vồng dài đến gần bốn thước ta. Ông Đề cập mắt sáng như tia lửa, những lúc nheo nheo mí mắt lại, thì không khác gì mắt con vọ lúc ở trên cành cây gạo chú mục nhìn đống thịt chết ở mặt đất. Thầy Lý tin rằng nếu ngấc mắt lên mà đụng gặp phải nhỡn tuyến của ông Đề già thì sẽ bị thôi miên mất; và thôi miên thuật kia sẽ bắt thầy phải tường tận cung khai gia sản nhà mình ra xem của chìm là

bao nhiêu và của nổi là bao nhiêu, để ông Đề vui vẻ trả lời bằng ý nghĩ rằng có một ngày rất gần đây, chúng nó sẽ phải thay đổi chủ và thầy thì cố nhiên là sẽ mất quyền sở hữu ấy.

Nghĩ đến đấy, thầy Lý càng không dám giữ đầu mình cho thẳng thắn, chỉ biết cúi mặt xuống đất hết nhìn đôi ủng da tây của quan Phủ, đôi guốc kinh của ông Đề và đôi bàn chân lấm của mình. Thầy Lý lúc này thực là một hóa thân của sự sợ hãi. Thầy chỉ biết dạ, dạ mãi, để đáp lại những lời đanh thép mà thầy chỉ hiểu một cách mang máng. Bỗng thầy giật bắn mình khi nghe thấy quan gắt:

- Cái anh Lý này "chướng" quá. Người ta hỏi thầy xem số rượu dân làng uống trung bình trong những ngày thường chênh lệch với những ngày tế lễ như xuân tế, thu tế hoặc vào đám ăn chạ là độ bao nhiêu, mà thầy cứ dạ là nghĩa lý chi? Vô lý quá!

- Dạ bẩm ông Lớn, về việc dân làng con uống rượu, con cũng không lấy gì cho tường lắm. Dạ, con mới được dân cho con ra thay anh Lý bất hạnh của con được độ mấy tháng.

Câu trả lời của thầy Lý có vẻ đần độn một cách lừng khừng gần giống như lời bướng bỉnh thốt ra ở cửa miệng những dân cứng đầu cứng cổ. Tuy rằng là thực thà, nhưng thầy Lý cũng vẫn đủ trí khôn nhận rằng có lẽ nó sẽ làm cho quan Phủ đến phải nổi trận lôi đình. Mà quả như thế thực. Thầy Lý hiền lành kia

nghĩ đúng đấy. Vì quan Phủ đã biến sắc mặt, làm om cả đình làng:

- Thầy làm việc quan như thế hỏng, hỏng to. Đừng nói chi đến chuyện nay mai thầy mong được Nhà nước cho tưởng lục hay là mong điền vào chân chánh phó cai tổng khuyết: Nếu anh không thay đổi cách làm việc thì cái triện lý trưởng của anh cũng khó lòng mà dắt cho được lâu đâu. Việc dân trong làng uống rượu mà thầy mù tịt như vậy, thì chết thật. Thầy làm việc không được mẫn tiệp rõ quá rồi. Nếu ta không thương anh, đem một việc này mà bẩm tỉnh thì liệu anh có còn giữ được đồng triện không?

Ấy thế rồi quan và ông Đề và lính tráng trẩy đi để một lũ kỳ cựu hương chức làng Phong Cốc đưa mắt nhìn nhau và nhìn ông Lý vừa bị quan quở. Thầy Lý đâm mê và toát mồ hôi. Mồ hôi thấm qua cái áo lụa nâu già và làm đẫm cả lưng chiếc áo the dài mầu nước dưa.

Thầy Lý ra khỏi đình làng. Trận gió bấc thổi rụng lá vàng, thổi bay tà áo thầy và lớp mồ hôi gặp gió lạnh càng se đến đâu càng làm cho thầy lạnh, "trông thấy" đến đấy. Với không khí lạnh lẽo ở ngoài trời, thầy thấy trong mình bớt bừng bừng và lúc về tới nhà, thì thầy đã lấy lại được sự trật tự hoàn toàn cho bộ óc vừa bị kích động mạnh.

Vào đến nhà, bỏ khăn áo, thầy nằm vắt tay nghỉ. Thầy bỏ bữa cơm ngon có rượu ngâm thuốc, có món

nhắm tết. Trông thấy rượu, thầy sực nhớ ra vì câu chuyện ban nãy mà thầy bị quở ở giữa làng. Thầy điên tiết lên muốn đem lẳng "mẹ nó", cả chai, cả nậm ra ngoài ao.

Bà vợ thấy chồng có thái độ lạ lùng, khác mọi ngày, dám chê cả món thịt dê bóp tái và bánh tráng vừng bà công phu mua tận chợ bên sông gặp ngày phiên vội đón hỏi:

- Làm sao thế? Nghe nói quan về làng ta định bắt dân mở trường và khai giếng thêm phải không? Sao lại bỏ bữa rượu? Thằng Kha nhà theo tôi sang chợ ngoan lắm.

- Mở trường, khơi giếng! Ai bảo thế? Đình với giếng gì? Việc triều đình nhà nước, u mày biết gì mà hỏi! Cất rượu đi!.

Thầy Lý bỏ mặc vợ tưng hửng đang lủi thủi lấy lồng bàn đậy mâm cơm để dành. Thầy đang lo đến cái tiền trình của tên lý trưởng vừa bị quan hạch là không đầy đủ bổn phận. Thầy càng ngẫm kỹ mấy câu quan vừa nói ban nãy thì ra cái chân lý trưởng của thầy là bấp bênh. Nó như cái thế quả trứng bị để ở đầu đẳng, sớm tối vỡ lúc nào không hay. Rồi thầy lại lẩn thẩn nghĩ đến chuyện những chức phận ti tiểu lúc quên tạ ơn những vị đỡ đầu thì bị quan thầy báo thù lại như thế nào...Nhưng không, thầy Lý nhớ rõ ràng rằng thầy đã được quan Phủ ban cho thầy cái vinh dự bắc chiếc ghế đẩu ngồi gần quan trong tư thất, sau

khi quan đã rủ lòng thương nhận cho thầy cái phong bì "lễ mọn" mà thầy khom khom mình cúi dâng lên bề trên bằng sự thành kính của kẻ biết ơn và tạ được ơn. Thầy còn nhớ như in vào ruột những câu của quan giảng dụ hôm đó vồn vã ôn tồn và những cách quan coi thầy như là đầy tớ tay chân...Thầy Lý đưa tay qua trán, nhắm mắt lại, tưởng lại những phút ấy mà thầy rạo rực cả người. Sướng quá, thầy tự hỏi mình rằng cái số phận tầm thường của một người lý trưởng được hưởng những phút như phút ấy độ mấy lần trong một đời ? Thầy so sánh quan Phủ hôm ấy và quan Phủ hôm nay sao khác hẳn đi? Không có lẽ quan nhiều việc đến nỗi quên hẳn là mình đã tạ lễ? Phải, không có thể như thế được. Thầy lại cho rằng hay tại mình tạ thiếu. Nhưng không, vì hôm đó, quan đã khen thầy một câu: "Anh Lý người linh lợi lắm. Anh đưa túc số như thế này, tôi tiêu nó thành được món". Nếu thế thì là nghĩa lý gì, và nguy hiểm quá nhỉ! Vì ai còn biết manh mối đằng nào mà tìm, mà hiểu. Trong ba, bốn ngày liền, thầy Lý cứ ăn kém đi vài bát cơm, ngủ kém đi vài canh dài, với những ý nghĩ ấy nó không tha ám ảnh thầy.

Rồi, một buổi trưa kia, thầy vừa bỏ mẩu triện đồng vào tráp đen, thì thấy lũ trẻ làng đang reo ầm lên ngoài cổng:

- A...a...a... Tây về! Có Tây về làng ta!

Thầy Lý thấy khác trong người, vì không biết tại sao thầy nghĩ ngay tới sự chẳng lành sẽ xảy ra. Thầy đang sửa lại khăn áo, sắp ra xem là chuyện gì thì con chó mực ở sân gân cổ lên trời sủa váng cả nhà lên. Một tốp người quần, áo, mũ, giầy, vàng khè một mầu *ca-ky*, đã tiến vào nhà, đứng đầy cả sân. Thầy Lý nhìn họ: người nào cũng oai phong lẫm liệt, người cầm thuốn sắt, kẻ đeo túi da đựng súng lục liên. Thầy lẩm bẩm: "Thôi bỏ mẹ, lại lính Đoan" và tiến ra sân.

Lính Đoan thấy ông Lý ra vội xúm cả lại chung quanh cứ đặc cả lại như là đàn muông săn lúc vây được con sói rừng, đều một loạt nói bô bô:

- Trong làng có rượu lậu! Ông đi ngay! Có cả quan Đoan về đấy!

Bấy giờ thầy Lý mới biết là có cả quan Tây Thương chính về nữa. Thầy vội chạy ra vái dài quan Đoan, người Tây, tay cầm ba toong song, đứng ở gần cổng; rồi cả bọn kéo đi rất nhanh theo một ông đội đoan có bộ râu "củ ấu" là ngươi dẫn đường xem có vẻ thông thạo đường lối trong làng lắm.

Đến ngõ đình, cả bọn ập vào nhà bác nhiêu Tỉn. Thầy Lý trong bụng phập phồng và từ lúc đi đến giờ, thầy chỉ biết theo nhà Đoan thôi. Lúc đến nhà nhiêu Tỉn, thầy mới hiểu rằng quan Đoan về bắt rượu lậu ở nhà tên nhiêu Tỉn, một người mà thỉnh thoảng vẫn đưa lại nhà thầy những chai rượu khê rất ngon trong những ngày nhà ông Lý có kỵ dùng thứ rượu cúng rất

tinh khiết. Thầy Lý than thầm cho nhiêu Tỉn đã gặp sự chẳng lành. Cảnh nào nhiệt bày ra trong nhà người bị Đoan vào nhà khám xét đã chiếm hết cả giác quan thầy Lý. Lính Đoan gọi rầm rĩ:

- Chủ nhà là nhiêu Tỉn đâu? Nhiêu Tỉn đâu?

Bỗng ông đội Toan vừa reo, vừa chạy:

- Nó đây rồi! Các thầy mau theo bắt lấy! Kìa kìa, nó đang mang vò cơm chạy! Nó vừa mới vọt ra cổng ngang!

Lính Đoan chạy, cả quan Đoan, cả thầy Lý cũng chạy theo một người nhà quê đang ôm một cái chĩnh chạy miết ra phía bờ ao gần đình làng, cách họ độ ba chục bước.

Trẻ con khóc. Chó sủa. Đàn bà kêu, và các ông già bà lão trố mắt, chống gậy "càng cua" đứng nhìn theo đám bụi mù bay.

Lúc thầy Lý theo kịp được nhà Đoan đến bờ ao thì thấy thằng cha nhiêu Tỉn đang lõm bõm ở giữa ao, hai tay bưng một cái chĩnh có nắp. Chung quanh bờ ao, người đứng vây đen ngòm. Quan Đoan vừa nhìn thầy Lý vừa nhìn ông đội nói một hồi tiếng Tây dài, mặt đầy vẻ tức giận, dẫm chân múa tay, trông đáng ghê sợ lắm. Ông đội Đoan chỉ thuốn xuống phía ao bèo, nói chõ xuống người bưng chĩnh:

- Mày có muốn sống không? Nhiêu Tỉn, mày có chịu lên không? Chúng ông mà xuống tóm được mày thì mày bỏ đời!

Nhiêu Tỉn ở giữa ao, mếu máo nói lên:

- Con lạy các quan, các quan tha cho con. Các quan đừng giết con.

- Ai "giết" mày? Mày cứ đưa cái vò lên đây!

- Lạy các quan, con trót dại có làm ít tương để ăn. Lạy các quan, thật con có dám đem bán đâu!

- Tương với mắm gì? Mày không lên, ông mà phải lội xuống thì...thì...

- Con khổ lắm. Các quan tha cho con! Ôi mẹ thằng Tỉn đâu, tao khổ lắm! Các quan làm tội tao, thì tao đổ tương xuống ao đây này!...

- Này thằng kia, nếu mày đổ vò cơm kia xuống ao, thì quan Đoan sẽ bắn mày! Mày định làm phi tang đi, hở?

Quan Đoan, đứng ở trên bờ vừa chửi rủa bằng tiếng Tây, vừa rút súng lục, tay trỏ bấm sẵn cò, chĩa vào nhiêu Tỉn. Ông đội Đoan đứng nói với về phía thầy Lý:

- Này ông Lý, nếu nó dìm chĩnh cơm để mất tang chứng rượu lậu, ông phải chịu một phần trách nhiệm đấy.

Thầy Lý hoảng cả người. Thầy lại càng hoảng nữa khi thấy quan Đoan chĩa súng về phía mình. Rồi liên tưởng, thầy nhớ đến vụ đổ máu vừa xảy ra trong làng cách đây mấy tháng: trong một vụ bắt bớ hàng lậu do quan Đoan *Bét-nắc-đê* chỉ huy, ông Lý trước mà mình

thế chân bây giờ đã bị đạn Nhà nước nổ chết trong giây lát, giữa một lúc mà người ta bảo rằng nhà Đoan cần phải chân chính tự vệ. Thấy quan Đoan mắt đỏ ngầu, mồm sùi bọt, quát tháo rầm cả góc ao, thầy càng cuống cả lên. Mà dưới ao thằng cha nhiêu Tỉn vẫn cứ mếu máo và van lơn các quan đừng xuống ao, và nếu xuống hắn dọa sẽ đánh chìm cái chĩnh tương đi mất!

- Thế thì muốn sống mày phải lên ngay!

Tiếp lời ông đội, thầy Lý cũng bảo nhiêu Tỉn:

- Thì mày lên đi! Tao xin mày đấy! Mày làm chuyện phi pháp để lụy cả đến lý trưởng làng mày! Mày định cho tao theo ông lý trước hay sao? Mày không nhớ đấy à?

- Con lạy ông, ông xin cho con, không có các quan giết con mất.

- Thì mày cứ lên đi, tao sẽ xin cho. Mày cầm cho khéo cái vò kia, rồi lên ngay đi! Ừ, lên đằng phía quan Đội ấy.

Bao nhiêu cặp mắt đều nhìn vào nhiêu Tỉn đang lõm bõm bưng cái vò bước lên bờ ao.

Hắn run lập cập, vì ngâm nước lạnh thì ít mà vì sợ nhà Đoan thì nhiều. Ông Đội giằng lấy tay hắn lôi lại phía mặt quan Tây Đoan, và truyền cho hắn mở ngay nắp chĩnh ra. Hắn sợ hãi nhìn quan Tây Đoan, nhìn ông Đội, nhìn ông Lý và lập cập mở nắp chĩnh.

Thấy quan Tây Đoan đã bớt giận, ông Đội cũng tươi tỉnh được nét mặt, bảo nhiêu Tỉn:

- Ông tưởng mày ở cả ngày ở dưới ấy!

- Ông lấy làm khoái trá khi nhìn vào trong lòng chiếc chĩnh. Nhưng sao ông lại cau mặt lại và mũi hít mạnh, đánh hơi. Ông sấn sổ hỏi nhiêu Tỉn:

- Cái gì ở trong chĩnh?

- Dạ bẩm tương. Con có dám nói bậy đâu, con làm có một ít để kho cá ăn ở nhà chứ thực không dám đem ra chợ bán; ông Đội tỏ vẻ khó chịu trình với quan Tây Đoan rằng đấy là một thứ nước chấm của nhà chùa thường ăn chay và người An Nam dùng với cơm. Quan Tây Đoan bắt ông Đội nếm và hỏi ông có dám quả quyết như thế không. Ông Đội trả lời nhất định rằng trong chĩnh đó không có chất gì để làm rượu. Thầy Lý thấy câu chuyện khám xét kết cấu một cách ngộ nghĩnh không ngờ như vậy, phải hỏi nhiêu Tỉn:

- Thế sao lại bưng vò tương mà chạy ? Các quan khám rượu lậu kia mà! Ai bắt tương ? Cái lý của anh gian lắm! Anh phải khai cho rõ ràng ra kẻo phiền cho đến tôi lắm đấy!

Nhiêu Tỉn hoàn hồn, khai với thầy Lý:

- Con thấy người làng đi chợ về, dạo này ồn rằng nhà nước đánh thuế cả tương và nước mắm, con thấy tương của con làm không có giấy phép nên con sợ, con phải chạy đem vứt đi...

Lúc sự yên lặng đã trở lại trong làng và mọi người đã ngặt nghẽo cười khi giải tán - trừ nhà Đoan rời làng Phong Cốc với nỗi tức bực thì trời đã xế bóng. Bác nhiêu Tìn cũng mỉm cười bưng chĩnh tương về nhà, trong bụng nghĩ thương vợ phải một phen chạy rượu lậu vất vả, và không biết vợ đã đem giấu kín vò cơm ở nơi đâu đây. Bác tự nghĩ nếu không có chĩnh tương này thì chỉ có Trời mới gỡ nổi cho bác khỏi ở tù.

Đông Dương tạp chí số 29 (27-11-1937)

CHIẾC DĨA SỨ GIANG TÂY

(Truyện ngắn)

Cái hồi tôi còn là một gã thư sinh mài đũng quần trên ghế trường Thành chung Nam Định, không biết ai đã tập cho tôi cái tính đi uống nước trà và ăn bánh ngọt ở tiệm cao lâu của các chú người Quảng Đông.

Tôi còn nhớ mãi rằng hồi đó, tôi đã biết thích cái không khí náo nhiệt của trà đình, của tửu điếm. Nhưng thích lui tới tiệm ăn là một chuyện và sành sỏi khi ăn uống và hô hầu sáng lại là một chuyện khác. Muốn cho quen được phong tục ở nơi này, hẳn không phải chỉ một đôi lần lui tới mà khách còn bỡ ngỡ đã mong có những cử chỉ và ngôn ngữ thông thạo. Tôi cố làm ra bộ sành sỏi mà thực ra, nhiều khi tôi chỉ thấy tôi do dự ngượng nghịu trước những thực đơn đầy những món ăn mà tên gọi có vẻ "kiếm hiệp" hết chỗ nói. Tôi muốn lấy giọng dõng dạc, mỗi khi gọi hầu sáng chế thêm nước sôi. Tôi càng thấy tôi lúng túng và không "oai" một tí nào cả. Tiếng nói của tôi chưa

tới thời kỳ "vỡ" của tuổi dậy thì! Vả chăng, ăn uống thì dè dặt, mỗi lần không quá ba hào. Mà nào có phải một mình tôi: hôm nào cũng có hai hoặc ba "bạn trẻ" muốn tập sớm những phong tục của người lớn. Mà hôm nào cũng chỉ có một ấm nước trà và ít cái bánh trứng gà hay bánh cắt. Hôm nào hú họa mà đủ tư cách làm sang được, muốn ngả bữa trà ra mặn, thì giỏi lắm lại thêm bát mằn thắn sẻ ra bát con cùng mấy người "bạn trẻ" nếm chung. Như thế đã thành một cái lệ. Hình như người ta leo mấy chục bực thang ám đầy khói và nhờn nhờn như có bôi mỡ lên gác hiệu Viễn Lai Lâu (một hiệu lớn và có tiếng) chỉ ăn và uống có thế thôi.

Thậm chí, có tên hầu sáng vô lễ mỗi lần thấy chúng tôi vào bàn, đã dám hỏi một cách ngạo nghễ:

- "Hôm nay các cậu có lấy thêm mằn thắn không?"

Lúc ấy, chúng tôi muốn thu hết thẩy những cái gì gọi là tự ái ở trong mình và muốn cho nó phát tiết ra ngoài bằng một sự giận dữ to lớn. Cái tên hầu sáng kia thiếu lễ phép đối với khách hàng, dù khách hàng ấy là ít tuổi và ít tiền nữa, thật đáng nhận một bài học lắm chớ! Hắn cần phải trông thấy sự thịnh nộ của chúng tôi ít ra là một lần. Ấ mà hắn lại còn dám gọi các bạn tôi và tôi là "các cậu". Chữ *cậu* có một nghĩa rất sang để chỉ những công tử, những con quan chẳng hạn. Nó còn một nghĩa chế nhạo nữa để chỉ những người "trẻ con". Tôi tự nghĩ :

"Hay là tên hầu sáng muốn nịnh chúng mình! Ý chừng nó muốn xin tiền diêm thuốc"

Nhưng trong bọn này có đứa nào là con quan đâu, dù rằng nghĩa chữ *quan* bây giờ có cái phạm vi rộng lắm? Như thế thì mình không vin được vào cớ gì để tự an ủi mình với chữ cậu dùng theo nghĩa thứ nhất. Còn cái nghĩa thứ hai. Mình thừa biết mình chưa có thể nào "người nhớn" được. Cứ liếc mắt soi mình vào tấm gương có chạm tích "Anh hùng tương ngộ" của hiệu nó treo ở tường kia thì biết. Và ngồi ở trên chiếc ghế đẩu bằng trúc tàu, bỏ thõng chân xuống sàn gạch hoa, có thấy chân dẫm sát được tới nền gạch hay không thì biết. Mình vẫn biết mình "trẻ con" đứt đi rồi.

Nhưng ở những nơi "ăn chơi" như thế này mà bị khinh là "cu ngấu" thì không có gì phiền bằng? Ăn sẽ mất ngon, chơi sẽ mất tự nhiên. Ta phải nghĩ cách thay đổi cái tình thế này! Không thể như thế được! Nếu không thì chỉ còn có một cách là đừng có lai vãng đến những nơi hội họp của các bậc cha anh hoặc là tìm đến những xứ nào có những tiệm ăn lập riêng để nhận những bạn hàng "mỏ trắng". Cái bề ngoài của niên kỷ nhiều khi lợi hại là thế.

Hồi ấy, đã có dạo đến hai ba tháng chúng tôi không để chân lên gác Viễn Lai Lâu. Mỗi khi trong túi sủng sẻng ít hào, chợt có nhớ tới cái phong vị cao lâu, tôi cũng chỉ đành nhớ vậy thôi. Cứ nghĩ đến

những lúc bẻ miếng bánh ngọt, nhấp chén trà hay xúc bát mằn thắn mà lại có cái cảm giác rằng đằng sau lưng mình có tên hầu sáng kia đang khoanh tay ngắm nghía mình để làm một trò đùa rẻ tiền với những hầu sáng khác, thì mất hết cả "nhuệ khí" đi rồi, còn định đi ăn uống cho ngon lành thế nào được nữa! Trừ phi khi nào người ta không còn biết làm gì với xu hào sẵn có thì mới đi chơi như vậy. Tên hầu sáng kia thực đã giết mất cái thú đi ăn cao lâu ít tiền của bộ dạ dày non, của anh thư sinh thích chơi lối người lớn tuổi.

Rồi tôi thấy tôi nhớ, nhớ những cái gì mà tôi thấy thiếu. Vì nhiều lần, cũng mua trà về pha, cũng mua bánh ở hiệu ấy về ăn, tôi thấy nó lạt lẽo, lạc mất cả chân vị. Phải, ai mua được và mang được về nhà riêng mình cái không khí đặc biệt của hiệu cao lâu? Trước tôi thường hay hỏi tôi rằng sao lại có những người cất công đi hàng mấy phố, đến đấy ăn một bát mì nước rô thật chậm chạp. Ngày nào cũng thế, họ không biết chán hay sao? Liệt cái việc ăn một bát mì vào thời biểu nhất định của một ngày, há chẳng là một thứ hành dịch? À đến bây giờ tôi mới hiểu. Đến bây giờ tôi mới hiểu rằng đi ăn uống ở tiệm, ngoài cái việc cho tì vị đỡ đói khát, nó lại còn có những cái thú khác nữa. Ở đấy, trước khi mình ăn cái phần của mình gọi, mình đã được hưởng bao nhiêu hương vị của các phần ăn khác từ ở lò bếp đỏ rực bốc hơi ra thơm phức, từ các bàn ăn chung quanh vui vẻ, đáng thèm thuồng nó

tỏa ra đầy phòng. Còn gì thích mắt bằng được trông thấy nhân loại lúc ăn uống. Trong khi người ta phải làm những việc rất cần, rất thiêng liêng này của động vật chung quanh những bàn la liệt đĩa đồ ăn đầy ụ bốc khói, thực khó mà tìm được những bộ mặt khắc khổ. Đứng trước món ăn, vào giờ ăn, người ta không vui vẻ thì còn đợi đến lúc nào? Và sau một bữa chén đầy đủ, ngon lành, những tư tưởng của con người ta phần nhiều là lạc quan cả. Ngồi gần nhau trong một buổng ăn uống, người ta nhiều khi tha thứ cả đến ông hàng xóm khác bàn ăn uống ồn ào mà trong những trường hợp khác không bao giờ mình dung. Rồi người ta dễ dãi quá đến quên cả thói quen riêng của mình và thành ra có độ lượng đối với mọi người, trong cái bầu không khí rượu ngon, dê béo. Ngồi lẵng lặng dùng xong cái phần mình với sự chậm rãi của kẻ nghèo biết quý và rõ cái giá trị của bát cơm, miếng thịt, người ta đã hiểu một cách thấm thía những bài học to tát về sự sống khi trông thấy các ông bụng phệ, cái cổ liền với cái đầu thưa tóc có những hai ba chiếc cằm, ăn bằng hai người, uống bằng bốn người, xưng hô với người đồng tịch rất thân mật, và bàn đến việc đời, thì cho cái gì cũng là dễ cả và có việc gì khó khăn mấy cũng đều trao lời hứa hẹn một cách quả quyết. Ôi! Tôi muốn trọn đời chỉ trông thấy nhân loại trong lúc ăn uống no say.

Hóa cho nên đối với quán rượu, tôi đã vướng phải bệnh tư quy từ cái tuổi ấy. Tôi không thể ly dị với hiệu cao lâu được, dù rằng vào hồi ấy, tôi không có đủ uy danh về tiền tài và niên kỷ.

Đối với tiệm cao lâu, tôi đã vướng phải bệnh tư quy mất đi rồi còn gì nữa!

Sau một hồi bẵng đi hai ba tháng, tôi đã quả quyết trở lại hiệu Viễn Lai Lâu, trở lại với những phong tục cũ dùng nước, bánh ngọt và mắn thắn. Nhưng tôi đã phải tìm một người bạn đỡ đầu đứng tuổi, thông thạo, đi với tôi đến đấy cho có vây cánh. Thì tôi đã tìm được một người xứng đáng : anh Phúc Cáo. Anh là cựu sinh viên trường tôi, đã thi ra những mấy năm nay rồi nhưng không lần nào đỗ được bằng Cao đẳng tiểu học cả. Hiện bây giờ anh nằm nhà, với ngày tháng nhàn rỗi, làm con ký sinh trùng của đại gia đình để vắt tay lên trán tự hỏi nên đem cái tuổi trẻ kia phụng sự những cái gì. Tôi đã chân thành tìm tới anh Phúc Cáo, vỗ mạnh túi cho xu hào kêu lẻng kẻng và bảo anh:

- Anh đừng nên phàn nàn là bất đắc chí mãi. Trời sinh ra người có tài lớn là để dành đến những việc lớn. Có cái là chóng hay chầy đo mà thôi. Trong khi chờ đợi lúc đại dụng, anh nên vui lòng đi chơi với tôi và chỉ bảo cho tôi những cái vặt vặt ở đời và nên tiến như thế nào và nên lùi như thế nào. Đó cũng là một cớ chính đáng để anh dùng tạm những cái tài nhỏ vậy.

Tôi ngỏ ý với anh Phúc Cáo muốn mời anh đi hiệu uống nước. Anh đã làm cho tôi vừa lòng vì sự trả lời thành thực và sốt sắng.

Tôi không cần phải giới thiệu anh Phúc Cáo. Còn ai lạ gì anh ở phố Hàng Song tỉnh Nam nữa. Cái tên của anh đến bây giờ vẫn còn có quyền thế ở những chỗ ăn chơi. Cái tên đó có kèm chữ "Cáo" cũng đủ nói nhiều lắm rồi.

Lần ấy tôi đường hoàng dẫm mạnh cầu thang, khoác tay anh Phúc Cáo trở lại tiệm Viễn Lai. Tôi để cho anh toàn quyền ra thực đơn. Tôi chỉ ngồi để rình xem cái tên hầu sáng kia có còn dám vô lễ nữa không. Anh Phúc Cáo hôm ấy đã chẳng phụ lòng tin cậy của tôi một chút nào. Người ta có thể bảo rằng Phúc Cáo đang làm như ở nhà anh vậy. Tiếng nói ồ ồ "cẩm" như tiếng người thượng quốc, anh gọi hầu sáng nhiều nhất trong mấy chục khách ăn có mặt tại hiệu. Hầu sáng thay nhau hai ba đứa chạy cứ tíu cả lên, hễ chậm một tí là anh chửi ngay bằng tiếng Quảng Đông. Cả cái tên hầu sáng ngày nọ dám lếu với tôi, hôm đó cũng bị mắng như tát nước vào mặt. Mà hắn tịnh không dám cãi lại. Tôi sướng thầm trong bụng. Ồ, có thế chứ! Sơn ăn tùy từng mặt chứ lại! "Hỡi tên hầu sáng kia ơi! Ta chỉ ngồi nhìn suông mi bị bạn ta hành hạ là cũng đủ no lòng mát ruột rồi, có lẽ không cần phải ăn uống gì nữa!". Nhưng không, đâu mà lại dễ dàng như thế; người ta phải phí đi một số tiền khi đã rửa xong một cái nhục (nếu tôi có thể gọi cái việc bị hầu sáng dè

bỉu mình là một cái nhục). Hôm ấy tôi đã giục khẽ anh Phúc Cáo gọi thêm thức ăn.

Ăn uống rất hùng dũng, anh Phúc Cáo phồng má trợn mép, vừa nhai ngồm ngoàm, vừa bảo tôi:

- Đối với chúng nó phải to mồm mới được. Cái quân bất đẳng ấy chỉ có tiếng sét lớn và mũi giầy là bảo được thôi.

Tôi nhìn anh Phúc Cáo một cách khâm phục, và tôi cho những lời anh xét đoán bọn hầu sáng như thế cũng còn là khoan hồng. Hôm ấy tôi ăn thấy ngon hơn mọi ngày. Cùng đi ăn mà được ngồi gần người ăn uống mạnh bạo, mình được cái lợi là ăn nhiều hơn mọi ngày. Và tôi đã mạnh bạo đến cả cái dáng điệu ngồi ở buồng ăn. Tôi đã dám nhìn ngang nhìn ngửa, nhìn chòng chọc vào hết mặt người này đến mặt người khác như người của sở Mật thám đang cố tìm một hình ảnh của phạm nhân nào đó. Tôi vừa xỉa răng, vừa chân đá ống chân anh Phúc Cáo, mắt liếc sang bọn ngồi gần đấy, vừa bảo anh Phúc:

- Anh thử đoán già xem trong bọn kia, tí nữa đứa nào sẽ làm khổ chủ trả chỗ tiền ăn?

Anh Phúc Cáo không để ý đến câu hỏi mà tôi tự cho là lý thú lắm. Anh vừa lẩm bẩm tính miệng vừa nhìn các đĩa không ở bàn ăn. Anh bảo tôi:

- Hết bẩy hào sáu. Phải rồi, bẩy hào sáu. Mình phải tính lấy. Không có chúng nó hay xướng bậy lắm. Phải láu; tụi hầu sáng nó hay bắt quỵch thiên hạ lắm đấy.

- Ê, hầu sáng, *cai sin* à!

Anh Phúc Cáo lấy ít tăm Nhật Bản bỏ túi đứng dậy. Tôi cũng bắt chước, dốc nốt đĩa tăm vào túi, theo anh xuống thang.

Lúc xuống tới quầy hàng trả tiền, chúng tôi quay lại thấy tên hầu sáng cũng xuống theo, mồm vừa hô thật to:

- *Cẩu hầu lục* !

Anh Phúc Cáo sừng sộ:

- Cái gì mà chín hào sáu?

Chính tên hầu sáng ngày nọ gọi tôi là cậu, tủm tỉm trả lời anh Phúc Cáo:

- Thưa cậu, đấy là cả tiền cái dĩa con cậu lấy. Nó là đồ sứ Giang Tây, mua ngoài cũng phải hào rưỡi một.

Tôi nhìn anh Phúc Cáo rồi lặng thinh đặt lên mặt quầy hàng đồng bạc giấy. Chú Khách bụng lồi rốn, trả lại bốn đồng xu và một nụ cười khó chịu cho chúng tôi.

Đông Dương tạp chí số 26 (6-11-1937)

MƯỜI NĂM TRỜI MỚI LẠI GẶP CỐ NHÂN

(Truyện ngắn)

Trong một hàng cà phê nhỏ, dọn lộ thiên trên một miếng đất bỏ không ở đầu cầu Đất, có hai ông khách quấy cà phê rất thong thả, chốc chốc lại đặt cùi dìa xuống để nhìn trộm nhau. Họ ngồi trong hàng, cách nhau đến ba chiếc bàn con. Họ nhìn trộm nhau mãi, và mỗi một lần người nọ nhìn trộm người kia xong thì lại mơ màng nhìn vào quãng không. Cứ trông những vệt răn trên trán họ và cập mắt nheo nheo sau làn khói của điếu thuốc lá đã dài tàn, thì người ta phải hiểu rằng họ đang có những điều nghĩ ngợi lớn. Đã đến mấy lần, hai người bắt gặp nhau cùng làm cái việc liếc trộm có lúc rất kín đáo, có lúc rất sỗ sàng. Họ đều nhận thấy như thế là thiếu lễ phép ở chỗ công chúng, như thế là ngụ một ý gian. Nhưng họ biết làm thế nào?... Những cái liếc mắt trộm cứ trao đi, đổi lại từ bàn trong ra bàn ngoài, từ ông khách mặc tây sạch sẽ ở ngoài vào ông khách mặc tây cũ kỹ ngồi trong.

Bỗng ông khách ngồi trong đứng dậy, sóc lại bộ quần áo dạ cũ đã bóng nhoáng cùi tay và đít quần, tiến ra phía ngoài hàng, đến trước mặt người nhìn trộm mình ban nãy. Với một giọng nói khẽ khàng và một nụ cười rụt rè của con người giao thiệp, ông ta khom mình bắt đầu nói với người ngồi đấy cũng đang trân trân nhìn lại.

- Thưa ông, tôi hỏi thế này khí không phải, tôi trông ông quen lắm. Nếu tôi không lầm, thì ông là ông Cầu.

Ông khách ngồi ngoài bây giờ mới đứng lên, vẻ mặt sáng sủa và tươi tỉnh thêm ra vì ông đã nhận thấy cái tiếng nói này nghe cũng quen lắm. Và chỉ trong giây lát đủ thời giờ để cái nắm tay lên trán và bỏ tay xuống, ông vồn vã trả lời:

- Ông Đạm? Anh Đạm?

Một tiếng cười ròn làm cho một ít thực khách ngồi trong hàng cà phê phải nhìn ra. Đều nhanh như người có quyền thuật, hai người nắm lẫn lấy bàn tay nhau một cách mạnh bạo. Cái bắt tay sốt dẻo, kéo lâu trong mấy phút của hai người chỉ mới nói chuyện được với nhau bằng mắt, đủ tỏ cho người chung quanh đó biết rằng đấy là cái dấu hiệu của một tình bè bạn thân mật bị gián đoạn đã lâu ngày. Đạm không đợi Cầu mời, vội kéo ghế ngồi dạng chân.

- Trông anh độ này đẫy hơn ngày nọ và nét mặt trông "phong trần" lắm. Cho nên lúc mới thoạt thấy, tôi chỉ ngờ ngợ. Tôi ngồi để ý nhìn mãi, lúc nhận ra được cái bộ điệu của anh như lúc ngâm thơ gõ dịp giầy và thứ nhất là dụi lia lịa tàn thuốc lá, tôi mới dám đánh bạo ra hỏi...

- Thì tôi cũng thế. Tôi cứ định lắng tai nghe xem anh có nói với nhà hàng câu gì không, để nhận tiếng. Giá anh không lại hỏi tôi, tôi không nghe lại tiếng nói của anh thì hôm nay đố làm sao cho gần lại được bạn cũ. Cái cường ký của tôi thuộc về thính giác.

- Thế ra chúng ta đều thay đổi nhiều đến thế kia à! Một nghìn chín trăm hai mươi tám. Mười năm!

- Bây giờ anh làm gì ở Hải Phòng? Anh ở ngoài này?

- Phải, đã mấy năm nay. Làm cho Tây buôn. Thế còn anh? Anh ở ngoài này đã lâu chưa? Tôi ít đi đâu, nên không được gặp.

- Tôi đi qua Phòng thôi. Tôi bây giờ làm nghề "chạy hàng sách". Bất cứ cái gì cũng làm. Lần này rủi quá, người có hàng ở ngoài này lại vừa lên Hà Nội tìm tôi. Tôi phải ngược ngay để đuổi theo họ. May gặp anh, không có từ giờ đến 9 giờ rưỡi ô tô ray mới có, thì bực mình và sốt ruột đến chết.

- Anh lại ngược Hà Nội trong đêm nay? Dù có gặp tôi? Tôi muốn giữ anh lại ít ra là một đêm. Nếu việc

có cần lắm, thì mai anh đi sớm cũng kịp chán. Chúng ta phải cần một đêm trọn mới đủ để nói chuyện và ôn chuyện.

Cầu viện một vài cớ để đòi đi cho được chuyến ô tô ray. Đạm, lừ lừ cặp mắt, đầy vẻ trách móc, nói rất cảm động:

- Có thể như thế được chăng? Anh nhất định đi ngay? Làm lỡ công việc của anh, tôi không dám, vì nhiều khi tôi cũng đã hiểu rằng trong đời khó khăn phải đặt công việc làm ăn lên trên mọi tình cảm. Nhưng như thế này, thì cũng có đều tủi cho chút tình cố giao.

Ở hàng cà phê ra, Cầu và Đạm đi sát nhau và không nói một câu gì. Đến gần trại lính khố xanh, Đạm mới bắt đầu nói:

- Giá anh lùi lại đến sớm mai hãy đi thì thích quá. Anh về ăn cơm với tôi. Lâu lắm tôi không được uống rượu cùng anh.

Cầu không trả lời. Cầu còn bận nghĩ có nên ở lại với bạn một đêm hay là cứ đi cho được việc mình. Đi thì phải hối hận nhiều, vì đã coi rẻ cái tình cũ của bạn gặp mình rất niềm nở, mà ở thì không đành lòng với công việc làm ăn chưa ngã ngũ ra sao. Cầu cho cũng hơi khó nghĩ; nhưng việc khó đến đâu mà chẳng có một giải quyết. Cầu tự nhủ rằng: "Đêm nay nên ở lại với Đạm. Công việc kia nó sẽ kết quả như thế nào không cần biết vội. Mà dù có hỏng việc đó chăng nữa,

thì cũng là một sự "hy sinh" về thương mại trước cái tình bằng hữu thiêng liêng. Ở đời, mấy khi người ta có dịp làm được những việc hy sinh như thế". Cầu thấy vui vẻ trong bụng khi nghĩ đến chuyện thiệt thòi ấy và tươi tỉnh bảo Đạm:

- Ừ, tôi ở lại. Anh đã bằng lòng chưa?

Đạm lấy làm vui sướng, khi nghe bạn thay đổi ý nghĩ mà chàng không ngờ. Chàng sướng quá, quên hẳn đi rằng đấy là giữa phố.

- Có thế chứ. Thôi chúng ta gọi xe thôi. Nhà ở hơi xa. Ở gần quán Bà Mau kia đấy. Nhà chật, bừn và tôi lại ở chung với hai chủ nữa. Tôi không có khiêm tốn chút nào khi tôi nói: "mời anh về chơi và nghỉ ở tệ xá". Tôi cần phải nói trước cho anh biết rằng nhà tôi ở thực là một cái "tệ xá", để lúc tới nhà, anh đỡ phải ngạc nhiên trước một cảnh tồi tàn...

- Anh Đạm, việc gì anh phải nói như thế. Tôi không bằng lòng. Anh hiểu tôi là một người thế nào?

- Anh tưởng tôi đùa sao? Thực đấy, anh không thể tưởng tượng được Đạm phải cùng khó đến như thế. Đối với anh tôi không phải lấy làm ngượng nghịu khi tôi cho anh được chứng kiến cái cảnh phú quý giật lùi của tôi.

Ngồi chung với bạn trên chiếc xe tay lăn bánh trên con đường Lạch Tray, Cầu bất giác nhìn bộ quần áo tây cũ và đôi giầy cũ, đế cao su sống của Đạm. Đạm

nghèo túng rõ lắm rồi, giầy và quần áo kia đủ "tố cáo" sự thiếu thốn của Đạm và Cầu càng lấy làm tự hào khi chàng nghĩ rằng chàng đã có một người bạn tín nhiệm ở sự thành thực của chàng đến nỗi quên cả lòng tự ái - lòng tự ái của con người ta trong lúc thất thế.

Cầu ái ngại cho bạn và tự nhủ lòng rằng đáp lại bụng thành thực của bạn cũ và nghèo, chàng cần phải thận trọng từng câu nói, từng cử chỉ và trong khi ở nhà Đạm trọn đêm nay, đang vui vẻ đến mười phần, hình như là chàng không nhận thấy những điều kiện vật chất của một cuộc đời eo hẹp, khó khăn.

Ấy thế rồi Cầu đã tranh lấy việc trả tiền xe, theo Đạm tiến vào một chiếc nhà gạch hẹp bề ngang và sâu lòng, ở xế cửa nhà Bưu chính Hàng Kênh. Nhà cửa tối om om và lạnh lẽo tuy ở phía trong le lói mấy ngọn đèn hoa kỳ và lấp loáng dăm bẩy hình người. Đạm mồm bảo Cầu ngồi tạm xuống bộ ngựa, tay đánh diêm châm đèn.

- Tôi nói không ngoa đâu, anh đã nhận ra đây là "tệ xá" chưa? Ở trong kia là hai gia đình của hai người ở chung với tôi. Tôi tưởng nhà, ở ngoài này gần cửa, đi về nó tiện.

Cầu sợ bạn ngượng, vội nói chữa:

- Anh ở thế này cũng xinh đấy. Chỉ phải cái đi làm hơi xa thôi.

Rồi Cầu tò mò một cách kín đáo nhìn chung quanh chỗ mình ngồi, và nhìn vào phía trong. Chàng nhận thấy ba gia đình ở chung với nhau mà chỉ có những bức mành mành ngăn "địa giới" và chia ra từng khu một. Trên nền đất mịn của mỗi khu, mỗi nhà đều bầy một bộ ngựa và một cái bàn. Sự nghèo túng ở dưới mái nhà này, hình như đã dạy cho họ theo một lối bài trí giản tiện và giống nhau. Cứ cái cách chung đụng đó với sự bầy biện liên tiếp nhau kia thì những câu chuyện của một gia đình lên tiếng than trách số phận lúc đêm hôm, dù khẽ khàng đến thế nào, cũng đều lọt vào tai "hàng xóm" ở cuối giường mình và đầu giường mình. Nhưng, sự "thực thà" của cảnh nghèo đã bầy ra đủ mọi vẻ như thế rồi, thì họ còn có điều gì phải úp mở, giấu diếm, mầu mè cùng nhau nữa?

Cầu vòng tay vào đầu gối của chiếc chân bắt chéo chữ ngũ, nhìn bạn "làm" đèn; có tiếng guốc lẹp kẹp từ trong sàn trong đi ra và tiếng đàn bà khàn khàn, nói nheo nhéo.

- Gớm, sao chả để chốc nữa hãy về. Hắn lại gặp các "bố" lôi vào hàng con mẹ Mít phải không? Này mấy hôm nay, ngày nào nó cũng cho người xuống hỏi tiền rượu và thuốc lá đấy. Làm tốt vừa vừa chứ!

Cầu đưa mắt, hỏi bạn. Người đàn bà đẩy đà có cái giọng đay nghiến ấy cũng vừa tiến ra đến nơi nhìn chòng chọc vào Cầu. Đạm để chiếc đèn ở giữa giường, nhìn về phía Cầu, giới thiệu:

- Nhà tôi.

Đạm lại quay sang phía vợ, nói luôn với giọng ôn tồn:

- Đây là bác Cầu, một người bạn rất thân không gặp đã lâu lắm. Bác đi qua Phòng, tình cờ gặp nhau, tôi mời bác về ăn bữa cơm dưa với chúng ta. Mình dọn cơm đi, đói lắm rồi.

Cầu thấy lúng túng, chàng vội đứng dậy thi lễ:

- Lạy bác.

Đạm chăm chú nhìn vợ mọi vẻ hiền từ, hình như vạn lơn và mong đợi vợ mình nói lên một vài câu dễ dàng, xởi lởi khi chàng đã trót nhỡ, trong lúc cao hứng, làm cái việc bất thường là dẫn bạn về ăn ngủ ở nhà. Vợ Đạm nét mặt vẫn cứ sa sầm xuống như lúc mới ra.

- Không dám.

Nói xong câu đó một cách khô khan nhạt nhẽo, bác Đạm gái nguây nguẩy, lê guốc đi vào. Đạm thấy phiền lòng, cùng theo ngay vợ vào trong, lấy ra đồng hào con đáng lẽ phải tiêu vào chỗ cà phê ban nãy mà Cầu đã nhận trả cả. Đạm hỏi vợ rất khẽ:

- Có gì ăn không?

- Còn không biết hay sao? Cơm chỉ có dưa và tép rang. Chiều nay vừa mượn bà Tịnh trong nhà được bơ gạo mới có cơm đấy. Không có bà ấy, thì treo miệng lên.

Đạm vẫn cố giữ vẻ hiền từ, tay đưa hào cho vợ, miệng nói:

- Đây mình cầm tiền mua lấy 5 xu tiết canh. Còn thừa, chốc mình ăn đỡ quà bánh gì vậy. Mình nên biết không mấy khi bác ấy ra chơi, kéo được bác ấy về nhà như thế này là quý lắm đấy.

Vợ Đạm lãnh đạm cầm lấy tiền với một tiếng thở dài, vùng vằng ra đi với bao nhiêu nỗi miễn cưỡng và giận dỗi. Đạm cố tin rằng như thế cũng không có hề chi và tí nữa chàng vẫn đủ lạc quan ngồi ăn uống chuyện trò cùng bạn cố tri. Chàng trở ra với bạn, thấy bạn có chiều nghĩ ngợi, liền khua tay nói huyên thuyên:

- Anh nghĩ gì thế? Anh còn đợi gì mà không bỏ giầy, bỏ áo ra. Hay là vẫn nhất định về ngay Hà Nội?

- Ai lại như thế. Tôi phải ở lại uống với anh một bữa rượu "trùng phùng" cho say chứ.

Cầu nói, cười, bỏ quần áo cho yên lòng bạn. Nhưng chính thực ra thì dưới cái bề ngoài hỉ hả, Cầu đang bận tâm nhiều lắm. Đạm đã bị bạn lừa dối về tình cảm trong phút này và chàng vui vẻ ngồi đợi vợ mang đồ nhắm về.

Đạm thấy Cầu tháo xong đôi giầy tây, đế và gót mới mòn có một tí, chàng ngắm nghía một cách thèm thuồng và so sánh nó với đôi giầy đế cao su sống đã thủng rách của mình. Không biết chàng nghĩ thế nào

mà lại đem xỏ chân mình vào giầy Cầu ướm và ngắm mãi. Cầu ngả lưng ra bộ ngựa và hỏi:

- Chị ấy làm bạn cùng anh đã lâu chưa? Quê chị ở đâu anh nhỉ?

- Ba năm. Nhà tôi ở Phọng Bớp

- Phọng Bớp? Cầu vừa hỏi lại, vừa liên tưởng nghĩ đến cái dáng điệu cục cằn và ngôn ngữ thô bỉ của bác Đạm gái và đoán già rằng một làng có cái tên như thế hẳn phải sản xuất ra những người như thế.

- Chính chữ Hán thì gọi là Phụng Pháp. Hồi trước tôi dậy tư ở làng Phụng Pháp, ốm một trận suýt chết, nếu không có nhà tôi bấy giờ thì cũng nguy. Tôi cảm cái ơn săn sóc thuốc thang ấy nên lấy về làm vợ...

Câu chuyện gia đình mới kể có đến đấy thì Đạm đã thấy vợ về; chàng vội đứng dậy, với lên cái xích đông lấy chai rượu con ở ban thờ "Tiền chủ, Hậu chủ". Cầu cũng không tiện hỏi nữa vì mâm cơm đã bưng ra. Đạm mời bạn nên ăn cho thực thà và nhìn trộm vợ đang so đũa. Cầu ngạc nhiên thấy có hai đôi đũa thôi và khẩn khoản mời cả bác Đạm gái ngồi ăn luôn thể. Bác Đạm gái không nói lại được một tiếng, thành thử người chồng đang cần nịnh vợ kia phải đỡ lời:

- Nhà tôi thường hay ăn trước tôi. Anh cứ tự nhiên.

Ấy thế rồi bữa rượu đơn bạc được chủ và khách chiếu cố đến một cách quá tự nhiên, đến nỗi đĩa tép

rang cũng theo bát tiết canh biến thành món nhắm rượu và đã trơ cả lòng "con phượng" ra từ lúc nào. Rồi hai người bạn cố tri trong khi gặp lại nhau, trong lúc gật gù chén tôi chén bác, đã nhắc nhỏm lại cái hồi hai người còn là bạn học một trường ước hẹn với nhau sẽ đi chung một con đường tương lai, đã lên tiếng trách nhau sao không năng có thư từ đi lại để than phiền với nhau rằng cuộc đời xoay mau quá chốc đấy đã mười năm, và khen lẫn nhau rằng như thế mà còn được lành mạnh cả là một điều đáng mừng. Thấy câu chuyện đang vào giữa lúc cao hứng, thấy chai rượu mới cạn được hai phần ba mà đồ ăn không còn, Đạm vụt nhớ vợ còn ít ra là năm xu và đoán chắc chưa dùng đến, chàng vội bảo vợ chạy đi cho thật "ba chân bốn cẳng" mua bát tiết canh nữa. Bác Đạm gái nhìn chồng, lộ hết vẻ nguyền rủa ra cặp mắt. Nhưng thấy chồng trừng mắt, nàng đã phải hậm hực đi ngay để tiêu nốt chỗ tiền còn lại cho vừa lòng kẻ uống rượu dở mồm. Rồi bữa cơm ấy đã kết liễu bằng tảng cháy ròn dùng làm đồ tráng miệng. Cầu đã không từ chối cả đến miếng sém do tay bạn ân cần đưa mời với một câu:

- Anh ăn cho thơm miệng.

Bữa cơm ấy, Cầu đã ăn hơn những bữa thường lệ ở nhà, tuy đồ ăn hôm nay chẳng có gì và gạo thì lẫn cả thóc và lổn nhổn những sạn, vì chàng sợ nếu mình

ăn uể oải thì bạn sẽ tủi lòng và cho là mình chê mâm cơm đạm bạc.

Lúc mà hai người đã xỉa răng uống nước, nằm song song trên giường phì phèo điếu thuốc lá thì bác Đạm gái cũng cúi xuống dưới bộ ngựa, gạt mạnh những bó củi đóm đánh "suỳnh" một cái, lịch kịch kéo chiếc chõng tre ra gần phía liếp để dọn chỗ ngủ. Và lúc mà bác Đạm gái gần tắt phụt ngọn đèn, bác không quên nhận rõ chồng mình nằm trong và bạn chồng thì nằm ở phía ngoài. Đạm còn dặn vợ:

- Sớm mai, mình đánh thức tôi dậy sớm để đưa bác ra tầu, nhớ nhá!

Bác Đạm gái không những đã không trả lời chồng mà trong bụng lại còn chửa đầy vẻ căm hờn. Bác đoán thế nào bạn chồng cũng phải ra sau đi tiểu và lúc ấy bác sẽ thừa dịp vắng "ông quý khách" trong giây lát để cho chồng mình một trận... Bụng bác nôn nao cồn cào. Tiếng chõng tre kẽo kẹt họa với sương đêm thu rỏ giọt ngoài thềm. Bỗng có tiếng ai đang quơ đôi giầy tây ở mặt đất. Bác sẽ nhỏm dậy nhìn kỹ về phía giường cử động, rồi tiếng giầy tây lộp cộp đi vào nhà trong. Đúng rồi, ông khách quý hóa đã rời được chồng mình ra để đi giải. Bác Đạm gái còn đợi gì mà không trả thù ngay cái thù chồng mình hiếu khách đến nỗi bắt mình nhịn đói.

Bác vơ lấy cái nồi đồng con thổi cơm ban nãy chưa ngâm nước mà bác đã định tâm cất xuống dưới chõng

tre, bác chạy mau lại phía giường, cọ mãi đít nồi vào mặt người nằm đấy và ghé sát miệng vào tai người say rượu nằm đấy, nói phào phào rất nhanh:

- Này tiết canh, này sém... Đã sướng chưa? Mai lại kéo vài người về đây bầy ra ăn uống nữa để cho gái này nhịn nhá!

Bác Đạm gái còn đay nghiến nữa, và cọ đi cọ lại đít nồi vào người nằm đấy, nếu từ nhà trong bác không nghe thấy tiếng người đi giầy tây lộp cộp tiến ra. Bác lại vội chạy ra nằm ở chõng tre. Bác lấy làm hả dạ, bình tâm ngáy một nhịp khò khò. Đêm thu ở con đường Lạch Tray vẫn im lìm. Nhưng nếu có một người nào phải trằn trọc trong đêm ấy với nỗi canh trường tư lự, thì người ấy là Cầu. Cầu đang dùng khăn mùi soa thấm vào nước trong tích nước để lau những muội nồi trên lần da mặt bị nhọ và xây xát. Chàng nằm lắng canh gà gáy và bụng bảo dạ: Mình hiểu câu chuyện rồi. Mình đã bị nhầm là anh Đạm. Ai bảo người bạn đáng thương hại của mình tự nhiên lại đổi chỗ cho mình bò ra ngoài nằm làm gì? Ai bảo anh Đạm xỏ vào giầy tây của mình mà đi tiểu? Ôi, vợ với con. Câu chuyện này, sống ta để bụng, chết ta mang theo đi, cho anh ấy biết làm gì cho thêm tội nghiệp.

Đông Dương tạp chí số 34 (1938)

ĐÔNG PHƯƠNG LÀ ĐÔNG PHƯƠNG TÂY PHƯƠNG LÀ TÂY PHƯƠNG

(Truyện ngắn)

Ông Hồ là người thuộc về lớp cũ. Ông đọc chữ Hán, viết chữ Hán, nói cũng nhiều khi chữ Hán nữa. Ở vào cái thời đại quý trọng kinh tế, ông cũng bắt chước thiên hạ đi buôn. Và ông đã có ý dọn một cửa hàng thuốc bắc ở giữa đất văn vật vì ông Hồ tin rằng đã không buôn bán thì thôi, chứ muốn cạnh tranh thì phải chen ngay vào những nơi đô hội như Hà Nội này thì mới bõ công. Ấy thế rồi cửa hiệu bào chế của ông Hồ, với mấy vạn pháo cối toàn hồng nổ liên thanh trong mấy tiếng đồng hồ, đã ra đời để chào người thành thị ốm đau phải cần đến thuốc thang.

Chủ nhân dược phòng khéo giao thiệp nên trong hàng lúc nào cũng đen đặc người ra vào. Những khách thường ngày lui tới hiệu ông Hồ, chia ra làm hai hạng. Hạng thứ nhất là hạng người bị sức khỏe lúc

không đều bắt buộc phải tìm đến ông Hồ hoặc xin đơn, hoặc cân thuốc, hay mời đi thăm bệnh cho người nhà ốm yếu. Hạng thứ nhì là những người quen biết chủ nhân hoặc là ở nơi xa mới về thăm lại cho đỡ chút tình hoài vọng, hoặc ở chung quanh đấy có công việc phải đi qua cửa hàng, ghé vào trong chốc lát, uống một chén trà, hút một điếu thuốc lào và nói dăm ba câu chuyện phiếm.

Ngoài việc buôn bán, ông Hồ hay đả động tới lý và số. Lý và số, không biết ông Hồ có giỏi thực về những khoa đó không nhưng nhiều người đã có dịp khen ngợi ông không tiếc lời nói. Kể cho đúng, nhiều người biết ông Hồ là nhà tướng số hơn là một ông lang. Người ta đã tấp nập đến hiệu thuốc bắc để nhờ chủ nhân xem hộ cho một cặp chân gà khô, đoán cho một lá số tử vi hay mời đi về quê *phúc* lại cho một ngôi mộ. Ông Hồ nhiều hôm đã bỏ cả dao cầu và thuyền tán, bỏ cả bạn hàng giục cân thuốc để vui vẻ tiếp những ông khách không biết kính nể cái giờ "làm việc ra tiền" của kẻ buôn bán. Nhiều khi họ cũng tự nhận thấy không biết điều, muốn cáo từ xin về, thì chủ nhân lại càng làm ra bộ vui vẻ hơn, nhất định không cho họ đi ngay. Không hề chi. Để nói nốt câu chuyện đã. Thì hãy uống xong tuần nước đã nào! Bạn hàng tôi, đã có tài phú.

Cho nên cửa hàng chỉ đông khách đến chơi nói chuyện phiếm. Và vì thế, trước kia họ đến chốc lát, thì bây giờ họ ngồi "chầy" ra đấy hàng giờ, cả buổi, rồi nếu gặp bữa thì có khi lại chén nữa. Và trước họ đến ít thì bây giờ lại đến đông! Nhiều khi họ hợp thành từng đoàn để đến thăm ông lang Hồ. Mỗi ngày họ lại giới thiệu với chủ nhân thêm một ông bạn mới.

Rồi, một ngày kia, cửa hàng thuốc bắc đông khách quá; đông đến nỗi chủ nhà trong phải lên tiếng mừng ông lang ở ngoài buôn bán có duyên giữ được nhiều khách đến nỗi nhiều khi họ phải thấy sự bất tiện của kẻ ở chung nhà mỗi lúc ra vào cứ phải luôn luôn nói một cách lịch sự với những ông khách ngồi mất cả lối đi:

- Thế này khí không phải, xin lỗi ông tôi ra một tị. Xin lỗi ông, tôi vào một tị...

Ông lang Hồ đành phải thuê nhà khác rộng hơn và có gác. Chủ nhân hiếu khách lại chiều khách nên cái gác này dành riêng cho bạn hữu, cửa phòng lúc nào cũng mở rộng. Trong phòng khách, trên sập sơn son người ta đã thấy ở bên cạnh điếu bát, một chiếc đèn dầu lạc trông giống cái đèn ăn thuốc phiện thay cho cây đèn dầu tây mọi khi khêu ngọn chỉ bằng hạt đậu xanh.

Trong số bạn lại chơi nói chuyện với ông lang Hồ, một phần bây giờ lại là những tân học, không biết một tí chữ nho nào cả. Ông Hồ vẫn tiếp như thường,

nhưng nhiều khi ông thấy "nó thế nào ấy" vì nói đến chuyện nghìn xưa rút ở sách thánh hiền, dẫn đến cả điển cố ra mà họ vẫn không chịu hiểu những cái hay trong nền học cũ. Như thế mà có một bạn trẻ cũng ti toe dám nói đến sấm ký, mang những lời sấm của cụ Trạng Trình ra đố ông Hồ thì có bực không? Nhưng một ngày lại một ngày một người bạn, cái số bạn có chữ tây đã đến thời kỳ chiếm đại đa số. Có những buổi tối ông lang Hồ cao hứng muốn nói nhiều nhiều nhưng ông thấy các bạn của ông nói chuyện với nhau bằng tiếng tây cả, ông lại thôi. Ông không dám buộc tội họ nói tiếng tây trước mặt nhà nho là khiếm nhã, ông tha thứ cho họ và chỉ quy tội riêng vào mình đã chẳng biết dùng tiếng tây và từ đấy quyết chí học cho kỳ được thứ "tiếng gió" một chữ có mấy vần mà lúc ở miệng phát ra, có những âm thanh du dương và âm điệu dịp dàng như tiếng khúc nhạc Thiều. Sẵn những ông bạn giỏi Pháp văn cả, không nhờ họ dậy ngay chữ tây cho, thì ông lang Hồ còn đợi đến bao giờ mới học.

Có chí là việc gì cũng thành hết cả, ông Hồ tự nghĩ như thế. Từ hôm ấy, bác tài phú cũ kỹ cả người lẫn khối óc, tưởng ông chủ hiệu mình điên hay sao mà bấy nhiêu tuổi đầu rồi còn ê a, nghêo ngao học : "*lơ sô-lây* là mặt trời, *la luy-nờ* là mặt trăng; *lơ sanh-dờ* là con khỉ, vân vân..."

Ư mà khi thực! Một người đứng tuổi, xù xù cái áo bông, ngồi xếp vòng tròn trên sập, bên chiếc văn kỷ,

trong một cái buồng bầy những cổ đỉnh, trồng cao chất đống những bức tứ bình viết phú Xích Bích đủ tiền, đủ hậu theo kiểu chữ triện, những cây phất trần bằng lông ngựa trắng, những thanh kiếm bằng tiền đồng lịch triều kết lại, một người như thế, ở trong một gian phòng cổ kính như vậy mà ngồi đánh vần tây và chăm chú học tiếng một cứ bô bô lên, thì ai trông thấy và nghe thấy mà khỏi phì cười, nếu người ta không cho như thế là quái đản? Nhưng trước sự cầu học thành thực của chủ nhân, không ai dám tỏ vẻ khôi hài nữa; các bạn giảng bài tiếng một đã đứng đắn hơn, chủ nhân càng trịnh trọng học. Sợ ngày tháng thì đi mau, cõi học thì không có hạn và bạn thì thỉnh thoảng mới đến giảng bài một tiếng, bữa được bữa không, ông Hồ đã tìm cách để lưu bạn lại trong nhà được lâu để có thời giờ học chữ tây, học cho thật gấp để sớm đem dùng với buổi đời mới thiên hạ trọng dụng người có Pháp văn. Nho học đã đến lúc tàn cục thì cái giá nhà nho thực cũng rẻ như bèo. Ông Hồ tin mình có thể hiếu học đến đóng cửa tạ khách để học chữ tây, học không kể mệt nhọc, nếu sinh kế không bắt ông phải dọn hàng và chia thời giờ.

Ông Hồ để buổi tối rồi việc hàng họ làm thời giờ học. Sẵn có chiếc đèn thuốc phiện, sẵn có khay sơn, ông mua thêm ít dụng cụ nữa, thì nghiễm nhiên ông đã có một bộ bàn đèn để giữ bạn ở lại chơi khuya. Tốn

thêm tiền mua thuốc phiện, nhưng lại được bận học nhiều và lại khỏi phải đi chơi đêm, đằng nào cũng thế, ông Hồ đã tính chán ra rồi đấy. Chủ nhân quả là người sành khoa tâm lý, cái bàn đèn thuốc phiện kia từ hôm được đỏ con bấc tẩm dầu lạc, đã giữ được bạn ở lâu và còn chắc chắn hơn một trận mưa dầm.

Bạn ông Hồ trong thời kỳ này đến luôn luôn. Có người đến để thành thực dạy chữ tây cho chủ nhân. Có người đến đấy để nhờ ngọn đèn dầu lạc đọc một tờ tạp chí hay một cuốn sách, hoặc mượn cái gác dược phòng ấm cúng kia làm nơi tụ họp và gặp gỡ những bạn khác hay có mặt ở đấy. Nhưng hết thảy mọi người đều được chủ nhân hậu đãi cả, trong nhà thực phẩm có gì là ngon là lạ đều mang hết ra để chia sẻ cùng bạn. Chủ nhân lại còn dặn họ có bạn riêng, xin cứ đưa lại chơi để cho ông được hầu chuyện: ở đời, ngoài việc học chữ học sách, không những sở kiến là cần thôi, mà cần hơn nữa là sở văn mà lại! Các bạn đã đùa và riễu ông Hồ là người tham lam quá; đã nhiều chữ nho, lại còn kinh doanh, lại còn muốn giỏi chữ tây, và lại còn muốn biết rõ người đời và trò đời qua những điều từng trải của kẻ khác nữa. Ồ, thế ra cái lòng ham học muốn biết của con người ta là không có bờ bến à! Chủ và khách đều cười rộ. Khói thuốc lào bay, khói thuốc lá bay, khói thuốc phiện bay. Bấy nhiêu thứ khói giăng tỏa đầy phòng, chủ nhân vẫn còn chưa vừa lòng lại còn rắc mãi trầm vào chiếc đỉnh âm ỷ than luyện.

Giờ học tiếng một đã xong, ông Hồ lẩm nhẩm những chữ thuộc về loài động vật vừa học xong cho nhớ, tiêm một điếu thuốc phiện, hút một hơi rất ngon lành để thưởng cho mình vừa làm việc bằng óc nhiều quá sức mọi ngày. Linh hồn ông theo làn khói nhẹ bay lên những chỗ cao siêu, rồi ông nghĩ mà ái ngại cho những người trong bụng không có một chữ tây nhỏ. Ông tự hỏi xem họ làm thế nào mà sống như thế được trong buổi đời mới này. Ấy trong một đêm mơ màng suy nghĩ khoái trá như thế, ông Hồ đã được nghe lõm bõm các bạn thuật lại những giai thoại trong Pháp văn, có những bài điếu văn của ông "gì ấy" tế bà Hoàng hậu Anh Cát Lợi rất hùng hồn, bi tráng mà quái ! Lại bằng văn xuôi. Các bạn ông còn nhắc đến một bài thơ của một thi sĩ thời lãng mạn tìm *yên sĩ phi lý thuần*, lúc nhớ tới tình nhân, ở một cảnh hồ "gì ấy" tận bên nước Thụy Sĩ hay Ý Đại Lợi chi đó. Họ còn nói rằng trong cú pháp người Tây phương nó còn có những điển đảo thể rắc rối bằng mấy mươi câu *"Bích ngô thê lão phượng hoàng chi"* của Tàu. Họ lại còn dẫn những cái "đẹp" trong thơ ngụ ngôn của một tác gia mà Tàu dịch là Lã Phụng Tiên.

Nhưng, cái gì mà lại có miếng phó mát, một con quạ, và một con cáo? Ô đến bao giờ ông Hồ mới "lĩnh hội" được hết những cái "đẹp kỳ dị" như thế nhỉ! Ông Hồ lại càng tin rằng nếu rừng nho của phương Đông là rậm rịt thì bể học của người Tây phương cũng sâu

lắm, nếu ông học không tử công phu thì biết đến bao giờ cho rõ được cái rốn bể ấy. Cho nên muốn hay chữ tây, ông càng phải chiều chuộng những ông vừa là bạn, vừa là thầy. Các bạn được lời ông Hồ dặn bữa nọ, đã nói cho ông biết, sau một buổi học, rằng có lẽ chỉ nay mai thôi, họ sẽ đưa một ông Tây lại chơi với chủ nhân.

- Tây nào? Sao lại dẫn Tây tới đây? Ngôn ngữ bất đồng, tôi sẽ ăn nói với người ta ra sao? Các bác cắt nghĩa cho tôi rõ mấy.

- Một ông Tây văn sĩ muốn được gần người An Nam để cho rõ thêm tính tình và phong tục dân mình. Ông ta người lịch sự sang đây kiếm tài liệu viết sách. Chúng ta được biết nhà văn sĩ Pháp trứ danh *Đờ La Phốc* này thật là một cái hạnh ngộ lớn. Huynh ông lại nên nhớ rằng ông quý khách đó vốn ở dòng quý tộc bên Chính quốc. Họ "Đờ" mà "đờ" rời chứ không phải "đờ" liền.

- Ông Đờ La Phốc? Một văn sĩ quý phái? Họ Đờ rời? Cái gì nhỉ? Cái gì mà lại những *liền* với *rời*?

- Huynh ông lúc nào học thông chữ tây, sẽ có dịp hiểu thế nào là "đờ" liền và "đờ" rời. Bây giờ chỉ nên hiểu rằng ông Tây ấy là một nhà văn tự, dòng quý tộc. Chúng ta đã giới thiệu huynh ông với nhà văn Đờ La Phốc. Ông ta ngỏ ý muốn được huynh ông tiếp và làm quen. Vậy ý huynh ông định như thế nào? Ông ta cũng có dùng a phiến.

- Thì cứ mời lại chơi, tôi cũng chưa được gần Tây thượng lưu bao giờ. Nhưng lúc nào ông ta định lại chơi tôi thì các bác phải có mặt cả ở đây nhá!

Thế rồi ông Tây Đờ La Phốc đã đến chơi nhà ông Hồ. Nhà đông đủ người, ngọn đèn dầu lạc tỏ ngọn hơn mọi ngày. Một cuộc giới thiệu long trọng. Ông Hồ chắp tay xá một xá rồi mới bắt tay ông Đờ La Phốc. Nhà văn hào Pháp nghĩ thầm rằng sự thi lễ của người An Nam so với người Nhật Bản ra cũng chỉ chênh nhau một chín một mười thôi. Ông Đờ La Phốc dè dặt từng cử động và mỗi lúc nói với chủ nhân, xưng hô đều dùng những chữ: "ét-si-mơ Hu". Ông "Hu" pha trà và các bạn ông thì lớn tiếng nói chuyện với nhà văn Tây. Gớm, một nhà học giả ở nước tiên tiến có khác ! Cái tài hùng biện của ông Đờ La Phốc đã làm cho ông "Hu" phải phục thầm, tuy rằng ông "Hu" không hiểu chi cả. Ông "Hu" chỉ ngồi để "thẩm âm" câu chuyện, thế mà ông cũng thấy thú đáo để. Thỉnh thoảng các bạn ông lại giơ bàn tay xòe sang phía ông, ông Đờ La Phốc cũng nhìn theo sang, và gật đầu một cách kính cẩn lúc gặp nhỡn tuyến chủ nhân. Chủ nhân chắp tay vào ngực tỏ vẻ khiêm tốn gật đầu đáp lễ lại.

Ông Đờ La Phốc có lúc nhìn chủ nhân bằng cặp mắt thám thính và cười tủm tỉm rồi lại quay sang phía những ông bạn. Ông "Hu" cũng mỉm cười, đeo kính tuổi, giở cuốn *Liễu Trai* cho có vị, tỳ cùi tay vào

gối xếp. Một ông bạn nằm xuống, tiêm điếu thuốc đầu tiên mời ông Đờ La Phốc. Người ta nhường nhau hút lối "đá cầu" mỗi người một điếu, hết một vòng lại bắt đầu trở lại theo thứ tự trước. Hộp thuốc vợi, câu chuyện càng nở thêm. Đêm hôm ấy, chủ nhân thức khuya hơn mọi đêm để tiếp vị thượng khách, và lúc giải tán cuộc hội đàm Pháp - Việt đó, ông "Hu" nhận thấy mình cảm động nhiều quá khi ông Đờ La Phốc nắm tay ông để xin cáo biệt. Ông "Hu" nói khẽ vào tai các bạn để hẹn ngày mời nhà văn Tây lại chơi nữa...

Đúng ngày hẹn, ông Đờ La Phốc lại đến. Nhưng nguy thay, các bạn của ông Hồ, không có một ai ở đấy cả. Cái thế không trốn đi đâu được, ông Hồ phải bấm bụng tiếp liều nhà văn hào Pháp. Cũng như lần trước, chủ nhân lại pha trà Thiết Quan Âm, lại cho đốt trầm và tự tay tiêm thuốc phiện, sau khi mời ông Đờ La Phốc ngả lưng. Nhà văn Tây bất giác cũng ấp hai lòng bàn tay vào nhau như lối người phương Đông, gật đầu, tỏ ý xin vô phép rồi mới nằm. Trên đầu giường sẵn có một tờ tạp chí ở bìa in hình một cảnh chiến tranh thảm khốc, và mấy cuốn sách khổ giấy nhỡ. Sách và báo đó của các bạn ông Hồ bỏ quên lại. Ông thấy bìa sách in chữ đỏ, đánh vần nhẩm trong óc, đọc được mấy chữ *André Gide*. Rồi không biết tại làm sao, ông Hồ đã đưa báo và sách cho ông Đờ La Phốc. Chủ nhân tiêm thuốc để chờ đợi những bạn "cứu tinh" đến để tiếp chuyện nhà văn Tây hộ.

Khách Tây phương trong lúc mải miết đọc sách, thấy đầu dọc tẩu quay vừa tầm hút, đã không từ chối một điếu thuốc phiện nào cả, như thế có đến mười mấy điếu thuốc to. Ông Đờ La Phốc đã bị say thuốc. Ông ta ngồi nhỏm dậy, tợp vội ngụm nước trà, bắt đầu nói và còn hùng hồn bằng vạn hôm trước ấy. Ông ta cứ nhìn chòng chọc vào mặt chủ nhân, làm chủ nhân cứ cuống cả lên và phải gật đầu mãi. Mỗi lúc ông ta to tiếng thì chủ nhân lại thấy ông ta lấy tay chỉ vào trang sách, vào bìa tạp chí như để phân trần một điều gì. (Các ngài đã từng thấy một người Pháp say thuốc phiện nói chuyện như thế nào chưa? Họ nói hàng giờ không ngớt, không để cho ai chêm vào một câu gì. Bao giờ họ mỏi miệng và đã hả hết hơi thuốc thì họ sẽ nghỉ)

Ông Hồ ngồi chịu chuyện ông Đờ La Phốc, có lúc gật đầu, có lúc tủm tỉm cười, có lúc nhìn ra cửa sổ. Một vừng trăng mùa đông rọi ánh sáng lạnh lẽo qua lớp kính cửa sổ. Ông Đờ La Phốc nói xong một hồi thấy mỏi, sắp ngả lưng xuống nệm. Bỗng ông Hồ vụt nhớ rằng ông đã có học qua "mấy chữ đó", ông vội nắm cánh tay nhà văn Tây, một tay chỉ ra phía cửa sổ có vừng trăng tỏ:

- *Regardez la lune.*

Ông Đờ La Phốc nhìn trăng rất lâu, vết răn trên trán hằn lên nhiều. Ông ta có vẻ trầm ngâm; rồi ông nhìn thẳng vào chủ nhân, nghĩ ngợi gật đầu và tự

nhủ: "Ta không nhầm mà. Những người trí thức ở Đông phương sống cái đời bên trong nhiều và mạnh lắm. Họ lấy trực giác để hiểu mọi việc ở đời.

Họ tâm tưởng. Họ chỉ muốn sống gần Tạo vật. Lấy ngay cái thi dụ trước mắt. Ông Hu thật đã đủ tiêu biểu cho hạng học giả duy tâm đó. Ông ta đã đưa cho mình đọc mấy cuốn sách của André Gide tố cáo sự lầm lạc của bọn độc tài Nga Xô Viết không thực hành đúng chủ nghĩa cộng sản. Ông ta đã đưa cho mình xem một tờ tạp chí tường thuật vụ xung đột giữa Tầu và Nhật. Ông ta đã dò tư tưởng mình một cách kín đáo. Mình cứ quen cái lối của mình, nắm được vấn đề gì là cứ tranh biện lý luận. Ông ta lại mời ta nên lặng lẽ ngắm vừng trăng. Trước sau, ta chỉ thấy ông Hu nói có một câu đó với bao nhiêu vẻ thản nhiên trước những luận điệu ồn ào của ta. Ta chớ nên lầm cái bề ngoài nguội lạnh của những người học rộng như ông Hu này. Họ tiềm tàng nhiều tư tưởng cao lắm. Họ cho chúng ta là đồ xuẩn động hết. Người phương Đông và người phương Tây còn lâu mới gặp nhau".

Ông Đờ La Phốc xếp lại bên lòng những ý nghĩ của mình, đứng dậy, xóc áo, nhìn lại ông Hồ một cách kính trọng, bắt tay xin về. Ông Hồ mừng rỡ... đưa vị quý khách xuống thang gác và còn lò đầu ra ngoài cửa, đáp lễ lần nữa với một nụ cười.

Nhưng từ hôm ấy đến bây giờ có tới bốn năm tháng, ông Hồ không thấy ông Đờ La Phốc để chân tới

dược phòng của ông nữa. Ông có thuật câu chuyện một mình ông dám tiếp nhà văn Tây cho các bạn ông nghe. Rồi ông thẫn thờ hỏi họ:

- Hay là tôi đã làm mích lòng ông La Phốc? Mời người bạn mình ngắm trăng suông với mình, trong xã giao của người Pháp, như thế có khi nào có nghĩa là chế nhạo không hở các bác? Chữ tây dùng khó thực. Có lẽ tôi đã thất thố vì dùng nhầm chữ nên ông La Phốc giận chăng...

Đông Dương tạp chí số 35 (1938)

THỜI SỰ

(Truyện ngắn)

Báo hàng ngày được nhiều độc giả nhất ở vùng Nghệ An là hai tờ *Điện báo* và *Thần báo* xuất bản ở Hà Nội.

Về mục thời sự các tỉnh, bao giờ thành phố Vinh và tỉnh Nghệ An cũng choán hết một cột rưỡi hay hai cột báo chữ nhỏ li ti. Ông chủ nhiệm báo thông tin, nhà đại lý độc quyền và độc giả đều nhận thấy địa vị quan trọng của tỉnh Nghệ hàng ngày cung cấp tin tức cho báo giới. Không kể những ngày có kỳ xổ số Đông Pháp, là những dịp công chúng đến hiệu sách đại lý báo chí đợi giờ báo về cứ đông nghịt và đen kịt như một cuộc biểu tình, những ngày thường thôi mà cửa hiệu đại lý hai tờ *Điện báo* và *Thần báo* cũng có đủ số độc giả trung thành và sốt sắng để diễn những cảnh tượng của ngày họp chợ. Tin tức đủ, tờ báo thông tin thành ra quan trọng đó cũng lôi cuốn cả hai

ông đại lý độc quyền ở Vinh, tuy các ông ấy chỉ là người buôn bán kiếm lợi. Bạn hàng há chẳng mục kích vẻ trịnh trọng của họ lúc xoa tay, mỉm cười đứng nhìn chồng nhật báo cứ vơi dần đi một cách nhanh chóng. Có những độc giả lỡ chân một chút, đến chậm không mua được báo, đã phải phàn nàn với những người tốt số hơn:

- Mua báo ở đây không khác gì ăn bánh uống nước buổi trưa ở các tiệm cao lâu Khách có tiếng trên Hà Nội. Đến chậm là y như hết.

Oai, giữ việc thông tin cho tờ *Điện báo* đã bao lần cảm động đến rơi nước mắt khi thấy công chúng đọc tờ báo của mình, đọc những bài tường thuật của mình viết mà ở dòng cuối không khi nào chàng quên không đặt vào đấy ít câu phê bình tỏ ý khiếp sợ, tức giận, mong mỏi, thóa mạ, hoặc cảm ơn nhà đương chức hay chia buồn cùng thân quyến nạn nhân với những câu phàn nàn rẻ tiền. Chàng thọc hai tay vào túi quần, nhìn đám độc giả tờ *Điện báo* mà hiệu sách đại lý kia nhả ra đường mỗi lúc một nhiều thêm. Bao nhiêu vẻ kiêu căng của Oai đều tiết ra nơi cặp mắt nheo mí bởi làn khói thuốc lá của chiếc môi bĩu đang thở nhẹ ra. Những lúc này, chàng lại muốn gọi hết thảy những bạn đã khuyên chàng nên đi buôn, để cho họ đến đây mà hưởng với chàng những phút khoái trá đem lại bởi

một nghề mà họ thường chê là bạc bẽo. Chàng không muốn đứng yên một chỗ để tận hưởng những sự sung sướng đó đang dào dạt ra ngoài tâm tưởng và chàng đã cậy đến việc đi tản bộ trên vỉa hè để quên nỗi lòng. Trái lại ý mốn, Oai càng đi trên hè, càng gõ đều đế giầy da đến đâu thì chàng lại càng nhận rõ thấy mình là một người sung sướng quá và quan trọng quá nữa. Chàng tự hỏi nếu trong lúc này chàng nhất đán chết thì không biết vì thiếu người thông tin vùng Nghệ An có ngừng sự hoạt động xã hội không? Bất giác chàng lại nghĩ đến đám ma long trọng của hai nhà báo Anh có các sứ thần các nước ở Thượng Hải đi đưa để tỏ lòng mến phục lòng can đảm của những ông hoàng tử phóng sự vì nghề mà không sợ hòn đạn lạc. Rồi chàng lại muốn thế giới nhắc đến tên chàng "- Giá hãng Nhà Rồng đóng một chiếc tầu bể nữa cũng đặt tên là *Georges Philippar* cho mình vượt sang Hồng Hải để chết cháy ở đấy, chết rất oanh liệt như cái ông Albert Londres nhỉ!".

Ấy một người vui vẻ như thế, tin ở tài mình và tương lai mình như thế mà hôm nay lại phải tức bực với nghề thông tín viên. Khác hẳn với mọi ngày mỗi khi gặp người quen là tươi tỉnh tiếp chuyện và gây chuyện một cách tò mò tinh quái, hôm nay Oai cau có lầu nhầu với mọi người gặp chàng ở ngoài đường. Chỉ có những bạn thân lắm mới tha thứ cho Oai mà thôi

vì chỉ có họ mới hiểu rằng chàng đang bị khủng hoảng về tin tức không đủ để gửi ra tòa báo *Điện báo* đã mấy hôm nay. Đã ba hôm tin gửi đi ít lắm, và không có gì là quan trọng, rồi đến hôm nay thì tuyệt nhiên không có gì nữa.

Oai thấy không có hôm nào túng tin đến như hôm nay kể từ mấy năm nhận giúp tin tức cho tờ *Điện báo*.

Chàng nhớ lại đâu có một lần cũng mất đến mấy kỳ khan tin, nhưng sau đó chỉ có mấy ngày, Oai đã vớt lại được một mẻ tưởng lục và tin thuyên chuyển trong quan trường. Phải, cái hồi đó là sau hồi Cộng sản làm náo động dân tình vùng Nghệ Tĩnh, nhà nước tưởng lệ bao nhiêu người đã tỏ lòng trung dũng với Chính phủ trong những buổi nguy biến và riêng phần Oai thì hồi đó chàng thấy sự bằng lòng trong mình như kẻ nông dân gặp ngày được mùa vậy. Trong những ngày đó, Oai chỉ việc đến tòa Sứ, mỗi ngày chép lấy ít chục tên các kỳ hào được tưởng lục, thuật lại những việc kỳ lạ của mấy ông bang tá đi *bình giặc Cộng sản* và thỉnh thoảng đăng những bản án của tòa Nam án xử các phạm nhân chính trị đầy họ đi Lao Bảo và Ban Mê Thuột, ấy có thế thôi mà mỗi ngày Oai chỉ có chép lại để gửi ra tờ *Điện báo* cũng đủ mỏi cả tay, hết cả thời giờ, chứ đừng nói là chạy đi chỗ này, chỗ nọ nữa.

Oai ôn lại việc xưa và tặc lưỡi nhớ tiếc thời cũ nó cung cho chàng nhiều tin tức. Chàng cũng là người hiểu việc đời và học vấn thường thức của chàng cũng đủ cho chàng hiểu đến sự thịnh vượng trong xứ chỉ có thể đi đôi với sự yên ổn và chuyện bạo động là chỉ có hại. Nhưng... những lúc túng tin như thế này, Oai thành thực muốn cho quốc gia vẫn đa sự như dạo nọ để có tin mà đăng. Vụ biến động dai dẳng và dữ dội lại xẩy ra. Thật là tha hồ mà múa bút phê bình những tin đặc biệt. Chàng bực dọc nhớ lại từ sớm tới giờ chàng đạp xe máy, ngồi trên yên xe đã ê cả đít, đi có đến sáu bẩy sở rồi mà vẫn không bói ra được một tin gì có thể đăng được. Sở Cẩm, tòa Nam án, tòa Tây án, tòa Sứ, sở Mật thám, nha Thương chính, Bến ô tô hàng, bấy nhiêu nơi là những tổ cho tin, chàng đều có đến cả. Nhưng người ta đều lễ phép đáp lại sự cung kính của chàng và trả lời rằng không có gì là đại sự.

Vui chân chàng vẫn đạp xe lên phía nhà ga. Bây giờ thì chàng chỉ còn trông mong vào sự tình cờ. Ở nhà ga về, Oai cố giữ lấy tính vui vẻ, hài hước tự hỏi mình sao trong những hôm như thế này, mà không có một đoàn tầu nào đổ hay là một toa máy nào trượt bánh cách Vinh độ một đôi ga để chàng được chạy rất nhanh ra nơi xẩy ra tai nạn, để vừa điều tra vừa chụp luôn mấy tấm ảnh mà đăng vào trang nhất tờ *Điện báo*? Trong những ngày này, sao anh em "ảo cộc" ở

nhà máy Trường thi không toàn thể đình công và hiệu triệu quần chúng bên ngoài biểu tình qua các phố để ủng hộ những yêu sách của họ? Sao đức Kim thượng không vi hành ra đất Cổ Hoan để làm một việc gì rất lớn lao?

Vẫn vui chân, chàng lại đạp một vòng vào trong thành thì, buồn chưa ! Người ta đã bãi hầu và mấy ông Thừa phái lớp mới, mặc tây đang cắm cổ đạp xe về. Chàng thấy những chuyện lớn lao vừa mong xảy đến kia là khó có được, giờ chàng chỉ mong được mục kích những chuyện tầm thường hơn vậy. Thí dụ, một thầy Thừa đâm phải chiếc xe nhà của quan Lãnh Binh và ngạo nghễ thốt ra những lời xấc đối với vị quan kia...

Rồi chàng càng tức bực hơn nữa, khi một đám đông người tụ họp ở đầu phố Cửa Tả đã bắt tính tò mò của nhà nghề phải dừng chân lại để ý xem qua. Không, chẳng có gì đáng để ý cả, vì đấy chỉ là lũ con trẻ và đàn bà đang quây kín lấy chú Khách Sơn Đông bán thuốc cao, mãi võ và bảo khỉ làm trò xiếc.

Oai về nhà đánh một giấc ngủ đến chiều tối mới dậy. Bẻ mười ngón tay kêu răng rắc, chàng ngáp dài, xỏ giầy, nghĩ thầm:

- Phải đi mấy vòng nữa xem sao. Nếu không "săn" được tin gì, thì là vừa hết một ngày vô vị.

Muốn được tỉnh táo, Oai vào một tiệm cà phê, gọi một tách, dặn bồi pha cho thật đặc và đừng bỏ đường...Hình như hôm nọ, cùng ngồi uống cà phê ở đây, không nhớ rõ ai đã bảo với Oai nên uống cà phê đắng và thật đặc, não cân sẽ bị kích thích nhiều và như thế, có lợi cho người muốn làm việc bằng óc. Chàng nhấm nháp chén cà phê đắng như là bát thuốc bắc, đổi ý kiến sắp gọi bồi cho thêm mấy cục đường vậy, thì kìa! Thọ, bạn đồng nghiệp của chàng đang tươi tỉnh bước vào, tay xách một cặp giấy dầy cộm.

- Trận gió lành nào đưa quan bác lại đây? Có chuyện gì mà xem ra vội vã hoạt động dữ thế?

- Tiên sinh chỉ nhạo tôi mãi. Ai chả biết tờ *Điện báo* bên ấy dạo này cướp hết cả độc giả của *Thần báo*.

Thọ cười một cách mỉa mai. Oai làm bộ khiêm tốn cười mỉm nhận lời khen của đồng nghiệp và thuận tay kéo luôn chiếc ghế mây mời Thọ cùng ngồi vào bàn dùng bánh và uống một "thứ" gì vậy. Nhưng Thọ từ chối rất nhã nhặn, lấy cớ còn bận viết một tý, xin cứ để cho chàng tự nhiên ngồi riêng và lúc viết xong sẽ hay. Thọ vừa xin lỗi, vừa mở cặp lấy giấy và phong bì tem in sẵn tên và địa chỉ tờ *Thần báo*, tay vặn bút máy, mắt chăm chú vào cuốn sổ tay, rồi chàng viết lia viết lịa gần đặc một trang giấy khổ nhỡ. Giá Thọ ngước mắt lên thì sẽ bắt gặp Oai đang lấm lét nhìn trộm sang mảnh giấy chưa se mực của mình. Oai vẫn

thèm thuồng nhìn trộm đầu ngòi bút của bạn đang "thao thao bất tuyệt" trên mảnh giấy, tuy chàng vẫn không đọc rõ một chữ gì. Oai đoán già rằng Thọ vừa biết được một tin quan trọng vội viết gửi cho kịp chuyến tầu thơ. Như thế này thì bực thật! Mai kia báo về, tờ *Điện báo* lại kém đi mất một tin đặc biệt và nghĩ tới nhược điểm đó, chàng tự thấy mình khổ sở lắm. Nâng chén cà phê đã bay hết khói, muốn nhấp ít chút cho qua chuyện, thì Oai càng thấy nó đắng nhiều hơn lúc nãy, mặc dầu chàng vừa bỏ vào đấy đến ba cục đường. Chàng ước ao tìm được một cách gì để đọc hết được cái tin quan trọng Thọ đang tường thuật trên giấy một cách vui sướng lộ trên nét mặt mà kẻ mải viết không giấu nổi được. Hay là vờ lại gây chuyện cho khéo cùng Thọ ngộ may ra hắn có nói lộ ra điều gì để mình tìm lấy manh mối? Nghĩ đi nghĩ lại, Oai không theo kế đó biết trước rằng người bạn đồng nghiệp cũng khôn chán và không những chỉ riêng chàng mới biết cách giấu tin.

Nơi phía bàn bên cạnh, Thọ đã mạnh bạo chấm dấu hết cho bài và hoa bút ký tên vào góc mảnh giấy.

- Bồi ơi! Cho tao mượn lọ cồn.

- Dạ thưa ông, *cồn* nhà không có; để con lấy ít hột cơm có được không?

- Được rồi. Này, nhà có chó không? Đi tiểu đi thẳng vào trong hở?

- Oai lắng tiếng giầy Thọ đã bặt hẳn, vội vàng bò nhoài sang bàn bên, đọc trộm những dòng chữ bút máy còn tươi mực, đọc rất nhanh, rất tham hình như có thể nuốt chửng được cả vần, cả chữ. Đọc xong trong giây lát, chàng ngồi nghiêm chỉnh lại, tay cầm thìa quấy tách cà phê nguội để che đậy sự hồi hộp của mình, miệng nhẩm lại cho khỏi quên những điều vừa biết trộm được.

Thọ đã cồm cộp từ nhà trong đi ra, hai lòng bàn tay ấp và xoa mạnh vào nhau như kiểu người Pháp lúc bị giá lạnh hay là lúc tỏ vẻ bằng lòng.

- Nào, bây giờ tôi mới rảnh việc để ngồi uống nước cùng quan bác. Chắc quan bác cũng bị những lúc vội vã viết lách như thế luôn luôn.

- Chuyện gì quan trọng thế? Có cho đệ nghe mót được không?

- Khốn nạn, có mấy người mua báo, đổi chỗ ở và mấy cái tin vặt. Những tin này thì quan bác đã biết cả rồi, nói ra làm gì cho nó xấu hổ thêm. Tôi xin chịu kém quan bác về cách lấy tin. Tờ *Điện báo* trả tiền nhuận bút cho quan bác hậu hĩ như thế là phải lắm. Và tờ *Điện báo*, ở đâu thì không biết, chứ ở Vinh này mà nhiều độc giả lại càng phải lắm nữa. Ý tôi cũng muốn thôi không giúp cho *Thần báo* nữa.

Oai nheo mắt nhìn Thọ nói chuyện. Trong bụng cười thầm người đồng nghiệp không thể lừa dối mình

được vì chàng vừa được đọc trộm cái tin Thọ sắp gửi ra *Thần báo*: Ông thổ ty họ Sầm ở vùng Mường Phủ Quỳ vừa bị lợn rừng húc lòi ruột trong một cuộc săn bắn long trọng. Nhưng chàng cũng đưa đẩy ừ ào cho xong câu chuyện và lúc gần đứng dậy, chàng tưởng cần phải an ủi ông bạn đồng nghiệp bất đắc chí.

- Quan bác cứ dậy quá lời chứ tôi thì có tài cán gì. Chẳng qua làm lâu ngày, thì có quen việc hơn.

Chàng lại nhún vai, nói tiếp:

- Còn như tiền nhuận bút thì đâu cũng thế thôi. Cái nghề này bạc bẽo lắm mà. Nếu quan bác mà không ở trong làng báo nữa thì từ rày tôi ở Vinh biết tìm ai làm bạn đồng nghiệp xứng đáng?

Thế rồi Oai và Thọ đứng dậy tranh nhau trả tiền để cho nhà hàng không biết nên nhận tiền của người nào thì mới là phải. Họ ở hàng cà phê bước ra với mọi sự thân thiện của kẻ cùng làm chung một phận sự. Họ dìu nhau ra nhà dây thép. Thọ bỏ lá thư vừa viết, Oai đòi xem có thật Thọ bỏ thư đó vào thùng thơ. Rồi lúc Thọ rời sở Bưu điện, Oai đã thảo một bức điện tín gửi ra tờ báo mình, báo cái tin ông ông thổ ty Sầm vừa bị tử vong bởi thú dữ. Chàng không nề hà tốn tiền, đã thuật qua những tiểu tiết của cuộc đi săn, tả cái chết ghê sợ của nạn nhân bằng trí tưởng tượng và hứa sẽ tường thuật thêm nữa trong một số sau.

Oai bệ vệ bước vào hiệu sách đại lý báo *Điện báo*, đòi tờ báo mới về và cảm động đọc cái tin vừa gửi ra tòa báo xếp chữ to, đăng trang nhất, giá kèm được vào đấy một tấm hình nữa thì thú biết chừng nào! Nhà đại lý đã đọc tin trước từ lúc báo ở tầu mới về, chêm vào sự yên lặng của người đang chăm chú đọc báo một câu khâm phục.

- Tôi thực chịu cập tai và cập mắt ngài. Chuyện ở Phủ Quỳ mới xẩy ra hôm kia mà hôm nay bà con đã có báo xem rồi. Báo ở Tây, cũng chỉ nhanh được đến thế thôi. Oai bỏ tờ báo ra phía sau lưng, kiêu ngạo trả lời:

- Chuyện, không thế thì ai chả làm phóng viên được. Dễ thường ông tưởng người ta mù cả đấy, khi người ta cấp cho ông tấm "các".

Oai sung sướng trong mấy ngày, cứ nằm ẹp ở nhà mà hưởng lấy khoan khoái, sợ đi ra đường nhỡ gặp bạn đồng nghiệp Thọ ghen tức và oán giận mình thì giảm thú. Chàng nghĩ mà chê những kẻ nào không biết tò mò xem trộm thư tín của người khác. Nếu chàng cũng cứ buộc mình theo những lễ giáo dạy về danh dự và nhân phẩm, và phải kính trọng bí mật thư tín của người khác, nếu chàng đã thận trọng như vậy thì tờ nhật báo mà chàng đại diện ở Vinh còn làm gì có những tin quan hệ đăng trang nhất nữa. Mới hay, sự tò mò nhiều khi không những không phải là thói xấu mà

còn giúp cho người ta đi đến những chỗ thành công lớn. Muốn cho được công bằng đối với bạn, đối với mình, Oai định mai kia có gặp lại Thọ thì sẽ thành thực mời hắn đi ăn một bữa cơm tây. Có như thế mới là người biết điều, vì không có Thọ thì làm gì chàng biết được tin này, dù hắn chỉ là kẻ hớ hênh vô ý.

Một ngày, hai ngày, ba ngày, Oai vẫn sung sướng đều đều như vậy. Nhưng đến ngày thứ tư thì chàng phải chịu không biết bao nhiêu là sự nhẫn nhục khi phải tiếp một ông khách lạ, to béo, ăn mặc không ra lối Kinh mà cũng không ra lối Mường Mọi hẳn.

- Thưa ngài, tôi muốn được hầu chuyện ông Phạm Tam Oai, phóng viên báo *Điện báo*.

- Chính tôi, ngài có điều gì dạy bảo?

- À, về cái tin săn bắn ở Phủ Quỳ mà quý báo vừa thuật lại. Tôi ở trên mường Tà Sỏi lặn lội về đây, mong được gặp ngài chính là vì việc đó.

- Tôi rất lấy làm hân hạnh. Xin phép ngài tôi vô mặc quần áo. Ở tệ ốc không tiện nói chuyện nhiều. Ngài đợi tôi một lát rồi tôi xin mời ngài tới một trà điếm gần đây.

- Dạ thôi, ngồi đây cũng được lắm rồi. Tôi quên chưa tự giới thiệu tôi với ngài. Tôi chính là viên thổ ty họ Sầm ở Phủ Quỳ nổi tiếng là bắn nhiều thú dữ.

- ?!?!

- Vâng, tôi nhờ thần linh đất nước vẫn còn được mạnh khỏe như thường, và đến mấy tháng nay, không hề khi nào có tổ chức cuộc săn bắn thú dữ. Sinh ư nghệ, tử ư nghệ, nếu tôi cứ theo đuổi mãi nghề săn cọp để lĩnh thưởng và lấy xương hổ nấu cao, thì cũng có một ngày kia bị chết dưới nanh vuốt ác thú. Có thể được như thế lắm. Điều ấy tôi không có phàn nàn gì. Nhưng tiếc rằng ngài đăng chuyện đó lên quý báo khí sớm quá. Tôi tin rằng ngài có ý riễu tôi, khi ngài đánh điện tín đăng tin này.

Oai choáng cả người. Lúc trấn tĩnh được để nghe chuyện ông thổ ty họ Sầm thì chàng tự thấy xấu hổ vô cùng. Chàng ước gì mặt đất tự nhiên nẻ sụt một lỗ lớn để chui tụt xuống đấy mà biến mất tích đi như Đậu Nhất Hổ trong chuyện *Chinh Đông*. Lúc này chàng mong được làm mây khói để tan bay trong quàng hư vô cho khách không nhận thấy hình tích mình nữa. Hết cơn xấu hổ, Oai đâm cáu và hỏi xẵng ông khách:

- Vậy ngài định kiện tờ *Điện báo*?

Ông Sầm vẫn thản nhiên.

- Có khi nào! Trong Báo Luật không có điều luật nào buộc lỗi tờ báo đăng nhầm tin người chết. Tôi thấy quan lục sự Nghị ở tòa án bảo tôi thế.

- Vậy thì ngài muốn cải chính? Chúng tôi rất vui lòng.

- Để mà làm gì? Hiện tôi còn sống sờ sờ ra đây, như thế tôi tưởng cũng đủ cải chính cái tin của quý báo, hà tất phải cần đến văn chương giấy mực nữa. Nhưng nếu ngài muốn đính chính, đấy lại thuộc về công chuyện riêng của ngài. Tôi xin kính chào ngài.

Oai cứ điếng cả người, nuốt thẹn thùng đắng cả cuống họng, lặng thinh nhận lấy những lời trào phúng của khách đường rừng cao tuổi. Chàng tự an ủi mình rằng như thế còn là khá chứ ngộ ông thổ ty họ Sầm lại giở cái lối thóa mạ ra - ông có quyền lắm chứ- thì chàng đã dám làm gì tốt? Nghĩ thấm thía chàng mới vỡ lẽ câu chuyện: chàng đã bị mắc mưu Thọ chủ tâm cho chàng ăn một con "vịt".

Đông Dương tạp chí số 36 (1938)

RĂNG NGƯỜI TÌNH

(Truyện ngắn - Tóm tắt)

Thiên truyện mở đầu bằng hai câu thơ đề từ của ông Lệnh doãn họ Dương:

Cách đôi năm lẻ đôi hàng lệ

Xa mấy con sông, mấy dặm đèo

Trên sông Hương, Trần Sinh và Mộng Thu gặp nhau lần cuối cùng. Trần Sinh ra Bắc, Mộng Thu - một đào hát ở lại. "Hai người là hiện thân của tang tóc. Và trong nét buồn của Trần Sinh và Mộng Thu lộ một vẻ đẹp rất thi vị. Trần Sinh có vẻ buồn của kẻ thư sinh nghĩ ngợi. Mộng Thu có vẻ đẹp buồn của gái góa nhớ tiếc những ngày đã qua không trở lại" Mộng Thu định đem tỳ bà gẩy bài "Trường tương tư", Trần gạt đi, muốn cho đánh chiếc Trượng phu cầm:

"Những lúc này, thưởng thức ngón đàn tiêu hồn, sợ ta không đủ sức lên đường. Và như thế hỏng hết việc lớn của ta".

"Chiếc Trượng phu cầm đã làm cho Trần Sinh mất hết vẻ uể oải và chàng tự cho mình lúc ấy là một tráng sĩ sắp lên ngựa và sắp bắt trở lại cho quá khứ bao nhiêu kỷ niệm đau thương".

Để kỷ niệm cuộc sinh ly không đoán chắc ngày sum họp, bất ngờ Trần Sinh bẻ một cái răng rứa vào rượu, lau vào vạt áo lam, tặng người tình làm cho giai nhân lệ chảy ròng ròng.

Ít lâu sau, trở lại sông Hương, Trần Sinh đưa thiếp vào tìm người tình cũ xin cho gặp. Mộng Thu cho thị tỳ ra hẹn hôm sau vì bận tiếp khách. Khi Trần Sinh nhắc đến kỷ niệm của người tặng răng xưa thì "Con nữ tì một lát ra, bưng một chiếc bình bạc cổ, đưa cho Trần Sinh:

- Ông chọn xem trong mấy chục chiếc răng ở trong bình này, xem cái nào của ông.

Con nữ tì đứng lùi vào góc phòng, lấy cây quạt lượt che nửa miệng cười".

Báo *Tuần lễ* số 16 (2-7-1938)

MỘT CHUYẾN ĐI

(Du ký)

Cuốn phim Cánh Đồng Ma *chiếu trên màn ảnh các hý viện trong xứ cách đây ba năm quả là một trò rối.*

Trong cuốn phim, tôi đã sắm một vai không quan hệ. Tôi đã cười nói và chạy trong phim với sự ngượng nghịu của một anh kép hạng nhì thiếu tín ngưỡng.

Thuở ấy... tôi là một người khán hộ, tôi là cái "hình ảnh" một thầy khán hộ, mặc một cái áo thụng vải trắng trong những cảnh bài trí lạnh lẽo của chuyện phim. Cánh Đồng Ma lạnh như mồ.

Cái đó không có gì là quan trọng.

Cuốn phim đã đi qua.

Vả chăng cứ gì phải là ở màn ảnh mà người ta mới được làm một cái bóng - chúng ta, nếu hết thảy đều ngoan trong tư tưởng, đều phải nhận rằng chúng ta có muốn là gì đi nữa thì cũng chỉ là một cái bóng để đi qua.

Nhưng một chuyện vừa rồi kéo nhau tới một hòn cù lao để vê râu kẻ mày, mượn đến công việc một anh tài tử màn ảnh - chỉ là một cái cớ - để thỏa mãn một thói tật giang hồ cũ, tôi đã được thấy đến cái tầng sâu nơi lòng tôi và ở lòng những người cùng thuyền.

Chén rượu chuyến ấy uống với người cùng hội sao nhiều cấn quá.

Tôi đã uống cả đến cấn. Bởi vì từ nghìn xưa, cái nghiệp của người uống rượu là phải như thế. Dĩ tận vi độ, hỡi ôi! Đến bây giờ mà tôi vẫn như còn ngửi thấy mùi men cồn một đêm say ở Hương Cảng để khóc cho cái nông nổi một hội tài tình.

Nói ra thời khí phụ đến cái tình tri ngộ của hai ông bạn Đàm Quang Thiện và Nguyễn Doãn Vượng, nhưng sự thực thì lúc đáp tàu qua Hoa Nam làm phim, tôi không lấy gì làm nặng lòng với việc chớp bóng. Tôi chỉ biết ngay đấy là một cơ hội giang hồ. Tôi bèn xin gia nhập vào cái đoàn người ta vừa mộ xong.

Hồi ấy tôi đau bệnh thương hàn nhập lý. Suốt ba tháng ngọa bệnh, tôi cứ đếm từng ngày một đi qua trên cái siêu thuốc có tiếng thầy tôi quạt than phành phạch. Đếm từng ngày không đủ, tôi lại đòi đếm từng giờ.

Thầy tôi đã chiều đứa con nuông và bèn sắm cho tôi cái máy cắt thời gian ấy.

...Vậy mà chỉ trong một buổi, tôi đã cất cơn bệnh, tôi đã khỏi ốm.

Ông Tú già và tốt ấy đã trông thần thái tôi với sự nghi ngại.

Thấy tôi dần dần đỏ da thắm thịt, thầy tôi nghi ngại cho hạnh phúc sum họp của một nhà. "Nó khỏe rồi nó lại sắp lên đường...".

Thầy tôi trao cho tôi cái đồng hồ của ngày ốm cũ và dặn thêm:

- Cố giữ lại nó. Những lúc nhớ độ đường đến thế nào cũng đừng đem vật thân mật này ra mà thay làm con tin cho người ở đọc đường nhé.

Tôi đã phụ lời dặn đó...

Lúc lìa chiếc đồng hồ rồi, tôi liên tưởng đến số phận một chiếc Roskopf (nghĩa là cùng lại là một thứ đồng hồ) của một đấng du sĩ thời này.

Nước Lỗ Ma Ni có một trẻ hoang toàng.

Đứa trẻ "ma cà bông" ấy lại còn là một nhà văn trứ danh nữa.

Lúc Panait Istrati bỏ Lỗ sang Ý, đi tầu lậu vé. Lần đầu của Phiêu Lưu! Khá không! Rồi từ Ý, Panait

Istraiti mới lần qua Ai Cập, cũng lại lậu vé. Trong cuốn "Mes déparis", Istrati thuật lại cái đoạn lẻn xuống chiếc Hohenzollern và đã phải bán chiếc Roskopf đi để lấy cái mà trả tiền đò cho chú lái chở mình từ bến ra tới chiếc tầu khổng lồ đỗ ngoài xa.

Người ấy đã lìa chiếc Roskopf và từ phút không còn chiếc đồng hồ thân yêu nữa, thì chàng là một người đại lữ khách của cuộc đời to rộng. Hình như phải mất cái máy con con kia, không được còn có chút ý niệm về thời gian nữa, thì người ấy lấy luôn không gian mà đo cái quãng đời mình vậy.

Đứng trên boong tầu King Chow, một buổi chiều khởi hành xám xịt, lòng tôi nao nao, hồi hộp rất có thể ngang với lòng cái người đã đứng trên boong một chiếc Hohenzollern để từ ấy đánh dấu cái tên Panait Istrati vào thế kỷ, vào những đá bên đường đời.

Tôi đi chơi đảo Hương Cảng vào lúc cuối năm. Tôi ở đảo về, năm sau còn đang xuân. Và nhà tôi sinh thêm cho tôi một đứa con gái vào khoảng hoa đào tạ cánh, ở nhị hoa đã nhú lên cái hình quả. Để kỷ niệm một cái gì, đã xảy ra đến trong cuộc sống rối bộn của tôi hồi ấy, tôi bèn nghĩ đặt luôn tên cho trẻ lọt lòng và gọi nó là con Hương Cảng. Tôi có ngỏ ý ấy với thầy tôi - nói xong tôi mới biết là lỡ lời vì tôi đã gợi lại cái chuyện bỏ nhà mà thầy tôi đã muốn ngơ đi. Tôi biết

thầy tôi giận lắm vì một đứa con trai trưởng đã không thắp hương ở bàn thờ ông vải vào một cái Nguyên Đán năm Mậu Dần ấy.

Nhưng thầy tôi vốn là người có lượng. Người đã nguôi chuyện cũ và chỉ khoan thai:

- Hương Cảng! Cũng được. Chữ Cảng thuộc về bộ thuỷ. Trong họ nhà, mấy đời liền liền, đặt tên đều lấy theo bộ thủy cả.

... Một buổi suy tưởng về tên người, tôi đã ngờ đến cái ảnh hưởng ghê gớm và thần bí của chữ tên đối với cuộc đời từng người.

Thủy là nước.

Nước vốn ít tụ mà lại hay đi.

Cái sứ mệnh của chất nước là mãi mãi phải trôi xuôi.

Ngày trước, vì có một cái tên đặt theo bộ thuỷ, mà ông nội tôi đã là người hành nhân đi theo một phái bộ qua sứ Tầu. Năm ấy, ông nội tôi hai mươi ba tuổi theo đoàn tuế cống sứ sang Bắc Kinh và hình như có ý muốn ở luôn bên ấy không về. Nhưng mà không được. Cái đoàn sứ khởi hành vào tháng thứ năm Thiệu Trị thứ năm đã trở về xứ sở vào khoảng tháng sáu năm sau, không hụt đi mất một người nào!

Đến lượt thầy tôi.

Thừa tự được cái tính ấy, thầy tôi đã có một dĩ vãng "lang bạt kỳ hồ" mà ngày nay, mỗi lúc nhắc tới, mẹ tôi chỉ biết có kêu giời vào khoảng hai ngụm rượu thuốc.

Và tôi, đêm này thiếp giấc trên tập du ký cắt ở báo cũ ra sửa chữa lèm nhèm, tôi lại vẫn mơ thấy cái viễn tượng tương lai mình chứa đựng vào một lá buồm phồng trắng lừ lừ trên một vùng nước xanh rờn không đầu không cuối và không có tuổi.

Tỉnh cái mộng, tôi tự hỏi tôi nhiều về cái thiên Hạnh Phúc. Con người ta, - khi đã tìm đúng được cái định thức hạnh phúc của mình là phải ở chỗ xê dịch rồi - một khi đem gửi cả hạnh phúc mình vào lòng một lá buồm chứa phồng lên những gió sớm, như thế có đến nỗi là ích kỷ và có tội nặng đối với những người thân nhất và gần nhất quanh mình không?

Hà Nội, Tết Cơm Mới, Canh Thìn
NGUYỄN TUÂN

MỘT CON TÀU SAY RƯỢU

Buổi chiều mùa đông ấy, tầu *Kinh Châu* rút neo vào khoảng bốn giờ. Trời không sáng và cũng không tối. Mặt nước thương khẩu Hải Phòng lẫn lộn vừa nước ngọt vừa nước mặn, phản chiếu ánh sáng lạnh một vòm trời thấp tịt như cái vung nồi đè nặng trên lữ hành.

Từ ruột con tầu bể, nổi lên mấy tiếng phì! phì! làm rạo rực lũ người đứng trên boong muốn nói nốt chuyện với bọn người đứng dưới bến. Tiếng còi tràn qua sự buồn rầu của cuộc tiễn biệt và chạy dài đến giang thôn kia thì chết hẳn. Hồi chuông báo hiệu lắc mạnh. Con tàu dịch đít. Sườn tàu nhẵn nhụi còn gợn mẩu cầu chưa rút hết, lừ lừ nhả thành đá nơi bến. Cái quãng trống từ thành đá đến thân tàu sáng dần ra và rộng thêm mãi. Con tầu cựa mình làm mực nước rạt rào vỗ mạnh vào chân đập bến lởm chởm gắn những mảnh hầu và vỏ sò. Luồng khói trắng, loãng, cao và dựng đứng trên nền mây chì đã nhường chỗ cho thứ khói đen và đặc. Con tàu tuôn mùi than đá

nồng nặc làm người ta có thể mửa được đến mật xanh mật vàng. Gió bấc một buổi chiều khởi hành đè rạp luồng khói xuống mặt nước phù sa.

Tiếng chân vịt tầu đập nước đã làm át những tiếng reo hò dưới bến cố đuổi theo con tầu đang mở máy. Chỗ phụ đầu, mấy chiếc bóng lờ mờ, mỏi mệt phất những mảnh mùi xoa kỷ niệm.

Tiếng rình rình của các động cơ từ trung tâm tầu phát ra nghe đều đều... Hải Phòng chỉ còn là một bức tranh thủy mặc mà cạnh và góc lâu đài đều nhoè cả. Gió chiều của ngày lụn và sức nhanh của tầu nhắc cho ít nhiều hành khách trên boong cái cảm giác lạnh. Những cổ áo tơi len bắt đầu dựng, chùm kín gáy những đầu bù tóc.

Boong tầu vãn người. Rồi ngoài bọn thủy thủ phải lăng xăng chạy theo mệnh lệnh của thuyền trưởng phân phát công việc, trên boong tầu, chỉ còn có một mình tôi đang mê đắm với cảnh sông dài giời rộng.

Tôi ngạo nghễ, mỉm cười nhìn ô cửa vuông cầu thang cứ nuốt lần hành khách. Họ xuống dùng bữa cơm đầu tiên trên bể. Nhưng tôi không thấy đói. Ngả lưng vào lan can, tôi ngoẹo cổ ra ngoài nhổ chơi một bãi nước bọt xuống mặt nước hỗn độn. Trong muôn nghìn tiếng sóng vỗ ì ầm vào thân tầu, tôi tưởng chừng như thính tai đến có thể nghe tách riêng ra cái tiếng bẹt một bãi nước bọt mình rơi từ một bề cao

chin mươi thước. Trong muôn nghìn con sóng bạc đầu, trong ức triệu cái bọt nước bể đang xèo xèo tan, tôi còn dám nghĩ có thể thấy rõ được khối nước dãi của mình vẫn giữ được nguyên chất và không chịu hòa hợp với triền nước sông đục.

Buổi hoàng hôn Bắc Kỳ xuống chậm chạp và nhuộm xẫm dần mặt sông nhờ nhờ đỏ. Nó gieo vào lòng khách cô độc đứng trên boong một mớ nhớ thương lãng mạn chỉ chờ giây phút cảm hứng là hiện lên một khúc nhạc độc tấu hay một bài thơ tương tư dài.

Khí âm nổi lên một lúc một tăng. Hai bên sườn tàu, le lói sắc đèn báo hiệu mầu xanh và mầu đỏ.

Giữa khoảng âm u nơi hà khẩu, ánh sáng khoa học ngọn đèn bể quét sạch một góc mặt biển, dọn đường cho tầu *Kinh Châu*.

Không cần phải nhận rõ thấy lâu đài, biệt thự ở chỗ duyên hải, người ta cũng biết dấy đèn điện như một xâu con đom đóm nằm im kia là Đồ Sơn.

Rồi giữa sự điên cuồng của nước mặn, của gió muối, con tầu lắc như nhiều hơn và mạnh gấp bội.

Biển lớn bắt đầu.

Sóng gió và tiếng máy hòa nên một bản đàn mà trong đó nhiều nhất là những tiếng nắn vào một cung hồ. Nghe mãi cái điệu buồn tẻ, trầm trầm nay, trên

một boong tầu, tôi tưởng như hồi còn tấm bé, được đặt mình trong chiếc võng đưa và có người vú già nịnh ru tôi dở giấc với một giọng ngái ngủ.

Tôi tập tễnh đi tới đằng lái tàu. Chiếc tẩu thuốc lá vẫn không rời miệng tôi và nhận có đến bốn năm mồi thuốc đầy rồi. Nó đã bắt đầu nóng đến bỏng tay. Tôi cúi gầm mặt đi đi lại lại và khom lưng lắng tiếng giầy mình gõ lên sàn tầu nghe rõ mồn một. Tôi thấy có người đánh đai sắt lên đầu và cặp chân vững chãi của tôi đã đến lúc đặt nhầm chỗ và có lúc lại không nhận thấy chỗ mà đặt nữa. Tôi thấy choáng váng tâm óc và say sưa vô cùng. Tôi thấy những rượu hồi, bồ đào, rượu ngải cứu uống từ trước tới giờ đều không có nghĩa lý gì hết, nếu người ta định nhờ đến rượu để theo đuổi cho cùng cái thú say. Thứ say rượu mạnh chưa có tên mà tôi đang uống một cách không tưởng ở trên boong tàu, tôi gọi là rượu giang hồ.

Rượu giang hồ này đã làm nhạt phèo những tửu độ rất cao, những chất men rất nồng ngạt. Nói đến công phu của người cất được hồ rượu giang hồ, trong tuý hương mọi người không khỏi rùng mình. Kẻ cất rượu đã chẳng đoái đến sức khỏe, không tưởng đến năm tháng, lủi thủi trên những quãng đường dài vô hạn - dài đến nản lòng người vong mệnh - hoặc thẫn thờ giữa cảnh núi rừng mà thăm dò từng vết chân chim, hỏi tìm từng cái bóng đá, để làm gì? Để ngày

lại ngày, âu yếm hứng lấy từng giọt sương đọng trên ngọn cỏ bên đường, trên ngàn lau rừng thẳm. Những giọt sương ấy, cho thêm vào ít men, đem ủ, đem vùi dưới những quán trọ, một ngày kia sẽ trở nên thứ rượu mạnh chấp hết sự cạnh tranh của mọi thứ rượu có bán đến bây giờ. Sành sỏi trong việc cất thứ rượu ngon này, có lẽ không ai bằng bọn thủy thủ sinh nhai trên mặt nước rộng. Vì họ đã không nao lòng trước cảnh bão táp hùng vĩ của biển hồ, căng những lá buồm lớn cốt để hứng giọt sương thu, hạt mưa mặn, rồi đem giấu những chai nước đọng đó xuống dưới lớp cát một hòn đảo không tên, dưới lớp bùn một bến nước bỏ hoang. Bao nhiêu đau khổ của người trôi nổi sẽ là thứ men dùng vào nghệ thuật cất rượu. Thứ rượu nầy không có bán như ở Hạnh Hoa Thôn. Kẻ nào muốn nếm thử cái say sưa của người du lịch không quê hương thì cất lấy, ủ lấy rượu mà uống. Và trong đám giang hồ nếu có kẻ không tên tuổi mời một kẻ không có cả *Bây Giờ* không có lẫn cả *Ngày Mai* uống một chén rượu nầy vì sự tình cờ của quán trọ hẻo lánh, thì những cuộc mời mọc này lại toàn là tiếng khóc phẫn uất, bất đắc chí, đi trước những cái chết bất đắc kỳ tử.

Cất nổi nửa hồ rượu giang hồ, lâng nhân soi gương nhiều khi thấy bạc hẳn mái đầu. Lít rượu ngon ấy, người giang hồ trả giá đắt hơn một viên linh đan của

Tiên Ông trong núi hay giá hòn ngọc của hồ ly tình. Thì ra bữa rượu say sưa của kẻ lữ hành vĩnh viễn đã được trả bằng giá một đời nghệ sĩ tìm lẽ sống của mình trong sự xê dịch luôn luôn trong không gian và thời gian. Hỡi kẻ kia hiếu tĩnh, tháng ngày ru rú trong xó nhà, hãy im cái đùi! Chớ có tự phụ làm ra con người lạc phách, khi uống được độ một cút rượu đêm giao thừa trong nhà hát sắp ăn Tết, than thở những là chẳng gặp thời với một cô đầu thập thành gần đến lúc hoàn lương.

Tôi càng thấy ngây ngất nhiều, lảo đảo nhiều. Tôi cảm thấy từ lúc bồng bềnh trôi nổi đến bây giờ, đã lâu lắm mới lại được nhấp rượu giang hồ đến "dĩ tận vi độ". Nhưng còn gì buồn hơn là độc ẩm. Uống bữa rượu ngon không gặp tri kỷ, ta thấy thiếu nhiều lắm. Cái nghĩa thiếu nhiều, ở phút này, ngụ cái ý tìm lấy một linh hồn bầu bạn. Thế mà chung quanh tôi, giữa một chiếc tầu đầy hoạt động, thừa sinh khí, tôi chỉ thấy cái rộng rãi và yên lặng của một boong tầu sạch sẽ, sáng sủa. Tôi ngửa mặt lên trời. Rồi cười sằng sặc. Tiếng cười này chỉ có thể có trong một nhà hát uống rượu đã đâm biến, lúc canh đã tàn.

Trời đen như một đêm ba mươi tết, đen kịt đến không trông thấy một tí gì, ngoài những ngôi sao nhấp nhánh. Tôi nhìn ngôi sao Bắc Đẩu như một

người đi bể tìm hướng bắc trước hồi phát minh ra địa bàn trong nghề hàng hải.

Tôi lảo đảo đi ra phía cầu thang, xuống dưới sàn dưới. Đặt chân xuống sàn nầy ngổn ngang những hành khách hạng bét, bao nhiêu chất thuần tuý mơ mộng, lãng mạn bồng bột từ nãy trong óc tôi, phút chốc đã tiêu tan ra khói, ra hơi nước. Tôi thấy khó thở quá. Một ánh sáng vàng cành cạch soi lên mấy trăm hành khách Á Đông đang quằn quại nôn, oẹ, mửa. Buồn hơn nữa, là trong số bấy nhiêu người, tôi không tìm thấy một nét mặt nào tỏ vẻ vui sướng rằng đã được du lịch dài trên mặt bể. Đối với tôi, sự đổi chỗ trong không gian là một cớ thoát ly mầu nhiệm nhất, thoát ly khỏi hoàn cảnh tủn mủn của cuộc đời đứng yên mãi mãi một chỗ; thoát ly khỏi sự trói buộc bần tiện của cuộc đời hàng ngày dạy mãi cho người những thói quen nô lệ. Tôi rất bực mình tự hỏi sao lại có những người nghĩ khác mình. Và thảm hại hơn nữa là gần hai chục tài tử Việt Nam cùng đi với tôi sang Hương Cảng đóng trò chớp bóng nói, tôi nhận thấy, nhiều bộ mặt đau khổ từ chiều đến giờ, lúc nào cũng gần như sắp kêu to lên rằng *đi là chết mất một phần.*

Đấy là những kẻ giang hồ bất đắc dĩ.

Chao ôi! Tôi muốn gọi đến linh hồn của bao nhiêu cái bậu cửa, ngưỡng cửa và cánh cửa thiêng liêng, hô chúng khép cả lại và tránh chúng đỡ thiếu bổn phận

canh gác gia đình an cư để những đứa con hoang toàng nửa mùa như thế này được xổng ra ngoài.

Trên sàn tầu hạng bét bẩn thỉu, bọn tài tử Việt Nam biệt lập hẳn ra một khu xá quan trọng. Hơn hai chục ghế bố vải, xếp hàng chữ nhất sát vào nhau, theo chiều ngang con tàu. Ánh sáng yếu ớt ngọn đèn điện mười nến không đi qua được lớp bụi kinh niên nơi bóng đèn, và lờ mờ rọi lên một tấm ghế bố ở đầu hàng còn để trống. Tôi trao đổi một nụ cười với anh em trong bọn rồi tiến ra phía giường của mình. Thấy nơi mình nằm là trống trải nhất, là hứng nhiều gió nhất, trong óc tôi nẩy ra những tư tưởng so sánh, và ganh tị. Rồi tôi lấy làm buồn và tự trách móc nhiều rằng đã để cho những ý nghĩ tầm thường đó trong giây lát cai trị nổi mình một cách không xứng đáng.

Tôi cứ để cả quần áo như thế, ngả lưng lên ghế bố, đầu đặt vào chiếc va li đã méo bẹp cả góc.

Những tiếng ngáy đã nhiều và bấy nhiêu âm thanh khò khò tổng cộng lại, tưởng có khi át được tiếng động cơ tầu *Kinh Châu*. Tôi vẫn trằn trọc, thấy lạnh vai nhiều nhất và cựa mình luôn. Tôi muốn đánh lừa thời khắc, đem cuốn *Truyện Kiều* ra ngâm: "... vốn người Việt Đông. Giang hồ quen thói vẫy vùng...".

Bỗng mấy người trong bọn nhao nhao hỏi:

- Có *Kiều* đấy à! Cho mượn tị.

- Làm gì? Bói phải không?

- Chứ sao nữa.

Tôi lãnh đạm đưa cuốn *Kiều*, giận họ đã làm mình cụt hứng ngâm nga. Dăm bảy người trong hội tài tử giang hồ vừa thiếu nữ vừa đàn ông đứng tuổi, xúm nhau chung quanh cuốn *Kiều*, bên chiếc ghế bố. Họ nhắm mắt, tín ngưỡng và kính cẩn mở cuốn truyện xưa, sau mấy câu lầm rầm trong miệng. Họ khấn linh hồn hết thảy nhân vật trong truyện với sự thành kính của một bà cụ già có chân trong hội chùa, thắp hương trước Phật đài vào ngày sóc vọng. Những người này, chưa biết mặc kệ ngày mai. Họ còn tin những ngày sẽ tới và đặt tâm tình vào nhiều vật nhỏ nhen quá. Tôi thấy cõi lòng mênh mông hiu quạnh và trên cái ồn ào của những hành động tầm thường, tôi nghĩ đến nỗi lặng lẽ không bờ bến của một linh hồn không được thông cảm với chung quanh.

Đêm vẫn dài, tầu vẫn lắc. Bao thuốc lá của tôi cứ vơi dần rồi hết. Sự lười biếng không muốn ngồi dậy lấy thêm thuốc bỏ trong va li, sự lười biếng ấy đã cho tôi ngủ yên được. Vì rằng tôi thiếu thuốc lá, thường không thức được nữa, cũng như thư sinh kia sắp tới mùa thi, đã phải bỏ học, hậm hực đi ngủ vì thiếu mỗi mẩu nến hay một chén cà phê đặc. Nói rằng tôi ngủ yên, thực không đúng. Tôi chiêm bao nhiều quá.

Trong đêm đầu tiên ngủ trên tầu *Kinh Châu*, óc tôi là mỗi tấm màn ảnh mạng và vá nhiều chỗ mà trên đó, mông mị đã quay được mấy mươi nghìn thước phim. Cuốn phim Dĩ Vãng. Quay giật lùi, mờ chiếu ảnh một người lang thang không nhà cửa và sống một cuộc đời vô định, chẳng biết gì đến những phương pháp kiến thiết, chẳng chịu hiểu gì đến tư tưởng của thời đại. Thời đại bị hất hủi, đã báo thù lại và gieo vào đầu đứa con hư có mầm độc Thời Bệnh. Cũng như ở trong các truyện phim chớp trên màn bạc thực, trong cuốn phim này, vẫn có một người đàn bà. Một người đàn bà tầm thường không đẹp, không xấu, không hiền và không ác, nhưng đủ mở nổi then, đóng nổi chốt cho sự hồi hộp cuốn phim. Cuốn phim quay, tôi vẫn đi mãi để tìm thời giờ đã phí phạm và những chân trời mới. Trong giấc mơ, chính tôi đang đi ngược lại dòng thời gian, sống lại cuộc đời mình trong giấc chiêm bao mà tôi không tự biết, còn lớn tiếng nói: " - Cái đời thằng này hỏng. Hắn không phải là người để kiến thiết xã hội trong những giờ nghiêm trọng cũng như trong những ngày thái bình, sống chật đất nước, chết thừa mồ mả. Đồ chọn nhầm thế kỷ. Ở cái thế giới đã già cỗi này, mày là kẻ sinh sau đẻ muộn...".

Có người trong bọn đập mạnh vào mông. Tôi thức giấc. Họ vui vẻ bảo:

- Nằm mê thấy những gì mà nói tợn thế. Hôm qua thức khuya lắm thì phải?

- Mấy giờ rồi, anh? Cho xin điếu thuốc.

- Gần chín giờ rồi. Tầu sắp tới Bắc Hải. Ăng - lê gọi là Pakhoi

- Có phải Bắc Hải là nơi đánh được nhiều cá mực ngon. Khách đem qua bên mình bán mỗi cân đồng mấy bạc cho bọn tửu đồ ấy không?

- Đúng đấy.

Tôi vùng mình dậy rửa mặt, thay sơ mi, đánh răng, thành tâm lên boong tầu, ngắm cảnh Bắc Hải.

Và nửa giờ sau, lúc tầu bỏ neo, tôi là người hành khách trước tiên đứng tựa bao lơn cầu tầu, thở khói tẩu thuốc lá, chào Bắc Hải như chào một cố nhân.

Với cái cố hữu danh từ địa dư đầy những gợi cảm, tôi đã nhớ rõ ràng lại những cuộc rượu ly bì nhắm cá mực Bắc Hải với người tri kỷ trong những ngày cuối thu sang đông. Một chậu thau đồng lập loè ngọn lửa men xanh lè rượu chín mươi độ... Một mùi cá khô nướng thơm phức tỏa đầy gian phòng không bị tiếng đàn bà con trẻ quấy rối... Và ngọn lửa hỏa thang ẩn hiện rọi vào những bộ mặt phong trần thất thế mà đời gió bụi đã tạc vào đấy những nét rắn rỏi, gân guốc không khác gì nét đá hằn trên mặt một pho tượng bán thân.

Tôi lại nhớ cả đến những câu chuyện lý thú của các bạn cũ kể trong những lúc tạm dừng bước, họp mặt ngắn ngủi như thế để rồi sau đấy lại xa vắng nhau thực lâu và không có chút tin tức gì gửi về. Những chuyện lý thú dưới ấy, với những nỗi bất thình lình, tàn nhẫn ngoắt ngoéo, sống một chết mười mà kẻ lữ hành đem từ chân trời xa về, những chuyện ấy có thể làm sốt ruột những bạn hàng xóm hiền lành vốn lấy bậu cửa gia đình làm giới hạn cho sự thay đổi chỗ của mình trọn một đời.

Tôi nhìn thành phố Bắc Hải, nhìn những mái nhà lầu lợp toàn thứ ngói đá đen màu trắng mốc, tôi lại liên tưởng tới cá mực ngon, thứ hải sản mang cái tên tốt đẹp của thành phố này mà một người làm thơ uống rượu biết tự trọng không bao giờ quên được. Ánh sáng lạt buổi chiều soi vào từng viên đá mốc xếp trên mái nhà. Tôi tưởng tượng rất thèm thuồng đến những con cá mực phơi được già nắng đang phô màu phấn ngon lành của thứ hải vị đắt tiền. Nước dãi ứ đầy tràn miệng tôi.

Thế mà chiều hôm ấy, tầu đã nhổ neo. Một đêm... một ngày, bến Hoihao lại bắt đầu gặp tàu *Kinh Châu* bỏ neo ăn tết Tây ở đấy!

Thế rồi ngày lại ngày, trên mặt bể rộng, con tầu căn cơ rút từng hải lý một. Và như thế, trong sáu

ngày sáu đêm, tôi thấy tôi sống nhiều. Sống trong lúc thức tỉnh, thấy tâm hồn ngây ngất như bị con tầu hấp dẫn và bập bềnh trên con đường bọt bể trắng điên cuồng. Sống cả trong lúc ngủ, trong những giấc chiêm bao vụn vặt để ôn lại cái dĩ vãng xê dịch của tôi.

Buổi sớm ngày thứ sáu, tất cả hành khách đều vui vẻ trông thấy quần đảo Hương Cảng và lúc tầu *Kinh Châu* đi chậm lại trong vũng Hương Cảng, họ đều reo.

- Đến rồi.

Riêng tôi thì ngẩn ngơ như nhớ tiếc một cái gì quý giá đã tan mất. Cái gì quý giá đó tức là thi vị ngụ trong sự được đi mà không bao giờ phải ngừng. Tôi nói như trong giấc mơ:

- Đã đến rồi kia à!

HOA, ÁNH SÁNG VÀ NƯỚC

Chưa bao giờ tôi được say sức nhanh đến thế, ở giữa những thành phố đông người sang ngang, trong làn ánh sáng xanh, đỏ, trắng, tím, vàng phát ra từ muôn nghìn thước ống thủy ngân, uốn theo hình chữ quảng cáo của một thành phố anh chị trong việc buôn bán ở Cực Đông.

Tôi ngây ngất. Tốc lực xe *taxi* đã làm cho tôi ngà ngà. Thế mà tài xế còn chưa cho là đủ. Hắn còn rú mãi ga. Chiếc xe vùn vụt. Như một hòn chì đạn sau tiếng nổ bấm cò súng. Đôi đèn *pha* dọi đường cho xe, không là cần dùng nữa. Đôi con mắt điện kia chỉ còn có tính cách trang điểm thôi. Vì ánh sáng của nó không trội được trên giải phố lát nhựa nó như lóe ra được hào quang chói mắt.

Đêm nay là đêm đầu tiên của tôi tại Hồng Kông. Ánh sáng của Hồng Kông là ánh một kinh thành tự cháy bùng lên theo điện học làm mờ mắt và nóng mặt những lữ khách chưa quen với sức sáng gắt gỏng, lọc lõi và dữ dội này. Ngồi trong xe hơi, tôi có cảm giác

chơi hú tim với ánh sáng dọi qua cửa kính. Xe chạy nhanh chốc chốc lại hãm *phanh* dựng đứng xe lên được vì có một *sính sáng* Trung Hoa đang mải đọc một tờ báo Tầu đi từ lề đường này qua hè bên kia. Ấy ở Hồng Kông, nó có những cuộc gặp gỡ của cực đoan quái lạ như vậy.

- Tụi sốp phơ ở đây tài hơn bọn ở Paris kia "lậng"! Tụi nó lái lắm cái mình thất hồn.

Ông thông ngôn người Nam Kỳ giảng như vậy cho tôi nghe và cười vào giữa bộ mặt rất khâm phục của tôi. Tôi bỡ ngỡ với một sự sinh hoạt mới lạ.

Xe chạy đều và êm.

- Từ xóm Lợi Hý Viện mình ở, cho tới *Sạch Sùng Chủi* xa lắm. Có giở bản đồ ra mới biết. Vậy mà thường tụi sốp phơ chỉ chạy hết có mươi phút.

- *Sạch Sùng Chủi!* Cái tên xóm nghe ngộ đấy nhỉ!

Ông thông ngôn càng cười nhiều. Ông lấy làm hãnh diện tỏ rõ mình là một người nghe danh từ này đã quen tai. Tính đã đủ thường thức sự tò mò của tôi trước thanh âm của tên một xóm ăn chơi, ông mới nói tiếp:

Chính chữ Hán, ta đọc nó là Thạch Đường Tử. Người Quảng Đông phát âm là Sạch Sùng Chủi. Xóm này đối với Hồng Kông không khác gì xóm *Mông-mạc* hay hộ La Tinh ở Ba Lê. Ở Sạch Sùng Chủi, người ta

ăn chơi sáng đêm. Đấy là nơi gặp mặt của mọi "thứ công tử số một chơi vàng trời". Những công tử ở vùng Bặc Liêu được dời xứ sở qua đây mà xài cơ nghiệp ông già bà già họ, chắc họ không chút đỉnh tiếc hận.

Mua lấy chút danh ở Sạch Sùng Chủi, nào phải chuyện ít ỏi sao! Có nhiều khách vào bực cự phú ở vùng Lưỡng Quảng, qua đây tìm thú đờn, hát, rượu, chè, đốt cháy trơn cả cơ nghiệp mà làng chơi thượng lưu ở đây cũng chưa để họ lọt vào cặp mắt. Đủ biết họ phá tán tiền của là nhiều quá đỗi. Nội mấy thành phố ăn chơi ở Cực Đông, Hương Cảng đứng sát nút bên cạnh thành phố Thượng Hải. Hồng Kông chỉ thua kém Thượng Hải ở chỗ không có trò chơi làm hoàng đế như ở xóm chơi Đại Thế giới, mỗi đêm muốn làm hoàng đế với mọi nghi vệ thiên tử người ta bỏ ra bạc vạn, bạc triệu. Đêm chơi Thượng Hải trị giá mắc mỏ. Nhưng ở đây, làng chơi cũng biết coi thường đồng tiền. Họ xài cũng lớn lắm.

- Thí dụ?

- Giả tỷ như mấy ông muốn ăn một bữa ở Sạch Sùng Chủi. Thì mạt ra một thổi rượu hạng cuối cũng phải trả một trăm đồng bạc Anh. Ở bên xứ sở, mấy ông có dám bỏ ra một đôi chục bạc để ăn một trái lê, một trái đào?

- !?!?

- Mấy ông lấy trí tưởng tượng, mà hình dung một người đàn bà Tàu thiệt đẹp, lúc nào cũng cười chúm chím với ông, cứ quanh quẩn bên thổi rượu. Mấy ông tỏ ý muốn thời một trái đào. Người đàn bà đẹp có sẵn một cặp đao lưỡi nhỏ và dài như lá lan, liền chéo tay, xóc trái đào bằng hai mũi đao. Họ làm lạ lắm. Họ tung trái đào lên cao, cách đầu họ độ thước tây. Như một quả cầu vậy. Trái đào rớt xuống, họ lấy hai con lan đao đỡ lấy, và xoay mai dùng tài riêng để gọt trái đào đang múa may giữa không khí. Cả nghệ thuật của họ ở phút nầy. Và mất tiền nhiều, cũng là để tận hưởng cái phút này. Trái đào cứ lăn tròn mình trên đôi lan đao một cách tròn trĩnh, mau lẹ rồi trụi hết lượt vỏ. Người đàn bà đẹp lúc đó lại tung trái đào như lần trước, lúc trái cây rớt xuống, họ đón lấy và chéo tay, vòng đao lại, cắt trái cây ra từng miếng. Nếu tụi ông là bốn người thì bốn mảnh đào rớt nằm vào lòng đĩa. Nếu là sáu người thì cũng đủ sáu miếng!

Kể xong chuyện trái đào Tầu, ông thông ngôn đắc chí, cười ầm lên. Lớp cửa kính xe kín bưng dội lại tiếng đồng vọng trận cười. Rồi xe từ từ đỗ cạnh vỉa hè một phố rộng rất sáng. Nước sơn bóng, mới của một đoàn xe nối sát đầu và đít vào có đến trăm chiếc, phản chiếu cái ánh sáng ấm áp mấy tửu điếm! Năm từng nhà lầu. Bảy tám từng nhà lầu.

Quay mặt qua phía trước là Kim Lăng tửu điếm, cao lênh nghênh sáu từng gác và mặt nhà cũng chằng chịt bóng đèn nhiều nến. Họ thi nhau mà thắp như giữa những buổi dạ hội khánh tiết lớn. Mắt tôi lại quáng mất rồi.

Theo lời đính ước với mấy viên đại diện hãng phim Nàm Duyt thì 8 giờ tối nay, chúng tôi tề tựu đông đủ ở từng gác thứ tư khách sạn Quảng Châu.

Hãng phim Nàm Duyt đặt tại tửu điếm rất lớn nầy một tiệc rượu rất long trọng. Họ sửa cái lễ tương kiến giữa đoàn tài tử Việt Nam và nhân viên hãng phim Tầu đấy.

Lên khỏi cầu thang máy, tôi đã thấy cảnh lộng lẫy khách sạn này hiện trong gian phòng rộng rãi có thể nhận được đến hàng trăm người ngồi dự tiệc. Anh em đã họp mặt gần đủ cả.

Bắt đầu cuộc giới thiệu. Chủ khách đều vui cười. Người ngồi, kẻ đi, kẻ đứng trong không khí đằm thắm. Tiếng vỏ hạt dưa kêu lạo xạo như tiếng đổ vỏ ốc. Khói thuốc dăng tỏa đầy phòng.

Nguyễn Doãn Vượng bấm sẽ tôi:

- Có hào lẻ đấy chứ? Anh nên nhớ đi tiểu ở đây phải cho tiền đầu sai đấy nhá. Cũng như đối với mọi cái người ta chiều chuộng mình. Đi tiểu ra, sang thì cho người ta bốn năm hào, ít cũng hai hào. Vì mình

là khách sang. Có sang trọng thì mới ăn chơi ở đây. Bồi bàn nó đánh diêm châm cho mình điếu thuốc, thế là một hào. Nó chải quần áo qua loa cho mình, thế là hai hay bốn hào...

- Cái gì mà nhiều thế? Chỉ nói nhảm.

- Đùa sao? Tôi qua đây trước các anh, không đầy một tuần lễ, mà túi gần cạn vì những phí khoản vụn vặt đó. Ở đây, họ có ước lệ ngầm đánh thuế xa xỉ vào người.

- Thế thì khổ quá.

- Chịu vậy chớ sao. Để giữ lấy giá người (!). Khách nó mời ăn tiệc, anh lại muốn hạ giá người xuống nhờ họ trả cả những khoản nhỏ nhặt mà một người lịch sự phải xử lấy hay sao?

- Nhưng mà chúng ta không quen như vậy.

- Thì tập lấy cái tính đó. Bắt đầu từ bây giờ đi. Cũng không khó gì. Ít ra trong những ngày ở đất khách, mình nên nhớ đã đút đầu vào những nơi phiền ba (!) như đây là phải tốn kém.

Tôi đang kính cẩn nghe lời Doãn Vượng dặn bảo, thì một anh bồi bàn đã tủm tỉm cầm một cây bàn chải lại cạnh tôi. Tôi hiểu ý sau cái nháy mắt của Doãn Vượng. Tôi ưỡn mình ra. Anh bồi lom khom chải lia lịa. Rồi khi anh dậy, anh lễ phép đưa ra một cái đĩa

bạc xinh vô cùng. Tôi nhẹ nhàng để vào lòng đĩa nhỏ hai hào bạc và nhận lấy cái gật đầu cám ơn của y.

Tôi muốn hưởng cái khoan khoái của khách phong lưu được người ta săn sóc nhiều đi tới bàn giữa, rút một điếu thuốc yên hương hút. Vừa đặt điếu thuốc dính vào môi, tôi đã giật mình vì tia lửa một que diêm quẹt ngay trước mặt. Thì ra đã có một cậu bồi rình tôi hút thuốc để đánh diêm hầu "cẩm" như bên mình chú lính lệ hầu quan một điếu thuốc lào. Tôi lại khoan thai đặt một đồng hào vào lòng đĩa của anh bồi châm thuốc. Các bạn tôi tủm tỉm cười nhìn tôi thở khói. Các bạn tôi nói chuyện rằng không khí ăn chơi ở đây ra chẳng kém bên Paris chút nào hết. Rồi họ bàn tán nhiều. Những đĩa hạt dưa cứ vơi dần. Những ấm trà Thiết Quan Âm, Long Tỉnh cúc hoa, Bạch Mao Hầu đã nồng cả hương. Mà tiệc rượu vẫn chưa khai. Đàm Quân và nhân viên hãng Nàm Duyt còn đương thương lượng với nhau về mọi điều kiện hợp tác làm phim.

Bỗng một anh em trong đoàn nhăn mặt kêu khẽ:

- Thôi, bỏ mẹ rồi. Tôi mất bốn hào đến nơi rồi, anh em ạ!

- Buồn đi tiểu phải không? Cái thế phải mất tiền thì cứ đi đi. Đừng kêu ồn lên nữa.

Chúng tôi trông theo người bạn hiền ra khỏi buồng ăn và không thể nào nhịn cười. Tôi cười nhiều vì thấy

cái bộ mặt bí đái và nghe câu nói đáng thương của ông bạn mà không khỏi nghĩ đến phận tôi - tôi, có một chân thận rất kém. Tôi đứng chấn ở ngay cửa vào, đợi ông bạn hiền trở ra nói lại cho nghe nỗi sung sướng hoặc khổ sở của một người đi tiểu mất tiền. Không đợi cầu khẩn nửa nhời, ông bạn vừa kéo xếch cạp quần một cách kín đáo, vừa tường thuật:

- Mất tiền cũng đáng, anh ạ. Này nhé, sát ngay chuồng xí rất sạch sẽ, trắng tinh, không có mùi hôi, là buồng của mấy con nữ tỳ trông khâu đáo để. Họ bưng mỗi người một cái khay sứ hay khay bạc đựng những tấm khăn bông trắng, tẩm nước ấm sặc mùi nước hoa. Khi mình ở buồng tiểu tiện ra, họ nhảy xổ đến, dâng mình một cái khay đựng khăn lau tay đó... với một nụ cười. Tôi nhận thấy keo bẩn mấy hào chỉ, trong lúc này là một lỗi lớn. Đối với phong nhã! Tuy tôi không chùi ngón tay vào tấm khăn thoang thoảng mùi nước hoa kia, nhưng cũng đặt vào khay đúng bốn hào - mình ở bẩn thỉu quen rồi. Có lẽ chút nữa, tôi lại phải đi tiểu nữa. Hì! Hì!

Tiếng mời nhau khai tiệc rượu nổi lên và chú khách đã chia nhau ngồi đủ ba bàn. Những sáo ngữ đã được những miệng xinh tươi dùng với bao nhiêu thành thực đặt vào giọng nói.

Cứ kể ra một tiệc rượu như thế này cũng là vào hạng khá. Vì có món quan yến. Cứ nhời một người thông thạo trong việc đặt tiệc rỉ vào tai, tôi được biết nó giá trị trên dưới ba trăm đồng bạc Anh.

Trong bọn tài tử Việt Nam, ít người có tửu lượng khá và vì mới đổ bộ nên nhiều bạn đã đem tới bàn tiệc yến một cái bụng không tốt. Họ ăn uống uể oải. Và trên các bộ mặt chưa sạch màu muối bể, người ta còn thấy lộ liêu hết cả mệt nhọc của cuộc vượt biển vừa rồi. Ông bạn bên trái tôi, khảy từng món ăn, nói:

- Giá hãng phim lùi đến ngày mai hãy làm tiệc yến thì phải. Vì mệt lắm, hôm nay còn ai muốn ăn uống.

- Thế nào gọi là tiệc tẩy trần! Tôi chắc hãng phim yêu bọn mình quá, thành tâm làm lễ tương kiến tối nay sợ qua đến ngày mai, bọn mình nhạt hết mùi viễn phương chăng? Và quần áo mình đã giũ hết bụi đất đem từ xứ xa lại, thì còn gì mà tẩy trần. Thôi họ đã xử như vậy mình cũng phải có một cỗ lòng sốt để đáp lại. Ăn uống hùng vào.

Kế đến ông bạn bên phải, ăn nhồm nhoàm, nói bằng giọng tiếc rẻ:

- Những tiệc to như thế này, bao giờ cũng có tỳ bà tử chuốc rượu và đàn ca. Tôi thấy tụi họ ngồi đầy buồng bên cạnh. Những con hát Tầu sao đẹp đến thế? Hình như, tụi Khách sắp cho bầy cái trò đại náo, gọi

các vũ nữ vào tấu nhạc và bồi tửu thì anh Th... từ chối, lấy cớ rằng anh em mệt xin giảm bớt những náo kịch như vậy và rút ngắn bữa tiệc lại để còn về lữ điếm nghỉ ngơi. Tiếc quá. Thật là một hận dài.

Tiếng vang của cuộc hòa nhạc ở các buồng bên cạnh dội đưa lại. Và trên những tiếng cười khê, nặc, dâm, ngấy chùm phủ lấy dê béo, rượu nồng, gái tơ, tôi vẫn lắng thấy thanh âm một thứ nhạc khí. Sau nhạc điệu vui vẻ của tiếng đàn tam thập lục, tôi đã hùng dũng uống luôn một lúc ba cốc Văn Khôi Lộ vì tiếng trầm đục của cây đàn tam đã gây cho tôi mấy phút mộng trượng phu. Tôi tưởng chừng đây không phải là một tiệc rượu. Chỉ thấy tưởng tượng vẽ cho tôi một cảnh anh hùng mạt lộ... mây hoàng hôn nặng nề đi trên làn nước buồn bã. Lòng tôi dười dượi.

Cây đàn tam mà đặt tên chữ là trượng phu cầm thì thật là hay.

Nghe một cung đàn tam, người hèn đớn đến đâu cũng thấy tâm hồn phấn khởi. Và ngồi bên bàn tiệc, riêng tôi, tôi cũng cố tạo lấy một tấm lòng tráng sĩ và nhất định tin rằng mình là đấng trượng phu có tâm sự đang mượn chén làm tiêu một cái sầu vạn cổ gì đây. Chắc nghìn xưa, Hạng Vũ lúc cử đỉnh, dưới trướng có một đội quân toàn đánh đàn tam hầu rượu như thế này.

Nhưng, ai lại bấm tiếp một khúc trường tương tư. Giai nhân nào xử cây tỳ bà mà buồn thấm thía đến dường ấy? Lòng tôi lúc nghe tiếp đến đàn tỳ thì hoàn toàn là một bánh xe ô tô bơm căng đã xì hết hơi.

Người tôi đã gần như vì rượu ngon, và tôi tưởng vì đàn tỳ bà mà nó sắp biến thể thành hẳn ra một con sứa sóng giạt lên bờ cát, nhũn ra và se lại, dưới sức nắng ở ngoài khối nước.

Vơ vẩn nhìn ra xa, trong khung cửa sổ phía ngoai bao lơn trước mắt, tôi thấy cái chói lọi của mấy trăm ngọn điện kết thành hình chữ Kim Lăng tửu gia. Và qua lớp kính mờ của từng gác cao khách sạn lớn kia, tôi nhận thấy hình bóng và nghe thấy tiếng những cặp trai gái, ăn, đùa, múa. Tiếng vang kia và bóng mờ nọ, vẽ phác qua cho tôi thấy cái quyến rũ của xóm Sạch Sùng Chủi.

Đêm Hương Cảng của tôi, đêm nay, là một đêm thứ tám hay thứ chín gì đó. Cái sống ban đêm của hòn đảo đã không lạ tôi nữa. Vì sau mấy buổi làm trò đêm ở xưởng phim ra, tôi không về nhà. Tôi vẫn vơ ở ngoài đường và tiền thì ít được tiêu đến nhưng tôi đã thường tiêu nhiều thời giờ và sức khỏe hoặc ở kè đá bến tầu sương khói, hoặc trong tiệm hút hồng phiến, hoặc ở vũ quán, hoặc ở trà đình, nó u uất biết bao thèm muốn dễ dãi.

Ở Hồng Kông, lãng tử yêu sống đêm, đổi ngày làm đêm không sợ thiếu chỗ tụ họp hành lạc. Phong tục

đặc biệt nhất của đêm hòn đảo, là một số lớn tiệm trà mở cửa nhận khách chơi vào khoảng bốn giờ sáng. Người ta uống nước, ăn bánh ngọt giữa một thời khắc, mà loài người dở say giấc nồng. Thành thử một người muốn sống một cách ồ ạt cái đêm của mình, lúc nào cũng tìm được huyên náo. Riêng về cái thú uống một ấm trà ngon vào khoảng đầu trống canh năm ở một tiệm trà sáng trưng, đầy sinh khí, tôi ước ao một ngày rất gần đây, phong tục đó được du nhập vào "cao lâu giới" xứ mình. Để cho bao kẻ lưu đày khỏi phàn nàn trong sương khuya lạnh rằng đêm Hà Nội là dài vì ít chỗ đặt chân cho người ta bán buồn mua vui; vì quá một giờ đêm người ta không biết gõ vào cửa tửu quán hay trà điếm để tìm chút ấm áp cho lòng tê buốt, để trút cái gánh vô liêu nặng kĩu kịt trên vai khách không nhà.

Ở bên quê hương, ở Hà Nội, vào cái giờ này, mà còn nhận khách ăn uống, hình như chỉ có mỗi một hiệu phở Đình Hàng Bạc của Trường Ca thôi.

Đêm nay, tôi ngồi tều trong một tiệm nhẩy. Chung quanh những bàn ghế xinh xắn, có đến linh trăm con người ngọc ngồi tản ra từng tốp vây lấy sàn nhẩy. Gian buồng khiêu vũ *China Emporium* là một thế giới thu hồn nhỏ lại. Từ mấy phía tường thấm lậu, rỉ ra những tiếng thở dài của bản đàn lãng mạn thương vay cho những cuộc tình không có ngày mai. Ở đây,

màu sắc và sự vật đều cử động. Trong mọi thanh âm, hình như có người pha trộn các thứ phẩm tươi màu. Và mùi hương lại gây mùi nhớ và muốn lên tiếng kể những chuyện ngày xưa.

Tôi ngồi yên. Với một cốc rượu mạnh, một cái tẩu thuốc lá tắt và một người bạn, nhận làm hướng đạo và thông ngôn. Tôi soi mặt tôi vào chất pha lê thuần tuý chiếc cốc trong trẻo phô rõ chất máu rượu ngon không cấn. Màu sáng bóng pha lê phản chiếu, trả lại cho tôi một bộ mặt vô sự. Một vài vũ nữ đẹp, đứng tuổi đã nhầm cái thờ ơ lạnh lùng của một khuôn mặt. Họ tưởng tôi là một người đã chán cả với hoa nguyệt dưới gầm trời. Cái dửng dưng trời in vào một bộ mặt lại cho tôi có dịp mời người đẹp ngồi, uống rượu và nói chuyện. Người đẹp đẹp lắm.

Đấy là những tượng bạch thạch có linh hồn. Màu da kia là một màu hồng dìu dịu dọi lên một lần đá cẩm thạch trắng. Trong cái dè dặt của dáng điệu, sôi nổi nguồn sống đầy dục vọng. Tôi muốn biết tên người đẹp. Ông thông ngôn bắt đầu làm việc.

- Bạn tôi muốn rõ tên cô nương và địa chỉ. Vũ nữ cười, để lộ những hàm răng đào chớp bóng Âu Mỹ. Sau cái cười thứ nhất, tâm tôi lung lay. Sau cái cười thứ nhì, hồn tôi bay. Có nên lạ không? Và sau những

nụ cười "liên châu" tôi lại càng đê mê nữa khi giai nhân bắt đầu nói.

Tiếng đâu mà trong như thủy tinh, ấm áp như hạnh phúc. Giai nhân nói một hồi, kể viết ra được đến một trang bản thảo khổ lớn giá tám hào. Vẫn thấy ông thông ngôn nín. Thì ra đấy là tiếng Thượng Hải của người phong lưu!

Tôi lấy bút, viết vào mảnh giấy tên hiệu tôi, đưa cho vũ nữ ngồi gần nhất và tay chỉ vào ngực, tự giới thiệu...

Tôi hóm hỉnh cười. Bây giờ tám nét mày liễu mới tươi lại và người đẹp mới cho hay rằng chị em vốn là người Thượng Hải. Một phen binh lửa, son phấn phải dời đất Bắc xuống làm ăn (!). Dứt lời dịch tóm tắt của ông thông ngôn, bốn vũ nữ trao cho tôi bốn lá thiếp nhỏ có ướp nước hoa. Cái gì? Cô Trần Lệ Liễu... Cô Thu Muội Muội... Cô Hoài Thanh Thanh... Cô Điệp Ảnh. Tôi gọi thêm rượu và sung sướng cất những tấm thiếp kia vào ví. Tôi vốn giầu tưởng tượng. Tôi thoáng có một tứ sầu, tưởng đấy là những món tóc thề mà một người tình cẩn thận trao cho lúc chia tay, lưu lại cho nhau một di vật phòng xa đến cái biệt ly lại còn là vĩnh quyết nữa. Chúng tôi nói chuyện nhiều. Tiếc và giận ông bạn không đủ danh từ văn hoa để diễn hết lời bèo nước.

Gần hai giờ sáng, Trần Lệ Liễu, Điệp Ảnh, Hoài Thanh Thanh và Thu Muội Muội xin cáo.

Chị em tôi bây giờ về bên kia Cửu Long. Chúng tôi không có trú sở ở bên này. Nhà của tụi tôi đều ở bên kia bến.

- Phiền nhỉ. Cách cửa bể, cách thuyền. Mới gặp nhau, đã khó gần mà lại càng thêm xa.

- Thế cũng không phải là một cớ buồn. Đêm nào chị em tôi chẳng qua đây. Vả chăng, danh thiếp kia đã có địa chỉ, khi nào quý khách nhàn tản qua bên đoi đất Cửu Long, xin mời lại chơi. Ban ngày. Hai ba giờ chiều là tụi tôi đã ngủ dậy rồi.

Thu Muội Muội chúc tôi một đêm tốt và chị em đồng điệu họ ra phía thang máy. Tôi đưa họ ra bến. Ra đường tôi tìm mướn xe taxi. Họ kêu cũng gần bến, nên đi bộ nói chuyện cho ấm. Đêm Hồng Kông tưởng chúng tôi quen biết nhau đã từ lâu. Tôi ước ao trong canh tàn nầy, được cầm cây đàn ở tay, mãn đời sắm vai anh kép sống những đêm thừa thãi với đào.

Bến nước sáng như ban ngày. Đối ngạn là bến Cửu Long cũng sáng tựa cháy. Đoàn tầu binh và tầu buôn, đèn thắp quá sao sa, soi mình xuống mặt nước cửa sông Châu Giang. Ánh sáng dữ dội soi tỏ mặt tụi tôi bừng bừng sắc rượu. Mà có riêng gì Thu Muội Muội, Điệp Ảnh v.v... xuống thuyền. Ở kè đá bến Hương Cảng còn nhan nhản những người đẹp, đang lao xao trên dòng nước vỗ sóng mặn. Đấy là những vũ nữ đào

hát mà các rạp hát lớn và tiệm nhảy nhả ra. Họ cũng về Cửu Long. Những cảnh phấn hương tan tác nơi bến nước như thế này thường thường khách chơi đêm được thấy luôn. Bức tranh đẹp nhất của Hương Cảng đấy.

Gió bể thổi theo một chiều, thổi những bó hoa đất tiền được tặng thưởng mà các đào hát hờ hững vứt trên làn sóng bạc đầu.

Tôi không thấy rõ hình Thu Muội Muội và bọn họ. Nước bèo gặp gỡ, tôi cảm thấy đêm nay là đêm thứ nhất và cũng là đêm cuối cùng một cuộc đụng chạm. "Yêu cái gì mà mình không thấy tới hai lần"!

Tôi bỏ tẩu thuốc lá ra khỏi miệng, vọng sang phía doi đất Cửu Long, đặt một cái hôn vu vơ vào không gian.

Tiếng đế giầy nặng nhọc lại làm bạn với tiếng sóng nước không mỏi mệt.

BUỔI CHIỀU LƯU ĐÃNG

Mấy buổi đầu đặt chân trên cù lao Hương Cảng, người ta chia lìa nhau rồi. Người ta tức là bọn tài tử sang đây làm trò "Cánh Đồng Ma". Người ta tự chia ra từng tốp, nhỏ từ ba kẻ, lớn tới bảy tám người. Trông có vẻ bận rộn lắm. Tâm tình không cần giống nhau mà mấy tốp nhỏ vừa họp vẫn đi được với nhau. Lâu là mười ngày chóng là ba năm bữa. Người ta chỉ cần một điều kiện. Tờ giấy bạc Đông Dương! Đem đổi ra đồng dollar Hồng Kông để sắm đồ. Những tiểu đoàn giàu có ấy thường ít có mặt ở nhà, thường bỏ cơm nhà, Hương Cảng thiếu gì tiệm trà, quán rượu. Khi người ta xủng xẻng tiền, ông thần khẩu thường hay buộc tiêu cho sướng cái lỗ miệng đã.

Trong bọn đồng hành, cái giai cấp này, cố nhiên là phải liệt vào hạng thượng lưu.

Ngó lại bọn hạ cấp theo nghĩa tài chính cái thời biểu thực là trái hẳn.

Họ vẫn biết Hương Cảng là đẹp. Nhưng lộng lẫy một cách dữ dội. Nhưng xa xỉ một cách tàn nhẫn. Một đồng bạc, ở nơi "tứ chiếng quốc tế" này không có nghĩa lý gì cả. Đi ra ngoài là mất tiền. Có đời thủa nào mà giầy dép mình bóng sạch như soi gương hẳn hoi, mà đi bộ trăm thước lề đường là không sao tránh khỏi sự quấy nhiễu của bọn trẻ đánh giầy. Chúng cứ lăn xả vào giữa hai chân ôm lấy ống chân, rồi không đợi nói năng, lấy sì-đạt trát lia lịa trên mặt giầy, gót giầy, rồi chải nhanh như chớp. Ấy thế là mạt ra cũng chết năm xu hay một hào tuỳ theo cái giá trị phố to phố nhỏ đi qua. Ở mặt đất đảo này, thật có một phong trào đánh giầy và kẻ nghèo đi bộ có thể gọi là một nạn đánh giầy. Đảng tiểu yêu làm nghề tự do này cũng to lắm. Chúng đông như ăn mày ở các cửa ô Hà Nội. Chúng đóng ở ngã ba, ngã tư các phố. Bao giờ nghề này du nhập vào xứ sở, cứ đứng lên làm cai thầu việc phát bàn chải, giẻ len và sì-đạt, làm tổng phát hành độc quyền những thức này cho trẻ con cũng phát tài.

Chỉ riêng một nạn này, anh em không dư tiền như bọn thượng lưu đi sắm đồ dong phố, cũng đủ chùn người lại không dám ló mặt ra ngoài.

Họ ngồi ở nhà viết lách như những học sinh cần mẫn làm bài. Tác phẩm họ tạo nên là bức thư thống thiết gửi về quê hương để cầu cứu thân quyến hay bè bạn ít tiền. Tội nghiệp nhất là những bạn viết xong

độ hàng mười lá thư để lại phải xếp lại một chỗ hàng hai ba ngày. Lòng tự trọng ngăn cản họ đi ăn mày tiền tem. Vả chăng bưu phí bên này đắt đỏ quá. Trao một tin nhạn về xứ sở, phải trả cho nhà nước Hồng Mao một phần tư đồng bạc bản xứ. Cái hình ảnh những bộ mặt đau khổ không gửi thư đi kịp chuyến công văn về quê hương, cái hình ảnh chiêu đăm của những kẻ khó ấy mỗi khi nghe còi tàu bưu chính báo hiệu nhổ neo về nước, tôi bao giờ quên được. Hỡi ai ơi! Hay viết thơ phiếm nói chuyện mây sớm buồn, nước chiều đục với nhân tình, nên tìm đến những người này để biết đến thân giá một cánh tem, sự dùng một con "cò" sẽ không phí phạm.

Tội nghiệp hơn nữa, là hạng gửi thư lậu thuế tem.

Dăm bảy người, một buổi sớm kia chẳng hạn đang ngủ yên, bỗng có tiếng dông dạc làm chồm cả dậy:

- Tôi ra bến tầu đây, ra tầu Canton đây. Có anh nào gửi thư không? Phải sáu xu tem Đông Pháp. Và tiền tầu điện. Tiền đò. Hai lượt. Và mau lên.

Cái người nói lớn đó bị anh em vây kín. Họ nhao nhao như họp chợ. Rồi họ vay, mượn, nằn nì, van lơn nhau một con tem. Có kẻ được, có kẻ không. Và con tem đã là khởi điểm của bao sự cầu thân kết nghĩa hoặc oán thù. Cái lòng muốn trao tư tưởng của con người ta với người quen qua không gian, khi bị ngăn

tức, đã diễn nên nhiều trò lạ! Ấy, khi người ta quyến luyến với những người vừa cách biệt mà không biết quên sau khi khuất mặt, là lụy thế đấy! Sốt ruột lắm.

Phiền bực hơn nữa là giữa những phút kẻ khó đang rầu vì lá thư, thì những tốp đi sắm đồ ầm ầm tuôn vào đầy nhà với đồ đạc, hộp giấy, gộp gỗ, với gói nhớn, gói nhỏ, thôi thì tơ lụa, quần áo, giầy mũ, hòm xiểng hình như họ có thể khuân hết xa xỉ phẩm bán ở Hương Cảng. Đám người ở nhà đã trả lời chuỗi cười rền của bọn giầu sang vừa về bằng sự lãnh đạm.

Ngày lại ngày, đồng tiền cạn lần. Rồi một buổi mai kia bọn giầu có trong đoàn tài tử không đi sắm đồ một cách rầm rộ như mấy ngày đầu nữa. Họ ngừng ra phố. Rồi họ đình việc đi chơi phố. Thì ra họ "khô" rồi. Anh đầu bếp Khách bắt đầu thấy lạ.

Cảnh gia đình tài tử lại thấy sự ấm cúng. Vì ba bàn ăn không có chỗ trống nữa. Hai bọn có tiền và chưa sẵn tiền đã trò chuyện với nhau. Một hòa khí thiêng liêng, cảm động phảng phất trên mấy thổi ăn đông đủ mặt tài tình.

Trời nắng...trời mưa. Lớp nhựa đường phố Hương Cảng đã bóng nhoáng dưới trận mưa phùn. Ngoài bến nước, những mình tầu lớn mờ mờ, sau màn mưa bay trông tựa hình ảnh nhạt nét của tranh thủy mặc vẽ cảnh mưa tuyết trên Vu Hồ đầy rẫy những thuyền

đánh cá. Đấy là những ngày buồn dài của những đêm làm việc nhộn nhịp ở xưởng phim từ hai mươi mốt giờ cho tới ba giờ sáng.

Muốn giết thời giờ trong những ngày vô liêu "cơm nhà chúa múa tối ngày", người ta đã làm những gì?

Đi xem thành phố?

Một chuyện cũ. Nó không làm cho người ta xao xuyến như sau hồi tầu cặp bến, mấy bữa đầu người ta đổ bộ với bao nhiêu say sưa, bỡ ngỡ.

Đi mua hàng ở các tiệm?

Hết tiền rồi. Vả chăng sự háo hức buổi đầu đã phai nhạt lần và đã nhường chỗ cho sự phê bình chê bai những là thứ hàng này chỉ đẹp mã, thứ hàng kia mua rẻ nhưng bị hớ v.v...

Người ta đã thân lại với nhau. Trông hay đáo để. Bọn "thượng lưu" đã đem những hóa phẩm mua được ra hỏi ý kiến bọn "hạ lưu". Anh nghèo được hỏi đến, cũng thành thực mân mê đồ vật nọ và vui vẻ phê bình những là hời giá đấy! Hay là có rẻ nhưng kém đường bền khéo. Trên những mảnh vải thô ghế bố, các tài tử bày ra la liệt những hàng vừa sắm được và xúm nhau lại từng tốp ngắm nghía. Nghe anh em đánh giá đồ bày, tôi tưởng đấy là một buổi chợ xép. Vui nhất là cảnh buôn đi, bán lại giữa anh em "Cánh Đồng Ma". Vài ông có tính hoang sắm, thấy lạ thích mắt mới đến

Hồng Kông, dạo độ ba vòng phố, đã dốc hết bị để sắm quần áo hàng tơ và bao nhiêu xa xỉ phẩm. Rủi thay! Mấy ông tướng tung tiền đó lại còn đèo thêm cái đức làm tướng hút thuốc lá. Thiếu thuốc một phút, một giờ họ không chịu được. Bây giờ nhìn lại lô hàng sắm, họ đã nghĩ đem biến nó ra thực phẩm cần dùng. Khói! Cảnh tượng bán quần ao mới, rẻ có khi hạ giá đến 50%, diễn ra từ đấy. Một vài bạn tài tử có óc con buôn lại được dịp dìm giá "nhà hàng". Một bộ *pyjama* cả áo lẫn quần, của anh em nhường lại cho để mua đứt thuốc hút, chỉ có tám chín hào. Mà lại bằng tơ! Mà lại loè loẹt! Tướng xấu như anh lái nước mắm ở nhà quê, mặc nó vào cũng cứ nổi bật vẻ người.

Sự mua bán áo quần, sự san sẻ, chung chạ áo quần mở đầu một kỷ nguyên mới: cái gia đình tài tử An Nam, ngụ ở số 6, đường Sử Kiếm Vực, đều xúng xính *pyjama* hết thảy. Vẻ nhem nhuốc của những ngày mới đổ bộ đã biến mất. Ngắm những màu tươi sáng của quần áo điểm lệ, bóng nhoáng sợi tơ chuốt, tôi tưởng đương sống giữa một xã hội làng chơi giữa cảnh mùa xuân, nếu những hạt mưa đông không làm mờ cửa kính và cơn gió bấc thổi tự ngoài biển không gầm rít qua kẽ cửa phòng.

Ấy thế rồi một buổi trưa kia, chúng tôi đều cảm thấy hiu quạnh hiện lên thành hình người. Vì mưa gió chiều đông đã sụt sùi từ buổi sớm, vẫn cứ kéo dai

cảnh chiều đăm của trời, phố, bến tầu và người. Hiu quạnh đã ốp đồng vào một người trong bọn xưa nay không có một ý niệm còn con gì về tình buồn của nhân loại. Dời người ấy, là đời một con chim sơn ca: ăn, và bay bổng để tống ra ngoài những chất thừa của tiêu hóa, và hót, và hót chán lại ăn. Thế mà trưa nay, hiu quạnh đã hiện ra mồm hắn.

- Tôi bắt đầu chán đất Hồng Kông rồi. Làm cái gì để giết thời giờ nhỉ!

- Cũng biết buồn à! Ngủ đi! Dưỡng sức để tối lại vê râu bôi nhọ.

Một người trong bọn, đáp lời "con sơn ca" với vẻ chế giễu không cần giấu giếm. Vốn là người có lượng, hắn không giận anh em hay châm chọc. Hắn không bao giờ trả thù lại những mũi tên tẩm trào phúng mà anh em lạm dụng bắn mãi vào một trái tim dớ dẩn. Hắn nói một cách rất kịch cỡm.

- Không ngủ được, các anh ạ. Ồn ào quá. Vả chăng mắt đã no ngủ rồi. Đêm nào tôi cũng ngủ được. Chúng ta chiều nay, tổ chức một chương trình du hí đi.

- Cái gì! Một chương trình...

- Ừ, một chương trình du hí giữa bọn mình. Nghĩa là anh em ai có cái tờ-uýnh gì ngồ ngộ, ai có môn đùa gì thì giở ra. Mỗi người làm một trò.

Chung quanh hắn, anh em xúm xít lại, mỗi lúc mỗi đông. Ai cũng tỏ ý hoan nghênh. Và chia nhau làm trò

góp vui, tuỳ theo sở thích tuỳ theo sở trường. Tiếng bàn ghế bị thu dọn lại một góc kêu ầm ĩ.

Cô Y. nhẩy ra giữa nhà, làm một trò để khuyến khích anh em trong hội tài tình. Cái trò đầu tiên cô sắm là một bản khiêu vũ của giống mọi da đen lúc nhảy thì giữ im phần trên thân thể và chỉ cho bụng, và hai chân cử động nhiều. Chiều hôm ấy, cô đã đi quá nghệ thuật! Vì trong bọn anh em trai, thấy cô biểu diễn, không có ai chối cãi rằng họ đã vì liên tưởng, nhớ lại những cuộc tình ái chôn chặt bên quê hương. Châm được được lửa vào người ta cho lòng người ta chảy bùng lên với dục vọng bị đánh thức dậy một cách nguy ngập, há phải là một chuyện dễ dãi?

Cô Y. hẳn hiểu thế, nên cô không cần giữ vẻ nhũn nhặn giả dối, khi một bạn hay đọc tiểu thuyết tình, lấu táu mời cô một điếu thuốc *Abdulla Impérial* mà anh ta giấu kỹ đã mấy hôm nay. Cái không khí mới làm trò mỗi lúc một nóng. Náo nhiệt quá. Một buổng trò rạp *Quảng Lạc* ở Hà Nội, một ngày tết Nguyên Đán, diễn tuồng Sơn Hậu, cũng không nhộn nhịp bằng.

Kế đến ông Trần V.N... và ông bạn Ngh. ra làm xiếc. Hai vai trò của các ông này sắm tuy công phu thực đấy. Nhưng những tiếng cười của các ông gây nên giữa anh em hình như không được giòn lắm. V. gượng gạo nhếch mép và hạ một câu:

- Trò xiếc này xem nản lắm. Lối khôi hài hạ cấp chỉ làm nẩy được tiếng cười của quần chúng tầm thường. Nhưng dù sao, chúng ta cũng phải nên khuyến khích anh em. Thứ nhất lại là giữa một lúc phải giết cái buồn.

V. đã bỏ lãng trò quỷ thuật và xiếc, mon men đến gần nhà họa sĩ chưa có tên tuổi là anh N... đang lấy những hòn than vẽ truyền thần một vài bộ mặt đặc biệt trông được nghệ sĩ. Và thỉnh thoảng lấy ruột bánh mì để tẩy lấy hết những nét than nhòe và thừa. Phải sửa chữa tranh hí họa nhiều quá, anh N... đã chất ở bên ghế bố một đống ruột bánh mì pha chất bột than. Nó đen sì và cứ đem cán cũng được mấy cân tây. V. buồn tay, ngồi nghịch tinh, lấy ruột bánh đó nặn hình chim, cò, và mấy con gia súc.

Tôi thấy vậy, bỗng nẩy ra tư tưởng nặn hình động vật. Nhưng nguyên liệu của tôi khác. Và tôi nặn hình người, đòi nặn cho được tượng một vài người rất quái đản trong đoàn.

Tôi đã nhặt những mẩu nến cháy dở đem hơ nóng cho chảy ra, và trong lúc nến còn dẻo chuốt thành những hình người có đủ tứ chi. Trái lại sự mong mỏi của tôi, những tảng nến kia không "truyền thần" được hình ảnh những bạn mà tôi định nặn tượng. Bàn tay tôi không có hoa tay nhà điêu khắc. Những tảng nến

chỉ "đi tới nửa con đường nghệ thuật". Tôi chỉ tạo nên những hình người quái gở, dữ tợn, tay và chân và thân thể không cân nhau. Đấng sinh ra muôn loài, nếu ngó thấy, hẳn giận lắm vì ngài ngờ tôi có ý chế nhạo tác phẩm lớn lao của ngài là thằng người, một vật mà ngài cho là hoàn toàn hơn mọi vật nhận phần ánh sáng dưới gầm trời.

Nhưng tôi không lấy thế làm chán nản. Vì cái chủ đích của tôi khi nặn hình người sáp, có phải là để khéo léo tạc hình ảnh người sống vào khối nến với sự kính yêu đâu.

Tôi vốn rẻ rúng một vài người trong bọn. Tôi gớm họ cũng như gớm mấy người có bệnh hủi mà lại luôn luôn làm điều quấy. Họ đã thiếu cá tính, kém nhân phẩm, sống một cuộc đời thấp hẹp. Nếu có kẻ bênh họ, bảo rằng đời họ là một câu chú thích dài về những cái gì gọi là thối tha, quay quắt và ý nghĩa cuộc đời họ là ở đấy là vâng! Tôi xin thay ý kiến và tôi xin nhường hết phần không khí của tôi cho họ thở cả.

Nhưng tôi không chịu thế. Tôi cho họ đã chiếm mất phần ánh sáng của một số người khác đáng được hưởng chính đáng hơn.

Một đêm, tôi đã có cái ác tâm bắt chước người Gitanes nặn mấy hình người bằng sáp mang lấy tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ của họ. Tôi đã cắm vào mỗi pho tượng sáp một cái tăm vót nhọn. Tôi đã trù, ếm,

điều, trài họ bằng phép hư linh học của dân Bohemiens. Mỗi ngày tôi khê ấn tăm nhọn vào trái tim họ. Cứ như tục mê tín Bô-hê-miêng thì bao giờ vật nhọn ngập lút vào tim, kẻ kia sẽ thở hơi cuối cùng.

Nhưng than ôi! Phép đó chẳng mầu! Vì đến ngày nay những kẻ đó vẫn được nghênh ngang hít gió, tắm ánh sáng và đầu độc không khí xã hội lành.

Trong khi tôi đang loay hoay cắm tăm vót nhọn vào tim hình nến, một tiếng cười rền của bao nhiêu tấm lòng vui góp nên vang cả nhà đã làm cho tôi ngẩng đầu. Tôi cũng phì cười! Tiếng cười thực không chịu một mệnh lệnh nào.

Trời ơi! Tôi dụi mắt. Anh H.V.G. một nghệ sĩ tính lành như củ khoai lang, ngượng nghịu như nàng dâu mới hôm nay đã thoát hẳn cái vẻ nhút nhát để sắm trò. Một vai trò bạo mạnh và ngang nhất thế giới. Không biết ai đã sắm sửa quần áo cho anh, vẽ mày vẽ mặt cho anh khiến anh trở nên một tráng sĩ người Nga Trắng. Anh quấn mấy nếp khăn quấn thừng, trên có ít lông cừu, giả làm mũ người xứ Cực Bắc, mồm ngậm ngang một con dao ăn. Cập chân anh khuỳnh ra, gù gù người, anh múa may bỏ bộ và hết tựa sấm, xem "giống" như kỵ mã Nga La Tư đang khiêu vũ một cách rất hùng dũng, giữa vòng cát một rạp xiếc quốc tế.

- G. vạn tuế! Trò Cosaque của mầy có vẻ khoa học lắm.

H.V.G. nhận lời khen mấy anh em thân thường nằm cạnh giường, ngồi xuống thành ghế, rút hai ống quần đút vào trong bít tất và gỡ mấy vòng khăn chắc cứ như đánh đai vào đầu. Và thở.

Bà góa Ng.A., đang giặt lấy ít quần áo lót mình thứ quần áo lót thân mật nhất của người đàn bà - cùng đon đả chạy ra, vội lau hai bàn tay ướt vào tà áo, để góp một nụ cười của bông hoa cuối mùa. Anh em đùa một câu:

- Cái mùa thu của cái mùa Xuân, làm gì mà bận thế? Ra đóng một vai!

Bà nguýt dài và chạy vút vào nhà trong.

Cô M.T. vốn người dễ cười, và đã cười thì cười ầm ĩ, lại được một dịp để lăn ra như mỡ. Vì cô thích có người riễu bà góa Ng.A. Nhưng anh em trong đoàn rất lấy làm buồn cho các lối vui của cô. Thấy cô cứ thui thủi trên mảnh ghế bố như một đứa trẻ bồ côi, một vài người lại gần để khêu chuyện. Cảm động nhất là lúc cô vui vẻ nhận lấy mấy chiếc áo rách của anh em đưa nhờ cô diu vá mạng lại, hoặc đính hộ mấy cái khuy. Cái dáng điệu lôi thôi, luộm thuộm và cái vẻ đẹp phản mỹ thuật của cô đã được chuộc lại bằng cái nết kim chỉ lúc này. Và anh em đã nhận thấy sự độc ác của mình khi gọi lóng cô là "cái bồ sứt cạp".

"Cái bồ sứt cạp" được thể, làm nũng:

- Các anh này, giá bây giờ có cỗ tổ tôm, thì em phá trận cho mà xem.

Thấy không ai cười thêm, cô vội chạy ra cái đám đánh cờ tướng họp kín đáo ở đằng cuối gian phòng. Con cờ cắt bằng quân bài tam cúc đã sờn góc và mờ chữ. Bàn cờ vẽ luôn bằng than lên mặt ghế vải. Tiện quá. Và hai ông trích tiên chơi cờ tướng là ông nghiện thuốc lá nặng nhất trong đoàn. Họ có tiên cách lắm khi mọi người mới chỉ thấy họ bình tĩnh nghĩ nước gì, một người mặc *pyjama* màu da trời, một người mặc *kimono* màu nhạt in hình kỷ hà học. Họ khoan thai vén tay áo rộng, đẩy một con tốt hay ghểnh một con sĩ, và không bận bịu gì đến sự ồn ào chung quanh. Nhưng có một người vừa mất con xe, định xin hưu một nước. Thế là họ đã trở nên rầm rĩ nhất nhà. Họ cướp nhau mấy điếu thuốc lá bầy ở cạnh bàn cờ. Họ đánh cờ ăn thuốc lá lẻ, hai điếu một ván.

Tôi là người chạy đi chạy lại nhiều nhất trong bọn, từ nãy đến giờ. Tôi lẳng lặng ngắm từng anh em một, nói với người này một câu, bàn phiếm với người khác một vài chuyện. Để cho khuây nỗi lòng. Nhưng quái lại! Tôi vẫn bị một ám ảnh lớn. Cái hình ảnh cuộc đời giang hồ cứ quấn quýt lấy ý nghĩ. Rồi tôi tự hỏi lòng sao họ Đàm không lấy tiền công đóng cho anh em một xe roulotte hai bánh, có mui kín và có ngựa kéo, để anh em hoàn toàn trở nên một bọn lưu đãng, đi đến đâu, làm trò rối đến đấy để mưu sư hồ khẩu tháng

ngày. Một cái xe như thế đóng không khó gì. Đã bảo nó giống như cái xe to chứa đồ của sở Lục lộ vẫn phát cho phu phần đường và đêm ngày lăn bánh trên những con đường phải giải đá lại ở bên xứ mình. Nó thường hay đổ cạnh chiếc hồ lô máy ấy mà! Và Đàm Quang Thiện cần gì phải nghĩ nát óc để tìm truyện phim. Viết ngay cái cuộc đời của anh em đang sống và lấy nhan đề là: "Những kẻ lưu đáng".

Tôi lại nhớ đến một phong tục rất nên thơ của đám giang hồ. Mỗi năm, cứ cuối vụ rét, ngoài châu thành Vienne nước Áo là dân *Bô-hê-miêng* trú ngụ đông nhất thường có cuộc lễ đăng quang đức Vua lưu đãng... theo lối bỏ phiếu. Kẻ nào muốn "ứng cử" Hoàng đế cái dân tộc giang hồ không quê hương, không tương lai này, ít ra phải tự nhận thấy có mấy đức lớn đây:

- Nghèo không một tấc đất cắm dùi;

- Tính sổ phiêu lưu, một năm phải được đi nhiều nơi;

- Phải có nhiều buổi nhịn đói.

- Trong tay phải có một nghề gì để hộ thân, bất cứ ở xứ nào, ở trường hợp nào dùng cũng được.

- Phải thạo âm nhạc và mỗi khi kéo cây đàn *violon*, trong thính giả, ít ra phải có mặt người khóc;

- Phải hát được và uống rượu như một cái thùng không đáy.

Những đêm dân Do Thái lang thang hành lễ tấn tôn, là bọn giang hồ uống rượu, ca, đàn đến sáng. Và dân tộc du mục ấy đã gieo vào lòng bao kẻ được chứng kiến cuộc vui hằng năm của họ một mối ngờ khó giải về ý nghĩa cuộc đời người nên thu vào khuôn khổ trật tự hay là cho nó buông theo dòng phóng lãng.

Tôi mơ màng.

Rồi, tôi tin ở số phận. Có lẽ định mệnh đã buộc tôi làm kiếp bèo theo sóng, làm bạn với mây, với nước, nên chiều nay, tôi mới có ở trên miếng đất đảo này để góp mặt bán cười với bao nhiêu người đều sinh phải vào một cái giờ không tốt.

Tôi hít khói sì gà, mỗi một hơi khói hít vào là thấm đến đáy lá phổi. Tôi bần thần trong người. Tôi nhớ những chuyện mươi năm cũ. Mỗi phút lúc này, nặng như một đời người. Bỗng mấy bạn thân vỗ mạnh vào vai tôi:

- Này T..., còn mày phải ra làm trò nữa đi chứ? Giở cái trò tối hôm qua ra.

Tôi lãnh đạm gạt. Vì trong lúc thần hồn còn choáng váng về số phận, tôi tưởng như đấy là một lệnh truyền ra từ miệng ông chủ một gánh hát mà tôi đã nhận làm công theo hợp đồng. Anh H., đánh bù đầu tôi lên, đeo cho tôi một cặp kính trắng, khoác vào mình tôi áo smoking.

Họ bắt tôi làm nhạc sĩ Schubert diễn lại một đoạn *Symphonie inachevée* (!? !). Vì tôi có một khuôn mặt tròn, vì đêm qua tôi đã nghịch đến đàn *piano* và nói một hồi tiếng Đức vô nghĩa bịa ra trong lúc hứng.

Thế là tôi đã ngồi vào ghế, đánh một bản đàn *piano* không có nhạc luật gì cả. Tôi tự chế lấy một bài dạo thế có láo không? Thế có bạo không? Lúc anh em cười vang, tôi bắt chước *Schubert* giận dỗi cử tọa không hiểu âm nhạc của một tấm lòng đau vội đóng cỗ đàn Gaveau lại đánh rầm một cái. Và tôi bắt chước Schubert lúc thất tình, cũng cầm bút để vào bài đàn mở ra cho có vì đó, cái câu lịch sử bất hủ của bản đàn Symphonie inachevée: "*Comme mon amour ne prend pas fin, que cette musique reste à famais inachevée*"[1]. Một chuỗi cười. Phải đấy, cũng nên cho nó hết đi, cái ngón đàn chí tử của tôi.

Tôi hoa mắt, còn bàng khuâng với hồn người trong truyện.

Trời đã tranh tối tranh sáng.

Ngoài cửa chính, một vài bạn, mặc áo sặc sỡ, quần anh áo em, đứng đợi người phu trạm Tầu đi qua xem có thư hay ngân phiếu ở quê hương gửi qua không.

(1) Cứ lời một ông bạn nhạc sĩ chắc chắn, thì đoạn này chẳng qua chỉ là một sự thêm thắt có vẻ huyền sử mà chuyện phim đã xuyên tạc vào. Trong tiểu sử Schubert không có nói đến. Lúc Schubert đàn bài đàn Symphonie cũng chỉ viết có hai mouvement thôi.

ĐOẠN CHÓT BẢN HỢP ĐỒNG

Một đêm hai mươi bảy tháng quý đông năm Đinh Sửu. Rầy quá, tháng chạp năm Đinh Sửu lại thiếu một ngày. Thế nghĩa là đêm nay là đêm hai mươi tám Tết. Một đêm nay. Một đêm mai nữa. Rồi đến ngày đêm giao thừa. Năm đã hầu tàn. Lòng con người ta ở đất khách rạo rực với ngày đi của năm tận. Hồn quê lại giục khách tha hương nhớ tử phần. Và những đêm ngắn, lạnh, của kẻ có tình thương bị quấy nhiễu bởi cơn mơ dữ dội. Giấc hương quan làm cho người ta khổ sở oằn oại đến thế là cùng.

Giữa đêm giá buốt, nhiều tâm hồn thiếu não đã choàng thức dậy với cử chỉ điên rồ của khách say đi tìm nước uống lúc tỉnh cuộc rượu. Họ đã nhẩy bổ từ giường xuống đất, xéo lấm chạy đến phía tường có treo cuốn lịch tây chua ngày ta đem theo tự bên quê hương sang. Dưới ánh sáng lờ mờ, họ giụi mắt bóc một tờ giấy lịch. Họ bóc lịch trịnh trọng như một tên tù bị giam cầm dài hạn gạch một nét chì xanh trên

tấm bìa lịch treo ở đầu giường xà lim. Ấy thế là họ trằn trọc thâu canh để hút thuốc lá, để tìm trong làn khói một hình ảnh lờ mờ của quê hương. Ngửi thấy mùi khói họ tưởng đấy là cái mùi rất quen thuộc phát tự mấy chục thanh củi tạ đỏ ngọn dưới đít một nồi bánh chưng, trong một gian nhà bếp An Nam.

Tôi đã buồn rầu nghe kẻ kia ngâm thơ nôm dịch, làm sống lại cái tịch mịch nhà mồ của đêm cuối năm. Giọng thổ pha bùn ấy ngâm rằng:

"Bốn, ba đêm nữa là đêm hết,
Nghìn dặm, ai đi chửa trở về...
Chuyện trước lênh đênh thôi đã ngán;
Thân này lắm lúc nghĩ mà ghê!".

Ở câu thơ ngâm, xuyên thủng lặng lẽ của canh dài toát ra một khí lạnh làm cho mình mẩy tôi sởn gai ốc đấy là hơi lạnh của đêm bốc mả, gió bấc thổi dưới một vòm trời đông tối tăm đang rỏ xuống những giọt mưa như trổ thủng được thớ thịt.

Tâm tôi không thư thái gì hơn bụng dạ kẻ kia. Nhưng có nghĩ lắm tôi cũng không rút gần được một hải lý nào trên con đường bể Hương Cảng - Hải Phòng. Không khí nhớ quê hương không tha cho mình. Nó là một bệnh truyền nhiễm. Tôi phải tránh xa, như chạy bệnh dịch. Ấy vì thế mà đêm hôm hai mươi tám Tết, tôi đã bỏ một số bạn thân ở nhà để đi tìm cớ giải phiền. Đêm ấy, cái bụng kỳ nữ kia đã là

một nấm mồ để tôi chôn chặt vào đấy biết bao nhiêu u hoài. Nàng có cái tên làm lạnh được mạch máu kẻ giang hồ trác táng có ý săn dò đến chỗ riêng tây của lòng mọi kẻ ở quanh mình. Tên nàng là Phiêu Nữ. Nếu tên này mà nàng đã mang lấy từ ngày còn tấm bé, chưa dấn thân vào trong đám bụi trần, thì thực ra cái tên kia đã vạch sẵn tương lai cho nàng. Và nàng "đã mang lấy nghiệp vào thân" thì cũng "đừng" nên "trách lẫn trời gần trời xa" nữa.

Trái với mọi ngày, bữa ăn điểm tâm sáng hôm hai mươi chín Tết sớm hơn lệ thường. Anh đầu bếp Khách đã bưng cà phê sữa, bơ, bánh mỳ, đường, bầy ra bàn từ tám giờ. Mọi ngày thì ít ra cũng là mười giờ. Tôi không lấy thế làm lạ. Cũng như mọi mọi người trong đoàn vì từ chiều hôm trước, hãng phim *Nàm Duyt* đã có giấy thông báo cho hết thảy tài tử trong đoàn phải tề tựu đông đủ ở xưởng phim cho sớm hơn mọi ngày. Để quay một cảnh ngoài, chấm dấu chót cho phim *Cánh Đồng Ma*. Cảnh này là cảnh cuối cùng. Đóng trên một miếng đất ngổn ngang mồ mả: Cà phê viên phần trường. Và cảnh này cũng sẽ đánh một dấu hết cho công cuộc hợp tác mỹ thuật giữa người Tàu và người Việt, theo bản hợp đồng hai bên ký với nhau.

Xong rồi người Việt sẽ từ giã, nếu không là vĩnh biệt (!) Hãng phim, ban Giám đốc chuyên môn xưởng *Nàm Duyt* và hòn cù lao. Bước chân xuống tầu, người

Việt sẽ đem theo về bên An Nam bao nhiêu kỷ niệm nặng nề của Hương Cảng.

Anh em trong đoàn từ lúc qua đây, bầu tôi làm kiểm sát viên trong đoàn. Họ thường đùa, gọi tôi là Cẩm Tuân. Thế mà sớm nay tôi dám coi thường cái chức đó. Tôi tự cảm thấy không muốn làm việc nữa, không làm việc của anh em trong đoàn ký thác cho, cũng như không muốn đóng trò chớp bóng với hãng *Nàm Duyt*. Lòng sốt sắng và hăng hái mọi ngày đã đổ vỡ rồi.

Cho nên trong anh em đã có người mặc xong quần áo rồi mà tôi vẫn còn du dú trong tấm chăn bông. Đầu tóc bù xù, tôi thấy không thèm súc miệng đánh răng. Tôi tựa lưng vào tường, duỗi thẳng hai chân ra, kéo chăn lên quá ngực. Tôi ra hiệu cho đầu bếp đặt đĩa đồ ăn điểm tâm vào lòng tôi. Tách cà phê sóng, tràn miệng chén, hoen ố và đẫm mảnh chăn trắng nuột không đủ làm cho tôi ngừng dây tư tưởng. Tôi nhấp cà phê không thấy hương vị gì cả. Miếng banh tây được tôi nhai kỹ, đã vữa cả ruột mì trong cái miệng lúng búng. Tôi có bộ mặt và dáng điệu một người trưởng giả ốm vừa dậy đang tập ăn, trước ngày ăn trả bữa. Tôi lười biếng đánh diêm châm thuốc lá.

Chiếc xe hơi Terraplane của hãng phim đã chở vội đi được một phần ba đoàn tài tử, bây giờ lại trở lại,

bóp còi điện giống một để làm "mẻ" thứ hai. Tin! Tin!... Tin. Những tiếng còi làm cho tôi khó chịu vô cùng. Tôi nhận thấy tôi không có tự do nữa.

Chuyến xe thứ ba đã đặt tôi ở giữa xưởng phim với bộ mặt tiu nghỉu, buồn tênh của kẻ đi đưa đám ma.

Mà hôm nay lại chính là ngày đi đưa đám ma mới buồn đến chết chứ! Truyện phim, có một cảnh đưa ma chút nữa sẽ quay. Nhiều anh em đã tưởng tôi tập thử nét mặt, cố gò trước mấy nét chiêu đăm để chốc nữa quay phim. Chốc nữa, hãng phim sẽ đem cả bọn tài tử đến Cà phê viên phần trường để xếp hàng đôi, diễn cảnh đặt vòng hoa lên sinh viên Kiểm - một vai quan trọng trong truyện phim. Đồng hồ xưởng phim điểm 9 tiếng. Mấy người làm công trong xưởng vẫn loay hoay làm tấm bia giả.

Ngoài sân, chiếc xe hơi thu thanh sơn mầu đỏ và những dụng cụ phụ thuộc đã chực sẵn người đem chúng đi. Nhưng viên đạo diễn Trần Phì chưa tới và ông quản lý hãng còn đi đâu ấy.

Bọn An Nam làm trò tuy thế vẫn phải nhớ đến công việc đầu tiên của mình phải làm trước khi nhẩy ra làm "tuồng hát bóng" là thoa đến ba bốn lần kem vào mặt và vẽ vào đấy hai ba thứ bút chì mầu đen hoặc nâu. Rồi ngồi đợi; kẻ nào hiếu động thì đi bách bộ.

Đồng hồ xưởng phim lại thong thả, dõng dạc điểm mười tiếng. Vẫn chưa thấy động tĩnh gì. Thực là sớm giữa cưa, trưa mài đục.

Trong khi chờ đợi công việc, bọn tài tử đã họp thành từng tốp để nói chuyện tâm sự. Mọi người đều kể lẫn cho nhau nghe những điều bí ẩn trong gia đình. Câu chuyện của họ nhiều đoạn buồn rầu, chán nản, và chuyện đã tạo nên nhiều bộ mặt thất vọng. Họ cứ nhìn chân họ đang lấy mũi giầy di di mẩu thuốc trên nền si-moong. Xen vào những kẻ rầu rĩ kia, lơ thơ đây đó có vài bộ mặt liều. Trông mấy người này ngang lắm. Giữa ban ngày, buổi sớm, ở cạnh hòm phim, họ hút sì gà hình như không đếm xỉa gì đến ai nữa. Tôi tưởng có cháy xưởng phim Khách, đứng trước sự phát hỏa, họ vẫn có thể bình tĩnh như đã bình tĩnh nhận lấy bao chuyện bất thình linh của cảnh ngộ, từ khi đặt chân lên đảo.

Vì xin nhau thuốc lá hút, đám thất vọng kia đã họp chuyện cùng đám người liều với số phận này. Bên thất vọng nói trước:

- Chiều mai tầu *Canton* 4 giờ chạy. Thế nào chúng tôi cũng phải về. Đành giao thừa trên mặt bể vậy. Nhưng sớm mùng hai, tầu cập bến Hải Phòng. Tối, đã có mặt ở nhà cũng còn hơn là biền biệt ở bên này.

Mấy người trong bọn liều, với giọng chế nhạo hỏi lại:

- Thế nào các anh cũng phải về nhà ăn Tết?

- Phải.

- Thế ngộ chiều ba mươi Tết, tầu *Canton* vì rước thiếu các anh?

- Ngộ là ngộ thế nào được. Này nhé, hôm nay đóng cảnh cuối cùng. Quay xong, bọn Khách còn giữ mình làm gì. Để ăn hại chúng à! Với những chuyện mình và chuyện xung đột nhau, chúng tôi tưởng chúng tống được mình sớm ngày nào...

Việc đời, không thể nói mạnh được. Không nên làm chuyện ngày mai một cách chắc chắn quá. Tôi hãy hỏi các anh trả lời rất gọn cho tôi câu này: thí dụ từ chốc nữa tới chiều mai - đến lúc tàu bắt đầu dời bến - sẽ xảy ra một việc nghiêm trọng mà tôi chưa biết được là việc gì. Thì các anh có nhất định "phải" ra tầu không?

Những phần tử thất vọng lại càng thất vọng hơn và tỏ ý hối hận sao lại khêu câu chuyện về nước với bọn này làm gì. Vì sự khoan khoái tí teo của họ đã bị bọn anh em liều kia đầu độc. Họ đã bắt đầu ngờ những mối hy vọng sẵn mang tự mấy hôm nay.

Họ thẫn thờ nhìn lá vàng rụng ở ngoài vườn hãng phim. Tôi cũng nhìn lá vàng rụng và cũng cảm thấy lòng tôi vẫn là một tấm lòng An Nam hoàn toàn, giữa một ngày hai mươi chín Tết. Hút hết bốn năm điếu thuốc lá liền, tôi đã xúc cảnh tạo nên một bài thơ mà tự tôi, tôi lấy làm bằng lòng lắm.

Thơ rằng:

Bốn bể cũng là nhà,
Tết này lại ở xa,
Hồn quê theo lá rụng
Đất khách đóng trò ma!
Gió bụi quên ngày tháng,
Biển hồ góp xông pha...

Đừng cho đàn trẻ biết,
Rối ruột khách thiên nha.

Tôi tin rằng nhà tôi sẽ cảm động. Vì thơ này tôi gửi cho vợ tôi. Ngâm lại câu thơ điệu cổ phong, tôi thấy tâm hồn dìu dịu. Tôi không buồn nữa. Tôi chỉ sầu thôi. Mà lại sầu một cách văn chương. Và gì chứ sầu có tình văn thì tôi lại cho là một vưu vật. Đấng sinh ra muôn loài, hồ dễ đã ban nó cho hết thảy mọi người? Tôi đã tiết được nỗi uất kết trong lòng và ký thác nó vào một cái mỹ thuật trói voi bỏ rọ.

Trước khi làm xong được bài ngũ ngôn cổ phong, tôi là một cây cổ thụ bị mưa dầm. Những lá già cỗi có cạnh viền uốn cong, ngửa lên bầu trời u ám, đã là những cái chén rất thần tình để hứng đựng lấy giọt mưa của tự nhiên. Chịu không nổi sức nặng của một trời tang tóc thấp tịt luôn luôn sụt sùi, những chén lá kia đã uốn oằn mấy nét cong rất buồn rầu cho cành cây cằn. Một cơn gió nhẹ nhàng thổi. Lá lào rào và lộp độp đổ những hình sao nước xuống mặt đường đầy

bụi cát. Rồi cành lá cằn lại từ từ hồi sinh chổng ngược lên như cành dương liễu muốn chọc thủng da trời bây giờ tươi sáng. Nếu trận gió ấy đã giải uất ức nặng trĩu cho cây cổ thụ bị mưa dầm kia thì, ở người tôi, bài thơ gửi về cho vợ hiền cũng là cơn gió mát nhẹ. Nó quạt vào lòng tôi. Nó đem bao nhiêu thuần tuý của khí lành thổi vào hai lá phổi, khò khè. Nó lấy lại sự tuần hoàn cho một bộ máy hô hấp sắp bị nghẹt bởi ung độc mỗi ngày một lấn đất. Nó cất cho tôi một gánh phiền. Tôi tưởng nó đã thổi qua lòng các đoạn xương của tôi, làm tiêu tan tất cả chất tủy đặc và nặng. Tôi đã trở nên loài chim có cơ bay bổng nhẹ. Và hơn hết thảy mọi điều, nó còn giải cho tôi mối phiền về nơi nghiệt chướng của bồng bềnh.

Ấy thế rồi lúc mặt trời chiếu đúng giữa đỉnh đầu, tôi đã ngoan ngoãn nghe theo lời viên đạo diễn Tầu bảo tôi và mọi người lấy giấy bông lau cho hết chỗ lọ nghẹ, và kem phấn trát lên mặt đến tử công phu! Bây giờ viên ấy mới cắt nghĩa rằng đóng trò ở chỗ lộ thiên không cần tô son phấn vào mặt. Tôi tiếc thầm cho Đàm Quang Th... và anh em đã phí gần một giờ trong buồng trò, dọi mãi bộ mặt vô hạnh (hạnh là may mắn, chứ không dùng theo nghĩa nết na) vào tấm kính đã nhạt nước thủy ngân bôi mãi râu và vẽ mãi hề. Trong buồng trò, tôi rất vụng về. Chỉ đổ và rơi. Đến lúc tôi soi gương, tôi không thể buồn cười cho tôi hơn nữa, thực là mặt pho tượng đức Thánh Quan thờ ở các Võ

miếu An Nam và đình hội quán Hoa kiều. Tôi đã trát vào đấy gần nửa ống phẩm gạch lấp cả mắt cả mi. Chữ Pháp, trong tiếng nhà nghề gọi thế là maquillage cru!

Soi gương, tôi tự nghĩ:

"Ông cố nội tôi, khi ngồi trong Cẩn Tín Viện nhà vua với cái nhân phẩm và cái nét trì thủ của một ông nghè bút thiếp dưới triều Tự Đức, hẳn không bao giờ tưởng sau nầy sẽ có một đứa cháu đích tôn sang Hương Cảng để bôi rất nhiều nhiều phẩm tươi vào mặt". Tôi thấy tôi rất ngố trong tấm gương, vội kêu to:

- Mẹ kiếp, thật là vẽ nhọ bôi hề!

Đàm Quang Th... vội bắt lấy câu ấy, nói tiếp:

- "Nợ áo cơm phải trả đến hình hài" đấy. Ha! Ha! Thôi về mau lên. Còn đến *tua* người khác. *Toa* không thấy anh em đang chờ một chỗ ngồi hay sao!

Đoàn tài tử *Cánh Đồng Ma* đã họp mặt đủ trên vườn cà phê, nguyên là phần trường và trong lúc này biến làm điện ảnh trường. Giấc ngủ ngàn năm của người nằm dưới ấy hẳn bị kinh động nhiều bởi sự rậm rột của một bọn hát bóng đến đây làm trò rối và lấy phần mộ làm khung cho trò rối.

Mấy người chuyên môn ở hãng sẵn phim *Nàm Duyt* lăng xăng dỡ đồ làm việc, bày biện các dụng cụ, ống phim ống thu thanh lên trên miếng đất nghĩa địa.

Thấy chưa đến phút làm tuồng bóng nói, tôi lượn một vòng qua mấy luống đất xếp thành từng đợt theo dìa núi. Và ngổn ngang những mộ chí. Nơi nghĩa chủng này xem chừng cũng lạnh lẽo hương khói lắm. Tôi đã để ý nhìn kỹ, không một nấm mộ nào có chân hương mới. Những que hương cũ đã phai màu son ruộm và đều tẩm màu bụi đất. Thấy thời giờ vẫn còn nhiều, tôi hỏi tôi một câu: "Những người nằm dưới ấy là ai?" Tôi không chịu khó tìm một câu trả lời cho câu hỏi tôi đặt ra. Bỗng sự tình cờ của cuộc tảo mộ người không quen biết đã dẫn tôi đến trước ngôi mộ một đồng bào. Trên nấm xương tàn ký táng nơi đất khách, một người thợ đục đá đã đặt một tấm bia với những nét đục vụng về không quen khắc chữ quốc ngữ. Lấy cỏ và rau má lau sạch bụi trên nét đá, tôi đọc chỉ thấy vẻn vẹn có tên và tuổi: Lương Văn Hảo, 29 tuổi.

Tôi lớn tiếng gọi Đàm Quang Th...

- Này, anh Th..., mả đồng bào! Ở trong nghĩa địa Tầu!

- Mộ ông Lương Văn Hảo phải không? Ông ta sinh thời là tuỳ phái viên ở Nhà Băng Đông Dương. Lần trước tôi qua đây các bạn đồng bào có thuật lại cho tôi nghe về việc chôn cất ông Hảo...

- Chúng ta tổ chức một cuộc viếng mộ ông này đi. Cả đoàn tài tử xếp hàng đôi hay là nối đuôi nhau mỗi người vào khấu đầu trước mả người cùng xứ sở, tưởng cũng nên lắm.

Nghĩ đến sự thành kính của một đoàn An Nam lặng đứng trước mả một người An Nam, ở nơi đất khách, một ngày cuối năm, tôi thấy tôi là một mồi ngon cho tình cảm bị bùi ngùi xúc động. Rồi tôi đâm ra triết lý âm thầm. Tôi thấy triết lý lúc này là cần. Nó đã đem lại cho tôi một an ủi trong cảnh ngộ buồn thương.

Một vật cứng, nặng, tan nát rơi vỡ với một tiếng khô khan của tàn phá, đã cắt đứt mạch nghĩ của tôi. Tôi nhìn lại phía sau. Thì ra cái ông thông ngôn người Nam Kỳ, ông Đào Huấn Ng... đang nô giỡn trong nghĩa địa và đập phá trong những tự khí bầy trên các ngôi mộ. Tiếng tan vỡ rồi là tiếng một bình hoa bằng sành để trên chóp một mả kia bị ông Huấn Ng... hạ xuống và đập bể. Rồi ông ta cười một cách ngu dại lạ. Cái tiếng cười... khi dâm loạn tìm thú vui trong việc quẳng cung nữ vào vạc dầu sôi, tưởng cũng không ghê lạnh bằng. Trời ơi! Người ta có thể khoái hoạt khi tự biết việc mình làm là việc phá tán mộ phần người thiên cổ? Tôi mong cho ông thông ngôn kia, khi trở về nước nhà sẽ có dịp ghé Kinh đô Huế. Rồi đi xem tôn lăng như một người du lịch muốn thấy cảnh lạ. Rồi sẽ đập ở đó cho nhiều nhiều. Nếu thực ông ta thấy thú vị khi đập tự khí ở một nghĩa địa xoàng xĩnh như Cà phê viên phần trường thì hẳn thú vị đó sẽ tăng gấp trăm nghìn phần khi ông được phá, đập, quăng, ném những đồ đào khí cùng châu ngọc ở trong những bức

thành diễm lệ, tôn nghiêm, o bế những di hài của các đấng tiên đế. Vào đấy mà phá thì mới khoái tay. Rồi... sau đó cuốn Hoàng việt hình luật của chính phủ Nam Triều sẽ nói chuyện, với ông.

Tôi thấy cử chỉ ngỗ ngược của một gã thiếu niên được ăn học mà như vậy, đưa mắt cho Đàm quân và cả hai chúng tôi đều nhìn về phía anh em trong đoàn để tìm lấy những nét tức giận chính đáng. Thì quái gở chưa, trong "hội tài tình" An Nam vẫn có dăm ba bộ mặt vui cười. Họ ủng hộ đứa bạo ngược! Hình như họ còn cười để khuyến khích một tên tàn bạo. Thật là mấy quả trứng ung tự vỡ tan ra để cho người chung quanh nhận kỹ mùi thối tha. Đàm quân lừ mắt, rỉ tai tôi:

- Thôi, đừng tổ chức cuộc viếng mộ nữa. Chúng ta chỉ nên biết lòng thành kính của chúng ta thôi! Để cho nó đủ bổn phận nơi đất khách.

Một hồi còi rúc. Ai nấy xông xáo nhẩy ra làm trò. Đám sinh viên Kiểm theo tích truyện phim bắt đầu đi. Một người đưa đám buột miệng, khi đặt vòng hoa trước mộ Kiểm:

- Nhiều khi cứ chết một cách tiểu thuyết như người trong truyện, thế mà hóa mát mẻ.

Một người nữa, hóm nhất trong đoàn tủm tỉm:

- Nhưng mà, với sự bố cục và tạc bia của mấy ông cậu "con trời" người ta cũng khó mà chết được cho

đúng phép xuống lỗ. Kia kìa, nhìn tấm bia mộ Kiểm thì rõ. Bia một tên sinh viên quèn mà to như tấm bia Vĩnh Lăng nhà Lê ở vùng cổ tích Lam Sơn ấy.

Sự vụng về của ban chuyên môn hãng phim kia tạc bia sai kích thước đã được anh em trong hội tài tình phê bình bằng giọng hí hước.

Rồi lại một hồi còi rúc do viên đàn cảnh Trần Phì thổi rền. Nghỉ. Ăn. Bây giờ vào quãng 14 giờ. Đầu bếp đã bầy đồ ăn nguội trên thảm cỏ.

Giá ở vào trường hợp khác, thì những bữa ăn lộ thiên nơi nội cỏ như thế này phải ngon và vui lắm. Và giữa những người cùng mệt, cộng tác theo một đích chung, hẳn có những câu thân mật tỏ một sự quyến luyến. Bữa cơm hôm nay, tôi chỉ thấy nó là một mâm cỗ của đám hiếu mà thực khách đều là người biết tự trọng cả. Vì không ai chịu nói một câu để phá tan lạnh lẽo. Thật là một bữa cơm của bọn *Cánh Đồng Ma*, dùng trên một khu đất đầy cốt khí.

Nếu có một người nói nhiều nhất trong phút nặng nề như tang này thì người đó là bà góa Ng...A... Bà ngẩy ngà Đàm quân:

- Ngày mai, thế nào tôi cũng đáp tầu *Canton* về nước. Tôi nói trước để ông lo liệu. Đúng 4 giờ chiều, tôi không ở Hồng Kông nữa.

À à! Thế ra hơn một ngày bà chẳng ở, kém một giờ bà nhất định chẳng đi đấy! Phiền quá nhỉ. Tôi lại

càng sốt ruột khi ngắm bà cảnh vẻ thảy từng món ăn, nhấm nháp tí chút đồ ăn như một bà đầm thượng lưu. Có nhẽ bà góa Ng. A... quên khuấy đi cái đời anh em đang sống lúc này là mẩu đời lưu đãng và lại còn đèo thêm đoạn đời của kép, làm trò rối nữa.

Tôi cứ thong thả ăn uống. Một chiếc xe hơi xịt khói tắt máy gần chỗ chúng tôi ăn cơm trưa. Mấy thiếu phụ Trung Hoa bước xuống với *mọi cái* lộng lẫy của đàn bà đẹp và trẻ. Đây là vợ mấy ông chóp bu có nhiều cổ phần trong hãng *Năm Duyt*. Tôi không đủ thời giờ để phân tích cái đẹp của họ. Tôi tự nhiên thấy mất tự nhiên. Ăn thấy ngượng và không ngon nữa. Tôi có cảm tưởng đang hoàn toàn khỏa thân theo khoa học Đức mà bị vứt vào một xã hội đàn bà một nước chưa tiến. Và lúng túng tìm quần áo để che đậy tấm hình hài. Tôi lấy làm cáu vì tôi tự bảo bọn tôi đâu có phải là dị thú như ở vườn Bách Thú mà mấy thiếu phụ nhàn rỗi, tò mò kia đến đòi xem. Bất giác, nhìn lại bà Ng...A. vẫn cảnh vẻ, ăn như đếm từng hạt cơm, tôi nhận thấy trong phút này, cử chỉ kiểu cách của bà thế mà thành ra có chỗ sở dụng.

RÚM CỎ TƯƠNG TƯ

Tôi yêu đêm. Đấy là những giờ quý báu nhất trong thời khóa biểu một ngày mà một người biết nói thầm với một người. Tôi sống cuộc đời tiềm tàng của tôi vào lúc khí âm thịnh.

Có nhiều đêm, tôi lại không ngủ không phải để nghiền ngẫm tư tưởng chứa trong trang sách hay là biên chép ý nghĩ vụn của mình trên mảnh giấy. Dưới ngọn đèn, tôi chỉ thức để không ngủ, để ngắm bóng tôi in hình đen trên tường tối. Và như thế thỉnh thoảng tôi lắng thấy tiếng của những ngày chết dội về. Trong phút nói chuyện với bóng, gợi lớp tro lòng nguội, tôi thấy đêm không ngủ có một vẻ đẹp thần bí nếu tôi lại được ngửa mặt lên trần nhà mà hút thuốc lá. Khói thuốc càng đầu độc mấy thước khối không khí trong phòng hẹp bao nhiêu, thì trong sọ tôi, đám rước của kỷ niệm càng kéo đông và không ngừng bấy nhiêu. Người xưa, thắp đuốc đi chơi đêm để làm cho dài thêm cuộc đời ngắn ngủi. Tôi, sống những đêm trắng, hút thuốc lá để cho đời tâm tưởng được nhiều

và rộng. Hay ít ra, tôi đã nghĩ như vậy. Khói thuốc lá có công to giúp tôi nhận rõ được tôi, trong khi tôi âm thầm, rủ rỉ ngồi chơi với tôi, lắng hồi mõ điếm giao canh hay tiếng gà gọi con nước lên. Tôi thức đêm để hút thuốc lá. Tôi hút thuốc lá để thức đêm. Việc này đã thành một thói quen từ khi tôi được biết rằng thằng người ngoài việc ăn ngủ, còn phải thỉnh thoảng tưởng nhớ. Có ai dám nói là mình vốn không có dĩ vãng. Đêm đêm, đống tro lòng tôi dịch chỗ từ trái tim sang cái gạt tàn thuốc ngổn ngang mẩu thuốc, tàn diêm có lót một lớp tro xám. Ngồi thẫn thờ cho tâm hồn bay theo khói thuốc bồng nhẹ tôi sống cùng ký ức. Trong khi thở thuốc phì phèo, tôi lấy chất khói để chép nhật ký đời tôi. Và tôi nhận thấy cái trống trải, hiu quạnh của lòng giữa sự ồn ào ban ngày đã được đền bù lại bằng cách tĩnh mịch của đêm dài ngồi hút thuốc lá. Rồi tôi đâm yêu khói; thèm khói lúc thiếu nó, nhớ nó lúc vắng. Khói đã trở nên một nhân tình cần thiết cho tôi. Tôi đã yêu khói dưới một tập hình thức của nó. Luồng khói than bánh của đoàn tầu hỏa trên nội cỏ; luồng khói than đá của con tầu bể trên mặt nước động; luồng khói ét săng trong đám bụi bay trên đường cái quan; và luồng khói thơm tho của quán cơm sau một ngày đi bộ mệt nhọc. Những luồng khói ấy tự do trên những khoảng trời vô hạn; còn có những thứ khói bị bó buộc trong gian phòng chật hẹp kín bưng như là khói thuốc lá, khói thuốc lào, khói thuốc

phiện, khói lư trầm. Rộng, hẹp, cao, thấp, có khác nhau, nhưng tất cả khói đều cảm tôi một cách thấm thía. Chúng nó tiêu biểu những cái gì gọi là nhẹ nhàng, là tinh tuý, là không chịu đứng yên một chỗ, là đè lên mọi cái thấp là là, lè tè. Khói gợi cho người ta cái hình ảnh của thoát ly và gây một lý tưởng cho kẻ bực rọc với hiện tại mong đi gấp đến chỗ tận thiện tận mỹ.

Tôi muốn kêu to lớn: Khói muôn năm!

Trong đời không thường, không định của tôi, sự thiếu thốn về ăn mặc nhiều khi không gay go bằng sự thiếu hút. Bởi vì một người không đến nỗi đo chai nước mắm, đếm từng củ dưa hành như tôi, lắm lúc đã phải lấy cân tiểu ly ra cân từng dúm thuốc. Có khi suốt một tháng ròng, tôi đã phải dè dặt từng bao thuốc, dành dụm từng điếu thuốc. Lắm lúc bần thần cả người vì thuốc hút tôi thấy tôi hèn yếu quá và tự nhủ lòng sao không bỏ phứt cái tật, xấu nhỏ ấy đi như một số đông đốc tờ đã coi thuốc lá là kẻ thù. Thêm một thị dục là thêm một cớ khổ não. Có như thế Giáo lý nhà Phật, ở trường hợp nào thì không biết, chớ ở vào việc thuốc lá tôi thuật đây đã rõ ràng lắm.

Cái khổ não này, tôi đã được nếm đến tàn nhẫn trong những ngày làm trò hát bóng nói ở Hương Cảng. Tôi đã sống nhiều đêm trên đảo với tấn thảm kịch thuốc lá.

Trước tôi, nhiều người đi Hồng Kông về đã gặp lại tôi với một câu:

- Qua bên ấy ốm vì hút *sì gà*.

Trong mấy bữa đầu tiên ở Hồng Kông, điếu sì gà không rời miệng tôi lúc nào. Mở mắt ra là đã hút sì gà, trước cả món ăn điểm tâm. Hút cả đêm, hút cả ngày. Và không mấy khi tôi hút điếu cháy quá ngấn nhẫn vàng; điếu thuốc cháy đỏ một phần là đã quăng. Cái lối xa hoa này, có riêng gì mình tôi. Trong đoàn tài tử, - ngoài đám phụ nữ ra - (ai cũng đều hút sì gà một cách hoang phí như vậy). Có khi chúng tôi lại mang cả sì gà vào chuồng tiêu, đốt không điếu thuốc lên để khói thơm đánh át mùi hôi rồi mới chịu giải thoát cho cái bụng. Ở đây thuốc rẻ mà lại! Cho nên người ta hút sì gà như người Huế hút thuốc giấy ở bên quê hương. Thật là hút lấy được. Của rẻ có khác. Người ta hút nếu không để lấy chết thì cũng để tự hào với người quen rằng có lần mình đã suýt lụy vì khói sì gà. Buổi tối ăn cơm xong đến xưởng quay phim để đóng trò, đoàn tài tử Việt Nam đã được người Tàu chú mục. Mỗi tài tử bước chân vào hãng quay phim với một điếu sì gà ở miệng, cục tàn lửa to bằng hòn than hoa đỏ! Người ta không đếm xỉa gì đến những tấm biển yết trong xưởng: "No smoking" nghĩa là "cấm hút"... Người ta quên cả lịch sự thở mãi khói vào mặt

đàn bà Tàu. Nếu có người nào phải quăng nửa điếu sì gà cháy dở, là vì họ rức đầu, trối, ngấy khói mà bỏ hút đó mà thôi!

Ấy thế rồi một ngày nọ, điếu sì gà đã lấy được cái giá trị cũ của nó. Với đồng tiền cạn dần, chúng tôi đã biết quý điếu thuốc dù nó có rẻ như bèo. Và điếu thuốc to quấn cả lá đã nhường chỗ cho điếu thuốc sợi nhỏ li ti quấn trong giấy. Chúng tôi đã bắt đầu tính đếm đến từng điếu thuốc một. Với cái hiếm hoi của đồng tiền, người ta lại dè xẻn cả đến tấm lòng. Và từ chỗ bủn xỉn tấc lòng đến chỗ biển lận về tiền, chỉ có một gang tấc. Cái người đầu tiên khởi việc giấu diếm gói thuốc để dùng riêng một mình, cái người đầu tiên từ chối người bạn xin điếu thuốc bằng một câu nói ngượng nghịu, cái người đó lúc đầu còn thấy hơi thẹn với mình. Nhưng trong lúc khan tiền và đông bạn và điếu thuốc lá là sự cần dùng lớn như thế, lòng vị kỷ là một giọt dầu cứ thấm lan mãi. Rất đời, về sau, trong bọn, không ai dám chê, dám trách nhau là coi một điếu thuốc trọng hơn tình ràng buộc của một đoàn thể nghệ sĩ. Điếu thuốc đã xui người ta ăn gian nói dối cả với bạn hiền. Nếu người đó còn biết tự trọng, thì một đôi khi lại tự an ủi mình rằng đấy chẳng qua cũng là thường tình của con người ta. Với luận điệu viện ra đó, cái thằng người tầm thường kia đã không bị lương tâm cắn rứt sau khi lánh mình ra

nơi vắng, úp mặt vào tường, hít hơi khói cuối của mẩu thuốc ngắn không còn chỗ cầm nữa.

Nói ra thương tâm lắm. Nếu ông không phải là người nghiện thuốc lá đã có đêm không đọc nốt được một cuốn sách hay mượn phải trả vội ngày mai, vì chừng hết thuốc hút, thì nên ngừng lại và coi cái thiên truyện này là không có. Và đừng đọc tiếp.

Lắm đêm thèm thuốc không ngủ được, tôi tưởng như tôi có thể tự tử ngay được vì tôi cảm thấy cuộc đời là vô vị, là vô nghĩa lý. Đêm dài như năm. Nó dài quá những đêm nằm xà lim, đợi giờ chịu nhục hình...

Ký thác xong ý nghĩ này lên trang giấy, tôi mới nhận rõ ý nghĩa của điếu thuốc lá cuối cùng mà người ta cho tên tử tù được phép hút trước giờ đút đầu vào máy chém. Trời ơi! Đêm thiếu thuốc gì mà dài như đời một người vô duyên.

Tôi không nhắm mắt được. Ngoài bến, những tiếng còi không dứt của các thứ tầu ngoại quốc báo hiệu nhổ neo hay kéo neo hoặc ăn than, ăn hàng. Tôi lại càng thấy lòng tôi buồn không có giới hạn. Ra tôi đang sống giữa một xã hội nho nhỏ mà mỗi nghệ sĩ đều được ích kỷ một cách chính đáng với cái mênh mông của đêm thiếu thuốc, với cái tủi thầm của người bị đoạn thư tín quê nhà gần như tuyệt hương. Tôi yên chí nếu nhận được một lá thư thì tôi lại đủ tư cách vênh vang

thở khói thuốc. Nghĩ như thế, tôi thấy đỡ thèm thuốc, không phải cựa mình luôn nữa. Sự mong mỏi giờ báo thù cảnh ngộ là một liều thuốc ngủ mạnh, đối với tôi, trong những đêm như thế.

Nhưng, ác nghiệt thay! Trên giấc ngủ của mọi người, có khói thuốc lá đang dăng đầy phòng. Mũi tôi phập phồng đánh hơi. Tôi lại nhớ tới khổ sở. Sự thèm thuồng đã trở gót lại. Tôi xôn xao trong người, không khác chi một gã si tình bị thương, sắp xuất toàn lực để dứt tình thì vừa gặp lúc ác phụ vồn vã trở về mái nhà tranh để làm cho người ta càng nhận thấy cái trống trải của lòng yêu khi bị kinh động.

Nhưng mà ở cuối phòng, ai lại hút thuốc lá một cách khiêu khích như vậy? Tôi phải tìm cho ra cái nguồn phát ra luồng khói mới được. Khứu giác của tôi dẫn tôi đến một giường kê tít mãi góc phòng. Ông bạn đang thò đầu ra ngoài chăn, phì phèo thở khói tròn lên trần nhà. Người ta có thể khoan khoái hơn nữa không? Thuốc lá thơm!

- Cho xin một điếu. Anh em sang thế, xài thuốc Camel kia?

- Còn có một mẩu. Chúng nó cho *moa* lúc chiều

Dứt lời, tôi nghe rõ ràng tiếng giấy thiếc và dây Cellophane sột soạt trong chăn ông bạn. Tôi hiểu ngay. Tôi không hỏi xem "chúng nó" là ai, quay về

giường tôi, với sự hậm hực của người gõ lầm nhà một kẻ không hào phóng. Sự đi tìm sai địa chỉ làm cho tôi xấu hổ nhiều hơn là giận dỗi. Nhưng tôi vẫn không trách ai. Giá tôi dịch tôi sang địa vị ông bạn có lẽ tôi cũng từ chối như vậy. Vì trước khi thương người hãy thương lấy mình đã. Những lúc khó khăn như thế, dám bỏ gói thuốc ra mời nhau tha thiết, tôi cho là một cử chỉ rất duy tha dành riêng cho những người rất xuất chúng mà thôi! Cho nhau một điếu thuốc trong trường hợp này tức là một chuyện hy sinh đáng kể trong đời. Người ta đã mời nhau hút điếu thuốc sau một cuộc bão táp suy tính trong sợ dừa, mệt nào hơn là tìm một giải quyết cho bài toán kỷ hà khắc về hình trong không gian. Điếu thuốc lá rất tầm thường khi người ta thừa đồng tiền, đã có một giá trị đặc biệt khi người ta phải sống chung với nhau trong cảnh túng thiếu tàn nhẫn. Nó làm cho mình biết rõ mình có giầu lòng trắc ẩn hay không. "Muốn thấy rõ lòng thí xả của người, không gì bằng giam vào buồng kín một lũ người nghiện thuốc lá rồi xem chúng đối đãi với nhau trong những ngày cạn bao thuốc". Ai đã viết câu ấy ? Điếu thuốc sẽ là nước cường toan hóa học rất mạnh làm bật hẳn hình ảnh người trong miếng kính ảnh lờ mờ.

Đêm thiếu thuốc đã làm cho tôi trở nên một triết nhân miễn cưỡng buộc phải hiểu thấu lòng mình và

hiểu tới lòng người. Có lẽ tôi còn tin mãi ở bụng hào phóng, lòng biết nhường nhịn của tôi và của mọi người nếu tôi cứ được thừa thãi thuốc lá hút, hút một nửa quăng đi một nửa, hết *cái túi* này, đã sẵn tiền gọi nhà hàng sát vách đưa *cái túi* khác sang. Tôi đã có những lúc phí thuốc lá. Bây giờ, đêm nọ, tôi phải bận bịu suốt mấy canh vì thiếu mẩu thuốc, phải chăng là lúc phải hiểu rõ luật thừa trừ theo bề sâu của luật? Hay là "trời làm cho bõ lúc chơi ngông", tôi nghĩ đến những lúc huy hoắc trước, đốt sì gà trong chuồng xí, tẩy uế chuồng tiêu bằng khói sì gà cho hết mùi thối!

Tôi chợp mắt được sau khi suy nghĩ thêm nữa về nhẽ công bằng của sự vật.

Sáng hôm sau, tôi và một nạn nhân nữa của thuốc lá lần mò sang tận bên Cửu Long tìm chỗ pháo thuyền Dumont d'Urville bỏ neo. Lúc sang ngang, ngồi trong xuồng máy, người bạn tội nghiệp của tôi, giữa đám hành khách Trung Quốc nói chuyện với tôi bằng tiếng mẹ đẻ một cách long trọng.

- Trong thủy quân của thủy đoàn Pháp ở Viễn Đông, có nhiều người mình ở đấy. Thế nào xuống dưới Dumont d'Urville tôi cũng "bớp" được một vài người quen. Ở dưới tàu binh Tây, cơ man là thuốc lá.

Tôi cảm động thăm tàu chiến, sau khi bắt tay hết thảy anh em đồng bào. Tôi ừ ào khi anh em nói

chuyện cho nghe về pháo thuyền và hành trình của nó và chiến công của nó trong sự tuần tiễu mặt bể và trên Thái Bình Dương. Tôi nghe chuyện với vẻ đăng tính của người bị thuốc lá ám ảnh. Tôi không quên rằng tôi có mặt trên pháo thuyền chỉ để làm cho trọn cái việc ăn mày thuốc lá. Với một cái bề ngoài và một câu lịch sự, tôi đã nói với anh em lính thủy An Nam:

- Từ lúc qua đây, phải hút thuốc Ăng-lê rát cả cuống họng. Bên này nó không bán những thứ thuốc Bastos, Job diếc...

- Để tụi tôi biếu các anh ít bao hút chơi. Cái gì chứ thứ đó tầu tụi tôi có nhiều.

Đấy là nhờ ông bạn Th. một người quen từ đã lâu mà tôi tình cờ gặp lại. Ông ta thấy rõ gan ruột tôi rồi sao? Tôi cám ơn, lĩnh mấy gói thuốc. Nhưng tôi vẫn phân vân, tìm lẽ phải của cử chỉ này. Thấy mình thừa thãi đem cho người khi người đến xin, như thế có là một cử chỉ đáng kể không? Tôi thấy rõ sự bội bạc của tôi khi tôi dám phê bình đến lòng thảo của người khác và ngờ vực đến việc biếu xén này. Dù sao, tôi cũng cố tin đấy là một nghĩa cử. Thứ nhất là khi món quà nhỏ - nhỏ với người cho, to với kẻ xin - đó đã làm cho tinh thần tôi đỡ khủng hoảng trong một đôi ngày. Nói là tinh thần chúng tôi thì hơn. Ngay đêm đó, trong đoàn tài tử thiếu hút, đã có ít người cất bộ bần thần đi, nói cười vui vẻ. Họ kéo hơi thuốc nào cũng đích đáng cả.

Cái thế không nuốt được hết khói nên họ đành thở khói thừa ra với sự tiếc rẻ hiện lên khóe mắt.

Ngay đêm đó, dưới ánh sáng lờ mờ bị những vẩn khói thuốc vờn quanh, chúng tôi đã tụm năm túm ba lại, để nói chuyện tri kỷ vụn. Nhiều người như cấm khẩu trong mấy buổi thiếu thuốc lá, đã trở nên linh lợi. Nhắc đến phút ích kỷ vừa qua, có người to tiếng tiếc cho bụng dạ mình không phải là một củ khoai có thể đem bóc ra để anh em xem và hết ngờ. Có người thủ thỉ và phàn nàn không làm cách gì để lột trần truồng cho anh em xem trái tim mình. Chớ! Tôi van mà. Không nên bộc lộ quá. Cái bài học của điếu thuốc, biết để bụng thì hơn!

Tít tận đầu phòng, trên mảnh ghế bố, hai bóng hình người, hút chung một điếu thuốc, nói chuyện tâm sự thỉnh thoảng cười rộ, gối gục vào nhau như hiểu nhau lắm và sung sướng vì vừa cất một mối ngờ.

Chúng tôi nhìn họ, nghe họ sám hối hơi chậm, rồi chúng tôi nhìn nhau để cười theo họ.

Ấy thế mà cái sướng được hút thuốc lá sau những ngày đêm nhịn nhục như thế lại là chưa đáng kể. Tôi đã được hút thuốc lào kia! Giữa hôm Tết ở nhà ông cụ Th., sau một tháng thèm thuồng nhắc nhỏm tới nó.

Tôi rít hơi thuốc tưởng tụt được nõ điếu. Tiếng nước kêu lóc cóc giòn dã trong điếu bát như tiếng âm nhạc quốc gia ca. Trông đám khói xanh cuồn cuộn

từng vòng đặc, tôi thấy hình ảnh của cả một quê hương. Đấy, chỉ một tị tẹo như thế ở đất khách đủ làm cho người ta nặng lòng quê hơn một bài quốc sử thì có lạ không? Trong lúc ngây ngây ngất chỉ còn thiếu có nước đâm đầu vào bếp ông đồ rau, vì cái phòng khách sang trọng nầy là một cái bếp lửa - giấc hương quan đã viếng tôi một cách thấm thía. Ông cụ Th. cười:

- Coi bộ đầu năm hút điếu thuốc lào thú lắm há!

Tôi nghẹn ngào không nói gì, nhìn ông già đó như cám ơn và đưa điếu bát cho Đàm Quang Th... Tôi ngâm rất khẽ:

"Nhớ ai như nhớ thuốc lào..."

Tôi ngâm đủ cho tôi nghe thôi.

Và tôi khâm phục cái người nào đã lấy chữ Hán đặt tên chữ cho thuốc lào là *tương tư thảo*. Cỏ tương tư!... Hay quá!

Điếu thuốc lào say sưa đã cho tôi khái niệm nhiều về dúm thuốc.

Ngẫm người ta tầm thường thật.

Một tí khói có thể làm sai lạc được cả tâm điền mình!

Vì một điếu thuốc người ta hóa ra hèn hạ, quái gở và một khi làm hỏng việc lớn nữa.

Tôi còn nhớ đã đọc mười trang sách trong cái thiên phóng sự dài về : "Ái tình trong ngục thất" của Maryse Choisy, nói rõ về sức mạnh điếu thuốc lào đối với một kẻ nghiện khói. Nó có thể dẫn người ta đi tới thủ dâm, loạn dâm và phản phúc. Nó xui một tù phạm tố giác một cuộc âm mưu phá ngục đã được hàng xứ thuận khởi bằng máu ăn thề. Nó bắt một người đàn ông mãi dâm với một người đàn ông khác, làm rối cả luật âm dương của tự nhiên, của tạo vật. Ấy, chỉ có một điếu thuốc lá thôi! Người kỹ nữ có sắc đẹp hẳn bĩu môi không chịu liệt giống lá cỏ khô vô tri này ngang với mình, trong việc phá hại lòng người.

Như thế này, thì nhiều người muốn chừa thuốc lá. Vì nó rất tàn nhẫn, khi người ta kết bạn lâu dài với nó. Nhưng tôi lại vớ vẩn tự nghĩ:

"Dính với nó, là lụy. Nhưng đoạn tuyệt nó, dứt được nó, thì đã hơn được ai?"

BA VÁN CỜ TƯỚNG Ở LÊ VIÊN SƠN

Dạo này vắng thuốc lá, người đâm ra bần thần. Miệng cứ nhạt như miệng người ốm liệt giường liệt chiếu hàng đôi ba tháng. Thỉnh thoảng Ả Số - tên phụ bếp - lại đưa ra một điếu May Blossom, mời hút. Tôi không cần giữ kẽ với Ả Số, cứ nhận thuốc của y mời. Bởi vì bọn tôi, mọi lúc dư dật, vẫn luôn luôn đãi y những món tiền đầu sai rất hậu hĩ. Nay có nhận y đãi lại điếu thuốc cũng không can chi. Cái điếu thuốc lá mạt hạng May Blossom hút vào lúc thiếu thốn này sao hương đậm đến nhường ấy.

Lắm buổi tối ăn cơm xong, không đến lượt phải sắm vai trò phim "Cánh Đồng Ma" mà tôi vẫn mò ra Lê Viên Sơn - nơi xưởng quay phim ảnh, đêm nào bọn anh em Việt Nam cũng phải tới để nhăn nhó, cười, chạy, nhảy nhót cho bọn Khách quay độ trên dưới trăm thước phim. Đến đây thế nào cũng kiếm được một điếu thuốc. Và chẳng gì nó cũng còn vui và khuây khỏa hơn ở nhà. Ở nhà khổ lắm. Ngủ cũng không ngủ

được mà thức thì mồm cứ nhạt phèo. Mãi đến bây giờ tôi mới hiểu tại sao hồi còn mồ ma cô tôi, người cô xấu số của tôi mỗi đêm thao thức mỗi đêm không ngủ được, là cứ phải lục cục tìm cho được cái cối giã trầu, nhai trầu bỏm bẻm cho hết đêm, lúc nào sáng rõ, giấc ngủ đến mới chịu nghỉ miệng nhai.

Cái sàn gác buổi mai bừa bãi những bã trầu, đã tố cáo những đêm không nhắm được mắt của một bà già gần đến cõi và đám bã trầu ấy gợi đến hình và màu một lũ gián không cử động.

Những ngày đầu tiên của bọn tôi tại Hương Cảng, cũng có những đêm mà bọn tôi không ngủ được vì còi tầu ngoài bến rung động tới lòng sầu xứ, bọn tôi quăng tàn thuốc, mẩu thuốc ngổn ngang đầy cả nền nhà. Nhưng ít lâu nay, cái nền nhà rộng rãi của bọn tài tử ở trọ đóng cho trọn cuốn phim không còn có những rác rưởi đó nữa. Có thuốc hút đâu nữa mà đòi quăng những mẩu thuốc thừa thẹo. Mà có người nào quăng xuống, thì đêm hôm ấy đã có bọn khác không ngủ được bò lồm ngồm lượm cho kỳ hết. Họ sẽ ngồi gỡ những mẩu thuốc quăng đó, lấy giấy mà cuộn thành một điếu thuốc giấy khác, hoặc không có giấy thì họ nhồi tất cả bảy nhiêu sợi thuốc hỗn hợp vào một cái ống điếu, châm lên, cả bọn chuyền tay mắm môi mắm lợi lại mà kéo rít cái thứ khói lại giống khét lòm. Có bị những lúc khủng hoảng thuốc hút như thế - hút

bẩn thỉu đến không bị ho lao truyền nhiễm - tôi mới biết ca ngợi cái đức "tích gạo phòng đói" của một số người Huế, mỗi lúc hút chơi gần hết một điếu thuốc lá Cẩm Lệ quấn lối tổ sâu kèn, là họ dính bẹt nó vào cột nhà, dí nó cắn sát vào tấm tường vôi không chịu quẳng nó đi như những kẻ chẳng biết lo xa. Ngày mưa rả rích, những người căn cơ ấy, ngồi nở một nụ cười khi gỡ những tàn giấy thuốc cũ, co ro bên chiếc lồng ấp.

Đêm nay lò dò lần vào Studio, biết phận mình không dự gì vào chỗ sân khấu cháy đỏ rực có các bạn đang tập sắm vai, tôi chỉ lảng vảng ngoài hành lang, đợi chốc nữa bọn Khách dọn tiệc *síu dề* cho anh em, thì mình lạm dụng một ghế bên bàn ăn, ăn cháo trắng với cá mặn khô, ăn bánh mì với sữa bơ, vui lắm chứ. Nó ấm bụng, nó ấm cả con mắt. Chứ về nhà mà trùm chăn nằm mèo trên mảnh ghế bố, lạnh lắm, thời khắc dài lắm.

Ngẫm đến chuyện đêm qua mà tôi lại muốn cười ra chút nước mắt gừng. Đêm qua, ăn cơm xong, lộn trái túi áo pyjama, còn vẻn vẹn một đồng xu, Tôn Văn Ng.rủ tôi cùng ra nơi đầu phố Sứ Kiếm Vực, tìm đến hàng mụ Khách *mãi chà phổ* xem có cái gì ngọt ngọt mà giá cả phải chăng thì ăn chơi cho đỡ lợm giọng. Đứng trước cái thẩu bánh quy, Ng.đòi mở nắp thẩu.

Tôi ngăn anh lại, bảo anh rằng thứ ấy là món thực phẩm xa xỉ, ăn mau hết và thanh cảnh quá.

- Ăn ngoém một cái hết, thì cuộc đời rồi đến rỗng tuếch ngay mất thôi. Phải lấy cái bánh tai voi này này. Trông nó bề thế chắc chắn hơn. Ăn được lâu, và cái vui của mắt của bụng cũng được bền bỉ hơn.

Lúc bấy giờ, Ng. và tôi quên hẳn cái tuổi mình đi - cộng lại, hai đứa được gần sáu chục - và tưởng mình như hai đứa trẻ thơ đang sống những ngày của thời Sơ học, anh em cùng lớp dự bị, cái kẹo đạn, kẹo chuối cắn đôi, có khi cắn phàm quá, ngập cả răng vào ngón tay bạn bấm làm cữ. Những ngày ấy, mỗi người xin bạn cho hít một hơi thuốc lá để bắt chước tập làm người lớn. Nghĩ đến thuở bấy giờ mà thấy đời đầy thơ và hồn nhiên. "Nhưng mà đâu là những áng tuyết xưa?".

Thế rồi Ng. và tôi trở về nhà mặc áo chỉnh tề, vui bước, hai tôi lần đến studio, sà vào bàn ăn đêm, bưng mỗi người một bát sữa, một ổ bánh mì, vào giữa xưởng phim, ngự ngay vào ghế bành, ngay dưới ngọn đèn pha nghìn nến ở buồng trò, vừa nhồm nhoàm ăn, vừa lạm góp ít nhời phê bình về cách sắm vai này, vai nọ, tuế tóa gọi là cho nó trôi xong một miếng bánh đang nhai vữa ra trong miệng.

Tôi lởn vởn mãi ngoài sân studio, thọc tay trong áo tơi, mãi mà không thấy một người quen nào để xin một điếu thuốc hút. Ở đây, xin thuốc hút dễ hơn lúc

ở nhà. Có khi, anh bạn đang ra ngoài thắp thuốc hút -hút ở trong sân khấu làm trò, có lệ cấm - "no smoking"! - mới hút được phần điếu, bị gọi vô sắm vai thì lại phải nhường điếu thuốc dở đó cho mình. Không đưa cho mình thì anh bạn cũng phải quăng nó đi.

Những lúc chuyền thuốc giấu diếm cho nhau như thế, điều đáng buồn nhất là bị một vài cô đào Tàu lỡ trông thấy một cử chỉ thiếu hẳn đẹp. Bổng Ch. ở đâu chạy lại :

- Này, thằng Tạ Ích Ch - Ải Tchè, tài tử Hoa Nam, có chân trong hãng *Nàm Duyt* này ấy mà - nó đang gạ đánh cờ ăn thuốc lá đấy. Mỗi ván đánh một gói Camel. Thằng Tạ Ích Chi nó có những nước cờ hiểm hóc lắm, nhưng xem cờ anh cũng vẫn có ngón ác hơn cờ nó. Đánh đi. Lấy ít ra là một gói thuốc Lạc Đà cho anh em hút.

- Nhưng mà tôi không sẵn tiền, như anh đã biết. Nhỡ thua, lấy gì mà giam cho Ả Tchè.

- Được rồi cứ nhận lời đánh với Ả Tchè đi. Thua, tôi sẽ bỏ tiền ra mua cho anh, không ngại.

Lấy đồng hào của Ả Tchè ra để quay bói âm dương xem ai đi trước ai đi sau. Ván cờ đầu tiên Ả Tchè được đi trước. Y vào pháo đầu. Tôi cũng vào pháo đầu. Ván cờ vào thế nghịch pháo. Tạ Ích Chi đi nhanh, tôi đi chậm lòng chỉ lo thua. Tôi không tin nhiệm ở lối xuất quân của tôi nữa. Nước thứ mười gì đó, Tạ Ich Chi ăn

của tôi mất một con tượng. Mắt tôi trông mé cờ bên bịch, ô nào cũng thành ra hoa thị cả. Cờ tôi què rồi. Loạng quạng thế nào mà lại kiếm thêm một con tốt đầu nữa. Người tôi đâm mê, xe pháo gì đều thọc bậy cả. Mấy người bạn ban nãy đứng cạnh tôi giả vờ xem đấu cờ mà chính thực là cốt hút chằng một điếu thuốc ngon ở cái gói thuốc của Ả Tchè buông tung bỏ vãi ở canh bàn cờ; mấy ông bạn lợi dụng cuộc cờ, thấy cờ tôi núng, đã bỏ đi hết cả. Đến cả Ch... là người định xuất vốn thầu cái việc mua Camel mà cũng biến đi đâu mất rồi. Thế này thì vấu hổ ngay sau lưng rồi. Tôi cầm chắc là sao cũng thua. Tôi lấy làm giận đời và thứ nhất là giận Ch...

Mỗi con sừng của tôi dịch chỗ qua hà lúc này là một con cờ bỏ, chỉ đi vào đất chết của đối phương. Ván cờ đầu ở ngay nước tôi mất con tượng gỡ, vớt mãi không lại, tôi cảm thấy tôi là một con gà chọi bị một cái đòn cáo ở ngay hồ đầu. Tôi không nhớ rõ cờ đánh đá ra sao mà ván ấy lại hòa. Tôi ngờ rằng đấy là cái nhã ý của Tạ Ích Chi. Vì nhiều nước cờ, giá tính sát nút thêm một nước nữa thôi thì con tướng của tôi đã chạy ra ngoài cung hoặc nhẩy lên thành bàn cờ. Tôi nhớ hình như lúc tôi gặp bĩ Ả Tchè lại nới cho một nước và y lịch sự quá, đến nỗi không chơi chiếu "đút đít" hoặc chiếu bí. Những người quảng đại như thế, trong làng cờ hiếm lắm. Tội gì mà chẳng lợi dụng ngay cảnh ngộ rối reng của đối phương. Tôi cảm ơn

thầm y rồi ngồi ngẫm nghĩ thêm, tôi lại vụt giận Tạ Ích Chi, khi sắp lại quân để tái đấu. Hay là biết tôi không có tiền túi vì một cử chỉ hớ hênh nào hoặc y đã nghe hiểu một câu nói lóng nào ban nãy với Ch,... không được kín đáo chăng.

Mở cho ván thứ hai này, tôi thắng thế ngay từ lúc ra quân. Lần này tôi đi trước. Tôi gò được nước pháo đầu mã đội rồi vui vẻ, sáng suốt tôi kéo giằng được ba quân vào một mé mà công kích. Tam tử đồng biên! Hồi ở nhà, mỗi lúc giảng về thế đứng của quân cờ hai bên, thầy tôi thường bảo như thế là một điều tối kỵ. Cuộc tàn sát bắt đầu. Hàng ngũ của Tạ Ích Chi rối loạn, rồi biến, rồi ngơ ngác, rồi hết quân đi. Tôi được ván cờ thứ hai ấy không lấy gì làm hứng thú vì suốt từ đầu chí cuối, đôi bên không có lấy một nước cờ hay. Nó chỉ là một cuộc chém con sừng tàn nhẫn và tôi đã là một kẻ hung bạo kết quả được một người cô thế.

Tôi mê man vì cờ, không biết đằng sau tôi, một vài anh em đã đứng đấy từ bao giờ. Có người cấu vào mông tôi và ghé thầm nói vào tai tôi:

- Thôi, ăn non đi. Hai ván, hòa một, được một. Lấy lấy một gói Camel, rồi đi về đi. Chia cho anh em trong bọn mỗi đứa hai điếu có thú không. Đánh nữa làm gì.

Ừ, họ nói cũng phải. Lâu lắm không có thuốc hút, giờ có một gói Camel mà xài dần, cũng hay hay. Vả chăng đêm nay tôi hồi hộp ngồi đây, dức hẳn đầu lên, cũng chỉ vì cái thèm muốn ấy. Nhưng không hiểu tại

sao, tôi lại cố nèo Tạ Ích Chi đánh một ván thứ ba nữa cho y gỡ. Tôi muốn tỏ lòng cảm ơn và đáp lại cái lịch sự của Ả Tchè vì cái ván cờ đầu y nhượng tôi mà cố đánh hòa cho mình chăng? Có lẽ. Nhưng thêm vào lẽ ấy, lại còn một lẽ này nữa. Là lúc này tôi đang khinh bỉ thuốc lá. Cái thảm kịch thuốc lá diễn đã bao đêm nay, gần như đã nói cái tiếng cuối cùng của nó. Nó là hòn đá thử được chút vàng tiềm tàng trong lòng mỗi người. Người ta bi quan đến đâu cũng vẫn cứ phải nhận rằng đến ở ngay một đứa vô lại hạng bét, vẫn cứ còn có được nhất linh đài, nhiều người bảo thế.

Nhưng cứ như tôi biết, thì lòng bọn tôi đem ra mà thử với luồng khói thuốc ít lâu nay, lại còn hôi xám hơn cái tàn tro đống thuốc lụi. Làm gì có sự sáng sủa thơm tho. Vậy thì lúc này, được dịp có thuốc hút, mình hút phải đưa cho anh em cùng hút - giữ riêng thế nào được một mình - sao tôi lại không báo thù họ, để cho bõ những hôm họ bạc đãi, ngược đãi tôi. Thấy họ xun xoe cạnh tôi, đại thí cờ cứ rầm cả lên, tôi càng nhận ra rằng con người ta chỉ phù thịnh chớ ít ai phù suy. Và có như thế thì những người đi theo Lê Chiêu Thống thất quốc chạy lên Nam Quan, những người anh hùng thời Lê Mạt mới là đáng quý đấy chứ. Sao ván đầu, các bạn tôi lại không thiết tha với cái tình thế của tôi?

Tôi đã lấy làm khoan khoái khi Tạ Ích Chi thắng ván cờ thứ ba ấy. Vài người bạn đứng sau tôi nét mặt

đều chưng hửng. Có những nét mặt nó phản lộ ra những cái dục vọng hạ cấp một cách xấu nhớp quá.

Đêm ấy về nhà trọ, hút điếu sì gà con của Tạ Ích Chỉ mời mà ban nãy chưa muốn châm vội, tôi cho là tôi đang phong lưu lắm và tâm tình có sướng hơn là người được làm vua một ngày với "dồi chó vắt tay ngai!". Tôi nằm thở khói nhớ đến ở quê nhà, tại Huế, có một người đánh cờ tướng rất cao tên là Cả S...Ông ta chỉ đánh cờ ăn tiền, có khi lại lấy nó làm mưu hồ khẩu. Ông ta đánh với người lạ, hay thả những ván đầu, đợi đến ván sau đánh tiền to mới xuất thực lực ra mà đánh để lấy lại. Bạn bè ông, hễ thấy ông đấu cờ với khách lạ là tổ chức ngay cuộc ăn uống, là đi mua chịu đồ nhắm và rượu và vừa uống vừa chờ ông Cả. Nhất sinh đời bực kỳ hầu ấy, có mỗi một lần ông ta bị mất tiền cờ. Lần ấy, quen lối cũ, ông Cả vẫn thả. Nhưng là tay bợm già, cái tên lái mành giả hiệu kia đã bỏ dở cuộc, bỏ tiền ván thứ nhất vào túi, xin cáo vì (y bịa ra thế) có người dưới thuyền lên gọi dỡ hàng, chút nữa sẽ xin lại. Ông khách cờ chủ tâm ăn non ấy có khi nào lại còn trở lại. Y nhắn lời nhờ người về bẩm lại với vua cờ rằng: "Đấu cờ tướng với ông Cả S... là một sự chơi trèo. Chỉ có dùng cái chước mọn - và có khi hèn chút - ăn non như tôi thì may ra mới lấy được của vua cờ một đồi đồng".

MỘT NGÀY MỘT ĐÊM CUỐI NĂM

Ngày hôm nay là một ngày năm hết. Ngày năm tận, ở đất khách, với một tâm hồn uể oải theo ngày tháng trôi đi. Màu trời không tươi và cũng không buồn. Lẫn trong đám đông người "tứ chiếng" chen chúc ồn ào ở thành phố Hồng Kông, tôi vẫn tưởng là tôi ở đâu ấy, và bây giờ là bao giờ. Tôi yên chí có một bản lĩnh lưu đãng, đi tới đâu là nhà ở đấy, không bao giờ đoái tưởng đến những chuyện gì đã xảy ra và những nơi vừa đi qua. Và tôi không nghĩ tới một việc gì nữa.

Ngồi ở thượng từng tầu điện, bạn Chút vì một câu nói đã làm cho tôi mất hết bình tĩnh.

- Chiều nay, 4 giờ, tầu *Canton* nhổ neo về nước.

Chút co ngón tay, lẩm bẩm tính hành trình của con tầu.

- Sớm mùng hai, tầu cập bến Hải Phòng. Tôi ra tầu *Canton* đây. Nhờ anh Ph. ở dưới ấy, đem hộ lá thư về nhà. Chắc "ông cụ" tôi mong lắm.

Rồi anh kể lể một cách tha thiết những là trước khi đi, ở nhà, thân quyến dặn thế nào Tết cũng phải

về để...để...anh kể ra nhiều thứ quá. Tôi thẫn thờ; bất giác tôi đã nhớ tới những chuyện gì để lại bên quê hương Việt Nam và mối thất tình lại đùng đùng dội lên từ đáy lòng một người định quên thương, quên nhớ để sống cho trọn những ngày còn phải ăn gửi nằm chờ ở hòn đảo Hương Cảng. Bấy giờ, tôi mới trịnh trọng đoái tưởng đến những mối tình thiêng liêng nó buộc người ta quay về chỗ chôn rau, dù là quay về một cách không tưởng trong một tích tắc đồng hồ. Con thuyền tam bản phấp phới lá cờ Pháp giữa rừng cờ vạn quốc, đã rập rờn đưa một con bệnh ra tầu *Canton*. Óc tôi, tâm tôi chả bị đau thương là gì! Còn cái xác thịt? Không cần đếm xỉa. Trên dòng nước mặn, tôi lấy bút chì viết nguệch ngoạc lá thư gửi về cho vợ. Không biết tại làm sao, trong khi viết thư tôi lại nhớ tới câu thơ chữ Hán "Nhất niên tương tận dạ, Thiên lý vị quy nhân" cả tâm trạng một tráng sĩ lang thang ngoại phần hương, một đêm giao thừa. Trong phút ấy, tôi tưởng chừng như tôi là một người đàn ông rất đúng đắn đã làm hỏng cái đạo lớn trong gia đình. Những chữ *Nghệ thuật* và *thê tử* nhảy mãi trong óc và sau rốt thì hai chữ *Nghệ thuật* đã an ủi tôi khi tôi nghiêm nghị trèo lên tầu Canton. Bao nhiêu cảm tình tốt đẹp của tôi đều để vào con tầu chở thư tín và bưu kiện này. Nó là cái gạch nối tôi với quê nhà, trong không gian, đằng đẵng mấy nghìn hải lý nước và mây. Trao lá thư cho ông bạn nhất kiến, nói dăm câu chuyện về

vô tuyến điện trong nghề hàng hải (ông Ph. làm thư ký T.S.F trên s/s Canton) tôi lấy lại bộ mặt tươi tỉnh chúc ông ngày mai được "mọi sự như ý" trên mặt biển lớn. Và lúc trở về bến, tôi tự hỏi: "Không biết cái ông Ph. có tự biết là một người giang hồ không? Tâm tình ông ta giản dị quá".

Chiều hôm nay, giữa cái giờ mà một người Việt Nam - Tôi không nói là Việt Kiều - biết tự trọng, phải thiết bàn thờ, bày cỗ lớn thỉnh hương hồn các đấng tổ tiên về với con cháu, giữa cái giờ ấy, tôi đang nằm bên bàn đèn ông Jaffa Lloyd - một người bạn Khách không kể tuổi. Ông bầu (!) họ Đàm, kép (!) Vượng, kép (!) Dương, kép (!) Đức Ngạc, đào (!) Lê Thị Hồng Hà, cũng ngồi trong gian phòng chật hẹp ấy. Tôi nhìn trộm mấy mặt bạn thân của *Cánh Đồng Ma*. Mỗi người một vẻ... một vẻ buồn nản. Tất cả, ngồi đây để làm gì? Đóng phim nói An Nam? Thì chiều hôm hai mươi tám tháng chạp năm Đinh Sửu, họ đã đóng xong cảnh cuối cùng cuốn phim *Cánh Đồng Ma ở Cà phê viên phần trường* !

Tôi có những tư tưởng lờ mờ về định mệnh của hết thảy tài tử, bất kể là nước nào, là thời nào. Tôi giả vờ mệt và ngủ. Nhưng qua lớp lông mi, tôi vẫn mơ màng nhìn Đàm Quang Thiện và mọi người trong hội. Những bộ mặt sáng sủa như thế kia, có thể hứa hẹn người những tương lai chẳng rực rỡ thì cũng tiềm

tiệm trong những hoạt động khác của xã hội, sao lại "xông" vào con đương nhiều nhục, nhiều lụy này để làm gì? Để mà bôi râu, vẽ nhọ, tối tối làm trò rối, hồ trả cái nợ áo cơm mà một tờ giao kèo đã buộc mình đem nhau đến hòn đảo này?

Chiều nay, ba mươi Tết, cuốn phim *Cánh Đồng Ma* đã hoàn toàn xong rồi, họ còn tụm nhau ở đây để làm gì? A, để đợi những cái gì sẽ xảy đến.

Viên quản lý hãng Nàm Duyt ảnh nghiệp công ty, Tạ Ích Chi đã sục đến phòng này với mọi sự rầm rĩ của một người Tàu muốn làm ra vẻ sốt sắng, thành thực. Tạ Ích Chi báo cho biết rằng hãng phim đang đi lấy vé tầu cho anh em về nước. Chú Khách họ Tạ xoa hai lòng bàn tay vào nhau. Một tia sáng trong nhờn tuyến bọn An Nam. Họ Tạ nói thêm:

- Đi tầu hãng Thái Cổ, mà vé hạng nhì!

Bọn An Nam mỉm cười. Họ Tạ bảo Đàm Quang Thiện đưa hết cả giấy thông hành của tài tử cho y để tiện việc vào sổ lấy vé.

Đứng ở gác nhà đại lý hãng tầu Thái Cổ, Đàm Quang Thiện, Nguyễn Dương và tôi, lúc giao 21 giấy thông hành cho viên giám đốc Trúc Thanh Hiền và viên quản lý Tạ Ích Chi, chúng tôi có biết đâu là nhận lấy số phận kẻ chiến bại trong một cuộc chơi trí khôn mà hãng Nàm Duyt tổ chức để chia bọn tài tử (!!) Việt Nam ra làm hai hạng: hạng biết giày xéo lên nhân phẩm, biết ăn cắp tấm lòng tín nhiệm của người cùng

xứ sở để đổi rẻ nó ra một số tiền bốn chục hay bảy chục dollar...

Bóng chiều xuống mau. Người ta đã nổ pháo không ngớt. Trông xuống đường phố, đám đông người đã rảo bước.

Tôi trở về căn nhà số 6 ở đường *Sử Kiếm Vực Đạo*. Hàng phố đã đỏ đèn. Cái đêm trừ tịch bắt đầu với ánh sáng tưng bừng của *Tất cả Hồng Kông* của *Cửu Lủng* và của gần trăm con tầu đỗ trên bến nước Hương Cảng.

Tôi bỏ bữa cơm tối, nhìn một phần ba anh em (!) đang ăn uống vui sướng và tôi không thể thương hại họ hơn được nữa. Tôi quên chưa nói rõ rằng bất hòa đã có sẵn trong bọn từ mươi hôm nay rồi, và một cách quyết liệt kia. Tôi thấy tôi mênh mông buồn. Buồn trong gân cốt, buồn đến cả những thớ thịt đã chai cứng. Tôi tưởng tôi có thể to tiếng cãi nhau được với cả Đàm Quang Thiện... dù là tôi vô nghĩa lý. Như thế, tôi tưởng sẽ trút được gánh nặng cho tâm hồn.

Giá lúc này, tôi sẵn có đủ chục bạc, thì tôi đã uống rượu mạnh ở một tửu điếm..... Nhiều khi, thiếu tiền lại là một may mắn. Nếu không thì đã thành một khách chơi "vô giáo dục" ỷ thế đồng tiền, tàn bạo...

Chín giờ, chín giờ rưỡi. Tôi không thể ngồi không như thế này mãi, để nhớ tiếc những cái gì trong sạch.

Đêm nay, tôi lại thấy trong người nhiều sức khỏe quá chừng. Nếu tôi không dùng nó vào một việc gì thì có lẽ tôi phải cho nó tiết ra ngoài bằng một cuộc cãi nhau lớn và đánh nhau cùng nên. Với ai? Với những người trong bọn mà từ trước tới giờ tôi chỉ lặng lẽ khinh bỉ. Tôi không muốn thế.

Tôi vùng vằng nhờ tên bếp mua cho đồng bạc a phiến và thuê hộ chiếc khay đèn. Trong khi chờ đợi, tôi kéo Đức Ngạc đi chơi, bất cứ là đi đâu, để tiêu bớt sức mạnh không có chỗ dùng.

Từ xóm *Quán Cháy*, lặng thinh, chúng tôi đều biết kính trọng cái tình buồn của mỗi người và tôi đã dẫn Ngạc lên xóm *Bố Lố Cái* mua hai cái tẩu và một cái bầu đèn thuốc phiện. Thế thôi. À, pháo nữa. Đã gần đến lúc giao thừa. Pháo Hồng Kông đốt đã mau tiếng. Chúng tôi rảo bước về. Nhiều tài tử An Nam đã ngủ được một giấc. Một đêm long trọng như thế này mà có những người vô tình đến thế ư? Thực vậy, mỗi người có một quan niệm riêng.

Tôi đi thẳng lên gác. Các bạn Chút, Khanh Thiện, Ty Vượng, Giư ngồi nhổm cả dậy; có người hỏi dồn:

- Định hút hết cả. Đi đâu thế? Có gì vui không?

Tôi không trả lời, cất gói pháo vào một nơi, nói buông thõng:

- Thuốc phiện hôm nay quý lắm. Những người nào định hút chơi thì nên nhường chỗ cho những người

cần hút vì việc riêng của tinh thần. Và đừng lấy thế làm giận. Thứ nhất là trong một đêm ba mươi Tết.

Tôi nói vài chuyện hài hước và cười một cách dữ dội quái đản điên cuồng. Tôi trịnh trọng nằm ngả lưng xuống chiếc giường tây ở giữa phòng ngủ mà bà Ngọc Anh đã bỏ không. Bà ta về nước từ chiều như người đi trốn ai, không chào anh em lấy nửa lời. Khi đi, bà có ngờ đâu cái phòng ấm cúng của bà sẽ biến thành phòng hút, trong một ngày tuế mộ.

Một điếu. Hai điếu. Và thế mãi. Vịn tay vào song sắt cửa sổ, tôi hít nhiều khí lạnh của đêm Hồng Kông và nhìn ánh sáng của cảng lớn. Trong người rạo rực không cùng. Tôi lùi vào, đóng cửa sổ, không dám nhìn lâu cái cảnh bày ra trên thượng từng một *building* đối diện; dăm bảy vũ nữ bày chung một bàn thờ thắp hương khấn vái trời.

Nơi giường hút, còn có bốn xác chết; Thiện, Chút, Ngạc và tôi. Một tiếng gọi khẽ:

- Thuốc hết rồi.

Bốn xác chết sống lại, nhảy chồm dậy vì câu nói ác nghiệt ấy.

Thuốc hết mà giác quan chưa chết. Mà đêm vẫn còn dài. Đức Ngạc nhanh nhẹn giật cái móc cửa sổ, xuống bếp, hì hục làm cái móc nạo tẩu. Với cái móc

dọc ấy, người ta lại đánh được sái thỉnh thoảng nghỉ cánh tay để khen ngợi anh thợ rèn nhất thời.

Thế rồi đêm dài cứ rút lại lần lần. Canh sang ba. Canh sang tư. Mỗi điếu sái, hút không tắc, lại được một người trong bọn "bẹp" nổ một bánh pháo con...Nhiều người làu nhàu cựa mình. Con chó Nhật Bản sợ sệt nhẩy lên giường vợ chồng cặp Phú Yên. Tôi lừ mắt nhìn theo. Con chó tưởng tôi ghét nó, càng cọ mãi mình vào vợ chồng kia. Tôi đã say thuốc. Và tôi chỉ cầu có thế. Tôi không thấy là tôi có nữa. Tôi tưởng như tôi đang bị nằm co trong cái tẩu nhỏ và tôi đã biến thành ra nhựa a phiến để kêu ro ro trên ngọn đèn dầu lạc đã nở chùm hoa sói.

Chúng tôi nhìn nhau; cặp mắt long lanh như muốn nói chuyện. Tôi thấy tôi rỏ một giọt nước mắt. Giọt lệ chấm một chấm hết cho đêm cuối cùng của cái năm đang bước đi nhanh.

Cho mãi đến gần chiều ngày mùng một Tết Nguyên Đán năm Mậu Dần mà tôi vẫn còn ê hẳn một mạng sườn, và thiu chảy cả người ra, nếu không có người dựng tôi dậy để đi mừng tuổi một vài đồng bào có tuổi ngụ ở bên này đã mấy chục năm.

- Năm nay, chúng ta ăn tết ở Hương Cảng.

Đây là một câu nói không vui, không buồn, thốt ra từ cửa miệng mấy người trong một hội tài tình.

Tết đây, là Tết Nguyên Đán năm Mậu Dần.

Và lúc người ta nói câu này là khoảng 5 giờ chiều một ngày cuối cùng năm Đinh Sửu.

Câu chuyện ăn tết ở Hương Cảng đã là một câu chuyện không thể không có được.

Phải sống một ngày giai tiết ở đất khách, không có bánh chưng, không có cây nêu, hoàn toàn thiếu mất những phong vị êm dịu của quê hương, nhiều anh em cho thế là một sự bất hạnh lớn trong đời một người An Nam.

Cuối dương lịch 1938 có chua ngày tháng âm lịch, đã được bóc đến tờ chót của một tháng chạp chỉ có hai mươi chín ngày. Phải là một người An Nam biết thiết tha đến phần mộ, đến quê hương, phải là một tâm hồn An Nam đã từng thấm nhuần trong đám hương khói ngày cúng ông vải, thì mới cảm thấy cái năm âm lịch hụt mất một ngày là như thế nào.

Chiều hôm nay, tầu Canton dời bến Hồng Kông.

Không kém một giây, không thừa một phút, đúng bốn giờ chiều, mấy tiếng còi tầu bể rền rĩ vẳng xa trên một vùng nước lạnh lùng. Tiếng vang của một hiệu còi tàu khởi hành xô ngang lớp khí lạnh chạy trên sóng bể rập rờn rồi đụng phải tảng đá bên doi đất Cửu Lủng thì nín bặt. Nâng bàn tay xòe để ngang tầm mắt như dựng một mái hiên cho nhờn tuyến, vọng về phía xa mù kia, người ta thấy một vệt đen lừ lừ bị đẩy sâu

vào cái xám ngắt của một buổi chiều tàn đánh dấu cho cái năm cũng đang tàn.

Tầu Canton chạy.

Trong một mui thuyền khum khum đậu sát kè đá, người ta nghe tiếng cãi cọ của hai tên khuân vác ở bến tầu. Tiếng nói của người phu Khách đầu tiên:

- *Phổ Tổ Mậy chẩu à!*

Một giọng nói Quảng Đông khác, cục cằn hơn, trả lời:

- *Tỉu nà ma, mậu Phổ Tổ Mậy. Koỏng Toống chẩu... Hãy à, Koỏng toống chẩu. .. Nị ầm sếc à.*

Đấy là hai tên làm phu trên bến tầu, đang cãi nhau về tên hai chiếc tầu vừa nhổ neo dời bến. Họ đã thuộc giờ tầu nào đi, tầu nào tới, trong óc họ đã có sẵn một cuốn lịch về sự quy khứ lai của mọi thương thuyền, nên nghe một hiệu còi, nhớ được ngày tháng nơi lịch xuất nhập của cảng lớn này, liếc qua mặt đồng hồ, họ đã biết ngay đấy là chiếc tầu nào vào bến hay bỏ bến. Họ gọi ngay được tên con tầu. Về đường hàng hải Hồng Kông - Hải Phòng, tầu Pháp chở thư tín có hai chiếc : Paul Doumer và Canton. Họ dịch âm tên con tầu trên là Phổ Tổ Mậy và tên tàu dưới là Koỏng Tôống.

Người phu thứ nhất bảo tầu Doumer vừa chạy. Bạn đồng nghiệp của y cãi rằng không phải là tầu Doumer chạy. Chính là chiếc Canton kia.

Nhưng, dù là Paul Doumer hay là Canton chạy hay là một chiếc tầu khác to lớn đến bực nào đi nữa vừa nhổ neo ra khỏi cảng, thì cái đó can thiệp gì đến họ. Trong một đời người sống với sóng nước, trong một đời họ, họ đã từng thấy biết bao nhiêu cuộc khởi hành, họ đã từng thấy bao nhiêu mỏ neo rút lên và thả xuống rồi. Chiều nay, có khi nào họ phải bận tâm đến việc mắt đã thấy thêm một con tầu nữa đi.

Vậy thì trong phút này, cuộc khởi hành của chiếc Canton không nhắc cho họ một mảy may gì cả. Đấy chẳng qua chỉ là dấu hiệu của cái luân chuyển đi với lại nơi phụ đầu.

Hồi hộp với con tầu Canton lên đường bể, họa chăng chỉ có một số trái tim Việt Nam trong hội tài tình nọ mới đặt chân lên đảo được ít ngày đây.

Trước 4 giờ chiều - giờ nhất định của chiếc Canton chạy về xứ sở - anh em đi đóng phim ảnh vẫn không ngờ phải ăn Tết ở bên này. Hết thảy đều ngỏ ý muốn đáp chuyến tàu này để vĩnh biệt Hương Cảng. Bởi vì họ tin rằng đối với mũi họ, cái cảng lớn này đã hả hết mùi thơm. Thôi thì khăn gói gió lại đưa một lần nữa, nhất nhẽ là ăn tết trên cái mênh mông của bể rộng, trong cái tiêu điều của chân trời vô hạn. Cứ tính theo hành trình của con tầu thì mồng hai Tết, tầu đã về tới Hải Phòng kia mà.

Sớm ngày ấy, cái phong vị tết nơi quê nhà, làm gì đã nhạt mà ngại!

Nhưng mà trời ơi! Người giang hồ nghĩ một đường, cảnh giang hồ lại dẫn tới một đường khác. Để cho trong phút không bằng lòng này, người ta phải nản cho thân thế... với bao nhiêu u hoài. Chao ôi! Cái đời một tài tử nhiều bóng An Nam bị bắt ở đất lạ, thật trong giờ này, nghĩ ra không bằng cái đời đào kép một phường hát gõ ở vùng quê bên xứ sở. Có bao giờ một kẻ hát tuồng, hát chèo phải bôi râu kẻ mặt, ở một đình đám làng nào, trong một ngày năm tận? Ngày ba mươi và mồng một Tết không có dân nào gọi phường hát. Có sớm lắm cũng là mồng hai. Thế mà ở đây, người ta đã hứng lấy biết bao cái chẳng ngờ.

Khi mà người ta đã làm được việc so sánh vừa rồi, người ta không thể không buồn rầu được.

Mặc dầu Trung Hoa vướng phải nạn binh lửa, mặc dầu người Tầu đã bỏ âm lịch, cái Tết Nguyên Đán ở đây vẫn bệ vệ như thường.

Chiều hôm nay, tôi đã thấy người Tầu nổ pháo dữ dội. Từ một từng gác thứ ba, thứ tư xuống sát mặt đường nhựa, họ đã thả những tràng pháo dài hàng vạn quả pháo toàn hồng. Những *sính sáng* Tầu, trịnh trọng trong bộ quốc phục: mũ *sường chí* có bông hỏa diệm sơn đỏ ngòn, áo *mã quải* bằng nhiễu màu, quần không đũng gấu ống buộc chẽn áo chùng hàng Thượng Hải mỏng, giầy tàu mũi con lân; những *cống chầy* mặc Âu phục theo kiểu Anh; già và trẻ ấy đang phồng má

thổi cái tàn lửa ở đầu cây *chỉ thìu* và khoan khoái châm vào đầu tràng pháo cối để chấm dấu cho hết cái năm đi.

Pháo nổ vang cả một góc trời Tàu. Xác pháo bay xuống như một trận mưa khô. Nghe tiếng nổ nhìn vỏ pháo tuôn rơi tôi nghĩ đến sự tàn tạ của rừng hoa đào khi một luồng gió chiến tranh thổi qua đây. Tưởng tượng dồi dào, tôi lại nghĩ đến những thân phận bỏ liễu giữa thời loạn ly.

Tiếp đến trận mưa vỏ pháo tan, là trận mưa vỏ hạt dưa. Trong đám khói diêm sinh, đứng tựa bao lơn lốm đốm vệt thuốc pháo cháy sém, có người Tàu nào không chịu bỏ một nắm hạt dưa đỏ vào mồm. Để rồi, cúi mình nhìn xuống mặt đường, nhổ một đống vỏ xuống cái lận đận, eo sèo của dòng sinh hoạt đang xô theo một chiều năm hết.

"Tiếng pháo nghe nhờ thiên hạ đốt" chiều hôm nay, tôi tưởng như đang đứng ở phố Hàng Bồ, Hà Nội, cách đây hơn hai chục năm, để nghe tiếng pháo hiệu Khách đóng cửa đốt pháo ăn tết, để dứt tiếng pháo là lăn xả vào mà nhặt những quả pháo tắt ngòi không nổ. Tôi nhớ lại một cách rõ rệt hồi Khách hàng bang thi nhau đốt pháo để khoe nhau sự thịnh vượng buôn bán của mình trong một năm. Xác pháo họ đốt rơi xuống mặt hè dầy có đến mười lăm phân tây. Xác pháo ngập mắt cá chân khách bộ hành là thường.

Tôi đi qua phố Hương Cảng, như một thằng người máy, như một tên lính mệt mỏi ở mặt trận về; mắt mờ, hồn mê và chân vẫn bước. Trên vai tôi, tôi càng nhận thấy sức nặng của Định Mệnh mỗi phút mỗi nhiều thêm.

Ngày mai đây, thêm một tuổi đầu nữa, trên đầu tôi, trọng lực này còn tăng lên độ đến bao nhiêu?

Cũng như kẻ kia bực mình đã vứt xuống dòng nước dưới chân một vật quý để cho hả cơn điên cuồng nho nhỏ; tôi, chiều nay, hằn học với số phận, dám cáu kỉnh cả với cuộc đời phiêu lưu mà xưa nay tôi vẫn ca ngợi, chiều nay tôi cũng muốn vứt đi một cái gì. Nhưng góp mặt tài tình, gọi là vật quý đem theo sang đến cái bến nước này, tôi chẳng có một vật gì cả, ngoài cái thân tôi ra.

Hơi thở dài của tôi đã làm hoen mờ mảnh kính của hàng nọ và làm một ông già Tàu râu bạc phơ phơ phải ngửng đầu nhìn ra. Người tuổi tác ấy, dừng ngón tay lách cách trên bàn toán, ngừng tính sổ tất niên. Chúng tôi ngắm nhau, trong một giây, qua làn khói thuốc bào.

Rồi tôi rảo bước. Giữa cái tưng bừng của một thị trấn lớn, tôi lang thang, cô độc như một kẻ bị đi đày. Bước chân vô định đã dẫn tôi tới con đường dốc rẽ lên ga dinh sơn hỏa xa. Ở đây một người cu kỹ bán hàng hoa đã bày những cành đào không có lá, chỉ có hoa

nụ và cành gốc sù sì. Gọi là bán gốc đào thì mới đúng. Hình như người bán hoa kia có một vườn đào, cứ cuối năm đem chặt dần để bán cho người chơi tết. Mỗi khi y ra vườn, tỉa cây, làm một lễ "cứu phát" hay là "tam trảm", là y có bao nhiêu gốc đào đem ra bày ra ở thị trường này.

Đứng ngắm gốc đào tươi tua tủa những hoa nhạt và nụ thắm lửa tâm tôi dịu dần. Tôi thấy trong lúc ngắm hoa không mất tiền này, tôi có thể yên vui với hiện tại được. Tôi muốn bắt chước những khách phong lưu kia, cũng xỉa tiền ra lấy một gốc yêu đào, gọi là ghi lấy phút sung sướng trong tuế mộ ở ngoài quê hương. Nhưng yêu đào trị giá mắc quá. Thời giá hoa đào ở ngân thị Hương Cảng trong mấy ngày gần đây, đã bỏ xa thời giá hoa biết nói trong hàng viện và mọi phòng trà khiêu vũ quán. Từ sau việc Thượng Hải thất thủ, những hoa biết nói phải dời xuống vùng Hoa Nam không biết bao nhiêu mà kể. Và riêng ở Hương Cảng lầu xanh và lầu đỏ mọc lên như nấm, để nhận lấy hàng lũ giai nhân đến bán mình trong thời loạn, rẻ tựa cánh bèo Nhật Bản bập bềnh trên mặt nước hồ ao bên xứ mình.

Cái hận lớn của một thằng phiêu đãng như tôi, trong một ngày cuối năm như hôm nay, là không đủ tư cách để làm nổi một việc xa xỉ. Việc xa xỉ này, trong phút trống rỗng này, có thể di dưỡng được tâm

thuật. Tôi muốn tranh với đám quần hồng có ngựa, có xe, có kiệu song loan kia, để giành cướp một gốc đào song thọ. Tôi muốn rước gốc cây kia về nhà trọ để rồi đêm nay, đốt một ngọn nến li ti, chung bóng cùng cành hoa lả tả và lúc bắt đầu sang một năm khác, sẽ cười với gió đông đi.

Nhưng, từ dốc núi trở về với cái bằng phẳng của một mặt đường phố xóm dưới núi, hai tay tôi vẫn cầm một vật gì. Lúc tôi đăng sơn như thế nào, thì lúc tôi hạ sơn vẫn thế.

Không biết làm gì với hai bàn tay trống trải, tôi đành dùng nó để nắm chắc lòng can đảm của tôi vậy. Can đảm sống nốt những ngày buồn tủi.

Thế rồi tôi trở về nhà, lẩn thẩn như một thằng say rượu, lòng còn say sưa với hết thảy những cái gì không thực ở đời. Say sưa với tất cả những sự thiếu thốn của lòng mình.

Đêm Hương Cảng đỏ rực hẳn lên.

Phiên chợ đêm tết Hương Cảng đem những tiếng ồn ào của nó đến cả cặp tai lơ đễnh của khách ngụ cư chỉ đi qua cuộc sống trên hòn đảo, trong có một thì. Rồi cái nhộn nhịp trong chợ tết hút luôn cả những linh hồn tạm bợ đó vào cái huyên náo của nó.

Chợ tết đêm nay thực là cuộc chợ phiên vĩ đại, họp ngay đường cái. Hôm nọ đây, con đường *Cáo Đạo* rộng thênh thang này, còn là một đại lộ xe tầu chạy như mắc cửi. Như cảnh bài trí trong một chuyện thần tiên hay một chuyện Liêu Trai, trên mạch máu cái này của thành phố, bây giờ những gian hàng nhan nhản mọc đầy rẫy, như có một bàn tay hồ quỷ xây dựng lên bằng tà thuật. Người ta đi trẩy chợ tết, cọ xát vào nhau, ép sát vào sát vào nhau không để hở một kẽ nào. Người đi lên, kẻ đi xuống đã chia cái rồn rập này ra làm hai dòng: một dòng ngược và một dòng xuôi. Xuôi ngược đôi dòng, lớp người đi trong đêm sáng, cứ xô bồ cuồn cuộn, không khác dòng thác nước lũ mùa thu lôi cuốn những thân cây tươi và đám lá úa trong cái hỗn độn của thảo mộc lìa ngàn.

Cùi tay tôi làm việc nhiều. Tôi đẩy người đi trước chưa kịp dọn lối tiến thì người đi sau tôi đã đẩy mạnh tôi.

Tôi tức giận. Quay lại, tôi nhìn thấy một thiếu phụ Trung Hoa mặt đỏ bừng, tay nâng cao một củ thủy tiên. Nàng đang ngây ngất vì cái huyên náo của dòng thác người chơi hội trừ tịch. Tôi chỉ kịp nhìn nàng hé một nụ cười. Nàng lấy tay un tôi; tôi vô tình đã dẫm cả vào mũi giầy nàng.

Nàng đẩy tôi, tôi lại đẩy những người phía trước. Và cứ thế chúng tôi trôi trên con đường, trôi trong lòng con sông đào. Hai bờ hoa đào! Thỉnh thoảng, liếc

sang ngang dòng người đi ngược bên phía tay phải, tôi đón nhận được bao nhiêu nụ cười của những giai nhân không quen biết. Những đóa hoa hàm tiếu kia chỉ hiện ra trong khoảnh khoắc, nhanh như một tia chớp sáng. Những hình ảnh ấm áp, tươi tỉnh ấy, hiện ra cho tôi đủ thì giờ để thèm tiếc, rồi lại lu mờ ngay, rồi lại lẩn ngay vào cái vô danh của đêm hội. Tôi có cảm tưởng đang đi một chuyến tầu tốc hành gặp một chuyến tầu tốc hành khác lướt ngược qua, trên đó có một người đẹp. Kẻ lữ hành xinh đẹp kia, chỉ lướt qua mắt tôi, chỉ đủ giây lát giơ cánh tay đeo vòng ngọc vẫy một chiếc mùi xoa màu nhạt...với một nụ cười chân thật đãi người tình chung qua đường. Rồi mất. Rồi hết.

Ấy trong cuộc sống người ta thường đi qua cuộc đời nhau và trong cái nhanh chóng của tình cờ gặp gỡ, người ta đã sẵn có nhiều thiện cảm đối với nhau. Để rồi sau này, không có lúc nào gặp nhau lần nữa. Để rồi chỉ nhớ tiếc nhau trong hình ảnh lờ mờ, để rồi chỉ chờ đợi nhau trong một buổi tái ngộ không bao giờ đến. Giống đa tình, hay vướng phải thứ tình cảm không có hậu.

Tôi đi trong một giấc mơ.

Một chút nữa thì tôi vấp ngã. Vả nếu ngã, nhất định tôi sẽ bị đè bẹp, tôi sẽ chết như người lính nọ

chết trong đám loạn quân. Cả một phiên chợ tết sẽ dẫm xéo lên người tôi, nếu tôi lỡ bước chân quỵ xuống mặt đường Cáo Đạo, đêm trừ tịch này.

Trong phiên chợ tết họp cho đến sáng sớm, thôi thì đủ mặt hàng, thượng từ vàng, hạ đến cám. Nhưng những hàng được bày nhiều nhất trong mọi gian, phần nhiều lại là những thức xa xỉ. Chỗ nào cũng hoa, hoa, quả, pháo và tranh... và đồ tơ lụa.

Ở Hương Cảng, người ta có cái tục dẫn nhân tình hay vị hôn thê đi chơi chợ tết. Người đẹp chỉ ngón tay đến đâu, thì "chàng" phải sắm đến đấy. Nếu "chàng" là người vị hôn phu hay là khách nguyệt hoa biết giữ cái giá phóng phiếm của mình, thì "chàng" không được kỳ quản về món tiền trả cho người đẹp mua vặt trong đêm giao thừa.

Phong tục này đã giúp nhiều cho cái tưng bừng của chợ đêm.

Nhiễm phải cái không khí cầu vui, tôi cũng muốn có lấy một người quen để trong lúc này, mua một vật nhỏ mọn gì tặng ai, và góp một tiếng cười với cái hoan hỉ của mọi người biết sống là vui.

Bỏ dòng người đang chảy mạnh, tôi lách mình ra một nơi rộng rãi. Bây giờ tôi mới thở đều, và đỡ hoa mắt.

Bên phía doi đất Cửu Long đối ngạn với bến Hương Cảng, người ta nổ pháo đã liền tiếng. Âm

thanh pháo nổ, vẳng trên mặt eo bể, làm rung rinh mặt vũng tầu sáng như khối hào quang. Lấy phương hướng mãi, tôi mới nhận lại được hòn đảo Gia Ly lẻ loi ở phía xa.

Mọi người ta đều vui vẻ, tôi không muốn buồn nữa. Tôi không muốn thơ thẩn một mình để nghĩ đến chuyện riêng. Tôi đã mua một bánh pháo năm trăm, bóc đốt ngay. Tiếng pháo nổ chưa hết, tôi lại nhẩy luôn vào cái dòng người đang chẩy của đêm hội.

Nhưng lần này, tôi nhảy sang phía dòng ngược. Để rồi đến lúc đi hết con đường chợ tết, tôi rẽ về gian nhà số 6, đường Sử Kiếm Vực mà nhìn những mặt chán chường của một số anh em cùng hội cùng thuyền.

Chỉ còn có vài giờ nữa thì xuân về. Nhưng trong cái trú sở của bọn tài tử Việt Nam sang đóng phim, hình như chẳng một ai biết có xuân là gì nữa.

HAI CON ĐƯỜNG

A Số, tên bếp Khách nói sõi tiếng ta, lay tôi dậy.

- Ông dậy ống cà phía đi thôi chứ. Gần mời giờ rồi.

Tôi ngáp dài, vươn vai, nhìn mấy bạn ở các giường "hàng xóm" và cười. Chiếc giường con của tôi kê gần cửa sổ, trông thẳng ra bể. Biển nước ruộm màu xanh lam đặc. Mây trời hửng màu phấn hồng. Tôi hít mạnh khí lành của trời đất. Đêm mùng một Tết, tôi ngủ từ bảy giờ. Đến 9 giờ sáng mùng hai, tính vừa đúng mười bốn giờ đồng hồ. Với một giấc ngủ nặng như chì thế, người khốn khổ về tinh thần đến đâu, cũng thừa lấy lại sự trật tự cho thần xác. Gác lại một bên những điều nghĩ ngợi lớn, tôi hồ như quên hẳn trong phong ba bồng bột trong đầu, đêm hôm giao thừa vừa rồi buộc tôi lấy sự trác táng hình hài làm cớ thoát ly.

Nhấp chén cà phê, tôi thấy nó thơm ngon hơn mọi ngày và tôi nhất định sống ngày hôm nay cho hết sức vui vẻ. Tôi chọn chiếc sơ mi đẹp nhất, và âu yếm thắt

múi cà vát cho thật nhỏ nhắn. Khi người ta yêu sống mà!

- Chúng ta lên thăm ông Jaffa Lloyd đi.

Mấy bạn hưởng ứng lời nói. Đi bộ suốt mấy phố dài gặp ai tôi cũng muốn thương yêu hết thảy. Tâm trạng tôi trong cái phút này còn khoái hoạt hơn tâm trạng kẻ thiếu niên chinh phục được ái tình đang hát khúc khải hoàn ca. Lên khỏi bốn từng lầu nhà chọc trời China Building, rẽ rồi đặt chân vào phòng ông Jaffa Lloyd (tên Tàu là Lã Triết Phụ) chúng tôi đã được chủ nhân trách móc một câu thân mật:

- Các bạn không tốt. Ăn ở nhiều điều thiếu thốn! Sao cả một ngày mùng một Tết bỏ Lã Triết Phụ hút thuốc một mình.

Những tiếng cười buổi sáng xuân sớm được người ta nhấp giọng bằng hạt dưa, hoa quả và nhựa phù dung...

Bỗng có vài bạn hốt hoảng từ đằng nhà tới vừa thở vừa nói giọng một, không kịp chào hỏi mọi người.

- Đi về ngay. Có việc biến lớn. Các anh chẳng nghĩ gì đến công việc cả.

- Gì mà ồn thế? Vào uống ấm trà Thiết Quan Âm đã rồi muốn nói gì hẵng hay. Thay nét mặt chiêu đàm đi. Năm mới, biết không.

- Các anh về ngay cho. Anh Th... lên Lãnh sự quán. Tụi Khách Nàm Duyt nó buộc anh em mình về. Chúng nó giữ bọn N...K..N.. Ng. và vợ chồng thằng Ph. ở lại làm phim riêng. Đã biết ngay mà: chúng ta bị thằng Khách Tạ Ích Chi đánh lừa thu lấy hết Passeport; nên nó mới giữ được tụi kia ở lại.

Chúng tôi như chiếc lò xo căng.

Chiếc thang máy hình như xuống chưa hết tốc lực.

Bám con tầu điện sái mất cánh tay, ngồi trong toa tầu, tôi thấy một phút dài tựa một thế kỷ.

Căn nhà số 6 đường Sử Kiếm Vực diễn ra một cảnh thông thường. Sự hỗn độn, sự rậm rột hiện thành hình người! Tài tử An Nam, người hãng Nàm Duyt, vẻ mặt hung hăng đi đi lại lại như đo bề ngang, bề dọc nền nhà, thực giống hệt hành khách bực tức đợi con tầu đêm chậm ở một nhà ga hẹp. Tất cả mọi người đang gò lấy một vẻ mặt nghiêm nghị để cho hợp với tình thế nghiêm trọng, vì sự sắp xảy ra sẽ chờ đợi.

Hình như chỉ đợi có chúng tôi về, Lê Huyên giơ một đệp *parsseport*, nói to:

- Đây, giấy thông hành và vé tầu của bọn mình phải đi xuống tầu *Sikiang* chiều nay đây.

Doãn Vượng quát:

- Chúng mình là ai? Những ai?

- Có bản kê tên ra đây. Đọc thì biết.

...Cái im lặng của nhà mồ trùm lên trận bão lòng sắp đến lúc đổi chiều gió lốc.

Tôi vừa đọc rất nhanh bản kê tên người "phải" về xứ, vừa nhìn ngang bọn Ph. Y.N.K. Họ ung dung nhìn chúng tôi, nơi khoé mắt lộ ra bao vẻ đắc thắng. Tôi không nhìn họ nữa; nhưng thừa biết họ đang mỉm cười. "À, cái đó hà tất phải đến giờ này mới biết. Biết từ những ngày họ kín đáo bọc kim vào trong giẻ nhung kia rồi."

Tôi không thể nén được hận lòng nữa, nắm lấy mảnh giấy, quay mặt ra phía đông người:

- Không thể như thế này được. Nếu có một người nào đủ tư cách để kê tên anh em xuống tầu về nước, thì người ấy là anh Đàm Quang Thiện. Hãng phim tham dự gì vào đây?

Tôi nhìn chòng chọc bọn Ph.Y.N.K...sau khi thất thanh đọc được cái tên ông bầu tội nghiệp này. Bọn kia bĩu môi và nguýt và huýt sáo, và hát những điệp khúc các bài hát mấy ngày trước đây chúng tôi còn hòa chung với họ bằng những giọng êm đềm, trong trẻo và bằng tiếng gõ nhịp thành thực.

À, thế này thì cuộc nội loạn trong đoàn đã đến lúc công khai. Người ta đã rút lưỡi dao ra khỏi vỏ. Và khi người ta đã tựa vào thế lực hãng Nàm Duyt (nếu thực

có thế lực) để chà xuống gót chân chút liêm sỉ. Người ta còn kiêu hãnh thử thách anh em nữa. Mấy giọt máu lạnh đã rỏ trên mặt đất khách. Mấy giọt nước mắt cũng muốn rỏ theo thềm nhà. "Ví có biết thế này từ những lúc "con tầu say rượu" chưa nhổ neo dời bến Sáu Kho nhỉ!".

Hai con đường đã vạch sẵn. Mỗi bọn chọn lấy một, xoay lưng vào nhau và không nhìn mặt nhau nữa và đi... đi theo đuổi ý định riêng của mình.

Tất cả vàng của thế giới cũng không mua lại được hòa khí cả ngày yên vui tin cậy đã qua.

Bỗng viên quản lý hãng Năm Duyt, Tạ Ích Chi lên tiếng. Viên thông ngôn Đào Huấn Ngữ, với sự vô lễ của kẻ thất phu tự đắc ở chỗ biết lựa theo chiều nó, dịch lại câu nói:

- Hãng lấy cho mấy người (!) xuống tàu chiều bữa nay, 16 giờ, 16 vé. Ký nhận rồi, mấy người còn muốn nói chi nữa không?

Người ta ăn cơm nhà chúa, giữ nhà chúa. Anh em đều thản nhiên không buồn nói chuyện với họ nữa, lẽ thứ nhất vì nói mà làm gì, lẽ thứ nhì vì còn bận nghĩ chuyện khác, để cho xa được nửa tá linh hồn đến thời kỳ phá sản, để xa cái cù lao buồn rầu, để về quê hương xuống lại cuộc đời bình thường của mình hàng ngày. Rồi đứa nào đội mũ lệch sẽ xấu. Và trên hai vai

mình, nếu không có quỷ thần chứng minh, thì ít ra trong lòng mình cũng còn có dư luận của xứ sở.

"Chúng ta không nên bận mình quá vì trong một đoàn tài tử (!) phải mất dăm bảy người bôi râu vẽ hề (theo nghĩa bóng) đến đổi đào ngũ, giở giáo chạy qua phía bên kia chiến luỹ. Đoan trường đã chọn lấy mặt người vô duyên thì được rồi, nghĩ gì nữa, soạn áo quần làm hành lý đi thôi. Lại nặng bồng nhẹ tếch, sao khăn gói gió đưa... đưa về chứ! Ấy thế mà Đàm quân đã từ Lãnh sự quán trở về tay lễ mễ cặp da bước vào nhà với cặp mắt thôi miên như chấp cả sự liên hiệp của bọn phản bạn và Khách chú. Anh đã thét lớn:

- Bấy nhiêu người, nếu về, về cả. Nếu ở, ở cả. Điều này tôi đã nhắc đi nhắc lại mấy lần cho hãng Nàm Duyt khi viên quản lý nói đi lấy vé cho bọn mình về. Và nếu bảo rằng tầu hết chỗ (!) không đủ cho cả bọn về, thì cái quyền định đoạt người nào về chuyến trước, người nào về chuyến sau là ở trong bọn mình định lấy với nhau, chứ hãng lấy cớ gì mà dính đến. Vả chăng viên ấy đã hứa theo đúng lời tôi. Bây giờ họ làm thế này là đánh lừa mình cố tình giữ người của "Cánh Đồng Ma" lại làm phim khác và hiếp mình. Cô thế nơi đất khách, còn có sự gì vô nghĩa hơn nữa. Còn một cách gì để gọi lẽ phải, tôi vận động. Còn một tàn lực nào, anh em phải phản kháng.

Thế là lửa giận trong lòng mười sáu người hồ dịu dịu lại bắt đầu cháy và những hành lý sắp được gói ghém lại bắt đầu xổ tung ra.

Nhưng, Khách chú đã đánh một xe ca-mi-ông to, đỗ ở trước cửa để dọn đồ và dọn nhà. Người ta khiêng tủ, gấp giường, tháo dây, khuân củi, nồi niêu, túi bụi chở ra xe. Cảnh lộn xộn như rập lại những cảnh nhà cháy có người vô lương đến hôi của. Nó cũng chẳng khác chi cảnh một thương điếm bị tịch biên và phát mại giữa ngày bán đấu giá. Đời kể đa tình, nhìn thấy vài lần những cảnh khó chịu như thế này cũng đủ cạn khô hết nước mắt.

Ấy thế rồi giữa đám người lộn xộn, huyên náo như đám loạn quân, chúng tôi đã lôi thôi lếch thếch xách va ly ra hè phố, một buổi chiều mùng hai Tết Nguyên Đán. Nhiều chiếc va ly ngộ nghĩnh lắm: mới nguyên, cũng có thứ đã ruộm đủ màu gió bụi đường trường. Chúng nó hẳn phải kể lể nhiều.

Chúng tôi đứng bên cạnh đống hành lý sang trọng ấy nhìn mọi thứ người ra vào chiếc nhà sắp không có chủ ở. Hai tấm cửa cái khóa lại. Sáu người đi theo bọn Khách bắt đầu lên xe hòm kiếng của hãng với mọi sự ngạo nghễ. Nói cho thực ra có Đỗ Văn Ngh. còn phảng phất chút ít thiên lương, có vẻ e lệ, lại bắt tay chúng

tôi để từ biệt. Tôi không cầm lấy bàn tay phải Đỗ Văn Ngh. vẫn xòe mãi ra. Tôi phân vân. Tôi có thể làm người bất lịch sự đến thế không? Sau cùng tôi tự cho phép tôi khiếm nhã trong phút nghiêm trọng này cắm mốc cho hai con đường. Để từ rầy tôi khỏi trách tôi là không biết thận trọng xem tướng người. Từ lúc say với đời bềnh bồng nghệ sĩ một tháng nay, ra tôi đã phí phạm nhiều cái bắt tay quá. Ông Đỗ Văn Ngh. có hiểu?

Tôi còn nhớ mãi dáng điệu Ngô Thị Nguyệt Minh (tức Y và cái mỉm cười chế nhạo của cô nhìn chúng tôi, lúc chiếc xe *Terraplane* xịt khói đưa cô, chồng cô và bốn tài tử đi).

DUYÊN BÈO

Người ta, một khi ở phương trời xa lạ được trở lại quê nhà, thường phải cái nạn kể chuyện cho bạn, cho bà con, cho tất cả mọi người đến thăm mình vừa đi vắng về. Tả cái ngộ nghĩnh, quái gở của cái hòn đất, giải sông, tảng núi; tả cái kỳ dị của phong tục, cái đẹp của tính tình dân tộc.

Tự nhiên, mình thành ra cái đĩa nhựa máy hát. Và phải quay cả hai mặt đĩa, mỗi lúc gặp bạn cũ bắt nói chuyện.

Nhưng nguy hiểm hơn hết, là câu hỏi của bạn hiền, lúc đã lả lơi:

- Đàn bà *bên ấy* có hay không?

Trong một bầu không khí thân mật, sau một bữa ăn thịnh soạn mà mình là một thực khách danh dự đến nhờ chén rượu ngon bữa tiệc rửa những hạt bụi đường xa bám nơi manh áo, người ta lặng lẽ chờ miếng đường tan đều trong chén cà phê đặc, thỉnh thoảng thúc giục bạn kể cho nghe cái chuyện "người

đàn bà bên ấy". Người ta giục bạn bằng giọng âu yếm, nằn nì của người nhân tình cũ. Bạn cảm thấy công việc tiêu hóa đang đều đều trong con tỳ. Mẩu tro trắng ở đầu điếu sì gà đã dài lắm rồi. Người ta bị vò rượu ngon hành hạ xác và hồn; người đàn bà xứ lạ vẫn ám ảnh không tha họ là người tò mò. Bạn gỡ cho họ khỏi ám ảnh ấy một khi đã tá hết hương vị của một đêm "chung tình" với "người đàn bà bên ấy". Bạn sẽ làm cho họ mất hết dư vị một bữa cơm ngon, bạn sẽ làm cho họ thất vọng dài, nếu bạn không đem được ra người đàn bà của xứ xa lạ mà từ nẫy giờ người ta đòi hỏi hết nhời.

Và từ hôm ấy, người ta khinh thị bạn ra mặt. Ồ, có thể như thế được chăng? Có thể được lắm, vì hành trình của bạn đã thiếu mất một người đàn bà. Chỉ thiếu có bóng một người đàn bà bạn đã trở nên một du tử, một khách giang hồ không biết tự trọng.

Ngẫm cho kỹ, bạn sẽ nhường lẽ phải cho người ta và quy lỗi vào mình thiếu nghệ thuật của lãng tử khi chịu dầm mưa tẩm nắng ở đất xa. Thí dụ ra mà xem, dễ hiểu lắm.

Nếu bạn ở Nhật về, mà không điểm vào câu chuyện một vài nụ cười linh động của một vài nghệ dã (geisha), thì muôn dặm Phù Tang của bạn cũng là vứt, và cảnh tuyết trắng núi Phú Sĩ ẩn hiện qua rừng hoa hạnh mãn khai cũng tiêu hết thi vị và trở nên

buồn tẻ như cảnh tro và muội khói nhà máy rắc lên một thành phố kỹ nghệ.

Bạn tự phụ là một tên lính thủy không thấy lạnh mắt trước ngọn gió lốc trên các mặt biển rộng, và thành tích mười năm hàng hải đã cho bạn để dấu giầy trên khắp cảng lớn và, thí dụ, có người nằn nì bạn tả cho họ nghe cái đẹp cổ điển nước Ý Đại Lợi - tổ quốc của Mơ Mộng, và Thơ, và Rượu nho và Lãng Mạn. Bạn nói hết, nói nhiều lắm, nói như một học giả bị ngờ vực đến sự hiểu biết của mình. Nhưng bạn bỏ sót mất người giai nhân. Mầu mây trời La Mã vốn đẹp hầu thành ngạn ngữ, chỉ vì khuyết điểm đó, trở nên buồn như tang. Quên mất người đàn bà "bản xứ" - dù người đàn bà ấy là một kỵ nữ hạ cấp- bạn đã làm chết mất cảng lộng lẫy xứ xa xôi và làm hỏng hết giá trị cuộc du lịch đem tường thuật ra.

Cần chi nói đến những khí hậu xa thẳm ở ngoài vùng từ tái.

Bạn thử đặt cuộc du lịch ngắn trong phạm vi bờ cõi xứ sở. Đi vô Huế mới về chẳng hạn. Trong mười người quen biết, thì có đến chín người nhao nhao hỏi bạn với một nét cười hóm hỉnh:

- Gái Huế có ngộ không?

Chữ "ngộ" này khó giảng lắm. Bạn và tôi đều lúng túng, nếu phải ký thác hết ý nghĩ lên tờ giấy sau khi

hiểu chữ "ngộ" theo đúng nghĩa của câu hỏi. Tôi xin phép mở một dấu ngoặc để không tiếc lời, xin lỗi hết thảy tiểu thư, thiếu phụ của xã hội phụ nữ lương thiện Huế.

Chúng ta trở lại câu chuyện chúng ta. Vậy thì bạn đang cao hứng tả cảnh "xứ" Huế cho nhiều người nghe. Tả vua, tả quan, tả thành quách, lăng điện, nước mặt sông Hương không có sóng, sương và gió trên Ngự Bình không độc, cái rừng thông rậm rạp xanh um ở trên đàn Nam Giao là do tay các quan từ ngũ phẩm trở lên, mỗi vị trồng một cây, và vân vân... Mộng lắm! Đẹp hết chỗ chê! Không đem tiền, theo bạn vô "xứ" Huế mà chơi thì cũng uổng! Nhưng đến khi họ dồn cho bạn một hồi về chỗ "ngộ" của "gái" Huế thì bạn hiện nguyên hình là một người du khách không đủ tư cách để thuật chuyện. Chỉ vì khi ở Huế, bạn đã lơ đễnh, hờ hững với con "thoàn" sông Hương Giang, với người đẹp của con thuyền trên sông, dù người đẹp đó chỉ là người của bến Đập Đá hay của xóm Ao Hồ.

Những ý nghĩ này đã tới viếng tôi một đêm đông u ám, gió bấc thổi mạnh tưởng chừng như bật lùi được hòn đảo Hương Cảng xuống mấy đường vĩ tuyến.

Gió giật mạnh.

- Dưới ánh đèn lạnh lẽo, tôi ngắm chiếc va ly da cũ mầu, sờn góc tuột gần hết đường chỉ khâu. Trông

chiếc va ly rách, tôi có cảm tưởng ngắm một con ngựa già. Tính tuổi nó, kể gần được mười năm. Nó bắt đầu làm bạn đồng hành với tôi, từ cái năm 1929, tôi...một con đò độc mộc sang ngang, qua Bangkok. ..một đêm sương trắng đè nặng mặt sông Cửu Long Giang. Rồi từ độ "giang hồ lạc phách" ấy đến giờ, tôi xê dịch từ nơi này đến nơi nọ, bất cứ ở đâu, nó vẫn là người bạn trung thành để chia xẻ cùng tôi mọi nỗi nhục nhã và hết thảy vị phong lưu nơi lữ thứ.

Nếu nó có đầu óc biết mở miệng, thực nó kể lể nhiều về đời tư của chủ nó đang tự sự.

Đêm nay sẵn tiền trong túi, tôi muốn phụ chiếc va ly "cổ nhân". Bởi gì tôi cảm thấy nó tố giác sự nghèo túng của tôi nhiều lần ở trên tầu và trong lữ điếm. Bởi vì ở Hồng Kông, tôi đã để ý đến nhiều va ly đã đẹp mà lại hời giá bày đầy rẫy trong mọi hiệu. Nghĩ đến nỗi "tình phụ" dù là tình phụ vật vô tri, tôi thấy tôi buồn một cách rất thi vị. Rồi tôi phân vân; tay tôi đếm bạc mà óc tôi nghi ngợi hay nói là tính toán thì phải hơn.

Bỗng hai ông bạn Ng. và Th. tinh quái cho tôi nghe thầm một chương trình hành lạc: đêm Hương Cảng, gái Tàu và...và các thứ trác táng.

Tôi rất vui sướng nhìn lại những tờ giấy bạc còn cầm ở tay, tự nói một mình: "Tiền này nếu không

dùng được vào việc mua bán có ích, thì ít ra nó cũng cho mình mua được một vài nụ cười ngoại quốc. Và khi về xứ, mình nói chuyện đà bà Tầu, có chỗ sở cứ và đờ vô duyên. Và sướng hơn hết, là không phải mua va ly mới. Tôi khóa va ly cũ đến tách một cái. Tiếng tách khô và ngắn của chất kim, trong trí tưởng tượng của tôi lúc bấy giờ, có nghĩa một cái gật đầu bằng lòng của người quyết định ý gì.

Một ông "thổ công" hướng dẫn bộ ba này đi "chơi bậy". Bấy giờ tôi mới nhớ tới sự thực, cười rộ lên để cả bọn lúi húi đi trong ngõ hẻm xóm Bố Lố Cái phải hỏi:

- Có gì sướng vậy? Điên chăng?

Cả bọn khúc khích cười; tiếng cười đó như tiếng cú rúc dài trong đêm sương lạnh, phát tự một cây cổ thụ um tùm nơi nghĩa chủng.

Tiếng cười rền đó đã chết hẳn ở bực thang gỗ đầu tiên một cái lầu xanh xanh ở phía tay trái đường Alberdeen street...

.....Tôi đã thản nhiên không cảm động một tí nào khi thất thểu dò con đường về nhà, nghêu ngao hát điệp khúc một bài "Thủy thủ hành":

Người ta hai mươi lần làm bố,
Ở khắp bốn phương mặt đất;
Nhưng vì cuộc đời gay gắt,

Người ta không nhìn nhận chúng nó,
Ở mỗi bến chúng ta tình cờ thả neo,
Chúng ta đều gửi lại chút tâm hồn.
.....

Bài hát đầy thi tứ tiêu sái này đã cảm tôi một cách thấm thía, lúc mà tôi đặt được tâm hồn trong sạch vào xác thịt tôi cũng trong sạch. Nhưng bây giờ nàng Thơ của tôi đi vắng. Người tôi bẩn lắm. Tôi chỉ hát nó lên, để nghêu ngao mà thôi.

Đêm mùng ba Tết, nằm ở từng gác thứ tư khách sạn Đại Đông, tôi thấy trong lòng tôi trống trải. Thịt tôi đang đòi một sự cần dùng.

Ngựa quen lối cũ tôi lại lần mò đến khu Alberdeen Street.

Hăng hái bước vào nhà chứa, tôi vênh mặt lên để nhận lời chúc mừng năm mới của một "ả sẩm" gọi tôi là sinh sáng.

Đèn nến sáng như trong một buổi dạ hội. Một cành mai to chặt sát gốc, một cành bạch đào có tết lụa điều cũng chặt sát gốc, chắn hết cả lối hành lang. Ở bàn giữa phòng tiếp khách, la liệt hoa quả, bánh mứt và rượu dán đủ các nhãn thương tiêu. Tôi nhìn kỹ bức tranh trung đường treo trên bàn thờ vẽ toàn thân một vị thần, lớp phấn trắng tô cặp lông mày đã mờ nhạt. Đấng tiên sư đấy! Mấy ông sinh sáng Tầu cân chân

chính nhìn tôi cười. Ả Sẩm kéo hai bạn tôi vào buồng. Tôi lật trang cuốn *Việt Hoa thông thoại* để tìm những chữ cần dùng nói chuyện.

Người ta bưng vào buồng một quả mứt đầy. Tôi mở quả mứt mời các bạn và vui vẻ nói:

- "Cẩm" như xóm cô đầu bên mình. Bạc lẻ, hào lẻ đâu bỏ ra mà mừng tuổi!

Hai ông bạn tôi hình như chưa tập được lối ăn uống của người giang hồ, vẫn rụt rè chưa chịu bỏ quả táo tầu và những hột sen trần vào mồm. Nếu sẵn kính hiển vi trong tay, chắc các ông ấy không ngần ngại, soi kỹ hạt mứt, ngõ hầu kiếm lấy ít con vi trùng hoa liễu.

Người ta cất quả mứt với những tiếng "cống hỉ" ầm ỹ khi đã thấy bọn tôi, bỏ vào đấy những chiếc phong bì xinh đẹp, đỏ chói, và cồm cộm hào.

Bên ngoài, cảnh tượng nhà chứa ăn Tết âm lịch không khác gia đình lương thiện là mảy may. Tôi cảm động, ngồi thừ ra, đâm nhớ quê hương và phần mộ ông bà, hương vòng, hương nén, trầm, bạch đàn nghi ngút cháy thi với bạch lạp. Mùi phấn và hương và hoa và diêm sinh thuốc pháo đã gợi đống tro tàn của một tâm hồn bừa bãi và làm sống dậy biết bao kỷ niệm xa xôi.

Ả Sẩm cười. Người đàn bà đứng ở giữa phòng cũng mỉm cười. Hơn họ, tôi cười to và đặt người đàn bà đó

vào lòng, tai mơ hồ nghe Ả Sầm khép cánh cửa buồng...

Rồi người đàn bà đó lồng năm đầu ngón tay nhọn sơn đỏ vào tớp tóc rối, vuốt ve và nói những câu gì mà âm thanh nghe cũng hay hay. Tôi vơ vẩn nghĩ chuyện nghìn xưa có ông Liễu Hạ Huệ mà thỉnh thoảng người của thế kỷ này vẫn lôi ra để làm gương cho thiếu niên bị sa ngã trước sắc đẹp đàn bà. Tôi cho là sự xuyên tạc của nhà Nho. Ông Liễu Hạ Huệ làm gì có trong lịch sử loài người. Hay nếu có nhà khảo cổ học nào mang ra được cái sọ và bộ xương với mọi tang chứng khoa học nhận thức đấy chính là đầu và người ông Liễu Hạ Huệ, thì ít ra tôi cũng chỉ tin rằng lúc bình sinh, ông chỉ là một đấng nam nhi...

Sự tình cờ của chút duyên bèo nước chỗ phụ đầu Hương Cảng đã cho tôi làm chồng người đàn bà ấy trong một đêm giá lạnh, xa phấn hương. Tôi đã thành thực cảm động với một con đĩ. Tôi xin lỗi hết thảy những người thân yêu trong đời tôi, muốn toàn những sự thuần tuý trong sạch cho tôi.

Lá màn rủ thấp... Người đàn bà ấy nói nhiều lắm. Tôi không hiểu nghĩa nhưng nhận thấy "âm thanh câu chuyện" có duyên tệ. Tôi cũng nói chuyện với người đàn bà ấy... bằng tiếng mẹ đẻ. Chúng tôi cười, cười như người suốt đời được sung sướng; chúng tôi

cười như người hiểu được thân tâm của nhau. Bỗng tôi nín tiếng. Tôi nhìn tận mặt người đàn bà ấy đỏ ửng như một hòn than luyện. Và khi đó tôi nhận thấy tôi là một bó cỏ khô.

Sự gì sẽ xảy đến cho một bó cỏ khô bị vứt vào bên hòn lửa đỏ, sự ấy đã xảy đến cho người đàn bà đó và tôi. Sự tai biến đó chúng tôi đã ngầm dự đoán được từ lâu, không cần phải hiểu tiếng nói của nhau và nói ra lấy nửa lời. Như thế này, thì ra cái ông tổ sinh ra khoa Espéranto đã làm một việc thừa cho nhân loại khi dạy mọi người của trái đất học thế giới ngữ.

Đấng sinh ra muôn loài, phú bẩm cho người ta nhiều linh tính quý hóa vật tay!

Đêm thổn thức đi. Chúng tôi uể oải bắt tay từ biệt nhau trong cảnh khuya khoắt. Người đàn bà ấy trao cho tôi một thiếp phấn hồng.

Tôi làm ra vẻ lịch sự, đỡ lấy tấm măng tô lông gấu đen Tây Tạng, khoác lên vai người kỹ nữ. Nàng rảo bước, để lại trong phòng một con đường nước hoa thơm ngắt.

Tôi mân mê lá thiếp, đọc rất kỹ lưỡng:

TÚ CHÂN

Số...đường Ca Vũ Cái - Hongkong

(*Từng thứ nhì - Buồng giữa*).

Rồi tôi vụt có tư tưởng đem nàng Tú Chân về bên An Nam - nàng, một con đĩ hạng trung bình. Tôi tưởng tượng sẽ bắt nàng phục thiện tòng lương và khi nàng đã cùng tôi xuống tầu, nàng sẽ hắt trả lại cho Hương Cảng cái quá khứ mãi dâm của nàng. Về bên xứ sở, tôi sẽ cho nàng để đại tang và bịa cho nàng là con một ông đốc biện binh lương ở mặt Hoa Nam bị tử thương, không có thân thích, lánh giặc... ở Hương Cảng, gặp tôi trước ống thu thanh và yêu tôi tại xưởng quay phim hát bóng nói mà nàng cũng có chân sắm trò. Nàng đã có vẻ đài các ấy, với miệng nhí nhảnh và cử chỉ dễ thương ấy, với cái vẻ sầu lãng mạn mỗi khi nàng dứt tiếng cười, khi về nước, tôi có thể nói láo không thò chuôi.

Chiều hôm mùng bốn Tết, tôi đã tìm đến nhà Tú Chân với cái ý định dẫn nàng đi chơi phố như người ta sóng đôi với một vị hôn thê rất đứng đắn, rất lương thiện...

...Tôi nó đã hiểu qua sự kinh nghiệm phiêu lãng của tôi rằng, thôi! Chẳng qua đó cũng chỉ là một lối phóng túng hình hài chốc lát của một tâm hồn giang hồ chốc ở đấy, rồi chốc đi lại đấy.

ẤN TÍN NGƯỜI CON HÁT TỈNH VIỆT

Ngày tuế mộ năm ngoái, nghĩa là cách đây bốn hôm, một đêm ba mươi Tết, tôi lang thang mãi ở xóm Bố Lố Cái để ngắm nghía cả mấy dãy phố bán những đồ dùng vào bàn đèn hút thuốc phiện. Thật là cả một thế giới của mặt tẩu, bầu dầu và đế đèn pha lê gọt. Đứng nhìn một cách thèm thuồng những tác phẩm nhỏ bé này của kỹ nghệ thủy tinh và đất nung của Trung Quốc, tôi không khỏi nhớ đến thầy tôi, nhớ đến những bạn thân ở quê nhà vốn có kết duyên cùng Ả Phiền. Giá có được ít tiền mua lấy vài thứ để chuyến này ở Hương Cảng về mà làm quà? Gần giao thừa rồi mà tôi còn lẩn quẩn mãi ở xóm Bố Lố Cái ngắm người, ngắm đèn, cắn hạt dưa, hút sì gà và ăn vã những con bọ vừng tẩm đường rán mỡ và say sưa với cái thú đứng đường. Chỉ có những đứa không nhà mới được thư thả và lêu lổng như thế giữa giờ này. Phải nhà tôi đâu có ở đây. Ở trụt xuống phía dưới đảo này những mấy vĩ tuyến. Năm thì hết, người thì xa. Lòng sầu xứ lại buộc tôi nhớ một cái tứ muộn của cổ nhân

gửi vào lời thơ *Nhất niên tương tận. Dạ thiên lý vị quy nhân.*

...Đêm nay, mùng bốn Tết, tôi vơ vẩn ở xóm Aberdeen Street. Nhà chứa, tiệm thuốc, trà phòng và tửu điếm. Ánh sáng màu đỏ lựu, màu xanh cỏ ruộng nhấp nháy đường phố xén hẳn vào đá rìa đảo thành những cấp những đợt, càng lên càng dốc. Đi chùa Hương Tích, từ Chùa Ngoài vào Chùa Trong còn dễ hơn. Những thiếu phụ lương thiện lẫn lộn với con hát leo các cấp đá, hai ngón tay bấm mép bức xiêm, để lộ những bắp chân tròn và thon. Tôi tiếc không rủ ít anh em ở nhà cùng đi xem để mà chia vui. Nhà đây là một cái khách sạn trông ra cửa bể. Đại Đông khách sạn. Chúng tôi tới ở đây từ đêm mùng hai Tết, sau khi có chuyện quyết liệt với bọn Khách hãng phim Nàm Duyt.

Cái dãy hàng ở cái ngõ hẻm này, đến chặng thứ hai thứ ba gì đó, toàn có một loạt những lều hàng dựng lên để bán những con dấu và khắc những con dấu. Dấu ngà, dấu ngọc thạch, dấu đồng đeo, dấu hổ phách. Đủ kiểu. Đủ dáng. Muốn khắc chữ gì, người bán dấu khắc rất chóng. Đưa mẫu khắc, đi uống tàn độ hai ấm trà Thiết La Hán và ăn độ một bát cơm rang thập cẩm xong, lúc trở lại thì lấy được dấu khắc rồi. Nghề làm dấu sao lại đóng đại cục ở giữa xóm đi

và quán cơm quán rượu? Lần trước, Lã Triết Phụ tiên sinh đã giảng.

- Ông bạn trẻ của tôi đừng tưởng chỉ có vua chúa và quan nha mới dùng ấn tín thôi. Ở đây, những tay chơi mới là người dùng dấu nhiều. Có người có đến tám chín cái triện dắt theo trong người mỗi lúc đi dự tiệc rượu lớn ở Sạch Sồng Chổi.

- ! ?

- Ngày trước lúc còn trẻ tráng như nị, Lã Triết Phụ tôi cũng có đến năm cái dấu. Nhiều khi mình đi chơi quên không đem theo tiền đi, ở những vũ sảnh tửu lâu, người ta đã biết danh mình rồi thì đóng cộp cái dấu của mình đúng vào cái chỗ cộng ngân của đơn thu tiền, cứ việc ra đi, rồi lúc nào nhớ tới thì đem lại trả. Dấu lại còn dùng làm ám hiệu để gọi các đào hát có giá trị lớn trong làng thanh sắc nữa. Nhiều khi gọi họ tới bồi rượu, cái ấn tín riêng của mình là một cái lệnh. Nhưng bây giờ, Triết Phụ già rồi, những con dấu của ngày cũ đã lên mốc và bụi bịt kín hết nét trổ. Triết Phụ chỉ còn giữ được một cái dấu chữ nhật bán âm bán dương để giao dịch về thương mại tiền nong thôi.

Tôi đứng trước lều khắc dấu, nhớ đến lời ông bạn già Lã Triết Phụ, những muốn khắc chơi vài con dấu để mai mốt về xứ giữ lấy chút kỷ niệm của ngày trôi dạt và biết đâu chẳng có ngày dùng tới vào những

buổi xuất nhập vô thường ở hàng viện và hàng quán nơi quê hương.

Những người thợ khắc dấu đều mặc áo sường xám cả. Dấu hiệu của phong lưu. Bên cạnh đám con dấu chưa trổ chạm hoặc đã có khắc chữ rồi, nhiều hàng còn bầy kèm ít lá thiếp tập chữ lối Tô Đông Pha hay của Mễ Phất, có bản chữ viết theo đúng thư phái, đẹp một lối tung hoành, hoặc hồn hậu vuông vắn hoặc sương kính. Cứ lời mấy người Tàu biết rõ về phong tục cái đám người tứ chiếng tới đây khắc dấu ban đêm, họp thành một cái tiểu đoàn thợ thủ công góp vui cho đêm lộng lẫy của hòn đảo thì trong số đó có rất nhiều người nghệ sĩ có một cuộc đời bị bẻ gẫy. Cái sự khắc dấu của họ, đánh đi một cái hoa tay hổ đổi lấy một bát cơm, một chén rượu mỗi ngày, có giống như việc Khương Tử Nha uốn lưỡi cần câu cong cho nó thẳng ra và ngồi câu ở bến Vị mà không cần kiếm cá.

Để quên thời giờ, để chờ khách hàng, họ hút thuốc bào, họ bỏ từng nắm hồng qua tử vào mồm, mỗi lúc phun vỏ hạt dưa ra, vỏ rơi xuống đá tảng lát nền phố núi, nghe rào rào như mưa nặng hột vỗ trên tầu lá chuối ở vùng quê nhà vào những ngày cuối hè sang thu. Dẫm lên lớp vỏ hạt dưa khi lần qua lều dấu, nghe cái thanh âm khô nhạt ấy tôi lại vụt nhớ những ngày mùa đông ở nhà hồi còn tấm bé, được ngồi dưới gối hai thân cắn hạt dẻ vứt vỏ xuống thềm gia đình.

Tôi nhìn những ông già khắc dấu, đeo kính mặt đá, đọc những cuốn sách in chữ thạch bản lí tí. Họ ngẩc đầu cười khi nhận thấy tôi là người từ tối đến giờ qua lại lều họ đã có mấy lần. Họ thấy tôi dừng lâu trước hàng mân mê mãi cái núm ấn cẩm thạch chạm hình một con nghê phủ phục, họ mời tôi một điếu thuốc lá Bay Blossom là thứ thuốc lá của toàn thể bình dân ở đây đều dùng. Năm xu một gói 20 điếu thuốc vị Ăng-lê! Tôi cũng bóc một trái cam Sìu Châu, mời họ cùng chia với tôi một chút chua ngọt. Thiện cảm đối với nhau sẵn có, mà chỉ giận nỗi ngôn ngữ bất đồng, chẳng biết hỏi thăm nhau như thế nào cho phải. Tôi chỉ nói được mấy chữ "tố chề", "lèng", "hẩu sổ". Bỗng có người đặt nhẹ tay lên vai tôi.

Trời ơi, ông Hàn Vị Lê! Sao ông lại còn ở Hương Cảng? Hôm trong năm, lúc lại chơi đằng căn nhà bọn chúng tôi làm trò kịch ảnh ở đường Sử Kiếm Vực đạo ở gần Lê Viên Sơn, ông có nồng nàn từ giã chúng tôi để về Quảng Đông tỉnh thành ăn tết với nghĩa phụ rồi kia mà! Ông nói phải ở nhà mất độ một tháng. Người Tàu ăn Tết Nguyên Đán còn bền bỉ hơn là người mình.

Hàn Vị Lê là người Cao Ly, nhưng vì một lẽ riêng, đổi sang quốc tịch Trung Hoa. Ông nói tiếng Pháp, tỏ ra người có học rộng; giọng nói khó nghe một chút. Qua đây, tiếng Tàu không thuộc, chữ Anh không biết,

được gặp một người có Pháp văn dồi dào, tôi cho là một điều hạnh ngộ và cố sức cầu thân với Hàn. Hồi còn làm du học sinh ở Pháp, ông có giúp việc cho nhà dàn cảnh chớp bóng Pháp và tôn cái ông Marcel L'Herbier ấy lên làm thầy vỡ lòng trong cái nghề màn ảnh mà ông định theo. Hiện giờ ông cũng đang theo đuổi nghề điện ảnh ở Hoa Nam và tìm cổ phần để sản phim. Cái tác phẩm nhựa của ông sắp ra đời, theo ý ông thường ngỏ, thì phải có cái lối hùng vĩ tráng lệ như những sản phẩm của Cécil B.de. Mille, Van Dyck hoặc G.W.Pabst. Những phim xoàng xoàng, ông không chịu làm, trên tấm thiếp của ông để theo lối Âu: Willee Hahn và về chức nghiệp ông đề: Nhà đạo diễn - tức là nhà dàn cảnh xinêma. Ông chưa trước bạ được tên ông trong làng chớp bóng Tàu và đến bây giờ ông vẫn là một sinh viên nghèo, ăn uống phải tính từ một chén café crème trở lên và vì muốn giữ mè với đám tư bản ông bấm bụng mà mướn phòng ngủ ở Công Chúa khách sạn, nhưng phải ở mãi từng thứ tám, mỗi lúc có người tới thăm, phải đi thang máy mất hàng khắc thời giờ một. Tôi chưa được biết một người nào có thể vui và tin ở sự chờ đợi tương lai như ông. Cái duyên tao phùng chốc lát nơi lữ thứ ấy đã đem lại nhiều sinh khí vào cuộc sống hoài nghi của tôi trong suốt tháng rưỡi ở Hương Cảng.

Nói đến nghề làm phim ảnh của người Tàu, phê bình đến họ thì chỉ có thể lấy cái lòng từ thiện ra mà nói thôi. Ta đừng mong phê bình bằng nhận xét công bình. Người Tàu, thật là bọn giặc trong nghệ thuật nhựa. Tôi đã từng được gặp nhiều chú Khách cổ cao một ngấn, hai ba cái cằm in nét ở mặt, về quan niệm mỹ thuật mù tịt, đứng làm giám đốc về việc bài trí những phim ảnh. Một truyện phim đầy sinh khí, đầy thơ mộng vào tay họ, thế nào cũng thành truyện kiếm hiệp, nếu không là trinh thám. Ở Hương Cảng, khi người ta vô nghệ; muốn được len lỏi vào xã hội kinh doanh, họ đề vào danh thiếp là nhà làm phim ảnh, nhà dàn ảnh chớp bóng. Ở bên ấy người ta lạm dụng cái tên chớp bóng, in hệt ở bên mình, cái thế hệ mình lạm dụng cái nghề làm báo và viết văn.

Nhưng đối với ông Hàn Vị Lê, nhất danh nữa Willee Hahn, tôi không có dám nghĩ thế. Cái người ấy hẳn phải làm được một cái gì cho nên hồn. Khi mà người ta không chịu dề dãi trong tác phẩm thai nghén mãi trong lòng với đau khổ của sáng tạo, người ta không có thể làm kẻ tầm thường được. Những người như Willee Hahn, tôi dám chắc nếu ông chịu dễ dàng một chút thôi thì có thể nằm ngủ trên đống vàng rồi. Tôi còn ngờ rằng ông bạn Cao Ly ấy có chứa trong đáy lòng một hoài bão, một tâm sự gì khác và nghề làm phim ông theo cũng chỉ là một cái cớ mượn của thế kỷ thôi.

Đêm nay, gặp tôi vẫn vơ xem con thạch ấn, ông Hahn hỏi:

- Ông lấy dấu hay là giờ mới đưa làm? Phải, những bọn có cá tính như tụi mình phải có dấu hiệu ấn tín dùng riêng. Một cái chữ ký và khoa chiết tự không đủ để nói thầm về tâm hồn và lý tưởng của một người nghệ sĩ phức tạp.

- Tôi cũng chưa định kiểu cho con ấn như thế nào. Buồn, đi rong phố, tôi đứng lại xem.

- Thế thì qua bên hàng này, tôi mời ông cùng xem với tôi một con dấu bằng pha lê gọt, coi ngộ lắm và có dính đến việc của tôi.

Ông Hahn bảo người thợ già ấy đưa cho xem lại cái con dấu ban nãy và đưa luôn cả tờ giấy bóng có in cái dấu ấy. Ông nghiêng nghé rọi vào ánh đèn, bắt người thợ già tìm tờ giấy khác nhẵn mịn hơn và tự tay ông ấn dấu vào hộp son, in đến năm sáu dấu xuống giấy. Ông xem mãi. Người thợ già lim dim mắt, hút thuốc bào, nhìn mái lều, tôi đứng im bóc cam, và hút từ từ điếu sì gà của ông Hahn mời từ lúc mới bắt tay. Lâu nay, không được dùng một điếu sì gà đáng tiền. Điếu sì gà của ông bạn sang vừa đưa có nhẫn vàng thượng hạng, có vỏ thủy tinh bọc ngoài, thơm ngon vô cùng. Cái tàn trắng như tàn than hoa, dài đến ba phân tây rồi mà không chịu rơi vỡ xuống đất. Nghĩ đến cái lúc hiển đạt của mấy ông vua làm phim nước Mỹ, ghếch giầy tây lên bàn giấy trong hãng

phim hút thứ sì gà chế riêng, nhẫn điếu thuốc có in hình ảnh và dấu hiệu riêng của mình, vừa thở khói đắt tiền, vừa ngắm những tranh tô màu của những bản án về y phục một cô đào nhất phải mặc trong tuồng ảnh của mình, nghĩ đến cảnh ấy tôi lại cầu mong cho ông bạn Willee Hahn được chóng có ngày được được quyền xa xỉ và phụng sự cái xác thịt mình cho xứng đáng. Ông Hahn bỗng quay lại:

- Ông đọc được chữ triện không?

Tôi mỉm cười. Đến chữ hành thư tôi không còn đọc được nổi một câu đối dài, nữa là nói chi đến chữ triện. Ông Hahn bảo tôi: "Cũng không sao", trả nhà hàng mấy hào về chỗ phiến quấy xem dấu, đòi cầm lấy mảnh giấy có rập hình dấu, rồi khoác tay tôi đi về phía phố Hoàng Hậu Tây Đạo - một cái mạch máu cái của Hương Cảng. Ông tìm tới hiệu sách phân cục của Thượng Vụ ấn quán Thượng Hải chúc mừng năm mới chủ nhà hàng là người quen và lục bộ *Khang Hy từ điển*. Ông tra tự vị lâu quá. Vừa tra sách, vừa dò chữ ở tờ giấy có in con dấu đỏ. Sau cùng ông vui vẻ bảo tôi:

- Một câu thơ, ông ạ. *Thử hoa khai hậu cánh vô hoa*. Câu thơ cổ này, ám chỉ hoa cúc. Nếu CÚC thì đúng là tên nàng rồi. Còn ba chữ nhỏ nữa, không đọc ra chữ gì. Tra tự vị không có.

Ông chủ hàng sách mời uống ấm trà vừa bưng ra và lấy kính đeo lên mắt và thân mật chen vào câu

chuyện và đòi xem tờ giấy in dấu. Ông chủ nhà sách lại tra sách, lại dò chữ con dấu, vừa làm việc, vừa lẩm bẩm, vừa lấy bút viết thử vào lòng bàn tay. Hàn Vị Lê tủm tỉm, có ý đố thầm ông chủ hàng tìm nổi. Bỗng ông chủ hàng sách kêu to "Hày à!" rồi cười hà hà như người giải được bài đố chữ ô. Ông nói một hồi mà tôi không hiểu tí gì, chỉ có mặt Willee Hahn cứ sáng và vui sướng mãi lên theo lời nói to của nhà hàng. Tôi không rõ ông Hàn làm cái gì mà tìm tòi bí mật thế và họ nói chuyện những câu gì nhưng cái vui của họ cũng truyền nhiễm sang tôi. Tôi, đêm Tết này, đang cần quên tôi, đang cần khuây khỏa. Hàn mua một bộ Ẩm Băng, trả tiền, cười chào chủ hàng sách rồi lúc ra đường, bảo tôi:

- Đọc văn chữ Pháp Monteoquieu, Rousseau và Voltaire còn thú hơn. Bộ Ẩm Băng Lương Khải Siêu này cũng chẳng có gì mới lạ cho tôi. Nhưng năm mới, vào quấy người ta, chẳng nhẽ không mua vật gì để giông cả năm cho người buôn bán mê tín, coi sao tiện. Bên quê hương ông có những điều mê tín đem ích lợi lại cho nhà buôn như thế không?

Nói xong câu này, Hàn đã là một người khác. Từ khi biết ông ta chưa lúc nào tôi thấy ông xa vắng như lúc này. Người ấy đang bận tìm một cái gì ở trong đầu. Cuộc đi bộ của hai người lẳng lặng trên một con

đường dài và kéo lên những cấp đá phố núi. Thế rồi Hàn dắt tôi vào một tiệm thuốc phiện hút hồng phiến.

Tôi hút năm chục điếu có dư để tạo lấy một giấc mộng hương quan bằng khói thuốc độc. Hahn hút hút chơi vài điếu để theo đuổi ý nghĩ. Sức say của hồng phiến thua sức say của a phiến độ một phần ba và lúc hút thì tuy cùng chung một mâm hút mỗi người đều có đèn riêng dọc riêng. Bữa thuốc hồng phiến đêm mùng bốn Tết ấy, thực là mỗi người một bóng một đèn. Hahn khàn khàn giọng:

- Bây giờ tìm nàng ở đâu?

- ?

- Cúc Tiểu Muội ấy mà. Cái con dấu ban nãy là của Cúc Tiểu Muội. Khắc chữ con vào dấu mà dùng đến lối chữ cổ trên Tiền Tần thì còn ai đọc nổi. Cái ông chủ hàng sách đọc được cũng giỏi thực. Ông nói mấy chữ ấy xong, là tôi nhận được ra cái lối viết triện cổ ngay. Chốc nữa, nếu tìm nàng không ra trong suốt một đêm nay ở khắp các nhà khách sạn lớn ở Hương Cảng, thì sáng sớm mai tôi đáp luôn tầu đi Macao. Thế nào trong mấy ngày này nàng cũng có lai vãng ở các sòng phán thán bên Macao. Tôi sở dĩ lên nghĩa phụ tôi tại Quảng Đông tỉnh thành qua đây là vì có người bạn thân hôm mùng một báo tôi biết Cúc Tiểu Muội có ở đây. Tôi phải tìm cho ra cái người đẹp này họa chăng tôi mới có tên tuổi được trong nghề sản

phim. Đóng nổi cái vai Hà Phu Nhân trong phim của tôi do tôi viết scénario và dàn cảnh lấy, trừ nàng ra, không ai cáng nổi. Cô Hồ Điệp đóng được, nhưng cô không có nét cươn gần của người đàn bà đau khổ. Ông biết Hồ Điệp?

- Ngôi sao màn ảnh ở Hoa Bắc tháng trước có ghé tầu bay xuống đây để dự định ký giao kèo với hãng bên Cửu Lủng?

- Đúng, Hồ Điệp, có cái tài cười ngay và khóc ngay đấy khi mình nhờ nàng làm vui làm buồn theo một sở thích của mình. Nhưng tôi không dùng được cái cười ấy trong tác phẩm của tôi. Phải vời đến Cúc Tiểu Muội mới xong.

Tôi hết sức bị kích thích. Chắc nàng phải đẹp quá. Đẹp hơn cả Mỹ Thuật. Không được biết người nhưng cái tên Cúc Tiểu Muội cũng đủ dọn một lối đi rất đẹp cho nàng trong cuộc sống rồi. Tôi còn đoán chắc rằng nàng còn phải kiêu ngạo tự phụ vô ngần nữa. Tên mình là Cúc, là một đóa hoa quý, rồi lại mượn một câu cổ thi khắc vào dấu pha lê gọt, tự ví rằng sau khi mình nở trong một mùa, một năm, một thời thì không còn hoa gì nở nữa, châu cha! Cái sắc đẹp ấy phải là làm lu mờ hết thảy những vật gì muốn tỏ rạng ở cạnh mình và cái lối của người này yêu; có thể là một thứ tình bén vào ai là đốt cháy người ấy. Hàn vẫn kể tiếp:

- Những thứ người đẹp ấy, mình chỉ có thể "ái" *nhi viễn chi mà thôi*. Nàng đẹp, trẻ và ác. Cứ lấy cái việc

nàng bắt những con đòi đầy tớ phải nhịn ăn và quỳ hàng ngày ở vườn hoa đỡ lấy những bông cúc trắng lỡ đánh gẫy ở vườn, thì đủ rõ sự trắc ẩn không có ở lòng người ấy. Nhưng đấy là một việc khác. Tôi làm một người dàn cảnh chớp bóng, tôi chỉ biết Cúc Tiểu Muội có một dáng đi rất đài các, một vẻ mặt băn khoăn. Đời sống tư của Cúc Tiểu Muội lúc nào cũng có thắc mắc hiện rõ trên trán. Hợp với tính cách người anh thư trong truyện phim của tôi lắm. Một năm nay tôi đi tìm một người đàn bà. Bây giờ người ấy ở trên đảo này tôi sung sướng quá, ông ạ. Nếu Cúc Tiểu Muội thuận lời làm giấy nhận vai trò, tôi đã sẵn năm sáu người bạn đại thương gia vùng Tương Ngạc bỏ tiền cho tôi làm phim. Phim dài ba nghìn thước riêng nàng chiếm hết nghìn rưỡi thước. Nếu cùng lắm, tôi sẽ khóc lóc năn nỉ nghĩa phụ tôi cầm cố cho ngân hàng mấy quả núi trà tầu ở Vũ Di Sơn đi vậy.

Tôi trân trọng nghe chuyện Hàn, lấy làm thâm phục cái người nghệ sĩ theo đuổi cái đẹp trong sự lớn lao. Hàn sống lúc này đầy tin ngưỡng và đang tự hứa hẹn nhiều với nghề. Hàn vui sướng bồng bột. Tôi nhớ đến những lúc tôi tìm được một cái khung để lồng cốt truyện hoặc các bạn tôi tìm được một vận thơ lúc đã gieo xong câu đầu còn dở dang. Hàn vùng trở dậy:

- Thôi ta đi đi. Bây giờ trở lại cái lều người khắc dấu hỏi thêm ít điều nữa về Cúc Tiểu Muội.

Trong đêm lạnh, bạn tôi nói thêm về Cô Cúc. Cô vốn là con hát. Đàn được, múa được, hát được, uống rượu không biết say và cưỡi ngựa không biết nhức đầu. Mời cho được cô xuống uống rượu dưới những thuyền hoa trên sông Châu Giang, phải có nhiều tiền. Cô chế riêng nước hoa để bôi và đi đâu cũng mang theo một con mèo đen. Cô chịu mua một thứ thuốc bí khoa để tiêm cho con mèo không lớn được, chỉ to được bằng con chuột cống thôi. Đi đâu cô bỏ nó vào cái ví đầm.

Đêm ấy, sau khi cho thêm người thợ khắc dấu một đồng bạc, Hàn Vị Lê đi tìm theo cái bóng một người đàn bà đẹp. Tôi về Đại Đông khách sạn, chui vào tấm chăn hẹp của mấy bạn "Cánh Đồng Ma".

BUỒM VỀ

Bước chân lên tầu ruột đau như cắt. Con đường về bắt đầu tự phút nầy.

Đoàn tài tử Việt Nam lúc qua đây, cộng số hai mươi hai người. Đi làm ba chuyến. Chuyện ôi thôi đã thấy ngay ở lúc khởi hành. Và nhiều người bảo như thế là bất lợi.

Chiều ngày 8-2-38, đoàn tài tử trở về quê hương, tính đầu người chỉ còn có mười bốn. Và trong mười bốn người cùng đi một chuyến tàu bể trở về xứ sở, đã có đủ mười bốn cái thế giới tư tưởng. Nó khác với cái lúc khăn gói qua Hương Cảng, cách đây hơn một tháng, người ta đều chung một ý nghĩ, đều hoài bão một lý tưởng tốt đẹp. Lúc dời bến Hải Phòng, người ta là nghệ sĩ. Chiều nay dời hòn đảo Hương Cảng, người ta chỉ là một thằng người. Một thằng người với mọi tật xấu và hèn yếu của người...

Từ lúc chúng tôi dời khách sạn Đại Đông bước xuống chiếc máy với lũ hành lý lôi thôi lếch thếch,

chúng tôi chỉ ái ngại nhìn nhau. Thỉnh thoảng, một vài tiếng nói gượng gạo trao đi đổi lại. Không cần phải sành tai nghe, người ta cũng thừa hiểu những mẩu chuyện kia là chuyện đưa đẩy nơi đầu lưỡi. Nói để mà nói. Trên mấy khuôn mặt vô, phảng phất vẻ buồn lạnh lùng của chiến bại. Vui vẻ nhất trong giờ biệt ly nầy, có chăng chỉ ông bạn người Trung Quốc là Lã Triết Phụ. Nói vậy chẳng hóa ra phụ đến lòng người bạn hào hiệp. Nhưng thực ra tôi đã được nghe ông Lã Triết Phụ thở dài một cái rất mạnh khi thấy chiếc xuồng máy cọ mình vào sườn cầu tầu *Gouverneur Général Doumer*. Ông thở mạnh như cất được một cái cối đá đè ngực.

Có đến mươi hôm nay, ông khó thở. Vì ông phải nuôi báo cô bọn tôi tại khách sạn Đại Đông từ sau hôm mùng hai Tết, hãng phim Nàm Duyt bỏ rơi bọn tôi ở vỉa hè đường Sử Kiếm Vực. Ông ta đóng vai khổ chủ cũng tổn một số tiền lớn. Vẫn biết ông là một giang hồ khách, không kỳ quản gì chỗ tốn kém đó, nhưng hơn một tuần lễ nay, ông trả cái giá hào hiệp hơi đắt một chút.

Ông Lã Triết Phụ đưa bọn tôi lên tầu...

Ông lại gù gù cái vai tuổi tác, bước xuống cầu tầu, có những tiếng sắt dài và lạnh của con tầu rút neo đằng lái đuổi theo ông. Lã Triết Phụ tiên sinh đứng dưới thuyền máy ngửa mặt nhìn lên. Bọn tôi tì người vào lan can tầu lớn nhìn xuống. Ông bạn già quắc

thước đang bị con sóng bạc lắc lư. Chúng tôi cử động bàn tay xòe, từ giã nhau trong cái thanh âm dè dè và đục của tiếng còi vẳng xa trên mặt bến Hương Cảng. Sương khói chiều ly biệt đã làm mờ cả lâu đài ở dìa chân đảo, mà tôi vẫn còn giữ nguyên vẹn hình ảnh Lã Triết Phụ.

Tầu từ từ rẽ nước.

Một phút một xa, một nhanh, một sầu.

Tôi sở dĩ nói nhiều về Triết Phụ vì ông đã chuộc lại cái lỗi của một miếng đất bằng tấm lòng xử thế phải chăng. Lúc mà người ta là một lữ khách, người ta chỉ có thiện cảm với đất nước ấy khi người ta đã được gửi vào đấy một chút tình riêng!

Nhưng dù sao, tôi vẫn tin có lẽ không bao giờ tôi còn trở lại đảo này nữa. Ai tội vạ gì mà chơi lại lần thứ nhì đất đoạn trường xứ! Cho nên cứ bám lấy thành tầu *Doumer*, nhìn lại cả một thành phố lớn đã lùi sâu trong chiều hôm. Trong cái nhìn quyến luyến này, đã sống dậy bao nhiêu thèm tiếc của một du khách tự ví mình là tội nhân bị chung thân phát vãng, phải dời lìa một nơi đầy kỷ niệm. Tầu đã ra khỏi vùng Hương Cảng. Tầu đã bỏ lùi quần đảo lại sau lái. Màu chì sẫm phút hoàng hôn làm nổi bật hẳn lên màu sáng của đường bọt sóng bạc đầu viền tròn chân hòn đảo. Những con hải âu vỗ cánh là là bay theo luống bọt nước trắng mà chân vịt tầu đang cày trên mặt bể lấp loáng dưới sáng tàn của ngày lạnh.

Tôi miễn cưỡng chui xuống sàn thứ nhì. Phía gần mũi tầu. Đấy là hạng tư. Chúng tôi quây lại một khu vuông vắn với mười bốn chiếc ghế vải thuê của cai thầu. Lúc đi thế nào, lúc về thế ấy. Vẫn cái không khí bẩn thỉu ướt át trên tầu bể, ăn, ở hạng chót. Vẫn ánh sáng vàng cành cạch của đèn điện bóng nhỏ. Không đủ chọc thủng lớp bụi dầy. Chúng tôi thu xếp xong chỗ ăn nằm thì gặp ông S...giữ chân vô tuyến điện ở tầu. Ông ta không rõ nội tình bọn tôi, lúc đứng dậy, thân mật dặn lại một câu:

- Lần sau các ông có đi đóng phim, nên cố mà lấy vé hạng trên. Nó đỡ cực và cái giá người và giá nước được tôn lên nhiều lắm. Tôi đã nghiệm tụi Nhật Bản có tiếng là căn cơ, thế mà hễ chúng đi ra ngoài, là y như lấy vé hạng nhứt hạng nhì.

Khốn nạn! Ai chẳng biết thế. Chúng tôi có ngọng gì đâu, ông S...! Nhưng hiểu được và làm được, nó là hai việc khác nhau. Một ngày kia ông sẽ rõ tại sao. Bây giờ chúng tôi chỉ biết ơn ông về những chỗ quấy quả lặt vặt. Bữa cơm đầu tiên dùng trên tàu G.G Doumer là một bữa cơm không thể ngon được trong đời tôi. Cái người nào nói muốn ăn ngon thì cần phải đủ ba điều kiện như : đồ ăn ngon, chỗ "ngon" và người cùng ngồi cũng phải "ngon", người đó đã hiểu nhiều về ăn uống.

Tôi đã từng bẻ tảng cơm nắm gạo...ăn với những mẩu đầu cá... trong không khí bạc bẽo của mấy nơi để

lao. Và bạn bè cùng mâm ăn với mình lại rặt là những người có trái tim cằn cỗi. Ở những trái tim ấy, tưởng chừng như không bao giờ có một tiếng vang của tình cảm. Những trái tim đó, thỉnh thoảng có lên tiếng nhưng một cách dữ dội, và tàn ác. Những cuộc xô xát giữa tủ và tủ, giữa bữa cơm mắm nhà nước phát, thường bắt đầu từ việc tranh giành một quả ớt. Quả ớt đỏ đã nhuộm đỏ những nắm cơm đỏ bị những bàn tay vấy máu mân mê. Những bữa cơm cá thối dùng trong một bầu không khí kinh khủng như vậy....., ai dám tưởng là còn tiêu được. Ấy thế mà so bữa cơm nay, tôi thấy còn cố nuốt được.

Tôi chỉ nhấm nháp vài miếng. Đã bực chưa? Hỡi trời. Buông đũa, buông bát, chúng tôi phải đi ngủ ngay, không kịp xỉa răng. Mà khốn nạn! Có chút cá thịt gì giắt răng mà xỉa.

Chúng tôi đã biết sợ những đêm dài. Thêm một nỗi nữa là lênh đênh giữa khơi, với một cõi lòng buồn tênh không bờ bến. Gió, đêm nay, lại thổi nhiều.

Bắt đầu ngã cây thịt rã rời lên tấm ghế bố, thì cái đói cũng bắt đầu. Dạ dày tôi lép như dạ dày một chính trị phạm biết săn sóc những ngày tuyệt thực rất công phu. Lưng thì lạnh buốt. Gió ở cửa khoang, lùa khí lạnh qua phía dưới làn vải mỏng ghế bố. Buồn nhất là hai vai. Tôi liên tưởng nghĩ tới những lúc dừng mỡ ở nhà, lấy một cục nước đá, banh cổ áo sơ mi ông bạn, bỏ lọt thỏm vào lưng người ta để kiếm cớ

cười rúc rích. Nhà bác sĩ có nói rằng thân thể người ta chịu lạnh yếu nhất là miền vai. Đúng lắm. Vai tôi giá như đồng.

Con tầu càng chạy sâu vào đêm, tôi càng thấy tâm tôi lạnh. Gió bể, với một điệu đều đều, vù vù và vô tình, còn thổi già mãi. Bao nhiêu nhiệt huyết đã nhường chỗ cho lạnh lẽo. Gió, đêm nay ý chừng còn muốn đem một con tim dầm xuống dưới không độ. Tôi vật vã xoay đủ mọi chiều. Tôi xoay mình, rồi xoay đến chiếc áo tơi len dùng làm chăn đắp. Ngang, dọc, chéo, thật đã đủ chiều mà tôi vẫn thấy kín được đầu thì lại hở mất hai chân. Lòng ghế bố lại trũng, nếu không thì tôi đã nằm cái lối con tôm rang, thu mình rất bé lại như một trẻ thơ. Hai miếng xương bánh chè như muốn dời khỏi thớ gân đầu gối. Tôi dùng thuật thôi miên, tự mình nhủ mình ngủ đi: "*Hãy ngủ đi, em ôi! Ngày mai, cuộc đời sẽ đổi khác. Sớm mai, ánh sáng vừng dương sẽ đổi lại cuộc đời*".

Tôi nhắm rít hai mí mắt. Trong cái tối tăm của sự không thấy gì, tôi thấy lập lòe lửa tinh mắt đỏ đom đóm. Tôi chợp mắt. Tôi nằm mơ thấy tôi nằm mơ. Rồi giấc mơ vô nghĩa lý lại đứt quãng. Tôi lại chợp mắt nữa. Giấc chiêm bao được nối lại, lại cho tôi say lại với người và cảnh trong mộng.

Gió thổi mạnh, thổi tan luôn cả mộng. Tôi nhìn trăng trắng lưới nhện dăng trên trần tầu gỗ thông sơn trắng. Tôi bàng khuâng tiếc mộng như mất lạng vàng.

Tôi lơ láo thăm dòm những bạn đồng điệu xung quanh, nằm co quắp như xác chết cháy, ngủ một giấc nặng như chì. Trông người nào cũng còng queo như cái cò súng trường. Tôi tự hỏi tôi đã làm nên tội ác gì, mà đêm nay tôi không được ngủ giấc ngủ của người công bình.

Và trong đêm lạnh như nhà mồ, phải thức để viết bằng hằn học của tâm tưởng, cái thiên phiêu lưu ký. Sống những đêm tang tóc như đêm xuân sớm này không một ly rượu mạnh, không một hơi khói thuốc, không một nhời tri kỷ, đấng sinh ra muôn loài ôi! Thật là tôi đã sống rất nhanh cả một cuốn tiểu thuyết của tráng sĩ cùng đồ.

Mấy giọt nước rỏ đúng vào gáy tôi. Tôi thản nhiên chịu đựng lấy. Người tôi không thể giá lạnh được hơn nữa. À, vậy ra đêm nay không những là gió mà lại còn mưa nữa. Nước mưa phùn ngày xuân đã thấm lậu qua boong tầu! Mưa trên mặt biển, mưa cả trong lòng người. Tôi cúi mặt nhìn sàn tầu ẩm ướt và lắng giọt mưa lộp độp trên vai như cảnh ở cạn, giọt thu thất tịch thánh thót vỗ tầu tiêu. Âm điệu giọt mưa rơi không khác gì âm điệu giọt đồng hồ. Lắng mưa rơi như khóc, nhằm nó với giọt thời gian cứ đều đều rút vợi mực nước đồng hồ, tôi đinh ninh tôi đang là một triết nhân muốn tắt lửa lòng. Rồi chạnh tưởng đến quê nhà bây giờ đang mỗi phút một xê gần lại, tôi tưởng nhớ đến thầy tôi, một ông Tú già cũ, trong

những đêm xuân mưa phùn nặng hột, thường bắt tôi gây một lư trầm Quảng Nam. Cha tôi vặn trục đàn nguyệt kêu cót két, trong gian nhà gác vắng vẻ ở một tỉnh xép kia phố xá lèo tèo và ngâm xong hai câu thơ:

Cứ đốt lò hương cho đến sáng

Thử xem mưa gió đến bao giờ.

Cha tôi bảo tôi:

- Đánh đàn, kỵ nhất huyên náo. Và nên kỵ nữa là trời nồm, trời mưa, nếu đánh dây tơ. Dây hay dão và ải. Đốt than ở lư trầm, tức như sấy dây cho nó se lại và khỏi đứt. Đêm mưa gió, muốn lấy nhạc để diễn tâm sự, phải đốt lò hương rồi mới se tơ phiếm.

Cảnh tượng êm đềm ấy diễn lại rõ rệt trong ký ức. Nó làm ấm áp lại một linh hồn đang cảm thấy sự thui thủi mênh mông. Tôi không muốn nghĩ tới điều gì nữa. Tôi chỉ muốn sống cho trọn canh trường với vang và bóng ngày ký vãng.

Tôi sực nhớ đến hai điếu thuốc lá để dành ở đầu giường, dưới kẽ chiếc va ly tuỳ thân. Thuốc lá này, anh Hoàng Văn G...đưa kín đáo cho tôi lúc chiều, với một câu dặn dò: "Lương thực thức đêm hết rồi đấy. Giữ lấy phần. Liệu mà hút". Bây giờ tôi quả quyết đốt một điếu. Thì trời đã hại tôi: giọt mưa rơi làm thấm ướt cả món quà quý. Tấn thảm kịch thuốc lá lại mở màn. Và một cái họa lớn không đến bao giờ một mình.

Vì thèm thuốc chưa xong tôi lại thấy muốn đi tiểu. Nghĩ đến nông nỗi phải dò từng bước một, bước qua bao nhiêu người nằm ngổn ngang như lợn phiên chợ, leo hết được cầu thang trơn như mỡ để lên được đến boong tầu mưa gió bão táp, tôi rùng mình ghê sợ. Đứa phóng đãng đau lậu, sợ lúc đi đái như thế nào, thì tôi cũng dựng tóc gáy lên như thế. Không thể đừng được, tôi cũng đành liều để thắng luồng rùng rợn đang chạy khắp dây thần kinh. Hai tay cầm chắc lấy can đảm và ôm lấy bụng dưới, tôi ló được đầu lên khỏi cửa thang. Gió khơi, nặng và đặc như một khối lớn của tàn phá, có thể san bằng, đè bẹp mọi thành tù đồng đá. Mưa lạnh bay theo một chiều nghiêng như cưa được lần da mặt. Sinh khí ở boong tàu quanh quẽ đền ơn cả vào hai ngọn lửa màu xanh và đỏ của ngọn đèn đêm báo hiệu. Tôi mất thăng bằng, người lúc nặng lúc nhẹ. Tôi đẩy gió, gió găng, bốc cẳng tôi, nếu tay tôi không bấu víu được những mẩu sắt nơi bộ phận máy móc lộ thiên.

- Ai làm gì đấy?

Bóng người đi lại gần với tiếng guốc tách bạch.

Một ông *mạch nô* đồng bào!

- Rét bỏ thằng thầy đi, lên boong làm gì?

- Đi tiểu mà lại.

- Ấy, bố đừng có trương bậy ra đấy. Thằng "ba" nó đang bắc ống nhòm đứng ở bốt gác kia kìa. Chịu khó

vào chuồng xí. Đây này, có sợ mùi thối và không giắt thuốc lá lên thì cầm đỡ lấy một điếu này mà hút.

Tôi không có can đảm từ chối. Chúng tôi ghé sát mặt vào nhau nối lửa thuốc. Tôi tìm mãi một lời ý vị để cám ơn ông *mạch nô* cho thuốc. Nhưng tôi chỉ hỏi được người đó một câu cụt thun lủn:

- Bác người Hải Phòng?

- Phải, bến đò Bính.

Thế rồi người đó vội bỏ tôi, chạy ra mạn sườn tầu, tung hòn chì buộc ở đầu cuộn dây dài có nhiều nút. Họ đo chiều nước. Họ dò lòng nước bể sâu nông. Rồi vụt cái, người *mạch nô* đã biến đi mất, để tôi hậm hực không được nói chuyện lâu với kẻ có bụng thảo. Tôi trở xuống sàn tàu, gặp mấy ông đội đã thức dậy. Mấy ông binh khố đỏ đóng ở tô giới Pháp tại Thượng Hải được phép nghỉ, trở về cái làng An Nam với bao nhiêu sung sướng lộ trên nét mặt vẻ tòng chinh sắp được yên thân. Mai kia họ sẽ lên tòa sứ của tỉnh họ, kể công thầm với Nhà nước Bảo hộ bằng một cuốn *líp-dê* chằng chịt những võ công tủn mủn. Họ sẽ được hưởng thụ nhiều lộc nước ở trên chiếc chiếu giải giữa đình làng. Họ ho sù sụ, hút thuốc lào sòng sọc, nói chuyện bô bô và mời chào tôi ngồi xuống chiếu họ như những người quen thuộc lâu năm. Đoạn chung kết đêm dài hết ở bên cái khu binh sĩ với câu chuyện bom đạn và lòng giặc tàn nhẫn. Tôi kê đầu lên *túi dết* đút chân

vào đống áo *ca pốt* mầu phân ngựa và tha hồ hút thuốc lá lính. Tôi lim dim mắt, khái niệm về hạnh phúc. Tôi nhận thấy phong tục của con nhà binh là giản dị: ăn to, nói lớn, và cho lòng dạ người ta là một củ khoai, muốn bóc lúc nào cũng được. Những tâm hồn mộc mạc, không mảy may phức tạp kia đã cảm tôi rất sâu. Tôi mới nhận ra rằng chính mình làm khó, dễ cho cuộc đời mình bằng cái di sản tư tưởng và một mớ tình cảm đầy đủ và lôi thôi.

Màu một buổi sớm ngày 9-2-38, xám như một khối thép nguội. Mặt bể nghiêm trang chiếu lạnh mắt lữ khách.

Con tầu như đứng im trong khoảng nước, mây, trời, nếu vài chục chim hải âu đắm đuối với bọt nước đằng lái tàu không gợi cho mọi người cái hình ảnh của xê dịch. Gió bấc thổi lộng óc. Thuỷ thủ luôn tay tung chì để đo chiều nước. Mặt bể màu xám tro, gần lẫn với nền trời đục. Cõi mênh mông làm người ta nhiều lúc mù quáng, không nhận được cái vạch ngang làm giới hạn cho chân trời. Màn chết nhuộm trên hiu quạnh dễ gây sự lười biếng cho óc. Dưới một trời khinh bạc lồng lộng, tôi bị điêu tàn cám dỗ, tôi đâm đầu xuống dòng nước. Cả một buổi sáng này, lòng tôi là một bàn thờ khói đã lạnh, hương đã tàn. Mùi thơm du lịch đã hả hết rồi. Trước sức mạnh của chán nản, cái thiêng liêng của một cuộc đời bên trong giàu và

bền, thực đã đến lúc phá sản. Lòng tín ngưỡng ở mình đã lung lay. Tôi chán tôi, tôi ngờ tôi, cũng như tôi đã chán và ngờ những bạn tội nghiệp đang lặng thinh trên con đường về. Thiên lương bọn tôi đã bị nhiều vết tì ố. Tôi nhớ lại cái đêm qua, bọn chúng tôi chỉ là những tinh ích kỷ kết tụ lại để làm cho nhau xót lẫn hộ nhau. Đói và rét trong một đêm trên tàu bể đã buộc mọi người trong đoàn nghệ sĩ đã thực hành đến triệt để câu "Anh em kiến giả nhất phận". Đáng thương hại nhất là đám son phấn trong đoàn. Cô T. và cô M.C. phong phanh một manh áo hoa hoàng tơ mỏng. Cũng may mà cô L.K.H. còn có được người chồng kèm bên cạnh.

Lúc ở Hải Phòng đi, các cô là chim oanh thó thẻ trong rừng hoa tươi sáng. Nếu tôi không nhầm, thì bao nhiêu người trong đoàn, trong suốt sáu đêm trên tàu *Kinh Châu*, lúc đi, đã nhường cả chăn bông và áo len dầy cho và chăm nom các cô như săn sóc người ốm.

Lúc đêm qua, cô bạn gái đã già hẳn đi mười năm, họ tiều tụy như những cung nữ trong lăng các đấng Tiên quân ở Kinh thành Huế. Đêm qua những lúc gió thổi mạnh, nhiều anh em thức giấc, được nhìn rõ mấy khuôn mặt vô vàng. Đấy là những con cú sầu vạn niên. Ở người tôi, không gì cực cho tôi hơn là phải thấy người đàn bà đẹp bị hành hạ bởi những điều nhỏ

nhen về ăn và mặc thiếu thốn. Thế mà đêm qua, bao nhiêu người và tôi đã thản nhiên nhìn người đẹp chịu rét và đói - và chỉ nhìn không mà thôi. Có thể được như thế đấy. Hình như bấy giờ, một tiếng lương tâm vị kỷ đã bảo tôi: "Anh hãy thương lấy anh đã. Cuộc từ thiện có tổ chức phải bắt đầu tự mình trở đi". Nếu mai sau kỹ nghệ sản phim xuất hiện ở nước ta, nếu mai sau cô T. và cô M.C. trở nên đào chớp bóng có tên tuổi trên màn ảnh và có người đến phỏng vấn hoặc các cô viết ký ức, tôi tin chắc chắn các cô sẽ thuật đoạn này lại một cách thống thiết. Chứ sao. Để cho mọi người biết rằng vinh quang hiện tại - nếu thực có vinh quang - đã phải mua bằng cực nhục. Một số người đeo chiến công bội tinh là phải mang lấy vết sẹo di tích những ngày chiến bại.

Đêm hôm qua, thấy sự rời rạc, ghẻ lạnh trong đoàn, tôi có tặng tôi một câu : "Ới ta ơi là ta ơi!".

Đêm qua nhiều người trong đoàn nghệ sĩ đã coi sự nhường nhịn là một xa xỉ phẩm. Viết đến đây, tôi ngờ tôi đã nói xấu cả tôi nữa và làm quảng cáo ồn ào cho sự ti tiện.

May mà chỉ còn sống chung với nhau có vài chục giờ nữa thôi.

Nếu hải trình Hồng Kông - Hải Phòng cũng đằng đẵng như đường đi qua Pháp thì tôi đến phát điên

mất. Có lẽ đến mất hết cả thể thống. Nghĩ mà rùng mình cho nhân phẩm.

Chiều nay, ba giờ, tầu bỏ neo trước thành phố Fort Bayard, Thủ đô Quảng Châu Loan. Tôi mừng rỡ quá. Vì tôi sắp sửa được thay đổi không khí. Tí nữa, dạo chơi qua phố đất lĩnh thổ, xem phong cảnh và người buôn bán, tôi sẽ không bi quan nữa. Ý nghĩ đen tối sẽ tha tôi; óc tôi sẽ trở lại với ánh sáng của tin yêu.

Tầu *Doumer* đậu bến bảy giờ. Muốn áp bến, phải đi thuyền con vào. Thành phố gì mà như một tỉnh xép ở trung châu Bắc Kỳ, nó gợi cho người thăm viếng một cảm tưởng ăn xổi ở thì. Bến Fort Bayard chỉ to như một bến những làng có kỹ nghệ nước mắm ở ven bể xứ nhà. Nhiều người đã thuật cho tôi nghe, có nhiều lần, bọn cướp Tầu Ô, độ dăm chục tay súng trận, đã dám mượn đường Fort Bayard để vào cướp phá các làng Tàu trong lục địa. Một công chức bị đổi qua đây, tôi cho là họ bị biếm trích. Cảnh ở đây dễ đầy ải người có tâm bệnh.

Chúng tôi buồn thiu trở lại tầu *Doumer* trơ trọi trên bể rộng. Nào đâu là cái rừng cột buồm và ống khói và dây thừng của Hương Cảng?

Mười giờ đêm, tầu kéo neo, bỏ lại thành phố Fort Bayard trong sự thờ ơ. Đêm thứ nhì trên bể dễ chịu hơn, vì Đàm quân đã mua cho bạn trai hai đồng cân

thuốc phiện lậu và mua cho bạn gái mấy mảnh chăn cù. Chúng tôi nhờ khay đèn của chú Khách, đêm nay, bạn với Ả Phiền. Chúng tôi dè dặt điếu thuốc như các bộ lạc du mục ở Phi Châu dè dặt từng giọt nước uống đựng trong túi da, khi đoàn lạc đà chở họ qua hàng trăm dặm sa mạc. Tôi lại nhớ đến đêm ba mươi Tết ở Hồng Kông, cũng hút thuốc phiện để quên, để giải thoát một hằn học. Gió bể lay động ngọn đèn dầu nhấp nháy không ngừng. Tinh thần ốm yếu bọn tôi đều gửi cả vào ngọn đèn hấp hối. Chúng tôi đều quây tròn lấy ánh sáng chỉ dọa tắt, tự lấy xác thịt ra làm bức bình phong chắn cơn gió thốc. Nếu vì một lẽ gì mà đèn phải vĩnh viễn tắt, chúng tôi có lẽ khó lòng mà hẹn ở với nhân gian cho qua được đêm đau khổ. Tôi nghĩ thế.

Nhựa quả phù dung xèo xèo trên bầu đèn là một phương thuốc nhiệm mầu chữa cho kẻ có tính tình bị thương nơi óc và có ung độc rỉ mủ trong tim. Những lúc lòng trống trải, thuốc phiện là một cố nhân giữ cho người ta khỏi chết mòn vì hiu quạnh và phẫn uất. Chẳng trách được nhiều người có tâm sự, một khi bị đầy dài hạn từ châu thổ lên rừng thượng du, thường hay bị thuốc phiện quyến rũ. Khởi điểm cuộc hôn nhân giữa người ta và Ả Phiền thường là một vết thương lòng. Một đêm trên bể về, tẻ ngắt sự đời, chúng tôi đốt một lò hương, gửi bao nhiêu hờn, oán,

thù, ghét vào luồng khói thơm ngậy và liều đem trí tuệ cầm cố cho bà Chúa Nâu. Thấy gió đêm nay lạnh, Ả thấy ngọn đèn là ấm áp, tôi cầm ngang mũi tiêm, chỉ con tim bấc, thề trăm năm cùng già Ả Phiền. Lời thề ấy là một nhời nguyền rất thành thực, thốt ra giữa khoảng trời nước tối om om... Mai sau, nếu tôi vẫn không làm người nghiện được, nếu những trường hợp thiêng liêng buộc tôi phải phụ tình, phụ đến tri kỷ đêm giá lạnh, phụ đến Ả Phiền, thì tôi vẫn cứ nhớ mãi cuộc gắn bó này và không chút ngại ngùng, cam chuộc tội bằng trừng phạt của ám ảnh.

Ánh sáng nhờ nhờ như sữa loãng của bình minh rụt rè chiếu qua lỗ cửa kính tròn. Nó dọi lên sàn tầu đầy bùn mặn, đầy rác ướt. Nó dọi lên chiếc bàn đèn bừa bãi tàn thuốc lá và than gio thuốc phiện. Trong người tôi có sự thay đổi lớn. Tôi thu lại một chỗ bao nhiêu mỏi mệt của tâm hồn, bước cao, bước thấp, đi ra cầu thang rồi vượt lên boong.

Đứng trước toàn cảnh của bể cả, tôi hít gió sớm và say sưa với cuộc sống. Thì ra tôi bị thuốc phiện chi phối. Tôi như các con chiên xưng tội với Chúa và được đức Cha an ủi bằng lời phủ dụ chen lẫn vào lúc rửa tội. Tôi muốn đứng mãi bên lan can sắt, nhìn khối to lớn, loãng và không bao giờ biết mỏi kia. Bể rộng sớm nay hiền lành. Tôi thoảng như nghe thấy tiếng đàn ca ở mọi lâu đài xây trên rốn bể. Mặt bể tươi tỉnh chào

mời tôi bỏ con tầu. Tôi muốn nhẩy tùm xuống đấy để đem qua bên kia thế giới cái chốc lát của diễm phúc thoảng qua như bóng giọt sương mai. Nhưng thuốc phiện không muốn cho người say hiểu nghĩa hạnh phúc theo một chiều đứng. Người tôi lảo đảo. Phải nằm đi thôi. Tôi trở xuống.

Ngả lưng xuống ghế bố, lim dim mắt, tôi suy tưởng về khoái hoạt, theo nghĩa rộng, theo một chiều ngang.

Cả ngày hôm nay tôi không đói. Tôi chỉ muốn lười thôi. Tầu lắc mạnh theo chiều dọc. Sóng uốn khúc như đội được tầu và dựng đứng được cả khối sắt nặng sáu nghìn tấn. Ở trên cạn, có người chủ tiệm hút nào dám cam đoan bán cho người ta cảm giác này.

Tôi thờ ơ nhìn một ngày nữa hết, mở đầu cho một đêm cuối cùng và dữ dội. Gần khoảng giữa đêm, tôi thấy con tầu cựa nhiều. Tôi ngửi thấy một mùi mửa tanh nồng. Hỏi thủy thủ, tôi mới biết tầu đi qua Mộc Lan Đầu. Và y bảo tôi nơi này là chỗ bà Chiêu Quân gieo mình giạt về (?) Sóng "Chiêu Quân cống Hồ" quanh năm bao giờ cũng vỗ mạnh thế (!).

Mười giờ sớm 11-2-38, tầu Doumer cặp bến Hải Phòng. Không kịp bùi ngùi duyệt lại cuốn tiểu thuyết bọn tôi vừa chung sức viết xong, bằng mồ hôi, bằng nước mắt, chúng tôi đã vội vã phải chia tay, mỗi người trở về một xó quê hương.

Vẻ hấp tấp của đoàn "Cánh Đồng Ma" không khác gì vẻ túi bụi thảo thân của đào kép của một gánh hát cải lương gặp lúc cáo cùng. Đàm Quang Th... cười không tự nhiên và lắm phút ngây ra như pho tượng. Đàm quân nhìn tôi như muốn nói tóm tắt một chuyện gì. Rồi đề cho tôi một câu vào tấm ảnh tặng : "Để kỷ niệm những phút vinh nhục của *Cánh Đồng Ma*".

Tôi lên ô-tô-ray, vụt nhớ đến phận làm cha, làm chồng của tôi ở một mái nhà kia cách Hải Phòng gần ba trăm cây số.

Gần hai tháng nay, ở đấy, thiếu một người so đũa bên mâm cơm hàng ngày. Mái nhà kia, trong phút này, đã là tượng trưng của tin yêu và chẳng gì, ít ra nó cũng là một bệnh viện tạm thời cho một người ốm.

CHẢY

(Tuỳ bút)

Trời làm một trận mưa dầm
Có anh "kện rập" đang nằm va li

Phong dao xóm cô đầu

Lúc Nguyễn mở được hai mi mắt mệt mỏi, thì trời đã sáng lắm. Nhà hát tuy cửa đóng kín bưng, nhưng ánh sáng xuyên qua kẽ cửa khép không sát, đủ nhắc cho chàng hiểu rằng bây giờ đã trưa quá rồi. Từ dưới phố xóm, vẳng đưa lên những tiếng dội của mọi hoạt động ban ngày. Ồ, thế ra mụ bán xôi cháo đã đi rồi kia à. Thế mà Nguyễn vẫn còn lười biếng, kéo được mép chăn lên đến cổ, nằm nghe tiếng hàng quà rong, lấy làm khoái chí, càng cọ xát mãi mình vào người Hòa - người tình nhân một đêm của chàng trong nhà hát. Nguyễn bẻ tay kêu lắc cắc. Chưa cho là đủ, Nguyễn còn ườn mãi người uốn mình ngửa lên như

cầu vồng, trườn lưng trên nệm ấm. Xương cốt chừng đã dãn đều, chàng duỗi thẳng hai chân thực hết sức, như người muốn tập cho dài thêm chân. Rồi chàng vắt bàn chân trái lên cổ chân phải, giũi hai bàn tay xo vào kẽ đùi mình, dún vai lên, làm ra bộ lạnh lắm. Chàng nghĩ giá bây giờ phải dậy ngay, phải làm một việc gì thì không có gì khổ hơn nữa. Chỉ có nằm như thế này, được quyền lười cho hết một buổi sớm để làm nũng cô đầu, để hoạnh nhà chủ, để quát tháo vú già, thắng xe, chỉ có như thế là mới đúng cái sở thích của một quan viên định lấy nhà hát làm nhà mình. Cảm giác của Nguyễn là một cảm giác sung sướng. Một thứ sung sướng ngụ trong cái lười biếng, uỷ mị hoàn toàn. Một đứa con cầu tự thích làm nũng người chung quanh, cũng không có thể thèm làm nũng hơn chàng, trong phút này. Trong phút này bên ngoài, gió sớm một trời thu muộn vẫn gỡ lá vàng trên cành khô, từ từ ném từng chiếc một xuống một mặt đường ướt át.

Không những thế, trận bão rớt đêm qua hẳn còn để lại ngoài kia nhiều dấu vết của tàn phá. Ừ, mà sao sớm nay, chàng không nghe thấy tiếng keng keng và ầm ầm của tàu điện. Thôi phải rồi, cây đổ làm đứt dây điện, người ta còn phải sửa chữa nhiều rồi tầu điện mới chạy qua xóm Vạn Thái. Đã biết cơn giông tố một đêm đã làm ngừng sự sinh hoạt xã hội và làm phiền cho nhiều người lắm. Nhưng cái khổ của người

này thường là cái vui của người khác. Nguyễn tin người khác đó chỉ là mình. Giữa cái đau đớn của cây cổ thụ rễ cái lìa đất, của ngọn cỏ ngả nghiêng, của loài chim cò bạt gió lìa tổ, của người nghèo lo chạy nhà thủng dột và vân vân, chàng thấy mình được yên thân trong cảnh êm ấm để lấy con mắt bàng quan nhìn cuộc đổ vỡ giữa tự nhiên.

Từ ngày biết đi chơi đến giờ, chàng cho chỉ có đêm hát này là đáng kỷ niệm. Mất đồng tiền đi hát, nhiều người cho là một cử chỉ điên rồ nếu không là ngu xuẩn. Nhưng mua được bao nhiêu mãn nguyện cho lòng ích kỷ, trong một đêm bão táp, Nguyễn bằng lòng làm một làng chơi điên rồ, ngu dại như thế.

Chàng với gói thuốc lá trên đầu giường. Nước bọt buổi sớm ứ trong miệng, ngập lụt cả răng và lợi. Thế mà chàng vẫn không muốn thò đầu ra ngoài giường, nhổ bớt đi. Nếu có thể nằm ngửa như thế, không phải động mình, không phải nghển cổ, mà nhổ thẳng lên trên không cục nước bọt đặc và hôi kia thì còn gì thú hơn nữa. Lười biếng không muốn cử động, sợ làm như thế có hại đến cái nhàn nhã đáng quý của tinh thần và xác thịt đang được cưng dưỡng, chàng đành nuốt ực cục đờm bọt. Chàng chép miệng, lấy lưỡi đưa đi đưa lại trong mồm. Một tiếng quẹt diêm kêu sì. Một mùi khói thuốc lá đã tiếp đến mùi diêm sinh bị quanh quất tù hãm trong màn lan tiêu

Nguyễn cho hai bàn tay xuống gáy, bình tĩnh thở những vòng khói tròn lên đỉnh màn rải rác đây đó ít chùm cứt chuột. Chàng mở to mắt, thở luôn một chuỗi vòng khói và muốn vòng khói đánh đai lấy những viên cứt chuột khó chịu kia. Cái lối nghịch dớ dẩn như thế, ở người Nguyễn, thường là triệu chứng của một sự bằng lòng.

Nhưng, quái lạ, sao quần áo tây của hai bạn Lưu và Hoàng không còn ở trên mắc áo nữa? Chúng nó không treo quần áo ở đấy thì còn mắc vào đâu? Nhìn sang giường bên, chàng không thấy Lưu. Ở đấy chỉ trơ có một đào nương co quắp với cái lạnh của giấc cô miên.

Nghển cổ lên phía đầu giường, thì càng quái lạ hơn nữa, bên bục cũng không có một hình dáng đàn ông nào trong ba bốn cái xác co quắp ở đấy. Thế Lưu đâu? Và Hoàng đâu?

Chả có lẽ? Không bao giờ, Lưu và Hoàng có lối chơi mất dạy như thế. Nhưng mà chúng đi đâu mới được chứ? Nguyễn không dám ngờ lòng bạn hiền. Chàng tin làm như thế là tủi nhục cho tính cách thiêng liêng trong sự khăng khít rất lâu bền của ba người. An ủi mình, Nguyễn vẫn không đành dạ. Nên chàng đã tự cho phép chàng cái quyền nghi Lưu và Hoàng trong giây lát hốt hoảng.

Bỗng, ở đầu giường, gần kẽ gối, cái gì kia. Trông như một lá thư. Phải, một lá thư mà người viết để lại, hình như cố ý xếp cho nó một chỗ mà người ngủ khi tỉnh giấc phải nhìn thấy ngay. Nguyễn không đọc vội, chỉ giúi nó vào trong mảnh chăn cũ. Chàng liếc trộm nhìn Hòa. Người tình nhân vẫn ngủ. Nhưng, chàng không yên tâm, vẫn lấm lét nhìn nàng như một kẻ gian sắp phạm vào việc ăn cắp.

Nguyễn muốn còn lâu nữa mới phải đọc lá thư của bạn để lại. Bởi vì chàng biết trước rằng thư kia chỉ báo tin dữ, chứ chàng không tin nó sẽ đem lại lấy ti chút chuyện may mắn. Mảnh giấy ngòng ngoèo, nét chì viết vội vàng nằm im lìm trong mảnh chăn mỏng bao nhiêu, càng thêm vẻ nghiêm trọng của một bản án tử hình chờ đợi giờ tuyên đọc. Nguyễn ước gì tự nhiên nó biến đi mất, để chàng khỏi phải biết rõ sự thực và cứ được nằm như thế này mà mơ mộng. Cứ nằm như thế, để hết mộng thì ngủ chập chờn, để hết ngủ gà ngủ vịt thì lại mộng, muốn đến mấy giờ cũng được, càng lâu càng hay. Có bao giờ, người ta dám đuổi một quan viên sang trọng ra khỏi nhà hát? Dù ông khách tham lam muốn ăn vạ ở đấy suốt cả ngày. Nhưng Nguyễn phân vân. Thế ngộ các bạn viết lại dặn chàng rằng tiền hát chỉ rồi, họ vội phải đi sớm, họ không muốn phá giấc ngủ ngon của chàng và hẹn chàng trưa nay sẽ tìm họ ở một hiệu cao lâu sang

trọng nào, ngộ thế thì sao? Ừ, ngộ như thế thì chả "đẹp" bằng mấy mươi cái việc lười biếng nằm mãi ở đây ấy à! Có lẽ thế thực đấy. Xưa nay, thường thường vẫn thế mà lại. Cứ đêm hôm trước hát, thì sớm hôm sau phải đi ăn tiệm, chọn những vị thực ngon, thực bổ để lấy lại sức khỏe. Trăm lần, có lần nào sai đâu.

Vậy thì, tin vào điều phỏng đoán rất thi vị đó, Nguyễn nhẹ nhàng, đạo mạo, khoan khoái rút lá thư ra khỏi tấm chăn, và nâng thư lên ngang tầm mắt.

Thư chỉ có độ hai dòng. Một đứa trẻ mới tập đánh vần quốc ngữ đọc có chậm lắm, cũng chỉ mất độ một phút. Nghĩa là, với Nguyễn thì chỉ thoáng một giây là chàng hiểu thư kia định nói cái gì rồi. Đây, ruột thư soạn cộc như thế này: "Cháy rồi. Hai tay nắm can đảm cho vững. Cứ nằm đấy. Chúng tao sẽ phá vòng vây cho mày. Cần nhất là bình tĩnh."

Nguyễn không hốt hoảng; lặng lẽ, chàng lại giúi bức thư vào chăn, và từ từ nhìn về phía đào Hòa... Chàng đã từng sống những phút oái ăm còn nguy hiểm gấp mấy thế nữa. Sự kinh nghiệm trong cảnh nghịch giữa lúc biến, đã dạy chàng không nên thắng thốt trước một việc đã xảy ra. Hốt hoảng không dẫn người ta tới đâu cả. Chỉ tổ "vỡ lọ cổ" thôi. Chàng rất bình tĩnh. Đấy là cái đức lớn của những người đã từng sống một cuộc đời mưa gió. Chàng lấy làm giận bạn mình dám chê mình hèn nhát hay sao? Hà tất phải

dặn thêm mình nên bình tĩnh. Cố nhiên, lúc này phải bình tĩnh. Nhưng điều mà người ta cần biết là cái kỳ hạn của sự bình tĩnh. Thế thôi. Nguyễn tin ở tài làm quỷ thuật của mình. Nhiều phen, chàng đã có dịp không cho lộ lên nét mặt những ngọn sóng vỗ mạnh trong lòng chàng. Nguyễn nhặt cái gương bầu dục nhỏ nhắn của nhân tình, đánh rơi trên nệm và nheo mắt lại, chàng soi mặt một cách kỹ càng. Với phản ảnh bộ mặt lạnh như tiền, có thể làm chán nản những người hay tọc mạch đến tư tưởng người khác, chàng mỉm cười như chấp cả ông thánh sư cô đầu đọc nổi được vui, lo, buồn, hờn, bực trên mặt mình. "Ông đố chúng mày đấy". Chàng tự nói như vậy. Không sợ hãi gì cả, chàng bằng lòng quên hẳn bức thư rơi. Nhưng, có một điều chàng không dám quên: là từ phút này, chàng phải cẩn thận từng câu nói, dè dặt từng dáng điệu, săn sóc đến từng khóe cười. Chàng không dám coi nhờn cái vai tuồng bắt đầu sắm. Sắm cái vai "vào trong nho nhã, ra ngoài hào hoa" để gây tín nhiệm với nhà hát, kể ra thì cũng nặng. Thứ nhất ở một tình thế này. Nhưng Nguyễn lấy thế làm chỗ tự cao tự đại của mình. Chàng tin đấy là một bản tính của con người ta đem góp với hội tài tình. Chứ cha mẹ chàng có khi nào dạy con học lấy những trò quái quỉ ấy.

Bên cạnh Nguyễn, Hòa đã cựa mình rồi mở mắt. Hòa trân trân nhìn, như muốn hỏi ai xem đây là

nơi nào. Có khác chi một bà Công chúa tỉnh giấc mơ ở giữa rừng sâu. Với một giọng nói khàn, Hòa hỏi Nguyễn bây giờ là bao giờ.

- Chừng bây giờ là mười giờ.

- Chết chửa, chúng ta ngủ trưa quá. Thế Nguyễn không phải đi làm à?

Biết người nhân tình một đêm của mình là tầm thường, Nguyễn không trả lời. Chàng thở khói thuốc như một người vô sự, để cả bao nhiêu tình tứ vào một cái nhìn. Chàng lặng thinh nhìn Hòa ngáp, ngáp không cần lấy bàn tay che kín miệng. Cái lặng thinh kia, ngụ ý khinh rẻ. Cái tình tứ kia như bảo nàng rằng ta làm ăn lúc nào chả được và có cần gì phải đi làm. À, thế ra cứ đi làm thì mới đủ tư cách đi chơi hay sao? Sao mà lắm chuyện mâu thuẫn thế? Người ta đã điêu đứng vì trót làm tay chơi, lại còn bắt người ta làm người đứng đắn có địa vị, ai mà hiểu nổi. Bực mình lắm! Sốt ruột, Nguyễn quẳng mẩu thuốc xuống góc sàn và càng lấy làm bực mình thêm, tự hỏi sao nó không rơi đánh thuỳnh một cái cho hả cơn giận của mình. Nhưng, vụt nhớ lại vai trò của mình, tưởng đến cảnh con kiến bò miệng chén hay con cá nằm trên mặt thớt, chàng làm bộ tươi cười ngay. Nguyễn không có quyền giận dỗi lúc này. Nhích lại gần Hòa, chàng thỏ thẻ:

- Em ngủ nhiều quá. Anh "vô phước" gặp người vô tình.

Hòa, nũng nịu:

- Anh nói dối. Các anh ấy nghe thấy, cười chết mất.

- Ồ, anh đùa sao? Em ngủ như chết. Thế em có biết gần sáng mưa to lắm không?

Nguyễn tự nhủ mình đã hớ trong câu nói. Nói xong chữ "mưa", nhớ đến các bạn đã bỏ về, liên tưởng nhớ đến một tiếng lóng của bọn "Càn Long" hay hát quyt, chàng vội chữa:

- Thế em có biết lúc gần sáng, trời không... không tạnh không?

Hòa rúc vào nách Nguyễn cười sằng sặc, cười như một thiếu nữ sung sướng ầm ỹ khi đố người nhân tình ngây ngô rằng ông trăng của nhà ai. Hai người hôn nhau. Nguyễn lấy khăn lau má. Hòa giằng khăn, soi lên ánh sáng, cười.

- Mình có thấy dấu sáp đỏ? Để đây Hòa giặt cho. Kẻo về, chị bắt được thì tội cho nhau lắm.

Một vú già bước lên cầu thang. Cái u già cũ kỹ, có tuổi này, xem chừng đã quen trông và nghe thấy cái đú đớn khiêu dâm trong nhà hát, không lấy làm ngượng nghịu, cứ quanh quẩn lom khom quét ở chung quanh giường Hòa, Nguyễn. Để cho người ta mất hứng, mất tự nhiên, phải thét:

- Người sao mà vô ý thế. Chốc nữa quét thì ôi mất rác hay sao?

U già cười một cách tinh quái:

- Thưa cô, mời cô xuống xơi cơm. Con đã dọn xong rồi.

...Còn lại một mình Nguyễn nằm trong giường. Nhà gác không có một bóng người, trừ chàng ra. Chàng rón rén đi lại phía mắc áo, kiểm điểm lại túi áo. Thì chỉ còn có đúng hai hào chỉ. Chàng lẩm bẩm:

- Sao chúng nó không lấy hết cả cho mình nhờ luôn thể. Mình nhớ còn gần đồng bạc hào kia mà. Quân bất nhân thực, nó không biết rằng mình nằm đây, cần phải có đồng ra đồng vào hay sao. Ai chả biết, chúng nó lấy tiền để trả những "cuốc" xe giờ. Nhưng, lúc nào xoay được tiền, sẽ trả luôn cả tiền xe có được không? Hai hào còn lại, làm được trò trống gì? Chúng nó dặn mình nên bình tĩnh. Bình tĩnh với hai hào! Ông cho, không giả "giơ" thì lại hiện nguyên hình cho mà bó mẹ cả lũ bây giờ.

Nguyễn cầm đồng hào ván giận bạn muốn vứt nó qua cửa sổ. Cho nó trần, thì trần không một xu luôn thể chứ hai hào thì làm được cái thá gì ở một nơi chỉ lấy tiền ra ma rầy. Tuy nghĩ thế, nhưng Nguyễn vẫn cứ cầm đồng hào ván tiến lại phía bục còn lù lù cái bàn đèn. Chàng đặt hào vào lòng khay, bưng khay lại giường tây, nằm lăn đùng ra cạnh bàn đèn. Nhìn ngọn

đèn cháy như ngọn đèn thờ, Nguyễn nghĩ ngợi nhiều. Nghiêng, nghé hai vỏ hộp thuốc đồng còn lổng chổng trong lòng khay, chàng mừng rỡ khi thấy nửa hộp còn nguyên. Chàng không ngờ, ở đây, người ta còn thực thà đến như thế. Từ khi có nhà hát đến giờ, có mấy khi ông kép nghiện trong nhà hát tha không đánh cắp thuốc bỏ quên ở bàn đèn. Tiêm một điếu thuốc đã, rồi muốn gì hãy hay. Nuốt nước bọt, đau cổ, chàng lại cảm thêm thấy miệng đắng và chát lắm. Trong cảnh vắng vẻ nhà hát, chàng với ấm tích tu đánh ực một ngụm. Có ai đâu mà cần lịch sự. Hút đến điếu thứ ba, đèn hết dầu. Nguyễn nghỉ tay tiêm, vắt tay lên trán, nằm thườn người ra để nghĩ đến sự đời và nghĩ ngay đến chuyện đêm qua. Đêm qua, một đêm mưa bão, không sợ dây điện có thể quấn vào người, Lưu và Hoàng và chàng đã đi ngay bên cạnh cái chết, - chỉ cách độ một hai thước tây - trong một phút cao hứng hành lạc. Bây giờ, chàng mới hối hận; một phút mua vui trị giá đắt quá. Tính ra mà xem: hiện tiền mặt hôm qua chàng bỏ ra thật đúng năm đồng bạc. Này, ăn hiệu mất một đồng và một đồng cho mấy thằng xe; này, một đồng cho các em ăn síu-dề; hai hộp thuốc ty và vặt vãnh, đúng hai đồng nữa. Năm đồng ấy, có cô đầu trông thấy, chứ chàng có bịa đâu! Chàng cũng hơi hả trong tâm vì dù sao, người ta cũng còn nhận ra chàng không đến nỗi không có một xu nào cả. Năm

đồng bạc, có thể đóng một cuốn sách bìa da màu thật đẹp, gáy mạ chữ vàng, bỏ vào trong hộp cẩn thận, để vào cái tủ kính ở buồng học thì còn gì trong sạch, thơm tho hơn nữa. Thế mà đem tiêu một cách kiêu sa như đêm qua, chàng thấy chàng có một luân lý đê hèn quá, và đứng lên làm quan tòa, chàng tự muốn bỏ tù chàng. Như thế thực không oan một tí nào. Chàng không muốn chống án nữa. Mà đã tiêu dại dột như thế rồi, ba thằng cùng đi chơi với nhau vẫn không được ra về cùng nhau; vẫn phải ký lại một mạng người ở đây như kiểu các ông Hoàng nước chư hầu bị buộc gởi làm con tin. Nguyễn tưởng tượng, thấy rõ cả cảnh khuất nhục, khổ sở của hai bạn Lưu và Hoàng đang sục sạo long lở cả Hà Nội để chạy tiền chuộc mình. Chao ôi! Điếm nhục chưa! Nếu chúng nó xuống sớm trước khi xóm bật đèn điện thì còn khá. Độ tám giờ các ông ấy mới vác mặt xuống thì lại bỏ mẹ một chầu hát nữa thôi! Cái lối đi chơi xưa nay vẫn vậy mà. Đã vấp, thì vấp mãi. Vướng một đêm hát, băng bó, hàn gắn mãi chưa xong, nhiều khi phải tiếp thêm một đêm nữa. Kẻ lương thiện làm ăn, có mấy khi chịu hiểu đến nỗi thống khổ này. Họ chỉ biết chửi những thằng bê tha thôi.

Trời sớm nay hơi lạnh. Thế mà mồ hôi chàng toát ra, đẫm cả manh áo và chiếc quần nhiễu của Hòa cho chàng mượn. Nghĩ mà xót xa trong lòng. Thứ mồ hôi

dính nhem nhép như dầu đặc, là cái thứ mồ hôi của những đêm thức trọn năm canh để cho hư hỏng sức khỏe bằng việc hút thuốc phiện, để cho đói rồi ăn cho bụng phải ỳ ạch, cái thứ mồ hôi ấy vẫn cứ rỉ rỉ tiết ra tụ lỗ chân lông. Nguyễn thèm thuồng nghĩ đến một buồng tắm, thùng nước trong vắt không có mùi, và khăn lau không có một vết bẩn. Nguyễn lại nghĩ đến cái giường con ở nhà. Những chăn và nệm và gối ở nhà, chúng nó rất trung thành với một thứ hơi người nhẹ nhàng. Cái hơi của chàng. Còn như ở đây, các thứ vải lụa kia đều có những mùi khả nghi lắm. Nguyễn tự nguyện rằng ra khỏi nhà hát, sớm được phút nào là chàng phải nhẩy tùm ngay vào thùng nước thực thà ở nhà để gội, để tắm rửa, rồi đánh răng, cắt móng tay móng chân. Rồi chàng sẽ bôi nước cô-lôn, thay bộ quần áo ngủ mới, nhịn không ăn buổi tối cho nó nhẹ nhõm bớt cái hình xác bỉ ổi đi.

Mồ hôi vẫn chẩy ròng ròng. Giữa cái tịch mịch của nhà hát vắng người lúc ban ngày, Nguyễn nghe rõ mồn một tiếng dội của từng giọt mồ hôi rơi lộp độp xuống nệm cói! Tiếng đó đã vang hưởng trong đầu chàng, trong lòng chàng. Óc chàng rỗng không, lòng chàng cũng rỗng không, Nguyễn đã dám nằm im. Như tính từng hơi thở một, Nguyễn dè dặt từng cái cựa mình. Trong một phút, hồn văn chương đã tới viếng chàng giữa cảnh nghèo nàn của xác thịt. Nguyễn nhớ

lại câu của André Gide viết, mà trước chàng cho là vô nghĩa nếu không là lập dị. Gide nói: "Tôi chưa thấy thứ rượu nào làm cho tôi say sưa bằng cái đói". Bây giờ, chàng mới biết cái say sưa của cái đói. Chàng kết luận: không từng trải cuộc sống, đọc văn, đọc sách, bỏ phí nhiều cái hay lắm. Đêm qua hút thuốc phiện, sớm nay không điểm tâm, bây giờ lại hút thuốc nữa để bỏ luôn bữa cơm trưa, thì khỏe đến như vâm cũng cứ gục. Nguyễn tin rằng, một ngày hôm nay, chàng già hẳn đi mười năm. Ở nơi cằm ngứa ngáy, rậm rạp, chàng đưa tay rờ thấy một thứ râu mọc kiểu "một lí ông cụ". Chàng tưởng mặt mình xấu lắm. Cái gương con bầu dục ở đầu giường vẫn mời Nguyễn cầm mà soi mặt. Chàng rùng mình. Nét mặt chàng lại càng dăn dúm thêm.

Phía thang gác, có tiếng guốc người. Nguyễn vội vàng, gò lại bộ mặt mình cho tử tế, tập cười thử một cái. Chàng không muốn cho một ai thấy rõ cái rời rạc của mình. Hòa bước lên, nhoẻn miệng cười như một người suốt đời sung sướng, hất hàm hỏi chàng:

- Mình ăn gì bảo u già đi mua. Hòa ăn cơm xong rồi.

Thấy nhân tình nói đến chuyện ăn uống và giục mình ăn, chàng càng thấy ruột mình xót như có một lưỡi cày đang xúc, cậy từng tảng thịt đỏ tươi màu máu và trong ấy đang bừa bãi bao nhiêu tàn phá của tì vị.

Bụng chàng nóng, người chàng háo và những tiếng sôi bụng càng nổi lên ầm ầm. Chàng cố gò lấy nét tươi tỉnh, nuốt ực nước bọt, dõng dạc bảo Hòa:

- Em gọi u già lên đây.

Hòa nhảy xổ vào lòng Nguyễn, nũng nịu béo má chàng. Nguyễn một tay vuốt tóc người yêu, một tay đưa cho u già đồng hào ván cuối cùng.

- U, mua cho tôi gói thuốc lào, bao diêm nữa. Và mấy xu đường. Còn một hào, đãi u ăn trầu thuốc.

- Thế mình không ăn gì à! Hòa nói.

- Không, thường ở nhà, sau hôm thức đêm, anh không dám dùng bữa cơm trưa. Chỉ uống nước trà pha đường thôi. Để cho nó nhẹ trong người. Không tin, em thử mà xem.

Uống xong ấm trà đường, Nguyễn lại vội ra giường tây nằm. Chàng càng ngồi càng thấy đầu nặng và mắt trông đủ ba mươi sáu ngọn nến. Xương sống như nhũn ra. Hòa cũng theo Nguyễn vào màn. Không phải để ngủ trưa, nàng chỉ muốn quấy Nguyễn. Vừa rồi, Hòa ăn nhiều thịt, uống mấy chén rượu, thấy trong người rạo rực nhiều. Mặt Hòa đỏ bừng bừng, mắt lấp lánh. Nàng thực có bộ mặt của người con gái đi xin lửa bên hàng xóm. Nàng nói với Nguyễn những câu êm ái mà nghe tới, người ngu đến đâu cũng phải hiểu rằng họ yêu nhau đã đến lúc không giữ gìn gì nữa.

Riêng Nguyễn lấy làm buồn rầu. Chàng biết mình chỉ là một thân thể gầy rừ. Và chàng đủ tư cách để ốm liệt giường, liệt chiếu, nếu chàng còn nghe theo tội lỗi, nhận lấy những đặc ân cuối cùng của Hòa. Nhưng lúc này, chàng phải làm ra người ngoan ngoãn, chàng cần phải gây cảm tình với mọi người trong nhà hát. Thứ nhất là khi người đó lại là Hòa, một người có thể đứng về phía chàng, nếu, đánh dấu cho một ngày nhục nhã này, nhiều tai biến khác còn xảy đến nữa để tố cáo chuyện tâm sự của chàng. Trên gian nhà hát vắng vẻ, thôi thì Nguyễn cũng đành liều. Cầm bằng như đã ốm rồi. Rồi Hòa và Nguyễn nằm sõng sượt như hai xác chết. Một kỷ niệm thấm thía đã đánh dấu cuộc gặp gỡ của hai người. Nguyễn mệt mỏi quá, thiếp giấc. Mặt trời xế bóng đã dọi những ánh nắng quái xuống một khuôn mặt mồm há hốc và một thân thể nhễ nhại mồ hôi. Và những giọt mồ hôi đó cứ tuần tự rỏ xuống đệm, như kiểu giọt nước chiếc bình đồng dùng đo thời khắc ngày xưa.

Tiểu thuyết thứ bẩy số 234 (19-11-1938)

NHỮNG NGÀY NHẠT NHẼO

(Tuỳ bút)

Một buổi chiều thu.

Đứng tựa bao lơn, Nguyễn nhàn sầu.

Tuy sống ở giữa thành thị, nhà cửa sát khít nhau thường chỉ cho người ta thấy từng mảnh trời thôi. Nguyễn, chiều nay, cũng cứ hỏi mây, lắng gió và nếu có thể được thì chàng muốn tọc mạch luôn cả đến cái bí mật của một chân trời. Nguyễn tưởng như mình đứng ở giữa cánh đồng không, tầm mắt không bị vật to lớn chung quanh giới hạn và, trong phút lặng thinh, chỉ nghe thấy tiếng động của các lớp không khí giao nhau. Giá lúc này, được trơ trọi một mình ở khoảng rộng rãi của cánh đồng bằng, thì chàng đã yên chí được hoàn toàn ăn nhập vào cái quạnh hiu của tự nhiên. Để mà triết lý theo kiểu người tu hành, rằng cái gì vốn có ở đời này đều là không cả. Không cả, đến

cả cái giờ phút mà Nguyễn đang thấy máu chảy trong người mình theo một luật tuần hoàn sinh lý.

Tì sát mình vào vòng sắt uốn hoa nơi bao lơn, Nguyễn nhìn kỹ xuống hè đường lát si-moong. Chàng tự hỏi sao chàng lại thừa thời khắc để, trong phút này, đếm rất công phu xem hè đường trước nhà mình có bao nhiêu ô vuông. Và cũng nhờ sự tỉ mỉ không chờ đợi đó, Nguyễn được biết khoảng bờ hè trước nhà có tất cả 80 ô vuông. Tưởng trong lúc nhàn, đếm qua 80 ô si-moong kia xong thì thôi, chứ ai biết đâu cái ô thứ mười, bên phía tay phải còn làm bận óc Nguyễn đến một lúc lâu.

Ở đấy, một đám hoen mầu đỏ cành cạch đã nhuộm sẫm chất si-moong. Biết trước việc mình sắp làm là một việc quan sát, phỏng đoán không có lợi ích, không dính dấp đến việc gì, không dẫn đến một thành tích gì, Nguyễn vẫn cứ vơ vẩn xây rất nhiều ức thuyết lên trên cái vật đỏ cành cạch hoen ố dưới hè đường. Đấy là vết tích một cuộc đâm chém mà gió mưa chỗ phồn hoa chưa gột sạch? Đấy là hình ảnh một cảnh sẩy thai non tháng giữa một đêm vắng vẻ ở một vỉa hè lạnh lẽo, mở đầu cho một cuộc đời rất bừa bãi về sau này, nếu tình cờ của hậu thiên còn cho cái hòn máu vu vơ đó đậu làm kiếp người. Hay đấy chỉ là một bãi quết trầu của một mụ đưa người ở, trong lúc nói xấu đám

chủ nuôi người, đã nhổ toẹt xuống mặt đường để điểm xuyết cho lời mình nguyền rủa bọn trưởng giả?

Nguyễn tự cười mình đâu có phải là một tay trinh thám, hơi đâu mà đi hỏi thăm những cái dấu vết mà cuộc sống rất phức tạp có thể tha hồ in lên trên mọi vật. Nguyễn thấy mất thời giờ, bực mình, đã vứt mạnh tàn thuốc xuống hè đường. Chiều hôm xám ngắt đã bắt đầu. Điếu thuốc rơi xuống mạnh, làm bắn những tàn lửa đỏ trong khoảnh khắc. Tia lửa bị tung lên, lúc rớt xuống lại rớt ngay vào đúng cái ô si-moong có vệt đỏ hoen màu cành cạch.. Miếng gạch hoen ố trở nên một ám ảnh.

Nguyễn định quay vào.

Gió chiều hôm thổi mau và lạnh hơn. Nhưng một đám đông người đi qua phố đã giữ chàng ở rốn lại vài phút nữa. Vì cái vẻ túi bụi của họ đã làm bận mắt chàng. Vả chăng đấy cũng là một phong tục mà Nguyễn nhiễm phải đã mấy năm nay. Đứng trên cao trông xuống đám người thiên hạ là một thói quen mà chàng không muốn cởi bỏ vì một lẽ gì. Ngoài những lúc bị sách đọc làm cho lòng chàng thắc mắc, hay là bài viết làm chàng bận bịu nhiều về ý nghĩ, cái thói quen này đã bao lần đem lại cho Nguyễn một giải trí có ý nghĩa. Và lại không mất tiền nữa. Những lúc đứng trầm ngâm ngắm cái dòng sinh hoạt chảy ở dưới chân mình, không phải tưởng đến phút, đến giờ, kéo

dài được đến chừng nào càng hay chừng ấy, Nguyễn tin đấy là một cách để trả thù cái triền miên của thời gian. Nếu ngày tháng cứ lặng lẽ, lạnh lẽo trôi đi không bao giờ biết mỏi mệt thì chàng, chàng càng tin cái lối hoang phí thời giờ của mình trên một chiếc bao lơn là phải lắm.

Nguyễn nhìn người ta xô nhau, chen nhau, thúc nhau, muốn vượt nhau ở dưới đường phố. Người nào cũng vội vàng cả. Họ đi bộ mà thành ra chạy. Ồn ào quá. Họ vô tình đã đánh thức cả một lớp bụi dày phủ trên đường, một lớp bụi bao giờ cũng chỉ muốn nằm im đừng ai quấy phiền đến. Ý chừng mỗi người trong khi hấp tấp đều tin rằng, trong đời họ, họ bị chậm trễ mất mười hay mười lăm phút và bây giờ đi cho nhanh để vớt vát lại. Hình như nhân loại bận rộn, nhộn nhịp, tới tấp cả lên vì có nhiều người sống chậm mất mười hay mười lăm phút. Và trong cuộc sống, người ta phải đi cho nhanh để đền bù cái thiệt thòi đó. Nguyễn muốn giảng cho bọn người xô chạy dưới kia cái triết lý của lữ hành. Người ta vốn đi từ một chỗ có để đến một chỗ không. Một ngày kia, người ta sẽ đi tới biên giới của cõi hết. Những người sống chẳng sớm thì chầy, đều gặp nhau ở cõi hết cả. Thế thì việc gì mà phải tíu tít lên như lũ chúng sinh gặp tuần cúng cháo. Vội vàng thì cũng đến một cõi buồn rầu, mà chậm chạp thì rồi cũng phải tới được cái cõi đó.

Chúng ta chỉ là một cái bóng hiện ra giây lát trong cuộc sống, rồi lại lu mờ ngay. Chúng ta chỉ là một tiếng vang vẳng kêu trong một buổi yên lặng để lại tàn cái dư âm trong một buổi yên lặng.

Đi đâu vội mấy? Hỡi ai ôi!

Nguyễn muốn phân tích từng bộ mặt khách qua đường. Nhưng người ta đi nhanh quá, nhanh hơn cả cái sức nhanh ghi nhận của cặp mắt chàng. Bóng dáng người bộ hành thứ nhất chưa đủ thời khắc để in hình lên phiến kính ảnh trong lòng mắt Nguyễn thì, như không cho nhãn tuyến nghỉ ngơi, người bộ hành thứ hai đã kéo luôn cả người thứ ba, thứ tư v.v... cùng lướt qua một lúc. Đứng trên cao nhìn xuống người ta chen chúc trong bụi lầm, Nguyễn bỗng choáng váng cả người. Óc chàng mệt mỏi. Chàng nhận thấy điểm mặt những người không quen biết vừa đi qua, lại còn mệt não hơn là đọc phải một trang sách tối nghĩa.

Nguyễn lui vào, ném mình xuống mặt giường, duỗi thẳng hai tay, dạng hai chân, theo hình chữ đại. Chàng muốn ngủ được ngay để lúc thức giấc dậy, sẽ có một bình tĩnh trong tâm hồn. Mắt nhắm chặt, chàng chỉ thấy những tia lửa nhảy múa như một đàn đom đóm rước đèn trong cái tối tăm dài dằng dặc của nghĩa chủng. Nguyễn làu nhàu, cựa mình. Sự lười biếng cố gây cho thân thể vẫn không giải thoát nổi bận rộn cho một khối óc. Cho được thư thái, chàng

muốn bắt chước kiểu nhà sư kia nhập định. Chàng nhắm mắt, xuất toàn lực ra tự thôi miên mình, để quên hẳn cái bản thể của mình, để không nhớ là mình có. Nhưng cái khối óc bị kích thích, lại càng làm việc dữ dội. Thành thử muốn tự quên, mà chàng lại đâm ra nhớ nhiều. Nhớ tới mình xưa kia là thế ấy, bây giờ là thế này; nhớ tới chuyện trước, nỗi chán chường biết đến bao giờ mới hết? Chuyện trăm năm cũ bây giờ lại có dịp để thức dậy. Rồi, con đường xa, những nghĩ sau này mà kinh.

Ấy, trong đời Nguyễn, có những ngày lôi thôi như vậy. Lòng Nguyễn trong lặng như một khối nước đánh phèn, thế mà bùn kỷ niệm tự nhiên ở đâu kéo về, vẩn lên, làm đục lầm cái phút hiện tại. Thế rồi, không ai nỡ đuổi, không ai có can đảm đuổi, cái êm ả bỏ Nguyễn mà đi. Thừa dịp trống rỗng của tâm hồn, bao nhiêu cái rối reng đã lẻn vào lòng chàng một cách không chờ đợi. Ấy thế là trong một ngày đó chàng đã biết tới sức nặng của đau thương. Một thứ đau thương vô ích, tiêu cực. Một thứ đau thương không đủ dẫn người ta vào trường phấn đấu. Nhưng nó thừa sức để làm người ta thành một kẻ vẩn vơ với những tư tưởng đen ngòm. Bị giam hãm trong cái vòng tròn không hở mối gỡ, thật người ta không biết làm gì nữa. Trong những lúc dở dang không no, không đói, không ra thức mà cũng không ra ngủ, tâm hồn bị chia xẻ ra

nhiều mảnh không đều, thớ thịt người ta buồn đến tê rức cả xương tuỷ. Muốn làm một cử động gì để chấm dấu hết cho triền miên đáng ghét đó, thì người ta chỉ thấy mình không có định kiến. Và do dự không thỏa đáng. Không biết làm gì, người ta càng phải nghĩ không biết nên làm gì để tự giải thoát.

Nguyễn láu lỉnh, tự nhủ muốn tìm giải quyết cho tình cảm đang trải qua khủng hoảng, không gì bằng tự gây lấy cho mình những ảo tưởng về sung sướng. Chàng cố tạo lấy một cảm giác hoan hỉ.

Chàng giầu tưởng tượng, bèn vẽ vời ra những khoái hoạt mà có lẽ chàng không bao giờ hưởng được ở sự thực. Muốn cảm giác mình được mạnh hơn, chàng nhớ hẳn đến những chuyện rất vui đẹp đã từng đánh dấu cái đời cười ít tẻ nhiều của chàng. Chàng lại phóng đại những ký ức đó. Nhưng than ôi! Cái thông minh của chàng đã không cho chàng bị chàng lừa dối. Với sự canh gác chặt chẽ của trí tuệ, Nguyễn không có thể mê lú được. Óc thông minh vẫn nhắc cho chàng nhận thấy chàng chỉ là một người vốn có từ trước đến giờ để làm quen với đau khổ mà thôi. Và vẫn như bao giờ, hơn hết cả bao giờ, sự sung sướng đó chỉ là một bịa đặt tự chế ra để dối mình, để dử mình, để giữ mình trong cuộc sống.

Nguyễn tự hứa hẹn với mình một hạnh phúc rất giản dị, rất nhũn nhặn. Thế mà không xong đấy. Mặc

dầu chàng có tài, có duyên, có sức khỏe, có kiến thức, mặc dầu chàng đã phải hi sinh bao nhiêu tự ái, bao nhiêu độc lập của tinh thần.

Trong phút này, nằm trên giường, Nguyễn đang làm một việc ngoài ý định của chàng. Ô hay! Nghỉ ngơi mà sao lại thành ra nghĩ ngợi? Thật là nghiêm trọng quá. Thật là nguy hiểm quá. Cái thân thế chàng dựa vào cái quyền gì mà căn vặn chàng dữ lắm vậy? Ấy, quên được lúc nào thì không sao, chứ nhắc nhỏm đến thân thế thì chàng chỉ thấy đời mình là một diện tích trát hắc in rất rộng rãi. Cái màu đen đó không những nhuộm thẫm đời chàng mà lại còn giăng màn tối lên đời những người quen biết chàng nữa. Cái chỗ này đáng buồn nhất. Vì những kẻ kia bị lụy, đã đầu độc đời Nguyễn bằng trách móc không ngừng.

Buổi chiều hôm nay khô. Buổi chiều thu nay hanh quá. Những nguyên tố của mọi vật suy mòn, tự huỷ hoại bay vung trong không khí. Chúng nó giòn và dễ mủn ra thành nhiều hạt bụi bay hỗn độn trong bầu trời. Một âm thanh buông thõng vào không khí này sẽ xô mạnh những bụi giòn. Rồi một vang hưởng sẽ vẳng sâu trong lòng người thiu ẩm.

Một tiếng kêu rất khô, rất ngắn, rất gọn như tiếng gỗ co xé thớ, đã làm Nguyễn giật mình. Tiếp tiếng đó, một điệu kim thanh rất mau đã làm rung cả một mớ tơ lòng. Nguyễn nhìn chung quanh phòng như hỏi

từng cái con con trong tĩnh vật. Thì ra cây đàn nguyệt đứt sợi dây nhỏ. Tiếng kêu đanh quá, giòn quá. Trong một căn phòng vắng vẻ, tiếng dây tiếu của cây đàn nguyệt đứt, làm cho Nguyễn thảng thốt như người thoáng nghe ma quỷ vô hình gọi rõ tên mình, chòng ghẹo mình như trong truyện *Liêu Trai.*

Nguyễn hỏi thăm từng bức tường, từng khung cửa. Vốn là một người không đủ can đảm để băng mình qua một cánh rừng khuya chẳng hạn, thế mà sao đêm nay Nguyễn lại còn mong mỏi ở sự hồ hay quỷ xuất hiện ra trong gian gác vắng vẻ? Chàng thành thực chờ đợi hồ tinh hiện hình. Chàng tủm tỉm cười khi nghĩ đến những phút giao hoan giữa một người của dương gian và một linh hồn của âm phủ. Rồi chàng ước ao được xem lại ngay tác phẩm của Bồ Tùng Linh. Chàng muốn thưởng thức lại cái không khí ma quái của một cuốn truyện kỳ dị. Chàng nghĩ: "Ta bằng lòng làm cái anh thư sinh muôn năm trong *Liêu Trai* để suốt đời làm bạn với hồ ma. Ta bằng lòng quanh quất với yêu khí ấy".

Tưởng chừng như *Liêu Trai* là một cuốn sử chép việc của một nhà, một họ, chàng có ý xót xa đến tình tha thiết của loài hồ. Hồ quỷ có thể yêu người ta một cách trung thành đến thế kia ư? Nếu vậy thì ra trong tình trường, cõi âm nhai còn cho người ta một địa bàn tốt lành để phụng sự ái tình. Trong đầu chàng đang

hiện lên một hình ảnh mỹ nhân tha thướt, chân đi không sát đất, hơi thở phào phào, lúc bước thì hai tay vẫn xoè đẩy ra đằng trước như một người mù dò đường. Và ở người, bao giờ cũng tiết ra một hơi băng làm đông đặc, tê cóng cả những dương khí chung quanh. Nhưng khi nhớ đến chuyện hồ quỷ ôm ấp người cõi dương, bòn rút hết tinh khí, làm cho bao nhiêu thư sinh trở nên phế nhân gầy còm, ẻo lả, xanh như tàu lá, khô như nắm xương cải táng, Nguyễn hơi rờn rợn. Rồi chàng sợ.

Giữa phút sợ hãi, một tiếng nổ đánh đùng làm chàng giật bắn mình lên.

Chàng như bị điện giật. Và trong hốt hoảng, chàng chạy vội lại cầu chì bật đèn sáng trưng. Chàng ngơ ngác nhìn. Không có một sự gì khác cả. Hay là chàng mơ ? Có khi nào. Cặp tai chàng vốn thính lắm. Xưa nay có khi nào, cặp tai ấy nghe hỏng, nghe sai hay nghe lầm một tiếng gì đâu. Rõ ràng vừa rồi có một tiếng nổ mạnh mà lại.

Cũng nhờ cái ánh sáng ấm áp của đèn điện, nếu không thì chàng sợ lắm, sợ co quắp cả người như một đứa trẻ thấy ma. Không tìm được nguyên uỷ tiếng nổ, Nguyễn lấy làm băn khoăn, bực bội vô cùng.

Lòng phấp phỏng giày vò, Nguyễn lấy mắt tìm trong phòng xem có thấy sự thay đổi gì. Người chàng hơi lạnh. Rồi thì, một luồng cảm giác ngây ngất chạy

qua thân thể. Người chàng bắt đầu nổi da gà. Chàng muốn sốt rét.

Một vật lùng bùng ở đầu sợi dây buộc vào đinh treo ở tường đã giữ tầm mắt chàng. Chàng tiến lại gần.

Ồ, khôi hài thay. Ra cái quả bóng cao su mỏng treo ở đây vừa nổ. Có thế thôi, mà nó làm chàng sợ sệt. Chàng còn nhớ quả bóng đỏ này mua ở Hội chợ hôm nọ, cầm về định cho đứa con một người bạn. Bóng bơm căng quá, gặp trời khô, đã vỡ. Phải rồi, ra cũng chỉ vì trời khô, mọi vật co dãn khác thường mà ban nãy dây đàn cũng đứt.

...Nguyễn quên hẳn chuyện thân thế, chuyện tình với hồ quỷ. Lòng chàng hơi thư thả. Nhưng chân chàng đòi cử động. Nó muốn chàng đi một vài vòng dài. Chàng bèn mặc quần áo. Tưởng chừng như đi ra ngoài đường, chỉ có lượn mấy vòng phố vắng, không phải tới thăm viếng ai ở những nhà sang trọng, chàng không trau chuốt phục sức. Thậm chí đến đi cả giầy tây mà không mang bít tất.

Ra đến đường phố, chàng thấy hơi đói. Hôm nay đói sớm hơn mọi ngày. Có lẽ tại sức mạnh của cảm xúc vừa rồi đã cày nhiều nơi tì vị, nên mới cồn cào như thế. Nguyễn lấy làm sung sướng nghĩ tới một bữa ăn rất ngon lành, no nê, thừa thãi. Ít ra trong một ngày, phải có một việc có nghĩa lý như thế chứ. Chàng

định ăn một bữa cơm tây có rượu vang, ngồi nhẩn nha cấu từng tí bánh, thái từng mẩu thịt vụn, vừa ăn vừa uống, vừa uống vừa hút thuốc lá, vừa đọc báo vừa đọc những thảm kịch mà mọi thực khách trong tửu điếm đều có thể mang trên mặt họ một cách không tự biết. Rồi sau cùng, uống một tách cà phê đặc bỏ độ hai cục đường thôi và hút một điếu sì gà con con cho thơm miệng và giúp việc tiêu hóa cho cơ thể. Ở hiệu ăn ra, Nguyễn nhất định chỉ đi bộ thôi, để hít hơi lạnh đầu mùa thu và cho cặp chân được mỏi mệt. Lúc về tới nhà, sẽ lăn đành ra giường mà ngủ như một thiếu niên ngoan ngoãn, không bao giờ nghe thấy tiếng gọi của truy hoan, của thị dục, của ánh sáng ban đêm.

Thế mà dừng bước trước tửu lâu, Nguyễn bỗng ngang hẳn dạ. Chàng tự nhiên không thấy đói nữa. Thế có lạ không? Thế có đáng giận không?

Hay là tại chàng đã hưởng trước hết cả mọi khoan khoái của bữa ăn có tổ chức trong tưởng tượng mà chàng đã no nê mất? Nghĩ đến những món xào, rán hay quay có nhiều mỡ béo, chàng rùng mình, ngấy. Chàng đã ăn hết mọi hơi và hương thơm của món ăn rồi. Thế ra chàng là con ma?

Ừ, chàng cho nghĩ như thế còn có lý một tị. Chứ vừa rồi, trong một giây, một ý nghĩ đã thoáng trong óc chàng. Ý nghĩ đó không đủ là một cớ chính đáng để Nguyễn bỏ mất bữa cơm. Ý nghĩ đó không đủ căn

cứ để chàng nói dối thần khẩu. Không thấy muốn ăn cơm tây ở một hiệu đầy ánh sáng và khách sang, chàng ngờ hay là tại tối nay mình không ăn mặc tử tế và thứ nhất chỉ tại cái cổ chân không có bít tất? Không, không phải thế.

Chàng hằn học với chàng. Chàng cảm thấy cuộc đời sao trống rỗng đến thế? Nghĩ đến những thú xác thịt rất hạ cấp cũng không xong. Chàng không dại gì mà hòng trở về nhà để đọc sách. Những phút này, giở sách xem, càng đọc càng không hiểu một chữ gì. Và có lấy giấy mực ra viết, thì chỉ viết nên những dòng tối nghĩa mà thôi, cũng chưa chắc đã cầm bút nổi. Khi người ta không biết mình muốn gì, định làm gì, khi người ta không kiểm điểm được tình cảm và cảm giác của mình, khi người ta chỉ biết thân thể buồn rầu, thì không bao giờ người ta nên đem những giá trị tinh thần ra mà buôn bán.

Trời ơi! Thế thì Nguyễn biết làm gì tối nay?

Nguyễn mong có một mỏi mệt tàn nhẫn để ngủ vùi vào một góc nào, để luôn cả quần áo như vậy mà ngủ. Nhưng óc chàng vẫn tỉnh táo lắm.

Chàng đi tìm một cửa hiệu bào chế mua mấy viên thuốc ngủ rồi định đi xe thực mau về nhà. Nhưng hiệu thuốc tây đều đóng hết cả.

Nguyễn lang thang ngoài phố. Nhìn thấy nhiều người rời rạc, rải rác trên con đường đi, chàng cũng

ngờ họ đang sống những ngày không có giờ như chàng. Chàng chép miệng, nói chuyện với cái sương khói đêm thu nơi hồ Kiếm:

- Rõ ràng là một cuộc tự tử chậm, nếu những ngày trống rỗng như thế này cứ kéo dài và kết khít lại thành một kiếp người.

Tiểu thuyết thứ bẩy số 239 (24-12-1938)

VỀ QUÊ

(Tuỳ bút)

Thấy mấy người bạn công chức ở chung với chàng, chiều hôm nay, nhộn nhịp sai thằng nhỏ đến giục thợ giặt trả quần áo, đi mua bồ con, đặt bánh cốm nén, lau va li, Nguyễn vui mồm hỏi:

- Sắp đi đâu mà trịnh trọng thế?

- Về quê thăm nhà. Kỳ lễ này được nghỉ những hai ngày.

Nói xong, mấy người bạn chàng lại càng túi bụi sắm sửa lũ hành lý. Hình như họ cần phải sống nhanh những phút trước khi về quê nhà bao giờ cũng hồi hộp; tay họ gói ghém run lẩy bẩy và lòng cảm động làm cặp chân họ vấp đụng nhiều đồ vật đặt trong gian phòng rộng chứ có chật hẹp gì cho nó cam. Lúc này, họ gần như không biết có Nguyễn ngồi ở đấy nữa. Ở người họ, tình tha thiết đối với bạn mọi ngày, bây giờ đã đi vắng rồi. Trong tưởng tượng, có lẽ họ

đang vui sướng nghĩ đến cái êm ấm của một mái nhà ngói cũ màu nấp dưới lũy tre già ở một xứ quê kia. Và lúc họ xếp những gói quà vặt vào cặp da, họ đã hình dung đến những tiếng mừng rỡ của một người đàn bà hiền lành, của một đàn trẻ ngây thơ khi nhận được bấy nhiêu cái gói xinh xắn. Những cái gói quà gói ghém vuông vắn, có dây gai đỏ chằng lên giấy xanh đỏ, là những dấu hiệu một lòng nhớ trung thành của kẻ tha phương cầu thực đối với nơi cố lý. Họ vui sướng quá, thành thử họ có những cử động vô ý thức. Ai đời một cái cặp da ba bốn ngăn hẹp như thế, mà cứ đòi tấn hết vào đấy bao nhiêu hộp, bao nhiêu gói, không biết thương đến sức chịu đựng của vật vô tri, đã phồng cả bụng và sắp tuột cả đường dây khâu. Làm xong lũ hành lý, họ nhìn đồng hồ, thấy còn thừa nhiều thời giờ quá. Còn lâu mới lên đường. Họ không biết làm gì nữa, họ đành ngồi phịch xuống giường, và soát lại trong trí nhớ xem có thiếu vật gì cần phải mua thêm. Họ định ra ga và bến ô tô ngay. Biết còn sớm lắm, bến ô tô chưa có một linh hồn hành khách, và ngoài ga buồng phát vé cửa còn đóng kín, nhưng họ băn khoăn không chịu được. Họ ngờ đồng hồ chạy chậm chăng? Đứng phắt dậy, họ khoan khoái được đi ngay, không phải ngồi chôn chân ở một chỗ. Ngồi mãi đấy chỉ thêm bồn chồn trong người. Thậm chí, muốn giết thời khắc, họ mở một tờ báo hàng ngày ra đọc

cũng không xong. Những dòng chữ in cứ nhảy múa rức cả mắt Thần trí họ còn để vào những cái gì ở một chỗ xa xôi, êm đềm kia. Họ nhất định đứng dậy, quẳng tờ báo vò nhầu ra góc bàn và bảo thằng nhỏ bưng va li và những đồ vặt xuống xe. Họ mạnh mẽ nắm tay Nguyễn, nói một câu:

- Thôi, thà ra sớm còn hơn anh ạ. Lỡ chậm, hết chuyến xe cuối cùng, thì ân hận lắm. Đêm nay không về quê kịp, phải nằm ở Hà Nội thì không còn gì khổ sở hơn nữa. Chúng tôi ngày kia ra, anh ở nhà nhắc hộ thằng thợ giặt nhá.

Tiếng dội những bước chân nặng nề trên bực thang gỗ đã mất dần. Bây giờ Nguyễn thấy căn gác vắng vẻ như nhà có đám hiếu mà đám đã đi xuống nghĩa địa. Thớ thịt ở chân chàng, bắt đầu đâm ra tê buồn. Hình như chúng cũng đang đòi hỏi chàng một cái quyền gì. "Hay là ta cũng tổ chức một cuộc du lịch ngắn ngắn vậy. Chứ nằm khàn ở đây thì đến buồn thiu người ra mất". Nguyễn nghĩ như vậy rồi, bắt đầu làm việc ngay, chàng đang phác qua trong óc một vài chương trình du lịch còn con. Chàng định đi thăm một bạn nhà nho, về vùng quê ông ta đọc một vài câu thơ cổ, hoặc nghe ông ta nói chuyện giặc Cờ Đen. Nhưng, rồi cũng chỉ đến láo lếu vài câu chuyện phiếm và uống một bữa rượu. Những lối chơi như thế, ít lâu nay chàng không thấy hứng nữa rồi. Hay là về cái tỉnh

xép kia, thăm lại người nhân tình cũ mà đã lâu lắm chàng không nhận được tin tức gì. Nhưng, biết đâu, trong một thời gian xa vắng khá dài, lại chả có một sự biến cải trong tâm hồn người đàn bà nọ. Chàng nhớ lại một lá thư cuối cùng chàng viết cho nàng, cặn kẽ bảo nàng rằng yêu là khổ và thứ nhất yêu phải chàng, thì lại càng khổ lắm. Nghĩa là một lá thư dọn đường cho sự đoạn tuyệt giữa hai người mà trong một lúc bực dọc với số phận, chàng đã chẳng dè dặt lời. Từ ngày ấy đến nay, Nguyễn tịnh không nghe nói đến nàng nữa và chàng cũng không có một cơ hội nào để nhắc nhỏm đến nàng. Chàng tạm cho là cuộc tình duyên rất văn chương kia đã đi từ một chỗ có vào một chỗ không. Như thế là hơn. Yêu nhau là bận bịu, rồi lại hóa ra đèo bòng nữa thì sống làm sao cho vui được. Tự ví mình là thân phận một con ốc trong cuộc sống, chàng còn dám chi những chuyện cưu mang đến người khác, mặc dầu người khác đó là một người đàn bà đẹp, làm thơ rất hay và khuôn mặt hiền bao giờ cũng phản chiếu một thứ buồn rất "thế kỷ mười tám". Đã quên nhau được trong bấy nhiêu ngày, tìm cái nhàn cho tâm tưởng trong cái quên, đã quên nhau được mỹ mãn như vậy, bây giờ chàng còn đến thăm người ta làm gì. Nguyễn cho là một ý nghĩ không tốt , vì nếu chàng và nàng nhất đán bây giờ lại gặp nhau ở một tỉnh xép kia, thì có phải cuộc đời tình cảm của nàng

biết đâu sẽ chẳng rối beng? Và bên phía chàng, thì lòng nhớ cũ sẽ chẳng làm cho chàng phải thắc mắc nhiều về tương lai của tình tình.

Không thể thăm người bạn gái vùng tỉnh xép, sau một cơn suy nghĩ, chàng dự định một cuộc đi chơi khác vậy. Trong trí tưởng tượng rất giàu có của Nguyễn, nhú lên cái hình ảnh một ngôi Chùa Thầy, cheo leo bên rìa núi Sài Sơn. Nguyễn mới vụt nhớ đến nhà sư Như Tùng trụ trì ở đấy mà đã đến năm sáu năm nay chàng không gặp mặt để làm trọn một lời hứa. Cách đây năm sáu năm, Nguyễn đi Chùa Thầy, một đêm ăn lộc Phật, chàng đã có nhiều cảm tình với Như Tùng hòa thượng, bởi vì nhà sư đã giảng cho chàng nghe nhiều về cái bí mật của kiếp hóa sinh. Nhưng trong câu chuyện của một đêm dưới bóng Bồ đề, Nguyễn khoái nhất là được nghe thơ của cụ Nghè Liên Bạt. Vùng Chùa Thầy, vốn là ngoại quán cụ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền, nên nhà sư chùa này nhớ nhiều câu đối và thơ phú của ngài lắm. Lúc giã cảnh chiều, Nguyễn hứa với nhà sư sẽ tặng nhà chùa một cán bút lông thỏ trắng và một thỏi mực Yên Tùng Mặc, gọi là để lại một chút kỷ niệm trong sạch giữa người trần tục và kẻ tu hành. Từ ngày ấy tới nay, một cuộc sống bừa bãi ở mọi nơi nhộn nhịp đã làm cho Nguyễn chôn sâu trong lòng cái vang và cái bóng của cuộc gặp gỡ này. Bây giờ chàng thiết tha muốn thăm

lại cảnh cũ. Bút và mực, bao giờ chàng chả có sẵn trong ngăn tủ sách. Nguyễn sung sướng, tưởng tượng trước trong có câu chuyện đổi trao giữa nhà sư và chàng, trong cái phút đầu cuộc tái ngộ.

- Sư cụ còn nhớ chúng tôi không? Sáu năm về trước, một đêm đọc thơ cụ Nghè Liên Bạt cho một thư sinh ở vùng Hà Nội đi xe đạp lên thăm chùa ấy mà!

- Mô Phật, bần tăng vui kinh kệ, thế mà quên hẳn đi đấy. Quý khách cũng đừng nên chấp kẻ xuất gia tu hành. Trông quý khách dạo này thần sắc kém lắm. Chao ôi! Nhân duyên ngài còn nhiều.

Nguyễn vùng đứng dậy, tìm trong tủ sách lồng kính, lấy một thỏi mực tàu và một cây bút trúc, tưởng chừng như có thể chạy vù một hơi lên đến Chùa Thày. Và nếu có nghỉ chân thì chỉ nghỉ ở chỗ gần tới Cầu Phùng, mua ít bao chè, nến và hương.

Nhưng, chàng làm một cái thí dụ. Vạn nhất nhà sư tịch rồi, thì lên Chùa Thày thăm cảnh cũ mà thiếu mất một người vốn sinh ra để tô điểm cho núi và chùa thêm đẹp, thì cái buồn bã của Nguyễn sẽ mênh mông đến dường nào! Nếu như thế này thì đứng xa mà nhớ nhau trong ký ức còn hơn là lại gần để thấy rõ một sự mất mát. Vả chăng, Nguyễn tự cảm thấy, bây giờ mình không xứng đáng để đặt bước vào những nơi thanh khiết quá. Có bao giờ chàng quên rằng ít lâu nay, chàng là một kẻ "bạo thiên nghịch địa" một kẻ đi

tới đâu, gặp ai là gây hờn, gieo oán và đời sống của chàng trong phút rối loạn là một sự đe dọa những cái gì gọi là tôn thờ thiêng liêng, thành kính.

Nguyễn thôi, không đi thăm chùa, thăm hòa thượng nữa. Thế thì đi đâu? Để mong tìm một giải thoát cho tâm tình.

Sau một đêm trằn trọc ở nhà trọ vắng tiếng bạn, chàng tung mảnh chăn đơn, vui sướng ầm ĩ, như người vừa tìm được một sáng kiến, một phát minh gì. Có gì đâu, chàng chỉ nhớ tới một chuyện rất thực và rất tầm thường. Hồn quê đã viếng chàng, giữa hai giấc mơ đứt quãng. Canh khuya nghẹn ngào với cái bóng to sẫm nét trên tường trơ lạnh gian gác trọ Nguyễn vụt nhớ đến cửa nhà. Rồi trong lúc uể oải lau chùi cái mặt hốc hác, trong lúc lấy bàn chải rửa miệng sặc mùi khói thuốc, Nguyễn phào phào nói cùng cái giá chậu thau:

- Ta cũng có một nơi để về thăm như mọi người. Ta cũng có một người vợ và một lũ trẻ có quyền mong mỏi ta. Sao ta cứ phải đi tìm những nơi nào cho mệt óc. Đã lâu ta lìa bỏ mái nhà chân thật, hiền lành kia, hẳn bây giờ về đấy, ta sẽ cảm động lắm. Và cuộc du lịch tầm thường từ đây về nhà, chắc không đến nỗi thất vọng lắm đâu.

Thế rồi chàng xách cặp ra tầu. Buổi chiều ngày ấy, chuyến xe tốc hành đi suốt vào Nam Kỳ, đã đặt ở sân

một nhà ga xoàng xĩnh kia, một lữ khách ngơ ngác giữa một cảnh đêm tối có sương sa như khói dưới ánh trăng lạnh, Lòng nhớ quê đã trả lại cho cuộc đời êm lành đầy mùi luân lý cổ giả, một đứa con hoang của gia đình.

Nguyễn gõ cửa. Một vú em mở then cửa một cách chậm chạp, lò đầu ra ngoài, nhìn Nguyễn trong mấy giây đồng hồ, như muốn nhớ xem người này có phải là người hôm trước đã gõ cửa đây không?

- Hình như hôm nọ ông đã hỏi cậu con? Cậu Nguyễn ở trên Hà Nội kia. Lâu lắm cậu con không về.

Một chút nữa thì Nguyễn phá ra mà cười. Chàng gạt vú em, tiến vào nhà leo lét ngọn đèn hoa kỳ chong bằng cái hạt đậu. Chàng hỏi bộ mặt ngơ ngác của vú em:

- Mợ đâu?

- Dạ, mợ con ngủ.

Nguyễn mới cảm thấy cuộc đời ở đây bình lặng thực. Thế ra lặn mặt trời là người ta đi ngủ, không phải thức như chàng cho trọn canh mãn võ để tìm cảm giác mới, giữa một thành phố đầy ánh sáng. Chàng đánh hơi, ngửi thấy một mùi mốc của vật cũ gặp trời nồm phảng phất trong không khí tối mờ. Chàng không ngượng nghịu trong khi dò đường qua những bàn ghế bày lỏi thỏi giữa nhà; chàng vội lại phía cầu chì bật ngọn đèn điện. Ánh sáng dữ dội làm

vợ chàng thức giấc. Người thiếu phụ giụi mắt, nghển mình ra ngoài chăn, trâng trâng nhìn Nguyễn.

Chồng ta!

Ngờ là mình còn ngái ngủ, nhận lầm chăng, nàng chớp mắt lia lịa. Giá có đủ chữ nghĩa bóng bẩy thì trong phút này lẫn lộn những mừng và tủi, vợ Nguyễn còn đợi gì mà chẳng thốt lên một câu rất văn hoa:

- Trận gió lành nào đưa chàng lại?

Nhưng vốn là người mộc mạc, nàng chỉ nói một câu rất khẽ:

- Cậu về bao giờ?

Giữa lúc ấy, có tiếng trẻ con thét trong buồng. Nguyễn thấy vú em vừa mở cửa cho mình ban nãy, đang ẵm trẻ ra và nặng nó dưới ánh đèn. Vợ Nguyễn bước ra khỏi bức màn the.

- U đưa em đây tôi. Rồi đi thổi cơm cho cậu.

Trao xong cái bọc tã lôi thôi cho mợ y, người vú em vừa đi ra phía cửa sau vừa nhìn trộm ông quý khách ở tàu về, đang ngắm nghía mình với một nụ cười tinh quái trong làn khói thuốc lá khét lẹt.

Lúc vú em bưng mâm cơm giản dị lên, vợ Nguyễn chỉ u em và bảo chồng:

- Đây là vú Cảng. Tôi vừa nuôi được mấy tháng. Dễ bây giờ cậu mới biết mặt vú. Con Cảng mến u nuôi nó lắm. Dễ thường hợp đấy cậu ạ. Được cái u Cảng người sạch sẽ và tỉnh ngủ lắm.

Nghe những câu dí dỏm của vợ giới thiệu với chàng về tính tình một người u nuôi đứa con gái út, Nguyễn cũng lấy làm vui tai. Thấy chai rượu vang hơi vợi, nút xi đã mở sẵn và lại có dây buộc, để bên cạnh mâm, chàng hỏi vợ:

- Rượu tây nào thế hở mợ?

- Lần trước về, uống còn thừa, tôi cất đi đấy. Thử xem, còn uống được không, không thì u Cảng chạy ra phố lấy chai khác.

Nguyễn bảo "thôi" và trong khi ăn uống thong thả, chàng nhận thấy ở nhà mình, có những phong tục êm đềm, ngoan ngoãn lạ và nhiều khi những cái tỉ mỉ lại còn có thể làm ấm lại lòng một kẻ chán nản như chàng. Chàng định đánh thức cả lũ con dậy để đùa với chúng. Chàng tin rằng cái tình của con trẻ trong lúc bi bô, hẳn cũng là một nguồn cảm giác thú vị lắm. Chàng tự trách mình sao từ trước đến giờ đã bỏ quên mất một kho cảm giác quý hóa kia. Rồi chàng vùng đứng lên, lấy cặp, tìm ở đấy một cái súng lục có mắc sẵn đạn giấy, bảo vợ:

- Đánh thức thằng Châu dậy. Tôi cho con cái này.

Vợ Nguyễn gạt đi:

- Thôi, để mai hãy hay nào. Làm như chân trong chân ngoài sắp phải đi ngay ấy. Để các con ngủ cho đủ giấc.

Nguyễn nhìn vợ cười. Vợ Nguyễn cũng tủm tỉm. Thấy con sắp khóc, nàng chao đi chao lại cái bọc tã cựa quậy với một giọng hát ru con ngân rất dài:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa.

Có nàng...Tô Thị...

Tiểu thuyết thứ bẩy số 237 (10-12-1938)

LÀM LẠI CUỘC ĐỜI

(Tuỳ bút)

Hôm nay là một ngày rằm tháng tám. Trận bão từ đâu rớt về, đã trùm màu tang tóc lên trên cả một thành phố lớn. Muốn chia buồn với tạo vật, người ta đã bỏ mất Tết Trung thu. Cố nhiên, lũ trẻ lấy làm hậm hực.

Nhưng có riêng gì chúng.

Trong một căn nhà gác nhỏ kia, có ba thiếu niên đang nguyền rủa thời tiết bằng những lời nói nặng mà một bà cụ hay lễ bái phải bịt tai và mau tay lần chuỗi tràng hạt.

Hoàng cầm tờ báo đọc tin Thiên văn đài Phủ Liễn báo bão. Chàng đọc rất to. Lưu và Nguyễn nhăn mặt tỏ vẻ khó chịu, quay ra phía ngoài, bốn tay bám chặt lấy song sắt cửa sổ, tầm mắt gởi hẳn vào trời mưa gió dữ dội.

Lưu lắc đầu, nhún vai.

Nguyễn thở dài.

Hoàng vứt tờ báo, đâm ra thẫn thờ. Họ đang ôn lại dĩ vãng. Thời đã qua của Hoàng, của Nguyễn, của Lưu, đều nặng nề những dấu vết thương đau.

Cách đây không đầy một tháng, lúc họ rủ nhau đến ở chung căn phòng này, họ đã thề phải nhắc nhủm lẫn nhau làm lại cuộc đời. Họ thường an ủi lẫn nhau rằng với cái tuổi của mỗi người chưa quá ba mươi, làm lại cuộc đời cũng không có gì là khó khăn lắm. Họ muốn cách mệnh tinh thần. Ngày trước là đùa bỡn, bây giờ phải đổi ra tôn thờ. Ngày trước là ích kỷ, bây giờ đã tha thiết với mọi cái gì xảy ra chung quanh mình. Xưa kia đối với người với việc, họ đều nghi ngờ, rẻ rúng. Bây giờ Hoàng, Lưu, Nguyễn muốn phục hưng lại cõi lòng uể oải và mỗi người muốn nhận lấy một trách nhiệm. Trên tấm cửa gỗ, họ đã lấy phấn viết vào đấy một câu: "*Cái bí quyết của Hạnh phúc là biết nhận lấy Trách nhiệm*".

Ba đứa con hoang của Thời đại, ngày ngày tụng niệm câu mà chúng đã nêu lên làm châm ngôn. Sớm rồi sớm, chiều lại chiều, Lưu, Nguyễn, Hoàng được yên tĩnh trong lòng để viết - họ là nhà văn - viết rất sốt sắng như một người biết quý cái nghề của mình. Và tin ở tương lai của nghề. Và cho rằng đùa bỡn với văn chương, với nghệ thuật là có tội.

Trong mấy tuần lễ, ba người sống chung bên cạnh nhau, chỉ để đọc, viết và bàn về giá trị tri thức. Bà chủ nhà tuy là người dốt nát, nhưng cũng hiểu lắm rằng đấy là mấy cậu học sinh học thi tú tài và khen thầm họ ngoan ngoãn không hay đi chơi đêm và phá phách ồn ào, làm kinh động giấc ngủ của kẻ khác. Mỗi bữa cơm nước cho họ ăn uống xong, bà thường vui vẻ nói chuyện với thằng Nhỏ bằng câu mở đầu: "Chả bù với bọn học trò trước". Bà chủ nhà, chặc lưỡi những tiếc có một đứa con gái đã trót gả chồng mất rồi, nếu không thì trong ba cậu này, làm gì bà chả tìm được mặt rể hiền. Trời đất ơi! Một người đàn bà cũ kỹ, căn cơ đã mến phục được lũ con cưng của Thời bệnh.

Bằng cái phẳng lặng vui vẻ của công việc trứ thuật hàng ngày, Hoàng, Lưu, và Nguyễn nhất định tin yêu ngày hôm nay, tin yêu ngày mai và chôn sâu xuống tận đáy lòng những ngày xám xịt đã qua. Với cái chủ quan mới đối với cuộc sống, đêm ngủ của họ thường không bị đứt quãng như ngày trước. Ít lâu nay, tịnh không có một cơn mơ quái gở nào làm bận rộn tới giấc ngủ ngon lành của họ. Trông thấy họ ngủ mê mệt, má ấp nghiêng xuống bàn tay chèn vào kẽ gối, có ai dám ngờ họ đã nằm tao bảy tiết làm con nuôi của Tội lỗi. Giấc ngủ ngoan ngoãn kia, đến anh thợ cày cũng phải thèm tiếc. Và những kẻ chìm đắm trong trường sa ngã

trông thấy linh hồn họ được thư thái như thế, thường nổi lòng ghen ghét.

Bây giờ, Hoàng, Lưu, Nguyễn không dám sống về đêm nữa. Họ nghĩ đến những đêm trắng với hoa tàn héo cánh bên ngọn đèn dầu lạc, họ lại kinh sợ như trẻ nhát nghe chuyện yêu tinh. Họ tưởng chừng như thời đó đã xa lắm rồi. Từ nay, họ quyết sống lúc ban ngày để làm việc như trăm nghìn người lương thiện khác, làm việc cho đầy đủ rồi tối đến, ngủ giấc ngủ của người công bình.

Lắm buổi sớm, Lưu, Hoàng, Nguyễn vươn vai và ngáp xong - một cách rất thừa thãi - họ đều khen lẫn nhau: "Chúng ta độ này không đứa nào nói mê, nghiến răng và đập tay chân như người giãy chết nữa nhỉ!". Họ cười to quá. Mở mắt ra, họ đã lấy làm sung sướng ngay, dẫu rằng mở đầu cho ngày đó, người ta chưa thấy một dấu vui, một điềm lành. Hình như họ tìm ngay sinh thú trong sự ngạc nhiên thấy mình được dự một phần trong sinh sống của muôn loài.

Thế mà Tội lỗi vẫn chưa buông tha cho họ đấy. Thế mà quỷ Satan vẫn theo đuổi kẻ chân tu và cám dỗ hoài.

Bởi vì, hôm nay, Tết Trung thu, một trời bão táp, gió mưa nặng nề đã giày vò tàn nhẫn đến lòng người biết nhớ cũ.

Đi đôi với trận mưa trên thành phố, trận mưa tuôn trong lòng người muốn tràn ra ngoài bằng giọt nước mắt. Than ôi! Mưa gió ngoài trời, mưa gió trong lòng người.

Cả một buổi chiều hôm nay, Lưu, Hoàng, Nguyễn tự nhiên đâm nhớ cảnh giang hồ. Ở người họ, mỗi lúc lòng giang hồ đã nổi dậy, thể nào cũng có một chuyện kỳ quái, lôi thôi xảy ra. Lấy một việc rất gần đây làm tỉ dụ.

Đầu năm nay, Hoàng ngồi bồi tịch một bữa tiệc rất long trọng ở trại bà huyện Mộc. Bấy giờ vào khoảng cuối xuân sang hè. Chiều hôm ấy, trời oi ả lạ.

Bà huyện Mộc vốn yêu Hoàng như một người em út. Bà thấy Hoàng là người thông minh, sống một cuộc đời bất hạnh, không nhà cửa nhất định, bà thường lấy làm ái ngại. Hồi ấy, nhân Hoàng vừa mới đi xa về, bà làm một bữa rượu tẩy trần, mời những thân bằng cố hữu đến họp mặt nói chuyện. Thật là một dịp tốt cho người ta được gần nhau trong một hoàn cảnh ấm áp. Cái đinh của bữa tiệc, cố nhiên là Hoàng. Đang ăn uống vui vẻ, bên ngoài trời nổi sấm chớp, đổ một trận mưa rào. Từ lúc trời nổi giông gió, Hoàng ngừng tay gắp và đòi uống rượu suông rất nhiều. Hoàng không quen uống như thế. Tửu lượng chàng rất kém. Mặt chàng đỏ bừng bừng, rồi chàng đưa tay bóp trán như một người biết lặng lẽ đau đớn.

Bà huyện Mộc phải nặng lời gắt: "Thôi, Hoàng không được uống nữa". Bất kể lời ngăn của người chị hiếm có ấy, Hoàng vẫn uống, lặng thinh không nói một lời. Mắt chàng sáng nhiều lên theo với luồng chớp ngoài sân mỗi lúc một mau.

Cả đám tiệc không hiểu gì. Duy chỉ có Lưu và Nguyễn đều rõ sự khủng hoảng trong tâm hồn Hoàng và đưa mắt luôn luôn nhìn nhau. Mặt Hoàng bỗng tái đi, chàng đứng phắt dậy, ra mắc áo, với chiếc áo đi mưa của Nguyễn. Đáp câu hỏi bà huyện Mộc, Hoàng ngoái cổ lại tạ lỗi cùng mọi người và xin phép ra ngoài một chút. Bữa tiệc tàn đã xoay sang cuộc tổ tôm đến hội thứ ba, thứ tư gì đó mà vẫn chưa thấy Hoàng trở lại. Lưu và Nguyễn trong lúc chờ bốc nọc hay đợi ù, vẫn đưa mắt hỏi nhau về thái độ Hoàng. Lưu và Nguyễn, giữa đám bài, ngồi buồn thiu như hai thỏi kẹo bột gặp tiết nồm. Thỉnh thoảng bà huyện Mộc xướng cây bài, lại kêu: "Quái nhỉ". Đêm đã khuya, mưa vẫn không ngớt hột. Lúc người nhà bưng cháo síu-dề lên, Lưu và Nguyễn không ăn và xin về. Lòng nhớ bạn và thương bạn làm họ ngang dạ. Trông thấy cái ấm áp của làn khói bát cháo nóng đùn đùn bay trong một mái trại ấm cúng, Lưu và Nguyễn đang tự hỏi thầm xem trong phút này, Hoàng đang ở đâu? Tuy là tiết hạ, nhưng mưa và gió cũng lạnh lắm chớ! Về đến nhà, Lưu bảo Nguyễn:

"Hoàng nó đi như thế này không biết bao giờ mới về". Nguyễn nói thêm:

"Mà hắn đi như thế, không bao giờ cho biết địa chỉ ở đâu. Lúc nào hắn nhớ chúng ta và có dịp về được, là hắn về. Tôi còn lạ gì tính hắn. Cũng như tôi không lạ tôi có nhiều lần cũng điên ngộ như thế. Chao ôi! Chúng ta! Ai chịu được chúng ta. Trừ phi chúng ta ra".

Thế rồi mùa hè từ từ đi. Mỗi khi thấy hoa xoan tây rụng tàn lửa bên đường giải nhựa, Nguyễn lại bảo Lưu: "Thằng Hoàng nó ghét màu đỏ này lắm. Cái thằng cũng lạ. Về thảo mộc học, nó cừ ra phết. Không biết nó tò mò tìm ở đâu mà biết chữ Hán gọi cây xoan tây là phượng vĩ tùng".

Thư từ các nơi gửi về cho Hoàng đã dầy thành một tập xếp ở góc tủ sách. Một tập thư còn nguyên vẹn. Một tập thư không có người bóc. Ngắm tập thư vô duyên, có khác gì ngắm một cảnh bờ sông nước trong vắt không có người tắm mà trên bờ cỏ, phất phơ manh áo vải còn nóng hôi hổi hơi người.

Thế rồi mùa hè hết. Thế rồi gió bấc về, đem luôn cả Hoàng về, trả Hoàng cho Lưu và Nguyễn. Ba người ôm nhau. Cái mừng rỡ đã qua, Lưu và Nguyễn mới nhận ra Hoàng chỉ còn là một manh áo the rách. Mặt vô vàng và mái đầu điểm thêm vài sợi chỉ bạc. Hoàng cất giọng nói khàn khàn: "Từ hôm tao đi trốn mưa, bỏ

trại chị huyện, ở nhà có gì lạ không chúng mày?" Lưu và Nguyễn nghẹn ngào, nhưng cố làm ra giọng cợt nhả, đồng thanh trả lời: "Thiếu mất có một mày, mọi cái đều trở nên vắng vẻ". Hoàng kêu đói, Nguyễn tìm ở đáy nồi một miếng thịt bò kho thảo quả, đưa cho bạn tội nghiệp với một câu trách móc âu yếm: "Mẹ kiếp, cứ bao giờ ốm và đói thì ông mới lại gặp mày. Gọi hàng bánh tây mà ăn. Số mày vẫn phong lưu. Ban nãy, thằng Lưu và tao ngon miệng đã định ăn hết, không biết tại sao lại còn sót lại miếng thịt nhỉ! Như thế, đủ biết còn lâu mày mới ăn mày được. Chóng ăn cho khỏe đi, rồi lại đi trốn mưa như thế nhé! Khổ lắm, bố ạ".

Thực vậy, họ đều cảm thấy cái khổ của cuộc đời không có tổ chức. Bởi thế nên từ hôm đoàn tụ lại, họ mới nguyền cùng nhau phải làm lại cuộc đời.

Nhưng, như hết thảy người ta vừa rõ đấy, cái yên tĩnh hàn, gắn, bồi, đắp mất bao gắng gỏi chỉ đậu được mấy tuần lễ. Cuộc sống êm đềm của Lưu, Nguyễn và Hoàng, ít ngày gần đây tựa như cái bình tĩnh chốc lát của mặt bể lặng mà phía dưới vẫn có sóng ngầm muốn nhô đầu lên.

Những kẻ giang hồ có say sóng, thì chỉ quy ở trường hợp đi trên mặt nước có sóng ngầm và trong nghề hàng hải, những con tàu lớn thường hay đắm bởi ngọn sóng ngầm cứ dồn thúc mãi vào sau lái đít tàu.

Chiều hôm nay, sóng ngầm nổi dậy trong lòng ba đứa trẻ chỉ muốn hối hận mãi mãi để làm lại cuộc đời. Thấy sức mạnh của cơn bão cứ căng thêm mãi, Nguyễn chọn bộ quần áo sang nhất, ướm màu áo cho điều hòa với màu cà vạt và loay hoay đánh mãi đôi giầy đen. Chàng lẩm bẩm:

- Tiếc thiếu mất một cái áo đi mưa.

- Trời gió bão, đèn đường tắt, đường ngập, mày định đi đâu.

Lưu vừa hỏi, vừa lồm ngồm từ giường bò ra. Chàng nằn nì Nguyễn:

- Ở nhà đi ngủ sớm. Như thế hơn.

- Ừ, mày cứ ngủ đi. Ngủ cho say hơn mọi ngày. Tao chạy đi đằng này một tị. Một tị thôi mà.

- Đi đâu thế, Nguyễn? Hoàng giật giọng hỏi.

Nguyễn nheo mắt nhìn thẳng vào mặt bạn như muốn bảo: "Khốn nạn, đến như mày đã có lần trốn mưa mất mặt mất mấy tháng tròn, mà mày cũng còn hỏi ta câu ấy nữa sao! Suy bụng mày, mày sẽ biết bụng ta. Hà tất phải nhiều lời. Có muốn đi thì mặc quần áo vào rồi theo ta đi tác ác. Còn vẽ vời hỏi han mãi". Hoàng như hiểu ý, miệng huýt sáo, chân xỏ giầy. Nghĩ đến câu "đi một tị", Hoàng mỉm cười.

- Tao cũng phải đi một tị. Thằng Lưu ở nhà, tao về ngay đấy.

- Nguyễn đi, thằng Hoàng cũng đi, thế tao ở nhà một mình làm gì?

- Thì cũng đi luôn với hai đứa chúng tao. Đồ ma bùn! Mè nheo suốt ngày.

Hình như bọn họ đã quên mất lời thề thốt bữa nọ. Họ không tiếc cái công làm người đứng đắn được mấy tuần nay. Con ngựa bị tù chân trong tàu cỏ khô, vẫn nhớ màu xanh non chỗ rìa đường dài thăm thẳm. Bây giờ nó muốn chấp cả cương lẫn vế, nhất định đòi bong trên con đường cũ.

Lưu, Nguyễn và Hoàng vẫn thiết tha muốn làm người đứng đắn. Nhưng, đem gạn máu họ, người ta vẫn tìm thấy còn nhiều cấn trụy lạc. Việc tổ chức lại cuộc đời, đến phút này vẫn là cái mộng xinh xinh. Nó đẹp như cái bọt xà phòng ngũ sắc mà trận gió bão đêm nay thổi vỡ.

Thăm dò lòng mình xem có nhận thấy tiếng can ngăn của lương tâm thì, Lưu chỉ vẳng nghe như ai đang bấm khẽ một bản đàn cũ, một bản đàn mà nhạc điệu đã dập theo tiếng gió rít và hơi mưa bay, và ca ngợi đời cầu bơ cầu bất. Biết bao nhiêu mê say trong sự phóng túng hình hài đã được nhắc tới! Lưu thở dài muốn kêu lên một tiếng cũng dài như hơi thở. Ý chừng, chàng muốn nói với chàng một câu tâm sự. Rằng: ta chơi nốt đêm nay nữa cho gió mưa phải chán

mặt người phong sương. Sao người ta hay dối cả với người ta thế! Chàng ngâm:

Giang hồ...một chút ân tình cũ.

Nguyễn và Hoàng cũng bắt lại câu đó mà lúc ngâm xong đều một lượt, chế nhạo Lưu:

- Với tư tưởng lãng mạn và giọng uyển chuyển ấy, giá làm đàn bà thì chung thân chỉ đánh đĩ với đời thôi em ạ!

Đêm hôm nay, Lưu, Nguyễn và Hoàng định tìm một quán rượu. Nhưng cuộc say không thành. Trời bão, ai mở cửa buôn bán lúc đêm khuya. Họ đành đi hát vậy, cho nên trong một gian nhà giột ở xóm Vạn Thái, Lưu, Hoàng và Nguyễn đang tìm cảm giác mới(!) giữa cảnh bài trí của Trụy lạc. Họ thấy cả xóm, không có một linh hồn làng chơi nào, họ lấy làm hả vô cùng. Quần áo bị mưa tấm ướt, họ mượn coóc xê của con hát để che cho ấm thân thể bị giá lạnh. Người nhớ chuyện "Tam quốc" tưởng họ là lũ quân đầu hàng nhà Hán và bị Gia Cát thừa tướng cho mặc quần áo đàn bà gởi trả lại cho Tư Mã Ý để làm nhục nhau chơi. Đèn đóm trong nhà hát không có, họ thắp nến. Một mùi tử khí phảng phất bao trùm lấy ba đứa lãng tử. Những tiếng cười chán chường làm lung lay ánh sáng ma trơi của ngọn nến lờ mờ. Lúc mới bắt đầu đi, thấy đèn đường phố tắt ngấm, thấy cây cổ thụ bật rễ cái, thấy dây

điện cuốn lấy cành đa, Hoàng nói oang oang trong mưa lạnh:

- Những đêm giông tố như đêm nay, cái lòng đạo đức chỉ còn như một sợi tóc thôi. Những đêm như thế này, người ta hay nghĩ làm tội lỗi. Tại sao hung thủ không giết người trong đêm bão? Mưa sẽ gột hết vũng máu và dấu vết in trên mình xác chết đều được trận bão lau chùi sạch. Ha, ha!

Tiểu thuyết thứ bẩy số 233 (12-11-1938)

MUỐN SỐNG

(Tuỳ bút)

Nguyễn năm nay đúng hai mươi chín tuổi. Ngồi với những ông bạn vong niên, anh thường nói tăng tuổi lên một năm. Ba mươi! Thưa ngài, năm nay chúng tôi đúng ba mươi. Mấy ông bạn già, thở xong hơi khói thuốc lào, tấm tắc khen ngợi:

- Ồ, tam thập nhi lập. Quý hóa quá.

Lòng Nguyễn như co lại. Nguyễn liếc trộm vào gương, nhìn nét mặt phong trần mình. Bắt được Nguyễn đang cợt nhả với bóng trong làn thuỷ ngân, một ông bạn đứng tuổi có tính hay đùa, ép bàn tay vào mái tóc Nguyễn, tìm gốc những sợi tóc bạc trắng như lông đuôi ngựa trắng.

- Này, anh Nguyễn, đây là những hòn đá đầu tiên của ngôi mộ. Ba mươi tuổi, hẳn phải ngửi thấy mùi đất tha ma rồi. Anh bôi thứ nước hoa tốt, thơm, bền hương đến đâu cũng không làm át được mùi tanh và

nhạt nhẽo của vũng huyệt. Mỗi một ngày đi qua cuộc sống lại là một ngày mở rộng mãi cánh cửa ngôi nhà cuối cùng. Anh có thấy đời anh, ở tuổi nghiêm trọng này, là đi tới một con đường rẽ không?

Nguyễn tỏ vẻ khó chịu, vô tình nắn lại múi cờ vát, bóp dẹp, uốn thành hình cầu vồng. Rồi chàng lại cười với bóng mình trong gương. Phản ảnh trong gương đứng, cho ta thấy hình một người đứng đắn đang cử động thất thường và có những cử chỉ của kẻ vị thành niên.

Vẫn tiếng ông bạn đứng tuổi nói tiếp:

- Anh cười đã có vệt nhăn. Hai bên miệng kia, có phải tuổi tác đã vẽ vào đấy mấy nét hổ oai. Bây giờ nó chưa hiện rõ như của tôi. Nhưng độ vài năm nữa, phải, chỉ vài năm nữa thôi, những nét đó sẽ đủ lực lượng để phản anh trong mọi cuộc chơi vui vẻ trẻ trung. Có biết không, cái con đĩ đực hay làm dáng?

Nguyễn ngẫm nghĩ tới đời suy yếu của một người lúc đã xế chiều. Và, làm ra bộ khôi hài, chàng đáp:

- Anh định chôn sống tôi đấy à! Với cái luận điệu vừa rồi, hình như anh muốn cướp cả phần ánh sáng của người khác. Thì đấy, tôi nhường luôn cả phần dưỡng khí của tôi cho anh thở.

Ra đường, Nguyễn thề từ nay xa hẳn những bạn đứng tuổi, vì ở gần họ, chàng càng già thêm, mỗi khi họ bàn về ý nghĩa cuộc đời. Vả chăng họ không giúp

ích cho chàng tìm lấy chút ít tư tưởng về đạo sống. Họ sống bằng óc nhiều quá, lúc nào cũng đóng vai giám đốc lương tâm. Trước kia, Nguyễn tưởng gần đám trí thức này, chàng sẽ thu được nhiều mối lợi. Bởi thế nên chàng đã giả dối nói tăng tuổi lên, để họ khỏi khinh mình còn non nớt chưa đủ tư cách chịu chuyện. Những người cao tuổi và chịu ảnh hưởng của nền học cũ, chỉ trọng người ta ở chỗ nét mặt già dặn. Nguyễn còn nhớ mãi câu hỏi đầu tiên của ông Cử làng Nhổn:

- Dám hỏi thế này khí không phải, năm nay ngài "xuân thu" bao nhiêu?

Nguyễn sinh năm Canh Tuất. Nghĩa là đến bây giờ chàng hai mươi chín tuổi. Nhưng ngồi với ông Tú, ông Cử, chàng sợ nói mình hai mươi chín thì còn có vẻ trẻ con, chàng làm vội trong óc một bài tính thập can thập nhị chi để tìm lấy tên năm ba mươi của mình.

- Thưa cụ, chúng tôi tuổi Kỷ Dậu.

Cụ Cử co tay tính nhẩm:

- Ngài ba mươi. Hà, hà!

Cụ vuốt râu rễ hành cười. Tiếng cười ngụ ý nhận chàng đã đầy đủ làm một người. Rồi từ đấy, giữa cái xã hội mà mọi người đều thích già sớm, chàng đã chiếm được một góc chiếu ngồi.

Nhiều lúc các cụ bàn đến thế sự, tuy không hỏi ý kiến Nguyễn bao giờ, nhưng thời thường đều cho

chàng dự thính những buổi bàn luận náo nhiệt về binh, thư, đồ, trận và đạo xử thế. Như vậy cũng đã là vinh dự lắm rồi. Cái vinh dự đó sẽ hoàn toàn, nếu một ngày kia Nguyễn lại được họa những vần thơ do các cụ xướng. Ở một người ít tuổi muốn làm bạn với lớp người đứng tuổi trong phái cũ, sự mong mỏi không còn gì hơn thế nữa.

Nhưng bây giờ, Nguyễn không cần những sự bố thí đó. Nguyễn muốn sống một cuộc đời tình cảm kia. Những ông bạn vong niên kia sống bằng óc; óc được chăm nom nhiều quá, thành thử con tim bị sao lãng. Gần những người mà hễ động làm thơ là phải có ít nhiều tứ tự trào, tự phúng với câu "mái tóc pha mầu" hoặc "đầu đã điểm hoa râm", hay là "mái tóc giang hồ muốn ruộm sương" v.v.., Nguyễn thấy mình cũng bị lôi cuốn vào dòng già lão. Sức tự kỷ ám thị đã ảnh hưởng lớn đến thân thể và linh hồn chàng. Bởi vì nhiều khi phải đi bộ hết mấy phố dài, thấy hơi mệt, chàng đã lẩm bẩm: "Ngày xưa..." Chàng tự cho mình đã đến tuổi được yếu, và lười. Khi nói câu "Ngày xưa..." chàng muốn an ủi mình, ra điều trước kia cũng có hồi mình khỏe mạnh lắm, những cuốc đi bộ như thế qua phố đông, chàng có coi vào đâu. Chàng nhắc chữ "Ngày xưa..." như muốn chấm dấu hết cho một thời thiếu niên. Và quay đầu nhìn lại cái dĩ vãng đầy hứa hẹn mà trong phút này không thể chuộc, lấy lại được,

chàng tự đặt mình vào địa vị một phế nhân trong trường hoạt động hàng ngày.

Nhưng bây giờ, Nguyễn cảm thấy cái khô khan của cuộc đời chỉ chú trọng về óc, buổi sớm người ta làm triết lý, buổi chiều người ta ngồi nghe tiếng thu không để lựa chọn tôn giáo. Trái tim bị hất hủi nhiều,nhiều đêm xuân đã chồm dậy trong người Nguyễn để đòi hỏi chàng cái quyền sở hữu. Thớ thịt trái tim bị lỏng lẻo, chùng dây lâu ngày, bây giờ đã hồi xuân. Và chúng muốn mỗi ngày, từ đây, Nguyễn cho chúng có nhiều cơ hội để mặc sức co duỗi.

Chàng nghe theo tiếng gọi của lòng. Những thị dục bắt đầu nổi dậy và mọc như nấm. Chàng đã tìm được phép mới trong đạo sống. Sống bây giờ đối với chàng, có nghĩa là yêu chứ không phải là chán nản, là thèm muốn chứ không phải huỷ hoại cuộc sống trong cái chết mòn của triết lý khuất phục. Người ta được sống là sướng lắm rồi. Chàng lấy làm lạ sao từ trước tới giờ mình chỉ mỏi mệt, sầu muộn, không chịu sống, không biết sống, không dám sống. Phải chăng những triết lý và tôn giáo kia đã gieo mầm tiêu cực trong người chàng? Cái gì mà lại trốn sự sống ! Cái gì mà lại trốn tránh cuộc sống khi mình được đấng Cấu Tạo đặt mình vào giữa cuộc sống với mọi điều kiện của động vật cao đẳng.

Nguyễn dè bỉu, mỉa mai nhắc lại một câu trong giáo lý nọ: "Sống là khổ. Muốn khỏi khổ, người ta phải giết chết lòng thèm muốn ở mình. Để đi tới một thiên đường". Trước kia, Nguyễn lấy câu đó làm thú vị bao nhiêu thì bây giờ chàng lại phản đối bấy nhiêu. Chàng làm một cái thí dụ. À, nếu theo sát từng chữ cái đạo của đấng Cứu thế, chàng tìm được một cõi Nát bàn thì đời chàng sẽ có những gì là đáng kể, là khác với cuộc sống bây giờ? Trên Nát bàn, tiết trời quanh năm là ấm áp, bốn mùa đều xuân cả, nếu một đấng Vô hình ở trên ấy cũng chia năm ra làm bốn mùa. Tự nhiên chàng thấy tha thiết nhớ tiếc mùa đông với gió bấc lạnh, mùa nóng với trận gió nồm nam, mùa thu với giọt mưa phùn. Và còn gì buồn hơn là cảnh tượng lặng lẽ trên Nát bàn. Ở đấy mọi tình cảm đều bị san bằng và quy về một mối. Thần và Tiên đã không biết khổ thì cũng không biết sướng là vui; đã không biết vui thì cũng không biết buồn. Sao người ta lại có thể ca tụng cái thế giới tươi tỉnh và đoàn tụ ấy, khi Thần và Tiên không biết cái sầu khổ của chia rẽ, và mù mịt không hiểu gì về nỗi thương đau kết trong một giọt nước mắt thành kính. Ở đấy Thần Tiên không bao giờ khóc, không bao giờ cười.

Đem so sánh với cuộc đời lục đục dưới này, cảnh thần tiên kia, Nguyễn cho không đáng một xu. Nếu trở nên Thần Tiên là thế, thì chàng chỉ muốn mãi mãi

làm thằng người. Chàng lấy làm sung sướng được ở địa vị thằng người với cái phức tạp tình cảm của nó. Phải, thà yêu mà mang hận, dù đến chung thân di lụy cũng còn hơn là sống với sự trống trải của trái tim không dám rung động trước bồng bột của cuộc sống. Như thế, chỉ là đi bên cạnh cuộc đời đầy bất thình lình với một trái tim hèn nhát.

Ít tháng nay, trong người Nguyễn có một cuộc cách mệnh tinh thần. Chàng đang khơi nguồn tình cảm và quyết sống chỉ để mà tò mò và yêu. Sự hờ hững thủa nọ đã lùi bước nhường chỗ cho lòng sốt sắng. Cái tinh thần mới mỗi ngày càng lấn đất. Xưa kia, Nguyễn khinh rẻ đời mình, khinh rẻ đời mọi người xung quanh mình và tưởng như là thực hành một tư tưởng rất cao. Tâm tưởng và xác thịt không được đếm xỉa lấy mảy may. Bây giờ chàng tự hỏi sự ngu muội kia đối với cuộc sống, trong mấy mươi năm nay đã dẫn chàng đi tới đâu? Bài toán đặt ra để tìm lấy câu trả lời có ý nghĩa, đã vẽ cho chàng thấy một không số rất tròn trĩnh và to lớn. Trời ơi! Thế thì bây giờ, chàng còn đợi gì không cho giác quan mình mở rộng để nhận, để hưởng thụ kỳ cùng lấy hương vị đời nồng nàn. Lúc này là lúc cần phải chụm lửa cho nhiều để hun nóng một quả tim đã thiu, ỉu trong sự thờ ơ.

Bây giờ, một buổi chiều tàn cũng có ý nghĩa như một buổi sớm mai rực rỡ. Mưa, nắng, nóng, lạnh đều

có một giá trị riêng cả. Chàng thấy quả chín cũng ngon, mà quả xanh cũng ngon. Và màu đen, màu đỏ cũng đều là đẹp quả. Cái đáng phân biệt chỉ ở chỗ mỗi quả có một vị khác, mỗi màu có một sắc riêng. Thì ra trong muôn loài, mỗi vật đều có một địa vị, một giá trị. Trong một viện bảo tàng, đứng trước sự phức tạp đồ vật sưu tầm, ông già thông thái đầu bạc phơ phơ kia có bao giờ dám khinh vật nào hay trọng vật nào. Ông già kia chỉ biết chúng nó có. Đứng trước một việc xảy ra, Nguyễn bỏ hẳn cái lối phê bình bằng luân lí. Chàng không bảo đấy là tội lỗi hay đấy là gương đạo đức. Chàng chỉ hiểu rằng việc lành hay tội ác của loài người cũng chỉ là những màu thuốc nơi hộp vẽ của họa sĩ. Bức tranh đẹp nhiều khi cần phải chen vào màu tươi sáng, những màu chết. Theo luật tương phản, người ta bảo thế là lấy màu tối để tôn màu sáng. Như thế nghĩa là màu sáng được quý trọng hơn là màu tối. Cũng như là tội ác cần phải có để nâng cao giá trị đạo đức. Ồ, ngụy biện thế!

Say sưa với cuộc sống, Nguyễn không muốn băn khoăn thế nào là làm được điều Thiện, thế nào là lầm lẫn phạm tới điều Ác. Chàng chỉ biết sống theo sự đòi hỏi gắt gao của giác quan bấy lâu nay bị bỏ quên. Chàng rất lấy làm bằng lòng mình, mỗi khi được cảm động tha thiết.

Sự thành thực trong lúc quả tim rung động, sau một tiếng khóc hay một tiếng cười ở mình, trước một đau đớn hay một hỉ hả của người xung quanh, sự thành thực đó trong tình cảm đã làm cho Nguyễn dễ chịu. Lòng chàng không phải thắc mắc lắm vì ý nghĩa cuộc đời. Rồi chàng cảm thấy sự giả dối của trí khôn. Trí khôn hay đánh lừa người ta lắm. Nó là sự phản phúc. Chỉ có cảm giác là thành thực thôi.

Ngày lại ngày, với cái luân lý mới tạo đó, Nguyễn đã sốt sắng với cuộc sống của mọi người và để ý rất tỉ mỉ tới cuộc sống của mình.

Và không bao giờ chàng nghĩ tới cái chết. Lúc bấy giờ giác quan không có nữa thì người ta không bằng lòng sống nữa chứ sao. Chàng nghĩ thế. Có nhiều người thấy rõ sự đổi thay trong tâm tưởng Nguyễn, tin chàng độ này muốn phát điên, hỏi thăm chàng độ này làm gì, Nguyễn trả lời:

- Tôi đang sống.

Họ dúm miệng lại tỏ sự hốt hoảng. Và phao chuyện với mọi người rằng Nguyễn đích thực mắc bệnh loạn óc.

Tiểu thuyết thứ bảy số 231 (29-10-1938)

PHONG VỊ TỈNH XÉP

(Tùy bút)

Tặng Đỗ Tử Côn - Móng Cái

Lần này, Nguyễn ở chơi Thanh Hóa lâu hơn mọi lần trước. Mọi lần trước, chàng về chỉ một vài hôm, rồi lại đi ngay. Nhiều người bạn cũ, bắt gặp Nguyễn ở ga xuống, hôm sau lại tìm chàng chơi thì Nguyễn đã lại đi mất rồi. Hỏi đi đâu thì người nhà Nguyễn đều trả lời một cách buồn nản rằng cũng không hiểu.

Người gì mà như con chim, bạn Nguyễn ở Thanh thường bình phẩm như vậy. Họ không vu cáo tí nào cả. Thật vậy, Nguyễn là một con chim. Điều đáng phiền hơn nữa: Nguyễn lại còn là một con chim không chịu yên vui với cái tổ ấm của mình.

Những tâm hồn lãng tử sống xa gia đình và quê hương thường hay ngâm cái câu:

Tánh chim mỏi cánh mong về tổ

mỗi khi nhớ nhà và được trở về nhà. Nhưng hình như họ không quen với sự ấm cúng và cách chiều đãi của thân quyến, họ chỉ sống được trong gia đình có vài hôm thôi. Bởi vì cái:

Kiếp ngựa tù chân lại nhớ đường

Xa nhà, những lúc thấy trời mưa và gió thì thấy nhớ một ngọn đèn tỏ ngọn, một mâm cơm gọn ghẽ, một tiếng trẻ con khóc bú. Thế là họ đã trở về. Với những manh áo đứt hết cả hàng khuy, tuột hết đường chỉ gấu! Rồi dưới những cái mái nhà hiền lành kia, có những đứa con hoang đang uống rượu li bì. Uống rượu để giết buồn, để nhớ cho chán những cái gì ở đâu đâu, xong rồi là lăn đùng ra ngủ. Và khi nào cái "tao khang chi thê" của họ đã khíu, đã mạng, đã vá xong những tấm áo rách của họ, thì họ lại đùng đùng đòi lên đường. Ai mà ngăn được. Ngày hôm ấy, những đứa con hoang kia, lúc lên đường, miệng thì ca lại cái điệp khúc bài *Giang hồ hành* và lòng thì vẫn mang nặng một thảm kịch về đời sống mâu thuẫn. Và cũng trong ngày hôm ấy, trong những cái gia đình âm thầm kia, người ta đang cất bớt đi khỏi mâm cơm một cái bát thừa, một đôi đũa thừa và nghiêng chiếc bình rượu đã cạn, có những người thiếu phụ đã thở dài và than với trời một câu: "Thân thiếp, giận không bằng mộng!" Bình rượu cạn, rỏ một giọt nước xuống thềm đình, tóe nhoe ra như hình một ngôi sao.

"- Nơi lá số Tử vi của chàng, ngôi sao của chàng là sao Thiên mã đóng ở Mệnh...!"

Có những người đàn bà tội nghiệp đã tự an ủi mình như thế. Những lúc xa nhà, Nguyễn cũng hình dung thấy rõ như thế. Và vì như thế, thỉnh thoảng Nguyễn lại khăn gói về Thanh Hóa. Để rồi lại đi ngay. Gia đình nhà Nguyễn, cũng quen dần, Nguyễn cũng quen dần với cử chỉ của mình. Và cái thành phố Thanh Hóa cũng không để tâm gì đến cái đi và cái về của một kẻ lông bông trốn cả từ cái phần thuế ngụ cư và thiếu lòng trung thành với một miếng đất, mặc dầu cái miếng đất ấy được người ta tôn lên là Thang Mộc Ấp.

Mỗi lần Nguyễn về Thanh, chàng chỉ hiện ra như một cái bóng. Cái guồng máy cuộc sinh hoạt tại Thanh Hóa không đủ thời khắc ghi lại cái ấn chứng của Nguyễn. Có người nào được biết Nguyễn về Thanh không sót một chuyến nào, thì người đó là cái ông Sếp-ga và và... cái ông phắc-tơ già của nhà dây thép.

Mỗi lần về bằng chuyến tầu đêm để một hai hôm sau lại đi bằng chuyến tầu sớm, Nguyễn và ông Sếp-ga lại nói với nhau vài mẩu tâm sự. Thì ra, trong anh em vẫn chưa có ai mất mặt cả. Ra đời phụ nhiều người quá. Câu chuyện chỉ mới có đến đấy thì tầu đã nổi tiếng còi khởi hành và ông Sếp-ga lại vội vàng phất một lá cờ hiệu mầu đỏ ngòn...

Lại còn cái ông phắc-tơ già. Mỗi lần Nguyễn về Thanh dăm bảy hôm, thế nào cũng có một vài lá thư hay là vài tờ báo gửi theo. Tiếng ông ta đã nheo nhéo:

" - Có thư của ông Nguyễn. Thư đảm bảo. Gọi ông ấy ra mà ký nhận.

" - Có báo của ông Nguyễn. Nếu ông ấy không có nhà, thì bà xóa đi, biên cái địa chỉ khác luôn vào đây, tôi cầm về sở luôn cho tiện.

"- Này, có dây thép..."

Cả nhà Nguyễn sợ nhất cái mẩu giấy mầu xanh da trời này. Bởi vì mỗi lần cái mẩu giấy tai ác ấy được sở Bưu chính chuyển tới là Nguyễn lại lồng lên như ngựa vía và đòi đi ngay lập tức. Quần áo vừa mới giặt chưa khô, Nguyễn cũng cứ nằng nặc đòi đi, quơ cả lại và tấn vào cái va li da cũ mà chàng lấy làm quý hơn cả những người sống sờ sờ ra đấy. Nhiều khi Nguyễn không kịp thưởng thức cả đến một đĩa tiết canh vịt do tay người em gái chàng đánh rất đông và trị giá bằng một buổi dạy học tư mà nàng phải cho những hai mươi trẻ em nghỉ học để được đủ thời giờ trông nom bếp nước. Không biết tại làm sao mà cứ nhè những hôm người nhà Nguyễn bày ra ăn uống thì y như người ta lại đấm cửa để trao cho Nguyễn những cái giấy xanh xanh, xanh một mẩu ghê gớm. Sự tình cờ, sao mà nó quái ác đến thế. Những buổi buồn bực như thế, gây nên vì một cái giấy xanh của đời khoa học.

Người nhà Nguyễn không những đã không đưa trầu và nước mời ông phắc-tơ già như mọi lần, mà lại còn nhìn ông ta một cách khó chịu, hình như họ oán người phắc-tơ cố tình ăn cướp mất Nguyễn đi. Lẽ tất nhiên, những bữa ăn này không vui. Nếu Nguyễn có thấy vui sướng vì cái tin điện, vì cái tiếng gọi nào của một người phương xa, thì chàng cũng không dám tỏ ra trên nét mặt. Còn cả nhà Nguyễn thì không ai nói gì, mỗi người cứ lặng thinh mà và bát cơm. Cả một cái xe thiên cổ đỗ bên mâm cơm cúng! Trời!.

Vậy mà chuyến này, Nguyễn nằm ở Thanh đã hơn nửa tháng rồi. Hai cái má đã xị xuống và đôi mắt cứ hùm hụp mãi lên. Nguyễn soi gương, nhận thấy mình xấu quá. Ừ, mọi khi mặt chàng đanh đanh xương xương và cặp mắt bao giờ cũng chiếu ra cái ánh sáng hoạt động của mắt người lên cơn sốt rét kia mà! Bây giờ lòng mắt chàng đục và lờ đờ như mặt chiếc ao nước tù hãm. Ra người ta, khi mà đã quên băn khoăn và hết thắc mắc, để ăn cho đều đều, uống cho đều đều và ngủ cũng cho đều đều, thì trí khôn của người ta chỉ còn ở hai cái má chẩy xuống như má một con đồng siên linh.

Nửa tháng nay về Thanh nằm, ngày ngày hai bữa rượu, sớm sớm một ấm nước trà tầu có con bưng ống nhổ, có vợ quạt hỏa lò và có mọi người cưng dưỡng, Nguyễn không nghĩ gì đến sự kèn cựa của thân, của

phận và nhiều buổi lại còn tủm tỉm lấy làm hởi dạ được sống trong khung cảnh hiền lành và giữa sự yên thân.

...Hôm đầu mới về, buổi tối, được bắc cái chõng ra gác sân nằm khểnh, Nguyễn thấy dễ chịu. Uống ngụm nước trà tươi, chàng nghĩ đến những người sinh ra không may không được có lấy tấc đất cắm dùi mà phải chen chúc sống ở Hà Nội, thuê nhà tranh nhau với bọn Khách chạy nạn, thì chàng thấy mình ra còn sung sướng hơn ai hết thảy. Ngoài ấy, nóng nực như thế, thật sống cũng là cái thân tội. Ở đây rộng rãi, êm đềm, mỗi lúc gió biển Sầm Sơn tạt lên, cứ như quạt những luồng lạc quan vào lòng người ta. Nền trời, chốc chốc lại sáng lên vì cái vệt ông sao sa. Nguyễn thắp cái tẩu thuốc lá, tự bảo mình rằng cứ ở Hà Nội mãi thì có mấy khi được thưởng thức đến những cái hiện tượng này trong vũ trụ. Có nhẽ, dân Hà Nội không bao giờ được ngó đến một cái mặt trời mọc, một mảnh trăng xế và một chiếc sao đổi ngôi. Đáng thương thay cái bọn người suốt đời sống chỉ phải bận tâm bận trí với những cái hiện tượng là là dưới mặt đất thôi. Đi ở ngoài đường phố, trên vỉa hè đông đúc, những lo khỏi đụng, khỏi chạm, khỏi va cũng đã đủ mệt rồi. Tránh người, lại còn tránh xe, tránh tầu. Đâu đã hết cho! Lại còn đề phòng bọn ăn cắp móc túi, giật vì tiền nữa. Hồ dễ đã có mấy lăm ai có thời giờ mà

nghếch mắt nhìn lên cái cao xa ở trên đầu. Không nhanh con mắt thì oan linh hồn, Nguyễn ngờ rằng khởi điểm của hết thảy tai nạn xe tầu ở Hà Nội đều gây nên bởi những phút người ta đi ở mặt đất mà lại còn muốn nhìn một đám mây hình chó hay là một cái quầng trăng úa. Thế mà ở đây, Nguyễn được bình tĩnh ngắm trời, ngắm mây và theo hút những tia sáng sao đổi ngôi bằng một cái dáng nằm rất lười biếng và yên ổn. Người ta muốn sống cho sung sướng thì bất cứ ở trường hợp nào, cứ nên so sánh mình với những kẻ không được bằng mình! Có như thế.

Nhưng đã mấy đêm nay, Nguyễn nằm dài ngắm sao, nhìn sông Ngân Hà, đã ê ẩm cả mạn sườn ra rồi. Chuỗi sao Bắc Đẩu như xoay quanh một cái trục trung tâm, hạ cái thùng xe xuống tịt mãi chỗ chân trời và đánh bật lên cao cả ba con ngựa và cả thằng bồi ngựa nữa. Đêm càng về sáng, chuỗi sao Dua Dua càng lên cao như chiếc diều giấy ăn dây lúc gặp chiều gió sớm nâng đỡ. Sự đổi dời của đám tinh tú, cuộc sống huyền bí của những vũ trụ xa lắc kia, đêm đầu đã làm cho Nguyễn phải thao thức về siêu hình học. Nguyễn thấy mình hăm hở quá trong sự muốn hiểu, muốn biết và chàng ghi những nhà thiên văn học vào cái công đầu nơi lịch sử Nhân loại. Nhưng đến đêm nay, chàng nhận thấy cái lối giải trí bằng sự ngắm sao trên trời, tìm Con Vịt và ông Thần Nông v.v... đã

trở nên vô vị. Con người ta chả nhẽ sống chỉ để mà nhìn cái trò xê dịch của sao đêm và đo độ số tinh tú? Nhà thông thái kia, khi chôn cả cái thân thế mình vào cái nhà kính đài Thiên văn, chắc đã tưởng mình là gớm lắm. Tha hồ mà kể công với loài người! Láo toét cả, Nguyễn muốn có ngay dưới tay mình một cái đầu hói của nhà học giả chơi sao kia mà cốc một cái! Và bảo cho ông ta biết rằng:

" - Hỏng to rồi, nhà thông thái của tôi ơi! Ông là một người lỗi và lầm nhiều lắm. Ông đã làm mích lòng đấng Thượng đế vì ông đã đi ra ngoài cái quyền hạn của ông, trong khi, đáng lẽ ra ông phải làm cho trọn cái bổn phận tối thiểu của thằng người đã. Nghĩa là phải sống. Sống với thị dục, sống với giác quan, sống bằng xác thịt. Chỉ có thế là hợp với cái ý muốn của đấng Sáng Tạo tối cao và tối linh, đã sinh ra hết thảy muôn vật trên thế gian này. Tất cả chỉ có thế và những chuyện gì khác đều là những chuyện bày vẽ của Nhân loại muốn làm khó dễ thêm cuộc đời mình. Ông là một cái tác phẩm không xứng đáng của Thượng Đế. Chúa sẽ trừng phạt riêng mình ông và tha thứ cho những người khác không đi trật ra ngoài cái sứ mạng sống. Ông sẽ chịu thay cho Nhân loại tất cả những sầu, khổ, đau, ốm gây nên bởi sự nghịch mạng của ông muốn những sự chọc trời.

Nguyễn cười hà hà, ngồi nhổm dậy, thấy trời đẹp có trăng sớm, bèn mặc quần áo, ra ngoài đường. Đêm nay chàng không muốn ngủ nhà. Chàng đến đấm cửa nhà mấy người bạn thân thì người ta đều trả lời cho chàng biết, kẻ thì đi Sài Gòn đã ba tháng nay, kẻ thì đi lính thuỷ đã từ dạo Tết v.v... Nguyễn buồn quá, không biết nên đi tìm ai bây giờ. Không phải là ở đây, chàng không còn một người bạn nào. Có, kể ra thì cũng còn đến dăm bẩy người. Nhưng một người thì đã vào ở chùa, ăn chay và lấy đạo hiệu nhà Phật, một người thì được quan Tây thương tài, lại cho vời ra và cho thờ lại Nhà nước Bảo hộ; một người nữa thì bây giờ buôn bán to, làm chủ một hiệu lớn, ăn nói trở nên rất nhũn nhặn và tiêu tiền không phí phạm; còn, Nguyễn còn đến mấy người nữa. Còn một người bạn đi tù về, bây giờ làm thầu khoán, cả ngày chỉ nghĩ cách lấy lòng ông chánh kỹ sư mới, và rất băn khoăn không rõ ông chánh thích những món quà gì để mà đi ngay Hà Nội sắm quà tết một chuyến. Còn một người khác nữa cũng là bạn đi tù về, nhưng đến hai năm nay, mỗi lần Nguyễn gợi lại chuyện cũ thì anh ấy lại đánh trống lảng. Đống tro lòng! Bây giờ, anh ta ăn ở với ai cũng tròn cả; những cạnh và góc nhọn ở người anh, không biết anh đã mài nhẵn từ lúc nào. Thế là mất đi năm người.

trở nên vô vị. Con người ta chả nhẽ sống chỉ để mà nhìn cái trò xê dịch của sao đêm và đo độ số tinh tú? Nhà thông thái kia, khi chôn cả cái thân thế mình vào cái nhà kính đài Thiên văn, chắc đã tưởng mình là gớm lắm. Tha hồ mà kể công với loài người! Láo toét cả, Nguyễn muốn có ngay dưới tay mình một cái đầu hói của nhà học giả chơi sao kia mà cốc một cái! Và bảo cho ông ta biết rằng:

" - Hỏng to rồi, nhà thông thái của tôi ơi! Ông là một người lỗi và lầm nhiều lắm. Ông đã làm mích lòng đấng Thượng đế vì ông đã đi ra ngoài cái quyền hạn của ông, trong khi, đáng lẽ ra ông phải làm cho trọn cái bổn phận tối thiểu của thằng người đã. Nghĩa là phải sống. Sống với thị dục, sống với giác quan, sống bằng xác thịt. Chỉ có thế là hợp với cái ý muốn của đấng Sáng Tạo tối cao và tối linh, đã sinh ra hết thảy muôn vật trên thế gian này. Tất cả chỉ có thế và những chuyện gì khác đều là những chuyện bày vẽ của Nhân loại muốn làm khó dễ thêm cuộc đời mình. Ông là một cái tác phẩm không xứng đáng của Thượng Đế. Chúa sẽ trừng phạt riêng mình ông và tha thứ cho những người khác không đi trật ra ngoài cái sứ mạng sống. Ông sẽ chịu thay cho Nhân loại tất cả những sầu, khổ, đau, ốm gây nên bởi sự nghịch mạng của ông muốn những sự chọc trời.

Nguyễn coi họ cũng như là người chết. Bây giờ cái gì quý hóa ở người họ đã chết cả rồi, và lúc này, trong mình họ đang sống một thằng người khác. Nguyễn mới nghĩ đến người bạn thứ sáu hiện nay làm giáo sư trường Thành chung. Nguyễn đã định đến, nhưng chàng tự hỏi mình tới nhà ông mô phạm ấy để nói những cái gì. Hay là để nghe ông ta giảng cho nghe cái đạo tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ! Là cái món sở trường của ông ở mọi cuộc góp mặt người. Và chăng ông bạn gõ đầu trẻ sống cái đời khắc khổ rất đáng kính kia yêu trật tự quá, yêu kỷ luật quá, nên Nguyễn không dám đem cái bụi bặm cuộc đời bừa bãi của mình đến rắc vào nhà ông. Thôi thế là Nguyễn hết người chơi, bởi vì, đến cả ông Sếp-ga vừa gặp cũng vội bắt tay từ giã chàng, lấy cớ rằng trong một đêm nay, có những ba bốn chuyến tầu bất thường liên tiếp nhau đi qua ga mình và đâu lại có cả Toàn quyền đi nữa.

Bực mình, thấy mình cô đơn quá, Nguyễn bảo người xe trẻ tuổi kéo mình lên nhà hát. Xe đỗ trước cửa nhà hát, Nguyễn đã cầm cả chiếc gậy song vút ngang lưng tên phu xe vì nó vòi nài một cách nhũng nhiễu quá. Bà Phủ Thắng bây giờ trông lại càng khô nhiều hơn dạo năm ngoái, thấy Nguyễn - một bạn hàng quen - cất tiếng chào:

- Ông mới ở Hà Nội về. Sớm nay có con chim khách kêu ở cái cây xoan đu phía tây rồi cũng một con chim ấy lại nhẩy sang cây muỗm ở phía bắc vườn nhà, kêu một hồi dài hơn. Giả cho cái giống chim là thiêng lắm.

Nguyễn tủm tỉm vì bà Phủ Thắng lại xưng mình là giả. Pha xong tuần nước, bà Phủ than phiền những là bây giờ cái lớp người phong lưu hết mất rồi, làng chơi còn lại rặt một lũ nhau nhau cả. Bốn năm đồng bạc cũng lên mặt ăn chơi và dằn vặt người ta cho nó bõ cái đồng tiền bỏ ra.

- Ông tính, bây giờ họ hát xướng lạ lắm. Trống đánh rất rầm. Cứ vài tháng lại phải thay mặt trống. Thấy họ chơi, mà nằm trong buồng, tôi cứ lộn cả tiết lên. Cái gì mà lại mặc quần cụt và đánh trống như người hàng phở băm dao xuống mặt thớt. Cái gì mà trong lúc cô đào hát ngân từng tiếng rất công phu thì họ dẹp bàn ghế lại một góc tường rồi vặn kèn hát để nhẩy đầm. Đinh tai nhức óc quá.

- Cụ cứ nghĩ thế, chứ thời nào thì phải thói ấy.

- Tôi nghĩ rằng lộc thánh cho ăn, cũng có chừng, có độ thôi. Tham lắm không được, ông ạ. Đến cuối năm nay, tôi nghỉ dọn hàng. Các cô ấy muốn theo ai thì theo hay là còn muốn ở với tôi, chịu thức khuya dậy sớm trông nom vườn tược hộ tôi, tôi cũng xin nhận.

- Bà cụ có điều gì mà chán nghề đến vậy?

- Mình chả chán nghề thì nghề cũng đã chán mình lắm rồi. Tôi muốn phiền ông một việc. Là có gặp người quen có bề thế, ông đánh tiếng dùm cho để tôi bán cái tòa nhà này. Bốn nghìn. Tôi chỉ giữ lại có cái điện ở mặt trong thôi.

- Bốn nghìn. Trời đất này, kể bốn nghìn cũng là một số tiền to.

- Nhưng mà cái thửa dương cơ của tôi này cũng to lắm chớ. Ông thử xem xem nó có như cái biệt thự một ông quan về hưu trí không? Ừ mà phải, ông thử xem có quen ông quan sắp hưu trí nào muốn dấm sẵn một nơi dưỡng lão thì ông mách hộ. Tôi không đùa đâu mà.

Nguyễn không thể nhịn hài hước được. Sự đời sao hay chơi chữ đến thế? Một người ả đào già, một lão kỹ bán nhà và lại nhè ngay một ông quan về hưu mà nhường cơ nghiệp. Cái văn khế này mà đưa ra tòa trước ba, thì đến Tây cũng cứ lăn ra mà cười. Một người hết duyên sang tên đất cho một người hết lộc! Nguyễn chỉ cười được thoảng trong giây lát, rồi chàng lại thấy buồn ngay. Chàng đòi uống rượu. Chàng uống một mình, với một con mực khô, với mười mấy quả nem chua. Nguyễn say một cách mênh mông bởi ngồi ở nhà hát, cái buồn của chàng quả là đã quá mênh

mông. Một cô đào ôn con, thấy Nguyễn đi chơi như một kẻ gàn, chọ chẹ lên cái giọng oanh xứ Thanh Hóa:

- Anh uống được nhều nhẩy!

Nhều nhẩy! Nghe đã như đấm vào tai nhau chưa! Nguyễn càng bực mình thêm. Rồi vơ vẩn chàng đã vớ được trong ký ức một câu thơ tình của Lamartine mà chàng nhại thành câu: "Thiếu có một bà Phủ Thắng, mọi cái ở đây rồi đều trở nên vắng vẻ" cho nó hợp với cảnh tình.

Qua ngày hôm sau, lúc trở về nhà gọi thợ giặt đến nhận quần áo thay, Nguyễn vô hạn nhớ cảnh Hà Nội. Nơi túi áo tây rũ ra, chàng nhận thấy mấy cái cuống vé tàu điện. Bưởi! Bạch Mai! Cầu Giấy! ...Bờ Hồ!... Ở đấy, ít ngày gần đây, đã có những cái gì xảy ra? Chàng xa vắng Kinh thành, không biết cái lỗ trống ấy có đủ là một lỗ trống đáng được cuộc sống nơi phồn hoa đếm xỉa tới hay không?

Buồn lắm, Nguyễn thuê nửa giờ xe đạp, đạp xuống xóm Lò Chum, tìm cái ông Đội Đoan già, vốn ngày trước vẫn bán hoa hồng cho chàng. Vườn hoa bây giờ đã biến thành vườn cau cải. Ông chủ vườn hồng, trông tiều tuỵ hơn trước, chỉ ra mấy cây hồng cằn cỗi:

- Nắng lắm, có được bông nào, thì cánh cũng thưa lắm. Ở đây cũng chả có ai chơi nữa.

- Thế mấy cây Giang Nam, cái thứ cánh ấu mầu trắng xanh ấy đâu cả rồi?

- Lụi cả rồi.

Tiện đường, sẵn xe, Nguyễn ghé thăm một người bạn học hồi nhỏ, từ cái hồi còn đánh quay, bắn súng cao su và thả thuyền giấy ở rãnh nước. Người đó đang lau mũi cho đứa con nhỏ, thấy Nguyễn ghếch xe lên bực hè nhà mình, hỏi một câu nhạt kém nước ốc một chút:

- Mới về à! Đi đâu thế?

- Tối nay chúng ta đi xem chớp bóng đi. Định lại dặn anh rồi tối tôi xuống rủ anh đi.

- Có đi thì đi ban ngày thích hơn. Tối về gọi cửa, trẻ con nó thức giấc dậy, phiền chết.

- Ừ, thì đi bây giờ vậy. Hôm nay đâu nó có làm cả buổi ban ngày nữa.

- Sắp ăn cơm rồi. Thôi để lần khác.

Nguyễn ngửi thấy cái mùi cá kho của một gia đình sống với sự ngăn nắp, mỗi năm muối dưa hành từ tháng mười, ăn tuần tự mãi đến tháng hai sang năm mới hết. Nguyễn rã rời nắm tay bạn lên xe. Người bạn còn nắm lấy cái ghi đông, ân cần đính ước đến ngày mai vậy:

- Ngày mai, nó chớp phim có nhiều ngựa, nhiều người bắn nhau ghê lắm. Và hình như ngày mai có quan Sứ cũng đi nữa. Cụ Sứ hay đi xem lắm nhá! Ngài đã đi xem phim nào, là phim ấy phải hay.

Tiểu thuyết thứ bẩy số 273 (26-8-1939)

MÊ SÁCH

(Tùy bút)

Cậu kỉnh, Lưu và Hoàng, mở mắt đỏ ngầu, ngồi nhỏm dậy, gắt hỏi:

- Cái gì thế?

Nguyễn tủm tỉm, dí cuốn sách vào mũi hai bạn.

- Này, tôi mới có cuốn sách này.

- Vậy mà làm sao?

- Hai anh có ngửi thấy mùi thơm nức của thứ mực in nguyên chất không pha và thứ mùi thơm nhạt nhẹ của loại giấy thượng hảo hạng không? Giấy Impérial D'Annam à la cuve đấy.

- Biết rồi. Thế rồi sao nữa?

- Rồi sao? Sao cái gì? Nó là cuốn sách đặc biệt, loại không phát mại, tao mầy mò có được, cho chúng mày xem, xem có thú không, có đáng quý không, chứ còn sao với chẳng sao cái gì nữa.

- Con khỉ. Cút ngay ra chỗ khác. Có thế thôi mà cũng lắc người ta dậy.

Lưu và Hoàng vùng vằng, lầu nhầu với Nguyễn và lại quay mặt vào trong tường, ngủ giấc ngủ ngốn ngấu của người rất mệt mỏi. Nguyễn, tay cầm cuốn sách, mắt nhìn bạn, cười nhạt, đi ra bàn giấy. Ở đấy, một con dao lưỡi cùn bằng đồng đen, chuôi trạm hình đầu con thú, đã mời Nguyễn cầm lấy để rọc những trang giấy rất mịn của cuốn sách quý. Con dao cổ đã gọn cái chuôi sù sì trong lòng tay phải rồi mà Nguyễn vẫn còn kềnh càng ngửi mãi cuốn sách, ngửi rất lâu như một tên ngốc dí sát cánh hoa lan vào mũi để cố đánh hơi tìm mãi cái mùi hương vương giả không bao giờ chịu ở gần mà chỉ tiết ra một cách thoang thoảng thôi. Chàng hít sách, có vẻ kính yêu của một người con trai lương thiện ngửi trộm cái mớ tóc mây mới gội của người ý trung nhân lúc chợp mắt. Nguyễn hút thuốc lá, bây giờ mới khởi công chia lìa những đệm giấy dầy xôm xốp ra từng tờ một. Tiếng dao đi vào các thớ giấy dai, làm bung xơ mép giấy, nghe soạt soạt đều và hiền lành và vui vẻ nữa. Ra cái tiếng xé rách một vật lành lặn, lắm khi còn là những tiếng đệm của một thứ nhạc nữa. Chả trách nghìn xưa, Đát Kỷ nó thích nghe người ta đem từng súc lụa trong kho tàng ra mà xé. Cái tiếng lụa đứt từng sải đánh roạt một cái, hẳn

cũng phải như thế nào, nên người ta mới vui thích được chớ!

Ngoài đường phố, buổi trưa mùa nắng làm dịu hẳn trong chốc lát những tiếng hoạt động của đô thành. Trong gian buồng học, tiếng con dao rọc sách nghe càng rõ ràng và nó cứ đều đều như thứ âm điệu ru ngủ những linh hồn đã bẽ bàng, mỏi mệt với cái sống vật dục hàng ngày. Ngồi rọc cuốn sách, ngồi soi lên ánh sáng những gân nét chữ mờ mờ và những thương tiêu cũng mờ mờ ở trong lòng giấy, ngồi nghiêng nghé nhìn cái bóng bẩy của mực đen tô góc nét chữ in sắc gọn như mũi kim mới, Nguyễn càng thấy thú vị, êm ả bao nhiêu thì, tưởng đến những cuộc hội họp chè chén và các buổi đình đám, chàng lại càng chán chường với những trò ồn ào, ồn ào một cách tẻ lặng mà thỉnh thoảng chàng phải góp vào một lời nói vuốt đuôi, một tiếng cười hoặc gượng gạo, hoặc đưa đẩy. Những lúc này, Nguyễn cho là mình đang chuộc gỡ lại cho mình những cái phút tầm thường của những giờ ăn chơi với cái thiên hạ chỉ muốn những chuyện quay cuồng ồ ạt. Thưởng thức cái hình thức một cuốn sách đã, rồi kế đến, sẽ thưởng thức đến cái ruột trong cuốn sách của người đồng thời, hoặc là nghe lấy những lời quý báu của lớp thánh hiền đã khuất. Nguyễn cho rằng còn làm được như thế, thì trong người chàng, những cái gì là đáng quý, cũng chưa đến nỗi mất mát

hết. Đã lâu nay, chàng hơi ngờ đến cái thiện căn ở lòng chàng. Nếu hồi gần đây chàng có mua được một ít sách và đọc được nhiều sách, thì cũng có nhiều lúc chàng đã rủ rê những người đàn bà không lương thiện tiêu phí với chàng một vài số tiền, trong những giây phút mà thông minh không đủ cai quản được tâm tình.

Nguyễn ở vào một cái tuổi chưa biết quý đồng tiền. Đối với chàng, đồng xu chưa được là một đồng xu, nên tiền bạc nằm trong tay chàng, có mấy khi được nóng. Có là tiêu. Tiêu cho hết. Nhiều khi lại còn nghĩ ra cớ, bịa ra chuyện để mà tiêu. Tiêu rất tàn nhẫn. Bao nhiêu là tiền bạc của Nguyễn đã biến ra thể một làn khói thuốc, một vệt bụi phấn thơm, một giọt rượu ố mà tên thợ giặt tẩy mãi không mất được ở quần áo chàng. Dấu vết của ngày cũ đượm một thứ mùi nhạt nhẽo của vật mốc.

Đã hai năm nay, Nguyễn cố chơi sách để cho mình không ngẩy ngà mình đến sự hoang phí tiền tài. Nhiều buổi chiều trời trong sáng êm dịu, thoáng thấy một bóng người đàn bà đủ đởn hay một cái cười khiêu khích, Nguyễn trở nên lo sợ. Bởi vì mấy đồng bạc trong túi đã bắt đầu cựa quậy và muốn đội nón đi theo ngay cái hình bóng đẹp vừa lướt qua. Nguyễn thấy xác thịt có chiều núng, chàng chạy tọt ngay vào hiệu sách, đòi mua sách như một sinh viên mua sách

học để thi ra. Trả xong tiền, mang được sách về nhà, Nguyễn sung sướng như một kẻ làm tướng vừa thắng trận. Cái trận muôn nghìn năm của xác thịt đòi hỏi quyền sống. Lâu dần, trở nên một thói quen, muốn tránh sự cám dỗ của người đàn bà dễ dàng, dễ dãi, chàng lại đi mua sách. Cho nó hết chỗ tiền túi đi. Có những buổi, có tiền mà chẳng có ai trêu ghẹo đến cả, chàng cũng cứ đi mua sách. Thế có đáng buồn cười không. Ở người chàng, lòng sợ người đàn bà ở đâu đâu một cách mơ hồ, vô danh, đã trở nên một bệnh tưởng. Mỗi một lần để thêm vào thư viện gia đình được một cuốn sách mới mua, chàng lại cho rằng ta vừa tránh thoát được một cuộc chèo kéo của sa ngã. Thành thử, cái người đàn bà dễ dãi không tên tuổi nào đó, đã luôn luôn là cái đối tượng để cho chàng mua sách, chơi sách và đọc sách. Oan thay cho cái giống nghiệp chướng ấy sinh ra để mà làm hại cả đến hình hài một kẻ tu hành đấy; nhưng riêng với Nguyễn, nó là một cái gì đáng ghê gớm, ghê gớm đến nỗi Nguyễn đã nhớ như chôn vào ruột cái cảnh rối loạn của xác thịt và rắp tâm tự cứu chữa bằng sự mua sách, gọi là tìm thuốc cho tinh thần đau ốm. Cái ám ảnh lố lăng ấy, thế mà đã là cái khởi điểm cho sự góp nhặt tìm kiếm sách ở một người chưa muốn tự khinh rẻ mình. Ngắm tủ sách đầy, phô những lần gáy da xanh đỏ mạ nước vàng chưa xuống mầu, Nguyễn đôi phen ngùi tiếc

những cái tình ái mua được bằng tiền giữa nơi phồn tạp. "Đây là cái nấm mồ rất xinh đẹp, quý báu chôn lấp bao nhiêu là thú vui xác thịt của cái sống trẻ. Không đãi đằng gì với hoa lệ của Kinh đô, ta đã bủn xỉn với cái mình của ta để làm giàu cho đầu óc ta. Ừ, giả mình không keo bẩn và hèn nhát trước sự mời chào của những người đẹp nhan nhản trong cuộc sống, họ tự lấy mình họ làm một thực phẩm đem phát mại cho đêm thành thị, thì ta cũng còn hưởng thụ chán. Nhưng có cái gì bền lâu. Cái gì rồi cũng thành kỷ niệm hết. Thứ nhất là những cái son phấn có một thời, chuốc lấy trong một đêm mưa bão của lòng. Rút lại chỉ có sách vở là quý. Được cái này thời phải mất cái khác. Ta đem cái tiền mua ái tình của người bán ái tình dùng vào việc mua sách. Và lấy cái bụng mê sách đẹp, chưa nói đến sách hay - ra mà thay cho cái bụng mê người đàn bà lộng lẫy".

Một năm, hai ba năm. Cái bụng cầu vui bên cạnh người đàn bà rất dễ dãi về điểm đạo đức, đã vợi dần. Và nơi ngăn tủ đứng, những hàng sách bìa da mỗi lúc lại dài thêm, nhiều thêm được dăm bảy cuốn. Nguyễn bây giờ quên hẳn đàn bà, chỉ còn biết có sách thôi. Trước kia mua sách để tránh sự cám dỗ của đàn bà, những thứ đàn bà thích tiền. Trước kia chàng lấy cuốn sách và thú chơi sách làm một cái lẽ để kiềm chế mình khỏi xuống dốc truỵ lạc, làm một cái cớ để tự

mình nâng đỡ lấy mình, mỗi lúc bước hụt quá một bước trên con đường dài dằng dặc của truy hoan. Bây giờ, thì không thế. Chơi sách, đối với Nguyễn đã hồ thành một thói nghiện. Chàng chơi sách vì chàng thích sưu tầm sách đẹp, chứ không có cái ý gì khác nữa. Vì cái thích chơi sách mà lắm khi Nguyễn đã tự thấy mình là một thứ người già, già ở cái lối chơi. Con người ta, ở mỗi tuổi cái sở thích mỗi khác. Cái mài miệt chơi sách, thường chỉ thấy ở những người đứng tuổi, đã biết chịu thua với định mệnh, đã hết cả ảo tưởng về chuyện bay nhảy, và đã chịu ép một bề với cảnh an cư để mà lạc nghiệp. Đáng lẽ, sống theo cái luân lý của mọi người khác vào lớp tuổi chàng, thì chàng phải mê một quả bóng da, phải chơi yo-yo, phải đánh mạt chược, phải thích đi xem hát, phải đi xem người ta nhảy lửa, múa dao trên lưng một con ngựa xiếc, phải chơi máy vô tuyến điện, và ngày chủ nhật, phải a dua mà phục sức một cách lòe loẹt và đàn đúm hội họp ở những nơi công chúng. Mới có ba mươi tuổi đầu, Nguyễn cảm thấy mình đã là một thứ người già, ngày ngày thơ thẩn ở vườn thư viện hay các cửa hàng bán sách cũ, với một vẻ mặt đi vắng, với một chiếc cà vát đen và một nét cười ít chịu phao phí với người chung quanh. Tuổi thiếu niên của chàng có cái bề ngoài của một thứ cây đã khô hết nhựa thanh xuân. Nguyễn cảm thấy đời mình đã bước sang một giai

đoạn khác. Ngày trước, sống với cái âm ĩ của cuộc đời bên ngoài. Nay, ngẫm lại cái quá trình, Nguyễn thấy cần phải sống với cái cuộc sống bên trong và phát huy nó ra bằng một cái công trình gì, mặc dầu nó là nhỏ bé. Hưởng thụ lắm, nay đã đến lúc trả nợ. Lòng Nguyễn xôn xao.

Một hôm, mở cuốn sách cũ, ở kẽ trang sách chàng thấy hình một con bướm ngũ sắc, bị ép xác mỏng dính và khô đét. Lấy mũi dao con, cậy mình con bướm khô, chàng thử nhớ lại xem cái hình ảnh này có nhắc lại một chuyện gì không. Ngày cũ lại trở lại. Một bàn tay người đẹp đã để con bướm vào cuốn sách này.. Thì ra lúc làm cái việc rất tầm thường đó, đã bốn năm năm về trước, người ta có ngờ đâu đã ghi lại cho chàng về sau này, một chút kỷ niệm của thời vui đùa.

Một bãi cỏ. Một tiết trời êm sáng. Một đàn bướm rập rờn, chàng, và một người đàn bà vô lo vô lự. Gối đầu lên một cái giỏ thực phẩm, chàng nằm đọc một tập thơ. Người đàn bà chạy chung quanh chàng để đuổi bắt những con bướm yếu ớt. Bướm trốn hết, người đàn bà ngồi xệp xuống thảm cỏ nội, lắng những giờ không có giây phút và nhổ cỏ may nơi ống quần. Luồng gió chiều đưa từ chỗ không quạnh nào của chiều hôm đã giục những cơn bướm đi ngủ và nhắc chàng chia tay người đàn bà. Không biết bắt được nó vào lúc nào, người đàn bà vui trẻ kia đã đưa cho

chàng một con bướm, cánh lốm đốm những năm sáu mầu phấn rất gắt. Dưới sức cặp chắc của hai ngón tay tháp bút, móng tay vót nhọn và đỏ ngòn như lá móng Tết mùng năm, con bướm giẫy giụa. Hai con mắt li ti của bướm như muốn van chàng tha cho nó, cho nó được sống với cỏ ngàn. Người đàn bà đã giật lấy cuốn sách thơ của chàng, để con bướm vào ruột sách, và ép rất mạnh hai miếng bìa vào nhau. Con bướm vỡ ruột kêu một tiếng rắc rất khẽ. Lòng cuốn thơ hoen ố dấu vết một nguồn sống. Xác chết ướp trong sách, ngay buổi chiều ly biệt giữa chàng và người đàn bà ấy, chắc chắn là thơm lắm, thơm một mùi thơm của phấn nhị trăm thứ hoa rừng.

Nguyễn cậy xác bướm. Xác bướm ải ra như bột. Chàng ngửi thấy mùi nhạt nhạt của thứ hương phấn đã đi mùi. Bốn năm năm rồi còn gì nữa. Chàng ngùi ngùi một cách rất thi vị, nhớ đến một câu thơ chữ Hán của ngày xa thẳm dội đưa về.

Hủ điệp hữu tình lưu giản sách,

Tàn hồng vô lệ khấp văn chương.

Người ta khi đọc cho chàng, đã nói rằng đấy là câu thơ của ông vua Dực Tôn làm, khi ngài mở lại tập sách cổ ở gác Đông Các, lúc bắt được một con gián và một con bướm chết khô giữa mấy tờ giấy bản.

Tay nâng ngang mày cuốn sách cũ, Nguyễn thổi bụi bướm. Bụi bướm tan hòa nơi góc phòng. Những

hạt bụi bướm, óng ánh dưới tia nắng chiều như bột kim nhũ ngân nhũ. Nó gợi lại cái lòng trẻ trung của Nguyễn. Nhưng buồn rầu, Nguyễn thấy cái việc của một người đứng tuổi muốn trở lại làm ngây thơ là khó lắm. Có lẽ cả thế giới, cũng chỉ mới có một ông André Gide đã bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà vẫn còn cầm được một cái vợt đi đuổi bướm nơi ruột rừng Phi Châu.

Thế rồi Nguyễn bình tĩnh cầm cái giẻ mỏng lau từng cái bìa da các pho sách bị trời nồm làm mốc nổi lấm tấm. Rồi chàng nâng ra khỏi tủ sách những chiếc cóng sứ có đựng vôi. Trời nồm thực. Cục vôi để vào đây mới có mấy hôm mà giờ đã mủn cả ra thành vôi bột. Nếu không cẩn thận như thế, thì ẩm thấp còn làm hỏng sách đến đâu.

Nguyễn hơi mệt, ngồi xuống, lẩm bẩm, cộng những số tiền bỏ ra mua sách và đóng sách từ trước tới giờ. Tính phắc phắc ra, thế mà cũng khối tiền ra rồi. Thấy món tiền tiêu cho cái thư viện gia đình đã là to bây giờ Nguyễn mới nhận biết ra rằng chơi sách cũng là một cách để dành tiền rất văn chương. Dăm bảy ngày một cuốn, suốt một đời người, nếu cứ chịu khó chơi sách cho đều, sau này người ta có cả một cái gia tài lớn. Hình như hôm trước, chàng vừa đọc ở một tạp chí nào có tường thuật vụ phát mại một cái tủ sách tại nhà Tầm tầm ở Paris. Phải, cái tủ sách quý của

Anatole France, có cuốn giấy tốt xứ Hà Lan, người ta tranh nhau trả tới mười vạn quan.

Nhận biết tủ sách mình là cả một số tiền to, gây dựng nên bởi những ngày hy sinh liên tiếp trong mấy năm tròn, Nguyễn nghĩ đến đứa con của chàng bây giờ đã đi học. Cái ý nghĩa về bổn phận tràn ngập trong lòng, chàng càng thấy rõ mình là già. Ừ, thôi lo từ giờ đi thì vừa. Chả mấy chốc, chúng nó đã thành người cả, mình có cái bổn phận phải chăm nom đến chúng. Không ích kỷ được nữa. Chàng mới vui sướng, nhìn tủ sách đẹp và tự bảo: "Thế ra có phải mình chơi sách để làm thỏa cái thích riêng của mình đâu. Mình chơi sách còn để truyền lại cho trẻ. Đây là cái phần hương hỏa sau này của chúng".

Lưu và Hoàng ngủ no giấc, đã trở dậy. Thấy Nguyễn lúi húi nơi bàn giấy, ngồi quay lưng lại phía họ, họ hỏi:

- Mày đang làm gì đấy?

Nguyễn không ngửng đầu, không trả lời. Chàng đang bực mình vì lưỡi dao cầm nghiêng đã làm lẹm mất bốn năm tờ giấy, buộc chàng phải hớt rất khéo những mép giấy lờm nhờm bẩn mắt.

Lưu và Hoàng lại gần, nhìn nhau:

- Nó vẫn rọc sách quý. Có phải ban nãy, mày định đánh thức chúng tao dậy để khoe cuốn sách đẹp này đây phải không? Ừ, đẹp đấy.

Nguyễn thấy khen, đắc chí:

- Thôi không gắt nữa à? Chúng mày ngủ ngon quá. Tao lạy chúng mày đừng phá, để cho tao rọc nốt.

- Làm bộ mãi.

Lưu, Hoàng, Nguyễn cười khì khì và cả ba đã chụm đầu trên cuốn sách mở rộng. Họ lật từng trang giấy, nghiêng, nghé, soi, rờ, cốt để tìm những cái vụng về, lầm sót của cuốn sách loại đặc biệt. Giở đến trang cuối cùng, ngắm kỹ xong cái bìa in ba thứ mực khác nhau, thấy sách là hoàn toàn, họ đều đồng thanh khen:

- Tụi Tây nó in sách, thực là cả một nghệ thuật. Chả bù với sự ẩn loát cẩu thả bên mình.

Nguyễn bảo Lưu và Hoàng:

- Đứa nào muốn đọc thì đọc trước đi. Tao xem sau. Và khi tao đã đưa cho thợ đóng bìa da rồi, thì tao không cho mượn nữa.

Lưu và Hoàng bĩu môi, tỏ ý cho Nguyễn hiểu rằng cuốn sách có gì mà quý, mà đáng trịnh trọng đến như thế. Không phải là họ không biết đến giá trị của một cuốn sách. Nhưng Nguyễn càng nâng niu sách bao nhiêu thì hai người bạn thân của chàng càng phản lại cái tính của Nguyễn. Họ chỉ cốt đọc cái lời trong sách, một khi đọc xong là buông tung bỏ vãi, có khi mất hay ai lấy cũng chả biết. Chỉ tội cho Nguyễn cứ ngày ngày làm đầy tớ cho họ, vuốt lại những trang nhầu khi họ

ngủ quên gối đè lên giấy, và bọc bìa lại cho khỏi bẩn. Lưu và Nguyễn và Hoàng lắm lúc to tiếng với nhau vì một cuốn sách. Nguyễn không muốn cho Hoàng mượn những sách chàng đưa đóng lại rồi vì chàng sợ bạn không biết giữ gìn và hay tha đi hết chỗ này đến chỗ nọ. Thứ nhất là Lưu mà đòi mượn thì chàng càng sợ hơn. Ai đời sách người ta đóng bìa da như thế mà Lưu gấp trái bìa lại để xem nằm cho tiện, thích chỗ nào là bút chì xanh đỏ cứ gạc nát cả sách ra, rồi lắm khi lại còn lấy hàng bốn năm cuốn để gối đầu. Cái hồi mới chơi với nhau, Nguyễn rủ Lưu và Hoàng về quê nhà mình, cốt để khoe cái tủ sách đẹp và quý. Giở đến một cuốn sách in bằng thứ giấy dó Lịnh Hội, có bỏ vào hộp giấy kỹ lưỡng, đầu mép trên cuốn sách, rọc khéo quá, đến nỗi soi giở sách vào tia nắng, trông không khác gì cái làn mặt một thứ nhung rất mịn tuyết hay là làn da một trái đào tơ có những gợn lông tơ, Nguyễn bảo Lưu:

- Anh xem cái ánh sáng lọc ngang qua mép sách có vờn tuyết giấy xơ, nó có dịu không? Đẹp lắm phải không?

Lưu cũng nhận thế. Mà mải nói chuyện, đăng tính, Lưu lấy tay vuốt mãi mép sách, làm chết hết cả lượt tuyết. Từ hôm ấy Nguyễn khiếp, không dám mời Lưu về nhà riêng xem sách đẹp nữa. Nhiều khi có cuốn sách đẹp và lại hay, Nguyễn muốn đưa cho các bạn

xem và đọc, nhưng chàng lại ngại. Vì, chàng đã đủ kinh nghiệm về sự cho nhau mượn sách là về sau khó nói chuyện lắm. Chả nhẽ bắt đền. Và có già đòi hỏi lắm, thì cũng chỉ đến mười bận là cùng. Đánh mất ngay một số bạc, thật không bực bằng một cuốn sách có ra khỏi tủ mà không được trở về thư viện gia đình. Nguyễn nhận ra một điều hơi buồn, là đã chơi sách thì phải ích kỷ, khoảnh độc. Nhiều khi vì thế mà mất cả bạn nữa. Nhưng, cuốn sách hay, cuốn sách đẹp cũng là một người bạn quý, mỗi lúc có được, há chẳng nên giữ gìn lấy cho chặt chịa?

Tạp chí Tao Đàn số 11 (16-8-1939)

CHÁN LẮM ĐỜI Ạ !

(Truyện ngắn - Tóm tắt)

Nói về một nhân vật béo tốt, thỏa mãn, chỉ có ăn. Tác giả gọi là "Ông họ Chư", "một con lợn cạo sạch lông đi bằng hai chân theo chiều dọc". "Nhiều lần hắn rất ngẩn ngơ khi hắn nghe lỏm thấy người ta than phiền cùng nhau về sự thiếu đói của một số đông", "Tẩm mình trong sung sướng vật chất, hắn tưởng chừng như người ta sống ở đời chỉ để mà ăn cho thích khẩu. Và trong cõi đời tốt đẹp như thế, chỉ có những kẻ phải ăn đói là ngu dại". "Một người hiểu cuộc sống như hắn, đã có thể là một người ngồi đè được lên trên mọi băn khoăn về kiếp con người. Chung quanh sự cử động của một động vật, đã có cả một thế giới phẳng phiu".

Tiểu thuyết thứ bảy số 260 (1939)

VUI THÊM ĐƯỢC MỘT NGÀY NỮA

(Tùy bút - Tóm tắt)

Bài viết có nói đến đám tang một "chiến sĩ xã hội": "Buổi trưa này, người ta cử hành đám ma một chiến sĩ xã hội thở hơi cuối cùng giữa sự thương tiếc của mọi người ở mọi giới". "Theo sau quan tài phủ màu đỏ xã hội, lòng tôi mênh mông thương nhớ. Biết bao giờ cái Buổi Chiều Lớn mới xẩy tới cho người ta được hưởng thụ thêm một chút công bằng và nhân đạo?"

Tiểu thuyết thứ bảy số 261 (1939)

TẤC GANG MÀ LẠI GẤP MƯỜI QUAN SAN

(Tùy bút - Tóm tắt)

Người kể chuyện xưng "tôi" có một bạn học cũ tên là Trần. Trần giỏi về môn địa lý và có mộng phiêu lưu. Anh ta sau làm bồi tầu đi Mácxây và ở lại Pari. "Tôi" rất thèm cuộc đời của Trần, nghe tin Trần về nước, mừng quá, bèn tìm đến để nghe chuyện bốn phương. Nhưng "tôi" thấy Trần chỉ là một kẻ tầm thường và mất gốc. "Tôi" dự định trong đầu mấy cuộc đi chơi xa thăm vài người bạn già, thăm vài người bạn gái rất có học và luôn luôn muốn làm gái Annam với cái mớ tóc mây không cắt, với quần lĩnh Bưởi và áo the La Cả. Cái chủ tâm của "tôi" là muốn cho Trần tìm lại cái thi vị trong cuộc sống nơi đất nước mà anh đã lạc mất từ lâu rồi. "Tôi" đã biết sợ và buồn cho một số người Annam xuất dương từ ngày nhỏ, đến nỗi khi về trở nên bỡ ngỡ với gốc tích, nhìn non sông ở đây như một kẻ lạ lùng; thế rồi là họ đâm ra mất gốc, chửi nòi giống và ca tụng ồn ào cái văn minh của Địa

Trung Hải. Không bao giờ "tôi" muốn Trần biến thành thứ bệnh nhân khả ố ấy của xê dịch. "Tôi" muốn cho Trần được "ăn một bữa dấm cua đồng nấu rất thơm ngon bởi nữ công cổ điển của một cô em tẩm nhuần trong cái gia đình Annam tối cổ và rất nền nếp". Nhưng Trần tỏ ra không thích, anh ta chỉ mê thịt bò bít tết.

Đó là một con người "lấy cái ích kỷ của cá nhân làm lẽ phải của cuộc sống", "cái vốn Annam của anh ta đã mòn, mà cái lãi lấy ở kiếp sống bồng bềnh không thêm được tí gì".

Tiểu thuyết thứ bẩy số 265 (1939)

VANG BÓNG MỘT THỜI*

(Tập truyện ngắn)

---

* Vang bóng một thời là tập Truyện ngắn do Nhà Tân Dân xuất bản lần đầu năm 1940.
Những truyện ngắn trong tập sách này thực ra đều đã đăng trên tờ *Tao đàn tạp chí* và *Tiểu thuyết thứ bảy* năm 1939 dưới đề mục *Vang và bóng một thời*. Khi in thành sách, tác giả có sửa lại lời văn, thêm bớt một vài chi tiết ở chỗ này chỗ khác, không có ảnh hưởng gì đáng kể tới tư tưởng của tác phẩm. Riêng truyện *Bữa rượu máu* và *Chữ người tử tù* thì kiểm duyệt Pháp có bỏ đi vài chi tiết quan trọng. Đặc biệt là *Bữa rượu máu* do lược bỏ hai chi tiết quan trọng (hai tên quan đầu tỉnh Tây và ta chuốc cho nhau hai tuần rượu và một cơn lốc làm bay cái mũ của thằng Công sứ Pháp xuống bãi cỏ pháp trường) đã làm thay đổi lớn tư tưởng của tác phẩm.

Kính tặng cô và bố

NG. T

BỮA RƯỢU MÁU*

Phía Tây thành Bắc, trên một nền đất rộng đổ sát vào chân thành cho lần gạch ngoài thành được thêm vững chãi, lũ cây chuối mật tha hồ mặc sức mà mọc. Nó um tùm, tầu lá rộng và không bị gió đánh rách, che kín bóng mặt trời. Trên áng cỏ bốn mùa ẩm ướt, loài nấm dại sinh nở bừa bộn. Khoảng đất ấy ở phía sau kho lúa xây trong thành quanh năm không có vết chân người. Mỗi buổi chiều mặt trời lặn, mấy con chim không tổ mỏi cánh định tìm vào vườn chuối âm u này để ngủ. Nhưng thân chuối cao vút và tầu lá chuối trống trải không đủ là nơi làm tổ, loài chim kêu mấy tiếng thưa thớt rồi lại bay qua ngọn thành. Vào tiết mưa Ngâu, vườn chuối dầm dề một khúc nhạc suông nghe buồn thỉu buồn thiu.

Vườn chuối phía Tây góc thành sớm nay quang đãng khác mọi ngày. Trên mặt cỏ ngổn ngang những tầu lá, cuống còn tuôn rỉ ra những dòng nhựa thẫm

* Đã đăng *Tạp chí Tao đàn*, số 4 năm 1939. Khi đưa vào tập *Vang bóng một thời* (1940), bị cắt xén những chi tiết quan trọng và đổi tên là *Chém treo ngành*.

màu. Không khí làm se nhựa chuối lại, kết nên thành những khối keo quyện chặt lấy búi cỏ gà.

Cùng một buổi chiều ấy, mấy người vợ lính cơ đứng trong luống bãi dâu trồng ở dưới chân thành sát ngay với bờ rào, được nghe tiếng người hát trên ngọn thành, ở trên đầu họ, đúng ngay chỗ vườn chuối im lìm của mọi ngày.

Tiếng người trên mặt ngọn thành cứ hát rằng:

Trời nổi cơn lốc
Cảnh càng u sầu
Tiếng loa vừa dậy
Hồi chiêng mớm mau
Ta hoa thanh quất
Cỏ xanh đổi mầu
Sống không thù nhau
Chết không oán nhau
Thừa chịu lệnh cả
Dám nghĩ thế nào
Hãy ngồi cho vững
Cho ngọt nhát đao
Hỡi hồn!
Hỡi quỷ không đầu!

Người ở trên mặt thành hát đến đâu thì tiếng những thân cây chuối đổ xuống mặt đất tường thành

lại kêu roạt roạt đến đấy. Bọn người đàn bà hái dâu ngừng tay bứt lá, nghiêng đầu lắng kỹ. Cái bài hát năm mươi tư chữ nghe như bài sai của thầy phù thuỷ, đã hát đi hát lại đến mấy lần. Cứ xong mỗi câu thì lại có tiếng roạt. Chỉ có cây chuối bị chặt mạnh, mình lìa hẳn gốc, đổ vật xuống mặt đất thì mới kêu roạt roạt như vậy thôi. Nhưng mà ai chặt chuối? Không phải hẳn là cấm địa, nhưng góc thành sau kho lúa kia cũng là một miếng đất không ai dám vượt phép quan vào đấy mà hát mà phá vườn.

Những người vợ lính cơ, quen sống trong không khí loạn lìa, chiều nay và đêm nay bàn tán không ngớt miệng về cái tiếng hát trên vườn chuối mặt tường thành. Chồng họ cũng lấy làm lạ và tự nhủ ngày mai vào trại sẽ hỏi chuyện cho rõ.

Buổi sớm hôm sau, bọn vợ lính cơ, thêm được ít người tò mò nữa kéo đến vườn dâu ngoài thành, vẫn nghe rõ người ta chặt chuối trên mặt thành với những câu hát rõ mồn một:

Ta hoa thanh quất

Cỏ xanh đổi màu

Sống không thù nhau

Chết không oán nhau...

Bọn vợ lính mang chuyện đó về nhà, thì những người lính cơ đều ra vẻ cảm động sợ hãi và cắt nghĩa:

- Ông Bát Lê sắp làm việc đấy.

- Làm việc gì?

- Ông Lớn sắp đem mười mấy người ra chém. Tiếng người hát trên mặt thành là tiếng ông Bát Lê đang tập múa thanh quất ở vườn chuối đấy.

- Múa thanh quất? Ở vườn chuối? Sao lại hát thế? Ông Bát Lê chém người đã nổi tiếng, còn phải tập với tành gì nữa?

- U mày không hiểu. Lâu nay ông Bát Lê không phải khai đao vì Ông Lớn thấy già yếu muốn cho nghỉ tay. Mỗi lần có án trảm, ông Bát chỉ phải ra pháp trường cho có mặt thôi. Còn công việc thì đã có người khác đỡ tay. Nhưng vẫn cứ được tiền thưởng. Đã đến gần một năm nay, ông Bát không cầm đến thanh quất. Không hiểu tại sao lần này Ông Lớn lại cho gọi Ông Bát ra cho kỳ được và xem chừng như ngài săn sóc đến cái vụ xử trảm này nhiều lắm.

Lui vào tư thất, và nhác thấy lão Lê đang co tay úp lên mang tai nhìn vào vàng son lộng lẫy nhà riêng mình, quan Tổng đốc sung chức Đổng lý Quân vụ liền quở:

- Ít bữa nay, chú đi đâu? Ta cho thằng Cửu nó sang gọi mấy lần đều thấy đóng cửa.

- Bẩm lạy Ông Lớn, ít lâu nay con về nhà quê. Giá như ngày trước, có khi nào con dám đi xa. Sớm tối lúc

nào con cũng phải ở trong nội thành, phòng những lúc Ông Lớn bất thần gọi đến. Nhưng từ hồi gần đây, Ông Lớn thương phận già nua cho con được nghỉ tay đao, con có mạn phép về thăm nhà. Được tin Ông Lớn cho đòi, con vội vã vào hầu, xin Ông Lớn tha tội. Con chờ lệnh Ông Lớn truyền xuống.

- Thôi, cho đứng dậy.

Quan Đổng lý Quân vụ ngả mình trên ghế bành vàng son, hất hàm hỏi tên đầy tớ già bát phẩm đang thu bé mãi người bên chiếc cột:

- Liệu bây giờ chém còn mát tay không?

- Dạ.

- Dạ sao? Chú có biết ta sắp cho xuống cái lệnh chi không?

- Dạ.

- Có mười hai tên tử tù sắp đem hành hình. Quan Công sứ muốn được xem tận mặt cái bọn chịu án trảm đó. Ngươi chém sao cho gọn thì chém, hễ chém một đầu đến hai nhát thì không những ta truất tiền thưởng mà ngươi còn bị quở nữa. Chém cho thực ngọt.

- Dạ.

- Tiền thưởng này chính quan Công sứ lấy ở quỹ mật mà thưởng cho chú đó. Ta muốn giữ phần cho chú nên ta cho gọi vào mà lĩnh lấy việc này, gọi là kiếm thêm chút bổng mà dưỡng cái tuổi già. Chú phải biết khi nhận lấy mười hai tên tử tù là chú phải làm

việc cho đầy đủ phận sự. Chớ để phiền đến ta. Ta đã trót khoe khoang cái tài chém "treo ngành" của chú với quan Công sứ. Chú nghĩ thế nào?

- Dạ bẩm Ông Lớn đã thương đến phận tôi tớ, chúng con xin hết sức ra công chó ngựa. Nhưng bây giờ con già yếu lắm, không biết có còn làm được việc như hồi xưa nữa không. Vả chăng gần một năm nay, không cầm đến mã tấu, e có điều hơi lạc mất đường đao.

- Ta đã nghĩ đến chuyện đó rồi. Chú còn đủ thời giờ để tập lại lối chém "treo ngành". Nếu cái nghề chém đặc biệt của chú không thể truyền lại cho một người nào được thì một lần cuối cùng này nữa, chú cũng nên cho một vị quan Tây ở đây thấy rõ cái cách chém người sắc tay của một người đầy tớ hầu cận ta là như thế nào.

- Dạ, bẩm Ông Lớn...

- Chú đừng nhiều lời. Đây này, ta cho chú mượn thanh quất của ta mà làm việc. Sẵn có vườn chuối ở sau kho lúa, cho phép chú lên đó mà tập. Có ai ngăn, cứ đưa cái tín bài này ra cho họ nom rõ.

Quan Đổng lý Quân vụ rút khỏi ống bút trên bàn một lá thẻ đỏ, viết mấy chữ thảo vào mặt thẻ sơn trắng, trao cho Bát Lê.

Thế là từ hôm ấy Bát Lê lĩnh thanh quất của quan Tổng đốc leo lên tường thành, xông xáo trong vườn

chuối, hết sức tự do, hết sức tàn nhẫn, chém ngang thân loài thực vật, trước khi chém vào cổ mười hai tử tù đang nằm đợi ngày cuối cùng.

Vườn chuối trên mặt thành mọc không có hàng lối nhất định.Ông Bát phẩm Lê phải chọn lựa mãi mới được mấy dãy chuối mọc theo hàng lối thẳng. Y xoạc cẳng, lấy bước chân đo những quãng trống từ một gốc chuối này đến gốc chuối khác. Tiến lên, lùi xuống, đo ngang, đo dọc, tự cho là tàm tạm được, y bèn nhẹ nhàng phát hết những tầu lá chuối rườm rà. Đấy là cái khu dọn dẹp sẵn để nhận lấy sự thí nghiệm sau cùng của một đường đao bị bỏ quên đã lâu ngày.

Trước khi hoa thanh quất trong mấy hàng chuối được chọn lựa kỹ càng kia, Bát Lê đã múa đao chém lia lịa vào thân mọi cây chuối khác, chém không tiếc tay, chém như một người hết sức tự vệ trong một cuộc huyết chiến để mở lấy một đường máu lúc phá vòng vây. Một buổi sớm, Bát Lê nhảy nhót trong vườn chuối, đưa lưỡi gươm qua bên phải, múa lưỡi gươm qua phía trái, thanh gươm hai lưỡi đã gọn gàng, nhanh nhẹn phạt qua thân mấy trăm cây tươi còn nặng trĩu sương đêm. Mảnh khăn vuông vải trắng bịt tóc Bát Lê đã đẫm ướt, và nhựa chuối chát thấm vào đấy, gặp ánh nắng sớm, đã xuống màu dần dần.

Trên đống thân cây trơn ướt, Bát Lê vẫn làm việc, nhảy nhót như một kẻ điên cuồng. Cứ mỗi một cây

chuối gẫy gục xuống cỏ đánh roạt một cái thì Bát Lê lại cất tiếng hát:

Sống không thù nhau

Chết không oán nhau

Cây chuối đổ chấm câu cho từng câu hát, và vẳng từ trên mặt thành xuống mặt một bãi dâu chân thành.

Tập như thế cho thuần tay hết một buổi sớm và một buổi chiều. Bát Lê sớm ngày hôm sau lại trở lại vườn chuối đã rầu cả lá, đã khô cả vết thương. Y hồi hộp chống gươm xuống mặt đất ẩm ngổn ngang sự tàn phá, như một võ sinh sắp trổ tài ở võ đài với sự phân vân lo ngại của phút biểu diễn. Rồi Bát Lê trịnh trọng tiến vào cái khu vườn chuối đã dọn từ hôm trước để nhận lấy lưỡi gươm thí nghiệm cuối cùng của một cuộc tập chém. Y đứng vào giữa hai dãy chuối, tay phải cầm ngang thanh quất.

Y lùi lại ba bước, lấy hơi thở cho đều, vừa hát to câu : "*Tiếng loa vừa dậy*" vừa tiến mạnh lên, thuận tay chém vào cây chuối đầu tiên dãy bên phải. Đà gươm mạnh từ cao soải xuống theo một chiều chếch, tưởng gặp đến gỗ cứng cũng lướt qua. Thế mà thanh quất chỉ ngập vào chiều sâu thân cây độ chín phần mười. Lưỡi thanh quất bị ngừng ở cái cữ ấy, rồi lại được lấy ra khỏi thân cây chảy mủ. Vừa giật lưỡi thanh quất khỏi thân cây đang từ từ lả gục xuống,

vừa hát một câu nữa: *"Hồi chiêng mởm mau"* Bát Lê lại tiến thêm ba bước đến ngang tầm cây chuối hàng đầu dãy bên trái, Bát Lê thuận đà thanh quất; lại chém xuống một nhát thứ hai. Một thân cây thứ hai gục xuống nửa như một thân hình người quỳ chịu tội. Thế rồi vừa hát, vừa chém bên trái, vừa chém bên phải, Bát Lê đã hát hết mười bốn câu, và đánh gục mười bốn cây chuối. Bát Lê quay mình lại, ngắm các công trình phá hoại của mình. Thì ở mười bốn cây chuối chịu tội kia, thân trên bị chém vẫn còn dính vào phần gốc bởi một lần bẹ dập nát.

Bát Lê mỉm cười, gỡ cái khăn trùm trên đầu, lau lưỡi gươm vào đấy, vuông vải lại đẫm thêm chất nhựa xám.

Thế là xong một cuộc tập chém lối "treo ngành". Và Bát Lê cũng vui vẻ trong lòng đợi ngày nhận tù. Đi từ bề cao nền cỏ xuống chân thành, qua những bậc cấp thúc vào lòng đất, Bát Lê chốc chốc lại dừng bước và ưỡn mình về phía sau, ngắm cánh tay khẳng kheo mình đang lăm lăm cầm lưỡi gươm.

Nội cỏ trước dinh quan Đồng lý Quân vụ một buổi chiều thủ quyết đã đổi màu. Mọi khi, ở đấy chỉ có bê bò được thả lỏng khom cổ ngốn áng cỏ tươi, bên cạnh một tốp lính hiền lành, tay cầm lưỡi liềm cắt cỏ về cho ngựa quan ăn. Bây giờ ở đấy, người ta dựng lên một nhà rạp có tán, có quạt, có cờ ngũ hành. Trước nhà

rạp người ta đã chôn sẵn mười hai cọc tre bị vồ gỗ đóng mạnh xuống toét cả đầu. Đánh đai lấy khu nhà rạp rộng độ một mẫu, mấy trăm linh mặc áo dấu có nẹp đã tề chỉnh tuốt gươm trần đứng thị uy.

Trời chiều có một vẻ dữ dội. Mặt đất lại sáng hơn nền trời. Nền trời vẩn những đám mây tím đỏ vẽ đủ mọi hình quái rợ. Những bức tranh mây chó mẫu thẩm hạ thấp xuống thêm và đè sát xuống pháp trường oi gắt.

Mọi người chờ đợi một cái gì.

Từ phía nhà ngục, mười hai con người chậm chạp tiến tới giữa hai tốp lính áp giải. Bãi cỏ im lìm. Tiếng gông bọn tù dây va vào nhau theo một nhịp bước rụt rè, nghe rõ mồn một như tiếng sênh người chấp hiệu định liệu khiến bước đi cho cỗ đòn đám.

Không biết từ đâu ra, ông Bát Lê đứng sẵn chỗ cọc tre. Trong giây lát đã buộc xong bọn người đợi chết vào cọc. Tử tù bị trói giật cánh khuỷu, quỳ gối trên mặt đất, khom khom lưng, xếp theo hai hàng chênh chếch nhau, chầu mặt vào rạp. Những người giữ phần việc ở bãi đoạn đầu đang bóp hông, nắn xương cổ và tuốt cho mềm sống lưng tử tù. Họ cần om thế nào cho tội nhân lúc quỳ phải để được gót chân ngửa đúng vào cái mẩu xương cụt nơi hậu môn. Như thế, tử tù sẽ phải rướn mình lên mà nhận lấy lưỡi đao thả mạnh xuống cái cổ căng thẳng. Tử tù lạnh người dần dần.

Sinh khí chừng như đã thoát hết khỏi người họ. Trông xa, họ có cái dáng cứng thản nhiên của những tượng đá tạc hình người phỗng Chiêm Thành quỳ trước sân thờ các đình chùa nhà Lý.

Tiếng nhạc bát âm thổi bài *Lưu thuỷ trường* gần mãi lại. Rồi trong một giây phút mọi người lắng rõ tiếng sênh tiền. Ai nấy nín thở. Trông ra cờ quạt kín cả nền trời và lính tráng kín cả mặt cỏ. Bụi cát bay mù như lúc có cuộc hành quân. Quan Công sứ mặc đồ binh phục trắng có ngù kim tuyến đi sóng hàng cùng quan Tổng đốc. Hai quan đầu tỉnh, một người đi ghệt, một người đi ủng, đều gò bước đi cho nó ăn nhập với cái long trọng của pháp trường. Những tên lính tỉnh gầy ốm che sát vào người hai Ông Lớn mọi thứ tàn vàng tán tía lọng xanh.

Trăm họ dân đen bị bức đi xem chém không dám phạm thượng cúi gầm mặt xuống đất, nhìn cánh cỏ may chọc thủng vải ống quần.

Trong nhà rạp các quan an vị. Thầy thông ngôn người Nam Kỳ đứng khoanh tay đằng sau quan đầu tỉnh Lưu trú Pháp. Quan Tổng đốc nói trước:

- Những người sắp bị hành hình kia là dư đảng giặc Bãi Sậy. Bản chức rất mong rằng đấy là những kẻ phiến loạn cuối cùng. Và nhờ hồng phúc của Quan Lớn, cuộc trị an ở xứ này sớm định.

Quan Công sứ nhận chén rượu của quan Tổng đốc và rót một chén để tạ lại sự trung thành của quan Tổng đốc đối với công cuộc bảo hộ:

- Thiểm chức rất lấy làm hân hạnh tin cho Quan Lớn biết rằng Nhà nước Bảo hộ không bao giờ quên ghi công Quan Lớn vào công đầu trong cuộc bình định.

Hai quan đầu tỉnh uống đến tuần rượu thứ nhì. Bát Lê cầm gươm tiến đến trước nhà rạp, vòng tay thu lưỡi gươm lại, vái một vái, cúi mặt đứng im. Quan Tổng đốc nhổm mình khỏi mặt ghế bành:

- Xin phép Quan Lớn cho ty chức được trình với Quan Lớn một tên đầy tớ trung thành. Hắn là tay đao phủ tại pháp trường hôm nay.

- Có phải cái người mà Quan Lớn nói là có tài chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn dính vào cổ bằng lần da gáy đó không?

- Dạ. Mà hôm nay hắn hạ thủ trong một hơi những mười hai cái đầu. Bây giờ để xin ra lệnh khai đao.

Quan Công sứ gật đầu. Viên giám trảm và Bát Lê cùng lùi ra ngoài rất mau.

Một tiếng loa. Một tiếng trống. Ba tiếng chiêng. Dứt mỗi hồi chiêng mớm, thì một tấm linh hồn lìa khỏi một thể xác. Tùng! Bi li! Bi li!

Bát Lê bắt đầu hoa không thanh quất mấy vòng. Rồi y hát những câu tẩy oan với hồn con tội. Trong nhà rạp các quan chỉ nghe thấy cái âm lơ lớ rờn rợn.

Viên Công sứ Pháp chăm chú nhìn Bát Lê múa lượn giữa hai hàng tử tù và múa hát đến đâu thì những đầu tội nhân bị quỳ kia chẻ gục đến đấy. Những tia máu phun lên kêu phì phì, vọt cao lên nền trời chiều. Mà trên áng cỏ hoen ố, không một chiếc thủ cấp nào rụng xuống.

Bát Lê làm việc xong, không nghỉ, chạy tuốt vào đứng trước nhà rạp. Bấy giờ viên Công sứ mới nhìn kỹ cái thằng cầm gươm mặc áo dài trắng, một dải dây lưng điều thắt chẽn ngang bụng. Thấy trên quần áo trắng hấn không có một giọt máu phun nào vấy được vào, Lưu trú quan Pháp liền gật gù hỏi quan Tổng đốc để nhớ lấy tên họ một người đao phủ có lối chém treo ngành rất ngọt. Lưu trú quan Pháp thưởng cho Bát Lê ba cọc bạc đồng bà đầm xòe.

Lúc quan Lưu trú đầu tỉnh gần cầm mũ cáo về tòa Sứ, quan Đổng lý Quân vụ còn ân cần buộc thầy thông ngôn Nam Kỳ dịch cho bằng được:

- Bẩm quan lớn, chém treo ngành như thế này là phải lựa vào những lúc việc quân quốc thanh thản, số tử tù ít ít thôi. Gặp phải những lúc nhộn nhạo quá, án chém nhiều, tử tù đông quá, thì ty chức đã có cách khác. Là chẻ đôi cây tre đực dài ra, cặp vào cổ tù xếp hàng, nối đuôi, quỳ hướng về một chiều. Đại để nó cũng như là cái lối thanh tre cặp gắp chả chim mà

nướng ấy. Rồi Bát Lê sẽ cầm gươm mà róc ngang như người ta róc mắt mía.

Lúc quan Công sứ ra về, khi lướt qua mười hai đầu lâu còn dính vào da cổ người chết quỳ, sân pháp trường sắp giải tán bỗng nổi lên một trận gió lốc xoáy rất mạnh. Thường những lúc xuất quân bất lợi, tưởng cơn lốc cuốn gẫy ngọn cờ suý, cũng chỉ mạnh được thế thôi. Trận gió xoắn, giật, hút cát bụi lên, xoay vòng quanh đám tử thi, và đuổi theo các quan đang ra về. Cái mũ trắng ở trên đầu quan Công sứ bị cơn lốc dữ dội lật rơi xuống bãi cỏ lăn lộn mấy vòng. Mọi người liếc trộm hai quan thủ hiến và thì thào.

... Bấy giờ vào khoảng giữa giờ thân.

NHỮNG CHIẾC ẤM ĐẤT*

Bóng nắng gần tới đỉnh đầu. Sư cụ chùa Đồi Mai thủng thẳng trở về trai phòng. Nhà sư già gỡ chiếc nón tu lờ, sắp ngồi vào thụ trai thì có tiếng con trẻ gọi ở ngoài cổng chùa. Một chú tiểu lễ phép bước lên tam cấp:

- Bạch cụ, có người con trai cụ Sáu xin vào.

- Vậy chú vẫn đóng cửa chùa đó à? Chú ra mở mau không có người ta phải đứng nắng lâu. Cổng nhà chùa bao giờ cũng nên để ngỏ. Từ giờ chú nên nhớ: sáng sớm tụng kinh nhật tụng và thỉnh chuông xong là phải mở rộng cửa chùa và tối đến, lúc nào học xong kệ thì mới đóng. Kẻo nữa khách thập phương họ kêu đấy.

Tiểu ra được một lát thì một người con trai trạc mười bảy tuổi xúng xính trong chiếc áo dài thâm, chân séo lấm, tay bưng cái khay tiến vào tăng xá, vái sư cụ:

---

* Đã đăng trên tạp chí *Tao đàn* số 8 (16-6-1939).

- Bạch cụ, thầy con cho con mang xuống biếu cụ bình trà đầu xuân. Và xin phép cụ cho ra giếng chùa nhà gánh một gánh nước.

Nhà sư già đã quen với những việc biếu và xin mượn này ở dưới cụ Sáu, khẽ cất tiếng cười. Trên khuôn mặt khô xác, nụ cười không có gì là ấm áp thiết tha. Nó chỉ đủ là hiền lành thôi.

- Thế cháu đựng nước bằng cái gì?

- Dạ có người nhà quẩy nồi và gánh đi theo còn chờ ở ngoài.

- A di đà Phật ? Nắng này mà đi từ làng trên xuống tận đây lấy nước, cụ Sáu nhà có công quá. Cháu ngồi nghỉ chân đã. Để già bảo chú tiểu đưa tên bộc ra giếng. Cháu đi từ sớm, chắc bây giờ đã ngót dạ rồi; sẵn oản chuối vừa hạ xuống, già ép cháu thụ một ít lộc Phật.

- Bạch cụ, cháu ăn mặn ở nhà vẫn còn lửng dạ.

Sư cụ chùa Đồi Mai không nài thêm và vẫn chỉ cười rất thuần hậu.

- Cháu có biết cụ Sáu nhà đến xin nước ở chùa đây đã mấy năm nay rồi không? Gần mười năm. Uống trà tàu như thầy cháu thì cũng có một. Cứ nước giếng chùa đây mới chịu pha trà. Lắm lúc già tự hỏi về cái tiền thân của thầy cháu xem là như thế nào. Nghĩ đến cái nhân duyên của thầy cháu với nhà chùa đây, thực cũng là bền và kỳ lắm cháu ạ.

Thoáng thấy tên lão bộc đã quảy xong gánh nước đang ngơ ngác tìm mình và làm ướt cả khoảng giữa sân chùa lát toàn đá tảng xanh, người con cụ Sáu, với cái tư tốn của một thư sinh ngồi hầu chuyện bực phụ chấp đã xuất gia, liền vội vàng đứng dậy xin phép về.

- Bạch cụ, cháu vội phải về, vì ở nhà hôm nay có khách uống trà. Có lẽ thầy cháu ở nhà đang chờ nước về.

Nhà sư già cũng vội theo bọn xin nước ra tới thềm ngoài. Sư cụ rút trong tay áo vải rộng ra một chiếc quạt thước, xoè rộng hết cả nan quạt, nghiêng che đầu cho đỡ nắng và bảo chú tiểu.

- Chú chạy mau ra vườn, bẻ mấy cành lá đào.

Rồi cụ giữ con cụ Sáu lại:

- Ấy, ấy, thong thả một chút. Thả mấy cành đào có lá vào nồi nước, lúc gánh đi đường xa nó đỡ sóng ra ngoài và về đến nhà, nước vẫn mát.

Bọn xin nước vái chào nhà sư. Trên con đường đất cát khô, nồi nước tròng trành theo bước chân mau của người đày tớ già đánh rỏ xuống mặt đường những hình ngôi sao ướt và thẫm màu. Những hình sao ướt nối nhau trên một quãng đường dài ngoằn ngoèo như lối đi của loài bò sát. Vì buổi trưa hè này là một đêm bóng trăng dãi, và vì cổng chùa Đồi Mai là một cửa non đào thì những giọt sao kia có đủ cái thi vị một

cuộc đánh dấu con đường về của khách tục trở lại trần.

Ánh nắng già dặn buổi trưa nung đốt mặt cánh đồng dưới chân đồi, làm rung rinh lớp không khí bốc từ mặt đất. Giống như vệt khói nhờ, nắng vờn qua những màu xanh bóng loáng của một dãy xóm làng cây cối im lìm. Đứng trong cổng chùa từ bề cao nhìn xuống cái thấp dưới chân mình, nhà sư già nheo nheo cặp mắt, nhìn cái nắng sáng lòa. Bọn người xin nước chỉ còn là mấy cái chấm đen, mỗi chuyển động lại làm tung lại phía sau mình một chùm cát bụi mờ mờ. Gió nồm thổi mạnh, nhiều cơn, đã đem cả mảnh bụi trần kia vào lọt cổng ngôi chùa cao ráo. Nhà sư nghĩ đến cụ Sáu, thở dài tỏ ý tiếc cho một kiếp chúng sinh còn vướng mãi vòng nghiệp chướng.

Cụ Sáu vốn đi lại với chùa đây kể ra đã lâu. Từ trước cái hồi nhà sư già tới trụ trì. Mấy pho tượng Phật Tam thế bằng gỗ mít đặt ở trên bệ và mấy pho kinh in giấy đại thừa là của cụ Sáu cúng đấy. Cái chuông treo ở trên nhà phương trượng cũng là của ông cụ Sáu cúng vào hồi trùng tu lại chùa. Và mỗi lần nhà chùa lập phả khuyến thì ông cụ Sáu đứng đầu sổ. Chùa Đồi Mai ở xa làng mạc, biệt lập trên một khu đồi nên cũng ít bị phiền nhiễu bởi đám tạp khách. Thỉnh thoảng trong bọn khach đến chơi, ông cụ Sáu được sư cụ biệt đãi nhất. Thảng một lần, nhà sư già

lại giữ ông cụ Sáu lại ăn một bữa cơm chay và lần nào từ biệt, nhà sư cũng chân thành tặng khách một rò lan Chu Mặc. Thường thường mỗi lần gặp gỡ, thế nào hai ông già cũng kéo nhau ra cái giếng nước mà chuyện vãn rất lâu. Nhà sư ít nhời, trầm tĩnh ngắm bóng cụ Sáu trong lòng đáy giếng sâu. Cái bóng nhà sư già ít khi được đậu hình cho lâu trên phiến gương nước giếng mát lạnh: chốc chốc một vài giọt nước ngọt lại rời mạch đá tổ ong, thánh thót rớt xuống, tiếng kêu bì bõm. Ông cụ Sáu tỳ tay vào thành giếng nhờn mịn rêu xanh, chỉ ngón tay xuống lòng giếng sâu thẳm gần hai con sào mà nói: "Chùa nhà ta có cái giếng này quý lắm. Nước rất ngọt. Có lẽ tôi nghiện trà tàu vì nước giếng chùa nhà đây. Tôi sở dĩ không nghĩ đến việc đi đâu xa được, cũng là vì không đem theo được nước giếng này đi để pha trà. Bạch sư cụ, sư cụ nhớ hộ tôi câu thế này: "là giếng chùa nhà mà cạn thì tôi sẽ lập tức cho không người nào muốn xin bộ đồ trà rất quý của tôi. Chỉ có nước giếng đây là pha trà không bao giờ lạc mất hương vị. Mà bạch cụ, chúng tôi không hiểu tại sao ngọn đồi này cao mà thuỷ lại tụ. Địa thế chua này, xem ra còn dụng võ được..." Chừng như sợ cụ Sáu bàn rộng tới những chuyện không nên trao đổi với kẻ tu hành đã lánh khỏi việc của đời sống rồi, sư cụ vội nói lảng sang chuyện mấy cây mít nhà chùa năm nay sai quả lắm. Rồi kéo cụ

Sáu vào trai phòng dùng một tuần nước. Theo một ước lệ rất đáng yêu đặt ra từ ngày mới làm quen với nhau, đã mươi năm nay, bao giờ uống nước trà của nhà chùa, ông cụ Sáu cũng được cái vinh dự pha trà và chuyên trà thay nhà chùa.

Dạo này, chắc ông cụ Sáu bận việc nhiều nên đã mấy tuần trăng rồi mà không thấy vân cảnh chùa uống nước thăm hoa, để cho sư cụ cứ nhìn mấy chậu Mặc lan rò trổ hoa mà tặc lưỡi. Cùng bất đắc dĩ phải ngắt cắm vào lọ con vậy. Dạo này cụ Sáu chỉ cho người nhà xuống xin nước giếng thôi. Và trưa hôm nay lúc lặng ngắm hai thầy trò người con ông cụ Sáu đem nước ra khỏi chùa, lúc trở vào, nhà sư già thở dài cùng sư bác chờ đấy: "Ông cụ Sáu này, nếu không đam mê cái phong vị trà tàu, đam mê đến nhiều khi lầm lỗi, nếu ông ta bỏ được thì cũng thành một ông sư tại gia. Danh và lợi, ông ta không màng. Phá gần hết cơ nghiệp ông cha để lại, ông ta thực đã coi cái phú quý nhơn tiền không bằng một ấm trà tàu. Nhưng một ngày kia, nếu không có trà tàu mà uống nữa thì cái ông cụ Sáu này sẽ còn khổ đến bực nào. Phật dạy rằng hễ muốn là khổ. Biết đâu trong bốn đại dương nước mắt chúng sinh của thế giới ba nghìn, sau đây lại chẳng có một phần to nước mắt của một ông già năng lên chùa nhà xin nước ngọt về để uống trà tàu. Mô Phật!".

Ông cụ Sáu, hôm nay lấy làm thích cái người khách lạ đó lắm. Người khách lạ vừa kể cho chủ nhân nghe một câu chuyện cổ tích. Lê trôn chén vào lợi chiếc đĩa cổ vài ba lần, người khách kể:

"Ngày xưa, có một người ăn mày cổ quái. Làm cái nghề khất cái là phải cầm bằng rằng mình không dám coi ai là thường nữa; thế mà hắn còn chọn lựa từng cửa rồi mới vào ăn xin. Hắn toàn vào xin những nhà đại gia thôi và cố làm thế nào cho giáp được mặt chủ nhân rồi có xin gì thì hắn mới xin. Có một lần hắn gõ gậy vào đến lớp giữa một nhà phú hộ kia, giữa lúc chủ nhà cùng một vài quý khách đang ngồi dùng bữa trà sớm. Mọi người thấy hắn mon men lên thềm, và ngồi thu hình ở chân cột một cách ngoan ngoãn, mọi người không nói gì cả, để xem tên ăn mày định giở trò gì. Hắn chả làm gì cả, chỉ nhìn mọi người đang khoan khoái uống trà. Hắn đánh hơi mũi, và cũng tỏ vẻ khoan khoái khi hít được nhiều hương trà nóng tản bay trong phòng. Thấy mặt mũi người ăn mày đã đứng tuổi không đến nỗi bẩn thỉu quá, chủ nhân bèn hỏi xem hắn muốn xin cơm thừa hay là canh cặn, hay là hơn nữa, hắn lại muốn đòi xôi gấc, như kiểu người trong phương ngôn. Hắn gãi tai, tiến gần lại, tủm tỉm và lễ phép xin chủ nhân cho hắn "uống trà tàu với!". Mọi người tưởng hắn dở người. Nhưng tại sao không nỡ đuổi hắn ra và còn gọi hắn lại phía bàn cho hắn

nhận lấy chén trà nóng. Hắn rụt rè xin lỗi và ngỏ ý muốn được uống nguyên một ấm trà mới kia. Hắn nói xong, dở cái bị ăn mày của hắn ra, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ẩm. Thấy cũng vui vui và là lạ, mọi người lại đưa cho hắn mượn cả khay trà và phát than tàu cho hắn đủ quạt một ấm nước sôi, thử xem hắn định đùa định xược với bọn họ đến lúc nào mới chịu thôi. Hắn xin phép đâu đấy rồi là ngồi bắt chân chữ ngũ, tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tống sang chén quân, trông xinh đáo để. Lúc này không ai dám bảo hắn là ăn mày, mặc dầu quần áo hắn rách như tổ địa. Uống một chén thứ nhất xong, uống đến chén thứ nhì, bỗng hắn nheo nheo mắt lại, chép môi đứng dậy, chắp tay vào nhau và thưa với chủ nhà: "Là thân phận một kẻ ăn mày như tôi được các ngài cao quý rủ lòng thương xuống, thực kẻ ty tiện này không có điều gì dám kêu ca lên nữa. Chỉ hiềm rằng bình trà của ngài cho nó lẫn mùi trấu ở trong. Cho nên bề dưới chưa được lấy gì làm khoái hoạt lắm". Hắn lạy tạ, tráng ấm chén, lau khay hoàn lại nhà chủ. Lau xong cái ấm độc ẩm của hắn, hắn thổi cái vòi ấm kỹ lưỡng cất vào bị, rồi xách nón, vái lạy chủ nhân và quan khách, cắp gậy tập tễnh lên đường. Mọi người cho là một thằng điên không để ý đến. Nhưng buổi chiều hôm ấy, cả nhà đều lấy làm kinh sợ người ăn mày vì,

ở lọ trà đánh đổ tung vãi ở mặt bàn, chú nhân đã lượm được ra đến mươi mảnh trấu"

Ông cụ Sáu nghe khách kể đến đấy, thích quá, vỗ đùi mình vỗ đùi khách, kêu to lên:

- Giá cái lão ăn mày ấy sinh vào thời này, thì tôi dám mời anh ta đến ở luôn với tôi để sớm tối có nhau mà thưởng thức trà ngon. Nhà, phần nhiều lại toàn là ấm song ấm quý.

- Cổ nhân cũng bịa ra một chuyện cổ tích thế để làm vui thêm cái việc uống một tuần nước đấy thôi. Chứ cụ tính làm gì ra những thứ người lạ ấy. Ta chỉ nên cho nó là một câu giai thoại.

- Không, có thể như thế được lắm mà. Tôi chắc cái lão ăn mày này đã tiêu cả một cái sản nghiệp vào rừng trà Vũ Di Sơn nên hắn mới sành thế và mới đến nỗi cầm bị gậy. Chắc những thứ trà Bạch Mao Hầu và trà Trảm Mã hắn cũng đã uống rồi đấy ông khách ạ. Nhưng mà, ông khách này, chúng ta phải uống một ấm trà thứ hai nữa chứ. Chẳng nhẽ nghe một câu chuyện thú như thế mà chỉ uống với nhau có một ấm thôi.

Thế rồi trong khi cụ Sáu tháo bã trà vào cái bát thải rộng miệng về Liễu Mã, ông khách nâng cái ấm quấn ẩm lên, ngắm nghía mãi và khen:

- Cái ấm của cụ quý lắm đấy. Thực là ấm Thế Đức màu gan gà. "Thứ nhất Thế Đức gan gà; - thứ nhì

Lưu Bội; - thứ ba Mạnh Thần". Cái Thế Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ẩm của tôi ở nhà, mới dùng nên cũng chưa có cao mấy.

Cụ Sáu vội đổ hết nước sôi vào ấm chuyên, giơ cái ấm đồng cò bay vào sát mặt khách:

- Ông khách có trông rõ mấy cái mấu sùi sùi ở trong lòng ấm đồng không? Tàu, họ gọi là cái kim hỏa. Có kim hỏa thì nước mau sủi lắm. Đủ năm cái kim hoả đấy.

- Thế cụ có phân biệt thế nào là nước sôi già và nước mới sủi không?

- Lại "ngư nhãn, giải nhãn" chứ gì. Cứ nhìn tăm nước to bằng cái mắt cua thì là sủi vừa, và khi mà tăm nước to bằng mắt cá thì là nước sôi già chứ gì nữa.

Chủ khách cả cười, uống thêm mỗi người hai chén nữa. Cụ Sáu tiễn khách ra cổng với một câu:

- Thỉnh thoảng có đi qua tệ ấp, xin mời ông khách ghé thăm tôi như một người bạn cũ. Mỗi lần gặp nhau, ta lại uống vài tuần nước. Hà, hà.

Năm ấy nước sông Nhĩ Hà lên to. Thảo nào mấy nghìn gốc nhãn trồng trên mặt đê quanh vùng, vụ đó sai quả lạ. Cái đê kiên cố đã vỡ. Nhưng vốn ở cuối dòng nước chảy xiết, nhà cửa cụ Sáu chưa đến nỗi bị cuốn phăng đi. Lúc nước rút, ở cái cổng gạch nguyên

ven, hai mảnh giấy hồng điều đôi câu đối dán cửa vẫn còn lành lặn và nét chữ vẫn rõ ràng:

Họ lịch sự như tiên, phú quý như giời, quất con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu.

Ta trồng cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất, gọi hề đồng pha nước trước hiên mai[1].

Năm sau, quãng đê hàn khẩu, chừng hàn không kỹ, lại vỡ luôn một lần nữa. Cái cổng gạch nhà cụ Sáu vẫn trơ trơ như cũ. Nhưng lần này thì đôi câu đối giấy hồng điều, gió mưa đã làm bợt màu phẩm mực, ngấn nước phù sa đã phủ kín dòng chữ bằng những vạch bùn ngang dày dặn.

Ông khách năm nọ - cái người kể câu chuyện ăn mày sành uống trà tàu, đi làm ăn xa đã mấy năm, nhân về qua vùng đấy, nhớ nhời dặn của cụ Sáu, đã tìm tới để uống lại với ông già một ấm trà tàu nữa. Nhưng người khách hỏi nhà ông đến, người khách đã bùi ngùi thấy người ta bảo cho biết rằng nhà cụ Sáu đã bán rồi. Thấy hỏi thăm tha thiết, người vùng ấy mách thêm cho ông khách: "Có muốn tìm cố Sáu thì ông cứ xuống Chợ Huyện. Cứ đón đúng những phiên chợ xép vào ngày tám thì thế nào cũng gặp. Chúng tôi chỉ biết có thế thôi".

(1) Câu đối này lấy của ông Tú Hải Văn.

Phải, bây giờ ông cụ Sáu sa sút lắm rồi. Bây giờ ông cụ lo lấy bữa cơm cũng khó, chứ đừng nói đến chuyện uống trà. Thỉnh thoảng có xin được người nào quen một vài ấm, cụ lấy làm quý lắm: gói giấy giắt kỹ trong mình, đợi lúc nào vắng vẻ một mình mới đem ra pha uống. Vẫn còn quen cái thói phong lưu, nhiều khi qua chơi ao sen nhà ai, gặp mùa hoa nở, cụ lại còn cố bứt lấy ít nhị đem ướp luôn vào gói trà giắt trong mình, nếu đấy là trà mạn cũ.

Những buổi có phiên chợ, cụ Sáu ngồi ghé vào nhờ gian hàng tấm của người cùng làng, bày ra trên mặt đất có đến một chục chiếc ấm mà ngày trước, giá có trồng ngay cọc bạc nén cho trông thấy, chưa chắc cụ đã bán cho một chiếc. Có một điều mà ai cũng lấy làm lạ, là cụ bán lũ ấm đất làm hai lớp. Mấy kỳ đầu, cụ bán toàn thân ấm và bán rất rẻ. Còn nắp ấm cụ để dành lại. Có lần vui miệng, cụ ghé sát vào tai người bà con: "Có thế mới được giá. Có cái thân ấm rồi, chẳng nhẽ không mua cái nắp vừa vặn sao? Bán thân ấm rẻ, rồi đến lúc bán nắp ấm, mới là lúc nên bán giá đắt. Đó mới là cao kiến"

Cụ Sáu cười hề hề, rồi vội quay ra nói chuyện với bạn hàng đang mân mê những cái thân ấm đất đủ màu, cái thì dáng giỏ dâu, cái thì múi na, hình quả vả, quả sung, quả hồng. Cụ đang bảo một ông khách:

- Thế nào tôi cũng tìm được nắp cho ông. Cứ phiên sau lại đây thế nào cũng có nắp. Không, đúng ấm tàu đấy mà. Nếu không tin ông cứ úp ấm xuống mặt miếng gỗ kia. Cho ấm ngửa trôn lên. Cứ xem miệng vòi với quai và gờ miệng ấm đều cắn sát mặt bằng miếng gỗ thì biết. Nếu muốn thử kỹ nữa, quý khách thả nó vào chậu nước, thấy nó nổi đều, cân nhau không triềng, thế là đích ấm tàu.

THẢ THƠ*

Cái buồn thường không mấy khi xảy đến một cách đơn chiếc. Cụ Phủ bà vừa mất vào quãng đầu xuân, cỏ xanh chưa đủ che kín mặt nấm mộ mới, thì cuối xuân năm ấy, cậu Chiêu lại cũng qua đời. Ví những luật lệ về luân lý gia đình vẫn còn ứng dụng được dưới suối vàng thì bên kia cõi đời này, linh hồn cậu Chiêu chí hiếu đang được yên tĩnh để hầu dưới gối một linh hồn chí từ. Và trên trần, có một gia đình đang lúng túng vì sự hiu quạnh. Bây giờ cụ Phủ ông đã lâm vào cái cảnh gà sống nuôi con một. Nguyên cụ Phủ được hai người con: cậu Chiêu không may sớm cướp công sinh thành, để lại cho cha một người em gái bồ côi mẹ, đã đứng tuổi mà chưa có dịp nào xuất giá. Trời đất ôi, trên mấy gốc tre cằn không đủ gây thành một bụi ấm, trận gió thanh bạch ngày ngày cứ lào rào thổi mãi.

---

* Đã đăng tạp chí *Tao đàn* số 6 (16-5-1939)

Cụ Phủ ông là một người mà học lực và chính tích chấp được cả bạn đồng liêu một thời; cô Tú là một thiếu nữ con quan mà cái tài làm thơ phú theo một gia sáo vững vàng, mà cái hạnh về môn nữ công đủ làm vinh dự cho một gia phong. Nhưng ông Giời thích thừa trừ đã buộc ông Phủ phải nghèo và cô Tú phải xấu. Và những lúc này, người ta không mấy ai nói đến tài và hạnh và thường chỉ hay nhắc đến chữ phận và chữ duyên.

Tiếng trống phủ trên lầu canh cứ điểm những tiếng vô vị vào một tư thất lạnh lẽo. Gian nhà giữa cụ Phủ Ông đã thâu canh dài làm bạn với thánh hiền bên án sách leo lét ngọn đèn; chái nhà phía tây, cô Tú âm thầm ngồi vấn chuyện với bóng in trên lá màn vải xô. Có những đêm mưa to gió lớn làm nhòe những tiếng trống phủ cầm canh, cô Tú rời phòng mình, qua gian giữa gây một lư trầm cho cha. Ở gian giữa tư thất liền có tiếng ngâm thơ:

Cứ đốt lò hương cho tới sáng

Thử xem mưa gió tới bao giờ[1].

Nhưng có một đêm rất gần đấy, tiếng trống phủ thành hết quấy quả canh dài cụ Phủ và cô Tú nữa. Người ta đã cáo quan về vườn rồi. Ở một xứ quê buồn tẻ kia, bây giờ có một ông già ngồi dạy trẻ và một cô

(1) Rút trong *Hải Vân thi tập*.

con gái ngày ngày ngồi trong nhà gỡ một ống tơ vàng hay là chạy ra vườn bứt ít lá dâu nó cũng già cỗi theo cái cảnh người. Bây giờ muốn nói đến cụ Phủ già đã cáo lão về hưu, người làng chỉ gọi là quan Nghè Móm.

Cụ Nghè Móm thường dạy học vào buổi sớm. Cô Tú săn sóc mọi việc trong nhà cũng vào buổi sớm.

Buổi chiều đến cô Tú đi chợ, làm cơm và mua luôn cả đồ ăn thức dùng cho buổi sớm hôm sau nữa. Cụ Nghè Móm ở nhà nhàn rỗi dùng thời giờ vào việc sao một lá số, gieo một quẻ bói hay là kê một đơn thuốc cho người làng. Có một buổi chiều, một người bạn đồng song cùng ở vùng ấy, nhân bị trời mưa dầm giữ lại nhà cụ Nghè Móm, đã nói với chủ nhân:

- Dăm ba tên học trò nhép này, lấy gì làm đủ sống. Trà tàu, rượu cúc, cây cảnh và hình như bác vẫn chưa bỏ được cái chứng thắp nến bạch lạp để đọc Đường Thi sách thạch bản thì phải lâu nay có đi đâu xa không?

Cụ Nghè Móm cười. Người bạn già rịt mồi thuốc chặt xuống nõ điếu, tiếp:

- Tôi có một chuyện này muốn nói với bác từ lâu lắm, nhưng chỉ sợ bác chê là cô lậu.

Cụ Nghè Móm ngừng tay mài hòn son trong đĩa, chăm chăm nhìn bạn.

- Bây giờ tổ chức những cuộc chơi thả thơ, ý bác nghĩ thế nào?

- Cùng khó lắm. Hồi tôi còn tại chức, có lúc thì tôi đánh thơ ở nhà, có lúc thì lên quan Đốc trên tỉnh, không mấy tháng là không có một cuộc hội họp. Mà tôi nghiệm cái giống thả thơ càng hay chữ càng hay thua cay. Có lắm đêm tôi mất đến mười mấy quan tiền đồng mà không trúng lấy được một chữ.

- Cụ Phủ dạy như thế thì nhầm rồi. Cứ gì phải được tiền. Vả chăng, người thua có mấy khi là người dốt chữ đâu, và kẻ được thường cũng không dám tự đắc lên mặt sành thơ. Ở vùng đây lắm người cũng muốn chơi lắm nhưng tự xét không đủ tư cách để thả thơ cho ra hồn, nên chưa có cái lối hội họp như vậy. Tôi muốn được biết ý cụ về việc thả thơ này.

- Tôi bỏ đã lâu ngày rồi. Nếu cố định chơi thì phải đọc lại thơ mất một dạo và, vòng cho đủ chữ một túi thơ, kể cũng công phu lắm. Điều tôi ngại nhất nữa, là bây giờ tuổi tác rồi. Bây giờ lại bày trò vui đó, e có mệt cho tinh thần. Đã thả thơ thì phải ồn ào mới vui. Còn trẻ trung gì cho nó cam. Mà cụ tưởng ở đây ai đánh nổi. Chữ nghĩa đâu mà làm cái vốn. Họ dốt chữ, họ thua thơ, mình ăn tiền của họ đã không lấy gì làm hứng thú mà lại còn mang tiếng rất nhiều nữa.

- Nếu mình cứ thả thơ luôn ở đây, những người ở vùng quanh sẽ tới. Tôi sẽ rao lên. Cụ kêu người đây ít chữ; kệ họ. Họ mất tiền mà được lạm dự vào làng thơ phú, họ phải lấy làm sung sướng. Mà bọn nhà nho

nghèo như anh em mình, nhiều lúc cũng nên cho họ chơi trèo một chút, miễn là họ phải trả tiền. Tục lệ ở hương thôn, khi bán nhiều bán xã, mua quan viên cũng không ra ngoài cái ý đó. Vậy bác để tâm đến việc này. Từ mai bác đọc lại các tập thơ cổ, tìm sẵn những chữ "vòng" chữ "thả"thì vừa. Cô Tú nhà ta giọng trong và ấm tiếng lắm.

- Để tôi xem xem có nên không đã.

- Cụ không phải nghĩ nữa. Vậy đệ xin đính ước với bác đến tuần trăng sau. Ừ, bây giờ chúng ta là cuối hạ. Bắt đầu sang thu mát trời, thả thơ thì tuyệt. Nhà lại ở bên sông, còn chờ gì mà không làm một cái nhà bè trên mặt nước. Kể cũng đủ di dưỡng tính tình và đỡ cho khoản nhật dụng.

Khách đi rồi, cụ Nghè Móm nghĩ đến hồi trước, cụ đi lại với bạn đồng liêu, những lúc thừa nhàn, không đánh tổ tôm, chơi cờ tướng, thì lại bày một cuộc thả thơ hay là leo lên một đỉnh trái núi đá. Cái buồn thấy đời là ngắn là ít, chớm qua lòng một ông già đã muốn yên phận với chữ bài.

Bắt đầu từ hôm ấy, những tập thơ cổ đã được giũ lớp bụi ngầu và ra khỏi cái nếp sách sơn son. Cụ Nghè Móm bắt đầu nghiền lại tập thơ của người xưa. Đường thi, Tống thi, Minh thi; đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ đột ngột, cụ ngừng lại, ghé mắt kém vào mặt chữ nhỏ như con kiến, cụ vắt tay lên

trán, nghĩ ngợi và lẩm bẩm. Rồi cụ ngồi nhỏm dậy, sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ. Nhưng thường cụ chỉ trích lấy một câu ở những bài thơ đọc rất kỹ lưỡng đó. Ngày năm câu, ngày ba câu, một ngày gần đấy, cuốn sách đã đặc những dòng chữ thảo chép những câu thơ rút ở cổ thi. Cô Tú theo lời cha dặn, đã đi mua sẵn rất nhiều tờ giấy tàu bạch rồi rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc đũa và ngang to bằng hai ngón tay. Đám học trò nhỏ, đầu còn để cái chỏm dài lẩn thẩn hỏi cô Tú, cô vui vẻ trả lời:

- Đừng nghịch, thầy trông thấy, thầy mắng chết. Giấy này để làm gì à? Thầy sẽ viết những câu thơ cổ vào đấy để bày ra giữa chiếu những lúc thả thơ.

- Thả thơ? Có làm thơ thì có, chứ thầy và các anh ấy có nói thả thơ bao giờ.

Cô Tú vốn yêu những cậu học trò nhỏ tuổi của cha mình như một người chị lớn đối với em út, cô không khỏi nín cười để giảng:

- Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ bảy chữ mà chỉ...có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay Các em biết câu: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần" đấy chứ? Ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ "hướng" ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết

vào mảnh giấy nhỏ này câu: " Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần. Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã "vòng" Tần". Chữ "vòng" đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ "thả" ra. Thí dụ thầy thả năm chữ: *cố, tại, vọng, phản* và luôn cả cái chữ *hướng* trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

Tụi trò nhỏ thấy chuyện thả thơ ngộ nghĩnh, nghe lấy làm khoái chí, trố mắt nhìn cô Tú, giục cô nói tiếp:

- Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng. Nhưng mà đây là chuyện của người lớn tuổi. Các em ra tập bài đi, bao giờ thành người lớn rồi sẽ biết.

- Nhưng mà biết thế nào là được, là trúng hả chị? Lạy chị giảng cho một chút nữa, rồi các em xin đi ra bục học bài ngay, để chị rọc giấy.

- Trên đầu mẩu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ *phản*. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn độ hở cái khoảng viết mấy chữ: "Quân hướng Tiêu Tương ngã...Tần", với một cái khuyên tròn vẽ thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ *cố, tại, vọng, phản, hướng* em chọn lấy chữ *phản* mà đánh mà làm thành ra câu: "Quân hướng Tiêu Tương ngã *phản* Tần", thì là em trúng đấy. Đặt một tiền thì được ăn thành ba tiền...

Tụi trò nhỏ nhìn nhau cười khúc khích và khi bị cô Tú xua đuổi lên nhà học trên đều ngoái cổ lại cười, nói một loạt với người con gái lớn của thầy học:

- Bao giờ các em nhớn, học giỏi được lên tập bài trên trường quan Đốc tỉnh, mỗi khi về thăm lại thầy, chị thả thơ cho các em đánh với nhá.

Đêm mười bốn tháng tám là cuộc thả thơ lần thứ hai của cụ Nghè Móm. Lần trước thả vào thượng tuần tháng bảy; lần này cụ Nghè Móm chọn ngày mười bốn, có người hỏi tại sao không để đến ngày rằm, cụ nói:

- Trăng mười bốn bao giờ cũng khéo hơn trăng rằm. Ngày mười bốn là ngày vừng trăng đi tới chỗ toàn thịnh. Ngắm vừng trăng rằm, người tinh ý sẽ nhận thấy cái vẻ sắp tàn của một vật gì đã mãn khai trong có một thì.

Những người có chút kinh nghiệm, đều chịu lời ông già nhận xét là chí phải.

Vừng trăng mười bốn lúc chếch về đoài đã in một cục bóng thẫm và dài lên mặt con sông trắng và lạnh như thỏi thiếc vừa nguội. Đấy là bóng chiếc nhà bè lợp lá gồi mà trong đó, cụ Nghè Móm đang ngồi làm nhà cái, thả thơ cho hàng chục con người đánh. Người ta đang sát phạt nhau bằng tiền, đem cái may rủi cả vào đến cõi văn thơ và trên mặt nước sông thu, tiếng ngâm một câu thơ được cuộc, tiếng ngâm một câu thơ

thua cuộc mất ăn tiền, những tiếng đó đều âm hưởng trên làn nước lạnh, thanh âm nghe trong trẻo, du dương và thái bình như tiếng vang của một hội tao đàn nào.

Mỗi buổi tối thả thơ, cô Tú đều ngồi bên cạnh cha. Cô bận tay đỡ cái túi thơ của cụ Nghè Móm mở lấy ra từng lá thơ đặt vào lòng chiếu cho làng chọn chữ đặt tiền. Đôi khi có kẻ chọn phải một chữ rất quê kệch mà lại trúng vào chữ ăn tiền, cô Tú tủm tỉm nhìn mãi nhà con đang vơ tiền, chừng như muốn bảo thầm người được tiếng bạc đố chữ đó: "Đấy ông xem, ở đời ăn nhau ở may rủi, chứ chữ nghĩa tài hoa mà đã làm gì, phải không ông?".

Tháng lại tháng, cụ Nghè Móm thả thơ trên mặt sông đã là một chuyện mà một vùng đấy nhắc nhỏm đến luôn luôn. Nhưng có kẻ ác miệng đã phao lên cái tin cụ Nghè Móm định mượn cuộc thả thơ để cho con gái lớn gần quá lứa kén chồng.

Từ đấy không thấy cô Tú theo kèm cha xuống bè nữa. Cụ Nghè Móm không cho cô Tú theo mình đi thả thơ. Từ đấy, không rõ tại đâu, cụ Nghè Móm hay thua luôn. Và bọn đánh thơ thì uể oải vơ tiền được, và buồn nhớ đến một cái bóng người đã mượn ít nhiều tiếng tơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đố chữ lấy tiền.

ĐÁNH THƠ*

Giữa quãng cuối đời vua Thành Thái và đầu đời Hoằng Tôn Tuyên hoàng đế, đất Thuận Hóa có ba người đàn bà rất đẹp và rất lẳng lơ.

Bằng cái sắc, bằng tiếng ca, bằng cái tiểu xảo, bằng cái duyên lúc kín đáo, lúc lộ liễu, ba người đàn bà đẹp ấy đã thừa tô điểm cho xứ Huế trong một thời.

Cái thời ấy là thời của Nhà nước Bảo hộ tạm gọi là yên trong cuộc bình định. Nơi quê hương, vào những ngày u hoài âm ỷ, gió Đông Bắc còn gửi mãi về cái mùi diêm sinh đem từ ngoài bờ cõi vào. Nhưng, mặc kệ, dưới chân một nếp hoàng thành, bên bờ một con sông nước không bao giờ có sóng, mỗi ngày vẫn có ba người đàn bà ca hát từ lúc mặt trời tắt cho đến lúc mặt trời mọc. Tiếng đàn hát trên mặt nước một con sông nông lòng và không gợn chút tăm cá, đã vẳng đưa ra rất rộng. Thấy thế, một vài ông già mặc áo vải,

* Đã đăng tạp chí *Tao đàn* số 7 (1-6-1939)

mỗi lúc chống gậy trúc ra bến, ngắm bóng nắng tàn rụng phía bên tả ngạn sông Hương, đã thốt ra những lời than thở.

Nhưng, giọt lệ già của người mặc áo vải rỏ rơi xuống thì cát nơi bãi sông cứ việc thấm hút và uống cạn. Và có một cái gì vẫn còn lại mãi mãi ở hai bờ sông Hương thì vẫn chỉ là những tiếng hát. Tiếng đàn hát của giai nhân.

Họ là một bộ ba có ba cái tên rất đẹp, rất thơ mộng: một người là Mộng Liên, một người là Mộng Huyền và một người nữa tên là Mộng Thu. Ở Huế, những cái miệng tuổi tác đã bắt đầu theo thị hiếu mà nói luôn luôn đến ba cái Mộng xinh kia và luôn luôn tấm tắc: "Thần kinh hữu tam Mộng".

Giữa cái thế giới đàn sáo của thành đô, ba cái Mộng xinh đẹp mỗi đêm rải rác ra mọi bến đò tản mát ở dọc sông Hương, những cái sở đắc về thanh và sắc của mình.

Nước một con sông hiền lành đẩy nhẹ cành hoa vô định lừ đừ trôi một mình theo những cái xoáy nước yêu đuối. Mỗi đêm, ba cái Mộng gõ một nhịp phách, bấm một dây tơ và để rồi phá cười lên vài trận. Để cho cái xã hội đàn ông mặc áo xanh ẩm ướt phải thèm muốn. Thế rồi trong một đêm tốt đẹp, có một ông Phó Sứ giữ lăng, đã đứng lên làm chủ cho một cái Mộng. Mộng Liên đã về hẳn với quan Phó Sứ.

Một cái miệng cười, mười ngón tay tháp bút trước kia là của chung thiên hạ, bởi vì nó không có sở cứ, bây giờ đã trở nên của riêng một nhà. Cặp vợ chồng ấy là một lứa đôi tài tử.

Ông bà Phó Sứ giữ lăng không mấy khi ở yên một chỗ.

Cái nghề của họ buộc họ phải xê dịch luôn luôn và mãi mãi. Suốt một dải Trung Kỳ, họ đi về như là trẩy chợ. Tới mỗi nơi, ở mọi chốn, quan Phó Sứ lại mở một cái túi đựng toàn bài thơ đố ra cho mọi người đặt tiền và bên chiếu bạc văn chương, Mộng Liên lại đàn, lại ca để làm vui cho cuộc đỏ đen rất trí thức này.

Mỗi tuần trăng, cặp tài tử này ở một tỉnh. Cái chiếu bạc thả thơ của họ thường trải ở một phủ nha, huyện nha hay là nơi tư thất một đốc bộ đường. Bất kể lúc lên voi, lúc xuống chó, lứa đôi này đã để dấu giầy trên mọi chốn và tha lê đi khắp nơi cái túi thơ và cái túi phách ăn người của họ. Họ nhờ vả cổ thi, kiếm ra cũng được rất nhiều tiền. Nhưng cái giống lăng tử cầm tiền thường không nóng lòng bàn tay và có mấy khi họ nghĩ đến sự bảo hiểm cho ngày mai của mình. Vợ chồng ông Phó Sứ chưa bao giờ nghĩ đến việc làm một cái tổ ở một chỗ nhất định nào.

Quê hương của họ là Cờ bạc và Đờn hát. Nhà cửa đôi lưu đãng ấy gửi vào trong cái truy hoan của thiên hạ. Cái lãi trong đời bấp bênh của họ là ở chỗ nhiều

người đã nhắc nhỏm tới cái tên Mộng Liên và Phó Sứ, mỗi khi lứa đôi chậm tới hay là đã lâu rồi mà chưa thấy trở lại. Người đánh thơ được, người đánh thơ thua liểng xiểng, ai ai cũng đều nhớ đến họ những khi xa vắng. Hình như bấy nhiêu người đều nhận ông Phó Sứ là đáng mặt làm nhà cái cho những buổi thả thơ rất nên thơ; mở xong mỗi tiếng thơ có khi ăn thua từng mấy chục bạc, người ta đều ngâm đi ngâm lại câu thơ thả. Nhà con, nhà cái đều ngâm vang cả nhà, chừng như muốn thi nhau một cái giọng tốt, chứ đồng tiền mất đi hay thu về được gấp ba số đặt, thời có gì là đáng kể. Giữa hai tiếng bạc trên một chiếc chiếu la liệt những mảnh thơ đề, Mộng Liên đêm đêm kề đùi tựa má ông Phó Sứ, lại đánh đàn, lại ca Nam bằng, ca Nam ai.

Có lẽ không riêng gì ở một nơi, mà ở mọi nơi, những lúc sốt ruột chờ mong vợ chồng ông Phó Sứ trở lại với túi thơ, mỗi buổi gần giờ tan buổi hầu, những lúc việc quan thanh thản, bao nhiêu thày thừa phái ở các ty Phiên, ty Niết và những ông Hậu Bổ, Thông Phán tỉnh, Kinh Lịch đã nói những câu:

- Quái lạ, sao cứ này hai ông mụ đó đi lâu quá chưa trở lại thả thơ cho bọn mình chơi hè!

- Đánh thơ của lão Phó Sứ có cái rất thú là được thua chi chi, mình cũng đều lấy làm thích cả. Bởi vì lão biết chọn những câu rất hay mà thả. Mỗi lúc

ngâm lên, cái hay của câu thơ đã làm cho bọn mình lạnh hết cả người.

- Chẳng thế mà quan Kinh. ngài đã mấy lần phải bán lương non, thua nhẵn.

- Chơi cái gì thì chơi, chứ đến cái lối đánh thơ thả, cái nghiệp những anh đã hay chữ lại thêm tự phụ, là chỉ mãn kiếp thua không còn lấy một đồng một chữ tiền.

- Và có nhiều đứa dốt cay dốt đắng, thì lại mỏi tay vơ tiền.

- Quan bác có biết tại sao không? Đệ cho không có cái nào lợi hại bằng lão Phó Sứ. Hắn lấy ý tứ ra mà dò tiếng bạc của từng người. Nếu lão biết quan bác thích lối thơ liệu, đọc lên âm thanh và niêm luật tròn trĩnh, nhịp nhàng, thế nào lão cũng rình lão thả một đôi chữ rất quê kệch hay là khổ độc. Quan bác mấy khi lựa những chữ quê kệch mà đặt tiền. Vậy nên lão vòng những chữ rất ngớ ngẩn đó. Thế là quan bác mất nghiệp, nếu bữa đó, quan bác lại đặt tiền đến tột cửa. Và lão lại còn bán cho mấy cửa đánh những chữ ngô nghê mà lão biết trước sao mình cũng khinh rẻ.

- Kỳ tháng trước, quan Kinh phải đi khám án mạng ở vùng quê thành ra bỏ lỡ mất buổi thả thơ mà tôi rất lấy làm hứng thú. Ngài nghĩ, tôi đã bắt thóp được một câu do sự vô ý của mụ Mộng Liên. Nguyên hôm ấy, lão Phó Sứ cho thả năm chữ: *cầm, thử, đan,*

thiếp, sầu trong một câu thơ mà lão "vòng" chữ đầu. "*Vòng* tâm duy hữu dạ đăng tri". Kể cũng khó đánh đấy chứ. "Ngọn đèn dầu ban đêm soi tỏ, biết cho tấm lòng gì?" Lòng đàn? Lòng son? Lòng một thiếu phụ? Lòng sầu? Phân vân lạ. Bỗng tôi thấy mụ Mộng Liên ngồi cạnh, nhìn chăm chú vào chữ thả đứng đầu là chữ *cầm*, rồi mụ thánh thót bấm khẽ mấy tiếng đàn nguyệt. Tôi đánh ngay chữ *cầm* ngài ạ. Tôi đoán già là lúc ở nhà vòng chữ, chồng đưa đùi cho vợ gối, lão Phó Sứ đã bị tiếng đàn của vợ dạo lên buổi đêm ảnh hưởng nên lão mới thả chữ *cầm*. Và đánh chữ *cầm*, thế nào cũng ăn. Hôm ấy, tôi đặt hai chục được sáu chục và muốn tỏ ý cám ơn người đánh đàn một cách kín đáo, hôm sau tôi đã mua biếu Mộng Liên một cây đàn nguyệt có bốn cái trục bằng ngà voi nẩy. Đấy, chơi thơ, nhiều khi tâm lý nhiều vào là ăn.

- Tâm với lý gì. Có biết thơ thả, lão Phó Sứ thường mua lại của ai không? Mua của Tào Sắt bên phủ Tuy Lý Vương! Hai ba đồng, tiền công vòng một trăm câu. Thơ Tào Sắt mà thả, thì đừng có hòng mà ăn.

- Này, các ngài có được rõ câu chuyện lão Phó Sứ dám thuê thợ bên Tàu khắc riêng cho mình mấy tấm thạch bản in thành một tập thơ mỏng không? Lão ra khuôn mẫu cho họ in nhiều câu có những chữ lạ, rất ngộ nghĩnh và mỗi khi đem câu đó ra mà thả thực không ai ngờ đến. Nhưng chỉ có khi nào đánh to lắm,

lão mới giở đến bí thuật này. Lão tìm đến những quan to và có tiếng là hay chữ lão mới thả một hai câu thật gay go. Các quan thua, đòi lão phải dẫn chứng cổ thi, lão giả vờ bịt tên sách lại, che kín lề, mép và gáy cuốn thơ, chỉ cho xem đủ cái câu thả đó và đủng đỉnh, tủm tỉm trình với cả làng rằng đó là một câu thơ Tống. Thật là rõ ràng chữ thạch bản, chữ tuy nhỏ bằng con kiến, nhưng đeo kính vào xem, chữ không nhòe lấy một nét. Nhiều người thua cay, thường chỉ tự trách mình xem cổ thi ít quá và tặc lưỡi kêu: "Cổ nhân dùng chữ úp mở uyển chuyển quá đi thôi. Họ cậy có tài, tự cho mình cái quyền hạ những chữ quá lắt léo, đem cái quyền lực của sáng tạo ra mà làm bọn mình đảo điên cả nhận thức và cả tiền bạc nữa. Còn ai biết đằng nào mà lần nữa". Ấy một năm lão Phó Sứ dùng lối thả thơ sanh tử như thế độ một đôi lần, đủ gỡ lại những bữa thua to. Chà! Nhưng mà nghĩ lắm lúc cũng tội. Vợ chồng họ nhiều khi thua nhẵn. Lắm bữa không có lấy một chữ tiền mà thửa dây đàn nữa. Và hai ông mụ phải vờ cáo bệnh nằm bẹt một nơi có khi đến hàng tháng.

- Cụ Tuần trước ở đây, chơi không được lịch sự, thành thử vợ chồng ông Phó Sứ họ cũng đâm nhờn. Ai đời đi mặc cả với họ mỗi buổi đánh thơ xong, phải đưa cho mình một số nhất định là bao nhiêu, mặc dầu họ thua hay là được. Không những thế, Cụ lại còn

quấy nhiễu họ giữa những tiếng bạc lớn. Lấy tiền nhà cái, lúc năm đồng, lúc mười chữ, tẹp nhẹp quá. Hình như Cụ còn chớt nhả với cả mụ Mộng Liên nữa.

- Thì cũng phải lấy hồ chút ít chứ sao? Có thế thì những buổi hội giảng đầu tháng bên tòa bên tỉnh xong, Cụ mới giữ các quan phủ huyện lại cho chớ? Vậy chớ ai trả tiền những mâm rượu linh đình giáo đầu cho mỗi cuộc thả thơ?

- Cái ông huyện Bình Khê, người trông đứng đắn thế vậy mà nhảm lạ. Ông ta chúa hay vờ vĩnh. Nhà cái chưa thả thơ xong, ông cứ vờ vĩnh giục ồn lên những là lâu và làng đặt tiền chậm như thế thì một đêm, phỏng thả được mấy câu thơ. Thế rồi ông vồ lấy lá thơ đặt ở giữa chiếu, dọa mọi người nếu không đặt tiền nhanh lên thì ông thổi tuột lá thơ ra và xin làng, nếu nghĩ lâu quá, thì đợi đến câu sau hãy đánh vậy. Mỗi lần ông cầm lên đặt xuống lá thơ, cái mẩu giấy tàu bạch cuộn tròn như tổ sâu kèn lại nới giãn dần ra một chút. Và ông đã hé nhìn được chữ gì viết trên đầu giấy, cuốn tròn tận vòng trong cùng lá thơ. Mắt ông ta nhanh như cái cắt. Có lần ông Phó Sứ vòng một chữ *bút*, ông huyện vờ xin thổi thế nào mà nhìn được cái nét sổ dài. Rồi là có bao nhiêu tiền đem đặt vào chữ *bút* đến tột cửa! Nhưng, mụ Mộng Liên xem chừng cũng hiểu, nên mỗi lần sau, ông huyện Bình Khê động tay vào lá thơ là mụ lại buông tay đàn,

chận lấy giấy và nhìn trừng trừng vào giữa mặt ông huyện có tính gian giảo kia.

Đêm hôm đó người ta bày cuộc đánh thơ ở nhà ông Kinh Lịch. Mọi người tụ tập ở đấy đều lấy thế làm vừa lòng. Vì ít ra, ở đây, người ta cũng chơi bời có phần được tự nhiên hơn ở trong dinh các cụ. Ông Kinh Lịnh là một người trọng cái sạch sẽ của tâm hồn, nói to cùng mọi người là ông không thu tiền hồ. Ông chỉ yêu cầu ai được thơ nhiều nhất thì nên cho người lão bộc nhà ông một số tiền nhỏ mọn để đền lại cái công nó làm dầu, làm đèn, nấu cháo và bưng điếu. Ông Kinh lại còn khẩn khoản với mọi người đừng nên làm huyên náo nhà cửa lên. Ông vui vẻ nói:

- Đã hay rằng vớ được câu thơ hay, ai mà chẳng muốn ngâm vang lên. Thứ nhất lại ngâm vang câu thơ thả mình vừa đánh trúng cái chữ hiểm hóc, thì ai mà bụm miệng được. Một người ngâm, cả làng phụ họa vào, ồn ào bằng vỡ chợ, cái đó cũng là thương tình. Nhưng, tôi xin các ngài biết cho là chúng ta ở trong thành, gần ba dinh Cụ Lớn, mình không nên làm náo động quá. Bình khe khẽ, đủ nghe với nhau thôi.

Cả một lũ con bạc lên mặt tài giỏi, nhìn ông Kinh Lịch cười hóm hỉnh và khoan thai bước vào chiếu giữa. Ông Kinh Lịch châm thêm dăm bẩy cây sáp nữa đã gắn sẵn vào đế đèn đồng. Tất cả thành thử đến

hơn mười cây nến, chung nhiệt độ lại để tăng bốc cái mùi thơm gắt ngát của một bình hoa rộng miệng chứa gần trăm gốc huệ trắng. Hoa huệ mãn khai cuộn cong đầu cánh trắng lại như những râu rồng và gặp tiết đêm, gặp sức nóng của nến cháy, của người thở mạnh, của hơi thở dồn vang càng hết sức nhả mùi hương. Không khí đều là huệ hết cả, có người rít mạnh mồi thuốc lào, đã lầm rằng thuốc của mình là ướp ủ bằng hoa huệ. Hơi huệ ngùn ngụt bốc lên, quyện lấy mùi dầu dừa nơi mái tóc Mộng Liên. Mộng Liên mặc chiếc áo màu hỏa hoàng ngồi ép sát vào chồng, mặc một chiếc áo lụa năm thân nhuộm màu khói nhang đột chỉ trứng rận. Ông Phó Sứ vừa gỡ túi thơ vừa hỏi làng:

- Dạ thưa, có đánh thơ cổ phong không? Và có đánh chữ chân không?

Một con bạc ít tuổi và chừng như mới tập tõng lối chơi chữ này, hỏi lại:

- Đánh thơ cổ phong? Thôi, nếu thả thơ cổ phong thì anh em ở đây đưa tiền cho ông tiêu hết. Còn đánh chữ chân là thế nào?

Ông Kinh Lịch đang nằm bên khay đèn, ngồi nhỏm dậy nói chò xuống chiếu dưới:

- Cái ông Thừa nhà tôi đến hay lẩm cẩm. Đã đi đánh thơ đòi ăn tiền thiên hạ, còn hỏi lục vấn thế nào là chữ chân. Thưa ông, câu thơ bảy chữ, đem vòng chữ

thứ bẩy cuối cùng cho làng đánh, thế gọi là đánh chữ chân ạ.

- Nếu thế thì đánh cả chữ trắc và cả chữ bằng à? Thôi, xin làng cứ theo như lệ mọi khi mà đánh. Đây chúng tôi không phải là thi bá, không dám đánh chữ vần, chữ chân.

Ông Phó Sứ và Mộng Liên nhìn nhau cười; vợ chồng có ý bảo thầm nhau rằng làng cũng khôn đấy nên mới không dám trêu vào lối đánh thơ hiểm hóc này.

Lá thơ đầu tiên đã ra khỏi miệng túi gấm vẫn khư khư nằm trong tay Mộng Liên. Cả làng chăm chú nhìn và ngâm ngợi và ngẫm nghĩ. Cái gì mà "...thượng, mai khai, xuân hựu lão"? Cuối lá thơ thả, có sẵn năm chữ thả viết xương kính: *tái, sơn, đình, mộ, Văn*. Cả làng ngâm:

- *"Vòng" thượng, mai khai, xuân hựu lãão*

Vẫn lời cái ông thừa trẻ:

- *Tái, sơn, đình, mộ, Văn*. Ta đánh chữ *tái*: "Tái thượng, mai khai, xuân hựu lão". *Hoa mai... nở trên mặt ngọn ải...xuân lại già nữa.*

Nghĩ ngợi lâu, ông Thừa trẻ trở nên do dự. Thấy ông Thông phán tỉnh, người có tuổi và vốn sành về môn thơ thả, đánh chữ *Văn* ông tỏ ý ngạc nhiên:

- *Văn thượng, mai khai, xuân hựu lão*. Quái nhỉ! Sao lại *Văn*?

Rồi ông Thừa cứ mân mê mãi cọc tiền, không biết nên đặt chữ gì để ông Phó Sứ phải sốt tiết lên cắt nghĩa hộ cho bằng vẻ lễ phép ngụ nhiều ngạo mạn kín đáo.

- Thưa ngài, *Văn* là con sông Văn chảy qua đất Lỗ, quê đức Thánh Khổng. "Mai nở trên sông Văn, xuân lại già": Cụ Phán tỉnh đánh thơ như thế, câu đó ngài cho làm lạ lắm sao?

Và, xem chừng cả làng cũng không có một ai đánh thêm được đồng nào nữa, ông Phó Sứ xin làng cho phép ông được thổi lá thơ cuộn tròn để tuyên bố cái kết quả tiếng bạc đầu tiên. Ông đã nhẹ nhàng cầm lá thơ, phồng má định thổi phù một cái. Một vài người vội vàng vứt thêm tiền đặt vào mấy chữ *tái, sơn, đình*. Chỉ có chữ *mộ* là không ai đánh cả.

Mộng Liên ngồi đánh được một phần ba bản đàn Nam bình [1].

Thế rồi tiếng bạc mở.

Và cả làng đều ngã ngửa ra khi đọc rõ lá thơ kia là câu: "Mộ thượng, mai khai, xuân hựu lão". Cả làng nhao nhao:

- Ô, cổ nhân dùng chữ ác thật. *Hoa mai nở trên nấm mồ, xuân càng già*. Thơ phú thế có giết người không? Ai biết đằng mô mà lần, mà đoán.

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất bốn dòng chưa tìm ra được.

Ông Phó Sứ trước khi vơ tiền cả làng, vì không ai đánh chữ *mộ*, ông đã vội trình với làng một trang sách thơ mở rộng. Và tay vừa chỉ một dòng chữ in nhỏ, mồm vừa nói:

- Thưa với làng, câu này lấy ở bài *Tọa phóng hạc đình* của Từ Dạ.

Bao nhiêu bộ mặt tăng hẳng đều cúi cả vào trang cổ thi và ề à ngâm lại:

-"Mộ thượng mai khai, xuân hựu lão; Đình biên hạc khứ, khách không hoàn". Hay, hay thiệt.

Ông Kinh Lịch đêm ấy thua to. Ông truyền cho người cuốn chiếu bạc và ân cần dặn vợ chồng ông Phó Sứ tháng sau có trở lại thì thế nào cũng phải tổ chức cuộc thả thơ ở ngay nhà ông cho ông gỡ lại. Ông còn nằn nì xin ông Phó Sứ làm quà cho mình tất cả những lá thơ đã dùng đánh suốt một đêm qua. Thấy nhà cái trù trừ, ông Kinh Lịch nói dỗi:

- Có cho, thì tôi giữ làm chút kỷ niệm.

Ông Phó Sứ cười, trao vào tay ông Kinh mấy chục lá thơ đã dùng đến nhầu nát rồi và thắt chặt lại miệng túi gấm còn đựng đến gần trăm lá thơ khác chưa dùng đến còn phong kín cái bí mật một chữ thơ. Rồi nhà cái nhà con chắp tay từ biệt nhau với một câu đính ước: "Cữ thượng tuần tháng sau, xin lại gặp nhau ở đây nữa".

Nhưng ngày thượng tuần tháng sau, ông Phó Sứ và Mộng Liên không trở lại. Rồi quá cữ trung tuần, rồi qua luôn cả cữ hạ tuần. Nhiều khách thả thơ đã dầy công chờ đợi vợ chồng ông như một cái bóng chim như một cái tăm cá.

Một hôm, có người ở Kinh ra, nói chuyện cùng ông Kinh Lịch:

- Ông Phó Sứ chết ở chân Đèo Ngang rồi. Mộng Liên giờ là người góa và đang lúng túng tìm người giữ cho cây đàn. Số là đi qua Hoành Sơn quan, thấy cảnh đẹp, lòng sinh tình, hai ông mụ đã yêu nhau giữa vùng trời nước bao la. Ngay chỗ dưới chân ngọn tường ải có chữ "Đệ nhất hùng quan" của đức Thánh tổ ngự phê ấy, ông ạ. Trúng cơn gió độc, ông Phó Sứ đã hóa ra ma chết đường. Mộ để sát ngay bên đường thiên lý. Cái giống ma trơi này, sẽ thiêng vô cùng. Rồi đây những lúc thanh vắng, những lúc trăng bài gió ngàn, hồn ma tha hồ mà trêu ghẹo khách bộ hành vô Kinh đấy ông ạ. Cám cảnh cho lão, đâu có bậc thời sĩ quê vùng Ngũ Quảng có làm đôi câu đối điếu. Xin đọc ông nghe:

Ra Bắc vào Nam, trăng gió đề huề thơ một túi

Lên đèo xuống ải, mây mưa đánh đổ cuộc trăm năm

NGÔI MẢ CŨ*

Thành ra cái hồi cụ Án nhà mất thì cậu mới có ba tuổi.

- Dạ.

- Thế cậu không rõ cái người phân kim cắm huyệt cho cụ Án hồi ấy là ai ả?

- Dạ, thưa không.

- Tôi thấy cậu là người còn ít tuổi, mà có chí như thế, tôi có bụng yêu. Bồ côi cha, bồ côi mẹ, sống cái tuổi thơ ấu giữa cảnh loạn lạc và nghèo túng, vậy mà vẫn có chí theo đuổi được việc sách đèn, tôi lấy làm khen lắm. Giá như con nhà khác thì lêu lổng và hỏng từ bao giờ rồi còn gì. Cái thiên lương của cậu tốt lắm.

Cậu Chiêu ngồi hầu chuyện cụ Hồ Viễn, lòng buồn rười rượi. Mồm thì dạ vâng để giữ lễ mà óc thì bận nghĩ giật lùi về cái hồi còn nhỏ bé của mình. Cụ Án ông mất, cụ Án bà cũng mất theo liền. Cách nhau

---

* Đã đăng tạp chí *Tao đàn* số 9-10 (16-7-1939) với nhan đề *Cái mả cũ*

không đầy ba tháng, cậu Chiêu mang luôn hai cái tang lớn... Mấy ông chú, bắt đầu phá tán cái gia tài còn con... Một mình ở với chị, lúc ấy chị mới có mười hai tuổi...bây giờ lại đang loạn lạc. Trăm họ tan lìa... Bao nhiêu ông già bà cả chạy giạt vào cái thăm thẳm của rừng Hưng Hòa. Màn trời... có những vòm lá cây âm u. Chiếu đất... có những cỏ áy, sim lụi và những cành cây mục bở với những đàn kiến lửa nối nhau ngày đêm bò liền liền như là quan quân đi tiểu giặc. Nhớ đến cái mình sống hồi ấy giữa cảnh ly loạn, cậu Chiêu hình dung thấy rõ mồn một, một cái đứa trẻ bổ côi rất đáng nên tội nghiệp kia. Cậu đấy. Ừ, tưởng là chết được lắm, chứ có ai ngờ đâu còn sống được đến bây giờ và lại còn được ăn học đến nơi đến chốn nữa. Cái thân một người con quan lúc bấy giờ thật đã khốn cực đủ trăm phần.

Ông cụ Hồ Viễn vẫn nói và uống. Càng nói chuyện, cụ càng uống rượu; càng uống rượu, cụ càng được nói chuyện nhiều. Mỗi lúc bị hỏi gặng, cậu Chiêu lại như tỉnh cơn mơ nhỏ.

- Dạ?

- Thưa vâng.

Rồi cậu Chiêu lại vẫn không quên cái cảnh màn trời chiếu đất của ngày bé bỏng. Dưới cái màn trời triền miên những kinh động ngờ sợ, ánh sáng tối và ẩm ướt của rừng tị nạn đổ xuống một cái đầu xanh

đang ngậm chùm tóc mới vừa tơ mà đã nhuộm màu tang. Trên cái chiếu đất dằng dặc mùi côi cút, một cặp chân có khóa bạc vòng vàng đang in đôi gót đỏ như son lên cái rêu nhầy nhờn, của ngày đau khổ và lần lút. Có những ngày liên tiếp cậu Chiêu và chị - cô Tú - phải nấu củ rừng ăn với cháo chó,- những con chó trung thành cùng theo chủ vào ruột rừng Hưng Hóa.

- Cậu còn nhớ chỗ để ngôi mộ cụ nhà đấy chứ?

Cậu Chiêu choàng ngồi thẳng mình lên và ngừng tay quạt ruồi chờn vờn trên mâm cơm, vội thưa với cụ Hồ Viễn:

- Dạ thưa cụ, cháu nhớ lắm. Có ai mà lại đi quên được mồ mả cha ông. Vả chăng, vẫn còn có tấm bia ở đấy.

- Ở. Đấy là xứ Đồng Cồn phải không? Từ ta đây mà xuống dưới xứ Đồng Cồn thì đi như thế nào nhỉ?

- Dạ như chúng tôi đi bộ thì mất trọn một ngày, nếu không nghỉ ở dọc đường. Nhưng cụ có đi thì phải thuê cáng. Và đi cáng đòn ba thì tinh mơ đi, độ quá giờ ngọ đã tới.

- Thôi được rồi, để hôm nào mát trời, tôi và cậu sẽ xuôi xuống Đồng Cồn. Ngôi mộ cụ Án thể nào cũng phải phúc lại. Mộ để như thế, hỏng hết. Ai lại tọa như thế, hướng như thế bao giờ. Minh đường có mà thành ra nghịch thuỷ hết cả. Cậu nói qua qua thế, tôi cũng đủ rõ rồi.

Mâm rượu vừa bưng đi xong, cậu Chiêu kính cẩn mời cụ Hồ qua giường bên nghỉ.

Bấy giờ cậu Chiêu mới lùi vào nhà trong qua bên chái buồng cạnh. Cô Tú ngừng tay gieo thoi trên khung cửi vải, vuốt mái tóc xuề xòa dưới vành khăn nâu mỏ quạ.

- Thôi, em đi ăn cơm sớm đi chứ. Cơm ủ trong chăn đã ôi hết cả rồi. Có cái đĩa nõn khoai cho tương, chị để phần cho em một ít đấy.

- Em nhở ra rồi. Hôm nay ngày rằm, chị ăn chay.

Cô Tú cười. Nét cười dè dặt lẫn có mùi vị của hy sinh.

Với cô Tú, cuộc đời giờ đã hết tất cả xán lạn rồi. Bởi vì đời đã sớm đòi hỏi cô nhiều về bổn phận. Cô nhất định không đi lấy chồng và vui lòng sống vậy cho đến lúc nào cậu Chiêu em đi thi được và làm nên được. Ở trong cảnh cô cút với sự thanh bạch, cô Tú ngày ngày dệt vải, và khâu thuê vá mướn cho người xóm làng. Những lúc rời tay kim tay thoi thì cô lại lên tiếng ngẩy ngà đến người em lúc quên mặt chữ sách hay là bỏ dở một trang quyển bài viết. Cái bây giờ của cô Tú đã là không đáng kể và cô chỉ sống bằng mong chờ về cái mai sau của cậu Chiêu. Dưới quang đèn dầu bông, nhiều khi người em đã rầu lòng, tỏ lời hối lỗi vì những lúc làm phiền lòng cô Tú mà cậu coi như

là mẹ, một người mẹ rất trẻ, đầy âu yếm và thừa đức tin vào mình.

Chị ngồi chờ em ăn xong bữa cơm rau dưa, đưa tăm nước cho em rồi mới hỏi chuyện về việc ông cụ Hồ Viễn đã nhất định hôm nào thì đi xem lại ngôi mộ cha cất ở Đồng Cồn chưa. Cậu Chiêu thở dài, tỏ vẻ sốt ruột:

- Cụ Hồ ở nhà ta có đến hơn một tháng rồi mà cứ nay lần mai lữa mãi. Em thấy tốn nhiều quá chị ạ.

- Em coi chừng lời nói, kẻo cụ Hồ nghe thấy thì uống cả cái bụng thành kính của mình đi.

- Chị thử nghĩ, mỗi ngày hai bữa rượu và mỗi phiên chợ lại một bữa thuốc phiện. Ông cụ Hồ khó tính quá. Thuốc phiện nếu không phải là thứ một lạng đựng vào cóng thì không hút. Gớm, không hiểu ông cụ Hồ để móng tay làm gì mà dài đến thế. Móng tay út lá lan của cụ uốn hai vòng như râu rồng. A chết chửa, hình như hôm nay quên không mua chanh để chút nữa cụ dậy rửa móng tay.

- Có trong kia rồi.

- May quá. Chị chưa thấy cụ Hồ gắt gỏng mỗi khi bưng thau nước ra mà không kèm vài quả chanh sao?

- Em phải nên chiều cụ. Những lúc đêm hôm, em chịu khó hầu hạ cho được vừa lòng cụ. Cả nhà có hai chị em, chị là gái, vậy chị trông cậy ở em. Em nên biết, rước được cụ Hồ về nhà khó lắm.

- Nhà ta nghèo, cái đó cụ Hồ rõ lắm rồi còn gì nữa. Vậy mà cụ bày vẽ ra nhiều quá. Một tháng, hai tháng, cố gắng thì may cũng chiều đãi được chu tất. Nhưng em chỉ sợ cụ cứ ở lỳ mãi đây, hết trông trời lại đến xem lịch, mà vẫn không chịu đi xem hộ ngôi mộ của thầy, rồi thì sao?

- Chị ngờ cụ Hồ muốn thử đến lòng kiên nhẫn của chị em nhà mình, xem mình có được chí thành không. Tại sao, ở vùng đây, khối người giàu có, cụ không thèm tới, tuy họ chèo kéo. Em nên nhớ đến câu này nữa. Là hồi xưa, cụ Hồ đây có biết thầy lắm.

- Vậy hở chị? Sao em không nghe chị nói bao giờ. Chị kể cho em rõ.

- Cụ Hồ nguyên là tướng Cờ Đen. Tên cụ khác kia. Chú Thủ nhà có biết vì nhiều lần chú Thủ có nói đến rồi. Nhưng chị quên...[1]. Một cái cờ, cán dài hơn con sào, lá to bằng cả một cánh buồm thuyền lớn; lụa chập ba sợi xe làm một rồi mới dệt, rồi mới nhuộm đen. Đấy, vì thế mà gọi là Cờ Đen. Viền chung quanh lá cờ to tướng là những hàng móc sắt, sắc hơn lưỡi câu. Người ta nói chuyện lại rằng cụ Hồ, hồi còn làm tướng quân Cờ Đen, mỗi lúc cụ trương lá cờ đầu khi xuất quân, trông oai phong lẫm liệt. Bên thắt lưng điều, cụ giắt hai khẩu súng. Phía bên trái là một

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ hai dòng chưa tìm ra

khẩu đoản mã và phía bên phải là một khẩu súng thập bát hướng bắn một lúc những mười tám phát liền [1].

Có lẽ hồi nhỏ, những lúc ở trong thành xây đá tổ ong tỉnh Sơn, hồi thầy còn ở chức, chị cứ nghe thấy tiếng kèn tàu và loa đồng và trống trận nổi lên nhiều, là chính vào lúc quân Cờ Đen tế cờ ăn mừng được trận như thế. Quân Cờ Đen có cái tục tế cờ lúc thu quân... Nào ai biết. Thấy các ông già bà cả bảo thế.

- Cụ Hồ mà tài giỏi và dữ thế kia?

- Vậy mà những lúc việc quân thong thả, cụ mặc áo dài "sường sám" đội mũ "sường chí" có quả bông đỏ, cầm quạt vào chơi trong dinh với thầy, thì trông nhàn nhã và văn vẻ lắm. Cụ Hồ yêu thầy vì thầy viết chữ rất tốt. Chú Thủ thường nói chữ thầy viết có gân có mác như chữ lá thiếp. Bao giờ thầy cũng cầm bút đứng thẳng cái quản, chỉ thẳng vào đầu mũi và cúi tay không tì xuống văn kỷ. Nên những nét sổ rất khỏe và rất thẳng. Hôm nào em giở cuốn gia phả ra mà xem thì rõ.

Cậu Chiêu nghe chị kể chuyện, thích lắm. Vì chung quanh cái thân thế một ông già mà cậu vẫn chỉ cho là một ông thầy địa lý khó tính chỉ đáng trọng một cách vừa phải mà nhiều khi còn gượng ép nữa

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mười dòng chưa tìm ra

kia, bây giờ cậu thấy cả một huyền sử bọc quanh một lão tướng võ nghệ cao cường và bí mật. Cái ông tướng tài giỏi ấy, ngày ngày cậu gần kề và chuyện trò cùng. Vậy mà hơn tháng nay, cậu không biết gì cả.

Giàn bầu nậm ở ngoài sân, dây leo và lá chằng chịt lấp chật ô giàn nứa, đã làm dịu hẳn cái nắng tháng tư ở trước mặt nhà. Ánh nắng đổ xuống giàn, khi lọt xuống sàn bị cái cốt xanh ngắt của cây lá lọc qua một lượt, rồi đổ dồn và vờn vào áo vải trắng dài cậu Chiêu đang ngửng đầu ngắm những quả bầu nậm buông thõng xuống ngang mặt. Cái áo vải trắng cậu Chiêu đã biến thành một áo lụa màu xanh của một người phong lưu và đa tình. Đấy là cái màu dịu mát của chất ngọc bích; đấy là màu xanh ở những cánh đồng lúa non ngút ngàn của những xứ yên ổn không bao giờ có nạn binh lửa.

Gió nam từ ngoài luỹ tre già thưa đưa vào, làm va đụng vào nhau những bình rượu của Tự Nhiên. Những quả bầu mà được cứng lần cùi như chất vỏ cây khô, thì mỗi khi cơn gió vèo đẩy những bình rượu ấy vãng cụng vào nhau, người ta sẽ nghĩ ngay đến cái hình và cái tiếng của lũ khánh đất nung và cả đất nung ở cái sân cây cảnh một gia đình thanh bạch.

Cậu Chiêu nắm từng quả bầu nậm. Lúc buồn tay, lắc quả bầu thật mạnh, ở trong nghe như có tiếng nước ọc ạch. Trông sướng mắt và có thể vui tai đến

chừng nào! Chẳng trách được, chiều chiều ông cụ Hồ Viễn cứ ra sân đùa mãi được với lũ bầu nậm lòng thòng trước khung cửa sổ như nhắc nhỏm một người đã mệt với cuộc sống chỉ còn nên uống rượu chơi thôi. Trái bầu nậm còn tươi dưới lỗ giản là một cái bình rượu tạc bằng khối ngọc bích đều sắc, nhẵn và bóng!

Giời chiều, đứng nắn bầu nậm cho cụ Hồ, cậu Chiêu thấy có hứng thú. Vì cậu đã bắt đầu mến được ông già Hồ. Trước kia cưỡi ngựa, cầm cờ, đánh Tây, bắn súng; bây giờ đi phân phát hạnh phúc bằng cách tìm đất để mả cho những kẻ thất thế, và lúc nhàn rỗi thì uống một đôi rượu của những người biết nhớ ơn mình.

Xé mảnh vải điều, buộc vào cái nấc ngẵng quả bầu, cậu Chiêu nói với cái vắng vẻ của buổi chiều nhà quê: "Thắt chặt dây lại tị nữa, thì dáng bầu sẽ thon. Nó chỉ nhớn được theo chiều dài. Tròn quả này méo sẽ làm tội mình ngày mấy buổi ra đây nắn mãi cho nó bớt tật đi".

Cụ Hồ thức giấc, ra vườn, thấy cậu Chiêu đang nắn cái quả bầu mình đã rấm sẵn từ tháng trước, liền nói:

- Tại chị em nhà cậu tặng tôi mấy cái chén ngọc liệu nên tôi mới nghĩ đến việc lấy bầu nậm. Cái chén uống rượu của nhà này phải dùng với cái bình đựng rượu cũng của nhà này. Cậu biết chưa?

Cô Tú nghỉ tay thoi, bước ra nghe chuyện, đỡ lời em:

- Dạ thưa cụ, cảnh nhà nghèo bí, cũng chẳng còn có gì. Có bốn cái chén ngọc là của gia bảo còn lại, chị em chúng tôi kính biếu cụ gọi là đền đáp mới được có một chút đó mà thôi. Sau này nếu trời thương lại và nhờ được mạch đất tổ tiên có cơ hồi lại, nếu nghiệp nhà có thể trung hưng lên được, thì chị em chúng tôi còn phải tạ cụ nhiều. Có lẽ quả bầu nậm ở giàn này, chỉ là mẫu vẽ trước của một cái bình bằng ngọc thực mà sau này chúng tôi phải kính dâng cụ.

Cụ Hồ lấy làm thưởng thức cái câu cô Tú nói một cách trung hậu mà cũng rất văn hoa. Người như thế mà còn nghèo mãi thì còn để thiệt thòi cho thế gian nhiều. Cụ Hồ nghĩ mà thấy buồn buồn.

Hai cái sừng trăng đã mở to, đã đầy dần. Rồi vừng trăng tròn vẽ lên trời, lần thì cái quầng, lần thì cái tán. Thế rồi nó khuyết ở đầu ngọn tre, những lúc gió sớm giục canh gà gọi nước bể dâng lên. Trăng tháng tư đã gần hết một tuần. Trong cả một cữ tháng tư này, cô Tú đã thức rất khuya để dệt cho được nhiều tấm vải, để góp công nhật của mình lại cho được thừa thãi, để có đủ một số tiền thuê cáng cho cụ Hồ và em trẩy xuống Đồng Cồn, nơi để phần mộ cụ Ấn ông - cụ Ấn cha mình lúc nằm xuống trả lại lộc cho Triều đình, em mình mới có ba tuổi.

Cái ngày đi Đồng Cồn đã đến.

Cậu Chiêu ra đi từ lúc tối đất, lúc hàng xóm mới nổi lửa thổi cơm cho thợ gặt, bây giờ đã trở về với bốn năm người già cả rách rưới. Thấy cô Tú, bọn người già nua kia đều kính cẩn chào.

- Các bác đã xuống đấy ư? Chắc cậu Chiêu cũng đã nói rõ muốn mượn anh em ngày mai làm cáng hộ xuống xứ Đồng Cồn. Hai chiếc. Chiếc của cụ Hồ thì phải đi đòn ba. Cụ đẫy người và có tuổi. Vậy các bác định lấy bao nhiêu?

- Đồng Cồn. Thế này là phải mất những ba trạm. Đại Đồng này, Trạm Trôi và Mai Dịch này. Hai trạm ngắn và một trạm dài. Và một con đò ngang.

- Phải, đò sông Hát. Chiếc cáng đòn ba, sau khi nghỉ ở Mai Dịch, sẽ đi luôn xuống trạm Hà Trung.

- Thưa cô, thế là về tận Hà Nội?

- Có một mình cụ Hồ đi về Hà Nội thôi. Cậu Chiêu nhà đi đến Mai Dịch rồi trở về.

- Thế này thì cô cứ cho anh em một lượt mỗi trạm ngắn là một quan và quan năm tiền một trạm dài. Còn như cáng đòn ba thì xin tùy cô định cho. Ngày xưa, anh em đã có dịp được hầu cáng quan Án nhà nhiều chuyến lắm. Cụ ngày xưa thường có săn sóc đến anh em chúng tôi. Giờ là ngày mùa, nhưng được tin cô gọi, anh em cứ xuống ngay là vì anh em nghĩ đến

cái tình quan Án ngày xưa hay thương đến. Con tiền nong, thôi, cô cho thế nào cũng được. Chúng tôi không dám kỳ kèo.

Họ ăn trầu, vừa thổi lửa nùn rơm vặn ăn thuốc lào, vừa ngồi xổm thưa chuyện bên khung cửi. Thoáng thấy cái ngáng võng ngà gác ở trên cột bương, họ lối xuống ngắm đi ngắm lại và nói với nhau:

- Này bác Xã, cái ngáng ngà này không phải cái ngáng võng điều của quan Án ngày trước. Nó sứt mất một đầu kia mà. Bác còn nhớ chứ? Cái lần qua đò sông Hát, trời mưa gió to quá, tôi lẩy bẩy trượt chân, ngã khuyu xuống. Một đầu đòn cắm hẳn vào bùn. Vỡ cái nấc chạm rồng.

Một người quay lại phía cô Tú:

- Cụ Án nhà kể ra là người có bụng thương kẻ dưới lắm. Con tưởng cứ kể như vị quan khác, thì đến lắm tội chứ chẳng phải chuyện chơi đâu.

Sau cùng, cuộc thuê cáng ngã giá đúng tám quan, một cáng đòn ba đi thẳng đến trạm Hà Trung và một cáng đòn đôi chỉ đi đến làng Vòng thôi. Và sớm mai bắt đầu khởi hành.

Bữa cơm chiều hôm ấy là bữa cơm cuối cùng đãi một ông thầy địa lý. Cơm có rượu ngon, rất nhiều, và có cả một cái sò lợn. Cô Tú và cậu Chiêu cùng ngồi ăn với cụ Hồ vì cụ muốn thế. Cậu Chiêu thấy cụ Hồ

hôm nay lấy cái bộ áo *lề chí sẩu* ra mặc, trông cụ lại càng có vẻ Tàu lắm. Thảo nào mà ngày xưa cụ Hồ là tướng Cờ Đen!

Cô Tú còn ít tuổi mà đã có nét mặt và dáng dấp của người góa trẻ phải nuôi con nhỏ. Trông cô hôm nay già thêm. Lòng tưởng nhớ vong linh cha và thương em và tủi cho mình, ở người cô, chiều bữa nay ồn nổi lên nhiều hơn tất cả bao giờ. Thình thoảng cô quay mặt ra ngoài hỷ mũi kin đáo. Rồi cô lấy dải yếm đưa qua cặp mắt đỏ hoe. Cụ Hồ vẫn cười nói, uống rượu.

- Cô Tú lẩn thẩn lắm. Ông Giời có đóng cửa ai bao giờ. Chị em nhà cô, thế nào sau này cũng khá.

Đến đây thì cô Tú khóc lên thành tiếng. Cụ Hồ nói tiếp:

- Ngày mai, tôi xuống thăm lại cái kiểu đất ở Đồng Cồn. Xong rồi tôi xuôi luôn Hà Nội. Tháng sau, tôi sẽ về qua đây, để chỉ bảo cách xoay lại ngôi mộ... Cô đừng nên vội nói đến chuyện tạ ơn. Còn về lâu dài. Đáng lẽ bộ chén ngọc đó tôi không nhận đâu. Lấy những cái gì là gia bảo của người làm của mình là một cái tội. Nhưng vì nghĩ rằng, trong lúc chị em cô còn nhỏ tuổi, chưa chắc đã giữ nổi, thiếu gì kẻ dòm ngó. Thôi tôi cũng giữ hộ cô và cậu. Độ mươi năm sau, lúc đất có thể phát được rồi, tôi sẽ trở lại đây. Lúc bấy

giờ mới là lúc cô Tú nên nói đến việc đền đáp công ơn. Lúc bấy giờ tôi sẽ trả lại cô Tú và cậu Chiêu bộ chén ngọc liệu. Cụ Án nhà lúc sinh thời quý nó lắm. Đi lại với cụ luôn luôn, mà cụ Án nhà chỉ mang chén ra dùng với tôi có hai lần. Nếu tôi không sống được đến ngày đó, mấy đứa con tôi sẽ đưa chén ngọc đến làm của tin để nhờ cô Tú giùm giúp cho chúng. Cái đức nhà tôi xem chừng cũng bạc thế thôi. Có lẽ đến đời con tôi là không còn gì nữa. Cô Tú và cậu Chiêu nhớ hộ tôi câu nói chí tình này.

Cô Tú vừa đứng dậy, vừa sụt sịt, vừa xếp hành lý cho cụ Hồ mai xuôi sớm. Trong cái tráp sơn đen, cô đã chèn nhiều giấy bản vào kẽ tráp để chén khỏi va đụng lúc đi đường. Rồi cô xếp luôn cả quả bầu nậm vỏ đã khô và ruột đã tóp lại. Quả bầu mới hạ khói giàn được mấy bữa nay.

Hai chiếc cáng đi từ sớm, qua đò sông Hát, đã gác đầu đòn lên mấy cái trầu cáng cắm sẵn ở trước một cái quán nước chỗ Trạm Trôi. Cậu Chiêu vội mời cụ Hồ vào quán nghỉ và tay cậu vẫn khư khư cái la bàn cổ vẽ bát quái đồ của ông thầy Tàu.

Mấy người bộ hành có vẻ học trò nghèo, ngồi ăn bánh ở quán, đang đố nhau đối một vế câu đối mà một người vừa tức cảnh nghĩ: "Ngồi nghỉ Trạm Trôi

ăn bánh trôi". Ông cụ Hồ xòe cây quạt thước, quạt quạt và bảo cậu Chiêu soát lại quân còn lại của ván cờ tưởng đã đến lúc gần tàn cục. Từ sớm tới giờ, muốn quên cái đằng đẵng của mấy thôi trạm trên đường xứ Đoài, ông cụ Hồ và cậu Chiêu đã đánh với nhau mấy ván cờ không có quân đi, không có bàn bày. Họ đã đánh cờ bằng miệng chứ không phải bằng tay đụng quân. Khi mỗi người đi một nước thêm cho ván cờ tưởng, họ lại vén cái rèm cáng, nghển cổ ra ngoài nói chõ sang cái cáng đồng hành đi ngang hàng.

- Xa cửu bình bát.

- Tốt thất tiến nhất.

Bây giờ ngồi soát lại quân của mỗi người, thì cụ Hồ còn một xe và hai pháo. Và cậu Chiêu còn hai tốt đã sang hà và một ngựa một pháo. Hai bên sĩ tượng đều song toàn.

- Cậu rồi ngày sau khá. Cứ một cái lối đánh cờ của cậu tôi cũng thấy được một phần cái tương lai của cậu. Nhiều nước cờ bắt bóng, chiếu rứ, có vẻ tài tử lắm. Tôi nghiệm ra cậu không hay rình chiếu bí. Đáng để ý nhất trong lối xuất quân, là cậu đánh mấy ván đều vào pháo đầu cả. Người hào hùng đánh cờ bao giờ cũng vào ngay pháo đầu. Đánh cờ tức là người đấy. Rồi cậu cứ nghiệm mà xem, trong mười kẻ tầm

thường, nhút nhát, không khoáng đạt là có đến chín người ghềnh tượng ở nước đầu.

Cái xóm hàng quán chỗ Trạm Trôi đã lùi lại trong nắng lòa của trời hè. Hai chiếc cáng vẫn nhấp nhô xuôi về phía phủ Hoài.

Gần tới phủ Hoài thì xong một ván cờ nữa. Cậu Chiêu thua, sắc mặt vẫn tươi tỉnh. Cụ Hồ thì nghiêm trang.

- Cậu thua vì đã khinh thường con tốt biên của tôi và để nó lọt qua hà. Rồi lại cho nó nhập được vào cung. Một con tốt lọt qua sông là cái giá trị nó bằng nửa sức con xe rồi. Ở đời không nên khinh thường cái gì. Con tốt mà sang hà, tức là đứa tiểu nhân lúc đã đắc thế. Tha hồ mà phá phách. Mạng nó đổi lấy quân nào nó cũng lấy làm sở nguyện rồi kia mà.

Cậu Chiêu cười xòa, cụ Hồ mệt mỏi chợp giấc. Cáng vẫn song song trên đường dài.

Con đường xứ Đoài, cát bụi nhiều quá. Được một thôi nữa, bỗng cụ Hồ hỏi sang bên chiếc võng gai cậu Chiêu:

- Cậu thường có hay đánh cờ đất không? Cờ đất khó hơn cờ bàn; phải tinh lắm mới đánh nổi. Để tới vụ xuân sang năm, tôi sẽ rủ cậu lên Hưng Hóa đấu cờ với một người bạn gái bằng trạc tuổi cậu. Cô ta

khiến đôi ngựa rất nhanh, và có cái nước mã ngọa tào lạ lắm. Mà cưỡi ngựa cũng rất tài.

Trời vẫn nắng như rang.

Thế chốc nữa, ở làng Vòng cậu lại ngược ngay về Sơn, thì mãi đến hết canh một mới tới nhà đấy nhỉ?

- Dạ thưa cụ, có lẽ đêm nay chúng tôi phải nghỉ đêm ở làng Nhổn. Chị tôi dặn lúc về thì tiện đường rẽ qua vào đấy thăm ông Cử Hai và nhân tiện đòi bộ *Lữ hành Thi tập* của thầy tôi làm hồi theo đoàn sứ qua Bắc Kinh.

HƯƠNG CUỘI

Đứa cháu đích tôn và lũ cháu ngoại đang loay hoay ngoài sân với những đồ đồng ngũ sự lổng chổng trên đám trấu và tro đẫm nước.

Ông chúng, cụ Kép làng Mọc, cũng đang loay hoay với mấy chục chậu lan xếp thành hàng dưới giàn hoa lý.

Trái với thời tiết, buổi chiều cuối năm gió nồm thổi nhiều.

Cơn gió nồm thổi nhẹ, như muốn nhạo cái ông già kia mặc cả một tấm áo trấn thủ bằng lông cừu trắng. Trời nồm nực, bức đến tắm nước lã được, ông cụ Kép mặc áo lông cừu xứ Bắc, ý chừng muốn phô cái phú quý phong lưu của nhà mình. Không, đấy chỉ là một thói quen của cụ Kép. Mỗi khi cụ ra thăm vườn cảnh, trong một năm, trừ những ngày hạ ra không kể còn thì lúc nào cũng khoác tấm áo cừu. Mùa xuân, mùa thu, khí hậu ấm, áo mở khuy. Sang đến đông tiết, cụ cài hết một hàng khuy nơi áo, thế là vừa. Trong cái

vườn cây nhỏ, trong đám cỏ cây xanh rờn, những buổi sớm tinh mơ và những buổi chiều tàn nắng, người ta thường thấy một ông già lông mày bạc, tóc bạc, râu bạc, mặc áo lông trắng, lom khom tỉa những lá úa trong đám lá xanh. Cụ Kép nguyện đem cái quãng đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự lũ hoa thơm cỏ quý.

Buổi chiều ba mươi Tết năm nay, cả một cái gia đình cũ kỹ nhà cụ Kép đang tới tấp dọn dẹp để ăn Tết.

Mợ Ấm cả, mợ Ấm hai ngồi lau lá dong chăm chỉ. Thỉnh thoảng họ ngừng tay, để hỏi nhau xem còn thiếu những thực phẩm gì trong cái mâm cơm cúng chiều nay. Lù con đàn, bì bõ ở ngoài sân. Chúng đang đánh bóng ở ngoài sân những lư, đỉnh, cây đèn nến bằng đồng mắt cua và bằng thiếc Sông Ngâu. Chốc chốc, lũ trẻ lại mỉm cười, nghển những cái đầu thưa thớt ít sợi tóc tơ, nhìn vào phía trong nhà cầu, hỏi mẹ chúng:

- Bao giờ cậu mới về, hả mợ?

Không biết nên trả lời con trẻ thế nào cho tiện, mợ Ấm cả đưa mắt cho mợ Ấm hai.

Ông Ấm cả và ông Ấm hai, đi làm việc Tây ở tận xa chưa thấy về ăn Tết. Cứ lời những người trong làng có người nhà đi làm việc Nhà nước thì được nghỉ những từ chiều hai mươi chín kia mà. Muốn được

khuây nỗi mong, hai chị em dâu, người đã đứng tuổi, càng thái đồ nấu cỗ cho thực nhanh. Gớm, những miếng trứng tráng để bày mặt cỗ bát, thái hình miếng trám, sao mà đẹp thế. Đứng bên cạnh mẹ, đứa nhỏ nhất trong đàn con đã thủ thỉ van nài mợ Ấm hai:

- Mợ cho con cái miếng mụi cắt hỏng kia nhá!

Người mẹ không nghỉ tay làm việc trên tấm thớt, lừ mắt nhìn con. Thằng bé vội chạy ra ngoài, sán đến cạnh cụ Kép:

- Ông đang làm gì thế hở ông?

- Ấy chết, cháu đừng mó vào hoa của ông. Ông đang thăm xem đúng hôm nào thì hoa của ông nở đủ.

- Ông cho cháu một cái... Cháu xin ông cái lá gẫy kia nhá.

- Cháu không nghịch được những thứ này. Thôi, đi lên trên nhà với ông. Mợ cháu mà trông thấy cháu ra nghịch cây của ông, thì cháu lại phải đòn bây giờ đấy.

Nhớ đến trận đòn phất trần hôm họ, vì trót nghịch gãy mất rò lan của ông nội, thằng bé mặt phụng phịu và hai tay đánh đai vào mình ông già, kéo triu cả tấm áo lông cừu. Nó làm nũng ông và quấn quít lấy ông, mong ông sẽ che chở cho, nếu mẹ nó nom thấy nó ra nghịch chậu cây cấm.

Cụ Kép cười khà. Rồi cụ lại vạch từng gốc rò lan, xem xét tỉ mỉ đến màng hoa, đến rò hoa và thân lá. Hết chậu này đến chậu khác.

Tưởng chừng như cháu mình cùng là một người biết đến chuyện chơi cây, hiểu đến thời tiết trong một năm, có đủ những kinh nghiệm, thói tục và thông minh của người lớn, ông già đã nói với cháu bé:

- Tự nhiên, cuối năm lại nổi gió nồm. Cháu có thấy bực mình không? Ông tiếc cho mấy chục chậu lan của ông quá. Nở hết thôi!

Đứa cháu không hiểu đến ý nghĩa của câu than phiền của ông già, ngửng bộ mặt ngây thơ lên, hỏi hai ba lần:

- Hoa sắp nở, sao lại tiếc hở ông?

Cụ Kép, nhìn lại cái người bé tí hon đứng với mình trong vườn lan, thân cao không vượt khỏi cái lá lan uốn cầu vồng, cụ Kép đãi đứa cháu ngây thơ một nụ cười rất độ lượng, mắt nhấp nháy kính tuổi:

- Nếu không có nồm thổi, thì hoa trong vườn ông còn lâu mới nở. Hoa sẽ nở nhằm vào ngày rằm tháng giêng. Đúng vào ngày Tết Nguyên Tiêu. Ông cháu chúng ta sẽ có hoa mà thưởng xuân, cháu đã hiểu chưa. Bây giờ cháu chạy vào gọi bõ già ra đây cho ông bảo.

- Bõ già đi ra bờ ao rửa đá cuội từ ban trưa kia ông ạ.

Phải, phía cầu ao trong vườn cụ Kép, một người lão bộc, đang lom khom dúng rổ đá xuống nước ao và sàng sẩy đổ đá như kiểu người ta sàng mẹt gạo. Tiếng

đá bị tung lên, đập vào nhau kêu sào sạo, khiến lũ cò trắng nghỉ chân trên luỹ tre vội bay đi mất. Bõ già nghỉ tay, nhìn đàn cò sợ hãi bay cao, với nét cười của một người chịu vui sống trong sự an phận.

Bõ ở với cụ Kép đã lâu lắm. Cái hồi cụ Kép còn là một thầy Khóa sinh hai mươi tuổi, bõ già đã nếm cơm ở cửa nhà này rồi. Chính bõ vác lều chõng cho cụ đi thi tú tài. Những việc nhớn việc nhỏ trong nhà, bõ đều nhớ hết. Bõ nhớ cả đến ngày giỗ giúi trong họ. Không có bõ nhắc nhỏm có lẽ nhiều lần mợ Ấm cả đã bỏ mất ngày giỗ. Bõ già hình như chỉ trải cuộc sống của mình để hằng năm, nhắc nhỏm đến những ngày giỗ trọng và giỗ giúi của gia đình người khác.

- Thưa mợ, đến mười sáu tháng tư này lại là ngày chính kỵ cụ ngoại... Thưa mợ...

Mợ Ấm cả, muốn tỏ sự cảm ơn, kín đáo đãi bõ già một miếng trầu kèm miếng cau tươi mềm. Trong cái gia đình yên lặng này, bõ già được thiện cảm của mọi người, không phải vì ỏn thót mà chính vì lòng thẳng thắn. Lắm lúc trông tội nghiệp lạ. Bõ tính toán, sắp đặt việc nhà chú ý như một kẻ có quyền lợi dính dấp vào đấy. Cái hoài bão to lớn của bõ, là lúc trăm tuổi nằm xuống sao được có một cái "áo" gỗ vàng tâm thật dày.

Ở đây, không ai nỡ nói nặng bõ. Và, đến những việc nặng, mọi người đều tránh cho bõ già. Công việc

thường trong một ngày, có nhiều hôm chỉ thu vào việc chuyên trà tàu và thay bã điếu cho cụ Kép. Thậm chí trong những ngày cuối năm bận rộn như hôm nay, mà bõ già cũng không phải mó tay vào việc gì cả. Làm lợn, gói giò chả, vo gạo, đồ đậu xanh làm bánh chưng, làm dầu đèn, lau bàn thờ, nhất nhất không việc gì phải qua tay bõ. Mãi đến quá trưa hôm ba mươi Tết, cụ Kép mới bảo bõ già đi rửa mấy trăm hòn đá cuội trắng. Nghe thấy bõ già nhận lấy cái việc rất ngộ nghĩnh đó, cả nhà đều cười. Thứ nhất là lũ trẻ con. Cụ Kép vẫn nghiêm trang dặn người đầy tớ già:

- Bõ đem đá ra bờ ao rửa cho sạch. Lấy bẹ dừa mà kỳ cho nhẵn, cho trắng tinh ra. Xong rồi, lựa những viên đá tròn bỏ vào một rổ. Những viên đá xù xì, không tròn trĩnh, để ra một rổ khác.

Bõ già tỏ ý hiểu:

- Thưa cụ con biết rồi. Cụ lại sắp cho dọn một bữa rượu "Thạch lan hương". Nhưng sao năm nay, lại soạn đá sớm quá? Thưa cụ, con nhớ mọi năm cứ hạ cây nêu xong rồi mới đem cuội ra ngâm kia mà...

- Thế bõ không thấy giời đổi gió nồm đấy à? Thế bõ không biết năm nay hoa nở sớm hơn mọi năm sao? Tôi đã cho ngâm thóc để lấy mầm lúa nấu kẹo mạch nha từ mấy hôm nay rồi.

Bõ già gật gật...

Cụ Kép là người thích uống rượu ngâm thơ và chơi hoa lan. Cụ đã tới cái tuổi được hoàn toàn nhàn rỗi để dưỡng lấy tính tình. Vì bây giờ trong nhà cũng đã thừa bát ăn. Xưa kia, cụ cũng muốn có một vườn cảnh để sớm chiều ra đấy tự tình. Nhưng nghĩ rằng mình chỉ là một anh nhà nho sống vào giữa buổi Tây Tàu nhố nhăng làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu mất bao nhiêu giá trị tinh thần; nhưng nghĩ mình chỉ là một kẻ chọn nhầm thế kỷ với hai bàn tay không có lợi khí mới, thì riêng cho thân thế, lo cho sự mất còn của mình cũng chưa xong, nói chi đến chuyện chơi hoa. Cụ Kép thường nói với lớp bạn cũ rằng có một vườn hoa là một việc dễ dàng, nhưng đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó. Cụ muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành chí tình ra mà đối đãi với giống hoa cỏ không bao giờ biết lên tiếng kia. Như thế mới phải đạo, cái đạo của người tài tử. Chứ còn cứ gây được lên một khoảnh vườn, khuân hoa cỏ ở các nơi về mà trồng, phó mặc chúng ở giữa trời, đầy chúng ra mưa nắng với thờ ơ, chúng trổ bông không biết đến, chúng tàn lá cũng không hay, thì chơi hoa làm gì cho thêm tội.

Đến hồi gần đây, biết đã đủ tư cách chơi cây cảnh, cụ Kép mới gây lấy một vườn lan nho nhỏ. Giống lan gì cũng có một vài chậu. Tiểu kiều, Đại kiều, Nhất điểm, Loan điểm, Yên tử v.v... Chỉ trừ có giống lan

Bạch ngọc là không thấy trồng ở vườn. Không phải vì lan Bạch ngọc giá đắt mỗi rò mười đồng bạc, mà cụ Kép không trồng giống hoa này. Trong một buổi uống trà đêm, cụ Kép nói với một người bạn đến hỏi cụ về cách thức trồng cây vườn hoa:

- Tôi tự biết không chăm được lan Bạch ngọc. Công phu lắm, ông ạ. Gió mạnh là gẫy, nắng già một chút là héo, mưa nặng hột là nẫu cánh. Bạch ngọc thì đẹp lắm. Nhưng những giống nhẹ nhàng ấy yểu lắm. Chăm như chăm con mọn ấy. Chiều chuộng quá như con cầu tự. Lầm lỡ một chút là chúng đi ngay. Những quý vật ấy không chịu ở lâu bền với người ta. Lan Bạch ngọc hay ưa hơi đàn bà. Trồng nó ở vườn các tiểu thư thì phải hơn.

Thiếu hẳn loài Bạch ngọc, cụ Kép đã cho trồng nhiều giống Mặc lan, Đông lan, Trần mộng. Giống này khoẻ, đen, hoa và rò đẩy, hoa có khi đậu được đến nửa tháng và trong mười ngày, nếu chủ vườn có quên bón tưới, cũng không lụi.

Chiều hôm nay, hoa Mặc lan chớm nở.

Chiều mai, mồng một Tết, hoa Mặc lan mãn khai đầy vườn.

Đêm giao thừa, bên cạnh nồi bánh chưng sôi sình sịch, bõ già đang chăm chú canh nồi kẹo mạch nha. Cụ Kép dặn bõ già phải cẩn thận xem lửa kẻo lơ đễnh một chút là khê mất nồi kẹo.

Hai ông Ấm, con trai cụ Kép, người lớn tuổi đứng đắn như thế, mà lại ngồi gần đấy, phết giấy vào những nan lồng. Thực là hai đứa trẻ con đang ngồi nghịch với lồng bàn giấy. Họ trịnh trọng ngồi dán hồ, vuốt giấy. Ông cụ Kép đứng kèm bên, mỗi lúc lại nhắc:

- Này Cả, thầy tưởng miệng lồng bàn, con nên đan to hơn miệng chậu. Con chạy ra, lấy cái que đo lại lợi chậu xem. Nếu rộng thì hỏng hết. Đo lợi mấy chậu Mặc lan thôi.

Hai ông Ấm, ngồi phết được đến mười cái lồng bàn giấy. Họ rất vui sướng vì họ tin đã làm toại được sở thích của cha già. Cụ Kép co ro chạy từ nồi kẹo mạch nha, qua đám lồng bàn giấy, đến cái rổ đá cuội đã rảo nước thì cụ ngồi xổm xuống, ngồi lựa lấy những viên đá thật trắng, thật tròn, để ra một mẹt riêng. Ông Ấm cả, ông Ấm hai lễ mễ bưng những chậu Mặc lan vào trong nhà. Cả ba ông con đều nhặt những hòn cuội xấu nhất, méo mó, xù xì trải xuống mặt đất những chậu lan gần nở. Mỗi lần có một người đụng mạnh vào rò lan đen, cụ Kép lại xuýt xoa như có người châm kim vào da thịt mình.

Nồi kẹo đã nấu xong nhưng phải đợi đến gần cuối canh hai kẹo mới nguội.

Bây giờ thêm được bố già đỡ một tay nữa, cả ba ông con đều lấy những hòn cuội để riêng ban nãy ra

mẹt, đem dúng đá cuội vào nồi kẹo, quấn kẹo bọc kín lấy đá, được viên nào liền đem đặt luôn vào lòng chậu hoa. Những viên đá bọc kẹo được đặt rất nhẹ nhàng lên trên lượt đá lót lên nền đất chậu hoa.

Ủp xong lồng bàn giấy lên mười chậu Mặc lan thì vừa cúng giao thừa.

Ba ông con, khăn lượt áo thâm lạy trước bàn thờ đặt ngoài trời. Năm nay, trời giao thừa lành.

Cả một buổi sớm, cụ Kép phải bận ở đình làng. Trước khi ra đình cụ đã dặn bõ già ở nhà phải sửa soạn cho đủ để đến quá trưa, cụ và vài cụ nữa đi việc đình làng về sẽ cùng uống rượu thưởng hoa.

Bõ già đã bày ra giữa sân bốn cái đôn sứ Bát Tràng màu xanh quan lục. Trước mặt mỗi đôn, bõ già đặt một án thư nhỏ, trên đó ngất nghểu hai chậu lan còn lù lù chiếc lồng bàn úp, và một hũ rượu da lươn lớn có nút lá chuối khô. Bõ già xếp đặt trông thạo lắm. Trong mấy năm nay, đầu mùa xuân nào bõ già cũng phải, ít ra là một lần, bày biện bàn tiệc rượu Thạch lan hương như thế. Bõ già hôm nay lẩm bẩm phàn nàn với ông Ấm hai:

- Năm nay, cụ nhà uống rượu sớm quá và lại uống ban ngày. Mọi năm, cứ đúng rằm tháng giêng mới uống. Và lại uống vào chiều tối. Đốt đèn lồng, treo ở ngoài vườn, trông vào bữa rượu hoa, đẹp mắt lắm cậu ạ.

Ông Ấm hai vui chuyện, hỏi bõ già:

- Này bõ già, tôi tưởng uống rượu nhắm với đá cuội tẩm kẹo mạch nha thì có thú vị gì. Chỉ thêm xót ruột.

- Chết, cậu đừng nói thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ nhà có giảng cho tôi nghe rằng những cụ sành uống rượu, trước khi vào bàn rượu không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tịnh không dùng những đồ nhắm mặn như thịt cá đâu. Mấy vò rượu này, là rượu tăm đấy. Cụ nhà ta quý nó hơn vàng. Khi rót rỏ ra ngoài một vài giọt, lúc khách về, cụ mắng đến phát thẹn lên. Cậu đậy nút lại, không có rượu bay!

Phía ngoài cổng củi, có tiếng chó sủa vang.

Bõ già nhìn ra thấy bốn cụ tiến vào đã quá nửa lòng ngõ duối. Cụ nào cũng cầm một cây quạt thước, chống một chiếc gậy tre càng cua hay trúc đùi gà. Uống xong tuần nước, cụ Kép mời ba cụ ra sân uống rượu. Bõ già vòng tay vái các cụ và đợi các cụ yên vị thì khom khom mở từng chiếc lồng bàn giấy một.

Một mùi hương lan bị bỏ tù trong bầu không khí lồng bàn giấy phất từ đêm qua, đến bây giờ vội tản bay khắp vườn cây. Bốn cụ và bõ già đánh hơi mũi; những cặp mắt kém cỏi đăm đăm nhìn kỹ khoảng không trong vắt như có ý theo dõi luồng hương thơm

đang thấm nhập dần vào các lớp khí trời. Cơn gió nhẹ pha loãng hương thơm đặc vào không gian.

- Dạ, xin rước các cụ.

Dứt tiếng cụ Kép, tất cả bốn cụ đều úp lòng tay vào nhau thi lễ và giơ tay chỉ thẳng vào giữa, mời nhau ai cao tuổi xin nhấp chén trước đi. Tiệc rượu bắt đầu. Bõ già kính cẩn chắp tay đứng sau lưng chủ, có vẻ cũng thèm say lắm.

- Trời lạnh chút nữa, uống Thạch lan hương mới đúng phép, chủ nhân ạ!

Đáp lời cụ Cử Lủ, cụ Kép vuốt râu cười nói:

- Chính thế. Nhưng đệ sợ chờ được lạnh đến, thì hoa vườn nhà tàn mất. Trông kẹo mạch nha không đông, còn dính vào lớp đá lót, đệ cũng biết là không được khéo lắm. Trời nồm biết làm thế nào.

- Này cụ Kép, kẹo đá thơm ngon đấy. Chỉ hiềm có mùi ung ủng pha vào hương lan. Chắc kẹo nấu bén nồi, khê và thêm không được đông nên mới có tạp vị nhiễm vào.

Sau mấy câu phê bình về tiệc rượu, tỏ ra mình là người biết thưởng thức những vị thanh lương đạm bạc, bốn cụ đều xoay câu chuyện sang phía thơ văn.

Cụ Tú người cùng làng với cụ Kép mở đầu câu chuyện làm thơ.

- Sớm nay, đệ đã khai bút rồi. Đệ nghĩ được một đôi câu đối. Để các cụ chữa cho mấy chữ, chiều nay

sẽ viết luôn vào giấy hồng điều để xin phép dán thêm vào cổng nhà.

Ba cụ cùng cạn chén một lúc, cùng nói một lúc:

- Cụ Tú hãy cạn luôn ba chén rồi hãy đọc đôi câu đối mới. Câu đối của cụ còn ai hạch nổi chữ nào. Cụ nói gì mà khiêm tốn vậy... Chúng tôi xin nghe.

Chờ đợi cụ Tú dặng hắng lấy giọng, mỗi cụ đều bỏ vào mồm những viên kẹo mạch nha đá cuội ướp hương lan. Những nhân đá đánh vào răng kêu lách cách. Mỗi ông già đọc một đôi câu.

Rồi mỗi chén rượu ngừng là một lời thơ ngâm trong trẻo. Cứ thế cho tàn hết buổi chiều.

Mấy cụ đều khen lẫn nhau là thơ hay. Trong cái êm ấm của chiều xuân sớm, tiếng ngâm thơ quyến rũ cả đến tâm hồn một người lảo bộc. Bõ già, chiều mồng một Tết tự nhiên mặt sáng tỏ hẳn lên. Cái đẹp của tiệc rượu ngâm thơ lây cả sang người bõ.

Vò rượu vợi với chiều xuân sớm quên đi.

Những vò rượu vợi dần. Trong lòng đĩa sứ đựng nhân đá, hòn cuội cao dần lên. Bõ già đưa thêm mãi những đĩa sứ vào bàn rượu.

Từ phía đầu làng, dội về mấy tiếng pháo lẻ loi. Lũ cháu nhỏ, nấp sau cột nhà, muốn chạy ra xin bõ già phát cho chúng những hòn cuội đã nhấm rượu xong rồi kia.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ*

Nhận được phiếu trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao:

- Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huấn Cao. Tôi nghe ngờ ngợ. Huấn Cao? Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

- Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy?

- Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhỏm đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi, cho thầy lui. A, nhưng mà thong thả. Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối

---

* Lần đầu đăng tạp chí *Tao đàn* số 1 (1-3-1939) lấy tên: *Dòng chữ cuối cùng* và có lời đề từ: "Ngày xưa có một tên tử tù viết chữ đại tự rất tốt". *(Truyện cổ nước Nam).*

cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không?

- Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà!

- Ờ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chặc lưỡi?

- Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thấy tiếng tiếc.

- Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra lại vạ miệng thì khốn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam. Mai, chúng ta phải dậy sớm để cho có mặt ở cửa trại trước khi lính tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiểng đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ có cho mấy thằng thập nó đánh bạc nghe!

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa ở giá gươm, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư cũ đã nhợt màu vàng son, một cây đèn đế leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngục quan bãn khoăn ngồi bóp thái dương. Tiếng trống thành phủ

gần đấy đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiểng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ đẫm sương, vẳng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen thẳng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân giời không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiểng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhợt, sơn đã mờ, đĩa dầu sở trên cây đèn nến vợi lần mực dầu. Hai ngọn bấc lép bép nổ, rụng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng dấu son ty Niết. Viên quan coi ngục ngẩc đầu, lấy que hương khêu thêm một con bấc. Ba cái tim bấc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đấy.

Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đấy, giờ chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ. Ở đấy, trong giây lát lại lập lòe chút ánh sáng của con tâm còn thơm sạch. Người ta phải lấy làm lạ hỏi tại sao

ngục quan lại không có một cái đầu trâu một cái trán dơi và một cái mặt khỉ. Trong thế giới khuyển ưng, khuyển phệ, cái bộ mặt quắc thước, nhẹ nhõm kia thực là một sự lạ lùng. Sự lạ lùng đó, trong bọn quan lại, người bề trên không chịu được và kẻ ty tiểu cũng không chịu được[1].

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông Trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghĩ ngợi về câu nói ban chiều của thầy thơ lại. "Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hắn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biệt đãi ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mấy dòng này: "Ở đây, trong giây lát....kẻ ti tiểu cũng không chịu được".

cáo giác với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hắn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu".

Sớm hôm sau, lính tỉnh dẫn đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều hôm qua đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi làng xóm và tội hình. Sáu phạm nhân mang chung một chiếc gông dài tám thước. Cái thang dài ấy đặt ngang trên sáu bộ vai gầy. Cái thang gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem bắc lên mỏ cân, có thể nặng đến bảy tám tạ. Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu người tử tù. Gỗ thân gông đã cũ và mồ hôi cổ mồ hôi tay kẻ phải đeo nó đã phủ lên một nước sơn dầu bóng loáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại xỉn lại những chất ghét đen sánh. Trong khi chờ đợi cửa ngục mở rộng, Huấn Cao, đứng đầu gông, quay cổ lại bảo mấy bạn đồng chí:

- Rệp cắn tôi, đỏ cả cổ lên rồi. Phải dỗ gông đi.

Sáu người đều quỳ cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông, đầu cúi cả về phía trước. Một tên lính áp giải đùa một câu:

- Các người chả phải tập nữa. Mai mốt chi đây sẽ có người sành sỏi dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bấy giờ tha hồ mà tập. Đứng dậy không ông lại phết cho bây giờ.

Huấn Cao, lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thang gông xuống thềm đá tảng đánh thuỳnh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhăn mặt. Một trận mưa rệp đã làm nền đá xanh nhạt lấm tấm những điểm nâu đen.

Cánh cửa đề lao mở rộng.

Sáu người né mình tiến vào như một bọn thợ nề, thận trọng khiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai.

Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kiêng nể, tuy cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡn đối riêng với Huấn Cao. Bọn lính lấy làm lạ, đều nhắc lại:

- Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xướng. Xin thầy để tâm cho. Hắn ngạo ngược và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói chữ "để tâm" có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giở những mánh khóe hành hạ thường lệ ra. Ngục quan ung dung:

- Ta biết rồi, việc quan ta đã có phép nước. Các chú chớ nhiều lời.

Bọn lính dãn cả ra, nhìn nhau mà không hiểu. Sáu tên tử tù có ngạc nhiên về thái độ quản ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thơ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu, với thức nhắm, người thơ lại lễ phép nói: "Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biếu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây, lạnh lắm".

Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu và ăn thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình lúc chưa bị giam cầm. Rồi đến một hôm, quản ngục mở khóa cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huấn:

- Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất[1].

Ông đã trả lời quản ngục:

- Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà ngươi đừng có đặt chân vào đây.

Khi nói câu mà ông cố ý làm ra khinh bạc đến điều, ông Huấn đã đợi một trận lôi đình báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quan ngục bị sỉ nhục.

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất sáu dòng chưa tìm ra được

Đến cái cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huấn bực mình thêm, khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu: "Xin lĩnh ý". Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không để chân vào buồng giam ông Huấn. Ông Huấn càng ngạc nhiên nữa: năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của quản ngục: "Hay là hắn muốn dò đến những điều bí mật của ta?". "Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan trọng, ta đã khai bên ty Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung ta ký rồi. Còn có gì nữa mà dò cho thêm bận".

Trong đề lao ngày đêm cửa tử tù đợi phút cuối cùng, đúng như lời thơ xưa, vẫn đằng đẵng như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục, không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời khuấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại giữ tù. Quản ngục chỉ mong mỏi một ngày rất gần đây ông Huấn sẽ dịu bớt tính nết, thì y sẽ nhờ ông viết, ông viết cho. ..cho

mấy chữ trên chục vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại kia. Thế là y mãn nguyện.

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoảnh, trừ chỗ tri kỷ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo, là có một vật báu trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa y nhiều quá, y chỉ lo mai mốt đây, ông Huấn bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời mất.

Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình Bộ Thượng thư trong Kinh bắt giải ông Huấn Cao và các bạn đồng chí ông vào Kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tinh mơ, sẽ có người đến giải tù đi.

Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói: "Dạ xin ngài cứ yên tâm, đã có tôi". Rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn, đấm cửa buồng giam, hớt hơ hớt hải kể cho tử

tù nghe rõ nỗi lòng quản ngục, và ngập ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về Kinh chịu án tử hình.

Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: "Về bảo chủ ngươi, tối nay, lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các ngươi. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đi phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ".

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vẳng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột phân gián.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, họ dụi mắt lia lịa.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang đậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng

trên mảnh vạn. Người tù viết xong chữ, viên quản ngục lại vội khum núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa ông. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, để xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và đĩnh đạc bảo:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng trẻo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không? ... Tôi bảo thực đấy: thầy Quản nên tìm về quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức chàm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh".

Viên quản ngục nhìn mặt chữ khô lần lần. Y sung sướng vì giữ được dòng chữ quý.

Y tự nhủ: "Tất cả nghề nghiệp ta, và có lẽ cả đời ta nữa, lãi chỉ ở chỗ xin được chút kỷ niệm này".

Nhưng, một tình buồn mênh mông đã lẻn vào lòng sung sướng của quản ngục...

...Ít hôm nữa...pháp trường trong Kinh...[1].

(1) Văn bản in trong sách (1940) bỏ mấy dòng cuối cùng này: "Viên quản ngục nhìn mặt chữ.....pháp trường trong Kinh"

MỘT ĐÁM BẤT ĐẮC CHÍ*

Ít bữa nay, Lý Văn buồn bực ra mặt, bỏ nhà ra đi đến hai ba hôm. Nhiều người lạ mặt đến hỏi, vợ con Lý Văn đều không biết thế nào mà trả lời. Những người khách dữ tợn ấy có khi trở lại đến hai ba lần. Không được gặp chủ nhân, họ không lấy thế làm hậm hực. Vợ Lý Văn có hỏi gặng, họ chỉ trả lời nhiều câu nghe rất ngang tai:

- À anh em chúng tôi cũng chơi bời như ông Lý nl à ta đây. Hễ ông Lý có về, bà nói giùm cho là có bọn Huấn ở Kim Sơn ra thăm. Bá Huấn, bà nhớ thế cho. Và có tin gì hay, xin ông Lý nhà cho anh em biết sớm.

Bọn Bá Huấn Kim Sơn đi chưa khỏi thì lũ chó mẹo ở ngoài cổng lại sủa vang lên một hồi. Lại ba bốn người nữa đến hỏi thăm ông Lý. Người nào cũng quấn khăn đầu rìu, trông rất dị thường.

---

* Đã đăng trên tạp chí *Tao đàn* số 2 (16-3-1939) lấy tên *Ném bút chì*

- Chúng tôi là người Tam Tổng. Ở nhà lâu ngày tù chân quá, nhân đi qua đây, ghé thăm ông Lý và hỏi ông xem có công việc gì đáng để anh em đỡ tay hộ không.

Bà Lý Văn chỉ biết dạ và thưa và luôn miệng mời khách hãy ngồi chơi để cho cháu nó đi đun nước.

- Thầy cháu đi lên tỉnh vắng- bà Lý nói.

Mấy ông khách người hạt Tam Tổng không chịu ngồi yên một chỗ để xơi một khẩu trầu. Họ cũng không chịu ngồi yên để chờ đợi ấm nước trà đun sắp sủi. Họ chắp tay ra đằng sau lưng, lững thững dạo quanh nhà một vòng. Đàn chó mẹo tha hồ mà sủa, mà rộ; có lúc chúng chờm vồ lên lưng khách. Khách vẫn thản nhiên để cho đàn chó nhà bà Lý gặm bắp chân. Bà Lý vừa quát lũ chó một cách vô hiệu, vừa để ý ngắm đến những bắp chân tròn trĩnh của mấy ông khách lạ. Thì ở đấy, có cần gì đợi lũ chó nhà bà Lý cắn, trên lần da chân bóng như đồng đen kia, đã loang lổ nhiều vết sẹo rất to, cái thì trắng nõn nước da non đang lên, cái thì đen thẫm màu thịt thối thâm đã lâu ngày.

Đàn chó xem chừng cũng chán mấy người lạ kia nghênh ngang trong nhà chủ mình và có ý coi cái khoảnh sân vườn này như là của họ. Trái với những lần khác thấy những người lạ qua đây có cầm que hay gậy tre gai với sự rụt rè kiêng nể là chúng cắn vồ và

đuổi nhiều, lần này đàn chó mẹo, sau một hồi thị oai suông đã lảng xa mấy ông khách người Tam Tổng.

Sau một hồi "nhỏ to"ở giữa sân, họ nói chõ vào trong nhà:

- Thế ông Lý có nói bao giờ về không?

Từ trong nhà thấp, tiếng bà Lý đưa ra:

- Dạ, thầy cháu hôm đi, không thấy dặn gì cả. Xin mời các ông vào xơi nước kẻo nguội.

Ngoài sân mấy ông khách vẫn thì thầm bàn tán. Họ không trả lời câu mời nước của bà Lý. Trong một lúc gắt gỏng, bà Lý chỉ nghe được một mẩu chuyện lúc họ nói to: "...Chả có nhẽ lão Lý lại đi đánh một tiếng bạc bất thình lình như vậy. Bao giờ lão đi, cũng có anh em mình tả phù hữu bật". Thế rồi họ kéo nhau đi, sau mấy mồi thuốc lào rít đến tụt nò và sau mấy câu chào hỏi kệch cỡm ngô nghê. Bên chiếc điếu cay dài đến thước rưỡi ta, họ còn để lại một cái hộp tròn đựng thuốc lào. Nắp hộp làm bằng vỏ cam khô. Lúc vỏ cam còn tươi, ở trong khuôn ép, người ta đã tỉ mỉ trổ lên đấy một cái mặt hổ phù.

Cai Xanh - người khách có hộp thuốc lào này và vừa ở đây ra - Cai Xanh là một tay chơi nổi tiếng ở mấy vùng Thanh nội và Thanh ngoại. Những tay anh chị trong đám giang hồ phóng khoáng thường được biết đến tiếng Cai Xanh. Và những tay chơi chưa được gần y thì chỉ thèm muốn có một dịp nào nhập vào

đáng y để được biết rõ đến nghệ thuật của một bậc đàn anh. Có mấy lần, Cai Xanh hay bàn với những người thân tín về việc ông Thám ngoài Yên Thế.

Người ta biết đến Cai Xanh, người ta biết luôn cả đến những đồ vật mà Cai Xanh hay giắt luôn trong mình. Như con dao hai lưỡi, cái hộp thuốc lào, v.v...Con dao hai lưỡi ấy, ít khi Cai Xanh phải dùng đến. Khi đã dùng đến thì thế nào cũng có chuyện. Trong những phút rất nguy nan, phải giết kẻ khác để gỡ lấy mạng mình, chưa bao giờ Cai Xanh chịu phóng dao và bỏ dao lại trên chiến địa. Hóa cho nên con dao đó, sau những khi cắm ngập vào thớ thịt còn nóng hổi dòng máu của bao nhiêu tử thi, dao đó lại trở lại nằm trong hầu bao của Cai Xanh. Chung quanh con dao thép sáng ngời, một huyền sử đã bao trùm, cũng như một huyền sử khác đã chạy chung quanh cái hộp đựng thuốc lào của Cai Xanh.

Những lúc nhàn tản, không dự một đám cướp to nào, những lúc nhỡ độ đương không có tiền trả những hàng quán hẻo lánh trên con đường Thanh nội Thanh ngoại, Cai Xanh đã lễ phép nói với bao nhiêu là nhà hàng:

- Tôi lỡ quên không giắt theo tiền trong người, nhà hàng cho tôi gửi tạm vật này làm tin, mai mốt tôi sẽ cho người nhà tới chuộc nó về.

"Nó" đây là cái hộp thuốc lào ở trên nắp vỏ cam có khắc cái mặt hổ phù. Những chủ quán ở rải rác đường Điền Hộ phần nhiều cũng là đầu trộm đuôi cướp cả. Khi nào họ không đi ăn cướp được thì họ là người lương thiện, mỗi ngày rót vào bát đàn vài lượt nước trà xanh nóng hổi cho người đi đường giải khát. Họ vừa rót nước, vừa nheo cặp mắt lại như muốn đếm tách bạch ra từng đồng tiền trong tay nải khách qua đường nghỉ chân. Không biết ai đã nói chuyện cho họ nghe từ bao giờ về cái hộp thuốc lào của Cai Xanh mà mỗi lần thấy người khách ngang tàng kia gửi vật mọn đó làm tin thay cho món tiền thiếu, chủ quán nào cũng đều xoa tay, không dám nhận: "Dạ, không dám. Khi nào ông anh sẵn thì cho đàn em xin. Cái đó có là bao mà dám phiền lòng ông anh".

Hôm nay, cùng một vài bạn lợi hại đến thăm Lý Văn mà không được gặp, Cai Xanh có ý vờ bỏ quên lại hộp thuốc lào, để nhắc cho chủ nhân biết y đến không phải là việc phiếm và khi nào về nhà, chủ nhân nên triệu y đến ngay. Vì có việc cần phải bàn. Cái việc ơ dềnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để "đánh một tiếng bạc lớn" nghĩa là cướp một đám to.

Thế mà, không hiểu rõ một tí gì, bà Lý Văn cứ phàn nàn cho mấy ông khách Tam Tổng đến chơi đã

không được gặp chồng mình lại còn bỏ quên đồ vật. Xa xôi hàng mấy ngày đường, đến bao giờ các ông ấy mới lại trở lại đây để nhận vật bỏ quên. Mà bây giờ các ông ấy đi hẳn đã xa lắm, biết đuổi theo thế nào cho kịp.

Một ngày nữa lại hết.

Vào một sớm thứ hai, một thôi tiếng chó sủa vang ngoài cổng, mở đầu cho cái ồn ào hàng ngày trong gia đình nhà Lý Văn. Bà Lý ngừng tay dưới bếp, đã tưởng chồng mình về. Té ra chỉ là một ông khách lạ mặt nữa, đến hỏi thăm chồng với sự nóng nảy của một người quen vội vàng. Ý tứ vẻ thất vọng, xin đi ngay. Bà Lý muốn ông khách hấp tấp kia cho mình biết tên. Khách cười. Trên khuôn mặt đen như cột nhà cháy, nẻ ra hai đường răng trắng nhởn. Ông khách chạy vội ra phía đầu chái nhà, vơ lấy cái mai dựng ở tường, móc túi lấy con dao găm, khắc vào cán mai một đường tròn đều như tiện, trao mai cho bà Lý:

- Bà cứ đưa cán mai này cho ông Lý nhà, tự khắc ông sẽ biết. Độ chiều mai tôi lại sang chơi.

Bà Lý Văn cũng chỉ biết vâng dạ cho qua chuyện. Từ ngày bà làm bạn cùng ông Lý Văn, đến bây giờ đã mấy mụn con, bà chưa từng được biết chồng bà có những người bạn lạ lùng như thế bao giờ.

Lý Văn đã về. Không kịp bỏ khăn áo, Lý Văn đã nằm ềnh ra giữa phản. Từ chối hết cả những lời mời

mọc ân cần của vợ hỏi ăn cơm hay là ăn cháo hay là dọn rượu, Lý Văn chỉ nằm ngửa nhìn thượng lương nhà, tay trái vắt lên trán. Trên mặt y, chốc chốc những đường gân lại dăn dúm lại vì giày vò của suy nghĩ.

Bà Lý mon men lại gần chồng.

- Mấy hôm thầy nó đi vắng, có đến dăm bảy ông khách lạ đến hỏi thăm. Các ông ấy đều không nói tên. Có một ông khắc cái gì vào cán mai này và dặn đưa ngay cho thầy nó xem.

Bà đưa cho chồng cái cán mai có tiện một nấc ở đầu cán.

- A, Phó Kinh! Thế người ta đến từ bao giờ?

- Sáng qua. Theo lời ông ta hẹn, có lẽ chiều nay ông ta lại trở lại đây.

Lý Văn tự nói một mình: "Mình đang tìm Phó Kinh. Thôi, được rồi, có cây "bút chì" này giúp sức, ta không lo gì nữa".

Bỗng Lý Văn ngồi nhổm dậy. Y vừa nhìn thấy ở mép bàn thờ cái hộp đựng thuốc lào con con. Y vội quờ lấy cái hộp có in mặt hổ phù.

- Ấy, của cái bọn ông khách gì nói là người vùng Tam Tổng đấy. Ông ta lúc đi bỏ quên. Tôi bận trẻ không kịp chạy theo để trao trả cho ông ta.

Lý Văn không để ý đến nhời vợ, ngắm nghía hộp thuốc lào sung sướng, lim dim mắt, nói như người mơ ngủ:

Cai Xanh! "Tiếng bạc" này, thế nào cũng ăn to. Một cây "bút chì" của Phó Kình và một cái lá chắn của Cai Xanh, thế nào đám này cũng lọt. Ta đang lo thiếu hai tay này. Chắc thế nào Phó Kình cũng tới tìm Cai Xanh. Và có lẽ họ đã gặp nhau ở giữa đường rồi cũng nên. Tất thế nào chiều nay hai người cũng có mặt ở đây cùng một lúc.

Thế là Lý Văn đã truyền cho vợ đi lấy độ chục chai rượu ngon và quát tháo người nhà bắc ngay nước sôi để làm lợn. Bà Lý Văn chỉ biết làm theo. Từ những ngày nào, trong cái gia đình này, mỗi một lời nói to của ông Lý là một mệnh lệnh. Một mặt, người nhà chọc tiết lợn, tiếng con vật bị đâm dao bầu vào cuống họng kêu eng oéc. Một mặt bà Lý đi ra đầu làng để liệu cho xong cái khoản rượu.

Lý Văn chạy tới tấp như một kẻ chức sắc gặp ngày phải đương cai. Ngồi ở nhà được một chút, y nghĩ thêm được một điều gì, y lại vụt chạy đi rất lâu. Y chạy đi chạy về như thế, tính ra đã được ba lần. Đến lần thứ tư, thì y dắt luôn đến năm sáu người cùng về, trong số đó có cả Cai Xanh và Phó Kình.

Người ta nói cười oang oang. Lý Văn vào nhà trước, trải vội chiếc chiếu cạp điều phủ mặt ván ngựa.

- Mời các chú vào trong này.

Cả bọn kéo lên giường sau khi rửa chân cạn, hai bàn chân bẩn vỗ vào nhau mươi lượt. Cũng như từ bao giờ, bà Lý đã lẩn đi đâu mất. Ông Lý đã dặn vợ hễ khi nào ông có đông bạn lạ đến uống rượu thì bà nên vắng nhà. Vì thế, dọn xong rượu, lần nào bà cũng đi biệt.

Người ta ngồi vào mâm rượu với sự uể oải của người không đói ăn, với sự nghiêm trọng của một người biết trước bữa rượu này là khơi mào cho một việc quan hệ cần phải giải quyết trong hơi men nồng. Thực khách đều giữ một vẻ mặt bí mật.

Trong số mười chai rượu, thì đến bốn năm cái đã là vỏ thủy tinh không. Chiếc mâm đồng thước rưỡi có lót lá chuối tươi, đựng thịt thủ thái dồi đầy tú hụ lên thế, lòng mâm thịt đã vợi đến một phần ba. Một vài người dặng hắng. Đôi ba kẻ vê sẵn những mồi thuốc lào, mắt nhìn trừng trừng vào người đang rít điếu cày. Lý Văn khạc mạnh. Y giả vờ gọi đầy tớ thực to. Không có đứa nào thưa, y tủm tỉm:

- Thưa các quan, nhà vắng cả, xin các quan bàn qua lại việc đó. Rồi để phân phát ngay công việc cho anh em và định ngày làm.

- Còn định gì nữa, Cai Xanh ngắt câu chuyện. Nếu có làm thì làm ngay đêm nay đi. Nhân thể đêm nay lại tối trời. "Tiếng bạc" này, em xin thưa để bác Lý

biết: nếu đêm nay không mở ngay thì đi "tiếng bạc" đến vỡ mặt.

- Cũng được. Vậy thì anh em cất và nhận công việc luôn đi, Phó Kình bây giờ mới lên tiếng.

- Cứ như lệ cũ mà theo, vẽ vời cắt đặt lại làm chi cho thêm phiền ra. Thì cũng lại cầm lá chắn là anh Cai và đánh "bút chì" là em chứ còn ai vào đây. Nếu có neo người thì anh Lý nhà đỡ cho một cây "bút chùng" kèm sát bên cạnh em cho em vững tay ở những con đường độc đạo. Còn các chú nó đây - Phó Kình xòe tay chỉ mấy người ngồi ăn từ nãy chưa nói gì - thì chia nhau ra mà đỡ lấy việc vặt như thả chông, bật hồng, vân vân. Còn thì mới đến người ngoài. Các ông anh nghe đàn em bàn thế đã tạm ổn chưa?

Phó Kình tu một hớp rượu đánh ực. Cả bọn đều nhao nhao:

- Thôi, thông lắm rồi. Vậy thì nhất định đêm nay hết trống canh hai bắt đầu cất quân. Sang đúng đất bên ấy, vừa vào giữa canh ba.

Cả bọn lại đều một loạt đánh ngã vài chai lớn nữa. Rồi trong không khí ồn ào, người ta đọc đi đọc lại cái câu: "Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi". Cả bọn đều lấy làm thưởng thức câu đó và mỗi người đều tự đặt ngay mình vào địa vị

của người dám nghĩ dám làm. Nghèo, cực, khái. Lấy chỗ tiền bạc của bọn bất nghĩa, đem chia cho anh em khác nghèo như mình.

Phó Kình đã nóng mặt, xắn tay áo, ngồi chửi đổng:[1]

- Này phải biết, một cây "bút chì" của em, em dám chấp cả một ấp người chúng nó.

Nói xong, Phó Kình nhảy xuống đất, quơ trong gầm giường lấy cái mai, tháo cuộn dây thừng quấn trong người thay thắt lưng, buộc một đầu mối dây vào cán mai có tiện đường rãnh từ hôm nọ. Cả bọn đang vui câu chuyện, đều ùa theo Phó Kình ra mặt sau nhà, đứng một loạt đối diện với bụi chuối tiêu phất phơ tàu lá ở bờ rào xa. Phó Kình cuộn mấy vòng dây thừng dài đến mấy sải vào cánh tay trái. Bàn tay trái y nắm chắc cổ cán mai, bàn tay phải y giữ vững đốc ngọn mai, nói to: "Đàn anh thử xem em hạ cây chuối phía bên trái".

Bỗng sau một tiếng phập, thân trên cây chuối đã gục xuống mặt đất, kêu đánh roạt. Và Phó Kình đang cười hề hề, cuốn vòng dây thừng vào cánh tay trái. Được giật về từ lúc nào, cái mai đã ở gọn trong hai bàn tay y.

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất ba dòng chưa tìm ra được.

- Bây giờ, đàn anh lại xem em lấy buồng chuối chín cây xuống để chút nữa lễ thánh.

Lưỡi mai xẻn qua cuống buồng chuối, đi quá đích, chạm cả vào đến quá nửa thân cây chuối. Cả bọn cười vang. Lý Văn dè dặt lời khen:

- Ngón "bút chì" của chú hay đấy. Nhưng cũng còn nặng tay. Chưa được ngọt đòn lắm. Có nhiều khi mình chỉ nên đánh dọa người ta thôi. Nếu không cần đến, thì chớ nên làm tổn hại đến nhân mạng.

Sẵn có đàn gà đang đi trong luống khoai lang, Lý Văn mượn Phó Kình đưa cho mình cây "bút chì", buộc thòng lọng múi dây vào cổ tay trái và bảo: "Chú nào ném hộ anh hòn đất đi!".

Tiếng hòn đất đụng đất kêu đánh bộp. Mấy con gà bay tà tà khỏi mặt vườn, đập cánh bồm bộp. Tiếng lưỡi mai ở tay Ly Văn phóng ra kêu đánh vụt. Một tiếng gà kêu oác.

Cả bọn chạy ra luống khoai, giơ cao con gà gẫy mất hai chân, vết thương gọn gàng vừa đúng quãng đầu gối và cặp giò chưa lìa hẳn, vẫn còn dính vào đùi bởi lần da hoen máu.

Lý Văn gác mai, nói với tất cả bọn:

- Nếu mình ném mạnh tay quá và không biết tính sức đi của "bút chì" là nát mất gà. Các chú không phải đánh những tiếng bạc vào sinh ra tử, các chú

không biết, chứ đòn "bút chì" khó khiến lắm. Và một cây "bút chì" ngang tàng như thế mà lại phải luỵ một cành tre đấy. Chú nào hay xử cây "bút chùng", ở các đường độc đạo, nên cẩn thận khi thấy bên địch tung cành tre ra để phá "bút chì". Để hôm nào rảnh, anh sẽ dạy cho các chú tập đánh cái lối đòn bơi chèo bằng gỗ cau. Đánh đến đòn hỗn chiến ấy, thì đầu người rụng cứ như sung.

CHÉN TRÀ SƯƠNG*

Trời rét quá. Không kể tiểu hàn, không kể cả đến đại hàn, buổi sớm mùa đông nào, cụ Ấm cũng dậy từ lúc còn tối đất. Từ trên bàn thờ đức Thánh Quan, cụ nhấc cây đèn để xuống. Được khêu hai tim bấc nữa, cây đèn dầu sở phủ thêm màu xanh lá mạ chất sứ Bát Tràng.

Trên chiếu cói cạp điều đã sờn cạnh, cụ Ấm đã bày ra đấy nào là khay trà, ống nhổ, ấm đồng và hỏa lò đất. Cái điếu bát vẽ Mai Hạc kêu vang lên một hồi rất ròn rất đều. Khói thuốc lào đặc sánh bao trùm lấy ánh sáng yếu ớt của một ngọn đèn dầu. Rồi làn khói loãng dần biến ra nhờ nhờ như làn hơi nước sùi. Sau màn khói, ẩn hiện một ông già chống mạnh bên gối xếp, cặp mắt lim dim như một nhà sư nhập định. Vẻ nghiêm trang lặng thinh của ông già muốn làm ngưng cả áng khói trắng biến động đang trôi trong không khí

---

* Đã đăng ở tạp chí *Tao đàn* số 3 (1-4-1939) lấy tên *Ấm trà trong sương sớm*.

gian nhà gạch. Ba gian nhà chỉ có một người thức.

Trong cảnh trời đất lờ mờ chưa đủ phân rõ phần đêm và phần ngày, ông cụ có phong thái một triết nhân ngồi tính bước đi của thời gian. Đêm đông dài không cùng. Nó mênh mông và tự hết rất chậm chạp.

Gió bấc thổi qua những kẽ cánh cửa bức bàn gửi vào nơi yên lặng này mươi lăm tiếng gà không nhẫn nhục được với tối tăm. Từ ngoài phía ngõ râm bụt lượn sát nhà gạch, dội vào những tiếng bước chân người nặng nặng nhẹ nhẹ. Cuộc đời hồi tỉnh lại dần dần.

Cụ Ấm phẩy quạt nan phành phạch theo một nhịp nhanh chóng trước cửa hỏa lò. Hòn than tàu lép bép nổ, nghe vui tai. Và làm vui cho cả mắt nữa, những tàn lửa không có trật tự, không bị bó buộc kia còn vẽ lên một khoảng không những nét lửa ngang dọc ngoằn ngoèo. Những lúc có cháu nhỏ ngồi với mình, cụ Ấm thường hỏi chúng xem pháo hoa cải như thế có thích không.

Những hòn than tàu cháy đều, màu đỏ ửng, có những tia lửa xanh lè vờn quanh. Không khí mỗi lúc giao động càng nâng cao thêm những lưỡi ngọn lửa xanh nhấp nhô. Hỏn lửa rất ngon lành, trở nên một khối đỏ tươi và trong suốt như thỏi vàng thổi chảy.

Thỉnh thoảng, từ hòn than tự tiêu diệt buột ra một tiếng khô, rất khẻ và rất gọn. Thế rồi hòn than sống

hết một đời khoáng chất. Bây giờ hòn than chỉ còn là một điểm lửa ấm áp trong một cái vỏ tàn tro dầy và trắng xốp. Cụ Ấm vuốt lại hai mái tóc trắng, cầm thanh đóm dài đảo lộn tàn than trong hỏa lò, thăm hỏi cái hấp hối của lũ vô tri vô giác. Cụ Ấm bỏ thêm một vài hòn than hoa nữa vào hỏa lò. Than hoa không nổ lép bép như than tàu; nhưng từ ruột ấm đồng nung nấu đã lâu, có tiếng thở dài của khối nước sắp biến thể. Nước đã lên tiếng để nhắc người ta nghĩ đến nó.

Cụ Ấm cũng thở đánh phù một cái, như khi người ta được gặp lại bạn cố nhân sau nhiều giây phút mong chờ.

Cụ khẽ nâng vuông vải tây điều phủ trên khay trà gỗ trắc có chân quỳ. Nhẹ nhàng, khoan thai, cụ Ấm nhấc cả đĩa dầm chén tống chén quân ra khỏi lòng khay. Đến lúc dở tới cái ấm con chuyên trà thì cụ kềnh càng hơn. Cụ ngắm nghía mãi chiếc ấm màu đỏ da chu, bóng không một chút gợn. Dáng ấm làm theo hình quả sung và khi luyện đất cho vào lò lửa, người thợ Tàu lấy dáng cho ấm kia đã là một người thợ có hoa tay. Cụ Ấm thử mãi da lòng tay mình vào mình cái ấm độc ẩm, hình như cố tìm tòi một chút gợn trên đất nung để được sung sướng thêm hơn nữa sau khi nhận thấy cái ấm độc ẩm kia là nhẵn nhụi quá.

Nước sôi già lắm rồi. Nhưng thói quen vẫn bắt cụ Ấm rót thử một chút nước xuống đất xem có thực là

sôi không. Mở đầu cho công việc vụn vặt trong mỗi ngày tàn còn lại, ông già sợ nhất cái ấm trà tàu pha hỏng lúc sớm mai. Từ trên bể cao cỗ sập, dòng nước sôi trút mạnh xuống nền đất trị, tiếng kêu lộp bộp.

Trên hỏa lò để không, cụ đã đặt thêm một ấm đồng cò bay khác. Những người uống trà đúng cách thức trà đạo như cụ Ấm bao giờ cũng có ít ra là hai ấm đồng đun nước. Ấm nước sôi nhấc ra khỏi lò than là đã có chiếc ấm thứ hai đặt lên đấy rồi. Và hai ấm đồng đó cứ được mãi mãi thay phiên nhau đặt lên lò than đỏ rực. Bữa nước trà cứ kéo dài không hết hồi, người ta luôn tay có một thứ nước sôi đủ độ nóng để pha một ấm trà ngon.

Nhưng có mấy khi cụ Ấm uống trà tàu nhiều đến thế. Riêng về phần cụ, chỉ hai chén con là đủ rồi. Nhưng hai chén đó đã được cụ săn sóc đến nhiều quá.

Chưa bao giờ ông già này dám cẩu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Ấm đã để vào đấy nhiều công phu. Những công phu đó đã trở nên lề nghi. Trong ấm trà pha ngon, người ta nhận thấy có một mùi thơ và một vị triết lý.

Cụ Ấm sau mỗi lần nhở gặp phải ông khách tạp, uống trà rất tục, cụ thường nói với vài bạn nhà nho:

- Có lẽ tôi phải mua ít chén có đĩa ở hiệu Tây, để mỗi khi có mấy thầy làm việc bên Bảo Hộ tới thì đem

ra mà chế nước pha sẵn trong bình tích. Các cụ cứ suy cái lẽ một bộ đồ trà chỉ có đến bốn chén quân thì các cụ đủ biết cái thú uống trà tàu không có thể ồn ào được. Lối giao du của cổ nhân đạm bạc chứ không huyên náo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm thế thì mất hết cả thành kính. Tôi còn nhớ hồi nhỏ, còn là học trò quan Đốc, tôi được cái vinh dự sớm dậy, sớm nào cũng như sớm nào, đứng hầu trà cụ Đốc, trước khi cụ giảng bài và chấm cho anh em tập quyển. Nhiều người đã ghen tị với tôi và kêu ca với cụ Đốc xin để cắt lượt học trò hầu trà, cho anh em ai nấy đều được chút vinh dự gần gũi thầy và sớm chiều được gần cái đạo của thầy. Quan Đốc mỉm cười: "Thầy giả ơn các anh. Thầy nói thì các anh đừng giận: các anh không pha trà cho hợp ý thầy được đâu. Để thời giờ ấy mà học. Anh Đam - (trước kia tôi là Đởm sau sợ phạm huý nên cụ Đốc mới đổi tên đi cho) - anh Đam pha trà khéo thì thầy để cho giữ việc hầu thầy, chứ có phải thầy yêu anh Đam hơn hay là ghét các anh đâu". Bây giờ mỗi buổi trà sớm, ngồi uống một mình, tôi cứ nhớ cái tiếng ngâm của quan Đốc. Sớm nào dậy, cụ cũng ngâm một

vài bài thơ. Giọng thật ấm, thật trong. Cụ hay ngâm mấy câu này:

Bán dạ tam bôi tửu
Bình minh sổ chẩn trà
Mỗi nhật cứ như thử
Lương y bất đáo gia.

Mỗi buổi sớm, thấy rõ lòng thầy là vui vẻ, tôi đã mạn phép đọc để cụ Đốc chữa cho bài diễn nôm:

Mai sớm một tuần trà
Canh khuya dăm chén rượu
Mỗi ngày mỗi được thế
Thầy thuốc xa nhà ta.

Cụ Đốc tạm cho là được.

Sớm nay, cụ Ấm cũng ngâm thơ. Cụ tin rằng ngâm thơ lúc yên lặng, lúc mới tỉnh giấc là một cách vận động thần khí kỳ diệu nhất của một người sống bằng cuộc đời tâm tưởng bên trong. Mỗi buổi sớm ngâm như thế là đủ tiết ra hết ngoài những cái nặng nề trong cơ thể và để đón lấy khí lành đầu tiên của trời đất. Âu cũng là một quan niệm và một phép vệ sinh của thời cũ. Và người xưa uống trà là để giữ mình cho lành mạnh.

Thường hay vấn mình để sửa mình, cụ Ấm thường nghĩ đến cái câu nghìn xưa của thầy Tăng tử: "Ngô nhật tam tỉnh ngô thân" vào những giờ uống trà này.

Trong nhà cụ Ấm, người ta đã ồn ào thức dậy. Cụ Ấm cũng bắt đầu ho. Chừng như hồi nãy, cụ đã tự nén hơi thở không dám ho, sợ làm đục vẩn mất cái phút bình lặng huyền bí của lúc đêm và ngày giao nhau.

Người con trưởng rón rén lại hỏi thăm sức khoẻ của cha và mon men ngồi ghé vào thành chiếc sập cũ. Chàng đỡ lấy quạt, nhắc hỏa lò ra một chỗ rộng, quạt mạnh cho hết tàn than.

- Thầy uống xong rồi. Con uống thì pha mà uống. Trà còn đượm hương lắm.

Câu nói này là thừa. Vì sớm nào hai cha con ông Ấm chẳng dậy sớm để uống trà, cha bao giờ cũng uống trước hai chén và người con cả uống sau nhiều lắm đến ba chén là cùng. Sớm nay, cũng như lúc thỉnh thoảng của mọi ngày, cụ Ấm lại bắt người trưởng nam giở tập Cổ Văn ra bình lại cả bài *Trà ca* của Lư Đồng. Giọng bình văn tốt quá. Điệu cổ phong trúc trắc thế mà con cụ Ấm lại còn ngâm gối hạc bắt đoạn cuối một câu trên xuống luôn đầu câu dưới, hơi ngâm trong và dài. Trông hai cha con uống nước mà y như là một đôi thầy trò vào một giờ học ôn buổi sớm mai. Chuyện vẫn mãi về trà tàu, ông cụ Ấm lại mang luôn cả tập *Vũ trung Tuỳ bút* giảng những đoạn công phu của Quốc Tử Giám Tế tửu Phạm Đình Hổ chiêm nghiệm và xưng tụng về trà tàu. Rồi cụ Ấm liền than

tiếc đến cái mùa thu đã đi mất rồi, để sen hồ rách hết tàn rũ hết lá. "Cả ạ, thầy cho nước pha trà không gì thơm lành bằng cái thứ nước đọng trong lá sen. Mỗi lá chỉ có ít thôi. Phải gạn vét ở nhiều lá mới đủ uống một ấm. Hồi thầy còn ít tuổi, mỗi lúc được quan Đốc truyền cho đi thuyền thúng vớt những giọt thủy ngân ấy ở lá sen mặt đầm, thầy cho là kỳ thú nhất trong đời một người học trò được thầy học yêu tin".

Trong gia đình cụ Ấm, hồi gần đây đã lập lại cái phong tục uống trà. Có một hồi bần bách quá, cụ Ấm đã cất hẳn bộ đồ trà vào tủ, tưởng không bao giờ được bày nó ra hằng ngày nữa. Nhưng trời kể cũng còn hậu đãi người hàn nho, thế nào năm nay nhà cụ Ấm lại được mùa cả hai vụ.

- Này Cả, con lên tỉnh mua trữ lấy ít trà Lý Tú Uyên. Năm nay ta ướp thêm vào chục chai để dành. Thuỷ tiên nhà, năm nay gọt những một lắp đấy. Thầy mua chung với cụ Kép xóm dưới. Độ mai kia thì rò hoa tách hết màng. Củ nào hoa kép thì đem ủ trà.

- Thưa thầy, con tưởng trà cứ để nguyên hương của nó mà uống. Con thấy ông ngoại nhà không bao giờ cho ướp trà mới, bất cứ là với hoa thơm nào. Ông ngoại con bảo chỉ nên ướp, là lúc trà đã đi hương hoặc gần phát du.

Trời rạng dần. Một chút nắng đào lóng lánh trong cái đám cây một chiếc lại một chiếc, đang rụng lá năm cũ.

Đạo mạo trong vành khăn nhiều quấn dối, cụ Ấm đã chống gậy ra đi. Cụ quay trở lại dặn người con trưởng đang lúi húi lau bộ khay trà.

- Thầy vào trong cụ Điều để rồi cùng sang làng bên thăm một con bệnh già. Con bệnh này, tốn nhiều sâm đây. Đến tối thầy mới về vì thầy phải sao tẩm thuốc sống ở bên ấy cho tiện.

ĐÈN ĐÊM THU

Hình như năm nay thu nó về sớm hơn một kỳ; phải không hở anh Cử? Ông già sáu mươi cài hết hàng khuy hổ phách nơi tà áo chiếc áo lụa Nguyễn tím than đã bợt, ngẩng đầu hỏi người con đang soạn bộ đồ trà. Cậu Cử mở qua loa cuốn lịch, thưa lại:

- Thưa thầy, lập thu vào ngày mồng một tháng bảy.

Ông già sáu mươi kêu: "Thảo nào!" và hỏi tiếp:

- Đến tháng tám này là đúng vào ngày đầy tuổi tôi con bé cháu Tố Tâm đấy nhỉ?

- Dạ thưa thầy vâng.

- Một năm đủ mười hai tháng. Lên một, Tố Tâm nó chơi đèn được rồi đấy. Năm nay anh Cử có định bày cỗ cho các cháu chơi tết Trung Thu không?

Dưới nhà, vọng lên tiếng trẻ khóc bú và tiếng đàn bà ru con: "A ơ... Tâm ơi, Tâm ngủ đi Tâm...để mợ ra đầm, gánh nước tưới hoa...a ơ..."

Ông già tỳ cùi tay lên gối xếp da quang dầu, vuốt chòm râu bạc, nhìn ra cơn heo may lay bức mành, làm gật gù bông cúc nơi chậu cây cảnh ngoài sân. Ông già nét mặt nghiêm trang, bảo cậu Cử:

- Các con gọi tên con cái, nên gọi cho đúng. Tên cháu bé là Tố Tâm, thì phải gọi đúng như thế. Sao lại ăn bớt đi mất một chữ. Không thể bảo như thế là tiện là dễ gọi được. Người ngoài người ta cười cho.

Cậu Cử vội chạy xuống nhà rồi lại chạy lên ngay. Nói tiếp về việc bày cỗ tháng tám, cậu Cử thưa:

- Đã đến mấy năm nay, nhà ta bỏ mất cái tục lệ ấy. Cứ kể có bày ra lại, nó cũng vui nhà.

Dưới nhà, lại vẳng đưa lên cái giọng ru con ban nãy:

"À ơ, Tố Tâm thừa chút hương trời...à ơ ư...".

Ông cụ già bằng lòng. Người con dâu thứ ở nhà dưới ru trẻ theo cái ý của ông già vừa ngỏ với cậu Cử. Cậu Cử cũng hài lòng vì vợ đã tỏ ra là một người thuần thục, biết nghe lời gia huấn. Không những thế, mợ Cử còn tỏ ra là người cũng võ vẽ thi ca nữa. Vì con gái út là một thứ hương thơm bắt được của trời!

Thằng Ngộ Lang, đứa con đầu lòng lên bảy tuổi, chạy lên mách với cậu Cử: - "Em Tố Tâm ngủ rồi cậu ạ". Rồi nó leo lên sập, nhảy vào lòng ông nội, cũng đòi uống trà tàu. Cái lối chạy lên làm nũng ông nội như thế, và được ông nội thỏa thuận, thằng Ngộ Lang đã

có thói quen. Ông già sáu mươi yêu cháu vô cùng. Có khi ông lại đọc cả thơ chữ Hán để cho đứa trẻ sớm thông minh kia ngồi nhại mình. Nhớ được một hai câu ngũ ngôn ngắn ngắn, nó lại chạy xuống bếp túm dải yếm mẹ và đọc sai gần hết để mợ Cử lại phải phì cười chữa lại từng thanh âm một. Từ khi cụ Thượng Nam Ninh không ở chức Tổng đốc vùng xuôi, về trí sĩ ở Hà Nội tại cái nhà ngói chật hẹp phố Hàng Gai này, thằng Ngộ Lang là một cái vườn cảnh cho cụ vui cái thú điền viên. Cụ khen cháu cụ là đĩnh ngộ. Mỗi bữa rượu sớm, mỗi tuần trà trưa, cụ đều cho Ngộ Lang ngồi kèm một bên. Đã mấy mươi lần, vợ chồng nhà Cử Hai hết sức van xin ông đừng nuông cháu quá, sợ Ngộ Lang đâm ra hỗn. Cụ Thượng phật ý, bảo dâu và con nếu không để cho cụ như thế thì cụ vào ở trong huyện Thọ Xương vậy. Vợ chồng cậu Cử không biết làm thế nào, đành cứ phải để Ngộ Lang mặc sức quấy và làm nũng ông nội. Cụ Thượng cười và thôi không dọa vào ở trong huyện Thọ Xương, nơi mà người con trai cả lý đã mấy năm nay. Thực thế, cái ý vào ở với cậu Cử Cả, giờ là một ông quan Lệnh, ý đó chỉ là một lời dọa. Ông Lệnh Thọ Xương đã mấy mươi lần đem cả vợ con đến nhà hẹp phố Hàng Gai để rước cụ Thượng vào trong huyện ở cho mát hơn rộng hơn. Cụ Thượng chỉ trả lời ông huyện Thọ Xương:

- Lần sau, anh được lúc việc quan thanh thản, có ra chơi ngoài phố này với thầy, đừng có nên đem lính ra nhé. Ồn lắm. Chúng nó có sinh vào đời vua Lê chúa Trịnh, thì cho thêm vào cái đám Kiêu binh Tam phủ được đấy. Thầy rất sợ hàng phố người ta nói vào.

Mấy lần sau ra thăm cha, ông huyện Thọ Xương không dám đem mấy tên lính trọ trẹ ra theo nữa, nhưng đả động đến việc cũ, thì chỉ thấy cụ Thượng trả lời:

- Thầy ở đâu thì cũng thế. Miễn là được tĩnh mạc là hơn cả. Anh cũng rõ cái tính tôi vốn sợ cái bọn lính hầu cận và lại hay trấnh sự giao thiệp. Tôi tưởng vào ở tư thất một huyện nha nó phiền nhiễu lắm. Thôi anh cứ để tôi ở ngoài này.

Ông huyện Thọ Xương biết cha mình có bụng yêu chú Cử em hơn nên kiếm cớ ra như thế, bèn nói dỗi:

- Dạ, con tưởng hồi trước thầy còn ở chức, sự giao thiệp và đưa đón những tạp khách cũng nhiều lắm, và nhiều không kể cho hết được, lại là những cái gai mắt của toán lính hầu cận thầy. Một cái dinh Đốc bố đường, thưa thầy, sai nha không phải là ít. Vậy mà con không thấy thầy phàn nàn bao giờ cả.

Cụ Thượng hiểu ý, cười:

- Bởi thế cho nên tôi mới thèm đến sự an nhàn lúc được dưỡng lão. Vả lại thầy ở ngoài này nó quen đi rồi. Bao giờ anh được lùi về vườn và nếu trời còn cho

thầy sống một vài giáp nữa, ông con ta sẽ ở chung để sửa sang một cái vườn có đủ hoa bốn mùa. Anh không lo rằng chậm. Thôi, cứ để thầy ở ngoài này.

Cụ vừa trả lời ông huyện Thọ Xương vừa nhìn ông Cử Hai đứng sau người anh, có ý bảo thầm người con thứ rằng : "Bao giờ thầy cũng chỉ muốn ở với con, bởi vì con có tâm hồn giống như ta". Rồi ngắt sang câu chuyện khác, cụ hỏi:

- Các anh có nghe thấy ở các phường người ta đồn về cái tin đức Thành Thái ngự du ra khánh thành cầu Bồ Đề với ngài Toàn quyền Đô Mỹ như thế nào không? Chắc ông Huyện thì rõ nhiều hơn là em Cử nó. Mấy nhịp cầu tất cả nhỉ! Hình như là chín nhịp đấy nhỉ ?

Thường mỗi một lần từ chối lời mời mọc chí tình của người con cả, ông già lại có một câu chuyện đánh trống lảng như thế, để giữ lấy hòa khí trong đám "anh em chúng nó". Cùng là con cả, nhưng cụ Thượng đã thấy rõ ông Cử Cả, tức là ông huyện Thọ Xương đương chức kia, là một người có tâm thuật rất hèn kém. Cũng là một giọt máu sinh đôi mà sao ông Cử Cả và ông Cử Hai không giống nhau lấy mảy may, từ quan niệm nhân sinh cho đến từng cái nhỏ nhặt hàng ngày. Cụ Thượng tin rằng khi cụ trăm tuổi đi rồi thì ông huyện Thọ Xương dám làm mọi chuyện phương hại đến gia thanh. Cái người ấy, thường cụ vẫn hạ

mấy chữ "vô sở bất chí" những lúc nghĩ riêng mình với mình: " Ta nằm xuống, là thằng này sẽ làm mất hết những chính tích hay trong một đời làm quan của ta". Bởi chán về người con lớn đã tìm được lối xuất thân, cụ càng nghĩ mà thương và yêu người con thứ. Cũng là thân danh một ông cử nhân có vợ, có con, mà vẫn còn đơn giản như ngày để chỏm. Ông Cử Hai có khoa mà không có hoạn, và cái khoa mục ấy giá không nói ra thì không ai biết. Người có hoa tay, thêm được chút tâm hồn lãng tử, nên ông Cử Hai sống cuộc đời mình như người ta chơi chơi vậy thôi. Người ấy thực là một người không có lấy một giây phút trịnh trọng đối với nhân sinh. Ông ta sinh ra để mà đùa với cuộc sống và bắt đầu từ việc đem ngay cái tài hoa của mình ra mà đùa nhả với sự nghiệp thân thế mình. Hồi cụ Thượng còn nhậm ở dưới Sơn Nam hạ, cái gia đình lớn ấy chưa quy về một mối, ông Cử Hai quanh năm đi dạy học ở bốn tỉnh tứ chính Đông Nam Đoài Bắc. Không cần phụ huynh học sinh xử hậu hay bạc, không cần địa phương ấy là có đất văn tự hoặc dân ấy là có nếp văn chương muốn cầu học chữ của thầy, có khi tới ở đó ít ngày, ngồi giảng bài chưa ấm phòng học, ông đã quẩy khăn gói tráp điếu lên đường. Người tuổi tác có hỏi, ông trả lời là vì cảnh ở đấy không dung được người. "Bực trượng nhân thử nghĩ: cái gì mà nước chỉ chảy xiết không bao giờ tụ; cây trồng đến ba

năm bòi không có quả; ớt nhấm không thấy cay; hoa chỉ có mùi thơm về phần đêm; núi chỉ bằng đầu chứ không có chỏm ngọn, và mây trời không bao giờ hiện đủ năm sắc. Cảnh như thế, tôi ngồi mà làm gì. Chữ thánh hiền không phải ở chỗ nào cũng đem bố thí được".

Ông Cử Hai đi dạy học, đã lấy cái việc dạy học làm một mưu hổ khẩu mà y như là đi ngoạn cảnh hoặc là đi dâng hương ở các đền chùa cổ tích. Và những lúc mỏi chân phải ngừng ở lại các thôn ổ, ông lại còn thỉnh thoảng ngừng cả cái miệng giảng sách hoặc ngừng chấm nét son lên quyển bài, để đề một bức châm lên lá quạt tặng bạn đồng song, để khắc chữ triện và chạm trổ một hòn đá xù xì cho thành một con thạch ấn, để dúng ngón tay trỏ vào chậu mực vẽ một bộ tứ bình thủy mặc có hình đủ bốn thứ cây cỏ tứ hữu: cúc, trúc, lan, mai treo chơi trên vách đất quán trọ nơi ngồi dạy học.

Gần ngày tết nhất, người trưởng tràng lúc thu xong sổ đồng môn, chỉ khổ lên vì đi tìm thầy. Tết mùng ba, ông Cử Hai đã trốn khỏi nhà trọ từ hôm trước để đi ăn hàn thực và đi hội đạp thanh với các bạn sinh làm thơ tức cảnh. Tết Đoan Ngũ, ông lên núi hái lá thuốc, những mong được như hai người Lưu Nguyễn ngày xưa gặp tiên. Tết Trung Thu ông lên chùa Thầy ngắm trăng Chợ Giới họp trên đỉnh núi Sài

Sơn. Gần tết Nguyên Đán, nếu chưa về nhà, thì ông ẩn ở trong một mái đình vắng nào để gọt cho hết một lắp thủy tiên. Cái hành tung của người nghệ sĩ không chịu sống cho người khác và hùa theo với người chung quanh ấy, thực khó mà dò hỏi. Lùng tìm cái dấu bàn chân một chinh khách thất quốc lúc vượt bể ra ngoài mưu việc lớn, có lẽ còn dễ hơn đi đuổi theo ông Cử Hai những lúc cái hứng giang hồ ở người ông nổi dậy.

Từ ngày cụ Thượng nghiêm phụ về trí sĩ ở Hàng Gai Hà Nội, ông Cử Hai không tha phương làm ăn nữa. Ông ở riệt ở nhà chép lại cuốn gia phả, và sao được bao nhiêu pho kinh mượn trên chùa Trấn Quốc cho cha. Thế rồi mợ Cử sinh thêm được con Tố Tâm. Trước ngày ở cữ Tố Tâm, vườn lan nhà cụ Thượng Nam Ninh ở Hàng Gai nở đều mấy chậu vừa Tiểu Kiều, Đại Kiều. Cụ Thượng cha gọi thế là lan báo hỉ và đặt tên luôn cho cháu gái là Tố Tâm. Mợ Cử Hai, thấy chồng không ra mặt bất đắc chí và phẫn uất với buổi giao thì nữa, chỉ ngày ngày thờ cha già và chơi với Ngộ Lang và Tố Tâm, cũng vui cười hể hả thêm lên. Một hôm Mợ đã dám ru con rất to, như rót vào tai chồng:

Ba năm lưu lạc giang hồ

Một ngày tu lại, cơ đồ vẫn nên

Thằng Ngộ Lang và con Tố Tâm ngoan vô cùng. Thằng anh mến con em, nhiều khi cắn cả má em để

cho em vừa khóc vừa theo, ồn ào và dễ thương lạ. Con Tố Tâm chưa đầy tuổi tôi, mà má đã lúm đồng tiền, mà mắt đã trong như nước hồ thu. Ngắm con gái, anh hoa sớm lộ ra ngoài, mợ Cử Hai có điều ngại ngại. Buồn một cách thoảng qua thôi. Chỉ có một lần thằng Ngộ Lang làm cho mẹ nó buồn sợ hơn hết là một buổi tối, nó vén màn the lên, kéo mẹ nó đến gần cửa song có con tiện, chỉ cho mẹ nó xem một vừng trăng sớm ló bên đầu hồi nhà.

- Mẹ ơi, ra đây mà xem ông giăng.

- Ông giăng làm sao?

- Ông giăng đẹp lắm. Có hai cái cánh nhọn.

- Thế thì đẹp gì. Ông giăng có tròn thì mới đẹp chứ!

- Tròn cả không đẹp mợ ạ.

Từ lúc ấy, thằng Ngộ Lang cứ vắt tay lên trán và ngắm giăng như một người lớn đang suy nghĩ. Mỗi lần mẹ nó bảo bỏ lá màn xuống cho khỏi muỗi thì nó lại sụt sịt khóc. Và nó cứ vắt tay lên trán nhìn vừng giăng lên mỗi lúc một cao. Ông Cử Hai vừa về, nó nhảy choàng dậy, vui mừng như một người đứng tuổi khi tìm được một tâm hồn bầu bạn, nó lôi tay bố nó xềnh xệch đến chỗ chấn song, chỉ vừng giăng bạc có cánh nhọn và nói:

- Ban nãy ông giăng khéo hơn bây giờ kia cậu ạ. Ngộ Lang nằm chờ mãi mà không thấy mây che lấy

ông giăng của Ngộ Lang. Thế đêm nay có mây không hả cậu?

Vợ chồng ông Cử Hai nhìn nhau hồi lâu, chốc lại liếc qua Ngộ Lang đứng bần thần bên cửa sổ có ánh giăng xuyên qua. Người vợ hình như lấy cặp mắt lo lắng bảo thầm chồng: "Tính di truyền giọt máu nhà lại bắt chúng ta cho ra đời một tên tài tử nữa rồi" để cho người chồng nghĩ thêm rằng: "Đời thằng Ngộ Lang rồi cũng chỉ đến lăng băng mà thôi. Cái vừng giăng lưỡi liềm kia sau này còn lôi kéo cái thơ mộng Ngộ Lang kia đi xa lắm. Việc ấy cũng là số mệnh định cả và điểm ra như thế".

Qua ngày tết Trung Nguyên, ông Cử Hai để tâm vào việc sắm cỗ tết Trung Thu cho hai trẻ Ngộ Lang và Tố Tâm và vợ chồng cũng quên cái việc Ngộ Lang mê cái bóng giăng lưỡi liềm đêm trước.

Mấy hôm nay, ông Cử Hai chạy suốt ngày như một người bận rộn nhiều lắm. Chốc chốc lại tha về mấy cái mai cá mực, hoặc ít mụn nhiều đủ các màu tươi và bao nhiêu là giấy hàng mã cùng là que nứa và dây lạt. Ông Cử Hai, một người tài hoa giang hồ, đến cái tuổi chán sự bay nhảy và đã nghĩ đến chuyện vui cùng gia đình.

Người ấy đã hồi tâm lại, mong gây cái êm ấm cho gia đình vào một ngày tết của con trẻ. Người ấy đi kiếm các vật liệu để làm cho lũ con một cái đèn xé

rành. Từ trước tới giờ cái người ấy có sao Thiên Cơ chiếu vào hoa tay, chỉ đi làm đèn xẻ rãnh ở những chỗ đầu sông ngọn nguồn cho các thứ trẻ con thiên hạ, hồ mong trả cái nợ áo cơm đối với những người bao dung mình vào những ngày và tháng bẽ bàng.

Mấy ngày liền liền, ông Cử Hai nghĩ tìm một cái đầu đề mới lạ cho đèn xẻ rãnh. Hay là lấy sự tích Tam Quốc ra làm? Không thấy hứng lắm, bởi vì đã đến ba bốn lần ông mượn tích Tam Quốc rồi. Người ta còn nhắc mãi đến bây giờ cái đèn xẻ rãnh của ông hồi mấy năm về trước, diễn cái tích "Triệt giang phò A Đẩu" lúc Triệu Tử Long nhảy sang thuyền Tôn phu nhân trên sông Ngô, trông cứ như thật. Cái tài làm đèn xẻ rành của ông được nổi tiếng, truyền rộng ra một vùng Kinh Bắc là từ cái đèn "Triệt giang phò A Đẩu" ấy. Tác phẩm chỉ độc có một cái ấy, ngày nay ông Cử Hai không còn nhớ ra được là đã vào tay ai. Hình hài ông vào hồi ấy cũng còn là chuyện bỏ qua, huống hồ chỉ là một công trình tiểu xảo kia! Ai đi nhớ mà làm gì!

Mấy hôm nay ông nghĩ đầu đề làm đèn xẻ rãnh cho thằng Ngộ Lang, thực khó hơn là tìm vận thơ gieo cho một bài bát cú phú đắc. Chưa biết nên diễn cái tích gì đây! Hết ngày ấy sang ngày khác, ông ngồi bóc sẵn hạt bưởi và chẻ những hạt na ra từng hai mảnh một. Hạt bưởi xâu vào que phơi khô, tức là những cây

nến cắm vào đèn giấy cho lũ trẻ con nhà nghèo chơi đêm ngày rằm.

Cụ Thượng nướng đỏ cái tiêm sắt vào ngọn đèn thổ hà, xiên mũi tiêm nóng vào lòng mảnh hạt na, hút một điếu thuốc lào, thở khói pháo. Mảnh hạt na vừa tàn thì tro thuốc nơi nõ điếu cũng vừa tụt gọn vào điếu. Gọn gàng và ngon lành đến thế là cùng. Cụ Thượng hỏi ông Cử Hai:

- Thế anh đã nghĩ làm đèn như thế nào chưa?

- Con định hỏi lại thầy về cái tích này xem có nên không. Là diễn một tích trong truyện *Ngô Việt Xuân Thu*, lúc Phạm Lãi đem Tây Thi sang dâng Ngô Phù Sai.

- Ừ, Phạm Lãi gặp Tây Thi giặt lụa ở bến Trữ La, hồi này thú vị đấy. Nhưng anh Cử định diễn từ đoạn nào? Phải làm những quân gì? Đừng nên làm nhiều quân lắm. Cái sức luân chuyển của tán đèn đốt lửa chỉ có chừng độ thôi. Nếu dùng nhiều quân quá, sức máy gạt ngang sẽ yếu đi nhiều.

- Con đã nghĩ rồi. Cái rãnh chính để hình dung một con sông chảy từ đất Việt sang đất Ngô. Ở phía bên phải chiếc đèn, đắp một hòn núi giả hơi cao. Ở rãnh phụ ấy đặt một cái máy gạt ăn vào hai hình quân Ngô Phù Sai và Ngũ Tử Tư. Ở nơi góc bên trái, cũng ở một cái rãnh phụ nữa, lại một chiếc máy gạt ăn vào một chiếc thuyền ở trên có hình Phạm Lãi

ngồi. Ở cái rãnh chính thì có chiếc thuyền lớn. Đấy là thuyền Tây Thi tiến Ngô.

- Thế anh cho các quân ấy chạy và gặp nhau như thế nào?

Ông Cử Hai dúng ngón tay trỏ vào cái đĩa dầm sứ có nước, vẽ xuống mặt án thư mấy hình phúc họa vị trí của từng quân đèn xe rãnh.

- Thưa thầy, khi tán đèn quay, thì cái thuyền Tây Thi đi từ phía trái sang phải. Khi thuyền gần tới hòn núi giả, động đến cái máy gạt có cần thép ăn vào hai quân Ngô Phù Sai và Ngũ Tử Tư, thì hai hình này cử động. Ngô Phù Sai sẽ ưỡn mình ra phía sau như là ngắm kỹ nàng Tây Thi ở trong cái thuyền tiến công đang đi thấu vào bờ cõi nước Ngô. Còn hình Ngũ Tử Tư thì cử động hai tay như là ôm lấy Ngô Phù Sai, can ngăn không nên thâu nhận lấy cái họa Tây Thi. Về phía bên trái cỗ đèn, khi thuyền Tây Thi vừa lướt qua cái trục máy gạt ở rãnh phụ phía trái, thì chiếc thuyền con có Phạm Lãi lộn ngược đi khuất vào góc đèn. Thầy nghĩ thế nào?

- Anh dàn quân thông đấy. Thành ra hết bốn quân Tây Thi, Phạm Lãi, Phù Sai, Ngũ Tử Tư, ừ, bốn quân và...hai con thuyền. Chưa lấy gì làm nặng quá sức quay của tán đèn. Có thể thêm một quân nữa.

- Ý thầy muốn thêm một quân Thái Tổ Bá Hy nữa, thưa thầy phải thế không? Vâng, có cái ông Thái Tổ

nữa vào nó cũng vui trò. Phải thêm một cái gạt nữa cho cái ông nịnh thần vong quốc này. Lúc thuyền Tây Thi đến, trong truyện, chính Thái Tể Bá Hy ra đón Tây Thi, và từ đấy, đã đưa Ngô vào đường diệt vong theo đúng cái kế hoạch của Việt Vương Câu Tiễn.

Cụ Thượng và ông Cử Hai ra công làm năm quân ấy cho chiếc đèn xe rành lấy tên là *"Ngô vương cự gián nạp Tây Thi"*.

Công việc chẳng có gì, vậy mà cũng mất đến hơn mười hôm. Ông Cử Hai tìm những mẩu nến bạch lạp rất to cháy dở còn thừa lại trên đầu các đèn nến thiếc Sông Ngân nơi bàn thờ. Và đi lục lọi thêm những mẩu khác nữa trong tủ để cho nó đủ. Mẩu nến của kỳ giỗ xa xôi sót lại, vẫn chưa mất hết hẳn những giọt nước mắt sáp của những ngày hương đèn năm trước. Ông Cử Hai đem đốt chảy và hợp thành được một tảng sáp lớn. Ông chuốt quân đèn xe rành và lấy sáp này làm cốt cho quân. Cũng may mà những mẩu sáp thừa kia đủ dùng, chứ không thì cũng hơi rầy vì cái khoản vật liệu này. Độ này nhà túng lắm, mọi việc mua bán đều phải lấy tiết kiệm làm đầu. Đã hay rằng ông huyện Thọ Xương vẫn có đưa ra luôn để đỡ thêm vào việc chi tiêu trong nhà, nhưng ông Cử Hai vẫn lấy thế làm phiền.

Thế là tạm xong được mấy cái cốt hình người. Bây giờ mới bắt đầu làm đến đầu người, mặt người. Thằng

Ngộ Lang ngồi chồm hổm bên cạnh bố, hỏi luôn miệng:

- Tại sao cái mặt này cậu để trắng, cái mặt khác lại có hai chấm đỏ, và cái mặt kia cậu lại bôi đỏ hết cả đi?

Cụ Thượng đang ngồi lựa mụn lụa xanh đỏ bó thành quần áo cho quân sáp, cười và bảo:

- Cháu đừng có nghịch thì mới chóng có đèn chơi. Mặt trắng là quan văn. Mặt đỏ là quan võ. Những người trung thần nghĩa sĩ cũng đều mặt đỏ cả. Người phản nịnh thì mặt trắng mốc có điểm mấy vệt đỏ nhờ nhờ.

Ngộ Lang chỉ vào lũ mặt người:

- Thế ra ông làm cho cháu một cái đèn có cả người nịnh và người trung, quan văn và quan võ đấy à? Sao ông không cho quân đèn mặt đỏ tất cả đi?

Ông Cử Hai gọt đầu người bằng mai cá mực, để công nhiều nhất khi gọt đến mặt Phạm Lãi và Tây Thi. Nàng Tây Thi tất nhiên phải có khuôn mặt đẹp. Nhưng nghĩ đến cái thú vị của một đời người như lúc Phạm Lãi dám bỏ lại sau mình cả một cái giàu sang nhất thì mà đi chu du Ngũ Hồ, nghĩ đến phút ấy trong cái sinh bình một người xưa, ông Cử Hai cũng làm luôn cho Phạm Lãi một cái mặt rất đẹp, cấy vào đấy một bộ râu năm chòm đen nhánh. Ngộ Lang cũng

tỏ ý thích cái đầu Phạm Lãi và cả cái đầu nàng Tây Thi nữa.

Đèn xẻ rãnh đã hoàn thành. Cái tán đèn xẻ rãnh to quá. Phải thắp đến mười con bấc nơi đĩa dầu sở, cái sức mạnh của lửa mới quay chạy được tán đèn. Ngày đầu tháng tám, ông Cử Hai đem đèn ra thử.

Có người học trò cũ ở Sơn Tây về qua Hà Nội, biết ông Cử Hai có con, đem đến biếu thầy học cũ một cái bánh dẻo mặt trăng, mặt bánh to một thước, thế nào lại nhằm ngay vào giữa hôm ông Cử Hai thử đèn xẻ rãnh. Ông bày đèn ra sân, đốt hết cả mười con bấc cháy sáng. Ông bày luôn ra sân bộ đồ trà, mời cụ Thượng ra ngồi vào cái ghế đẩu đã để sẵn trước đèn. Cụ Thượng ngồi, ăn bánh, uống nước và trịnh trọng như một người được mời tới để định giải thưởng cho đèn xẻ rãnh. Rồi cả nhà, mỗi người một miếng, trông vui vẻ lạ. Vui nhất là Ngộ Lang. Cả đến con Tố Tâm bé thế mà cũng ăn được hai mảnh bánh mặt trăng.

Quân đèn bắt đầu diễn vòng đầu. Mặt trước đèn có nến soi vào, sáng như một sân khấu rạp tuồng thu bé lại. Thuyền Tây Thi từ từ tiến vào sân khấu. Lúc nàng vào được đến phần ba lòng sân khấu, lướt qua chiếc thuyền Phạm Lãi, động đến cái máy gạt thứ nhất ở góc trái đèn, thì thuyền của Phạm Lãi quay vào trong và lẩn mất. Nàng Tây Thi vẫn xuôi trên sông Ngô rồi biến vào nội địa đất Ngô. Cái máy gạt ở

góc phải cỗ đèn động đánh xịch một cái nữa, thì trên hòn núi giả làm bằng giấy trang kim đốt đen, Ngũ Tử Tư bắt đầu ôm lấy Phù Sai với dáng điệu của người tôi trung hết sức ngăn chúa. Nhưng dưới chân giả sơn, cái người nịnh thần Thái Tể Bá Hy đã đon đả đi lại gần thuyền Tây Thi, giơ tay ra đón lấy. Trên cái núi giấy, hai hình tôi chúa kia vẫn cử động như ban nãy, một người tỏ vẻ can ngăn, một người vùng vằng không chịu nghe. Thuyền Tây Thi dưới này, đi sâu mãi vào đất Ngô và khuất hẳn. Vậy là đủ một vòng đèn xe rành.

Ngộ Lang nhảy lên mà cười. Cái đèn này là của riêng nó để bày cỗ ngày rằm. Con Tố Tâm khoa mãi hai chân và hai tay như muốn sà xuống chỗ đèn sáng. Rồi nó khóc. Mợ Cử Hai bảo chồng:

- Hay là làm cho mỗi đứa một cái. Càng đông đèn, cỗ càng vui. Giữa mâm cỗ, bầy một con gà uốn hình ông Lã Vọng. Ngộ Lang đã có đèn xe rành. Giờ làm cho con Tố Tâm một chiếc đèn kéo quân, cho nó khác đi.

Ngay ngày hôm sau, ông Cử Hai lại túi bụi vào việc làm đèn kéo quân. Ông đã đem một tập sách thơ cũ ra, lột mất mấy cái bìa sơn cây, cắt bìa ra, ghép hai mảnh bìa làm một, dán lại làm hình người, Tố Tâm thì chỉ chơi đến đèn kéo quân thôi. Nhưng dù sao, ông Cử Hai cũng để hết công phu vào việc làm

đèn. Chiếc đèn kéo quân của con Tố Tâm, đến hôm bày cỗ rằm, cũng còn hơn các bàn cỗ nhà khác ở chỗ nó có những hai chiếc tán kia, mỗi cái tán ăn vào một đĩa đèn, một tán xoay vòng theo chiều thuận, một tán xoay theo vòng nghịch. Đèn chạy, hai vòng quân, một vòng trẩy đi, một vòng trẩy về, vui mắt lạ! Lại còn đèn cá và thiềm thừ nữa. Mợ Cử Hai ngâm sẵn một vại ốc và bửa những quả bưởi rất khéo, cốt giữ nguyên vẹn lần vỏ, trổ vào vỏ những hình trám thủng, để hôm sau con nó thắp lên rồi tha hồ mà lăn tròn cái thứ đèn cù ấy trên mặt đất. Ông Cử Hai tìm lên vùng Hồ Tây đặt rượu sen thứ có tăm. Chưa bao giờ cái tết Trung Thu nhà ông nhộn nhịp cả nhà đến như thế.

TRÊN ĐỈNH NON TẢN*

"Núi cao sông hãy còn dài
Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"

Làng Chàng Thôn, tổng Kim Quan, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây là một làng trung du mà hai phần ba số dân làm nghề thợ mộc. Cái chàng cái đục của dân Chàng Thôn không những được người trần biết đến mà thỉnh thoảng cứ dăm bảy năm một, lại có người tiên trên núi hạ sơn cầu đến, sau những vụ lụt to tháng tám đánh chìm hết những làng ở rải rác phía chân núi Tản Viên.

Vài năm năm một, vua Thuỷ lại dâng nước một lần như thế lên chân núi Tản, lên lưng chừng núi Tản, lên đến đỉnh núi Tản. Nhà cửa, trâu dê bò lợn, hoa màu bị ngâm nước cứ hằng tuần trăng một, rồi chết, rồi nẫu, rồi rữa, rồi tan theo với ngọn nước lúc

* Đã đăng tạp chí *Tao đàn* số 13 (16-10-1939) lấy tên: *Trên đỉnh núi Tản*

rút, tiếng nước xiết réo lên như thiên binh vạn mã. Mỗi một kỳ nước trắng cuộn dâng lên vùng non Tản cao ngất trời xanh, rồi lại cuồn cuộn rút về thủy quốc, dân gian khổ hại không biết thế nào mà lường được. Có nhiều làng bị nạn nước, toàn thể sinh linh đều biệt tích. Nóc đình các làng bị nước phù sa chôn chặt, nhiều khi phải đào móc mãi mới dò được ra dấu vết cũ. Ở nhiều chỗ không ngờ tới, người ta thường còn đào thấy những hài cốt kỳ quái của loại động vật đời thạch khí. Trận hồng thủy đã đem từ những nguồn, những ngàn xa nào, biết bao con vật quái về chôn tại vùng xuôi này. Như là cái mai con dải to bằng cả một cái giếng làng đào thấy ở cạnh cái văn chỉ hàng huyện huyện Tùng Thiện chẳng hạn. Còn nhiều thứ xương cốt của nhiều giống thủy quái khác nữa bị giạt vào các chân đồi, vào giữa thung lũng các xóm núi, mà nước rút xuống mau đã ký táng vào khu vực tỉnh Đoài. Mỗi lần đào thấy dưới những lớp dày cát phù sa, dân sở tại nhìn nhau, hỏi nhau bằng cặp mắt sợ hãi. Ở khắp mấy vùng Vệ Đồng, Nam Toàn, Thạch Bàn, Văn Mộng, đều có đào thấy như thế cả. Lắm ông già tuổi thọ đã linh trăm tuổi mà cũng chịu, kêu rằng cha ông bình sinh cũng chưa từng có nói đến những việc đào được cốt như thế.

Nhiều cái cốt khí lạ không biết thế nào mà nói. Có một lần, người Mường ở xóm Đá Chông, ngay chỗ sát

dìa chân núi Tản, về vụ làm rẫy tháng xuân, đào được không biết bao nhiêu là đống xương một loài chim to lạ quá; người ta ngờ rằng đấy là những chim rừng của rừng hoang núi Tản, những con chim ấy lúc sống có đủ da thịt lông, thì cũng phải to gấp năm sáu lần thân những con hạc gỗ thờ bên hương án các đình cổ.

Tục truyền những trận hồng thủy dữ dội tàn khốc như thế là gây nên bởi cuộc đánh ghen giữa vua Thuỷ và một vị thần trong bốn vị Tứ Bất tử nơi thế giới u linh: thánh Tản Viên, chúa Liễu Hạnh, Chử Đồng Tử, và Phù Đổng thiên vương. Trong bốn vị này, sau chúa Liễu Hạnh hay đùa ghẹo người trần nhỡ gặp phải, có người nào hay biến hóa nhiều nhất và tàng hình lẫn vào đám người trần mắt thịt, thì là Thánh Tản Viên. Thánh Tản Viên đã gây thù kết oán với Tiểu Long hầu, con vua Thuỷ Tề. Thần Núi và vị hoàng tử Nước kia đã là hai tình địch một thiên tình sử thoát phàm trong cái mơ hồ vô tận ở tít trên một chỏm non xanh, ở tít tận dưới đáy một thủy cung. Hai kẻ tình thù mỗi lúc đánh ghen nhau thì muôn ngàn sinh linh đồ thán. Mỗi một kỳ đánh ghen, nước các vùng lại đổ về như thác và dâng cao mãi lên; đỉnh non Tản muốn cho khỏi ngụp dưới làn nước ghen oán, lại có dịp để ngoi lên cao thêm nữa thêm mãi. Trời, bao giờ cho nàng công chúa đẹp kia mất tích hẳn đi để Nước ấy và Núi kia được trở lại với sự yên nghỉ muôn thuở. Chứ thỉnh

thoảng mà hai cái Thần ấy còn cướp phá nhau và cố chống giữ nhau thì nước còn dâng lên muôn trượng và nghìn nhà vùng xứ Đoài còn mãi mãi bị nạn lụt nước. Chính cái hạnh phúc trên non Tản và lòng ghen của một ông hoàng tử Nước kia đã thành câu hát của người xứ Đoài:

"Núi cao sông hãy còn dài
Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"

Trẻ con tỉnh Đoài, đến bây giờ vẫn còn hay hát. Vừa hát vừa nghe hát vừa trông lên cái chỏm non Tản: trông xa như hình một cái tán đá, non kia vòi vọi đã là cả một thế giới của bí mật, của huyền ảo.

Mỗi lần đi chủ tế lễ quốc tế xuân thu hai kỳ trong một năm ở đền thờ Thánh Tản Viên, không có quan địa phương nào là không tò mò hỏi thăm đến cái bí mật của rừng cao cả.

Người ta truyền lại rằng đền thờ Thánh Tản có đủ ba ngôi. Đền Hạ và đền Trung thì nhiều người đã leo lên tới rồi. Nhưng vượt được cái vách đá trái núi thất quả bồng để lên cho được trên đền Thượng, chưa từng thấy có ai thuật lại việc đó. Hình như có một lần, đâu có ông phủ Quốc Oai nói chuyện một cách sợ sệt về đền Thượng với quan Đốc học Sơn Tây. Ông phủ Quốc Oai chỉ nói có mấy câu: "Đứng ở mái Nam đền Thượng mà nhìn xuống, trông được cả khói ở Kinh thành Thăng Long. Thấy rõ cả cái Chợ Giời ở núi Sài. Có

đứng ở đền Thượng nhòm thẳng xuống thì mới biết cái dải Đà giang là có thế hiểm. Tôi có mang trộm về được ít đá cuội và một mẩu gỗ chò. "Đây Quan Lớn ngài xem", thế rồi là lăn đùng ra chết. Cái viên đá cuội mà ông phủ Quốc Oai còn nắm chắc trong bàn tay giá lạnh cứng đờ, khi đập ra có một cái nhân nhỏ màu trắng nhờ nhờ tiết ra một mùi hương đượm của quả men rượu ủ trấu. Cái nhân đó vụt biến đi đâu mất. Vỏ cuội đá còn lại, đem thả vào bát nước mưa kinh niên, lấy thìa múc uống thấy say ngát vô cùng. Mảnh đá cuội vỡ, quan Đốc Sơn Tây giữ lấy, đi đâu cũng giắt trong mình. Thỉnh thoảng vắng người, quan Đốc lại thả nó vào bát nước mưa, uống có nhạt hơn trước, nhưng vẫn say và thơm. Đôi mảnh cuội về sau, vì quan Đốc phải đi theo gia quyến chạy loạn, thành ra thất lạc mất. Muốn cho được an ủi lòng mình, quan Đốc Sơn Tây tin rằng mảnh đá hẳn là đã trở về với chủ nhân trên non Tản. Ngài lại càng lấy làm sợ lắm và không dám kể lại với ai cái việc Thần núi Tản đòi lại hòn cuội cho mượn đó. Sợ lại có cái vạ miệng phải chết tươi như ông phủ Quốc Oai ngày nọ chăng.

Chuyện kỳ dị về hòn cuội có nhân không biết vì đâu mà đồn về đến tận dân làng Chàng Thôn chuyên làm nghề thợ mộc. Bên bếp lửa, giữa những mồi thuốc lào chăm nùn rơm hút đến tụt nõ điếu cày, những bác phó mộc trẻ tráng luôn miệng nói đến hòn cuội trên

non cao, hỏi nhau xem ở trên cái ngôi đền Thượng núi Tản Viên có những cái gì. Họ muốn được hiểu biết. Có một điều lạ là mỗi lúc câu chuyện có đả động đến ngôi đền Thượng huyền bí thì những ông phó mộc có tuổi đều đánh trống lảng ra chuyện khác, nếu họ không lảng xa ra chỗ khác. Bọn thợ trẻ để ý đến những cái nhìn ý tứ của đám phó mộc lớn tuổi đưa đẩy với nhau bằng mắt khi bọn đàn em nhao nhao bàn tán đoán già đoán non về những việc trên đền đức Thánh Tản. Những bực đàn anh này có biết một cái gì trên ấy chăng? Sao những người tuổi tác này có vẻ khiếp sợ kín kín hở hở giấu diếm như thế?

Thái độ ông cụ phó Sần thì lại càng đáng nghi lắm. Ngày trước ông cụ phó Sần vui tính hay bép xép. Chỉ từ dạo cách đây đâu mươi năm, ông cụ phó Sần tự nhiên bỏ làng Chàng Thôn mất đến hơn một tháng, vợ con không rõ là đi đâu. Lúc ông cụ Sần đi có mang theo đủ bào, đục, tràng, cưa, dây mực, ống mực, dây quả dọi, và chỉ nói là đi nhận làm khoán ở nơi xa lắm. Khi về thấy có rất nhiều tiền và mỗi lúc tiêu đến thì lại mang tiền thả vào vại nước, có nhiều đồng nổi lềnh bềnh; ông cụ nhặt những đồng chìm tiêu dần và cất những đồng nổi vào một chỗ rất kỹ rất kín. Từ ngày ấy, vợ con và cả người mấy xóm ở làng thấy ông đổi tính đổi nết một cách mau chóng. Trước ông hay ngồi lê đôi mách, bép xép hết chuyện người rồi mang nốt

cả chuyện nhà ra mà nói. Giờ thì ông dè dặt từng câu, lắm ngày vẫn vơ như bị ma ám và nhiều hôm không cậy mồm ra mà nói lấy nửa nhời. Và nhiễm thêm tật khạc nhổ, thăm khám nước bọt vừa nhổ và tay luôn luôn rờ lên cái cổ vốn lộ hầu. Ông phó Sần xưa điềm đạm thì giờ hốt hoảng. Người ấy có một điều gì ngập ngừng nửa muốn nói, nửa lại thôi dám. Bà cụ phó Sần buồn lắm. Những cháu rể hỏi trộm nhau rằng hay là lúc có tuổi, ông ngoại giở chứng lúc sắp nằm xuống?

Cụ phó Sần là người không bao giờ biết những mơ mộng ở đời là gì cả. Thế mà từ hồi đi làm ăn một chuyến xa ấy về, ông cụ có cái phong thái một kẻ lãng mạn vào lúc cuối đời. Ông cụ giờ chơi cây cảnh. Và bất cứ là nơi nào, hễ ai đánh tiếng cho ông biết một vườn quả nào đẹp và lạ, là ông lần mò tìm đến cho được. Có được bao nhiêu chất vui sướng còn lại trong lòng là ông cụ Sần cho nó hiện hết cả lên trên nét mặt, để rồi lúc ở vườn quả trở ra về, ông cụ lại cho mọi người được đọc vẻ thất vọng trên bộ mặt khô héo. Không, những thứ hoa và quả ở mấy thửa vườn quý báu ông vừa tới thăm không có chút gì là quý lạ cả. Cũng chỉ tầm thường như mọi thứ tầm thường ở cuộc đời này. Những thứ cỏ suối hoa ngàn và quả nơi rừng cấm, có lẽ ông chỉ thấy được một lần ấy thôi. Đã lâu lắm, từ cái ngày ông cụ Sần bị bắt đi mất hơn một

tháng để trùng tu lại ngôi đền Thượng trên đỉnh núi Tản Viên.

Ở trên ấy đẹp lắm. Ngày tháng thì dài, mà không thấy sốt ruột. Hoa quả lành ngọt và thơm như hết thảy những cái gì không phải là trần hủ sống gửi ở mặt đất còi trần. Những cái êm, dịu, trong, sáng, thơm, lành trên non tiên, nếu được đem thuật lại với người làng, ông cụ Sần tin rằng sẽ có khối người đoạn tuyệt với cố hương, tìm vào ngàn cao cho được thỏa cái tai và cái mắt. Nhưng, ác cái những chuyện rừng lại không được thuật lại. Hôm hoàn thành công việc sửa đền, lúc sắp xuống núi, Thần non Tản đã gọi cả hai hiệp thợ mộc và thợ ngõa lại, đưa mỗi người nuốt một lá trúc xe điếu và dặn tất cả bấy nhiêu người: "Thôi nhá, chuyện chỉ để đó. Các ngươi về làm ăn dưới ấy cho yên ổn". Cái lá trúc xe điếu ấy là một con dao găm, một con trúc dao có phép thuật kết quả đời kẻ nào bép xép lỡ mồm tiết lộ đến thiên cơ thần cơ. Mỗi người thợ hạ sơn là đem theo trong mình một lời đe loi của Thần Non Cao và cả một cái bí mật của ngàn xanh.

Hiệp thợ ngoã là người xa lạ các nơi tụ hợp lại, một lúc xuống núi là họ phân tán ngay. Còn hiệp thợ mộc bảy người toàn là người làng Chàng Thôn. Ông cụ Sần cùng trở về làng với tất cả anh em đi chữa đền Thánh Tản. Những lúc tắt lửa tối đèn hoặc họp chè

họp rượu ở nơi chiếu hương ẩm, hoặc là làm mùa màng, bảy người thợ mộc đều gặp nhau luôn. Nhưng tịnh không ai hé răng cậy miệng ra nói lấy nửa lời về câu chuyện hơn một tháng trên non xanh. Họ nhìn nhau trừng trừng mà biết vậy, rồi lo sợ đều bằng con mắt cả. Họ đều đem nhớn tuyến ra mà chung viết lại với nhau một tập ký ức câm về hơn một tháng trừng tu ngôi đền Thượng.

Trong bọn, có Nhiêu Tàm, người xóm dưới, không biết dại mồm dại miệng thế nào hay là lúc say sưa, không rõ tửu nhập ngôn xuất ra làm sao mà lăn đùng ra chết. Cả làng thấy Nhiêu Tàm khỏe mạnh như thế, đang vui cười mà lăn ra chết, không ai hiểu ra sao cả. Chỉ có ông cụ Sần và năm người thợ mộc rõ thôi.

Ông cụ Sần và năm bác phó mộc đã tìm đến nhà đám đòi xem mặt cho được người bất hạnh. Nói là xem cái cổ Nhiêu Tàm thì đúng hơn. Thì ra ở phía bên trái cổ, có một cái nhọt bọc mã đao đang nung. Nặn nhọt ra, có một cái ngòi xanh lè, dài vừa đúng một cái lá trúc con. Ông cụ Sần và năm bác phó mộc xanh mắt nhìn nhau im lặng. Con trúc đao! Sự trừng phạt của Thần Non Tản!

Ông cụ Sần bèn xin lấy cái ngòi mã đao ấy, nói dối là đem về khảo về một môn thuốc ung thư ngoại khoa. Cụ Sần đem cắm ngòi mã đao đó vào chiếc chậu sứ chỉ có một đêm thôi mà ngày hôm sau, chiếc chậu sứ

đã có một cây trúc nhỏ bé khẳng khiu như trúc non bộ, cành và đốt rất nhiều, nhưng chỉ có mỗi một lá thôi. Một cái lá nhọn hoắt. Muốn giữ mồm giữ miệng cho quen đi, sau ngày đưa ma Nhiêu Tàm, cụ Phó Sần thường họp mấy người thợ bạn đàn em kia lại đánh chén ở nhà mình. Bữa chén không có đồ nhắm.

Họ uống rượu rất nhiều, ngồi im lặng ngắm cái lá trúc cô độc trên khóm trúc tí hon bày trước thềm nhà. Trong những ngày nơm nớp của đám thợ mộc này vừa hụt đi mất một người, những bữa rượu này là những bữa không ngon lành nhất trong đời một đám người sống nơi thôn ổ với cái vui thú được thỉnh thoảng nâng chén.

Cái lá trúc non bộ ấy vẫn xanh ngắt trên khóm trúc đã khô giòn như bó que đóm nỏ. Đấy là một lời cảnh cáo dai dẳng.

Ngày tháng cứ thế mà vợi dần trên luỹ tre làng Chàng Thôn.

Bỗng một buổi chiều năm ấy - không nhớ rõ là năm nào, chỉ biết là cùng một năm có trận lụt rất lớn làm sạt cả kỳ đài thành Đoài và cuốn phăng mất đến gần tám mươi trượng đá tổ ong phía tường Tây thành tỉnh - buổi chiều năm ấy, vào lúc nhá nhem người ta đang đánh trâu cày vào các ngõ duối, một ông cụ già râu tóc, lông mi trắng xốp như bông, chống một cây

gậy trúc đùi gà vàng ông, khoan thai tiến vào cổng trước làng Chàng Thôn.

Trông ông cụ đĩnh đạc, cổ kính, đội cái nón cỏ giống kiểu nón tu lờ người tu hành, dân làng không hỏi cản vặn mà chỉ nhìn theo ông cụ đi khuất vào ngõ nhà ông cụ Sần, bước đi có đủ cái vững vàng của một người quắc thước thuộc lòng con đường đi của mình.

Ông phó Sần đang ngồi quấy nồi kê. Thấy có người tiến vào đến giữa sân nhà mình và lạ quá, sao ba con chó mực không sủa và lại còn quấn quýt lấy chân người lạ, ông phó Sần bỏ cả nồi kê chưa chín, vội chạy ra. Ông già đẹp quá. Ở làng, thực các cố lão thường ngự ở chiếu trên cạp điều ngoài đình, thật là chưa có cố nào đẹp lão đến như thế.

- Dạ thưa trượng nhân, chúng tôi xin chờ những điều trượng nhân dạy bảo.

Ông cụ già gỡ nón tu lờ, cốt để ông Sần nhận rõ mặt mình. Nhưng ánh sáng chiều tàn đã yếu quá rồi. Ông Sần càng thêm ngợ. Ông cụ già chợt nhìn thấy cái khóm trúc non bộ có một chiếc lá bày ở thềm kia, bèn tiến lại, cúi xuống, lấy tay đỡ lấy và mân mê cái lá nhọn hoắt. Ông cụ già ngẩng đầu lên, vừa gặp bộ mặt ông Sần đang chăm chú nhìn xuống. Ông già khẽ mỉm cười. Ông phó Sần tái hẳn mặt đi và sụp xuống đất sắp lạy. Thần Non Tản! Thần Non Tản bèn đỡ ông Sần dậy:

- Chỗ này không phải là nơi bày vẽ ra những nghi vệ nơi cung điện. Ngươi đứng thẳng mình lên, ta dặn điều này. Là họp ngay lại trong đêm nay mấy người thợ bạn ngày năm nọ. Ta có việc cần đến.

- Dạ.

- Cuối trống canh tư, các ngươi đợi ở bến Gòn. Thấy chiếc thoi nào tới thì cứ xuống. Ngồi một không hết thì san ra lam hai con lườn.

- Dạ.

- Đây ta để lại cho ít bạc cốm. Hễ thả vào nước, những hạt mẩn nào chìm thì quân phân ra cho khắp vợ con trong anh em các ngươi. Những hạt mẩn nào nổi thì gói lại đem theo, hôm sau sẽ có người đổi lại cho. Tính theo ngày tháng của các ngươi dưới này, thì cũng phải đi vắng mất chừng một tháng. Giữ sao cho không ai biết đi đâu, vợ con cũng vậy.

Nói xong câu này, Thần Non Tản, chỉ vào cái lá trúc vẫn xanh tươi như bao giờ, một tay ngăn không cho ông cụ phó Sần sắp sup lạy.

Thế rồi ông cụ già đội nón tu lờ, phất mạnh cửa tay áo rộng, ra đi; mấy con chó mực vẫn không sủa lấy một tiếng nào.

Bến Gòn. Đầu trống canh tư. Sáu người thợ mộc ăn uống ở nhà nọ nê rồi như lũ thợ cày, đang ngồi bó gối chờ đợi trên những tảng đá sống trâu trơn lạnh. Bến đò bỏ hoang đã đến mấy năm. Mấy năm nay,

người hai làng bên bờ đều lấy bến trên hoặc bến dưới mỗi lúc sang ngang trẩy chợ huyện bên này và chợ phủ bên kia. Đã lâu lắm, không có một con đò nào ghé bến này. Đến cả một cái bè nứa chở muối rừng, đến cả một con đò độc mộc cũng không ngừng lại. Bến Gòn im vắng đến nỗi dòng nước chảy xuôi cũng không chịu lên tiếng. Lâu lâu mới có một tiếng tõm, dội cái tiếng vang ngược lên mãi khóm lau già mọc nơi chỗ khuỷu sông bị vặn quẹo. Tõm. Tõm. Những trái sung nẫu lìa ngành cổ thụ. Dưới cái lờ mờ của đêm thẳm, vài ba trái cây gợn vẽ lên mặt nước đặc sịt như dầu bông ít vòng tròn cùng chung một điểm trung tâm.

Chim thủ thỉ thù thì đi gần mãi lại nhau. Chả còn mấy nỗi nữa, đêm sẽ tan canh. Bởi vì tiếng kêu con chim thủ thỉ đực đã gần mãi lại chỗ có tiếng trả lời của con thù thì cái.

Ông cụ Sần và năm người phó mộc bạn, ngồi chờ đã oải cả xương sống, chốc lại trở vai. Những bào, cán chàng, cán đục va vào nhau, tiếng động rất khô rất gọn.

Nước lử dử dịch vài bài nước bọt mà đám phó mộc nhổ xuống dòng nước bệnh lúc muốn đánh lừa đợi chờ.

Đêm tờ mờ đen rầm hẳn lại, rồi đen ngòm, rồi đen kịt. Ở một điếm huyện cũ, trống bắt đầu chuyển canh.

Bỗng, ông cụ Sần cảm thấy một cái gì vừa loáng qua rồi vòng trở lại, rồi đứng sững hẳn lại trước mặt bấy nhiêu người. Nhìn gần lại, dí sát hẳn mắt vào, thì là chiếc thuyền thoi và một ... chiếc thuyền thoi nữa. Mũi hai chiếc lườn có cạp luồng hai bên mạn ghé sát vào gờ đá. Bọn ông cụ Sần lẳng lặng bước chân xuống lườn. Lườn nhỏ quá, mỗi lườn chỉ chứa được đến bốn người là nhiều lắm. Những hai lườn, mà chỉ có một người đẩy. Người chở lườn không nói chuyện, không nhìn bọn vừa xuống lườn, chỉ hướng thẳng vào cái thăm thẳm của đêm sông vắng đang thốc mạnh vào đầu mũi con sào. Lườn đi vút vút.

Bọn ông cụ Sần nắm tay nhau. Lườn đi trên sông, song song hai chiếc, gì mà lại đi như trong cái rổng tuếch của không gian. Lườn đi êm như trườn xuống một cái dốc ngọn thác mà lòng thác đều lót một lớp đầy rêu tơ nõn. Ban nãy, lườn áp bến không có một tiếng động róc rách, như là khẽ lách mặt nước mà ngoi từ dưới lên. Bây giờ hai con thuyền thoi đi trong một giấc mơ thần. Gió sớm nổi lên. Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bồng ải rũ, phả mạnh vào mũi thuyền thoi xuyên như cắm sâu mãi vào cái đông đặc của sương núi rạng mai.

Đến chân núi Tản Viên, thì rõ mặt người. Ô hay, người đẩy lườn lại là một người con gái. Một cô con gái mắt sắc như dao cau và lạnh như chất kim, lạnh

hơn cái gây gấy của rừng buổi sớm mai đây đặc sương mù. Tiếng đồng vọng cú rúc hết canh văng vào vách đá, rồi vật lại một nơi thung lũng nào đang gửi trả về rất dài một tiếng vượn kêu rầu.

Cô lái và hiệp thợ mộc đã đổ bộ được một thôi đường. Con đường núi lót bằng đá tảng màu gan gà viền rêu xanh. Người ta đã phải lấy các đầu ngón chân bấm xuống mặt đá trên lối độc đạo cho vững bước đi.

Đây đã khỏi xóm Đá Chông.

Rừng Tản thấm hút không hết làn sương núi. Sương cành trên đọng gieo xuống cành dưới. Chỉ có một điệu chìm chìm tẻ tẻ. Rừng vắng và ẩm và mốc. Ngực đã bắt đầu tức tức. Càng lên cao, bọn người thấy mình càng rời lìa cái nguồn sống quen thuộc của mọi ngày. Ở đây bắt đầu một nguồn sống mới lạ. Nguồn sống của dây mơ rợ móc và cỏ và đá vào lúc mới có Cấu Tạo.

Đến Hạ. Rồi đến Trung. Không có gì lạ cả. Ông cụ Sản cho nơi này là tầm thường. Người xứ Đoài, ai chả từng có dịp để dấu bàn chân lên đây một lần rồi. Nếu có những cái gì đáng mở mắt cho to mà xem kia, thì phải là lên nữa, lên trên nữa, trên đền Thượng. Thành đá đổ mồ hôi lạnh trước soai soải, giờ đã đứng thẳng mãi lên rồi dựng ngược. Vách đá đứng sừng trước mặt bọn người đăng sơn. Thế này thì leo lên làm

sao, hiệp thợ tự hỏi. Ông cụ Sần vốn có biết truyện Tam Quốc, thấy cái thế của núi đứng rất hiểm nghèo, bèn nghĩ đến cái nước non xứ Ba Thục mà có những lúc người làm tướng biết dùng binh thì lợi hại vô cùng. Ở cái yết hầu con đường đèo trên kia mà xếp sẵn gỗ cưa ngắn từng đoạn và đá tảng, mỗi lúc lăn xuống, gỗ đá lao xuống như nước thác, thì chỉ một người cũng đủ địch với cả một binh đoàn cấm tử.

Cô lái đò hướng đạo quay lại. Cả hiệp thợ mộc lấy gân kìm bước lại, đứng thẳng lên, rồi ưỡn người hơi ngả về phía sau. Họ ngắm kỹ, không có một phút dám nghĩ đến lơi lả. Có ông Sần là nhớ đến cái Bèo ở nhà: đứa con gái út cụ, cũng thon thon như cô lái. Cái vẻ ống dáng của cô lái bây giờ không còn nữa. Cái người đoan trang ấy giờ là người đứng ra để truyền một cái lệnh.

Cô cầm sẵn trong tay một nắm lá trông sắc đỏ như là mãn đình hồng, phân phát cho mỗi người một lá, bảo ngậm lấy, lấy sức mà lên cao, mà chống lại khí núi. Đường đi từ đây lên đấy, tính thời gian theo cái phép đo lường của hạ giới thì cũng phải mất đến nửa ngày. Người con gái đưa đường lên tiên bảo thế. Cô lái dặn sáu người phó mộc nên buộc vào lưng cho kỹ những đồ làm đem theo, nắm lấy tay nhau cho thật vững và nhắm mắt lại. Thế rồi cả đoàn người cứ thấy bay lên, cứ chọc thủng các lớp mây. Từ dưới bay vụt

thẳng lên cao lắm, hiệp thợ ấy chỉ là những hạt mẩn sắt bị một khối đá nam châm xa cao tít tắp hút ngược lên. Bên tai hiệp thợ phi hành, chỉ có gió vù vù. Cái lá thắm măn đinh hồng ngậm trong miệng làm nóng ấm cơ thể bọn thợ đang băng mình qua cái miết lạnh của sơn cước mỗi lúc một cao, một dầy, một tức thở. Cả bọn thợ không ai lấy làm sợ hãi cả. Bởi vì, mấy năm trước, họ cũng đã phi hành như thế này rồi. Người cũ lại lên cảnh cũ non tiên, giá chuyến trước được mở mắt xem lược qua và chuyến này cũng được mở mắt mà xem kỹ lại cảnh xưa!

Cả bọn bỗng rớt đánh bịch một cái trên một vật cứng và mát. Tiếng người con gái bảo họ mở mắt ra. Đây là một khu đá bằng mặt rộng độ một mẫu mà chung quanh là những vách đá cao, trên mỗi chỏm nhọn màu xanh cánh chả lại có mây trắng mây vàng đánh đai lấy. Ông cụ Sần sực nhớ lại những lúc ở dưới quê hương thấy núi và mây như thế, người ta thường gọi là núi đội mũ. Cây và cỏ trên này vẫn nhiều cái lạ lắm. Chuyến trước, họ cũng đã thấy phong cảnh trên đầu non, nhưng từ khi hạ sơn, ăn phải lại cái cơm hạ giới, họ chỉ còn phảng phất mà thôi. Đã mươi năm rồi còn gì nữa. Thành thử ra lên tiên chuyến này nữa, tái kiến mà vẫn như là lần đầu. Người ta càng ngơ ngẩn với non xanh. Mà thêm tần ngần.

Sau một lúc đi khuất vào nẻo đá, người con gái lại từ nẻo đá hiện ra, truyền ra cho hiệp thợ những lời của Chủ Non Xanh:

- Sơn chủ hôm nay bận sang núi bên phó hội cờ thạch bàn. Các bác nghỉ ngơi nốt ngày nay. Ngày mai Sơn chủ về, sẽ có điều bảo ban sau về công việc. Theo lệnh Nữ sơn chủ, tôi đã xếp cho các bác một lều cỏ ở cạnh suối Tịch Mịch. Trong khu vực suối, các bác được phép bắn chim bắt cá và hái quả. Ngoài chỗ suối Tịch Mịch, các bác nhớ rằng không được đụng chạm đến từ một tấc cỏ, một cái lá. Thói phép trên sơn thượng này nghiêm lắm. Nhớ lấy kẻo lỡ ra mà khốn đó.

Người nữ tỳ - đây là người nữ tỳ hầu cận Nữ sơn chủ - ngoắt ngón tay bảo hiệp thợ theo mình đi ra phía sau nẻo đá, rẽ ngoặt phía trái rồi đi xuống. Tiếng nước róc rách lưng đèo nghe gần mài lại. Lúc đến bờ suối có lều cỏ bồng dựng sẵn thì dòng nước suối Tịch Mịch nín bặt . Nó lửng lơ trôi ỏm yếu và lững lờ. Nó trong như pha lê gọt. Nó hiền lành. Cụ phó Sần vục hai bàn tay xuống nước Tịch Mịch làm ngay mấy ngụm.

Sáu người phó mộc cất đồ làm vào dưới lều.

Tính cũng mất nhiều thời giờ lắm rồi, mà ngày vẫn chưa hết. Cả hiệp thợ đi dạo cảnh non cao. Cảnh non cao trong cái khu vực khe Tịch Mịch.

Loài cây ăn quả, nhiều nhất hai bên suối là một giống hồ đào, trông như quả roi ở dưới ta. Giống đào rợ Hồ màu vàng nhạt và xanh hay chín, trái nào cũng có má hồng. Hiệp thợ, trừ ông phó Sần, thi nhau mà bứt. Trái đào rợ Hồ, nhân hột có dáng cái thai đứa trẻ gục đầu ngủ quên. Rớt xuống thảm cỏ, hột Hồ đào hóa thành luống cúc tần có bảy lá mốc. Cả bọn thợ, vẫn trừ ông phó Sần, cười như phá. Chim ngàn giật mình, bay bổng.

Người nữ tỳ đã đứng trước lều cỏ. Ông cụ Sần chờ đợi một lời quở mắng. Nhưng không. Người con gái trao cho ông một cánh cung sừng sơn dương đen, hai vòng ngọc đỏ như hổ phách và hai mũi tên, một mũi bằng vàng, một mũi bằng bạc.

- Thức ăn bốn mùa trên sơn thượng là giống đào rợ Hồ. Nếu các bác không chịu được, muốn đổi bữa thì đã sẵn chim trên cành và cá dưới lòng khe. Cứ bắn lấy mà ăn. Cái tên vàng, dùng bắn chim. Bắn cá thì dùng cây tên bạc này. Cứ bắn ra, rồi mũi tên sẽ vòng quay lại, không bao giờ hết tên.

Ông cụ Sần cầm hai mũi tên, ngập ngừng mãi rồi mới dám hỏi khẽ:

- Thế còn ngũ cốc?

Người con gái tủm tỉm cười, chỉ ra dìa suối:

- Cứ những hòn cuội kia đập vỡ ra là lúa gạo. Cuội xanh là lúa tẻ, cuội vàng là lúa nếp. Còn thứ cuội

trắng là, là...Các bác muốn uống rượu thì đập vỡ cuội trắng ra, lấy nhân đá trắng hoa vào với nước suối mà uống. Hôm nay còn nghỉ ngơi, cũng nên nếm cho biết. Nhưng lúc nào đã bắt tay vào việc, mỗi lúc muốn uống rượu, các bác nên trình qua Sơn chủ đã.

Mấy bác phó mộc trẻ trố mắt nhìn nhau, lấy làm ngờ vực. Người con gái đã xoay lưng đi, lại còn trở lại, dặn thêm:

- Phía dưới lều cỏ, khe Tịch Mịch xoáy sâu vào chân đá thành một cái hầm nước rộng. Những rễ cái các cây trầm hương cổ thụ đều ăn cả về đấy và cá suối thường tụ ở hầm hàng đàn, ăn những bọt dầu trầm nổi lên mặt nước. Nên năng tìm đến đấy, bắn cá ngư hương mà ăn. Còn như những việc khác, ở trên này có khác với dưới chân núi, các bác chớ lấy làm lạ mà kinh động vô ích.

Thế rồi người con gái đi khuất. Thế rồi, được lời như mở tấm lòng tục, bọn thợ mộc khuân rất nhiều đá cuội, cứ từng đống có ngọn một, mang vẻ trước lều làm gạo nấu cơm và chế rượu uống. Họ đập đá bừa bộn, không cần để riêng hòn xanh hòn vang. Mà có cái lạ, là không cần phải nấu nướng gì, những nhân đá xanh vàng kia, cứ đập rời ra, bốc bỏ mồm là đủ hương vị một hạt cơm, một hạt xôi rồi. Nhân đá trắng, thả vào những giỏng tre Đăng Ngà không lồ đựng

nước suối, đem uống với nhau, thấy ngà ngà mà say, lâng lâng mà khuây vợi lòng tha hương.

Trong khi ấy, ông cụ Sần xách cung sừng và hai cái tên vàng bạc lần xuống chỗ Bạch đàn đàm, bắn được sáu con cá ngư hương. Lúc trở về đi qua dưới cây đại cổ kính đầu cành chàng nạng nhẫn nhụi như những cặp nhung hươu, thấy có chim, ông phó Sần bèn phóng một mũi tên vàng, dây cung kêu đánh phựt một tiếng. Rồi mũi tên lướt rơi qua lùm cây tóc tiên và rớt xuống cỏ thạch sương bổ bóng loáng nước sơn then. Lại cũng đủ sáu con chim xiên vào mũi tên như một que chả chim nướng cả con. Mà thực là một xiên chả. Mùi thơm ở sáu con chim sẻ đồng bị tên vàng cắm suốt, thơm phưng phức. Ông cụ Sần tháo vòng ngọc đỡ ngón tay, đeo cung lên vai, trở về lều với xâu chim chín và xâu cá cũng đã chín sẵn chung quanh cây ngân tiển.

Sau một bữa ăn có rượu nhân đá, có chả chim ngan, có chả cá suối, cả hiệp thợ mộc say sưa, gối đầu lên trăng đục, đánh một giấc không biết trời đất là gì nữa. Mở mắt dậy, thì cũng như hôm qua, cái ánh sáng trên này lúc nào cũng nhờ nhờ như nước gạo loãng, không kể sớm, không kể trưa, không kể tối.

Ba bốn con voi lông toàn trắng, chung vòi lại, đỡ mấy cây gỗ đi qua lều, chân nặng bước rất nhanh, để

lại sau đuôi nào là gió, là đá răm, đá cuội bắn tung hạt lại.

Một chốc, thấy người con gái hôm qua tới bảo cả bọn lên hết cho Sơn chủ dặn bảo. Đi đến cổng ngõi đến gần sụt mái, người nữ tỳ lảng ra một bên. Thần Non Tản phe phẩy cây phất trần, ngắm mấy con bạch tượng cắm ngà xuống sân đền, sau mươi cây gỗ dài rất thẳng. Thần Non Tản truyền cho voi trắng và hiệp thợ mộc đứng cả dậy. Bọn thợ theo Thần vào đền.

Mấy hàng cột con, cột hàng ba, cột quyết không đủ sức chống cái mái đền lợp ngói vai bộ tráng men ngũ sắc. Ở nền đền, mất nhiều chân cột và thiếu nhiều miếng gạch lát. Bọn thợ xem qua một lượt. Họ ngờ rằng một dãy cột mẹ và những tảng đá chân cột và lát nền kia là do vua Thuỷ dâng nước lên lấy mất. Ngoài vua Thuỷ ra, còn ai dám động đến đền Thượng? Đích cột đền là gỗ chò vẩy và đá bị mất luôn kia là đá hoa. Có lẽ trận lụt cách đây mấy tháng là vua Thuỷ dâng nước lên đỡ gỗ chò vẩy và đá hoa ở đền Thượng. Bây giờ Sơn chú gọi họ lên chữa.

- Tâu Chúa Ngàn cao cả, cứ như kiểu đền này, kể ra giờ thiếu hàng cột mẹ, thì bắt mấy cái quá giang rồi xoay ra kiểu thượng thực hạ hư cũng được.

Thần Non Tản, đi lại trên những lỗ gạch đá thềm đình trống hổng, hỏi tại sao lại phải xoay kiểu và dựng đền thành ra thượng thực hạ hư.

- Dạ cúi thưa Chúa Ngàn cao cả, đó là cung cách của chúng tôi thường làm, mỗi khi không đủ gỗ cột mẹ. Tất cả phải mất mười sáu cây cột mẹ. Ngoài sân chỉ có chín cây gỗ chò. Nếu phải làm hàng cột này bằng hai thứ gỗ khác nhau, chúng tôi e không đẹp. Tâu xin Ngài phán xuống để anh em chúng tôi khởi công.

Thần Non Tản liền phán:

- Đền dựng trước như thế nào, cứ thế mà trùng tu. Không phải thượng thực hạ hư gì cả. Ở sơn giang này, có thiếu gì gỗ chò vẩy và đá hoa. Ta dám chấp Kẻ kia cứ dâng mãi được nước lên đây mà dờ cho hết được gỗ quý và đá báu của ta. Còn thiếu bảy cây gỗ chò nữa, chiều nay lũ voi trắng của ta sẽ đem về đủ. Còn đá cẩm thạch lúc nào lót cột và lát nền, sẽ có lần lần cho thợ ngoã làm.

Hiệp thợ mộc vẫn tuần tự tiến hành công việc. Ngày tháng trên này không biết lấy gì mà đo tính, bởi vì chỗ sơn thượng không có đêm không có ngày. Đây là nơi của ánh sáng vĩnh viễn nhờ nhờ như màu ngọc liệu, như chất nước quế trắng chính sơn pha loãng. Những buổi trời tái hẳn lại vì khí núi âm u, thì một vài hòn ngói trên lòng trần đền hình mai luyện lại sáng rực hẳn lên như một nguồn lửa. Ở những hòn ngói phát hào quang ấy, đọc rõ được bốn chữ Tản Viên đài ngoã. Vào những phút này, mấy thân cây cột gỗ chò vẩy mới tỏ rõ cái đẹp cái quý của một thứ gỗ đặc

biệt. Dưới ánh lửa ngói sáng choang, cột gỗ chò nhấp nhánh lộng lẫy chớp chớp lên như vẩy rồng vàng cốm chạm nổi.

Những đầu kèo vai và câu đầu, đều chạm tứ quý tứ linh. Bức trần gỗ thì chạm bát bửu cổ đồ. Nét chạm tỉ mỉ công phu gấp mấy lần công thợ điêu khắc ở các đền đài khác ở khói dưới núi. Họ chia nhau ra mà chạm, người thì tỉa hình thư kiếm, quạt và phất trần, kẻ thì gạt dáng tù và với túi rơi hoặc là túi thơ cùng bầu rượu, cái nọ ghép vào với cái kia thành một bộ đôi bằng những sợi cẩm đới nét dẻo như tung bay được.

Đến hôm chạm đến tám cánh cửa bức bàn theo hình Bát tiên hóa thì trời xám quá, ánh sáng ngói đền không đủ để làm việc. Sơn chủ phải cho nổi hiệu khánh đá gọi đôi tê giác xanh tới đền. Người thợ nào cần thêm ánh sáng thì con tê giác xanh lại ghé đến bên cạnh, lấy cái sừng âm rọi sáng cho đường chạm. Sừng tê giác là những vệt lân hỏa sáng xanh và dịu. Nhiều con anh tước lắng tai nghe những tiếng đục đánh xuống tràng kêu lách cách cóc cách gieo những thanh âm thô lạ và gắt vao cái êm ả của ngàn mềm. Nhiều buổi Sơn chủ hài lòng cho phép cả hiệp thợ ngâm đá cuội mà say. Có một lần, ông cụ Sần tỉnh rượu thấy mình gối vào vòi con bạch tượng mà ngủ và vượn trắng đang bứt hồ đao đùa ném vào các người

thợ bạn còn ngủ li bì. Bên hàng lệ liễu màu phấn hồng, có đến linh trăm con chim quyên mỏ và lông đều tím hoa sim đang rỉa vỡ những màng hoa mấy khóm phong lan đen như gỗ mun.

Hôm nay, bọn thợ mộc làng Chàng Thôn đã làm đến cái diềm gỗ hàng hiên phải chạm thủng đường sòi. Nghĩa là công việc chữa đền Thượng gần xong. Ông cụ phó Sần buồn buồn nghĩ đến ngày sắp phải xuống khỏi núi. Cứ ở trên này, thì bọn thợ còn được tha hồ bàn tán đến những cái lạ của Ngàn thăm thẳm kín mật, mỗi lìa rời xuống khỏi, là không tìm lại được đường lên, là không dám hở hang tí chút lại với người đời về cái thần bí trên đây xanh tươi đến ngày tận thế.

Ông cụ phó Sần rầu rầu nghĩ đến một hôm nào đây, cũng không còn xa gì đâu, Chúa Ngàn Thiêng lại đưa cho người về một cái lá trúc nhọn đầu.

KHOA THI CUỐI CÙNG*

Ở cuốn lịch niên hiệu Duy Tân năm thứ mười, bìa vàng nhòe nét son dấu kim ấn tòa Khâm Thiên Giám, thấy tiết thu phân và ngày lập thu qua đã lâu rồi.

Mùa mưa dầm tháng chín chỉ là những giọt than văn triền miên của kỳ Ngâu còn kéo dài mãi đến bây giờ. Xứ đồng chiêm Sơn Nam hạ đã biến thành một vùng nước rộng nhấp nhô những con đò đồng li ti. Sóng đồng hỗn loạn vỗ vào mép những con đường đất thó nhuyễn và những bờ luỹ tre già ướt át. Làng mạc vùng quê Nam Định nhoi lên khỏi làn nước trắng lạnh như những quần đảo xanh một màu hoang vu.

Nước mùa mưa hợp các xứ đồng chiêm lại thành một khối lớn và trên nước đồng mông quạnh, những con thuyền thúng đi về nhiều như tre rụng lá mùa thu. Đêm mưa gió, mặt nước bình rộng âm hưởng rất xa cái tiếng kêu đánh cướp nhóm lên từ những làng

---

* Vốn có tên là *Báo oán* đăng trên tạp chí *Tao đàn* số 12 (16-9-1939)

cù lao lẻ loi.

Bên bờ đường cái quan, hoa hòe nở vàng ối. Dặm hòe đất Sơn Nam hạ trổ bông đã từ lâu. Hòe đã rầu cánh, vàng úa tối mãi xuống.

"Hòe hoa hoàng, cử tử mang". Thấy dặm hòe ngả màu vàng, lòng những người có chữ bắt đầu bận bịu. Dưới mảnh trời sụt sùi, hòe vàng nở đều, làm ấm lại lòng người sĩ tơ tưởng đến sự hiển đạt về sau này. Màu vàng của sắc hoa nơi dặm hòe dài đã nhắc bao nhiêu học trò vùng Sơn Nam hạ nghĩ đến cái màu vàng một tấm giấy cáo trục phong tặng hoặc là phần hoàng mai sau cho hai đấng sinh thành.

Một hôm kinh truyện sũng ướt nước mưa, ôm khư khư mà ngồi trong lòng một chiếc đò đầy đang tìm lại bến cũ, ông Đầu Xứ Em nghĩ xem giờ xuống tỉnh, nên trọ nhà ai cho tiện trong suốt một kỳ thi. Cái nhà bà Phùng quen kia thì đã chật hết chỗ rồi.

Hoa hòe lả tả đánh rớt những cánh vàng nâu cuối cùng lên bả vai bao nhiêu học trò các vùng đổ về tỉnh Nam. Năm nay Nhà nước lại mở khoa thi. Một khoa thi cuối cùng. Có những ông đồ già tóc râu đã ngả màu vì sự đùa nhả của công danh đánh lừa suốt mấy phen, chuyến này cũng cố chen ra hồ vớt lấy một chút phần hương cuối chầu của triều đình.

Trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ có ông Đầu Xứ Em dự, còn nhộn nhịp gấp mấy khoa Ất Mão trước.

Khoa Ất Mão trước, ông Đầu Xứ Anh bị loại ngay vòng đầu, bay kỳ kinh nghĩa. Khoa Mậu Ngọ này, ông Đầu Xứ Anh nhất định không đi nữa, mặc dầu đây là khoa cuối cùng, rồi đây bãi hẳn sự thi cử. Ở vào buổi giao thời, nếu người ta còn cái lòng công danh thì khoa thi Mậu Ngọ là một chuyến thuyền vượt biển cuối cùng. Từ Mậu Ngọ trở về sau, sẽ mở một thời khác, chữ Hán chỉ còn là một thứ xa xỉ phẩm trong học vấn của một lớp người. Từ sau khoa này, cái lều cái chõng chỉ là những vật cổ tích mỗi khi nhắc tới lại gợi lại một chút nhớ tiếc trong lòng một đám người còn sống thêm một ngày là càng chỉ thêm một ngày bỡ ngỡ với phong hội mới.

Ông Đầu Xứ Anh nhất định không nộp quyển khoa này, tuy bao nhiêu người, từ Quan Đốc tỉnh cho đến anh em đồng song, thảy đều gởi hy vọng vào ông. Thơ phú làm rất nhanh; sách nhớ có thể vạch ra từng chương từng tiết một. Tính người lại điềm đạm hồn hậu; ai nấy đều khen nhà ông có đất học. Khen rồi lại lấy làm lạ cho ông. Có một ông tam trường khoa trước lại ngờ hay là khoa này, tại Nhà nước bắt đám sĩ tử phải chụp ảnh dán vào quyển nộp mà ông Đầu Xứ Anh không đi chăng? Có một hôm, đang cùng mấy

người dạo chơi ở phố Hàng Thao, nhận được tin này, chính ông Đầu Xứ Anh đã kêu: "Từ trước tới nay, có bao giờ như thế. Nhà nước Bảo hộ, đãi đám sĩ phu trong nước, thật không ra quái gì. Chụp hết ảnh ông Thám, ông Đề, chụp đến nhà pha, nay lại chụp nốt học trò".

Hôm người em là ông Đầu Xứ Em xuôi tỉnh để soạn sửa đi thi; ông Đầu Xứ Anh đưa ra khỏi cái dốc đầu làng và lúc ông Đầu Xứ Em đã ngồi gọn trong lòng đò đồng ông dặn:

- Xuống tỉnh, nhà bà Phùng đã đông người ở trọ rồi, có phải ở chỗ khác, chú có ở đâu, cũng cứ tạt lại đấy mà nhấn hộ cho tôi. Đến hôm các quan tiến trường, cứ hạ tuần tháng này, thế nào tôi cũng có mặt dưới tỉnh.

Người em đứng dậy, nói với lại, làm chiềng con đò đầy.

- Cô Trinh, con gái út bà Phùng, hình như vẫn chưa lấy chồng phải không anh? Khoa Tý năm trước anh cũng trọ ở đấy phải không ?

Người em cũng muốn tiết nỗi vui ra ngoài một cách quá đáng để trấn tĩnh cái rối reng trong bụng một người đi thi. Ông Đầu Xứ Anh nói lảng ra ngoài câu hỏi:

- Cứ quanh quẩn ở phố Cửa Trường ấy thôi nhé. Đi về nó tiện hơn. Ở đấy dễ gặp anh em các nơi về thi.

Mấy đám hàng xáo người làng trên qua đây ghé đò xuôi chợ, không nhao nhao lên nữa như lúc mới nghiêng mạn đò vừa rồi. Họ ra vẻ nể nang, ngồi thu hình lại, quơ lại một góc mấy lũ tay nải và bì cói, cốt để dọn cho cái người học trò xuống tỉnh đi thi kia một chỗ ngồi rộng rãi. Đẩy con đò, dính chắc vào đất sét lòng bến nông. Cô hàng gạo, buộc lại múi khăn mỏ quạ, nhìn cậu Khóa không mỏi mắt, mỗi lúc ngượng nghịu lại nhổ cốt trầu xuống đồng nước. Gió đồng hôm nay không thổi. Bãi quết trầu đỏ lặng im giữa làn nước nhợt nhạt, rồi chậm chạp tan hòa vào nước cánh đồng chiêm, mỗi khi nhìn rộng ra, chỉ rặt một màu bao la nhờ nhờ. Người lái đò mặc áo tơi kín phủ thân hình, chụp nón mê lấp cả mặt, đã rút đầu sào khỏi mặt nước. Con đò đầy cựa quậy, bốc nhẹ, rồi trườn mình ra xa. Trời bắt đầu nổi gió rét. Mưa thu lộp độp gõ xuống áo tơi nón lá của một chuyến đò đồng. Dưới gốc cây hòe già chỗ dốc đê làng, ông Đầu Xứ Anh vẫn đứng nhìn theo.

Tinh mơ ngày hai mươi nhăm tháng chín, tại khu trường thi Nam Định, các quan làm lễ tiến trường. Hai chiếc lọng vàng nghiêng phủ xuống lá cờ và tấm biển có chữ "phụng chỉ", "khâm sai", bốn cây lọng

xanh ghé thấp tịt xuống một cái đầu bạc đại khoa. Mùi nghi vệ mới phảng phất ít hôm trước thì sớm nay đã nồi dậy trên khắp một khoảnh đất mà mọi khi chỉ có gió chạy trên hoa cỏ may hiu hắt từng cơn.

Ánh sáng ban ngày vắng đi mãi đến những đâu mà đến bây giờ vẫn chưa thấy trở về. Từ hôm có gió vàng pha mùi cơn bấc đến nay, chưa bao giờ thấy cái âm u tẻ lạnh đến nhường ấy. Gần giữa giờ thìn rồi mà tối và sáng chưa phân tách hẳn được ra. Người đứng bao quanh đàn cúng, vẫn chỉ thấy ánh sáng mấy chục ngọn nến bạch lạp rọi vào đàn tế, trên đàn phủ phục ba cỗ tam sinh còng queo: một con trâu và một con dê đen thui kèm con lợn cạo trắng mở to cặp mắt chết.

Mặt đất sáng hơn nền trời. Cuộc tế tiến trường như đang lắng chờ một sự biến gì. Gió cũng không muốn thổi. Mấy ngọn sáp không lung lay, vệt khói xám nơi bình hương bốc lên thẳng thắn trên bàn tam sinh. Nền trời phương Đông đáng lẽ đã phải hửng lên rồi. Thế mà ở đấy chỉ rặt một thứ mây đục đùn lên những hình quỷ Đông. Phía Tây, một cái cầu vồng cụt một chân, tô lên tạo vật những màu xanh đỏ dại dại và nghịch mắt. Trong cảnh âm dương không chia biệt rõ, quan Chánh Chủ khảo trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ, đang tế cáo giời, đất, vua, thần và

thánh; xuýt xoa khai xong tên, tuổi, quê, quán, ngài khấn to:

"...Báo oán giả, tiên nhập; báo ân giả, thứ nhập..."

Có lẽ đoạn khấn này là khoản chú trọng nhất của lễ tam sinh và đã được quỷ thần chứng giám. Người lính tuần mặc áo nẹp đỏ vừa được lệnh đổ chén rượu cúng xuống tàn lửa đống vàng đang hóa dở thì những đầu ngọn cỏ may im lìm nơi bãi trường thi đều rung lên một nhịp và rung theo một chiều. Người ta, hồi nãy sống một cơn mơ giữa khoảng ban ngày u uất, bây giờ trông thấy một cơn mơ đang tàn dần. Một thứ gió u hiển thổi thốc vào bãi trường, nghe lào xào như có tiếng các hồn oan hồn lành chen chúc và ùa vào choán chỗ. Những cây nến cháy vạt ngọn bỗng tắt phụt hết. Không gì xa vắng bằng cái động đậy trong đìu hiu của muôn loài.

Trời đất trong sáng lại dần dần.

Hai anh em ông Đầu Xứ Ngoạt - lấy tên tục của làng nguyên quán Cổ Nguyệt - lững thững ra về. Ông Đầu Xứ Anh bụng buồn lắm mà không dám nói ra.

Ba năm trước, cũng ngày tế tiến trường, năm Tý, cảnh trời đất cũng âm thầm giông giống như ngày này. Quan Chánh Chủ khảo khoa ấy, theo tục lệ quen của mỗi khoa thi, cũng cúng tam sinh khấn mời những oan hồn nên nhập vào trường trước hết để mà báo oán trả thù. Rồi ông Đầu Xứ vào trường, rồi oan

hồn hiện lên, ngay ở kỳ đệ nhất. Một người đàn bà trẻ, xõa tóc, ẵm con, hiện ngay lên dưới lều, ngay chỗ đầu chồng, kêu khóc giữ rịt lấy tay không cho viết quyển nữa. Gào khóc chán, người đàn bà ấy lấy mớ tóc xõa quất vào mặt ông cứ bồng rát lên. Lại cười sằng sặc, lấy nghiên mực hắt vào quyển của ông. Lần ấy ông xin đổi quyển đến hai ba lần. Vẫn người đàn bà ấy quấy nhiễu không tha để quyển ông cứ tỳ ố mãi. Lúc gần chiều, ông nổi một cơn đau bụng hoắc loạn, phải bỏ dở kỳ thi, nhờ người dìu về nhà trọ. Thế là ông bay ngay kỳ kinh nghĩa. Một người đầu xứ hay chữ và được quan Đốc khen ngợi luôn mà hỏng ngay nhất trường thì có thảm thương không. Cũng may mà còn có người lấy được cái bản thảo nháp bài của ông đem về, ông còn giữ được đến giờ, nếu không thì nhục cho gia sáo biết là chừng nào. Ông cụ thân sinh ra ông, cụ Huấn là người nổi tiếng một vùng, đem xem lại bản nháp và đưa cho các bạn đọc, ai cũng lấy làm tiếc. Hơi văn đi mạnh như thế, có vào đến kỳ hội thì cũng cứ lọt. Mọi người đều chặc lưỡi tiếc rẻ. Cái người bạn cùng ngồi một vi với ông, sau khi đem trả ông cái bản nháp đó, đã tìm đến phòng trọ đưa tạ ông ba chục quan tiền kẽm: "Đại huynh lúc không may lâm bệnh rời bãi trường, phải bỏ lại trên cỏ bản nháp bài kinh nghĩa. Là một người tự biết là bất tài, tiểu đệ đã mạn phép hiền huynh điền vào quyển của đệ những lời

gấm hoa đanh thép bị bỏ phí kia. Nay được vào kỳ đệ nghị, gọi là có món quà mọn gửi lại, xin đại huynh nhận cho".

Biết là có oan hồn hiện lên cố phá không cho mình mở mặt với thiên hạ, ông Đầu Xứ Anh để tâm tra cứu lại chuyện nhà. Thì ra, lúc sinh thời, cụ Huấn đẻ ra ông đã phạm vào một việc thất đức. Hồi còn mồ ma cụ Huấn, cụ đã mang lấy trách nhiệm tinh thần về cái chết của một người nàng hầu tài hoa nổi tiếng một thời. Người thiếp đó, lúc tự ải, có mang được sáu bảy tháng. Cái âm oán ấy còn theo đuổi ông mãi, nếu ông cứ còn lều chiếu ở cửa trường thi. Đấy là lời người thiếp đó lúc ốp vào con đồng khi phụ lên. Nàng xưng là cô và gọi ông Đầu Xứ Anh là nó, cười sặc sụa và giọng nói the thé. "Nó còn đi thi, cô còn báo mãi. Các người hỏi cô muốn những gì ấy à ! Cô muốn, cô muốn nó phạm huý, cho nó bị tội cả nhà kia. Nhưng nhà nó cũng có một ông mãnh thiêng lắm, cô không tàn hại nó được như lòng cô muốn. Nên nó chưa viết phạm đến tên các vua". Con đồng lắc lư nói có thế. Có gặng hỏi thêm thì chỉ khóc hu hu rồi lại lăn ra mà cười như bị ma ếm. Ông Đầu Xứ thấy lạnh đến tuỷ xương sống. Và đâm ra lo nghĩ từ ấy.

Khoa thi này, ông đành nhẽ không ra nữa, để ông Đầu Xứ Em nộp quyển thôi, thử xem hồn oan có còn đòi báo nữa không. Ông tin ở học lực người em ruột,

sao cũng lấy về cho làng Ngoạt, có hèn ra cũng được cái Cử nhân. Khoa cuối cùng, thêm phần luận quốc ngữ và phép đo lường tính theo lối học mới, nhưng chú nó thông minh vốn thiên bẩm và gần đây tân thư và toán pháp đọc cũng nhiều, cũng không lấy gì làm ngại lắm. Nhưng mà phúc phận con người ta, ở một người thi chữ Hán, biết sao mà định trước được.

Còn năm hôm nữa mới nhập trường. Mãi đến ngày sóc tháng mạnh đông mới gọi tên bốn năm ngàn người vào kỳ đệ nhất. Cơm nhà trọ, luôn mấy ngày nay, bữa nào cũng hết một bình rượu. Hai anh em ông Đầu Xứ, những lúc trời ngớt hột mưa, vào mấy ngày mong chờ, thường nhẩn nha ở phố Hàng Giấy, chọn một thỏi mực, thử lông một cây bút thỏ hay là soi một tờ giấy bản lên ánh sáng. Ông Đầu Xứ Anh cố quên chuyện cũ, hết sức vui vẻ trong khi đi lục lọi giấy bút cho em ở các cửa hàng sách phố Hàng Giấy. Những người văn nhân lượn lên lượn xuống nơi phố này nhiều đến nỗi không thể nào mà nhớ được mặt, ví có gặp lại ngay đó một lần thứ nhì.

Cái cửa hàng sách gọn ghẽ xinh xắn được nhiều thầy Khóa lui tới nhất là cửa hàng cô Phương. Đám học trò vào cửa hàng cô để mua hàng, và để nghỉ chân và giải trí cũng có. Cô Phương ở phố Hàng Giấy, ngày trước là một người đanh đá chua ngoa có tiếng. Có một lần, một cậu học trò vào hàng cô chọn bút. Cô

đưa bút Song Lan, Thanh Chi, Nhất Chi, rồi Kiều Lan, rồi đến Trúc Lan; người thư sinh mặt trắng rút tháp bút, cho bút vào miệng, ấn tòe đầu bút vào lòng bàn tay xoè, để thử soi lông bút lên ánh sáng có đến mấy mươi lần rồi mà cứ lắc đầu hoài, chê xấu. Anh chàng nhất định hỏi cho được cái thứ bút Tảo Thiên Quân mới chịu lấy. Thấy thầy Khóa ăn mặc đồ vải xuềnh xoàng, cô Phương ra giọng bỉ thử: "Có Tảo Thiên Quân lông trắng nhưng mà những hai quan một chiếc". Tiếp cái nguýt dài của cô hàng sách càng ngồi dãi thẻ thêm ra, người thư sinh mặt trắng chỉ tay lên tít trên đầu tủ: "Phải, Tảo Thiên Quân lông trắng; có còn thứ nào những năm sáu quan một quản, cô lấy cho tôi chọn". Lúc nói câu này, thầy Khóa cố dằn giọng vào chữ *những*, có ý bảo thầm cho nhà hàng biết rằng nên khinh người vừa vừa chứ. Cô Phương bèn lẻn, nhưng cũng cố đứng dậy lấy thứ bút quý cất mãi trên cùng tột lớp tủ, đưa cho thầy Khóa, chỉ đợi nếu anh chàng không mua nổi chiếc nào thì sẽ mắng một trận như tát nước vào mặt cho bõ ghét. Lấy luôn một lúc bốn chiếc Tảo Thiên Quân, trả tiền xong xuôi, người thư sinh mặt trắng dúng một ngòi bút mới vào nghiên mực, vờ thử ngòi bút vào một mảnh giấy nơi mặt hàng. Những dòng chữ viết rất tốt kia, sự thật, chỉ là một bài thơ chữ nói mắt mẻ có hàng có tính chỏng lỏn. Từ đấy, cô Phương đâm ra gờm những thầy

Khóa có tính ỡm ờ và trở nên rất ngoan ngoãn đối với bạn hàng, bất cứ là ai. Sau cô hỏi thêm, mới biết người thư sinh rất khó tính trong sự lựa bút và tác giả bài thơ bóng gió ấy là cậu Đầu Xứ Ngoạt. Năm Mão, phong thanh người thiếu niên tài hoa ấy thụ bệnh trong trường và bỏ dở khoa thi, cô Phương đã ra mặt ái ngại tiếc than với những người chung quanh. Trong tâm một cô hàng sách nho phố Hàng Giấy, đang nhú lên cái mầm sơ đầu của yêu thương gắn bó và đợi chờ.

Cho đến mãi năm Ngọ năm nay, ông Đầu Xứ Ngoạt mới trở lại cửa hàng cô Phương. Ông Đầu Xứ Em còn lần lữa ngoài mặt hàng, chưa bước vào nhà. Trên mấy tấm cửa lùa ngả xuống hai cái mễ gỗ nhô hẳn ra vỉa hè, một cuốn *Chinh phụ ngâm diễn nôm* đã ghìm bước ông Đầu Xứ Em lại. Thấy có bóng khách vào hàng, cô Phương đặt cuốn truyện *Lục Vân Tiên* xuống, lấy móng tay đánh dấu vào cái đoạn nàng Kim Liên đang "đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê", sắp cất tiếng chào khách, bỗng cô ngờ ngợ, tủm tỉm muốn bật như cười. Cô nhìn không chớp mắt, đôi má lúm đồng tiền phơn phớt nhuộm đào - cái màu đào một ngày năm nọ.

Ông Đầu Xứ Anh hơi luống cuống, chưa biết hỏi món hàng gì thì may mắn quá, ông Đầu Xứ Em đã tiến theo vào phá hộ cái yên lặng:

- Này anh, lấy một cuốn *Chinh phụ* bản nôm, về nhà trọ, ta ngâm nga chơi cho nó hết mấy ngày đợi bảng nhập trường.

- Ở thích được ngâm nga thì cứ lấy về. Có gì mà phải bàn.

Cô Phương hết nhìn người anh, lại nhìn sang người em. Cô đoán họ phải là anh em ruột thì mới giống nhau như tạc đến thế. Vả chăng hồi gần đây, cô có nghe đồn ông Đầu Xứ Anh cũng có một người em đỗ Đầu Xứ và tài hoa đã làm trội cả một vùng tỉnh Nam. Chắc là người mua truyện này đây. Chưa biết câu chuyện ông Đầu Xứ Anh không nộp quyển thi khoa này, cô Phương tự nói với mình: "Huynh đệ đồng khoa! Cái làng Cổ Nguyệt chuyến này tha hồ mà rước xách. Trong hai anh em, chả biết ai sẽ Tú tài, ai Cử nhân. Mọi năm hai trường Hà Nội và Nam Định hợp lại, lấy sáu mươi tư Cử nhân. Năm nay khoa rốt, Nhà nước đặc cách lấy những chín mươi Cử nhân và cũng như mấy lần thi trước, cứ một Cử nhân thì ba Tú tài. Lọt sao được tay hai cậu Đầu Xứ này". Cô kéo cái ấm giỏ trong bục trong ra, giở nắp ấm thăm cái nóng chiếc ấm sứ, rót hai chén, cô hạ thấp vòi ấm xuống để nước không nổi bọt.

- Mời hai thầy quá bộ vào trong này xơi nước. Nước trà nụ ướp sói vừa pha đấy, nên mới dám mời hai ngài tân khoa.

Cô Phương đưa tay che miệng cười, tự cho câu chúc sớm sủa đó là có duyên lắm, hẳn là phải hay và anh em ông Đầu Xứ Cổ Nguyệt phải thưởng thức. Thấy họ cứ đứng trân trân ra đấy, cô Phương thu dần nét mặt xởi lởi lại và ngồi ngẫm, càng nhận thấy cái vô duyên và vô lý của câu nói vừa rồi. Ai người ta đã thi cử được một kỳ nào, mà đã chúc với tụng. Cho đỡ ngượng, cô lại mời:

- Hai thầy xơi chén nước.

Ông Đầu Xứ Em chẳng biết cái gì cả, cầm chén, uống luôn, tưởng hễ cứ vào mua hàng người ta là mình có quyền xơi ngay nước mời. Khốn nạn, nào từ trước tới giờ anh mình có bao giờ nói cho nghe cái đoạn tình duyên thầm kín đã mấy năm nay giữa anh với cô hàng sách đâu mà biết. Ông Đầu Xứ Em thấy anh còn trùng trình chưa chịu ngồi xuống cầm lấy một chén nước mà đầu lưỡi rất tinh của ông phải nhận là thơm ngon, ông càng chèo kéo ồn mãi lên.

Cô Phương, cũng phải phì cười và làm cho ông Đầu Xứ Anh cười luôn thể. Con người nào đã biết e dè với cuộc sống, những lúc cảnh ngộ tinh thần sớm không cho mình phỉ sức hưởng thụ khi ở vào một cái tuổi ăn và ngủ đáng lẽ phải nhiều mỗi lần được vui cười trên mặt, thì cái cười ấy thật là thỏa đáng, thật là đầy đủ và lại xinh đẹp là khác nữa. Nhân một cái vui tươi thế chỗ nét mặt trang nghiêm luôn luôn của ông Đầu

Xứ Anh, cô Phương nói một câu mà sự thân mật riêng tây đã không cần thầm kín nữa:

- Khoa Ngọ này là khoa cuối cùng. Ông Đầu Xứ nên giữ mình làm trọng, chớ có đau bụng như kỳ năm Mão mà để thiệt thòi nhiều cho vùng Sơn Nam hạ lắm đấy, ông ạ.

Đến chữ "ông ạ" ở cuối một câu nói, giọng rất thành thật và cảm động, cô hàng sách cố làm ra giọng bông lơn cho nó nhẹ bớt sự tha thiết của một câu nói đã lỡ nhời, đã thốt ra từ đáy một tấm lòng để đi sâu vào một tấm lòng khác bấy nay cũng vẫn chờ lúc được đãi đằng. Sự rất hữu tình mà cố làm ra vô tình bằng một cái giọng cố gò lấy, làm sao cho tránh khỏi sự nhận xét thông minh của ông Đầu Xứ Anh được. Ông biết lắm. Ông hiểu cô Phương để ý đến ông lắm. Không cần các bạn nói cho hay, không cần gặp gỡ, không cần âm tín tiêu hao, ba năm nay rồi, linh tính bảo cho ông biết thế. Nhưng từ ngày vấp ngay khoa thi đầu tiên, ở một kỳ đệ nhất, ông buồn uất vô hạn khi nhận thấy mình ra có còn lều chõng nữa cũng là chỉ để làm sống dậy, trong vòng oan trái, một cái oán cừu xưa cũ của ông cha di lại. Một cái oan hồn đã hiện lên, đã ốp đồng vào miệng người sống mà thốt ra toàn những lời hằn học, cái oan hồn ấy hẳn không chịu buông tha ông nữa rồi. Hóa cho nên, rớt khoa Ất Mão ngay kỳ kinh nghĩa, ông nhận luôn cho nó là

khoa cuối cùng, chẳng cần phải đợi đến khoa Mậu Ngọ cuối cùng này. Ngay dạo ấy, ông đã tuyên bố rất to rằng ông là thí sinh của một khoa thi thôi. Cô hàng sách không rõ, vẫn tưởng ông còn có bụng với sự liều chông.

Ngắm kỹ cô Phương, ông thấy cái đẹp của cô già dặn hơn ngày năm trước. Còn muốn nói thêm vài ý nghĩ vui tươi nữa vào việc đánh giá cái đẹp, nhưng ông Đầu Xứ Anh bỗng ngừng lại. Bởi vì - quái, sao mãi đến giờ, ông mới nhớ nhận ra - khuôn mặt cô Phương đã hao hao tợ như diện mạo người đàn bà ẵm con xõa tóc ngồi rù than khóc nơi đầu chiếc chõng tre trong trường thi khoa nọ. Tự nhiên ông thấy cô Phương không hiền hậu nữa. Ông nghĩ đến những cái ghê sợ mà một cái sắc đẹp có thể giấu dưới nụ cười. Ông nghĩ đến những truyện ma quái lúc thay hình biến thể khi muốn hãm hại học trò. Ông nhớ lại cái cười gằn của oan hồn khi hiện thành người, quất đuôi tóc trần vào mặt ông cho ông hồn mê đi và cầm nghiên mực đổ chan hòa xuống quyển thi. Cái oan hồn ấy đã lên tiếng nói, thề quyết làm cho người sống phải lụn bại mới nghe. Biết đến lúc nào cái người nàng hầu cụ Huấn mới nguôi giận và cái âm oán kia hết theo ông? Chuyện cũ của cha, hồi sinh thời đi lại với người ta thật ông cũng chưa rõ hẳn đầu đuôi như thế nào.

- Vâng, nhà có thứ mực Kiêu Kỵ đấy ạ - Cô Phương nhanh nhẩu trả lời ông Đầu Xứ Em.

Choàng tỉnh cơn suy nghĩ, ông đã vội bắt lấy việc mua mực, khuyên em không nên lấy mực Kiêu Kỵ:

- Đi thi không ai dùng mực Kiêu Kỵ. Mực của xã Kiêu Kỵ chế rất tốt, chỉ hiềm mỗi khi viết xuống giấy, nó cắn xuống giấy chắc quá khó tẩy đi lắm. Cô lấy cho mấy thỏi Hoàng tam xương - vàng, nếu hết thứ chữ vàng rồi, cô có thứ chữ bạc cũng được. Cái thứ mực hiệu Diệu tự, "nhà ta" bán có được chạy lắm không hả cô ?

Chà, người ăn nói sao mà xuôi tai, dễ nghe đến thế. Cô Phương nhìn ông Đầu Xứ Anh, nhẩm trong óc mấy chữ "nhà ta", tưởng đến cái lạc thú ngây thơ của một đôi vợ chồng son kia trong lúc đầu gối tay ấp ngửa mặt lên trần giời cao mà bảo nhau rằng trước khi làm bạn với nhau, mỗi người có một ông giăng, và nay thì mảnh giăng của cả thiên hạ kia cũng chỉ là vầng giăng của riêng của "nhà ta". Cô vui lòng quá, xuýt quên cả việc soạn thoi mực cho khách.

- Luôn thể cô cho tôi ít chục tờ giấy lịch nữa.

- Mấy chục tờ ạ ?

- Cô đợi cho tôi tính xem dùng hết độ ngần nào thì không là thừa phí.

Làm ra bộ thông thạo thì ít, mà muốn tỏ sự thân mật thì nhiều - bao giờ được nên thân tình nữa nhỉ!

- cô Phương co tay tính nhẩm những cái gì gì, rồi cô ngẩc đầu, vuốt mái tóc, nói với ông Đầu Xứ Em, giọng nhẻ nhót mà tự nhiên:

- Nộp ba quyển: kỳ đệ nhất, kinh nghĩa một quyển bảy tờ, kỳ đệ nhị, thơ phú, một quyển sáu tờ và kỳ đệ tam, văn sách một quyển mười hai tờ nữa, có dày lắm cũng chỉ đến mười bốn tờ là cùng. Ông định mua trữ giấy mang vào trường để phòng những lúc phải cánh quyển hoặc đổi những trang hư hỏng, chỉ nên trữ lấy từng kỳ một.

Ông Đầu Xứ Anh, vừa soi giấy lịch, vừa hỏi:

- Tại sao thế hở cô ?

- Thưa, tại... tại là giấy chuyến này, thú thật với hai ông rằng không được mịn mặt lắm. Chuyến sau, có thuyền hàng phường neo về, thế nào cũng có giấy tốt hơn nhiều. Có lẽ kịp kỳ đệ nhị của các ông đấy. Để tôi xem nào.

Cô hàng sách, bán giấy bút cho học trò trường Nam đã mười năm có lẻ, đã không phụ cái tiếng là một người thông thuộc những phong tục nơi trường ốc. Cô Phương lại co tay tính nhẩm một hồi.

- Được rồi. Mùng một tháng mười là ngày vào kỳ đệ nhất. Có chóng lắm thì cũng phải hết cử thượng tuần tháng mười mới có bảng vào kỳ đệ nhị. Phường giấy của tôi thế nào cũng có thuyền về bên trên mom sông trước ngày mùng mười. Đúng hôm tết trùng thập

cúng cơm mới, các ông lại đây mua mở hàng cho kiện giấy lịch Bưởi. Giờ các ông lấy tạm ít chục tờ dùng đỡ trong kỳ đệ nhất vậy.

Cô đếm giấy, thổi những tờ giấy chập đôi, nâng tờ giấy lên với cái nâng niu nhẹ nhàng của một người chị cả săn sóc em thơ lúc mẹ già đi chợ xa. Chỉ có những người đàn bà đẹp và phúc hậu thì mới thổi được giấy như thế thôi. Cô đếm thành hai xấp, mỗi xấp đâu hai chục tờ, đùn một xấp vào phía ông Đầu Xứ Em, còn cái xấp thứ nhì là lấy sau ở trong ruột đệp khác, cô trao tận tay ông Đầu Xứ Anh, cặp mắt tình tứ linh động như muốn nhắc thầm ông rằng cái xấp sau đây tốt hơn xấp trước, và sự đối xử chênh lệch này trong lúc soạn giấy không phải là do ngẫu nhiên. Ra chiều tin chắc vào cái tài và cái may của hai anh em ông Đầu Xứ thi khoa này, cô hàng sách vẫn lấy cái cười duyên dọn đường cho một câu nói mà ở một cái miệng khác thì không khỏi thành ra thiếu lễ phép:

- Cánh quyển mà dùng bấy nhiêu giấy là nhiều quá lắm rồi. Phải thay quyển, đổi quyển đến quá ngữ giấy này, thì chỉ còn có ngồi mà lắng ba hồi chín tiếng trống ngoại hạn...

Lúc ra về, ông Đầu Xứ Anh, trong một phút sầu hận, đã muốn trả lại cô Phương tập giấy, để thầm bảo cô hay rằng cô đã làm một việc thừa, riêng đối với ông Khoa Ngọ này, ông có đi thi đâu.

... Mấy bữa nay mưa to gió nặng. Nước trên trút xuống, nước ở dưới dâng lên, người thiu và cảnh ướt át sống trong một bầu không khí nồm ê ẩm và lo lắng. Trăm nhà vùng Sơn Nam hạ lại mới nhận được thêm cái tin đê vỡ đường trên vùng Kinh Bắc.

Nằm nghe mưa rơi trên quán trọ xóm Cửa Trường, một đêm nguyệt tận năm Ngọ, ông Đầu Xứ Anh, những hết lo xa rồi lại nghĩ gần. "Mình không đi. Chú nó đi khoa này, hay dở sao đây...". Trong một lúc mơ hoảng, ông lại trông thấy bóng người đàn bà mặc đồ trắng, xõa tóc, kiễng gót, thu một đứa trẻ con vào tà áo sồ gấu, đi tuột vào phía nhà ngang. Ông ú ớ như người bị ma mộc đè, cố gắng mà không quẫy mình dậy được. Cái người đàn bà mặc đồ trắng, chân không sát đất, lại lẻn trở ra, và, khi lướt qua mặt ông, cười gằn mà không nghe thấy tiếng, tà áo quất vào má ông, nhức nhối và buốt lạnh như chưa bao giờ cảm thấy.

- Anh nói mê những gì thế ?

Ông Đầu Xứ Em lắc mãi, ông mới hoàn hồn, nhìn em một lúc lâu rồi hỏi:

- Chú đã soạn sửa lều chõng đủ cả rồi?

Trống đêm cuối thu và đông non điểm bốn tiếng giục. Uống hết một nai rượu để chống lạnh và trừ gió mà nhà trọ đã dọn sẵn từ khuya, ông Đầu Xứ Anh bỏ thêm một đỉnh vàng lá vào tráp của em.

- Khi nào thấy "khang khác" trong trường thi, chú đốt vàng cho nhiều vào. Thôi ta đi đi. Anh đưa chú vào đến cửa trường. Đưa tôi cái bộ gọng lều và chõng. Chú đeo lấy ống quyển và tráp. Đi đôi tất vào cho nó ấm.

Đêm mưa dầm vẫn tối như bưng lấy mắt. Hai cái tài hoa anh em kia, cộng lại không được bốn mươi nhăm tuổi đầu, bì bõm dắt nhau đi về phía cửa trường thi. Có tẩm mưa gió và đi đêm như thế này, người ta mới thấy bước công danh là một con đường chật vật, nên xét lại xem có nên tiếp tục đi nốt không! Giá cô Phương Hàng Giấy có đứng đây mà nhìn này ! Ông Đầu Xứ Anh cắn vào môi mà bước. Trong tối tăm, tiếng hơi thở người anh dẫn lối cho người em lặng thinh từng bước một.

Bãi trường thi thấp hơn mặt nền tỉnh. Nước mưa lụt dồn về, cỏ may chôn ngập lút cả ngọn. Đứng xa trông những cây đình liệu rọi trên bãi cỏ xâm xấp nước, người không có chữ tưởng đâu như dân cả một làng chài nào đang đốt đuốc làm nghề trên bãi nước. Càng tiến gần lại trường, người ta có những cảm tưởng rùng rợn như khi chịu bó tay đứng nhìn một đám cướp lớn bật lửa hồng phá nhà lấy của trên xóm trên, trong những ngày lụt lội ở xứ bị thuỷ tai, quân cướp toàn đi bằng thuyền. Cái tiếng mắt nứa nổ to ở

cây đinh liệu cháy sáng, có khác gì cái tiếng quân hồi vô lệnh đốt ống lệnh bật hồng của phường đạo tặc.

... Ông Đề Điệu đã leo lên ghế chéo. Một người lính thế sát bắc ống loa, lia ống loa qua lại. Giọng loa hô:

"- Báo oán giả tiên nhập;

"- Báo ân giả thứ nhập;

"- Sĩ tử thứ thứ nhậ...ập"[1]

Tiếng loa đồng xoáy sâu vào màn mưa lạnh. Trời còn tối đất. Ông Đầu Xứ Anh nghe tiếng hô, mặt nhợt nhạt, luôn luôn nhìn trộm em. Người em bây giờ chỉ là một thân cột cứng đờ mà sự thi cử đã mắc vào đấy biết đến bao nhiêu thứ múi dây lòng thòng: dây lều, dây chõng, dây buộc bộ gọng, ống quyển, v. v... Cùng với ngàn ngàn người khác, hai anh em đứng nghểnh mãi cổ lên, kiễng mãi người lên như muốn nhìn rõ mặt người lại phòng xướng danh. Đã lâu chôn chân xuống bãi sùng nước, lòng dạ người người đều bàng hoàng. Bỗng ông Đầu Xứ Anh dun mạnh người em:

- Kìa... làng Cổ Nguyệt! Tên chú! Vào đi.

Trời sáng tỏ đã từ lâu. Cái hàng rào sĩ tử có đủ các hạng tuổi từ một cái đầu xanh mặt trắng cho đến một chòm tóc bạc, một lớp da mồi, đã bị xé thủng. Ông Đầu Xứ Em lách mình qua rồi, nhưng lều chõng còn vướng mắc lại sau lưng, gỡ mãi mới ra. Nhốn

(1) "Những hồn báo oán vào trước; Những hồn báo ân vào sau; Các thầy Khóa vào sau rốt"

nháo một lúc lâu, cái bể người, đã lấp được chỗ trống của một con sóng người tràn đi, lại bằng phẳng như cũ để chờ đợi một cái đổi đời khác. Ông Đầu Xứ Anh ra về, chỉ hận rằng, lúc tới tấp, quên không dặn lại em nên đốt một lúc cho hết đỉnh vàng lá trong tráp nếu ở trong trường có thấy "cái gì khang khác". Dọc đường, ông gặp một toán lính khố xanh đội nón đĩa, nai nịt súng ống gọn ghẽ. Người ta bảo đấy là bọn lính Nhà nước phái thêm vào trường giữ trật tự.

... Ông Đầu Xứ Em dựng lều, dọn chỗ ngồi thi giữa sự giằn dỗi của trời đất. Mưa to gió lớn trên một trường thi. Cứ thế mãi mãi, cho đến qua giờ ngọ, cho đến quá giờ mùi. Vậy mà xưa nay người ta vẫn bảo mưa không qua ngọ gió không qua mùi. Sĩ tử khắp bốn vi giáp ất tả hữu, co ro trong lều dột, thật đã coi tính mạng mình không quý bằng một quyển thi chỉ luôn luôn muốn những chuyện tì ố. Chốc chốc cái loa đồng ngoài cửa trường lại kêu inh ỏi gọi các tư gia ai có thùng gỗ hay thùng sắt tây thì cho đem vào trường bán cho học trò kê quyển viết và độn thêm lên chõng ngồi.

Cái bản nháp bài viết xong lâu rồi mà quái lạ, hễ cứ động ngòi bút lên mặt quyển là ông Đầu Xứ Em lại thấy đau bụng, đau quằn quại tựa chứng hoắc loạn cứ như dùi vào từng miếng tì vị. Ông cựa quậy nhiều lắm, vừa ôm bụng, vừa giữ ống quyển. Cái chõng tre

đặt trên bãi cỏ ngập, lún xuống lần lần. Giữa hai cơn đau bụng, những lúc trời ngớt mưa, từ khu nhà thập đạo, vẳng về lều ông những tiếng sĩ tử kêu nài: "Lạy các quan, còn chỉ có một khoa thi này, xin các quan thương cho anh em được đổi quyển. Trời mưa ướt lấm, anh em có muốn như thế làm gì..."

Thấy ở một vài lều chung quanh có khói lửa và tàn vàng bay ra, ông Đầu Xứ Em sực nhớ đến đỉnh vàng cất trong tráp, bèn lấy ra gỡ từng tờ một, xếp ngay ở đầu mép chõng, một tay chận cơn đau nơi bụng dưới, một tay châm mồi lửa bùi nhùi. Gió thổi vào đống lửa vàng hóa bùng bùng, lửa kêu vù vù. Trong tiếng ngọn lửa reo, lại như có tiếng người nói cười lanh lảnh. Khói bốc lên, khói trụt tỏa xuống soai soải, như những vệt nước thời gian trượt từ đầu ngọn tường xuống vách gạch những đền chùa xưa cũ có mốc vẽ hình có rêu phong dấu. Những vờn khói nhẹ đổ xuống nhanh, đổi màu rất nhanh chóng. Trước mắt ông Đầu Xứ Em mê mệt và hoảng hốt, những vờn khói - thoảng mùi gây gây, khen khét, và tanh lợm - bỗng sẫm hẳn lại thành một mớ tóc xõa u hiển đóng khung lấy một khuôn mặt người. Lửa vàng gần lụn, vụt bùng lên. Trời đất tối sầm xuống. Ông Đầu Xứ Em thấy bãi trường thi hình như nó rộng lớn hơn cả cái kiếp người. Trường thi âm u và không quạnh. Gió thổi bay quyển thi xuống làn cỏ dầm nước. Ông Đầu Xứ Em

gắng nhoài người ra, muốn vớ lấy quyển bị gió vừa thổi bốc khỏi mặt tráp. Ông hụt tay, chỉ đủ giữ mình khỏi ngã. Cơn đau bụng nổi lên dữ dội. Ông gục xuống tráp, thiếp dần. Ông Đầu Xứ Em tỉnh giấc, thấy trong người nhẹ hẳn, tưởng chừng như cơn đau dữ dội ban nãy chỉ là một cơn ác mộng. Ông bỡ ngỡ, mất hết cả ý thức về thời gian và không gian. Ông ngơ ngác trước hoàng hôn như một người còn ngái ngủ ngày. Từ một chòi cao, người ta đã điểm mau hồi trống ngoại hạn.

Ông Đầu Xứ Anh đã đón ở cửa trường. Bỏ lại cả lều và chõng, cầm chỉ vẻn vẹn có một bản nháp, ông Đầu Xứ Em đã rời bước trong một giấc thẫn thờ. Hai anh em gặp nhau không nói một câu nào suốt từ cửa trường về đến nhà trọ.

Tại nhà trọ bà Phùng, ở mâm cơm tay đôi ấy, có một người hỏng thi khoa thi chữ Hán cuối cùng đã uống cạn ba bình rượu cúc, vào một đêm dài nhất trong một đời người.

Hà Nội, tháng Giêng - tháng Mười 1939

THIẾU QUÊ HƯƠNG

(Tiểu thuyết)

"Ta muốn sau khi ta chết đi,
có người thuộc da ta làm chiếc va ly"

Paul Morand

... Nhưng mà, ở đây,
giờ biết nên gửi tặng ai?

Ng. T

Ghi chú về văn bản

1/ Quê hương, *truyện dài của Nguyễn Tuân, thoạt đầu được gọi là* Thiếu quê hương *và in nhiều kỳ liên tiếp, trên báo* Hà Nội tân văn, *từ 2-1-1940 trở đi (tờ báo này do Vũ Ngọc Phan "lo phần bài vở" thực tế cũng là một thứ chủ bút). Đến năm 1943, cuốn truyện được Nhà xuất bản* Anh Hoa *cho in thành sách, song lại chỉ mang tên* Quê hương *(bỏ chữ* thiếu*). Theo Nguyễn Tuân trong bài* Nhìn rõ sai lầm *(Tạp chí Văn nghệ số 41 năm 1953) thì kiểm duyệt Pháp đã bỏ chữ* thiếu *cho khỏi "sái", mọi tác phẩm ra đời lúc này phải phù hợp với tinh thần "Cần lao, gia đình, Tổ quốc" của chính quyền phản động do Thống chế Pétain đứng đầu.*

2/ Trước 1975, Quê hương *từng được Nhà xuất bản* Trường Sơn *ở Sài Gòn in lại, nhưng bản* Trường Sơn *này chỉ gồm 20 chương đầu của cuốn sách, từ chương XXI trở đi bỏ hẳn, không rõ tại sao. Bản* Trường Sơn *này cũng không có lời đề từ Nguyễn Tuân đặt ở đầu*

sách ("... Nhưng mà, *ở đây, giờ biết nên gửi tặng ai?" - Ng.T), mà chỉ có câu của Paul Morand. Trong bản in lần này chúng tôi khôi phục, như bản* Anh Hoa. *Song theo* Tuyển tập Nguyễn Tuân *(1982) cho biết, thì so với báo, bản in* Anh Hoa *vẫn thiếu chương cuối. Có điều, ở Thư viện Quốc gia gần đây chúng tôi hỏi mượn* Hà Nội tân văn, 1940 *nhiều lần mà không được, có lẽ là báo đã bị thất lạc, rất mong các nhà nghiên cứu khác tiếp tục sưu tầm văn bản bổ sung.*

VƯƠNG TRÍ NHÀN

I

Như lời người bạn giới thiệu với Bạch từ hôm mách chỗ cửa hàng cần dùng thư ký này cho chàng tìm đến mà... giết bớt thời giờ, mà lãng phí ngày giờ của chàng được thêm ngày nào, đỡ ngày ấy - đúng như thế, cuộc đời ở một cửa hiệu Tây bán máy móc đang vào thời kỳ quảng cáo, thật là nhàn hạ vô cùng. Nơi bàn giấy, chẳng mấy khi Bạch phải dùng đến bút mực. Người loong toong ngày nào cũng lau chùi tủ bóng nhoáng. Cái bồ mây đựng giấy nháp và giấy vụn, chẳng mấy khi đủ rác rưởi để người ta đem đổ cho nó thành hẳn một chuyến. Cuốn sổ xuất nhập hàng hóa vẫn mới xé dùng đến có mấy tờ đầu. Bà đầm chủ hãng, chừng đã tính đến cái nước phải ăn thâm vào vốn trong buổi đầu, phải vui lòng mà kiên nhẫn và chờ một ngày mai mốt nào đấy sẽ có rất nhiều bạn hàng, cũng không cần hỏi han ông thư ký Bạch về sự hàng họ lên xuống ra sao. Mỗi buổi bà đến cửa hàng để đi vào xưởng máy ở bên trong, bà chỉ nhoẻn miệng cười lấy dáng và chào Bạch trước. Lắm buổi bắt gặp

Bạch vừa nhồm nhoàm ăn bánh điểm tâm vừa ngồi đọc sách, bà hỏi:

- Ông học?

- Thưa bà, tôi đọc truyện - Bạch trả lời không được tự nhiên lắm, toan gấp sách bỏ vào ngăn kéo bàn giấy. Bà đầm cản lại:

- Không có khách vào hàng, ông cứ việc đọc. Người ta nói cái gì ở trong sách ấy?

- Thưa bà, văn chương và du lịch.

- Nghĩa là tất cả và không có gì cả. Cái lối làm sách bây giờ là đều như thế hết. Không có gì giết ngày giờ kiến hiệu bằng những sách và thứ nhất là những tiểu thuyết nói về phiêu lưu.

Bạch muốn bác hẳn cái ý kiến thông thường ấy của một người đầm cũng được chịu cái giáo dục phổ thông, nhưng cũng như đám phụ nữ đầm tiểu trưởng giả, về văn phẩm xuất bản, họ chỉ có một chút quan niệm đại khái, thỉnh thoảng đem ra dùng ở một đôi chốn gặp gỡ cốt để tỏ cho chung quanh thấy mình cũng là người của thời đại. Thế thôi. Bạch muốn nói rõ cho người đầm biết rằng có những người đọc sách du ký để mong tìm đồ ăn tinh thần cho tâm hồn khát vọng. Và những người làm sách du ký, ký thác cả tấm lòng trôi giạt của một kiếp người lên giấy duộm mực mấy kia, đều có một dụng ý khác, chứ không phải là cốt giải trí người đọc. Nhưng nghĩ lại, Bạch thấy

người đầm dẫu sao cũng chỉ là một người chủ hiệu buôn và đây không phải là một khách thịnh. Va đối với bà đầm chủ hàng, chàng cũng vẫn sẵn có thiện cảm. Cái người đàn bà vui tươi, phong nhã va thích làm dáng cả trong lời nói ấy, đã nhắc lại cho chàng hết cả hình ảnh các thiếu nữ và thiếu phụ Pháp, hồi tàu của chàng gặp kinh tế khủng hoảng thải bớt thủy thủ và chàng phải đổ bộ, sống cuộc đời trên cạn tại đất Pháp bằng những nghề không nhất định.

Người đầm nhìn qua tủ hàng sáng nhoáng kính pha lê và các đồ phụ tùng mạ kền và đồng đánh bóng, lúc đi vào còn la cà nói thêm được một câu nữa:

- Nhà tôi cũng có một tủ sách rất phong phú về loại phiêu lưu và du lịch. Ông muốn đọc, tôi cho mượn. May được cái tôi chưa cho đóng thành bìa da. Mua sách giờ tốn lắm. Mười tám quan. Ba mươi quan.

Bạch cười rất lễ phép, cám ơn rất nhanh và tự nhủ: "Cái lối của các bà giỏi lắm thì lại đọc đến loại sách Maurice Dekobra là cùng".

Bạch nhìn mãi những đường viền tủ hàng bằng đồng trắng, đồng đỏ đánh bóng. Chàng không hiểu tại sao hôm nay chàng lại nhìn rất kỹ, rất âu yếm những đường thẳng, những đường uốn cong, những đường kim khí bẻ vuông thước thợ này. Tất cả đều bằng đồng. Một thứ đồng được săn sóc đến nhiều lắm, không một chút han mờ, không một chút rỉ cáu.

Chàng nhớ rất mạnh mẽ đến tất cả những cái li ti bằng đồng ở một toa máy đầu tàu hỏa, ở một hầm máy tàu bể, ở một phòng truyền lệnh của viên thuyền trưởng hàng hải. Một cái ống dẫn hơi. Những cái bánh xe đóng mở động cơ nhẵn bóng vì sự rờ mó luồn tay của một người tài xế đốt lò máy. Một cái tay vịn ở cửa toa xe. Một cái tay vịn ở cầu thang nhô lên khỏi một cái boong tàu, nhấp nháy trên cái sàn màu gỗ thông mờ tối, một buổi sớm bể hừng nắng.

Bạch lại nghĩ đến những đường chữ rất khêu gợi làm bằng đồng cắt, nét rất to, gắn vào sườn những con tàu dựng đứng như tường, như một cái thành tự động trên nước dồn dập. Đồng ấy, muối của hàng năm xê dịch trên bể đã làm mất bóng và han rỉ cả góc chữ.

Bạch lại nghĩ đến những con số bằng đồng - mỗi con số to bằng cả cái bàn tay xoè - đóng vào đầu toa máy hỏa xa mà phấn bụi đường dài của hàng tháng luân chuẩn đã đọng lại và phủ kín trên chất bóng bẩy của loài kim.

Bạch thấy cả người mình nhộn nhạo. Hơn một tháng nay, đúng từng giờ từng khắc, chàng chỉ được đi từ nhà tới cửa một cái hiệu này.

Một buổi chiều, gió nổi lên nhiều quá, gỡ những lá già vứt vô số xuống mặt đường nhựa Trường Thi. Những người bộ hành đều rảo bước và lướt qua cửa

hàng. Bạch thấy bóng họ lướt qua nhanh hơn mọi ngày.

Người loong toong nhìn đồng hồ, bưng những tấm cửa lùa, sắp sửa lên cửa ngoài mặt hàng. Bạch đã gấp sổ lại và nói cho đúng hơn thì Bạch đã gấp lại cuốn truyện, lấy cái đơn hàng đánh dấu vào chỗ đọc dở và bỏ vào ngăn kéo. Một ngày yên tĩnh và tẻ nhạt ê ẩm nữa lại sắp hết. Bỗng có tiếng giày tây nện rất chắc và rất nặng ngừng bước lại trước cửa hiệu. Tưởng là có người bạn nào đến đón chàng như mọi ngày, Bạch chạy ra thì vừa gặp ngay một người lính Tây tiến vào cửa hàng. Y đăm đăm nhìn thẳng vào cái hòm vô tuyến điện đặt ở giữa cửa hàng và không để ý mấy đến Bạch. Miếng kính mờ gắn giữa hòm máy có khắc số và dấu luồng điện vẫn sáng tỏ một miếng vuông vàng cành cạnh, cái kim luồng điện vẫn đứng im, in một vạch đen gọn trên nền kính nhờ nhờ. Bạch nhìn mặt kính mờ.

Người lính ấy sực nhớ đến một điều gì quay lại nhìn Bạch, đổi nét mặt và ngả mũ kêpi ra hỏi rất lễ phép:

- Thưa ông... thưa ông, tôi muốn phiền ông một việc...

Bạch thấy có thiện cảm ngay với người lính lê dương trẻ trung ấy. Lễ độ không đáng chờ đợi ở người tráng sĩ ấy có như là một vật trang sức đắt giá không

ngờ ở thân hình một kẻ nghèo hèn. Chàng mời người lính ngồi xuống:

- Ông muốn dùng máy?

Người lính lê dương cười một cách ngượng nghịu khó khăn. Y nhấc chiếc mũ kêpi, cầm vào cái lưỡi trai và gõ mãi thành mũ vào đầu gối. Cái mũ mà chỏm là một miếng dạ đỏ tròn xoe - một miếng tròn đỏ màu máu vượn mà vào một lúc tối khuya, người ta thường đùa gọi là vừng kim ô của giờ Tý, mỗi khi một người anh hùng lê dương ấy bước vào hý viện hoặc tửu lâu lúc canh đã sang ba. Bạch nhìn đồng hồ. Mười chín giờ kém năm. Người lính lê dương cũng nâng cổ tay nhìn đồng hồ mình. Y nhỏm mình dậy, vận hết lực trong người và trong tinh thần ra để gò lấy những cử chỉ lịch sự và hết sức làm vẻ nhã nhặn trong sự nhờ vả sắp ngỏ ra. Bạch đón trước:

- Ông muốn cần gì về bộ máy và các đồ phụ tùng vô tuyến điện ở nhà hàng, xin ông cứ hỏi, tôi không dám lấy làm phiền, mặc dầu bây giờ là gần hết giờ mở cửa hàng rồi.

Người lính nói bằng giọng cảm động:

- Thưa ông, tôi là Jack. Hiện đóng ở chùa Thông. Chị tôi là Caroline. Tối hôm nay, chị tôi từ Hương Cảng qua Cựu Kim Sơn. Trước khi đi Mỹ, chị tôi có hẹn hát cho tôi nghe một bài ca trường thiên ở đài

phát thanh âm nhạc Hương Cảng... Chị tôi là một đào nương, hàng năm đi khắp các hý viện lớn ở Âu - Mỹ.

Nói đến đấy, người lính lê dương ngừng lại, nhìn vào mắt Bạch mơ màng, hỏi khẽ câu hàm ý trách móc:

- Ông vẫn nghe tôi đấy chứ?

Bạch không giật mình, chàng nối một điếu thuốc khác, nhìn vào đĩa gạt tàn thuốc xám một màu tro đang đùn tỏa lên những vờn khói quằn quại cuối cùng của mẩu thuốc hấp hối. Chàng mỉm cười giục Jack:

- Thế rồi?

- Thế rồi... thế rồi, hôm nay được ngày phép, tôi từ chùa Thông về Hà Nội, cốt đi tìm cái hộp máy vô tuyến điện để nghe lại cái tiếng quen quen của chị tôi. Chị Caroline tôi hát hay lắm ông ạ. Tiếng rất ấm.

Bạch đứng dậy, tiến lại phía hộp máy và quay lại hỏi Jack:

- Vào khoảng mấy giờ thì lệnh tỷ Caroline hát ở đài phát thanh Hương Cảng?

Jack tìm trong túi một phong thư màu tím nhợt và ngát một mùi nước hoa Vi-ô-lét:

- Chín giờ đêm hôm nay, chiếc tàu "Empress of Canada" rời bến Hương Cảng... Tám giờ đúng thì hát ở đài phát thanh trước khi xuống xuồng máy ra tàu với ông bầu ban ca vũ...

Bạch ngắt:

- Hương Cảng và Hà Nội chênh nhau mất chín độ kinh tuyến, lùi về phía đông. Nghĩa là chúng ta chênh nhau đúng một giờ. Mời ông lại đây.

Jack và Bạch khom khom trước hộp máy đang lột sột loạt soạt và thỉnh thoảng lại nổ đánh bục một cái, trong khi que kim vẫn lừ lừ vẽ một vòng cong từ tây qua đông trên miếng kính vàng mờ có ghi đủ các thủ phủ vạn quốc ở địa cầu. Bạch vừa xoay hai cái núm tròn, vừa lẩm bẩm:

- Hương Cảng hai mươi giờ tức là mười chín giờ ở đây... Nếu lời hẹn của Caroline lệnh tỷ mà đúng thì ông phải nhận thấy tiếng hát quen rồi. .. Bạch tủm tỉm nhìn trộm người lính lê dương đang hồi hộp dán mắt vào gạch kim động đậy.

... Luồng điện Hương Cảng dài ba mươi thước... Ông Jack, mời ông kéo xê cái ghế lại đây. Đấy, đấy... đài phát thanh Hương Cảng.

Trong hộp máy nổi lên một khúc hòa nhạc Trung Quốc hơi na ná cái bài Nhị Voòng. Rồi đến một đoạn độc tấu nhị đi kèm với tiếng sênh. Rồi đến thanh âm một người nữ báo cáo viên của hãng vô tuyến đài Hương Cảng. Bạch, lòng chứa đầy thương nhớ xa xôi, tưởng lại những giọng và tiếng của tất cả đám *phì phà chảy* hát lúc chuốc rượu cho chàng ở xóm *Sạch Sông Chổi*, hồi chiếc tàu Sphinx mỗi năm đi đường Cực Đông, lại hai lần, đi và về, ghé bến Hương Cảng

ăn than, ăn khách, ăn hàng và lúc thả neo lại cứ thả chàng - chàng, một người thợ giặt của tàu buôn - vào phố đảo có những đêm đầy rượu và đàn bà. Hồi ấy, chàng là người của mưa gió liên tiếp, Bạch xoắn cái núm máy một vòng cuối cùng, làm như là khóa nó đứng lại cái cữ ấy. Chàng xoa tay vui vẻ bảo Jack:

- Hết cái khúc giáo đầu này, thì chị ông cất tiếng hát đây... Tôi rất hân hạnh được nghe tiếng hát của lệnh tỷ, nếu ông không lấy làm phiền vì sự tôi phải cùng đứng với ông trong phòng này, trong phút này.

Bạch làm ra bộ muốn lánh vào trong, tỏ ý kính trọng sự thân mật của người lính lê dương và chị y sắp được gặp nhau qua không gian. Jack níu Bạch lại:

- Cám ơn ông. Nhưng mời ông cùng ngồi đây với tôi. Chị tôi hát cho cả thế giới nghe, chứ có phải là một cuộc nói chuyện riêng về gia sự với tôi đâu mà ông ngại.

Cái khúc giáo đầu ở đài phát thanh chưa đoạn mà trong hộp máy bỗng nổi lên nhiều tiếng lộp độp như là tiếng một nắm hột ngô ném xuống một cái mặt da ếch căng thẳng trên miệng ống bơ. Thế rồi điệu hòa nhạc thấp hẳn xuống và thất thanh hẳn đi. Và một bản đàn mới lạ du dương chen lẫn vào. Bạch lắng kỹ, thấy rõ là đàn xứ Hạ Uy Dy hòa kèm với những tiếng vi vút của một thứ nhạc khí rú lên như gió ngàn dương liễu nơi bãi biển. Đúng là âm nhạc Phi Luật

Tân. Chàng vặn lại cái núm và nói cùng Jack tỏ vẻ bực mình:

- Giờ phát thanh Hương Cảng trùng với giờ phát thanh của đài Ma Ní. Hay bị nhoè tiếng và có tạp âm nhiều lắm. Luồng điện ở Phi Luật Tân phát ra thường lại mạnh gấp mấy luồng điện ở Hương Cảng.

Bạch đụng đậy núm máy một cách quá thận trọng lúc xoay xuôi lúc xoay ngược. Tiếng kèn nhị đài Hương Cảng. Tiếng vi vút của chiếc nhạc khí hòa với đàn Hawaienne. Lại đài Ma Ní. Nỗi bực tức của Bạch còn gấp bội nỗi bực tức của Jack. Dò tìm một cái tiếng hát qua không gian hộ cho một người em người ca nhi ấy, chưa lúc nào Bạch thấy mình mệt nhọc và thiết tha xoay cái núm máy như lúc này. Trong hòm máy, những tạp âm giờ lại nổi lên quá nhiều. Mà kim đồng hồ quả lắc của sở, mà kim đồng hồ đeo tay của Jack cứ cùng đi đều đều. Vẻ chán nản hiện rõ lên nét mặt người lính nhớ chị.

Bạch biết là thứ máy nơi hãng chàng làm việc là yếu quá không đủ sức để thu đúng lấy luồng điện. Nhưng chẳng nhẽ chàng nói như thế với Jack. Bạch vẫn cố vặn máy, và hết sức hy vọng may ra mà nhận được cái thanh âm của giai nhân ở chỗ phương trời! Bây giờ thì chàng làm việc cho chàng nhiều hơn là làm việc hộ Jack. Bạch đã bị kích thích đến óc tò mò.

Từ nãy tới giờ, ngồi lắng chờ chị hát, Jack đã hồi hộp và hút hết mấy điếu thuốc, Jack đã lấy đế giầy dẫm bẹt đến năm sáu mẩu thuốc cháy dở. Mỗi lúc ở hộp máy nổi lên những âm thanh lơ lớ nửa tiếng Hồng Mao nửa tiếng Bắc Hoa, Jack bóp chặt lấy cánh tay Bạch, lắng tai thấp xuống và mắt sáng lên. Nhưng luồng sáng vui tươi ấy chỉ thoáng như một cái chớp. Cái mắt người lính lại bị thất vọng làm tối lần xuống. Jack uể oải:

- Chị Caroline tôi hát hay lắm. Hồi tôi chưa vào lính lê dương, tôi cũng đã bỏ nhà chỉ cốt đi theo chị tôi trong đoàn ca vũ để được luôn luôn gần cái tiếng của chị tôi. Gia tài của cha mẹ chúng tôi để lại đã cho chị tôi đủ tư cách học đàn và nhờ thày luyện tiếng hát cho thành nghề. Giữ gìn tiếng hát của mình, công phu lắm. Và nghèo thì dễ mất tiếng hát hay của mình như chơi ông ạ.

Loay hoay mãi, thế mà đã mười chín giờ ba mươi lăm. Trong hòm máy, một giọng hát mà Jack và Bạch đều ngờ là tiếng của cô Caroline, hiện ra một chút rồi lại thất lạc ngay. Ẩn nhiều hơn là hiện. Cái tiếng hát ấy lại còn muốn trốn chạy nữa. Xa vắng đến thế này!

Jack buồn nản, chỉ đồng hồ bảo Bạch:

- Tôi rất cám ơn ông. Thôi ông ạ, ông có vui lòng mà tìm hộ tôi được đài phát thanh Hương Cảng lúc này cũng là vô ích. Có lẽ vào giờ này chị tôi xuống

xuống máy ra tàu bể rồi. Tôi đã làm phiền ông nhiều quá.

- Ông cứ rán lòng đợi. Tôi cam đoan sẽ tìm được cho ông.

- Vô ích, ông ạ. Vì cái bài hát chị Caroline tôi định hát hôm nay cho tôi nghe - bài hát đó tôi đã nghe nhiều lần rồi, hồi còn ở nhà - chỉ là một bài hát ru em ngủ thôi mà. Cũng ngắn thôi. Tính cả mấy lớp điệp khúc vào, chỉ độ mười phút. Bây giờ có bắt được đúng đài Hương Cảng thì cũng chỉ là một người khác hát tiếp. Chị tôi bây giờ chắc đang lình kình trên boong tàu với lô hộp đựng đàn, đựng mũ và đang đi nhận buồng nằm của mình. Tội nghiệp cho chị tôi. Lúc hát, chắc tưởng tôi đang lắng tai nghe nhiều lắm. Thành thử chỉ có những người thiên hạ ở các nơi đâu đâu nghe thôi.

Tự nhiên Bạch thấy Jack như là một người bạn cũ mình và chàng lấy làm rất ân hận. Bạch cho như mình đã làm hỏng một việc gì vì thiếu lương tâm và thành kính.

Ra đến đường cái, cùng nhau đi độ hai trăm thước, lúc tới ngã tư đường, lúc Jack ngả mũ giơ tay đòi cáo biệt, Bạch đã nắm rất lâu bàn tay to lớn kia:

- Tôi chưa muốn chia tay cùng ông lúc này vội. Ông sẽ làm cho tôi vui lòng vô cùng nếu ông nhận lời cùng đi với tôi đến một quán cơm. Trong khi đối diện,

ông và tôi cứ lặng lẽ cũng được, hoặc ông nói chuyện rất nhiều về lệnh tỷ Caroline cũng được. Chiều nay tôi cũng thấy trong lòng trống rỗng vô cùng. Biết đâu hai cái buồn của chúng ta chẳng ghép lại thành được một cái gì ấm áp và kín đáo sau phút này. Tôi cũng trôi nổi nhiều rồi. Hiện giờ, ông đang gặp tôi lúc tôi tạm đứng yên đây. Công việc hàng ngày của tôi hiện nay cũng chỉ là một cái cớ để tiêu thời khắc.

Giọng Bạch trở nên cảm động, mặc dầu từ lâu nay, Bạch chỉ muốn thờ ơ với mọi người mọi việc bằng lời nói và dáng điệu lạnh lẽo. Jack nắm chặt tay Bạch:

- Tôi lấy làm tiếc vô cùng. Bây giờ tôi phải ra xe "ca" để về chùa Thông.

- Một cốc rượu khai vị ở một tửu điếm rất gần đây vậy! Tôi muốn đánh dấu lấy cái buồn tối nay. Chúng ta sẽ nâng cốc chúc cho Caroline lệnh tỷ vượt bể được êm sóng.

- Tôi bây giờ là một người lính biết trọng kỷ luật. Hà, giá như ngày xưa... Tôi phải về chùa Thông ngay. Chỉ còn có mười phút. Một lần sau vậy. Cứ tìm ông ở đây chứ gì?

Bạch nhìn theo Jack đang ngoái mãi cổ lại trên chiếc xe lùn chạy như bay. Trong đêm tối lạnh, người lính của một buổi gặp, có một tâm tình thú vị ấy, giơ tay chào.

Ánh sáng tửu điếm gần đấy, buổi tối ấy, lạnh vô cùng.

Bạch thất thểu đi trên lề đường. Chàng nghĩ đến cái mùi hương phiêu lãng ướp ủ những bộ nhung phục của một thứ lính rất hào hùng, rất hiệp sĩ và rất quái đản. Chàng lại nghĩ đến một người con hát tên là Caroline. Và trong đầu rất phong phú về ý tưởng, Bạch đang cố vẽ lấy hình ảnh một khuôn mặt và tất cả dáng điệu mỹ nhân Tây Phương. Làm như kiểu mình đã gặp người ấy một lần nào rồi. Bạch thấy lạnh lòng một lối rất nên thơ khi nghĩ đến đời sống tự lập và rất cá nhân của đôi chị em Caroline và Jack. Chị làm người con hát đi khắp thế giới, vừa đi vừa cười hát không biết gì là già, không biết gì là ngày mai. Em làm lính đem tha lê cái thân bách chiến qua khắp nơi quan tái. Chị em nhà họ đi nhiều lắm. Góc bể. Chân trời. Hai chị em. Thỉnh thoảng chị lại hát cho em; thỉnh thoảng em lại nghe; và giữa khoảng hai chị em, có hằng ngàn vạn dặm đất liền và ngàn vạn dặm biển cách.

Rồi Bạch đau buồn cảm thấy mình là người đang đứng im một chỗ. Đêm ấy, chàng không về nhà. Và hôm sau, chàng không tới sở.

Bạch đã bỏ việc.

Lúc xin thôi, chàng chỉ tiếc rẻ là đã mất mất một dịp gặp lại người lính Jack ấy. Thế nào rồi Jack cũng sẽ tới sở này tìm chàng một ngày rất gần đây. Khỏi sao được.

II

Nằm khàn ở nhà, Bạch giở xem cuốn lịch bỏ túi, ôn lại những ngày đã qua. Ồ, thế mà đã được hơn một tháng rồi. Chóng quá. Thời giờ kể đi qua cũng mau lắm, khi người ta muốn giết chết nó.

Bạch không ngờ mình lại có thể ngồi làm thư ký bán hàng cho hãng máy vô tuyến điện ở phố Trường Thi đó. Chàng nhớ lại cái bữa đầu tiên lại đấy để gặp mặt người đầm chủ hãng.

Nhiều bạn thân của Bạch, nhận thấy chàng túng và chỉ kêu rêu những là độ rầy thớ thịt trong người buồn rầu tê cứng quá, đã mách chỗ làm đó cho Bạch, tin rằng sự cần lao sẽ đem lại cho Bạch chút ít vui tươi trong tâm hồn. Chứ thực ra, số tiền lương của một chân thư ký bán hàng có được là bao. Mà Bạch thì tiêu như phá. Họ cũng hiểu thế, nên hôm mách chỗ làm, đã bảo ngay Bạch:

- Tôi biết rõ anh không có cái tạng người công chức. Nghĩa là anh có đi làm chăng nữa thì cũng là

cầu vui và thứ nhất là cầu lấy sự thay đổi cho tính tình. Ở đấy, họ bán các hòm máy vô tuyến điện, đờn hát suốt ngày, chắc hợp với cái lối chơi chơi đùa đùa của anh. Đâu có mấy bố xin chân ấy rồi nhưng trông kiểu người cũ kỹ chậm chạp và tiếng Tây nói mèng quá, họ không dùng. Với cái lối của anh nhanh nhảu, có duyên và lại biết thêm ít chút chữ Ăng Lê nữa, chắc họ phải lấy.

... Ừ, thì cứ lại xem, nếu không hay thì cứ cố ở lấy dăm bữa nửa tháng, chứ ai bắt bớ gì mà sợ. Suốt ngày nghe đàn ca của tất cả thế giới, của tất cả các nước, và lại có người trả tiền cho, anh còn muốn gì nữa? Chỉ có khi nào, có những khách hàng vào hỏi mua đồ phụ tùng của máy vô tuyến điện hoặc đổi vài cái bóng đèn thì trả lời người ta một đôi câu; còn ngoài ra thì cứ ghếch chân lên bàn giấy mà đọc tiểu thuyết phiêu lưu. Nếu tìm được khách mua máy thì lại còn ăn hoa hồng nữa...

Bạch nghĩ thấy cũng hay hay. Chàng bèn thử đi làm anh bán hàng thuê một chuyến xem sao. Hay ở, dở bước, chàng chưa biết thế nào, nhưng cuộc đời sắp sống, Bạch tin chắc sẽ chẳng giống trước và sẽ đem vào đời chàng một tí gì của lạ lùng, mới mẻ. Những mới lạ này có thể coi như là mới lạ của một con đường chưa bao giờ lữ khách được để gót giày tới.

Người đầm đứng tuổi thấy Bạch lanh lẹn và thạo chữ nghĩa, nhận chàng ngay. Công việc nhà hàng không có gì. Khách hàng cũng vắng vì kiểu máy vô tuyến điện này còn là một phương tiện chưa mấy người biết dùng tới. Thành thử, ngồi một mình giữa một phòng giấy rộng rãi, thưa thớt mấy chiếc tủ kính đựng mẫu hàng, Bạch cảm thấy ngày giờ cứ chìm chìm tẻ tẻ mà hết, mà mở. Buồn quá, ngày hai buổi, lắm lúc chẳng có khách hàng vào thử máy, mà chàng cũng vặn hộp máy vô tuyến điện lên để cho nó ấm cửa hàng. Nhưng nghe những bài hát ngoại quốc, chàng chỉ thấy cái thống khổ càng tăng thêm. Chàng thấy nhớ cảnh tha hương. Chàng nhớ đến rất nhiều cái bến cũ. Cũng đàn, cũng hát như thế. Bạch không uống rượu mà cũng thấy trong người ngây ngất. Người lính thủy đổ bộ định đoạt tuyệt đời hàng hải để lập lại một cuộc đời thứ hai trên cạn, định xây chung một cái nhà với người yêu chẳng hạn khi nghe bản hát vẳng cái âm thanh cũ và xa xăm của bể hồ, thay đổi ý kiến và nguyện trở về với cảnh bồng bềnh, cũng chỉ sầu hận đến như Bạch lúc này thôi. Bạch phát sợ, khi chàng nghĩ tới những người có thể đem cả đời sống vào đây, chung thân làm một người thư ký bán hàng, ngày ngày nghe mãi một bản đàn đã thuộc lòng. Nhiều lúc phải vặn máy hát lên cho những khách qua đường để ý tới và vào xem, Bạch muốn đỡ sốt ruột, chàng tựa

cửa nhìn sang phía cổng Thư Viện và sở Sen Đầm. Hà Nội có phố nào nhiều xe rộn rịp nhất thì là con đường thông cù Trường Thi này. Xe hơi chạy đi chạy về như mắc cửi. Bạch nhìn thấy lắm chiếc xe hòm, mũi và đằng sau bùn trát như tắm, chàng thấy thèm đổi chỗ vô cùng. Những cái xe to quá! Hàng tám, hoặc mười, hoặc mười hai máy cả. Máy kêu ròn cứ như máy phi cơ phóng pháo. Vậy mà trên những cái xe rộng rãi, to lớn như thế, chỉ có một người đàn bà cầm máy. Một mỹ nhân Tây Phương tóc hoe hoe, da mặt ngăm ngăm dạm nắng dạm gió và ở cổ, một tấm khăn quàng màu đỏ lửa lựu tung bay. Họ là những người ở xa về và rồi lại sẽ đi xa. Họ luôn luôn khởi hành. Những cái xe mỗi trăm cây số ăn cứ hàng vài ba chục lít dầu xăng kia, nếu chẳng lăn mãi với đường trường, lên thác xuống đèo, thì dễ thường chỉ để dùng đi trong nội phận thành phố này thôi hay sao?

Trong cửa hàng, luồng điện phương xa ăn vào ống thu điện trong hòm máy gắt quá, máy nổ lộp bộp kêu rè rè và nấc lên như tiếng súc vật bị chọc tiết ở lò sát sinh. Rồi nó lại kêu xì xì như tiếng tháo hơi nước tắt máy ở động cơ một quả hồ lô lúc con lăn thôi việc nghiến đá trên một con đường đang sửa chữa. Bạch càu nhàu quay vào, vặn lại cái núm luồng điện ăn nhập với hòm thu điện, máy lại đều đều mà kêu, mà

phát ra đờn hát của tất cả đâu đâu. Bạch nhớ và buồn lạ.

Những lúc này Bạch đang sống giật lùi và so sánh những độ đường cả thủy lẫn bộ đã được đi qua.

Những bạn thân của Bạch mỗi lúc xuống phố Tây, đi qua hiệu đây, tiện đường lại vào thăm chàng.

Được cái ở sở này Bạch có toàn quyền để tiếp bạn hàng và có thể dùng thời giờ tuỳ theo ý chàng, nên bạn Bạch hay lui tới để mặc sức mà nói phiếm. Mỗi lúc người đầm chủ hàng có tạt qua cửa hàng thấy Bạch tiếp đông người ăn mặc lịch sự như thế, lầm tưởng rằng đấy toàn là những quý khách đến hỏi mua máy của hãng mình, kính cẩn xin lỗi và đi ngay. Bạch và các bạn Bạch nhìn theo người đầm và tủm tỉm cười. Chàng quay lại nói với bạn:

- Được cái ở đây cũng dễ chịu. Họ không xét nét mình. Các anh xem đấy: cửa hàng cửa họ mà như phòng tiếp khách riêng của tôi. Tên loong toong nhà này đưa thư của tôi tới các anh, mời các anh xuống đây chơi có lẽ còn nhiều hơn là chạy giấy cho sở.

Mọi người cười khà và quay vào nói chuyện, chuyện rôm quá. Cái lối nói chuyện góp ấy thì là chấp cả đồng hồ đấy. Bọn họ là hạng người không nhận thấy thời giờ là tiền bạc, không bao giờ kê nổi lấy thời khắc biểu trong một ngày của mình nên họ mới túm năm tụm ba lại luôn luôn như thế được trong một cửa

hàng mượn làm nơi để tiêu hoang ngày tháng. Lắm bữa, đến giờ nghỉ làm việc, người loong toong đã tắt gần hết đèn hàng và lên xong dãy cửa lùa bằng tôn rồi mà Bạch và họ vẫn chưa chịu đi cho. Ở đây chẳng gì cũng còn ấm áp hơn ngoài đường. Ngoài đường bao nhiêu bộ hành rảo bước trong cái tê tái của tối cuối thu sang đông. Trên mặt đường nhựa, gió đuổi lá vèo vèo. Gió một mùa, đang giục Bạch và bạn hữu nên mau nghĩ cách gì mà nhổ neo đi. Cả những tiếng đờn hát vang kêu từ trong hòm vô tuyến điện nhà này cũng bảo họ như thế.

Một người bạn chìa cho Bạch xem một cuốn sách vừa mượn ở bên Thư Viện kia, Bạch nhìn gáy sách mạ vàng mang cái tên một danh sĩ ngoại quốc nổi tiếng vì nhiều tập du ký, cười:

- Hình như gần đây anh hay đọc những loại sách này lắm thì phải. Hẳn có sự thay đổi lớn trong quan niệm nhân sinh! Mọi khi tôi thấy anh hô khẩu hiệu đả đảo rất tàn nhẫn những thằng giang hồ kia mà?

- Bao giờ?

- Tôi còn nhớ anh đã dùng một câu để thống mạ họ. Anh chẳng gọi họ là bọn vô dụng, bọn phiến động, là những hòn đá lăn mãi để không bao giờ rêu dính được vào là gì?

Anh bạn lảng chuyện, mở một trang sách, đưa cho Bạch đọc mấy dòng chữ in mà chàng đã lấy móng tay

gạch xuống: *"Hạnh phúc, có lẽ chỉ tìm thấy ở những nhà ga"*. Bạch mỉm cười:

- Tôi đọc những câu như thế, thấy trong mình rờn rợn. Cũng như là nhiều khi được nghe một tiếng buông bắt gở lạ của người ca kỹ già, tôi thấy lạnh buốt ở xương sống. Có lắm câu văn nó đi thẳng vào lòng mình, được đọc đến, không khỏi rùng mình như khi nhận được cái báo hiệu của một trận ốm nào.

Câu văn đả động đến việc xê dịch trong kiếp người, đã đủ khơi mào cho cuộc nói chuyện về giang hồ. Những người có mặt tại đấy, đều nói cả. Mỗi người vài câu. Mỗi người đều phát ý nguyện. Họ đều đưa ra nhiều chương trình du lịch quá. Người thì rủ sang năm, mùa nắng, vào Tây Kỳ, trốn nắng ở vùng Cao nguyên Lâm Viên, nhân tiện chơi Đà Lạt nữa. Người thì cho thế không thú bằng đi Vân Nam Phủ. Ở Côn Minh, tha hồ mà ăn đào, lê, lựu, mận. Cứ trèo hẳn lên cây trong vườn quả, trả khoán độ mấy hào Tàu thôi. Và ở Vân Nam, có những tiệm trà Tàu chỉ bán nguyên có nước trà. Ở đấy không có đồ mặn, và không có ngay đến cả đồ ngọt bánh kem nữa. Đã dễ chịu chưa? Người thì rủ vào Chùa Hương ở hẳn ở đấy lấy nửa tháng, trước ngày hội, đi xem rừng mơ non và uống nước gỗ mai già với đám tăng lữ tại Chùa Trong.

Trong bấy nhiêu chương trình của các bạn hăm hở tìm một nơi để đổi chỗ ở trong những ngày sắp tới,

Bạch chỉ để ý đến lời phát nguyện của Hồ. Hồ nói châm chạp, hình như vừa nói vừa muốn thưởng thức luôn cả đến những cảnh mà anh đang vẽ bằng những lời thèm thuồng:

- Các anh thử tưởng tượng lấy một cái thung lũng Mường tiếng nước dồn quanh năm trong bóng mây đục sớm chiều lúc nào cũng đóng nguyên một chỗ. Rừng, mỗi mùa, lại thay đổi quả lành một lượt. Gió, ở đấy, mỗi lúc lên, là giục người ta phải sống theo ý hướng của mình, chứ đừng a dua bắt chước cái sống của người khác. Ngựa ở đấy là một người bạn đường trường, chứ không phải là một con vật thay một cái máy vận tải của đời cơ khí. Người con gái và những thổ dân có tuổi ở thung lũng ấy, không biết thắc mắc là gì. Các anh có muốn vào ở đấy độ một tháng để cho mình được gần nguồn tự nhiên, để cho mình đừng xa gốc quá, thì qua tháng hai trời ấm, ta tổ chức một cuộc nghỉ ngơi cho tâm hồn. Tôi quen những lang đạo vùng ấy gần hết. Chúng ta nên đến đấy mà đổi không khí và tìm lấy ít ngày thoát li cho lòng.

III

Đúng như lời hẹn với nhau từ hồi Bạch còn làm thư ký bán hàng cho hiệu phụ tùng máy vô tuyến điện, Bạch và Hồ đã cùng nhau bỏ Hà Nội, đã cùng nhau đi chơi xa. Họ đi vào giữa mùa thu. Để cho Hồ được thêm quả quyết, lúc sắp lên đường, Bạch ca tụng cảnh rừng đàng trong lúc có sương gió thu "nó" về.

Vậy là vụ thu đó, cái thành phố Hà Nội muôn vẻ đã hụt đi mất hai người con trai...

... Đèn ô tô hòm rọi vào biển báo hiệu phà sang ngang: một vạch ngang cắt đứt một nét sổ rơi thõng xuống. Cái người tiên sư về việc kiều lương đạo lộ nghĩ ra được cách báo hiệu bằng biển cắm ở ria đường quả đã là một người giỏi về khoa tượng hình. Một vạch dọc bị ngăn đứt bởi một vạch ngang, hình dung một cách toát yếu đến con đường trường đứt đoạn bởi một dòng sông.

Bạch nhờ Hồ đánh cho mình một que diêm châm vào tẩu thuốc lá tắt ngấm trong khi chàng đang khái

luận một lúc khá lâu về những phiền phức của nhiều tâm trạng giang hồ.

- "Này, bác tài, xe nhỏ, phà rộng, chẳng cần phải xuống xe nữa nhỉ?" Hồ vừa nói vừa vặn cửa kính xe xuống, giơ bàn tay xoè ra ngoài xem trời đã ngớt mưa chưa. Đường đi từ Hà Nội, qua Phủ Lý, qua Ninh Bình, qua Thanh Hóa, chỉ những mưa ngâu là mưa ngâu. Từ Thanh Hóa lên đến đây mưa vẫn rỉ rả.

Người tài xế hãm cả phanh chân phanh tay: "- Xin mời hai ông xuống cho. Phà dốc và trơn lắm".

Hồ miễn cưỡng xuống xe. Người tài xế lấy nắm thuốc lào lau lên miếng kính dày trước mặt: "- Dạ, thế này mới tuột hết giọt mưa và dễ trông".

Gió trên sông rộng thổi vù vù. Mưa trên sông rộng lộp độp rơi xuống nón mê và áo tơi phu phà đang cong mình trên đầu mũi sào, gò chiếc phà gỗ vào gờ dốc bến sang ngang. Mưa trên sông mau hột, tựa như tơ nhện giăng đầy trong cái tia sáng loé của đèn pha. Ngoài khu vực luồng sáng của đèn là sông đen như mực trát rộng rãi, với gió thổi mưa, với mưa vờn mặt nước, với nước du mạn phà. Chỉ có róc rách, lộp độp và ào ào.

Hồ thấy lạnh, rủ Bạch lại cùng chui vào xe; chiếc xe đã nằm gọn trong lòng phà, ván gỗ mở nhoáng.

- Đứng ngoài này mưa ướt hết Bạch ạ.

- Mày hèn lắm, Hồ. Không những mày là một thằng hèn mà mày lại còn là hành khách thiếu kỷ luật trong sự giao thông công cộng nữa. Mày không thấy người ta yết thị lên biển nơi bờ sông rằng sang phà, tất cả hành khách đều phải xuống xe.

- Nhưng mà...

- Thôi câm đi. Đưa bao diêm đây.

Bạch đánh diêm thắp mồi thuốc khác, ngồi sà xuống thành phà, mặc dầu thành phà ướt và nhầy nhờn những bùn sông của bàn chân bẩn bọn phu đò ngang. Bạch nhìn trời nước đen ngòm, hít khói thuốc say sưa. Mồi thuốc đầu tiên thắp ở phà Đoan Vĩ ban nãy, hút một mạch không phải châm đến hai cây diêm, kể cũng đã ngon lắm. Và sao sang cái phà chiều ấy lâu thế. Từ bến phà này sang cho đến bến phà bên kia, lòng chiều sông hẹp có thế mà cũng phải cháy hết một mồi thuốc đầy.

Những giọt mưa phăn lọt vào họng tẩu kêu sèo sèo. Lắm lúc mưa nặng hột quá, hạt mưa rớt mạnh vào tàn thuốc cháy, kêu một tiếng sèo to gần bằng tiếng một con thiêu thân lúc cháy cánh vỡ bụng trên một ngọn đèn thờ. Cái tẩu thuốc lá đượm cứ như thế mà sèo sèo, hòa với nhịp đầu sào dùi xuống nước xiết. Lúc trầm, lúc bổng, cái tẩu thuốc lá cũng đang ca một bài hát lên đường. Đã lâu lắm Bạch không được hút thuốc với điếu này ở dọc một con đường dài.

Lần này được rời khỏi Hà Nội cho thật nhanh, Bạch cảm thấy mình đã hoàn toàn là mình: một người thèm đi và được đổi chỗ. Đi với cái thương nhớ những người vừa chia tay, với cái hồi hộp của phút sắp được hưởng tại chỗ sẽ tới. Dưới màn mưa phăn, tẩu thuốc rỉ rền mà cháy và âm thanh nó là cả một cơn sung sướng hoang mang của phút đăng trình. Cũng như mùi gió lúc này trên sông mưa, khói tẩu thuốc buổi lữ hành này có một hương vị quyến rũ. Ngậm đến những cái điếu có cao nặng như thế này, ai mà chẳng muốn chống thêm một cái gậy nhọn đầu và thấy gió đã khởi, người ta liền lên đường! - Chẳng kể là tối đất và chẳng kịp để lời từ giã cùng ai.

Cái điếu Ropp cũ kỹ này, về ở với Bạch đã đến bốn năm năm có dư. Bây giờ nó đã sém cả thành nồi, đã xây xát cả mình gỗ, đã dập vỡ cả đầu ống, vậy mà Bạch vẫn cố giữ lấy. Chàng đi đâu, cái tẩu thuốc đi đấy. Người làm tướng ở thời chưa có súng đạn, quý con thiên lý mã vị tất đã hơn được Bạch gìn giữ tẩu thuốc. Chẳng thế mà lần cháy tàu buôn lúc tàu vào kênh Tô Di Sĩ - hồi đó chàng làm bồi giặt trên tàu - chàng phải bỏ hết, bỏ cả chiếc va ly tri kỷ tuỳ thân mà nhảy xuống xuồng, gỡ mau lấy người. Lênh đênh trên Hồng Hải, Bạch đã vui sướng là không để lạc mất cái tẩu thuốc giang hồ. Hồi ấy, Đắc - cũng là một người thiếu niên có học, thích bay nhảy và làm bạn

bồi tàu cùng một chuyến đi với Bạch - Đắc đã phải phì cười, khi lảo đảo đứng không vững trên làn sóng dựng thành vách đứng, Bạch cọ mình điếu vào mồ hôi kẻ mũi lấy chất bóng cho gỗ điếu lên nước, Bạch đã nhại một câu của Gide mà âu yếm bảo cái điếu bạn bầu rằng: "Khởi hành ban đêm, thức giấc dậy giữa cái xán lạn của bình minh; và cảm thấy chúng mình chỉ là hai trên cái bấp bênh của sóng". Lần ấy - lâu rồi - mồi thuốc có pha trộn mùi gió muối ngoài khơi. Mồi thuốc hút trên bể cả cuộn sóng vẫn đượm và ngon. Đã đành.

Nhưng bây giờ, dù chỉ còn là một tên thủy thủ trên nước ngọt các hồ sông trên xứ sở, dù chỉ còn là một lữ khách mà cái đường bán kính xê dịch chỉ luôn luôn ở vào cái cữ trên dưới vài trăm cây số, Bạch vẫn tin rằng mỗi mồi thuốc mình thắp khi ngọn gió đã lên, cũng vẫn còn đủ cái hương vị cố hữu của khởi hành.

Cái lòng kẻ lưu đãng bao giờ mà chẳng hoan hỉ mỗi khi được thay đổi chỗ ở.

Tối lắm. Trên phà, dưới mưa, Bạch đang sống đến cùng kiệt cái phút sống của mình.

Chiếc phà lừ đừ ra đến giữa sông rồi uốn mình quay mũi. Đèn pha xe hơi, như một ngọn hải đăng xoay quanh trục, quét sáng mặt sông và loáng rọi vào những đoàn bè nứa im lìm. Hồ đút hai tay vào túi áo đi mưa và run lẩy bẩy trước đèn sáng. Bạch nhún vai

lắc đầu, nhổ nước điếu ứ trong miệng xuống lòng sông kêu đánh bẹt. Và chàng đã bắt đầu bực mình về những dáng điệu đớn hèn của người bạn đồng hành. Hồ quả là người hành khách gượng gạo của đường trường. Những thứ người này là chỉ đi để mà chết một phần ở trong lòng. Và làm bận rộn đến nhật kỳ của kẻ khác. Có lẽ Hồ đã tin tưởng rằng cảnh giang hồ quan tái, đâu cũng là cỏ non xanh tận chân trời và du tử là lúc nào cũng chỉ có du xuân. Bạch tự trách thầm mình rước lấy của nợ này đi theo làm gì cho thêm bận.

Chàng vỗ vai bạn:

- Anh đang nghĩ đến những cái gì trong phút này?

Hồ thều thào lảng sang chuyện khác:

- Đi đêm vất vả quá. Mưa gió lầm lội và tối tăm, đi chơi nó cũng kém thú. Tôi không hiểu tại sao, nhiều đêm mưa to gió lớn ở Hà Nội, anh hay lại đấm cửa nhà tôi vào những giờ khuya khoắt, gọi hỏi tôi: "Có đi chơi được không?".

- Anh không hiểu là phải. Một ngày gần đây, khi nào anh đã làm quen nhiều với mưa, với gió, với cảnh xa lìa khỏi tổ ấm; một ngày gần đây, khi nào anh hiểu tôi hơn, khi nào anh không sống được một cách trịnh trọng và tự cho là đầy đủ trong hiện tại như bây giờ nữa, khi đó anh sẽ hiểu rõ. Mà tôi còn tin thế này nữa, là bấy giờ anh sẽ có những thói quen giống hệt

thói quen của thằng Bạch tôi này. Rồi anh sẽ cảm thấy cái thú đi đập cửa nhà bạn lúc khuya khoắt, rủ nhau đi chơi phiếm trong lúc mọi người đều ngủ cái giấc ngủ của con vật sống với sự đơn giản và yên nghỉ.

Những lời thiết tha, những cái vỗ vai thành thực của Bạch cố làm sống lại cái lòng Hồ trước cảnh tiêu sắt của bến phà Sông Mã một buổi mưa đêm, những lời và cử chỉ ấy vẫn không đủ gợi cho Hồ thấy và hiểu rằng được đi là một sự vui. Bạch thấy bạn vẫn cáu nhàu, bắt sang chuyện khác: "Có lẽ đêm nay mình nghỉ tại hạt Cẩm Thủy này. Đi thấu lên tới Mường Ca Da, sợ rét lạnh và mưa gió lắm, anh không chịu nổi. Từ đây lên tới Hồi Xuân, còn những năm mươi cây số đường rừng, những đèo và dốc, nhiều đoạn anh phải xuống xe vất vả lắm".

Chàng ngừng nói, hít tẩu thuốc, tủm tỉm nhìn mặt Hồ tái nhợt trong luồng ánh đèn pha loe đầy mặt trước phà.

Đêm hôm ấy, Bạch và Hồ cùng nhau thỏa thuận nghỉ đêm lại ở huyện Cẩm Thủy.

- "Giường của chúng ta đêm nay kê ở trong tư thất ông huyện sở tại. Tôi quên chưa nói cho anh biết quan huyện đây đối với tôi là chỗ giao tình xưa cũ".

Nghe Bạch nói, Hồ cười với vẻ bằng lòng. Chàng đang vẽ trong đầu một cảnh êm ấm giữa chốn sơn lâm

lữ thứ. Mưa dầm như thế này, gió heo như thế này, sương đêm đang tỏa như thế này, ở một nơi đất khách - đối với Hồ, ngoài cái nhà quen thuộc của mình, thì chỗ nào chẳng là đất khách - ở một nơi đất khách không có hàng quán mà có một cái màn, cái nệm của một ông huyện để mà ngủ một đêm, Hồ thấy yên lòng và thấy sung sướng tràn ngập thần xác mình đã mệt mỏi với đường xa. Vừa rồi cười, Hồ thực đã không rõ đến lòng người bạn đồng hành đang bực mình cắn môi, đang nhai đầu tẩu thuốc tắt ngấm. Với Bạch thì được đi, tức là không bao giờ ngừng. Cái yên ủi của người lữ hành già ấy là được thấy mình un đẩy mình mãi mãi trên con đường. Những độ đường! Những độ đường qua cho mau. Cái nhanh ngụ trong chỗ rút bớt những đoạn nghỉ đi, Bạch vào hạng hành khách có thể ngồi trong một chuyến xe hỏa vét chỉ chạy độ 20 cây số một giờ, nhưng xe phải chạy luôn một mạch từ nơi này đến nơi nọ. Chàng có thể nằm mà luận chơi về cái bản ngã mình trong toa hàng, một con tàu vắng, mặc cho tàu cứ chậm chạp mà lăn bánh trên đường sắt, mặc cho tàu cứ uể oải mà tiến lắc lư mà đi, bao giờ đến đâu cũng được, nhưng miễn là con tàu vét ấy đừng phải đỗ luôn luôn ở những ga xép. Trời ôi, những cái nhà ga xép! Nghĩ đến những nhà ga xép mà Bạch thêm ngại cho ngày giờ của chàng, ngày giờ trong đời sống mà chàng định tiêu không tiếc không

đếm. Bạch thường ví những phút phải ngừng lại bên nhà ga xép cho con tàu ăn hàng, ăn than, ăn nước theo đúng như thời khắc biểu của sở xe lửa. Bạch đã ví những phút ấy dài tựa năm và nặng như một kiếp con người.

... Mới đi từ Hà Nội vào đến đây, tính chưa được ba trăm cây số xe hơi, làm gì mà đã phải nghỉ lại. Thà xe hỏng hay yếu cho nó cam. Xe thở đều, động cơ đang đòi ăn dầu hút mỡ nhiều như thế kia kia mà. Giá Hồ là người biết vui với cuộc đi dài, biết say sưa với một con đường núi có mưa, có đêm, có gió mà chịu đi thấu tới Hồi Xuân mới chịu nghỉ thì chuyến đi này có bao nhiêu là thi vị của viễn trình.

Bạch hờn mát, không nói với Hồ nửa câu. Trong cái yên lặng ấy rất hợp với im vắng của vùng Cửa Hà trong đêm mưa, một mồi thuốc nữa lại cháy hết trong nõ tẩu điếu.

IV

Chiếc xe hơi dừng trước cổng huyện. Phong cảnh đất Phong Ỷ đã lạnh lắm. Cảnh lại còn giá cứng hẳn lại trong khoảng huyện lỵ Cẩm Thủy. Đèn xe rọi vào một tòa công đường âm thầm, một cái cổng huyện sứt sẹo có rêu phong kín màu khí núi, một cái hàng rào nứa tép cành sẻ đầu nhọn hoắt và những lỗ mắt cáo to rộng đến con chó Mẹo cũng chui lọt.

Xe tắt máy một lúc đã lâu mới thấy một chú lính lệ già yếu co ro thu hai tay trong bọc, sợ hãi tiến lại ngọn đèn pha. Bạch nghển mình trên nệm xe, nhìn ngọn đèn măng sông lạnh lẽo trong khung cửa sổ mở rộng ở tư thất. Chàng nhìn người lính lệ, nghĩ mãi mới nhớ ra đây là người lính pha trà hầu cận quan huyện. Trước đây, có một lần, đã tới hai năm nay, hồi quan hắn còn ly ở huyện Yên Định, hắn đã đốt thuốc cho chàng ra ngồi cạnh bờ sông vắng, một đêm quặn đau bụng.

- Quan đã giấc chưa?

- Dạ bẩm quan con vừa ngồi cho ông Thừa Nhất và cụ Thông Ba hầu tài bàn.

Nghe thấy tiếng nói tên lính lệ trả lời khúm núm trước hai người mặc tây đi xe hơi vào hỏi thăm quan phụ mẫu, Bạch nhận rõ tên lính già đó là lão thập trưởng thân tín của quan huyện đem từ quê hương Quảng Trị ra, nhậm hạt nào, là đều cho hắn đi theo cả.

- À, chú thập!

Bạch xuống xe, ra chỗ đèn pha sáng, tìm trong túi lấy một tấm danh thiếp. Người thập trưởng lại gần, liền nhận ngay ra cái "ông khách ở Hà Nội" vô thăm quan hắn tại huyện Yên Định và ngày nọ bỏ quên một cái ống đựng thuốc lá bằng đồi mồi.

- Dạ bẩm quan ở Hà Nội vô chơi? Quan con những lúc đánh cờ tướng, vẫn nhắc đến quan luôn, và cái hộp thuốc đồi mồi quan bỏ quên, con có đưa trình quan con. Không rõ quan ở đâu, nên quan con vẫn cất đi một chỗ.

Bạch cười:

- Chú thập đưa giùm thiếp vào hộ tôi.

Dập bã trầu, cái cổng đường âm thầm ban nãy, có đèn sáng qua kẽ cửa, rồi hai cánh cửa mở rộng. Người thập trưởng trở ra, tay cầm cây đèn nến có chụp tròn. Thứ đèn ấy là thứ đèn nến cắm vào hai bên xe ngựa và bây giờ cũng ít nhà dùng.

- Quan con nói rước hai quan vô phòng khách. Quan con dở tay xong, sẽ lên sau.

Hồ và Bạch mặc luôn cả áo tơi, đặt mình vào lòng chiếc ghế bành chạm, những đường gỗ hương mộc chạm nổi đâm vào lưng ghế người ngồi làm cho Hồ càng thấy cái đau đớn vật chất của người đi đường. Đèn tọa đăng có sáng, nhưng phòng khách nhà quan vẫn lạnh. Trên mặt tường trắng bạch và phẳng lạnh như tường một học đường hay một bệnh viện, chỉ có một bức ảnh lụa đỏ lồng kính có dán những hình núi Ngự Bình, sông Hương Giang và cầu Hàm Rồng làm bằng lá nón khô cắt tỉa rất tỉ mỉ. Hồ lạ mắt nhìn mãi. Hồ có chút ít chữ nho gia sáo, đọc đến bức trướng sa tanh màu tím Huế có thêu bốn chữ hành thư kim tuyến, quay lại hỏi Bạch:

- Bốn chữ "Thập niên lãnh hoạn" phải không anh? Mừng một ông huyện, sao người đưa bức trướng lại dùng chữ "lãnh hoạn"? Nếu tôi không nhớ bậy, thì hai chữ *lãnh hoạn* chỉ dùng để chỉ những cảnh cô quạnh nghèo túng của những người làm quan nhỏ như các vị huấn đạo mới phải chứ? Cuộc đời một quan huyện có ngựa xe quan khách lui tới, có cờ trống đón rước lúc hành hạt, tiếp đón thượng tân quý khách trẩy qua, cuộc đời một ông Lệnh doãn sao có gọi là *lãnh hoạn* được hở anh?

Có tiếng người đi guốc kinh sệt sệt ngoài hành lang. Người ấy tiến vào phòng khách, hai tay xoè mở đón lấy khách. Lúc vội vàng người ấy chưa kịp cài kín hết hàng khuy một tấm áo bông nhiễu lót màu quan lục.

Bạch vội đứng dậy, giới thiệu:

- Bạn tôi, ông Hồ... Quan huyện Cẩm Thủy.

Hai người bắt tay. Hồ ngượng nghịu, kính cẩn. Ông huyện suồng sã, thân mật. Ông huyện cười, nói, xoa tay kêu rằng đêm ở ngoài chắc lạnh lắm. Đây là câu nhận xét của một người chủ nhân lịch sự đối với kẻ ở xa vừa tới, thay cho lời chào mừng. Bạch tủm tỉm nhìn bạn, nhìn ông huyện cười nói oang oang và nhìn cái gian phòng đang ấm dần vì sự tiếp đãi sốt sắng.

Uống xong tuần nước trà nóng hôi hổi, ông huyện hướng vào phía Hồ rồi quay sang phía ghế Bạch:

- Dạ, ông bạn đây có đi về vùng ni luôn, hay mới là lần đầu? Cứ ni huyện tôi gặp mưa dầm luôn.

Ông huyện thấy Bạch bắt đầu xe điếu ống dài tới hai thước ta, hút điếu thuốc lào một cách luộm thuộm, lại càng cười. Bạch thở khói trắng, chỉ bạn:

- Lần này là lần thứ nhất, bạn tôi qua quý hạt. Tính bạn tôi cũng hay vẩn vơ như tôi và nhân nghe nói vùng Mường Hồi Xuân đẹp, nên vô đây thăm cảnh và đi qua huyện, thấy có đèn sáng chúng tôi vô chào quan huyện, xin chén trà nóng, rồi lại lên đường luôn.

Bạch ngừng câu nói, ngắm cái vẻ ngốc nghếch ngơ ngác của Hồ đang trố mắt nhìn mình. Hồ muốn hỏi thăm Bạch bằng mắt sao lại không nghỉ ở đây khi đã định với nhau như thế ban nãy rồi? Và vào đây lại chỉ uống một tuần nước rồi lại đi suốt? Đường núi thì xa, đêm mưa thì lạnh và có công việc gì mà phải đi tiếp ngay? Ở đây, ấm trà bốc khói muốn giữ người ở bệt lại lắm mà. Và chăng, ông quan huyện lại thực tình vồn vã. Mới gặp mà Hồ đã có nhiều thiện cảm rồi. Hồ thật là một đầu óc chứa đầy đơn giản. Ở dọc đường, chàng thiếu tín thành đối với du lịch; vào tới đây, chàng lại tỏ thêm là người chẳng hiểu tí gì đến lời lèo lái trong giao thiệp ngôn ngữ. Chẳng lẽ Bạch đòi ăn và xin ngủ ngay ở câu nói đầu tiên với một ông huyện sở tại? Bạch nhìn Hồ một cách hóm hỉnh khi ông huyện to tiếng:

- Bậy mà! Đi luôn răng được. Ai cho đi mà đi. Đi qua cái huyện nghèo của tui đã không có lòng ghé thăm thì thôi, chứ đã vô chơi thì răng cũng phải ở với tui lấy một đêm một ngày... Bây giờ! Thằng Cửu chạy ra ngoài nói tài xế đánh xe vô. Và biểu bếp làm cơm mau lên! Tui xin phép, chạy một chút cái đã.

Ông huyện nói luôn một hơi, lời mời mọc giữ khách rất tha thiết. Nói xong, ông vụt đi ra ngoài, vừa đi vừa cài cúc áo bông. Bạch không chen vào được lấy nửa lời từ chối khách tình. Ngoài hành lang, rồi phía

nhà cầu, tiếng ông huyện truyền người nhà dọn buồng cho khách nghe sang sảng. Bạch nhìn Hồ. Hồ cười, sung sướng và quá tầm thường.

Cái giường sẵn sàng trong gian buồng phía đầu trái khu nhà tư thất là một bộ ghế ngựa ba tấm gụ. Người lính vừa trải phủ lên một chiếc chiếu hoa xộc xệch. Chừng ít người nằm, chiếc chiếu không hẳn là mới có mùi mốc. Trên tường - vẫn màu trắng - có một đôi câu đối lòng máng bằng gỗ cây kè, kèm một bức hoành có ba chữ đại tự chân phương "Đức Lưu Phương" và một cái ảnh phế đế Duy Tân, chừng cắt ở một tờ tạp chí Pháp nào, treo lơ lửng giữa cái mênh mông của một tấm tường phẳng lạnh.

Ngọn đèn măng sông nhỏ bốn mươi nến soi tỏ gian phòng trống trải. Nơi góc tường, trên nền gạch lá nem, một cái giá cũ đỡ lấy một cái bình gỗ dáng bầu rượu lơ thơ vài cái thẻ đầu hồ có tơ nhện giăng.

Bạch thay giày, nhìn bức hoành, nghĩ đến gia thế nhà ông huyện đây mà chàng có biết ít nhiều. Ba chữ hoành phi "Đức Lưu Phương" ở một gia đình khác, thường chỉ là những chữ sáo nhạt nhẽo viết vào một đồ vật bài trí như trăm nghìn vật gỗ bài trí khác. Nhưng ở đây, nó có bài vị gợi đến lòng kính mến. Ông cụ cố ông huyện còn lưu lại ở vùng Quảng những kỷ niệm của nhiều chính tích hay và lành. Cái nguồn đức họ nhà ấy vẫn còn tuôn chảy một mùi thơm ngát...

Bạch sắp nói chuyện về thân thế ông huyện Cẩm Thủy với Hồ trong khi Hồ đang mở va ly còn tìm khăn rửa mặt thì ông huyện đã vào, niềm nở vẫn như hồi nãy:

- Tui ước chi cũng được nhẹ mình như mấy ông, thỉnh thoảng lại bày ra những cuộc đi chơi xa, thăm bạn nhàn tản ở các vùng quê anh em và được luôn luôn ngao du sơn thủy. Tui thấy cái lối của ông Bạch đây mà thèm muốn quá... Ửa, Cửu ơi! Chớ xà bông đâu? Lấy thau mà không đem xà bông vô? Lính tráng ở đây hắn dờ dẫn quá. Ở gần Mường, cái chi cũng cổ lậu. Cảnh ở đây, có như đất của người bị đi đầy. Chẳng có chi đáng nói, đáng nghe cả. Hôm vừa rồi, dưới hai cái chợ Hà Lũng, dân hai làng sở tại có mở hội mười ngày, chợ mới cho họp nửa tháng không lấy thuế, thôi thì cờ xí, trống chiêng, tổ tôm bài điếm, người Kinh chen người Mường, vui ồn lắm, mấy ông không về mà chơi?

Lính đã dọn bàn, phủ lên bàn một tấm khăn ăn bằng vải cao su sơn, có những hình kỷ hà học ngũ sắc. Những đĩa nho nhỏ, những kiểu xinh xinh, bày la liệt trên bàn ăn. Bát, đĩa, thìa, liễn, chén, cái nào cũng nho nhỏ như là đồ sứ Nhật Bản.

Ông huyện, người tính tình đơn giản chất phác, đi lăng xăng trong phòng, cười nói luôn luôn và lúc lính

trình: "Dạ bẩm con mở rượu" thì ông kéo luôn cả hai ông khách mặc tây ngồi vào bàn ăn, chỉ lũ bát đĩa:

- Ngó bộ lôi thôi quá phải không hai ông? Trong tôi hay dùng những đồ kiểu nhỏ bé thế ni thôi. Ngoài các ông, thì quen dùng đĩa bát lớn. Mỗi chỗ một thói quen. Nhưng ở ngoài vô, ở trong ra, đi lại có luôn luôn, rồi cũng không có chi là lạ mắt cả. Xin mời hai ông cầm đũa!

Ông huyện cười rung cả người; ông lấy làm thích cái câu nói khai bữa ăn mà ông cho là đạt lắm. Bạch và Hồ cười một cách dè dặt.

Cơm dọn có rất nhiều mắm Huế. Và mấy đĩa chuối chát, rau thơm và dưa món. Đã một đĩa ớt xanh, lại một đĩa ớt đỏ. Trông vui mắt lạ. Nếu dùng bữa cơm này làm mẫu để vẽ một bức họa tĩnh vật thì cái giá trị bài trí của mâm cơm thực là hoàn toàn.

Cơm ăn với mắm cá, mắm tôm chua, mà lại uống với rượu vang trắng. Cốc rượu vang của Bạch và Hồ vẫn còn nguyên mà người lính đứng hầu cơm cứ xun xoe đòi rót thêm mãi rượu vào.

Ông huyện tính tự nhiên quá, không để ý đến sự ăn uống của khách. Thành thử mãi đến lúc ông ăn xong bát cơm thứ hai của ông rồi ông mới nhìn thấy khách mới nhấm nháp chưa xong được bát cơm thứ nhất xới đã từ ban nãy.

- Mấy ông ăn uống coi bộ như đàn bà. Tui bữa mô cũng dùng tới sáu chén ni. Vùng trên đây không có hàng quà bánh chi cả.

Ông giơ cái bát mẫu kiểu Nội Phủ lên rồi lại ăn tiếp. Bạch và cơm, gắp mắm, liếc sang phía Hồ, trong bụng lấy làm phiền bực. Bạch biết rõ Hồ không quen ăn mắm. Hễ ở nhà thân quyến có dọn mắm thì bữa cơm ấy chàng xin ngồi riêng. Người con trai đâu mà có thứ hèn đến thế, Bạch vừa ăn vừa tự nói. Sợ sự uể oải của Hồ đối với bữa cơm mắm của ông quan người đàng trong có điều làm tủi lòng ông huyện, Bạch phải gỡ cho bạn và nói ngay:

- Ông bạn tôi, giá không phải kiêng cữ thì ăn cũng nhiều lắm. Uổng quá, những món mắm quý ngon như thế này mà lại phải ăn kiêng. Bạn tôi đang tiêm thuốc, bác sĩ dặn phải tránh những vị nhiều chất mặn.

- Vậy chớ sao không nói? Thảo nào tui thấy ăn uống lạt lẽo quá. Tui lại cho là khách tình, định lên tiếng trách... Cửu ơi! Con xuống biểu bếp hắn làm trứng cho mau lên.

Bữa cơm chậm hẳn. Chậm hơn lúc mới ngồi vào bàn ăn. Ông huyện ăn rất chậm để đợi khách. Khách cũng ăn chậm để đợi trứng. Tanh miệng, Bạch nhắp chút rượu vang, thì lại càng thấy tanh hơn. Ra cái món mắm Việt Nam không tài nào đi đôi được với

rượu nho, mặc dầu tập quán xê dịch khắp mọi chỗ đã dạy chàng tập lấy cái nết xềnh xoàng tiệp diệp cho sự ăn uống. Mãi đến những ngụm rượu sau, Bạch mới thấy thơm miệng. Chàng ngồi ngắm trộm Hồ gắp rặt thứ thịt lợn luộc bỏ vào bát. Bên cạnh những đĩa mắm còn đầy, đĩa thịt lợn luộc đã vơi, đã để lộ những nét vẽ cành mai màu xanh nơi lòng đĩa. Bạch lấy làm phàn nàn cho Hồ. Bạch nghĩ đến sự ăn uống cảnh vẻ của những đứa con cưng như trẻ cầu tự. Ruốc thăn bông này, giò lụa chả quế này, thịt rim này. Ăn uống như là gái đẻ kiêng khem. Chàng đã biết thậm chí có người lại không ăn được thịt bò. Động thấy một thực phẩm lạ là chùn ngay đũa lại. Những người này thì còn đi đâu được nữa, làm thế nào mà chịu được mùi vị cơm hàng cháo chợ và nhiều vị khác của các thứ hàng quán trên thế giới. Bạch lại nghĩ đến mình, từ trước đến giờ, lăn lóc mãi, "đi nếm cơm thiên hạ" mãi, trong bụng chứa tạp vị các xứ kể ra cũng nhiều lắm. Chàng cười thầm vì tự đắc mình không bao giờ phải kêu sểnh nhà là ra thất nghiệp. Nhà... chàng làm gì có nhà. Đến *quê hương* chàng cũng còn đang đi tìm nữa là.

- Ủa, ông Bạch và ông xơi rượu đi chứ!

Món trứng đã bưng ra. Đĩa trứng vàng một màu đều đặn, không có góc nào già, không có góc nào non, làm bật lên màu xanh của rau sống, màu đỏ hồng

hoàng của đĩa mắm tôm chua và màu đỏ da chu của đĩa ớt mọi. Hồ sung sướng kín đáo nhưng không qua khỏi mắt tinh quái của Bạch. Ông huyện đẩy khẽ đĩa trứng vào phía Hồ và nói bông:

- Trứng này là của người ăn kiêng... Cửu ơi, vô biểu làm trứng nữa... Ông cứ dùng trước đi. Ông Bạch và tôi hãy ăn mắm đã.

Bát cơm, lần xới này, ai nấy đều thấy ngon miệng hơn lần xới thứ nhất. Tình thành thật, bình dân và tự nhiên của ông huyện đã góp nhiều ngon lành vào mâm cơm đạm bạc của một vị Lệnh doãn liêm khiết. Ông huyện đặt đũa xuống thành bàn ăn, đặt bát vào cái đĩa tây lót trên bát, chỉ đĩa trứng tráng thứ nhì vừa đưa tiếp ra:

- Vì có các quan Tây hành hạt qua đây lỡ buổi cơm hay vô dùng cơm trong huyện với tui, nên tui phải kiếm một người dưới tỉnh lên nấu nướng cho nó được vừa miệng các ngài ấy một chút. Các ông ấy vô ăn với tui nhiều khi chỉ có rặt trứng. Vậy mà cũng ngon, có chướng không? Bếp nó làm mấy chục thứ trứng, làm tui lại bắt nghĩ đến cái chuyện một bà chúa Huế đãi người nhân tình một bữa cơm chỉ có mười hai thứ muối. Thằng bếp hắn khai ra mấy chục thứ trứng. Tui thì tui cho rằng bày vẽ ra nhiều món ăn phức tạp, nhiều khi cũng không tiện cho những cái dạ dày giản dị như dạ dày tui. Tui quen với sự thanh bần đi rồi.

Vậy mà quan Đại lý Hồi Xuân còn khen tui là tiêu hoang và biết săn sóc kỹ cái bữa ăn của mình! Tui không hiểu quan Đại có ngụ ý chi trong câu khen đó. Hôm thấy bếp làm món trứng ăn sáng ngon, ngài dùng hết và nháy mắt cười cười bảo: "Quan lớn nuôi người sành lắm. Những người Pháp làm việc quan ở xứ thuộc địa, lúc tìm bồi bếp, muốn thử xem chúng nó có làm được việc không, thường chỉ đưa cho nó một đôi giày và mười quả trứng. Hễ nó làm được món trứng cho đừng cháy, vừa chín vàng đều, và đánh cho bóng và gọn đôi giày tây, là mọi việc khác nó đều làm được hết thảy. Ở bên Pháp, một người đàn bà trông nom bếp nước cho mình, một người biết làm đủ các món trứng, ít ra mỗi tháng phải trả công tới 500 quan". Ý chừng quan Đại Lý nói bóng gió ngờ tui kiếm được nhiều bổng chăng? Tui cố ý muốn từ nay không dùng những tên bếp khéo như thế này nữa. Riêng về sự cung phụng cho tui, tui xểnh xoàng lắm. Nước trà Huế, thuốc lào, rượu có bạn thì mới uống; cờ bạc thì xuống tỉnh, các cụ có ép lắm tui mới ngồi một hội tài bàn hoặc tổ tôm chiếu lệ, thua được chi thì cũng xin cáo về nhà trọ. Có một thằng bếp khéo nhiều khi chưng ra, cũng là cớ cho người ta ngờ mình. Làm quan phải giữ thớ lợ từng các việc nhỏ mọn như vậy. Mệt lắm".

Đêm ấy, cơm rượu xong rồi, có chăn, có nệm, có màn và sẵn được cái mệt mỏi của đường trường, Hồ ngủ một giấc ngon lành đến sáng, không kịp nghĩ đến sự lạ cửa, lạ nhà và nhớ hộ cho rằng đây là một cái huyện đường rừng và đêm này là đêm mùa thu ở địa đầu xứ Mường. Bạch ngắm bạn ngủ ngon lành như lối ngủ của một người con trai đang lúc lớn lên, chàng lấy làm chán quá. Thật mang anh ta đi theo, cũng là rước lấy một cái nợ. Đường không giải nhựa, anh ta kêu; đường cách sông, cách phà, anh ta kêu; trời mưa, anh ta cũng kêu, cho xe chạy nhanh, anh ta sợ. Rồi còn phải lo từ cái chỗ nằm yên ấm và từ cái miếng ăn vừa miệng cho anh, và săn sóc đến sức khoẻ của anh nữa. Thôi, cũng cho xong một chuyến này, lần sau thì kệch. Bạch càng tin là đúng quá, cái câu mà chàng thường nói với chàng như là câu châm ngôn mượn của người hiền: "Chỉ có người lữ khách cô đơn là đi được nhiều hơn cả". Trong cuộc sống, vướng víu thêm một người, là lại thêm ít bổn phận gây ra ràng buộc phiền phức nó bó kết lại thành một quả chì dính vào gót chân người bộ hành.

V

Bạch cả đêm không ngủ. Cái điếu thuốc lào cần trúc kêu vang mấy lần. Trống huyện điểm canh hai, rồi canh ba. Đầu trống tư, người lính lệ già quen đi qua thấy còn đèn sáng và cửa khép, ló đầu vào:

- Ông không đi nghỉ? Ông dùng trà tàu, xin cứ truyền để con đi đun. Đêm về cữ này đã bắt đầu dài đấy ông ạ.

Bạch lắc đầu và cám ơn. Chàng nhìn theo người lính lệ có tuổi hầu cận ông huyện, và nghĩ lấy làm tội cho những cuộc đời cam chịu và yên vui với cái phận nhỏ bé. Cứ lời ông huyện, thì người lệ già này ngày xưa đã hầu cụ cố đẻ ra quan huyện, Từ ngày xuất chính, nghĩa là mười mấy năm nay, tên thập trưởng đó theo quan huyện qua hết mấy tỉnh vùng Trung Kỳ, đến mỗi cái huyện mới quan y tới nhậm thì tóc y lại trắng thêm mấy sợi. Rồi cuộc sống cứ làm cho người ta quen mãi với cái mẩu đời tì tiểu của người ta.

Và tóc liên tiếp bạc mãi. Nghĩ chuyện người, nghĩ chuyện mình, bất giác xoè tay ra ngắm chơi, Bạch nhìn chiếc nhẫn đeo ở ngón tay giữa và thêm bực mình. Đeo nhẫn. Thói quen. Thói quen lại nhắc Bạch phải nhớ đến vật cũ, việc cũ. Kỷ niệm, ôi chao! Bạch là người thèm cuộc sống không có dấu vết sót lại, không bị trách nhiệm vướng víu, không bị bổn phận kéo lùi mình về những chốn vừa rời bỏ, được rời bỏ. Đối với Bạch, Bạch nhận thấy đời là một cái chốn mà người ta miễn cưỡng phải ở. Chàng nhất định lãng phí hết cả thời giờ hiện tại của mình để đi tìm một cái gì có thể làm định thức cho một cuộc sống khác. Nhiều buổi chiều cô quạnh, từ ngày về nước, sống trên cạn, Bạch ngửa mặt lên trời, nhìn vờn khói tẩu thuốc lá, chàng lại muốn bỏ hết, bỏ lại ở đây hết để đăng ngay làm bồi tàu một khóa nữa. Lại mây, lại nước, lại làm người khách lạ của bốn bể. Cuốn sổ "Livret maritime" của Bạch còn nhiều trang giấy trắng quá. Chàng muốn một vài ông thuyền trưởng nữa đóng cộp vài con dấu nữa vào đây.

Bờ biển Hắc Hải, vẫn còn nhiều thiếu phụ Thổ Nhĩ Kỳ bí mật.

Mây trời Ý Đại Lợi là những tấm xà cừ vĩ đại chưa nhạt vẻ đẹp rọi sáng của một vùng duyên hải.

Ở các giang khẩu xứ Nam Mỹ mỗi lúc tàu bể bỏ nước mặn, đi vào nước hai, rồi vào nước ngọt, những

bộ lạc Mọi đốt lửa, nhảy múa, bắn tên lửa lên nền trời chiều dương vẫn cứ tỏ lời mừng các thủy thủ.

Và Thượng Hải...

Và Hoàng Tân... Bạch nôn nao trong người. Chàng nghĩ đến một người đàn bà Tàu xứ bắc, thổ âm lơ lớ như tiếng nói người Anh, đã làm quà cho chàng một con chim vành khuyên mỏ hồng, một lần tàu chàng ăn hàng ở đấy những bảy ngày. Con chim ái tình ấy chàng đã cố ý đánh xổng ngay, lúc vừa từ giã nàng.

Bạch lại nhớ đến một cô geisha in hình vào nền núi Phú Sĩ buổi chiều và vẫy tay tiễn người rời khỏi bến. Những người này, nếu Bạch lại giang hồ một chuyến nữa, thì khỏi sao mà không gặp lại, nếu chàng muốn gặp. Nhưng chàng sợ nhất là thói quen, là những cái gì đã trở nên cũ. Một người cố nhân. Một cái vết xe. Một cái bến trùng phùng. Ngại lắm.

Bạch muốn đi một chuyến nữa, trên một con đường khác bằng một hành trình mới. Nhìn khói thuốc, Bạch tự hỏi: "Tìm lấy một cái cớ chắc chắn để thoát ly, có người chọn các môn thể thao, hoặc thuốc phiện, hoặc ái tình - ái tình viết chữ hoa - hoặc những việc từ thiện trong xã hội. Có người chọn rượu, có người chọn cái quên trong phụng sự âm nhạc, hội họa, văn chương. Ta sẽ dựa vào cái cớ nào để sống cho đỡ nhạt nhẽo?" Thế là Bạch đã tự nguyện làm người lữ khách

của mãi mãi, được đi chàng thấy vui, phải dừng nghỉ, chàng thấy nhớ nhung và thèm thuồng.

Bạch mở màn nhìn Hồ ngủ say quá, chân tay co quắp như người bị thiêu. Hồ có cả dáng nằm co lối cò súng và ngủ như một tên lính trong toán bại binh được nằm lăn trên ổ rơm một vùng quê tàn phá, không kể gì đến thành trì đã mất, không nghĩ gì đến cái mạng của mình là trọng, Bạch ngắm kỹ mặt Hồ. Eo ôi! Xấu quá. Đã hay rằng những lúc ăn ngủ, những lúc thằng người phải làm việc cần dùng của động vật để thỏa mãn những cần thiết trong thú tính, thằng người có những nét, những dáng xấu quá. Nhưng lúc ngủ này ở dọc đường trường, Hồ đã đi quá cái xấu. Ngủ như thế kia thì cháy khách sạn, cháy tàu thủy, hoặc đắm đò dọc cũng không biết được. Bạch thí dụ Hồ có ngày phải đi qua xứ lạnh có tuyết, có chó sói. Y sẽ coi thường cái thân của y để đêm rét ấy ăn cho thực nhiều, uống cho thực nhiều, lăn ềnh ra ngủ một giấc nặng như chì, để đêm ấy có kẻ lục lâm vào giết y, hoặc cướp mất cái khăn gói và chiếc gậy lên đường. Thật là một giấc ngủ của một kẻ bình dị, của một người thợ cày, của một người không có một cuộc đời tiềm tàng. Thử có một chút thắc mắc trong lòng xem Hồ có còn ngủ một cách nặng nề yên ổn như thế nữa không. Ra cái thằng cha này, đi để chẳng thấy cái gì cả. Có đi qua lại con đường cũ đến mấy trăm lần rồi

hắn sẽ cũng trơ ra như thế thôi. Cả đêm nay của hắn ở một huyện gần Mường cũng chỉ là một giấc ngủ ngon. Về nhà mà ngủ có yên hơn không!

Hồ đã vươn vai, ngáp thông mấy cái, hỏi Bạch:

- Mấy giờ rồi anh?

- Mỗi đêm anh ngủ mấy giờ?

- Phải mười giờ là ít.

- Thế thì tính lấy, khắc biết. Hôm qua, ăn cơm xong, anh đi ngủ ngay. Lúc ấy chừng gần mười giờ. Cộng lại với giấc ngủ phải đủ mười giờ của anh thì rõ thời khắc hiện tại ngay.

Hồ biết bạn đùa nói lảng:

- Tôi ngủ ghê quá. Thế đêm qua anh thức cả đêm à? Các anh tài thực.

- Anh ngủ say, sao anh biết tôi thức. Tôi nhớ anh không đi tiểu một lần nào cả.

- A, biết chứ lại. Những mẩu đầu thuốc vứt đầy nền nhà kìa kìa. Rác bã mía. Anh trông có giống như thế không? Tính anh bừa bộn quá. Có đĩa gạt tàn thuốc, sao anh không dùng?

Hồ không dám nói tiếp nữa về việc vứt mẩu thuốc. Trên mặt bàn, cái đĩa gạt tàn thuốc đã đầy tú hụ một đống tro xám có ngọn. Thảo nào!

Hồ mặc quần áo:

- Tôi phải đi ra ngoài mới được. Anh cho tôi một điếu thuốc.

- Hết rồi.

- Anh hút dữ quá. Hết cả thuốc giắt trong người, hết luôn cả bao thuốc nhà quan.

- Hút đỡ thuốc này. Tí nữa ra phố huyện sẽ mua.

Bạch đưa cho Hồ cái tẩu thuốc và cái dạ cá thuốc chưa cuốn của mình. Hồ lắc đầu từ chối cả bằng cử chỉ, cả bằng lời:

- Chịu thôi. Chối lắm. Không quen.

- Thôi để tôi cùng đi luôn với anh ra ngoài phố huyện mua thuốc và đi chơi luôn thể. Nhưng mà anh phải ăn mặc cho tử tế, đi giầy vào. Mình nên giữ giá cho chủ nhân. Chẳng gì cũng tiếng là khách nhà một ông quan.

Bạch và Hồ đi qua một cái sân cát huyện, mưa đêm đã làm nén dẹt hẳn xuống. Cái vết bánh xe ô tô in hình chân rết cao su xuống đường lồi lõm như trổ vào cát. Người tài xế đang thử máy trong nhà xe, thổi mấy cái ống bu gi sứ trắng. Trong cảnh sương sớm nơi huyện Mường, chỉ có tiếng máy rú, đợt ngắn đợt dài. Cây ngoài phố huyện gieo giọt sương lộp độp.

Những giọt sương sớm đậu trên búi cỏ trông lóng lánh như thủy ngân nhoè trên tấm mạng nhện mà chỉ tơ giăng làm bằng nước hạt móc sa. Hồ hút thuốc lá ngắm những mạng nhện sương trên làn cỏ. Chỉ có mùi cỏ, mùi đất và hoa đất của loài giun dế. Xa xa một vài điểm chàm. Người nông phu xứ Mương. Cảnh lành

hắn sẽ cũng trơ ra như thế thôi. Cả đêm nay của hắn ở một huyện gần Mường cũng chỉ là một giấc ngủ ngon. Về nhà mà ngủ có yên hơn không!

Hồ đã vươn vai, ngáp thông mấy cái, hỏi Bạch:

- Mấy giờ rồi anh?

- Mỗi đêm anh ngủ mấy giờ?

- Phải mười giờ là ít.

- Thế thì tính lấy, khắc biết. Hôm qua, ăn cơm xong, anh đi ngủ ngay. Lúc ấy chừng gần mười giờ. Cộng lại với giấc ngủ phải đủ mười giờ của anh thì rõ thời khắc hiện tại ngay.

Hồ biết bạn đùa nói lảng:

- Tôi ngủ ghê quá. Thế đêm qua anh thức cả đêm à? Các anh tài thực.

- Anh ngủ say, sao anh biết tôi thức. Tôi nhớ anh không đi tiểu một lần nào cả.

- A, biết chứ lại. Những mẩu đầu thuốc vứt đầy nền nhà kia kìa. Rác bã mía. Anh trông có giống như thế không? Tính anh bừa bộn quá. Có đĩa gạt tàn thuốc, sao anh không dùng?

Hồ không dám nói tiếp nữa về việc vứt mẩu thuốc. Trên mặt bàn, cái đĩa gạt tàn thuốc đã đầy tú hụ một đống tro xám có ngọn. Thảo nào!

Hồ mặc quần áo:

- Tôi phải đi ra ngoài mới được. Anh cho tôi một điếu thuốc.

và khí trời cũng lành. Đây mới là địa đầu quê Mường. Muốn được thở sơn lam chướng khí cho thật thích thì phải đi sâu vào nữa kia.

Lúc Hồ và Bạch trở về thì cửa công đường huyện vẫn kín bưng. Cái huyện đường một ngày chủ nhật khóa ấn không có dân sự đến kêu nài, giống hệt một cái sân ga lúc không có tàu tới, tàu đi, tàu tránh nhau. Bạch lại sực nhớ đến những ngày lang thang của mình ở những vùng quê được khai thác, có ánh sáng văn minh rọi đến, có đường cái quan giải đá, có cột dây thép, có đường xe lửa viền theo mép quan lộ. Một cái nhà trạm chỉ phát thư và bán tem. Một cái nhà ga xép. Một ngọn đèn xanh. Một tiếng còi đồng. Một lá cờ đỏ. Những hơi khói than đá.

Một cái lí rượu.

Và viễn cảnh những sợi dây kim khí điện tín và viễn ảnh con đường sắt song song rồi nối nhau ở chỗ cùng tận của nhỡn tuyến. Cái tứ một bài thơ giang hồ của thế kỷ này.

Quan huyện vẫn còn giấc. Lính thưa rằng quan hắn vốn hay dậy sớm, nhưng đêm qua phải đi tuần với ba tay lính cơ, hai giờ sáng mới về ngủ. Hồ và Bạch uống tuần nước trà không hương vị.

- Lúc này lại muốn có ngay một cái hiệu Đông Hưng Viên - lúc hiệu chưa mạ kền sửa chữa lại, chưa

đổi mới theo thời thượng, còn cổ kính kia - ở đây. Chỉ ở Hà Nội là sướng.

Bạch tiếp vào câu ước của Hồ:

- Được trà này mà uống còn là khá đấy. Có những chỗ, người dân nghèo lắm; nhiều ông quan nghe tin sắp phải đến ly ở đấy, cố vận động để xin đi hạt khác hoặc không được thì đành lẽ ở lại Bộ, chờ khuyết chỗ khác. Có những hạt, ông quan đi hành hạt hằng sáu bảy tổng, không làm thế nào mà bói ra được lấy ra một dúm trà tàu. Như vùng Can Lộc và Cẩm Khê ở Hà Tĩnh chẳng hạn. Như vùng Do Linh tỉnh Quảng Trị chẳng hạn. Cá khô cơm đỏ. Và lòng dán lại khó nạt. Thế mà ông huyện đây ở mãi được ở đấy. Những người như thế, còn lâu mới nhiễm được mùi phú quý.

Hồ ngắt:

- Thế mấy giờ mới đi Hồi Xuân?

- Thì phải đợi người ta dậy đã.

- Tôi sốt ruột, muốn được đi ngay.

- ... Không cần chào chủ nhân? Anh chướng quá. Lúc đêm qua, xe đang có đà đi xa, anh kêu mưa rét đòi nghỉ. Ăn no rồi ngủ. Bây giờ lại kêu sốt ruột. Việc nhà chăng? Chán rồi à?

- Tưởng hôm qua có ở Hồi Xuân rồi thì hôm nay đã về tới Hà Nội. Xe mượn của người ta, cũng phải có chừng độ.

- Anh có nhớ rằng lúc anh bảo đi mượn xe, tôi đã ngăn anh để tránh trước cho anh một sự cần nhằn của bây giờ? Đi chơi xa, phải rộng rãi thời khắc, rộng rãi tấm lòng. Và không phải tính đến ngày về thì mới là thỏa. Thế nào gọi là lãng du? Lên miền rừng để tìm những cảnh không chờ đợi mà anh muốn định trước một cái thời khắc biểu thì anh bất cận sự vật quá. Thôi được, chút nữa ta chào quan huyện rồi trở về Hà Nội. Tưởng anh muốn xem mấy cái châu đất Mường thì tôi đưa anh lên, chứ muốn đòi về thì có khó gì!

Ngoài sân huyện, ban nãy chỉ có một người lính già quét lá rừng. Bây giờ đến ba bốn tên chạy ra chạy vào. Dưới trại giam, thày lệ mục cũng đã có mặt. Quan giấc đã dậy.

Hồ chưa biết nên đi thẳng lên tới Hồi Xuân đã, hay là quay luôn về Hà Nội, đành bỏ dở đoạn đường rừng có đèo, có dốc, có đường chữ chi. Chàng hãy biết xếp quần áo ngủ vào va ly đã. Chàng chạy loăng quăng bên cái khăn mặt ướt. Bạch chưa chịu rửa mặt cho để chàng được bỏ khăn ấy vào túi cao su cho nó gọn. Hồ biết lúc này Bạch đang nghĩ xa xôi, có giục đi rửa mặt thì anh cáu. Dẫu sao, Hồ vẫn kiêng nể Bạch. Nhưng mà ờ, người đâu mà kểnh càng quá. Bắt chước thế nào được anh ấy. Cứ theo được anh ấy thì suốt đời là chỉ có du lịch, du lịch ngắn, du lịch dài. Chỗ nào cũng mò tới. Lắm lúc ăn mặc thực sang, lắm lúc như con

mẹ ngộ. Đang vui bỗng buồn. Có lúc nằm mà thức cả đêm tuy rằng mắt có nhắm. Có lúc mở mắt mà ngủ đứng. Ăn uống thì không ra bữa. Đến cái ngủ thì thật càng là không chịu nổi. Lắm buổi chỉ ngủ mười lăm phút. Có giấc ngủ li bì một đêm không đủ lại lân sang cả ngày hôm sau, trời đã vàng mặt, đánh thức dậy thì gắt và ngủ vật vã thêm một nửa đêm nữa. Thế rồi dậy là đọc, viết, đi đi lại lại, nói to nói nhỏ. Ai mà hiểu được. Hồ đã tự hỏi nhiều lần: "Đáng lẽ những thứ người siêu nhân này là không nên có gia đình. Vợ con, anh em nào mà gần được? Đi không ai hay, về không ai biết. Cơm chờ canh đợi, vợ con Bạch khổ lắm đấy. Mà không biết hắn cứ đi hoài như thế để làm gì? Khó hiểu quá".

Bước vào phòng, quan huyện rất lấy làm ngạc nhiên:

- Ủa, đi mô mà đã thu dẹp cả đồ đạc như vậy?

Hồ vừa bỏ thõng nắp va ly khép xuống, vừa quay cổ lại:

- Dạ, chúng tôi định đi từ sớm. Quan lớn còn giấc, nên anh em có ý chờ để gửi một lời chào.

Bạch đi gần lại ông huyện:

- Chúng tôi xin phép trở về Hà Nội. Bạn tôi, hôm nay hơi khó ở. Và cũng có ý sốt ruột về chút việc dở dang ở ngoài ấy, không yên tâm mà lên Hồi Xuân như

đã định. Thành thử cuộc đi chơi chuyến này phải bỏ dở.

- Tui nói câu này là thiệt tình: các ông phải ăn bữa ăn sớm với tui đã. Rồi các ông đi đâu thì cái đó tuỳ, tui không dám biết.

- Quan huyện nên cho phép để anh em về sớm.

- Mô có được! Nói bậy nào! Tui đã biểu làm cơm rồi kia mà. Hôm nào chủ nhật tui cũng ăn cơm sớm hơn mọi ngày.

- Dạ, xin để cho khi khác. Hậu hội còn nhiều.

- Nè, tui sắp giận hai ông đó. Hôm nay, rỗi việc dân, tui định vừa ăn vừa nói chuyện nhiều với các ông. Túi qua, đã nói chuyện chi mô. Vậy các ông định bỏ tui mà đi, sao đành? Mấy khi đã có dịp gặp nhau được.

Bạch và Hồ nhìn nhau, do dự, yên lặng. Cứ nằng nặc đòi đi cho được. Hay là nhận một bữa cơm thết nữa thì đã làm sao? Hồ chỉ cần có mặt tại Hà Nội tối nay mà thôi. Hồ lấy mắt hỏi Bạch. Bạch đang nhìn vào khoảng trống rỗng.

Quan huyện đã gọi thống một hồi. "Thằng" Cửu, "thằng" Thập dạ ran và chạy sầm sầm. Chưa có cái gì nhanh một cách kệch cỡm hơn được cái tiếng của linh lệ dạ dịp. Người ta dạ một cách bâng quơ và chạy như ma đuổi.

- Thằng Cửu đó à? Chú xuống nói với bà cho ăn sớm hơn mọi chủ nhật nghe. Còn Thập mô, con ra ngoài phố huyện bảo ông Ký Rượu, ông Tham Kiểm Lăm và cụ Đề chút vô hầu tổ tôm nghe.

Bạch muốn cười. À, thế ra lại đánh tổ tôm. Hồi thứ nhất của buổi sớm nay tại huyện là một bữa cơm và hồi thứ nhì là một chiếu bạc. Chàng hiểu những cuộc họp tổ tôm này là ngụ ý gì rồi. Từ khi làm bạn thanh khí với ông huyện, đi lại thăm nhau ở huyện lỵ đến mươi lượt, thì có đến năm sáu lần Bạch cầm bài ở một bàn tổ tôm tại tư thất mà ông huyện cố tình tổ chức. Ông huyện biết Bạch là một người không lấy gì làm thừa thãi về đồng tiền. Vả ví có giàu có ức triệu chăng nữa thì người ấy có bao giờ cầm tiền cho được nóng tay. Bạch sai đồng tiền cũng như Bạch khiến cuộc đời chàng. Chỉ có tiêu. Chàng tiêu tiền, tiêu thời giờ, chàng tiêu cuộc đời chàng. Chàng đem cả ngày tháng của mình ra mà đánh bạc và sống như một người ngồi chờ một cái gì rất quan trọng nhưng mãi chưa xẩy đến.

Mỗi lần cuộc lãng du đưa Bạch tới hạt mình nhậm, ông huyện lại tiếp đãi Bạch theo cái lễ nghi mộc mạc nhưng chân thành, đơn giản nhưng mà chan chứa thân tình. Thế rồi cái ông huyện không ưa cờ bạc ấy lại bầy ra đánh tổ tôm. Mỗi lần đến để rồi đi, Bạch lại mỉm cười hầu bài ông huyện. Bạch không lấy làm

ngạc nhiên khi thấy cả chiếu bạc đánh những cây bài dễ ăn, và không có ý lấy sự được ù một tí nào. Ra cái ông huyện cũ kỹ ấy lại tinh quái đến thế. Ông muốn tặng Bạch tiền lộ phí một cách kín đáo quá. Thường mỗi khi đánh, ông huyện gom tiền cho ông và gom luôn cả suất của Bạch nữa. Thế rồi hễ trắng chân thì không kể nếu được đồng nào, Bạch được ông huyện nài nên giữ lấy. Đó là cái lộc của ông, ông nên giữ lấy làm duyên với cái dân tình ở đây, ông huyện xuề xòa nói thế. Ông huyện mến Bạch lắm và không hiểu Bạch chơi với ông ta từ bao giờ, mà ông huyện thường lấy làm phàn nàn rằng uổng cho mình không giàu có đủ tiền bạc để cho Bạch tiêu. Cái người có hai con mắt lạnh lẽo ấy, hẳn có một ngày làm được một cái gì to lớn, hẳn có một ngày không chịu đi nữa, ngừng bước đứng sững lại trong xứ sở để làm một cái gì xứng đáng cho quê hương đang cần một chương trình kiến thiết dài hạn.

Ông huyện than tiếc luôn cho Bạch: "Người thông minh như thế, tài hoa như thế, răng lại không chịu làm một việc chi? Chỉ thấy ông ta du lịch hoài. Cái lối đi chơi không có kỳ hạn và không biết chán mỏi ấy đã để nhiều thiệt thòi riêng cho đời ông ta và luôn cả cho cuộc sống chung của chung quanh nữa".

Lính lại dọn bàn ăn. Hôm nay ăn trên nhà riêng, chứ không ăn nơi phòng khách này. Lại có cả bà huyện cùng ngồi ăn. Ông huyện cắt nghĩa với Hồ:

- Xin phép hai ông để nhà tui cùng ra hầu cơm cho vui nhà. Ông Bạch đây thì nhà tui đã được biết từ lâu.

Bà huyện đã ra, đi đứng tự nhiên, y như chồng. Một cuộc thi lễ. Không có lời giới thiệu mà Hồ cũng đã rõ đấy là bà huyện và bà huyện thì cũng đã biết cái ông bạn mới của quan nhà bà đây là ông Hồ, một người của Hà Nội - Hà Nội, nơi mà bà cho là người nào cũng lịch thiệp và phần nhiều là kỳ quái cả. Bà chắp tay chào Bạch:

- Ông vô chơi. Bữa qua tui bận bổ ít cau tươi, phơi kịp để tháng mười này cụ cố nhà tui dùng có việc ở nhà quê Quảng, thành ra không lên hầu cơm hai ông được. Dạ xin mời hai ông ngồi.

Quan huyện chỉ mấy đĩa thịt vịt, niềm nở:

- Vịt Mường đó. Béo lắm. Dân hắn vừa mới đi cửa sau mang vô lễ. Đến hai tháng nì, mới lại thấy Mường mang đồ chín vô lễ. Mấy ông có duyên quá. Giá các ông có chịu khó mà đi làm quan, thì cũng tốt lộc lắm đa!

Vợ chồng ông huyện cười. Chú Cửu đứng hầu cơm cũng quay mặt vào tường cười theo. Hồ và Bạch cũng

quên cả những phút nặng nề của lúc mới ngủ dậy và cười nói nhiều hơn.

Bữa cơm nay, không có một chút mắm Huế nào. Hồ cám ơn thầm vợ chồng ông huyện đã thể đến cái tính khảnh ăn của một người Bắc. Riêng Bạch thì chàng lấy làm phiền quá. Còn gì phiền cho người khác bằng lúc người ta buộc phải săn sóc đến miếng ăn của mình. Những lúc ở nhà, vào những ngày xám trời, mẹ Bạch và vợ Bạch thường hay hỏi ý kiến con và chồng xem những buổi như thế, muốn thèm ăn thức gì để đi chợ, để đổi bữa ăn. Người nhà hỏi dồn Bạch và khai hết tên những thứ thịt của loài máu nóng, của loài máu lạnh và các thứ tên rau cỏ ngon lành. Bạch không biết trả lời ra sao. Chàng không hiểu rõ miệng mình thèm ăn thức gì. Chàng không lựa chọn, chỉ nói: "Ăn gì cũng được, mẹ và mình ăn thế nào thì tôi cũng ăn theo. Những việc chợ búa mình hiểu hơn, thì cứ tuỳ ý mà làm". Những người muốn chiều chồng chiều con đã lấy làm chán quá. Bạch cũng rõ thế. Nhưng biết làm thế nào. Nếu không sợ làm cực lòng thân quyến có ý săn sóc đến đứa con hoang toàng của gia đình nhiều quá, thì chàng đã dám kêu to lên rằng những lúc phải trở về nhà như thế này, chàng chỉ thèm ăn lại cái miếng bánh bích quy bể và thứ lương khô của những con tàu chạy dài hạn, lúc gặp cạn, lúc gặp gió không lái được vào bến, lúc thì mất đường

hằng tuần lễ trong mù biển vang âm những tiếng còi thê thảm hỏi đường và xin đường trong lờ mờ lạnh.

Bên mâm cơm gia đình, Bạch dù muốn chiều nể thân quyến đến đâu, chàng cũng không làm cho vui bữa ăn được, mặc dầu chàng cố làm ra bộ mình ăn ngon và nhiều lắm. Chỉ có những người phản ghét xê dịch thích cắm neo nhiều hơn là nhổ neo trong đời sống, mới thấy rõ hương vị một củ dưa hành muối ăn hằng tháng ròng. Ở một chỗ nhất định, ăn mãi cái miếng ăn của những thứ thực phẩm trường cửu quen thuộc! Đây là thứ thực phẩm của người sống mãi một chỗ với ngàn năm trật tự, tính toán trong khi mọi cái ở chung quanh đều trôi chảy, đều đi qua với vẻ bừa bộn của biến thiên, và bằng cái bất thình lình của tình cờ. Và người ta chỉ ở cạn, thì biết thế nào mà chiều cho vừa được cái dạ dày một người đi bể, chỉ biết có bể lớn. Có lẽ cái dạ dày người lính thủy là dễ dãi và khó chiều nhất. Chính người ấy cũng không biết ăn uống như thế nào là được vừa miệng. Cái bếp nấu của người ấy quen xây trên bể lớn rồi. Và chỉ có gió mặn ngoài khơi thì mới tra nổi mắm muối và đồ ăn của khách bể hồ đi tìm quê hương trên nước.

Bữa ăn sớm ở huyện Cẩm Thủy chưa được dùng đến đồ ngọt tráng miệng thì những con bạc ngoài phố huyện được vời vào đã tề tựu đủ cả và đang thập thò ngoài sân.

Lính, một mặt bưng mâm đi, một mặt chia bài. Ông Ký Rượu khúm núm vít cái cần trúc điếu ống nhà quan khảm xà cừ nhất thì nhất họa. Cụ Đề ngồi bỏm bẻm nhai miếng trầu không, và không biết nên nhổ bãi quết trầu vào cái ống súc đồng to để ở góc tư thất hay là vào hẳn cái bình phóng sứ để ở trước mặt quan. Còn cái ông chủ hiệu tạp hóa lớn nhất ngoài phố huyện thì giả vờ đọc câu đối của đám thuộc hạ mừng quan thày treo ở những mảnh tường khuất kín nhất trong nhà. Họ đều có vẻ lúng túng, không dám ngồi cho hết cái mặt ghế và đều lễ phép hỏi quan huyện:

- Dạ, bẩm quan góp mấy?

Quan huyện mở tráp lấy bạc, trả lời:

- Y như cựu lệ. Góp mười.

Hồ và Bạch còn phân vân vì chút tị hiềm. Chẳng lẽ hai người cùng đi với nhau thành bọn mà mỗi người đều giữ một chân bài thì thiếu lịch sự, coi không tiện. Nhân có tiếng thử máy xe hơi kêu rú ngoài sân, Hồ xin phép ra ngoài để chỉ bảo cho tài xế chưa quen với cái xe mượn của người khác. Bạch ngồi dưới cánh quan huyện, theo ý muốn của quan huyện. Cũng như mấy lần đánh tổ tôm trước, lần này ông huyện Cẩm Thủy lại góp tiền bài cho Bạch. Hết hội đầu, ông huyện bỏ tờ giấy hai chục xuống chiếu bạc, tính cả vào suất của ông và của Bạch. Chừng như sực nhớ ra

đây là canh tổ tôm trong tư thất của quan, cái ông Ký Rượu ấy, đến hội thứ nhì không dám ù luôn luôn nữa. Ông Ký vẫn tươi cười khi thấy sự may mắn trong cờ bạc đã dồn cả sang chân bài ông khách Hà Nội của quan. Và quan huyện thì tự nhủ: "Thôi cũng là phải. Chỗ tiền ông Bạch được đó cũng đủ trả tiền ét săng cho cuộc đi chơi. Mình bày ra cờ bạc, cũng chỉ có cái ý nhờ dân sở tại đây cung đốn hộ tiền lộ phí cho ông bằng một cách gián tiếp". Quan huyện vuốt cằm, có một vẻ cười nghịch ngợm rất kín đáo.

VI

Chưa hồi nào Bạch thấy thích và thấy cần phải ra ga như dạo này. Mỗi ngày vào khoảng chiều hôm, được đứng ở bến ga Hà Nội, chứng kiến một con tàu tốc hành ở Nam Kỳ ra hoặc một con tàu cũng tốc hành đi vào Sài Gòn, Bạch thấy đỡ thèm thuồng ít nhiều trong lòng. Bạch - con người, lưu đãng không được toại ý nguyện, sống chỉ để được đi - hồi này cứ phải chôn chân mãi một chỗ, lấy làm đau khổ vô cùng. Nghĩ đến cái tuổi xưa xa, luôn luôn ĐƯỢC ĐI, mỗi có gió đã lên, Bạch thấy mình bây giờ đã hết là mình rồi và những ngày sống chỉ còn là những ngày rất dài và rất nhạt thôi.

Được ra ga đứng ngắm những người khác đi cứ túi bụi cả lên, Bạch lắm lúc quá say sưa về cảnh nhộn nhạo của những người khác lôi thôi lếch thếch, vội vã và ầm ĩ lúc tàu nổi một hiệu còi, Bạch lầm tưởng mình là một người cũng được lên đường. Ống khói con tàu thở một làn khói trắng, một vòng bánh đầu tiên

nhẹ quay và lôi cuốn những vòng bánh khác nhảo trên đường sắt; vậy rồi từ từ, những toa xe gỗ nối nhau mà trườn, tiếng động bằng sắt nghe rất quen thuộc. Sân ga ban nãy tối sầm vì sự im ả của một đoàn tàu đứng ỳ ra một chỗ, bây giờ đã sáng rõ lên. Nhìn theo đoàn tàu chạy đã có đà, chỗ quá đầu ghi, Bạch chỉ còn thấy ở toa cuối cùng đoàn xe mỗi lúc một xa ấy một miếng sắt tròn báo hiệu, sơn đỏ ngòm, cũng đỏ như màu lá cờ hiệu cắm ở cạnh toa chót. Cái con mắt đỏ không chớp ấy lùi xa mãi và càng lùi mờ, càng như van hờn nhắc Bạch thử nhớ lại những cái gì xem.

Bạch nhấp nháy luôn luôn mắt mình muốn ướt và nhìn theo cái bóng một con tàu húc vào sương chiều xa. Ngoài phía ghi, một tiếng còi dội hắt về. Trên cái đống đá tai mèo lót đường sắt, trên chỗ cũ của con tàu vừa đỗ có những bãi quết trầu còn tươi thắm và những mẩu thuốc còn cháy dở. Những lữ khách gửi lời chào một cái bến trên cạn và đánh dấu chỗ vừa đi qua của mình như thế đấy. Trời chiều ở bến ga không có gió. Mà gió khởi hành một đoàn xe đã bốc hút cao khỏi mặt đất những mẩu giấy bóng xanh đỏ, những vuông lá chuối khô nhàu. Trong khoảnh khắc, giấy bóng và lá chuối khô hướng theo đoàn xe tốc hành mà chạy trên đá, quắn quại và nghiêng ngửa như những cánh con diều lộn lèo và đâm ra vơ vẩn bị đứt dây trên khoảng không đã đứng gió. Gió khởi hành yếu ớt

đã bỏ rớt lại những vật mỏng manh cũng muốn những chuyện được bay theo và được lôi cuốn đi.

Bạch cảm thấy mình là những vật vụn vặt kia đang bị bỏ sót lại.

Tàu đã đi khỏi Hà Nội tất cả rồi. Người ta đã lấy chiếc đinh ba sửa đổi lại cái bảng có đính những miếng sắt sơn đỏ báo giờ tàu tới tàu đi theo thứ tự chỗ đỗ từng đoàn xe. Tàu Hải Phòng về, bến thứ tư 18 giờ 11. Tàu đêm đi Lào Cai, bến số một, 20 giờ 49. Chuyến cuối cùng ở Na Sầm về, 20 giờ 30. Chuyến tàu thường ở Vinh ra, bến số bốn, đúng 20 giờ. Sân ga lúc này vắng quá. Phía đằng kia, là một màu xám tàn nhẫn của lũ toa hàng hóa. Màu xám ấy nhắc đến cái màu tro bụi và khói của một cái bến cảng, của một thành phố kỹ nghệ.

Bạch nhìn theo hút một ông sếp ga. Trông ông ta trơ trẽn quá. Không có tàu đi tàu về, ông sếp ga đã mất cả lẽ sống của mình tại chỗ lữ đình này và nhắc Bạch nghĩ đến những cảnh huống "điểu tận cung tàn".

Không hiểu tại sao, mãi đến hôm nay Bạch mới để ý đến cái ga Hà Nội. Đã từng đi ra ngoài nhiều, đã từng ăn cơm thép của thiên hạ, Bạch không thể đem so sánh những cái gì của xứ sở với tất cả những cái gì ở ngoài phần hương. Cái nhà ga, cứ kể ra cũng không đến nỗi tủn mủn quá. Cái cửa chính xây bằng đá cuốn tò vò như cửa thành khải hoàn, có cột đá, có

bệ cấp đá, trông cũng bề thế chứ. Nhưng ngẫm lại đến sự vận tải, và những cách chở khách ở trước ga... trang sức cho một khu trước mặt ga, độ mười làm cái xe xích lô, vài mươi xe cao su vừa lùn vừa cao. Không có bóng dáng một chiếc tắc xi nào. Và nếu có được dăm bảy cái xe hơi nhà nào đỗ đấy thì toàn là thứ xe con hơn mười mã lực và ăn dầu xăng có tốn lắm cũng đến mươi lăm lít là cùng. Cảnh tượng rất hoạt động tại một cái bến cạn rất lớn của một thủ phủ đấy. Thà đừng có ra ngoài nữa cho nó đành yên vui với cái phạn hẹp nhỏ của mình. Cái tinh thần của sự so sánh, và biết so sánh, đến hay đem sự đầu độc vào ý nghĩ con người ta. Bạch đã hết sức nói xấu quê hương với cái ông bạn Nam Kỳ mà bốn năm hôm nay, ngày nào cứ đúng vào giờ có tàu tốc hành vào Nam là Bạch cũng gặp ông ta lăng xăng ở sân ga để lúc tàu chạy rồi, thì ông cũng quá thẫn thờ như Bạch. Một bệnh nhân của du lịch? Một người đau khổ của xê dịch chăng? Bạch trộm bắt gặp ông ta nhiều hôm ở ga ra, thế nào cũng rẽ sang phòng Bưu Chính bên cạnh.

Năm sáu hôm liền, nhìn nhau mãi bằng rất nhiều thiện cảm, hôm nay Bạch đã làm quen với ông ta và lúc tàu Nam Kỳ chạy rồi, Bạch và ông ta cùng song song ra về.

Lúc đứng ở cửa ga phàn nàn về sự hoang vắng của bến Hà Nội, Bạch đã lấy ông bạn Nam Kỳ đó làm

người làm chứng cho lời nói của mình. Vậy mà ông ta còn cho Hà Nội dẫu sao cũng còn khéo và ngộ lắm. Ông bảo Bạch:

- Ông đã vô Nam Kỳ rồi chớ? Cái ga Sài Gòn còn xấu thua cái ga Hà Nội nhiều. Ga Sài Gòn nhỏ thì thì như cái ga xép Thường Tín, Văn Điển gì đó thôi mà.

Cái ông bạn Nam Kỳ mà bây giờ Bạch rõ tên là thầy Ba Bạc Liêu, đã cười một cách ốm yếu chấm dấu cho câu chế nhạo.

Bạch mời thầy Ba Bạc Liêu vào một băng thất trước cửa ga uống bia và nói chuyện.

- Trước ba má tui cũng cho tui qua Tây ăn học, trong bốn năm cho tất cả độ mươi chục ngàn bạc, cả tiền ăn xài cả tiền học. Rủi gặp hồi kinh tế khủng hoảng, ba má tui mần công chuyện bị thua lỗ nhiều quá, tui phải bỏ học mà về. Về nước, nhớ Paris quá đỗi, ông nè. Nếu có dịp là tui lại xách va ly qua bển liền. Ở ngoài Hà Nội này, những lúc nhớ nhà, tui thường hay ra ga, ngày nào mà tui lại không có một người đồng hương đồng quán lên tàu. Được xem họ đi vào, mình nó cũng vơi vợi trong lòng. Thực ra, tui có định đi đón ai và tiễn ai đâu.

Thôi, đúng quá rồi. Cái thày Ba Bạc Liêu này cũng là một người thèm đi. Bạch thấy mình đoán trúng, tự thưởng thêm cho mình một cốc rượu bia nữa.

Và sau khi vào xem những kiểu hòm hành lý đi tàu biển có bọc giỏ mây đan ở một hiệu làm va ly phố Hàng Hòm, hai người chia tay nhau rất niềm nở như là một đôi bạn xưa cũ được trùng phùng.

Hai người từ giã nhau, không quyến luyến, không ghẻ lạnh, Bạch cũng không hỏi người bạn Nam Kỳ hiện giờ ở đâu và thày Ba Bạc Liêu cũng có cái nhã độ không dò la đả động tới việc xin địa chỉ của Bạch. Chỉ có những người đại lữ khách mới tập nhiễm được cái thói quen không hỏi địa chỉ của nhau mỗi khi được sự tình cờ cho gặp gỡ giây phút. Người giang hồ phiêu bạt mà lại có địa chỉ sẵn sàng thì còn gì buồn cười bằng nếu người ấy không hẳn là đã chịu yên phận cắm neo ở mãi một bến bờ nào. Đến ngày hôm nay họ không còn biết rõ chỗ ở của họ, huống hồ lại còn đòi hỏi để biết cái chỗ nằm ngồi của họ ngày mai ngày mốt. Hỡi ơi, mặt đất nếu quả không là quá rộng thì còn đi mãi, người ta còn có ngày được gặp nhau. Trái đất nó vốn tròn. Nếu phải là duyên và những đại lữ khách nếu chưa thấy đời giang hồ là mệt mỏi, thì sự tình cờ vẫn còn dành nhiều hậu hội trùng phùng. Cơ hội trùng phùng ấy là một cái lữ điếm ở phụ đầu, là một sân ga có hai đoàn tàu tránh nhau, là một cái lưng đèo độc đạo, là một cái bến sang ngang và đi về chỉ có mỗi một con đò gỗ nát ấy thôi, lúc gặp nhau khoanh khắc, không mấy khi hai bên có đủ giấy mực

để đưa một bức thơ đề. Chủ khách chỉ kịp chào nhau bằng một tiếng nhạn trong sương chiều mộ.

Bạch nhớ lại cái lần ấy ở Nam Mỹ vượt Đại Tây Dương về thương khẩu căn cứ Le Havre, lúc rời tàu "L'Ile de France" đổ bộ vào phố bến, chàng thành tâm đi tìm người bạn hàng hải cũ tên là... là cái gì nhỉ? Bạch tìm mãi. Phải... Anh Thôi quê ở vùng An Dương, Hải Phòng. Có đến bốn năm không gặp Thôi. Lắm lần tàu của Bạch và tàu của Thôi thường cùng cặp một bến chênh nhau chỉ một đôi ngày.

... Kỷ niệm xa nhoè đã dần dần có đường viền và rõ mãi lên. Ừ, hồi ấy cu Thôi nó ở một cái phòng khách sạn trung lưu đầu phố Marinière gì ấy và lúc chàng vội vã leo lên được cái cầu thang tay vịn nhờn mồ hôi dẫn lên tầng gác thứ ba ấy thì cụng đầu rất mạnh vào bọn đồ đạc của một người đang hấp tấp mang xuống. Hai người xin lỗi nhau.

- Kìa, Thôi!

- Bạch đấy à? May quá!

- Hình như mày lại đi đấy phải không?

- Ừ. Sao mày lại ngạc nhiên? Mày làm như tao giang hồ lần này mới là chuyến đi đầu tiên ấy. Muốn sống cất ngay cái vẻ mặt yếu ớt của những kẻ đam mê gia đình đi.

- Còn được bao nhiêu thời giờ?

- Đủ để uống một cốc whisky.

Thế là Bạch đã cầm đỡ cho Thôi một cái va ly nhỏ bỏ được hai bộ quần áo len mỏng và hai người ba chân bốn cẳng sang cái quán cà phê đầu ven phố.

Cầm cốc, vừa nhìn đồng hồ tay, Thôi vừa nói vào khoảng những tợp rượu mạnh bạo:

- Đúng 17 giờ 10, tàu tao nhổ neo đi Bordeaux và Alger qua Gibraltar. Giờ đã năm giờ kém mười. Đúng năm giờ phải có mặt cho họ điểm. Thằng "gậy" ở chiếc Gascogne này, nghiêm khắc lắm. Thôi tao đi nhá!

Một chiếc tắc xi xịt khói. Một cái bàn tay vẫy trong mù phố bến. Và hai năm biệt tăm tích. Không một chiếc các-bốt-tan. Bạch thường nhớ tới Thôi nhất vào lúc tàu chàng đi trong mù bể, nổi còi khàn khàn tránh những chiếc khác đi nghịch đường với mình.

Một lần ấy, chiếc tàu Nhật Kiku Maru ăn hàng ở Marseille. Trước ngày nghỉ cuối cùng, có người bảo Bạch rằng Thôi hiện ở Paris và muốn hỏi gì cứ tìm đến hội quán Ái Hữu Đông Dương thì thấy. Bạch không đem theo một tí hành lý gì, vội nhảy bổ lên Paris.

Cái bác Khương già ấy là bạn đỡ đầu của cả hai người đã khôi hài với Bạch:

- Các chú độ này làm ăn mát mặt có khác. Khá thực. Một thằng làm tàu Nhật Bản, tha hồ mà sạch sẽ và khối bổng. Một thằng làm bồi pha rượu trên tàu bay. Bay cũng ăn tiền, nghỉ cũng ăn tiền.

- Anh Thôi giờ làm cho hãng tàu bay? Chạy đường nào?

Paris - Londres. Nó cũng biết tin tàu Kiku Maru của chú bỏ neo ở dưới ấy, nó cũng vừa ra chuyến P.L.M. xuôi Marseille tìm chú đấy.

- Vậy ra tụi tôi đã gặp nhau giữa đường mà không hay!

- Các chú giàu tiền có khác. Mỗi thằng bỏ ra hàng mấy trăm quan để nhìn mặt nhau một tí! Các chú còn nhiều tình cảm lắm. Những tiền ấy, tưởng để mà chu cấp cho những anh em làm tàu bên mình qua đây quê người đất khách, lúc bị thải lên bộ, thì hơn.

Bạch từ Paris trở về tàu Kiku Maru, hụt gặp lại Thôi, lòng buồn rười rượi. Vô duyên quá! Hai lần tìm bạn để định nói một việc tâm sự, thì một lần có gặp cũng như không - chỉ có mấy phút, vừa kịp nốc vài tợp rượu, và một lần nữa thì hai người cùng vật nhau trong cái tối tăm vô danh rất chớp nhoáng của một đêm tàu tốc hành P.L.M., một người xuôi, một người ngược.

Tàu Kiku Maru đã đi được mười hải lý tiến thẳng sang các xứ cận Đông theo cái hải trình thương mại của nó. Cái gác chuông, nhà thờ Notre Dame de Marseille đã mờ trong sương chiều thả nhanh xuống mặt biển. Bạch nhìn sóng khơi, lòng chao chát nỗi vô tận của lòng trên cái cùng tận của bể. Và lúc thấy đầu

được nhẹ nhõm vì sự thanh đạm của một bữa cơm Nhật Bản hoàn toàn. Bạch nhận rõ thấy nỗi cô quạnh có tính chất nghiệp dĩ trong đời những anh khách đi trên mặt nước hoặc sống trên mặt nước, định lấy cái bể rộng làm người ý trung nhân muôn năm của mình. "Tôi sẽ cạn chén rượu tân hôn của tôi với biển lớn", Bạch nhớ đến lời nguyền của người đánh cá xứ Ái Nhĩ Lan mà thêm buồn buồn. Lòng chàng rỉ rầu mênh mông và lại thương cảm một cách quá văn hoa nữa.

Hôm sau, viên cẩm tàu đưa cho Bạch ký nhận một bức vô tuyến điện của Thôi đánh từ chỗ trường bay Croydon.

"Bạch - Thợ giặt trên S/S Kiku Maru, đường Mạc Xây - Cận Đông".

"Lúc này lòng tôi vui sướng quá độ. Được cá ngựa to ở Luân Đôn. Đã vận động được một chân thuỷ thủ đường Cực Đông đi lối châu Mỹ, như vẫn thường ngỏ với anh. Gởi một lời chào mạnh giỏi. Thôi".

Bạch lẩm bẩm:

- Thế này thì qua Đại Tây Dương, qua vận hà Panama, vào Thái Bình Dương, ghé Cựu Kim Sơn, sang Nhật. Mình chưa đi cái con đường ấy bao giờ.

VII

Cũng như ngày hôm qua, ngày hôm kia, ngày hôm kìa và còn trước thế nữa, buổi chiều nào vào khoảng tịch dương, Bạch cũng có mặt tại sân ga Hà Nội trước giờ khởi hành của tàu đi Sài Gòn.

Một người cai thuốc phiện nhớ ngọn đèn dầu lạc như thế nào thì Bạch thèm nhớ con tàu tốc hành như thế. Mỗi chiều ra đến sân ga, chàng chỉ phải bỏ ra có năm xu, chứ có phải bỏ ra nhiều hơn gấp trăm ngàn thế nữa chàng cũng không tiếc. Mất một cái vé ra cửa năm xu để ngắm cả một tấn tuồng xê dịch. Rẻ đến thế là cùng. Những bạn quen thấy chàng có mặt luôn luôn ở bến tàu thường hỏi: "Tiễn ai vậy?" Hoặc "Anh đi?". Thay vào một câu trả lời cho một lời hỏi không đáng đáp, Bạch nhếch mép cười rất mệt mỏi. Rồi Bạch lánh xa một chỗ, tựa mình vào cây cột đèn và nhìn dăm bảy hành khách phong lưu. Quần áo thừa ấm áp, hòm xiểng đã gọn gàng và lại thừa đựng chứa, họ ung dung bước lên tàu. Đã có những người "bắt-tê" tay đeo

bằng con số, tìm chỗ gọn gàng xếp hành lý cho họ. Còn lâu tàu mới chạy. Họ lò đầu ra khỏi khung cửa toa đã hạ hết cả cửa kính pha lê, cửa chớp bằng gỗ thông sơn bóng. Họ tỳ cùi tay lên cái gióng đồng đánh bóng và hít những mồi thuốc đượm hương khói thơm, họ bình tĩnh nhìn chằm chặp ra cái cửa chính nhà ga chỗ hạng ba. Họ dán mắt họ vào cái kim phút đồng hồ to lớn. Một đợt gió gắt thổi bay những chiếc cà vát sặc sỡ những màu của phương Nam ra khơi và nắng ráo. Họ cười, nhìn vào khoảng không. Những nét cười của họ cũng tươi thắm như những màu hàng tơ dệt đính ở cổ áo trước ngực họ. Họ là những người lữ khách sung sướng. Nếu mới là người được đi có một lần và chiều nay là buổi chiều khởi hành đầu tiên trong một đời người, họ không thể gọn ghẽ như thế ở trong lòng, ở ngoài mặt và ở dáng điệu. Vài tờ tuần báo nằm tròn trong lòng bàn tay trái họ, ở ngón tay út hoặc ngón thứ tư có những chiếc nhẫn kim khí rất khoẻ mạnh kèm với thứ nhẫn đính hôn thưa mảnh và trơn lì. Những bàn tay trượng phu ấy muốn đánh lừa thời khắc trôi chậm quá, gõ đầu ngón tay vào khung gỗ và miếng kính toa tàu thành một bản nhạc đục dè có những tiếng gỗ, tiếng đồng và tiếng thuỷ tinh hỗn độn.

Phía cửa ga hạng ba có những tiếng giày dép vội vã. Có đến ba bốn thiếu phụ lịch sự đang ngơ ngác

tìm tàu với những câu hỏi hốt hoảng: "Tàu suốt đã chạy chưa? Tàu Sài Gòn đỗ đâu?" Đám phụ nữ ấy tiến lại phía mấy chiếc toa hạng trên.

Từ trên toa hạng ba, mấy người hành khách phong lưu rất bình tĩnh từ nãy giờ đã bước xuống, vẻ mặt khó chịu và hậm hực không thể giấu kín được.

- Kìa mợ!
- Kìa cậu!
- Kìa anh!
- Kìa em!

A, thế này thì ra là một cuộc trốn chạy và là một cuộc bắt bớ nữa. "Chàng" ra đi, "Thiếp" tìm. Chỉ chẳng buộc nổi chân voi. Nhưng buổi chiều này, ở sân ga Hà Nội, mấy thiếu phụ kia định lấy nước mắt ngăn cản một người chồng, giữ giệt lấy một vị hôn phu. Được biết ngày lâm kỳ của chàng vì chút tò mò - người đàn bà nào đã yêu lại chẳng tò mò - đêm qua thiếp đã khóc và những mong "lệ biến thành trận mưa dầm, ngăn lấy bước ngựa chàng buổi sớm mai".

Bạch tiến gần lại đám người trẻ tráng đẹp đẽ này đang rì rầm phân trần cùng nhau. Nhìn họ mà Bạch cười một cách ảm đạm quá. Thôi, thế này thì ra cõi đời chúng ta đây lại thêm được vài tên giang hồ bất đắc chí nữa rồi. Và trên một cái bến nào, lại có vài cái neo nữa thả xuống để không bao giờ kéo lên khỏi mặt nước. Bởi vì "anh" đã trót dại yêu "em" và em thì

chỉ muốn những chuyện xây một cái tổ cho thật ấm. Những đêm gió lạnh qua cành khô, con chim cái muốn an ủi con chim đực, thường sẽ bảo con chim đực ngồi rủ rỉa lông cánh rằng ngoài tổ này gió phải là lạnh lắm. "Muốn tìm hạnh phúc ở đời, đứng vẫn không bằng ngồi. Và bay lắm không bằng đậu nhiều. Và nếu cứ nằng nặc đòi bay thì hai ta cùng bay". Hai ta cùng bay! Bạch nghĩ mà muốn cười vào mặt những người đàn bà rất đẹp và rất ngu ấy.

Rồi Bạch đâm ra buồn bã và bực dọc khi sực nhớ thấy mình cũng là một người đàn ông có vợ. Vợ chàng cũng là một người đàn bà chúa hay khóc. Gặp những ngày trời nắng ráo, Bạch đem quần áo ra phơi và đem va ly bị nồm vẽ rêu mốc ra lau chùi, vợ Bạch khóc, lúc tỉ tê, lúc sướt mướt. Gặp những ngày trời quang đẹp, Bạch rủ vợ đi chụp ảnh chơi và mặc quần áo tốt cho con nó cùng đi với, vợ Bạch cũng khóc, và lúc tạm nín, lại mếu máo hỏi chồng:

- Mình sắp đi xa phải không?

- Ai bảo thế?

- Tôi biết lúc nào mình sắp được đi đâu tôi thấy mình vui lắm. Dạo này tôi thấy mình nhận được nhiều cái phong bì thư lạ lắm. Cái nào cũng chi chít những thứ tem ở đâu đâu ấy. Có phải mình rủ tôi và con đi chụp ảnh là định để lại cho mẹ con tôi một cái kỷ niệm rất thấm thía về sau này đấy phải không?

Những buổi vợ chồng lời đi tiếng lại như thế, Bạch lại bỏ nhà đi mất mấy hôm. Nếu chàng không xách thêm một cái cặp đựng độ mấy cái quần áo lót đi lang thang về các vùng quê gần thì chàng lại lánh lên ở một cái gác xép chàng thuê ở phố Hàng Gai rất ồn ào kia. Bạch ở đấy có khi ba bốn ngày liền, nhất định không ra khỏi nhà và không tiếp ai, trừ một đôi người bạn rất thân. Nhưng lâu nay những người bạn rất thân ấy đều đi xa vắng Hà Nội cả rồi. Họ đi Tàu, đi Nhật, đi Tây. Bằng tàu bể, bằng tàu bay. Thỉnh thoảng họ lại gửi về cho Bạch một tấm các-bốt-tan để cho Bạch càng thấy sốt ruột và nghĩ thêm tội nghiệp cho một người đàn bà đã trót vướng vào mình. Lại còn một đứa con nhỏ nữa. Người vợ chưa đủ là quả chì nặng hay sao mà cuộc sống còn cho mắc thêm một hòn nữa vào? Bạch hình dung đến một cái lưới gai của bọn chài bể, một mép trên có quả phao nổi, một mép dưới có các quả chì chắc chắn. Trong một cái lưới dệt bằng các thứ sợi tơ tình cảm của vợ đẹp trẻ và của con thơ, Bạch tưởng có ruồng rẫy mạnh thì cũng gỡ ra lọt. Nhưng tơ lưới ông đẹp lắm, cứ kể mà đem chọc rách đi, cũng đáng tiếc và tội lắm thay!

Những buổi Bạch đi lánh vợ con tại căn nhà xép thuê ở riêng một mình này, Dung mong mãi không thấy chàng về lại đâm bổ lên tìm. Gọi mãi mà cửa vẫn đóng kín mít, Dung viết mảnh giấy tuồn vào kẽ dưới

tấm cửa: "Ông ngoại chiều nay cũng có ăn cơm ở nhà ta. Nếu mình không về ăn thì ông nội và ông ngoại không chịu uống rượu như mọi lần có mình bên mâm". Bạch rón rén nhặt thư và thừa hiểu đây là một độc kế của Dung. Mỗi lần có xảy ra chuyện xích mích, vợ chàng thường nấp đằng sau những bậc huynh trưởng trong gia tộc để kéo chàng về. Mấy lần trước thì là ông chú bà thím nếu không là các bạn hữu phải trọng nể. Lần này thì ông nội ông ngoại.

Ở trong phòng, bừa bộn đèn cồn, thuốc lá cuốn rồi và chưa cuốn, cà phê, đường, bánh mì và sách báo mở vứt lung tung. Bạch thấy không lên tiếng thì cũng tội. Chàng phải mở cửa. Vợ Bạch tay xách một lẵng thực phẩm mới mua ở chợ, miệng cười. Nàng được cười lúc này cũng như lúc nàng đã phải khóc thầm khi thấy Bạch lau chùi những hành trang cũ trước ngày đăng trình đi đâu rất xa. Bạch lặng thinh đi bên cạnh Dung, cảm rõ thấy mình là một người sống rất gượng gạo và thiếu can đảm, vì không có tàn nhẫn và dứt khoát trong xử sự.

Hôm nay, ở giữa sân ga, được chứng kiến một đám bắt bớ chồng và vị hôn phu, Bạch thấy những thiếu phụ ấy là hóa thân của vợ mình. Những người đàn bà đẹp và hiền ra đều giống nhau cả. Ở một bài thơ năm chữ trong Ấu học ngũ ngôn thi, người đàn bà đẹp và hiền nào cũng muốn thêm hai chữ vào đầu mỗi câu

gửi lại cho một người chồng lên ngựa sắp ra roi, mượn mấy lời thơ cũ trong sách để tạ cái tình người đi. *"Thiếp như* bạch nhật mạc nhàn quá. *Quân diệc* thanh xuân bất tái lai..., *Cổ lai* mã thượng kỷ nhân hồi".

Đứng hơi xa, chỉ nhìn thấy điệu bộ họ cắt nghĩa và van nài rồi dằn dỗi nhau ở phía cuối cùng đoàn tàu. Bạch tiến gần đến, lướt qua họ đang túm tụm lại cốt để nghe lỏm mấy câu.

- "Tôi van cậu. Nếu cậu không về thì tôi cắt nghĩa với thầy mẹ thế nào cho ổn thỏa. Cậu cứ nghe tôi, hãy về đi đã. Rồi ngày mai đi. Tôi có giữ đâu. Mà tôi giữ nổi thế nào được cậu".

- "Anh ôi... thân gái hạt mưa sa. Em đi cùng...".

Hà, những câu này Bạch đã nghe thấy nhiều lần lắm rồi. Và khi đã có một người mềm mại, đẹp và thân nói với người đàn ông như thế thì người đàn ông chỉ có việc chào con tàu đi không có mình và trở về ngay cái nhà mình. Bạch lấy làm thương cho mình và thương lây cả mấy ông lữ khách hụt kia. Ban nãy, lúc họ đứng một mình trên toa tàu mới nhanh nhẹn làm sao? Có giây phút Bạch đã ghen ghét họ. Nhưng bây giờ... bây giờ đời họ cũng nặng như đời chàng. Bấy nhiêu sợi dây thân ái, hồ dễ mấy ai đã cắt đứt được cho mau. Những hòn chì. Đời họ có những hòn chì. Toàn là cục chì mắc vào cổ chân.

Bạch muốn đi lại gần phía họ, xin phép đám thê nhi kia kéo họ ra một chỗ khuất mắt tất cả lữ khách của nhà ga để bỏ nhỏ vào tai họ một câu: "Thôi các ông ạ. Không nên châm chọc đến định phận nữa. Vợ đẹp thế, con khôn thế, há nên đi đâu? Đến ngay như kẻ này sẵn cảm tình với các ông, với khởi hành, kẻ này vốn có một người vợ không được đẹp như thế, vốn có những đứa trẻ không được ngoan như thế, mà cũng còn không dứt nổi một cái tà áo gió đã làm lay động từ bao giờ, huống hồ nữa là các ông. Chúng ta là những cái neo sắt rỉ, bị vùi dưới đáy lớp bùn đọng dưới lòng bến. Số phận những quả neo bị bùn sâu cắn chặt chỉ còn nhờ trông vào những lớp sóng ngầm của những ngày bão táp mai mốt rất dữ dội nhổ hộ lên được thôi. Các ông cho phép tôi được ái ngại cho các ông. Tôi thật thương các ông lắm cùng như tôi đang thương tôi vô vàn. Chúng ta chỉ là những cái neo rỉ bị đời sống giang hồ cắt đứt dây, bỏ quên lại và đánh tụt xuống một cái mồ của bãi bùn lầy vữa".

Bạch muốn xách họ ra một chỗ vắng, đứng trên một đám cứt sắt than đá của một đường tàu không vắng, bảo họ như thế và bắt tay chia buồn rất tha thiết cùng họ. Chao ôi, đồng bệnh tương liên.

Không khí chiều ở sân ga đã nhộn nhịp lại vang ngân lên một tiếng còi đồng. Còi hiệu của một cuộc đi có giờ định trước. Đúng 19 giờ ở cái mặt trắng chiếc

đồng hồ khổng lồ mũi kim rất sắc, con số giờ không nhoè. Từ xửa từ xưa, từ bao giờ đến giờ, vào giờ này, từ khi chuyến tàu tốc hành lấy giờ này làm giờ khởi hành, đã có bao nhiêu lần người ta cảm thấy nhộn nhịp trẩy từ nơi đây đến nơi đó. Bắc, Nam, mỗi đầu thiết lộ, một cái thủ phủ. 1.748 cây số. Hà Nội - Sài Gòn. Bốn mươi giờ đường sắt.

Muốn đo cái sức đi của du tử, người ta thường dùng đến hai lượng số không gian và thời gian. Những lúc này, ở sân ga Hà Nội, con tàu tốc hành đã lướt qua cái ngã tư Khâm Thiên rồi, còn có những người đang đi bằng một tấm lòng khát vọng sôi nổi trong một cái thể xác bị tù túng. Những người ấy là Bạch, là tất cả mấy người suýt lên đường kia đang bị vợ con và ý trung nhân lấy nước mắt để giữ lấy cái đà chân muốn tiến mạnh đến những nơi có cám dỗ của bất thình lình. Mặc kệ con tàu đã đi bỏ rớt lại họ, vẫn là những lữ khách đứng ra ngoài mọi điều kiện thuộc về thời và không gian. Họ là những người muốn năm phải đứng yên để mãi mãi du lịch trong tưởng tượng bằng một tấm lòng đau khổ.

Trên sân nhà ga, đã vãn cả người đi tiễn người đi. Tất cả lúc ra về, ra cửa trả lại tấm vé cửa năm xu, không một ai để ý đến tấn thảm kịch của những cuộc viễn du hụt này. Lôi thôi, lếch thếch, những người chồng vì vợ giữ lại không cho lên đường, một tay xách

hành lý, một tay dắt con, uể oải bước ra khỏi khung cửa nhà ga mà ban nãy họ đã đi qua với hết thảy bồng bột của lòng. Mặt họ dài ra, chân họ rời rạc. Cái va ly mới sặc mùi da bò của người không được đi, sao mà nặng như là sũng nước ngâm đến thế.

Bạch quay cổ nhìn lại họ một lần cuối cùng trước khi nhảy lên xe.

Từ hôm ấy Bạch càng năng ra ga vào những giờ chiều. Bạch nghĩ trong đầu mà lại muốn để một lời cám ơn, cám ơn cái ông chánh kỹ sư giám đốc Hỏa Xa Đông Pháp từ khi nhậm chức đã cho thay đổi lại giờ xe lửa vô Nam. Trước kia, tàu chạy vào ba giờ chiều. Xe qua Huế vào khoảng bình minh ngày hôm sau. Và sáng tỏ mặt người ngày hôm nữa thì xe vào ga Sài Gòn. Bây giờ, với cái thời khắc biểu mới, tàu chạy vào khoảng bảy giờ chiều, người hành khách đi từ Bắc vào Trung và Nam qua hết mười bảy độ vĩ tuyến, sẽ được nhổ bãi nước bọt thóc mách của mình xuống dòng nước sông Hương vào lúc mười giờ sáng sau khi đã điểm tâm và dọn lòng mình, đón lấy cảnh mới; và mãi đến gần trưa hôm sau nữa mới phải kêu: "Trời ơi! Đã đến rồi", lúc đoàn tàu đi chầm chậm lại dưới cái nắng xích đạo của Sài Gòn. Tính cho gọn được cái thời giờ lúc đi và lúc đến ổn như thế, người ta ít ra phải là một người hiểu tâm lý và trong một người đại công chức quyền cầm đầu cả một Bộ thiết lộ một xứ, phải

có một người nghệ sĩ của du lịch nữa. Bạch lại càng vui vẻ trong lòng hơn nữa khi chàng nghĩ đến những cuộc tấu nhạc của hãng tàu Nhật Bản cho cử lên ở mặt các bến đảo Phù Tang, mỗi khi có chiếc tàu bể nào của hãng kéo neo xoay mũi ra khơi. Tiếng đàn trên tiếng sóng đỡ lấy một vuông mùi xoa vẫy bay. Được đi là vui lắm chứ. Há lại chẳng có đàn nhị tiễn tống. Cái thân suốt đời ở yên một chỗ như đứa làm con có hiếu đời Nho, hễ "phụ mẫu tại đường" thì nhất định phải là "bất khả viễn du", và có một cái tổ quốc để mà trở nên một hòn đá có rất nhiều rêu như thế thì sao có bằng được người Do Thái không có quê hương để mà vĩnh viễn lang thang trên lục địa. Cái mũi đinh cây côn gỗ của một kẻ nạn nhân trong lịch sử nhân loại từ có Tân Ước Kinh tưởng đã nếm thử được nhiều màu đất và mùi đất lắm. Hãy mượn lấy cái gậy ấy mà lên đường. Khước lắm. Gió thường hay lên cơn, thổi vi vu ở đầu cây gậy ấy.

Ấy, Bạch đã từng nghĩ lan man như thế, những chiều chàng lặng lẽ đứng giữa cái chốn nhốn nháo của sân ga sặc sụa mùi khói than đá và mờ mờ hơi nước đun sôi. Khói than đá. Hương ấy thừa gây mùi nhớ. Nhớ cảnh giang hồ. Mùi khói than đá lại còn gợi lại mùi dầu ét săng của đoàn xe vận tải đường trường và lại còn gợi đến cả mùi sơn dầu thông thơm phưng phức quanh quất trong ruột những con tàu bể. Bạch

không hiểu tại sao lại có người lợm oẹ được nhiều thế, mỗi khi khứu giác họ được làm quen với chút hương sơn, hương đá than hoặc nước xăng. Bất giác Bạch nhớ lại một bữa rượu ở phố Canebière bến Marseille do tất cả anh em Việt Nam làm tàu tổ chức để ăn một cái Tết Nguyên Đán ngoài quê hương. Gần tàn bữa tiệc, không rõ ở trường hợp tranh biện nào, khi chếnh choáng hơi men, Bạch đã hùng hồn nói một câu mà ba phần tư anh em có mặt ở bàn tiệc phải cực lực hoan hô và công kênh chàng lên, như ngày tháng tám ở quê nhà, người ta múa sư tử ăn giải treo ở các tư gia. "Thưa các bạn, nếu người ta cho tôi được quyền chọn lấy một trong hai thứ mùi thơm của dầu thông và nước huê của tất cả những cỏ nội và hoa ngàn cô lại, thì nhất định tôi chỉ xin lấy độ mười thước khối không khí trộn mùi dầu sơn nhựa thông thôi. Trong mạch máu người tôi, có đến một nửa thành phần là muối chát của bể".

Rất nhiều kỷ niệm xưa cũ đã xô bồ trở về với Bạch vào những lúc chiều chiều thơ thẩn ở nhà ga hít tẩu thuốc nhìn làn khói điếu của mình và nhìn luôn cả khói tuôn nơi đầu ống khói của những con tàu sắp sửa đi xa. Cái người thi sĩ ấy đang tìm những ý thơ cho một bài "Giang hồ hành" và lúc gieo được chữ cho bài thơ trường thiên thì vận chỉ toàn là những chữ của hắn học và thèm thuồng.

Chàng ra chơi ở sân ga nhiều quá. Sự siêng năng ấy của một người có cái bề ngoài nhàn hạ đã làm cho người chung quanh nhiều phen ngộ nhận mình. Cái gì mà cứ buổi chiều nào cũng ra đứng tẻu ở bến ga, tựa lưng vào một cái cột sắt mái hiên xi măng, quay mặt vào những đoàn tàu móc sẵn toa? Cái gì mà lại cứ ra ga để chiếm một chỗ đứng, nhìn trời, nhìn khói, nhìn vào tất cả bầy nhiêu cái mặt người thẳng thốt đang tay xách nách mang, với sự bình tĩnh ốm yếu của một người chỉ biết có lãng phí ngày giờ của mình?

Từ thày ký soát vé cửa ra vào, từ ông sếp ga cầm cờ đỏ, từ chú Tây đen cầm ba toong giữ trật tự và dẹp bọn bán hàng rong ở hè ga cho đến mấy ông đội Tây lục quân thuộc địa đeo súng lục đứng ở gác bến, ai ai cũng phải để ý đến cái anh chàng người dong dỏng và nước da mai mái ấy, mỗi buổi chiều là thơ thẩn ở đây và hút cứ từng nửa gói thuốc lá chưa cuốn. Tất cả bấy nhiêu người đều có thể nhận lầm những cớ khác đã xui anh chàng ấy túc trực ở nhà ga. Nhưng có một điều này mà họ không thể nhận lầm được về thái độ cử chỉ của Bạch. Là y không có đưa tiễn ai bao giờ. Phải, từ hôm họ để ý tới hắn ta ra sân ga liền liền hàng nửa tháng, không bỏ sót một chuyến tàu tốc hành nào, chưa khi nào họ thấy hắn ta đỡ hộ hành lý cho một vị hành khách hoặc trao đổi với ai một lời chào vui hoặc buồn. Thậm chí hắn cũng không thèm

trèo lên tàu để cho người ta có thể lầm tưởng là hắn đi lục lọi trong ruột toa, cố tìm lấy một kẻ quen thuộc ra đi. Không, không, hắn chẳng đưa đón ai cả. Vậy cái người lãng tử cô đơn không có bạn hữu, không có thân quyến ấy ra ga làm gì? Nếu người ta buồn và lại dồi dào thời giờ thì người ta vào tiệm hút, lầu trà, đi nghe kèn ở công viên hoặc rong chơi ở phố Tây mà ngắm hàng tạp hóa, trước tủ gương chớ? Hà Nội thiếu gì đất cho những người du đãng thích đứng đường. Vả chăng, cái thằng cha ấy sang trọng thế kia mà. Cà vát, sơ mi, quần áo hàng nỉ của hắn là những thứ hàng xa xỉ đem tự nước ngoài vào mà người ở đây có muốn dùng tới cũng phải bỏ ra nhiều tiền lắm thì mới đi theo kịp được thời trang như y. Lắm bữa người ta còn thấy hắn dùng những thứ thuốc lá hương yên hộp tròn thơm tho và sang vô cùng. Cái ông sếp ga tay chơi ấy, từ khi Bạch định làm quen và mời hút thuốc để mở đầu cho những câu chuyện vụn vặt về tàu bè luân chuyển, đã phải công nhận về chỗ xa hoa của Bạch dùng thuốc hút quá xa phí. Một điếu thuốc của Bạch mời có khi giá trị bằng cả một gói của người khác dùng hàng ngày. Hầy, Bạch thật là cả một điều bí mật cho những khối óc tò mò. Bởi vì ở một cuộc sống phức tạp này, có nhiều cái thơ mộng rất bình dị của nhiều nghệ sĩ đã bị chúng nhân hiểu lầm và phô

diễn cho đến thành ra những việc kỳ quái, họ mới chịu thôi cho.

Trong khi đau khổ vì cảm thấy mình là một con chim đại bàng bị cắt cụt cánh, chỉ còn có được đi một cách lạch bạch trên mặt đất chật, Bạch ra ga nhìn trò xê dịch của xe lửa cho vợi lòng thèm, chàng có biết đâu mình đã là cả một đầu đề cho sự tọc mạch của chung quanh.

Nhưng, mặc dầu, nếu Bạch có biết rõ người ta đã gán cho mình những ý nghĩ không tốt, chàng cũng không bỏ được cái thói quen ra ga xem tàu.

Chỉ có những hạng người cao đẳng muốn mượn thói xê dịch để dưỡng cái bệnh phải sống ở đời và chốc lát muốn thoát ly khỏi cái chặt chẽ của đời sống, thì mới hiểu được cái thú vị của thói quen ấy.

Bạch vẫn cứ ra ga hoài. Những phu "bắt-tê" đã thuộc cả mặt chàng. Chàng cũng thuộc cả những con số gắn vào lon tay của bọn phu khuân vác. Họ xin chàng một điếu thuốc luôn luôn. Và thỉnh thoảng chàng xin họ một que diêm. Không còn gì chán bằng sự cứ gặp nhau mãi ở một nơi nhất định để nhìn nhau với con mắt vô sự và dửng dưng. Sốt ruột lắm.

Bạch nhớ mãi câu nói của ông ký ga già: "Tôi ngồi ở đây đã mấy chục năm. Từ ngày mới có sở xe lửa Đông Pháp". Ông ta hom hem lụ khụ, và theo lời ông nói thì mấy chục năm nay, ông chỉ cầm có một cái kìm

bấm thang những tấm bìa vé. Tính ra đã có mấy trăm vạn triệu người phải chìa tay cho ông ta khám vé khi qua cửa vào ga. Ông vẫn ngồi đấy, thân hình đã đâm ra rễ cái rễ con gắn ông vào cái ghế để cho ông ngày lại ngày làm mãi cái việc rất bình thường là cầm một cái kìm thép. Cái kìm ấy, trước kia nước kền tắm mạ bóng và đẹp lắm. Bây giờ nó han rỉ hết sức bẩn thỉu. Cái mã xấu xí của nước kìm thật là đi đôi với nước da mặt người cầm nó. Nước da mặt ông ký ga già ấy xỉn cáu lại và trông hãm tài không biết thế nào mà nói cho hết được. Người không biết nghề nghiệp của ông ta sẽ bảo ông là một người nghiện thuốc phiện, da mặt bị ám khói dầu lạc và khói á phiện. Cái khói ấy, hỡi ôi! Chỉ là khói than tàu của hàng nửa đời người công chức chôn chặt nửa phần đầu tiên tuổi mình ở nhà ga để ngồi lịm tại đấy mà nhìn thiên hạ tháng ngày trẩy mãi như nước chảy theo dòng.

VIII

Buổi quá trưa hôm ấy trời mưa phăn. Lại có cả tiếng sấm tháng hai ầm ù nữa. Mưa phăn mùa xuân vào quãng giữa mùa, trời nồm như khí hậu ngày mưa rằm tháng bảy. Cả một đoàn tàu, cả toa máy, toa bưu điện, toa hành khách rầu rĩ như một buổi tống biệt xấu trời. Sắt, đồng và gỗ đều đổ mồ hôi. Cái lá cờ đỏ, cái lá cờ vàng cắm ở sau toa cứ rũ rù rù như một lá cờ trắng của kẻ chiến bại trương lên để xin hàng và nộp thành trì. Mặt sân nhà ga, những hòn gạch đỏ chảy ra như kẹo hồng gặp nồm. Tảng bùn chỉ in giữ được dấu chân người trong khoảnh khắc rồi lại tan nhoè ngay. Những hành khách buổi nay mặt rười rượi như vào những ngày ngâu. Họ uể oải đặt chân lấm lên bậc toa cứ sánh lại như quết mật mía. Phấn mưa đọng lâu vào tay vịn bằng sắt rỉ đã làm đổ xuống những dòng nước lạnh màu củ nâu rất dài và mảnh.

Bạch lừ đừ tiến lại cái đoàn tàu ê ẩm.

Ở phía đầu, gần toa bưu điện, có một toa hạng tư ngoài vách toa dán nhãn giấy in, đề "toa riêng". Ở hai khu đầu lên xuống và ở vài khung cửa mở có một nửa, Bạch nhận thấy lố nhố ít chục cái bóng hướng đạo sinh đang buộc lại tay nải, gói lại vải lều và lấy dây thừng buộc lại hàng bó gậy có đinh sắt nhọn ở một đầu. Bạch nhìn mãi, nghe ngóng một hồi.

Có lẽ cả một đoàn tàu hôm nay rất xấu và rất buồn, trừ có toa này là vui tươi thôi. Bởi vì những hành khách trẻ tráng của riêng toa này là những đoàn sinh, tráng sinh và sói con, sói già của vài đoàn hướng đạo. Họ vui, họ cười, họ đùa, họ hát, hát riêng, hát chung - với tấm lòng lạc quan cố hữu của hướng đạo sinh.

Bạch đứng dưới sân ga nhìn lên toa tàu, tình cờ nhìn đúng ngay vào hai con mắt một chị đoàn trưởng mặc xiêm đen, cổ quấn khăn xanh viền đỏ va ở vai phơ phất mấy dải ngù. Bạch đọc cái dải ngù: "Triệu Ẩu". À, thế ra người thiếu phụ này cầm đầu đoàn Triệu Ẩu. Nàng đen ngăm ngăm như những người thôn nữ quen tắm nắng của bốn mùa. Tự nhiên nàng cười với Bạch, Bạch không biết làm thế nào cũng phải cười lại. Hai nét cười, hai thế giới tâm tình. Người thiếu phụ cười để biểu dương thành thực, thẳng thắn, vui tươi và bình dị và tin tưởng của lòng. Trong nụ cười ốm yếu và gượng gạo của mình, Bạch cảm thấy

VIII

Buổi quá trưa hôm ấy trời mưa phăn. Lại có cả tiếng sấm tháng hai ầm ù nữa. Mưa phăn mùa xuân vào quãng giữa mùa, trời nồm như khí hậu ngày mưa rằm tháng bảy. Cả một đoàn tàu, cả toa máy, toa bưu điện, toa hành khách rầu rĩ như một buổi tống biệt xấu trời. Sắt, đồng và gỗ đều đổ mồ hôi. Cái lá cờ đỏ, cái lá cờ vàng cắm ở sau toa cứ rũ rù rù như một lá cờ trắng của kẻ chiến bại trương lên để xin hàng và nộp thành trì. Mặt sân nhà ga, những hòn gạch đỏ chảy ra như kẹo hồng gặp nồm. Tảng bùn chỉ in giữ được dấu chân người trong khoảnh khắc rồi lại tan nhoè ngay. Những hành khách buổi nay mặt rười rượi như vào những ngày ngâu. Họ uể oải đặt chân lấm lên bậc toa cứ sánh lại như quết mật mía. Phấn mưa đọng lâu vào tay vịn bằng sắt rỉ đã làm đổ xuống những dòng nước lạnh màu củ nâu rất dài và mảnh.

Bạch lừ đừ tiến lại cái đoàn tàu ê ẩm.

Ở phía đầu, gần toa bưu điện, có một toa hạng tư ngoài vách toa dán nhãn giấy in, để "toa riêng". Ở hai khu đầu lên xuống và ở vài khung cửa mở có một nửa, Bạch nhận thấy lố nhố ít chục cái bóng hướng đạo sinh đang buộc lại tay nải, gói lại vải lều và lấy dây thừng buộc lại hàng bó gậy có đinh sắt nhọn ở một đầu. Bạch nhìn mãi, nghe ngóng một hồi.

Có lẽ cả một đoàn tàu hôm nay rất xấu và rất buồn, trừ có toa này là vui tươi thôi. Bởi vì những hành khách trẻ tráng của riêng toa này là những đoàn sinh, tráng sinh và sói con, sói già của vài đoàn hướng đạo. Họ vui, họ cười, họ đùa, họ hát, hát riêng, hát chung - với tấm lòng lạc quan cố hữu của hướng đạo sinh.

Bạch đứng dưới sân ga nhìn lên toa tàu, tình cờ nhìn đúng ngay vào hai con mắt một chị đoàn trưởng mặc xiêm đen, cổ quấn khăn xanh viền đỏ va ở vai phơ phất mấy dải ngù. Bạch đọc cái dải ngù: "Triệu Ẩu". À, thế ra người thiếu phụ này cầm đầu đoàn Triệu Ẩu. Nàng đen ngăm ngăm như những người thôn nữ quen tắm nắng của bốn mùa. Tự nhiên nàng cười với Bạch, Bạch không biết làm thế nào cũng phải cười lại. Hai nét cười, hai thế giới tâm tình. Người thiếu phụ cười để biểu dương thành thực, thẳng thắn, vui tươi và bình dị và tin tưởng của lòng. Trong nụ cười ốm yếu và gượng gạo của mình, Bạch cảm thấy

chỉ có nỗi hoài nghi mênh mông thôi. Bạch nhận thấy mình là người ốm cần phải chữa lại cả bộ máy đã mòn đến xộc xệch và tự hỏi: "Làm cách gì cho sức tin ngưỡng trước cuộc sống có thể bằng như lòng yêu đời của người đàn bà hướng đạo đoàn Triệu Âu kia? Người ta biết người ta chống gậy lên đường để làm gì. Người ta đi để vui vẻ làm việc mỗi khi phải ngừng chân cắm lều trại đốt lửa ở trên một khoảng đất nào. Ta đi để mà đau khổ lẫn cả lúc đi lẫn lúc nghỉ. Ới ta ôi là ta ôi".

Bạch đã phải bực mình hết sức với cuộc sống trớ trêu sao cứ thỉnh thoảng lại bày ra một vài cảnh tin vui và trái ngược với lòng mình để bắt chàng phải làm những việc so sánh rất tiêu cực như vậy. Chàng bực dọc lấy ngón tay búng mẩu thuốc còn dài vào đúng chiếc bánh xe sắt gần toa tàu không nhúc nhích. Dăm cái đốm lửa rụng xuống lớp đá ướt đường rầy.

Giữa lúc ấy, một đoàn hướng đạo sinh sắp hàng ngũ tề chỉnh kéo nhau tiến lại phía chàng - nghĩa là chỗ toa riêng của những bạn đoàn sinh, tráng sinh và sói con của họ. Họ ngừng lại với cái rắn rỏi của nhà binh. Bạch lùi lại phía sau.

Ở toa tàu ban nãy đã vui ồn bây giờ lại càng rầm rĩ. Rất nhiều cái mũ nồi có thêu hình đầu chó sói tai nhọn lố nhố thò ra khỏi khung cửa toa. Mỗi cái đầu thò ra là một nụ cười có những hàm răng chưa đều

Những cái khóa sắt, dao sắt và chén mạ kền có quai đeo ở thắt lưng họ và dụng cụ của mấy anh bạn khác, cũng cất cao tiếng kim khí mà hòa vào cái điệu vui chung. Có những anh đang buộc dở hành lý hoặc xếp đặt lại hộp thuốc cấp cứu có hình Hồng thập tự cũng vội chạy ra đầu toa cười góp với anh em một phút cho nó phải với cái đạo hướng đạo.

Nhưng thực ra cũng có nhiều anh buồn lắm ở trong lòng, tuy ngoài mặt thì là hể hả. Tất cả bấy nhiêu người đều tíu tít lên mà vui. Bỗng con tàu mở nhè nhẹ máy lúc nào không biết. Mấy chục cái bánh sắt quay chưa đủ một vòng thì sân ga đã vang động lên âm thanh một bài ca. Bài "Từ Biệt Vui Vẻ" của đoàn sì - cút. Tất cả người đi và kẻ ở đều ca hát vang lừng, lắm cái miệng nhỏ bé quá và không thuộc câu hát cũng mấp máy phụ họa vào trông dễ thương lạ. Người đi chống gậy đứng ở đầu toa đang chuyển động, nhìn xuống sân ga, nhìn vào mặt kẻ ở cùng hát rằng:

Ta có nên chia tay nhau mà không hy vọng

- Không hy vọng trở về.

Ta có nên chia tay nhau mà không hy vọng

Một ngày còn được gặp lại nhau.

Đây chỉ là một lời từ biệt.

Các anh ơi, đây chỉ là lời từ biệt,

Phải lắm, chúng ta sẽ còn gặp nhau,

Các anh ơi, đây chỉ là một lời từ biệt
Với những bàn tay giữ chặt lấy nhau
Vào một buổi ngày tàn này
Với những bàn tay nắm chắc lấy nhau
Chúng ta kết nên dây thân ái
Hỡi những bạn Hướng Đạo kết chặt bằng
dây thân ái
Chung quanh những ngọn lửa trại chung
Hỡi những Hướng Đạo Sinh đoàn kết bằng
tình thân ấy
Chúng ta chớ nên nói câu vĩnh quyết
Bởi vì Thượng Đế thường thấy chúng ta
gần nhau
Và sẽ phù hộ cho chúng ta,
Bởi vì Thượng Đế thấy chúng ta sum họp
Sẽ tìm cách cho chúng ta đoàn tụ.

Bạch lẻn ra về trước khi đoàn hướng đạo ở lại kéo nhau ra cửa ga. Cuộc sống của những người này là đầy tin tưởng và không lúc nào có một tí sơ suất của tinh thần. "Ta có nên chia tay nhau mà không hy vọng trở về... Chúng ta chớ nên nói câu vĩnh quyết...", Bạch cho rằng chỉ khi làm được người hướng đạo thì mới dám nói quả quyết như vậy. Chàng lại nhớ đến lời mình hẹn với một cô đầm thợ thêu người nước Áo

ngụ ở Ba Lê: "Bây giờ là mùa xuân. Tôi về nước, độ mùa thu tôi lại qua. Tôi và em sẽ gửi nhiều thư cho nhau trong khoảng xuân thu ấy". Bạch nhẩm tính. Từ ngày đó, đã có bảy mùa thu và sáu mùa xuân kế tiếp nhau đi qua rồi. Mà biền biệt, không một lá thư, không cả đến ý nhớ không phải mất tiền mua nữa, chứ nói chi đến chuyện trùng lai và tái kiến. "Ta có nên chia tay nhau mà không hy vọng trở về...", Bạch nghĩ thầm lại muốn cười. Cười để mà được buồn thêm: "Ra người ta tụ ít tán nhiều, lúc lâm vào cảnh sinh ly thường xây quá nhiều ảo tưởng nên một ngày trở về nào ít khi xảy đến thực".

IX

Suốt mấy chục ngày ròng rã, Bạch ra dưỡng "bệnh không gian" ở một sân ga Kinh thành, có lẽ hôm nay mọi người mới nhận thấy sự có mặt của Bạch ở ga là có nghĩa lý. Bạch đã có một cái cớ chính đáng để đứng ở ga. Nó khác hẳn với những lần trước, Bạch chỉ đứng tếu ở đấy như là quân lãng du thơ thẩn ở các công viên vào những ngày không phải là chủ nhật và cũng không phải là ngày lễ.

Hôm nay, Bạch đưa một người em trai lên đường. Phối. Hai mươi tuổi. Học trò trường Bách Nghệ, vừa trúng tuyển kỳ thi nhà trường lấy một trăm lính thợ chuyên môn gửi qua Pháp tập nghề. Nghề tiện đạn. Tập nghề độ sáu bảy tháng chi đó, rồi lúc về sẽ làm thợ tại một xưởng máy nhà nước đang dựng, từ khi có cuộc Âu chiến, xứ Đông Dương thuộc địa cũng có một chương trình phòng thủ hoạt động chứ không hoàn toàn thụ động nữa.

Bạch vốn tự cho mình gần như là một kẻ lưu đãng sắp phản bội đời sống giang hồ và sắp bị một mớ trách nhiệm, bổn phận buộc hãm chân tại một nơi nhất định. Chính Bạch đã gợi xui Phối nên đi Tây. Chàng muốn đứa em nhỏ tiếp thêm vào cái đời mình mà chàng đã coi như gãy đứt. Cơn binh lửa ở Châu Âu đã là một dịp rất tốt để cho đứa em chàng được dịp xuất dương. Đứa em ngây thơ ấy từ trước đến giờ quá quyến luyến với gia đình. Sự tha thiết của đứa em nhỏ đối với gia tộc là một điều mà Bạch không muốn có, ít ra là trong lúc này, người em chàng mới có hai mươi tuổi. Phận nó là em út trong một nhà đông con, nó có vắng nhà chăng nữa thì ở hội đồng gia tộc chắc cũng chẳng ai nhận thấy lỗ trống đó. Giỗ tết, sưu thuế, đâu đã đến phận nó. Vả chăng nó lại chưa có vợ. Vả chăng nó lại thừa sức khoẻ. Cái đóa hoa tươi còn ngậm kín hương ấy còn đợi gì mà không nở bung trước cơn gió ngàn đang lên, sỏi cát lá vàng bay theo vù vù.

"- Em ơi, đi đi. Phải đi đi. Nếu em có phải là sinh ra để mà yên vui ở một chỗ thì cũng cứ nên đi đi đã. Em chưa mệt mỏi với một vài dặm nắng thì em chưa có quyền ngồi nghỉ ở dưới một bóng cây già. Anh vẫn biết bóng gia đình râm và mát và ngón tay dài ngắn khác nhau, đời anh và đời em không thể giống nhau được. Anh là đứa con hoang toàng của gia đình. Em

là đứa con ngoan ngoãn của thầy mẹ. Cha mẹ cho chúng ta làm anh em một dòng và đời sống cho anh em chúng ta những tính riêng. Anh là một đứa con hoang toàng đang tiếc mình không hoang phí mãi được, không kéo dài mãi được những ngày lưu đãng để đến nỗi phụ bao nhiêu người đang tản mát khắp mọi nơi, để đến nỗi phụ những cơn mưa mau hột và những trận gió mới lạ của rừng của bể. Những cái gì anh đã được thấy biết ở ngoài gia đình, nếu em chịu cắt lại một giải áo mà đi một vài dặm đường, em cũng sẽ thấy biết. Em hãy tự gieo mình vào phiêu lưu như là kẻ kia quăng lên trời những hòn đá. Rồi ngày mai ngày kia, em sẽ lượm lại những hòn đá ấy nếu em có ý muốn xây nên một cái gì về sau này. Đời em còn dài lắm, đã lấy gì làm chậm. Nơi lá số tử vi của em, anh cũng thấy có vì sao Thiên Mã cắm ở cung Mệnh. Cái điểm ấy là một điểm tốt. Không nên cưỡng lời của định mệnh và không nên cưỡng lời của anh, em hãy cứ lên đường đi đã. Rồi lúc nào em thấy mỏi, muốn nghỉ... cái đó tuỳ".

Bạch lánh ngay sang buồng bên, anh đã dúi cho Phối một lá thư ấy. Bạch đã bắt Phối xoè bàn tay phải ra, dí vào bàn tay em còn thắm mềm một cái gậy và vỗ vai em, chỉ một cơn gió vô hình đang xô hạt mưa va vào lớp kính cửa nhờ nhờ ánh sáng trộn lẫn nước. Phối nhìn gió, lắng mưa. Bạch nhìn trộm em đang tần

ngần bên cửa kính. Cặp mắt Phối, có sáng hơn lên nhưng lại mờ đi ngay. Phối nhìn xuống và lấy ngón tay gõ vào kính thành một dịp thanh âm băn khoăn. Và ngập ngừng hỏi anh:

- Chắc thày chả muốn cho em đi. Thày vẫn phàn nàn nhiều về anh và thường xuyên bảo em đừng nên bắt chước anh. Những lúc vắng anh, mỗi khi đả động đến anh, thày chỉ kêu: "Thật là một sự đại bất hạnh cho nhà ta". Bây giờ mà thày biết em đi, thày có thể ngăn trở được lắm. Rút cục, cuộc đi của em không những lỡ mà còn gây thêm mối phẫn cho một người khác. Thày bây giờ già rồi; em không muốn gây thêm một điều bất hiếu nữa. Em xin lỗi anh nếu em phải dùng đến chữ này.

- Em không nói anh cũng rõ cả. Anh chỉ hỏi em xem em có muốn đi không. Nếu em muốn, anh sẽ làm cho em lên đường được gọn gàng.

Phối nghĩ ngợi lâu. Ngoài trời vẫn mưa. Bạch dỗ em và bảo:

- Em trông xem, có phải trong mưa gió có cả một bài thơ muôn vận dành riêng cho những người sống ở ngoài trời. Trong tiếng mưa, có một tiếng gọi thần diệu. Không đi thì uổng lắm. Một ngày gần đây, khi nào mà bổn phận rất nhiều và rất sớm đã bỏ tù em ở lại một chỗ rất tẻ và hẹp, em sẽ tiếc cái lúc em còn sung sức, em sẽ tiếc những ngày không có trách

nhiệm cai quản. Ngày đó, em muốn chống cái gậy nhọn mà lên đường, e chậm quá. Ngày đó, nếu em có thành thực hỏi ý kiến anh, anh cũng không dám khuyên em lên đường. Ngọn gió nổi lên bấy giờ sẽ là thứ gió của những người khác thôi.

Sau một đêm không ngủ được vì những lời thiết tha của anh muốn mở cho mình một cánh cửa vào đời, Phối đã lấy làm khó chịu vô cùng. Từ thuở tấm bé đến giờ có khi nào Phối trằn trọc mất ngủ đâu. Cái người trẻ ấy ăn đều lắm và ngủ cũng đều lắm. Cái tuổi ấy quả là trời cho để mà hưởng thụ cho được nhiều cái đã. Đêm ấy, Phối mới biết rằng khi mà người ta không ngủ thì đêm là dài lắm. Và cái đêm dài ấy mở đầu cho một cuộc đời và đã định đoạt cho một cuộc sống phải đi lạc hẳn cái nếp cũ của mình.

Ngày hôm sau, Phối đã vui vẻ đòi anh đưa cho mình cái gậy có đinh sắt mà hôm vừa qua Phối đã viện những lẽ thiêng liêng của gia đình để từ chối. Bạch quay mặt đi, cười thầm như một người kỳ nữ lão luyện đã kéo được một kẻ tu hành ra khỏi mái ngôi chùa.

Và từ hôm ấy, Bạch để hết thời giờ vào việc thu xếp cho Phối đi Tây cho lọt. Chàng và Phối cứ mật mà làm, nhất nhất đều không cho ông cụ biết. Bạch đã dặn riêng Phối trong mấy ngày còn ở lại trong xứ rằng nên hết sức làm cho vui vẻ lộ hết cả ra ngoài

mặt. "Lẽ thứ nhất để giấu kín chuyện này, chú nên coi chừng nhà tôi; chị ma biết, sao cũng mách với thày thì hỏng bét cả. Lẽ thứ nhì, để tận hưởng lấy ít ngày còn ở lại nhà, nếu chú thấy những ngày còn lại gần đây là đáng quý, đáng tiếc". Ông cụ Tô thấy "anh em nó" dạo này vui cười và hay gần gụi nhau, hơi lấy làm lạ. Mọi khi chúng đối với nhau vốn là xung khắc. Ông cụ Tô lấy thế làm một điều sỉ nhục cho gia đạo, tuy không nói ra miệng. Những lúc cụ ngồi độc ẩm với hũ rượu thuốc hoặc trước cái ấm đất Mạnh Thần nhỏ bằng hạt mít, cụ Tô thường thở dài và đổ lỗi lên đầu người con cả: "Cái thằng Bạch, hỏng! Nó không biết gì đến hiếu để cả. Chỉ sợ lớn lên, cái thằng Phối lại theo gương thằng anh nó thôi". Buổi sớm, buổi chiều, buổi đêm thức giấc, cụ Tô chỉ đành đánh đấm phiền muộn vào đáy một chén rượu, một chén trà tàu thui thủi pha lấy một mình.

Nay cụ thấy các con hòa thuận, cụ không khỏi ngạc nhiên và sau cơn ngạc nhiên thì cụ sung sướng hoàn toàn. Hỡi ôi! Bạch và Phối, trước ghẻ lạnh nhau như hai vừng Sâm Thương và bấy giờ lánh mặt nhau là một cớ để cụ Tô uống rượu - chén rượu phiền âm thầm của một ông già. Bây giờ Bạch và Phối sát kề nhau lúc ăn, lúc nằm, lúc ra ngoài như đũa có đôi, lại vẫn cái cớ để cụ Tô uống rượu. Những chén rượu này có đầy hơn những chén rượu lúc trước. Bởi vì có một

người nhiều tuổi đang vui, đang vớt lấy chút vui chính đáng vào khoảng buổi chiều một cuộc đời bình lặng.

Trong những ngày cụ Tô vui sướng một cách lầm lạc và bị đánh lừa như thế, thì Phối đi xin chữ và con dấu về hạnh kiểm, khai sinh và đi khám sức khoẻ. Phối ngỏ với Bạch:

- Anh ạ, đo thân thể và đi cân, indices Pignet của em dưới 30.

Bạch hể hả, vỗ vai em:

- Xong rồi. Được rồi. Chỉ sợ Pignet của em trên 30 thôi. Những người tầm thước và sức lực sau khi đã cộng và trừ mà trên 30, thì không trúng cách.

Thế rồi, Bạch và Phối đi sắm những đồ dùng lặt vặt để nay mai đi xa và mua thêm ít quần áo; Phối muốn dùng những thứ hàng đẹp. Bạch đã cười rất to trong mấy cửa hàng vào hỏi giá và bảo Phối.

- Chú chưa đi xa, chú chưa có những thói tục của lữ khách có khác. Chú định sang nước người, trưng bảnh và làm dáng với những ai? Những thứ hàng áo xanh cánh chả và quần màu hồng là dành riêng cho hạng mày râu nhưng mà khăn yếm, ngồi ro ró trong những cái phòng khách rất đẹp và rất kín. Những người lữ khách đường trường chỉ có quyền dùng những màu chết, cho nó điều hòa với đất với cỏ, với hạt bụi, với lá khô. Như cái màu rêu phấn ngựa mà

nhà binh hay may áo sơ mi chẳng hạn. Chú thử để ý kỹ xem có người khách du lịch tự trọng nào trong lúc ngồi tàu dám mặc những thứ loè loẹt tươi thắm đâu.

Phối thông minh, không bướng, tỉnh ngộ ngay và hỏi anh vậy thì nên sắm sửa thế nào.

- Chú chỉ cần mua những cái gì gọn bền và nhẹ nhàng. Không cần đẹp. Không cần đến lượng mà chỉ cần đến phẩm. Một người muốn đi xa và nhiều, những hành lý đem theo không bao giờ có tính cách nặng và cồng kềnh. Những hành trang lềnh khềnh sẽ làm phiền lữ khách gấp mấy mươi cái địu thê nhi quẩn vướng vào chân.

Câu sau, Phối không lấy gì làm hiểu lắm, giương mắt thao láo hỏi Bạch, Bạch cười và nói sang điều khác:

- Bao giờ sắm sửa đủ cả rồi, tôi dám đố chú xếp thế nào cho gọn trong một cái va ly, đựng cho được nhiều và không phí chỗ, và chỗ nào ra chỗ ấy. Cả một cái nghệ thuật đó em ạ. Chỉ có thói quen của nhiều đăng trình mới đem lại cho em được cái nghệ thuật ấy thôi. Bây giờ chúng ta đi mua va ly.

- Em muốn mua một cái thực to. Bằng da.

- To như thế nào?

- To bằng em.

- Em đã lấy gì làm to. Mà không nên mua cái to, em phải mua ra làm mấy cái. Hoặc hai cái nhỡ. Hoặc

một cái nhỡ, một cái bé. Nói đến va ly to, người khách du sang trọng hiểu nó là một cái tủ áo con con, trong đó mắc áo, cốt gỗ nhẹ bọc da mềm, dựng đứng lên lúc yên nghỉ thì là cái tủ áo, và lúc mang xách lên xuống thì là một cái hòm khổng lồ. Những người ấy là người sang trọng chỉ đi lại ở những thị trấn và phụ đầu lớn thôi. Mỗi lúc lên tàu, xuống tàu, họ đã có hàng lũ phu "bắt-tê" khiêng vác cho họ đưa vào khách sạn. Còn như em, em là một người lữ khách nghèo, đi đâu cũng phải khiến lấy hành lý của mình, có lẽ suốt cả đời rồi đều phải lấy sức mình ra mà hầu mình. Em sắm cái to mà làm gì. Đáng một cái hành trang to ấy, em chia nó ra làm hai cái nhỡ. Cầm mỗi cái ở một tay, mỗi lúc em xuống tàu hay bước lên con tàu, em giữ thẳng được người, em không mất thăng bằng, em sẽ nhẹ nhõm nét mặt, em sẽ có thể cười được với cảnh đẹp của một cái bến, một sân ga. Không còn gì xấu hổ cho một người du khách trẻ tráng hơn là có một bó hành trang lôi thôi lễ mễ và một bộ mặt tử vì đạo.

Phối vẫn chưa chịu, lè nhè muốn nói với anh đòi mua cho được một cái va ly to lớn, làm cho Bạch phải viện đến cái lẽ này:

- Phỏng thử em là một người giàu có, đi tới đâu cũng ném tiền ra để dịch xử những kẻ khác hầu mình, đỡ hành lý cho mình, anh cũng không muốn cho em làm thế. Có nhiều khi em đi đến những chỗ không có

lấy một bóng người, chỉ có mình em trơ trọi giữa nơi đìu hiu, mọi rợ, giữa chỗ dã man của cảnh thổ, em định sai ai và trút gánh cho ai? Và nó lại ác thêm là chỉ có những nơi hẻo lánh, hoang rợ ấy là có những cái gì đáng xem thôi. Du khách thụ giáo được những bài đại học lữ khách thường lãi chỉ ở những nơi ấy thôi. Như anh đã kinh nghiệm, cái hành trang tốt nhất của người lữ khách vĩnh viễn lại chỉ là cái tay nải muốn năm khoác lên vai, vai mang khăn gói lúc thượng sơn, tay chống cái gậy lúc xuống dốc qua khe, như một người đi hành hương ấy em ạ. Người ta thường nói đến một cái tay nải của bậc giáo sĩ, của gã thuỷ thủ, của nhà bác học theo đoàn thám hiểm. Chứ có ai nói đến cái va ly của họ bao giờ. Còn gì buồn cười bằng khi người ta nói đến cái va ly của anh si-cút. Phải là cái túi dết, cái bị.

Phối phải nghe lời anh, sắm hai cái va ly nhỏ vậy, nhưng trong lòng vẫn hậm hực. Đến một hiệu tạp hóa khác, Phối muốn mua một cái tẩu thuốc lá và hỏi ý kiến anh nên mua cái nào. Trong tủ kính, ngổn ngang có đến mấy chục ống điếu. Phối mê say, phân vân về sự lựa chọn.

- Này anh, anh sành về cách chơi tẩu thuốc, anh chọn hộ em một cái cho xứng với người em.

Bạch mỉm cười nhìn em, nhìn lũ tẩu thuốc và tự hỏi xem ai đã sớm dạy cho thằng em nhỏ bé của mình

cái lối chơi điếu - cái lối chơi này của những người niên xỉ đã cao. Với giọng trào phúng rất kín đáo và rất bình thản, Bạch đã dòm rõ vào khuôn mặt Phối non choẹt:

- Chọn một cái điếu cho xứng được với em! Điếu có cơ man là kiểu. Dài, ngắn, lục lăng, bát giác, tròn vuông và vân vân... Bằng gỗ, bằng đất, bằng bọt bể. Mỗi thứ đi với từng khổ người ngậm điếu và từng đức người hút. Áo em mặc, phân tấc chưa nhất định, vẫn còn phải cắt mới, trừ hao; tính em chưa định vững. Anh biết em muốn những gì mà chọn điếu cho em vừa lòng được.

Phối sa sầm nét mặt xuống: "Anh ta thực khinh ta nhiều quá. Chuyến này ta đi cho rõ lâu và nếu có cơ hội bên ấy, ta sẽ tạt ngang sang các nước lân cận cho mà xem. Sang được Tây rồi thì đường ở bên ấy thông đi các nơi như bàn cờ".

Hai anh em tần ngần đứng lặng. Bạch biết đã phạm vào lòng tự ái của em. Nhưng nghĩ lại chàng tưởng nhớ đến mọi cái kết quả hay của những câu nói khích trong nhân loại. Chàng hết sức dèm lũ tẩu thuốc ở cửa hàng này những là hút nóng, cách chế tạo ruột gà trong lòng điếu là vụng và những cái điếu rẻ tiền ở hàng tạp hóa là đồ táp nham không nên sắm. Mua những cái điếu thuốc không có sự đảm bảo của thương tiêu in trùng vào sườn điếu chỉ phí tiền toi.

- Em muốn mua một cái mới. Nghĩa là em muốn có hoàn toàn của em. Một cái kỷ niệm của em tặng cho em, một ngày lên đường.

- Em thơ ngây lắm. Ở thế gian có những vật tủn mủn làm bạn với người chỉ nổi được giá vào lúc nó đã trở nên xưa cũ thôi. Cái tẩu thuốc lá là một trong những vật ấy. Khổ nhất cho một người hút điếu là bị thất lạc mất điếu cũ và bất đắc dĩ phải mua điếu mới mà đền vào. Mỗi lúc phải tôi cái điếu là công phu lắm.

- Tôi điếu? Thế nào là tôi điếu?

- Hà! Một câu hỏi của em đã nói nhiều về sự quỵch của em về phương diện tẩu thuốc. Em có thấy chú Huấn mỗi lúc mua một cái tẩu đất mới hút thuốc phiện thì chú làm như thế nào không? Chú phải đem tôi nó đi đã. Tôi bằng mỡ chó, mỡ gà. Cho nó mất hết mùi đất đi đã, rồi mới lăn thuốc phiện lên trên. Tôi xong rồi, cái diện thuốc mới mới thành ra tẩu luyện, tẩu đã thành thuộc dùng được. Chính em đã một lần đi lấy mỡ gà sống thiến cho chú Huấn tôi điếu rồi đấy thôi.

- Em nhớ ra rồi. Vậy ra thế.

- Điếu hút cũng vậy.

- Tôi điếu thuốc lá như thế nào?

- Cái điếu mới, một người nghiện thuốc lá biết kính trọng mình không bao giờ nhồi thuốc vào ngay. Cái lòng điếu gồ ấy cũng phải luyện đi cho thuộc đã.

Có người tôi bằng rượu mía mạnh. Có người tôi bằng rượu nho nặng phản kinh niên. Có người tôi bằng dầu ô lưu. Nhưng muốn công phu cày cục thế nào, cái điếu mới cũng không bằng cái điếu cũ. Hút nó ngái lắm. Lạc hết hương của thuốc. Em phải biết cùng một mồi thuốc, cùng một thứ thuốc sợi rời, hút cái điếu cũ một năm, mùi khói có khác mùi khói cháy ở nồi cái điếu cũ đã hai ba năm.

- Ồ, lạ nhỉ?

- Em tưởng anh nói bịa sao? Bởi thấy em đột nhiên có cái thích dùng điếu sớm quá cái tuổi mình, anh cần giảng rõ cho em hay. Một ngày kia, em đã là một người lữ khách biết thế nào là lúc lên đường, biết thế nào là lúc đáng ngừng bước, em sẽ còn hiểu thấu đến cái tình người giang hồ đối với cái điếu tuỳ thân là nặng đến như thế nào. Lắm lúc anh phải nằm meo ở nhà, buồn đem cái điếu cũ ra mà hút, tự dưng thấy thương, thấy nhớ một cách xa xôi lắm em ạ. Nhớ một căn phòng trọ. Nhớ một cái mốc đá ở bến. Nhớ một cơn gió. Nhớ một trận mưa giữa trời. Lung tung lắm. Mỗi một giọt nước bọt chảy vào ruột điếu, rỏ xuống cục tàn thuốc đỏ cháy kêu đánh xèo một cái là cả một tiếng nấc của một người lữ khách mạt lộ bị nằm bệt trẹ lại một nơi...

Phối nghe chuyện lấy làm thú vị. Phối nhìn người anh cả mình với sự kính cẩn: "Ở, thảo nào. Anh mình

đi lắm nói chuyện cũng có khác. Tiếc rằng mãi đến bây giờ mình mới được anh đãi đằng đến. Nhưng anh mình đã đi nhiều thế, vậy mà chưa thấy mệt mỏi là nghĩa lý gì? Vẫn cứ còn thèm đi? Sao vẫn chưa chịu yên nghỉ và buộc chân vào một chỗ? Thà mình chưa được ra ngoài. Nghĩ cho chị Bạch nhà ta cũng lành. Từ ngày làm bạn với nhau, anh ấy bỏ nhà đi luôn, mà chị Bạch vẫn không nói gì, vẫn vui vẻ như thường. Hay là cái kiếp sinh ra thế?".

Bạch và Phối có lẽ lần này là lần đầu mà thân mật đã làm cho họ hết sức phóng túng hình hài ngôn ngữ. Hai người đều cởi mở lòng. Đối với anh, Phối kính cẩn như một tên lính trơn khinh kỵ lúc dắm lên bàn đạp một chiếc ngựa bách chiến của ông quan ba giao cho đi chải và tắm. Bạch ái ngại cho em như là trận gió lốc rủ thương đến một ngọn cỏ non ở dia lối mòn. "Mưa gió rồi sẽ nhiều lắm đây. Chẳng biết tấc cỏ non nó có đủ lực?". Nhưng mặc dầu, ngày ngày còn lại, Bạch vẫn truyền cho em những điều kinh nghiệm của mình. Và Phối lắm đêm thắc mắc tình giấc để nhẩm lại những điều vỡ lòng về cái thuật chuyển di mà anh đã truyền cho trong mấy ngày gần đây.

Từ trưa đến hết buổi chiều một ngày ấy, hai anh em Bạch và Phối qua mấy phố buôn bán đủ mặt hàng. Sắm sửa đủ thức rồi, có một cái gì khó mua được cho ưng ý thì vật đó vẫn là chiếc va ly. Phối ưng đến đâu

thì Bạch bĩu môi lắc đầu đến đấy. Ra chọn được một cái va ly cũng khó thực.

Lúc thành phố đỏ đèn buổi tối, Phối mời Bạch đi ăn cơm. Lần đầu tiên Phối không ăn cơm nhà. Người trẻ tuổi mặt trắng ấy đã bỏ một bữa cơm gia đình. Và sau khi hỏi dò anh nên ăn Tây hay ăn Tàu và dùng ở hiệu nào thì hơn - về những địa chỉ tửu điếm, thực chất, Phối bỡ ngỡ lắm, - Phối đã đi trước anh mình, dẫn lên cái cầu thang thếp vàng sáng loé hiệu Tây Hưng Viên với sự trịnh trọng ngộc nghệch của một người vị thành đinh được tập thói tục người lớn và lần đầu tiên đi ăn hiệu. Muốn em mình được làm quen với cảnh ồ ạt, xô bồ, nhộn nhạo của cuộc sống công chúng từ đây rồi sẽ là cảnh thường nhật của người lữ khách mới vỡ lòng này, Bạch bảo Phối đừng nên lấy buồng riêng:

- Ngồi ở chỗ thoáng này hơn. Khi nào có đàn bà hoặc phải giao thiệp làm ăn gì với ai thì ta hãy nên lấy buồng cho nó được biệt tịch êm tĩnh và có thể thống hơn. Ngồi ăn giữa chỗ đông và huyên náo sẽ giúp cho mình nhiều về sự quan sát. Nhiều câu chuyện lý thú ở những bàn hàng xóm cũng đủ là rượu khai vị rồi.

Phối ăn nhiều uống ít. Trái lại, Bạch ăn ít và uống rượu rất nhiều. Những món ăn của Phối gọi thật là thừa thãi và thiếu trật tự như thực đơn của kẻ tiểu

trưởng giả gặp được ngày lành tháng tốt để tiêu tiền. Phối hạch sách hầu sáng nhiều quá và gọi chúng có khi to tiếng hơn cả tiếng bọn này hô tiền. Cái tính cách mạnh bạo của Phối trên tửu lâu đã làm cho Bạch hồi tưởng đến những lúc mình được làm người thuỷ thủ đi chuyến thứ nhất - cái kỷ niệm xa lắc xa lơ - trên bể và ghé vào cái bến đầu tiên của những ngày mới tập tõng giang hồ. Bạch tủm tỉm nhìn em mình đánh vỡ, đánh đổ chén, thìa, cốc và vịt xì dầu. "Thằng này mà làm thuỷ thủ, tàu áp bến đổ bộ là tha hồ mà om sòm đấy. Tiệm nhảy, quán rượu, nhà chứa, sòng bạc ở các cửa sông ven biển rồi còn khối kinh động vì thằng em mình". Phối xưa nay không uống rượu, lúc này có chén, càng la mắng tửu bảo, kêu đồ ăn những là nguội quá, giở quá, nhạt quá, mặn quá. Bọn hầu sáng định giận, nhưng họ thấy có Bạch ngồi cùng bàn với cái ông khách tính nóng như lửa và hay cà ấy, họ lại nghĩ đến những lúc mọi ngày Bạch cho họ tiền đầu sai rất hậu, họ đều dằn lòng và hầu tăm tắp. Thấy em mình muốn người ta hầu hạ bằng sự dộ nạt hạch sách, Bạch nghĩ đến những cái tửu quán êm đềm xứ Y Pha Nho, người nào muốn vào ăn nghỉ ở quán thì đem thực phẩm và chăn màn tới mà tự mình hầu hạ lấy mình. Sẵn bếp đấy, có đồ ăn thì xào nấu lấy. Nếu có rượu thì nhà hàng sẽ cho mượn cốc. Có thức gì đem đến thì đem ra mà ăn mà uống. Chủ quán chỉ cho

mượn một chỗ ngồi hoặc một chỗ nằm thôi. Chỉ có thế. Nếu ông ậm ọe lắm, xin mời ông đi chỗn khác. "Thế mà hay. Bạch ngẫm... Mình còn phải mồi miệng mà xin lỗi thiên hạ hộ em mình. Cuộc sống còn tốn nhiều hơi sức lắm mới luyện cho thằng em mình thành người chín được. Ở những tửu quán hẻo lánh nơi lữ thứ, cái lối thị hùng của thằng em ta là một cái cớ để cho một ông giang hồ vô danh ngồi bên bàn hàng xóm ngứa mắt được dịp chơi dao lúc rượu đã nóng mặt đây. Nhưng trước kia, mình cũng đã nhiều phen ôn ào gấp mấy thằng em mình ngày nay. Không trách hắn. Đời sẽ chỉ bảo cho hắn sau này".

Bạch đã khuyên Phối, vào lúc cuối bữa tiệc nặng này, đừng nên uống cà phê ở hiệu cao lâu Khách:

- Chỉ như nước vối thôi. Về anh mà uống. Anh có bộ pha cà phê xinh lắm. Trước khi đi vắng xa và lâu, anh muốn cho em được biết cái phòng riêng của anh. Ít người để chân tới đấy. Đấy là một nơi thân mật nhất của anh.

- Về anh?

- Ừ. Em không biết cái phòng riêng của anh ở phố Hàng Gai đấy nhỉ? Tưởng có lần chị ở nhà đã nói cho em biết rồi. Chị có lên đấy mấy lần rồi. Mà lạ quá, ai đã mách chỗ ở riêng của anh cho chị biết?

Bạch đã bảo Phối nên nhè nhẹ bước chân lên cầu thang gác. Dưới còn có chủ khác. Bạch mở cửa khóa, bật đèn và đi ngay lại bàn góc tường đánh diêm dóm đèn cồn đun nước pha cà phê. Phối ngắm nghía mãi gian phòng bày biện rất khác thường. Nó không sang, nhưng mà ngộ lắm. Trên mặt bàn tròn giữa phòng, có một quả bóng thuỷ tinh mài mờ vẽ đủ hình mấy cõi lục địa và đủ các đại dương - đường kính đến nửa thước tây và ở trong mắc đèn điện. Vừa rồi Bạch bật ở cầu chì cho sáng cái ngọn đèn điện này. Đèn cháy làm quả địa cầu luân chuyển theo một chiều từ Tây qua Đông, tiếng kêu rì rì đều đều làm cho màu ánh sáng gián tiếp đục nhờ càng thêm phần tẻ nhạt. Trên tường la liệt những đồ họa các nước. Lúc lại gần, Phối nhận thấy ở nhiều tấm có những nét chì đỏ nối lại một vài Kinh thành, thị trấn và hải cảng và đè lên trên nét gạch chì đỏ ấy là những chữ chì màu xanh - đúng tự dạng gai nhọn của Bạch ghi ngày tháng năm đã xưa cũ. Ở một góc tường, có một cái lịch to lắm. Giấy lịch to bằng khổ giấy thếp học trò. Bìa lịch to bằng nửa cái mặt bàn giấy, trên đó in hình một chiếc tàu bể màu trắng ba ống khói đen đè xuống hai màu xanh lam và xanh lơ của bể và trời. Một dòng chữ "New Travel Service Atlantic" đứng xa đến mười thước cũng vẫn đọc rõ. Thứ nhất là cái cờ hiệu thương

thuyền màu đỏ tía có chữ hiệu viết tắt N.T. S.A thì lại càng rõ lắm.

- Lại uống cà phê, Phối.

Phối đang mân mê những hòn cuội và những tảng đá tai mèo để ở mặt tủ sách, vội cầm vài hòn giống như khoáng chất lại hỏi Bạch:

- Anh định đi tìm mỏ để khai?

- Không, đây là những kỷ niệm cũ. Những hòn đá anh nhặt được ở dọc đường. Cái hòn óng ánh như kim sa đó là nhặt được ở đảo Sicile hồi anh theo tàu đánh cá trong Địa Trung Hải. Còn hòn trắng là bạch thạch ở ven biển Cổ Hy Lạp. Em uống cà phê và đây này, em chọn xem thích cái nào thì lấy.

Bạch đưa luôn cho Phối một cái giá mắc tẩu thuốc lá, lủng lẳng có đến bảy tám chiếc đủ kiểu to, nhỏ, dài, ngắn, vuông, bồ dục.

Phối chọn lấy một chiếc có cạnh như con thỏ lò và ở một mặt con thỏ lò ấy khắc hình một cái đầu đàn bà phủ khăn kín mít, dưới có nét dao con khắc chữ "Istamboul 1930". Thấy cái điếu Istamboul có hình vẽ gợi đến say sưa của bí mật, tượng trưng lên bởi một cái đầu mỹ nhân Thổ Nhĩ Kỳ trùm khăn kín dung nhan, Phối bỏ nó ngay vào túi mình. Bạch đưa luôn một hộp thuốc chưa cuộn cho Phối:

- Em hãy hút mồi thuốc đầu tiên của một đời người. Và anh cầu sao cái điếu cũ của anh phù hộ cho em lên đường được chân cứng đá mềm. Giữ lấy nó luôn luôn trong người. Bây giờ anh mệt lắm. Để anh nghỉ một chút. Mai anh sẽ có mặt ở ga lúc em xuống Hải Phòng. Về nhà chớ có cảm động lắm trong đêm cuối cùng, lỡ thầy biết là hỏng. Cứ ngồi chơi đấy, lúc nào về, khép kín cửa phòng lại. Ừ hút cho hết mồi thuốc rồi hãy đi. Nặng lắm à? Cố kéo cho hết, đừng nên bỏ dở. Phải tội.

X

Sân ga Hà Nội buổi quá trưa hôm ấy, tấp nập hẳn một thứ hành khách đàn ông trai trẻ. Đấy là những người thiếu niên trường Bách Nghệ được trúng tuyển kỳ linh thợ chuyên nghiệp và hôm nay họ lên đường sang Pháp tập nghề. Họ xuống Hải Phòng rồi đáp tàu bể.

Họ là hơn một trăm con người, đều choai choai như Phối cả. Trên mặt đám lữ khách này, người ta chỉ đọc thấy hăm hở của tuổi hoa niên. Cuộc đời và toán người sung sức này đang hứa hẹn với nhau nhiều thức lắm. Bạch càng lấy làm tự hào thấy em Phối mình sáng sủa và lanh lẹ hơn cả bấy nhiêu người xuất dương kia. Chân nó bước đi dài, người nó cao, vai nở, tiếng cười nó ròn và ấm; cặp mắt lúc nheo đôi mi lại, thì mơ mộng như thứ mắt người sinh ra ở ven biển để lớn lên làm linh thuỷ và lúc mở to ra thì sáng ngời những tia vui của người yêu cuộc sống nồng nàn. Bạch đứng riêng ra một chỗ khuất, mặc cho Phối dư

thì giờ và tự nhiên để nói cười với số bạn đưa chàng ra ga. Tựa cột đèn, Bạch nhìn Phối đi lại bên đoàn tàu sắp chở cả một toa riêng đem xuống cảng, Bạch thấy em mình thật là một người tuổi trẻ được gặp lúc đua hơi. Và trong đám người đi và kẻ ở đang nắm tay nhau không muốn rời, Bạch để ý nhất đến một người mặc tây đang tháo cà vát ở cổ mình giắt vào túi bốt-sét bạn với cái âu yếm nhẹ nhàng của một đôi tình nhân muốn lưu lại cho nhau chút kỷ niệm, hồ mong giữ lấy hơi hướng của nhau một ngày phải xa nhau.

Bạch đi gần lại phía họ, lắng được những mẩu đối thoại rất thông thường của những ngày có hai người ly biệt:

- *Toa* nhớ qua tới bên ấy thì viết những lá thư rất dài về.

- Chẳng cứ đến được bên ấy *moa* mới viết về. Đường đi từ đây qua bên ấy, một tháng ròng đường bể, có ghé bến nào, *moa* cũng đổ bộ, mua cát-bốt-tan sở tại gửi về.

- Được cái bọn mình thư tín vãng lai với nhau được gửi lối F.M. - linh thợ được miễn tiền tem bưu phí, - có nặng gửi cũng không tốn kém gì.

- Tốn kém là mấy. Mong chờ tin nhau lúc tốn thì cũng phải chịu tốn chứ sao. Có lẽ *toa* là người rồi sẽ nhận được thư *moa* nhiều nhất.

- Cám ơn, viết cho thực dài nhá.

Họ nhỏ nhẹ nói với nhau và lúc không còn biết nên nói gì nữa cho phải, thì họ tần ngần mân mê lần khuy áo và móng tay nhau. Một người rút cuốn sổ tay ra biên lấy địa chỉ người ở lại.

Bạch thấy họ đáng ái ngại như những hàng mớ tình cảm chồng chất lên cuộc khởi hành của hạng người ngại tan lìa và chốc lát lại cứ phải đứng trước ly biệt. Rồi là hẹn gửi ảnh viết thư - những bức thư thật dài. Họ tham lam quá. Tình cảm có đâu như tiền của mà cố đòi cho được nhiều. Bạch đã từng biết đến rất nhiều trường hợp hứa hẹn của hai người lúc chia tay nguyện sẽ trao đổi tin tức cho nhau luôn luôn mà thường đằng đẵng không chút âm hao. Cái người lên đường, hỡi ôi! Vốn là người hay phụ tình. Người ta phải sống với cảnh mới hồ dề một lúc lử thử đã quay về với những người cũ để lại ở một nơi được. Hóa cho nên những từ bao giờ, Bạch đã tập được thói quen là không bao giờ tiễn bạn mà lại nhắc bạn biên thư về. Có tiện, gặp lúc hứng thì người ta sẽ gửi, việc gì mà phải thăm dò. Cũng như chàng lúc lên đường không hẹn gửi nhắn tiêu hao về với ai cả. Mà có ai nhận được tung tích chàng, vì có chút quyền sở hữu đến đời chàng, thì đó cũng là một điều mà cái người muốn đi mãi đi hoài phải lấy làm khổ tâm lắm.

Cái ông *cặp-rằng* được anh em toàn thể lính thợ và ông Đốc trường cử ra để giữ trật tự của cả bọn, đã nổi hiệu còi cho ai nấy lên toa tàu.

Bây giờ Bạch mới lại gần Phối. Phối đang lao khỏi nửa người ra ngoài khung cửa toa, mồm phì phèo cái tẩu thuốc của anh làm quà cho tối qua. Nếu Bạch đoán đúng, thì Phối đang dám khinh hết tất cả các bạn đồng hành của hắn. Bởi vì trong cả một bọn trẻ tuổi ngồi yên trong toa kia có ai có được một cái điếu mà ngậm lúc tàu sắp quay bánh. Phối nháy anh, thở khói. Bị khói làm cay mắt, Phối chớp mắt luôn, nhưng vẫn cố hút cho gọn ghẽ ngon lành. Hai anh em cười. Bạch móc túi đưa cho Phối một cuốn sách. Bạch đã tiễn đưa em một cuốn tiểu thuyết Pháp mua lúc sáng ngày ở một hiệu sách phố Tây. Lúc tìm đúng được tiểu thuyết "T.P. M.T.R." ấy của một nhà phóng sự trứ danh thời này, Bạch lấy làm sướng quá vì đưa được cho em mình một cuốn sách gì có ý nghĩa. Trước kia, đã có lần được đọc cái truyện "T.P.M.T.R." ở một tờ tuần báo Pháp lúc tác giả chưa cho in thành sách, Bạch cho là hứng thú lắm.

"T.P.M.T.R." là mấy chữ viết tắt một nghiệp đoàn thuỷ thủ tàu buôn lấy tên là hội "TU PARS MAIS TU REVIENDRAS". Truyện ngộ lắm "Mày đi nhưng mày lại về". Cái bọn thuỷ thủ ấy, trong thiên truyện giang hồ ngộ nghĩnh kia, thấy anh em làm nghề mỗi khi bất

hạnh chết trên tàu bể, thường bị vất xác xuống nước bể theo luật hàng hải quốc tế, lấy thế làm đau lòng, đã kết nhau thành một hội ái hữu lấy tiền đó để mua những quan tài kẽm cất sẵn ở hầm tàu. Thứ quan tài ấy đắt lắm, lực một người không sắm nổi để tự mình bầu hậu lấy cho mình lúc lênh đênh sinh nhai trên nước rộng. Lỡ một ai bất hạnh nằm xuống mà là hội viên, thì anh em khâm liệm và cho nhập vào cỗ áo kẽm sẵn sàng đó rồi dì hài sẽ dìu về đến cái bến quê hương. "Mày đi bể nhưng mày sẽ có cách được trở về với nơi chôn rau cắt rốn!". Cái ý nghĩa danh từ của nghiệp đoàn "T.P.M. T.R." là thế.

Lúc con tàu Hải Phòng thét còi, Bạch bắt tay Phối và đưa em lên đường bằng một câu chữ Pháp mượn ngay ở đầu đề cuốn truyện mà Phối đang ngắm cái bìa:

- "Tu pars mais tu reviendras".

XI

Sương thích quá. Vậy là chàng đã có một cuốn sổ căn cước để đi làm tàu. Nằm khểnh trong gian buồng cho thuê, mà vải phủ giường và tường đều trắng bốp, Sương vắt tay lên trán, ngửa nhìn cái trần cũng trắng bốp và bồng bột suy tưởng đến cái tương lai hàng hải của mình. Sương tin rằng rồi cái ngày mai của mình sẽ là xanh, sẽ là đỏ, sẽ là đủ các thứ màu tươi có sức chế biến được cả màu xám của nước, của bể và từ phút này làm mất hẳn cái màu đen những ngày quá vãng của mình. Từ trước tới giờ chàng không làm nổi được một công việc gì. Chàng chỉ chờ đợi ở cuộc sống một cái gì có thể nhấc bổng chàng rời khỏi cái xứ Bắc Kỳ này. Sương là một bệnh nhân của không gian. Chàng thèm đi đã từ lâu lắm. Sương thường tự nhủ mình: "Muốn gì thì cũng đi một chuyến cho dài, cho lâu đã. Để cho vợi bớt cái chất lang thang chồng chứa nặng ở trong người mình. Bao giờ về sẽ dúng tay vào việc làm ăn đứng đắn. Chứ mà còn chưa giang hồ

được một chuyến lớn, thì còn vơ vẩn, khó mà yên được với cái sự định an cư lạc nghiệp".

Được gặp Bạch, chàng cởi mở lòng và cậy Bạch gửi gấm cho những bạn làm tàu cũ ở dưới Phòng để vượt bể một chuyến. Sương đã phục Bạch là giỏi quá. Không đầy một tuần lễ mà Bạch làm thế nào đã lấy xong cho chàng cuốn sổ căn cước làm tàu bể. Sương phục Bạch nhất ở chỗ giúp mình thành công nhanh quá. Không đầy một tuần lễ mà có sổ thì phục thật. Trước kia cứ những mồm kẻ khác nói thì có chóng lắm cũng phải kéo dài ra đến mấy chuyến xuống Hải Phòng ăn chực nằm chờ hàng mấy kỳ nửa tháng một. Và không khéo thì còn bị lừa nữa, tiền mất mà việc cứ kéo dây ra. Trước khi gặp Bạch, Sương đã tưởng phải còn khó khăn mới đi cho lọt. Nghĩ đến những nông nỗi cứ phải ăn ở túc trực ở Hải Phòng, chàng đã lấy làm nản lòng. Vì sự thực, cái thành phố Hải Phòng này không thể gây cho chàng chút thiện cảm nào. Người ở đây chàng không thích và cả đến cảnh nữa. Chẳng biết những phong tục của bến ở vô số chỗ bến khác mà chàng sẽ có dịp được đến viếng thì sẽ như thế nào, chứ ở cái bến Hải Phòng này chàng không muốn ngừng chân lại tí nào. Tất cả vàng của thế giới và tất cả tình yêu đắm đuối tôn thờ của một mỹ nhân sinh trưởng ở cái tỉnh đồng chua nước mặn này cũng không thể làm cho Sương sống ở đây lấy một

tháng. Cái gì mà người ta sống như ăn cướp, và nhà gạch ở mọi phố thì cái nào cũng giống cái nào. Hai tầng không cổng, chủ nhà trên đã có cầu thang thông ra đường. Trông như một lù hộp. Và cao lâu, và ồn ào. Ăn sáng, ăn trưa, ăn đêm, cốt lấy nhiều, không cần lấy ngon. Người thì lại càng tai hại lắm. Đàn bà chỏng lỏn đanh đá, đàn ông thì hầu như tay chơi hết. Thứ nhất là từ khi có người Tàu sang lánh nạn, đổ xô vào cái bến này, cái giá trị đạo đức và tinh thần của con người hồ như đã tiêu hết. Nhớ đến tên một ít phố xóm, Sương lại càng thấy rằng ở đây người ta không thể làm thơ được vì bất cứ một lẽ cao hứng gì. Ở, cái gì mà lại ngõ Cô Ba Chìa, phố Ông Đồng Lùn, Ông Lềnh Cả, phố Từng Từng, Phọng Bớp, Cánh Gà trong, Cánh Gà ngoài, và cầu kiểu gì mà gọi là cầu Ca Rông.. Ca Rông là cái gì? Hay là tên cái anh lái đò sông Hắc Thuỷ cho linh hồn người chết dưới Âm Phủ? Lại còn cái cầu Hạ Lý nữa. Trông như một cái máy chém đứng trên một con sông đen bẩn.

Sương lại nhớ đến một câu vè của lính khố đỏ tòng chinh qua Pháp hai mươi lăm năm về trước: *"Anh nói ra đau đớn trong lòng. Vợ con có biết Hải Phòng là đâu..."*.

Theo Bạch ra Phòng để lấy sổ làm tàu, Sương đã có dịp nói xấu đất cảng một cách tàn nhẫn. Bạch mỉm cười:

- Anh có nhiều thiên kiến lắm. Gọi là thương khẩu thì ở đâu mà chẳng thế. Tình thế thương mại và kỹ nghệ đã gây cho Hải Phòng một không khí đặc biệt. Ở đây, tuy anh không trở nên nghệ sĩ được, nhưng nếu anh đi buôn thì anh lại thấy thú vô cùng. Rồi anh còn được xem cái phố Cabennière ở Marseille. Người ở đây nói róc và tai ngược, dở dáo đã thấm gì. Rồi anh còn được xem những xóm dưới của New York, San Francisco, Hoành Tân, Thượng Hải và Hambourg, Rotterdam, v.v.. Phong tục thương khẩu thì đâu cũng vậy. Anh cũng muốn ai cũng đi tìm thơ như mình. Chỉ tổ tự mình đầu độc cuộc sống tinh thần của mình thôi. Cũng là một cái dịp tốt để cho anh tập sống với người chung quanh. Người lữ khách hoàn toàn, không nên yêu cảnh nào lắm, và thứ nhất là không nên ghét thù một cảnh nào ra mặt. Bởi vì thường hay ghét của nào, Thượng Đế lại trao của ấy cho ta. Còn ai ghê tởm Djibouti bằng tôi nữa. Vậy mà chính tôi lại bị "nhờ" ngay ở chính Djibouti mất đâu sáu bảy tháng. Không có anh cặp-rằng bạn "sang sổ" đánh đổi cho thì có lẽ giờ tôi đã là chủ tiệm chết già ở Djibouti rồi.

Rồi Bạch còn đùa thêm Sương đang bực mình:

- Không có cái sông này trổ ra bể lớn, không có bến Hải Phòng thì anh xông ra khơi bằng con đường nào? Chẳng lẽ lại tìm con đường xa, mỗi lúc lại phải mất công vào tận Sài Gòn. Lấy ở trong ấy chật vật hơn

ngoài này. Tôi đã lấy hộ sổ cho thì lấy ở đâu cũng xong cả. Nhưng thực sự, lấy ở Sài Gòn vẫn lâu hơn. Ở trong ấy, nhiều người đòi đi hơn ngoài ta.

Sương vẫn nằm dài trên giường, khoan khoái thở khói lên trần nhà. Sớm nay chàng đã ngâm mình rất lâu trong cái bồn nước tắm của khách sạn.

Bồn nước bằng sứ trắng, đựng nước ấm đến ba phần tư lòng bồn. Sương nhảy vào bồn, ngâm lút cả mình, chỉ trừ có mũi, mắt và điếu thuốc là là nhô lên mặt nước. Sương đang ngây ngất hoang mang tự ví mình là một cái tàu - một cái tàu chỉ còn chờ con nước thuỷ triều dâng lên là kéo neo - và cái điếu thuốc lá vòn khói trắng đang ngậm là một cái ống khói, tí nữa người ta đổ nhiều tấn than đá vào lò là tuôn khói đen khác, là tàu quay đít, là còi réo ran, là người ta có thể vứt lại sau lưng người ta bao nhiêu sự đời ở đây.

Nằm trên giường, bấy giờ Sương nối điếu thuốc khác, lại muốn đi tắm lại để lơ mơ thêm trong đầu óc. Bỗng chàng vùng dậy, mở va ly tìm cuốn sổ làm tàu. Chàng không tin ở mình, chỉ sợ sổ lạc mất, mặc dầu chàng nhớ đã cất nó xuống đáy va ly. Nếu mất sổ thì khổ lắm, thì chàng điên mất, thì chàng còn làm ăn gì được nữa, thì đến quyên sinh. Hầy, cái cuốn sổ vẫn y nguyên trong cái phong bì giấy dày dạn. Sương bấm vào mép sổ, cho những trang giấy in bật bật đổ xuống rất nhanh theo một chiều, như lối ngày nhỏ đi

học chơi lối xi-nê-ma giở sách có hình vẽ tiếp. Vui mắt ra phết. Chàng lại làm lại. Rồi chàng ngắm cái ảnh 4x6 của mình. Chàng cho mình là đẹp lắm. Cái ảnh này là ảnh chụp đẹp nhất trong những tấm ảnh vụn vặt chụp từ ngày đi thi Tuyển Sinh cho đến giờ. Cái hiệu ảnh ở phố Hạ Lý rửa nước ảnh già quá, lúc giao ảnh tưởng thế nào khách hàng cũng chê bai, chủ hiệu đã tìm câu nói dối vô lý để bênh vực cho tài nghệ của hàng mình. Ông chủ hiệu ảnh ấy hơi ngạc nhiên. Vì không những không kỳ kèo, ông khách lại còn vui vẻ một cách thành thực và ngắm mãi cái ảnh đen tối quá. Sương đã cho là với tấm ảnh ấy, chàng đã được đẹp nhất trong đời chàng. Cái nước ảnh bồ hóng này là chụp đúng cái nước da tắm nắng gió của người giang hồ. Mặt Sương giờ đã trắng bệch như mặt một "thằng Giồng" như mặt đứa con cầu tự, nhưng mai kia cũng phải đen như thẻ. Người con trai nước da có ngăm ngăm thì mới là có cái đẹp khoẻ của giống đực, thì mới có khí phách trượng phu.

Từ chiều, Bạch đi chơi không dặn gì Sương cả. Mãi đến khuya Bạch mới về. Sương vẫn còn bật đèn thức.

- Tôi đang bận nghĩ cái tương lai giang hồ, đâu có thời giờ để bụng đến những chuyện linh tinh ấy.

- Giỏi.

- Anh đi rồi không biết tại sao nằm một mình ở nhà, tôi thấy sốt ruột quá.

- Anh sốt ruột là phải. Anh có biết con tàu Compiègne hiện đang đậu ở bến đây không?

- Có. Và đến bữa 26 này thì nhổ neo qua Marseille chứ gì? Nhưng mà có chuyện chi mà tôi coi bộ anh băn khoăn bận bịu quá như vậy?

- Anh lấy xong được sổ hàng hải mới là được có một đoạn. Anh còn phải nghĩ đến cái đoạn khác tiếp tục ngay vào đấy. Nếu có cơ hội đi luôn chuyến Compiègne này thì anh có chịu đi không? Hay là đợi chuyến sau? Đợi tàu to hơn, sang hơn? Chiếc này xoàng lắm. Tôi đã làm ở đấy rồi.

Sương nhảy chồm dậy, hỏi dồn Bạch. Bạch không trả lời thẳng, chàng thủng thỉnh nói:

- Bởi vì tôi thấy có lắm người có sổ hẳn hoi rồi mà gặp chuyến tàu đi lấy người làm, mà vẫn chưa chịu đi vội. Họ còn muốn nấn ná ở lại, để đi thăm bà con và từ giã chúng bạn nữa chứ. Cái đó cũng là thường tình con người ta. Người giang hồ vốn lại là kẻ nhiều tình.

- Ai bảo anh như vậy? Tôi hiểu cái lối nói mát của anh rồi. Anh quên mất cái câu hôm nọ chính mồm anh nói với tôi: "Người du sĩ mà hay bộc lộ tình cảm ra, thường chỉ làm hỏng việc giang hồ lớn. Mỗi một lần gặp một cái đẹp gì cám dỗ, lại cứ trả lời, thì là rẽ ngang, thì là bỏ neo". Vậy tôi nói rõ cho anh biết rằng tôi không nấn ná gì cả. Tôi không từ giã ai cả, tôi

không kể tàu đẹp tàu xoàng. Và chăng tôi không có một người nào có quyền đòi hỏi ở tôi một lời chào. Tôi đi chuyến Compiègne này đấy. 26 này tàu chạy phải không anh? Bốn hôm nữa, cuộc đời tôi... Trời ơi, từ nay tôi sẽ yêu thương tôi biết chừng nào.

Bạch cười:

- Anh quên mất một người có rất nhiều quyền về chỗ bắt buộc anh phải đến chào trước khi đi. Người vị hôn thê anh mà trong cái ảnh đưa xem hôm họ, tôi phải tin là đẹp và hiền lắm.

- À, anh nhầm. Nếu lần này, anh cày cục cho tôi đi lọt chuyến Compiègne này, tôi cố tình không từ giã vợ chưa cưới của tôi. Nếu còn bịn rịn chào rồi tiễn nhau sướt mướt thì còn đi với đứng gì nữa. Tôi biết rõ tôi còn có những nhược điểm ấy lắm. Bởi thế, xong được việc lấy sổ một cách nhanh chóng như thế, tôi cám ơn anh vô cùng. Chỉ độ ba bốn tháng nữa thì ông bà bắt tôi phải lấy vợ. Mà tôi đã có vợ rồi, thì tôi không có đi đâu nữa. Sẽ xây hạnh phúc, sẽ nghĩ ra những trách nhiệm mà gánh lấy, sẽ tìm cái vui và lành ở người vợ. Sẽ coi người vợ như một thế giới riêng, mỗi ngày mỗi tìm tòi và canh giữ. Nếu việc đi của tôi phải lần khân kéo dài ra mãi, rồi đùng một cái, thày mẹ tôi bắt nổ pháo làm lễ thành hôn thì là xong. Thế là gọn kiếp. Tôi sẽ không thể đi đâu được

nữa. Và lúc lập gia đình rồi nếu có phải đi thì lại cả hai vợ chồng cùng đều đi cả kia.

- Hà, cái đó mới vui, mới ngộ.

- Tôi nói câu này anh đừng giận nhá. Tôi vẫn phục anh là người lỗi lạc, sống một cách đặc biệt không giống ai và không cho ai bắt chước được mình, chết là mang cả cái bản chính đi chứ không để lại một bản sao nguyên cảo nào hết. Nhưng tôi không bắt chước anh được, mặc dầu anh và tôi đối với phiêu lãng, đều chung một ý tưởng. Mỗi chúng ta đều có những hoàn cảnh riêng nó chi phối mình.

- Thôi, đủ rồi. Vậy tôi làm cho anh đi kịp chuyến tàu Compiègne này. Nhưng... nhưng phải có tiền. Coi bộ anh thì cũng chẳng còn mấy đồng nữa. Mà tôi thì độ này, quẫn lắm rồi. Tháng trước đã phải bán mất cái đèn điện quả địa cầu. Mua hai nghìn quan ở hiệu sách tây. Lúc bán lại được bảy chục bạc.

Bạch giơ luôn tay trái ở ngón giữa có một cái nhẫn vàng trắng khắc trũng hình một con cú đậu và bảo Sương.

- Rồi cái nhẫn này, có lẽ cũng đi nốt vào hiệu kim hoàn nào... Anh có thể kiếm được bảy tám chục bạc nữa không? Cẩn, làm *cặp rằng* ở dưới Compiègne, bạn làm bể cũ của tôi, nói phải ít ra là năm chục thì họ mới chịu nhường chỗ cho. Ấy là giá nội. Thế rồi còn khấn vặt anh em ở dưới ấy, thế rồi anh em còn phải

sắm sửa ít đồ vật vặt vặt lúc xuống tàu, lấy làm cái mà dùng chứ.

Câu chuyện đến đây tắt. Sương và Bạch đều lên giường nằm. Sương lấy làm khó nghĩ. Giá kỳ hạn nộp tiền được rộng ngày hơn thì chàng có thể kiếm được gấp mấy thế nữa. Nhưng từ hôm nay đến ngày 26, chỉ còn vẻn vẹn có 4 hôm, tàu Compiègne nhổ neo, làm sao cho kịp được. Trong đầu Bạch, hiện ra hình ảnh vị Mạnh Thường Quân. Thằng Tần - bạn học cũ của chàng - hiện giờ làm chủ sự nhà Giây Thép Vàng Danh ngoài Uông Bí. Mà hình như Sương nó cũng quen Tần.

- Này Sương, Tần ngoài Vàng Danh đối với anh như thế nào?

- À, thôi phải rồi anh ạ. Hay là chúng ta ra Uông Bí cầu cứu hắn. Lú hẳn đi; anh không nhắc đến tên thì tôi quên mất người bạn tốt này. Tôi với Tần, tiêu chung tiền của nhau đã nhiều lần.

- Vậy thì ngày mai trả buồng. Đi ô tô ra Uông Bí chuyến thứ nhất. Ngày giờ kịp lắm.

XII

Chiếc ô tô hàng đặt Sương và Bạch xuống cái nền đất xám đen của quê hương than đá. Lĩnh giấy thông hành sở Liêm Phóng Uông Bí xong, hai người lấy làm bằng lòng đi kịp được chuyến xe lửa mười giờ của công ty mỏ than cứ giờ chẵn thì xe vào, giờ lẻ thì xe than ra. Như thế này, mười hai giờ đến Vàng Danh, vừa gặp Tần vào lúc nghỉ việc, dễ nói chuyện và nếu lấy tiền ngay thì chiều lại có thể trở ra luôn cho kịp chuyến cuối cùng ô tô vận tải Uông Bí - Hải Phòng trong một ngày ấy.

Cái thứ xe lửa kiểu Decauville, đầu tàu rất xinh và toa rất bé đen nhánh một màu than giữa cái cảnh đen đặc của mỏ than, chạy chậm lừ đừ trên một vùng cảnh thổ hoang vu và khắc khổ. Người đen, cảnh đen và cây cỏ cũng đều đen cả. Thật là tổ quốc của than. Thật là bức tranh thuỷ mạc do người Pháp vẽ nên. Tuy bận rộn trong lòng vì phải đi mãi vào đây chạy tiền, Bạch và Sương vẫn để dành được một phần lớn

của tấm lòng để ngắm một vùng mới lạ này. Đến ngay như Bạch là người đã được nom thấy vô số là cảnh tượng trái nghịch, phức tạp giữa trời đất trong bao nhiêu năm "đi chợ" trên lục địa và mặt các bể lớn, mà cũng còn thấy lòng được ngạc nhiên khi đoàn tàu ốm yếu trở mình đi sâu vào xứ sở của than đá. Sương ngạc nhiên hơn, lên tiếng ngạc nhiên to hơn.

Hai người hành khách chuyến xe ấy là người thò đầu ra ngoài khung toa xe nhiều nhất, cựa quậy luôn làm cho nhiều phu mỏ và đàn bà đi chợ về phải cằn nhằn, mỗi lúc tàu gặp quãng rẽ bên sườn non có cỏ ấy, cỏ cây cằn lụi, chiềng hẳn đi.

Sương rút ở túi ra một cái kính đeo vào mắt thấy bỗng nhiên cảnh sáng hẳn lên. Cái kính ấy có đôi mắt màu hoa lý, là một thứ kính sáng, mỗi khi trời âm u có mây đóng thành, trời thấp tịt hẳn xuống như đè lấy đầu mình, gió bụi và mưa lung tung, đeo nó vào mắt mà ngắm tạo vật đang oằn oài thì mình có cái ảo tưởng là cảnh vẫn tươi vui như không có gì vừa xảy ra trong trời đất. Lúc làm quà cho Sương, một hôm gần đây thấy Sương là một thiếu niên có căn bản phiêu lưu, Bạch đã mệnh danh cái kính ấy là kính lạc quan khi chàng gửi nó vào túi Sương làm một vật kỷ niệm có ý nghĩa sâu sắc. Cái kính ấy quả là thứ kính lạc quan. Vì lúc này, được ngắm đất trời vùng mỏ,

Sương nhờ được đôi mắt kính sáng màu hoa lý, đã thấy cây cỏ và không khí Uông Bí tươi tỉnh hẳn lên, khác với những màu thực tế tang tóc quanh năm của vùng này. Bạch cảm thấy phong cảnh vùng đây, giống như một bức minh họa vẽ lại cái tạo vật gay gắt bên Mỹ Châu có những trăm vạn mẫu rừng già liên tiếp, quanh năm không in một vết chân người, và chỉ bị lem nhem vì những bóng đá chân chim thôi. Cảnh này không dùng được người và con người vào nơi hoang vu tàn nhẫn này thì lạc mất, đâm ra mù quáng và buồn rầu nhận chân thấy cái tương quan quá chênh lệch giữa người và tự nhiên.

Trên một vùng cỏ vàng ệnh, cứng như que mà không có một con bò con ngựa nào muốn ngốn lúc đói, bên đường thiết lộ không dính sát kỳ được vào đất núi, lênh nghênh những cột điện cổ núm thuỷ tinh xanh như đít chai ràng buộc những dây truyền điện hạng nặng hàng mấy nghìn chữ điện trở lên. Gắn lên những nan hoa sắt bẻ khoằm thành hình mắt cáo là những tấm biển sắt con yết thị cho mọi người biết rằng điện này nguy hiểm chết người, trên những dòng chữ, có vẽ hình một đôi xương ống chân bắt chéo và một cái đầu lâu người. Trông thật ghê rợn - ghê rợn như cái chết bất đắc kỳ tử khi người ta bị điện hút.

Những cột điện này truyền từ Vàng Danh ra đến Port Redon - ta gọi là Điền Công.

Bạch cảm thấy trong người mình bực bội, muốn gắt. Sương chỉ những cột sắt vượt hẳn lên sườn non, bảo Bạch đang chăm chú nhìn những người đàn bà lễ mễ đi chợ Uông về mỏ:

- Này anh, trông cảnh này không khác gì cảnh xứ Texas ở Mỹ và những vùng khai thác dầu hỏa Hoa Kỳ. Ở đây, chắc không ai ngâm vịnh được.

- Cái anh Sương này nói nhảm mãi. Sao lại không làm thơ được? Anh tưởng chỉ nơi nào có tuyết, có liễu tha thiết thì mới làm thơ được thôi sao? Ở đây, người ta sẽ làm thơ mà vận là đá, là sắt, là khoáng chất và âm điệu sẽ dự vào tiếng gió lạnh tối lửa trong lò mỏ, tiếng một mũi cuốc nhọn hoắt mổ vào lòng đá đen già.

Con tàu chui vào hầm Lán Tháp, Bạch và Sương nín thít và ngạt thở vì cái mùi thán khí tuôn đầy một con đường tụy đạo tối om om. Mất mấy phút đồng hồ ngâm mình trong cái tối của hũ nút, Sương giơ tay sờ soạng chung quanh tìm chỗ bíu cho vững thế đứng và vụt nhớ đến trò đùa của một họa sĩ nọ muốn khinh bọn phê bình hội họa ra mặt, bèn trát mực đen ngòm cả diện tích tấm vải, đem ra bày ở triển lãm với một câu chú thích: "Một cuộc chiến tranh mọi đen, ban đêm trong một đường hầm núi". Sương bao giờ cũng

vẫn còn rất nhiều cái chất thơ mộng trào phúng ở trong người.

Một con đường hầm Uông Thượng nữa, tối hơn, lâu hơn, ngạt hơn. Rồi là Vàng Danh, nơi có người bạn tốt tên là Tần.

Sương và Bạch chập choạng bước xuống, đặt chân lên cái nền than đen vụn của đất mỏ, dẫm kêu sào sạo, như là cát bể. Họ ngơ ngác nhìn cái thung lũng đen xì những khói, muội bụi than. Trên dia núi bốn phía bọc hãm lấy thung lũng, lơ thơ mấy nếp nhà gạch vừa cất - những viên ngói mới chưa nhuộm màu thời gian, điểm những vệt đỏ gạch cua, có thể gọi là vui tươi, nếu cái nắng sa mạc này đã nhạt đi những tia gắt gỏng. Cỏ gianh ở đây không bao giờ được xanh lấy tí ngọn. Lửa trời đã đốt xém trụi hết cỏ gianh. Nó chỉ có cháy lụi. Có lẽ người thổ dân đã căn cứ vào đấy mà đặt tên cho một vùng. Sương có tính hay ví von và so sánh, đã ví Vàng Danh này là một người đàn bà nước da bánh mật có rất nhiều sữa, nhưng tính rất khắc khổ, hay nói to, hay đánh con, hay dằn vặt chồng, hay xị mặt xuống khi có khách phương xa đến chơi và tuy giàu có súc tích đấy - súc tích như cái lòng mỏ than - nhưng rất chì chiết và bủn xỉn co quắp. Không muốn bực mình vì cảnh nhọ nhem, Sương nói một câu khôi hài với Bạch:

- Anh Bạch ạ, tôi tưởng muốn cho mọi người ở đây đều ghét mình thì không có gì là khó cả. Ngày ngày anh cứ dở trò rởm ra, mặc hộ tôi một bộ quần áo tây thật trắng, sơ mi trắng đánh cứng cổ, giày da *pô đanh* cũng trắng. Sở mỏ sẽ cho người lấy lá chuối dắt tay anh ra khỏi Vàng Danh ngay. Ở đây màu trắng là một màu cấm. Cái mầu nõn sạch mà một người trinh nữ trìu mến vô cùng, cái màu ấy, ở vùng mỏ này, là màu cấm đấy. Ví chẳng khác gì màu vàng ở Huế có vua, màu đỏ xã hội ở một xứ ghét cái cảnh chính thể.

Cả một buổi trưa, Tần, Bạch và Sương rì rầm nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp vì cả một buổi, vợ Tần không chịu lánh mặt ra ngoài lấy một phút. Chừng nàng đã linh cảm thấy một sự ghê gớm gì do hai ông khách thân của Tần vừa đem vào nhà nàng - đối với vợ Tần, cái sự phải bỏ tiền ra bất cứ vào trường hợp nào đều được coi là việc ghê gớm. Từ chủ cho đến khách, ba người đều hiểu rõ quá đến cái tâm lý người đàn bà trong những gia đình bị cái không may là người đàn ông lại hiếu khách. Tần vẫn biết vợ mình tốt, có lượng đối với các bạn mình, nhưng nàng vẫn không mấy khi vui vẻ khi có bạn hữu đến hỏi tiền mình. Tần lấy làm khổ về điều này lắm. Nhưng làm thế nào. Những người nội trợ sinh ra để mà cần kiệm nếu không là hà tiện và lên một bực nữa là biển lận, bủn xỉn về đồng tiền phải bỏ ra. Lắm lúc muốn khởi

rẻ rúng vợ và tự an ủi mình, Tần thường tự nhủ: "Mình lắm lúc cũng hoang. Hai vợ chồng, một đằng thái quá, một đằng bất cập. Có thừa, phải có trừ. Nếu không có người vợ chi li, căn cơ như thế thì đến ăn mày cả nút từ lâu rồi. Câu nói đùa của dượng mình thế mà chí phải. Nhưng giá mà lòng vợ mình nó thảo thêm lên một chút nữa, thì nhà mình sẽ được các anh ấy để chân tới luôn luôn".

Được cái khéo khu xử việc nhà, nên những lúc có các bạn cầu cứu, vợ chàng không biết gì cả và vì thế không túm được cơ hội để khinh các bạn chàng và làm om lên, lúc khách đã cáo đi. Chả bù với người anh ruột Tần. Mỗi lúc có bạn đến thăm và ra tàu, y vụng về quá, rặt bảo vợ đưa tiền để lấy vé tiễn. Gớm, cái mặt người đàn bà lúc phải cởi cái ruột tượng ra sao nặng và xấu đến thế. Vào những lúc không phải tiêu tiền, khuôn mặt người chị dâu Tần kể cũng là đẹp và ngoan lắm chứ có đến nỗi nào đâu. Ở, tiền, tiền có cái nết giết chết được cái đẹp của người đàn bà, - có thể nói là bất kể người đàn bà nào.

Vẫn bằng ngoại ngữ, Tần bảo hai người bạn tội nghiệp của mình hãy cứ thay quần áo, ăn cơm uống rượu, ngủ một giấc, chiều đi xem cảnh mỏ, và tan buổi làm chiều, chàng sẽ tính liệu cho, không việc gì mà nhộn lên:

- Chả lẽ ở một vùng đây, mọi người đều biết tôi, hay làm phiền tôi về thư tín bưu điện luôn luôn, mà tôi lại không xoay xở cho các anh được lấy trăm bạc hay sao?

Rủi thay cho Sương và Bạch, Tần cả một buổi chiều và tối không mượn được tiền vào đâu cả. Nhưng chàng vẫn chưa đến tuyệt vọng. Ngày mai là chủ nhật, Tần sẽ ra Uông Bí; nếu ở Uông Bí cũng hỏng thì lại còn ra luôn Port Redon. Ở đấy thì thế nào cũng có. Ở đấy Tần có một người bạn rất tốt làm thơ ký thông ngôn cho sở than nói được những mấy thứ tiếng ngoại quốc cần dùng nhất như tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Tàu, tiếng Nhật, anh ấy vẫn có tiền để dành và những lúc khẩn cấp, ban đêm có thể đấm cửa nhà riêng của chủ để mượn trước vào tiền lương tháng. Vậy mà không hiểu tại sao, anh ấy còn cứ phàn nàn. Lấy sự được chủ mỏ thương yêu là một cái phiền và muốn những sự bỏ nghề.

Sương và Bạch từ chối lời Tần muốn rủ mình cùng sang bên câu lạc bộ chơi, đọc báo, nói chuyện và đánh bài:

- Anh để cho hai chúng tôi đi vãn cảnh với nhau. Trong khi ấy, anh để tâm vào cái chuyện giúp hộ chúng tôi. Anh đi một mình nó tiện hơn.

Đêm mỏ Vàng Danh gió to quá. Tần không muốn bỏ lỡ một dịp tốt giúp bạn, nhất định sớm mai ra Uông Bí và dặn trước người đội trạm ngày mai nên phân phát công việc như thế nào trong lúc chàng không có mặt ở sở.

Mấy năm nay, ở gần ngay núi Yên Tử mà Tần vẫn chưa lên đấy chơi. Người ta tận đâu đâu ở các vùng nơi hạ bạn còn đổ về leo núi hành hương qua sáu bảy ngôi chùa cổ tích mà Tần thì chẳng biết Yên Tử là cái quái gì cả. Lắm lúc trả lời những du khách đi lên Yên Tử về ghé vào thăm mình mà Tần lấy làm xấu hổ quá. Tần lại thèm đến cái đời của Bạch. Chỉ có đi, chỉ có đổi chỗ, không bị kiềm thúc và lúc nào anh ấy cũng xem chừng gần thấy xê dịch là mệt mỏi thì anh ấy lại làm bố mìn, mở đường cho hươu chạy và mớm hơi phiêu lưu vào những đầu óc người khác muốn những sự bay nhảy một chuyến. Riêng một "ông" Sương cũng đủ làm rối cuộc đời yên ổn của người khác rồi, giờ lại còn đi kèm với Bạch. Tai vạ thực. Nhưng mà cũng vui vui. Cái đời anh Bạch chẳng biết đáng nên gọi là hay hay dở. Nhưng ít ra người ta còn được theo riết một cái định thức rõ rệt trong nghệ thuật sống, lấy sự theo đuổi ấy làm hứng thú và ý nghĩa cho đời sống. Chứ như mình...

Đêm hôm ấy, Tần thấy mình là một cái sinh vật tầm thường, sống một cách cẩu thả. Tần tưởng tượng đến hình ảnh rất tượng trưng của tên phu trạm già đưa thư ở các trạm nhà quê mà lại càng buồn bã. Một ngày, một tháng, một năm, một đời tiểu lại, người *phắc-tơ* ấy đã đi được bao nhiêu cây số? Những cây số lẻ tẻ ấy cộng lại thì cũng thành ra niên hạn một đời người thờ nhà nước, lúc về được đủ điều kiện lĩnh một số tiền hưu bổng.

Trằn trọc, chàng dậy hút thuốc lào. Thấy vợ còn thức, chàng âu yếm bảo:

- Mai tôi ra Uông Bí sớm với bác Sương và bác Bạch. Nhân tiện ra anh Loan ngoài Giấy Thép Uông Bí để hỏi anh về cái *cô-li* thuốc tiêm của sở mỏ bị thất lạc hôm nọ. Đến tối tôi lại về.

Vợ Tần không dám ngăn chồng. Nàng biết rõ cái "*cô-li* của sở bị thất lạc" cần phải điều tra với người bạn đồng nghiệp ngoài sở Bưu Chính Uông Bí chỉ là cái cớ phụ mà Tần đem lên làm cớ chính. Chẳng qua chỉ vì hai ông khách kia đấy thôi. Các ông ấy lôi chồng mình đi, chồng mình theo đuôi bạn. Chỉ có thế. Nàng nghĩ lấy làm buồn oán. Ở một người đàn bà khác lỏng lẻo về chỗ gia đình giáo dục và cái đức người chồng lại suy nhược không hóa được cái tính vợ thì những buồn oán ấy đã có thể tiết biến ra những cử chỉ lăng loàn, đá một cái thúng, đụng một cái nia,

chửi một con chó, mắng một con mèo và nếu lại có con cái, thì những lúc ấy lũ trẻ sẽ là một đối tượng rất hợp lúc cho người ta trút lên đấy một cơn tam bành. Nhưng vợ Tần vẫn biết nể sợ chồng. Nàng chỉ oán thầm hai ông khách đang nằm ở nhà ngoài. Cũng may là các ông ấy chỉ là người xa lạ, kim nhật kim thì mà thôi. Và thế này thì ra bữa chả rán lại không thành. Mấy con cua bể, gạch cứ đỏ ối lên, mãi không làm đi thì bấy mất, còn gì nữa. Sáng nay, nàng đã định mai sớm chủ nhật Tần được nghỉ, làm chả thật sớm, mời cả vợ chồng Quảng Tín Ký, bà Lợi Thành sang uống rượu, rồi đánh tổ tôm. Một ngày chồng được nghỉ mà ăn chơi như thế trong gia đình thì còn gì đầy đủ êm ấm bằng. Ngày mai Tần vắng nhà, làm nem chả, để ăn một mình như những người đàn bà hư thân ích kỷ chỉ chờ vắng chồng là bày ra ăn uống hay sao?

Một đêm gió to ấy, dưới mái sở Bưu Chính Vàng Danh có những người không ngủ được, chia làm ba bọn nghĩ lan man khác nhau.

Vợ Tần nghĩ đến mấy con cua gạch đang lạo xạo bò trong cái nồi đồng ba mươi ở dưới gầm giường.

Tần đang lo chỉ sợ ngày mai đi đến mấy chỗ, họ đều đi vắng cả thì... thì rồi sẽ ăn nói làm sao với anh em? Phụ lòng bạn đã tìm đến mình. Tần rùng mình.

Còn Bạch và Sương?

Một đêm phải tá túc tại Vàng Danh nhờ bạn chạy tiền cho mà họ lại quên phứt hẳn chuyện tiền và có lẽ giữa lúc này gió nổi lên dữ dội, lấy được tiền hay không, đối với họ đã là một chuyện gần như không lấy gì đáng quan tâm lắm. Họ không nhắm mắt được vì gió chứ không phải vì đợi một món tiền.

Bạch nhớ đến những trận gió xưa cũ.

Sương tưởng đến những cơn gió nay mai sẽ đỡ gót chàng và xóa những vết chân chàng trên các vũng cát tương lai.

Cái gió trong mỏ làm não lòng người. Gió gì mà như khóc. Một người có tâm bệnh, một người đàn bà góa trẻ, gặp luồng gió Vàng Danh này sẽ phải suy tưởng nhiều trong thâm tâm. Những cơn gió tàn nhẫn thổi, trong đêm đời một người đã biết rằng sống chỉ còn là một sự không vui đối với bây giờ, gió này có thể định đoạt được đoạn tiếp cho quãng đời đau khổ ấy. Người ta hoặc sẽ thu hết tàn lực và can đảm lại, bước dấn lên một bước nữa để mà sống cho rõ rệt; hoặc người ta sẽ tự tử ngay bằng một cách nào rất gọn. Dai dẳng mà bêu diếu cái hình hài tầm thường thì cũng nên tự liệu sớm đi. May cho mình và đỡ bận cho người chung quanh. Gió đêm ở Vàng Danh nó bảo thế. Có những trận gió nó bảo người ta rằng cái lối sống câu dầm là một điều thất sách và những hy vọng

tự chế ra để giữ mình chỉ là một cách chết mòn. Tất cả, hoặc là không có gì. Gió chỉ thổi một chiều.

Sương nằm cạnh Bạch, muốn tìm một chút cảm giác bùi ngùi để thấu hiểu cái gió mỏ cho rõ hơn, để yêu thương mình hơn lên trong đêm đất khách gió thổi, tự ví mình như một người phẫn uất với gia đình vì mình là một kẻ lỡ lầm và muốn cho họ hàng quên mình, liền cầm một mảnh bằng vào đất mỏ xin một chân thư ký *boăng-tơ*, rồi bị Tây chủ đuổi ra cửa, rồi bị chủ quán bắt nợ hành lý vì thiếu tiền cơm, rồi bị tự ái đoạn mất con đường về cố lý. Và một đêm nằm nghe gió cũng như thế này. Sương thấy gió lại còn kinh buồn gấp mấy mưa. Chàng thích sẽ cùi tay vào mạng mỡ Bạch:

- Đi ra ngoài kia đi.

- Phải đấy, nhớ giắt theo gói thuốc và bao diêm.

Tiếng giày dép lẹp kẹp của hai người làm cho Tần phải chuyện chò sang:

- Hôm nay gió trái hẳn thời tiết. Thường chỉ gió to vào quãng tháng sáu đến tháng một thôi. Gió tốc những tấm tôn mái nhà là thường. Trước kia còn hay rượu, những đêm gió lớn, tôi cứ phải làm vài cốc rồi mới ngủ được.

Tần vừa nựng đứa con vừa tiếp luôn một câu nữa mà càng ngẫm càng thấy buồn buồn đạm đạm:

- Tôi còn nhớ hồi còn làm chủ sự ở Đồ Sơn, thỉnh thoảng ra ngoài Hòn Dáu chơi với người gác hải đăng. Cái thằng cha cũng lạ. Hễ bể động gió thổi như tát vào mặt tường gạch cây đèn bể là hắn lại mang cá khô ra nướng nhắm rượu, vừa nhắm vừa khóc. Hắn bảo rằng gió ấy bắt hắn phải khóc! Mà thực đấy các anh ạ. Có những thứ gió thổi chết lòng người kia đấy.

Vợ Tần cựa mình ho. Chuyện Tần kể bị ngắt hứng. Tần nín. Bạch và Sương cười nháy nhau, rón rén mở cửa ra ngoài như hai tên gian phi.

XIII

Ra đến ngoài hành lang, gió càng rú mạnh và tiếng gió vỗ vào cửa càng trở nên khàn khàn.

Sương rùng mình thắp điếu thuốc một cách khó khăn. Gió từ trên các chỏm cao bị rơi thụt xuống thung lũng, không có một chỗ thoát, chạy quanh trong vực thẳm, hút bụi than lên và tung vãi rộng những mảnh bụi sắc. Đây là một lối gieo mạ quái gở của một thứ yêu tinh khoẻ. Bụi than bắn vào da mặt xót buốt như những mũi kim châm. Bạch kể cho Sương nghe cái hồi mình vào chơi vùng đồn điền cao su Sit Nun ở Cao Mên, có những trận gió lốc mỗi cơn hai tiếng đồng hồ cứ xoáy tít trên diện tích độ trăm mẫu, trông như rồng đất lấy nước trên cạn và xoáy đến đâu thì nhổ cả rễ cỏ và lá khô đến đấy. Cả cây lớn trong đồn điền nữa. Bạch lại tả cho Sương nghe cái tiếng gió rừng thổi vào tỉnh Lạc Hòn - một vùng địa đầu Xiêm La, cạnh sông Cửu Long, đối ngạn với tỉnh Lào Thà Khẹt - và mỗi lúc thổi mạnh thì những con chó Lào

đều thất thanh mà rống lên như người bị bóp cổ kêu cứu.

Hai người rủ nhau vào một hiệu bán phở đêm cho phu mỏ. Bạch và Sương trầm ngâm trước cái phích cà phê rỉ rả đánh rớt xuống đáy cốc từng giọt nước đen - đen sánh một thứ màu sinh vật bị thán khí đầu độc. Trước mặt chàng, người thực khách ấy là một người phu làm mỏ đen từ đầu đến chân, chỉ trừ có hai con mắt trắng, cái hàm răng trắng và cặp môi đỏ như miếng thịt sống nhầy nhờn.

Mái nhà tranh tiệm phở, có chỗ lợp bằng một cái thùng sắt tây đập dẹp ra. Gió lùa vào, vỗ mái, miếng sắt mỏng lúc mau lúc chậm, kêu lạch bạch lanh canh như tiếng những chiếc lá thiếc bọc kiện hàng bị sự đài tải của xe bò làm rung động trên một con đường lát đá gồ ghề cứng nhọn. Nghe rờn rợn và rầu rầu. Những giọt cà phê rỏ liên tiếp điểm dấu vào những đợt gió lê thê.

Ở quán bước ra, Bạch lấy mình làm một cái trục để xoay quanh mình đủ một vòng, giang thẳng tay, lấy ngón tay trỏ kéo một vòng qua bốn phương tám hướng. Sương cũng nhìn theo và làm theo. Hai người nhận ra là mình đang lọt thỏm vào một thung lũng mà chung quanh chỉ có những ngọn núi bao bọc. Thảo nào gió ở đây coi bộ tợn tạo quá. Ra nó đang bay ở trên không rủi đi qua vùng đây bị rớt thụp xuống cái

vực này và cứ lúng túng chạy quanh mãi. Đây là một thứ gió lạc đường và đang hỏi đường. Gió mù nhưng mà không cám. Lắng những trận gió quẩn, Sương liên tưởng đến những tên gian vào nhà Mường bứt trộm quả, bị ma Mường làm, cứ đi quanh mãi trong vườn thiêng. Một cơn. Hai cơn. Cứ thế mãi mãi. Và bây giờ nó họp lại thành một trận quần phong, thổi đến đâu là hút bụi than lên đến đấy.

Ở dia núi bọc lấy thung lũng, những đốm lửa đèn điện sở mỏ xếp thành những hàng lửa không có đầu có đuôi, liên tiếp nối nhau theo một vòng tròn. Nếu ví thung lũng Vàng Danh là một cái thúng thì dây đèn cao ấy là cái cạp lửa sáng rực. Đêm đen quá, không nhận ra những đường viền chỏm núi, thành thử có những phút mà Sương và Bạch lầm nhận đốm lửa đèn điện ở phía xa lẫn với những vì sao nhấp nháy gần quả đất. Hai thứ ánh sáng ấy cùng lấp loáng trên đêm mỏ. Bạch mới kể chuyện cho Sương nghe rằng đi Hương Cảng, cái diễm phúc của du khách muốn được say mê với cảnh là khi con tàu mình bắt đầu vào bến Hương Cảng thì cảnh cũng bắt đầu hoàng hôn. Tàu cứ lừ lừ vào bến. Bỗng hàng triệu ngọn đèn bật cháy lên, soi xuống một vũng nước. Hương Cảng là một thị trấn xây ở dia hòn đảo. Những cây đèn đường cắm theo những con đường chữ chi dẫn lên núi, những đèn của các biệt thự bám vào sườn núi chỗ cao chỗ thấp,

cho ta cái ảo tưởng đấy là những ngọn lửa lơ lửng ở giữa khoảng không đang cháy nhấp nháy cùng với những đốm tinh tú.

- Cái cảnh ma quái của Hương Cảng khi tàu ghé bến một đêm du lịch, không khỏi nhắc mình nhớ đến chuyện Tuỳ Dạng Đế chơi lửa huỳnh ở dọc sông Vận Hà. Thuở ấy, cứ sách chép lại, vua Tuỳ bắt ba nghìn cung nữ xé gấm làm dây kéo thuyền, kéo chiếc thuyền rồng trên con sông đêm. Mỗi người mang sẵn một cái vỏ trứng chứa đầy đom đóm, khi nào nghe hiệu lệnh, ba nghìn cung nữ ở hai ven sông đều thả đom đóm cùng một lúc. Cái phần ác ngược của vị bạo chúa ấy, ta hãy gác ra ngoài, ta chỉ nên kể đến cái trò chơi lửa ấy; nếu mình cũng có thể cung cho thị giác mình, lối chơi lửa ấy, anh có thấy thú không?

Sương cười và cũng kể một chuyện chơi lửa ngộ nghĩnh, rất đẹp mắt, na ná thế.

Bạch dẫm mạnh quá, những than vụn kêu sào sạo như cuội dập nơi công viên. Những mảnh than ánh lên như mình loài kim bóng loáng và có cái công dụng ngược đời là làm tối bớt cái ánh sáng của đèn đêm. Những bụi đen ấy thấm hút mất cả tia sáng của đèn sở mỏ. Thành thử, ngày cũng vậy mà đêm cũng vậy, mỏ Vàng Danh chỉ là một cảnh tang tóc kéo dài mà bất phân mộ dạ. Cái ánh sáng tê tái ấy chỉ đường cho Bạch và Sương lần về nhà Giây Thép. Sực nhớ đến

câu chuyện đốt đuốc trên hồ Ba Bể, Sương đã kể ban nãy, đi qua cái cầu gỗ, bắc trên cái lạch ăn thông từ mó ra ngoài, Bạch vỗ vào vai Sương với giọng thân mật:

- Cũng đẹp đấy. Nhưng cảnh ấy, đời anh còn đi, anh còn được thấy nó hùng vĩ tráng lệ gấp bội. Cố làm sao mà gia nhập vào cái đám ngư phủ đi đánh cá và săn hải cẩu, hải mã ở Bắc Băng Dương. Anh học địa dư và đọc sách thường thấy người ta tả đến những cảnh mặt trời mọc trên những hải phận quanh năm chỉ có tuyết đặc cứng ở Bắc Cực đấy chứ? Lên đấy mà xem cái lửa chiều dương choé rọi tàn nhẫn trên đám cháy giá lạnh trắng ngần, thật là vô số cảm giác, cuộc sống đầy những bất thình lình nguy nga chưa có phụ lòng người ta bao giờ, nếu người ta biết tận tụy xê dịch và tìm lẽ sống của mình trong cái thú làm người giang hồ. Cứ như cái thằng Tần bạn chúng mình đây thì hắn cũng thèm muốn sự bay nhảy, đi đó đi đây. Nhưng hoàn cảnh mạnh hơn ý người. Nhưng thiếu nghị lực, hắn đâm ra nể vì sự sống. Cái lòng thương đối với những máu mủ thân thích chung quanh làm giảm cái sức sống của mình là thế đấy.

- Hình như Tần trước kia cũng đã đi nhiều lắm phải không anh?

- Đi đâu? Ai bảo thế? Đời hắn chỉ rặt là những cuộc lên đường hụt mà thôi. Cứ sắp sửa đi hoài mà

không bao giờ đi cả. Ngày còn đi học hắn chỉ thích học môn địa dư nhân loại, các bài không mấy khi thuộc vì thời giờ học hắn chỉ đọc những sách du ký và tự hứa hẹn cho phiêu lưu sau này. Ông trời bắt tội, lúc còn đi học, ông cụ ở nhà đau tưởng chết vội cưới vợ chạy tang cho Tần. Vợ đẹp nhưng Tần vẫn cứ nghĩ đến cái chí hướng của mình muốn làm người lông bông. Đến kỳ thi ra, hôm lên Hà Nội thi, cái người định làm con chim trời ấy, chẳng còn một chữ nào trong bụng, mấy đêm cứ trác táng liền liền ở xóm hát, đến hôm nhập trường hắn viết bài quấy quá nộp cho xong chuyện. Thế mà đỗ. Thế là Tần lại khổ một lần thứ hai nữa. Tiểu đăng khoa và đại đăng khoa, đối với Tần chỉ là những cớ để mà khổ ngấm ngầm trong lòng. Giá được đi thi hỏng, thì chàng đã xác tín rằng ông trời điểm ra như thế để con người ta được dịp lia nhà!...

- Tôi phải ngắt chuyện anh, Sương khúc khích nói chêm vào một tí chuyện cổ tích hợp lúc. Ngày xưa trong chuyện Tàu, có cái anh danh sĩ gì không muốn thi đỗ anh nhỉ? Lúc xuống Tràng An cố viết bài cho thật tồi, sợ làm văn hay thì đỗ, thì phải làm quan lưu lại Kinh, thì phải xa người yêu ở Bắc Phương ấy mà!...

- ... Nhà chẳng bỏ được mà cũng một năm ấy, vợ đẻ và hai cụ nằm xuống liền liền. Tần nhận thấy cái

gì là bổn phận và cái gì là trách nhiệm cứ đè nặng trĩu lên đời mình. Hắn thì ra làm. Và đành nguôi chuyện cũ. Và lấy làm thương vợ quá mỗi khi đi xa độ vài ngày về, vợ rủ rỉ: "Mấy hôm cậu đi vắng, nhà không có người đàn ông nó thế nào ấy... Những lúc cậu đi vắng, nhà cửa y như là xiêu vẹo hẳn đi". Thỉnh thoảng bây giờ nhớ lại cái mộng già, Tần chỉ còn biết phàn nàn vì đã không được sống theo cái ý muốn của mình. Tần vẫn tự ví mình như một gái tài sắc trót lấy phải chồng dần không tìm được hạnh phúc. Lúc bông phèng quá chén, Tần hay làm tuồng, bắt chước điệu chèo cổ, sắm cái vai gái tơ lấy phải một ông lão móm. Tần cho cuộc sống giờ đối với mình cũng chỉ là ông lão móm. Cả nhà bò ra mà cười. Cái trò ấy đã thành một thói quen, mỗi lúc con khóc, vợ Tần lại bảo chồng sắm chèo đi cho các con nó cười. Vợ Tần là người được cười nhiều hơn lũ trẻ. Những người thân thích chung quanh thực không ai hiểu đến cái thảm kịch trong thâm tâm con người bất đắc chí ấy. Tôi thật cũng là bất đắc dĩ lắm mới phải nói rõ với Tần về chuyện đi của anh. Thế này là Tần lại loạc choạc mất mấy ngày ăn không đều, ngủ không yên, làm việc hay lầm và chửa hay gắt gỏng vợ con đây. Cuộc đời bình lặng của một cái ao tù đã bị một hòn sành ném thia lia lên và đã bị gợn sóng trong khoảnh khắc. Anh tinh ý một chút thì biết ngay. Ban nãy uống rượu với mình, Tần

nói chuyện như là người có ý oán tất cả thiên hạ. Cả đêm nay, tôi đoán hắn không nhắm mắt được để ghen với bọn mình và khóc thầm cho một đời người đáng lẽ không đến nỗi tẻ lặng như thế. Vậy trong khi gần anh Tần, chúng ta nên giữ ý tứ. Nghĩa là đừng có ca tụng rầm rĩ lên về cái khoái hoạt của người được đổi chỗ luôn luôn trên khoảnh đất. Nếu Tần có hỏi anh tại sao mà lại ra đi thì anh nhớ, chỉ nên trả lời Tần rằng vì cái thế nó bắt phải bỏ nhà với tất cả tấm lòng bịn rịn của một đứa trẻ Việt Nam; vì quê hương không dung nổi anh và anh ra đi như thế này để cho một vài người tạm quên mình, và lúc được trở về lại có thể yêu mến quê hương gấp mười gấp trăm lúc ở nhà. Nói như thế, Tần sẽ đỡ đau khổ và sẽ tin rằng việc giang hồ đâu có phải là một trạng thái vui thú của tâm hồn và không bao giờ người ta có thể nâng sự xê dịch lên đến thành một lý tưởng được - được như trước kia Tần đã tin chắc.

Ban nãy hai người rón rén mở cửa đi ra ngoài như thế nào thì bây giờ trở về, họ cũng rón rén khẽ khàng như vậy. Nhưng lúc Bạch và Sương phủi chân vào màn, ra Tần vẫn thức và nói chõ sang:

- Cái gió hôm nay lạ lắm. Nghe mà cứ nản cả sự đời. Hay là tại có anh Bạch tới mà gió thổi một cách sốt ruột như vậy. Đấy các anh nghe xem!

Bạch trao đổi ý nghĩ với Sương bằng mắt và không dám có ác tâm để mà cười nữa. Không những thế, Bạch lại còn cảm động, còn ngậm ngùi. Tần đã lần sang, vặn đèn sáng choang, thèm nói chuyện và ép bạn cùng uống chút rượu thuốc với mình.

- Cho nó đỡ buồn!

Bạch, Sương và Tần dềnh dàng ngồi uống với nhau thế mà đã gần một giờ sáng. Vợ Tần lại ho. Bạch nói tiếng Pháp với Tần:

- Thôi anh Tần ạ, đi ngủ thôi. Người anh yếu. Anh không quen thức khuya. Mai phải đi sớm. Anh nên nhớ rằng ngày mai anh phải ra Uông và có khi lại phải ra tận Port Redon nữa. Đi mượn tiền, không thể nói mạnh trước được. Chúng tôi muốn về kịp Hải Phòng nội trong ngày mai, được tiền hay không được tiền, chúng tôi cũng cứ phải về. Mai đã là 24 rồi. 26, chiếc Compiègne nhổ neo.

Tần tắt đèn. Hình như đèn tắt thì tiếng gió từ ngoài lồng vào kẽ cửa lại càng nhanh. Sự thật thì gió vẫn thổi đều mà từ nãy, vì nói chuyện phiếm với nhau, không một ai để ý đến gió vẫn khóc rỉ rền ngoài trời.

Đêm Vàng Danh vẫn giật bắn mình lên vì những tiếng còi thét vang. Những chuyến tàu lấy than đá từ trong ruột lò ra, cứ đều mà chạy, tiếng còi gắt, dịp

ngân chưa tắt lại đến khổ dài, chốc lát lại làm át cả những tiếng sình sịch của các máy lọc than và bơm hơi dưỡng khí vào cửa lò. Ở đây người ta làm việc cả đêm ngày, thợ chia ra làm hai kíp kế tiếp nhau mà làm việc rút ruột quả núi cự phú.

Bạch không tài nào ngủ được. Sương cũng thế. Chẳng lẽ lại nhỏm cả dậy, thì Tần nó lại mò ra mà góp chuyện. Hai người đành nằm im, vắt tay lên trán mà nghe những tiếng hỗn độn của mỏ than nó ầm ầm như sóng bể Đông đổ xô vào bờ đá. Có những lúc tiếng ấy ú ớ như cả một bãi bể có rừng dương liễu bị gió khơi vào bóp cổ. Vào khoảng hai đợt gió ào ào như cây ngàn thiêng gặp tuần rung lộc, những tiếng còi ai oán và gay gắt cứ xoắn vít vào lỗ tai người lạ cảnh. Người ta đang đào rút ruột dãy núi than. Nhiều thanh âm ghê lạnh kết hợp lại thành một thiên trường hận ca để khóc những người lạ nước lạ non, bị ký táng ở đây - vùi nông một nấm mặc dầu bụi than. Những trận gió như được đánh xổng từ âm phần địa ngục nào vụt bay lên để ai điếu một loài sinh vật bị lấp vùi trong hoàn cảnh tối tăm của bụi loài khoáng. Tiếng động ở đây chỉ gửi vào thính giác rặt một lối thanh âm thê thảm, dài và lạnh và rợn. Lắm lúc lại bỡ ngỡ và đầy bí mật. Những đêm như thế này, Sương khó mà quên được. Chàng không ngờ mới "nhập nhĩ nhập nhỡn" với

đất mỏ mà đã giàu thêm được đến bấy nhiêu cảm giác lạnh lùng. Chàng thiếp đi lúc nào và bao lâu không rõ. Nhưng một hồi thanh la khua động. Rồi lại đến một hồi kèn vang. Chàng mở mắt thấy Bạch cũng thao láo nhìn mình, liền kêu: "Quái nhỉ! Cái điệu gì thế?".

- À, đấy là người ta ra hiệu gọi kíp phu đêm dậy mà xuống lò than. Thanh la là hiệu để gọi riêng bọn cu li Bắc Kỳ và kèn là hiệu đặc biệt của đám phu xứ Nghệ. Ở đây, chẳng lại còn có một bọn phu người Nghệ nữa; kể đầu người ra đông lắm. Ba giờ sáng rồi.

Tần vừa ngáp vừa nói chỏ ra. Vậy ra anh ấy cũng trằn trọc không ngủ và nói với sang thêm một câu nữa:

- Hai anh có tin rằng có những đêm người ta tư lự nhiều quá mà sớm mai bạc nửa mái đầu không?... Ừ phải đấy... Ngũ Tử Tư một đêm trước ngày qua ải... Các anh thế mà nhớ sách hơn tôi. Đi làm lắm lúc cũn hết cả trí tuệ và cường kỷ.

Tiếng còi tàu âm tưởng trong thung lũng tờ mờ. Con tàu lắc lư như say rượu bên sườn non than. Từ trong mỏ đi ra ngoài đường dốc, tàu chạy có nhanh hơn lúc từ Uông vào. Trong một chiếc toa bẩn thỉu, chật hẹp mà người miền mỏ đều mệnh danh là toa "song loan", Bạch cẩn thận đứng ép vào trong cùng, trái hẳn với mọi lần, ở những toa tàu lửa xứ khác,

chàng bao giờ cũng đứng theo đánh ở đầu toa tàu hoặc ở cấp lên xuống. Lúc nào lượn đường vòng, trông đoàn xe chở than đá *kíp-lê* cứ như là muốn đổ lật. Những tai nạn này có luôn và người vùng đây gọi là tàu cặm. Bạch chỉ chờ đợi tàu cặm luôn luôn và giữ mình làm trọng đứng thủ thế vạn toàn trong song loan, chàng thoáng thấy buồn. Không dám sống với nguy hiểm nữa rồi sao? Chàng ngờ chàng bắt đầu sợ sống.

Tàu chui vào đường hầm Uông Thượng. Cả một chiếc song loan - bấy nhiêu hành khách kêu inh ỏi lên: *"Tu-nền, tu-nền"*, chừng như nhắc cho nhau rằng vào tuy đạo rồi đấy, nên bám chặt cho vững. Sương buồn cười, quay lại cái lỗ mắt cáo trổ ở mặt hậu song loan, nhìn những cục cứt sắt than đá rụng xuống đường sắt, đốm lửa đỏ ối như những cục vàng bị thổi cháy. Trong tối đặc của đường tuy đạo, những tàn lửa than đá vui và sáng chỉ có một giây rồi lại chỉ còn là những chấm lửa hương đen ở bàn thờ ma mới một đêm khó ngủ tại nhà lạ. Mùi thán khí tuôn đầy một mùi hôi hám như là có người trong một lúc bẻ đôi ra hàng triệu quả trứng vịt luộc, vừa vớt ra khỏi nước sôi.

Đoàn tàu vẫn phụng phịu, ì ạch qua một đường hầm nữa. Con đường thiết lộ nhẹp thế mà cũng hai

lần tuy đạo. Bạch bĩu môi nhìn xuống đường sắt goòng Decauville rộng chỉ có sáu mươi phân.

- Chắc các anh không để ý đo đến cái bề ngang đường sắt đấy nhỉ? Đông Dương thiết lộ rộng có một thước. Con đường xe lửa bên Tây và quốc tế mở rộng những hai thước. Bởi thế nên tốc lực một giờ của nó có khi lên trăm cây số. Của mình chỉ chạy đến sáu mươi là cùng, ấy là đoạn đường tốt đấy. Ở xứ mình thấy cách xa phí về thời giờ mà không khỏi sốt ruột.

Sương đố Bạch một cây số hỏa xa ước độ bao nhiêu tiền, hãy kể cái chỗ sắt thôi. Bạch hóm hỉnh nhìn Sương đang muốn tập cái giọng kỹ sư cầu cống. Bạch tính một lúc rồi nói quả quyết:

- Một cây số thiết lộ không kể nhân công, đá và đất đổ nền và tiền đất ruộng qua các làng có địa bạ, chỉ có sắt thôi, phải mất hai vạn chín nghìn đồng, tính theo thời giá sắt còn tốt đem chặt ra bán lẻ mỗi cân ba hào. Từ Hà Nội vào Sài Gòn mất mất... mất độ hơn năm mươi triệu đồng bạc sắt.

- Anh tính thế nào mà ra đến bấy nhiêu tiền?

Trả lời Tần trố mắt ngạc nhiên nghi ngờ bài tính của mình, Bạch tiếp:

- Này nhé. Một cầu sắt bắc đường hỏa xa đo dài được chín thước. Bao giờ cũng phải hai đường song song, vậy là một cầu kép hai thanh mất mười tám

thước, mỗi thước hai mươi lăm cân. Bốn trăm rưỡi cân rồi. Mỗi cầu đường sắt phải dùng mất mười *tà-vẹc*, mỗi *tà-vẹc* bốn mươi cân và một *bù-loong* con cóc năm cân với lại ít ra là mười lăm cân đinh *bù-loong* bùi tóc. Thế có là bốn trăm hai mươi cân nữa không. Tổng cộng trọng lượng một cầu đường sắt dài chín thước nặng tới tám trăm bảy mươi cân, nhân với giá ba hào một cân thì trị giá hai trăm sáu mươi mốt đồng. Một cây số chứa được hơn một trăm mười một cầu. Thôi cứ cho là 111 cho dễ tính. Các anh nhân đi!

Tần nhân.

- Anh nhân nữa đi. Từ Hà Nội vào Sài Gòn 1.728 cây số.

Tần lại nhân.

Tần lác mắt, vừa phục cái tài hùng biện của con số vừa phục Bạch:

- Nhưng sao anh tò mò thế?

- Hơn năm mươi triệu bạc tiền sắt. Ấy là chưa kể đến đá, đất, ruộng mua và công nhân... À những lúc bị tàu chậm, gặp được viên kiểm soát địa phương nào của sở Hỏa Xa vui tính, tôi hỏi chơi thế để cho biết đại khái. Này, một cái toa xanh tốc hành hạng tư thế mà ba vạn bạc đấy. Toa buồng ngủ sáu vạn đồng.

- Làm toán pháp đùa với nhau thế mà đã đến Uông Bí lúc nào không biết.

- Các anh cứ đứng yên đây. Tôi chạy tạt vào nhà cai Khương vẫn bán chịu gạo mắm cho các ông ký mỏ và thợ thuyền, hễ lấy được thì tôi lại chạy ra lôi các anh xuống đây, đợi ô tô Đông Triều mà về Phòng chuyến trưa cho kịp việc. Nếu lỡ lão đi vắng thì tôi lại nhảy lên chuyến xe này ra Port Redon nó đỗ gần đây nửa giờ kia mà. Sáu giờ ở Vàng Danh chạy, tám giờ đã tới Port Redon rồi.

Tần xuống một mình. Và hơn một khắc sau, chàng vẫn tươi cười trèo lên toa. Lão cai Khương đi vắng nhưng không ngại. Ngoài Port Redon khối người sẵn tiền.

XIV

Ba trăm thước phố nhà một tầng, tường trát đất. Những cái túp ấy, cái nào cũng giống cái nào - mái lợp bằng những cái trôn rổ rá dùng vào việc lọc lựa than quá bằng lúc chúng còn nguyên vẹn cả cạp. Hai dãy nhà đối diện nhau, nhìn nhau chán nản như những cặp vợ chồng khổ sở bỏ thì thương, vương thì tội. Lũ nhà tối xám như tro và tái như đá đen. Trên một mái xám ấy, có một cái thập ác cũng xám, tiêu cái mái tranh tầm thường kia lên thành một nhà thờ cầu kinh hằng ngày cho những linh hồn đau khổ. Giữa cái phố độc đạo xám nhợt là một con đường sắt đen. Từ đầu xa là những đồi than tảng đánh đống, mỗi tảng ông ánh như nhọ nồi quét mỡ nước. Ngoài xa nữa là bể, là cửa sông, lấp ló vài ống khói tàu thuỷ lớn. Trong không gian, lúc nào cũng có vô số mảnh cám than. Dưới đất, bụi than đọng lại thành cục ông ánh rời rạc như những chấm ngân nhũ.

Giữa hai dãy nhà xám, những toa tàu xám dè dặt lăn vòng bánh, nghiến xuống những lớp than nhỏ bừa bộn nghe rào rào như cỗ xe đòn đám kêu trên lớp sỏi nghĩa địa. Ấy trông toa xám ấy lăn vòng bánh chầm chậm qua phố độc đạo, người ta lại càng thấy các căn nhà phố kia là những cái mồ sống, là những ngôi mả nghèo xấu tẻ ngắt, không có bia - nhà phố Port Redon không có số hiệu. Đấy, Port Redon - ta gọi bến Điền Công - cái bến của mỏ xuất cảng than có khi đến mười vạn tấn trong một ngày, mỗi tấn ba chục bạc. Tính từ Vàng Danh đến đây là tột đường hóa xa mỏ, mất mười sáu cây số, và tàu mỏ tốc lực mỗi giờ nếu chạy đúng thì được tám cây số một giờ.

Sương bỡ ngỡ, kéo Bạch vào một tiệm phở lủng lẳng súc thịt bò ôi mà bụi than bám kín, trông như rắc bột hồ tiêu. Bụi than đá dính vào phiến thịt, có mảnh to và ánh xanh chẳng khác gì con nhặng bám chết vào đấy. Tần rảo bước đi xoay tiền và hẹn tí nữa sẽ quay lại đấy.

Ngồi chờ, buồn, Bạch và Sương đánh ngả một phần ba chai rượu tỵ. Sương ngà ngà, ngây ngất, cho luôn ngay cái buổi sớm mai này ở đây cũng chỉ là một đêm trăng suông soi xuống cái xám lạnh của một cuộc sống hỗn thế và hỗn trần. Sương gật gù tự bảo mình rằng nhiều khi đối cảnh người ta có thể khóc được lắm. Chàng ngắm cảnh, bị hôn mê vì chất ma tuý của

Port Redon, lan man nghĩ đến cái địa ngục của người đã viết: "Hỡi kẻ kia đã tới đây, hãy nên trút hết hy vọng".

Có rất nhiều bóng người đi làm luôn luôn lướt qua tiệm phở. Hỏi đấy là đàn ông hay đàn bà, Bạch và Sương cũng rất khó mà trả lời và chỉ biết rằng từ lúc bắt đầu đặt chân lên cái nghĩa địa tê tái này, Bạch và Sương chưa thấy người nào hở răng ra để mà cười. Một đứa bé con cũng biết thận trọng ở dáng đi, nét mặt. Hình như ở dãy phố này, mỗi người đều có một điều u ẩn gì cất kỹ trong lòng. Và cứ như sự quan sát tuy nhanh mà rất chắc của Bạch thì nơi ăn chốn nằm của đám người ở đây đều tố giác sự ăn xổi ở thì của họ. Đến để quên chuyện cũ. Đến đây để đánh tiếng bạc cuối cùng. Nặng bồng nhẹ tếch, khăn gói gió đưa ra bến Điền Công: gây nên một quãng đời hoặc lập lại một cảnh đời. Khá lên thì lại tìm đi. Chứ ai đỉnh chung lưu luyến gì với Port Redon. Cảnh ở đây thì đen và lòng người thì bạc. Tro muội ở trong lòng người thì cũng nhiều như tro muội ở ngoài trời.

Có những tiếng ồn ào từ ngoài cái phố đen dội đưa vào đến tiệm phở. Đặt chén xuống bàn quán, Bạch và Sương đều ra xem. Một bọn tráng sĩ Tây Phương cao như cây phướn, mũ dạ lật ra phía gáy, áo khoác lên vai, giang tay vừa đi vừa hát và nói cười om sòm, mặt người nào cũng chín dừ. Một lũ vô lại áo cộc đi theo

họ thành một cái đuôi ầm ỹ nhộn nhạo. Chốc chốc bọn tráng sĩ thất thểu ấy lại rộ lên: *"Well! Well"*... Họ đứng trước tiệm phở. Bạch nói một câu tiếng Anh, họ hỏi lại:

- Anh có nói được tiếng Nam Tư Lạp Phu?

Bạch lắc đầu. Họ cười *"Well! Well!"*. Bọn thất phu chạy theo mấy người ngoại quốc cũng nhại lại "Oeo! Oeo!". Thế rồi cứ thế mà rầm loạn cả xóm than lên. Bọn tráng sĩ bực mình, kéo nhau về tàu họ đỗ ngay ngoài bến chỗ đầu phố.

Cái tàu Nam Tư Lạp Phu hai ống khói nâu ấy vào Port Redon ăn than từ hôm qua và đâu ăn độ một ngàn tấn than đá. Cứ lời những người cai phu tọc mạch và bép xép thì lúc xếp than cho tàu Nam Tư Lạp Phu kia theo giao kèo, nếu xếp sớm được một ngày thì được thưởng hai nghìn đồng và mỗi ngày chậm, sở mỏ phải bồi thường cho họ những tám nghìn đồng.

Tấn đã trở về tiệm phở và buộc Sương và Bạch uống nhiều rượu vào mới được. Chàng gọi lấy chén tống. Rồi trịnh trọng Tấn đứng dậy, gập tờ giấy bạc một trăm lại làm tám, găm vào túi trên áo Bạch. Sương cảm động quá, nắm chặt lấy bàn tay Tấn rất lâu. Tấn cứ để nguyên thế mà nói:

- Bây giờ cũng quá mười một giờ. Có về ngay Uông cũng lỡ mất chuyến ô tô trưa. Đi chuyến chiều bốn giờ vậy. Thôi ở đây chơi và uống rượu.

Ba người uống hết chai rượi.

Trời chiều đã gần vàng mặt, cái bộ ba ấy mới bảo nhau nhảy lên xe song loan rời khỏi Bo về Uông Bí.

Từ Uông, Tấn đi thẳng về Vàng Danh mà bọn Bạch và Sương thì đáp ô tô ngoặt trở về Phòng. Cảm giác sung sướng giúp được tiền, giúp được việc cho bạn, chốc đã nhường chỗ cho phút chia rẽ bùi ngùi. Tấn cầm tay Sương:

- Nhất định 26 này anh đi chuyến Compiègne?

Sương cũng cảm động:

- Vâng. Chỉ trừ khi, ngày mai ngày kia còn xảy ra những trường hợp ngoài ý định của mình.

Tấn cười, quay về phía Bạch:

- Anh không ngại. Có anh Bạch đây đỡ đầu cho thì con gì là ngại nữa.

Bạch châm điếu thuốc, giọng hể hả:

- Tiền đã có anh giúp cho. Anh Sương thì đã thừa có một tấm lòng. Còn tôi, tôi hết sức để đưa Sương đi cho lọt. Ba đứa chúng ta tuy tâm tuỳ lực, mỗi người góp vào một chút mà nhiều đã đến thế, thì cái chương trình xuất dương đây, sao mà lại chẳng thành.

Sương muốn để một lời cảm ơn, tần ngần đặt hai bàn tay lên vai Tần mãi mới nói được một câu nghẹn ngào:

- Rời khỏi được xứ sở, ở xa, dù trên cạn hay lênh đênh hàng tháng trên biển rộng, tôi không bao giờ dám quên anh. Không bao giờ tôi quên được anh và anh Bạch.

Bạch ngắt lời:

- Anh chớ nên thốt ra những lời tình cảm tầm thường như vậy của đám chúng nhân. Tôi nói thiệt đó, anh đừng hiểu lầm và mang lấy giận một cách vô ích. Anh Tần thì tôi không rõ như thế nào, chứ riêng về phần tôi, tôi rất mong anh quên phắt hẳn tôi trong khi anh đi tới bất cứ bến xa, đất lạ nào. Đừng có nhớ tới ai - mặc dầu đấy là ai - thì mới đi mãi mãi được. Muốn làm một người du tử tân nhẫn thì phải quên hết, mà mỗi lúc được vứt bỏ lại mọi cái ở sau mình là nên lấy làm hoan hỷ để lại bắt đầu đón nhận lấy một cơn gió mới của một ngày khác mở đầu cho một độ đường mới.

Tần lĩnh hội được ngay cái tứ đau buồn chứa trong một lời nói của kẻ đã dạn mặt với phong sương, gật gật mãi đầu và tàu mồ huýt còi rồi mà Tần còn chưa chịu rút cả hai chân lên cấp toa song loan. Bạch và Sương đun chang lên:

- Thôi anh về cho mạnh.

Tàu mỏ mở máy, chậm như một con tàu thuỷ nhả bến, kéo dài ra cái giây phút nặng nề của từ biệt.

Sương nhìn cái bóng trắng của Tần lâu mãi mà không chịu nhoè với khói than đá, nhớ đến cái thú vị cuộc tiễn đưa về thời xưa cũ, người ta bày một cái đoàn đình, rồi lại một cái trường đình, uống cạn một chén rượu, người ngồi trên ngựa dùng dằng mãi mới ra roi và nới cương, kẻ đứng dưới thì ngậm ngùi vòng hai cửa tay áo rộng lại, lạy một lạy và hướng mãi về phía đám bụi hồng không chịu tan bay sau móng ngựa.

Bạch không nỡ kéo Sương quay đi ngay vì dẫu sao, anh Tần trắng lôm lốp vẫn còn lưu luyến, đứng nán lại ở dìa toa chưa ra khỏi ngoài đầu ghi kia. .. Như thế này mà có thêm một người đàn bà đứng ở đây thì có làm khổ người ta không, thì con tàu kềnh càng kia còn lấy thêm có chán vạn là nước mắt của người ta. Bạch bực mình vì lối chạy đờ đẫn, chậm chạp của tàu than, vì hình bóng của tàu chưa khuất, vì cái dư vị quá dềnh dàng của từ biệt. Chàng nghĩ đến một cảnh chia tay ở một chỗ rất chóng vánh, chỉ có cuộc tiễn đưa ở bãi trường bay là gọn. Hết chỗ mà đặt tình cảm. Không đủ thời giờ để mà đem tình cảm ra mà dùng. Vù vù cánh quạt đầu máy xoay vài mươi tua, máy nổ đều, vụt một cái, con chim trời cất cánh, thế là xong. Hết cả lã chã.

XV

Trước giờ tàu Compiègne đêm ấy nhổ neo, trên gác một tửu lâu Khách Quảng Đông, phố Hàng Cháo, bến Hải Phòng, ngồi trước những món ăn khói ngùn ngụt, Bạch và Sương ngừng cốc để nghe phía buồng ăn bên - cửa che kín một lá màn rủ tiếng một vị thực khách đang chờ món ăn, lấy đũa gõ nhịp vào thành bàn ăn, nghêu ngao hát:

"Trượng phu không hay xé gan bẻ cật
phù cương thường
Hà tất tiêu giao bốn bể, luân lạc tha hương ...
Nghiêng đầu mà hát, vỗ tay mà hỏi ...
Ai là người... cùng ta cạn một hồ trường...
Học không thành, công chẳng lập
Trai trẻ bao lâu đầu đã bạc
Trăm năm thân thế bóng tà dương"

Tiếng hát ồ ồ, đượm mùi khê nồng của men tốt, nghe lỏm được ở một quán rượu trên sông Cửa Cấm, vang lên như là tiếng gọi của xa xôi, của phấn uất lẫn

trong phiêu lưu. Cái mùi hương phiêu lưu bí mật ấy đang ủ kín trong một buồng ăn. Sương ngà ngà vì tiệc rượu tối nay từ giã Bạch để đêm nay mình cũng nhổ neo luôn với chiếc Compiègne, lại càng ngây ngất thêm vì điệu hát, vì người đã hát lên điệu ấy. Chàng muốn chạy lại phía buồng, ghé mắt vào kẽ tường gỗ ghép xem mặt người vô danh đó một chút.

Bạch ngăn lại:

- Dòm nghé làm quái gì. Đấy lại là một ông khách giang hồ bất đắc chí chứ gì nữa. Cứ cái tâm sự của ông ta gửi vào bài hát, thì ông ta cũng đã từng trôi giạt nhiều và bấy giờ lại lấy làm hối tiếc cái đoạn đời phiêu lưu đã qua. Nếu tôi không lầm thì người này đã mượn đến phiêu lưu để đạt một cái mục đích gì hoài bão trong đời mình mà đến bây giờ vẫn chưa thành. Họ đi để mong làm một cái gì. Lầm! Lầm to! Sao lại không lấy nguyên cái việc được đi là một cái thú ở đời rồi? Tôi cho được đi là một cứu cánh. Sao lại đem cái việc xê dịch ra mà dùng làm một phương tiện để mong tới một cái kết quả nào? Sương thử ngẫm mà xem: Lấy một viên thanh tra tồn tích hội ra làm thí dụ. Còn ai ở Đông Dương đi luôn và nhiều bằng hạng người này. Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Nam Vang, Luang Prabang, họ đi về như là đi chợ. Nhưng không ai liệt họ vào hạng du tử. Họ chỉ là một thứ lái buôn phải đổi chỗ để bán hàng và tìm khách hàng ở các thị

trường đông đúc thôi. Việc giang hồ, đối với họ, đâu có phải là một trạng thái của nhu cầu trong tâm hồn. Được lăn cái vỏ mình trên lục địa chỉ để mà lăn tròn như vậy thôi, phải lấy thế làm tự hào chớ! Sao cái ông thực khách láng giềng kia lại gõ bàn ăn mà khóc trách cái đoạn đời bồng bềnh cũ xưa của mình? Ô, xoàng quá! Vậy thì Sương cũng chẳng nên để ý đến ông ta làm gì. Họ không phải là người đồng điệu của bọn mình. Sương nên uống nhiều đi. Xong rồi ta ra phố Cầu Đất, làm một phích cà phê ngon.

Sương gật gù, uống tiếp, câu nào của Bạch mà Sương chả nhận là châm ngôn. Cái người đã mài mòn thân thể trên mặt địa cầu mà chàng tình cờ bắt gặp được hồi gần đây khi y ngừng nghỉ tạm tại xứ này, cái người ấy có quyền nói thế. Và Sương - một tên lính trơn mới nhập đoàn phiêu lưu - Sương chỉ có bổn phận nghe nhớ lấy để mai kia suy tưởng nhiều, vào những lúc trời đất gió mây.

Trong quán cà phê lộ thiên phố Cầu Đất, Sương rót thêm rượu Rom vào cốc Bạch, ngần ngại hỏi bạn:

- Vậy anh ngược ngay Hà Nội chuyến ô tô ray đêm? Nếu không có việc gì kíp, anh ráng ở lại đêm nay tàu tôi (?) nhổ neo rồi sớm mai anh hãy ngược có hơn không?

- Có người đưa tiễn thì mới chịu đi chăng? Sương muốn đỡ thui thủi hay sao? Sương lấy việc phải thui thủi đi xa mà không có người tiễn đưa là khổ lắm sao?

- Không phải vậy, nhưng lúc tàu nhả bến, có một người vẫy một tấm khăn *mùi soa* với mình, nó cũng ấm lòng. Anh nên biết lần này là lần đầu tôi đi xa. Cái chuyến viễn du thứ nhất trong đời một con người!

Nghe Sương nói mà Bạch lấy làm tội nghiệp cho người bạn ít tuổi của mình chưa từng làm quen với cô quạnh, với tử biệt, với sinh li. Cái anh chàng Sương đáng yêu ấy, đáng gọi là bạo dạn trong cái lối muốn sống với nguy hiểm ấy, dẫu sao cũng vẫn còn là một người chứa đầy tình cảm thơ ngây. Bạch lặng nhìn trôn phích cà phê rỏ giọt khoan thai, đĩnh đạc, đều đều như giọt lậu của canh thu.

- Này anh Bạch, sao họ lại đặt ra một cái giờ khởi hành chướng như thế? Sao chiếc Compiègne lại không nhổ neo vào lúc xẩm chiều, vào buổi sớm, hoặc buổi trưa mà lại chạy vào quãng hai giờ rưỡi sáng? Tiễn nhau ra bến, lúc hai giờ rưỡi sáng, có thân đến mấy, người ta cũng lấy làm ngại.

Sương cố dằn từng chữ đoạn sau, cố cho Bạch hiểu mình muốn nói khác bạn, Bạch mỉm cười:

- Tại sao tàu Compiègne khởi hành vào khoảng hai giờ rưỡi sáng ấy à? Thưa ông, bởi vì mãi đến cái giờ ấy con nước thuỷ triều mới dâng lên, người ta dễ nhổ

neo, chỉ tháo nới nhẹ dây xích sắt gò tàu vào mốc bến là tàu dịch đít được ngay. Thuỷ thủ dễ làm việc. Con tàu nhổ bến nhẹ nhõm hơn và hãng tàu đỡ tổn phí dầu, than, mỡ. Ông đã hiểu chưa? Người ta căn cứ vào những điều kiện ấy mà ấn định giờ tàu chạy. Còn như ai ngại đêm khuya khoắt mà không ra tiễn bạn được thì đấy là một việc khác. Đợi bao giờ ông làm chủ hãng tàu, ông sẽ vừa tính giờ tàu chạy và chiều hành khách, ông sẽ vừa làm thơ nữa và những người đi đưa không phải đi đêm về hôm, được biết đến cái tiện lợi của một buổi tiễn hành còn sáng trời, những người ấy sẽ cảm ơn ông lắm lắm... Thế còn như tôi không đưa tiễn anh lúc tàu Compiègne quay mũi được là vì tôi có một lẽ riêng... Đâu có phải là vì khuya khoắt. Thằng Bạch này vốn là khách hàng quen của những đêm mưa gió từ bao năm nay rồi... Đâu có phải là vì tôi không tỏ tình thân mật với anh. Thôi Sương, Sương đừng nên ép tôi ở lại Phòng đêm nay. Tôi sẽ khổ sở vô cùng. Đừng nên bắt tôi cắt nghĩa nữa. Sau này, Sương dạn với phong trần, Sương sẽ hiểu tại sao có một người bạn tri kỷ lại cố từ chối không đi tiễn một người bạn khác đáp tàu đi xa lắm. Phức tạp lắm, Sương ạ.

XVI

Hai mép Bạch trùng xuống mấy đường hằn của một thứ đau khổ khó nói nên lời. Cốc cà phê chỉ bỏ có hai cục đường đã đắng, giờ nhấp, Bạch cảng thấy đắng quá. Bạch lặng lẽ ngồi tiếc đời, thương xuân và ghen với Sương.

Năm nay Bạch ba mươi bảy tuổi. Một đứa con. Và ít ngày nữa lại có thể thêm một đứa nữa. Đời một lữ khách hẹn sống với trời nổi, như thế đã đủ gọi là vương vít chưa? Hay vẫn còn chưa đủ nặng? Còn như đời Sương? Sương chỉ có một mình. Sương mới hơn hai mươi. Sương sẽ tha hồ mà đi xa. Cái cuộc đời ấy thừa bể rộng thừa bể sâu. Sương sẽ mặc sức mà lan cái vỏ xanh, tươi, cứng trên mặt quả đất. Cái người trai trẻ ấy có vô số cơ hội để trước bạ tên tuổi vào mọi sông núi hai tân cựu lục địa. So sánh, Bạch cảm thấy sự chênh lệch không là một với hai mà lại là một với mười.

Bạch ít lâu nay, bị tiếng gọi của trách nhiệm, của bổn phận giữ chàng nấn ná ở lại cạnh vợ và con, thấy lòng mình dần dần bị tình thương đối với máu mủ xâm chiếm dần dần. Như thế này thì còn giang hồ gì nữa; nhiều buổi chiều buồn buồn, Bạch thường nói với Bạch như thế. Chàng tự hỏi mình trở về xứ sở, lấy vợ đẻ con như thế có phải là để tự mình mở một kỷ nguyên mới cho đời lông bông lang bang của mình không. Người không hiểu, tưởng tự chàng đã gây lấy vạ vào người, đa mang thì phải đèo bòng, chứ còn kêu ca điều chi nữa. Nhiều người bạn tưởng Bạch đã thấy mệt mỏi với đời phiêu lưu, bây giờ không chịu nổi được thứ cơm nước của khách sạn ở dọc đường và đã đến lúc thèm muốn một nồi cơm vừa chín tới, một trái cà không thâm, một đĩa dưa không khú của chính mâm cơm gia đình mình, đều vỗ về Bạch:

- "Thôi, như thế nó cũng tạm là một cách để yên thân anh ạ. Chứ đi mãi, nó cũng đến chỉ là một hòn đá không dính rêu thôi. Đời anh giang hồ quá nửa phần rồi, tưởng bây giờ cũng đã là đến lúc nghỉ ngơi đi thôi. Ba mươi bảy tuổi. Anh tưởng còn sớm lắm sao. Phải lo tính liệu những ngày còn lại đi thôi chứ. Anh tiêu phí nhiều quá rồi, cái đứa con của phiêu lãng hoang phí đã đến lúc tính sổ và cần kiệm đi thì vừa. Chả nhẽ cứ vung tay mãi. Mái đầu đã bạc trắng hai bên tóc rồi anh ạ".

Những lời chia buồn và an ủi thành thực ấy chỉ làm cho Bạch sốt ruột thêm. Dẫu sao, những lời của chung quanh, thêm vào ít hiện trạng của hoàn cảnh với những khóc mếu của con trẻ, những nét mặt rầu rĩ của Dung - vợ chàng - và những tiếng thở dài ban đêm của ông cụ Tô sinh ra chàng, bấy nhiêu cái nhỏ nhặt hàng ngày đã ảnh hưởng đến nhân sinh quan một người, mặc dầu lòng người ấy cứ muốn vững như sắt như đá.

Trước cốc rượu lớn Bạch gật gù: "Gần bốn mươi tuổi đầu... Lập lại cuộc đời! Biết có nên? Có thể được không? Hay là quá chậm? " Những lời hỏi nghiêm trọng ấy mà Bạch không trả lời được lúc ngổn ngang trong lòng, chỉ có những tiếng xèo xèo trong nõ điếu hút khoan thai chấm câu cho. Nước bọt, mỗi lúc chảy vào lòng tẩu thuốc, rỏ vào tàn lửa lại rền rĩ kêu đánh xèo một cái. Lắng cái âm thanh rè đục ấy vào một lúc nghiêm trọng mà người ta do dự tại giữa cái ngã tư của lòng, của cuộc đời với thương với nhớ với tiếc cũ với ngại mới, Bạch càng nhận thấy cái tẻ lặng đời mình hơn năm rưỡi nay. Nếu biết có cơ sự như thế này thì hồi ấy chàng đã chẳng về thăm nhà. Con chim trời đã lấy làm hối hận vì cái việc về thăm lại tổ cũ ấy một buổi bạc gió mỏi cánh. Nơi tổ cũ trước kia chỉ có một đấng nghiêm đường tuổi tác, giờ lại đông thêm những một người vợ dại và một trẻ thơ đang tập đi.

Bạch suy nghĩ mãi, vẫn không hiểu tại làm sao đời mình lại có đến việc lấy vợ. Thật là một cuộc hôn nhân nghiệt chướng và nghiệp chướng. Chàng bóp trán, cố tìm cho ra cái nguyên nhân ghép đời chàng vào với đời Dung. Dung đẹp lắm, hiền lành và ngoan lắm. Nhưng... trước kia và cả bây giờ nữa, Bạch chưa nhận thấy mình yêu Dung. Những ý nghĩ của Bạch đối với Dung về mặt tình ái, lờ mờ quá, không có cái gì là rõ rệt, có họa chăng hồi gần đây, chàng chỉ thấy thương Dung nhiều. Như thế không đủ là yêu. Bởi vì tình ái còn ngụ cái ý chia sẻ lẫn cuộc đời tình cảm chung góp lại của một lứa đôi. Sự ấy thực chưa từng có bao giờ, từ ngày Bạch thành gia thất. Và chàng lấy làm phàn nàn cho Dung không biết tại sao mà lại tựa vào mình để tìm tòi hạnh phúc. Với Bạch, hạnh phúc hỡi ôi! Có lẽ chỉ ở những nhà ga. Chỉ có nhà ga bến tàu, con đường thiên lý, mặt nước rộng là mới gợi được cho Bạch ý nghĩa của đời sống đích đáng. Tất cả những cái khác là không kể. Làm thế nào mà cắt nghĩa điều ấy cho một người bạn trăm năm hiểu? Mà ví có giảng giải được thì cũng là quá chậm. Một vợ một con. Hai cái kỷ niệm thấm thía ấy bằng thịt bằng máu chả lẽ lại là không đáng quan tâm? Hơn một năm nay nếu Bạch muốn dứt tình, xách cái va ly cũ mà tếch lên đường, đâu có phải là một điều khó khăn. Ở các hãng tàu bể thông ra ngoài, ở hãng tàu bay, ở

sở hóa xa, Bạch có vô số là người quen. Chàng chỉ việc trình diện một cái với cái va ly ngày nọ là xong, không có ai ngăn nổi. Các người quen cũ thấy vậy có lẽ còn bằng lòng khi chàng quyết định tiếp tục lại đoạn đời cũ, nghĩa là lại đi. Lâu nay đã có không biết bao nhiêu người trong đám cố giao lấy câu "Kìa anh Bạch, anh vẫn còn ở nhà à" thay cho một câu hỏi thăm rõ rệt có ý nói khẩy. Sốt ruột quá chừng. Mà trách gì được người ta. Đối với họ, xưa nay Bạch chỉ là cái hình ảnh bất diệt của người du tử thiên vạn cổ. Cái bóng người ấy sống nghĩa là chỉ để thoáng qua mắt họ trong chốc lát, - một lúc ngừng im hẳn lại, một lúc đâu hẳn lại thành một cái hình vuông nhoè và không cử động, sao có khỏi làm cho họ không ngạc nhiên và thốt ra một câu giục giã. "Phải đi đi, đến ngay người chung quanh ta cũng muốn thế. Ta phải đi vì nghiệp dĩ bất như thế!".

Có một buổi say thuốc phiện, cả xác lẫn hồn nhẹ bổng, cường kỳ được thức tỉnh lại, Bạch mới nhận nhớ ra cái cớ đã ghép mình làm người bạn trăm năm của Dung.

Năm kia thấy chàng về, ông cụ Tô mừng quýnh, đã bảo chàng:

- "Con ạ, thày già rồi. Con là trưởng mà con cứ đi luôn. Nhà vắng lắm. Con đối với thiên hạ hậu quá mà đối với gia đình thì chẳng được lấy một phần. Từ đầu

chỉ cuối, thầy chỉ thui thủi một mình với Phối. Thằng em con nó còn lại lắm. Nhất nhất cái gì cũng phải có thầy dúng tay vào. Giá con chiều ý thầy mà lấy vợ thì thực là đủ làm vui cho thầy trước khi thầy nằm xuống. Rồi ra con muốn ganh đua với anh em ở những chỗ đâu đâu thì ở nhà sẽ có người thay con và đỡ hộ thầy, chứ gần đây, trong người thầy, thầy thấy rời rạc lắm rồi".

Ông cụ Tô nói đến đấy, nấc lên như người kiệt lực lúc đã cố dối dăng xong được một vài việc quan hệ trước khi buông xuôi hai tay.

Bạch, dẫu sao vẫn còn một chút luân lý cũ chạy trong huyết quản, đã vâng chịu và tưởng xong xuôi những ngày trọng đại của lễ thành thân rồi thì chàng lại ra đi được như thường và có lẽ sau khi ông cụ Tô đã có được một người con dâu đỡ đần việc nhà, thì lòng mình có ở chỗ dậm xa nó cũng đỡ áy náy bận bịu như trước. Lòng thương cha, ai mà không nặng. Nhưng một việc hôn nhân ấy đã tỏ hết cả vụng dại của một người khách không nhà khi y tính xếp đến việc nhà. Lần lữa ngày một ngày hai, từ có đèo thêm Dung vào cuộc sống vốn vô thường, Bạch dần dần nhận thấy cái thân của mình đã không hẳn là của mình nữa. Giờ có muốn quăng muốn lăn nó đến đâu cũng không được tự chủ như ngày trước nữa. Bởi vì đã có một người đàn bà tham dự vào.

Ông cụ Tô đã hiểu rõ lòng đứa trưởng nam hoang toàng. Cái tinh thần luân lý ở Bạch vẫn còn vững lắm. Vậy cho nên cuộc hôn nhân do cụ Tô gợi lên đã là một cái bẫy rất lẹ và cuộc sống trật tự đã đưa ra một người ngoan lành như Dung để cướp lại Bạch và đưa ra khỏi cám dỗ của phiêu lưu.

Từ sau hôm cối pháo toàn hồng một vạn quả ấy đã phai nhạt xác giấy báo hỉ ở thềm nhà, thì trong lòng Bạch nhú ngay lên cái thai của một tấn thảm kịch: *Con Đường Vô Hạn*.

Buổi đầu Bạch chỉ cười và tự tin rằng mình nấn ná ở nhà là cốt để tỏ cái tính lịch sự đối với một người vợ mới và làm vui lòng cha thêm trong ít ngày. Sau đó, chàng lại khăn gói đi xa một cách nhẹ nhõm. Và có lẽ đời chàng bị ngắt quãng như thế, có dịp nghỉ ngơi lâu như thế, lúc được lên đường lại, Bạch lại sẽ khoan khoái hơn. Bạch tự ví mình là một con ngựa bị nhốt lâu ngày trong tàu cỏ, lúc nhớ đường được băng ngàn mà ngốn lại đám cỏ non chỗ dặm trường thì còn thú bằng mấy mươi cái lối lồng hí của đàn ngựa hoang trên bãi cỏ xanh. Thêm nữa, giờ đã có người thay mình ở nhà, hầu và đỡ một ông cụ già rồi, thì bước đi chàng càng mạnh lắm.

Nhưng cái ngày lên đường của Bạch cứ bị lùi mãi lại. Dung giữa những câu hát ru con đưa võng, đã có những nụ cười kín đáo của đắc thắng.

Thôi, từ nay Dung hết đọc Chinh Phụ, Cung Oán. *"Sân khuya, bóng lẻ người ly phụ..."* Ông cụ Tô, độ này cũng không làm thơ một cách tiêu sắt như trước nữa.

Giữa hoàn cảnh đầy tươi vui của gia đình, do mình đánh lộn sòng gây nên trong giây phút hoang mang tạm dừng chân tạm đứng im, Bạch chỉ là một người ốm, tâm tạng rề rề một thứ bệnh du lịch. Bệnh chàng không thuyên giảm - như Dung và cụ Tô lầm tưởng - mà trái lại chỉ tăng thêm.

Ngày ngày chàng lê mình ra một cái bến nước, nhìn nước trôi xuôi, nhìn bèo dạt xuôi, nhìn những cánh buồm đi xuôi và những làn khói than đá nhòe trên sông. Và ở bến ga xe lửa, cái người ốm ra đây thẫn thờ nhìn tàu đi để dưỡng cái bệnh đổi chỗ vẫn chỉ là Bạch - người bạn hàng trung thành của ông cụ ký ga già ngồi bán vé ke ở cửa ra đã hàng mười năm. Và ít lâu nay, Bạch nhất định chỉ có tới những chỗ tụ họp đi về của lữ khách một cách vô cớ, thế thôi; nếu có một người quen biết nào lên đường thì Bạch lại cần lánh mặt. Đã phức tạp thay là một tâm hồn đau khổ. Chàng chỉ muốn xem người của thiên hạ vô danh lên đường, chứ chàng không muốn dự vào cuộc khởi hành của một người quen, người thân nào. Thấy người quen mình được ra đi, lòng Bạch chết lịm hằng buổi. Người đi có mấy ai đã thương đến người phải ở lại nơi sân

ga. Thói thường con người lúc lâm vào cảnh sinh ly hay nói: "Đi là chết một phần". Không phải thế. Bạch vừa đưa Phối đi Tây làm lính thợ dạo vừa rồi, chỉ thấy người ở lại mới là người đang chết một phần. Phải cắt lưỡi người lữ khách hay kể lể những đi là chết hoàn toàn - hoặc chết một phần cũng vậy. Việc gì mà chết. Ước gì chàng cứ được luôn luôn có dịp mà "chết" như người ta vẫn kêu rêu!

Lần đưa thằng em nhỏ ra tàu, Bạch tự bảo mình là lần cuối cùng. Từ sau cuộc khởi hành của Phối, Bạch giữ đúng lời nguyền, không hề đưa một ai lên đường nữa. Chàng đã thề độc một câu và tiêu câu ấy lên làm nguyên tắc trong xử sự. Chàng không muốn người thân chung quanh bày ra trước mắt chàng cái trò xè dịch. Mỗi lần phải chứng kiến cuộc khởi hành của đám bằng hữu ra đi, Bạch phải về nhà, Bạch mất hằng tuần lễ vơ vẩn như người bị ma làm. Vào những ngày ấy, không gì cực bằng sự phải trả lời những câu hỏi của Dung: - "Anh làm sao trong người - Chiều nay chúng mình đi ăn cơm ở ngoài nhé? - Ngày mai đi chùa Trầm; ông nội hỏi anh có đi thì cũng cho em đi lễ Phật với. - Hay là chiều nay tôi đi chợ mua vịt làm lòng dấm anh ăn, nếu anh không bận đi đâu". Trời ôi! Dung thật là một người đàn bà hiền chất phác quá. Có sống cho đến ngày tận thế ở luôn cạnh Bạch, nàng cũng không bao giờ hiểu được tâm hồn chồng. Thấy

Bạch cứ hằng tuần kém ăn kém ngủ, nàng chỉ quy sự thất thường ấy vào việc bếp nước không được chu đáo và nhận lấy trách nhiệm và nhận lấy lỗi ở mình. Rồi nàng đi chợ, rồi nàng xắn tay áo, suốt buổi lúi húi trước bếp lửa, mặt như người say rượu, mồ hôi nhễ nhại làm dính bết mái tóc, trông tội quá chừng. Cái mâm cơm gọn ghẽ ngon lành ấy bưng ra Dung đã tưởng gây được chút vui trong lòng Bạch. Nàng dúi đũa vào tay chồng, mời mọc chồng bằng cặp mắt long lanh thêm mãi lên vì trìu mến chứa chất đầy. Bạch biết Dung đã để tâm vào sự lựa chọn các món ăn khói ngùn ngụt kia. Chàng giả vờ gắp rất nhiều, ngồi rất lâu, nhưng thời giờ chàng dùng để đưa đồ ăn vào miệng thì rất ít. Chàng chỉ luôn tay bồi rượu cho ông cụ Tô và bón cơm cho thằng Phong mà Dung đã để lọt thỏm vào lòng chàng. Hình như cả nhà chỉ có ông cụ Tô là hiểu rõ lòng Bạch. Ngoài cái vẻ nghiêm trang cẩn trọng là cái tính quen của ông già, cụ Tô nâng chén rượu nhấm nhấp một cách lười biếng và trong tiếng khà mỗi lúc cạn một chén, mắt cụ phảng phất buồn rầu. Cụ kềnh càng đứng dậy nhặt những hột cơm vãi bỏ vào bát mình và ngập ngừng hỏi Bạch:

- Bao giờ anh trưởng lại đi?

Cụ dằn giọng vào chữ "lại". Dung như bị điện giật, đặt cái bát sắt của thằng Phong xuống chiếu, nhìn chằm chặp vào mặt Bạch. Môi nàng mấp máy: "Dạ

thưa ông ai đi? Dạ có ai đi đâu đâu ạ", rồi nàng cúi mặt xuống, kéo Phong vào lòng mình.

Cụ Tô vừa xoa cái vỏ chanh rửa miệng, vừa nói tiếp:

- Bao giờ gần đi, anh cho thầy biết nhé. Thầy muốn cậy anh mua cái này. Mấy lần anh cứ chân trong chân ngoài lại vụt biến đi mất, thành thử thầy không kịp nhắn gửi gì cả.

Bạch vẫn lặng thinh, lòng hết sức ngổn ngang không thừa chỗ để cho đồ ăn đưa vào. Trên mâm cơm ngon nóng, sao Bạch lại thoáng thấy cái mùi lạnh lẽo của buổi lên đường? Thấy Dung nhìn mình, chàng vội và cơm làm như người ăn ngon miệng lắm, nhưng sự thực thì miếng cơm ấy lúng búng trong một cái miệng thều thào, miếng cơm nhai đã vữa cả ra mà chưa chịu trôi xuống họng. Ông cụ Tô chỉ chờ Bạch hỏi tiếp vào câu vừa rồi của mình. Nếu Bạch hỏi thì cụ Tô đã nói ngay một câu đầy những giận hờn mà cụ nghĩ sẵn đã từ lâu:

"- Khi nào, anh sắp đi, mua hộ thầy cái này... A, một cái áo vàng tâm. Thầy đưa gửi lên trên chùa...".

Ý ông cụ Tô muốn cho Bạch biết rằng cụ đã ngửi thấy mùi đất rồi đấy. Và ông già gần kề miệng huyệt ấy muốn thằng con phóng đãng của mình nên mua cho mình một cỗ áo quan đã, rồi có đi đâu hãy đi. Ông không giữ Bạch. Vì người cha ấy cũng tự biết không

giữ nổi con. Cha mẹ sinh con, trời sinh tính. "Tính thằng Bạch, chí thằng Bạch là ở chỗ bốn bể. Giữ thế nào được nó. Thôi thì mặc nó". Cụ Tô cũng đành liều ở với trời vậy. Vậy thì Bạch cứ việc mà du đãng khắp thế giới. Muốn giang hồ cứ việc mà giang hồ. Nhưng Bạch xa vắng quanh năm suốt đời như thế, cụ Tô phải tự mình tính liệu lấy những ngày cuối cùng của mình vậy. Trời đất gió mây dở chứng luôn, biết trước thế nào được, nên phòng đi thì vừa. Đã hay rằng lúc cụ nằm xuống mà Bạch còn ở những chỗ đầu sông, ngọn nguồn nào, vợ con không biết địa chỉ mà đánh dây thép gọi về chịu tang, - mà Bạch đi xa thế, có biết đích được chỗ mà gọi về thì cũng vô ích, gọi về để nó làm ma khô cho hay sao? - thì đám ma cụ sẽ nhờ người trong họ treo hộ một cây gậy tre và một cái mũ rơm vào đầu đòn, cái đó dĩ nhiên rồi. Nhưng dẫu sao cụ Tô cũng phải có một cái áo quan cho tử tế chứ. Chẳng ma to giỗ lớn thì thôi, chứ cái cỗ hậu sự thì không thể không được. Một người như cụ Tô mà phải nằm vào một chiếc quan tài mỏng độ một phân ván, mua sẵn trong lúc vội vàng có công việc đến nơi thì chẳng hóa ra vô phúc lắm sao. Có một thằng con trưởng như Bạch quanh năm bỏ vắng nhà, cũng đã đủ là một sự đại bất hạnh rồi.

- "Khi nào anh sắp đi anh mua hộ thầy cái này... A, một cái áo vàng tâm. Thầy đưa gửi sẵn lên trên chùa... Chừng cũng tới nơi rồi đấy".

Có con trai sờ sờ ra đấy mà cũng như vô tự, mà phải nhờ nhà chùa làm ma làm chay cho, hương khói cho, bầu hậu cho, may quá, sau bữa cơm ấy giá Bạch hỏi mà cụ Tô không phải trả lời, phải cởi mở cái lòng héo hắt của mình ra, thì cứ đến chan hòa nước mắt ra chứ không thể cầm lại được. Ở vào một cái tuổi già mà phải biểu hiện cái đau đớn của mình ra ngoài bằng những giọt lệ - những giọt lệ mà mình đáng lý phải cho nó chạy vào trong - thì còn gì thảm hơn nữa, cụ Tô vuốt râu tóc nghĩ thế, khi mâm cơm đã dọn đi và Dung đã bầy trên giường ấy những thức dùng thường lệ. Đôi gối xếp, cây đèn hoa kỳ, cái điếu bát, một cái ống đựng đóm.

Dung dẹp xong, lại ẵm Phong ra, thả nó vào lòng chồng, bắt Bạch đùa với nó, để mình đi pha cà phê. Cụ Tô nhìn cháu Phong, nghĩ ngay đến một đứa trọng tôn chống gậy theo sau mình thay cho cái thằng Bạch coi như là bỏ đi. Không hơn gì mâm cơm, cốc cà phê của Dung để ý pha kỹ lưỡng - có thể nói là cân đếm từng hột cát đường bột, từng mẳn cà phê xay, từng giọt nước sôi chế vào - Bạch uống nó vẫn thế nào ấy. Bằng thế nào được thứ cà phê nhấp ở mọi hàng quán dọc đường! Dung hỏi chồng:

- Anh uống thế vừa chứ? Đặc hay loãng?

Bạch biết trả lời thế nào? Ai đã dày công vẽ cho Dung pha cà phê? Cái cốc ấy ngon lắm, thơm phưng phức, không đặc lắm , không loãng, đường tan đều mà nước không nguội, chàng không thể đòi hỏi hơn được nữa. Nhưng thực tình, cốc cà phê ấy vẫn thiếu nhiều lắm, mặc dầu Dung đã để hết cái tài gia chánh vào đấy. Nếu một người nói ra để có một người khác hiểu được ngay cái ý của mình, cái nỗi thống khổ thầm kín giữ mãi trong lòng mình thì Bạch đã bảo ngay Dung:

- "Không bao giờ anh có ý phụ tình Dung. Nhưng giá bây giờ anh được đeo khăn gói lên đường, lúc thèm uống, được người chủ quán ở bất cứ quán nào pha cà phê cho anh uống, anh vẫn thấy nó ngon hơn, anh vẫn thấy nó có hương vị hơn. Tất cả khoa nữ công mà em lĩnh hội và thực hành đúng được, tất cả những săn sóc của em, cũng không lấy nổi cái mùi thơm tuyệt vời ấy. Em cứ đo mãi từng giọt nước sôi, anh cho em đếm em cân nữa, anh quyết không bao giờ em pha cà phê cho vừa miệng anh được, chỉ phí công thôi. Bởi vì anh bỏ nhà nó đã quen thân tập nết rồi và tế bào dạ dày anh nó cũng quen cái mùi quán trọ dọc đường rồi. Nay bắt nó chiều theo nhận lấy một cái thực đơn của gia đình thiếu hẳn gia vị của lữ thứ, sao chẳng có sự bỡ ngỡ. Dung bảo mọi việc ở đời đều là một sự quen. Ba mươi bảy tuổi đầu, phải nhất đán

thay hết thói cũ, em tưởng dễ dàng yên ổn lắm sao. Thế nào cuộc thay đổi cũng gây nên đổ vỡ, Dung ạ. Anh cầu mong cho đổ vỡ ấy không ở anh và cũng không ở Dung. Khổ lắm! Dung ơi...

- "... Hay là chúng ta đóng một cái xe có mui, sức ngựa kéo mỗi ngày được đến đâu thì đến. Buổi sớm trước khi anh lắp ngựa vào xe thì em nấu cơm; buổi chiều sau khi anh tháo ngựa cho nó ăn thóc hoặc ăn cỏ ở ngay vệ đường thì Dung lại nấu một lần cơm nữa. Vào khoảng hai bữa cơm lấy ngay những cái mốc cột lô-mét đường thiên lý làm ông đồ rau bắc bếp, em hát khe khẽ cho Phong nó đẫy giấc. Điệu hát ru em, anh không bao giờ chán. Ờ, anh phải thận trọng cầm cương dưỡng sức ngựa cho nó đi được bền, rồi một ngày nào đấy, khi chúng ta đã vượt được đeo Hải Vân, anh sẽ cho cả xe cả ngựa nghỉ thật lâu ở xóm thông bãi biển Cửa Hàn chẳng hạn cho em đủ thời giờ tập cái giọng hát ru em của những người đàn bà đất Quảng mà anh đã có nhiều lần khoe với em. Bao giờ em luyện xong giọng hát tuyệt vời ấy thì chúng ta lại lên đường... Để đi đến đâu ấy à? Để đi đến những chỗ chưa tính trước được. Những cảnh đẹp ấy không định trước được. Chúng mình cứ đi như thế, không phải là để có một nơi mà đến; chúng mình cứ đi hoài đi mãi như thế cốt để lúc nào cũng có một nơi mà rời bỏ. Và những lúc đổi chỗ, ăn cái gì mà anh chẳng thấy ngon.

Em cứ chặt to bung dừ, chẳng cần đến khoa điều nhậm về thuật ẩm thực, chẳng cần đến khoa điều nhậm về thuật ẩm thực, chẳng cần phải tốn công mà mới thành được mâm cơm. Đấy, đến lúc bấy giờ là tự dưng Dung pha nổi một cốc cà phê đưa mời anh uống cho được vừa miệng. Củi rừng ấy, nước khe ấy, đun lên mà pha, sao lại chẳng thơm ngon... Này Dung, em há chẳng được thấy đôi vợ chồng người phu làm đường vẫn vui sướng sống cái đời lang thang ấy mỗi ngày, chẳng ngày nào giống ngày nào trên con đường thuộc địa số một có những đoạn rải đá rải nhựa lại, với một cái xe có mái móc vào sau quả hồ lô máy? Cái xe ấy là một cái bất động sản tự động. Cái xe ấy là một cảnh gia đình. Ở đấy có lẽ cũng là một cái gì của Hạnh Phúc"...

Không, Bạch không thể nói những điều ấy với vợ chàng được. Chàng tin chắc rằng Dung không thể nào hiểu được. Dung sẽ cho chàng là điên. Ai lại nhà cửa đang yên ổn như thế mà vợ chồng con cái lại dắt nhau bỏ đấy mà ra đi như một lũ hành khất bao giờ. Có một cái mái nhà mong tu sửa bồi đắp thêm vào còn vẻ thay nữa là... Một lứa đôi đem hai cái nửa âm dương hợp kết lại thành một khối tin yêu, thường là để chung sức lại kiến thiết một cái gì vốn gọi là gia đình xây đắp trên một miếng đất nào mà người ta vốn gọi là quê nhang. Những kẻ lành mạnh nơi tâm óc,

chưa từng có ai điên rồ xui vợ con bỏ lại sau mình một chốn yên ấm để mong cùng được làm đôi bạn lữ hành, hồ muốn lấy cái thú gió sớm mưa chiều nơi dọc đường, làm cái định thức ở cõi đời này. Dung vẫn là người vợ hiền, đức tính có thể làm vẻ vang cho một giới phụ nữ ở một xứ mà những giá trị giáo dục của thiếu phụ gần như mất mát hết. Dung vẫn là người đàn bà tốt, nhưng dẫu sao nàng cũng vẫn bị những luật lệ tâm lý thuộc về giống cái cai quản đến mỗi hành động, mỗi ý tưởng. Dung vẫn chỉ là một người đàn bà.

Bạch có lúc đã thí dụ một cách vô đoán rằng Dung sẽ vui lòng theo mình, chàng đi tới đâu nàng cũng vui theo đến đấy, nếu một đêm mưa gió gần đây, lúc đầu gối tay ấp, Bạch sẽ bày tỏ cái thảm kịch đang phá nát lòng mình, từ ngày nguyên nhân hiếu trong gia cảnh đã biến mình thành một kẻ du sĩ có vợ và buộc mình phải có bổn phận đối với Dung. Trong lúc nói chuyện, Bạch sẽ thống thiết cặn kẽ giãi bày tâm sự như là một người tri kỷ. Chắc Dung sẽ khóc òa và rồi chàng cũng đến nghẹn ngào. Thế rồi đôi lứa sẽ cùng một lòng cắt hết những dây tình cảm liên can với họ mạc làng nước để mà ra đi, bởi vì đấy là cái chí nguyện của Bạch; bởi vì không giữ được Bạch, Dung đã phải theo chàng và đem theo cả cái tình thương dấu của mình rắc luôn lên đám hoa cỏ dặm trường. Dung sẽ rụt rè - bỉ bỡ ngỡ - bước theo sát hẳn vào cái lốt chân của Bạch.

Mỗi buổi sớm một ngày thái bình ấy, đôi vợ chồng theo nhau như bóng với hình, đã để lại cho người quen ở lại sau một cảnh tượng của một đôi tình nhân chạy loạn rời bỏ thị trấn sinh trưởng. Bánh xe mỗi lúc lăn thêm một vòng trên con đường gió cát lại làm cho hai vợ chồng xa lìa khỏi chốn cũ thêm được một chút. Quay đầu lại, lấy bàn tay che lên mi mắt làm thành cái mái hiên cho nhỡn giới, có lúc, chưa dứt hẳn tình với cố hương, chợt thấy một vùng mây trắng kéo ngang trời, cái người thiếu phụ ấy hỏi chồng: "Nhà ta ở sau cái đám mây xốp ấy phải không anh?" Người chồng ừ ào, càng thúc xe đi nhanh, lấy tay chỉ cho vợ xem một đám khói đồng rơm rạ ngăn tầm mắt chỗ xa xa, tỏ cho vợ biết rằng chúng ta bây giờ nhìn hẳn về phía trước mà đi, từng tiếc thương những cái gì đã bỏ lại phía sau".

Nghĩ đến cái cảnh lứa đôi lữ thứ như thế, Bạch thấy khoan khoái trong lòng. Nếu Dung cũng dám chia sẻ cái đời trôi giạt với mình, trong lúc đường xa không hay hỏi xem đã tới chưa, thì âu đấy cũng là một hình thức của một giải quyết tạm thời về cái bệnh không gian của chàng. Nhưng... chẳng bao giờ có thể xảy đến như thế được. Nhưng... - rất có thể như thế lắm. - Sau độ dăm bảy bữa lăn cái vỏ mỏng yếu của mình trên đường, bên cạnh chồng, Dung sẽ gục vào vai chàng mà kêu lên rằng: "Em mỏi lắm rồi, anh

ạ, anh tìm một chỗ nào gần đây cho em nghỉ chân thôi". Rồi phải chiều Dung, Bạch đã phải tìm một quán trọ để cho Dung lấy lại sức khoẻ. Rồi có một ngày gần đây, mặc dầu đã khoẻ hẳn như cũ, Dung sẽ van lơn chàng không nên bước thêm nữa. "Anh nên cho xe dừng hẳn lại trên chỗ này, nếu chúng ta còn chưa muốn lộn trở về hẳn".

Thế này thì ra dứt tình cố lý, bỏ nhà ra đi để mà thấy thiếu thốn và mệt mỏi và sợ sống. Cái phút đầu tiên của Dung bước lên xe theo Bạch là một phút không kịp suy nghĩ. Dung chỉ là một hiền phụ lối cũ nghe thấy tiếng gọi của chữ tòng. Theo chồng. Nhưng theo thế nào được một người chồng đi không bao giờ biết mỏi. Đối với thiên hạ rất hậu hĩ và riêng đối với nhà thì rất bạc, cái người chồng kỳ dị ấy lúc được thơ thẩn trên đường sao mà hoang phí tình cảm nhiều đến thế? Chàng yêu sống, dám sống và gặp bất cứ trường hợp gì, trước tự nhiên, trước cảnh vật, chàng đều cởi mở lòng mình rất rộng xa. Sự thay đổi hoàn toàn ấy thật làm cho chàng khác hẳn, trái ngược hẳn với lúc ở nhà, ăn uống thì cầm chừng, nói năng đều như muốn giảm bớt hết, người thì bần thần và luôn luôn vật vã và coi tất cả người thân thích máu mủ trong nhà như là kẻ thù trên đời. Người chồng Dung có hai bản ngã, hai bản năng phát hiện mỗi khi một khác tuỳ theo hoàn cảnh của mỗi lúc. Hai bản ngã ấy

tương xung tương khắc. Bạch của giang hồ phiêu đãng không có một tương quan gì với Bạch của gia đình yên ấm. Nếu không được đổi chỗ, phải sống với thói quen ở nhà, Bạch thấy sống là một gánh nặng đè bẹp dí mình xuống. Những ngày ngồi dưới mái nhà mình, Bạch ngẫm thấy cuộc đời có cái nghĩa là một chốn mà mình phải ở. Nếu được nay đây mai đó, cho thể xác mình cũng phù hợp mà trôi theo với cái đà của mọi vật chung quanh là một hứng thú và hình như có ai đã chắp thêm cánh cho mình. Rồi Bạch tin yêu cuộc sống, phóng túng hình hài và tâm óc mình trong bất kể chung đụng nào, lấy những tình cảm tươi mới của mỗi ngày làm kẻ hướng dẫn rất chắc chắn cho bước đi. Bạch rất vị kỷ trong lý tưởng của mình, lại là người rất hoang tàng trong cách đem tiêu pha ngày giờ và sức khoẻ của mình vào việc khởi hành. Và tin tưởng ngày nào mình cũng chỉ là ngày khởi hành.

Dung theo thế nào được một người đàn ông có tấm lòng rối reng mà không bao giờ nàng hiểu được. Nếu bản tính người đàn bà, nàng căn cơ về chỗ tiền nong, thì về mặt tình cảm, nàng cũng dè xẻn và bóp chắt. Ngoài cái hạnh phúc nhà riêng mình, nàng không biết đến cái gì khác nữa, vui trong yên phận, với chồng với con và một cái bếp. Một lần ấy suy tưởng về cái quá trình phiêu giạt của Bạch thấy, Bạch không thiết tha danh dợi, không đả động đến sự nghiệp và chỉ thấy ca

tụng du lịch, để đến ngày nay thành một người đã đứng tuổi mà vẫn chưa có một địa vị xã hội, nàng vô tình đã có cái ác ý ru thằng Phong bằng một câu hát ngụ hết nghĩa chế nhạo khôi hài mà nàng không nhận rõ:

"Không đi (thì) không biết xứ Đông,
Đi ra khốn khổ thân ông thế này!"

Dung ru thằng Phong ngủ, hát câu ấy cốt để đùa nhả với chồng. Bạch đã ít lời, nghe thấy câu hát có ý xúc phạm đến hoài bão thiêng liêng của mình, chàng càng lặng lẽ thêm trong cái không khí nhàn nhạt của gia đình. Câu hát ấy đã là nguyên uỷ của một cuộc hờn giận kéo dài đến mươi hôm. Nhưng rồi Bạch cũng tha thứ và cũng lại làm lành. Khốn nạn quá, những lúc muốn tỏ ra là mình thương yêu chồng và hối lỗi lắm, Dung chỉ biết gia công tắm rửa cho thằng Phong, kính sợ cụ Tô thêm lên và thứ nhất là vào bếp nấu nướng cho thật nhiều. Có những gia đình bình dị - kết nên hai tâm hồn đơn giản - mà người vợ ngoan muốn chấm hết cho một cuộc bất hòa với chồng, thường đánh dấu hòa thuận bằng một bữa ăn thang hay cuốn rất tươm tất. Lấy một bữa thịnh soạn để mong đè nén những cái sóng ngầm của lòng có khi còn lâu mới dội lên một lần, đã nông nổi thay.

Trước những cử chỉ ấy của người nội trợ, lại càng phải chiều Dung thêm, Bạch càng cảm thấy mình

sống một cách quá gượng gạo, không những mình đã đánh lừa mình và lại còn dối trá lẫn cả với một người bạn mà chỉ có kính yêu thành thực mới đủ đền đáp lại.

Bạch là người không thích những tình thế mập mờ và những tính tình nửa chừng. Có những lúc muốn được thấy mình thành thực với ý nghĩ của mình, Bạch muốn nói to lên cho Dung nghe đến những điều chàng nghĩ thầm rằng hai người trong cuộc hôn nhân này, chỉ là thương hại lẫn nhau và sống chung dưới một mái nhà chẳng qua chỉ để mà làm cho nhau thấy cuộc sống thêm khó nhọc, thêm hận, thêm bực bội, không đủ thành đôi bạn mà chỉ là hai kẻ thù trong sự bầu bạn ép gượng của hằng ngày. Bạch cho cuộc hôn nhân này là một cái bình đã có những đường âm phá mỗi ngày một loang nẻ thêm. Hàn gắn mãi cho khéo, cho kiên nhẫn thì cũng bịt giữ được cho bình khỏi vỡ, nước bình khỏi tuôn rơi ra ngoài, nhưng cái bình ấy, dày cộm lên những vết xi măng đắp gắn, dẫu sao cũng không mất được cái hình thù xấu xí và cục mịch thiếu hẳn cái dáng đầu tiên của chiếc đồ sứ.

Chỉ có ly dị gỡ thoát đời Dung ra hẳn cuộc sống của Bạch, thì mới hết bận bịu, thì Bạch mới trở lại cái bản ngã của Bạch được.

Nhưng nhiều ý nghĩ khác lại bảo Bạch hãy cứ thong thả xem sao. Nếu một ngày gần đây, tình thế

của hai người găng quá, tâm trạng của mỗi người đã không cho nhau dung nổi lấy được nhau nữa, thì sẽ chia rẽ vẫn chưa là muộn. Bạch vẫn chờ.

Nhiều lúc Bạch tưởng cái giờ ấy đã đến để mình và Dung bảo thực cho nhau biết rằng muốn bảo toàn cho độc lập của quan niệm mỗi người về hạnh phúc, thì mỗi người từ phút này sẽ chia tay nhau bằng một thái độ bạn hữu. Cái giờ quan hệ sắp đến. Bạch sắp định rõ thái độ mình thì trời ơi! Dung lại khó ở hằng mươi mười lăm ngày, thì Phong lại biếng chơi biếng ăn hằng tuần, thì cụ Tô lại giở giời. Những ngày Dung yếu không dậy được, Bạch trở nên vui tính. Chàng tạo cho mình những ngôn ngữ cử chỉ hoan lạc. Chàng muốn tỏ cho vợ mình thấy mình là một người lịch sự. Rồi một lọ dầu khuất thần, một câu hỏi thăm chân thành về sức khoẻ người ốm, một bát thuốc rúc lại hâm nóng lên trong những đêm liên miên với cái tro xám của chiếc hỏa lò nguội lạnh, nếu bấy nhiêu cái vặt vãnh có thể làm cho một đôi vợ chồng son hết hờn mát nhau thì vào cảnh huống của Bạch, cũng vẫn là những cớ nhiệm màu làm cho chàng lùi mãi cái giờ trấn tĩnh và tỏ thái độ quyết liệt của mình.

Không còn gì thảm khổ bằng một người thành gia thất rồi, biết mình đã tính lầm về một việc trọng đại, nay muốn lấy ly dị để gỡ cho mình để gỡ luôn cho

người, cứ chờ mong ly dị mà cứ phải kéo dài cái tình thế mập mờ của mình.

Bạch không tiết hết được những bực dọc của mình bằng một cuộc nói chuyện rành rọt với vợ để mình sẽ được hoàn toàn trở về với cuộc sống vô thường trôi giạt xưa cũ của mình, Bạch đâm ra giận mình, oán Dung và xương thịt buồn rầu chỉ muốn gây nên một đổ vỡ gì cho nó giải thoát bớt phiền khổ ra ngoài.

Oán Dung, Bạch lại càng nghĩ thêm ra những cách để ghét Dung cho được nhiều. Mỗi ngày chờ đợi ly hôn, Bạch lại thấy Dung có thêm một tật xấu của người đàn bà thiếu học thức và giáo dục của thời đại. Phần đức về luân lý của Dung không đủ bênh vực cho Dung về những tật xấu Bạch tìa tót thêm mãi ra.

Sống chung với Dung, trước mặt Dung, Bạch đã bao nhiêu lần phạm vào cái tội nói xấu vợ mình. Lắm lúc Bạch tưởng phải dùng cả đến cái lợi khí rất nguy hiểm của người muốn hại một kẻ thù khác: sự vu khống. Cứ vu khống đi, sẽ có một cái gì còn lại. Cái gì còn lại đó, Bạch tin là lòng ghét. Bạch cho là càng ghét được Dung nhiều bao nhiêu thì hai người sẽ sớm được ruồng bỏ nhau bấy nhiêu và chàng sẽ có cơ hội để trở lại - gọi là trở về thì đúng hơn - với cái cá tính của chàng. Cái cá tính ấy, Bạch chỉ lo mất hết. Hiện cá tính chàng đang dọa mất dần. Bởi vì nó đang biến thể, chịu theo điều luật dung hòa của tâm lý. Nếu, thí

dụ trong những màu sắc của sự vật hằng ngày, Bạch thích màu đỏ và Dung lại chỉ có ưa màu lam thôi, thì cuộc hôn nhân kia muốn bền bỉ sẽ bảo hai người nên mỗi người nhượng bộ đi một tí. Chàng nhường đi một chút và chàng cũng chịu đi một chút. Cái màu đỏ của Bạch sẽ không chói gắt nữa. Cái màu lam của Dung cũng không xanh biếc nữa. Bạch và Dung sẽ không có chung một thứ màu trung lập hơi hơi tim xẩm. Trong cái chậu phẩm tím hỗn hợp hai thứ phẩm đã mất nguyên sắc, bây giờ mặt nước chậu đã bằng lặng như một tấm gương lấy những cặn phẩm đọng ở đáy thay làm lần thuỷ ngân lót gương.

Soi mặt lên tấm kính hạnh phúc có màu sắc ấy, có lẽ Dung vẫn cứ bằng lòng, bởi vì đối với nàng, nàng có cần gì đấy là màu lam hoặc màu tím. Và có lẽ cũng chẳng bao giờ nàng nhớ lại rằng có một hồi mình nhất định chỉ là một màu lam. Vẽ chuyện. Cái gì ở đời này mà chẳng có màu sắc. Và màu sắc nào cũng đều đẹp cả. Màu đơn cũng đẹp nhưng mà màu kép càng có thể đẹp hơn. Dung sẽ bảo Dung thế.

XVII

Dung không khi nào ngờ Bạch lại ngồi trước mặt mình, nằm bên cạnh mình để tìm cớ nói xấu mình. Nàng cứ dửng dưng, nàng cứ thản nhiên, bởi vì nàng là một người đàn bà đơn giản. Và người đàn bà đơn giản ấy đã làm cho một người đàn ông phải bực dọc luôn luôn, bởi vì tâm hồn người đàn ông ấy phiền phức vô cùng. Bạch muốn ích kỷ, rồi lại thương vợ, rồi lại muốn ghét vợ. Chàng muốn ghét Dung và lấy cái ghét ấy để phá vỡ một sự gắn bó nguy hiểm, để cho mình đỡ bận vì người khác và người khác cũng đừng làm bận đến mình. Khi mà Bạch không phải yêu thương người nào hơn là chỉ yêu thương có một mình chàng thôi thì Bạch lại tha hồ mặc sức mà sống với hoài bão của chàng. Nghĩa là chàng có quyền đi mà không bao giờ phải nghĩ đến ngày về hoặc đi mà không bao giờ phải đắn đo từ biệt ai cả. Chứ còn như thế này... Ngồi trên một con tàu mà cứ phải lo nghĩ bận khoăn về một người có quyền nhớ mình, có quyền

buồn bã vì mình và nếu người ly phụ ấy lại ốm tương tư nữa thì bao nhiêu trách nhiệm sẽ đổ cả lên đầu tên lữ khách đã phạm vào cái tội lãng mạn thèm nhớ một con đường dài, mơ tưởng đến một vùng nước rộng.

Bạch muốn làm án cho Dung để tìm thế nào cho rõ rệt một cô Dung không xứng đáng mang cái tên mình và được quyền đòi chen vào cuộc sống riêng của mình. Ngày lại ngày, Bạch cố gom góp những tật xấu của Dung thu thập lại thành một tập hồ sơ. Bạch muốn tập hồ sơ ấy sẽ riêng quyết định cho chàng cái việc ly dị kia. Thực ra Bạch không muốn chịu lấy cái tiếng là phụ bạc với Dung. Bạch muốn được ly dị và chỉ muốn một tập hồ sơ ấy quyết định cho ly hôn. Như thế, sau này có lẽ chàng sẽ không bị thắc mắc nếu chàng lấy lại được tự chủ về đời sống tự do của mình.

Trong những tật xấu của Dung, điều rõ rệt nhất có lẽ là vướng phải cái tật - cái cố tật chung của đàn bà ở xã hội này - hay bóc thư và tò mò đến những giấy má riêng của Bạch.

Lắm buổi lục lọi những tập thư cũ của Bạch cất trong đáy chiếc hòm khổng lồ, Dung đã tỏ vẻ sung sướng ngây thơ. Dung không bao giờ hiểu đến nỗi quan trọng của cử chỉ ấy. Kiểm soát lục lọi thư của Bạch, Dung không ngờ mình đã phạm cái tội do thám rất bỉ ổi mà một người đàn bà có chồng có giáo dục một chút không khi nào lại vướng phải. Dung có một

người chồng khó hiểu quá. Người chồng ấy lại ít nói, ít chuyện và cứ theo lời chung quanh thì chàng lại có một cái dĩ vãng lạ lùng lắm. Bảo nàng không tò mò sao được. Vậy thì nàng đã gỡ những tập thư, mở những chiếc phong bì to tướng trong đó Bạch nhét bừa bộn những mẩu bút ký hành trình, những cuốn sổ tay nhầu bẩn, những tập vở viết chi chít, những tấm ảnh bay gần hết nước thuốc. Những dòng chữ đọc trộm đó cũng không nói thêm gì với Dung về cái đời sống riêng của Bạch. Nàng đọc để mà càng không hiểu. Nàng chỉ nhớ những lời thư, lời vở, lời sổ tay ấy chỉ hay nói đến chuyện nên bỏ chỗ này rồi lại hứa hẹn tìm chỗ khác. Chỉ có đi và đi. Riêng trong những lá thư Bạch và những bạn chàng chỉ có việc thông tin cho nhau những lúc xa cách. Ấy đại khái thì chỉ có thế. Dung đọc mãi mãi mà xem chừng lá thư nào cũng giống lá thư nào. Toàn những "chuyện phiếm" cả. Sao mà họ viết thư được dài như thế. Giả sử Bạch để cái thời giờ phải trả lời những lá thư đó mà dùng vào việc nhà, chăm nom vợ con, thần hôn định tỉnh ông nội và nghĩ đến hạnh phúc gia đình thì có hay hơn không? Dung thở dài, cất những bó thư vào chỗ cũ. Trong lúc vừa chán vừa vội, nàng cũng chẳng cần gói ghém xếp đặt lại tập thư bó vở theo lối cũ và thứ tự cũ.

Lần soát lại những kỷ niệm ngày xa, một buổi mưa gió đầy trời, Bạch thấy những tập thư trong đáy hòm

đều mất dấu buộc, những trang vở rời bị xáo lộn, chàng biết là có người đã lục đến. Ngoài Dung ra, không ai lại có ý tò mò đến thư từ của chàng. Bạch vui vui và cũng buồn buồn. Chàng thấy mình lại có thêm một cớ chính đáng nữa để khinh Dung đến điều. Cái lỗi lớn của Dung không thể nào bỏ qua được. Phải cho vào tập hồ sơ kia. Và không có một trường hợp giảm đẳng nào cãi hộ về cái tội Dung. Bạch bình tĩnh ghi cái tội ấy vào tập hồ sơ của Dung. Và từ phút ấy, Bạch thấy mình đáng được đi ra khỏi đời Dung không chút hối hận, không chút tiếc thương. Bạch cảm thấy sự nhẹ nhàng trong tấm thân mình bấy nay chỉ những hết vướng chỗ này thì lại va phải người nọ.

Sức tâm tưởng của con người ta đang đi một chiều như thế, thì một hôm Dung ngập ngừng cầm tay Bạch, và mắt nhìn đúng vào mắt Bạch:

- "Gió đã lên" nghĩa là gì hở anh?

- Em thấy câu ấy ở đâu?

- Ở những bức thư của các bạn anh gửi cho anh chứ đâu nữa! Em thấy trong mười bức thì đến tám chiếc đều có câu "gió đã lên".

- Vậy ra Dung lục thư của anh!

Dung cười, lấy cái cười hồn nhiên ấy thay một lời thú nhận. Dung tiếp:

- Sao, anh không muốn em xem thư của anh à?

Bạch thấy vợ mình có một cái cười ngây thơ làm cho người thù ghét nàng cũng không nỡ xử tàn nhẫn với nàng. Ban nẫy chàng nói câu "Vậy ra Dung lục thư của anh" với tất cả sự ngạc nhiên kinh tởm. Vẻ mặt ngạc nhiên ấy là một sự giả vờ, là một sự giả dối. Chẳng cần đến Dung khai ra, Bạch cũng thừa hiểu là thư của mình bị xem trộm. Bạch thấy sự ngạc nhiên vờ vĩnh vừa rồi của mình thật không xứng đáng một tí nào với cái vẻ ngây thơ thành thực của vợ chàng. Vậy ra Dung cũng không hiểu việc nàng làm là bậy. Và việc đó không còn là ám muội nữa khi mà Dung đã nói rõ. Nàng đã nói ra vì thấy nó là cần cho câu chuyện chứ không phải nói để mà thú nhận một điều gì. Dung biết đâu nàng đã phạm vào tội mà phải thú.

Vậy là nơi hồ sơ của Dung, cái tội của nàng lại có viện thêm được trường hợp giảm đẳng.

Và rồi những tật khác, tội khác mà Bạch cứ bới tìm ra cho thực nhiều cốt để ghét để quên và bỏ đứt Dung, Bạch nhận rằng tội nào của vợ chàng cũng đều có trường hợp giảm đẳng, đều đáng tha thứ cả. Bạch định nói xấu Dung để ghét Dung, để xa lìa hẳn Dung, Bạch đã không đạt được ý muốn của mình và chỉ thấy bực mình thêm. Những nỗi bực tức ấy chàng chỉ thầm kín chịu đựng lấy một mình. Bởi vì bắt Dung chịu đựng lấy những sự bực mình ấy thì còn gì vô lý bằng. Không yêu được nhau, không giãi bày được cho nhau

nghe những nỗi thầm kín của lòng mà cứ phải sống cạnh nách nhau bằng một sự hằn học úp mở thì trời ôi! Bạch muốn điên mất. Những lúc này, Dung càng khuất phục, càng chiều chuộng, càng đầy đủ bổn phận nội trợ, càng chịu ép một bề thì sự ăn ở chung mãi với nhau lại càng là một việc khó chịu vô cùng không biết bao giờ chấm dấu hết cho.

"Ừ, cái gì thì cũng phải nói lên chứ. Nhất định là Dung đã có thất vọng từ ngày nhận phải mình làm chồng. Không thể không được. Vậy sao nàng không nói lên để đòi lại cái quyền sống của nàng, đâu có phải là tất cả các cuộc hôn nhân đều là không phá huỷ được và khi mà người ta đã lấy phải nhau thì không còn cách gì để lập lại cuộc đời nữa, để vớt vát cái hạnh phúc của mình nữa đâu? Nhưng mà Dung phải nói lên chứ. Sao nàng cứ lì xì và có những lúc lại còn cười đùa với mình và với thằng Phong ầm ĩ lên y như là kẻ đã tìm đúng được hạnh phúc thật ấy?"

Bạch muốn Dung phải to tiếng oán mình vì mình đã không được đầy đủ trong phận sự làm người chồng. Đằng này không, Dung chỉ biết cam chịu. Cái thái độ rất Á Đông đó của người đàn bà muốn tỏ ra mình là hiền theo lối cổ đã làm Bạch chẳng vừa lòng chút nào. Những ngày như thế mà cứ kéo dài ra thì chỉ đủ làm cho Dung càng xấu thêm, trước con mắt cau có của Bạch.

Nếu những ngày ấy lại còn là đúng vào ngày Bạch vừa đi tiễn một người bạn thân lên đường thì không còn gì khổ cho chàng bằng những sự chiều chuộng và sự yên lặng và phục tòng của vợ. Dung thấy chàng ít ăn ít nói lại càng săn sóc tợn. Lắm hôm không làm thế nào được, Bạch lại lên đến nhà gác riêng thuê ở phố Hàng Gai, mong sự tĩnh mịch ở đấy đem lại thăng bằng trong tâm óc mình bị kích thích nhiều, bị rối loạn nhiều. Một đôi ngày tĩnh dưỡng đã qua, gân cốt đã bớt căng, Bạch mới lại thấy mình là vô lý và tệ ác. Dung đâu có phải là người sinh ra để mãi mãi làm người nạn nhân lặng lẽ của những cơn khủng hoảng của mình. Chỉ vì Bạch có một người quen đã ra đi, mà hai vợ chồng lại ngúng nguẩy mất hằng mấy ngày. Chàng lại lộn về để cụ Tô hôm ấy lại ăn thêm được một chén cơm nữa.

Bởi muon tránh những sự dằn vặt vô lý đó cho Dung mà từ lâu nay Bạch không muốn tiễn đưa người thân nào khởi hành nữa. Có khuất mắt hẳn những trò khởi hành ấy đi, có quên hẳn được những chuyện ấy đi, thì họa may chàng mới đỡ làm khổ Dung những lúc gần gũi nàng. Chàng chỉ có thể vui vẻ với vợ và hể hả với con khi mà chàng đã quên hẳn ám ảnh của xê dịch. Có lẽ Bạch sẽ đem lại cho vợ con tất cả hạnh phúc gia đình mà những kẻ thân ấy có quyền đòi đến nếu Bạch đã biết mệt mỏi với cuộc đời cũ. Nhưng cuộc

đời tình cảm con người có những cái bề mặt phẳng lặng một cách trí trá tạm bợ mà chỉ một làn sóng ngầm của ngày xa cũ nhô lên một tí là đủ làm nhăm dúm lại ngay. Đang vui - vui cho quên - với vợ và đùa rỡn với con mà chợt có một người phu trạm đưa vào cửa sổ cho một cái giây thép là cái đại cục của hạnh phúc gia đình - mặc dầu là hạnh phúc nhất thời trong một ngày ấy - lại đổ nhào. Tiếp cái giây thép ấy là Bạch khoác áo đùng đùng ra đi, chỉ kịp ngoái cổ lại dặn vợ còn ngơ ngác: "Ông nội dậy, mình nói là tôi đi có một chút việc cần. Mình đừng đợi cơm tôi. Lúc nào tôi về thì hãy thổi". Lúc nào, nghĩa là mất hàng hai ba ngày, có khi là một tuần.

Có khi vội vàng đi quá, Bạch bỏ quên lại lá giây thép ở nhà, Dung không hiểu chữ Pháp, cầm sang nhờ hàng xóm xem hộ thì họ bảo rằng:

- À, đâu ông nhà có người bạn sắp đáp tàu qua Pháp và muốn gặp ông nhà trước khi lên đường, uống một cốc rượu mạnh ở tửu điếm trước ga Hàng Cỏ chi đó.

Thế cũng là đủ lắm rồi. Dung có cần gì biết đến tên với tuổi người đánh giây thép.

Đêm vắng chồng, Dung không mấy khi chợp mắt. Nàng lo lắm. Chỉ lo Bạch cũng lại theo nốt ông bạn quý hóa ấy mà lên đường luôn thôi. Sao lại không xảy ra như thế được? Được sống gần Bạch ngày nao là

Dung biết có ngày ấy. Nàng lấy chồng cũng chỉ như người khác đi đánh bạc, cầm được ngày đoàn tụ nào vững trong tay là biết có được ngày ấy. Ngày mai... ngày kia, rất có thể là những ngày của sinh ly. Dung chỉ nơm nớp chờ đợi đến sinh ly.

Bạch đi vắng, cả nhà chỉ còn lại một ông già với Tô nàng dâu và đứa cháu nội. Trước kia sự vắng lạnh ấy chưa đến nỗi mênh mông quá. Bởi vì trong nhà vẫn còn Phối. Nhưng gần đây, Phối cũng nghe lời Bạch mà bỏ nhà ra đi mất rồi. Dung biết rõ việc này và tưởng bố chồng không am tường, đã nói hết với cụ Tô.

Thấy đêm quá thê lương, ông cụ Tô cứ mỗi canh lại hút vài điếu thuốc lào, hình như muốn lấy tiếng guốc điếu kêu lóc cóc để tìm lấy chút ấm áp.

Dung cũng ho khan vài tiếng. Thằng nhỏ Phong cũng khóc thét lên mấy cơn. Nhưng cái nặng nề của đêm vắng chồng thiếu bóng vẫn đè xuống mấy lá màn của những người không sao mà ngon giấc được.

Và cái bộ ba ấy cứ thế mà lục sục cho đến sáng. Buổi sáng mở đầu cho ngày tới lại chan hòa những mong chờ. Buổi tối lại đem mối thất vọng đến để chấm dấu cho một ngày nữa hết thêm. Có ai chưa từng nghe thấy cái tiếng đóng cổng chán nản của một thiếu phụ cài then cửa khi biết chắc đêm nay chồng mình cũng chẳng về nào?

XVIII

Nhưng mà... Bạch đã trở về kia kìa. Vậy ra Dung vẫn chưa đến nỗi là người ly phụ. Nàng ẵm thằng Phong ra đón Bạch. Ô, Bạch mới vắng nhà có mấy hôm mà Dung tưởng chừng lâu và xa lắm rồi. Người chồng đáng tội nghiệp của nàng có một cái thân thể rời rạc, có một cái mặt hốc hác và một cái cằm lởm chởm những sợi râu của đêm không ngủ. Bạch trở về nhà trông thiểu não hơn là một tên tù phạm tội đào lẻn được về quê vợ, sau nhiều ngày đói khát lẩn lút khỏi mắt nhà đương chức.

Ông cụ Tô, không nỡ chứng kiến cái cảnh đọa lạc của một đứa con đi chán rồi lại về làm tội bố mẹ vợ con, vội vớ cây gậy trúc đùi gà đi vào trong làng gần đấy và dặn khẽ con dâu:

- Thầy chắc, sau khi đưa bạn nó lên đường rồi, chồng con nó buồn nhớ và chui về cái nhà riêng của nó ở Hàng Gai để mưu tính những chuyện chim giời cá biển. Con chịu khó chăm nom chồng con và làm cho

nó khuây những chuyện ấy đi. Thầy phải đi chơi cho nó khuất mắt đi, chứ ngồi ở nhà, nhỡ quá giận, thầy nói vài câu nóng nẩy, nó lại tuông đi thì hỏng cả.

Chỉ còn có vợ mình trong nhà, Bạch được thể, bèn lấy rượu ra uống. Uống xong rồi nghêu ngao hát tiếng ngoại quốc. Hát chán rồi ra tựa cửa sổ, dang tay ra vịn lấy con song nhìn mây trời, nhìn người ta trẩy trên con đường dài. Đứng ngoài, trông vào giống như dáng điệu của một kẻ loạn óc bị giam tại căn phòng nhà điên, ngày ngày chạy ra rung những gióng sắt, và nói lảm nhảm như trong cơn mê.

Dung ngán ngẩm, chép miệng phàn nàn:

- Nông nỗi gây nên bởi một cái dây thép. Nông nỗi gây nên bởi một buổi đi tiễn bạn.

Nhưng mà Dung vẫn vui vẻ để chiều chồng, để hầu hạ. Nàng thấy mình cũng đáng tội nghiệp và chồng mình cũng đáng tội nghiệp không kém gì. Khí sắc Bạch trở lại lần lần. Tâm hồn Bạch bình tĩnh lại. Và một sớm trong trẻo ấy, thấy nắng đào đú đởn trên cái vòm lá khóm cây móng rồng uốn hình mui luyện trên bể cạn ngoài sân gạch, thấy đôi chim bồ câu trắng rủ nhau ra đứng trước cửa vòng tròn trên chuồng chim trồng ở góc thềm và gật gù chúm mồi ăn cho nhau, Bạch mới sực nhớ đến Dung. Mấy ngày Dung đã ra công săn sóc đến sức khỏe và tính tình mình. Dung đã quên hẳn nàng, hy sinh và khuất phục quá một bà

phước. Dung đã là kẻ nạn nhân oan uổng của những kỳ Bạch khùng hoảng về du lịch. Bạch cảm thấy mình là một người thiếu hẳn lòng trắc ẩn trong mấy bữa liền. Khi mà cái lòng sầu giang hồ của Bạch đã dịu vợi sau một cơn mưa kích thích dữ dội vì một cuộc khởi hành của bạn, thì Bạch thấy rõ sự vô nhân đạo của mình. Chàng xấu hổ và muốn chuộc lại ngay lỗi mình bằng những lời tiếng và cử chỉ vui đẹp giữa hoàn cảnh gia đình. Nhưng cái phút đầu tiên làm lành với Dung, Bạch vẫn thấy nó ngượng nghịu như sự gặp gỡ lại của một đôi tình nhân bẽ bàng. Cũng mất đến một ngày nữa rồi Dung và Bạch mới lại được tự nhiên và thằng Phong mới không lạ bố.

Những ngày tiếp theo thì tươi thắm vô cùng. Thấy vợ mình vui, thấy cha mình ăn thêm được cơm và ngủ được đều giấc, thấy thằng Phong bi bô nhiều hơn mọi ngày, Bạch có dám ngờ đâu rằng sự hoan hỷ như thế của cả một nhà đều là cái công của mình. Thấy cũng vui nhẹ trong lòng, Bạch không ngờ đến mấy bữa trước đây lòng chàng chỉ là một bãi tha ma đang muốn nẻ sụt thêm ra một lỗ huyệt mới nữa để chôn xuống đấy một chút kỷ niệm gì của chàng.

Dung hết sức nhi nhảnh, nêu lên bao nhiêu là việc làm ăn, đem ra bàn tính với chồng. Bạch nhất nhất đều cho là hay, là nên lắm, và nên bắt tay vao việc ngay đi rồi thì là ... của chồng công vợ, mấy nỗi mà

chẳng nên cơ đồ. Những lúc bấy giờ Bạch thành thực muốn ở yên một chỗ để tính liệu đến một công việc gì chắc chắn. Nếu không sợ Bạch hờn mát như lần trước thì lần này Dung lại ru con bằng hai câu:

Ba năm lưu lạc giang hồ,

Một ngày tu lại cơ đồ vẫn nên.

Chưa chi ông cụ Tô, đã đi khoe ầm lên với bà con gần rằng Bạch mà chịu đổi tính đổi nết mà kinh doanh lập nghiệp thì buôn bán cái gì mà chẳng lời lãi trông thấy ngay.

" - Úi dà, nó đi nếm cơm thiên hạ đã quá nửa đời người, có sừng có mỏ như thế, còn chịu kém ai nước gì nữa. Tài hoa đởm lược như thế mà tính việc đời không trúng thì còn ai tính trúng cho. Thật cũng là cái phúc cho tôi và cũng là cái mừng chung cho trong họ. Có lẽ mạch đất nhà tôi đã hồi lại".

Ông cụ Tô có lẽ tuyên bố khí vội quá. Thì hãy đợi cho Bạch tu tỉnh lại đã, thì hãy đợi cho đứa con trai của mình nhất định vui lòng quên... quên hết chuyện cũ đi cái đã nào.

Bạch vui chơi với vợ con và như chừng đang hứa hẹn nhiều với cuộc đời trật tự. Ông cụ Tô càng tin chắc thằng con mình đã khỏi hẳn cái bệnh du lịch.

Dung càng có da có thịt và đẹp thêm ra. Thằng Phong không hiểu tại sao cũng lặn hết cả rôm sảy và

nói những câu thông minh như chưa bao giờ thấy từ trước tới giờ ở cái tuổi trẻ ngây ngô.

Giá cuộc đời cứ đi như thế trong phạm vi gia đình Bạch, nhỉ! Nhưng những ngày như thế là quá đẹp. Cái gì đẹp vốn là không thực, ít được bền vững. Và ngày đẹp ít khi đậu được lâu. Rồi có một buổi hình như những ngày đẹp ấy phải tự hết dần nhạt dần đi, nếu không có những việc tai biến xảy tới để diệt hẳn nó đi. Lại là cái mộng, dứt nhau mãi.

Sự tai biến xảy tới vẫn là một cái dây thép. Cái dây thép thứ giấy xanh màu da trời. Cái giấy xanh do người phu trạm vứt vào cửa sổ là cả một hòn đá ném đánh độp một cái đúng vào giữa một cái tổ chim đang ríu rít. Con chim đực lại vụt bay mất.

Cũng như lần trước, lần này Bạch nhận được dây thép, chàng vội vã ra đi, coi nhẹ cả cảnh yên vui đang chia sẻ với thân quyến. Dung không hiểu tại làm sao mà người ta có thể dứt tình một cách nhanh chóng và gọn ghẽ đến thế. Chẳng lẽ lại dùng một chữ khinh bỉ rẻ rúng mà tặng người chồng mình thì thực là không phải với đạo giời một chút nào cả, chứ những lúc này Dung có thể uất lên mà khóc không ra tiếng, mà không có nước mắt, để nguyền rủa một ai. Chồng hỡi chồng!

Chẳng cần phải đưa sang hỏi bên xóm giềng như lần nọ, Dung cũng thừa hiểu dây thép đó lại là giấy

của một người báo tin một cuộc khởi hành. Và người gửi bức điện tín ấy, cướp sống Bạch đi, lại vẫn là người bạn rất thân của chồng mình. Dung ngờ có lẽ, từ bây giờ trở đi nàng phải thù ghét đến ra mặt - chứ không cần giấu diếm nữa - tất cả những người bạn thân của chồng mình. Nàng nhớ lại câu nói bóng có những chữ "gió đã lên" - "nhổ neo. .." mà họ đều hay dùng đến và nhắc tới trong phần đông những lá thư nàng đã xem trộm được một lần ấy.

Không sai lấy một lần nào, hễ có những cái giấy xanh xanh ở chỗ xa gửi về thì Bạch lại đùng đùng ra đi. Hôm nào chàng muốn về thì vợ con cũng biết vậy. Còn nếu Bạch, chưa trở lại thì cả một cái gia đình vô tội ấy cứ việc mà mong chờ. Trước khi cuộc sống yên ổn hằng ngày của cái gia đình ấy được trở về với bình thường thì còn tha hồ phục dịch mà thuốc thang, mà chăm sóc cho đứa con hoang tàng. Chờ cho Bạch lành mạnh rồi thì thể nào cũng lại có một người nào khác bắn tin rủ Bạch bỏ nhà cho kỳ được, ít ra là dăm bảy bữa. Hình như người ta không muốn để yên cho Dung, cho ông cụ Tô. Bạch hơi lại người, thì người ta nhắn nhe lôi đi cho đến phờ phạc hẳn ra, rồi mới chịu giả lại cho. Đã ai oán chưa! Những ngày vui tạm của Bạch sau những cuộc xuất hành ấy, chẳng bao giờ đền bù lại được những ngày phiền muộn kia.

Bây giờ, cái mẩu dây thép đã gây cho cả nhà Bạch một thời khủng khiếp. Và mọi người đều nhận lấy mảnh giấy xanh ấy làm một cái nghiệp dĩ.

Bạch thấy nó đến nhà thì chàng phải tức tốc rời bỏ nhà ngay để lúc trở về thì lại ốm yếu tinh thần và đâm ra bỡ ngỡ với cuộc sống mọi khi của gia đình.

Ông cụ Tô thấy cái mẩu giấy xanh bay đến thì lại thở dài một cách rất hấp tấp. Hơi ông cụ đã kiệt từ lâu.

Dung thấy nó đến thì đành bỏ bẵng ngay việc bếp nước đang dở tay. Nấu nướng để cho ai ăn? Nàng biết rằng lúc ấy dù mâm bát có dọn ra rồi, Bạch cũng không có lùi rốn lại một phút kia mà. Có lần giữa kỳ giỗ, chưa cháy hết nửa ngọn sáp mà Bạch cũng đùng đùng lấy mũ và ba toong ra đi, ghê gớm thay một cái dây thép.

Đến ngay một đứa trẻ như thằng Phong mà cũng biết khóc òa lên khi nó thấy người phắc-tơ già ấy tiến vào nhà. Linh tính trẻ con, hình như cũng cho nó đánh hơi thấy sự không hay sắp xảy đến cho nó, cho ông nội nó, cho mẹ nó, cho cả cái nhà này.

Đối với gia đình Bạch, tự nhiên người phắc-tơ già vô tội ấy cũng bị ghét lây. Dung không những không thèm mời người công chức tuổi tác một miếng trầu xã giao mà nàng lại còn tặng thêm cho ông già ấy vô số là cái nguýt mắt dài chứa không biết bao nhiêu là oán

cừu vô cớ. Cái mẩu giấy dây thép xanh xanh làm cho Dung lo buồn sợ hãi.

Từ ngày làm bạn với Bạch, nếu Dung không tinh nhầm, thì đâu có đến mươi mười hai lần chi đó, người ta đã vất mẩu giấy xanh ấy vào nhà. Dung không hiểu sao mà Bạch chưa đi tuột. Nàng cay đắng mà cười gằn, tự hỏi xem một người đàn bà khuất phục như nàng phải trông thấy độ bao nhiêu lần cái giấy xanh màu da giời nước biển ấy thì mới đủ là khổ và mới là hết khổ.

Đấy, tình trạng của Bạch từ ngày chàng thành gia thất. Dung không sung sướng gì. Và Bạch cũng chẳng thấy hơn Dung lấy mảy may.

Nghĩ cho nó cùng thì Bạch phải đi đi thôi. Bạch dứt tình để lại Dung nơi xứ sở. Và chàng muốn sớm bỏ cái xứ này. Chàng đã nhất định. Đi sớm được ngày nào là lợi được ngày ấy. Ở gượng lại thêm một ngày thì Dung cũng chẳng sung sướng được hơn gì; nàng vẫn héo hắt như thường và mình thì cũng mất mát và mỏi mòn thêm về chỗ sở năng trong ý sống riêng.

Chờ đợi một cuộc khởi hành mà chuyến này Bạch cho là phải ghê gớm, là phải gây nên các thứ đoạn tuyệt - đoạn tuyệt với vợ con, với nhà, với quê hương bản quán - Bạch muốn cho Dung thấy ít ra là một chút hoan hỷ trong lòng vào những ngày còn lại đây, vào những ngày mà đời chàng còn gọi là có dính líu

đến đời Dung, mỗi ngày hai người còn phải nhìn thấy nhau với những lời ăn tiếng nói quen quen. Bạch muốn Dung còn vớt giữ lại được một vài tia sáng tàn của những ngày sống với nhau chỉ chừng như là để thí nghiệm. Bạch muốn Dung được ôm ấp lấy chút kỷ niệm không đến nỗi khó chịu vào những ngày cuối cùng của một người chồng tội nghiệp. Chuyến này mà đi là xong hết đây. Dung sẽ hoàn toàn mất hẳn Bạch. Lần này mà Bạch giũ áo ra đi là đi thẳng, tức là chàng sẽ mãi mãi không còn có trong đời Dung nữa. Tàn nhẫn và quyết liệt.

Trước khi thù nhau đi! Và được buông nhau ra, Bạch muốn cho Dung về sau, trong những cảm tưởng cuối cùng, sẽ nhận chàng là một người lịch sự và đứng đắn, mỗi việc làm quan trọng như thế đều có nghĩ chín cả, có ý tứ cả.

Vậy cho nên ít lâu nay, chàng cố để dành riêng những ngày còn lại cho thân quyến. Khi nào đến ngày đăng trình hãy hay, chứ bây giờ còn phải nấn ná ở lại ngày nào là Bạch nguyền phải dùng tất cả cho gia đình - cái gia đình mà chẳng mấy chốc nữa sẽ chỉ còn là một cái ác mộng, một bóng buồn.

Gần đây, Bạch cố tránh hết những cuộc tiễn đưa các bạn khởi hành. Chẳng cần phải tiễn đưa họ ồn ào, Bạch tin sớm chầy chi đó rồi mình cũng cứ gặp lại được họ trên một nơi đô hội nào trong thế giới. Cái

ngày mà mình lại tiễn đưa mình! Trái đất này, người ta cứ tưởng bậy thế, chứ đã lấy gì làm rộng cho lắm. Vả chăng, cũng một giống giang hồ, có bao giờ người ta nhầm đường và lạc mất hẳn những tiếng đồng điệu gởi cho mình.

Nhất định không phơi cái mặt mình và cái lòng mình ở một đám khởi hành nào nữa, nhất định không đi tiễn một người quen nào nữa, Bạch chuyên chú ở nhà làm vui, làm cho ấm cái gia đình mà chàng biết là rồi đây sẽ tẻ lạnh lắm. Thiếu chàng, rồi đây Dung sẽ nhận thấy sự phi lý của nàng ở cái gia đình xộc xệch ấy. Rồi đổ, rồi vỡ. Mà rồi lỗi cũng không ở nàng. Cái lòng người ly phụ trường cửu ấy rồi còn bận bằng mấy mươi cái lòng một người quả phụ chứ lại. Xưa nay người ta đã rộng lượng đối với những trường hợp sương phụ, sao người ta lại chẳng sẽ quảng đại đối với Dung. Cái gia đình ấy, rồi Dung cũng đến không chịu được và rồi tình thế sẽ bảo nàng phải lập lại cuộc đời nàng. Và lúc bước đi một bước khác, có đoái tưởng đến những ngày ăn ở với Bạch, nàng cũng chỉ coi như là một cuộc tập sống thử với Bạch. Cuộc tập sống ấy đầy lầm lỡ, nàng và Bạch đều cũng phải trả giá bằng bao nhiêu ngậm ngùi và công phu. Sau khi Bạch đi, chàng tin Dung sẽ dùng được kinh nghiệm cũ để sống một quãng đời khác nó trọn vẹn hơn, đúng với ý nàng hơn là bây giờ. Chàng ước ao sự việc xảy đến như thế cho

Dung. Chứ lý nào mà Dung lại còn phải khổ ở một cuộc đời thứ hai nữa.

Lòng Bạch rối reng. Nhưng mặt ngoài, chàng cố sức làm ra vui. Sự dự tính quyết liệt nào mà chẳng có những ngày hồi hộp đi trước.

Thấy vợ vui, con vui, cha vui, thấy bấy nhiêu người đều bị mình lấy tình cảm ra mà lừa lọc, Bạch tủi phiền trong lòng vô cùng. "Phải đấy, hỡi những người thân mật nhất trong đời ta ơi! Hỡi những người thân yêu mà không bao giờ hiểu được ta ơi! Hãy nên cười đi kẻo ngày sắp đến rất gần đây, các người sẽ vì ta mà có một dịp khóc rất nhiều, rồi lại không thể khóc một lần thứ hai nữa, vì lần ấy khóc một phen, suối lệ đã khô cạn hết cả rồi. Cơ sự nhường này, chỉ vì chúng ta không sống chung được gần nhau. Làm sao chúng ta lại cứ phải sống gần nhau? Và tại làm sao lại cứ phải lấy cái gần gụi ấy ra mà làm tình làm tội nhau cho đến điều?".

XIX

Trong quán cà phê lộ thiên bến Hải Phòng, Bạch đăm đăm nhìn những giọt nước đen ở cái phích nóng thủng thẳng rớt xuống lòng một cái cốc thành đã mờ tối vì hơi nước u uất. Bạch đang nghĩ nhiều đến một tấn thảm kịch về hạnh phúc mà chàng tin rằng vào màn cuối, sẽ có một người rồi phải khóc không ra tiếng.

Sương ngồi đối diện, vẫn nằn nì:

- "Vậy anh khăng khăng ngược Hà Nội ngay?

- Thôi, Sương chịu khó lên đường một mình vậy. Đưa Sương ra tới bến, lúc tàu của Sương quay mũi trong cảnh sương khói ban đêm rồi, tôi trở về sẽ cực nhọc trong lòng vô cùng. Lại đến không làm gì được cứ hàng nửa tháng trời. Lại chỉ khổ cho Dung thôi.

- Anh nói cái gì? Anh bảo ai khổ?

- Không!... Bạch giả vờ mỉm cười để đánh trống lấp một câu nói đã vô ý thốt ra. Chàng không muốn cho

ai thấy được sự biến ở nhà chàng. Bạch không muốn người ngoài nhận rõ được đau khổ riêng của mình.

- Thôi được, anh không ở lại chơi với tôi cho tới lúc tàu Compiègne tôi rút neo thì tôi đưa anh ra ga về Hà Nội vậy.

- Thôi Sương, đừng nên vẽ vời lắm, chỉ tổ làm cho cuộc khởi hành của anh thêm phần bịn rịn thôi. Nên bớt bớt những cái cử chỉ ấy đi, cứ để tôi ra ga một mình. Cũng như chốc nữa Sương xuống tàu một mình. Bao giờ tôi gặp Sương ở "bến ấy" hãy hay. Chúng ta sẽ tha hồ mà tỏ tình. Hoàn cảnh ở đây không gây đủ không khí cho chúng ta hoan hỉ đến huyên náo.

Gần giờ tàu, Bạch đứng dậy. Ra ngoài phố, Sương tưởng chừng như đèn phố đêm nay sáng tỏ hơn mọi ngày. Cái ánh sáng ấy hình như trội hẳn lên để đưa một người sắp lên đường, để soi rõ cho cái bước chân phiêu lưu mở đầu sắp tới của một người.

Đến ngã tư, Bạch thu hết tinh thần lại, cố làm ra rắn rỏi vui vẻ đòi bắt tay Sương ở chỗ ấy.

- Đây là một cái ngã tư. Anh đi ngoặt lại con đường này là đường đưa anh ra cái bến của anh. Tôi đi thẳng đường này ra cái ga của tôi. Tôi có cần phải chúc anh một câu thượng lộ bình an không?

Thế rồi, Bạch lủi thủi ra ga. Đoạn đường từ cái ngã tư từ biệt ấy ra cho đến ga, Bạch cảm thấy đầy những nhớ nhung, thương tiếc và thèm thuồng. May

mà chia tay Sương ở giữa cái cảnh tầm thường không gợi cảm của một cái phố buôn bán, chứ lại cũng đưa Sương ra cái bến Sáu Kho nghe còi, nhìn sóng nước rạt rào, thì lúc trở về nhà mình, trông thấy vợ con, đến chán biết là mấy mươi! Thì chuyến đưa người quen đi xa này, rồi ai - Dung hay ta? - Rồi ai lại sẽ khổ hơn ai đây?

Chuyến xe đêm ngược Hà Nội, Bạch lại là người nhỡ tàu. Bạch mỉm cười, quay về tìm một khách sạn nhìn ra bến tàu. Cả đêm, chàng uống rượu, "nhắm" bằng những tiếng còi tàu Compiègne kêu pì... pì... Lúc ấy, canh đã sang tư. Rồi Bạch ngủ cho đến xẩm tối. Vùng dậy chàng lại tìm ra ga lộn về Hà Nội.

Hôm nay thì không nhỡ tàu nữa và nhân có chuyện huyên náo ở cửa ra hạng ba, Bạch lại bước xuống khỏi toa xe.

XX

Chuyến *ô-tô-ray* ngược Hà Nội, cả nửa cái toa hạng nhì, chỉ có Bạch và một người hành khách đàn bà ấy ngồi ở góc đàng kia, sát ngay chỗ khung cửa. Cái buồng máy phát điện chuyến xe hôm nay yếu quá hoặc hỏng một bộ phận gì, nên đèn đêm trong toa xe chỉ lờ mờ như những ngọn lân hoa chập chờn. Những lúc tầu lắc mạnh, rồi lại rút mạnh tốc lực ở đoạn đường thẳng thắn, đèn sáng rộ lên một cái rồi lại mờ dần đi. Đúng như cái ánh sáng loãng của toa xe ngủ mắc vào một chuyến tàu đêm. Thành ra ngồi lọt trong toa xe có đèn hẳn hoi mà Bạch vẫn nhìn rõ thấy phong cảnh ngoài trời đang chạy giật lùi lại hai bên mạn toa tàu, mỗi lúc có một cái ô tô đi ngược về Phòng, trên con đường thuộc địa số 5, ánh sáng đèn *pha* lại rọi vào lòng toa, sáng loé lên nhanh như một tia chớp nguồn. Không có ánh sáng soi đến, những tiếng rì rì của động cơ được chăm chú đến hơn và có

một phút, người lữ khách cô đơn thấy cái buồn mênh mông như lúc ở giữa bể trời. Xa vắng thay!

Bạch bèn đứng dậy, tì tay lên thành cửa toa, nhìn ra ngoài trời. Gió tạt vào mặt chàng, gió lấy tóc chàng mà quất vào má chàng rất gắt, mỗi cái roi xinh bé ấy quất gặp lên lần da lại làm cho chàng tê tê ở mình mẩy. Chàng trương mãi cái má xương xương ra cho gió dồn thúc vào và lấy làm khoan khoái như một người say a phiến đi đầu trần dưới một trận mưa thưa hạt. Bạch muốn được chung thân làm người giữ lấy cái điệu đứng này, tì tay lên thành cửa một con tàu chạy nhanh và không bao giờ ngừng lại. Và được làm người lữ khách muôn thuở như thế để mãi mãi hưởng lấy cái cảm giác ngây ngất rộn ràng.

Bạch quen tay, thục tay vào túi áo tìm điếu hút, định làm một mồi thuốc thật to nhồi cho thật chặt, hồ cho cái lòng vui của mình được rộng rãi như cái bát ngát của trời đêm nay ở ngoài kia nó đang nhắc cho người lữ khách chuyến tàu thiếu sáng ngẫm thêm rằng dẫu sao, mình cũng chỉ là "lờ mờ nhân ảnh như người đi đêm". Bạch cười thầm và cái lòng người ấy đã từng trôi dạt trên bể hồ, lúc này nhận thấy sự kiêu hãnh của một cuộc sống ra ngoài khuôn sáo của chung quanh. Lòng Bạch muốn vang lên thành một bài hát để được ca ngợi một cái gì rộng rãi hùng vĩ hơn cả thế giới, hơn cả cuộc đời.

Bạch bực mình quá. Bạch nhận ra mình không có điếu hút ở trong túi. Cái điếu giắt theo trong người, chàng đã cho Sương tối qua ở quán cà phê rồi. Cái bực ấy tan ngay. Bạch phỏng đoán xem Sương bây giờ đang làm gì để giết cho hết cái thời khắc từ hai giờ sáng đêm qua, tàu Compiègne nhổ neo. Từ lúc phải bắt tay Bạch, Bạch ra ga, thì Sương làm gì nhỉ? Chẳng nhẽ hắn lại đi xem chớp bóng? Một thằng lỗi lạc như Sương chắc chả đến nỗi dùng thời giờ một cách dung dị tầm thường như thế. Hắn phải giải trí khác người kia, nếu hắn có ý giải trí. Có lẽ hắn sẽ đi tìm một tiệm khiêu vũ sang trọng nào mà hay có các lính thuỷ ngoại quốc lui tới. Có chiếc tuần dương hạm Mỹ đang đậu ở Sáu Kho, chắc đêm nay bọn thuỷ thủ ấy kéo nhau vào tiệm nhảy phá phách dữ lắm đây. Thế nào Sương chẳng vào đấy, theo gót những người anh hùng không quen biết ấy, và ngồi cạnh họ để tìm lấy cái không khí cho chuyến đi đầu tiên của mình. Sương sẽ uống rượu cho say, nhắm rượu bằng những trò ngang tàng của bọn kia, và lôi cái điếu của mình ra mà hút một mồi đầu tiên. "Cu cậu không quen hút tẩu, mồi đầu tiên thế nào cũng tắc và nước bọt chảy vào nhiều lắm. Và khéo không có mà gai mắt đám lính thuỷ say bí tỉ và ốc sạo này, có đứa lại đến nó vứt tẩu xuống đất và đá cho nữa" Bạch mỉm cười về cái ý nghĩ bi hài kịch. "Nếu có xẩy đến như thế nữa,

thì cái thằng Sương cũng chỉ nên coi là một bài học vỡ lòng của một cuộc đời phiêu lưu mới bắt đầu..." Bạch lại vụt nghĩ đến Phối. Hôm Phối đi Tây, chàng cũng cho nó một cái điếu. Từ ngày về, Bạch đã tặng hai người hai cái điếu cũ. Nếu không phải là Sương và Phối, thì ai mà lấy nổi của Bạch những cái điếu cũ, những cái điếu mà có những kỷ niệm, những trường hợp phiêu lưu hãn hữu đã đánh giá, đã liệt chúng vào cái loại điếu rất quý, rất đắt và không bán.

... Hải Dương. Điện toa tàu sáng trưng hẳn lên như ban ngày. Chắc mãi đến bây giờ người ta mới chữa lại được cái máy phát điện.

Ở Hải Dương cũng không lên thêm được một người khách nào. Chuyến tàu vẫn vắng như lúc mới đi.

Dưới ánh đèn sáng, cái người đàn bà ở góc kia tự Hải Phòng, đang cúi đầu đọc một cuốn truyện, đọc đến đâu rọc trang sách đến đấy. Chắc mua ở tủ sách người bán báo tại gần cửa ra sân ga và nàng mua sách cốt để đọc trên tàu. Bạch thỉnh thoảng ngẩc mặt lên nhìn, thấy nàng vẫn chăm chỉ đọc và có một cái cách cầm con dao rọc giấy rất đài điếm phong nhã, trông dễ thương quá. Bạch phải tin rằng nàng có một thói quen đọc sách để lấy dáng cho đẹp và làm kiểu mẫu giữa chỗ công chúng như những người thiếu phụ duy tân dởm ở cái xã hội bán khai nơi quê hương này.

Nhận thấy người ta có một cuốn sách để làm bạn đường xa, Bạch càng thấy nhớ đến cái tẩu thuốc lá của mình. Lúc này, trong toa xe, nếu có người bán điếu hút thì đắt bao nhiêu chàng cũng mua, và nếu chỉ có thứ điếu xoàng và xấu thôi thì chàng cũng cứ phải mua lấy cho được. Nhất nhẽ là chỉ dùng một lần thôi, dùng đỡ trên đường trường, xong rồi thì quăng bỏ. Ở nhà Bạch, nói đến điếu, có mê thiên lủng cái tốt.

Bạch đi tản bộ trong toa xe vắng lạnh. Cả một toa xe đêm, chỉ có hai người! Mỗi lần chàng lướt qua thiếu phụ, thiếu phụ lại nhìn lại chàng. Và hình như cố nhìn để tìm lại một cái gì. Bỗng nàng gấp sách lại, đứng thẳng dậy, và lúc Bạch đi trở lại, lướt ngang chỗ nàng đứng, nàng hỏi rất lễ phép:

- Tôi trông ông quen quen. Có phải ông đã ở Marseille?

- Marseille! - Bạch lắp lại chữ ấy, nhìn thiếu phụ rồi nhìn vào quãng không.

- Nếu tôi không nhớ nhầm, thì ông là ông Bạch?

Thấy người ta gọi đúng tên mình, Bạch thẳng thắn người lại và nhìn thẳng vào thiếu phụ:

- Dạ, thưa vâng. Chính tôi đây. Nhưng thưa... thưa...

Bạch không hiểu nên gọi thiếu phụ là cô hay bà.

Thiếu phụ tủm tỉm

Bạch vẫn lúng túng, chưa nghĩ ra là ai. Chợt nhìn đến một cái va ly con để gần đấy có một cái nhãn giấy đã cũ in chữ đỏ: "Travel service Chicago - San Francisco", Bạch mới hơi tìm ra cái mùi của kỷ niệm. Cường ký Bạch được thức tỉnh lại.

- Cô Hoà! Cô đi dự đấu xảo quốc tế ở Hoa Kỳ năm 1935? Phải tôi nhớ ra rồi. Bây giờ trông cô khác đi. Trước kia cô ăn mặc đầm, cắt tóc ngắn, uốn tóc. Bây giờ cô ăn mặc ta và búi tóc và người mạnh hơn trước.

- Tôi rất lấy làm sung sướng được gặp ông... được gặp lại anh ở trên miếng đất xứ sở.

Hòa vừa nói vừa vội vàng nhìn ra những then hoa sắt rỉ cầu Bồ Đề.

Bạch tần ngần nghĩ lại chuyện cũ và nhớ lại xem lần ấy mình gặp cô Hòa ở trường hợp nào.

Hòa xách va ly:

- Giá anh và tôi nhận ra nhau ngay từ ga Hải Phòng, thì vui biết bao nhiêu. Bây giờ tôi phải xuống ga Đầu Cầu này. Ngày mai tôi vắng nhà. Ngày kia anh lại chơi. Thế nào cũng lại.

Hòa bước xuống, nhanh nhẹn, gọn gàng thật không hổ với cái công của người con gái mới đã từng mày mò ra ngoài, đi buôn bán tận nước người, Bạch bỏ tấm danh thiếp của Hòa vào túi, nhìn theo một cái búi tóc mượt đang len lỏi ra cửa ga, lẫn vào đám hành khách nghèo và túi bụi.

XXI

Hồi này Bạch ít khi đi vắng khỏi Hà Nội. Chàng năng ở nhà với cụ Tô, Dung và thằng Phong. Chỉ có mỗi tuần chủ nhật, chàng lại để dành riêng một ngày nào đấy để lên ở trên cái gác riêng phố Hàng Gai lấy một ngày. Ít ra là đúng một ngày một đêm. Ở cái gác riêng phố Hàng Gai, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ ấy, Bạch chẳng làm gì cả. Chàng chỉ nằm dài trên cái ghế bố - cái ghế này cũng là một chút kỷ niệm cũ; nó đã bao lần được đặt trên bao nhiêu cái boong tàu bể. Bây giờ đặt nó trên một cái gác con vắng vẻ, trên một chỗ bằng vững, nhiều buổi duỗi mình trên ghế bố, Bạch muốn cái ghế này tự nhiên rùng mình lên như những ngày nào được ở bể, nằm cho tay xuống gáy mà nghe bọt sóng tan và nhìn mây trời và lũ hải âu.

Chàng cố nhắm mắt lại để cho ngoại vật đừng làm đãng trí mình, để nguyên cho tưởng tượng mình được làm việc cho tới kết quả. Chàng muốn tạo lấy một chút ảo tưởng về cái cảm giác rập rờn, rung rinh, lảo

đảo, nghiêng ngả xẩy đến quanh năm suốt tháng cho những cuộc đời trôi thả trên bể động.

Chàng lim dim mắt, nhờn tuyến dán hẳn vào tấm bìa lịch khổng lồ in hình một cái tàu bể ba ống khói điểm đốm trắng trên cái toàn khối xanh biếc của bức họa quảng cáo, bể cũng xanh và trời cũng xanh. Quá nửa đời người, Bạch đã bị hai cái màu xanh này chi phối tâm và óc.

Bạch xuất hết cả năng lực tinh thần ra mà chú mục vào cái ảnh con tàu đại dương đóng ở trước mặt. Chàng định thần nhìn, như một người tập phép thôi miên, những lúc chăm chú nhìn một cái khuyên đen, một cái vòng tròn vẽ vào tấm vách. Chàng cứ nối thuốc mà hút, mà nhìn mãi con tàu đại dương, chờ đợi một sự linh hiển của ảo cảnh. Sự hiển linh ấy đã đến. Có những cái gì ở tấm bìa lịch đang dần dần có sinh khí. Cái tầu bể đang chết trên tấm bìa lịch bỗng dưng sống như con tầu thực. Những đường viền vỏ tầu đen sì bỗng dưng nhòe dần rồi cựa quậy. Cái lòng thèm khát trôi nổi của một người đang nằm dài ra đấy bỗng dưng đã thổi được sinh khí vào một vật chết trên bức tranh tầm thường. Cái tranh in đổi màu sắc và vật trong tranh cũng đổi chỗ. Tâm tưởng và thị dục đem thôi miên nó thành ra một hình trạng của màn ảnh chớp bóng có cử động hẳn hoi. Cái tầu đại dương đang chạy từ từ trên cái bìa lịch, đang chạy trên bức tường

vôi! Mũi con tầu cũng cầy xuống sóng bể xanh và cái nền trời xanh hồi nãy im lìm như những buổi hoàng hôn oi ả không có tí gió ở vùng gần xích đạo, bây giờ cũng có lớp mây dao động, cũng có vẩn lên những vờn khói trắng. Sự thực thì cái khói tưởng tượng ấy, của một cái ống khói mơ ước chỉ là chút khói thực tế của điếu thuốc lá mà Bạch đang hút một cách mê mải.

Trong cảnh tịch mịch một gian gác chỉ độc một người nằm im để mơ mộng nhìn một cái bìa lịch của một hãng hàng hải luân thuyền, Bạch đang đem ngay mấy thước ruột khô héo của chính lòng mình ra để làm dây đàn, bấm khẽ, một khúc Giang Hồ Tương Tư.

Trên đất bằng vững khu phố Hàng Gai, thu lại giữa một gian gác trọ mà sóng gió cũng ì ầm một cách mơ hồ quái dị. Cái tiếng sóng bể trong tranh cuốn lịch treo trên tường đi thẳng vào Bạch và cái sóng lòng một người phiêu lưu nằm dưỡng bệnh ở đây cũng được gửi hình ảnh một con tầu gợi cảm. Từ người đến bìa lịch và ngược lại, đang có sự giao cảm. Trong cái không khí nhàn nhạt và bình lặng của nhà gác, đang có sự hỗn hóa những luồng điện quái ảo của một thế giới lưu đãng hay phát sinh vào những ngày khủng hoảng. Bạch đang quên cả thời gian và mất cả ý thức về không gian. Cái cửa sổ ở tay trái sao nó lại không có hình tròn? Và tưởng tượng mạnh mẽ của chàng còn trổ thêm vài cái lỗ tròn hóng gió nữa vào tường để

phòng này trở nên một cái ca bin tầu bể. Thế rồi mũi chàng đánh hơi thấy mùi thơm của mùi sơn nhựa thông. Thế rồi cả gian phòng lại còn tràn ngập một mùi tanh tanh của gió bể. Trong mùi tanh xa xôi ấy, lẫn cả mùi mặn chát của muối bể. Thế rồi Bạch còn lắng thấy cả tiếng chuông báo hiệu gọi thuỷ thủ và người làm dưới tầu nghỉ tay đi ăn cơm. Gian gác bỗng rung lên nhè nhẹ như một toa hỏa xa đang lăn bánh sắt. Gian gác bồng cựa mình và tròng trành như một cái boong tầu bể đi vào gió thổi trên khối nước thiên vạn cổ trôi chảy không bao giờ mỏi mệt.

Điếu thuốc rơi, cháy vạt áo pyjama, Bạch choàng dậy. Chàng nhìn cái ghế mây dài, thấy mình là ngốc khi phải dùng đến nó để làm vật bài trí cho gian phòng đặc biệt này. Ừ sao chàng lại không mắc ở đây một cái võng gai có hay hơn không? Thêm cái võng nữa, thì phòng này sẽ có thêm cái không khí của người lính thuỷ.

Thế là tuần chủ nhật sau, gian gác đã có thêm một cái võng gai bắt chéo ở giữa phòng, từ đầu tường bên đây qua đầu tường bên kia. Mà cái võng này lại chính tay Dung mua cho Bạch. Người vợ đã vô tình đi ru chồng theo một điệu đưa của sóng bể.

Hôm Dung đi chợ phiên Hà Đông về, thấy Bạch đang ngủ vội lay chồng dậy. Dung vui đùa như một cô con gái còn cặp tóc. Nàng cù Bạch và dựng chồng

dậy. Bạch choàng mở mắt, mặt nhăn nhó. Trời ngoài sân nắng tràn ngập cả khoảnh vườn, cây và cỏ đều chín nẫu cả. Bạch nhìn vợ, không rõ tại sao vợ mình lại đùa và nhí nhảnh đến thế. Từ ngày làm bạn với nhau, vợ chồng có mấy khi đùa nghịch. Trái lại. Bạch thường hay tránh mặt vợ và Dung thì có nét mặt kẻ tử vì đạo, dưới cái bình tĩnh cặp mắt, nàng cố hết sức giấu kín những hờn oán thầm lặng.

Bạch dịu nét mặt lại, càng ngắm Dung cười nói, chàng càng nhận ra Dung là một người đẹp trong hiền lành. Thật là một cô thôn nữ đi chợ trưa về. Cả một cái rực rỡ của lửa mùa hạ còn đọng trên đôi má Dung. Vài sợi tóc mai dính trên thái dương xám xấp mồ hôi. Một cái quần lĩnh tía cặp nhiều cánh sen, dòn cứng lại vì hun nắng đường xa từ chợ về, càng kêu loạt soạt và Dung càng lướt qua giường Bạch nằm, thì người chồng vừa tỉnh ngủ ấy lại thấy hơi choáng váng vì chút hâm hấp ở người Dung đang tiết ra trong một mái nhà tranh vắng người. Cụ Tô đi đâu từ sáng và thằng Phong thì đang đầy giấc. Chỉ có tiếng gà gáy trưa ở xa, và gần sát người Bạch thì là cái tiếng loạt soạt của thứ hàng lĩnh ròn vì nắng ngoài đường. Dung vẫn cười nói nhí nhảnh như một người trẻ tuổi sung sướng vì được cử động trong một cảnh gia đình do mình tạo nên. Bạch ngây người ra mà nhìn vợ, lặng thinh không nói gì. Bỗng chàng cúi mặt xuống, vội sóc

lại quần áo mình quá lỏng lẻo lúc ngủ quên. Bạch hơi xấu hổ vì chút cảm giác nhục dục vừa thoảng qua, một buổi trưa hè nhà vắng, vợ chàng có đôi má ửng hồng và một cặp quần tươi thắm.

- Tôi mua được cho anh rồi đấy.

- Mua cái gì?

- Võng. Cái võng gai. Chọn mãi đấy. Đi khắp cả chợ mới tìm được một cái, sợi đánh săn như thế. Tôi tưởng đừng nên để mộc. Đem ngả nâu đi.

Vừa rồi Bạch thoáng có cái ý thèm muốn Dung cùng như một vài lần ấy, lúc giang hồ, chàng đã được ôm ấp lấy vào lòng trong một đêm tầu cập bến, những người đàn bà không có tuổi, không có tên, không có địa chỉ thường lẩn quất ở các miền duyên hải để kiếm tình, để kiếm tiền. Chàng lấy làm ngượng vì cái ý nghĩ dâm bôn ấy và tự trách mình đã làm tủi đến đức hạnh của một người nội trợ. Chàng có ý phàn nàn cho cái luân lý đặc biệt của một kẻ đã quen cái thân giang hồ đi rồi. Vì ngượng, Bạch đâm ra nói xẵng với Dung:

- Sao lại ngả nâu? Võng đang mới, trắng như thế này việc gì mà nhuộm nâu?

Dung ngạc nhiên vì thấy Bạch nói to và gắt nữa. Nàng đấu dịu:

- Nếu không nhuộm thì để mộc vậy, có khó gì. Em tưởng có thằng Phong, thỉnh thoảng dở tay, đặt nó vào võng, thì nên ngả nâu đi cho nó sạch...

- Ai mắc võng ở nhà này mà định cho thằng Phong ngủ. Để đấy. Người ta mang lên trên gác phố Hàng Gai đấy.

- Sao anh không nói ngay để tôi mua hai chiếc luôn thể. Thế mà tôi cứ tưởng... Thôi được. Để phiên chợ sau tôi kiếm một cái khác cho thằng Phong vậy. Chứ bây giờ chợ gần tan buổi họp rồi, có ra đến nơi thì hàng võng gai họ đã dọn hàng về cả.

Dung bèn lẻn, lánh xuống nhà dưới. Bạch định ngủ lại, nhưng hối hận linh tinh làm cho chàng no cả mắt và lòng chàng đầy những bực mình.

Ngoài sân, bóng nắng đã lệch. Bạch bắt đầu cảm thấy cái nặng nề của buổi chiều gia đình. Ở ngoài Hà Nội có lẽ phải nhẹ nhõm hơn ở đây. Chàng bèn gói ghém chiếc võng gai lại, ra đi và dặn Dung đừng đợi cơm. Dung nhìn theo Bạch bước ra khỏi ngõ và bất giác nhớ đến những lần Bạch hấp tấp vì tiếp được những cái giây thép xanh xanh.

Loay hoay mất cả một buổi chiều, Bạch mới mắc xong được võng. Cái võng mộc, sợi gai trắng đẹp như thế mà Dung lại có ý đem nhuộm nâu đi thì thực là lẩm cẩm quá. Bỗng chàng lại ngờ cả sự phê bình của mình, chàng ngờ mình không được công bình. Không rõ Dung có thực là lẩm cẩm, hay là tại chàng vốn oán ghét Dung mà rồi có sự thiên lệch trong xét đoán, mà rồi đâm ra nói xấu vợ trong lúc vắng mặt? Nghĩ cho

cùng, Bạch lại chỉ thấy Dung là đáng thương hại, người đâu mà bình dị quá. Người bình dị như thế mà lại lấy phải người chồng phiền phức như chàng thì hai đứa có thắp đuốc mà đi tìm suốt cả đời cũng chẳng bao giờ thấy được hạnh phúc. Nếu thực có một ông trời, thì kể cái ông trời ấy cũng đã giỏi thừa trừ và khéo xe thực.

Bạch đưa võng đã khá lâu rồi mà những cảm giác nao nao gây cho xác thịt cũng không xua đuổi hết những ý nghĩ phiền muộn về đời Dung, về đời mình, về tương lai của hai đứa phải miễn cưỡng sống gần nhau. Ban nãy Dung nói là tưởng mình bảo mua võng về để thỉnh thoảng ru cho con nó ngủ cho đẫy giấc, cho chóng nhớn, cho chóng thành người. Dung chẳng hiểu một tí gì sốt. Người chồng nàng, làm gì đã có thời giờ để săn sóc đến con thơ. Bây giờ chàng đang thiết tha về đời sống của chàng cũng chưa xong nữa là. Trong cái gia đình rầu héo này, nếu có một người nào cần nằm võng cả ngày thì người đó phải là Bạch. Để được dỗ dưỡng cái tinh thần trôi dạt, bập bềnh của mình cho nó giống như những ngày cũ lênh đênh trên nước có sóng, lúc này ở cạn để chờ đợi, Bạch muốn nằm ỳ ra trong lòng cái võng này cứ chao đi chao lại cho liền liền.

Tiếng võng đưa kĩu kịt nghiến mãi vào con khăng gỗ đầu võng gợi nhắc đến tiếng đưa võng của một bụi

tre già những ngày gió hè. Từ ngày về ở dưới gối cụ Tô, Bạch đã khổ vì cái tiếng kìu kịt của một cụm tre mọc ở đằng sau nhà, tựa vào một cái luỹ đất nơi quê hương. Cái lùm tre không ấm bụi ấy, mỗi lúc có gió lên, lại cọ vào nhau mà đay nghiến, mà than khóc. Lắm cây tre già cằn quá, kiến đục những lỗ hổng rất to xuyên thấu đốt tre khô nỏ, thân tre biến thành một cái ống tiêu vĩ đại. Gió mùa hè, mỗi lúc dồn vào những thân tre già mọt này là lại gây nên một khúc địch rỉ rền. Gió nổi lên trên cánh đồng lúa, thấy ngọn lúa nhấp nhô, chập chờn lượn chạy. Bạch nhìn sóng lúa đồng, lại tưởng nhớ đến một cái bể cả và động đến tấm lòng bốn phương. Tựa cửa nhìn cánh đồng xa động đậy sau nhà, Bạch còn khổ thêm vì những tiếng sáo thiên nhiên nó như van xin chàng hãy khá thương lấy những người thân yêu nhất trong đời chàng. Bỏ họ lại, giũ áo ra đi, thì có người đến chết theo chàng mất. Tội lắm. Bỏ thì thương vương thì tội. Thành ra bất cứ buổi trưa hay buổi chiều tối có gió nồm nam, mỗi lúc gió lên là Bạch lại thấy đau khổ trong lòng và buồn đến nhức cả ống xương nơi người. Cái tiếng sáo tre khô tuyệt vời ấy, là cả một khúc nhạc ăn nhịp với thứ kèn đám phường già nam, nó hợp với cái tình tiết rối lộn của một tấn đại bi kịch đang diễn trên sân khấu trong lòng một kẻ giang hồ bất đắc chí.

Rồi Bạch đâm ra sợ cái bụi tre ở sau nhà. Có hôm chàng đã phát khùng lên vác con dao bẩy ra định đốn hết cả bụi. Cụ Tô cho chàng là một đứa con bạo ngược lấy làm giận lắm, ra ngăn không cho Bạch chặt phá. Cụ nói mát:

- Cái bụi tre đó là của ông nội ngày xưa trồng để cắm hướng nhà. Thày bao nhiêu tuổi thì bụi tre ấy cũng được bấy nhiêu năm. Từ ngày anh về nhà, khoảnh vườn anh nghĩ xem đã trồng nổi vào cái nhà ta thêm lấy cây gì chưa? Mà bây giờ anh ra chiết cây bẻ cành cho nó đang.

Thấy dưới bụi tre dăm sáu cái măng bị con dao của Bạch làm bật cả lần vỏ ngoài, cụ cười:

- A ha, tre già măng mọc! Mọc cho nhiều vào cho nó ấm bụi.

Bạch xách dao trở vào, trong bụng tự nghĩ rằng một ngày rất gần đây, chẳng cần phải triệt hạ tre, chàng cũng sẽ hết phải nghe theo cái bụi cây ấy thổi giọng than rầu. "Ra được giữa cái bể lớn, thì mới hết cái ám ảnh này. Có giỏi thì những cây tre này theo ra đấy mà mọc". Chàng lại trách thầm mình sao đang phóng phiếm nhẹ nhàng như thế, bỗng chốc trở về trong cái luỹ tre xanh nơi quê cha đất tổ làm gì, để cho thêm bận lòng như thế này.

Bạch lấy chân đẩy võng. Cứ phải liên tưởng đến những chuyện vụn vặt ở gia đình, chàng lấy làm dậm

dật khó chịu quá. Chàng đứng dậy quay máy hát, đặt một cái đĩa có một lối ca rất nhộn nhịp huyên náo. Bạch muốn mượn đến những ồn ào bên ngoài để đàn áp bớt những rạo rực trong lòng mình. Chàng cho là may quá vì hôm vừa rồi nếu bán cho Hồ cái máy hát này thì bây giờ lấy gì mà giải được buồn, mà làm tan được u uất trong lòng.

Chiếc máy hát hết dây cót, thanh âm bản hát kéo rề ra, nghe khàn khàn chua chua rồi ú ớ như tiếng con bò hấp hối ở góc bàn xi-moong lò sát sinh. Cái kim máy kêu đánh xoẹt như tiếng xé vải. Máy hát nín và gác vắng trở nên lặng như tờ. Buổi tối đã đến. Bạch cũng chẳng buồn bật đèn.

XXII

Từ ngày phải nằm mọp ở nhà, chàng đâm ra quẫn, vì chẳng biết làm gì cho ra tiền và sự thực thì Bạch có thiết làm ăn gì đâu mà đòi kiếm được tiền.

Gần đây chàng đã phải bán dần những vật tuỳ thân. Bán nhẫn bạch kim, đồng hồ vàng, rồi bán cả đến những vật kỷ niệm thiết tha như là chiếc va ly Hartmann gì đó. Chiếc va ly này lúc mới mua cũng phải đến bốn năm trăm bạc Đông Dương. Bỏ được quần áo cả mùa rét lẫn mùa nực, đủ cho một người dùng đi xa mà không sợ thiếu cái mặc lúc trời giở giời, lúc trời thay mùa ở dọc đường. Dựng lên thì là một cái tủ áo, ngả xuống thì là một cái giường nằm. Đem bỏ cân, vỏ va ly nặng không tới mười kí lô. Cái va ly ấy còn đức tính đáng quý này nữa. Là gặp nước mặn lâu ngày cũng không bị han rỉ và cái lần da hóa học phủ ngoài không trương không bở mùn ra. Va ly mà đóng kỹ lại rồi, thì có vứt xuống hàng tháng, nước bên ngoài cũng không tài nào thấm lậu được vào ruột

trong. Trời ôi, thật là một cái va ly lý tưởng cho một người lữ khách thiên vạn cổ ở cái thế kỷ thứ hai mươi này nó làm chết mất cái khăn gói vải muôn nghìn năm buộc túm bốn đầu của ông cha chúng ta. Cái va ly ấy mỗi lúc chiếc tầu của Bạch ghé Marseille hàng tháng, để nghỉ ngơi và sửa chữa những vết thương của viễn trình, mỗi lúc Bạch đổ bộ cho *bắt-tê* xách theo mình đi qua cái kho hàng của nhà đoan khám hành lý, là đã gợi thèm cho biết bao nhiêu người đứng đấy. Bạch nhớ lại lần ấy có hai vợ chồng người Tây trẻ tuổi kia - đâu người chồng là một công chức cao cấp sắp được bổ qua tòng sự ở thuộc địa - đã lễ phép giữ chàng chậm bước lại để dò hỏi xem chàng mua nó ở đâu. Chàng hãnh diện chỉ bảo và cắt nghĩa và lúc rảo bước, Bạch ngoái cổ lại vẫn còn thấy cặp vợ chồng trẻ đó nhìn theo mình với bốn con mắt đầy kính phục. Thật vậy, ở cái đời khoa học tinh xảo này, những quý vật đem phô ra ngoài, người tinh mắt phải nhận thấy ngay và tự nhiên phải căn cứ vào vật mà đánh cho người chủ nó một cái giá vô chừng. Chẳng thế mà lần ấy Bạch ra Havre, không một đồng xu trong túi, chàng vẫn cứ dám vào "Khách sạn Bắc Mỹ" là một khách sạn nhất nhì ở đất cảng này. Chàng vứt cái va ly mồi ấy ở giữa buồng giấy khách sạn gần cầu thang máy. Thế rồi cứ ở trần, ăn trần, tắm trần hàng tháng mà chủ khách sạn không dám hỏi tiền buồng và tiền

cơm và lại cả tiền rượu đãi những anh em làm tầu mà thỉnh thoảng chàng có dịp vui kéo về buồng trọ nữa. Bồi Khách trầm trồ liếc qua cái hòm đắt tiền của cái ông quý khách mà họ gọi lóng là nhà "Kỹ nghệ Đông Phương" - họ nhầm Bạch là một phú thương Nhật Bản vì thấy chàng sạch sẽ và lại đeo kính trắng gọng vàng.

Những lúc được đời giang hồ cho mát mặt trong chốc lát, thực Bạch chưa từng bỏ phí một dịp nào để giả vờ làm người giàu có, mặc dầu cái ảo tưởng đó chỉ đậu được có một tuần, một ngày và có lúc chỉ có mươi phút thôi. Lắm lúc chàng cho tụi bồi tiền đầu sai rất hậu. Tiền ấy cũng chẳng phải là Bạch đem của nhà đi mà vung vít ở đất nước người. Bạch vốn là một người bồi tầu bể lớn, mỗi chuyến con tầu chàng qua Viễn Đông, cả lượt đi lẫn lượt về, có khi Bạch kiếm được hàng mấy ngàn quan bổng ngoại. Chàng khéo chiều hành khách của hãng, ăn nói từ tốn, có duyên và trong câu chuyện hầu khách lúc tầu màn xế, có nhiều khi Bạch lại tiết lộ ra một chút tài học của mình. Nhiều bậc lữ khách bệ vệ, sang trọng, có ý ngờ Bạch là một du học sinh nghèo đi ra ngoài cầu học một cách công kiệm, vừa làm nghề vừa học và sự khuất nhục khi hầu hạ này cũng chỉ là một cái cớ của một thanh niên trí thức bị cái nghèo bó lấy cái chí lớn.

Họ trọng thưởng Bạch. Và cái anh bồi Bạch trên mặt bể ấy, lại đem cái tài đó mà đãi lại những người bồi khác ở trên đất cạn, làm cho bọn này phải nhầm về cái địa vị của mình. Bạch cho như thế mới là đúng cái hành tung của một người chân chính phiêu lưu. Và đấy chẳng qua là của thiên thì lại trả cho địa, mỗi người được hưởng chút lộc nơi bể hồ, có ai nghĩ đến sự cầm tiền cho nóng tay mãi mà làm gì. Cái lãi là ở chỗ khác kia. Cái lãi chính là ở chỗ mình được luôn luôn thấy mình sống với sự thay đổi kế tiếp ở chung quanh mình. Mỗi ngày rập rình trên khoảng nước mình mang, dưới cái vòm trời lồng lộng là lòng mình lại được cởi mở thêm, hứa hẹn thêm và có lúc quá say vì sự sống, người ta muốn ca hát vang lên để ca tụng một đấng vô hình nào đã có công sinh ra mình để làm người mà được sống một cách lành mạnh và tự do như thế này ở giữa muôn loài.

Mỗi lần Bạch được thắng bộ vào và đưa cái va ly Hartmann lên đất liền nơi bến hoặc lại đi sâu quá nữa vào lòng một cái xứ nào, nếu tàu chàng đỗ lâu ở đấy, là Bạch lại vui vẻ mà phát tiền đầu sai cho đám bồi buồng ở khách sạn. Rồi chàng cũng đánh bạc, cũng mua hoa, cũng uống rượu, cũng lần nẻo thăm tình. Đi đến đâu cũng chỉ cầu mong lấy vui vẻ và gây được vui vẻ, cho nó bõ cái lúc chớp bể mưa nguồn,

trong sương gió quanh năm, vẫn chỉ có mình trơ ra với cái tâm sự mình thôi.

Bọn bồi ở các khách sạn lớn ở các bến lớn thực đã có một lối riêng để dán vào hành lý người khách trọ những nhãn giấy in sẵn tên khách sạn. Có lẽ những đám bồi ấy đã ngầm kết thành một liên đoàn quốc tế nhân công khách sạn và những cách chúng dán nhãn hiệu lên va ly là những ám hiệu riêng để kẻ trước mách bảo cho đồng nghiệp sau biết rằng vị hành khách ấy là hào phóng hoặc keo bẩn và anh em nên trông vào ám hiệu ấy, liệu đấy mà hầu hạ cho vừa phải. Họ dán nhãn hiệu in tên tửu lâu, lữ điếm có lúc thì thiên thẹo, có lúc thì chăn phương thẳng thắn, có lúc thì ở thành bên, có lúc thì ở ngay giữa mặt hành lý, tuỳ theo cái đức tiêu tiền của mỗi hạng khách tá túc ở lữ quán họ làm việc.

Từ những cái bến trước, bọn này đã cho dán vào va ly Hartmann của Bạch vô số là nhãn giấy theo một ước lệ, theo một thứ tiếng lóng của nghiệp đoàn, giới thiệu ngầm với anh em làm bồi buồng ở tửu điếm hải cảng sắp tới rằng cái ông Bạch này là một người rộng rãi và anh em cứ nên ra công mà hầu hạ, ông ta sẽ không để cho anh em đến nỗi thiệt thòi đâu. Thành thử Bạch đã không đổ bộ với cái va ly Hartmann ấy thì thôi, chứ mỗi lần đưa va ly vào quán trọ thì người

ta lại tranh nhau mà đỡ lấy, mà hầu hạ chàng như đối với một du khách phong lưu tột bực.

Trở về xứ, Bạch thấy mình đưa theo được cái va ly tuỳ thân ấy về thời vật báu đó của con người lưu lạc lúc quy cố hương cũng có giống như cái áo gấm của kẻ khác khi trở về cái làng chôn rau của mình. Những đồng bào thèm đi và không được đi cứ đọc những cái nhãn giấy in xanh đỏ dán chi chít chung quanh cái Hartmann là cũng đủ kiêng nể Bạch rồi. Thật là cả một kho địa dư chính trị thế giới, với những tên gợi cảm của các thủ đô lớn, hải cảng lớn mà chỉ những người có cái thói lang bạt kỳ hồ là mới tha cắp được về đến đây thôi. Riêng đối với Bạch, những nhãn giấy đó còn là những ấn chứng sót lại của chút phong lưu giang hồ mà Bạch tin rằng không có gì ở đây đánh đổi hoặc cướp đoạt được. Cái va ly đã quý giá lắm rồi mà những nhãn giấy in kia lại còn quý giá gấp bội. Cái tình của người lữ khách bỏ nhà ra đi trong bấy nhiêu năm trời, đem gửi tất cả vào đấy hẳn phải là nhiều là rộng lắm. Ở đời có những cái kỷ niệm vụn vặt mà người ta không thể sưu tầm, một lần thứ hai nữa.

Vậy mà một buổi trời đẹp, chính Dung đã vô tình làm hỏng cả chiếc va ly của Bạch, làm mất giá chiếc va ly quý báu này. Nàng đã đánh rơi xuống thềm hoa một cái chén ngọc liệu, nàng đã đập tan một cái bình

pha lê gọt. Hôm ấy, chồng nàng ngắm nàng, ngắm sự phá hoại, đã như điên như dại, đã muốn chém nàng ra thành hai đoạn.

Sau cái hôm tứ hỷ ấy, thật Bạch giận Dung còn gấp mấy mươi Hậu Nghệ nghìn xưa - cái người Hậu Nghệ được lưu tên vào huyền sử bằng cái việc phi thường hạ một lúc chín con quạ lửa, tức là chín cái mặt trời, - căm hờn người vợ ngu ngốc, dám tiểu tiện vào gốc cây đa thần để cây thiêng bay vụt mất lên trời, để đến nỗi người chồng tiếc của ấy phải bám theo vào rễ gốc cây bay, đành bỏ thế gian, đành theo cùng cây cổ thụ chui vào cung trăng với cái số phận một thằng Cuội. Chính hôm Dung làm hại Bạch, Bạch ngán ngẩm đứng nhìn cái va ly cũ của mình nghẹn ngào như một người sự chủ đứng trông những ngọn lửa cuối cùng thiêu cả cơ nghiệp nhà mình ra tro.

Sau hôm tứ hỷ đám cưới Bạch, Bạch mệt quá vì mấy hôm khách khứa, chàng đánh một giấc ngủ trưa rất lâu. Cái nghề cô dâu mới về nhà chồng thường hay cất nhắc công việc nhà chồng, dọn dẹp luôn tay để tỏ ra mình là một người siêng năng. Hôm ấy trời nắng to, lục lọi đến những đồ vật riêng của Bạch, Dung thấy đáy va ly cũ ấy, lèm nhèm những mẩu giấy dán chi chít cả lên, bèn đem ra sân; lấy nước lã thấm cho ướt bở những mảnh giấy sứt sẹo ấy và lấy khăn ướt

lau chùi cho chiếc va ly cho nó được sạch bóng như một cái va ly mới mà lại. Rồi nàng mới lộn vào vất hết những quần áo của mình đưa về nhà chồng vào trong đôi hòm da đầy ăm ắp. Dung đã lấy làm đắc ý lắm khi nàng đem phơi đôi hòm da đen và chiếc va ly của Bạch ra ngoài sân. Ánh nắng cuối thu nhấp nhánh trên nước sơn đen đôi hòm cưới; nhưng ánh nắng ấy không linh động một chút nào trên làn da chiếc va ly cũ lổ loang từng đám - vệt hồ của nhãn giấy chưa chịu đi hết, mặc dầu sức kỳ cọ của một người đàn bà.

- "Ấy là đã lau chùi sạch như ly như lại rồi đấy. Cứ để như trước thì có mà phát lợm lên được", Dung nhìn cái va ly của chồng tự nói với mình và tỏ vẻ hoan hỷ ra mặt.

Chờ Bạch dậy, nàng chỉ ra sân đúng vào cái đám hòm vừa cũ vừa mới ấy và hỏi chồng:

- Anh xem xem có khác trước không. Tôi lau mất cả một buổi.

Bạch hốt hoảng, nhảy một cái từ trong nhà ra sân: đứng giữa trời nắng chang chang mà kêu lên chỉ được có ba tiếng "Giết tôi rồi!" rồi lịm dần người đi. Chàng cúi sát xuống mặt chiếc Hartmann, ở đấy còn hoen những hình chữ nhật in dấu hồ và lổn nhổn những viên bột giấy tròn đét lại vì nước thấm và vì sự kỳ cọ

khi nãy. Thôi bây giờ còn biết nói thế nào. Chẳng nhẽ mới lấy nhau mà Bạch đã đem Dung ra mà dày vò, mà mắng nhiếc, xỉ vả sao? Bạch đứng trước cái va ly buồn thiu có hàng nửa giờ đồng hồ, mồ hôi toát ra đầm đìa, dáng điệu bơ phờ thương xót như một người quyến luyến với một cố nhân già đang thở hắt mãi ra để mà về trời, mỗi một phút qua là làm giá lạnh một đoạn mình mảy tái xám thêm lại. Bạch cứ thế mà điếng cả người đi cho đến suốt ngày hôm sau, không ăn được, không nói được, không ngủ được. Lúc nào Dung cũng ở bên cạnh chàng, xun xoe, lăng xăng và luôn mồm hỏi han:

- Anh làm sao thế? Anh làm sao thế? Để em lấy thuốc.

Giương đôi mắt cầu cứu, Bạch nhìn vợ mới cưới có ý thầm van lơn nàng đừng nên hỏi dồn nữa. Có trời mới cắt nghĩa nổi cho Dung là tại sao mà chàng lại lăn đùng giẫy dụa như thế. Khổ quá.

Được cái ông cụ lang gì mới lại giết người nữa. Cứ đòi bắt mạch mãi. Rồi bắt uống thuốc do tay cụ kê đơn. Cụ gọi là bệnh cảm thử và cũng là may đấy, nếu không sớm gặp cụ, thì chẳng mấy nỗi mà thành ra phong nhập lý mà đi đứt. Chẳng thà đi đứt, Bạch ngẫm. Mình chết còn hơn phải sống để mà ngắm cái va ly của mình đâm ra thành tật.

Dung nhanh nhẩu hầu chuyện cụ lang già vốn là chỗ đi lại quen với cụ Tô:

- Thưa cụ dạy thế có lẽ đúng đấy. Hôm qua chả nhà con ra xem phơi phóng đồ đạc ở ngoài sân nắng, đứng nắng có đến nửa giờ mà lại không đội mũ miếc gì cả...

Đang sốt nằm trong chăn, Bạch giận quá, phải tung chăn ra mà nói mát một hồi vào giữa mặt người vợ non dại và giữa cái bộ râu bạc của một cụ lang quá giản dị kia. Cụ lang đứng dậy, trịnh trọng bảo Dung:

- Coi chừng. Mợ phải coi chừng lắm, không có cậu ấy đâm ra nói mê đấy. Tiết nắng cuối chầu này độc lắm. Ở trong làng, có lắm trai tráng chỉ đi có từ nhà ông lý về mà cũng nằm lăn đùng ra đất rồi đâm ra mê sảng, trông hãi quá.

Mãi về sau này Bạch mới nhận ra cuộc hôn nhân là một cái ách tự mình quàng vào cổ, nhưng ngay ngày đầu tiên ấy, bị hỏng cái hòm giang hồ, Bạch đã ngờ ngợ thấy đó là một cái điềm gì rất xấu, rất không hay, rất dữ cho sau này rồi. Chàng đành cam chịu và tịnh không có giáng cho Dung biết tại làm sao, cái hôm đứng ngắm va ly ở ngoài sân mà mình lại có thể chết ngất đi đến thế. Cắt nghĩa mà làm gì nữa. Có bao giờ người thân trong đời mình lại hiểu được mình. Chính ra, là người thân thị lại càng không rõ một tí

gì về mình. Họa chăng thì chỉ có kẻ xa lạ gặp có một buổi chỗ quê người là chịu hiểu mình hơn hết. Cái giống tri kỷ lại chính là ở trong cái đám hàng xứ, ở chỗ bốn phương trời tản mạn. Chao ôi.

Cho đến ngày nay có lẽ Dung cũng không bao giờ nghĩ đến cái tình tha thiết của chồng mình đối với cái va ly ngày cũ nọ. Bạch nghĩ đến chiếc Hartmann, lúc mình sống với thiên hạ thì oanh liệt thế, lúc đem theo nó về cái xó quê hương này thì nó bị chính tay vợ mình nhục mạ nó một cách quá khôi hài như thế, chàng nửa muốn khóc và nửa muốn bật như cười.

Nhân có một ông dân biểu còn ít tuổi đã từng qua Pháp, một lần tìm đến hỏi mua chiếc Hartmann mà các hiệu ở đây không có, Bạch bèn bán quách. Ông ta từ khi dân đẩy ra gánh lấy việc nước, phải đi luôn, lúc Sài Gòn, lúc Huế, lúc lên các tỉnh mạn ngược. Phải đổi chỗ luôn và được đi tầu vé hạng trên, ông ta lấy làm thích cái hành lý đó lắm. Được cái biết người biết của, Bạch đòi ba trăm, ông không cò kè, xìa ngay ba tấm giấy lớn. Nhân biết Bạch là người đã trôi nổi ở hải ngoại nhiều, ông hỏi sao va ly này lại không có những nhãn in, sao các khách sạn "nó dán vào cho ít cái con bướm in đó thì khéo biết mấy", Bạch lúng túng trả lời rằng "họ" vô ý đem xé, đem bóc đi hết nhãn.

Người chủ mới chiếc Hartmann nổi giận một cách thành thực:

- Vậy chớ "họ" là ai mà "họ" lại có cái lối chơi phá hoại một cách chướng như thế?

- Dạ, thằng bếp ở nhà nó không biết gì cả, đem ra lau chùi và cậy hết. Lúc tôi về thì cái hòm đã sạch sẽ lắm rồi.

- Những thứ người như thế, ông không nên dùng. Phải đuổi ngay ra khỏi nhà ông ạ, nếu ông cho phép tôi khuyên ông. Giữ những người ấy trong nhà là rồi còn mang lấy vô khối tai vạ. Tôi tiếc quá. Tôi đã được đi ra ngoài, tôi biết lắm. Có tiêu mất hàng bao nhiêu rồi thì người ta mới dán vào hòm cho mình những cái giấy in ngũ sắc đó. Uổng quá ông Bạch nhỉ.

Vừa bán xong chiếc va ly mồi, thì người giang hồ ấy, có một hôm lại gặp dịp bán nốt chiếc phong vũ y. Bạch dịch luôn ra và thường gọi cái rain-coat của mình như thế.

Bạch cũng không nhớ tên và cũng chẳng cần biết đến tên cái người mua áo cũ đó làm gì. Đâu hình như y là một người điền chủ trẻ tráng, sinh cơ lập nghiệp ở một tỉnh trung du đất Bắc. Áo hai lần lót, một lần cao su, một lần lụa, đều tháo rời riêng ra được. Y thích nhất là cái lần vỏ áo, dệt bằng sợi gai đánh săn lại, mà mềm và mịn như thớ sợi tơ. Dai lắm. Nhẹ lắm.

Mỏng lắm. Gấp lại lúc chưa dùng đến, bỏ hòm, nó chỉ cộm lên không hơn bánh rưỡi thuốc lào.

Cảm vì cái dĩ vãng của người thất thế ấy lúc phải ruồng bỏ một chiếc áo cũ đầy hơi hướng của mình, kẻ kia lúc trả tiền cho Bạch, đã trả cho chàng theo giá áo lúc còn mới nguyên. Và nói một câu làm mất nhiều thời giờ của Bạch. Lẩm cẩm và lôi thôi quá.

- Ồ, như các ông thì còn vô khối dịp ra ngoài và tìm đến tận tổ mà mua áo mới. Ở xứ này không tài nào tìm được cái marque ấy. Hồi anh cả tôi đi du học về, cũng có đem theo được một chiếc về, dùng qua mười mấy năm, mà đến bây giờ áo vẫn không chịu xơ mòn, cái lần trắng ngoài càng giặt giũ càng mở mặt. Tôi ướm thử thấy nhẹ nhàng thoải mái lắm. Anh tôi thấy tôi thèm cái marque đó, có đố thách và bảo cho tôi biết là kiếm thế nào ở đây cũng không ra được cái thương tiêu ấy. Tôi cũng có ý định nếu không tìm được hàng đó, thì nhất định không sắm tơi đi mưa. Đành dùng áo cao su vậy... Này, tôi cũng có một cái tính nó quen đi đấy ông ạ. Là tôi không biết kiêng những hơi hướng người khác đâu. Lần ấy ở tỉnh tôi, có ông Tây Phó xứ ấy chết bệnh già, quần áo ông, đem bán đấu giá, tôi mua rất nhiều.

Người giang hồ phải bán hành lý của mình ngay ở trên một khoảnh đất quê hương: một bài thơ buồn.

Người sương gió phải bán đến cái áo tơi, trong những lúc nằm khàn giữa những người thân yêu mình để mà lắng thấy trong tâm mình đang có một trận mưa rả rích: cũng lại là một bài thơ buồn nữa, không dài hơn không ngắn hơn.

Thế này thì càng ở nhà, lại càng bày ra trò thất nghiệp. Xúc cảm quá, Bạch đã làm được hai bài thơ. Đả động đến chiếc va ly, chàng đã làm một bài từ khúc. Đả động đến chiếc áo tơi, chàng đã làm một bài cổ phong. Nếu những vật tuỳ thân kia lại có dịp được trở về với chủ cũ thì chiếc va ly sẽ là một hòm nước mắt và áo tơi kia - lệ thấm thấu ba lần vải - còn dầm dề gấp mấy cái áo lụa xanh khi Bạch Lạc Thiên khóc người đẹp gặp một đêm trên cái bến Tầm Dương.

Nhưng mà những lời thơ ấy đã buồn quá cái sự đáng buồn. Bạch không muốn tình cảm của mình phải nhũn đến như một sợi bún. Chàng muốn là một người có năng tính.

Muốn được đi cho nhiều, chàng đã từng phải tàn nhẫn với bao nhiêu là trời nước đẹp để cùng là biết mấy mươi cái tình đằm thắm thành thật cứ thỉnh thoảng lại thấy trên một cái bến nào đấy. Chàng đã phải hy sinh đến những cái vô giá ấy để được thảnh thơi mà trôi giạt trên dòng phiêu lưu. Đến những cái vô giá ấy mà Bạch còn không dám tiếc, huống hồ giờ

chàng tiếc chi đến một cái hòm cũ và một cái áo cũ. Lúc nào cần đến và thừa tiền thì lại mua chứ sao.

Chàng an ủi mình và cầm lấy số tiền bán gần hết những vật tuỳ thân lúc lỡ thứ đó. Bạch lại đi mua rượu và thuốc lá trữ sẵn đấy để những buổi chiều nào buồn tràn ngập đầy người, sầu uất thấm qua khắp da thịt thì chàng lại đem ra mà uống dần hút dần. Một người của giang hồ khi bị gạt rạt lên cạn thì chỉ còn biết đánh đắm cái dằng dặc cái rười rượi của lòng vào đáy một cốc rượu xanh rượu đỏ, hoặc nhờ ít khói lam của hơi thuốc thở ra treo hộ cái mồm sầu của mình lên cho cao, cho cao nữa, càng cao nữa, càng cao càng làm cho người ta tạm quên được cái mặt đất tầm thường này đầy những vướng víu oan nghiệp.

XXIII

Trời tối. Bạch lần mò đến chỗ cầu chì cắm cái đầu dây ăn thông ra ngọn đèn để ở giữa bàn.

Một quả địa cầu chụp vào một cái bóng điện mỗi lúc cháy ở trong ruột thì cái vỏ bóng thuỷ tinh mờ lồng ở ngoài khẽ quay theo một chiều, đem trình bày ở trước mắt tất cả những phần đất Tân Cựu lục địa và hết cả phần nước của năm đại dương trên trái đất chúng ta ở này. Bạch đã sắm được tại một hiệu sách tây - giá hơn hai ngàn quan - hồi ấy mới về nước, đồng tiền còn có dư luôn, Bạch tiêu không cần tính đếm. Xưa kia nó trong sáng, và cái bóng lồng ngoài đường vẽ tinh vi và cái màu biển xanh đẹp lắm kia. Giờ thì chỉ còn là một quả địa cầu nghèo. Phải bán cái đèn cũ đi để uống rượu chôn buồn giết buồn, chàng bèn nghĩ ra cách làm một cái đèn địa cầu khác mà thế vào đấy.

Một tờ giấy tầu Bạch quét nhựa thông đã thế chân cho cái bóng đèn tròn kính mờ. Trên thứ giấy trong

suốt nước nhựa ấy, Bạch đã mất công ngồi lấy bút nho tô vẽ hình các lục địa theo đúng như họa đồ địa dư, không thiếu một con sông, không thiếu một cái eo, một cái mũi, một cái vũng, và đến năm đại dương thì chàng tô một loạt màu xanh nhờ. Trong chiếc đèn, chàng để một bộ máy dây cót đồng hồ, mỗi lúc đèn đỏ thì dây cót luân chuyển và cả một cái đèn sáng ấy quay theo một cái trục. Ruột nó, cốt cách nó giống như một cái đèn kéo quân. Cốt bóng đèn làm bằng những sợi dây thép uốn cong. Bóng đèn sáng tỏ, những đường rất đen sắc lúc này biến thành những đường kinh tuyến đúng với độ số của bản đồ thế giới.

Trông cái đèn phất giấy nhựa trong có điểm những màu nâu và xanh. Bạch thấy nó gợi đến bóng dáng chiếc đèn lồng treo ở cửa một nhà khá giả Đông Phương lúc có việc hiếu và chàng lại càng khó quên được cảnh quẫn bách về tiền bạc. Từ khi bỏ con tầu bể, lên cạn dầm mãi lên cái mặt đất quê hương, thực Bạch chẳng kiếm ra một đồng xu nhỏ nào. Mỗi một ngày qua là một ăn thâm vào cái vốn kiếm nên do sự cần kiệm mấy năm trên nước. Cái vốn ấy vợi lần lần và lòng cũng lần lần se thắt lại, tính tình Bạch cũng lần lần bủn xỉn thêm mãi và tinh thần lại càng thêm có sự suy mòn. Mỗi một ngày đi không trở lại, ông cụ Tô, Dung và thằng Phong, mỗi người lại đẽo của

chàng mất một ít sở năng. Và ít tiền cũng hết dần theo. Rồi đến những ngày bán đồ, cái một cái một.

Ngọn đèn lồng của địa cầu rì rì xoay quanh trục.

Cái đĩa máy hát vẫn rè rè thanh âm một khúc hát khàn khàn của thổ dân một bộ lạc mọi sống trên một thứ đảo giữa Thái Bình Dương. Bạch lại mường tượng nhớ đến phong cảnh đất Hạ Uy Dy.

Tiếng con võng vẫn kẽo kẹt nghiến khăng gỗ, hòa với tiếng mọt gỗ đục mổ ván gỗ lách tách như tiếng hạt ngô nổ trên chảo rang những ngày mưa phùn gió bấc ở quê đây.

Lòng Bạch tơi bời như sau một cơn mưa lã chã. Cái vỏ ngoài Bạch - một thứ da ngăm ngăm mà sương cùng nắng gió kiếp giang hồ làm săn lại và ám lại như màu bồ hóng - muốn nẻ những đường rạn. Biết bao tâm sự. Nghĩ lại càng thêm...

Bạch kiểm điểm lại trong đầu một mớ tên những người bạn giang hồ đang vẫy vùng ở "bên ấy". Cũng còn được mươi kẻ. Không rõ họ có tự hiểu là sướng không? Bạch ngờ rằng có một vài người trong cái đám thanh khí ấy đã được tin mình lập gia đình ở quê hương rồi. Chắc có kẻ sẽ lấy làm thương xót cho mình nếu họ không khinh bỉ mình là một tên lãng sĩ phản bội khi uất nghẹn lên đến cuống họng, một cái cuống họng mấy bữa nay đã cứng lại vì rượu cay ga và khói chất xít. Có những cái gì làm ngứa cổ, rát cổ và ứ lên

đến cổ. Nhưng người ta vẫn thèm uống rượu, vẫn đòi hỏi đến rượu. Uống rượu vào, sầu có lắng xuống, thở khói thuốc, sầu có bay vắng đi trong khoảnh khắc, nhưng mà người ta thì bã ra có hàng mấy ngày.

Chiếc võng gai vẫn cố ru một người ốm rên ngủ đi, ngủ trọn một đêm, một ngày, một tuần, một tháng, một năm để chờ đợi một sự hiển linh gì xảy đến nhổ mình đi khỏi cái chốn đã lên mốc này, để lúc chợt được nghe một tiếng lên đường thì bừng tỉnh giấc và được thấy ngay mình cầm một gói hành lý và lao người mình vào một cái khung cửa tàu nào đấy chỉ chờ có mình đặt chân lên thì nổi hiệu còi và tức tốc giã cảnh giã người.

Chiếc võng phố Hàng Gai kẽo kẹt đến đêm nay là đêm thứ mấy? Và làm sao mãi đêm nay Bạch mới lại tưởng nhớ đến cái hình ảnh cô Hòa gặp lại trên ô-tô-ray ở xứ này?

Gặp nhau trong ô-tô-ray, lúc nhận được nhau là cố nhân, thì cố nhân có việc phải hấp tấp xuống chỗ chân cầu Bồ Đề. Hòa có dặn chàng lại chơi đằng nhà. Nhà ở đâu? Không thấy in địa chỉ ở danh thiếp. Phép tắc xã giao. Cứ kể ra tìm lấy đúng nhà một cô Hòa ở cái Hà Nội nhỏ bé này đối với Bạch không là một chuyện khó. Bạch tự hỏi mình xem có nên đi tìm lại cố nhân không.

Thứ nhất là Bạch lại biết nhà Hòa làm nghề kim hoàn. Xưa kia nàng đi ngoại quốc với một lô nữ trang đem bầy hội chợ. Cái nghề ấy vốn là nghiệp nhà. Nghiệp nhà hẳn Hòa vẫn giữ. Và bây giờ chắc Hòa cũng đã có một cửa hàng vàng bạc mới nếu không còn ở chung với cha mẹ. Nhưng có thêm một ngôi hàng kim hoàn nữa thì rồi cũng cứ phải tìm ra. Hà Nội đâu có phải là rừng mà một đứa đã từng bôn tẩu qua bao nhiêu là biên thuỳ và hải phận như Bạch rồi thì đâu có phải là một con chim lạc ngàn. Nhưng tìm Hòa để làm gì? Bạch tự hỏi.

Từ cái đêm thoáng gặp lại Hòa trên tầu rồi lại vụt mất luôn Hòa ở một cái ga nhỏ đầu cầu, có đến gần một tháng rồi chứ chẳng ít. Cái việc gặp gỡ ấy đi vào trong lòng Bạch rồi lại xuất ra khỏi lòng Bạch một cách thản nhiên quá. Cuộc trùng phùng xinh xắn như thế - một bên là giai nhân lãng mạn, một bên là người du sĩ thiên vạn cổ của bốn mùa nơi bốn phương giời - làm sao ngay lúc ấy lại có thể không lưu lại cho nhau được một vết thương gì trong lòng? Giá ở một người ít có dịp bồng bềnh, một cuộc tái kiến như thế, khỏi chi mà không ồn ào sôi nổi được. Người ta sẽ nhắc chuyện cũ một cách om sòm, xa vắng nhau thì ngày tơ tưởng, thì đêm mộng ước.

Nhưng đối với Bạch, cái thú gặp lại người xưa, cái thú chơi với cố nhân cũng không còn là tha thiết như

ở lòng những người lành lặn bình thường khác nữa rồi. Phải chăng đấy là một điểm rất đáng buồn cho tâm hồn một kẻ lấy phiêu lãng làm cái lẽ cao nhất của ý sống. Vàng bạc, món ăn ngon, quần áo đẹp của một cảnh yên nhàn, phú quý không đủ làm cho người ấy sướng. Một người vợ hiền, một đứa trẻ dĩnh ngộ, một người bạn trai trung thành, một thiếu nữ tri âm và liên tài, một tâm tình đối với đất cát, đến bấy nhiêu cái giá trị về tinh thần, về luân lý, đem cộng lại mà cân, đối với Bạch, vẫn cứ không bằng được những giây lát lãng du, những cảm giác chuyển di linh tinh. Đi, tức là tất cả. Đi, tức là hạnh phúc. Tất cả thèm thuồng, ham muốn, hăm hở của Bạch đều quy vào một mối, một ý đi. Còn bao nhiêu cái khác, Bạch vui lòng để phần, để dành cho người chung quanh. Riêng đối với chàng, những dục vọng về danh phận, những bổn phận và tình đối với đất cát quê nhang, những phụng sự về nghệ thuật, những vui sướng trong kiến thiết, nhất nhất chàng đều chểnh mảng cả.

Chàng chỉ muốn sống để được đi cho đến chết. Chỉ có chết thì mới nghỉ.

Nếu ở đời này việc luân hồi là một chuyện hẳn có, thì có được tái sinh chăng nữa, chàng cũng chỉ lại muốn có đi, lại làm một người giang hồ một đời nữa ở một kiếp sau. Nếu phải sinh làm kiếp chim, thì

chàng muốn thử chim ấy sống không cần phải làm tổ. Tổ của nó phải là cả một cái bầu trời. Nếu phải làm con cá thì con cá ấy sẽ không phải ở riêng cái hang của mình. Cũng như chim bằng kia phải lấy mây và tất cả các đỉnh núi cao làm nơi đi về không nhất định, con cá kình này sẽ lấy đại dương làm địa bàn cho cái kiếp bơi lội không cùng của mình, chỗ nào là thế giới của nước thì phải tìm đến cho được.

XXIV

Nghĩ đến Hòa một cách quá dửng dưng, chấp cả một buổi hẹn từ tháng trước, Bạch tự hỏi xem như thế có phải là mình vô tình.

Bạch nhận thấy tình cảm của mình có lẽ trơ cứng ra hết cả rồi.

Như đã chớm nghĩ đến Hòa, thì chàng cũng tự bảo mình nên nhớ lại chuyện cũ một lúc cũng chẳng phương hại gì. Với lại ở cái hoàn cảnh, ở cái hiện trạng này, nếu không ôn lại quá vãng - dẫu là gắng gượng - thì Bạch cũng chẳng biết làm gì cho đỡ buồn lòng.

Hồi ở Pháp, tại một hải cảng lớn miền Bắc, ngẫu nhiên được làm quen với nhau nơi đất khách. Hòa gợi đến cái tình nhớ cố hương, Bạch tỏ mò đến cái đoạn tha hương của một cô gái Việt, hai người gần nhau, đã vô tình dệt nên một chuỗi ngày thơ mộng và nguy hiểm của tình ái. Mùi tình ái lẫn mùi cố quốc, lại đượm luôn cả hương phiêu bồng. Về phần Bạch muốn

sống một cách nguy hiểm, điều đó không lạ bằng cái cô Hòa yếu thơ kiểu diễm kia cũng có cái tư tưởng ghê gớm ấy và chuyến đi đấu xảo ngoại quốc, cô nhất định thử sống với nguy hiểm.

Trên đất Pháp lạ lùng, Bạch lấy làm vui thích dẫn Hòa đi xem phong cảnh quê người. Đứng trước một pho tượng đá ở công viên, nghỉ chân tại một viện bảo tàng, đi sắm những vật kỷ niệm linh tinh ở các hiệu lớn, những lúc ấy cô Hòa càng thấy người bạn hoa tiêu của mình là linh lợi, là có duyên tệ.

Xa nhà lìa quê, ở đất khách mà có một người bạn trai như Bạch, Hòa thấy thời giờ và lòng mình cùng không lấy gì làm trống rỗng.

Ngày một ngày hai, Bạch đã trở nên một người cần thiết trong tinh thần Hòa. Có Bạch đi bên cạnh sóng nhau mà ngắm cảnh tay đôi, Hòa cảm thấy nước Pháp là đẹp hơn nước Pháp đã đẹp rồi trong cuốn địa dư hoặc ở các tập quảng cáo du lịch.

Hồi còn ở nhà theo học trường Bà Sơ, Hòa cũng đã thừa là một thiếu nữ lãng mạn. Cái tính lãng mạn ấy đã là khởi điểm cuộc xuất dương này. Mới đặt chân xuống cái hải cảng đầu tiên của nước Pháp là Hòa đã thấy cần có một tâm hồn bầu bạn rồi.

Bạch vì tập quán hàng hải đã luyện cho chàng cái đức làm việc từ thiện, đã gỡ cho cô Hòa đi dự đấu xảo kia ra khỏi một cảnh biển.

Sự giúp đỡ ấy đã gây cho Bạch một địa vị tinh thần khả quan trong đời tình cảm của Hòa.

Từ hôm đó - nghĩa là từ lúc đầu của gặp gỡ - Hòa gọi luôn Bạch là anh. Mỗi lần gặp Bạch, nói với Bạch một câu gì là Hòa chỉ dùng có danh từ anh. "Ngày mai tốt trời anh Bạch đưa tôi đi dạo phố Canebière. - Hôm nào lên Paris, anh Bạch đưa em đi chơi Fontainebleau, đi xem tháp Eiffel lên tận đỉnh tháp kia! - Anh Bạch phải dẫn Hoa đi cho hết những con đường hầm xe điện. - Anh và em... và vân vân".

Trong cái đời Bạch giang hồ, chưa bao giờ chàng thấy một người đàn bà dám làm nũng chàng đến bực ấy. Bởi vì tất cả những người đàn bà khác ở các bến của Bạch đều rõ đến cái lòng khách tang bồng là đen bạc lắm, là tàn lắm, nũng nịu chỉ cho thêm tủi với lúc người ta dứt áo ra đi. Ông ẹo lắm lại chẳng bõ khi rụng rời, người ta phụ tình mình lúc một hồi còi rúc.

Được sự tình cờ của lữ thứ cho mình chịu ơn Bạch, Hòa lại thấy mình có thêm cái quyền làm nũng chàng, nàng làm nũng như một cô em gái mồ côi mẹ, như một ý trung nhân lúc nhớ ngày sinh nhật, như một vị hôn thê trước ngày lên xe hoa. Chao ôi, người đàn bà muốn cái gì là trời muốn cái ấy. Bạch vừa chiều Hòa vừa lắc đầu.

Chưa bao giờ một người coi việc giang hồ to hơn cả sự nghiệp ngàn thu như Bạch mà lại đi chiều được

người đàn bà đến tận tâm tận lực như là chàng đã chiều Hòa hồi nàng ngụ ở Pháp.

Hòa đã kéo dài thêm những ngày ngụ cư của mình trên đất Pháp vì nàng đã gặp Bạch. Linh hồn Hòa và linh hồn Bạch đã thành hai tấm linh hồn bạn lứa. Bạch không muốn cũng không được. Và đôi phen cùng được nói với nhau thứ tiếng mẹ đẻ với những độc âm say sưa và chân thành, hai tấm linh hồn ấy đã cùng chập chờn trên cái trời hoa đất rượu của xóm Monmartre.

Hồi ấy Bạch đang có dư tiền, chẳng nhiều nhõi gì nhưng những lúc ra ngoài chơi phiếm, túi chàng lúc nào cũng thừa xủng xẻng để trả một vài cuốc xe tắc xì, uống một cốc rượu thơm, nổ một chai rượu bồ đào thứ bé, hoặc mua một lẵng hoa thứ hiếm vào lúc hoa nở lầm mùa.

Lại thêm một điều này nữa, là hồi ấy Bạch đang vào thời kỳ nghỉ ngơi trên bộ. Các tầu bè đi đường Cận Đông và Cực Đông, lấy Marseille làm căn cứ cảng đều thải bớt người làm và đầu cũng phải mất năm sáu tuần nữa thì mới lại gọi đến những người kỳ cựu có sổ như Bạch. Còn về hai con đường Đại Tây Dương đi Nam Mỹ và Bắc Mỹ thì Bạch vẫn chờ tin của mấy người bạn chưa thấy họ về Havre. Họ có về thì Bạch mới thay vào chân ấy được.

Ngày giờ nhàn rỗi và tiền tài dư tiêu vặt hồi đó là hai điều kiện giúp cho Bạch được thi thố với Hòa tất cả cái nhã độ của một thiếu niên giang hồ khi gặp một người bạn gái từ bến quê hương qua chơi đây và lấy mình làm người hướng đạo.

Vậy mà hai người vẫn có một điều rất khó tính cho ổn. Là những lúc Hòa muốn tiêu một món gì to một chút, Bạch không thể trả được. Mà Hòa trả tiền thì chàng thấy mình buồn tủi một cách day dứt. Lẽ tất nhiên, Hòa muốn sắm sửa thức này thức nọ theo sở thích của nàng, và tổ chức những buổi giải trí theo ý nàng, thì nàng phải trả hết những phí tổn đó. Nhưng lòng tự ái Bạch vẫn bắt chàng nghĩ xa xôi đến những điều chênh lệch về tiền tài nó làm cho người ta khó suồng sã phóng túng với nhau, thứ nhất là khi người ta lại là một người con gái nhà giầu tiêu không cộng, và một người con trai đã từng kiếm ăn trên mặt nước mặn lúc nào cũng muốn vung tay quá trán. Bạch đã từng đem cái việc không nên tiêu - không kể trường hợp nào - đến một xu nhỏ của đàn bà lên làm một thanh kiếm, của đấng đại trượng phu thời nay.

Hoa tuy ít tuổi, nhưng thông minh, nhưng có ý tứ và không dám kiêu hãnh gì với Bạch, nên nàng đã không để cho lòng tự ái của Bạch bị những xúc phạm

mỗi lúc nàng tung tiền ở một vài nơi đã gợi nàng tiêu phá. Dẫu sao, Bạch cũng cứ thấy phiền lòng.

Một buổi tối trời, nắng đào xứ Pháp lả lơi trên những ruộng lúa mì và trên những khoảng đất trồng nho đỏ, Bạch kiểm lại cái gia tài còn con của mình. Còn được độ 500 quan tiền tây.

Bạch bèn nảy ra một cái ý kiến là sẽ đi chơi cả một ngày với Hòa, từ sáng chí tối, lê la qua các cửa hàng tạp hóa, các tiệm ăn, tiệm nhảy và tiêu sao cho số tiền 500 quan được hết đến đồng xu cuối cùng. Rồi lúc khuya chàng sẽ đưa nàng về nhà trọ của nàng; cứ này tuyết chưa xuống, người ta có thể đi bộ ngoài trời mà không lấy gì làm tê cóng xuýt xoa lắm. Đến cổng nhà trọ Hòa rồi, chàng sẽ trịnh trọng, không lả lơi tí nào và rất lễ phép, chàng sẽ nói với Hòa: "Thưa cô Hòa, tôi lấy làm rầu rầu tin cho cô biết rằng từ ngày mai cô sẽ đi chơi ở Paris một mình, nếu cô không có sẵn một người bạn khác nào. Tôi sắp có công việc. Nghĩa là tôi lại đi. Tôi xuống tầu. Tôi chúc cô ở lại cho mạnh và luôn luôn được vui vẻ. Cái tin này là cái tin tự nó đột ngột như thế chứ không phải tự tôi xếp bầy lấy. Tôi cũng vừa mới nhận được giấy gọi chính thức của hãng và có kèm thêm thư riêng của chú tàu vốn là chỗ "quan thầy" cũ. Và cái đời bọn tôi, khi tiếp được giấy gọi như thế tức là thời giờ bị đếm rồi không

chúng chỉnh được nữa. Nhưng cô cứ yên chí rằng cái ngày hôm nay đẹp lắm, đẹp từ lúc bình minh cho tới lúc chốt của hoàng hôn và tôi giữ lấy hình ảnh êm ả đó mãi mãi cùng với cái bóng dáng thẳng thắn và yêu kiều của cô. Xin cô nhận lấy những lời vĩnh biệt rất cảm động của một người làm nghề đi bể này".

Bạch liên miên tưởng tượng đến cái phút mình nói dối được một câu dài như thế mà lại cho gọn gàng và gần dứt câu thì chàng sẽ khom khom, tay mân mê cái vành mũ dạ. Chàng quyết định là phải có một hôm chàng phải được sống cái phút nói dối như thế, chứ không có thì cái tình thế này còn kéo dài cho đến bao giờ mới thôi. Phải nói dối Hòa vào trường hợp này, Bạch cho rằng đấy không thể là một điều hèn được. Chàng không bị một trách nhiệm gì, một bổn phận gì buộc chàng vào với Hòa. Chẳng qua hai người chỉ có quen nhau trên sự phong nhã. Nếu Hòa đã luôn luôn thân mật gọi chàng là anh thì chưa khi nào Bạch quên không lấy lễ mà xử lại.

Bạch vẫn chưa khi nào lợi dụng đến thân mật và bội tín đến tình cảm Hòa. Nếu bây giờ Bạch không muốn kèm mình bên cạnh Hòa nữa, là bởi vì chàng đã thấy mất thời giờ nhiều. Còn gì mệt bằng cái việc cứ phải làm hoa tiêu dẫn một cô thiếu nữ phú thương

đi xem phong cảnh lâu đài và xem đến đâu là lại phải giảng đến đấy.

Và lại một dạo cứ trưng mặt ra với Hòa ở mọi chốn ăn chơi để cầu vui, người ngoài hay miệng tiếng đã phao lên cái tin là Bạch vừa vớ được con cóc vàng Việt Nam chính hiệu, vừa đào được cái mỏ vừa vàng vừa bạc - ám chỉ vào Hòa làm nghề kim hoàn - và cái tin nàng sẽ qua Mỹ bầy đấu xảo, sau khi ở chơi Pháp, đã không là một chuyện riêng nữa rồi.

Một vài người bạn hàng hải lại còn nhận được cái tin Bạch sắp xây biệt thự tại Nice và sẽ nguyện chết già ở đấy với Hòa. Thế có nguy hiểm không?

XXV

Bạch quyết định như thế. Nhưng cái ý ấy sắp sửa thực hành được thì một buổi tối Hòa cùng Bạch đi xem hát tại Quốc gia Hí Viện Pháp diễn một vở tuồng tình về đầu thế kỷ mười chín. Suốt ba lớp bi kịch trứ danh kia, không có một chỗ nào là không tình ái, là không chia ly. Lúc ra về, Bạch thấy Hòa tì vào vai mình có nặng hơn mọi ngày.

Vào đến quán rượu đêm ăn siu-dề, mặt nàng thất sắc. Môi nàng ướt bóng và mấp máy. Mắt nàng nhìn Bạch đối diện khác hẳn mọi khi.

Bạch tưởng Hòa quá bị kinh động về một thiên tình sử trên sân khấu, chàng bảo Hòa nên uống một chút rượu mía cho nó trấn tĩnh lại lòng. Nàng gật. Nhưng sau mấy hớp rượu, những dấu hiệu rối loạn của thần kinh lại càng hiện nhiều trên khuôn mặt tái xanh và trông Hòa lúc ấy ngơ ngác không khác chi người bị ma làm.

Bạch lại gần Hòa, có ý đỡ Hòa ngồi lại cho thoải mái và đúng mực hơn.

Bỗng Hòa lấy hai cánh tay ôm chầm lấy cổ Bạch, đòi níu chàng xuống.

Một người vượt biển hàng mấy năm ròng như Bạch chưa từng biết say sóng là như thế nào mà buổi tối ấy, trên đất bằng chàng đã thấy choáng váng như đi trên boong tầu một ngày động bể dữ dội.

Ra dưới cái phẳng phiu của sự giao hữu, từ bấy đến nay, vẫn có một cơn sóng ngầm của tình ái. Con sóng ngầm đưa từ quê hương, đợi qua cho thấu đến Địa Trung Hải này rồi mới chịu nhô lên mà dạt vào một cái bờ. Bạch đã trấn tĩnh lại ngay được.

Thật là một cái tai nạn tình cảm đàn bà mà chàng không chờ đến.

Từ hôm gặp nhau rồi, cứ phiếm du nhàn tản với nhau mãi, Bạch yên chí rằng Hòa với mình chỉ giao thiệp với nhau trên cái địa hạt bằng hữu và chữ "anh" mà Hòa hay dùng mỗi khi gọi chàng chỉ là công nhận chàng nhiều tuổi hơn nàng, nàng coi Bạch như một người anh cả. Một đôi bạn. Hai anh em. Những phút ấy, thấy mình được tôn lên làm anh của Hòa, Bạch thấy thú thú. Còn gì khoan khoái nhẹ nhàng bằng khi đi ra chỗ công chúng ồ ạt xét nét, người ta lại đi bên một thiếu phụ nhỏ hơn mình, thấp hơn mình và so tuổi thì chỉ là một người em út thôi. Một bên là tất

cả sự che chở, một bên là tất cả sự phục tòng nũng nịu. Một bên là mạnh mẽ. Một bên là đẹp đẽ. Một bên lấy cái đẹp ngay ở những nét đanh đanh xương xương mà một cuộc sống rộng rãi xô bồ đã tạc vào một khổ mặt da ngăm ngăm. Một bên nữa thì lại kết tinh cái đẹp của mình vào cái dáng lả như ngọn cỏ, dè dặt như giọt sương đầu cành, ốm như một cái tơ liễu tháng hai, lộng lẫy như một vần thơ có chất nhạc, và ở cái đời thực tế này thì cái đẹp ấy có khi lại còn ngụ trong cái sự vô dụng vô ích như một con sông không nhận được thuyền bè buôn bán trong lòng mình.

Những cái thứ thơ đẹp phát nguồn ở người một trang giai nhân như thế đã quyện lấy Bạch những khi chàng dắt Hòa đi chơi tại Pháp. Cái giống giang hồ vốn lại còn hay thơ mộng!

Đi bên Bạch, Hòa tưng bừng như một buổi mai của rừng chim, Hòa sung sướng như một người không bao giờ phải bận bịu đến ngày hôm sau của mình và luôn của tất cả chung quanh mình nữa.

Đi cạnh Hòa, Bạch thấy mình được thêm phần quan hệ vì chàng đang nhận lấy một trọng trách. Hòa đẹp lắm, dại lắm và mảnh dẻ lắm, tưởng đụng mạnh một cái là có thể xô lệch hết những nét điều hòa ở trên cái công trình thịt tươi ấy. Chàng ví cái trọng trách ấy với phận sự viên giám đốc một viện bảo tàng phải canh giữ những kỳ công điêu khắc bằng bạch

thạch mà Nhà nước đã gửi vào cái lương tâm công chức cẩn thận của mình.

Lướt qua cái quần chúng Tây Đầm ở một cái tỉnh quốc tế như Paris, Bạch cảm thấy mình là tráng kiện lắm và chàng có thể dùng sức khoẻ mà đương đầu với bất cứ một ai định xô vỡ cái pho tượng chàng đang đem theo cạnh nách. Cả một cái thân thể vạm vỡ của Bạch đã tẩm ướp vô số là muối mặn ròng rã trong bao nhiêu năm tráng sĩ giang hồ, cái lực ấy một lúc đem ra dùng đến thì phải có một cái gì đổ ụp xuống trước mặt chàng. Bạch xòe bàn tay ra nhìn rồi lại nắm lại mà cười.

Hòa càng tin vào Bạch, nàng càng nép vào bên cạnh Bạch mà cợt nhả với tất cả Paris hoa lệ.

Những lúc cùng nhau dạo cảnh quê người đôi lứa trẻ vui ấy cảm thấy cái việc sống là một điều đáng quý trọng lắm.

Hòa thấy đỡ nhớ nhà. Người đàn bà, dẫu tâm hồn phóng phiếm đến đâu, những lúc xa xôi vẫn thường cho cái phút khuất vắng phần hương là một cái lỗi. Có được một đồng bào như Bạch đi bên cạnh, lòng nàng có đầy đủ hơn và những đêm lạnh ở vùng ôn đới, giấc hương quan từ đây cũng không quanh quất trên khoảng chiếc gối nữa. Sống đôi với Bạch ở những chỗ công chúng là một thói quen của Hòa.

Chàng vắng xa vài ba hôm hoặc vào những giờ thường tới đưa nàng đi dạo mà chàng lỡ chậm đến, Hòa cần phải nhắc hỏi đến người vắng mặt.

Thế rồi có một buổi thấy lòng mình thiếu thốn nàng lại muốn sánh đôi với Bạch ở một chỗ kín đáo thân mật nữa kia. Chơi ở chỗ công chúng không đủ.

Bạch mến nàng, chiều nàng. Bạch là một người bạn tốt. Bạch là một người anh cả khoan hồng, nhân cách cao lắm và tính nết vững vàng lắm. Nhưng sao Bạch lại không thể hơn thế nữa, sao tình cảm của chàng đối với mình lại không cố được lên, gắng được lên một từng nữa?

Người bạn đâu có bằng một người tình?

Ở nơi đất khách túi bụi dồn dập, có được một người bạn trai như Bạch để làm người đỡ đần và hướng dẫn, một người yếu ớt và nũng nịu như Hòa còn muốn cái gì nữa?

Hòa muốn Bạch phải tự nâng cao tình cảm lên hơn thế nữa. Tình của một người bạn đứng đắn, tình của một người anh cả nhân hòa không đủ được.

Bạch vẫn tự nhiên bên cạnh một cô Hòa thổn thức và băn khoăn. Ngoài việc giao hữu với Hòa xinh xắn và dễ thương như một cô em họ ngây thơ, chàng tịnh không có một ý tưởng gì khác. Chàng chỉ thấy rằng Hòa mới đi ra ngoại quốc, lại mới sang Pháp, dẫn nàng đi chơi là một việc rất lịch sự của một bậc đàn

anh phong nhã trong làng phiêu lưu lúc nghỉ chân mà thôi.

Đấy là một phận sự vui đẹp mà người du tử có thể hứng lấy khi cái thuyền mình chưa kéo buồm, khi cái tầu của mình còn lâu mới thét hồi còi.

Những buổi cặp kè cùng Hòa, Bạch có những cảm giác nhẹ nhẹ, vui và trong sạch.

Các cảm giác đơn giản và hiền lành như thế là một điều hãn hữu trong cuộc đời tình cảm của người phiêu lãng lúc nào cũng chứa đầy suy nghĩ, giữ gìn, canh phòng, tự vệ, lo âu và chắt bóp.

Giang hồ không những là một nghệ thuật mà lại còn là một khoa học thực nghiệm nữa. Người giang hồ lại lấy luôn cái đời giang hồ ra làm trường học và tự mình đem luôn cái thân mình ra mà thực nghiệm và tìm bài học ở những cái quán bỏ vắng bên đường, ở một vũng bùn nước giữa nghìn dặm cát, ở một cái lều cát thiếu củi lửa trên đỉnh non băng, ở một ngụm nước ngọt phải dành dụm hàng tuần lễ trên một cái mặt bể lạc phương hướng.

Rồi bão cát, lốc bể, mưa ngàn, cháy rừng, vỡ thác, hụt đèo và tuyệt lương và hết tiền và thụ bệnh ở đất khách.

Sống để mà ngậm một cái điếu đất và chống một cây gậy nhọn đầu đi trong gió sương trời ôi, nhiều khi đau khổ lắm. Người ta cứ bảo rằng việc giang hồ là

một trạng thái hay hay, của một vài cái tâm hồn nghệ sĩ. Nhưng nhiều khi Bạch nhận thấy giang hồ chỉ là một món nợ phải trả bằng cả một kiếp người.

Có nhiều kẻ đau khổ quá muốn trốn tránh, muốn xin thôi mà không xong được với phiêu linh, đã nhắc đến chữ Nghiệp Dĩ, Định Mệnh và hai ống chân kiệt quệ không mang nổi cái đầu trống rỗng của mình nữa. Đầu hỏng, chân hư, điếu tắt, nhưng mà tấm lòng vẫn nhớ đến gió trăng nơi quan tái.

Bạch đã đi qua những độ đường tình cảm này. Và mai kia còn qua vô số dịp cầu như thế nữa, ví chàng vẫn còn chống gậy lên đường.

Nhưng lúc này... có một cô Hòa hồn nhiên.

Nhưng lúc này... có một cái tầu bể chưa đến ngày nhổ neo đi xa.

Bạch được nghỉ ngơi, chưa phải xếp đặt đăng trình, chàng tự ví mình như một nhà giáo được nghỉ hè và đang nghỉ mát chung với một cô học trò.

Trong thời hạn gần Hòa, Bạch thấy mình nhẹ nhõm và yên ổn như người ta lúc được chơi với trẻ thơ, nó cứ khóc, cứ cười, cứ hờn mà người ta chỉ biết sung sướng một cách giản dị khi được nhặt cho nó một quả bóng cao su lăn rớt vào tận gầm giường hoặc lấy tháp bút ra mà thổi cho nó dăm bẩy cái bong bóng bọt xà phòng. Hoặc muốn đổi trò nữa thì người ta lại

làm cho nó một cái thuyền giấy thả vào dòng một cái rãnh nước vừa tạnh cơn mưa rào.

Bạch bình tâm và vui chơi với Hòa và tự cho những cuộc họp mặt với Hòa một cách trong sáng khỏe mạnh như thế là một cớ giải trí chính đáng của những kẻ chân thành tìm hạnh phúc mà biết rằng hạnh phúc không thể có ở đời này, không thể đến với mình.

Lúc Bạch nghỉ đi, tạm đình chiến với cuộc sống phiêu linh lại còn có nhiều phấn đấu gấp mấy cuộc đời bình thường khác kia. Chàng phải có một việc gì để đánh lừa ngày tháng yên nghỉ của mình. Việc ấy đã đến bằng một cô bạn thiếu nữ của quê hương.

Nhưng sự thể đã đến thế này thì không thể kéo dài được thêm nữa. Mối họa đã kéo đến trước cửa đời tư nhau rồi. Cái cô Hòa nhí nhảnh ấy đã cởi mở tấm lòng đàn bà trẻ và khát muốn chàng. Hòa đã không muốn chàng chỉ là một người bạn thôi.

Thật là một điều đòi hỏi khó trả lời và không thể nào trả lời được.

Hòa muốn nũng nịu và khó tính đến bực nào, chàng cũng vẫn chiều được, miễn là đừng vượt ra phạm vi giao hữu. Nay, Hòa lại đòi nhảy vào đời chàng! Nay nàng lại còn mạn phép mình để lẻn vào lòng mình, ồ, sao một người thông minh như thế mà lại lầm cầm như thế.

Bạch coi cái việc Hòa tỏ tình với mình là một ý nghĩ đầy bội tín, một việc làm có tính cách lạm dụng. Không chính. Không tốt. Hỏng. Cô Hòa hỏng quá.

Chàng nhắc lại trong tâm cái phút mà Hòa níu cổ chàng xuống, tuy chưa thốt ra một câu ghê gớm nào, nhưng cặp môi ướt bóng ấy, đã nói nhiều lắm trong yên lặng. Lúc ấy, Bạch có cảm tưởng như là phải nom thấy một chiếc tầu chìm nghỉm.

Cái cổ chàng, phút này vẫn còn nặng. Hòa mới đu vào Bạch có một phút qua thế thôi mà Bạch đã thấy người đàn bà là nặng.

Bạch muốn cười to lên. Một người như chàng mà rắp tâm sống để yêu một hoặc là rất nhiều đàn bà thì đã yêu từ bao giờ rồi, chứ đâu còn đợi đến bây giờ.

Và nếu như thế, thì bây giờ chàng đã chẳng phải lang thang ở trên cái đất Pháp đáng quý mến này để mày mò một chân bồi tàu, để chờ đợi một cái tầu Đại Tây Dương cả tháng cả năm cả đời phun khói và cầy sâu xuống nước bể lớn.

Nếu như thế, thì có lẽ bây giờ chàng đã là một ông phú thương sống một cách ầm ĩ ở quê nhà để huy động những số vàng rất lớn, để giữ gìn cái hạnh phúc gia đình và thứ nhất để giữ nổi một người vợ đẹp vốn biết quý đến tấm ái tình của chồng nhưng cũng biết quý cả đến tiền bạc có dư nữa.

Đời chàng không thể có người giai nhân dính vào.

Bạch đã nêu sự đó lên thành một nguyên tắc của đời sống.

Chàng thích phiêu lưu, sống kiếp này là để lưu đãng và nếu có tái sinh để lập lại cuộc đời thì chàng vẫn chỉ nhất quyết lưu đãng thôi.

Vốn tự biết mình là hèn trước sắc đẹp, một tiếng cười chân thành, một giọt nước mắt chân thành buộc được chân mình dễ như chơi, Bạch đã tự coi cái tình thiêng đó như một cái bệnh, như một cái tật xấu phải khu trừ khỏi lòng kẻ giang hồ định lấy việc luôn luôn đổi chỗ làm một cớ để thoát li vĩnh viễn. Chàng canh giữ lòng chàng, tịnh không để cho một cuộc ngoại xâm đàn bà nào lẻn vào mà phá rối.

Những cuộc phòng thủ ấy lúc đầu có để lại nhiều đau thương và tiếc rẻ nữa. Nhưng biết làm thế nào! Người bộ hành muốn thuở muốn đi cho nhiều và đi mãi được thì phải nhắm mắt lại trước những mời chào lưu luyến của những hoa bên dậm hòe. Bao nhiêu là hoa muốn trao gửi vào tay nhau. Người du tử chỉ đi qua. Phải hy sinh bao nhiêu Cái Này để cố giữ lấy một Cái Kia.

Khinh bạc thay, lòng du nhân. Một sự khinh bạc lẫn ngậm ngùi và cổ gượng.

Bạch thấy cần phải giữ tự do của mình cho được toàn vẹn và quý tự do hơn tất cả những sắc đẹp đàn bà trên đời.

Chàng luyện mãi định kiến ấy cho được vững chắc. Chàng củng cố thành kiến ấy, công phu như người núi luyện thuốc trong hang đá.

Bây giờ thì lòng chàng vững lắm rồi. Bên một người đẹp muốn trung thành với chàng để sau này cắt cánh chàng, chàng là gỗ đá. Gỗ đá ấy chỉ còn rung động trở lại trước những đợt sóng gió của bể lớn thôi.

XXVI

Thông luôn mấy ngày, Bạch không tìm tới khách sạn Hòa trọ.

Chàng phải lấy làm nghĩ ngợi.

Người ta yêu mình, mình có một lý riêng để từ chối, lẽ dĩ nhiên là mình có quyền không nhận, ai ép nổi mình.

Nhưng điều khó khăn là làm thế nào cho Hòa đừng tủi đến lòng tự ái. Lòng tự ái của người đẹp khi bị từ chối tình yêu, chao ôi, những người bạn cùng một hội phiêu lưu với Bạch đã từng nói chuyện cho chàng nghe là kinh sợ lôi thôi như thế nào rồi. Những chuyện táng đởm ấy mà họ nói giữa những lúc nâng cốc trong quán trùng phùng đã dậy cho Bạch một bài học lớn về tâm thuật đàn bà. "- Anh Bạch, còn đời anh đấy. Anh nên coi chừng khi anh không nhận của người đàn bà, một cái gì rất quý, họ lấy ngay ở người họ để tặng anh. Nếu anh đã có rồi, hay sau này có một dịp nào anh từ chối một cái vưu vật của mĩ nhân

gửi thẳng từ đáy lòng họ vào tận đáy lòng anh, thì anh nên thuật lại cho anh em nghe với. Để rồi xem những ai phải khóc và những ai sẽ được cười".

Gối đầu lên cánh tay, Bạch thấy cái tình thế mình và Hòa cũng chưa có gì là gay go khó xử lắm. Chàng không thể thốt một lời nào với Hòa, chàng không có ăn cắp của lòng Hòa một tình cảm nào, chàng chưa hề lợi dụng một phút chung chạ hoặc một lúc tinh thần Hòa rối loạn sau buổi âm nhạc đượm mùi rượu. Chàng đã trong sạch ở ý nghĩ và thẳng thắn trong cử chỉ. Đối với Hòa, có lẽ tất cả lỗi của Hòa chỉ ở đó.

Giờ cần phải làm thế nào cho Hòa được thu lại tình cảm về cái thế bằng hữu như mọi ngày, phải làm thế nào cho thật khéo để nàng không bị tủi thẹn.

Bạch tìm đến khách sạn Hòa ở, tự dặn mình phải dè dặt và ý tứ trong lời nói. Cô Hòa từ sau hôm nịu cổ chàng xuống, cần được săn sóc hơn cô Hòa của những ngày trước đi chơi một cách tự nhiên bên cạnh chàng như một người em út.

Phút đầu hơi nặng nề và lãnh đạm. Trên khuôn mặt Hòa vẫn đi một chút, thoáng có vẻ giận.

Hai người cùng ngồi rồi, Hòa hỏi khẩy ngay:

- Anh Bạch ít hôm nay chắc nhiều công việc lắm!

Bạch đã có sẵn một câu nói đối lập từ ở nhà:

- Anh xin lỗi. Quả mấy hôm nay anh có việc đi vắng khỏi Paris. Anh xuống Mạc-xây. Lúc đi, lại đi đêm vội vã không kịp báo tin cho Hòa biết. Vậy hôm nay anh đã về và ngoài trời đẹp lắm, Hòa mặc áo vào rồi lại đi chơi như mọi ngày. Hôm nay anh định đưa Hòa đi lên đỉnh tháp Eiffel. Nếu Hòa không muốn chơi tháp sắt thì để hôm khác và bây giờ mình lấy xe điện hầm rồi đến xem nhà tầm tầm Drouot họ phát mại nhiều cái khéo lắm. Có một cuốn cổ thư đặt giá tới mười hai ngan quan.

Lơ đãng Hòa nói:

- Anh bảo đi chơi như mọi ngày! Sao lại như mọi ngày? "Như" thế nào được nhỉ?

Bạch thấy câu chuyện sắp khó nói cho cả hai bên và Hòa muốn ám chỉ xa xa đến việc hôm nọ. Nàng muốn tỏ cho Bạch biết rằng nếu lúc này chàng có định đưa mình đi chơi, thì đi bằng tư cách khác cái tư cách bạn kia.

Bạch nói lảng:

- Anh ở Marseille vừa về. Xuống để trình diện với hãng. Những người đi làm tầu có sổ như bọn anh những lúc tầu nghỉ chạy, có quyền đổ bộ lìa khỏi tầu muốn đi chơi ở đâu thì đi, nhưng đúng những ngày nhất định là phải có mặt ở hãng cho cẩm tầu nó điểm diện. Ở hãng ra tình cờ anh gặp lại mấy bạn cũ ở bên nước nhà qua đây chuyến tầu đầu tiên. Họ không cho

anh về vội. Anh phải lưu lại mất ba hôm. Rồi cùng uống rượu, chuyện bên quê cũ, hỏi thăm làng xóm bà con thân thuộc và ngày nào cũng đi thăm thú ở Marseille và phong cảnh các vùng phụ cận nghĩa là lại kéo nhau đi chơi như là anh với Hòa thường dùng thời giờ mọi ngày.

Hòa nheo con mắt bồ câu lại, giọng tinh quái:

- Sao anh đi chơi với các anh ấy mà lại bảo cũng như đi chơi với Hòa?

- Chắc Hòa mấy bữa nay nhận được những tin tức không lành ở bên nhà gởi qua nên tính tình có khác mọi ngày. Hay ốm ờ lắm. Nếu quả như vậy thì anh để cho Hòa được tĩnh dưỡng một mình, không đi chơi nữa. Anh xin lỗi và mai sẽ trở lại.

- Làm gì mà anh phải nặng lời đến thế. Có khi nào em lại khiếm nhã đến đỗi buộc anh phải phiền lây đến việc gia sự của em. Sự thực thì hôm nay em thấy khó ở trong người, không hứng thú đi chơi như mọi lần. Cám ơn anh. Em đã làm phiền anh quá.

Giọng nói Hòa không nhả nhớt như lúc Bạch mới đến. Nàng đã cám ơn và xin lỗi chàng bằng một giọng quả quyết hàm chút đay nghiến.

Bạch cảm thấy mình không nên la cà thêm một phút nào nữa khi một thiếu phụ đã giấu hờn dỗi dưới lần sơn lạnh của lễ phép xã giao. Chàng tủm tỉm cười cầm mũ ra về, lòng đinh ninh rằng cơn sảng loạn

trong lòng Hòa sẽ chẳng mấy chốc mà khỏi và ngày mai ngày mốt chi đó, Hòa sẽ trở lại với tình vui đùa tự nhiên.

Cái ngày mai ngày mốt ấy đã không bao giờ có. Hôm sau Bạch trở lại khách sạn thì Hòa đã đi rồi. Hòa không gửi lại một lời chào, không để lại địa chỉ. Nhưng Bạch cũng thừa rõ là nàng đi Havre rồi đáp tầu qua Bắc Mỹ, đích thị là nàng đáp chiếc Ile de France nhổ neo đi Nữu Ước đây. Vả chăng ngày khai mạc hội chợ Chicago cũng chẳng còn mấy bữa nữa, nàng không thể lần khân mãi ở Pháp này được và cố tình lỡ kỳ đấu xảo nó là cái lẽ duy nhất của nàng cất công vượt mấy lần bể, đem theo sau mình một bọn đồ vàng bạc để trưng bày.

- "Thôi cũng là hay. Hòa rời Pháp qua Mỹ với một vết thương nơi lòng tự ái, kể cũng đáng ái ngại, nhưng nàng vụt đi như thế cũng nên khen nàng là một người thông minh. Một người như Hòa có khi nào ế ý trung nhân đâu mà sợ. Sẽ có nhiều người làm cho nàng thừa quên mình đi. Mình cũng không nên băn khoăn lắm vì một người mà mình đã không muốn và không dám giữ lại"

Nhưng mà người đi - cái cô Hòa ra đi như người ăn cắp, như một người vỡ nợ (nợ tình cảm!) phải trốn chạy lấy nhanh - dầu sao vẫn cứ còn nhớ cái kẻ ở lại kia.

Cách đây ít lâu, Bạch nhận được hai lá thư của Hòa, một hôm chàng tới chơi hội sở Ái-hữu-hội Công nhân Đông Dương. Một người bạn ở phòng thư ký hội đã đưa cho chàng hai bì thư và xin phép chàng bóc gỡ ngay lấy hai cái tem ấy, chính phủ Mỹ vừa cho phát hành để kỷ niệm kỳ đấu xảo quốc tế. Ông bạn ấy vốn sưu tầm tem.

Cái đời ông bạn chơi tem này nghĩ cũng buồn cười. Ngồi luôn mấy năm ở phòng thư ký hội Ái Hữu Công Nhân Đông Dương, ông quen gần khắp mặt anh em giang hồ và gặp lại ai tới hỏi sở là ông cũng trách móc sao không cho ông biết tin những lúc đổi chỗ trên thế giới và yêu cầu thỉnh thoảng nên gửi cho ông vài chữ. Để gọi là người đi xa có tưởng nhớ đến một người bạn đồng bào chỉ ro rớ ở cái xó Paris. Nhiều người cũng thể đến lòng ông, động lòng trắc ẩn đối với người "cùng một lứa bên trời lận đận", mỗi khi rời Paris đến bất cứ là bến nào ở nước nào họ đều gửi cát-bốt-tan về cho ông, gọi là an ủi cái người đứng tuổi ấy bây giờ yếu rồi, sợ sống nguy hiểm rồi, và đành phải bấu víu vào đất Pháp, tự coi mình như một đứa con nuôi và tôn đất lên làm một cái tổ quốc thứ hai. Họ tưởng thế, nhưng họ đều bị ông đánh lừa hết thảy, sự thực ông có quý gì những âm tín tiêu hao của các bạn gửi về cho ông từ các phương trời xa lạ. Ông chỉ quý những

con tem của những phương trời xa lạ ấy thôi. Đến bây giờ, cái hộp tem sưu tầm công phu của ông có thể gọi là đủ tem các địa phương. Trừ phi trên những miếng đất hoang ở thế giới chưa có tổ chức xã hội, chứ còn ở đâu mà đã có việc Bưu Chính thì là ông phải có tem. Hộp tem ấy, theo lời một bà hầu tước kia cũng có cái bệnh chơi con niêm thì phải trị giá tới mấy triệu phật lăng.

Vậy ra ông ta đã làm bận đến lòng bao nhiêu bạn lữ thứ chỉ vì có thế. Và đối với cái ông tội nghiệp kia, bao nhiêu bạn giang hồ đã vô tình đem lại cho ông một cái vốn lớn. Và ra người lữ khách của cuộc đời dài lớn, giữa một lúc đến một lúc đi, khi viết được cho ai một lá thư, lại làm được một việc phúc có tính cách bảo hiểm nhân thọ và sinh hoạt riêng cho một hạng người già yếu và gian lận trong tình bạn nữa kia đấy.

Bạch lấy làm giận cho tư cách cái ông ngồi ở phòng thư ký hội Ái Hữu kia đã dám đem tình cảm của những người bạn giang hồ đau khổ ra mà đánh lộn sòng mà lại buôn để cầu lợi nữa.

Chàng lãnh đạm đưa bì thư cho ông bóc tem xong, bỏ thư vào túi chẳng cần xem vội. Bạch đoán trước trong hai thư này sẽ rất nhiều dây cà dây muống, bởi vì khi một người đàn bà đã định đem ngay cái lòng của mình ra mà tả thì phải biết, ghê lắm! Tốn giấy

lắm, khi một thiếu phụ ngồi vào bàn viết, định viết những bức thư tâm sự. Người ta sẽ chộp lấy cái dịp may mắn nhất ấy để mà phỏng bút một cách rất con cà con kê. Bạch tin rằng người đàn bà là không bao giờ đánh được một cái Dây thép cho gọn, cho nên hồn. Bao giờ họ cũng nói thừa qua cái điều họ định nói. Họ phung phí nhiều lắm. Tiền. Tình cảm. Thời giờ.

Bạch ườn eo đi rẻo xuống phía dọc sông Seine.

Chàng ngồi cạnh chân cầu Alexandre III, buông thõng chân xuống dòng con Seine, Bạch nhìn nước chảy dưới gầm cầu. "Người ta không bao giờ được tắm đến hai lần ở cùng một khúc sông". Nước sông lừ đừ đi, bất giác gợi hứng và nhắc Bạch nghĩ đến một cái bóng người xa khuất.

Bạch mở thư. Cái thứ nhất, do sở Bưu Chính Chicago phát đi.

Chicago, ngày tháng của kỳ đấu xảo

Anh Bạch,

Trong thư này, có một nửa một cái ảnh tôi và anh chụp ở Paris hồi ấy in ra làm hai tấm, tôi giữ một, anh giữ một. Tại trường đấu xảo Tân Kim Sơn này, gian hàng Đông Dương và gian hàng thứ nhất là Bắc Kỳ, vắng khách lắm. Nói thế để cho anh biết rằng tôi đã có nhiều thì giờ để nghĩ đến chuyện Ba Lê. Tôi đem ảnh đã cũ ra ngắm đến no cả mắt. Và tôi đã tìm

ra cái chân lý này. Là ảnh không giống sự thực, ảnh hay nịnh và lừa người ta. Trong ảnh đó, anh đẹp hơn anh và tôi đẹp hơn tôi. Tôi soi mình vào gương, tự đọ bóng gương với mình in trong phiến ảnh thì lại càng thấy ảnh đang nịnh mình một cách vụng dại nữa. Tôi lại càng không muốn anh nhận lầm về tôi trong ảnh ngày vừa qua mà anh có giữ một tấm. Tôi đã mạn phép xé ảnh ra làm hai. Phần nửa có hình tôi, tôi giữ lại, và gửi lại hầu anh cái nửa của anh. Mong về phần anh, khi nhận thư này anh cũng làm như vậy, nghĩa là cũng xé ra làm hai và gửi trả lại tôi cái nửa của tôi. Bóng ai thì lại theo về người ấy anh ạ.

Khi mà người ta muốn được rành rọt trong tình cảm tôi tin tôi được cái quyền xin anh cái việc này. Và mong anh đừng viện một cớ mê tín nhảm ra - người ta thường theo mê tín và cho rằng xé ảnh độc hơn đưa đùa đưa tăm thẳng cho nhau và hoặc đánh vỡ mất tấm gương con hàng ngày - để mà trì hoãn hoặc thoái thác.

Hòa "ký" (!)

Bạch không ngạc nhiên về lời thư. Chàng chỉ mỉm cười, ngắm lại nửa cái ảnh cũ có hình mình gửi kèm với thư, vết xé rất tân nhẫn. Theo vết xé mạnh lẹm

vào, đầu Bạch mất mất nửa con mắt phía phải khi mà một người đàn bà bắt đầu nổi giận!

Bạch cầm đến lá thư thứ nhì, trước khi bóc, còn ngắm kỹ con dấu in trên tem. Thư này do nhà giây thép San Francisco phát đi. Đọ niên hiệu thư này với bức thư trước gửi ở Chicago thì hai thư cách nhau tới nửa tháng.

Nào thì bóc cái thư thứ hai. Lại cái gì mà lùng nhùng thế này nữa hở giời. Bạch hơi chùn tay lại. Một cái ngân phiếu ba ngàn quan.

Bạch tái người đi. Người chàng vã mồ hôi. À thế này thì ra có Hòa láo thực. Cô lại dám ỷ thế là con nhà phú thương mà gửi tiền cho mình. Cô định trả tiền công cho mình về sự đã làm vui cho cô và dẫn cô đi xem mấy thị trấn lớn ở Pháp hay sao đây? Cô đã cho mình là một người hoa tiêu của một hãng du lịch nào chăng? Đã xé ảnh, giờ lại trả tiền công, Hòa khinh thị chàng đến thế là cùng. Chàng cố nén giận đọc lá thư.

San Francisco, ngày tháng của nhà giây thép

Anh Bạch,

Em bán được hết hàng rồi. Và người Mỹ có đặt hiệu em làm thêm nhiều kiểu vòng và xuyến và những bát bạc trổ dua. Coi chừng họ để ý đến nghề kim hoàn ở xứ mình lắm. Ngoài ra, họ còn săn sóc đến

những hàng đăng ten do nghề thủ công xứ Bắc Kỳ chế tạo.

Công việc của em thế là xong. Ở nhà thầy me em đánh giấy giục về Hà Nội cho kịp ngày em trai em thành gia thất. Em vội thu xếp trở về quê hương, lòng vẫn còn quyến luyến với cảnh rộng lớn của thế giới và nguyện về cho xong việc nhà rồi em lại đi nữa.

Hôm nay em xuống tầu. Cảnh bến Cựu Kim Sơn đẹp lắm anh ạ. Một người như anh mà không lê gót đến đây thì cũng là sự lạ. Từ San Francisco đi, em sẽ được ghé qua Nhật, Thượng Hải và Hương Cảng. Em chưa rõ đến Hồng Kông rồi sẽ nên đổi sang tầu nhỏ để về Hải Phòng hoặc cứ ngồi luôn trong tầu lớn của hãng Messageries Martimes đi thẳng Sài Gòn rồi lại từ Sài Gòn đáp xe lửa tốc hành đi đường bộ lớn ra Bắc. Thế nghĩa là em Hòa của anh cũng được đi vòng quanh thế giới một chuyến rồi đấy.

Quyển sách kê đầu của em dưới tầu Osa Koda Maru từ bây giờ là một cuốn nhật ký viết về một lần đầu tiên vòng quanh thế giới của một nhà văn giang hồ, - một người thuộc bọn đàn bà: Titayna. Em lo trở về quê nhà sẽ không vui nữa và có lẽ lại phải đưa đời sống của mình ra ngoài quê hương mình thì mới xong.

Nhưng lúc này lòng em rộng như biển. Em muốn tha thứ cho mọi người và xin lỗi cả mọi người. Người

ta nói đến độ lượng, hay ví nó rộng như biển cả. Bể hôm nay xanh dịu và hiền lắm anh Bạch của em ơi.

Anh coi như cái thư trước gửi ở Chicago như là không có, và trả lại em cái ảnh xế đó, nếu anh không giận.

Em Hòa bái thư

Tái bút. - Nhân chuyến hàng bấy đấu xảo này em được lãi cũng khá. Em trích một số tiền nhỏ mọn ra, để giúp vào quỹ hội Ái Hữu anh em làm tầu ở Paris, nhờ anh đệ giùm hộ, để gọi là được tỏ tấm cảm tình đối với anh em bạn trai vốn lấy mặt nước biển làm cái thú đi về. Cám ơn anh.

Bạch bấy giờ mới mừng. Tẻ ra nàng giúp tiền cho hội chứ không phải trả công chàng một cách khinh hợm. Chàng cầm ngân phiếu đi thẳng về hội quán để giao nộp. Và ôn lại những lời lẽ rắn rỏi của bức thư, Bạch đã khâm phục Hòa đã thấm nhuần được bài học vỡ lòng của hải ngoại. Cái điều chàng lấy làm hả nhất là ở chỗ lời thư của Hòa đã không dùng đến cái giọng của một người tình nhân.

Từ ấy biệt vô tung tích. Không thấy nàng nói đến nàng và cũng không nghe thấy ai nói đến Hòa nữa. Bạch sống vì mình, sống cho mình, cũng càng thêm túi bụi và trong hàng mấy năm bập bềnh trên các

biển xa rộng cũng không hề đãi Hòa một tư tưởng nhớ nhung gì.

... Cho mãi đến hôm vừa rồi mới gặp lại Hòa trên cầu Bồ Đề trong toa tầu đêm. Nếu Hòa không gọi đến tên chàng và nhắc lại thì chàng cũng chả khi nào biết đấy là một cố nhân hờ, đời tình cảm của kẻ lạc phách có những lúc thú đến thế.

... Hôm nay, có một người giang hồ nằm đưa võng và tưởng đến hình ảnh dáng dấp một cố nhân.

Bạch tự hỏi mình xem hôm ấy, tại sao Hòa lại lật đật quá thế. Nàng có thể về tận ga Hàng Cỏ để nói chuyện thêm một quãng đường nữa. Nàng đã tất tưởi rẽ tắt xuống ga Đầu Cầu. Có lẽ nàng vẫn còn buôn thuốc phiện lậu. Áp tải hàng hay làm sao đấy, nàng biết thóp cô nhân viên nhà Đoan đón bắt hoặc nàng đã nhận được ám hiệu gì của người trong bọn, nên nàng đã rẽ ngang để chạy lấy người hoặc là chạy cả hàng nữa.

XXVII

Có tiếng người gõ cửa khe khẽ.

Gõ cửa nhà riêng này mà khe khẽ là gần như một ám hiệu của những bạn thân tín. Bạch vui vẻ chạy ra mở cửa; có bạn thân đến, chàng sẽ không phải nghĩ đến một cô Hòa đang bắt ốc chàng làm việc. Mệt lắm, và cũng vô ích.

Hồ, bạn Bạch, đẹp như một con tầu đang chạy, đến rủ Bạch đi xem va ly.

- Va ly gì hở Hồ? Ở đâu? Hà Nội này mà cũng có thứ va ly quý kia à. Chắc anh Hồ mà đã phải lấy làm thích và lại còn rủ tôi đi nữa thì chắc hẳn cái hành lý đó cũng đẹp lắm, hoặc ngộ lắm.

- Bằng da màu phù quán. Khóa đồng. Tám góc cũng bịt đồng. Dựng đứng lên, cao ngang tầm vú tôi. Trong lót vải gai.

- Những thứ như thế, các hiệu ở đây nó cũng bày ở mặt hàng khối ra đấy. Anh nên biết rằng tiểu kỹ

nghệ làm va ly da của người mình bây giờ tiến lắm rồi nhá.

- Anh không để cho tôi nói. Tôi đã nói hết đâu. Tôi định nói cái gì nhỉ? À... này anh Bạch, bây giờ có một chiếc hòm dùng vào lúc đại du lịch, trên có dán chằng chịt những nhãn giấy in tên thủ đô và thương cảng khắp các xứ, giờ có một chiếc hòm như thế đem bán đấu giá nhà tầm tầm ở đây thì anh nghĩ sao?

- Nghĩ gì nữa. Có tiền thì mua luôn mà dùng. Thứ nhất là mình lại cũng đang không có cái dùng. Anh chưa biết tôi đã phải bán chiếc Hartmann của tôi rồi nhỉ.

- Cái này cũng hay như chiếc Hartmann của anh. Mà lại còn nhích hơn đến hai mươi phân mỗi chiều nữa kia.

- Quái, ở cái xứ mà người ta đều coi việc đổi chỗ ở là một điều khốn cực, là một cục gạch ném vào hạnh phúc, đời yên nhàn, ở một xã hội mà về việc đi, trong ngôn ngữ nhân gian có những thành ngữ đề tiện đại để như những câu: "Sểnh nhà ra thất nghiệp. - Ăn mày xuất tẩu. - Chạy tiền ăn đường v.v. ", ở một cái xứ mà người động ra tầu là có bao nhiêu người thân khóc ầm lên chạy theo như theo linh cữu, ở một cái xứ như thế mà lại có người dám sắm chiếc hòm như thế tài nào mà chẳng đến ngày phải đưa gửi bán ở nhà tầm tầm. Vợ ông, cha mẹ ông tất cả trong một cái

xã hội sợ sống, sợ thay đổi ở xứ ông, ai để cho ông đi mà ông đòi giữ lấy những đồ tuỳ thân rất phiêu bồng như thế.

- Sao anh biết? Anh có một lối nói chuyện dềnh dang quá.

- Tại sao tôi biết? Chính ông thư ký tầm tầm nói ra thì tôi mới biết đấy chứ. Ông ta thấy tôi cứ chạy chung quanh chiếc va ly dựng ở giữa hiệu, thấy tôi tỉ mỉ lau bụi trên những nhãn in xanh đỏ dán chi chít quanh hòm, đọc từng cái tên tỉnh thành một có vẻ kính nể, ông thư ký lân la lại làm quen, rồi tự ông kể cho nghe. Hiệu vắng người vào chả nói chuyện phiếm với khách thì anh bắt người ta ngồi đấy mà ngáp ruồi sao?...

- Việc gì mà anh phàn nàn hộ cho người ta? Đã muốn làm một anh giang hồ thì cái thân y, tôi tưởng y đã phải liệu từ nhà liệu đi. Những lúc cần phải loại bớt hoặc huỷ hết để giữ lấy cho vẹn một cái thân đã trót hứa với bình bồng thì tôi tưởng y còn phải cởi bỏ nhiều cái khác nữa đáng quý hơn hòm kia và đàn kia, như là một cái tình thân quyến, như là những cái quyến luyến của những người giai nhân đồng điệu. Hòm và đàn còn có lúc sắm lại được, chứ những cái tình cảm vô giá kia thì có bao giờ lại còn có một lần thứ hai nữa. Lòng đứa giang hồ vốn uyển chuyển và đa tình lắm, Hồ ạ. Nhưng khổ một nỗi là hắn phải xử

thế bằng một thái độ khinh bạc và không bao giờ chịu hạ mình xuống mà cắt nghĩa với chung quanh. Ai không hiểu hắn, hắn khổ đã đành. Nhưng khi người ta là tri kỷ của hắn thì hắn lại càng thấy khổ hơn. Những cái khổ ấy đuổi theo mãi hắn một buổi sớm lên ngựa hoặc một buổi chiều bước chân xuống đò. Nhưng mà rồi người ta phải quên được chứ. Bởi vì trước đầu ngựa, trong lòng một con đò, "gió đã lên, người ta phải cố mà sống" để thử một cái gì, Hồ ạ.

Nhân tôi lại khái niệm luôn về cái việc người nhạc sĩ giang hồ kia phải bán hòm xiểng để rời đi cho khỏi cái chỗ này. Hình như anh đang lấy làm băn khoăn cho ông ta từ nay lấy cái gì mà đựng những lúc làm ông lữ khách. Có khó gì. Thiếu cái va ly, thì đã có cái tay nải. Người ta mất cái va ly chứ lòng người ta có mất đâu, Hồ nghĩ xem!

- Thế nhưng mà một người đài điếm phong nhã như y mà xách một cái khăn gói vải tây điều vào quán thì cũng khó coi lắm. Ở cái thời đại gọn gàng này, chúng ta không thể vin vào cái cớ mình là giang hồ để mà nhem nhuốc ở cái bề ngoài.

- Ai buộc mình phải vào những chỗ sang quý. Có bao giờ một lữ khách phải từ chối phiêu bồng vì cái lẽ rằng cảnh ở đấy thiếu khách sạn lịch sự hoặc là vì mình đã kém một chiếc va ly da. Cầu đấy quán đấy, đời mông mênh những cầu sương điếm nguyệt. Vẽ một

thằng khác phiêu lưu, tôi chỉ thấy người ta tượng trưng nó lên bằng cái hình ảnh một người quần áo tẩm bụi và vai đeo cái khăn gói vải, chứ tôi chưa thấy ai vẽ một người lịch sự, râu tóc nhẵn nhụi, quần áo phẳng nếp là với một bọn hành lý đắt tiền.

Câu chuyện giữa Hồ và Bạch đã tắt trước cửa hiệu tẩm tẩm phố tây.

Hồ bước vào trước, lấy mắt tìm chiếc va ly khổng lồ mọi ngày để lù lù ở trước gian hàng. Hồ hơi khó chịu, thứ nhất là chàng bắt gặp mãi những cái nhìn thúc giục của Bạch.

Ông thư ký hiệu đã tiến từ từ lại và nói chuyện với Hồ:

- Hình như ông tìm cái va ly to mà mọi ngày ông vẫn ngắm mãi phải không? Có người mua rồi ông ạ. Hôm nọ, tôi đã bảo ông không nghe. Là có định mua thì lấy ngay đi, chứ cái thứ hàng này ở hiệu tôi đã bầy ra thì không bao giờ ế cả hoặc là phải để chậm. Chúng tôi làm công tác ở các hàng tẩm tẩm đã mấy mươi năm nay, chúng tôi còn lạ gì cái sở thích của công chúng bạn hàng.

Hồ quay lại Bạch:

- Bực quá nhỉ. Tôi muốn dẫn anh đến cho anh xem một công trình kỹ nghệ làm hành trang. Mà sao nhiều nhãn in dán lên thế. Người ta có đi vòng quanh thế giới mấy lần như cái lối người Mỹ chẳng hạn, thì cũng

chỉ có thể sưu tầm tên các thị trấn các nước nhiều bằng chừng ấy thôi. Ê-ti-két, sao mà nhiều thế. Cứ đặc cả lại những nhãn giấy in màu phủ kín hết lần vỏ da va ly nữa. Thấy mà muốn chảy dãi ra anh Bạch ạ. Một người đại lữ khách như thế của thời đại cơ khí có những thứ hỏa xa chạy nhanh mỗi giờ một trăm hai mươi cây số, của một thời đại thông đồng bén giọt mà người ta sống lấy nhanh, mà người ta có thể vòng quanh thế giới bằng tầu bể chỉ mất có 80 ngày đúng với cái giả thuyết cũ của Jules Verne, ấy một người như thế mà bị lụt bị cháy ở tỉnh Hà Nội nhỏ bé này, đến nỗi phải bán hành lý đi, thì cũng là một điều đáng thương thực anh Bạch ạ. Thật là chết đuối đĩa đèn.

Bạch chừng cũng nghĩ thế, buồn một cách rõ rệt.

Chàng mời ông thư ký điếu thuốc để gây thiện cảm, xong rồi chàng vỗ vai ông:

- Ông có thể cho tôi biết địa chỉ người mua không?

- Ông định nài lại chăng? Nếu vậy, ông cho tôi biết chỗ ở của ông. Khi nào hiệu tôi có thứ hàng đó gửi bán, tôi sẽ tìm ông lại, nhiều cái xinh xắn hơn thế. Mà lại sạch sẽ hơn, mới hơn. Chứ cái hòm va ly vừa bán đó trông cũ lắm, và bẩn lắm, dán giấy in vào, có khi chồng lên nhau cứ dầy cộm cả lên, trông như những miếng mụn ngũ sắc đắp cả vào mặt cái áo da

ấy. Khiêng về, có định cậy chùi cho sạch cũng mất mấy buổi rửa cọ.

Bạch lại hồi tưởng đến cái điều bất hạnh như thế cũng đã xảy đến ngay chỗ cái va ly Hartmann của chàng cái hồi Dung đã tắm rửa cho nó một lần sạch quá. Đến đỗi chàng phải bán rẻ đi mà chính ngay cái người mua lại ấy cũng phải phàn nàn mà than tiếc cho những nhãn giấy đã bị bóc đi một cách ngu dại.

Bạch không dám khinh cái lối ông thư ký dậy người ta tắm rửa săn sóc va ly. Ông ấy cũng chỉ là một người thích sạch sẽ như Dung. Bất những người như thế phải kiêng nể không được phạm vào một hạt bụi cổ tích hoặc chút bụi phấn chốn chân giời thì không thể nào được.

Chàng trả lời:

- Tôi xin cảm ơn ông. Nhưng bây giờ nếu có thể được, ông làm ơn cho tôi biết cái địa chỉ người mua va ly đó. Chắc thế nào người ta cũng phải để địa chỉ lại để ông cho người khiêng lại nhà một cái vật cồng kềnh như thế chứ.

- Việc vào sổ này lại là việc người khác. Để tôi tra sổ xem. Ông chờ đây.

Ông thư ký lục đống sổ sách xuất nhập hàng, sau một lúc hỏi lại mấy người đồng nghiệp, bèn kêu ầm lên như một học giả lúc phát minh được một điều

khoa học. "Đây rồi ông ạ". Ông mở rộng sổ, đưa sát tận mắt Bạch...

Bạch và Hồ cùng nhìn.

"Hàng gửi bán (hoa hồng 10%): một cái va ly kiểu đi buồng tầu bể, da màu phù quân, số V.14.

"Đặt giá: 200$

"Ngày bán: 20-6-39

"Ngày mua: 27-6-39

"Người mua: Cô Hướng Hà, 280 Hàng Ngang, Hà Nội".

Bạch và Hồ nhìn nhau.

Trời ôi, người mua cái va ly đi bể, đã cũ mà vẫn còn được cái giá hai trăm, là một người đàn bà. Một người con gái hàng phố. Cô!

Bạch và Hồ lặng lẽ trên cuốn sổ mở.

XXVIII

Bạch nhẩm lấy địa chỉ. Ở hiệu tầm tầm ra, chàng cáo biệt Hồ, vờ thoái thác có việc riêng.

Chàng rẽ ngay đến phố Hàng Ngang tìm đến nhà cô Hướng Hà - cốt để nhìn mặt người con gái lạ lùng đã bỏ hai trăm bạc mua một chiếc va ly cũ. Để làm gì?

Hãy cứ gặp người ta cái đã, rồi chàng sẽ biết.

Bạch không lấy xe mà đi cho nhanh, tuy lòng chàng giục chàng được chóng giáp mặt một người đàn bà kỳ dị. Cô Hướng Hà phải là một người kỳ dị của xã hội này, ở xứ này. Việc cô mua một vật hành lý cũ ở hiệu tầm tầm đủ đặt cho cô một địa vị khác thường. Việc này chỉ có thể có được trong một dân tộc du mục quen sống với đổi chỗ, với đời sống ăn xổi ở thì thôi. Một cô gái ở một xã hội rất nền nếp mà đức hạnh chỉ quy vào việc giữ cái bếp lửa cháy quanh năm cho đều ngọn, sức hoạt động chỉ có nghĩa lý trong việc gia đình, lấy cái bậu cửa ngăn mình với cuộc sống bên

ngoài, ở một cô gái Việt Nam sắm một chiếc va ly to như thế để làm gì? Ngay đối với người đàn ông ở xứ này, một chiếc va ly khổng lồ và lôi thôi như thế cũng đủ là một sự ngạc nhiên cho chung quanh rồi. Vậy thì duyên cớ?

Bạch lần số nhà, dừng chân trước một cửa hiệu kim hoàn, sáng bóng như cửa hiệu một nhà buôn Âu Mỹ. Kền, đồng kính, pha lê, tất cả đều sạch sẽ, bóng bẩy và lạnh lùng như một cái buồng giải phẫu phòng thí nghiệm.

- Thưa ông, đây là nhà cô Hướng Hà?

- Vâng.

- Tôi muốn được gặp cô Hướng Hà. Ông đưa giùm lá thiếp.

Người thư ký bán hàng lùi vào nhà trong. Bạch ngẩc mặt lên tường nhìn cái bằng danh dự của một kỳ đấu xảo ban khen cho hiệu này. Lòng bằng giữa đám hình vẽ đóng khung, có hình Hiệp Chủng Quốc.

- Mời ông vào ngồi chơi trong phòng khách. Cô Hướng Hà đang mặc áo sắp xuống.

Bạch đáp lễ ông thư ký, trịnh trọng ngồi xuống ghế phòng khách, lòng đầy dự tưởng. Chàng nghĩ ngợi nhiều. Chàng đoán nhiều. Cô Hướng Hà? Sao lại là Hướng Hà? Khi tên người ta là Hướng Hà thì có thể dính líu đến việc người ta mua một chiếc hòm cũ và to không? Cô ta sẽ gầy? Mạnh? Lãng mạn? Lanh

lung? A, thế nhưng mà Bạch lấy làm khó nghĩ quá. Gặp cô Hướng Hà xuống, chàng phải nói trước. Chàng thử tập nói trước trong đầu xem có xuôi không: "Thưa cô, chúng tôi nguyên là một người có tung tích rất giang hồ từ bể ngoài bị rạt về nơi quê hương này mà chúng tôi chỉ muốn lìa bỏ lại phía sau thôi; sớm được ngày nào là hay ngày ấy. Trong lúc nấn ná, có người mách dưới nhà tầm tầm có bán chiếc hòm to có thể giúp được nhiều việc cho sự đăng trình nay mai của chúng tôi. Cô đã là người mau chân lẹ tay đến trước chúng tôi. Đến chậm mua hụt, không những chúng tôi không lấy gì làm phàn nàn mà lại còn mừng rằng ở một xứ buồn tẻ này chúng tôi lại còn một cái thanh khí của một linh hồn bầu bạn, có một người đồng điệu trong giới phụ nữ. Chúng tôi chưa được quen cô. Cũng như tên tôi chưa nhắc cho cô một điều gì cả. Nhưng giữa cô và chúng tôi đã có một chiếc va ly đường trường nó đủ tố giác chút ý tưởng thân mật của người sắm nó. Vô tình, chiếc hòm da đó của khách đi bể dài hạn đã tự đứng làm trung gian để giới thiệu cô với chúng tôi. Tôi rất lấy làm hân hạnh được biết cô là một người của cuộc đời lớn. Từ phút này, cô và chúng tôi nên bày tỏ lẫn cho nhau nghe những nguyện vọng chung của một thứ tâm hồn thao thức. Người cùng hội cùng thuyền mà, cô! Vậy từ trước đến giờ cô đã đi những đâu? Cô đã đau khổ như thế nào? Và bao giờ

cô lại lên đường nữa như một người bị truy nã? Cô không nên dối người tri kỷ. Cô không nên giấu bệnh với người cùng bệnh.

"Thật là một dịp hãn hữu mà trời dành riêng cho những người đau khổ như chúng ta được thổ lộ cho nhau nghe những lời tâm sự. Cô nên biết rằng có những câu chuyện chỉ thống thiết được trong một trường hợp đặc biệt thôi. Những câu tâm sự không mấy khi nói đến hai lần. Nếu cô không nói bây giờ, một ngày gần đây cô sẽ hối tiếc vì đã bỏ qua mất một cái ai tri âm. Cô sẽ không có thời giờ tìm lại tôi nữa, vì cô sẽ phải lên đường một cách hấp tấp. Và mai mốt tôi cũng không có ở đây nữa để mà chỉ bảo cho cô bài kinh thập điều của du lịch. Những người như chúng ta gặp nhau một lần thì rất dễ nhưng rất khó mà còn có được một buổi tái kiến. Chúng ta sinh ra chỉ để mà đi qua và đi qua mãi mãi.

"Há chẳng nên lợi dụng lấy những giây lát chúng ta còn được là một cái hình chưa nhòe cạnh, một cái bóng hãy còn đậu ở nơi này?

"Rất tò mò, tôi tự cho cái quyền hỏi xem cô sắp đi đâu xa? Và bao giờ cô đi?... Cô không nên cười như thế. Nếu cô không phải là người của xê dịch thì cô sắm một cái hòm đi bể to như thế để làm gì? Chẳng nhẽ cô lại có ý niệm rất khôi hài, rất điên dại là xây hạnh phúc gia đình một cách vững chắc tầm thường

trên đất khi có một cái va ly của giang hồ? Lại còn điều này cô cũng nên cho biết. Là tại sao một người đẹp như cô, phú quý như cô, đài các như cô mà lại ưa giang hồ. Tôi dùng chữ giang hồ trong tất cả nghĩa thiêng liêng của nó".

Bạch cho câu vào đầu để cuộc nói chuyện rất dài như thế, có vẻ ngố quá, không dùng được. Câu chàng định nói có cái tính cách của một câu văn tống tình ở một kẻ quá đau khổ sắp quỳ xuống để ăn mày một chút tình thương hại của người đàn bà lý tưởng vừa chợt gặp trên đường đời. Một người như chàng có khi nào lại được dùng lời một cách lãng mạn, nồng nàn du dương đến ghê hải như thế. Sẽ còn đâu là cái nhân cách lạnh lùng và lặng lẽ của một người "đã từng" như chàng.

Bạch lấy làm xấu hổ. Chẳng cần đến người ta thu thanh những lời ấy nếu chàng đã nhỡ thốt ra. Nếu bây giờ có người có cái máy đọc được tư tưởng thầm lặng trong đầu mình, thì những ý nghĩ vừa rồi cũng đủ làm cho Bạch tự lấy làm ngượng riêng với mình và trốn chạy mình.

Bạch nghĩ một câu khác, rất mải miết. Đằng sau lưng chàng, có người đứng chực mà chàng không biết. Một giọng nói rất ấm áp nổi lên phía sau gáy:

- Anh Bạch, trận gió nào đưa anh lại?

Câu chào nghe Tây quá và thân quá!

Bạch đứng dậy nhanh, chưa kịp quay mình lại thì thấy trước mặt chàng đã có cả một thiếu nữ diễm dúa, đã có cả một ... cô Hòa. Vậy ra là cô Hòa. Bạch cũng biết vậy. Chàng nhìn Hòa trân trân. Hôm gặp Hòa trên ô-tô-ray Hải Phòng, phút đầu chàng cũng trân trân như thế.

Những người đã quen với nhiều cái bất thình lình của đời giang hồ thường luyện được cái đức tính rất quý là ít chịu cho đầu mày khoé mắt hoặc thần sắc mình tố cáo những điều mình nghĩ và vào những trường hợp đột ngột tất cả tình cảm dao động của họ đều lẩn cả vào bên trong. Còn ai có thể ngạc nhiên hơn Bạch lúc này.

Nhưng net mặt chàng vẫn là những nét của tượng đá. Nó thấm lạnh và cứng chắc lại. Chàng ngồi đây tự này để chờ một cô Hướng Hà, để tìm cho ra liên can tâm lý giữa một tiểu thư nước Việt Nam rất nền nếp và chiếc hòm của đời bưa bộn trôi nổi. Thì một cô Hòa cố nhân đã tươi cười trước mặt chàng. Ở một người khác, thì lúc này là lúc người ta ngồi gật gù cái đầu để tỏ một ý nghĩ riêng ra ngoài.

Hòa và Bạch cùng yên chỗ ngồi rồi, Hòa mới dí dỏm:

- Sao anh không hỏi Hòa mà lại hỏi cô Hướng Hà? Ai bảo cho anh biết cái tên cỏn con của tôi? Tiểu tự ấy là chữ tôi mới dùng hồi gần đây thôi mà.

Bạch vẫn lặng thinh. Cả người Bạch là một sự xa vắng. Hòa tưởng Bạch đang khó chịu bèn đổi chuyện:

- Nhưng thôi, hãy xếp cái tiểu tự ấy lại... Từ hôm gặp lại anh trên tầu, tôi có ý chờ anh lại chơi mãi. Ở nhà tôi được cái tự nhiên lắm anh ạ. Ông bà tôi được cái cũng hiểu tôi nên không có dị nghị gì về những việc giao thiệp của tôi. Bạn hàng có, bạn gái có, bạn trai kể cũng nhiều. Nhưng tôi chưa thấy một người nào giống anh lấy tí chút. Họ tầm thường lắm anh ạ. Giao thiệp với họ - tôi chưa nói đến việc kết bạn - mệt lắm. Nhưng biết làm thế nào.

Hòa nghỉ một lát, đứng dậy:

- Anh ngồi một mình độ ba phút. Tôi vào bảo nó pha nước ra anh uống. Tôi thay quần áo rồi cùng đi chơi với anh. Trời đẹp như thế này, ngồi nhà nói chuyện mất thú. Anh tìm đến chơi vào lúc nầy rất hay. Một dạo này tôi sống một cách nhạt nhẽo quá.

Ngồi một mình Bạch muốn cho ý nghĩ trong lòng cười lên thành tiếng to. Tưởng Hướng Hà tiểu thư là ai, té ra là cô Hòa. Cô Hòa đã từng đi dự đấu xảo San Francisco, bây giờ mua một chiếc va ly hai trăm bạc, chứ có mua đến hàng mấy chục chiếc như thế, thì cũng chẳng có gì đáng lạ. Làm sao chàng lại không hề nghĩ ra liên tưởng đến nhỉ. Mất bao nhiêu là công hình dung và tưởng tượng. Mà khỉ thật. Lúc mới tới

hiệu kim hoàn này, nhìn mãi mấy tấm bảng danh dự của kỳ đấu xảo lù lù ra kia mà sao chàng không hề nghĩ ra. "May đấy, giá mình lại bộp chộp mà nói với cái ông thư ký ban nãy rằng mình lại đây tìm cô Hướng Hà để hỏi chuyện về chiếc hòm da mua ở nhà tầm tầm thì Hòa nó biết nó cười đến chết. Mình không nói rõ cái cớ đã dắt mình tìm đến đây, Hòa nó tưởng mình thành tâm tìm lại nó, nó lại còn trách mình là làm cho nó đợi lâu quá, chờ mãi, từ sau hôm bất chợt gặp nhau trên xe lửa". Bạch tự nghĩ thêm về cái hôm tình cờ gặp lại Hòa: Nó luýnh quýnh xuống ngay chỗ ga Đầu Cầu, nói lại với mình rằng "Em giờ vội quá phải xuống đây, mai em bận, ngày kia mời anh lại chơi" nhưng nó cũng chẳng nói số nhà bao nhiêu và ở phố nào. Những người đã nếm đến đời sống xô bồ, trong cách xử sự thường thường có những điều sơ suất mà kẻ không khoáng đạt hay cố chấp thường không bao giờ hiểu thấu và tha thứ được. Có nhẽ Hòa nó cũng không nhớ rằng nó đã quên không cho mình chỗ ở. Nên nó mới thản nhiên được khi gặp mình tìm đến".

Hòa đã trở ra, mặc một chiếc ao tuy là hàng tơ nhưng mà màu sắc rất kín đáo đơn giản như thứ hàng vải. Ban này thấy Hòa vào thay quần áo đi chơi,

Bạch yên chỉ là y phục của Hòa sẽ lộng lẫy xa hoa lắm kia.

- Sao Hòa lại ăn mặc như người đàn bà nạ giòng thế kia?

Hòa trả lời một cách tự kiêu:

- Bây giờ em có mặc đến chiếc áo vải Đồng Lầm thay vai thì em vẫn cứ đủ là một cô Hòa đã từng đi Mỹ về kia mà.

- Chán tất cả rồi chăng?

- Không phải đã hẳn thế. Nhưng em tưởng đi bên cạnh anh ăn mặc như thế này cho sánh đôi với lối phục sức hơi xộc xệch của anh.

Bạch thấy vui nhẹ trong lòng, tưởng như cái hồi nào vẫn dẫn Hòa đi chơi phiếm ở Paris.

- Một người đàn ông đã lăn lóc như anh, đôi khi ra ngoài được tự cho mình cái quyền ấy. Đến một cô tiểu thư như Hòa, không thể bừa như thế được. Phụ nữ mà không trang điểm là một điều tối vô lễ đối với công chúng. Đợi khi nào được làm mẹ một đứa con rồi, em có muốn xuềnh xoàng trong chốc lát, thì bấy giờ hãy xuềnh xoàng nếu thỉnh thoảng em muốn thay đổi cái dáng của mình đi mà chơi cho vui mắt. Em ăn mặc lại đi.

- Thôi được. Hãy biết vậy để mà làm theo vào những buổi khác. Hôm nay hãy để nguyên như thế

này. Vào thay lại quần áo hết mất thời giờ và nhỡ kênh càng lại có một khách hàng nào đến ám quẻ thì hết ngày. Lúc này em không muốn ngồi ở nhà thêm lấy một phút. Thôi đi đi anh. Hòa phải đi chơi với anh hết ngày hôm nay.

Hòa và Bạch lững thững bên hồ Kiếm. Bạch tưởng bây giờ vẫn là bao giờ và chàng đã quên hẳn chiếc hòm đi bể của một cô Hướng Hà.

- Này anh Bạch, cái màu chết tấm áo này giá em có dùng đi trên tầu bể, sạch và đúng phép lắm chứ anh?

Nàng ngắm mình, ngắm trộm Bạch, tự cảm thấy rằng hôm nay có hai người đại lữ khách đang đi qua thành phố Hà Nội nhỏ bé. Một nỗi kiêu căng ngập lòng Hòa, tràn lan ra ngoài. Rồi nàng lại chỉ muốn làm một cô em gái rất nhỏ bé, bên cạnh một người anh tên là Bạch rất ngang tàng trong điềm đạm, đang có một bước đi bộ bất chấp cả đến tất cả chung quanh, từ một cái ô tô rẽ ngoặt bóp liền liền hai ba thứ còi cho đến một cái tầu điện lù lù và nghênh ngang mãi ở giữa phố. Không hiểu anh Bạch anh ấy đang nghĩ gì, chứ trong lòng Hòa thì Hòa thấy khinh bỉ Hà Nội quá chừng. Hà Nội trông xấu quá. Có đi sang đến bên kia một cái bờ Thái Bình Dương rồi thì khi trở về mới

thấy cái Kinh thành sinh trưởng của mình là bủn xỉn; Hòa vỗ cánh tay Bạch:

- Giờ lấy tầu điện đi lên rừng Boulogne đi anh.

- Rừng Boulogne nào ở đây?

- Vườn Bách Thú ấy mà. Thì gọi là Bách Thảo cũng được.

Bạch và Hòa cười, vui sướng của tính tình lộ ra hết nơi khoé mắt chân răng.

XXIX

Vườn Bách Thảo Hà Nội tuy chẳng là một công viên đầy đủ âm u xanh rậm với màu lá và thảm cỏ đầy dẽ xui người ta tin thương nhau như thấy mình chỉ là hai kẻ cô đơn lạc trong cánh rừng già cảm thấy đã tới lúc phải thổ tận can tràng, nhưng một buổi hoàng hôn ấy, ngồi ở gần nhà kèn, Hòa và Bạch đã bắt đầu đi vào một lối kể chuyện rất đứng đắn về những ý ăn nết ở ở đời.

- Anh Bạch về đã được bao lâu rồi?

- Gần ba năm.

- Anh không đùa đấy chứ? Người như anh mà cũng ở tịt cái xó hèn mọn này lâu được thế kia ư? Anh định bỏ neo hẳn ở đây luôn sao?

Để trả lời một câu hỏi độc địa vô tình đôi mắt Bạch cười một cách rất xa thẳm.

- Hòa trông anh bây giờ khác hồi nọ lắm. Ở Paris không phút nào em thấy anh có những vẻ chán nản và bí hiểm như thế.

- Cuộc đời ở đây khác. Về đến đây, người ta có cái cảm giác như bị bó chắc lại. Chán nản thì anh không đến nỗi chán nản, nhưng anh cũng tự biết là người anh đã kém lanh lẹn và thần thái lộ ra nhiều rời rạc quá. Ai mà chẳng rời rạc. Anh trông Hòa xấu đi. Sắc đẹp Hòa trông cũng rời rạc.

- Có như thế đấy anh ạ. Cái khí hậu của quê hương ẩm thấp lắm. Nói ra thì thành ra phạm vào cái tật sáo ngữ và hư văn, nhưng thật ra từ ngày ở bờ biển bên kia Thái Bình Dương về nước, em thấy trong lòng em mưa luôn và cái điều đáng buồn nhất là những trận mưa ấy chỉ rặt một lối mưa phùn. Nếu nó lại mưa rào cho thì hay lắm rồi, còn nói gì nữa. Những cơn mưa phùn dai dẳng ấy cứ gậm nhấm lòng mình như lũ mối xông một tòa nhà lụn bại. Mỗi ngày một tí, mưa phùn rỉa bòn và lấy dần hết tươi sáng trong lòng mình còn tệ hơn cá rô mồi cần câu cặm.

- Hình như độ này em đọc nhiều tác giả lãng mạn thì phải, "Mưa phùn trong lòng"?

- Anh đừng ngắt em... Này anh Bạch, bao giờ em cũng chỉ là một người em gái của anh riêng đối với anh. Vậy đã cùng là người một bọn, anh có thể để cho Hòa gánh đỡ hộ anh một phần gánh nặng nào chăng? Bây giờ và tự dạo về đây anh làm những gì rồi?

- Anh chẳng làm gì cả.

- Tính anh hay đùa và nhiều lúc anh đã phụ đến nhiều câu hỏi chí thành.

- Ai đùa. Xưa nay anh có làm gì đâu. Một người như anh thì còn làm được cái gì, ngoài cái việc Đi mãi mãi trên mặt địa cầu. Và tại sao, đến một người như Hòa mà cũng còn hỏi: "Anh làm gì lâu nay?". Câu ấy nên dành riêng mà tặng những cuộc đời có trật tự. Thôi nói sang chuyện khác. Chúng ta đối đáp nó dễ dàng hơn.

- Anh không rõ đến chủ ý của Hòa. Hòa có buộc anh phải làm một việc gì đâu. Sống để mà đi thế cũng là một việc làm to lắm rồi. Một việc mà ít người làm được vì kém tài lực. Đi trong bao nhiêu năm phiêu bạt, tức là anh đã làm được một cái gì đáng kể rồi... Hòa chỉ muốn hỏi xem độ này nghỉ việc làm tầu, anh sống như thế nào? Tiền nong thắt buộc anh chắc nhiều lắm.

- Việc tiền nong thu vào và quăng ra không là một điều bận tâm của anh. Em ở dưới đất, há lại nên lo hộ cho người trên cây. Từ rầy sắp sau, anh cấm Hòa đả động đến việc ấy... Vậy Hòa đã muốn hỏi thăm về đời sống của anh, thì anh cũng chẳng giấu làm gì. Đời anh bây giờ có một cái gì vừa thêm vào. Anh đã có vợ.

- Một người tên Bạch mà có quyền có vợ?

- Và có một đứa con trai.

- Làm sao lại xảy ra những tai biến ấy? Tôi mong rằng câu chuyện ấy chỉ là một câu đùa như trăm nghìn chuyện tinh nghịch của anh.

- Nói để cho Hòa biết vậy. Chứ giờ phải giảng rõ tại làm sao anh có vợ thì dài lắm. Nếu Hòa không tin hôm nào trời đẹp anh sẽ mời Hòa xuống nhà và giới thiệu với bà Bạch. Anh cần báo trước cho Hòa biết rằng bà Bạch là một người rất cũ kỹ và hiền lành quá. Cái đức hiền lành ấy, người ác khẩu thì có quyền gọi là đần. Hôm nào anh lên đón Hòa về chơi nhá. Chỗ anh ở, gần như nhà quê hơi khó tìm.

- Việc gì anh phải vẽ vời đón với rước. Hôm nào anh đưa chị lên chơi trên tôi, rồi tôi lại cùng theo anh chị về dưới ấy ở chơi độ một hôm nói chuyện. Cháu có ngoan không anh? Chị Bạch chắc phải là một người khéo chân khéo tay, khéo mồm khéo miệng lắm.

Chuyện hai người đến đấy thì tắt. Vườn Bách Thú nổi lên tiếng chim rừng. Một con công xòe đuôi múa, khoe những chiếc mặt gương vàng cạnh viền màu xanh áp lục. Một con công nữa kêu: "Xấu hổ! Xấu hổ". Hòa nhìn đàn chim đường nga đi trên cù lao giữa hồ. Bạch nhìn một cái lá lim rụng. Mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng.

Hòa đang tự hỏi tại làm sao một người như Bạch mà có thể lấy vợ được mà đáng kinh hãi hơn nữa là

lại còn có con? Anh ấy định thôi không làm người của bốn bể nữa rồi sao? Sao đang nhẹ nhàng tấm thân như thế mà lại có cái ý tưởng đem đeo mấy cục đá vào bên mình? "Những điều này thuộc về đời thân mật của cá nhân, để anh ấy nói ra thì tiện hơn là mình hỏi. Mà anh ấy gan lắm, mình đã biết tính anh ấy. Hỏi chưa chắc đã chịu nói. Nhưng chắc cuộc đời mới này cũng đang đầy rẫy những thảm kịch. Những bộ diện chán nản của Bạch đủ nói nhiều lắm. Hồi gặp Bạch ở Paris, có bao giờ thấy anh mệt mỏi, rời rạc đến như vậy. Trước kia, Bạch có cái vẻ của một người không cần một cái gì cả. Lúc nào cũng như người du khách hăm hở với cuộc lên đường. Nay Bạch đã như già sút hẳn đi. Trên mặt Bạch, trên thân thể Bạch đầy những lo lắng, Bạch nói với mình rằng đã trở về Đông Dương tới hai năm nay. Hai năm nay thì cách sinh hoạt như thế nào? Chắc túng thiếu lắm đây. Những người như Bạch, chỉ có thể kiếm tiền được - chẳng phải kiếm ra để mà làm giầu, nhưng để mà đủ cung cấp cho mỗi ngày sống - những khi đi ra ngoài thôi. Trên tầu, trên biển, ở những ngã tư của thế giới thì họa may mới còn làm ra tiền được, chứ về đây thì làm cái gì cho ra tiền. Sểnh cái bể lớn, sểnh những thương cảng quốc tế ra là tất nhiên phải thất nghiệp. Cái phong lưu giang hồ của một người giang hồ sẽ hết hẳn, khi người ấy đổ bộ và lại ở trên đất cạn đã hai

năm liền. Không những thế, lại còn đèo thêm vợ thêm con? Không hiểu tại làm sao Bạch lại thành ra được một người có gia đình. Cái neo ấy thả xuống một lần để rồi nằm im đấy hay là lại còn có lần nhổ lên nữa? Yêu tự do, không muốn vướng vào ai và cũng không muốn cho ai vướng vào mình, một người yêu quý cái thân mình như thế mà tự nhiên đi lấy vợ thì có mà là điên. Cứ kể ra, một người nào mà lấy được Bạch thì cũng là tốt số đấy. Nhưng những người như Bạch không phải là thứ người sống để làm chồng và làm cha. Họ là người của ngũ đại châu. Họ chỉ có thể đẹp được trong sự vụt thoáng qua của một đoàn xe lửa, họ chỉ có thể đẹp được trong cái chảy trôi của một con tầu biển, hoặc là khi thui thủi lần bước ở một quãng đường đèo xoắn ốc quanh quả núi chênh vênh. Bắt người ấy vỗ về một người đàn bà hoặc xỉ mũi thay áo cho đứa con thơ thì kết quả chỉ là đổ vỡ gầy nát mà thôi. Đối với những người như Bạch thì hôn nhân có cái ý nghĩa của tự ải. Đáng thương hại thay cho bà Bạch. Nhưng số nghiệp bầy ra như thế, trốn đi đâu và quyền kén lựa ở đâu? Đến ngay như mình mà hồi ở Pháp cũng còn muốn cướp lấy Bạch khỏi gió bụi mưa thiên hạ để làm của riêng của mình nữa là. Thử tưởng lại xem hồi ấy Bạch cũng mù quáng mà đi theo mình để tìm sự yên thân trong hạnh phúc gia đình thì cuộc đoàn kết Hòa Bạch sẽ dẫn đến đâu rồi và đi

qua những giai đoạn khủng khiếp nào? Không thể không li dị được và gây nên cho nhau bao nhiêu là thù oán. Tội cho bà Bạch quá. Chẳng biết đẹp hay là xấu? Mình phải gần chị Bạch luôn luôn mới được".

Hoàng hôn đè mãi xuống một khoảng công viên đã vắng người chơi. Mấy người đàn bà quét lá rụng ăn công nhật của Sở Lục Lộ cũng mang chổi về từ bao giờ. Vài con gấu ngựa nhớ rừng rống lên mấy tiếng đục ngầu.

Bạch đang theo đuổi một ý nghĩ kỳ quặc: Mai kia Hòa sẽ giáp mặt Dung. Hai người sẽ tha hồ mà ngắm nghía nhau và phỏng đoán về nhau rất nhiều ở cái buổi đầu làm quen. Có lẽ Dung sẽ ghen, một khi chàng khai ra Hòa là một người quen đã lâu, từ hồi mình còn ở bên Tây. Quen ở bên Tây? Lại là một cô gái đẹp? Khỏi nào Dung sẽ chẳng ngờ chàng và Hòa là một cặp tình bạn xưa cũ muốn nối lại yêu đương và dám cả gan dẫn nhau đến tận nhà Dung để làm trò để ngươi. Thái độ ghẻ lạnh của Bạch từ khi lấy Dung và những sự đi về bí mật và cái lối vắng mặt thất thường của chàng càng làm cho Dung tin chắc là như thế lắm.

Thế còn Hòa?

Hoa sẽ cười thầm:

"Tôi tưởng anh suốt đời ở vậy? Té ra anh cũng chỉ là một người đàn ông như những người đàn ông khác. Nghĩa là trời sinh ra có dương thì phải có âm, anh thoát sao khỏi vòng đào trú. Ai để cho anh sống ra ngoài luật tạo hóa. Anh đã lấy vợ. Người vợ anh lại là một người đàn bà tuy không đến nỗi xấu, nhưng không thể nào gọi là có sắc được. Trông cũ kỹ lắm. Còn như tài và hạnh của vợ anh thì đây cũng có quyền ngờ lắm. Nói tóm lại anh đã đủ chứng cớ để cho tôi thấy rằng anh đã không tìm thấy hạnh phúc, sau khi anh đã làm bộ làm tịch ruồng rẫy cái hạnh phúc tôi định đem lại cho anh. Tôi tưởng anh phải lấy được những người hay hơn tôi kia chứ có ngờ đâu già kén kẹn hom. Nghĩ đến việc cũ mấy năm mà tôi lại bằng lòng quá. Giờ anh đem so sánh tôi với bà Bạch, anh phải hối tiếc và như thế là tôi thấy hả dạ rồi. Kết luận: Chúng ta chớ nên kiêu hãnh hợm hĩnh khi chúng ta chỉ là những phần tử của một nhân loại đáng thương..."

Thì Bạch sợ gì mà chẳng cười theo. Chàng cố ý cho Dung và Hòa gặp nhau ít ra cũng là một lần để cho Hòa được nghĩ thầm như vậy. Và có một phút thông minh vụt trở lại, Hòa sẽ càng bực mình hơn khi hiểu rằng chàng đã dè bỉu tài sắc mình và nếu đời chàng có phải lấy vợ vì một lẽ gì, thì cái vấn đề đẹp xấu ở

một người vợ, đối với chàng không đã là một việc quan trọng. Khi mà chàng đã đi tìm hạnh phúc ở ngoài cái địa hạt mỹ nhân thì nhờ trời có bắt tội phải trăm năm cùng bạc đầu với một người đàn bà không có một tí gì là đẹp, thì cái biến cố ấy không thể nào ảnh hưởng đến lệch được quan niệm nhân sinh xưa nay của chàng.

XXX

Những tuần lễ của đôi bạn tình tình cứ đi qua. Một buổi tối thứ bẩy, trong khách sạn Trường đua ngựa, sau một bản nhạc khiêu vũ, Hòa giới thiệu với Bạch một người đứng tuổi mà cái mặt và cái bụng phệ bảo thầm cho biết rằng đấy là người phú quý có dư.

- Đây là ông Đức Trần, một nhà phú thương giám đốc một nhà in. Năm tới đây ông có ý muốn cho in một cuốn niên lịch thông thư trong đó chú trọng về phần địa dư nhân loại xứ mình và việc du lịch khắp các nước. Ông có cậy tôi tìm một người có thẩm quyền về mục đó để giúp ông một tay. Tôi có giới thiệu anh với ông.

Ông Đức Trần cười toe toét, nắm mãi lấy tay Bạch:

- Cô Hòa có nói đến ông luôn. Tôi ước ao được gặp để phiền ông cộng sự với tôi. Ông là một người đã đi nhiều. Không riêng gì Hòa tiểu thư đây mà ở đây đã có nhiều người nói chuyện đến ông. Tôi rất lấy làm

hân hạnh được hầu chuyện ông. Chúng ta làm việc chung với nhau thì thú quá, thú quá.

Bạch nhìn ông Đức Trần và nhìn Hòa đang nháy mình. Cuộc giới thiệu đột ngột này ở một khách sạn làm cho Bạch thấy phiền quá. Cuộc giải trí lặng lẽ của chàng thế nay là đã có người đến quấy phá.

- Thưa ông Đức Trần, mời ông ngồi. Vâng, tôi là người giang hồ. Và đối với một người buôn bán nề nếp như ông, tôi không hiểu rằng một người giang hồ lãng tử có thể giúp ích được những việc gì. Có lẽ cô Hòa đã gán nhầm cho tôi một số đức tính làm ăn hoặc ông đã nghe nhầm ra sao đấy. Xin ông nói chuyện cho tôi được hiểu.

Ông Đức Trần mời Hòa và Bạch sang bàn mình, lấy cớ rằng bàn ông ở phía góc, đỡ bị ồn ào, dễ nói chuyện và câu chuyện khí lâu một chút "chúng mình nên ngồi vào chỗ khuất".

Ông hỏi Bạch dùng rượu gì. Bạch bảo người bồi bàn cho mình một cốc nước lọc và quay lại xin lỗi ông Đức Trần với một câu rất giả dối:

- Xin lỗi ông, lâu nay tôi kiêng rượu.

Ông Đức Trần mở đầu câu chuyện làm ăn bằng những lời hỏi thăm Bạch và những câu vụn vặt.

- Vậy ra ngài đi nhiều lắm. Ngài về nước đã gần ba năm nay? Ở xứ mình tẻ lắm ngài nhỉ. Chắc những

người nhiều kiến văn như ngài, sao lại chẳng có một cái chương trình làm ăn rất to ở đây? Đang ở bể mà vào ngòi, đang làm người của đại thế giới bỗng xoay ra làm người của quê hương như bây giờ, tôi chắc ngài về xử thế này cũng có một cái cao kiến gì.

- Chết nỗi ông cứ dạy quá nhời thế chứ những người "thập niên tung tích tẩu hồng trần" như chúng tôi thì về đường thực nghiệp, còn có gì là cao kiến nữa. Chúng tôi về nước để nghỉ ngơi ít độ ở quê nhà đấy thôi.

- Đây này, ngài Bạch này, tôi cũng là một người thích những chuyện đi ra ngoài lắm. Trước kia tôi có bán thuốc bắc và cách đây năm năm tôi được qua Hương Cảng và Thượng Hải khảo giá thuốc, tôi thấy đi ra ngoài, trong người mình nó khoan khoái lắm. Nếu trời cho buôn bán cứ đều đều sau này tôi cũng đi chơi vòng quanh thế giới trối già một chuyến. Gọi là cho biết đó biết đây. Tôi còn muốn mọi người - tôi nói những người dư sức và thừa bát ăn - trong xứ nên đi ra ngoài cho nhiều. Ông không biết chứ những người có óc kinh doanh như chúng tôi gọi là đi chơi như thế, nhưng mà đều có lợi cho sự thương mại của mình. Lắm lúc chúng tôi cũng tưởng là đi chơi - và nói theo cái giọng ăn chơi thì là đi đổi gió - Vậy mà dọc đường cũng tìm ra được khối việc mua bán; thành thử lắm lúc về, trừ những lộ phí và tiền cơm hàng cháo chợ mà vẫn

còn khối lãi. Hóa cho nên tôi vẫn bảo các ông bạn tôi rằng càng là con nhà thương nghiệp, mình lại càng nên đổi chỗ luôn luôn, đi càng xa càng hay, đi đến đâu mình gây ra thị trường đến đấy, ngài Bạch ạ.

Bạch xem giờ đồng hồ đeo tay, cười rất trào phúng:

- Ông nói chí phải. Đi mà có lợi thì tội gì mà không đi. Chính thế đấy ông ạ. Tôi được biết nhiều người vừa đi du lịch thăm phong cảnh, vừa chào hàng với dân cư các phong cảnh ấy. Nhưng thưa ông, giá ông nói ngay đến câu chuyện niên lịch thông thư ông định in thì hay hơn. Tính tôi tuy phiếm dật thế, nhưng cũng biết quý thời khắc lắm. Vậy thì ông định ra sách để quảng cáo cho du lịch?

- Dạ không phải là ra sách để quảng cáo hẳn cho việc du lịch. Tôi muốn in một cuốn sách cốt để quảng cáo cho những thứ hàng bán cắt của thương đoàn tôi. Chả nhẽ trang nào cũng khoe khoang về hóa phẩm thì thành ra ca-ta-lô mất và trông nhạt lắm, nên tôi mới có ý kiến là làm ca-ta-lô đó phỏng theo thể cuốn niên lịch thông thư cho chen vào những mục gia chính, nữ huấn, vệ sinh, du lịch vân vân. Ngài chắc đã xem những cuốn sách rất dầy của một vài hiệu dầu khuất thần trong Nam Kỳ - của các Chú ở Chợ Lớn đấy mà - vừa rao hàng vừa cho xuất bản vào một vài thiên tiểu thuyết kỳ tình quái hiệp hoặc là diễm tình phiêu linh chi đó. Được lời cô Hòa giới thiệu một cách chắc chắn,

chúng tôi muốn ngài giữ cho mục du lịch. Một người phiêu lưu trên bốn năm cái bể ngoài có thẩm quyền về mặt đó như ngài mà giúp cho thì quý hóa lắm. Ngài muốn ký tên vào thì càng là hay, nếu ngài không muốn trưng tên cũng không sao. Còn về sự tiền nong giấy bút, xin ngài định cho.

- Nhưng mà cái mục du lịch trong ca-ta-lô của ông, ông định bố cục và diễn nó ra như thế nào?

- À ngài nói về du lịch thế giới. Các thành phố tân lục địa, cựu lục địa, phải "diễn" qua cho đủ vòng. Lấy Hà Nội này làm nơi khởi hành. Đi một đường, về một đường. Đi từ Hà Nội và lại lộn về Hà Nội. Đi qua mỗi xứ, mỗi thị trấn, tiên sinh nhắc cho các bạn hàng tôi - sách này tôi sẽ phát không cho các đại lý để biếu, ai mua một thức gì cũng đều biếu một cuốn - được biết qua về địa dư, phong tục, lịch sử, thắng tích trên thế giới.

- Như thế này là một chương trình phân loại của cả một bậc học giả khảo về nhân loại rồi còn gì nữa. Một người giang hồ phù phiếm như tôi, đâu có dám nhận việc to hơn tài lực mình.

- Ngài đừng nên hiểu ra như thế. Nghĩa là đi qua một tỉnh thành nào, ngài nói sơ sơ về dân số, về sự mậu dịch dùng tiền gì, về những cái gì đáng xem, về những cái tiện lợi, về an ở. Công việc trứ thuật của ngài nói tóm lại có thể gọi là công việc của một người

hướng đạo cho một đoàn thương gia Việt Nam đi vòng quanh thế giới qua Âu, qua Mỹ và lúc về thì có tạt vào Nhật Bản và Tàu. Ấy đại loại như thế. Phiền tiên sinh chú trọng vào hai điều này. Điều thứ nhất: Vấn đề thương mại kỹ nghệ của mỗi vùng đi qua. Nếu lại có vấn đề chăn nuôi mục súc nữa thì càng hay lắm. Ý tôi muốn trong khi du lịch, người mình còn để ý đến sự thông thương với ngoại nhân nữa. Cũng là một công đôi ba việc cả kia đấy; thời buổi này, ai lại có thể đi chơi để mà đi chơi, phải không ngài? Điều thứ nhì: Về cách đi và sự ăn ở mỗi nơi. Ngài nên chỉ rõ về tên những hãng tàu, tên các khách sạn, như thế nào là lịch sự, là tiện lợi, là cần kiệm để du khách tuỳ ý lựa chọn. Rồi lại còn những việc phiền phức linh tinh như đổi đồng bạc Đông Dương ra bạc nước người, ấy những việc như thế ngài nên quan tâm tham khảo cho đủ. Tôi muốn mục du lịch này thành hẳn một cuốn chỉ nam và có lẽ tôi sẽ là người thứ nhứt được đem dùng nó đầy đủ. Tôi sẽ thực hành ngay cho tôi. Thế nào tôi cũng đi vòng quanh thế giới một lần. Đấy rồi ngài xem.

- Vâng, cái đó đã hẳn. Những người kinh doanh như ông sao lại chẳng đi cho hết thế giới để mà tìm mối lợi ở ngay tận gốc tận tổ.

- Tôi đã nói tất cả những ý kiến của tôi về công việc nhờ ngài. Còn tiền thù lao áng chừng phải độ bao

nhiêu, xin tiên sinh cho biết tôn ý. Ngài định số tiền mà xong thì chúng ta bắt tay vào việc ngay. Tôi đã sẵn có máy in, tiên sinh viết đến đâu, tôi sẽ cho thợ lên khuôn đến đấy. Thế là tạm xong về câu chuyện làm ăn. Giờ tôi muốn tiên sinh uống một cốc rượu gì cho vui thêm buổi gặp lần đầu này. Chứ ai lại đi uống nước lọc thế nó mất vui.

- Ông tha phép cho... Về việc làm sách, ông nói vậy, tôi cũng biết vậy. Và sẽ xin trả lời ông bằng thư sau. Ông phải để cho tôi nghĩ đã. Ngộ may còn có nghĩ thêm được điều gì hay để bổ khuyết vào những ý kiến ích lợi cho ông nữa không. Xin kính chào ông.

Hòa cùng theo Bạch trở về bàn cũ. Ông Đức Trần nhìn theo đôi bạn trẻ rất tốt đôi ở những chỗ công chúng như thế này. Con mắt ông già béo tốt ấy đầy những thèm khát và ghen tị.

Hòa trách ngay Bạch:

- Tính anh vẫn khó chịu. Anh kênh kiệu lắm. Anh có một lối nói chuyện như đấm vào tai người ta. Ở đời mất gì, thiệt gì một lời nói tròn. Một người từng trải như anh, không nên thiếu sót những chỗ đó. Nếu tôi không nhầm thì hình như vừa rồi anh không lấy gì làm sốt sắng đối với việc ông Đức Trần cậy anh.

- Em thông minh đấy.

- Anh lầm mất rồi, anh Bạch ạ. Ông Đức Trần này người chu tất lắm. Ông ta không thể sánh với anh về điểm lỗi lạc, nhưng ở cái xứ này, một người phú thương biết dùng tiền như ông, dễ đã mấy người bì kịp. Không thế thì tôi chẳng dám giới thiệu với anh. Việc ông định làm là một việc đứng đắn, không những đã không lừa dối ai mà lại còn giúp ích cho vô số đồng bào. Nếu sau này, có nhiều thương gia xứ mình biết đi ra ngoài, đi xa thấy rộng và góp mặt với ngoại nhân trên các khu đấu xảo và thị trường thế giới thì cái công ông Đức Trần không phải là ít mà cái công của anh lại càng không phải là nhỏ vậy. Anh nên nhận nhời đi. Anh đòi bao nhiêu ông ta cũng xin trả đủ. Như ý tôi anh cứ lấy lấy vài trăm. Việc này cũng chẳng có khó nhọc gì đối với anh. Anh chỉ có ngồi mà nhắc lại những chỗ đã đi qua và những sự tai nghe mắt thấy của anh. Khỏi nào trong mấy năm anh đã chẳng có một cuốn nhật ký kỹ càng. Anh chỉ việc đem chép lại ít đoạn hoặc tra cứu sách dịch và sao ra vài thiên mà đưa cho người ta.

- Hòa tin hay không thì mặc, nhưng chưa bao giờ anh có lấy một dòng nhật ký viết hẳn vào trang giấy. Lấy lòng mình ra làm mực mà viết vào đá bên đường và bọt sóng bể không là đủ rồi hay sao mà lại còn phải dùng đến bút giấy nữa.

- Thì cũng cho là anh không có viết nhật ký sẵn. Giờ anh ngồi nhớ lại và viết lại những độ đường đi qua vậy. Có gì là mệt.

- Hòa cứ tưởng thế chứ thực ra thì mệt lắm. Còn gì mệt bằng cái sống giật lùi vào kỹ vãng. Còn gì mệt hơn là nhớ lại việc cũ và lại còn đem nhắc nó lại lên trên giấy tờ. Bởi một đống bếp lạnh, đào những cổ tích đã ngủ yên trong lòng mà không cho là mệt thì cô Hòa định cho việc đó là hứng thú lắm sao?

- Thôi tôi không nói chuyện với anh nữa. Việc người ta cậy anh, nên làm hay không nên làm là tuỳ ở anh. Anh cứ trực tiếp trả lời cho ông Đức Trần.

Hòa đâm ra nói xẳng với Bạch. Nàng định nói chuyện đứng đắn mà Bạch thì cứ ỡm ờ. Hai người chia tay. Hòa tưng tức trong người. Bạch dửng dưng trên nét mặt.

Chưa có xe cộ trên con đường vắng. Bạch và Hòa cứ phải đi cạnh nhau trên một quãng dài, không có một lối rẽ ngang nào cho tiện. Hai người thấy khó chịu như lúc tiễn bạn ở sân ga, lúc nghe hiệu còi ông xếp ga thổi, người ta đã nắm tay chào nhau ồn ào và vội vàng rồi mà con tàu vẫn cứ ì ra đấy hàng mươi phút để người đứng dưới cứ phải lặng thinh cho lên mặt kẻ đi đang đánh chẫu xuống. Trơ trẽn vô cùng.

Gặp đôi xe lùn, Hòa lên trước và chào bằng một câu trách:

- Anh phụ đến lòng sốt sắng của Hòa một cách vô lý quá.

- Đừng có nói nhảm. Việc của ông Đức Trần anh sẽ trả lời ngay cho ông ta được yên lòng rất chóng. Dù có nhận lời ông ta hay không, anh đã có cách làm cho em không phải phàn nàn và ông ta không thể trách Hòa được. Giờ anh đưa Hòa về đến nhà.

- Cám ơn anh. Em chưa về nhà. Em còn rẽ vào nhà một người bạn. Hôm sau mời anh chị và cháu lên chơi.

Trong cơn gió đêm nhè nhẹ, trên đường nhựa vắng, có một người bộ hành ngà ngà rượu đang đi ngược lại, gửi vào tai Hòa mấy lời ong bướm, giữa lúc nàng đang bận nghĩ về Bạch.

Nàng hiểu Bạch đang trải qua một thời kỳ khủng hoảng cả về tinh thần lẫn tài chính. Bạch vẫn chưa đến nỗi thân tàn ma dại về chỗ đắp điếm cho thân thể, nhưng xem chừng những sợi bông sợi tơ sợi len quần áo và những đường chỉ khâu đế giầy kia cũng cố gắng lắm mới chưa đến nỗi ải đứt. Chàng vẫn diêm dúa và lành lặn. Nhưng nếu đến đầu xuân sang năm mà chàng vẫn chưa lên đường thì trên cái phục sức của người giang hồ ấy thế nào cũng có thủng rách mạng vá. (Hòa vốn quen với việc may vá kim chỉ, nàng rõ lắm). Nàng không muốn nhìn thấy một vị

Thần bị đồ nhào bằng những cái ngoại vật vụn vặt trước con mắt nhiều người ở đây.

Hòa sẽ bằng lòng lắm giá Bạch có cái ý phóng khoáng nhận những số tiền nàng muốn đưa cho Bạch mượn đỡ, những lúc Bạch muốn cung dưỡng thể xác: một bộ quần áo ngủ mềm mỏng, một cuốn sách du ký mới xuất bản, một gói thuốc thơm, một sái điếu nhẹ, một cái ba-toong song và v.v... Một người đã quen với phong lưu ở những chỗ xa hoa thế giới, lúc trở về xứ sở mà quẫn bách, trông tội lắm. Ở những người khác, dè xẻn cần kiệm và giảm hết những cần dùng vật chất là một cái đức lớn. Ở người Bạch, Hòa cho anh ấy phải thừa thãi và phung phí càng nhiều càng phải. Tất cả cái thân thế Bạch cũng đã là một sự phung phí rồi kia nữa là. Cái thứ người phải sống với sự đỉnh tiêu giao ngoài cuộc đời - cứ như điều Hòa biết - thì bây giờ lại còn thiếu cả đến một chén rượu ngon. Lâu nay Bạch chỉ dám uống có thứ rượu ty bản xứ, nó tầm thường trong hương vị và mỗi khi tỉnh cơn say rẻ tiền thì đầu nhức như bị đánh đai. Có lần Hòa đánh hơi thấy anh ấy hút cả thứ thuốc lá khét như mùi thuốc lá phát cho lính. Lại còn một hôm Hòa tìm đến gian gác riêng của Bạch ở Hàng Gai, thấy một hộp bích quy đầy những miếng cau khô. Để đánh răng!

Có lẽ Bạch đã coi thường những phụng sự về xác thịt. Chàng lăn lóc lắm, đã quen với mùi thiếu thốn rồi và lúc đói lòng, vi chẳng có bát cơm gạo Tám thì chàng vẫn bình thường trước một rá cơm khoai.

Nhưng Hòa không muốn thế. Lúc này Bạch phải có đủ tiền để sống cho đường hoàng nơi quê hương mà chờ đợi một cơn gió cả sẽ nhổ chàng và đãi chàng ra chỗ thoáng, đưa chàng ra những chỗ rộng lớn.

Chị Bạch thì chẳng phải cần đến chồng đem tiền về. Sự hồ khẩu của cả nhà đã có mấy thửa vườn và bao nhiêu là ruộng cả chiêm lẫn mùa đấy. Tại sao Hòa đã biết được những việc riêng này của Bạch? Cảnh yên nhàn ấy thật là phù hợp với một người lành như chị Bạch sống một cách bình tĩnh với sự thừa thãi gửi vào ngọn lửa và hoa lợi vườn nhà. Nhưng mà chồng chị ấy phải thỉnh thoảng có những việc tiêu pha tuy phù phiếm nhưng rất cần để di dưỡng lấy tinh tình cho được nguyên vẹn.

Hòa đã tìm đến ông Đức Trần. Lúc giới thiệu ông với Bạch, Hòa hể hả trong tâm. Nàng đã tưởng mình vừa làm được việc hay và rất kín đáo. Thái độ Bạch đã làm cho Hòa vừa lòng.

Luôn đêm ấy, Bạch viết một hơi hai lá thư, một lá cho Hòa, một lá cho ông Đức Trần định đi bỏ ngay thùng thư nhưng vào giờ khuya khoắt ấy, khó mua tem quá.

Cô Hòa,

"Tôi đã viết thư cho ông Đức Trần. Tôi đã từ chối. Tôi không có ý gì bắc bực làm cao. Tôi rất hiểu lòng tốt của Hòa muốn tìm cho tôi một ít tiền để tiêu vặt. Không phải tôi chê số tiền là ít đâu.

"Sự thực là anh muốn Hòa khỏi mang tiếng với ông Đức Trần nên anh không đảm đương lấy việc đó.

"Nhưng anh có thể tìm được một người khác để thay thế anh mà nhận lấy công việc nếu ông Đức Trần bằng lòng. Dưới phân cục hàng du lịch Âu Mỹ phố Trường Thi anh có quen một người tên là Khương rất sành về những việc du lịch và rất thông thạo về cách tìm tài liệu viết mục du lịch theo đúng như ý ông Đức Trần. Nếu ông Đức Trần thiếu người giúp việc có thẩm quyền, thì em bảo ông cứ xuống Trường Thi tìm ông Khương và nói là anh giới thiệu, và em dặn ông Đức Trần là không nên mặc cả làm giá với một người như ông Khương. Ông ta đòi bao nhiêu thì cứ thế mà trả. Thời giờ của ông Khương cũng là quý lắm đó. Lần vừa rồi có cái croisière Pháp qua đây, một vị công tước - anh quên mất tên - có bảo ông ta chép hộ một cái lòng bia chùa cổ chữ Hán vùng Bắc Ninh và dịch ra chữ Tây. Đánh máy được độ dăm tờ. Vị công tước đã trả một trăm bạc cho ông Khương.

Người bạn trung thành
Bạch

Ông Đức Trần,

"Tiếp theo cuộc nói chuyện trên khách sạn Quần Ngựa buổi tối, về việc giúp ông toàn mục du lịch trong cuốn Niên Lịch Thông Thư ông định in, tôi trân trọng và rất lấy làm tiếc mà trả lời ông rằng tôi không thể nhận lời được vì những lẽ bày tỏ dưới đây.

"Tôi là một người phóng lãng, trong người gần như mất hết cả những khả năng về sự làm ăn trong những bầu không khí chật chội. Hiện bây giờ tôi đang sống chỉ để mong chờ một dịp để bước khỏi xứ này. Cái dịp ấy có thể là ngày mai ngày kia, tháng sau hoặc năm sau cũng chưa biết chừng. Ngày nào tôi cũng đợi dịp đó đến. Tôi chỉ sống với hy vọng đó. Ngoài hy vọng ấy tôi không biết có gì nữa. Nay nhận lời ông uỷ thác, công việc đang tiến hành dở dang, nhỡ cái dịp đó đến, tôi không biết bắt lấy thì uổng quá, - cái may thường không trở lại một lần thứ nhì - mà bắt lấy để đi ngay thì đối với ông có điều không tiện, và không những thế lại còn mang tiếng là thiếu sự đứng đắn của người lớn nữa. Gia chi dĩ, giữa ông và tôi lại còn có lời giới thiệu của cô Hòa.

"Có lẽ lúc bấy giờ, mặc dầu công việc bỏ dở bừa bộn, tôi không kịp từ giã ông nữa kia. Sự đột ngột đối với tôi vẫn là một chuyện quen thuộc đã tự bao giờ rồi. Ông có thể chịu đựng được những cái cử chỉ kỳ quặc như thế của một người cộng sự với ông lúc người

ta đã thất tín? Đời tôi chưa từng có một điều hối gì về chỗ ước hẹn với bất cứ là ai.

"Tôi đã nghĩ kỹ rồi. Việc giúp mục du lịch vòng quanh thế giới cho ông muốn đầy đủ, làm đúng theo cái ý muốn của ông cũng phải vài tháng. Những giá cả, tiền nong về buồng ăn buồng ngủ tại các nơi đô hội đi qua, tôi làm gì có sẵn trong tay. Phải viết thư cho những người quen ở các nơi ấy tìm tòi hộ. Gửi một lá thư qua tận Anh Cát Lợi chẳng hạn rồi lại đợi bên ấy hồi âm về, ông tưởng chóng vánh lắm sao. Bạn tôi ở khắp thế giới, người nào cũng tốt lắm, đã nhận lời giúp tôi về việc này thì ai cũng hết lòng cả, nhưng cũng phải để cho người ta có đủ thời giờ làm mới được chớ. Ấy là tôi nói qua sự phiền phức và những chỗ bố cục công việc, làm cho có lương tâm nếu tôi đinh nhận lời ông sưu tầm những tài liệu các nơi gửi về, rồi mới viết ít ra cũng hai tháng là chóng.

"Trong hai tháng ấy, biết đâu cái dịp tôi lên đường lại chẳng xảy tới, bắt tôi phải vội vã rời xứ này và vứt lại sau mình tất cả công việc của ông. Điều tôi sợ, có lẽ là ở đấy. Lúc mà tôi đã có dịp đi, tôi dám đố ông giữ tôi lại được. Rồi ông chiếu hợp đồng, rồi ông cậy pháp luật can thiệp cũng chẳng làm được gì. Tôi đi là tôi đi. Và lúc ấy, có một cái gì phải làm cho tôi phiền lòng là lời trách móc thóa mạ của ông và thứ nhất là để phiền cho cô Hòa.

"Nhân nói về cô Hòa, tôi muốn nói thêm rằng ông nên kính phục cô khi cô đã tìm đúng được tôi để giúp ông một tay. Tôi cũng cảm thấy rằng ông phải có những người như tôi thì công việc mới chu đáo. Biết được như thế mà không dám nhận giúp ông, đáng tiếc biết bao nhiêu. Giá tôi mà được sống để mà yên cái phận tôi ở quê hương này thì chẳng có thư đây cho ông và trong ít ngày tới, tôi sẽ có một cái gì để đưa cho ông.

"Còn như lúc nầy lòng tôi đang để vào những đâu đâu, lại không thể nào ngồi mà nhớ lại, viết lại cho ông, cho những người đọc Niên Lịch Thông Thư của ông, những đoạn đường đã đi qua, hầu mong giúp cho chung quanh biết đường nẻo và cung cách để mà vòng quanh thế giới.

"Chẳng nhẽ trong cái mục du lịch ấy cần có những tài liệu xác thực về hành trình, về địa lợi, về phong tục và mậu dịch, mà tôi lại tả mây tả nước tả những cảm giác trôi nổi, ghi lại những cảm tưởng giang hồ của riêng lòng tôi?

"Tôi vốn là một người đi nhiều. Nhưng phải cái bệnh đãng tính và vô tình đối với ngoại cảnh, ít khi chịu nhớ tên tỉnh tên xứ tên người ở các vùng đi qua. Đối với tôi thì đi chỉ là đi. Được đặt mình trong xê dịch là tôi thấy khoái rồi, tôi cần gì phải chọn hành trình và nhớ đến các tên về địa dư. Tôi đi để có được

một nơi mà rời bỏ chứ không phải là cốt đến cho được một chỗ nhất định nào đã dự tính trước. Những ý nghĩ rất trừu tượng của tôi về mục du lịch thì giàu lắm, nhưng phiền một nỗi là ông không dùng được vào cái mục sách của ông nó cần phải thiết thực có những bản thống kê, những bản đồ, những dòng toát yếu chen vào rất nhiều con số.

"Đây này, ngay như bây giờ có hỏi tôi xem giá tiền tầu đi từ Hồng Hải đến Địa Trung Hải thì tôi đâm cuống. Về tiền nong đổi chác ở các vùng ấy tôi cũng mù tịt, tuy trên hai cái bể này tôi đi đi lại lại mãi rồi. Thế có khổ không ông. Tôi đã phải ngủ ở nhiều khách sạn, rải rác ở duyên hải hai bể này mà bây giờ giá có trở lại những lữ quán cũ ấy, tôi vẫn có cảm tưởng là mới đặt chân vào đó lần đầu. Nghe khó hiểu quá, ông Đức Trần nhỉ. Nhưng giá ông rõ hộ tôi là một người mỗi khi xuống tầu bể là chỉ tính tới chuyện đi lậu vé, và nhiều khi đã trả tiền ngủ ở các khách sạn bằng quần áo hòm xiểng mình thì ông hiểu sơ sơ được ngay những điều tôi đã nói trên. Tôi đã trả tiền những lộ phí về ăn ở lúc giang hồ như thế bằng rất nhiều ứng biến tuỳ cơ và thứ nhất, là bằng những thành kính trong tâm đối với sự rộng rãi của cả mặt trái đất.

Kính chào ông.

Bạch

"Tái bút. - Đọc lại thư, tôi mới biết rằng dài. Lá thư không có tính cách một lá thư giao thiệp về công việc buôn bán. Viết cho ông mà tôi cứ tưởng là viết cho một người bạn giang hồ. Nhưng lỡ viết rồi thì tôi cũng cứ gửi. Xin ông thể tất cho.

B.

XXXI

Gặp lại Hòa, ông Đức Trần đưa cho nàng xem lá thư Bạch viết, chữ rất nhanh và lại viết tháu.

- Ông Bạch của cô thật là một người điên. Tôi không hiểu ông ta định nói những cái gì. Tôi nghiệm một điều là phần nhiều những thiếu niên nước mình đi ra ngoài về, là nhiều ông đâm ra dở dở ương ương như người loạn óc, nói không ai hiểu, mà có làm gì thì cũng không ai hiểu. Đấy cô đọc xem. Tôi là một người thực nghiệp chân phương tôi không hiểu được những cái lối ương gàn như thế. Cả cô nữa, cô cũng định đùa tôi hay sao? Mà cô đi giới thiệu cho tôi một người có nghịch ngợm như thế. Cũng may là chưa cộng tác với nhau, chứ nửa chừng mà ông ta dở chứng ra thì tôi đến bỏ đời.

Hòa xem xong thư, không thể không phá ra mà cười được. Ai đời viết thư về công chuyện làm ăn mà anh Bạch anh ấy nói giời nói đất như thế thì làm gì mà ông Đức Trần chẳng kêu trời.

Nàng nghĩ lại mà càng thấy mến Bạch. Cái thứ người như thế, trừ một số tri kỷ ở xa xôi tản mát, ai mà hiểu được và sống làm sao nổi với chung quanh.

Nàng càng ái ngại cho Bạch. Anh ấy chưa rời khỏi xứ này thì cứ còn ốm đau mãi. Hòa cũng mong cho chàng, sớm rời khỏi xứ sở. Nhưng nàng lại lo hộ cho Dung. Chị Bạch đã biết trước sắp là người gối chiếc không? Một người lành như thế mà nghiệp dĩ bắt làm người ly phụ thì nghịch quá thay.

Biết để bụng, nàng vẫn lui tới thăm vợ chồng Bạch, lúc gặp cả đôi, lúc chỉ gặp có một mình Dung. Dung thì lúc nào cũng có nhà. Hòa lắm buổi nhìn trộm Dung, buồn thương cho Dung như một nhà tướng số biết người ngồi đấy là sắp có vạ lớn, không làm thế nào giải ách được và cũng không dám tiết lộ đến thiên cơ. Hòa tưởng đâu mình đang ngồi đấy để mà an ủi những ngày sầu muộn cho một người góa trẻ.

Đôi bạn gái càng gần càng quyến luyến nhau; Dung vì cái bản tính cởi mở và xởi lởi; Hòa vì lòng trắc ẩn trước một thảm kịch gia đình mà nàng tin chẳng sớm thì chầy, màn sẽ hạ xuống một cảnh khóc lóc. Rồi anh Bạch anh ấy tuông ra đi; chứ anh ấy chịu ở đâu bên cạnh Dung.

Đến bây giờ Hòa mới hiểu tại sao Bạch có vợ. Ừ có thế chứ. Nếu tự ý Bạch mà tự ý chọn lựa Dung ghép

vào cuộc đời mình trong một thời kỳ nghỉ ngơi để rồi bỏ rơi người ta ở lại mà sống theo cái lối cũ đi làm tàu bể, thì Hòa lấy làm chê lắm.

Những buổi chỉ có một mình Dung ở nhà, Hòa cũng có tỉ tê gạn Dung về những chuyện đầu gối tay ấp những lúc Bạch gần nàng, không phải vì một tật tò mò xấu bẩn nhưng cốt để mà xem có tìm ra được một mũi chốt tình cảm gì hồ mong lấy những săn sóc của tình cảm mình ra mà giúp cho Dung đỡ phiền muộn và cốt nhất là tìm cách bào chữa hộ cái tính chểnh mảng của Bạch đối với gia đình. Nhưng mà Dung chỉ cười một cách ngoan ngoãn và đem thằng Phong ra nựng, và cho nó đùa với Hòa. Hòa cũng phân vân không hiểu Dung đã quen với cái sống tẻ lạnh thiếu thốn bấy nay hay là tính Dung gan góc không chịu thổ lộ những sầu uất ra ngoài.

Ngày tháng qua; năm hết. Tình đôi bạn gái ấy tính được gần nửa năm mật thiết. Thật là một sự mà Bạch không chờ đợi. Lúc đầu mới giới thiệu Hòa với Dung có bao giờ Bạch định cho hai người này đánh bạn với nhau và chàng cũng đoán già trước rằng hai người không tài nào gần nhau lâu được. Chàng cho vợ mình sẽ nghi ngờ và ghen ghét Hòa. Và Hòa có tới thăm Dung thì chẳng qua cũng đến một lần thôi, cho nó đủ phép xã giao. Đời thủa nào một thiếu nữ tân tiến, giàu có, đã đi Mỹ về mà lại kết giao được với một

thiếu phụ cũ kỹ, mộc mạc, ít học như Dung. Đưa Hòa đến chơi với vợ mình, Bạch chỉ muốn cho Hòa hiểu ngầm rằng một sự mâu thuẫn ghê gớm đã xảy đến trong cái đời tự do của chàng. Thế thôi.

Bạch thấy Dung và Hòa năng gặp nhau và thân mật quá chàng lại hơi ngài ngại. Bạch sợ cái lối đàn bà họ làm thân với nhau rồi chúa là hay thương nhau, xui khôn xui dại nhau làm ra những điều phương hại đến lối sống riêng của người chồng. Và rồi Hòa có thể phản chàng tố cáo những hoài bão của chàng với Dung. Cô Hòa có chịu được cái học mới, nhưng muốn thế nào đi nữa, nàng vẫn cứ là một người đàn bà có đủ tật xấu thông thường của phụ nữ ở đây cứ muốn đem những cái đèn nhà riêng mình rọi sáng cảnh nhà người, những lúc ngồi lê đôi mách. Biết đâu gần mãi Hòa, tính tình Dung sẽ chẳng có những cải cách mạnh bạo. Đang hiền lành giản dị, vợ chàng rất có thể trở nên phiền phức và băn khoăn và tọc mạch.

Bạch lo tính về trường hợp Dung với bản tính yên vui của nàng cũng đã là khó rồi. Nếu trong tâm tưởng Dung, nay người ngoài lại còn châm hộ mồi lửa rối loạn vào gây nên những biến chứng trong gia đạo thì rồi chàng sẽ toan liệu ra sao?

Ít ngày gần đây, Bạch đã nhìn Hòa tới thăm vợ mình bằng con mắt nghiêm khắc. Bạch lại năng ở

nhà, ở luôn luôn bên cạnh Dung, cốt để cho vợ mình và Hòa không có dịp nói chuyện hay tâm sự tay đôi với nhau. Chàng lại cũng ít lên nhà Hòa.

Một buổi chiều xám giời, Hòa đi xe xuống kêu rầm lên từ cửa:

- Hôm nay tôi ăn cơm với anh chị. Lâu quá, không được gặp nhau. Vậy chớ anh Bạch bấy lâu bận cái gì ở nhà mà không đưa chị lên chơi với tôi.

Ở căn phòng bên có tiếng ho sù sụ, Bạch vin lấy tiếng ho ấy, trả lời Hòa:

- Ông tôi mệt thành ra độ này bận.

Thật ra thì mình già sức yếu dạo này ngày nào cụ Tô cũng có vài cơn ho đờm. Hòa cũng biết thừa ra là Bạch nói dối mình. Nàng vẫn nhí nhảnh, nhưng nhìn vào buồng cụ Tô, giọng nàng có hạ thấp xuống.

- Anh chị hôm nay phải lên phố với tôi. Đã bảo làm cơm ba người ăn rồi.

Bạch không nói gì. Dung và Hòa nhấm nháy nhau. Phải chiều vợ, Bạch mặc quần áo, miễn cưỡng.

Ngồi bên bàn ăn nhà Hòa, nghĩ lan man, Bạch nhận thấy lâu nay vì có Hòa mà Dung đã nhiễm được cái tính ra ngoài, hay đi phố. Và nhiều khi Dung đòi đi theo chàng. Mọi khi có thế đâu. Bắt Dung ở tịt nhà chàng cũng biết là vô lý và vô nhân đạo nữa, nhưng

phải cho Dung cùng đi chơi với mình luôn, Bạch thấy đấy là một việc quá tài sức của chàng.

Bữa cơm Hòa cố kéo dài ra như một bữa cơm tối ở một gia đình Pháp. Bánh trái tráng miệng vừa bưng ra, Hòa đả động đến việc đi xem chớp bóng.

- Lâu nay em không đi xem gì cả. Nhân có anh chị ở đây, hôm nay chúng ta phải giải trí bằng một cuốn phim nào. Anh chị chiều em. Em đã cho đi lấy vé rồi.

XXXII

Đối với Dung đang ngồi trong hý viện chỉ còn có vuông màn ảnh là sáng, nàng có cần biết phim nào là hay hoặc dở. Thật ra Dung là người thiếu cả đến cái túi chữ phổ thông để mà hiểu, và thứ nhất là nghe một truyện phim nói tiếng ngoại quốc. Được ngồi ở đây, một bên có chồng, một bên có cô Hòa, thế là đủ rồi. Có hai người như thế chăm sóc cho mình ở chỗ công chúng, Dung thấy có hơn là lúc ngồi thui thủi ở nhà với thằng Phong.

Trên màn ảnh, nhiều đàn ông đàn bà chạy, nói, cười và đánh nhau ồn ào. Dung thấy cái cuộc đời diễn trong khu vực màn ảnh thế mà rộng rãi túi bụi quá. Tài thực.

Hòa lẽ tất nhiên phải thích phim ảnh San Francisco này. Nàng đã để chân lên đất thành phố Cựu Kim Sơn. Trong phút khoan khoái sống giật lùi với hồi hộp của ký vãng, khi tỏ mờ trên màn ảnh, Hòa vẫn không quên rằng trong bóng tối cạnh mình, Dung

vẫn là người thiệt thòi nhất, trước cái hay đẹp của màn truyện. Thật là không may cho Dung mà rạp chiếu bóng Tràng Tiền hết vé, thành thử phải đi xem phim San Francisco này. Hòa định đưa Dung đi xem ở rạp Tràng Tiền kia. Ở đấy họ chiếu một phim khôi hài dễ hiểu, không cần có đến chữ nghĩa mà Dung cũng có thể mua vui được. Chứ còn như truyện ảnh San Francisco đang quay, Dung không thể hứng thú được, ngoài Bạch và Hòa ra. Hòa liếc sang phía Bạch, thấy chàng chăm chú nhìn màn ảnh, tưởng đâu Bạch đang tha thiết và vui thú với phim lắm.

Cuộc đời bên trong lúc này rối loạn của con người ta thực không thể nào mà đoán biết được, dẫu rằng Hòa vẫn tự phụ mình đã là người bạn gái tri kỷ có một không hai của Bạch.

Trên màn ảnh, cuốn phim San Francisco hễ tuôn thêm một thước băng nhựa nào là lòng Bạch lại thêm nhộn nhạo đến đấy. Kéo Bạch đến dự phim tuyệt tác này, Hòa vô tình đã phạm vào cái tội hành thích đến đời tâm tưởng một bệnh nhân của giang hồ bất đắc chí.

Phim San Francisco đang xới đống tro lòng đã nguội từ lâu trong Bạch. Nó gợi chàng nhớ đến một việc thất bại xảy ra, hồi cuối năm ngoái, chàng đã lỡ một dịp rất tốt đi San Francisco.

Phim ảnh phá phách lòng Bạch trên hơn một tiếng đồng hồ. Lúc Jeanette Mac Donald - thủ vai chính truyện phim - hát đến bài *"Cựu Kim Sơn tái kiến"* giọng hát xa xôi u hoài thì Bạch không chịu được nữa, bèn lẻn bỏ ra về, mặc Hòa và Dung ngồi lại trong phòng tối.

Mộng phiêu lưu ấy, ngày tháng qua chưa làm cho khuây nhạt hẳn, giờ lại sống lại với phim ảnh.

XXXIII

Vào khoảng cuối mùa đông năm trước, trong nhà hát ả đào ngoại ô, Bạch gặp lại một người bạn học cũ hiện giờ mở hiệu ảnh ở một tỉnh phía bắc Trung Kỳ. Người ta cũng nhắc đến tên thầy học cũ và hỏi thăm nhau về thân thế một vài người bạn đồng song. Thì ra trong cuộc sống của mỗi người, vẫn chỉ là rặt bất đắc chí là bất đắc chí. Rượu giờ về sáng, người bạn ấy mới kể lại rằng:

- Tôi đi Hà Nội thế này có phải là đi chơi không đâu. Lo làm ăn tối mắt tối mũi lại, công việc có đáng phải đi thì mới đi chứ, ai mà ngao du sơn thuỷ như anh được. Chẳng giấu gì anh tôi ra chuyến này là lấy thêm giấy ảnh và kính ảnh để ngày mai về, theo ông Tây Cờ Lốt lên làng Xuân Phả chụp những tích múa thờ thần của dân làng này. Ông ta bắt chụp rất nhiều, mỗi điệu múa chụp riêng một kính và sau bắt phóng đại ra theo khổ mười tám hăm bốn. Mé ảnh này mà làm xong, trừ tiền giấy kính và xe pháo đi về

làng sở tại rồi, cũng còn lại hơn trăm bạc anh ạ. Ông ta đã đặt trước năm trăm bạc rồi.

- Hình như ban nãy anh có nói chuyện ông Cờ Lốt định mang bọn người làng Xuân Phả qua Mỹ dự kỳ đấu xảo San Francisco 1939?

- Phải. Ông ta đem cái tuồng Xuân Phả này đi, cốt để bày trò lạ cho người Mỹ xem. Người Mỹ có tính hiếu kỳ thấy nó vui mắt, sẽ tha hồ mà quẳng tiền mua vé xem.

- Thế ông ta mộ người như thế nào?

- Nguyên làng Xuân Phả có năm tích tuồng thờ thần vừa múa vừa hát, mỗi năm múa ở đình làng một lần, lúc múa có đeo mặt nạ. Nó cũng chẳng lấy gì làm ngoạn mục, nhưng trông thì cũng ngộ, có lẽ không chỗ nào múa hát giống như cái lối ấy. Ông Cờ Lốt vốn chú ý đến những việc tuồng kịch và ca vũ của xứ mình, nay thấy một điều kỳ dị như thế, ông muốn đem sang kỳ đấu xảo San Francisco, phụ nó vào những món hóa phẩm bày ở gian Đông Dương, để lấy ít tiền của người Mỹ. Chính vì thế mà ông cậy tôi chụp ít ảnh làm tài liệu trình với Chính phủ bản xứ và với Hội Đồng tổ chức đấu xảo Mỹ. Việc làm cẩn thận lắm anh ạ. Mỗi người làng Xuân Phả mộ đi, đều có giấy hợp đồng ký kết làm ra ba bản, ba thứ chữ Ăng Lê, Pháp, Quốc ngữ gửi về phòng Lao Động Trung Kỳ ở tòa Khâm Huế. Hợp đồng hạn mười tháng. Mỗi ngày, tiền lương

mỗi người ăn sáu đồng bạc Mỹ. Đau ốm đã có đốc-tờ. Lúc đi và lúc về đều có ghé Nhật Bản.

- Vui đấy nhỉ. Thế anh có biết bao giờ họ đi không?

- Đáng lẽ thì đến hạ tuần tháng chạp này là bọn Xuân Phả đều phải khởi hành vào Sài Gòn, rồi đáp qua Hương Cảng, chuyển sang tầu đi Mỹ. Nhưng dân làng kêu với ông Tây rằng chẳng còn mấy hôm nữa là năm hết, họ xin lùi đăng trình lại cho họ được ăn cái tết Nguyên Đán năm nay ở nhà đã. Ông Cờ Lốt cũng hiểu người mình nặng lòng với quê hương vào những ngày tết nhất, cũng phải cười và chiều lòng họ, lùi việc khởi hành đó ra ngoài ngày khai hạ.

- Cái tích tuồng Xuân Phả, họ múa may và trò bè làm như thế nào?

- Ối già, chán mớ đời. Cứ con mắt mình thì không tài nào mà ưa được. Ấy thế nhưng mà đưa sang Mỹ mà lại "ăn" kia đấy nhá. Kết quả cuộc trưng bày tuồng Xuân Phả ở ngoại quốc ra sao mình chưa biết, nhưng hiện giờ ở làng Xuân Phả, nhiều bác nông phu suốt ngày chỉ bàn tán về chuyện bên Mỹ. Họ nhao nhao lên như đứa trẻ được manh áo mới. Lắm lúc họ lại ví cuộc đi này như là đi phu "Tân Thế Giới" hoặc là đi lính mộ! Nhưng mà lại được lĩnh những sáu đồng bạc Mỹ tiền ăn, tiền đi về có người chịu, ốm đau có người nuôi gì mà chẳng đi. Chỉ có việc lúc nào người ta ra hiệu là nhảy múa tíu tít lên một lúc trong khu

trường đấu xảo, diễn lại cái trò múa hàng năm ở đình làng mình, thực chẳng có gì là khó nhọc.

- Giá mình nhập được vào cái bọn ấy mà đi một chuyến thì cũng dễ chịu đấy nhỉ.

- Tôi cũng nghĩ thế. Giá tôi không vướng cái cửa hiệu và lũ trẻ thì tôi cũng đút lót cho một tên người làng Xuân Phả để nó nhường cái chân nó cho mình. Mình được đi, có lẽ còn thú vị và bổ ích hơn. Các bố nhà quê ấy mà lại đi sang Mỹ thì khác gì xẩm lạc vào rừng hoang.

- Người ta chỉ lấy toàn người làng sở tại thôi thì chen vào thế nào được. Gia dĩ lại còn phải biết tích tuồng làng, biết múa và thuộc bản hát.

- Anh Bạch nói chuyện lẩm cẩm quá đàn bà. Không hiểu trước kia anh phiêu lưu bốn bể, anh phải luôn luôn mang trí khôn ra mà đối chọi với thiên hạ thì anh tính toán mỗi việc như sao, chứ thực ra hồi gần đây tôi thấy người anh mụ đi nhiều lắm. Nếu đã có bụng đi làm tuồng Xuân Phả sang Mỹ một chuyến, dễ thường anh không còn biết tìm được cách nào. Tôi không định đi, chứ nếu mà muốn thì một chân chứ có ba bốn chân cũng cứ đánh lộn sòng được.

Bạch nằm lim dim mắt trong nhà hát đã lạnh tiếng cười, tiếng đàn, lạnh cả đến một cái tàn đèn dầu lạc. Chàng vắt tay lên trán, đầu óc đang phác họa một chương trình giang hồ bỏ lại Dung. Hình ảnh Dung

chợt hiện ra nhưng lại nhoè tan ngay và không đủ để cắt quãng cái tư tưởng giang hồ của Bạch kết tụ trên cái ý định gia nhập vào một bọn làm tuồng cổ để qua Mỹ. Bạch lại tính trước đến cả cái nước qua đến San Francisco rồi, xong hết thời kỳ đấu xảo chàng sẽ tìm cách huỷ bỏ hợp đồng hoặc làm thế nào mà rút được tên ra khỏi giao kèo, ở lì lại luôn bên kia biển Thái Bình Dương. Có thế thì mới bõ cái công. Chứ đi để rồi sau mười tháng lại lộn về như một anh khách du lịch cốt đi để xem phong cảnh một vùng cho con mắt đỡ thèm thuồng, rồi lại xách khăn gói trở về cố hương thì chán lắm. Chuyến này mà lên đường thì thôi chứ ai còn mong về nữa. Con hạc vàng... một bay... làm gì còn có chuyện lộn lại.

Cách một ngày hôm sau, Bạch đã tót vào Thanh, đáp chuyến ô tô hàng lên ngay Phú Thọ Xuân. Nhờ nhời anh bạn chụp ảnh chỉ vẽ đường đất cho. Bạch đi ngược theo con đê độ hai cây số, rẽ xuống và gõ đúng cửa nhà ông lý làng Xuân Phả.

Bạch ướm chuyện, mới gợi đến việc tuồng hát Xuân Phả có mấy câu thôi ông lý đã nhanh nhẩu mời chàng ra đình xem.

- Cũng là một điều may cho quý khách. Xin mời ngài ra chơi luôn ngoài đình làng với chúng tôi. Hiện dân làng tôi đang tập múa, ôn lại tích tuồng ở ngoài đình. Chỉ có ngày tế thần, thì mới múa, một năm một

lần. Nay ông Tây định đưa dân qua Mỹ, quan phủ cũng có hiểu dụ cho đồng dân biết đó là một mối lợi, nên các cố lão, hương chức và trưởng tộc và tôi cũng đều thỏa thuận để dân đi một chuyến và hiện mấy bữa nay tập tành luôn luôn. Cũng kịp ngày lắm rồi. Thỉnh thoảng ông Tây lại cho người đến chụp ảnh. Ông ta đã đưa cho đồng dân tôi trăm bạc để sắm quần áo mới và mặt nạ mới. Hôm nay ngài ra xem, quần áo mũ mới cả. Đẹp lắm. Thửa tận ngoài Nam vào kia đấy.

Bạch chêm vào một câu làm quà:

- Thế cái duyên nợ làng ta với ông Tây Cờ Lốt như thế nào mà lại thành ra có cuộc đi sang Tân Mỹ múa tuồng?

- Ấy, cũng do cái hội khánh thành đường hỏa xa Đông Dương mở tại Sài Goòng năm 1937 đấy chứ. Hồi đó, các nơi có phong tục trò bè gì lạ thì đem vào diễn ở Sài Goòng góp vui vào ngày hội Thiết Lộ. Các quan địa phương ở đây có cử dân làng tôi vào Nam Kỳ và do đó mới gặp ông Cờ Lốt. Chuyến này đi Mỹ ông còn mang theo cả mấy chục cô gái Thái ở các châu đi nữa.

Giữa sân đình, một bọn trai tráng đang làm tuồng, quần áo lôi thôi, giọng hát ề à, vẽ mặt, đội mũ cầm bơi chèo và có người lại sắm giả vai nữ nữa. Tính cả người đánh trống mõ cầm nhịp cho điệu ca vũ, cả đàn bà là hai mươi hai người. Hai mươi hai con người Việt

Nam lèm nhèm như thế mà qua nước Hiệp Chủng Quốc bôi râu vẽ hề thì có khổ người ta không hở giời! Bạch không đi sâu vào cái ý nghĩ lố bịch ấy; chàng đang chăm chú nhìn một bác nhiêu đánh chiếc mõ gỗ rời rạc, phụ họa với dịp trống tiếng một.

Bạch thấy điệu múa, tuy thế mà cũng phải tập tành trong ít lâu thì mới thành thuộc được. Chàng ngắm kỹ, thấy chỉ có cái công việc anh gõ mõ kia là dễ thôi. Cái điệu gõ mõ dịp một, dịp đôi thế kia thì ai mà chẳng gõ được. Chàng nhất quyết nếu có nhập vào đoàn tuồng Xuân Phả đi Mỹ thì chàng nhận làm cái chân gõ mõ ấy. Chàng sẽ ngồi gõ mõ giữa trường đấu xảo San Francisco! Trước kia chàng đã từng cầm chuôi xoong bưng cà phê, đánh giầy hầu khách của các hãng hải luân thuyền; mai kia chàng sẽ gõ mõ cầm nhịp cho phường tuồng Việt Nam ở giữa chợ xứ Hoa Kỳ, kì thú thay cái đời giang hồ!

Buổi tối hôm ấy, ngồi giữa nhà ông lý làng Xuân Phả, Bạch nói như một người diễn thuyết ở đám đông. Để sửa một cái lễ tương kiến với dân làng, Bạch đã đưa tiền rất hậu nhờ ông lý cho người nhà ra chợ phủ từ lúc chiều mua mấy cái sỏ lợn và đồ cho mấy mâm xôi, và nhờ ông lý mời hộ các cụ đến và thứ nhất là những bác nhiêu có chân trong đoàn múa tuồng để chàng được hầu chuyện phải trái với toàn dân. Ông lý là người đã "từng đi thầu đến nước Sài Goòng từ năm

kia" lại là người đạt lý, thấy Bạch muốn xin một chân đi làm tuồng và bày ra những lẽ hơn thiệt nghe thông lắm, ông cũng thuận và vui lòng triệu tập dân đến nhà ông để xem làng định như thế nào. Một mình ông, ông không có quyền.

Bục bên kia là bọn trai làng sắp đi Mỹ.

Bục bên này là hương chức.

Phản giữa là ông lý và các cố lão. Lấy tư cách mình là khách phương xa đến và là người chủ cuộc hội họp này, chàng ngồi ở phản giữa. Người ta cũng lặng lẽ đánh ngã dăm ba chai rượu ty. Bấy giờ Bạch mới để đũa xuống, cất tiếng nói dõng dạc:

- Thưa với làng, chúng tôi là người phương xa đến đây lần thứ nhất, được có đủ các cụ, các bực hương chức trong làng và các anh em quá thương, quá tin yêu mà chiếu cố cho như thế này thực là quý hóa không biết thế nào mà kể. Sở dĩ có cuộc hội họp này, là để chúng tôi muốn được trình vài điều ích lợi với đồng dân về việc làng ta sắp cử người đi múa tuồng Xuân Phả ở hội đấu xảo Mỹ. Chúng tôi đã trình qua với ông lý Bá làng ta rồi, nhưng còn phải trình lại với đồng dân nữa thì mới đủ lẽ. Việc nên hay không nên còn tuỳ ở làng định cho.

Ông lý vừa thở xong khói điếu thuốc lào, đỡ lời Bạch:

- Ông khách đây tôi mới được tiếp hồi trưa và chắc anh em đã được gặp ông lúc tôi đưa ông ra đình xem làng tập múa. Tuy ông không là người đồng hương đồng tỉnh nhưng cứ thẻ và căn cước ông đưa tôi xem, thì ông là một người lương thiện. Nhân thấy dân làng sắp đi ngoại quốc, ông cơ tìm đến tôi nói chuyện và muốn được gia nhập vào dân làng, xin một chân làm tuồng. Cứ lời ông nói thì nếu dân làng thuận để ông đi kèm với, lúc ra ngoài ông cam đoan sẽ giúp đỡ cho được nhiều việc. Lẽ thứ nhất là ông thông thuộc phong tục người Mỹ, dân làng được có ông làm hướng dẫn lúc ở đồng đất nước người, mình sẽ khỏi bị bắt quých và những lúc mua bán hoặc xem phố phường khỏi bỡ ngỡ. Lẽ thứ nhì ông nói được và nghe được tiếng ngoại quốc, ông sẽ làm thông ngôn cho cả đoàn, và những lúc có việc lôi thôi, ông biết đường lối bênh vực quyền lợi cho anh em. Nam quốc Nam nhân nếu làng thuận nhận ông đi cho một chân tưởng cũng là hay lắm. Ấy tôi từ hôm đứng làm trung gian giữa anh em đây và ông Tây Cờ Lốt và nhận nhời trước mặt quan phủ, tôi cũng lấy làm áy náy về chỗ dân làng ta xưa nay chỉ quen việc cày cấy giống giọt nơi thôn quê, nay nhất đán vượt bể sang tận nước Mỹ, lượt đi lượt về mỗi lần mất hàng tháng, những lúc ngôn ngữ bất đồng, lạ thung lạ thổ, đường sá cách bể cách giang chứ nào phải đâu thông đồng bén giọt, ấy phỏng thử

như thế mà xảy ra chuyện không may thì làm thế nào? Thật là Thành Hoàng Thổ Địa làng ta linh thiêng lắm mới dun dủi ông khách tìm đến đây với đồng dân, giải quyết hộ tôi mối băn khoăn đó. Vậy, trên có các cụ, dưới có anh em, tôi đã trình bày mọi lẽ, còn dân làng có thuận hay không, cứ nghĩ thế nào thì nói thẳng ra để khỏi phụ đến người hảo tâm ở phương xa tìm đến mình.

Theo cái lối họp làng bàn chuyện, lúc đã nói thì tất cả đều nhao nhao lên và lúc đã ngồi yên thì tất cả đều nín thít. Cả ba bàn rượu, hình như không nghe nhời ông lý nói, đều lừng khừng kẻ hút thuốc người véo xôi xoa kẽ chân hoặc nhìn mãi lên rui kèo trần nhà. Một cố nhìn tận mặt Bạch như là định xem tướng. Vị bô lão suy nghĩ về việc ông khách lạ và không khỏi ngờ đấy là một dị nhân. Ông cụ nhìn chán chê, rồi mới vuốt râu hỏi Bạch:

- Lão dám hỏi ông khách một câu. Ông khách có thể nói cho lão biết vì lẽ gì ông khách định đi ngoại quốc mà lại mày mò vào tận đây để cùng đi với dân làng.

Bạch lễ phép:

- Có lẽ cụ ngờ chúng tôi là một người có lý lịch không tốt và định dựa vào dân làng đi múa tuồng để làm điều phi pháp chăng? Thưa cụ, chúng tôi đã có trình với ông lý đủ cả giấy má hình thẻ.

Bạch vừa cười xòa vừa ứng biến bằng một câu nói dối vừa nghĩ ra vì sự thực chàng cũng thấy lúng túng trước câu hỏi rất có lý của ông cố.

- Chẳng nói giấu gì cụ, chúng tôi là một người buôn bán hàng ren, muốn qua Mỹ một chuyến khảo sát xem ở bên ấy họ ưa những kiểu mẫu đan dệt nào. Cứ kể ra, viết thư gửi mẫu hàng sang cũng được. Nhưng giao dịch thế, đâu có bằng được hai mặt một nhời, mình trực tiếp với họ, ăn giá hàng, vẽ mẫu hàng đặt xong xuôi đâu đấy rồi, lúc về chỉ có lập công ty, gọi thợ làm, rồi gửi hàng qua cho họ theo lối lĩnh hóa giao ngân. Vì chúng tôi muốn đỡ tốn phí, nên mới xin lập vào với dân làng và đi đông như thế, nó có vui hơn. Cụ tính con nhà buôn bán, đi ra ngoài làm ăn xa, cần kiệm được chút nào hay chút ấy.

Các cụ xem chừng bằng lòng câu Bạch trần tình và cười khà, lại uống.

Một người vẻ mặt gân guốc, ngồi ở cái bục dành riêng cho đoàn múa tuồng Xuân Phả, nhổm đít lên hỏi sang phản giữa:

- Tính đến cái lợi của ông, thế còn tụi tôi ra chịu thiệt sao? Ông lý nói ông xin đi là có ích lợi cho dân làng và bênh vực cho dân làng ở chỗ đồng đất nước người. Lợi chưa biết đâu nhưng nếu bây giờ hàng dân thuận để cho ông gia nhập vào bọn tôi, thì anh em tôi, sẽ có người bị thiệt thòi. À thế này nhá. Ông Tây chỉ

định lấy có hai mươi hai người cả người múa người hát, người đánh trống gõ mõ. Muốn thông ngôn, thư ký hoặc bầu lấy chánh phó, trưởng đoàn gì, ông Tây không biết, ông biết là hai mươi hai cái đầu người thôi. Nay có ông khách vào một chân thì phải xếp bớt lại một người làng. Ai là người đó? Ông lý có tư tình với ông khách như thế, dĩ công vi tư, như thế đồng dân chúng tôi không phục. Không được, không được.

Nhiều người từ nãy giờ không nói gì, giờ cũng nóng mặt hoa chân múa tay, dấm dẳn phụ họa vào.

Sau một hồi nhốn nháo như sắp đánh nhau, kéo bè đảng đến nơi, Bạch mới nói tiếp được:

- Xin làng bình tĩnh lại một chút để cho tôi xin nói nốt. Chúng tôi đã thưa chuyện xong đâu...

Ông lý cũng nói thêm vào:

- Xin đồng dân nghe ông khách. Ông đã nói hết đâu.

- ... Chúng tôi cũng đã nghĩ đến điều đó rồi. Là nếu trong số dân làng ta dự định đi múa tuồng, vị nào định nhường chân cho tôi, chúng tôi xin đưa riêng một số tiền là bao nhiêu đó. Và trước hôm đi, tôi xin có mặt ở đây để cùng đi với anh em, và bàn định công chuyện. Mọi việc ở dọc đường xin dân cứ tin vào sự linh lợi và sốt sắng của tôi. Trước ngày khởi hành xuống tỉnh đáp tầu tốc hành vào Sài Goòng một hôm, tôi xin biện một cái lễ đem ra đình, trước là tạ đức

Thánh Hoàng làng ta, - mong ngài phù hộ độ trì cho cả dân làng ta và cả tôi nữa, được bình an vô sự những khi sông nước đò giang - và sau là làm duyên với làng ta đây. Tôi định hôm đó sửa lễ một con lợn và cậy ông Bá đỡ cho một tay về việc hương đăng trầu rượu.

Các cụ gật gù nói khẽ với nhau:

- Ông khách đây người tỉnh thành, ăn vận tây, thật bọn ta không ngờ ông ta xử sự chu đáo và cũng còn biết đến những chuyện cúng bái thần thánh và hiểu đến tục lệ hương thôn. Ra ông ta cũng chưa đến nỗi quá văn minh theo lối tỉnh thành.

Và các cụ nhìn vào ông lý và nói to:

- Lời lẽ ông khách đến thế là trung hậu lắm rồi. Các cố lão bọn tôi, các vị hương chức và đồng dân cũng không ai là không thuận. Vậy ông lý cũng nên áp triện nhận cho ông khách sớm đi là hơn.

Nhưng mà ở cái bục dành riêng cho bọn làm tuồng Xuân Phả, cái người mặt gân guốc ban nãy lại nhổm lên nữa và nói như cãi nhau với ai:

- Thong thả đã, xin ông lý thong thả hãy áp đồng triện để anh em chúng tôi vấn lại ông khách xem ông ta định mua cái chân nhường đó bằng cái giá tiền là bao nhiêu. Xin các cụ bề trên biết cho rằng ở nhà quê bây giờ có cao lắm chúng tôi cũng chỉ được có hai hào rưỡi một ngày làm mướn. Nay được dịp tốt theo ông

Tây qua Mỹ, mỗi ngày được những sáu đồng. Và lại ăn no rồi múa hát, cơm nhà chúa tha hồ múa tối ngày. Anh em nay phải nhường cho ông khách một cái may mắn như thế, ông định trả là bao để bù lại sự thiệt thòi? Xin cho biết và cứ nói thẳng ra chỗ đồng dân này, rồi ai thuận nhường chân cho ông thì nhường. Riêng về phần tôi, sao tôi cũng đi. Đi một chuyến cho biết đó biết đây, và chuyến này mà chúng ông đi Hoa Kỳ về đứa nào ở làng này còn giở lối hà hiếp chúng ông, tranh chỗ ngồi ngoài đình với chúng ông, ông đánh tan xương cho mà xem.

Hò hét xong anh ta quẳng luôn một cái bát đèn ra ngoài sân, vỡ tan. Các cụ bàn giữa biến sắc mặt, mắng:

- Anh nhiêu không được hỗn. Đừng có mượn chén mà nói láo ở đây.

Thế là anh nhiêu bưng mặt khóc hu hu kêu ầm lên "lạy các cụ con khổ lắm".

Cuộc rượu nhũng nhiễu ồn ào đã bãi, Bạch và ông lý đã thỏa thuận với nhau về mọi điều và cái anh đánh mõ trong bọn tuồng Xuân Phả đã nhường chân mình cho Bạch. Tiền, Bạch hãy đưa một phần, còn thì hôm nào lĩnh tiền vay trước của ông Cờ Lốt chàng sẽ đưa nốt cho y.

Việc đến thế, tưởng là xong, Bạch có thể trở về Hà Nội - cốt để sống liền liền bên Dung lấy độ ít ngày cho

thật đầy đủ. Trước khi lên đường để đi gõ mõ cho một bọn làm tuồng xứ quê qua Mỹ và rồi để đi mất không bao giờ trở lại - Bạch tin chắc như thế, - chàng muốn để lại một cái kỷ niệm tốt cho người vợ tội nghiệp của mình. Từ cái phút đi Xuân Phả về cho đến lúc xuống tàu với ông bầu Cờ Lốt, Bạch muốn tìm hết cách chiều chuộng để làm cho ấm lòng Dung. Ngày mai ngày mốt, lòng Dung sẽ lạnh, rồi sẽ phải lạnh.

Bạch cũng thừa biết những cảm tình dịu dàng sắp đem ra đãi Dung, dẫu sao cũng chỉ giống như cốc rượu mia mạnh đưa cho tử tù, trước cái lúc vĩnh biệt trên đoạn đầu đài. Nhưng đã biết không thể gần nhau suốt đời để mà cùng bạc bốn mái tóc, thì sao lúc này còn làm được một điều hợp với thiên lý nhân lý, Bạch lại chẳng cố mà để lại cho Dung dấu vết một cử chỉ đẹp đẽ, trước ngày đoạn tuyệt nhau trong không gian.

Vào những ngày thường, Bạch thù oán Dung, vừa thù oán, vừa hiểu rõ những ý nghĩ ấy là điều bất công. Phút này, nằm ở làng Xuân Phả với cái giấy nhận thực có dấu lý trưởng sở tại, Bạch thấy ngậm ngùi thương vợ. Chàng mà xách cái va ly lên đường với bọn dân làng này thì là tự nhiên, bỗng không, mà Dung hóa ra người vị vong.

Từ giã ông lý Xuân Phả về Bắc, Bạch có cảm tưởng là chuyến này mình trở về Hà Nội để tế sống một người quả phụ ở ngay giữa nhà mình. Và rồi chàng sẽ

tha lê cái tâm tang ấy qua Cựu Kim Sơn cùng với một tấm hình hài từ nay chỉ còn có nghĩa lý trong sự đổi dời.

Bạch cầm tay ông lý Xuân Phả, dặn dò những điều cuối cùng, trao cho ông một lá thiếp có chua địa chỉ của mình, và bảo ông lý nên đánh giây thép nếu có việc gì gấp xảy thêm đến. Bỗng có một người, bộ dạng giống một anh nho hay thì thụt ở huyện nha phủ nha, kéo ông lý ra một chỗ, nói thầm một cách rất quan trọng, rồi đi. Ông lý, vẻ mặt băn khoăn, quay lại bảo Bạch:

- Việc của ông mười phần, như thế là đã xong được chín rồi. Thực là không may cho ông mà cái phần còn lại lại là phần khó nhất. Cái ông cửu ấy vừa đến bảo cho tôi biết một điều khó nghĩ quá. Việc này té ra lại có cả quan phủ tôi cũng muốn gửi một người cháu vào nữa. Mãi bây giờ tôi mới biết. Người cháu quan phụ mẫu chúng tôi cũng muốn lấy thế quan phủ bảo dân làng để giữ lấy cái chân thông ngôn cho dân đi múa tuồng qua Mỹ. Cậu ấy trẻ người non dạ, gia dĩ lại mới đỗ có bằng Cơ Thuỷ Pháp Việt, việc đời chưa có kinh nghiệm, tôi dám chắc những lúc ra ngoài, đâu có bằng được ông. Nhưng vì có lời gửi gấm của quan phủ, chúng tôi không thể không nhận cậu ấy được. Vậy ông phải gặp cậu ta hoặc quan phủ tôi mà điều đình xem. Tôi rất phàn nàn cho ông. Và mong ông hiểu cho bụng

tôi và dân tôi đối với ông là rất chân thành... Thế mà cũng nên cho là may đi. May mà cái tin cuối cùng này lại xảy đến lúc ông hãy còn ở đây. Chứ ngộ ông về Bắc rồi, thì có phải lại thêm phiền ra nữa không. Ông cứ nghe tôi, tạt vào trong phủ, nói chuyện thẳng với quan tôi xem ngài định lại như thế nào. Ông cứ nói rõ hẳn ra là ông cũng định đi đấy.

Bạch cáo từ ông lý. Chàng đứng trên đê nghĩ, nghĩ nhiều. Rồi không cần rẽ vào phủ Thọ Xuân, chàng đi thẳng xuống tỉnh, tìm vào dinh quan Công Sứ Đê-ra-bê, một người quen cũ.

Hồi ở Pháp về nước, cách đây hai năm Bạch cùng đi một chuyến tàu bể với ông Đê-ra-bê, lúc bấy giờ vừa tốt nghiệp trường Thuộc Địa, qua Đông Dương cung chức. Ông là hành khách hạng nhì. Cùng đáp một con tàu với ông Đê-ra-bê, Bạch đã trở về cái xứ này thăm lại cha - cụ Tô - bằng cái tư cách bồi bàn dưới tàu. Bạch trông lịch sự, linh lợi, lễ phép, bệ vệ, nên bác *cặp-rằng* cầm đầu đám nhân công Việt Nam dưới tàu đã cất chàng dọn dẹp ở khu buồng hạng nhì. Dưới tàu không phải ai cũng làm được bồi bàn ăn hạng nhì. Phải có cảm tình riêng của *cặp - rằng*, phải có thiện cảm của cẩm tàu, nét mặt phải thích hợp với hoàn cảnh xa xỉ có rặt những khách phong lưu, và phải khéo chân khéo tay nhanh mồm nhanh miệng những lúc đưa món ăn vào và bưng món ăn ra. Một

ngày bể động sóng ngầm, đại dương cứ đội đứng được tàu lên, cầm nổi một liễn súp loan mời thế nào làm cho nó đừng chao chát ra sàn, hoặc đi vòng quanh bàn ăn mà trì hồ thế nào cho chai rượu đừng rớt giọt vào vai thực khách, đâu phải là dễ.

Từ Địa Trung Hải cho đến Ấn Độ Dương, ông Đê-ra-bê không bữa nào ra phòng ăn. Ông ăn luôn trong buồng cabine riêng của ông, lấy cớ là say sóng nhức đầu và muốn tránh những trò ồn ào nơi công cộng. Bạch được cắt riêng ra để đưa bữa ăn vào cho ông Đê-ra-bê. Chàng đã làm hết phận sự mình với tinh vui vẻ. Cái tính vui vẻ ấy, cứ bao giờ Bạch được ở trên mặt nước động là dễ phát lộ ra ngoài cho đến kỳ cùng. Thấy tính Bạch vui và ngoan, có lễ độ, lúc ra lúc vào rất có ý tứ và nói tiếng Pháp không những là đúng văn phạm mà lại còn văn hoa nữa - đấy là những cái xuất kỳ bất ý của một người có sẵn một cái vốn văn tự ở trong bụng, chứ đã làm thân một anh bồi để ẩn một cái tung tích giang hồ, Bạch muốn gì đến sự khoe khoang, trong lúc trôi nổi, càng giấu được cái bản ngã mình được đến đâu là thêm hay đến đó - ông Đê-ra-bê phải để ý và một hôm ông cười hỏi Bạch:

- Anh có một lối thưa gửi với tôi nó tố cáo cái sức học của anh ít ra cũng vào bực tốt nghiệp ban trung học. Thông minh như anh, trẻ như thế, sao lại đi vào con đường này.

Bạch cứ dọn bàn làm như không nghe thấy. Ông Đê-ra-bê hỏi gặng lần nữa, Bạch mới dè dặt thưa:

- Như chúng tôi mà được có công việc hầu cận các bực đài các như các quý ngài đây thì đã lấy gì làm bất hạnh. Dạ để xin bưng cà phê vào.

Bạch không dám nhận trước mặt ông Đê-ra-bê rằng mình là một người trí thức. Nhưng ông Đê-ra-bê thì đã định được cho Bạch là một người vào hạng nào rồi, khi, một hôm, ông bắt chợt được Bạch lúc chờ ông ăn xong bữa điểm tâm, đang tỳ lưng vào cửa ngoài đọc một cuốn: "Những cách đo lường sức gió trên Bắc Băng Dương" đầy rẫy những định thức rất khó về vật lý học và đại số học.

Tàu cập bến Sài Gòn. Theo lệ thường, ông Đê-ra-bê đãi Bạch một món tiền rất hậu. Bạch từ chối, làm cho ông Đê-ra-bê phải kêu:

- Một người như tôi quen sống ở một xã hội mà nhất nhất sai khiến ai một điều gì đều phải có tiền đầu sai kèm theo, sự từ chối của anh làm cho tôi ngạc nhiên lắm. Thôi, tôi đổ bộ và tôi chúc anh gặp được nhiều sự may mắn trong cái đời của anh rất có vẻ bí ẩn. Tôi chắc cái đời làm bồi tầu bể của anh chẳng qua cũng chỉ là một mẩu đời mượn tạm, là một cái cớ đó thôi. Tất cả những sự vui sướng sẽ về phần tôi, nếu, có một ngày nào tôi lại được gặp anh trên miếng đất Đông Pháp này.

Cuộc đời vốn không bao la như ông Đê-ra-bê tưởng, nên ít ngày gần đây ở trường bay Gia Lâm, sự tình cờ đã dắt Bạch đứng cạnh ông Đê-ra-bê, lúc chiếc phi cơ thông thương hãng Eurasia sắp cất cánh bay đi Vân Nam phủ. Hôm đó Bạch tiễn chân một người bạn qua hồ Côn Minh mua ngọc thạch và ít tranh cổ tự và ông Đê-ra-bê thì đi đưa một ông quan thầy sang công cán vùng Vân Nam.

Ông Đê-ra-bê vồn vã chạy lại hỏi Bạch:

- Tôi đã gặp ông ở đâu nhỉ?

- Trên chiếc tàu Aramis.

- À, ra phải rồi. Cố nhân! Bây giờ tôi làm Công Sứ tỉnh Thanh Hóa. Nếu ông có dịp đi qua hạt tôi, hoặc có việc gì trở ngại ở vùng ấy, nên vào thăm tôi. Tôi vẫn giữ nguyên vẹn cảm tình ngày nọ đối với anh. Bây giờ tôi phải ra luôn ô tô về Thanh Hóa, không tiện nói chuyện lâu. Cũng tiếc. Thôi, hậu hội.

Buổi hậu hội ấy là buổi sớm nay, Bạch e lệ bước vào bàn giấy ông Đê-ra-bê, đường đường là một ông quan thủ hiến, đang cầm danh thiếp chàng đọc đến cái tên Bạch mà ngài cũng không hiểu là ai (từ lúc gặp Bạch trên tàu Aramis cho đến hôm ở trường bay Gia Lâm, chưa bao giờ ông Đê-ra-bê hỏi tên Bạch và cũng chưa bao giờ chàng xưng danh). Nhưng nhác trông thấy Bạch, quan Công Sứ liền đổi nét mặt nghiêm nghị ra vui vẻ:

- A, mơ-si-ơ Bạch. Mời ngồi. Tôi có thể giúp ích cho ông những việc gì?

Bạch kể rõ ràng việc Xuân Phả. Ông Đê-ra-bé tủm tỉm suốt từ đầu đến cuối:

- Tôi tưởng là việc kiện tụng, xin đẵn gỗ trong rừng hoặc chưng thuế phà thuế chợ gì, chứ chỉ có thế thôi à? Thôi được, để tôi viết giấy cho ông phủ Xuân Thọ và tôi viết riêng một lá thư gửi cho ông Cờ Lốt. Ông Cờ Lốt, cũng vừa ăn cơm ở Thanh với tôi cách đây không đầy một tuần lễ. Anh cứ yên tâm, rồi anh sẽ được qua San Francisco như ý anh muốn.

- Xin đa tạ quan Công Sứ.

- Từ khi tôi làm quan cai trị ở xứ này, những việc người ta cậy cục nhờ vả tôi, tôi nhận ra nếu không vì danh thì là vì lợi cả. Chứ tôi chưa thấy người nào đến nhờ tôi giúp đỡ cho để mà du lịch. Anh thích bỏ xứ sở à? Tôi ở xứ này chưa được lâu, nhưng tôi nhận xét ra cái thế hệ thanh niên các anh đang vướng vào cái bệnh gọi là bệnh thời đại. Ở cái đám đồng bào du học sinh các anh, lúc trở về nước thì khủng hoảng đó lại càng rõ rệt quá. Nghĩ cũng tội cho các anh lắm.

Ở tòa sứ ra, Bạch ngoảnh lại nhìn cái cửa hầu tới tấp lũ dân sự đợi chấp đơn. Ngẫm đến sự chạy chọt len lách của mình với việc Xuân Phả này mà chàng càng thấy mình đi tìm dịp giang hồ, vất cả có như là kẻ khác mưu việc công danh.

Thăm thẳm từ cửa công đường trông ra, ông Đê-ra-bê nhìn theo hút Bạch tấp tểnh trên lối cuội, ông lại liên tưởng nhớ đến một người bồi tàu Aramis. Ông Đê-ra-bê vốn có cường ký tốt, nên ông còn nhớ luôn là hồi ấy, Bạch làm bồi đeo một con số hiệu 61, lúc ấy tinh nhanh hơn bây giờ. Nghĩ đến cái việc người trí thức trẻ tuổi ấy vừa vào nhờ cậy mình, ông Công Sứ lắc đầu, cười và viết luôn một lá thư gửi gấm Bạch cho ông bạn Cờ Lốt.

Ấy thế mà việc Bạch định đi San Francisco vẫn không thành. Đến phút cuối cùng ông bầu Cờ Lốt thấy đem tuồng Xuân Phả qua Cựu Kim Sơn tốn nhiều quá, ông bèn huỷ những hợp đồng với dân làng. Bạch chưng hửng và tết Nguyên Đán năm đó dồn dập đến, chàng nằm lắng những tiếng pháo nổ mãi và nhìn theo cái mộng Cựu Kim Sơn rất đẹp và rất xa kia dần dần rụng theo với những cánh pháo đỏ là là bay trên mặt cỏ rơm rớm hạt sương. Vậy mà Bạch có được nằm im để mà buồn tiếc cho yên một bề đâu.

Sớm mùng một Tết, Dung đã trang điểm hớn hở bảo Bạch ngồi cho thằng Phong nó mừng tuổi. Dung vừa cầm tay cho con vừa bảo nó lẫy. Trẻ thơ bi ba bi bô chưa xong thì cụ Tô đã vào.

- Cả ạ, năm nay động rừng lắm đấy, con đừng nên đi chơi xa. Đêm qua giao thừa, lúc cúng xong, thầy nghe thấy mèo kêu nơi lối xóm nhiều quá.

Qua bên gian buồng cha, Bạch thấy trên văn kỷ có hai mảnh giấy hoa tiên, một mảnh là tờ khai bút và một mảnh nữa có bài thơ cảm tác ngày xuân, nét mực cuối cùng chưa thấm khô hết. Chưa đến nỗi quên hết mặt chữ nho, Bạch cầm xem thơ hoa tiên, ngẫm nghĩ về cái ý tứ trong bài thơ: "- *Một buổi sớm mùa xuân. Hoa đào nở ngoài thềm - Một ông già thấy trong vườn hoa nở đủ - Mà trong nhà lại thiếu một cái gì*" - "*Đứa con rốt lòng của ta, trong tiết xuân thiên rất ấm với thiên hạ và rất lạnh riêng với lòng già này, đứa con ta hiện đang làm gì ở chốn chân giời phía Tây ấy?*"

Bạch rõ là cụ Tô dạo này nhớ thằng Phối lắm. Suốt một ngày đầu năm như người lẫn, cụ Tô cứ nhắc đi nhắc lại với Bạch đến ba bốn lần, một câu hỏi:

- Quái, thằng em mày, nó đi Tây, tới đã lâu rồi mà sao không có thư từ gì về cả. Đêm qua tao nằm mơ thấy nó chạy nhảy trên một cái sườn tuyết trắng có nhô lên mấy cành cây khô. Thầy cố đoán cái mộng ấy mãi mà không hiểu là điềm gì.

Tết năm ấy, cả một nhà riêng chỉ có Dung là vui vẻ. Nàng vui như tết. Bởi vì Bạch lại chịu ở nhà đúng vào mấy ngày long trọng rực rỡ nhất trong cái cuộc sống cả năm của người An Nam. Dung làm bạn với Bạch, được biết có tết, họa chăng là lần tết này. Ngày Nguyên Đán năm trước, chao ôi! Bạch vắng khỏi nhà. Chàng theo một bọn ngư phủ đi ra khơi đánh cá nục.

Bên cạnh Dung vui vẻ, Bạch thầm nhắc đến cuộc khởi hành hụt, chàng phiền não như một đứa con trai Việt Nam đứng đắn phải ngậm ngùi khi tưởng đến cái nông nỗi thiếu một nơi cố lý để mà về, - vào một buổi trư tịch. Nỗi buồn của Bạch đánh đắm vào bao nhiêu là chén rượu ngâm thuốc và kéo dài đến ngày khai hạ.

Đầu xuân năm tẻ tẻ đáng sợ ấy, Bạch ủ ê rũ rượi như một cái tết nhà nghèo.

Bạch đã ở nhà!

Bạch đã ở giữa chốn quê hương!!

Hà Nội, 1940

MỤC LỤC
NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP
I

Trang

PHẦN I: NGUYỄN TUÂN – TIỂU SỬ VÀ TÁC PHẨM
- Cùng bạn đọc 7
- Tiểu sử và tác phẩm Nguyễn Tuân 10
- Niên biểu Nguyễn Tuân
- Lời giới thiệu 25

PHẦN II: TÁC PHẨM NGUYỄN TUÂN TỪ 1932 - 1940
1) Say *(Thơ)* 1932 122
2) Khúc tương tư *(Thơ)* 1932
(kèm lời bình của Tản Đà) 125
3) Chơi thành Cổ Loa *(Tùy bút)* 131
4) Vườn xuân lan tạ chủ *(Truyện ngắn)* 1935 135
5) Đánh mất ví *(Truyện ngắn)* 1937 144
6) Gỡ cái vạ vịt *(Truyện ngắn)* 1937 154
7) Một vụ bắt rượu lậu *(Truyện ngắn)* 1937 163
8) Chiếc dĩa sứ Giang Tây *(Truyện ngắn)* 175
9) Mười năm trời mới gặp lại cố nhân
(Truyện ngắn) 1938 184
10) Đông phương là Đông phương, Tây phương là
Tây phương *(Truyện ngắn)* 1938 197
11) Thời sự *(Truyện ngắn)* 1938 210
12) Rằng người tình *(Truyện ngắn)* 1938 *(Tóm tắt)* 224
13) Một chuyến đi *(Tập du ký)*
Đăng báo 1938 – *In sách* 1941 227
14) Chảy *(Tùy bút)* 1938 338
15) Những ngày nhạt nhẽo *(Tùy bút)* 1938 404
16) Về quê *(Tùy bút)* 1938 418

17) Làm lại cuộc đời *(Tùy bút)* 1938 429
18) Muốn sống *(Tùy bút)* 1938 441
19) Phong vị tỉnh xép *(Tùy bút)* 1939 450
20) Mê sách *(Tùy bút)* 1939 464
21) Chán lắm đời ạ! *(Truyện ngắn)* 1939 *(Tóm tắt)* 450
22) Vui thêm được một ngày nữa *(Tùy bút)* 1939 *(Tóm tắt)* 479
23) Tấc gang mà lại gấp mười quan san *(Tùy bút)* 1939 *(Tóm tắt)* 480
24) Vang bóng một thời *(Tập truyện ngắn)* *Đăng báo* 1939 – *In sách* 1940 483
25) Thiếu quê hương *(Tiểu thuyết)* *Đăng báo* 1940 – *In sách* 1943 667

NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP
I

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập: NGUYỄN THỊ HẠNH
Bìa: VĂN SÁNG
Sửa bản in:
PHÒNG VĂN HỌC
HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
GIỮ QUYỀN SỬ DỤNG

In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Xí nghiệp In Phan Văn Mảng.
Số đăng ký KHXB: 29/CXB-63/VH ngày 14/01/1999. Trích ngang KHXB: 76/GP ngày 31/3/2000. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2000.

NGUYỄN TUÂN

TOÀN TẬP

TẬP I

"Nghề văn là nghề của chữ. Chữ với tất cả mọi nghĩa mà mỗi chữ phải có được trong một câu, nhiều câu. Nó là cái nghề dùng chữ nghĩa mà "sinh sự" mà sinh sự thì sự sinh"

Nguyễn Tuân. Trích bài giảng bồi dưỡng người viết trẻ.
(Nguyễn Tuân sửa lại ngày 5-6-1984)

NHÀ SÁCH TRẺ
186 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.3 - Tp. HCM
☎ 8228452 - 9301022 Fax : (84.8) 9301022

Giá: 110.000 đ